HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

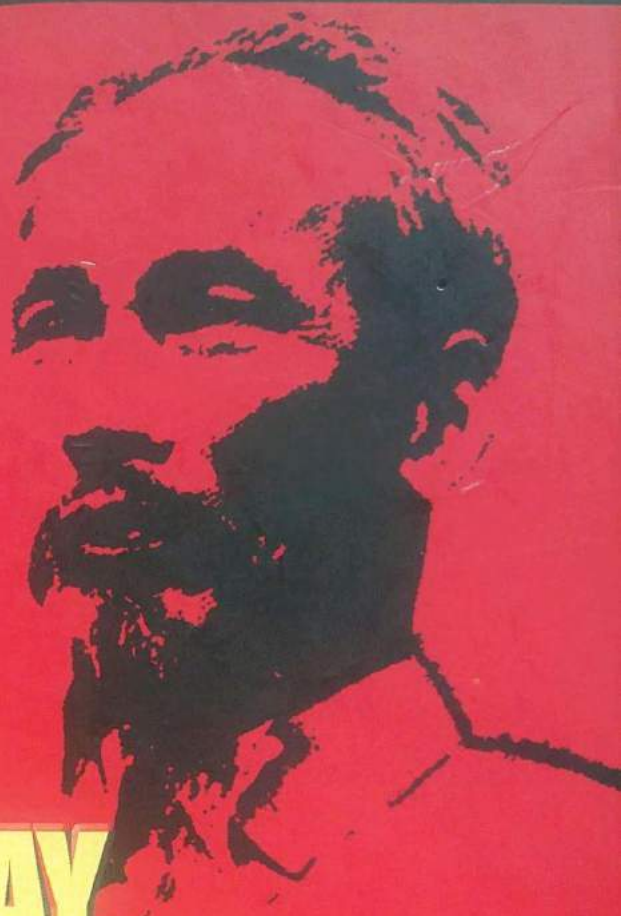

THẾ GIỚI CÒN ĐỔI THAY, NHƯNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH SỐNG MÃI

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

Tổ chức bản thảo:

PGS.TS. THÀNH DUY

TS. VI QUANG THỌ

TS. NGUYỄN XUÂN DŨNG

LỜI GIỚI THIỆU

Tư tưởng Hồ Chí Minh hình thành và phát triển trong quá trình yêu nước, cách mạng của nhân dân Việt Nam, ngày càng gắn chặt với phong trào cách mạng thế giới. Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm về tư duy lý luận của một con người cụ thể - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh; song tư tưởng của Người còn phản ánh tư tưởng của nhân loại tiến bộ, của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trên thế giới trong thời đại đấu tranh giải phóng dân tộc, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong việc tìm hiểu về thân thế, sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh, cho đến nay, đã có hàng trăm cuốn sách, hàng nghìn bài báo được nghiên cứu hết sức phong phú, sâu sắc và đa dạng, từ nhiều góc độ khác nhau, của nhiều học giả ở trong nước và quốc tế. Đặc biệt, từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh được tôn vinh là Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hoá kiệt xuất theo Quyết định của Tổ chức Giáo dục - Khoa học - Văn hoá Liên Hợp Quốc (UNESCO), nhân dịp kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người, đã có nhiều hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đó phải kể đến một Hội thảo lớn gồm 70 đại biểu quốc tế thuộc 34 nước và hơn 1000 đại biểu Việt Nam, đã được tổ chức trọng thể trong hai ngày 29 và 30 tháng 3 năm 1990 tại Thủ đô Hà Nội. Tất cả các báo cáo tham luận tại Hội thảo, đặc biệt là tham luận của các chính khách nước ngoài, đều có sự đánh giá cao về Hồ Chí Minh, coi Người là "một con người của nhân loại", là "một bộ phận của huyền thoại ngay khi còn sống".

Đánh giá kết quả cuộc Hội Thảo, trong bài phát biểu tổng kết, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nêu rõ: "70 đại biểu, đại diện cho 34 nước tham dự Hội thảo hôm nay, có tiếng nói khác nhau, thuộc những dân tộc khác nhau, tôn giáo khác nhau, phong tục tập quán khác nhau, mang những màu sắc chính trị khác nhau, song tất cả đều nhất trí rằng: Chủ tịch Hồ Chí Minh là con người của chúng ta. Điều đó thể hiện rõ nét trong nhiều bài phát biểu. Như nữ đại biểu người Mỹ nói: "Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng là Chủ tịch của chúng tôi"."

Sau Hội thảo, một tập kỷ yếu đã được in, gồm Toàn văn Nghị quyết của UNESCO *về kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh;* Lời chào mừng *của Tổng bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Văn Linh;* Lời phát biểu *của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công;* Bài phát biểu khai mạc và tổng kết Hội thảo *của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng;* Lời phát biểu *của Tiến sĩ M. Át-mét, Giám đốc UNESCO khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, đại diện đặc biệt của Tổng giám đốc UNESCO, và trích tham luận của các đại biểu quốc tế và Việt Nam.*

Tập kỷ yếu do Nhà xuất bản Khoa học xã hội ấn hành năm 1990, tái bản lần đầu năm 1995. Trong Lời giới thiệu *tập kỷ yếu được tái bản, GS. Phạm Xuân Nam viết: "Đã có hàng ngàn bài báo, hàng trăm cuốn sách cả ở trong và ngoài nước viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhưng hiếm có cuốn sách nào lại tập hợp được trong cùng một thời gian những ý kiến phân tích, nhận định, đánh giá hết sức phong phú và đa dạng, với tầm cao trí tuệ và chiều sâu tình cảm, từ rất nhiều góc độ khác nhau về nhà yêu nước vĩ đại, lãnh tụ kiệt xuất của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX này như cuốn sách mà các bạn đang có trên tay:* Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hoá lớn".

Nhằm tạo điều kiện cho đông đảo bạn đọc ở trong và ngoài nước tìm hiểu sâu hơn về tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như cán bộ và nhân dân ta đang tiến hành rộng rãi

cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" *do Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam phát động, Nhà xuất bản Khoa học xã hội cho tái bản lần thứ hai tập sách kỷ yếu, đồng thời cho tuyển chọn những bài nghiên cứu về Người theo một số chuyên đề.*

Nội dung cuốn sách gồm ba phần:

Phần thứ nhất, *tổng quan về quá trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh từ 1970 đến nay.*

Phần thứ hai, *gồm các báo cáo và tham luận trong Hội thảo quốc tế về Hồ Chí Minh tại Hà Nội năm 1990, được in trong tập kỷ yếu tái bản năm 1995.*

Phần thứ ba, *gồm những bài nghiên cứu được tuyển chọn theo một số chuyên đề. Có thể có những chuyên đề tuy rất quan trọng, nhưng chưa thấy trong tập sách này, không phải không coi trọng mà chủ yếu vì người tuyển chọn chưa thể bao quát được hết mọi vấn đề nghiên cứu về Hồ Chí Minh. Hơn nữa, sự nghiệp nghiên cứu về Hồ Chí Minh vốn đã rất phong phú, đa dạng và sâu sắc, ngày càng đòi hỏi những yêu cầu và phạm vi mới, do thực tế đề ra những vấn đề cần được soi sáng, được trả lời.*

Tuy nhiên, tập sách này chỉ tập trung phản ánh được một số mặt, những vấn đề có thể xem là bức xúc nhất đang đặt ra hiện nay, nhằm nêu bật ba nội dung cơ bản về Hồ Chí Minh: Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc; Hồ Chí Minh - Nhà văn hoá kiệt xuất; Và tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới đất nước hôm nay.

Về Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc, *tập sách chỉ tập trung phản ánh những bài nghiên cứu đi sâu các lĩnh vực tư tưởng vốn được xem là cơ bản nhất của Người về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, về Đảng và Đảng Cộng sản cầm quyền kiểu mới, về Nhà nước pháp quyền và Nhà nước của dân, do dân và vì dân, và đương nhiên cả những vấn đề thuộc triết lý phát triển và phương pháp luận cách mạng của Hồ Chí Minh.*

Về Hồ Chí Minh - Nhà văn hoá kiệt xuất, *tập sách không chỉ bao gồm những bài viết nêu rõ quan điểm chung về văn*

hoá của Người, mà còn cung cấp thêm một số bài viết phản ánh quan niệm của Người về sáng tác thơ, văn và báo chí.

Về tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới đất nước hôm nay, *tập sách chú ý đặc biệt đến các bài viết về Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, tu dưỡng đạo đức cách mạng và xây dựng con người phát triển toàn diện, cả đạo đức và tài năng, nhằm nêu rõ giá trị và tác động to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước ta theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Với việc cho in một tập sách lớn gồm những bài viết chọn lọc về Hồ Chí Minh trong lúc này, chúng tôi hy vọng sẽ cung cấp những thông tin cập nhật, có tính hệ thống cũng như gợi mở cách tiếp cận có tính đổi mới khi tìm hiểu, nghiên cứu về Người. Cuốn sách sẽ là tài liệu tham khảo bổ ích cho những ai muốn biết thêm về tầm cỡ vĩ đại, giá trị tư tưởng và phẩm chất tuyệt vời của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Hà Nội, Xuân Mậu Tý, 2008

PGS.TS. TRẦN ĐỨC CƯỜNG

Phó Chủ tịch
Viện Khoa học xã hội Việt Nam

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Số 06-CT/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2006

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

về tổ chức cuộc vận động "HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH"

Tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh là sự kết tinh những truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta và tinh hoa văn hóa của nhân loại, là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và nhân dân ta; là tấm gương sáng để mọi người Việt Nam học tập và noi theo.

Trong hơn 3 năm qua, thực hiện Chỉ thị 23-CT/TW, ngày 27-3-2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX, toàn Đảng toàn dân ta tổ chức đợt học tập tư tưởng Hồ Chí Minh để quán triệt, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng của Người trong cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đợt học tập đã thu được nhiều kết quả tốt.

Trước yêu cầu tăng cường công tác tư tưởng trong tình hình mới, Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã quyết định triển khai chỉ đạo điểm cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, đúc rút kinh nghiệm để tiến hành cuộc vận động lớn trong toàn Đảng về vấn đề này sau Đại hội X của Đảng. Đây là một chủ trương lớn, vừa mang tính cấp bách trong bối cảnh tình hình hiện nay, vừa có ý nghĩa lâu dài đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trên cơ sở những kinh nghiệm thu được qua đợt làm điểm ở một số cơ quan Trung ương và địa phương, cùng với việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, Bộ Chính trị quyết định tổ chức cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" trong toàn Đảng, toàn dân từ ngày kỷ niệm 77 năm thành lập Đảng (03-02-2007) tới hết nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng.

I. Mục đích

Làm cho toàn Đảng, toàn dân nhận thức sâu sắc về những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của tư tưởng đạo đức và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tu dưỡng, rèn luyện theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh sâu rộng trong toàn xã hội, đặc biệt trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, thanh niên, học sinh... nâng cao đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn xã hội, góp phần thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng.

2. Yêu cầu

- Tổ chức cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" sâu rộng, thiết thực, hiệu quả trong cả hệ thống chính trị và trong toàn xã hội, không phô trương hình thức.

- Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn liền với việc triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng, với cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí và đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, với các phong trào thi đua yêu nước.

- Gắn tính tự giác học tập, rèn luyện của mỗi cá nhân với sự đôn đốc, kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng và nhân dân.

3. Nội dung cuộc vận động

- Tổ chức nghiên cứu, học tập và làm theo tư tưởng đạo đức trong các tác phẩm "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân", "Di chúc" và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tập trung vào các phẩm chất "cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư", ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

- Mỗi người tự liên hệ, tự phê bình, kiểm điểm cá nhân; tổ chức để quần chúng ở nơi công tác và nơi cư trú góp ý cho cán bộ, đảng viên.

- Các cơ quan, đơn vị xây dựng tiêu chuẩn đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên, công chức để phấn đấu phù hợp với tình hình từng cơ quan, đơn vị; xây dựng chương trình hành động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, yếu kém; xử

lý các sai phạm được phát hiện theo đúng kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Tổ chức tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về cuộc vận động.

4. Tổ chức thực hiện

- Phát động cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" trong toàn Đảng, toàn dân, bắt đầu từ ngày 03-02-2007 và tổng kết vào ngày 03-02-2011, có sơ kết hàng năm vào dịp sinh nhật Bác (19-5).

- Ở cấp Trung ương, thành lập Ban Chỉ đạo cuộc vận động do đồng chí Tổng bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng làm Trưởng ban. Ban Chỉ đạo Trung ương thống nhất sự chỉ đạo cuộc vận động trong toàn Đảng, toàn dân. Các bộ, ban, ngành, các đoàn thể chính trị- xã hội ở Trung ương và các tỉnh, thành phố thành lập Ban Chỉ đạo do đồng chí Bí thư cấp ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng làm Trưởng ban, thống nhất chỉ đạo cuộc vận động trong phạm vi ngành, địa phương, đơn vị.

- Giao Ban Tư tưởng-Văn hóa Trung ương là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn triển khai cuộc vận động, biên soạn tài liệu, chuẩn bị đội ngũ giảng viên phục vụ cuộc vận động, giúp Ban Chỉ đạo theo dõi, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện chỉ thị, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ đảng và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

Đã ký

Nông Đức Mạnh

DIỄN VĂN CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH TẠI BUỔI LỄ KỶ NIỆM 77 NĂM NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM*

(Trích)

Thưa các đồng chí, đồng bào và các chiến sĩ cả nước,

Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Trong khi khẳng định những thành tựu to lớn đã đạt được, chúng ta cũng thẳng thắn thừa nhận rằng trong công tác lãnh đạo của mình, Đảng ta còn nhiều yếu kém và khuyết điểm. Công tác xây dựng Đảng chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Để làm tốt nhiệm vụ lãnh đạo nhân dân ta xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, tiếp tục phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển như Đại hội X của Đảng đã chỉ rõ, Đảng ta cần "*tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức cách mạng trong sáng, có tầm trí tuệ cao, có phương thức lãnh đạo khoa học, luôn gắn bó với nhân dân*".

Đổi mới, chỉnh đốn Đảng, trọng tâm về tư tưởng là giáo dục lập trường giai cấp công nhân, bản chất cách mạng và niềm tin cộng sản, lòng yêu nước, thương dân là điều Bác Hồ đặc biệt quan tâm trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình.

Người luôn chăm lo giáo dục, rèn luyện đảng viên về phẩm chất, đạo đức và đặt lên hàng đầu vấn đề "tư cách người cách mạng". Người luôn làm gương và yêu cầu mỗi người, nhất là cán bộ, đảng viên, phải có đạo

---

* Báo *Nhân dân*, số ra ngày 3-2-2007.

đức cách mạng, phải kết hợp chặt chẽ phẩm chất và năng lực, hồng và chuyên, đức và tài, trong đó đức là gốc.

Người nói: "Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân".

Người đòi hỏi "xây" phải đi đôi với "chống", nâng cao đạo đức cách mạng phải đi đôi với quét sạch chủ nghĩa cá nhân.

Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Bác đã căn dặn cán bộ phải chống những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân. Bước vào kháng chiến, Người viết *Sửa đổi lối làm việc,* trong đó đã nhiều lần nhấn mạnh tới sự cấp thiết phải chống chủ nghĩa cá nhân. Ngày 3-2-1969, nhân dịp kỷ niệm 39 năm ngày thành lập Đảng, Bác viết bài đăng báo *Nhân dân* nhan đề *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân.* Trong *Di chúc* để lại cho muôn đời con cháu, Bác căn dặn: "Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân".

Thực tiễn xây dựng Đảng trong 77 năm qua cho thấy rõ: Trong điều kiện đảng cầm quyền, sự tha hoá về đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên có chức, có quyền, nhất là ở những người đứng đầu cơ quan, đơn vị, sẽ làm vô hiệu hoá toàn bộ công tác xây dựng Đảng, làm cho tổ chức đảng tê liệt, không còn sức sống. Đạo đức là cái gốc của người cách mạng; nếu không có đạo đức, không toàn tâm, toàn ý vì Đảng, vì dân thì dù có tài giỏi mấy cũng chẳng có ích gì, có khi còn có hại cho cách mạng.

Trong sự nghiệp giáo dục, đào tạo các thế hệ chiến sĩ cách mạng, Bác Hồ là người tiên phong, gieo hạt mở đường. Từ các lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu, các lớp bồi dưỡng ở biên giới Việt - Trung về "con đường giải phóng",... đến các lớp huấn luyện cán bộ, các lớp chỉnh huấn trong kháng chiến, các lớp bồi dưỡng đảng viên mới sau hoà bình, v.v... không lúc nào Người không đặt lên hàng đầu công việc giáo dục, đào tạo cán bộ. *Đường Kách mệnh, Sửa đổi lối làm việc,* và các bài nói chuyện của Bác ở các lớp huấn luyện, lớp chỉnh huấn,... trước đây, cho đến nay vẫn là

những lời dạy đầy tâm huyết, tiếp tục ngân vang, gợi mở trong tư duy và tâm hồn mỗi người chúng ta.

Chủ nghĩa Hồ Chí Minh rất chăm lo xây dựng con người, coi đó là vấn đề số một của cách mạng. Bác thường nói: Tất cả là do con người, có cán bộ tốt, việc gì cũng xong. "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa". Bác phê phán một số cán bộ ta hình như mải làm công tác hành chính, sự vụ hơn là để nhiều tâm sức xây dựng con người, xây dựng Đảng và các tổ chức cách mạng, cho nên không chịu theo dõi việc làm hàng ngày của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Ai làm tốt, không chịu nêu gương, ai làm xấu không kịp thời giúp đỡ sửa chữa... Bác gọi "đó là những cán bộ không biết làm việc".

Bác chỉ rõ: "Đạo đức cách mạng là quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng. Đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc". Bác nói: Tư tưởng không đúng thì có nhiều, nhưng có một tư tưởng mẹ: đó là chủ nghĩa cá nhân. "Chủ nghĩa cá nhân là việc gì cũng chỉ lo cho lợi ích riêng của mình, không quan tâm đến lợi ích của tập thể. "Miễn là mình béo, mặc thiên hạ gầy". Nó là mẹ đẻ ra tất cả mọi tính hư, nết xấu như: lười biếng, suy bì, kiêu căng, kèn cựa, nhút nhát, lãng phí, tham ô, v.v... Nó là kẻ thù hung ác của đạo đức cách mạng, của chủ nghĩa xã hội". "Do cá nhân chủ nghĩa mà ngại gian khổ, khó khăn, sa vào tham ô, hủ hoá, lãng phí, xa hoa. Họ tham danh trục lợi, thích địa vị, quyền hành. Họ tự cao, tự đại, coi thường tập thể, coi khinh quần chúng, độc đoán, chuyên quyền. Họ xa rời quần chúng, xa rời thực tế, mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh. Họ không có tinh thần cố gắng vươn lên, không chịu học tập để tiến bộ. Cũng do cá nhân chủ nghĩa mà mất đoàn kết, thiếu tính tổ chức, tính kỷ luật, kém tinh thần trách nhiệm, không chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm hại đến lợi ích của cách mạng, của nhân dân".

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên bằng lời nói mà còn bằng chính tấm gương sống của bản thân mình. Người suốt đời tự rèn luyện và lúc nào cũng nghiêm cẩn khép mình vào đạo đức. Tấm gương đạo đức của Bác Hồ là tuyệt vời trong sáng và toàn vẹn.

Thực hiện nhất quán giữa nói và làm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng với Đảng ta đào tạo nên bao thế hệ chiến sĩ cách mạng có phẩm chất tốt.

Lấy lời dạy của Bác làm phương châm hành động: Trung với Đảng, trung với nước, hiếu với dân; cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư; sẵn sàng hiến dâng đời mình cho lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng!

Trong những năm đổi mới vừa qua, trong công tác lãnh đạo của mình, Đảng ta luôn luôn coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Trong xây dựng Đảng, chúng ta cũng đã quan tâm rất nhiều đến nhiệm vụ xây dựng Đảng về chính trị và tư tưởng, coi trọng việc giáo dục về phẩm chất và đạo đức. Đại hội X của Đảng ta đánh giá rằng "Công tác xây dựng Đảng trong thời gian qua đã đạt được một số kết quả tích cực". "Đa số cán bộ, đảng viên phát huy vai trò tiên phong, năng động, sáng tạo, giữ gìn phẩm chất đạo đức". Tuy nhiên, Đại hội cũng chỉ rõ: "Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một số cán bộ, công chức diễn ra nghiêm trọng...". Đại hội đòi hỏi chúng ta: "Trong những năm tới phải dành nhiều công sức, tạo được bước chuyển rõ rệt về xây dựng Đảng". Chúng ta cần thấy rõ rằng, trong tình hình hiện nay, những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân vẫn giữ nguyên giá trị và tính thời sự.

Thưa đồng chí, đồng bào và chiến sĩ cả nước,

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người Việt Nam đẹp nhất, tiêu biểu cho phẩm chất đạo đức và khí phách của dân tộc ta, Đảng ta. Giáo dục đạo đức, xây dựng lối sống tốt đẹp theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh vừa là yêu cầu cấp bách hiện nay, vừa là nhiệm vụ cơ bản, lâu dài. Đẩy mạnh việc giáo dục, xây dựng đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên và nhân dân trong thời kỳ mới thông qua tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh nhằm khơi dậy và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp, đấu tranh khắc phục sự suy thoái về đạo đức, lối sống; chặn đứng, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội; hình thành và phát triển các giá trị đạo đức của chủ nghĩa xã hội; xây dựng con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa có nhân cách cao đẹp, bản lĩnh chính trị vững vàng, lối sống văn minh, xây dựng các quan hệ xã hội lành mạnh, tiến bộ.

Hội nghị Trung ương 12 khoá IX đã quyết định triển khai chỉ đạo điểm cuộc vận động "*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*"

trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, đúc rút kinh nghiệm để Bộ Chính trị ra chỉ thị tiến hành cuộc vận động lớn sau Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng. Ngày 7-11-2006, Bộ Chính trị khoá X đã ban hành Chỉ thị số 06 về tổ chức cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"*. Yêu cầu chung của cuộc vận động là: Làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thấm nhuần nội dung và nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò, giá trị to lớn của tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong đời sống tinh thần của xã hội ta. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương và mỗi người về yêu cầu, nhiệm vụ học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng và các nghị quyết của Trung ương. Hình thành phong trào tu dưỡng, rèn luyện và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh thật sự sâu rộng trong toàn xã hội, đặc biệt trong cán bộ, đảng viên, công chức, thanh niên, học sinh..., góp phần đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn xã hội.

Cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn trong Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội, được tiến hành trong thời gian dài, có nội dung phong phú, cụ thể và thiết thực. Đây là một trong những biện pháp cơ bản để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương khoá X; là một trong những động lực chính trị quan trọng góp phần tăng cường sức mạnh của Đảng, của dân tộc trước cục diện phát triển mới của đất nước.

Thắng lợi của cuộc vận động tuỳ thuộc trước hết vào nhận thức, tinh thần trách nhiệm, quyết tâm hành động và sự chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên của các cấp uỷ đảng, sự phấn đấu tự giác của từng cán bộ, đảng viên và sự ủng hộ của toàn dân.

Thưa đồng chí, đồng bào, chiến sĩ cả nước,

Đất nước ta đã bước sang năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng. Những năm tới, đất nước ta có cơ hội để tiến lên, tuy khó khăn, thách thức còn nhiều. Đòi hỏi bức bách của toàn dân tộc lúc này là phải tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ, phát triển đất nước nhanh và bền vững hơn.

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên gương mẫu, đi đầu thực hiện tốt Cuộc vận động *"Học tập và*

làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", lôi cuốn đồng bào và chiến sĩ cả nước, kiều bào ta ở nước ngoài cùng tham gia; tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, đẩy mạnh phong trào thi đua lập nên những thành tích xuất sắc trong phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020, cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Với niềm tự hào và niềm tin sâu sắc vào Đảng quang vinh và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phát huy mạnh mẽ truyền thống vẻ vang của dân tộc, của Đảng, vững bước tiến lên trong thời kỳ đổi mới, đoàn kết, hội nhập và phát triển bền vững.

Đảng Cộng sản Việt Nam - người lãnh đạo, tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam muôn năm!

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

TOÀN VĂN NGHỊ QUYẾT CỦA TỔ CHỨC GIÁO DỤC, KHOA HỌC VÀ VĂN HOÁ LIÊN HỢP QUỐC (UNESCO) VỀ KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Phiên họp toàn thể;

Xét thấy việc tổ chức kỷ niệm trên quy mô quốc tế những nhà trí thức lỗi lạc và danh nhân văn hoá và góp phần vào việc thực hiện những mục tiêu của UNESCO và vào sự hiểu biết trên thế giới;

Nhắc lại quyết định số 18C 4351 về việc tổ chức kỷ niệm những vĩ nhân và những sự kiện đã để lại dấu ấn trong quá trình phát triển của nhân loại;

Ghi nhận rằng năm 1990 sẽ được đánh dấu bằng lễ kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam và là một nhà văn hoá lớn;

Xét thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh là một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội;

Xét thấy sự đóng góp quan trọng về nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực văn hoá, giáo dục và nghệ thuật, là kết tinh của truyền thống văn hoá hàng ngàn năm của nhân dân Việt Nam và những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau;

1 - Khuyến nghị các quốc gia thành viên kết hợp kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng cách tổ chức những hoạt động

đa dạng để tưởng niệm Người, để làm cho mọi người hiểu được tầm vóc to lớn của những tư tưởng và sự nghiệp của Người vì công cuộc giải phóng dân tộc;

2 - Đề nghị ông Tổng Giám đốc UNESCO tiến hành những bước đi phù hợp để kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và giúp đỡ các hoạt động tưởng niệm chung được tổ chức nhân dịp này, đặc biệt là những hoạt động diễn ra ở Việt Nam.

CENTENARY OF THE BIRTH OF PRESIDENT HO CHI MINH

The General conference,

Considering that the international celebration of the anniversaries of eminent intellectual and cultural personalities contributes to the realization of Unesco's objectives and to international understanding,

Recalling 18 C/Resolution 4.351 concerning the commemoration of the anniversaries of great personalities and events which have left an imprint on the development of humanity,

Noting that the year 1990 will mark the centenary of the birth of President Ho Chi Minh, Vietnamese hero of national liberation and great man of culture,

Considering that President Ho Chi Minh, an outstanding symbol of national affirmation, devoted his whole life to the national liberation of the Vietnamese people, contributing to the common struggle of peoples for peace, national independence, democracy and social progress,

Considering that the important and many-sided contribution of President Ho Chi Minh in the fields of culture, education and the arts crystallizes the cultural tradition of the Vietnamese people which stretches back several thousand years, and that his ideals embody the aspiration of peoples in the affirmation of their cultural identity and the promotion of mutual understanding,

1. Recommends to Member States that they join in the commemoration of the centenary of the birth of President Ho Chi Minh by organizing various events as a tribute to his memory, in order to spread knowledge of the greatness of his ideals and of his work for national liberation;

2. Requets the Director-General of Unesco to take appropriate steps to celebrate the centenary of the birth of President Ho Chi Minh and to lend his support to commemorative activities organized on that occasion, in particular those taking place in Viet Nam.

PHẦN THỨ NHẤT

TỔNG QUAN VỀ QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

TỔNG QUAN VỀ QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH*

PGS.TS. THÀNH DUY

Trong lịch sử dân tộc ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhân vật đặc biệt, vừa là anh hùng giải phóng dân tộc, vừa là nhà văn hoá kiệt xuất. Ở Người, hội tụ đủ cả yếu tố dân tộc và tinh hoa quốc tế, giá trị truyền thống và tính hiện đại, nhân cách văn hoá cụ thể và giá trị văn hoá chung tiêu biểu cho nhân loại trong tương lai... Thân thế và sự nghiệp của Hồ Chí Minh đã được cả thế giới quan tâm, nghiên cứu, nhằm tìm ở Người không chỉ như một tấm gương cách mạng tuyệt vời, người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc và cộng sản quốc tế, mà còn với tư cách nhà tư tưởng, danh nhân văn hoá thế giới, một huyền thoại tiêu biểu trong những huyền thoại của lịch sử văn minh nhân loại, như nhiều người đã hết lời ca ngợi.

Là một đất nước nghìn năm văn hiến, "anh hùng hào kiệt thời nào cũng có "...Việt Nam đã sản sinh ra nhiều danh nhân văn hoá. Nhưng, cho đến nay chỉ mới có hai danh nhân văn hoá được UNESCO công nhận và tôn vinh là nhà văn hoá kiệt xuất. Đó là Nguyễn Trãi nhân dịp kỷ niệm 600 năm Ngày sinh của ông vào năm 1979 và Hồ Chí Minh nhân dịp kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người vào năm 1990. Ngoài ra, còn phải kể đến trường hợp Nguyễn Du cũng được thế giới tôn vinh danh nhân văn hoá nhân dịp kỷ niệm 200 năm Ngày sinh của Đại thi hào, nhưng không phải UNESCO mà là Hội đồng Hoà bình thế giới. Do đó, nếu chúng ta gọi những nhân vật đó là Danh nhân văn hoá thế giới thì không những không sai mà còn rất xứng đáng với tầm vóc vĩ nhân.

---

* Trích trong cuốn: *Tư tưởng Hồ Chí Minh – Những nội dung cơ bản* của PGS.TS. Thành Duy, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh, 2005.

Hồ Chí Minh không chỉ là nhà hoạt động thực tiễn vĩ đại, lãnh tụ kính yêu của nhân dân Việt Nam, mà còn là người đầu tiên đã vận dụng một cách thiên tài, sáng tạo học thuyết Mác - Lênin và lý luận tiên tiến trên nhiều lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn vào việc hình thành đường lối cách mạng nước ta. Thân thế và sự nghiệp của Người không chỉ gắn liền với sự nghiệp cách mạng Việt Nam mà còn có quan hệ hữu cơ với hệ tư tưởng mới trong thời đại cách mạng vô sản mà chủ nghĩa Mác - Lênin được xem là đỉnh cao của hệ tư tưởng đó.

Đối với Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh là đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa nhân văn mới. Di sản tư tưởng của Người đã trở thành một gia tài vô cùng quý báu của cả dân tộc. Hơn thế, tư tưởng Hồ Chí Minh còn là một tài sản văn hoá chung của cả nhân loại. Các dân tộc bị áp bức và nhân loại tiến bộ trên thế giới đều hướng về Người, muốn tìm thấy ở Người một sức mạnh tinh thần tiềm ẩn tạo nên những bí quyết chiến thắng kẻ thù xâm lược và xây dựng một xã hội mới công bằng, văn minh, tiến bộ.

Chính vì thế, ngay sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, Đảng và Nhà nước ta cũng như giới nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn đã có ý thức tổ chức việc nghiên cứu một cách sâu rộng về thân thế và sự nghiệp của Người. Từ cuối năm 1969, mặc dù đất nước còn chiến tranh với vô vàn những khó khăn, Đảng và Nhà nước ta vẫn giao cho Uỷ ban Khoa học Nhà nước (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) hình thành một kế hoạch nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, trong đó đặc biệt nêu bật nhiệm vụ nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh.

Dự thảo phương hướng nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn lúc đó, đồng thời là kế hoạch 5 năm 1970-1975, đã nêu rõ: "Cả ngành khoa học xã hội làm công tác nghiên cứu lý luận để phục vụ sự nghiệp cách mạng Việt Nam, tựu trung là để vận dụng đúng đắn lý luận Mác - Lênin vào thực tế Việt Nam, góp phần xây dựng cơ sở khoa học cho đường lối cách mạng của Đảng và phát triển lý luận Mác - Lênin vào thực tế Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đầu tiên đã vận dụng lý luận ấy một cách thiên tài, sáng tạo trong đường lối cách mạng Việt Nam và trong thực tiễn đường lối ấy. Vì vậy, chúng ta phải khai thác triệt để di sản của Bác về các mặt:

a) Hồ Chí Minh là nhà tư tưởng.

b) Hồ Chí Minh là nhà hoạt động cách mạng.

c) Hồ Chí Minh là tiêu biểu cho đạo đức cách mạng"[1].

Sau đó, trong nhiều nghị quyết của Đảng còn nhắc lại nhiều lần và nêu rõ yêu cầu nghiên cứu về Hồ Chí Minh. Chẳng hạn, Nghị quyết của Bộ Chính trị về chính sách khoa học và kỹ thuật đã nêu rõ: "Tập trung nghiên cứu những tư tưởng và tình cảm lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh để giáo dục rộng rãi trong nhân dân"[2]; Đặc biệt, từ Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, với sự khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động bên cạnh chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành đối tượng nghiên cứu sâu rộng cả ở trong và ngoài nước.

Điều đáng chú ý trong ba nội dung cơ bản nêu trong Nghị quyết trên là, Chủ tịch Hồ Chí Minh lần đầu tiên đã được khẳng định là nhà tư tưởng và nêu lên mục tiêu nghiên cứu về Người với tư cách nhà tư tưởng. Điều đó chứng tỏ từ rất sớm Đảng ta cũng như giới nghiên cứu khoa học xã hội đã thấy rõ ở Hồ Chí Minh không chỉ là một lãnh tụ kính yêu của dân tộc mà còn là một nhà tư tưởng vĩ đại của nhân dân Việt Nam, một kho tàng vô giá về nhiều lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học nhân văn.

Không chỉ ở trong nước ta, chúng ta còn thấy nhiều học giả nước ngoài phát hiện khá sớm ở Hồ Chí Minh, một nhà tư tưởng và đánh giá rất cao những cống hiến lý luận của Người với tư cách nhà tư tưởng, nhà văn hoá lớn. Chẳng hạn, giáo sư triết học Nhật Bản, Shingo Shibata chỉ qua bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước ta do Hồ Chí Minh thảo ra, đã phát hiện ra những đóng góp lý luận nổi tiếng của Người và khẳng định Hồ Chí Minh là nhà tư tưởng.

Nếu lần trở lên xa hơn nữa, chúng ta còn được biết từ năm 1923 chỉ sau một lần được gặp Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, nhà báo Liên Xô Ôxip Mandenxtam đã phát hiện ở Người "một thứ văn hoá, không phải văn hoá châu Âu, mà có lẽ là nền văn hoá tương lai". Quả là một dự báo thiên tài mà mãi sau này khi thế giới, mà đại diện là UNESCO, thừa

1. Xem Văn Tạo: *Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia - 40 năm xây dựng và trưởng thành*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr. 58-59.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết của Bộ Chính trị về chính sách khoa học và kỹ thuật*, số 37 NQ/TW, Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 1981, tr. 32.

nhận ở Hồ Chí Minh danh hiệu anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất, chúng ta mới thấy hết ý nghĩa và giá trị của những cảm nhận vô cùng sâu sắc của Manđenxtam.

Như vậy là, phải đến hơn nửa thế kỷ sau (từ 1923 - 1990), những điều dự báo của nhà báo Liên Xô mới trở thành hiện thực, thể hiện trong Nghị quyết của UNESCO về Hồ Chí Minh nhân kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người.

Đó là cả một quá trình trải qua nhiều thập kỷ chứng kiến những hoạt động kiên cường, bất khuất cũng như những phẩm chất cao quý của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta và cả thế giới mới dần dần tiếp cận được với những giá trị vĩ đại về tư tưởng, tình cảm và nói chung là nhân cách văn hoá Hồ Chí Minh, nhà tư tưởng, nhà văn hoá kiệt xuất.

Nếu chỉ kể từ năm 1970 đến nay, nghĩa là quãng thời gian sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, chúng ta có thể thấy việc tiếp cận với những giá trị khoa học và văn hoá trong tư tưởng Hồ Chí Minh là một quá trình phát triển từng bước, gắn liền với sự phát triển của thực tiễn cách mạng Việt Nam và những diễn biến phức tạp của tình hình cách mạng trên thế giới.

Quá trình ấy được đánh dấu bằng những cái mốc lịch sử rất đáng chú ý và có thể chia thành các thời kỳ sau đây:

1. Thời kỳ thứ nhất từ 1970 đến 1980:

Đây là thời kỳ sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa qua đời. Tư tưởng, tình cảm lớn và đạo đức, tác phong của Người đã được các nhà lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta nêu cao để nhân dân noi gương và học tập. Đặc biệt chú ý ở thời kỳ này là bài *Điếu văn* của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, những tác phẩm của Lê Duẩn như *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành những thắng lợi mới* (Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970), của Phạm Văn Đồng như các công trình *Hồ Chí Minh - hình ảnh dân tộc, tinh hoa thời đại* (Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1974), *Hồ Chí Minh - tinh hoa của dân tộc, lương tâm của thời đại* (Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975), của Trường Chinh như công trình *Hồ Chủ tịch lãnh tụ kính yêu của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam* (Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975)...

Ngoài ra, trên các báo, tạp chí cũng có nhiều bài nghiên cứu về Người chủ yếu tập trung trong những dịp kỷ niệm ngày sinh và ngày mất của Người hoặc trong những ngày lễ lớn của dân tộc.

Nhưng phải thừa nhận rằng việc nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh ở thời kỳ này chưa nhiều, chưa có hệ thống và nhất là chưa có nhiều công trình phản ảnh đúng với tầm vóc nhà tư tưởng, nhà văn hoá lớn Hồ Chí Minh. Ngay cả GS. VS. Nguyễn Khánh Toàn là một trong những người thân cận nhất của Bác, một trong những người có nhiều bài viết công phu, có giá trị khoa học và thực tiễn về Chủ tịch Hồ Chí Minh, cũng còn dừng lại ở việc ca ngợi, nhìn nhận Hồ Chí Minh như một nhà cách mạng thiên tài, một tấm gương sáng chói về đạo đức, tác phong. Chẳng hạn, ông viết: "Cái gốc, cái cốt tử trong thiên tài của Hồ Chí Minh là đạo đức cách mạng... tất cả cho cách mạng, tất cả cho độc lập của dân tộc, cho tự do của nhân dân, cho hạnh phúc của loài người, thiên tài của Hồ Chí Minh đã được phát huy trên cơ sở những mục tiêu ấy". Điều đó là hoàn toàn đúng và càng ngày thế giới càng thấy rõ ý chí cách mạng bất khuất và phẩm chất đạo đức vì dân, vì nước của Hồ Chí Minh; Nhưng đó là tầm nhìn về Hồ Chí Minh vào những năm 1970. Nếu chỉ thấy ở Hồ Chí Minh như một nhà đạo đức thôi thì hầu như chưa đúng với tầm vóc Hồ Chí Minh nhà tư tưởng, nhà văn hoá lớn của thế giới. Điều đó sẽ được chính GS. VS. Nguyễn Khánh Toàn cũng như những người tham dự Hội nghị khoa học về Hồ Chí Minh vào năm 1980 xác nhận rõ hơn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là nhà cách mạng, không chỉ là một nhân cách lớn, không chỉ là tấm gương tuyệt vời về đạo đức, tác phong. Từ chỗ chỉ là dự báo, ngày nay cả thế giới còn thấy ở Hồ Chí Minh nhà văn hoá của tương lai. Ý nghĩa danh nhân văn hoá lớn hơn nhiều so với tầm vóc nhà cách mạng, mặc dù chúng ta không hề đánh giá thấp vị trí nhà cách mạng Hồ Chí Minh. Trên thế giới có hàng nghìn hàng vạn nhà cách mạng, nhưng nói đến danh nhân văn hoá được cả thế giới suy tôn, quả là không nhiều. Hồ Chí Minh là một danh nhân văn hoá trong số không nhiều danh nhân văn hoá trên thế giới.

Quả như Tiến sĩ Modagat Ahmed Giám đốc UNESCO khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đã nói trong một hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Chỉ có ít nhân vật trong lịch sử trở thành một bộ phận của huyền

thoại ngay khi còn sống và rõ ràng Hồ Chí Minh là một trong số đó. Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ, mà còn là một nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này"[1].

Vị trí nhân cách Hồ Chí Minh, tầm vóc tư tưởng và những đóng góp của Người trong thời đại cách mạng vô sản quả là không có nhiều trên thế giới. Và, chúng ta - những nhà nghiên cứu về Người không chỉ có trách nhiệm ca ngợi Người mà còn phải phát hiện ở Người chiều sâu tư tưởng, những giá trị tiềm ẩn trong nhân cách, trong tác phong, trong đạo đức... và trong nhiều mặt khác của con người Hồ Chí Minh. Đó là một việc lớn mà có thể nói ở giai đoạn này cả giới nghiên cứu khoa học chỉ mới cảm nhận được chứ chưa có điều kiện khai thác triệt để di sản tư tưởng của Người.

Đáng chú ý nhất trong thời kỳ này là Hội nghị khoa học nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh nhân dịp kỷ niệm lần thứ 90 Ngày sinh của Người (1890 - 1980). Có thể xem Hội nghị khoa học này là một cái mốc lịch sử mở đầu quy mô nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Hội nghị do ba cơ quan phối hợp tổ chức: Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh và Uỷ ban Khoa học xã hội Việt Nam (nay là Viện Khoa học xã hội Việt Nam). Hội nghị tiến hành trong 2 ngày 7 và 8 tháng 5 năm 1980 với trên 300 cán bộ nghiên cứu của các cơ quan lý luận, các trường Đảng, các học viện quân đội, các trường đại học, các viện nghiên cứu thuộc nhiều ngành... cùng tham gia.

Hội nghị đã nghe trình bày 70 báo cáo khoa học trong số 105 báo cáo gửi tới Ban tổ chức. Nội dung các báo cáo khoa học hết sức phong phú và đa dạng đi vào rất nhiều mặt hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh bao gồm các lĩnh vực: quân sự, chính trị, lịch sử, kinh tế, văn hoá, giáo dục, xây dựng Đảng, xây dựng con người mới, v.v...

Đánh giá kết quả Hội nghị đồng thời phản ảnh tình hình nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc bấy giờ, Ban tổ chức Hội nghị đã nêu lên một số chủ đề chính sau đây:

---

1. Xem Kỷ yếu: *Hội thảo quốc tế Chủ tịch Hồ Chí Minh anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, tr. 22.

1.Về sự hình thành thế giới quan, về tư tưởng quyết tâm cách mạng, về phương pháp tư duy của Hồ Chủ tịch, nhiều báo cáo đã nhấn mạnh đến người thanh niên Nguyễn Tất Thành, so với các sĩ phu yêu nước thời đó, đã vượt qua được bao điều hạn chế, khó khăn mới tìm ra được chủ nghĩa Mác - Lênin. Và trong quá trình đó, đã hình thành những nét đặc điểm trong phương pháp tư duy của Hồ Chủ tịch.

2. Sự chuyển biến có tính quy luật từ chủ nghĩa yêu nước tới giác ngộ về chủ nghĩa cộng sản khoa học, sự kết hợp giữa ngọn cờ dân tộc và ngọn cờ chủ nghĩa xã hội, giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

3. Quá trình đồng chí Nguyễn Ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam và kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào yêu nước và phong trào công nhân để thành lập Đảng Cộng sản ở nước ta.

4. Quan điểm của Hồ Chủ tịch về xây dựng Đảng, về tư cách và đạo đức của người đảng viên - nhất là khi Đảng đã cầm quyền; về xây dựng Mặt trận thống nhất dân tộc, xây dựng Nhà nước cách mạng và pháp chế cách mạng ở Việt Nam.

5. Tư tưởng của Hồ Chủ tịch về giai cấp công nhân và phong trào công đoàn, về giai cấp nông dân, về phụ nữ, về thanh niên và thiếu niên nhi đồng.

6. Tư tưởng của Hồ Chủ tịch về vai trò của nhân dân lao động vùng lên đập tan ách thống trị của chế độ thực dân, phong kiến và làm chủ xã hội trên mọi mặt; về người cán bộ đảng viên "vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ của nhân dân".

7. Tư tưởng Hồ Chủ tịch về bạo lực cách mạng, về khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa; về xây dựng cơ sở chính trị tiến lên đấu tranh vũ trang, về chiến tranh của toàn dân chống bọn thực dân xâm lược, và xây dựng một đội quân cách mạng của nhân dân.

8. Tính nhất quán và quá trình phát triển tư tưởng của Hồ Chủ tịch đối với mặt trận kinh tế, cụ thể là vấn đề tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu gắn liền với nhiệm vụ chính trị (đẩy mạnh cuộc kháng chiến và cải thiện đời sống của các tầng lớp nhân dân) trong từng thời kỳ, gắn liền với vấn đề xây dựng Đảng, rèn luyện người cán bộ cách mạng.

9. Hồ Chủ tịch đối với các môn khoa học lịch sử, đạo đức, giáo dục, ngôn ngữ, văn học...

10. Phong cách sống, hoạt động, nói và viết của Hồ Chủ tịch trong mọi hoàn cảnh và điều kiện khác nhau.

Có thể nói, 10 vấn đề nêu trên đã phản ảnh khá toàn diện những vấn đề đặt ra trong việc nghiên cứu về tư tưởng, đạo đức, tác phong của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thông qua những tham luận và ý kiến trong Hội nghị, các đại biểu tham dự đều có những thu hoạch sâu sắc và có được sự nhận thức chung rằng: "Di sản của Bác Hồ để lại cho nhân dân ta, cho Đảng ta về mặt tư tưởng, lý luận là vô cùng phong phú và toàn diện. Việc nghiên cứu tư tưởng của Bác Hồ đối với từng lĩnh vực có ý nghĩa rất lớn đối với việc nghiên cứu đường lối, chính sách hiện nay của Đảng ta trên bất cứ một lĩnh vực hoạt động nào"[1].

Mặc dù Hội nghị khoa học về Hồ Chí Minh đã đạt được những bước tiến rõ rệt trong việc nghiên cứu tư tưởng của Người so với những năm trước đây, nhưng nhìn chung chỉ mới ở mức độ đặt được vấn đề, bàn về phương hướng và cách đi vào nghiên cứu. Những người dự Hội nghị cho rằng khoảng cách giữa trình độ và chất lượng công tác nghiên cứu lúc đó so với yêu cầu và nội dung nghiên cứu về Hồ Chí Minh còn quá xa. Đó là một trách nhiệm nặng nề và to lớn của tất cả những cán bộ nghiên cứu, của các nhà khoa học ở nước ta.

Trên cơ sở điểm lại nội dung khoa học của các báo cáo, Hội nghị thấy còn cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, để có thể lý giải một cách sâu sắc và toàn diện đối với những vấn đề sau đây:

1. Lâu nay, việc nghiên cứu Hồ Chủ tịch với tư cách là một lãnh tụ, một người tổ chức của phong trào cách mạng có được chú ý nhưng việc nghiên cứu Hồ Chủ tịch với tư cách một nhà tư tưởng, một nhà lý luận còn chưa được chú ý. Về mặt lý luận, Hồ Chủ tịch đã có những đóng góp gì, những cống hiến gì làm giàu thêm kho tàng chủ nghĩa Mác - Lênin?

---

1. Xem Tài liệu lưu hành nội bộ về *Hội nghị khoa học nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh nhân kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh của Hồ Chủ tịch (1890-1980)*, Hà Nội, 1981.

2. Việc nghiên cứu công lao của Hồ Chủ tịch đối với cách mạng Việt Nam đã được chú ý nhiều trong những năm qua, nhưng việc nghiên cứu Hồ Chủ tịch với tư cách là một chiến sĩ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, một chiến sĩ của phong trào giải phóng dân tộc của thế kỷ XX này, nghiên cứu mặt hoạt động của Bác Hồ đối với quốc tế còn chưa được chú ý, thậm chí chưa được đặt ra đúng mức.

3. Việc nghiên cứu về Hồ Chủ tịch trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ, nghiên cứu tư tưởng của Bác Hồ về đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị có được chú ý, nhưng việc nghiên cứu tư tưởng của Bác Hồ đối với cách mạng xã hội chủ nghĩa, đối với chuyên chính vô sản và chế độ làm chủ tập thể, đối với ba cuộc cách mạng, đặc biệt là đối với việc xây dựng và phát triển kinh tế còn chưa được chú ý đúng mức.

4. Bác Hồ như một trong những hình mẫu con người mới của thời đại kết hợp được truyền thống của dân tộc Việt Nam với những phẩm chất của người chiến sĩ cách mạng của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế hiện nay, kết hợp được phẩm chất của người chiến sĩ cách mạng ở cả phương Đông và phương Tây, còn chưa có những bài nghiên cứu tương xứng.

5. Việc trình bày Bác Hồ vừa là người con của dân tộc Việt Nam (thừa hưởng được những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, và làm rạng rỡ thêm cho dân tộc) vừa là người con của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế (thừa hưởng được những phẩm chất cách mạng do phong trào đem lại, và góp phần làm cho phong trào được phong phú hơn) cũng chưa có những bài nghiên cứu đi sâu trình bày mối quan hệ biện chứng giữa các nhân tố nói trên.

Hội nghị khoa học này cũng dành một thời gian để kiểm điểm, xem xét lại việc nghiên cứu về Hồ Chí Minh. Nhìn lại những việc đã làm được trong thời gian qua, Hội nghị một mặt nêu lên những cố gắng, những việc đã làm được, nhưng mặt khác cũng chỉ ra những nhược điểm, thiếu sót cụ thể.

Phải nói rằng, sau 20 năm nhìn lại những nhận định trên về tình hình nghiên cứu Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta thấy về cơ bản là đúng đắn. Những hạn chế trong việc nghiên cứu về Hồ Chí Minh trong những năm 1970-1980 cũng được những người dự Hội nghị chỉ ra như sau:

1. Công tác nghiên cứu về Bác Hồ chưa được đặt đúng với tầm vóc đáng có, và chưa có một kế hoạch chung toàn diện nêu rõ yêu cầu, mục đích, nội dung của toàn bộ công tác nghiên cứu.

2. Do chỗ các cơ quan có trách nhiệm chưa phát huy vai trò trung tâm nên công tác nghiên cứu vừa qua còn thiếu sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nghiên cứu, chưa huy động được đông đảo các đơn vị và cá nhân đi sâu nghiên cứu về Bác Hồ.

3. Công tác nghiên cứu vừa qua chưa được đặt ra một cách cơ bản và thường xuyên, liên tục, gắn liền với việc xây dựng và thi hành đường lối chính sách của Đảng, gắn liền với việc giải quyết những nhiệm vụ chính trị cấp bách của Đảng mà còn có tính chất "thời vụ" chủ yếu để phục vụ cho đợt kỷ niệm 19 - 5 hàng năm.

4. Công tác nghiên cứu về Bác Hồ chưa gắn chặt, chưa trở thành một nội dung quan trọng trong việc nghiên cứu và giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin, trong việc nghiên cứu và giảng dạy lịch sử Đảng ta, trong việc tổng kết và xây dựng lý luận công tác đối với từng ngành công tác.

Từ đó, Hội nghị đã nhất trí có những kiến nghị sau đây:

1. Ba cơ quan đứng ra tổ chức Hội nghị khoa học kỳ này cần nghiên cứu đề nghị với Trung ương ra quyết nghị riêng đối với việc nghiên cứu về Hồ Chủ tịch.

2. Nên có kế hoạch nghiên cứu toàn diện, có cơ quan nghiên cứu trung tâm, có sự phối hợp và phân công giữa các cơ quan nghiên cứu, có sự động viên đông đảo các đơn vị và cá nhân đi sâu vào nghiên cứu Bác Hồ.

3. Công tác nghiên cứu về Bác Hồ phải được đặt ra một cách cơ bản, thường xuyên, liên tục gắn liền với việc xây dựng và thực hiện các đường lối chính sách của Đảng, gắn liền với việc giải quyết những nhiệm vụ chính trị cấp bách của từng thời kỳ.

4. Công tác nghiên cứu về Bác Hồ cần được quán triệt một cách nhuần nhuyễn, cần trở thành một nội dung quan trọng trong việc nghiên cứu và giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin, trong việc nghiên cứu và giảng dạy về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, trong việc tổng kết và xây dựng lý luận cho từng ngành công tác.

5. Ngay từ giờ, cần có kế hoạch tiến hành những công trình nghiên cứu cỡ lớn, và có kế hoạch chuẩn bị cho các ngày lễ trong kỷ niệm lần thứ 95 và lần thứ 100 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nhắc lại những nhận thức và khuyến nghị trên về việc nghiên cứu Hồ Chí Minh, chúng ta càng thấy rõ những quan điểm sáng suốt và đúng đắn của giới nghiên cứu khoa học xã hội nước ta đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh mà những năm sau đó, nhất là thời kỳ từ 1990 trở đi, tình hình nghiên cứu về Hồ Chí Minh đã đạt được những kết quả khả quan cũng có nguyên nhân từ trước đó.

2. Thời kỳ thứ hai từ 1981 đến 1990:

Đây là thời kỳ việc nghiên cứu về Hồ Chí Minh đạt được những thành tựu lớn cả ở trong nước và ngoài nước tạo điều kiện cho việc UNESCO ra quyết nghị công nhận danh hiệu anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn Hồ Chí Minh. Không phải là ngẫu nhiên, ở thời kỳ này trên thế giới ngày càng có nhiều công trình viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Có tình hình đó, vì càng ngày thế giới càng thấy rõ vị trí quan trọng của sự nghiệp cách mạng Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo và những đóng góp quý báu về lý luận cách mạng của Người đối với phong trào cách mạng giải phóng dân tộc cũng như sự nghiệp đấu tranh vì tiến bộ xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Tư tưởng của Người đã trở thành tài sản chung của cả nhân loại.

Nói rõ vị trí của sự nghiệp cách mạng Việt Nam và những đóng góp lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong cuốn *Đồng chí Hồ Chí Minh*[1], tác giả đã dẫn lời của nguyên Tổng bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, Chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô Viết tối cao Liên Xô, Leonid Brezhnev như sau: "Năm tháng sẽ trôi đi, nhưng trong ký ức của loài người sẽ mãi mãi ghi nhớ lịch sử đấu tranh của nhân dân Việt Nam anh hùng. Những bài học thiên anh hùng ca Việt Nam nói lên nhiều điều: nói lên sức mạnh vô địch của tư tưởng Mác - Lênin, ý nghĩa lớn lao của chính sách quốc tế triệt để của Đảng Cộng sản cầm quyền, sức mạnh không gì phá vỡ nổi của một dân tộc đấu tranh cho sự nghiệp chính nghĩa của mình. Vì vậy, hoàn toàn có thể hiểu được sự quan tâm sâu sắc của tất cả những người có lương tri trên hành tinh tới lịch sử cuộc đấu tranh của

1. S. Afonin, E. Kobelev: *Đồng chí Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị, M. 1980, 239 tr. (tiếng Nga).

nhân dân Việt Nam, tới những đại diện ưu tú của nhân dân Việt Nam, Nhà nước Việt Nam độc lập mà tên tuổi của Người gắn liền với những chiến công của cuộc cách mạng yêu nước vĩ đại của nhân dân Việt Nam, với bản anh hùng ca Việt Nam - Đồng chí Hồ Chí Minh". Ông nói tiếp: "Chủ tịch Hồ Chí Minh trước hết là biểu tượng của những phẩm chất cao quý nhất, là một Con người với đầy đủ ý nghĩa của từ này, Hồ Chí Minh xứng đáng thuộc những người cách mạng tuyệt vời được đào tạo dưới mái trường Lênin, không những chỉ tiếp thu và áp dụng vào thực tế Việt Nam học thuyết Lênin thiên tài mà còn bằng đạo đức của bản thân mình, bằng tấm gương cuộc đời mình biểu hiện sức mạnh lớn lao của tư tưởng cộng sản.

"Ở Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự kết hợp hữu cơ giữa quyền lợi dân tộc và giai cấp, sự thống nhất chặt chẽ những lý tưởng yêu nước với những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Điều này được giải thích trước hết bởi đặc tính của cách mạng Việt Nam - cách mạng giải phóng dân tộc chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cả cuộc đời mình, Hồ Chí Minh coi mình là người lính ra trận theo mệnh lệnh của quốc dân, người đầy tớ trung thành của nhân dân. Tư tưởng và hành động của Người được thể hiện rất rõ trong 6 chữ: "Trung với nước, hiếu với dân" mà Người coi đó là thước đo phẩm chất của bất kỳ người cách mạng chân chính nào. Luôn luôn đứng trên lập trường của giai cấp công nhân, Hồ Chí Minh đồng thời đã biết lôi cuốn kéo về phía mình tầng lớp rộng lớn những đại biểu tư sản dân tộc, trí thức tư sản - phong kiến có tinh thần yêu nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh được toàn thể nhân dân Việt Nam coi là niềm hy vọng của sự nghiệp giải phóng dân tộc và sự hồi sinh của đất nước Việt Nam.

"Con đường đời của Hồ Chí Minh là một trong những minh hoạ rõ nét nhất về sự gắn bó hữu cơ và khăng khít giữa hai khái niệm chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa yêu nước. Ai thực sự yêu Tổ quốc và nhân dân mình, ai sẵn sàng hiến tất cả sức lực cho cuộc đấu tranh vì giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội thì người đó chắc chắn sẽ phải đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa cộng sản. Như lịch sử đang chứng minh hàng giờ, hàng ngày cho điều này, chính những người cộng sản là người bảo vệ triệt để và kiên trì nhất lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, là chiến sĩ một lòng một dạ vì độc lập, tự do và phồn vinh thực sự của đất nước".

Trên đây là những lời tâm huyết ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuốn sách *Đồng chí Hồ Chí Minh* của hai tác giả người Nga.

Cùng thời gian đó, chúng ta còn thấy xuất hiện nhiều công trình khác nghiên cứu về Hồ Chí Minh xuất hiện ở Anh, ở Pháp, ở Đức, ở Mỹ...Ngay cả L.A. Patti, một sĩ quan tình báo Mỹ, trong cuốn sách *Tại sao Việt Nam?*[1] cũng đã viết những lời rất xúc động về Hồ Chí Minh. Có thể nói, trong những lúc tình hình cách mạng trên thế giới gặp nhiều khó khăn nhất, người ta nghĩ đến Hồ Chí Minh, tìm thấy ở Người một nguồn động viên tinh thần to lớn và một sức mạnh động lực về tư tưởng và giải pháp cách mạng. Quả như sự nhận định sáng suốt của nhiều chính khách nước ngoài: *Hồ Chí Minh là lương tri, là nhân phẩm của thời đại.*

Cũng trong thời gian đó, ở nước ta sự nghiệp cách mạng đã gặp rất nhiều khó khăn. Đảng và Nhà nước ta cũng như giới nghiên cứu khoa học đã tổ chức nhiều hội nghị khoa học nhân dịp kỷ niệm 15 năm thực hiện Di chúc và 95 năm Ngày sinh của Người. Trong số những hội nghị ấy đáng chú ý là Hội nghị khoa học với chủ đề Chủ tịch Hồ Chí Minh và vấn đề "bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau" do Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh và Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cùng phối hợp tổ chức.

Gần 100 báo cáo khoa học của các nhà khoa học, các cán bộ nghiên cứu và chỉ đạo thuộc 28 cơ quan Đảng, Đoàn thể và Nhà nước ở Trung ương và các địa phương đã gửi đến Hội nghị. Đánh giá kết quả Hội nghị Ban tổ chức cho rằng Hội nghị là một bước cố gắng đầu tiên trên quá trình nghiên cứu, tìm hiểu, làm sáng tỏ những quan điểm cơ bản có tầm chiến lược của Bác Hồ kính yêu, trên cơ sở đó tìm ra những giải pháp có cơ sở khoa học, góp phần cải tiến và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ trong giai đoạn cách mạng mới.

Sau Hội nghị khoa học này, Nhà xuất bản Thanh niên hợp tác cùng với Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh đã cho in cuốn sách nhan đề *Bác Hồ với sự nghiệp bồi dưỡng thế hệ trẻ* (Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1985). Nội dung cuốn sách được kết cấu theo 5 phần sau:

- *Phần 1:* Những quan điểm cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh về thanh niên gồm 4 bài của các đồng chí: Đặng Xuân Kỳ, Nguyễn Ngọc Minh, Thành Duy, Đỗ Huy.

1. L.A. Patti: *Tại sao Việt Nam?* Nxb. Trường Đại học California, Bercley - LosAngeles - London, 1980.

- *Phần 2:* Trách nhiệm của Đảng, Đoàn thanh niên và các thế hệ đi trước đối với việc bồi dưỡng thế hệ trẻ, gồm ba bài của các đồng chí: Nguyễn Tiên Phong, Văn Tùng, Song Thành.

- *Phần 3:* Nhìn nhận và đánh giá thanh niên hiện nay, gồm ba bài của các đồng chí: Nguyễn Khánh Toàn, Hoàng Trinh và Đinh Văn Nam.

- *Phần 4:* Những nội dung cần giáo dục và bồi dưỡng cho thanh niên, gồm ba bài của các đồng chí: Lê Xuân Lựu, Phan Huy Lê và Huỳnh Công Bá.

- *Phần 5:* Mấy phương thức, biện pháp bồi dưỡng thế hệ trẻ, gồm ba bài của các đồng chí: Phan Ngọc Liên, Nguyễn Sinh Huy, Nguyễn Hồng Thanh.

Đương nhiên, đây là cuộc Hội nghị khoa học với chủ đề *Hồ Chí Minh và vấn đề "bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau"*, cho nên nhiều khía cạnh khác của tư tưởng Hồ Chí Minh chưa được đề cập đến.

Nổi bật nhất ở thời kỳ này là việc Liên hợp quốc thông qua Nghị quyết tiến hành các bước chuẩn bị và tiến hành kỷ niệm trên phạm vi toàn thế giới lần thứ 100 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Từ Nghị quyết quan trọng của Hội đồng Liên hợp quốc, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc (UNESCO) đã ra Nghị quyết về kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Có thể nói, việc UNESCO tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh là anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn của thế giới là một cái mốc lịch sử đặc biệt quan trọng trong việc đánh giá về con người và sự nghiệp của Người.

Toàn văn Nghị quyết của tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO) về kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh được in trong *Phần thứ hai* của tập sách này, cả bản tiếng Việt và bản tiếng Anh.

Thiết tưởng những điều ghi nhận của UNESCO trong một phiên họp toàn thể bằng một Nghị quyết quan trọng trên đã khẳng định rõ tầm vóc nhà tư tưởng, nhà văn hoá kiệt xuất Hồ Chí Minh, danh nhân văn hóa tiêu biểu của thế giới trong thế kỷ XX này. Vấn đề còn lại và tiếp theo là chính chúng ta, nhân dân Việt Nam và những nhà nghiên cứu khoa học của Việt Nam phải biết khai thác triệt để di sản tư tưởng của Người

nhằm nêu bật được những thành tựu tư tưởng và văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh như một kho tàng văn hoá quý báu vô giá của cả nhân loại.

Từ nghị quyết quan trọng đó của UNESCO, cả thế giới đã hướng về Người, tìm hiểu những đóng góp vĩ đại của Người trên nhiều lĩnh vực như một danh nhân văn hoá tiêu biểu của thời đại.

Một Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn đã được tổ chức trọng thể trong hai ngày 29 và 30 tháng 3 năm 1990 tại Hà Nội. Đến dự Hội thảo có 70 đại biểu quốc tế thuộc 34 nước và hơn 1000 đại biểu Việt Nam gồm các nhà khoa học, các nhà hoạt động xã hội... đã tham dự hội thảo.

Tuy thuộc các dân tộc khác nhau, nói những thứ tiếng khác nhau, có quan điểm chính trị và học thuật khác nhau, các đại biểu dự hội thảo đã có sự nhất trí trong việc đánh giá rất cao con người, sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức cách mạng và chủ nghĩa nhân văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người anh hùng dân tộc vĩ đại, nhà cách mạng kiệt xuất của Việt Nam, một trong những vĩ nhân của thời đại chúng ta. Các đại biểu quốc tế cũng bày tỏ những thiện cảm tốt đẹp đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Tại cuộc Hội thảo quốc tế đó về Chủ tịch Hồ Chí Minh, các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta như đồng chí Nguyễn Văn Linh - Tổng bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng chí Võ Chí Công - Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Việt Nam, Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã có những bài phát biểu quan trọng, vừa bày tỏ lòng biết ơn của nhân dân Việt Nam đối với các bạn quốc tế đến dự Hội thảo, vừa trình bày khái quát về con người, sự nghiệp và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh nói: "Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà yêu nước vĩ đại. Chủ nghĩa yêu nước ở Người xuất phát từ lòng yêu thương vô hạn đối với nhân dân bị áp bức. Nó không dừng lại trong phạm vi dân tộc mà mở rộng đối với nhân dân lao động toàn thế giới. Người đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc; đồng thời góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Chính vì thế, không chỉ nhân dân Việt Nam yêu quý Người, mà nhân dân thế giới cũng đáp lại tình cảm của Người và coi Người như người bạn thân thiết"...

"Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ có lòng yêu thương vô hạn đối với nhân dân. Điểm nổi bật ở Người là sự tôn trọng nhân dân và niềm tin tuyệt đối vào sức mạnh vô hạn của nhân dân. Đối với Người, cách mạng không phải là sự ban ơn cho nhân dân, mà trước hết là sự nghiệp của nhân dân và do nhân dân. Người nhấn mạnh tinh thần dân chủ trong sinh hoạt chính trị. Người đã tiến hành không mệt mỏi công tác tuyên truyền và giáo dục, nhằm thức tỉnh toàn dân tộc trước sự nghiệp chung, phát huy cao nhất sức mạnh của trí tuệ, tài năng và nghị lực của hàng triệu con người"...

"Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu tấm gương sáng ngời trước nhân dân Việt Nam về đạo đức mới. Tin tưởng tuyệt đối vào lý tưởng cách mạng, vào tương lai tươi sáng của dân tộc và nhân loại, Người đã tỏ ra một nghị lực phi thường và sống với phương châm "giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục". Với tinh thần "cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư", Người sống một cuộc sống riêng thanh cao và giản dị".

"Sự nghiệp, tư tưởng và đạo đức sáng ngời của Người sống mãi trong lòng kính yêu vô hạn của nhân dân Việt Nam"[1].

Phát biểu tại cuộc Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nói: "Cái vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh là đã nhìn thấy ở nhân dân lực lượng quyết định thắng lợi của cách mạng. Người nói: Nước lấy dân làm gốc. Dân chúng (công, nông) là gốc cách mạng. Có lực lượng của dân, việc to tát mấy, khó khăn mấy cũng làm được. Lý tưởng cách mạng đã đi vào lòng của đông đảo nhân dân thì biến thành sức mạnh vật chất, không máy bay, đại bác nào chống lại được"...

"Cái vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh là đã tìm ra những hình thức tốt nhất để tổ chức nhân dân. Người đã sáng lập ra Mặt trận dân tộc thống nhất để đoàn kết toàn dân; sáng lập ra lực lượng vũ trang nhân dân, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu; sáng lập ra chính quyền nhân dân, ngay từ những ngày đầu, trong khói lửa của cuộc kháng chiến, từ trung ương đến cơ sở, đều do nhân dân bầu ra, vì nhân dân mà phục vụ"... "Người là một hình mẫu cao đẹp của con người mới trong thời

1. Xem *Hội thảo quốc tế Chủ tịch Hồ Chí Minh anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, tr. 10-11.

đại mới, một biểu tượng của chủ nghĩa nhân văn với đầy đủ ý nghĩa của nó, một tấm gương tuyệt vời về người Cộng sản"[1].

Với khách quốc tế, chúng ta chỉ cần nêu lên những đầu đề bài tham luận cũng đã nói rõ sự đánh giá và tình cảm sâu sắc của họ đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tiến sĩ M. At-Met (Modagat Ahmed), Giám đốc UNESCO khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, Đại diện đặc biệt của Tổng giám đốc UNESCO đã có bài phát biểu quan trọng đánh giá Hồ Chí Minh, một nhân vật vĩ đại đã cống hiến trọn đời mình cho sứ mệnh tự do và độc lập. Ông nói: "Hồ Chí Minh đã thành công trong việc liên kết nhiều sắc thái văn hoá vào một nền văn hoá Việt Nam duy nhất. Người đã làm được việc này nhờ sự hiểu biết sâu sắc và tôn trọng những đặc điểm văn hoá khác nhau. Người đã hoàn thành được nhiệm vụ này, và trong việc làm và lời nói của Người, ta có thể nhìn thấy rõ hình ảnh, tư tưởng của nhà thơ, nhà văn, nhà nghệ sĩ dân ca, những người đem lại nguồn cảm xúc cho nhiều thế hệ nhân dân Việt Nam. Cuộc đời của Người mang ảnh hưởng của những giá trị và truyền thống dân tộc, có những đóng góp vào việc tạo nên một nền văn hoá Việt Nam hiện đại"[2].

Nhìn nhận công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở một góc độ khác, ông T.N. Ca-un (T.N. Kaul), Chủ tịch Trung tâm Ấn Độ nghiên cứu về Đông Dương nói: "Những sự đổi thay và biến động lớn lao đang diễn ra trên thế giới. May mắn thay, những sự kiện đó cho đến nay đã diễn ra nói chung là hoà bình. Tuy nhiên, cũng đã diễn ra tình trạng xói mòn và thất vọng đối với vai trò của đảng cầm quyền ở nhiều nước - xã hội chủ nghĩa và không xã hội chủ nghĩa. Thế giới ngày nay có thể rút ra được một bài học trong đường lối của Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đảng viên trong đảng của mình hãy phục vụ nhân dân, giúp đỡ họ và học tập ở họ, không được ra lệnh hay bắt họ phải phục tùng. Đấy là điều mà các đảng chính trị và các lãnh tụ đảng có thể học hỏi".

"Vì họ đã vi phạm nguyên tắc thiêng liêng này nên vai trò tiên phong trong xã hội của họ bị xói mòn... Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhìn thấy nguy cơ này hàng chục năm trước đây và lên tiếng cảnh tỉnh Đảng. Đảng

---

1. Xem *Hội thảo quốc tế Chủ tịch Hồ Chí Minh anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn*, sđd, tr.15.
2. Những đoạn trích dưới đây trong cuốn kỷ yếu về *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh* nêu trên.

đã tiếp thu lời khuyên của Người nên giữ được niềm tin của nhân dân vào vai trò lãnh đạo của mình trong sự nghiệp phục vụ nhân dân. Mọi người khác hãy noi theo tấm gương này".

Nói về tư cách nhà văn hoá lớn Hồ Chí Minh, ông T.N. Kaul khẳng định: "Một cống hiến quan trọng khác của Chủ tịch Hồ Chí Minh là chủ trương làm khởi sắc và tăng cường truyền thống văn hoá Việt Nam, gắn nó với các nền văn hoá khác trên thế giới. Các bài thơ, tiểu luận và diễn văn của Người phản ảnh một sự hiểu biết sâu sắc về lịch sử và văn minh nhân loại và một niềm tin chung thuỷ đối với bản sắc văn hoá của mỗi dân tộc, quốc gia, kể cả dân tộc mình và các dân tộc khác trên thế giới. Vì vậy, Người được yêu mến và kính trọng trên toàn thế giới".

Nói rõ thêm tính nhân văn trong tư tưởng Hồ Chí Minh, ông Mohamed Lamari - Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Angiêri tại Việt Nam nói: "Ưu điểm lớn nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh là không chỉ đấu tranh cho một lá cờ, cho một sự giải phóng ở bề mặt bên ngoài. Người muốn tiến hành một cuộc chiến đấu cho phẩm giá con người, cho sự giải phóng và phúc lợi của toàn dân và nhờ thế mà cuộc cách mạng do Người phát động đã mang tầm cỡ thế giới".

Nhiều giáo sư, viện sĩ và nhà khoa học nổi tiếng trên thế giới cũng đã phát biểu thaṁ luận, đánh giá rất cao những đóng góp lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong số đó, có Giáo sư, cố vấn Viện nghiên cứu Á châu Cu Ba Miguel de Stéphano, Giáo sư W. Lulei khoa nghiên cứu châu Á Trường đại học MBOLD (CHDC Đức cũ), Bernhard Dahm, Giáo sư Trường đại học Passan Cộng hoà Liên bang Đức, Giáo sư, tiến sĩ Niculin, Trưởng bộ môn văn học Á-Phi thuộc Viện Văn học thế giới Gorki (Liên Xô cũ), Giáo sư Kawamoto Kunie Trường đại học Kêriô, Nhật Bản, nhà sử học Josephine Stenson, Trường đại học Phơ-lô-ri-đa At-lăng-tích (Mỹ)... và rất nhiều nhà khoa học nổi tiếng khác có mặt trên hầu khắp các nước trên thế giới.

Là một người đang chứng kiến những đổi thay trong công cuộc cải tổ ở Liên Xô lúc bấy giờ, Viện sĩ V.M. Xôn-Xép nói: "Trong thế giới đầy năng động của chúng ta ngày nay đang diễn ra những biến đổi lớn lao. Sự nghiệp cải tổ và đổi mới mọi mặt cuộc sống đang diễn ra tại Liên Xô. Ở Việt Nam cũng đang tiến hành những cải cách kinh tế quan trọng trong khuôn khổ chính sách đổi mới. Khái niệm của chúng ta về chủ nghĩa xã

hội, về các con đường và các phương pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng thay đổi.

"Nhưng trong mọi biến đổi cũng có một số điều quan trọng không hề thay đổi. Đó là lý tưởng xã hội chủ nghĩa, các tư tưởng nhân đạo chủ nghĩa, tự do, dân chủ và công bằng xã hội, mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà yêu nước vĩ đại, người theo chủ nghĩa quốc tế đã cống hiến trọn đời mình cho những lý tưởng đó.

"Năm tháng sẽ qua đi, nhưng toàn nhân loại tiến bộ nhớ mãi tên tuổi và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh".

Với một đầu đề nổi bật bài viết của mình *Hồ Chí Minh: Một người châu Á cho mọi thời đại*, Sê-ra-phin Quy-sơn, Chủ tịch Viện nghiên cứu lịch sử dân tộc Ma-ni-la, Phi-líp-pin nói: "Người là một trong số ít người châu Á lại thân thuộc với cả châu Á và phương Tây. Ít người châu Á nào lại được nhân dân yêu mến như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hiếm người châu Á nào lại đóng một vai trò quan trọng như vậy trong việc tạo dựng một dân tộc mới như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong cả sự nghiệp của mình, Người luôn xuất phát từ tinh thần hết lòng phục vụ nhân dân, vừa bằng những kiến thức uyên bác, kinh nghiệm và tài nghệ của mình, vừa bằng sự tận tâm và liêm khiết, để giành được sự kính trọng và biết ơn của nhân dân".

"Khó có thể có được một người châu Á khác như Người ở thời đại của chúng ta cũng như trong các thế hệ mai sau. Người thực sự là một người châu Á của tất cả các thời đại với ý nghĩa đầy đủ nhất của nó".

Bằng cách nêu bật những phẩm chất của Hồ Chí Minh và khuyên mọi người biết cách sống trong một thời đại có nhiều thay đổi và phức tạp như hiện nay, trong bài phát biểu hấp dẫn của mình, nhà văn Úc A-lan A-Xbon nói: "Đây không phải là lúc nói về sự bi quan của trí tuệ. Đây là lúc nói về sự lạc quan của ý chí. Nếu chúng ta muốn đối phó một cách hợp lý và mạnh mẽ với những vấn đề mà chủ nghĩa xã hội đang gặp phải, chúng ta phải học ở Hồ Chí Minh bằng cách phát triển những phẩm chất đã thể hiện trong suốt cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài của Người: Kiên nhẫn và vững vàng theo đuổi mục đích và bình tĩnh trong những lúc khó khăn; Linh hoạt về tư duy và chính trị khi xây dựng khối đoàn kết xã hội chủ nghĩa; Khiêm tốn và gần gũi với nhân dân, nhất là với công nhân và

nông dân; Có sự đồng cảm để đạt tới sự hoà giải dân tộc; Có tinh thần quốc tế mạnh mẽ; Sự sáng tạo và nhạy bén về văn hoá, một sự hiểu biết có phân tích về lịch sử, đặc biệt là về cách thức mà những biến đổi lịch sử đã diễn ra; Và phẩm chất mà Hồ Chí Minh có một cách dồi dào - đó là sự lạc quan của ý chí".

Trong 70 đại biểu nước ngoài tham gia Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta thấy những bài phát biểu tham luận của các nhà khoa học đều đánh giá rất cao những giá trị tư tưởng và những cống hiến vĩ đại của Hồ Chí Minh cho thế giới mà ở đây chúng tôi chỉ có thể trích dẫn được rất ít nội dung của những bài phát biểu đầy nhiệt huyết đó.

Về phía Việt Nam, tại cuộc Hội thảo quốc tế này về Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta cũng thấy có mặt nhiều nhà khoa học tiêu biểu mà chúng tôi không thể kể hết được trong bài viết ngắn này.

Phát biểu tổng kết Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nói: "Điểm nổi bật của Hội thảo là sự nhất trí cao, thể hiện tình cảm đặc biệt đối với Bác Hồ, đối với nhân dân Việt Nam". "Hội thảo đã làm nổi bật tấm lòng yêu nước, thương dân vô hạn của Bác Hồ. Các bạn bè khắp năm châu đều thấy rằng lòng yêu nước thương dân đó cũng là tình cảm của chính mình. Ai cũng muốn đất nước mình được độc lập, thống nhất, tự do, bình đẳng và sống hữu nghị với các dân tộc khác. Các bạn nhất trí rằng: Chủ tịch Hồ Chí Minh không những chỉ yêu nước, thương dân mình, mà còn có tình thương yêu bao la đối với nhân dân các nước, đối với nhân loại cần lao trên thế giới".

Nói về tư cách nhà văn hoá lớn Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp khẳng định: "Bác Hồ tiếp thu tinh hoa văn hoá cổ, kim, Đông, Tây từ quan niệm thế giới đại đồng thời Nghiêu Thuấn đến tư tưởng tiến bộ trong "Tuyên ngôn dân quyền và nhân quyền" Pháp, "Tuyên ngôn độc lập" của Mỹ, v.v... Bác Hồ là nhà văn hoá kiệt xuất, là sự kết tinh tinh hoa của nền văn hoá Việt Nam và phần nào đó là tinh hoa văn hoá của nhân loại".

Để kết luận, tìm ra tiếng nói chung về Bác Hồ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nói: "70 đại biểu đại diện cho 34 nước tham gia Hội thảo hôm nay, có tiếng nói khác nhau, thuộc những dân tộc khác nhau, tôn giáo khác nhau, phong tục tập quán khác nhau, mang những màu sắc chính trị

khác nhau, song tất cả đều nhất trí rằng: Chủ tịch Hồ Chí Minh là con người của chúng ta. Điều đó thể hiện rõ nét trong nhiều bài phát biểu. Như nữ đại biểu người Mỹ nói: "Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng là Chủ tịch của chúng tôi".

Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ diễn ra ở Việt Nam mà chúng ta còn thấy ở nhiều nước khác trên thế giới như ở Đức, ở Ấn Độ... Tại cuộc Hội thảo quốc tế *Hồ Chí Minh - Việt Nam - Hoà bình thế giới* được tổ chức tại Ấn Độ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng có bài phát biểu quan trọng, trong đó nhấn mạnh vị trí tư tưởng Hồ Chí Minh: "Thế giới còn đổi thay nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ sống mãi" (Bài tham luận sẽ được in lại trong tập sách này).

Trên đây, chúng tôi chỉ lược thuật rất khái quát nội dung các cuộc Hội thảo quốc tế quan trọng về Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất. Có thể xem các cuộc Hội thảo quốc tế này là một cái mốc lịch sử khác cao hơn trong việc nghiên cứu nhiều mặt về Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Từ cái mốc lịch sử này, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ được tôn vinh Danh nhân văn hoá thế giới mà còn được cả thế giới hướng về Người, nghiên cứu, khai thác những giá trị tư tưởng và văn hoá còn tiềm ẩn trong cuộc đời và sự nghiệp của Người.

Đối với nước ta, cũng từ đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ được nêu gương để học tập mà tư tưởng Hồ Chí Minh còn được xem là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động bên cạnh chủ nghĩa Mác - Lênin, mở đầu thời kỳ thứ ba.

3. Thời kỳ thứ ba từ 1991 đến 2000:

Thời kỳ này được đánh dấu bằng sự kiện Đại hội lần thứ VII của Đảng với việc lần đầu tiên Đảng ta nêu cao tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Tại Đại hội này, lần đầu tiên vấn đề đánh giá và nêu cao tư tưởng Hồ Chí Minh đã được đặt ra thảo luận rộng rãi, công khai, dân chủ, đặt vấn đề xem xét và khẳng định về nền tảng tư tưởng của Đảng chỉ nên nói đó là chủ nghĩa Mác - Lênin hay nên nói đó là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh?

"Trong quá trình thảo luận hầu hết đại biểu tán thành nói tư tưởng Hồ Chí Minh chứ không chỉ nói những giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh và đã thống nhất hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam. Đi vào biểu quyết, có một số ít đại biểu muốn ghi vào Điều lệ công thức: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh". Trong khi đó có 89,7% số đại biểu tán thành ghi: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động"[1].

Nói rõ quan điểm của Đảng, trong Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương khoá VI về các văn kiện Đại hội VII do đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh trình bày, đã khẳng định: "Cái mới trong các văn kiện Đại hội lần này là cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng nêu cao tư tưởng Hồ Chí Minh. Điều đó là tự nhiên, bởi tư tưởng Hồ Chí Minh chính là kết quả sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của nước ta, và trong thực tế tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành một tài sản tinh thần quý báu của Đảng và của cả dân tộc"[2].

Cần phải nhắc lại điều này vì cho đến nay vẫn có người chưa quán triệt thật đầy đủ quan điểm chính thống của Đảng ta khi nói đến tư tưởng Hồ Chí Minh. Đảng ta không chỉ nói những giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh theo nghĩa thông thường mà đặt tư tưởng Hồ Chí Minh ở một vị trí cao, đúng hơn phải gọi là hệ tư tưởng (idéologie), tương tự như một học thuyết bên cạnh chủ nghĩa Mác - Lênin, xem tư tưởng Hồ Chí Minh cùng chủ nghĩa Mác - Lênin đều là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động.

Khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh bên cạnh chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động không hề làm giảm ý nghĩa lịch sử và giá trị vĩ đại của chủ nghĩa Mác - Lênin. Trái lại, điều đó chỉ làm tăng thêm ý nghĩa lịch sử và giá trị lý luận cũng như giá trị thực tiễn của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Nếu không có những người vận dụng một cách thiên tài và sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, "bổ sung "cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 159.
2. Xem *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, sđd, tr. 127.

thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được" như chính Hồ Chí Minh đã nói trong *Báo cáo về Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ*[1] thì làm sao chủ nghĩa Mác - Lênin có thể trở thành vũ khí sắc bén ở một đất nước nông nghiệp lạc hậu chưa hề kinh qua chủ nghĩa tư bản như nước ta. Chính Hồ Chí Minh chứ không phải ai khác đã tạo cho chủ nghĩa Mác - Lênin chỗ đứng thật sự vững chắc chẳng những ở nước ta mà cả ở các dân tộc thuộc địa trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bằng lý tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Hơn nữa, việc khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh như một hệ thống lý luận làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động bên cạnh chủ nghĩa Mác - Lênin còn tạo cho Hồ Chí Minh nói riêng và dân tộc ta nói chung một vị thế xứng đáng trên thế giới đúng với tầm vóc của một danh nhân văn hoá lớn mà cả thế giới đã công nhận.

Từ khi tư tưởng Hồ Chí Minh được Đảng ta khẳng định trong Nghị quyết Đại hội VII, việc nghiên cứu một cách có hệ thống tư tưởng của Người đã được đặt ra một cách rộng rãi và có kế hoạch đầu tư thích đáng của Đảng và Nhà nước ta. Lần đầu tiên ở nước ta có một chương trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước về Chủ tịch Hồ Chí Minh (KX.02) do Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh chủ trì với hệ thống gồm 13 đề tài như sau:

- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam* (KX.02.01) do Đại tướng Võ Nguyên Giáp làm Chủ nhiệm đề tài, Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ quan chủ trì.

- *Phương pháp luận nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh* (KX.02.02) do GS. Trần Thành làm Chủ nhiệm đề tài, Viện Hồ Chí Minh thuộc Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ quan chủ trì.

- *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh* (KX.02.03) do GS. Đặng Xuân Kỳ làm Chủ nhiệm đề tài, Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác -Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ quan chủ trì.

- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam* (KX.02.04) do TS. Vũ Phạm Quyết Thắng và TS. Vũ Viết Mỹ làm Chủ nhiệm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, T. 1, xuất bản lần thứ hai, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.464.

đề tài, Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ quan chủ trì.

- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và chính sách xã hội đối với con người* (KX.02.05) do PGS.TS. Lê Sĩ Thắng làm Chủ nhiệm đề tài, Viện Triết học thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia là cơ quan chủ trì.

- *Hồ Chí Minh với vấn đề xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền* (KX.02.06) do PGS. Trần Đình Huỳnh làm Chủ nhiệm đề tài, Viện Hồ Chí Minh thuộc Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác -Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ quan chủ trì.

- *Hồ Chí Minh với chiến lược đại đoàn kết* (KX.02.07) do GS.TS. Phùng Hữu Phú làm Chủ nhiệm đề tài, trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn thuộc Đại học quốc gia Hà Nội là cơ quan chủ trì.

- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức* (KX.02.08) do PGS.TS. Nguyễn Văn Truy (tức Thành Duy) làm Chủ nhiệm đề tài, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia là cơ quan chủ trì.

- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về thế giới* (KX.02.09) do GS. Phan Ngọc Liên làm Chủ nhiệm đề tài, trường Đại học Sư phạm Hà Nội là cơ quan chủ trì.

- *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử* (KX.02.10) do GS. Đặng Xuân Kỳ làm Chủ nhiệm đề tài, Viện Hồ Chí Minh thuộc Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ quan chủ trì.

- *Hồ Chí Minh - Tiểu sử khoa học* (tập 1 và 2) (KX.02.11) do GS. Trần Thành làm Chủ nhiệm đề tài, Viện Hồ Chí Minh thuộc Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ quan chủ trì.

- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc* (KX.02.12) do GS.TS. Trịnh Nhu làm Chủ nhiệm đề tài, Viện Lịch sử Đảng thuộc Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ quan chủ trì.

- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước kiểu mới - nhà nước của dân, do dân và vì dân* (KX.02.13) do TS. Nguyễn Đình Lộc làm Chủ nhiệm đề tài, Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý thuộc Bộ Tư pháp là cơ quan chủ trì.

Nhìn qua hệ thống đề tài thuộc chương trình khoa học cấp Nhà nước nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh nêu trên, chúng ta có thể thấy việc nghiên cứu về Hồ Chí Minh đã đạt đến trình độ như thế nào. Nhờ sự quan tâm của Đảng và Nhà nước và sự đầu tư thích đáng của giới nghiên cứu khoa học, di sản tư tưởng Hồ Chí Minh đã được khai thác một cách sâu sắc và phong phú trên nhiều bình diện. Kết quả đạt được trong quá trình nghiên cứu về Người cũng thật khả quan.

Chỉ trong một thời gian ngắn từ 1991 đến 1995, hệ thống sản phẩm của chương trình nghiên cứu về Hồ Chí Minh đã có hàng trăm công trình, trong đó có nhiều công trình khoa học có giá trị đánh dấu một giai đoạn phát triển mới trong việc nghiên cứu về Hồ Chí Minh. Tổng kết kết quả nghiên cứu của cả chương trình khoa học về tư tưởng Hồ Chí Minh, Ban Chủ nhiệm chương trình đã nêu lên các vấn đề sau đây:

1/ Khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

a/ Về khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh, nhiều ý kiến cho rằng tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là một tập hợp đơn giản những ý tưởng, những suy nghĩ cụ thể của Người trong những hoàn cảnh cụ thể mà là một hệ thống những quan điểm, quan niệm được xây dựng trên một nền tảng triết học nhất quán. Nói cách khác, về thực chất tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ tư tưởng (idéologie).

Tuy nhiên, nhiều ý kiến cũng cho rằng không nhất thiết phải gọi hệ tư tưởng Hồ Chí Minh là "học thuyết" hay "chủ nghĩa Hồ Chí Minh", mặc dù có khi, có lúc người ta vẫn nói đến học thuyết xây dựng Đảng, học thuyết quân sự Hồ Chí Minh hoặc nói đến chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh.

Trong số nhiều định nghĩa về tư tưởng Hồ Chí Minh do nhiều cuộc hội thảo nêu lên, Ban chủ nhiệm chương trình khoa học cấp Nhà nước nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu những hạt nhân hợp lý của mỗi định nghĩa đó và bước đầu nêu lên một định nghĩa chung về khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh như sau:

Tư tưởng Hồ Chí Minh là lý luận về con đường cách mạng Việt Nam từ độc lập dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội, được soi sáng bởi chủ nghĩa Mác - Lênin, nhằm đi tới giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng

con người. Dĩ nhiên, đây chỉ là một cách định nghĩa. Còn có nhiều cách định nghĩa khác về tư tưởng Hồ Chí Minh không phải không nêu được những nội dung hợp lý trong việc xác định ngữ nghĩa của một khái niệm đã trở thành một chuyên ngành khoa học độc lập.

b/ Về cơ sở lịch sử - xã hội, tư tưởng - văn hoá góp phần hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, nhiều ý kiến cho rằng tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của lịch sử - cụ thể, được hình thành dưới tác động và ảnh hưởng của những điều kiện lịch sử xã hội nhất định và cụ thể của dân tộc và thời đại mà Người đã sống và hoạt động. Đó là hoàn cảnh xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX với cuộc xâm lược của thực dân Pháp và cuộc đấu tranh chống xâm lược của nhân dân ta. Thất bại liên tiếp của các phong trào cứu nước đầu thế kỷ đã khiến Nguyễn Tất Thành thấy cần phải đi tìm một con đường mới và Người đã ra đi tìm đường cứu nước theo cách suy nghĩ độc lập và cách đi rất độc đáo, rất sáng tạo của Người.

Mặt khác, cũng cần thấy truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc, quê hương và gia đình đã có ảnh hưởng sâu sắc đến sự hình thành nhân cách và chí hướng cách mạng của Nguyễn Tất Thành.

Tuy nhiên, người thanh niên yêu nước đầy nhiệt huyết đó không thể hoàn thành được sự nghiệp cách mạng vẻ vang của mình nếu không bắt gặp điều kiện khách quan của thời đại. Nhờ gặp Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin, ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga và việc ra đời Quốc tế III, Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm thấy con đường cứu nước theo hướng cách mạng vô sản.

Cuối cùng, phải kể đến những nhân tố chủ quan thuộc phẩm chất cá nhân của Nguyễn Ái Quốc, đó là tư duy độc lập tự chủ, tinh thần sáng tạo và tâm hồn của một chiến sĩ nhiệt thành cách mạng, một trái tim yêu nước, thương dân. Mặt khác cũng phải kể đến vốn kiến thức sâu rộng của Người với sự am hiểu sâu sắc văn hoá cổ kim, Đông Tây.

Trong những yếu tố tạo nên sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, bộ phận chủ yếu nhất quyết định sự hình thành và phát triển tư tưởng của Người, chính là chủ nghĩa Mác - Lênin. Nhờ tiếp thu đúng đắn và tinh thần vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã có sự chuyển biến về chất tư tưởng cách mạng của mình, theo hướng kết hợp

giữa chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, giữa sự nghiệp đấu tranh cho độc lập dân tộc với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Nhờ sự chuyển biến đó, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của cách mạng Việt Nam bên cạnh chủ nghĩa Mác - Lênin.

c/ Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh gắn liền với quá trình giác ngộ và hoạt động cách mạng của Người. Nhiều ý kiến cho rằng có thể chia quá trình đó thành 4 giai đoạn như sau:

- Giai đoạn từ 1911 đến 1920, khi Hồ Chí Minh gặp *Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin.

- Giai đoạn từ 1921 đến 1930, được đánh dấu bằng tác phẩm *Đường kách mệnh* và *Chính cương, sách lược vắn tắt*... do Người khởi thảo khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930.

- Giai đoạn từ 1930 đến 1945 được đánh dấu bằng Hội nghị Trung ương lần thứ 8 và sự kiện thắng lợi Cách mạng Tháng Tám 1945.

- Cuối cùng là giai đoạn từ 1945 đến 1969 là giai đoạn phát triển và toả sáng tư tưởng của Hồ Chí Minh. Đây là thời kỳ tư tưởng Hồ Chí Minh được bổ sung, phát triển và hoàn thiện trong quá trình thử nghiệm và thử thách của cách mạng Việt Nam.

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh có lịch sử hình thành, phát triển và trải qua thời kỳ thử thách để hoàn thiện. Trong quá trình 70 năm kiểm nghiệm và thử thách, tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng tỏ rõ sức sống, tính khoa học đúng đắn, tính cách mạng sáng tạo của nó, đã trở thành ngọn cờ đoàn kết, đấu tranh và thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

2/ Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh

Đây là vấn đề mới được đặt ra lần đầu tiên khi hình thành chương trình khoa học cấp Nhà nước nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh. Vấn đề nêu trên gồm hai nội dung cũng đồng thời là hai đối tượng nghiên cứu: Phương pháp luận của Hồ Chí Minh và phương pháp nghiên cứu về Hồ Chí Minh.

a/ Về phương pháp luận hay còn gọi là phương pháp luận cách mạng của Hồ Chí Minh, tuy đã được nói đến từ lâu và ai cũng thấy rõ ở Hồ Chí

Minh chẳng những có tư tưởng riêng mà cũng có phương pháp cách mạng riêng, nhưng phải đến khi có chương trình nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh, vấn đề này mới được đặt ra như một đối tượng nghiên cứu độc lập.

Hai vấn đề: hệ tư tưởng Hồ Chí Minh và phương pháp luận của Hồ Chí Minh tuy có quan hệ chặt chẽ với nhau nhưng vẫn là hai vấn đề có đặc điểm riêng, cần được nghiên cứu và quán triệt. Ở chương trình khoa học cấp Nhà nước nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh tuy có đặt ra vấn đề phương pháp luận của Hồ Chí Minh, nhưng cuối cùng vẫn chưa hình thành một đề tài nghiên cứu riêng mà chỉ kết hợp khi nghiên cứu về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu về Hồ Chí Minh.

b/Về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu về Hồ Chí Minh, đề tài tập trung tìm hiểu các nguyên tắc phương pháp luận đặc thù của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh. Cụ thể hơn, đề tài đã đi sâu nghiên cứu phương pháp liên ngành và các phương pháp chuyên ngành trong việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh. Đề tài cũng chú ý đến việc vận dụng những phương pháp và thủ pháp mang tính kỹ thuật vào việc nghiên cứu Chủ tịch Hồ Chí Minh.

3/ Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử và Hồ Chí Minh - Tiểu sử là những công trình lịch sử cung cấp cơ sở tư liệu, sự kiện chính xác để nghiên cứu Hồ Chí Minh trên một nền tảng khoa học.

Đây cũng là một việc mới được đặt ra trong chương trình cấp Nhà nước nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh lần này.

Chủ tịch Hồ Chí Minh có 30 năm hoạt động ở nước ngoài (1911-1941); Người đã sống, làm việc và đặt chân lên khoảng 26 nước, với điều kiện phải hoạt động bí mật, nhiều lần phải thay tên đổi họ, có trên 160 bí danh và bút danh; Có những năm Người sống ở nước ngoài đến nay ta vẫn chưa có điều kiện khảo sát kỹ; Chẳng hạn, các năm 1912-1913 ở Mỹ; 1914-1917 ở Anh; 1928-1929 ở Thái Lan; 1934-1938 ở Nga...

Ngay từ sinh thời, Hồ Chí Minh đã đi vào huyền thoại; Vì vậy, trong hàng loạt mẩu chuyện, hồi ký... sự việc nào là thực, sự việc nào là hư cấu mang tính huyền ảo của hồi ức, huyền thoại... cho đến nay vẫn chưa được xác minh rõ.

Kho lưu trữ của Quốc tế Cộng sản, của các đảng anh em lưu giữ nhiều tài liệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiều tài liệu họ đã trao cho ta, nhưng

vẫn còn nhiều tài liệu họ vẫn còn giữ kín, nhiều sự kiện ta chưa có điều kiện biết đến hoặc chỉ nghe nói mà chưa có điều kiện xác minh...

Nếu không giải quyết về cơ bản vấn đề tư liệu lịch sử chính xác thì việc nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh không tránh khỏi những khó khăn. Vì vậy, việc tiến hành hai công trình *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử* và *Hồ Chí Minh - Tiểu sử* là vô cùng cần thiết.

Sau gần 10 năm làm việc liên tục, đến nay cả hai bộ sách đã hoàn thành; *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử* gồm 10 tập đã được xuất bản với gần 5000 trang in khổ 14x20 cm với 11.360 sự kiện, 716 chú thích và hơn 30 phụ bản. Đánh giá kết quả bộ sách *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử,* Hội đồng nghiệm thu cấp Nhà nước cũng như nhiều nhà khoa học cho rằng "bộ sách xứng đáng được coi là bộ bách khoa toàn thư về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh", là bộ sách đáng tin cậy của giới nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn nước ta trên những lĩnh vực có liên quan đến Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trên cơ sở tư liệu và sự kiện của bộ sách *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử,* bộ sách *Hồ Chí Minh - Tiểu sử* cũng đã được nghiên cứu, biên soạn và hoàn thành. Khác với bộ sách *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử* bộ *Hồ Chí Minh - Tiểu sử* chỉ trình bày cuộc đời của Hồ Chí Minh qua các giai đoạn tiểu sử, không sa vào chi tiết, sự kiện mà đi sâu phân tích những sự kiện quan trọng nhất, soi sáng nó dưới tác động của những điều kiện lịch sử cụ thể, bình luận, đánh giá ý nghĩa, tác động của những cống hiến sáng tạo của lãnh tụ đối với tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc và thời đại. *Hồ Chí Minh - Tiểu sử* gồm 13 chương tương ứng với 13 giai đoạn của tiểu sử Hồ Chí Minh, nhằm phản ảnh tiểu sử đầy đủ về Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Sau những phần nói trên, chương trình khoa học cấp Nhà nước nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tập trung vào những nội dung cơ bản sau đây:

- Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh.
- Tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh.
- Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh.
- Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh.
- Tư tưởng văn hoá - đạo đức Hồ Chí Minh.

Trong hệ thống những tư tưởng trên, chương trình đã tập trung nghiên cứu các đề tài sau đây: 1) Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc. 2) Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. 3)Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng và xây dựng Đảng. 4)Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc. 5)Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân và vì dân. 6)Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và chính sách xã hội đối với con người. 7)Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức. 8)Tư tưởng Hồ Chí Minh về thế giới. 9)Phương pháp cách mạng và phong cách Hồ Chí Minh.

Để nói rõ hơn những vấn đề đặt ra trong các đề tài nêu trên, chúng tôi sẽ đi sâu trình bày ở các phần sau.

Điều đáng chú ý là, lần đầu tiên tư tưởng Hồ Chí Minh được đặt ra nghiên cứu một cách nghiêm túc, toàn diện và có hệ thống của một tập thể tác giả và hàng trăm cộng tác viên, có sự đầu tư thích đáng của Nhà nước và sự chỉ đạo sát sao của Đảng. Những kết quả nghiên cứu đạt được từ các đề tài cũng rất lớn. Gần 100 công trình, trong đó có những công trình có giá trị được bạn đọc chú ý, đã được công bố. Nhiều luận điểm mới trong việc nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dần dần được làm sáng rõ như chung quanh những quan điểm về khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh, việc xác lập hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như những gợi ý về việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào sự nghiệp đổi mới, việc giáo dục, đào tạo thế hệ cách mạng mới của đất nước...

Mặt khác, tuy không thuộc chương trình nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh nhưng việc cho tái bản có bổ sung bộ sách mới *Hồ Chí Minh toàn tập* gồm 12 tập cũng là một sự kiện đáng chú ý trong giai đoạn này. Ở bộ sách *Hồ Chí Minh toàn tập* này có thể còn những chỗ chưa được hoàn chỉnh nhưng nhìn chung là một bộ sách quý, phản ảnh được tương đối đầy đủ những tư liệu quan trọng về Hồ Chí Minh. Đặc biệt, ở cả bộ sách có bài tổng luận giới thiệu bộ sách Hồ Chí Minh toàn tập và mỗi tập lại có bài giới thiệu riêng được viết khá công phu, giúp người đọc hiểu rõ quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh trong mỗi thời kỳ cách mạng.

Với những thành tựu đã đạt được, có thể nói, lần đầu tiên hình thành một chuyên ngành khoa học mới, chuyên ngành nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Kết quả của chương trình nghiên cứu về Hồ Chí Minh cũng là một cơ sở quan trọng để hoàn thành việc biên soạn bộ sách giáo trình quốc gia về tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm đưa việc giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh vào nhà trường bên cạnh việc giảng dạy các khoa học lịch sử và triết học thuộc chủ nghĩa Mác - Lênin.

Cũng từ đó, ngoài những kết quả đạt được của chương trình nghiên cứu về Hồ Chí Minh, chúng ta thấy xuất hiện hàng trăm luận văn, bài nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh được công bố liên tục trên các báo, đài, tạp chí... góp phần tìm hiểu và vận dụng ngày càng sâu rộng hơn tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tế cuộc sống sinh động của đất nước trong một bối cảnh mới.

Từ nay, có thể nói, tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ được nghiên cứu như nghiên cứu một di sản tinh thần quý báu thuộc quá khứ, mà thực tế bằng những công trình, những bài báo, những luận văn...tư tưởng Hồ Chí Minh đã tham gia vào việc giải quyết những vấn đề bức súc đang đặt ra trong thực tiễn của sự nghiệp đổi mới đất nước, góp phần phục vụ kịp thời công tác tư tưởng - lý luận của Đảng ta, góp phần vào cuộc đấu tranh chống lại những thói hư, tật xấu, tệ nạn quan liêu, tham nhũng đang có nguy cơ tràn lan và phát triển.

Cũng từ đó, tư tưởng Hồ Chí Minh còn góp phần vào việc củng cố lòng tin cho quảng đại quần chúng nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng ta, vào con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cũng như tiền đồ tươi sáng của cả dân tộc ta khi bước vào thế kỷ XXI.

Tuy nhiên, cũng cần phải thừa nhận rằng kết quả đạt được của một chương trình khoa học nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh, dù đó là chương trình khoa học cấp Nhà nước, cũng chỉ là bước đầu. Trong quá trình nghiên cứu, nhiều vấn đề lý luận được giải quyết, nhưng cũng còn rất nhiều vấn đề lý luận chỉ mới được gợi mở, còn cần được nghiên cứu tiếp mới giải đáp được những băn khoăn, thắc mắc của nhiều bạn đọc trong nước và quốc tế. Điều đó cũng là lẽ tự nhiên, phản ánh sự phong phú, tính đa dạng và chiều sâu trí tuệ của tư tưởng Hồ Chí Minh - xứng đáng đặt vấn đề nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh thành một bộ môn khoa học độc lập.

Cũng chính vì điều đó, tư tưởng Hồ Chí Minh cần được tiếp tục nghiên cứu lâu dài, không chỉ cho một vài thế hệ mà có thể nói mãi mãi theo tiến

trình phát triển của đất nước và nhân loại. Tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ sống mãi cùng dân tộc và nhân dân ta như một di sản văn hoá quý báu của thời đại - *thời đại Hồ Chí Minh,* sẽ cùng nhân loại tiến bộ góp phần tạo nên nền văn minh mới cho kỷ nguyên phát triển trong thế kỷ XXI, kỷ nguyên của những người lao động thực sự trở thành người chủ của trái đất, kỷ nguyên của hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội, kỷ nguyên của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản sẽ được thiết lập trên phạm vi thế giới.

Tiếp theo chương trình khoa học cấp Nhà nước nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc kế hoạch 1991 - 1995, Nhà nước ta đầu tư tiếp cho việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh theo một phương pháp mới, không đặt thành một chương trình khoa học riêng mà đặt việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh trong các chương trình nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.

Cụ thể là, trong chương trình KHXH.01 nghiên cứu Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội do GS.VS. Nguyễn Duy Quý, Giám đốc Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia làm Chủ nhiệm chương trình. Có một đề tài khác nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh, đó là: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam, đặc biệt về chủ nghĩa xã hội và quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* (KHXH.01.03) do GS. Trần Thành, Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh làm Chủ nhiệm đề tài.

Trong chương trình KHXH.04 về Phát triển văn hoá, xây dựng con người trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước do GS.TS. Phạm Minh Hạc, Phó trưởng ban Ban Khoa giáo Trung ương làm Chủ nhiệm chương trình, có một đề tài nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển văn hoá, xây dựng con người* (KHXH.04.01) do GS. Đặng Xuân Kỳ làm Chủ nhiệm đề tài.

Trong chương trình KHXH.05 về Tăng cường vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện nền kinh tế nhiều thành phần và cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa do PGS. TS. Tô Huy Rứa, Phó giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh làm Chủ nhiệm chương trình. Có một đề tài nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, đó là: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo của Đảng trong điều kiện đảng cầm quyền* (KHXH.05.01) do PGS. Lê Văn Lý, Trưởng khoa Xây

dựng Đảng thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh làm Chủ nhiệm đề tài.

Đó là chưa kể những đề tài thuộc các chương trình khác đều có những phần, những tiết nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc lĩnh vực mà mình nghiên cứu.

Tóm lại, nhìn lại giai đoạn từ 1991 đến năm 2000, chúng ta thấy tư tưởng Hồ Chí Minh đã được đặt ở tầm cao mới và việc nghiên cứu cũng ngày càng đi vào chiều sâu nhằm phát hiện những giá trị tiềm ẩn của một di sản tư tưởng và văn hoá của nhân loại trong thời đại cách mạng vô sản. Lần đầu tiên, tư tưởng Hồ Chí Minh được xem là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động bên cạnh chủ nghĩa Mác - Lênin; lần đầu tiên tư tưởng Hồ Chí Minh được Đảng và Nhà nước đầu tư nghiên cứu một cách thích đáng; lần đầu tiên tư tưởng Hồ Chí Minh được đưa vào hệ thống các trường trung học và đại học như một bộ môn khoa học chính thức của chương trình giảng dạy bên cạnh môn học về chủ nghĩa Mác - Lênin; lần đầu tiên việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh được xem là một chuyên ngành khoa học...được chọn làm đề tài luận án tiến sĩ, thạc sĩ của rất nhiều nghiên cứu sinh khoa học xã hội và nhân văn ở trong và ngoài nước.

4. Thời kỳ thứ tư từ 2001 đến nay

Năm 2001 mở đầu một thiên niên kỷ mới, khởi đầu của thế kỷ XXI, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như học thuyết chủ nghĩa Mác – Lênin nói chung đứng trước những thách thức mới trong bối cảnh thế giới có những diễn biến vô cùng phức tạp. Những âm mưu "diễn biến hoà bình" muốn phủ nhận học thuyết Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng lộ rõ ở ta và trên thế giới. Đứng trước nhu cầu học tập và vận dụng tinh thần cách mạng và khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc giải quyết những nhiệm vụ đặt ra trong cuộc sống, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị số 23-CT/TW ngày 27-3-2003 về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới. Có thể xem sự kiện Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị này là một cái mốc mới thể hiện sự nhạy cảm và tầm nhìn xa của Đảng ta trong việc nghiên cứu, tuyên truyền và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh sau những năm mở đầu thế kỷ XXI. Chỉ thị này của Ban Bí thư là một bước tiếp tục quán

triệt thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đối với tư tưởng Hồ Chí Minh. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng một lần nữa khẳng định: "Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhân loại". Với Chỉ thị của Ban Bí thư, tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ được tiếp tục nghiên cứu mà còn được tuyên truyền, phổ biến và vận dụng một cách rộng rãi trong toàn dân ta, nhằm tạo thành sự chuyển biến mạnh mẽ, sâu sắc và tự giác của mỗi người, của các cấp, các ngành, các địa phương trong việc vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm giải quyết những nhiệm vụ cách mạng cụ thể.

Hưởng ứng và quán triệt Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng, một phong trào sâu rộng nhằm tìm hiểu, tuyên truyền và phổ biến tư tưởng Hồ Chí Minh đã được phát động rộng khắp trong cả nước. Có thể nói, chưa bao giờ tư tưởng Hồ Chí Minh lại được tuyên truyền, phổ biến sâu rộng bằng nhiều hình thức sinh động, linh hoạt như những năm gần đây. Nhiều lớp nghiên cứu được tổ chức. Một đội quân những báo cáo viên về tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành, trong số đó có nhiều báo cáo viên giỏi. Nhiều cuộc thi nhằm tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh được tổ chức ở khắp các địa phương. Nhờ những hình thức tuyên truyền sâu rộng, dễ hiểu đó, tư tưởng Hồ Chí Minh đã dần dần đến với đông đảo công chúng, biến tư tưởng, đạo đức, tác phong của Người thành hành động cụ thể, thiết thực trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Bên cạnh việc nghiên cứu, tuyên truyền rộng rãi mang tính phổ cập tư tưởng Hồ Chí Minh, việc nghiên cứu tư tưởng của Người vẫn được tiếp tục trong các chương trình khoa học cấp Nhà nước hoặc cấp Bộ, trong đó đáng chú ý là chương trình nghiên cứu về Đảng Cộng sản Việt Nam mà thực chất là nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; chương trình nghiên cứu về con người mà thực chất là nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá và xây dựng con người... Một tập sách mang tính giáo khoa về tư tưởng Hồ Chí Minh cũng đã kịp thời đến tay bạn đọc, kịp thời giúp ích cho việc nghiên cứu, tuyên truyền và phổ biến rộng rãi tư tưởng Hồ Chí Minh trong các đợt sinh hoạt nghiên cứu, học tập, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh mới.

Nhằm tổng kết công tác nghiên cứu, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ đổi mới, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã chủ trì một đề tài khoa học cấp Bộ nhan đề *Nghiên cứu, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ đổi mới* do TS. Nguyễn Văn Sáu làm Chủ nhiệm đề tài với sự tham gia của một tập thể hơn 70 tác giả. Kết quả nghiên cứu của đề tài được biên soạn thành cuốn sách cùng tên với đề tài, do TS. Nguyễn Văn Sáu chủ biên, Nhà xuất bản Lý luận chính trị xuất bản năm 2005. Đây là một công trình tổng kết công phu công tác nghiên cứu, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh một cách có hệ thống và toàn diện nhằm khẳng định những thành tựu đã đạt được, đồng thời nêu lên những kiến nghị giải pháp đẩy mạnh công tác nghiên cứu, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời gian tới.

Đặc biệt hơn phải nói đến những hoạt động sôi nổi dưới nhiều hình thức rất phong phú từ khi có chủ trương về cuộc vận động "học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" do Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam phát động. Đây là một cuộc vận động lớn kéo dài suốt cả nhiệm kỳ 5 năm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X.

Đọc diễn văn tại Lễ kỷ niệm 77 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Tổng bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh đã chính thức phát động cuộc vận động. Cuộc vận động "học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" là đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn trong Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội, được tiến hành trong thời gian dài, bắt đầu từ ngày 3 tháng 2 năm 2007, kéo dài trong năm năm, và tổng kết vào ngày 3 tháng 2 năm 2011, có sơ kết hàng năm vào ngày 19 tháng 5 nhân kỷ niệm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Do đó, ở đây chúng tôi chưa thể có một tổng kết về cuộc vận động. Song, chúng ta có thể tin tưởng rằng cuộc vận động này chắc chắn sẽ được hưởng ứng ngày càng rộng rãi trong các tầng lớp quần chúng nhân dân để có những kết quả thực tế trong việc tu dưỡng rèn luyện đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống bao gồm nhiều lĩnh vực, nhiều quan điểm. Bản thân hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh đã chứa đựng những giá trị phong phú về thế giới và nhân sinh, về quan điểm đạo đức, tác phong, về chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội, về con người và cuộc sống. Nhưng, với những diễn biến mới của tình hình thế giới và

trong nước, tư tưởng Hồ Chí Minh càng đặt ra những vấn đề mới chẳng những trong việc vận dụng vào thực tiễn cuộc sống mà cả trong việc nhận thức lại những quan niệm sao cho phù hợp với yêu cầu phát triển trong bối cảnh xã hội mới hiện nay. Đó cũng chính là một quan niệm của tư duy biện chứng mà Hồ Chí Minh đã từng nói đến nguyên tắc "dĩ bất biến, ứng vạn biến" cũng đồng thời là phép biện chứng của triết học mác-xít.

Song có điều chắc chắn là, thế giới càng đổi thay, tư tưởng Hồ Chí Minh chẳng những vẫn sống mãi, mà ngày càng toả sáng cho các thế hệ người Việt Nam sống và chiến đấu theo gương của Người, đồng thời giúp bè bạn khắp năm châu tìm thấy nguồn động lực tinh thần vô cùng quý báu ở Người như một Danh nhân văn hoá tiêu biểu của nhân loại trong thời đại đầy sóng gió của thế kỷ XXI này./.

PHẦN THỨ HAI

HỘI THẢO QUỐC TẾ

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, NHÀ VĂN HOÁ LỚN

*(Trích tham luận của các đại biểu)**

---

* Để tôn trọng tính lịch sử, trong phần này, chúng tôi giữ nguyên văn bản đã được in trong cuốn *"Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn"*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, mặc dù đến nay đã có một số thay đổi trong cương vị công tác và địa điểm hoạt động của một số tác giả, cũng như của một số địa danh, sự kiện...

LỜI CHÀO MỪNG CỦA TỔNG BÍ THƯ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM NGUYỄN VĂN LINH

Thưa ngài M.At-mét, Giám đốc khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, đại diện đặc biệt của Tổng Giám đốc UNESCO!

Thưa các vị khách quý!

Thưa các bạn và các đồng chí!

Theo Nghị quyết của UNESCO, năm nay, thế giới kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hoá lớn.

Thay mặt Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước và nhân dân Việt Nam, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đối với Tổ chức UNESCO và nhiệt liệt chào mừng các vị, các bạn khách quý từ nhiều nước trên thế giới đã đến đây dự Hội thảo khoa học về Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Sự có mặt của đông đảo các vị, các bạn nói lên lòng quý trọng đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng thời biểu lộ tình cảm tốt đẹp đối với nhân dân Việt Nam chúng tôi. Tôi xin chuyển đến các vị, các bạn lời cảm ơn chân thành của nhân dân Việt Nam và xin chúc các vị, các bạn những ngày dễ chịu và bổ ích trên đất nước chúng tôi.

Thưa các vị khách quý!

Thưa các bạn và các đồng chí!

Chủ tịch Hồ Chí Minh là vị anh hùng lớn nhất trong lịch sử đấu tranh giành độc lập và tự do của dân tộc Việt Nam, là hiện thân tinh hoa của văn hoá dân tộc và nhân loại.

Người xuất hiện khi nước Việt Nam đang trải qua những năm tháng đen tối nhất. Nhân dân sống đói khổ dưới ách thống trị của chủ nghĩa

thực dân và phong kiến. Bao cuộc chiến đấu anh dũng đã lần lượt bị thất bại. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đầu tiên đem lại cho nhân dân Việt Nam đường lối cách mạng đúng đắn.

Sau nhiều năm bôn ba khắp thế giới để tìm con đường giải phóng dân tộc, giải phóng đồng bào, từ chủ nghĩa yêu nước, Người đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và tiếp nhận nó như một thế giới quan cách mạng và khoa học. Người đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, đề ra đường lối cách mạng đúng đắn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc và tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người đã tạo ra bước ngoặt lớn nhất trong lịch sử cách mạng Việt Nam, đưa nhân dân tiến vào kỷ nguyên Độc lập, Tự do và Chủ nghĩa xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà yêu nước vĩ đại. Chủ nghĩa yêu nước ở Người xuất phát từ lòng yêu thương vô hạn đối với nhân dân bị áp bức. Nó không dừng lại trong phạm vi dân tộc mà mở rộng đối với nhân dân lao động toàn thế giới. Người đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc; đồng thời góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Chính vì thế, không chỉ nhân dân Việt Nam yêu quý Người, mà nhân dân thế giới cũng đáp lại tình cảm của Người và coi Người như người bạn thân thiết.

Được sự giáo dục của Người, nhân dân Việt Nam sẽ mãi mãi gắn chủ nghĩa yêu nước nồng nàn với chủ nghĩa quốc tế chân chính và chủ nghĩa nhân văn cao cả. Nhân dân Việt Nam sẽ mãi mãi nuôi dưỡng những tình cảm đẹp đẽ ấy, mãi mãi gắn sự nghiệp của dân tộc với trào lưu tiến bộ của cả nhân loại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ có lòng yêu thương vô hạn đối với nhân dân. Điểm nổi bật của Người là sự tôn trọng nhân dân và niềm tin tuyệt đối vào sức mạnh vô hạn của nhân dân. Đối với Người, cách mạng không phải là sự ban ơn cho nhân dân, mà trước hết là sự nghiệp của nhân dân và do nhân dân. Người nhấn mạnh tinh thần dân chủ trong sinh hoạt chính trị. Người đã tiến hành không mệt mỏi công tác tuyên truyền và giáo dục, nhằm thức tỉnh toàn dân tộc trước sự nghiệp chung, phát huy cao nhất sức mạnh của trí tuệ, tài năng và nghị lực của hàng triệu con người.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn chăm lo xây dựng khối đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân và các dân tộc trên thế giới.

Theo Người, đoàn kết là một trong những nhân tố quan trọng nhất làm nên sức mạnh để vượt qua mọi khó khăn, chiến thắng mọi kẻ thù. Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam mãi mãi ghi nhớ lời dạy của Người: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công".

Cách mạng Tháng Tám thắng lợi, Nhà nước của nhân dân được xây dựng, Người luôn luôn nêu lên nhiệm vụ chống quan liêu, tham ô, lãng phí, những căn bệnh cố hữu của kiểu Nhà nước trước đây. Người cũng luôn luôn nhắc nhở các cán bộ của Đảng và Nhà nước phải thấy mình "là đầy tớ trung thành của nhân dân", chứ "không phải là những ông quan cách mạng".

Đây cũng là bài học có ý nghĩa rất lớn trong lúc chúng tôi đang thực hiện những phương châm "dân là gốc", phát huy quyền làm chủ và sức mạnh to lớn của nhân dân nhằm khắc phục mọi khó khăn, đưa đất nước đi lên.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu tấm gương sáng ngời trước nhân dân Việt Nam về đạo đức mới. Tin tưởng tuyệt đối vào lý tưởng cách mạng, vào tương lai tươi sáng của dân tộc và nhân loại, Người đã tỏ ra một nghị lực phi thường và sống với phương châm "giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục". Với tinh thần "cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư", Người sống một cuộc sống riêng thanh cao và giản dị.

Sự nghiệp, tư tưởng và đạo đức sáng ngời của Người sống mãi trong lòng kính yêu vô hạn của nhân dân Việt Nam.

Ngày nay, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, toàn Đảng, toàn dân chúng tôi đang tiếp tục phát triển sáng tạo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh để đổi mới toàn diện đất nước theo hướng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phù hợp với đặc điểm của dân tộc và yêu cầu của thời đại; tất cả vì nhân dân, tất cả do nhân dân.

Thưa các vị khách quý!

Thưa các bạn và các đồng chí!

Hôm nay, cùng với trên 60 nhà khoa học quốc tế thuộc mấy chục nước bạn ở khắp năm châu, có đông đảo các nhà khoa học và các nhà hoạt động

xã hội Việt Nam tới dự cuộc Hội thảo này. Tôi mong các nhà khoa học, các nhà hoạt động xã hội của chúng ta lắng nghe những ý kiến phát biểu của bè bạn quốc tế, để từ đó suy nghĩ và tìm hiểu thêm về sự nghiệp và di sản tư tưởng bất tử của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Hy vọng rằng từ cuộc Hội thảo này, các bạn rút ra những bài học quý báu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại, giúp chúng ta giải quyết những vấn đề đặt ra hôm nay, xây dựng thành công một xã hội mới, một cuộc sống mới và những con người mới, mà sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong muốn.

Với tinh thần ấy, tôi xin chúc cuộc Hội thảo của chúng ta đạt kết quả tốt đẹp.

Xin cảm ơn sự chú ý của các vị khách quý, các bạn và các đồng chí!

LỜI PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC VÕ CHÍ CÔNG TRONG BUỔI TIẾP KHÁCH QUỐC TẾ THAM GIA HỘI THẢO VỀ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Kính thưa các vị đại biểu,

Kính thưa các bạn,

Hôm nay, chúng tôi rất vui mừng được thay mặt Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam gửi đến các quý vị, các bạn những lời cảm ơn chân thành và những lời chúc mừng nồng nhiệt nhất.

Chúng tôi rất cảm động được gặp mặt ở đây các nhà hoạt động chính trị và xã hội xuất sắc, các nhà khoa học, các nhà văn, nhà báo lớn của các nước, đến chia sẻ cùng chúng tôi niềm vinh dự lớn mà Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO) đã dành cho Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam. Có những vị tuổi đã cao, cũng không ngại đường sá xa xôi đến với chúng tôi trong ngày hội lớn này.

Những tình cảm cao đẹp của các vị, các bạn, thể hiện qua những bản tham luận chứa chan nhiệt tình và thấm nhuần sâu sắc tinh thần khoa học. Mỗi tham luận đều đề cập đến các khía cạnh khác nhau trong sự nghiệp vĩ đại của Hồ Chí Minh. Nhìn chung, các bản tham luận đều thống nhất đánh giá Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà yêu nước vĩ đại, một chiến sĩ kiên cường suốt đời đấu tranh cho độc lập, tự do, hạnh phúc của nhân dân Việt Nam, một nhà văn hoá và một nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn.

Các bản tham luận đều làm nổi lên một điều: Chủ tịch Hồ Chí Minh là một trong "những vĩ nhân mà những sự kiện đã để lại những dấu ấn trong quá trình phát triển của nhân loại" như đã nêu rõ trong quyết định số 18-C/4351 của UNESCO về việc tổ chức kỷ niệm các danh nhân văn hoá.

Đối với nhân dân Việt Nam, sự nghiệp vĩ đại của Bác Hồ đang sống và sẽ sống mãi. Nhân dân Việt Nam mãi mãi đi theo ngọn cờ của Hồ Chủ tịch, đưa đất nước từ chỗ nghèo nàn, lạc hậu từng bước tiến lên một nước giàu mạnh, văn minh, kế thừa được nền văn hiến và truyền thống nhân đạo chủ nghĩa lâu đời của cha ông. Chính lúc này, trong khi tiến hành đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới toàn diện, chúng tôi càng thấy rõ thêm sức toả sáng lâu bền của kho tàng trí tuệ hết sức phong phú và sáng tạo của Người. Sự nghiệp của Người, những trước tác của Người, *Di chúc* của Người hướng dẫn và cổ vũ chúng tôi vượt qua khó khăn, tin tưởng ở nhân dân, giải phóng mọi tiềm năng lao động và sáng tạo của nhân dân, đem lại tự do, dân chủ, đời sống hạnh phúc cho nhân dân.

Cùng với việc tập trung mọi nỗ lực để phát triển sản xuất, nâng cao một bước đời sống vật chất của nhân dân, chúng tôi sẽ đầu tư nhiều sức lực hơn nữa vào việc hoàn thiện từng bước nền giáo dục, văn hoá, nghệ thuật, khoa học giúp nhân dân mở mang dân trí, nâng cao trình độ học vấn, văn hoá, theo kịp xu thế phát triển của thời đại.

Lý tưởng của Hồ Chí Minh đấu tranh cho một thế giới hoà bình, trong đó các dân tộc sống bình đẳng, hữu nghị và tôn trọng lẫn nhau, cũng đang được nhân dân chúng tôi kế thừa, góp phần mình vào bước tiến của nhân loại trong thập kỷ tới.

Thưa các vị, các bạn,

Văn hoá là sợi dây có khả năng nối liền nhân dân các nước và các dân tộc. Những tinh hoa văn hoá của một dân tộc đều là tài sản chung của nhân loại và ngược lại, những đỉnh cao của văn hoá loài người là những của báu không dành cho riêng ai. Sự hiểu biết lẫn nhau, sự học tập và tôn trọng nhau xưa nay đều thể hiện sâu sắc qua văn hoá, nơi tập trung những biểu hiện rực rỡ nhất của tâm huyết và sức sáng tạo của con người.

Chúng tôi tin rằng việc các vị, các bạn từ các nước, từ các phương trời xa xôi, đến đây dự Hội thảo nhân kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một danh nhân văn hoá, là một sự kiện có ý nghĩa lớn không những đối với chúng tôi mà còn cả với nhân dân các nước. Tấm lòng của các vị đối với Hồ Chí Minh thể hiện tinh thần trân trọng một

danh nhân văn hoá và cũng nói lên sự hiểu biết và sự đánh giá của các vị đối với nền văn hoá Việt Nam, đối với nhân dân và đất nước Việt Nam. Lao động khoa học và những tìm tòi của các vị về sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ động viên, cổ vũ chúng tôi rất nhiều trong công việc tiếp tục nghiên cứu và thực hiện những lời dạy của Người.

Một lần nữa, chúng tôi xin hết sức cảm ơn quý vị, các bạn và xin chúc các vị, các bạn thu được nhiều điều bổ ích trong chuyến đi thăm Việt Nam ngắn ngủi này.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, NHÀ VĂN HOÁ LỚN

(Bài phát biểu của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng)

Trước hết, xin cho phép tôi thay mặt Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, một lần nữa chân thành cảm ơn Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc đã ra Nghị quyết về Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh trong năm 1990.

Tôi nhiệt liệt hoan nghênh các vị khách nước ngoài, từ khắp năm châu đã tới Hà Nội, mang theo những tình cảm tốt đẹp và đóng góp trí tuệ của mình vào cuộc Hội thảo quốc tế về chủ đề "Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hoá lớn". Đó là một sự cổ vũ lớn đối với nhân dân Việt Nam.

Tôi nhiệt liệt hoan nghênh các nhà khoa học Việt Nam đã dành nhiều tâm lực nghiên cứu về con người, sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh để góp phần vào thành công của cuộc Hội thảo.

Xin cảm ơn sự có mặt của các vị khách trong đoàn ngoại giao, các nhà báo quốc tế và trong nước và tất cả các bạn.

*
* *

Thưa các vị đại biểu,

Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra trong thời buổi dân tộc Việt Nam đang sống lầm than tủi nhục dưới ách thống trị của đế quốc Pháp. Lớp lớp sĩ phu và đồng bào yêu nước đã đứng lên chiến đấu giành lại độc lập, tự do, nhưng đều thất bại. Sứ mệnh lịch sử đặt ra cho dân tộc, cho mỗi một

người dân yêu nước, cũng như cho các dân tộc bị áp bức trên thế giới lúc bấy giờ, là tìm ra phương sách cứu nước, cứu dân. Đó là thách thức lớn của thời đại.

Cậu bé Nguyễn Sinh Cung lớn lên trong một gia đình nhà Nho nghèo, nếp sống thanh bạch. Cụ Bảng, thân sinh, phủ nhận thuyết trung quân, cho rằng "ái quốc là ái dân". Từ thuở niên thiếu Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu truyền thống chống ngoại xâm hàng nghìn năm của dân tộc, nền văn hoá lâu đời của nước nhà và những tinh hoa văn hoá phương Đông. Người lại được hưởng nền giáo huấn yêu nước và gần dân của gia đình, nền văn hoá và truyền thống đấu tranh bất khuất của đất Lam Hồng. Vốn có tư chất thông minh, tư duy độc lập, Người đã ôm ấp chí lớn cứu nước cứu dân, lại không chịu đi theo lối cũ của các bậc tiền bối. Với nghị lực phi thường, Người đã quyết chí đi sang phương Tây để thấy tận mắt đất nước của những kẻ đã tới thôn tính dân tộc mình, mong tìm con đường giải phóng dân tộc.

Nguyễn Ái Quốc sang Pháp, nhưng không dừng lại ở Pháp, mà tiếp tục cuộc hành trình vạn dặm qua nhiều nước châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, châu Á, và đã tìm ra một sự thật rất mới đối với mình. Sự thật ấy là: Ở khắp các châu lục, ở các nước giàu mạnh cũng như các nước thuộc địa đói nghèo, đâu đâu cũng có những người cùng khổ bị áp bức bóc lột và những tập đoàn thống trị sống bằng bóc lột và áp bức.

Cũng trong những năm bôn ba ấy, Người đã mở rộng tri thức của mình. Người quan tâm nghiên cứu các tư tưởng triết học và chính trị, đặc biệt là tư tưởng cách mạng và văn hoá Pháp. Thông hiểu nhiều ngoại ngữ, Người đã tiếp thu được những giá trị tinh thần, tư tưởng nhân đạo của nhiều nền văn hoá cổ, kim, đông, tây. Đã đọc Tân thư của Trung Hoa và Nhật Bản. Nay lại nghiên cứu triết học và văn học thời kỳ Phục hưng và thế kỷ Ánh sáng. Nghiên cứu kinh tế học Ri-các-đô, A-đam Xmit, nghiên cứu tác phẩm của Các Mác... Đọc Vích-to Huy-gô, Sếch-xpia, Lỗ Tấn, Tôn-xtôi từ nguyên bản. Vừa học tập, vừa viết báo, viết kịch. Trước con mắt của bạn bè, Nguyễn Ái Quốc "là một con người kiệt xuất trên nhiều lĩnh vực, một con người uyên bác". Vào thời đó, có người nhận xét: từ con người Nguyễn Ái Quốc toả ra một thứ văn hoá mới, có thể là "văn hoá của tương lai".

Trải qua lao động, học tập, nghiên cứu và đặc biệt là qua thực tiễn đấu tranh cách mạng ở nhiều lục địa, đã dần dần hình thành ở Nguyễn

Ái Quốc một luận điểm: giải phóng dân tộc phải gắn liền với giải phóng giai cấp, giải phóng con người, giải phóng nhân loại.

Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, báo hiệu bình minh của thời đại mới. Năm 1920, Lênin ra lời kêu gọi "Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức liên hiệp lại!". Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Lênin. "Con đường cứu nước duy nhất đúng đắn là con đường cách mạng vô sản". Người đã tìm ra lý tưởng cho bản thân và cho dân tộc.

Với Đại hội Tua, một người dân thuộc địa trở thành một trong những người sáng lập ra Đảng Cộng sản Pháp ở ngay chính quốc. Với việc tổ chức ra Hội liên hiệp thuộc địa, một người dân mất nước không chỉ lo giải phóng Tổ quốc mình mà còn lo đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng các dân tộc anh em. Đó là điều hiếm thấy!

Chủ nghĩa yêu nước đã gắn liền với chủ nghĩa quốc tế chân chính.

Độc lập dân tộc đã gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Nguyễn Ái Quốc - Nhà yêu nước Việt Nam trở thành người Cộng sản Việt Nam đầu tiên và cũng là người đầu tiên truyền bá và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trên bán đảo Đông Dương.

Tìm ra con đường cứu nước là công lớn đầu tiên của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong sự nghiệp cách mạng của Người.

*
* *

Thưa các vị,

Kinh Thánh đã dạy: "Khởi thuỷ là lời nói".

Đại thi hào Gớt lại viết: "Khởi thuỷ là hành động".

Ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, lời nói đi đôi với hành động, lý luận đi đôi với thực tiễn, nói là để mà làm, không những phải tìm hiểu thế giới mà còn phải cải tạo thế giới.

Người là nhà chiến lược thiên tài đồng thời là nhà tổ chức vĩ đại.

Nguyễn Ái Quốc là người đầu tiên viết "Bản án chế độ thực dân", và cũng chính là người đã cùng với dân tộc mình thi hành bản án.

Đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh là con người của những quyết định lịch sử ở những bước ngoặt lịch sử.

Người sáng lập ra Đảng Cộng sản Đông Dương, tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam và các Đảng cách mạng khác trên bán đảo Đông Dương. Đảng Cộng sản Việt Nam đã trở thành đội tiên phong dẫn dắt giai cấp và dân tộc trên mọi chặng đường thắng lợi của cách mạng.

Người cùng với Trung ương Đảng quyết định tổng khởi nghĩa vũ trang, đưa Cách mạng Tháng Tám đến thành công, lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Người cùng với Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp đi đến chiến thắng Điện Biên Phủ, giải phóng hoàn toàn miền Bắc.

Người cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Cuộc kháng chiến chống Mỹ đã giành được thắng lợi cuối cùng với chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, mở đường cho cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Cái vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh là đã nhìn thấy ở nhân dân lực lượng quyết định thắng lợi của cách mạng. Người nói: Nước lấy dân làm gốc. Dân chúng (công, nông) là gốc cách mạng. Có lực lượng của dân, việc to tát mấy, khó khăn mấy cũng làm được, lý tưởng cách mạng đã đi vào lòng của đông đảo nhân dân thì biến thành sức mạnh vật chất, không máy bay, đại bác nào chống lại được.

Cái vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh là đã tìm ra những hình thức tốt nhất để tổ chức nhân dân. Người đã sáng lập ra Mặt trận dân tộc thống nhất để đoàn kết toàn dân; sáng lập ra lực lượng vũ trang nhân dân, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu; sáng lập ra chính quyền nhân dân, ngay từ những ngày đầu, trong khói lửa của cuộc kháng chiến, từ trung ương đến cơ sở, đều do nhân dân bầu ra, vì nhân dân phục vụ.

Với quan điểm dựa vào sức mạnh của toàn dân thì có thể chiến thắng mọi kẻ thù. Người đã lãnh đạo quân và dân cả nước làm nên cuộc chiến tranh nhân dân Việt Nam: Lấy chính nghĩa thắng phi nghĩa, lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít địch nhiều, một nước nhỏ mà thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ.

Trong khi coi sức mạnh chủ yếu là ở toàn dân, phải hết sức coi trọng sức mạnh to lớn của sự đồng tình và ủng hộ quốc tế, của cả loài người tiến bộ, kể cả nhân dân tiến bộ Pháp và Mỹ.

Đoàn kết tất cả các lực lượng ấy lại thành một lực lượng tổng hợp to lớn, đấu tranh toàn diện: quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao.

Người nói: Đoàn kết là lực lượng.

Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,
Thành công, thành công, đại thành công.

Chủ tịch Hồ Chí Minh có cái nhìn toàn diện. Trong những năm kháng chiến, Người hết sức coi trọng vấn đề kiến quốc, xây dựng đời sống mới, nền văn hoá mới.

Theo Người, "Công cuộc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân, sự nghiệp kháng chiến kiến quốc là công việc của dân". "Chế độ dân chủ cộng hoà phải bảo đảm cho nhân dân thật sự làm chủ nước nhà. Bảo đảm mọi quyền tự do, dân chủ cho công dân, nhưng nghiêm cấm lợi dụng các quyền tự do, dân chủ để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của nhân dân". "Công dân có nghĩa vụ tuân theo hiến pháp, pháp luật, kỷ luật lao động, trật tự công cộng vào những quy tắc sinh hoạt xã hội". Mọi việc lúc bấy giờ, kháng chiến cũng như kiến quốc, đều là mới mẻ. "Chúng ta vừa làm vừa học, vừa học vừa làm. Chắc chắn chúng ta sẽ phạm khuyết điểm, nhưng chúng ta sẽ sửa chữa, chúng ta có can đảm sửa chữa khuyết điểm". Đảng cũng như Chính phủ phải thường xuyên tiến hành phê bình và tự phê bình.

Cũng từ những ngày đó, Người đã chủ trương một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc là phát triển văn hoá, nâng cao dân trí. Chống giặc dốt đi đôi với chống giặc đói và chống giặc ngoại xâm, trước hết là phải xoá nạn mù chữ, tất cả mọi người Việt Nam đều phải biết đọc, biết viết. "Mọi người Việt Nam đều phải hiểu biết quyền hạn của mình, phải có kiến thức mới để tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà". Người luôn luôn coi trọng các vấn đề văn hoá, xã hội, coi đó là một nội dung rất cơ bản của chiến lược con người. "Vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người".

Nền văn hoá mà Người chủ trương, kết hợp những truyền thống văn hoá của dân tộc được phát triển và nâng cao với tinh hoa văn hoá của

nhân loại, thấm nhuần sâu sắc chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính. Phải làm cho "văn hoá đi sâu vào tâm lý quốc dân", đi vào cuộc sống mới. "Văn hoá phải sửa đổi tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ. Văn hoá phải làm thế nào cho mọi người dân Việt Nam, từ già đến trẻ, cả đàn ông và đàn bà, ai cũng hiểu nhiệm vụ của mình và biết hưởng hạnh phúc mà mình nên được hưởng".

Người cho rằng: sự học hỏi là vô cùng. Dốt nát cũng là kẻ địch. Nền giáo dục có phát triển thì mới xây dựng được con người mới, đặc biệt là thế hệ trẻ, mới tiến được trên con đường dài vô tận của khoa học và kỹ thuật, mới xây dựng được chủ nghĩa xã hội, mới sánh vai được với các dân tộc trên thế giới. Học để làm việc. Học để làm người. Học phải đi đôi với hành.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên nhấn mạnh giáo dục lý tưởng, giáo dục đạo đức "cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư". Người khẳng định: "Một dân tộc biết cần, kiệm, liêm, chính, là một dân tộc giàu về vật chất, mạnh về tinh thần, là một dân tộc văn minh, tiến bộ".

Sự nghiệp văn hoá quan trọng nhất của Người là đã lãnh đạo toàn dân đánh đuổi giặc ngoại xâm trong thời đại mới, giành lại cho nhân dân những quyền sống của con người, một cuộc sống có văn hoá. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần cùng với loài người loại trừ một trở lực to lớn trên con đường tiến lên thế giới văn minh, xoá đi một vết nhơ trong lịch sử là chế độ thuộc địa.

Chúng ta đều nhận thấy sự nhất quán đến kỳ lạ ở con người của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trải qua biết bao biến thiên của lịch sử, sự kết hợp hài hoà nhiều phong thái rất khác nhau trong một con người. Vừa dân tộc, vừa quốc tế. Vừa rất mực nhân từ, vừa triệt để cách mạng. Rất uyên bác mà cực kỳ khiêm tốn. Rất nguyên tắc về chiến lược lại rất linh hoạt về sách lược. Vừa nhìn xa trông rộng, vừa thiết thực cụ thể. Vừa vĩ đại, vừa vô cùng bình dị. Vừa là chiến sĩ, vừa là nhà thơ.

Giữa dòng bàn bạc việc quân,
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.

Trong phong ba bão tố, Người vẫn ung dung tự tại, lạc quan nhìn về tương lai.

Trong khó khăn gian nguy, Người vẫn thanh thản, chủ động, vững tin vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng.

Ở Người là sự thống nhất giữa nước với dân, giữa dân tộc với giai cấp, giữa quốc gia với quốc tế, giữa lý tưởng độc lập dân tộc với lý tưởng xã hội chủ nghĩa.

Ở Người là lòng yêu nhân dân, yêu nhân loại không bao giờ thay đổi.

Người là một hình mẫu cao đẹp của con người mới trong thời đại mới, một biểu tượng của chủ nghĩa nhân văn với đầy đủ ý nghĩa của nó, một tấm gương tuyệt vời về người Cộng sản.

*
* *

Thưa các vị khách quý, các đồng chí và các bạn,

Từ những ngày đầu giành được chính quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành".

Sau đó, Bác lại nói: "Nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì".

Hoài bão lớn của Người là giành độc lập, thống nhất cho Tổ quốc, tiến lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng một xã hội mới tốt đẹp, trong đó mọi người đều được ấm no, hạnh phúc, tự do, bình đẳng. Đó cũng là tư tưởng lớn của Người, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đây là một sự nghiệp lớn, hoàn toàn mới mẻ và cực kỳ khó khăn mà nhân dân ta phải tự mình tìm tòi khai phá và sáng tạo. Đây lại là một thách thức mới nữa của thời đại đối với dân tộc.

Đại hội lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra đường lối đổi mới: Đổi mới toàn diện, đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới tổ chức và cán bộ, nhằm giải phóng lực lượng sản xuất, giải phóng con người lao động, khắc phục những tệ nạn tập trung quan liêu, trình độ quản lý yếu kém, đã từng gây ra khó khăn và trì trệ trong một thời gian dài.

Nắm vững hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nhân dân Việt Nam, cả nước một lòng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, đang ra sức phát triển sáng tạo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm phấn đấu

xây dựng *một xã hội theo chủ nghĩa xã hội khoa học "vì dân, do dân"*, phù hợp với đặc điểm về mọi mặt của xã hội Việt Nam và xu hướng phát triển của thời đại, làm cho dân giàu, nước mạnh.

Bản chất chủ nghĩa Mác - Lênin là không ngừng đổi mới, sáng tạo. Chủ tịch Hồ Chí Minh là một mẫu mực về sự đổi mới, sáng tạo không ngừng. Người đã nói: "Cần phải có tinh thần sáng tạo, phải tìm tòi cái mới, thực hiện cái mới, thì việc gì cũng làm được". Nhân dân Việt Nam vốn có tư chất độc lập và sáng tạo. Chúng ta sẽ thực hiện được đổi mới theo hướng đúng đắn, hợp với thực tiễn nước nhà, không bắt chước rập khuôn, mà học tập có chọn lọc kinh nghiệm của các nước.

Muốn thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới to lớn này, trước hết, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương đổi mới sự lãnh đạo của mình, nhằm nâng cao năng lực chiến đấu và vai trò tiên phong của Đảng; tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng nhân dân, làm cho các chủ trương chính sách của Đảng đáp ứng với nguyện vọng sâu xa của nhân dân và đưa lại lợi ích cho nhân dân, cho đất nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng để tạo ra những cái gì mới mẻ, tươi tốt... là cuộc chiến đấu khổng lồ, cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của nhân dân".

Trong công cuộc đổi mới hiện nay, Mặt trận thống nhất dân tộc giữ một vai trò to lớn là tập hợp, động viên mọi giai cấp, mọi tầng lớp nhân dân, đồng bào Việt kiều, phát triển *nền tảng cộng đồng dân tộc Việt Nam* trong giai đoạn cách mạng mới, để tham gia vào "cuộc chiến đấu khổng lồ" ấy.

Muốn phát động tính tích cực, chủ động và tinh thần hăng hái của nhân dân thì phải thực hiện dân chủ, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, thực hiện công bằng xã hội, đồng thời kiên quyết loại trừ những tiêu cực, những tệ nạn xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhìn thấy rất sớm và đấu tranh không khoan nhượng với những tệ quan liêu, tham ô, hối lộ, lãng phí... mà Người coi là nguy hiểm như "giặc ở trong lòng", một thứ "giặc nội xâm".

Đổi mới phải coi trọng *chiến lược con người*. Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng. Phải đào tạo và sử dụng nhân tài,

"không được lãng phí nhân tài". Phải đặt lên vị trí hàng đầu vấn đề giáo dục và khoa học, kỹ thuật, phát triển văn hoá, nâng cao trình độ văn hoá của toàn dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tìm mọi cách làm giàu tri thức của mình bằng những giá trị tinh thần của các nước trên thế giới. Nhân dân Việt Nam sẽ thực hiện đổi mới trong quan hệ quốc tế, mở rộng quan hệ hợp tác về kinh tế cũng như về khoa học, công nghệ và văn hoá. Nhân dân Việt Nam sẽ làm hết sức mình, tăng cường đoàn kết với Liên Xô, Lào, Cam-pu-chia và các nước anh em, với tất cả các dân tộc yêu chuộng hoà bình và công lý, góp phần xứng đáng vào cuộc đấu tranh chung vì một nền hoà bình chân chính, vì độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Trong những ngày này, nhân dân Việt Nam trong cả nước, từ Nam chí Bắc, đang nô nức thi đua lao động và học tập, hướng về kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người, để tỏ lòng biết ơn Người.

Theo *Di chúc* của Người, có một điều mong muốn mà Người chưa thực hiện được trước lúc ra đi. Người đã có ý định đến ngày cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước giành thắng lợi hoàn toàn, sẽ đi khắp hai miền Nam Bắc Việt Nam, để thăm hỏi đồng bào, cán bộ, chiến sĩ, các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý. Kế theo đó, Người sẽ thay mặt nhân dân Việt Nam đi thăm viếng và cảm ơn các nước anh em và các nước bầu bạn khắp năm châu, đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ nhân dân Việt Nam trong cuộc chống Mỹ, cứu nước.

Nhân cuộc Hội thảo này, nhân dân Việt Nam, xin trân trọng nhắc lại lời cảm ơn của Người với các bạn quốc tế, với nhân dân thế giới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng dân tộc, nhà văn hoá lớn, đồng thời là một chiến sĩ suốt đời mình đã đấu tranh không mệt mỏi cho hoà bình và tình hữu nghị giữa các dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

Tôi xin tuyên bố khai mạc cuộc Hội thảo và chúc cuộc Hội thảo thành công tốt đẹp.

Xin cảm ơn các vị khách quý, các đồng chí và tất cả các bạn.

HỒ CHÍ MINH, MỘT NHÂN VẬT VĨ ĐẠI ĐÃ CỐNG HIẾN TRỌN ĐỜI MÌNH CHO SỨ MỆNH TỰ DO VÀ ĐỘC LẬP

Tiến sĩ M. AT-MÉT (MODAGAT AHMED)

Giám đốc UNESCO khu vực Châu Á - Thái Bình Dương,
Đại diện đặc biệt của Tổng Giám đốc UNESCO

Đây thật sự là một niềm vinh dự cho tôi được phát biểu trước các nhà trí thức và thông thái cao quý tụ tập ở đây ngày hôm nay để kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Hồ Chí Minh, người chiến sĩ dũng cảm đã giải phóng dân tộc mình khỏi một thế kỷ đô hộ thực dân, bằng sự lãnh đạo khôn khéo và quyết tâm vững chắc. Người là một trong những động lực đầu tiên của phong trào chống thực dân thời kỳ sau Đại chiến thế giới thứ hai ở châu Á, và là một trong những lãnh tụ có ảnh hưởng nhiều nhất của các dân tộc ở thế kỷ XX. Hội nghị UNESCO phiên thứ 24 đã quyết định kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người vào năm 1990. Đây là một cử chỉ tôn kính đối với một nhân vật vĩ đại đã cống hiến trọn đời mình cho sứ mệnh tự do và độc lập. UNESCO rất vui sướng được tham gia vào sự kiện đáng ghi nhớ này. Điều đó biểu hiện sự cam kết sâu sắc của tổ chức này trong việc duy trì các giá trị và công lao của các nhân vật vĩ đại được nhân loại công nhận và kính trọng. Những tình cảm này được thể hiện rõ rệt trong Nghị quyết của Đại hội đồng với sự nhấn mạnh rằng: tư tưởng của Người chứa đựng nguyện vọng của nhân dân muốn khẳng định nền văn hoá riêng của mình và xúc tiến sự hiểu biết lẫn nhau. Nghị quyết này cũng yêu cầu Tổng giám đốc UNESCO giúp đỡ cho các hoạt động kỷ niệm được tổ chức nhân dịp này, đặc biệt ở Việt Nam.

Tên gọi cuộc Hội thảo khoa học là "Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hoá lớn" nhằm nêu bật nhiều mặt của nhân cách con người vĩ đại này. Do đó, tôi thấy sẽ không khiêm tốn nếu bàn về cuộc đời và các thành tựu của Người khi bao nhiêu diễn giả

nổi tiếng có mặt tại đây và là những người mà tôi tin chắc sẽ góp phần quan trọng là điều sẽ rất đáng ca ngợi và làm phong phú kinh nghiệm cho mọi người.

Đây là một thành tựu không nhỏ đối với Người, con một nhà Nho của một nước nghèo. Người trở thành nhà lãnh đạo không thể chối cãi của nhân dân Việt Nam và riêng mình đã phải chịu đựng những khó khăn khủng khiếp suốt trên ba thập kỷ. Nếu ta nhìn về thời niên thiếu của Người, chúng ta thấy một con người đang lo tìm một nơi cắm neo. Người không thể hoàn tất việc học tập của mình và sau đó đã trở thành một thầy giáo. Người vào học một trường kỹ thuật. Trong vài năm trời, Người trở thành một thuỷ thủ đi hết hải cảng này đến hải cảng khác. Giữa chiến tranh thế giới thứ nhất, ta lần lượt gặp Người là người coi vườn, quét tuyết, hầu bàn, rửa ảnh và thợ đốt lò. Dĩ nhiên Người cảm thấy không thanh thản và lo tìm một ý nghĩa cho cuộc sống của mình.

Chính ở Pháp, giữa 1917 và 1923, Người đã trở thành một nhà xã hội chủ nghĩa tích cực và chính vào lúc này, ta thấy bản chất thực sự của Người bùng nổ. Năm 1920, được cổ vũ bởi thành công của cách mạng cộng sản ở Nga, Người đứng về phía những người cộng sản Pháp khi họ rút khỏi Đảng Xã hội. Đây là một bước ngoặt lớn và về sau dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1930. Người tích cực xây dựng lực lượng của phong trào yêu nước ở Việt Nam và bắt tay với đồng minh chống Nhật. Khi cuộc chiến tranh kết thúc, cuộc tổng khởi nghĩa đã nổ ra trong cả nước. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, trước một cuộc mít tinh lớn ở Quảng trường Ba Đình, Hồ Chủ tịch tuyên bố Việt Nam độc lập, Người nói:

"Tất cả mọi người sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc"[1]. Nhưng Người đã không được nghỉ ngơi. Thế nhưng Người không bỏ cuộc. Người khôn khéo kết hợp chiến thuật với ngoại giao, kiên trì thương lượng, bởi vì Người biết rằng thời gian thuộc về phía mình. Quan điểm sáng suốt và khả năng làm chủ sự kiện giúp Người đạt mục tiêu của mình. Lòng yêu nước của Người được phát huy cùng với sự hiểu biết sâu sắc về khoa học chính

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 4, NXB Sự thật, Hà Nội, 1984, tr.1.

trị và quân sự, về lịch sử và văn hoá và trên tất cả Người hết lòng yêu mến nhân dân. Trong khi chiến đấu cả đời mình chống lại ách thống trị thực dân, Người vẫn là một nhà nhân văn chân chính trong tư tưởng và hành động.

Bây giờ cho phép tôi đề cập đến một phương diện khác về con người Hồ Chủ tịch, đó là một nhà văn hoá lớn. Việt Nam là một nước tương đối đồng nhất về mặt xã hội; xét theo quan điểm dân tộc thì vào khoảng 85% toàn bộ nhân dân cùng có chung một nền văn hoá Việt Nam chủ đạo. Tuy nhiên, sự tồn tại của nhiều nhóm thiểu số tôn giáo cùng với các nhóm thiểu số dân tộc thật sự tạo ra nhiều khó khăn trong việc hình thành một xã hội liên kết. Tuy vậy, Hồ Chí Minh đã thành công trong việc liên kết nhiều sắc thái văn hoá vào một nền văn hoá Việt Nam duy nhất. Người đã làm được việc này nhờ sự hiểu biết sâu sắc và tôn trọng những đặc điểm văn hoá khác nhau. Người đã hoàn thành được nhiệm vụ này và trong việc làm lời nói của Người, ta có thể nhìn thấy rõ hình ảnh, tư tưởng của nhà thơ, nhà văn, nhà nghệ sĩ dân ca, những người đem lại nguồn cảm xúc cho nhiều thế hệ nhân dân Việt Nam. Cuộc đời của Người mang ảnh hưởng của những giá trị và truyền thống dân tộc, có những đóng góp vào việc tạo nên một nền văn hoá Việt Nam hiện đại.

Chỉ có ít nhân vật trong lịch sử trở thành một bộ phận của huyền thoại ngay khi còn sống và rõ ràng Hồ Chí Minh là một trong số đó. Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ, mà còn là một nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này. Tôi hy vọng cuộc Hội thảo này sẽ làm sáng tỏ thêm cuộc đời và thành tích của Hồ Chí Minh. Đó là một đóng góp có ý nghĩa nhất vào việc tưởng niệm nhân vật vĩ đại.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - NHÀ ÁI QUỐC VIỆT NAM VĨ ĐẠI, NGƯỜI BẠN LỚN CỦA NHÂN DÂN ẤN ĐỘ VÀ TOÀN NHÂN LOẠI

T.N. CA-UN (T.N.KAUL)

Chủ tịch Trung tâm Ấn Độ nghiên cứu về Đông Dương

Với cương vị Chủ tịch Trung tâm Ấn Độ nghiên cứu về Đông Dương, tôi rất tự hào được tham dự Hội thảo quốc tế kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Cố Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tôi đã được vinh dự từ những năm 1957 và 1958 (khi tôi làm Chủ tịch Uỷ ban Giám sát và kiểm soát quốc tế ở Việt Nam) gặp Nhà ái quốc Việt Nam vĩ đại đó, người chiến sĩ dũng cảm đấu tranh cho tự do của tất cả nhân dân bị áp bức, người bạn lớn của Ấn Độ và toàn nhân loại.

Bác Hồ, cách gọi trìu mến của chúng tôi ở Ấn Độ, đã kết hợp được trong bản thân Người những đức tính của Mác, Lênin, Ma-hát-ma Găng-đi (Mahatma Gandhi) và Gia-oa-hác-lan Nê-ru. Người đại diện cho sự vĩ đại vốn có của nhân dân Việt Nam - bình dị, chuyên cần, yêu quý trẻ thơ và thanh niên, thẳng thắng, trung thực, chân thành và một ý thức mạnh mẽ về nhân văn kết hợp với nhiệt tình và tinh thần cách mạng - đó là phương châm cho mọi hành động của Người. Do đó, người ta không ngạc nhiên khi thấy Người có thể lãnh đạo, hướng dẫn, tổ chức và chỉ đạo cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, quân phiệt Nhật và Tưởng Giới Thạch xảo quyệt một cách thành công. Sự ủng hộ toàn tâm của nhân dân đã làm cho dân tộc Việt Nam đánh đuổi được những kẻ áp bức ngoại bang, cảm hoá được cả những tay sai và bè lũ của chúng và cuối cùng hoàn thành thống nhất đất nước năm 1975. Mặc dù Chủ tịch Hồ Chí Minh không còn sống để chứng kiến thành tựu vĩ đại này, Người đã tiên đoán với sự tin tưởng mạnh mẽ về điều này trong *Di chúc* của Người.

Với quý vị thính giả ở đây, tôi nghĩ không cần thiết phải nhắc nhở và gợi lại công lao to lớn của Bác Hồ đối với cuộc đấu tranh của nông dân và công nhân, trí thức yêu nước ở Việt Nam, bằng sự gắn liền cuộc đấu tranh đó với cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa thực dân, chống áp bức, chống sự thống trị của đế quốc, đặc biệt là ở châu Á. Người không phải là một nhà dân tộc hẹp hòi, mà có những tình cảm lớn đối với mọi tầng lớp trong xã hội, đặc biệt là những người nghèo, những người bất hạnh và bị áp bức. Điểm lại cuộc đấu tranh hơn một ngàn năm của nhân dân Việt Nam chống ách đô hộ của nước ngoài, ngay cả từ khi thực dân Pháp xâm lược, Hồ Chủ tịch xem đó là một bộ phận, một bộ phận quan trọng của cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc. Người không buộc tội nhân dân Pháp hoặc nhân dân Mỹ, mà chỉ lên án chính quyền thực dân đế quốc của họ. Trên thực tế, Người kêu gọi công nhân Pháp hãy làm nhiều hơn nữa cho sự giải phóng nhân dân bị áp bức ở các thuộc địa của Pháp. Hơn nữa, trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* do Người thảo và đọc ngày 2 tháng 9 năm 1945, Người đã trích dẫn cả lời kêu gọi của Cách mạng Pháp về tự do, bình đẳng, bác ái và cả Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ về quyền bất khả xâm phạm của con người đối với hoà bình và mưu cầu hạnh phúc.

Tôi chỉ xin nêu ra vài nét trong rất nhiều nét lớn của bậc vĩ nhân này, nhằm nhấn mạnh sự hiểu biết rộng rãi, lòng tin tưởng mạnh mẽ của Người vào nhân dân mình cũng như vào toàn nhân loại và ý chí quyết tâm vững chắc của Người đạt tới các mục đích và lý tưởng cao cả mà Người đã đề ra trước nhân dân mình. Tôi xin được nhắc lại ngắn gọn một số hồi tưởng của bản thân mình.

Khi tôi đến thăm Người lần đầu năm 1957 tại cơ quan của Người ở Hà Nội, tôi rất ngạc nhiên về cách ăn mặc giản dị của Người. Người mặc một bộ đồ bằng vải ka-ki, chân đi dép cao su. Người đưa tôi đi thăm căn nhà mà Người đang ở. Đó là một ngôi nhà gỗ nhỏ bé, tiện nghi sơ sài, đầy cây xanh. Mặc dù giữ chức vụ cao, Hồ Chí Minh vẫn duy trì một nếp sống giản dị, làm cho Người có điều kiện gần gũi với quần chúng và quần chúng cũng đồng cảm với Người.

Người kể cho tôi nghe ngắn gọn về lịch sử Việt Nam và nguyện vọng cháy bỏng của nhân dân đối với việc thống nhất đất nước. Ngôn ngữ, văn hoá, lịch sử và truyền thống của dân tộc Việt Nam đã làm cho họ trở

thành một quốc gia và không một cường quốc nước ngoài nào có thể chia cắt được. Lúc đó Người hỏi tôi một câu có vẻ đơn giản: Với tư cách là Chủ tịch Uỷ ban giám sát và kiểm soát quốc tế, Ngài có thể làm một điều gì đó được chăng để giúp cho việc thông tin và tiếp xúc giữa các gia đình bị chia ly, kẻ Bắc, người Nam? Tôi nói với Người rằng, tôi sẽ cố hết sức thuyết phục nhà cầm quyền miền Nam Việt Nam để họ đồng ý với việc này và nhờ Người nói với Chính phủ cho tôi danh sách những gia đình đó, cùng với địa chỉ. Người đồng ý ngay và cảm ơn tôi. Tôi đã có được sự đồng ý về nguyên tắc của nhà cầm quyền Nam Việt Nam về đề nghị nhân đạo này. Về sau họ lại đề ra những điều kiện để gây rắc rối, chứ không phải để giúp cho các gia đình chia ly và do đó cố gắng của tôi rút cuộc chẳng đi đến đâu. Khi gặp Người lần thứ hai, tôi kể cho Người về toàn bộ sự việc. Người cảm ơn tôi về những điều tôi đã làm và nói sẽ tiếp tục gắng sức bằng mọi cách. Người chỉ thị cho Thủ tướng, lúc đó là Ngài Phạm Văn Đồng và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, là Đại tướng Võ Nguyên Giáp tiếp tục liên hệ với tôi.

Lần thứ ba, tôi gặp Người vào dịp Quốc khánh Ấn Độ, 26 tháng 1 năm 1958. Cơ hội ấy thật là tốt đẹp vì Người đã đến và lưu lại với chúng tôi gần một giờ. Tôi lúc nào cũng quý trọng bức ảnh chụp chung với Người vào dịp đó.

Lần cuối cùng, tôi gặp Người vào mùa xuân năm ấy, khi một đoàn văn hoá của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sắp sửa lên đường sang thăm Ấn Độ. Tôi tổ chức một cuộc chiêu đãi nhỏ vào buổi tối để tiễn đoàn Việt Nam và hỏi ý kiến Vụ trưởng Vụ Lễ tân, xem có nên mời Hồ Chủ tịch và các vị khác hay không. Tôi được thông báo rằng, có thể cứ gửi giấy mời, nhưng rất ít khả năng Hồ Chủ tịch sẽ đến tư thất của tôi vì Người chưa hề làm như vậy, đối với bất kỳ một vị đại sứ nào hồi đó. Tôi gửi giấy mời Hồ Chủ tịch theo phép lịch sự, nhưng không dự kiến Người sẽ tới. Tuy nhiên, giữa buổi liên hoan, khi chúng tôi đang hát những bài Ấn Độ và Việt Nam cùng với các thành viên trong đoàn, tôi rất ngạc nhiên và vui sướng thấy Vụ trưởng Vụ Lễ tân vào thông báo: "Hồ Chủ tịch đã tới". Quả thật tôi hết sức vui mừng. Tôi ra đón Người và đưa Người vào phòng. Người cùng hát với chúng tôi, dùng một chút nước quả và trái cây, rồi ra về sau nửa giờ. Đây thật sự là một cử chỉ đẹp đẽ của Người mà tôi sẽ không bao giờ quên. Người nói về sự tôn trọng của mình đối với Ma-hát-ma

Găng-đi, Păng-dit Nê-ru (Pandit Nehru) và nhờ tôi chuyển lời thăm hỏi tới cháu "In-đi-ra" của Người. In-đi-ra Găng-đi (Indira Gandhi) vốn thường gọi Người bằng "Bác" và viết thư cho Người.

Tôi muốn đặc biệt nói tới một bức thư Bác Hồ gửi cho Păng-dit Nê-ru đang ở trong tù. Bức thư viết theo thể thơ như sau:

I

"Khi tôi phấn đấu, anh hoạt động,
Anh phải vào lao, tôi ở tù.
Muôn dặm xa vời chưa gặp mặt,
Không lời mà vẫn cảm thông nhau.

II

Đôi ta cảnh ngộ vốn không khác,
Cảnh ngộ giờ đây khác bội phần;
Tôi, chốn lao tù người bạn hữu,
Anh, trong gông xích bọn cừu nhân"[1].

Để kết luận, tôi xin bày tỏ lòng cảm phục đối với nhân dân và các nhà lãnh đạo Việt Nam. Đấy là những con người cần mẫn nhất, tận tuỵ nhất, yêu nước nhất trên thế giới này. Tôi đã học được nhiều điều ở họ, nhiều hơn ở bất cứ nơi nào khác trong suốt nửa thế kỷ công tác ở các nơi trên thế giới, trong đó có Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc và Anh. Nhân dân hai nước Ấn Độ và Việt Nam có nhiều điểm tương đồng về lịch sử và văn hoá, về mục tiêu và lý tưởng, về truyền thống và triết lý nhân sinh. Tương lai hoà bình ở châu Á phụ thuộc nhiều vào quan hệ hữu nghị và hợp tác, không phải chỉ giữa nhân dân hai nước Ấn Độ và Việt Nam, mà còn giữa chúng ta với nhân dân các nước khác ở châu Á và thế giới.

Những sự đổi thay và biến động lớn lao đang diễn ra trên thế giới. May mắn thay, những sự kiện đó cho đến nay đã diễn ra nói chung là hoà bình. Tuy nhiên cũng đã diễn ra tình trạng sói mòn và thất vọng đối với vai trò của đảng cầm quyền ở nhiều nước - xã hội chủ nghĩa và không xã hội chủ nghĩa. Thế giới ngày nay có thể rút ra được một bài học trong đường lối của Hồ Chủ tịch kêu gọi đảng viên trong đảng của mình hãy

1. Gửi Nê-ru, trong *Nhật ký trong tù*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1983.

phục vụ nhân dân, giúp đỡ họ và học tập ở họ, không được ra lệnh hay bắt họ phải phục tùng. Đấy là điều mà các đảng chính trị và các lãnh tụ đảng có thể học hỏi.

Vì họ đã vi phạm nguyên tắc thiêng liêng này nên vai trò tiên phong trong xã hội của họ bị xói mòn... Hồ Chủ tịch đã nhìn thấy nguy cơ này hàng chục năm trước đây và lên tiếng cảnh tỉnh Đảng. Đảng đã tiếp thu lời khuyên của Người nên giữ được niềm tin của nhân dân và vai trò lãnh đạo của mình trong sự nghiệp phục vụ nhân dân. Mọi người khác hãy noi theo tấm gương này.

Một cống hiến quan trọng khác của Hồ Chủ tịch là chủ trương làm khởi sắc và tăng cường truyền thống văn hoá Việt Nam, gắn nó với các nền văn hoá khác trên thế giới. Các bài thơ, tiểu luận và diễn văn của Người phản ánh một sự hiểu biết sâu sắc về lịch sử và văn minh nhân loại và một niềm tin chung thuỷ đối với bản sắc văn hoá của mỗi dân tộc, quốc gia, kể cả dân tộc mình và các dân tộc khác trên thế giới. Vì vậy, Người được yêu mến, khâm phục và kính trọng trên toàn thế giới. Tôi còn nhớ rõ nhân dân miền Nam Việt Nam, khi đất nước còn bị chia cắt đã hôn lên chân dung của Người in trên giấy bạc như thế nào. Hiếm có lãnh tụ nào trên thế giới lại được nhân dân mình hết lòng mến mộ, tin yêu và kính trọng như Hồ Chủ tịch. Tôi mong rằng Uỷ ban Khoa học xã hội và UNESCO sẽ sớm bắt tay vào việc dịch ra nhiều thứ tiếng nước ngoài mọi tác phẩm của Hồ Chủ tịch vì những tác phẩm này nói lên bản chất nhân đạo, lòng ưu ái, trí tuệ và tình cảm chan hoà mà Bác Hồ là hiện thân.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, NHÀ VĂN HOÁ LỚN

GS. PHẠM NHƯ CƯƠNG

Mỗi dân tộc đều có những anh hùng và những nhà văn hoá của mình. Không phải anh hùng nào cũng là nhà văn hoá. Ngược lại, không phải nhà văn hoá nào cũng là anh hùng. Trong lịch sử Việt Nam, Lê Lợi (1385-1433), là anh hùng giải phóng dân tộc, nhưng không phải là nhà văn hoá. Nhà văn hoá Lê Quý Đôn (1726-1784) lại không phải là anh hùng giải phóng dân tộc. Trong lịch sử các dân tộc trên thế giới, cũng có rất nhiều ví dụ giống như các trường hợp Lê Quý Đôn và Lê Lợi của Việt Nam. Lẽ dĩ nhiên chỉ là anh hùng giải phóng dân tộc hay chỉ là nhà văn hoá lớn cũng đã là danh nhân, được lịch sử ghi nhận công lao và đời đời tưởng nhớ.

Lịch sử còn sản sinh ra những vĩ nhân vừa là anh hùng vừa là nghệ sĩ, hoặc "rộng hơn" vừa là nhà văn hoá lớn. Những con người "hai lần danh nhân" như vậy không nhiều. Họ giống như những viên ngọc hiếm, sáng lấp lánh trong bầu trời lịch sử của dân tộc và của nhân loại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà năm nay thế giới long trọng kỷ niệm 100 năm Ngày sinh theo sáng kiến của UNESCO, là một viên ngọc quý như vậy: Người vừa là một ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, vừa là một NHÀ VĂN HOÁ LỚN. Người đã cống hiến đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội[1], đã "có sự đóng góp quan trọng và về nhiều mặt trong các lĩnh vực văn hoá, giáo dục và nghệ thuật"[2]. Người là "kết tinh của truyền thống văn hoá hàng ngàn năm của nhân dân Việt Nam và những tư tưởng của Người là hiện thân

1, 2. Theo Nghị quyết của UNESCO về việc kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh.

của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và biểu hiện cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau"[1].

*
* *

Thật là khó mà tách rời Hồ Chí Minh - anh hùng giải phóng dân tộc với Hồ Chí Minh - nhà văn hoá lớn, bởi lẽ, đó là hai biểu hiện gắn bó với nhau trong cùng một Hồ Chí Minh - nhà cách mạng, kết tinh của truyền thống hàng ngàn năm lịch sử của dân tộc Việt Nam. Cốt lõi của truyền thống này là chủ nghĩa yêu nước: "KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN ĐỘC LẬP, TỰ DO" và "CHÚNG TA THÀ HY SINH TẤT CẢ, CHỨ NHẤT ĐỊNH KHÔNG CHỊU MẤT NƯỚC, KHÔNG CHỊU LÀM NÔ LỆ". Sự tồn tại của một truyền thống yêu nước, chắc chắn là điều phổ biến ở mọi dân tộc. Nhưng, trên thế giới ít có dân tộc nào từng phải chịu một ách đô hộ hà khắc đến thế và kéo dài đến thế trong suốt một ngàn năm liền mà vẫn tồn tại được với tư cách là dân tộc có nền văn hoá riêng của mình. Cũng ít có dân tộc nào đã phải đối mặt và chiến thắng liên tiếp ba lần quân xâm lược Nguyên Mông khét tiếng, hồi thế kỷ XIII, và đánh bại những đế quốc hùng mạnh trong thời đại chúng ta.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân của chủ nghĩa yêu nước truyền thống và hiện đại của dân tộc Việt Nam.

Người đã đem về cho dân tộc Việt Nam học thuyết cách mạng và khoa học đủ sức soi sáng con đường giải phóng: Đó là chủ nghĩa Mác - Lênin.

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Người đã chỉ ra con đường thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đó là con đường đặt cách mạng Việt Nam vào quỹ đạo của cách mạng thế giới, gắn bó độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân rồi tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Người đã sáng tạo và không ngừng củng cố các nhân tố đảm bảo thắng lợi của đường lối cách mạng đúng đắn đã được vạch ra: Đó là Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân tố quyết định nhất, người lãnh đạo đồng thời là người đầy tớ trung thành của nhân dân; là Mặt trận dân tộc thống nhất lấy công nông liên minh làm nòng cốt và không ngừng được củng cố và

1. Theo Nghị quyết của UNESCO về việc kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh.

mở rộng theo yêu cầu của các thời kỳ cách mạng, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân; là các lực lượng vũ trang nhân dân "trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng"; và là quan hệ đoàn kết chiến đấu trên tinh thần quốc tế chủ nghĩa trong sáng giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới.

Dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và quây quần đoàn kết quanh Người và Đảng mà Người sáng lập và rèn luyện, sau hơn nửa thế kỷ đấu tranh, dân tộc Việt Nam đã từ thân phận nô lệ mất nước trở thành một dân tộc độc lập, tự do. Đất nước Việt Nam từ chỗ bị chia cắt đã trở thành một đất nước thống nhất. Xã hội Việt Nam từ chỗ là một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, lạc hậu đã bước những bước đầu tiên lên con đường văn minh, hiện đại, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho con người. Việt Nam từ chỗ là một xứ bị mất tên trên bản đồ thế giới đã trở thành một thành viên có uy tín trong phong trào giải phóng dân tộc và trong cộng đồng quốc tế, đã có những cống hiến xứng đáng đối với loài người.

Hồ Chí Minh yêu mến dân tộc của mình, đồng thời cũng luôn luôn dành cho những dân tộc bị áp bức và nhân dân toàn thế giới một lòng ưu ái bao la.

Người đã hoạt động trong phong trào dân tộc giải phóng thế giới, đã cùng với các đồng chí quốc tế của Người góp phần thức tỉnh và tổ chức sự đoàn kết chiến đấu của các dân tộc bị áp bức. Và, trong khi đưa cách mạng Việt Nam đến những thắng lợi lịch sử, Hồ Chí Minh đồng thời là một trong những vĩ nhân khai phá ra con đường giải phóng của các dân tộc phương Đông, trong thời đại chúng ta.

*
* *

Ở Việt Nam, nếu xưa kia cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do luôn luôn gắn bó chặt chẽ với cuộc đấu tranh chống lại âm mưu đồng hoá, dai dẳng và thâm độc, thì vừa qua nó đã phải chống lại sự tàn bạo, ngông cuồng hiện đại muốn dùng bom đạn đẩy lùi đất nước này trở lại thời kỳ đồ đá. Trong lịch sử trên đất nước này, súng với đàn, gươm và sách vốn sánh đôi với nhau, anh hùng và nghệ sĩ, nhà quân sự và nhà thơ vẫn thường hội tụ ở các vĩ nhân.

Trong hai cuộc kháng chiến vừa qua, cả dân tộc vừa đánh giặc, vừa sản xuất, vừa chuyên cần xoá nạn mù chữ và mở mang văn hoá. Dứt tiếng bom đạn thì tiếng trống trường nổi lên. Tiếng hát, tiếng thơ theo người ra mặt trận. Ở những vùng đất lửa thì dạy và học, hát và múa dưới hầm sâu địa đạo. Kháng chiến được "văn hoá hoá" và văn hoá được "kháng chiến hoá". Nhiều nhà văn hoá đã trở thành những nhà lãnh đạo. Ngược lại, nhiều nhà lãnh đạo đồng thời là những nhà hoạt động văn hoá. Việt Nam vừa anh hùng, vừa là nghệ sĩ. Là kết tinh truyền thống Việt Nam, nhà cách mạng Hồ Chí Minh vừa là *anh hùng giải phóng dân tộc* vừa là *nhà văn hoá lớn.*

Để đạt được tầm cỡ lớn lao như lịch sử đã ghi nhận, Hồ Chí Minh đã phải có những phẩm chất cá nhân đặc biệt, sự nỗ lực phi thường và được sự dìu dắt của bạn bè quốc tế trong buổi ban đầu, đã được phong trào cách mạng thế giới rèn luyện, nâng cao lên ngang tầm thời đại, mà vẫn đậm sâu truyền thống đất nước.

Thuở hàn vi, giữ trong mình truyền thống ấy, Người đã đi hầu khắp thế giới, học nhiều thứ tiếng, thấy nhiều, nghe nhiều, đọc nhiều, xem xét nhiều, hiểu biết nền văn hoá của dân tộc. Người đã sống nhiều năm ở các trung tâm văn hoá, cách mạng lớn nhất, đã quen thuộc nhiều "thủ đô ánh sáng", có quan hệ bạn bè với nhiều nhà cách mạng, nhiều danh nhân văn hoá và hoạt động hết mình trong phong trào công nhân công nghiệp. Mặt khác, Người cũng đã dừng chân tại các vùng chậm phát triển ở châu Phi, châu Á, châu Mỹ La-tinh, gắn bó cả với nông thôn và rừng núi.

Là nhà mác-xít thấm nhuần sâu sắc bản chất nhân đạo, khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin là chân lý soi sáng con đường cách mạng, Người vẫn tiếp thu và sử dụng các yếu tố tích cực của Khổng giáo, các yếu tố cách mạng và nhân văn chủ nghĩa của hệ tư tưởng tư sản, vẫn trân trọng đức từ bi, bác ái của Phật giáo, Thiên Chúa giáo và các tôn giáo khác.

Trở thành lãnh tụ tối cao, nắm trong tay quyền lực to lớn đạt đến tột đỉnh vinh quang, Người vẫn vô cùng thanh bạch trong đời sống riêng, gợi lại hình ảnh của Trần Nhân Tông xưa kia, anh hùng là thế trong sự nghiệp đánh bại quân Nguyên Mông, mà lại coi thường phú quý là thế, "vứt bỏ ngôi vua như vứt bỏ một chiếc dép rách"[1]; gợi lại cốt cách của

1. Mượn lời Ngô Thì Nhậm.

Nguyễn Trãi và các bậc "Người Hiền", có tri thức uyên thâm, lối ứng xử tinh tế, lòng nhân ái bao la, nhưng lại rất thanh cao, giản dị.

Thế đó, Hồ Chí Minh chẳng những là kết tinh của truyền thống Việt Nam mà còn tiêu biểu cho sự kết hợp truyền thống với hiện đại, cho sự giao lưu văn hoá Đông Tây.

Phải chăng chính vì vậy mà sáu mươi năm trước đây Manđenstam đã nhận thấy rằng từ Nguyễn Ái Quốc toả ra một nền văn hoá, có lẽ là nền văn hoá tương lai?

*
* *

Cùng với công lao làm giàu cho các khoa học chính trị và quân sự cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn có đóng góp quan trọng đối với một số ngành văn hoá, giáo dục và nghệ thuật.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Muốn tổ chức và đưa được quần chúng nhân dân lên đường tranh đấu thì trước hết phải thức tỉnh họ và huấn luyện họ. Trong sự nghiệp này, văn hoá, giáo dục và nghệ thuật có vai trò mở đường cho đấu tranh chính trị và quân sự.

Trước Nguyễn Ái Quốc (tức Hồ Chí Minh) các văn thân yêu nước cũng đã mở trường, sáng tác thơ văn truyền tay và viết sách để mở mang dân trí và thức tỉnh lòng người. Đã có trường Đông Kinh Nghĩa Thục, những buổi bình thơ văn, những cuốn "Hải ngoại huyết thư" mà mỗi dòng, mỗi chữ đều nặng trĩu nỗi đau xót nước thương nòi, nhưng chưa có một tờ báo hay tạp chí nào. Có lẽ là vì báo chí đòi hỏi rất cao về tài năng tổ chức, về kiến thức nhiều mặt, về sự nhạy cảm đối với thời cuộc, về khả năng ứng phó sắc bén, tinh tế trong mọi mối quan hệ, và về nhiều mặt khác nữa mà do những hạn chế của lịch sử và của bản thân Phan Bội Châu và các đồng chí của Cụ không đáp ứng được, tuy họ cũng rất anh hùng.

Hồ Chí Minh đã đặt những nền móng đầu tiên cho báo chí cách mạng Việt Nam. Cộng tác với các bạn chiến đấu Phi châu và được sự giúp đỡ tận tình của các đồng chí Pháp, Người đã sáng lập ra tờ báo cách mạng đầu tiên của Việt Nam, cũng là một trong những tờ báo có tính chất quốc tế đầu tiên của các dân tộc bị áp bức: tờ *Người cùng khổ* (Le Paria). Người

còn sáng lập ra nhiều tờ báo khác của Việt Nam trong thời kỳ chưa giành được chính quyền.

Những bài mà Hồ Chí Minh viết trong 50 năm, bằng nhiều thứ tiếng và đăng tải trên nhiều báo và tạp chí vào loại lớn nhất thế giới[1], là một di sản rất quý báu. Di sản ấy để lại cho chúng ta và hậu thế một lối viết đặc sắc, luôn luôn trong sáng, giản dị mà lại rất chặt chẽ, thường dành cho chủ nghĩa thực dân một sự châm biếm, hài hước rất trí tuệ và sắc bén. Di sản ấy chứa đựng những sử liệu cụ thể, phong phú, rất thực về chế độ thuộc địa, về chủ nghĩa thực dân và tệ phân biệt chủng tộc. Di sản ấy mãi mãi góp phần lên án tội ác, thức tỉnh lương tri, soi sáng đường đi và dẫn dắt con người, không phân biệt màu da và tiếng nói, đồng cảm với nhau, yêu thương nhau, gắn bó với nhau, cùng nhau tiến lên con đường giải phóng.

Hồ Chí Minh đã để lại một tấm gương không bao giờ cũ trong việc dùng báo chí đấu tranh cho CÔNG LÝ, dũng cảm vạch mặt TỘI ÁC, đồng thời biểu dương NGƯỜI TỐT, VIỆC TỐT, nói rõ SỰ THẬT mà chủ nghĩa thực dân và các thế lực đen tối ra sức che giấu đến cùng.

*
* *

Nếu tuyên truyền, mà báo chí đứng ở tuyến đầu, đảm nhiệm việc giáo dục đông đảo nhân dân, thì huấn luyện giữ vai trò quyết định trong việc đào tạo cán bộ cho phong trào quần chúng. Tuyên truyền và huấn luyện là hai mặt của giáo dục.

Từ những bài báo đầu tiên mà Người viết, những lớp huấn luyện đầu tiên mà Người mở và trực tiếp giảng dạy, từ các phong trào Bình dân học vụ, Rèn luyện thân thể, Đời sống mới mà Người phát động ngay sau khi giành được chính quyền, từ sự chăm lo thường xuyên đến nhà trường và các ngành văn hoá..., cho đến lời dặn dò trong *Di chúc* rằng phải "chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau", Hồ Chí Minh thực sự là một

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh đăng bài báo đầu tiên vào năm 1919 (bút danh: Nguyễn Ái Quốc) - Người đã có bài đăng trên các báo và tạp chí: *Nhân đạo* (Pháp), *Đời sống thợ thuyền* (Pháp), *Thư tín quốc tế* (Pháp), *Sự thật* (Liên Xô), *Tiếng còi* (Liên Xô), *Thế giới* (Pháp), v.v... Và, tất nhiên, ở các báo chí cách mạng Việt Nam.

nhà giáo dục lớn, suốt đời quan tâm đến giáo dục và có nhiều cống hiến ở lĩnh vực này.

Người là Người Thầy vĩ đại, đã đào tạo nên mấy thế hệ cách mạng Việt Nam, đã sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh, đã khai sinh và dạy dỗ các lực lượng vũ trang nhân dân anh hùng, đã đặc biệt chăm sóc thanh thiếu niên và nhi đồng. Người đã đào tạo và dìu dắt nhiều lãnh tụ cách mạng, những nhà chỉ huy quân sự đầy tài năng và đức độ, những nhà hoạt động quốc tế, những liệt sĩ đã hy sinh trước cửa ngõ Mát-xcơ-va trong khi trực tiếp chiến đấu chống phát-xít Đức và những chiến sĩ tình nguyện đã hiến dâng tất cả, kể cả sinh mạng, cho sự nghiệp giải phóng của nhân dân hai nước anh em Lào, Cam-pu-chia. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khai sinh cho nền giáo dục mới của Việt Nam, đưa nó đi theo phương châm khoa học gắn bó với thực tiễn, học đi đôi với hành, nhà trường phối hợp với gia đình và xã hội, nhằm mục đích đào tạo nên những "công dân hữu ích cho đất nước"[1] và "làm phát triển những tài năng sẵn có"[2] của học sinh.

Nền giáo dục Việt Nam đã đạt được những thành tích đáng tự hào. Nhân dân Việt Nam đã từ chỗ hơn 90% không biết đọc, biết viết, bị tước đoạt, nô dịch về mặt văn hoá, trở thành một dân tộc đi đầu trong việc xoá nạn mù chữ, có một nền giáo dục phát triển rộng khắp, dùng tiếng mẹ đẻ ở tất cả các cấp và có một nền văn hoá mới, mang trong mình nó tinh hoa truyền thống và vươn lên theo hướng dân tộc, khoa học và đại chúng.

Điều căn bản là Hồ Chí Minh đã nâng con người từ tận cùng đau thương, tăm tối, vùng lên, đứng dậy làm NGƯỜI. Đó là những con người trước đây đã lấy tiếng hát át tiếng bom, nay đang ngẩng cao đầu, nhìn thẳng vào sự thật, dũng cảm đi vào công cuộc đổi mới, "chống lại những cái gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ tốt tươi", như Người đã dặn dò trong *Di chúc*. Và, nhà giáo dục vĩ đại Hồ Chí Minh đã để lại tấm gương trong sáng của Người Thầy, lời nói đi đôi với việc làm: "Người đã trải qua một cuộc đời oanh liệt, đầy gian khổ hy sinh, vô cùng cao thượng và phong phú, vô cùng trong sáng và đẹp đẽ"[3].

---

1. Lời Chủ tịch Hồ Chí Minh.
2. Lời Chủ tịch Hồ Chí Minh.
3. Trích Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam.

Bạn bè quốc tế, có người đã viết rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhân vật đẹp như huyền thoại. Phải chăng, đó là vì cuộc đời của Người vừa có chất thép, vừa có chất thơ ?

Nguyễn Ái Quốc đã đến với VĂN và các thể loại diễn ca rất sớm, như người lính phải tìm ngay đến vũ khí của mình. Với THƠ, theo đúng nghĩa của từ này, thì khác. Ở Người, THƠ đã được kết tinh, chắt lọc rất lâu dài và chỉ hiện lên thành chữ, thành lời vào những thời điểm đặc biệt. Hoặc là vào lúc Người đã ngoại năm mươi, cuộc đời vốn đã già chất thép và lắng đọng chất thơ, lại phải trải thêm một thử thách điển hình: nhà cách mạng vốn đã thừa gian nan, lịch lãm, lại bị giam giữ dài ngày và bị giải qua nhiều nhà tù[1] đành phải tạm ngừng các hoạt động cụ thể, hoá thân vào thơ, để cho hồn thơ vượt khỏi xiềng xích và bốn bức tường giam, vỗ cánh bay. Hoặc là, vào những dịp hiếm hoi trong khi lãnh đạo kháng chiến, Người không nỡ chối từ "trăng nhòm cửa sổ đòi thơ"[2]; hay trong đêm thanh vắng, vọng đến tai Người "tiếng suối trong như tiếng hát xa"[3], lại nữa, vào một đêm rằm tháng giêng, sau khi bàn bạc việc quân, trên một dòng sông, Người thanh thản trở về trên một con thuyền đầy ắp ánh trăng[4], hoặc mỗi độ xuân sang, đánh dấu những chặng đường mà nhân dân ta đã đi qua và sẽ bước tiếp theo ngọn cờ đỏ chói của Người.

Trong những dịp như vậy, dường như Người không chú ý làm thơ, mà thơ đã tự đến cùng Người tri kỷ. Một cách tự nhiên, thơ mang vẻ đẹp, tầm cao, vừa sâu lắng, vừa giản dị của nhà cách mạng Hồ Chí Minh - anh hùng dân tộc - nhà văn hoá lớn. Thơ ấy đòi ta tự nâng mình lên, và nâng ta lên những tầm cao mới.

"Thơ Người nói ít mà gợi nhiều, là loại thơ có màu sắc thanh đạm, có âm thanh trầm lắng, không phô diễn mà như khép lại trong đường nét để cho người đọc tự thưởng thức lấy cái phần ý ở ngoài lời. Phải yên lặng một mình khi đọc thơ Người, phải thỉnh thoảng ngừng lại để suy ngẫm

1. Từ ngày 29-8-1942 đến ngày 13-9-1943, Chủ tịch Hồ Chí Minh bị chính quyền địa phương của Quốc dân đảng Trung Quốc giam giữ, giải qua hơn 30 nhà tù của 13 huyện thuộc tỉnh Quảng Tây. Trong thời gian này, Người đã viết tập *Nhật ký trong tù* nổi tiếng, gồm hơn 100 bài thơ bằng chữ Hán.
2. Dựa theo những ý thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
3. Dựa theo những ý thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
4. Dựa theo những ý thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

mới cảm thấy hết những âm vang của nó và nghe những âm vang ấy cứ ngân dài mãi", như nhận xét của nhà văn Pháp Rô-giê Đơ-nuy[1].

Riêng đối với những dân tộc đang khát khao độc lập, tự do, đối với những con người đang vì hạnh phúc của nhân dân mà bị giam cầm, thơ Hồ Chí Minh đồng tình, đồng cảm, mang đến ý chí kiên trung với Tổ quốc, tình nghĩa thuỷ chung với đồng chí, đồng bào, nụ cười khinh bỉ đối với những thứ mà chủ nghĩa thực dân, đế quốc, chủ nghĩa A-pác-thai và bọn phản động gọi là công lý và dân chủ. Thơ ấy mang đến một lòng nhân ái bao la, một niềm lạc quan, tin chắc vào thắng lợi của chính nghĩa, vào một ngày mà:

Đất trời một thoáng thu màn ướt,
Sông núi muôn trùng trải gấm phơi.
Trời ấm hoa cười chào gió nhẹ,
Cây cao chim hót rộn cành tươi.
Người cùng vạn vật đều phơi phới,
Hết khổ là vui, vốn lẽ đời[2].

Đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực văn hoá, giáo dục, nghệ thuật còn vượt ra khỏi những phạm vi đã được trình bày.

Các nhà khoa học, các nhà văn học - nghệ thuật, các nhà hoạt động tôn giáo yêu nước và tiến bộ còn có thể chỉ ra cống hiến và sự chăm lo của Bác Hồ đối với ngành mình. Điều đó là có thể hiểu được: nhà cách mạng - anh hùng giải phóng dân tộc - nhà văn hoá lớn Hồ Chí Minh đã cống hiến cho Việt Nam và đã mở đường đi lên cho tất cả mọi người Việt Nam.

Thấm sâu trong sự nghiệp cách mạng và di sản văn hoá của Người, là một lòng nhân ái bao la, thương yêu, tôn trọng, tin cậy CON NGƯỜI.

Sự nghiệp và di sản văn hoá ấy mang khát vọng của CON NGƯỜI muốn được giải phóng, được không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hoá, được yêu thương nhau trong hoà bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Một chủ nghĩa nhân văn rộng sâu và quán xuyến, đó chính là đặc trưng văn hoá Hồ Chí Minh. Nhưng đó cũng chính là đặc trưng của nền

1. Trích theo Hà Minh Đức, *Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà thơ lớn của dân tộc*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1970, tr.30.
2. Hồ Chí Minh. *Nhật ký trong tù*. Bài "Trời hửng".

văn hoá của tất cả các dân tộc, đặc trưng của các nhà văn hoá lớn dang hiến dâng trí tuệ và trái tim cho các sự nghiệp cao cả: chinh phục vũ trụ vì mục đích hoà bình, bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống, chống các bệnh tật hiểm nghèo, chống lại áp bức, bóc lột... Tóm lại, là cải tạo thiên nhiên và xã hội, vì hoà bình và hạnh phúc của CON NGƯỜI.

"Còn non, còn nước, còn người..."[1]. Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân Việt Nam nhất định sẽ cùng Đảng tiền phong quang vinh của mình giành thắng lợi trong công cuộc đổi mới, thực hiện điều mong muốn cuối cùng của Bác Hồ là: "Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết, phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới"[2].

Và hôm nay, trong Hội thảo Khoa học quốc tế, ôn lại sự nghiệp cách mạng và văn hoá cao quý của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người vẫn như đang hiện diện, đang trao cho nhân dân Việt Nam, cho các bạn bè quốc tế, cho các thanh niên và nhi đồng trên khắp thế giới và cho toàn thể chúng ta "muôn vàn tình thân yêu".

1. *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
2. *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

VIỆC THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA UNESCO VỀ KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY SINH CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN DY NIÊN
Chủ tịch Uỷ ban quốc gia UNESCO của Việt Nam

Đại hội đồng UNESCO lần thứ 24 (1987) đã nhất trí thông qua Nghị quyết về việc kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đặt Người sánh ngang với các bậc danh nhân thế giới của mọi thời đại.

Khác với các khoá Đại hội đồng trước đây, cuộc thảo luận về kỷ niệm danh nhân năm đó diễn ra trong bối cảnh nội bộ Tổ chức UNESCO đang diễn ra cuộc đấu tranh tập hợp lực lượng mới sau khi một số nước rút khỏi UNESCO vì những lý do chính trị, và diễn ra trong bối cảnh lần đầu tiên có nước đòi UNESCO thông qua một nghị quyết yêu cầu từ năm 1990 phải hạn chế việc kỷ niệm danh nhân thế giới. Nhưng tình hình diễn ra tại Đại hội đồng hoàn toàn ngược lại. Phải được nghe tại chỗ ý kiến của các đại biểu quốc tế, được cảm nhận trực tiếp những biểu thị tình cảm chân thật và sự ngưỡng mộ đến cảm động của bè bạn khắp năm châu đối với Hồ Chủ tịch, chúng ta mới thấy hết được tầm quan trọng to lớn và ý nghĩa quốc tế của việc thế giới kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người.

Đối với các bạn quốc tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ hạn hẹp trong khuôn khổ "danh nhân", mà còn chứa đựng những ý nghĩa lớn lao hơn, bao trùm hơn vượt ra khỏi phạm vi nội dung diễn đạt vốn đã rất sâu sắc trong Nghị quyết 16.4. Nhiều đại biểu quốc tế gặp đoàn Việt Nam tại Đại hội đồng đều bày tỏ một quan điểm chung coi tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản chung của nhân loại, của mọi thời đại. Đại biểu Cộng hoà Dân chủ Đức gọi chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là chủ nghĩa nhân đạo của mọi thời đại. Đại biểu Xơ-ri Lan-ca (Sri Lanca) đã gọi Hồ Chủ tịch là Nhà tiên tri và ví Người là ngọn đèn biển của các dân tộc bị áp bức. Ông

trưởng đoàn Ấn Độ (là cựu Bộ trưởng Ngoại giao) đã phát biểu: "Hồ Chí Minh là cái tên cao quý không chỉ nằm ngay trong mỗi chúng ta mà gắn với tiến bộ thời đại. Vì vậy, kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người vừa là sự kiện quan trọng, vừa là niềm vinh dự lớn lao đối với mọi người". Nhiều đoàn đại biểu khẳng định những lý tưởng của UNESCO và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về các lĩnh vực văn hoá, giáo dục và nhân văn là một, và tự coi quyền được khẳng định sự ủng hộ đối với Nghị quyết về kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người là niềm vinh dự. Tất cả những ý kiến đó đã đẩy lùi mọi ý đồ định sử dụng vấn đề "kỹ thuật" để cản trở việc UNESCO kỷ niệm những vĩ nhân mà cuộc đời và sự nghiệp của các vĩ nhân ấy là biểu tượng của tinh thần độc lập và giải phóng dân tộc. Gần 30 nước đã ký tên đồng tác giả Nghị quyết về Hồ Chủ tịch. Có nước đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần vì sợ ban thư ký ghi sót tên nước mình. Uỷ ban I (Uỷ ban về các vấn đề chính trị), và sau đó, phiên họp toàn thể của Đại hội đồng đã thông qua nghị quyết bằng nguyên tắc nhất trí tuyệt đối, là nguyên tắc thể hiện sự nhất trí tập trung nhất của diễn đàn quốc tế quan trọng này.

Kể từ khi Đại hội đồng UNESCO, khoá thứ 18 (1974), thông qua "Nghị quyết về việc tổ chức kỷ niệm các danh nhân và những sự kiện đã để lại dấu ấn quan trọng trong quá trình phát triển của nhân loại", đến nay đã có 21 danh nhân văn hoá được thế giới kỷ niệm theo Nghị quyết của Đại hội đồng UNESCO. Nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được UNESCO ghi nhận là vĩ nhân vừa là ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, vừa là NHÀ VĂN HOÁ LỚN. Nghị quyết này nhấn mạnh: "Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng kiệt xuất của sự khẳng định quyền dân tộc đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội... Những lý tưởng của Người là hiện thân của nguyện vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc văn hoá của mình và thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc".

Việc các nước, thông qua UNESCO, kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Hồ Chủ tịch không những thể hiện sự đánh giá cao những giá trị tinh thần và đóng góp to lớn của Người vào sự nghiệp tiến bộ chung của nhân loại, mà còn thể hiện tình cảm sâu sắc của nhân dân thế giới đối với cuộc đời rất con người của Người và đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam.

HỒ CHÍ MINH
TRONG LÒNG NHÂN DÂN AN-GIÊ-RI*

MÔ-HA-MÉT LA-MA-RI (MOHAMED LAMARI)
Đại sứ đặc mệnh toàn quyền
nước Cộng hoà dân chủ nhân dân An-giê-ri tại Việt Nam

Lòng đầy xúc động tôi tham dự vào cuộc họp ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh, một trong những người yêu nước, những nhà cách mạng, những nhà tư tưởng, những nhà văn đã đánh dấu sâu sắc nhất thế kỷ của chúng ta.

Tôi tự cho mình được phép gọi Người là Bác Hồ, bởi vì tuy thuộc nhân dân Việt Nam, Người vẫn thuộc vào gia tài của nhân loại, cái gia tài của mọi dân tộc yêu tự do, giải phóng đã phải tiến hành đấu tranh chống lại ách thực dân hay đế quốc.

Tên của Người đặc biệt gợi cảm đối với những người An-giê-ri (Algérie) chúng tôi. Tháng 5 năm 1954, dưới sự lãnh đạo cao cả của Người, nhân dân Việt Nam đã giành được chiến thắng lẫy lừng, đánh bại đạo quân thực dân hùng mạnh. Tháng 11-1954, cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân An-giê-ri để tự giải phóng được phát động. Ta phải nhìn thấy, trong sợi dây liên hệ các biến cố của thời kỳ này, tình đoàn kết giữa hai cuộc cách mạng An-giê-ri và Việt Nam, sự củng cố niềm tin của chúng tôi rằng quá trình giành lại độc lập của các dân tộc thuộc địa là tất yếu.

Ưu điểm lớn nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh là không chỉ đấu tranh cho một lá cờ, cho một sự giải phóng ở bề mặt bên ngoài, Người muốn tiến hành một cuộc chiến đấu cho phẩm giá con người, cho sự giải phóng và phúc lợi của toàn dân và nhờ thế mà cuộc cách mạng Người phát động đã mang tầm cỡ thế giới.

---

* Đầu đề do chúng tôi đặt (BBT).

Các diễn giả sẽ nhắc đến nhà văn, nhà thơ và lòng nhân ái sâu sắc của Người, nhà tư tưởng mà tác phẩm thấm nhuần bao nhiêu điều sáng suốt; tôi chỉ muốn nhắc đến sự tôn kính mà nhà văn lớn An-giê-ri là Ka-tép Ya-xin đã dâng lên Người trong vở kịch "Con người đi dép cao su". Tôi xin đọc:

Bác Hồ thức dậy bao giờ
Những người quét rác còn lo quét đường
Điều trước tiên, Bác lo thể dục
Đời Bác nào có khác đời ta
Tay cầm chổi quét sân nhà
Rau vườn Bác tưới, khác ta chỗ nào?
Bát cơm Bác, thức ăn cũng một
Cửa sổ kia thắp suốt đến khuya!

Không ưa nghi lễ, bao giờ Bác cũng mang cùng một bộ đồ vải, một đôi dép lốp. Người vẫn giữ phong thái xưa của người du kích. Mỗi tháng, Người lĩnh 240 đồng. Sự khiêm tốn ấy là một bài học kinh tế học. Không xa hoa, không khổ cực. Và đây là cảnh chót vở kịch:

Trong mơ ta, Bác còn vẫn bước,
Con người đi dép lốp cao su
Giữa đình công, trong bóng tối mịt mờ
Trong giấc mơ, ta vẫn nhìn Bác bước
Người quét đường và nhà chiến lược,
Người cùng nô trán ngẩng cao đầu.
Người ta gọi tên đơn giản Bác Hồ
Hồ Chí Minh con người soi sáng
Con người mà cả toàn dân gọi đến
Con người không đòi hỏi bao nhiêu
Trong giấc mơ, chân Người vẫn bước đều
Người đi dép cao su quen thuộc.

BÁC HỒ SỐNG MÃI TRONG TRÁI TIM CỦA NHÂN LOẠI*

MÔ-HAM-MÁT I-XMAN MAT-SUA
(MOHAMMAD ISMAIL MHASHOOR)
Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Cộng hoà Áp-ga-ni-xtan tại Việt Nam

Thay mặt cho nhân dân nước tôi, cho Nhà nước Cộng hoà Áp-ga-ni-xtan, đặc biệt là thay mặt cho Viện khoa học của nước Cộng hoà Áp-ga-ni-xtan, trước hết tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc của mình khi nhận được lời mời của các đồng chí gửi tới đoàn đại biểu của Cộng hoà Áp-ga-ni-xtan.

Gần đây, ở Áp-ga-ni-xtan rất nhiều hoạt động được tổ chức nhân dịp kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà yêu nước vĩ đại theo chủ nghĩa nhân đạo. Do vậy, sự có mặt của tôi hôm nay với tư cách là đoàn đại biểu của Cộng hoà Áp-ga-ni-xtan tại Hội thảo này cũng là một trong những hoạt động đó.

Có lẽ hôm nay trong Hội thảo này, chúng ta không cần phải nhắc lại những đặc điểm về nhân cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh bởi vì tên của Người và những hoạt động của Người nổi tiếng và được hầu hết nhân dân thế giới biết đến, nhưng sự hồi tưởng về những hoạt động của Người vô cùng bổ ích cho chúng ta và cho các thế hệ sau chúng ta.

Trong bài viết này, tôi sẽ cố gắng trình bày vắn tắt về sự tương đồng giữa cuộc đấu tranh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và cuộc đấu tranh của nhân dân Áp-ga-ni-xtan yêu nước và cách mạng, và về những cử chỉ đầy tình nhân ái của Người đối với thanh niên, thiếu niên.

Đầu năm 1919, khi nhân dân Áp-ga-ni-xtan đang chiến đấu chống chủ nghĩa thực dân Anh, họ đã tuyên bố mục đích của mình là giành độc

---

* Đầu đề do chúng tôi đặt (BBT).

lập cho Tổ quốc. Lúc đó, Bác Hồ tên là Nguyễn Ái Quốc, thay mặt cho nhân dân Việt Nam, đã gửi một bản yêu sách tới Hội nghị hoà bình ở Véc-xây yêu cầu tự do và dân chủ tối thiểu cho nhân dân Việt Nam. Bản yêu sách này được lịch sử ghi nhận như là lời yêu cầu của nhân dân Việt Nam. Nhân dân Áp-ga-ni-xtan và nhân dân Việt Nam đều phản đối chủ nghĩa thực dân.

Nhân dân Áp-ga-ni-xtan dưới sự lãnh đạo của A-ma-nu-la Ghe-di (Amanula Ghezi) đã giương cao ngọn cờ giải phóng chống lại tên thực dân mạnh nhất thời bấy giờ, bắt đầu cuộc chiến tranh giải phóng và đập tan kẻ thù, là nước đầu tiên ở châu Á giành được độc lập. Nhưng nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp tục cuộc đấu tranh vì độc lập và tự do, dân chủ của mình. Bác Hồ đã viết: "Tất cả những gì tôi muốn là tự do cho nhân dân tôi và độc lập cho đất nước tôi". Và Người đã chứng minh điều đó trong suốt cuộc đời mình cho tới phút cuối cùng, nghĩa là Người chẳng hề có ham muốn nào khác ngoài ham muốn cho dân mình được sống yên vui và Tổ quốc mình được thoát khỏi ách nô lệ.

Nhân dân thực sự yêu mến Hồ Chí Minh và tên tuổi của Người được tất cả loài người trên thế giới biết đến và tôn kính.

Nhân dân sẽ mãi mãi nhớ đến Người như một nhà nhân đạo chủ nghĩa vĩ đại. Và do vậy, Kim Liên, nơi Người đã sinh ra, sẽ nổi tiếng không khác gì Điện Biên Phủ, nơi nhân dân Việt Nam đã đánh tan chủ nghĩa thực dân Pháp năm 1954.

Tôi muốn kể lại một trong những kỷ niệm của đời mình. Năm 1969, khi Bác Hồ qua đời, tôi và vị lãnh tụ yêu hoà bình của mình, Tổng thống Na-gi-bun-la (Nagibulla) và Bộ trưởng Ngoại giao hiện nay Áp-đun Ma-hin (Abdul Mahil) đang bị giam giữ trong nhà tù của Vương quốc, vì chúng tôi đã đấu tranh chống lại chủ nghĩa thực dân, sự chuyên chế để giành lấy cuộc sống yên vui cho nhân dân nước tôi.

Vào thời gian ấy, chúng tôi bị giam trong những xà lim riêng biệt, và nghe tin buồn này từ một cái đài phát thanh bên ngoài vọng vào. Chúng tôi đòi tên cai ngục phải để chúng tôi tổ chức lễ tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở trong nhà tù. Thực tế đó chứng tỏ rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim và trí óc của những người đấu tranh cho giải

phóng, độc lập của loài người. Giải phóng miền Nam Việt Nam và ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh là vào cùng một tháng (tháng 5).

Nhân dân nước tôi cũng chia sẻ với nhân dân Việt Nam nỗi khổ đau phải sống dưới ách thống trị ở miền Nam Việt Nam và vụ ném bom rải thảm B52, tất cả những cuộc biểu tình của chúng tôi lúc bấy giờ đều nhằm mục đích đó.

Lý tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh được các thế hệ trẻ tuổi quả cảm thực hiện một cách xuất sắc, vì vậy miền Nam Việt Nam được giải phóng hoàn toàn vào đầu tháng 5-1975 và lá cờ Việt Nam tung bay phấp phới trên một đất nước đã được thống nhất.

Những người kế tục sự nghiệp của Bác Hồ có thể tự hào vì đã thực hiện được niềm mong ước của Người là độc lập, giải phóng và thống nhất đất nước.

Giờ đây tôi muốn nói một vài nét đặc biệt trong nhân cách của Bác Hồ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ duy nhất luôn luôn quan tâm tới thế hệ trẻ và đánh giá cao vai trò của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Người chỉ rõ: "Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà". Tất cả những thanh niên cộng sản đầu tiên được Bác Hồ trực tiếp chỉ dẫn và dìu dắt đã trở thành những biểu tượng rực rỡ của lòng yêu nước như các đồng chí Trần Phú, Lý Tử Trọng...

Người yêu cầu thanh niên phải kết hợp đạo đức với tài năng. Người gửi gắm ở lớp trẻ niềm tin tưởng vô hạn và tình yêu bao la của mình.

Bác Hồ không những quan tâm tới thanh niên mà còn quan tâm tới cả phụ nữ. Người đã viết rất nhiều bài thơ về tình cảnh của người phụ nữ Việt Nam và phụ nữ các nước khác. Người đã từng chứng kiến nỗi đau khổ của vợ người bạn tù, khi Người đang bị giam giữ ở Trung Quốc.

Đặc biệt là đối với trẻ em, Bác Hồ dành tình yêu thương tha thiết nồng nàn. Bác thường tới thăm nhà trẻ, mẫu giáo, trường học, nhắc nhở mọi người quan tâm chăm sóc và giáo dục các em cho tốt. Bác Hồ dành cho các cháu miền Nam tình yêu thương tha thiết nhất. Bác nghĩ rằng chúng ta không thể giáo dục trẻ em bằng trừng phạt. Các thầy cô giáo và cha mẹ không có quyền đánh đập các em. Chúng ta phải giáo dục cho các em biết tự trọng.

Đối với Bác, yêu nước trước hết là thương dân, là yêu thương những người cần lao, nghèo khổ. Đó chính là lý do khiến Người quyết chí ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân.

Ở nước tôi, nhân dân biết tới Bác Hồ như một người chiến sĩ đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân và sự tàn bạo. Bác Hồ là tấm gương sáng cho thanh niên Áp-ga-ni-xtan vì lòng yêu nước và sự cống hiến vô hạn cho nhân dân. Trẻ em Áp-ga-ni-xtan biết về Người như biểu tượng của lòng tốt, một người ông yêu trẻ. Trong sách báo của chúng tôi, có in rất nhiều ảnh Bác Hồ gặp thanh thiếu niên với tình cảm rất mực yêu thương. Sự nghiệp đấu tranh chống ngoại xâm, cứu nước của Bác Hồ là chủ đề nghiên cứu của những người yêu nước chúng tôi.

Theo chính sách và con đường của Bác Hồ, các đồng chí lãnh đạo Việt Nam hiện nay, những người thực sự kế tục sự nghiệp của Hồ Chủ tịch, có một quan hệ rất tốt đẹp và gần gũi với đất nước Áp-ga-ni-xtan đã được giải phóng, không liên kết, và còn giúp đỡ chúng tôi về nhiều phương diện. Sự khẳng định và ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân Việt Nam đối với chính sách hoà giải dân tộc ở Áp-ga-ni-xtan là một bằng chứng sáng chói về điều này.

Thay mặt cho chính phủ và nhân dân Cộng hoà Áp-ga-ni-xtan, tôi muốn bày tỏ sự đánh giá cao việc tăng cường mối quan hệ giữa hai nước.

Nhân dịp kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Bác Hồ, một con người cần cù lao động và tranh đấu, tôi muốn gửi lời chúc mừng tới các bạn Việt Nam thân mến.

Tôi muốn bày tỏ sự đánh giá cao về những cố gắng của chính phủ Việt Nam và tổ chức UNESCO, những người đã tổ chức cuộc Hội thảo quốc tế với chủ đề "Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn".

Bác Hồ sẽ sống mãi trong trái tim của nhân loại.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI CÁCH MẠNG CAM-PU-CHIA*

NAY PE-NA
Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Cam-pu-chia

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người có công lao vô cùng to lớn, bởi Người đã hy sinh tất cả, kể cả những gì thuộc về tình riêng để tìm đường cứu nước, sát cánh cùng nhân dân đấu tranh, lãnh đạo phong trào cách mạng, giải phóng dân tộc và nhân dân Việt Nam khỏi ách thống trị của mọi thế lực thực dân. Thắng lợi trong cuộc giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam anh em, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã có ảnh hưởng lớn và tạo điều kiện thuận lợi cho sự vùng lên của nhân dân Cam-pu-chia và Lào trong sự nghiệp giải phóng dân tộc mình.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ sống mãi trong trái tim nhân dân Việt Nam, mà còn sống mãi trong trái tim mọi tầng lớp nhân dân Cam-pu-chia chúng tôi.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là chiến sĩ cách mạng kiên cường của nhân dân Việt Nam mà còn là người chiến sĩ cách mạng tiền bối của nhân dân Cam-pu-chia và Lào. Bởi lẽ Người là người sáng lập Đảng Cộng sản Đông Dương, tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng Nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, và Đảng Nhân dân cách mạng Lào. Những đội tiên phong cách mạng đó đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc mình đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, đánh đổ chế độ cai trị thực dân Pháp, quân phiệt Nhật, đế quốc Mỹ và chủ nghĩa bành trướng bá quyền.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại những di sản bất diệt về truyền thống đấu tranh của Đảng Cộng sản Đông Dương với những bài học kinh

---

* Đầu đề do chúng tôi đặt (BTT).

nghiệm vô giá cho cách mạng Cam-pu-chia, cách mạng Lào, cũng như cách mạng của nhân dân những nước đang phát triển khác.

Tinh hoa văn hoá và đạo đức của Người là tấm gương tuyệt đối tự giác phục vụ nhân dân, suốt đời đấu tranh vì độc lập, tự do của dân tộc. Người từng nói: "Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao để Tổ quốc ta hoàn toàn độc lập, nhân dân ta hoàn toàn được tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành". Người viết trong *Di chúc:* "Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa".

Trong đời sống thường ngày, Hồ Chủ tịch cũng là một tấm gương tuyệt sáng. Đó là "cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư", chỉ nghĩ đến lợi chung, không tính toán cá nhân bao giờ.

Phẩm chất tuyệt vời trên đây cho thấy cuộc sống trong sáng nhất mực của một con người vĩ đại đã là tấm gương cho cán bộ, công nhân viên, chiến sĩ của Việt Nam cũng như mọi tầng lớp nhân dân, cán bộ, chiến sĩ Cam-pu-chia chúng tôi.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xa chúng ta từ 21 năm nay, nhưng những gì thuộc về Người, từ phẩm chất đến hành động, vẫn sống mãi trong lòng nhân dân Việt Nam, nhân dân các dân tộc yêu độc lập, tự do, hoà bình, công lý và những người tiến bộ trên trái đất. Tấm gương anh hùng và tấm gương đạo đức sống tràn đầy tình yêu Tổ quốc và nhân dân một cách tự nguyện đó đã được truyền lại cho các thế hệ thanh thiếu niên Việt Nam ngày nay nhằm tiếp tục thực hiện *Di chúc* của Người: "Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết". Chỉ 6 năm sau khi Người qua đời, nhân dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam do Người rèn luyện và giáo dục, đã thực hiện ước mong lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh là giải phóng miền Nam khỏi cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ, giành độc lập và tự do cho Tổ quốc Việt Nam và thống nhất đất nước mình.

Mặc dù Người có công lao to lớn với đất nước, Người không thích cho ai nói về đời tư của mình. Người sống giản dị, không bao giờ xa rời nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn gắn mình với nhân dân, quan tâm nghe

ý kiến quần chúng, tin tưởng vào sức mạnh của quần chúng. Chủ tịch quan tâm không phải một mà là tất cả các tầng lớp nhân dân, công nhân, nông dân, chiến sĩ, trí thức, thanh niên, phụ nữ, thiếu nhi, người già, người thiểu số và kiều dân Việt Nam ở nước ngoài... Trong *Di chúc*, Người đã để lại "muôn vàn tình thương yêu" cho toàn dân, toàn Đảng, toàn quân và toàn thể thanh thiếu niên. Đó cũng là tình cảm kỳ diệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người quan tâm đến công tác xây dựng và vun đắp tình đoàn kết quốc tế. Trong quan điểm của Người, nhân dân yêu chuộng hoà bình và công lý, nhân dân tiến bộ thế giới là anh em của nhau. Nhân dân Cam-pu-chia đã nhận được sự giúp đỡ theo tinh thần của chính sách đoàn kết này từ các chiến sĩ cách mạng Việt Nam, những chiến sĩ quân đội Việt Nam anh em, những người giúp giải phóng nhân dân Cam-pu-chia khỏi ách các loại thực dân, đế quốc và sau cùng là khỏi chế độ diệt chủng Pôn Pốt - Iêng Xa-ri.

Nhân dịp này, tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn to lớn đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, những người cách mạng Việt Nam, Quân đội và nhân dân Việt Nam anh em trong việc thực hiện chính sách đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã nhiều lần giúp đỡ nhân dân Cam-pu-chia chúng tôi.

Trước khi kết thúc, tôi xin cảm ơn Uỷ ban Khoa học xã hội Việt Nam và tổ chức UNESCO đã tổ chức Hội thảo vô cùng bổ ích này, một Hội thảo đã tạo điều kiện cho cá nhân tôi được tới dự, nghe và phát biểu ý kiến.

HỒ CHÍ MINH - CON NGƯỜI CỦA NHÂN LOẠI

MI-GHEN ĐÊ XTÊ-PHA-NÔ
(MIGUEL DE STÉPHANO)
Giáo sư, cố vấn Viện nghiên cứu Á châu, Cu-ba

Nếu nói đến Hồ Chí Minh thì cần phải nhớ tới cuộc đời và sự nghiệp của Người và phải đặt Người trong bối cảnh lịch sử mà Người đã sống. Và điều đó không phải là một công việc dễ dàng. Phải nghiên cứu, suy nghĩ một cách sâu sắc và tỉ mỉ mới làm được điều đó. Và thời đại Người sống là thời đại như thế nào? Đó là thời đại vào khoảng từ cuối thế kỷ XIX đến hai phần ba của thế kỷ XX. Người đã sống như một nhà yêu nước, một chiến sĩ chống chủ nghĩa thực dân, một nhà cách mạng, một nhà quốc tế chủ nghĩa và là một người thầy.

Người sinh ra khi Tổ quốc của Người còn là một thuộc địa trên thế giới, cái thế giới mà ba phần tư dân số và lãnh thổ trên hành tinh đang là thuộc địa.

Năm 1885, tức 5 năm trước khi Người ra đời, người ta đã triệu tập Đại hội Béc-lin để phân chia thuộc địa ở châu Phi. Và các cường quốc đã không thoả thuận được với nhau nhằm duy trì châu Phi trước sự cạnh tranh và chiếm đóng lãnh thổ, nên đã chấp thuận một hiệp định gọi là "Hiệp định của các hiệp sĩ" thực ra là của các tên thực dân.

Đương nhiên, trong khu vực rộng lớn bao gồm châu Á, châu Đại Dương, cũng đã diễn ra những cuộc chinh phục thuộc địa mà các cường quốc đã tiến hành từ thế kỷ XVI. Đã xuất hiện những kiểu thống trị khác nhau về hình thức nhưng giống nhau về nội dung ở các nước như Trung Quốc và Ấn Độ, những nơi sinh sống hàng trăm triệu người. Chính Mỹ trong thập kỷ 1850 là nước đã nã pháo vào Nhật Bản và chủ nghĩa tư bản nước ngoài. Hàng nghìn hòn đảo của Thái Bình Dương đã bị sáp nhập vào cỗ xe thực dân Mỹ.

Trong khi đó ở Đông Nam Á, những người Anh và Pháp đang chia nhau chiến lợi phẩm thuộc địa khi các nước này thoả thuận lấy sông Mê Kông làm đường phân chia vị trí của nhau, thì Nguyễn Tất Thành mới có 3 tuổi. Những vùng này ở phía Tây sông Mê Kông là của người Anh và những vùng ở phía Đông thuộc người Pháp. Việt Nam nằm ở phía Đông, do đó chịu sự thống trị của người Pháp sau cuộc xâm lược mở đầu từ thập kỷ 1850, khi các tầu chiến của Pháp tấn công vào nền độc lập của dân tộc này. Bọn thực dân Pháp đã phân chia ra "những người Bắc kỳ", "những người Trung kỳ", và "những người Nam kỳ" nhằm chia rẽ dân tộc này. Nguyễn Ái Quốc đã không quên âm mưu "chia để trị" của những kẻ áp bức và Người đã nói: "Theo kiểu đó, chúng chia cắt thành 3 phần đất nước của những người có cùng nguồn gốc, cùng phong tục tập quán, cùng lịch sử, cùng truyền thống và cùng chung ngôn ngữ". Trong năm 1989, Cu-ba đã kỷ niệm 100 năm ra đời cuốn *Tuổi vàng,* một cuốn sách tuyệt diệu, trong đó người anh hùng dân tộc vĩ đại của Cu-ba là Hô-xê Mác-ti đã viết: "Những người An Nam nghèo khổ đã chiến đấu và sẽ chiến đấu như những người dũng cảm nhất".

Cần nhớ rằng, thời kỳ lâu dài và đẫm máu này của nửa cuối thế kỷ XIX đã và đang được các nhà lịch sử và địa lý tư sản gọi là thời kỳ "của nền hoà bình Victoria", bởi vì, nó diễn ra trong thời gian thống trị của Nữ hoàng Victoria của Anh, thời kỳ mà không có các cuộc chiến tranh lớn giữa các nước lớn.

Cùng diễn ra với "nền hoà bình Victoria" này là một nền văn học phản ánh sự ngạo mạn xấu xa của cái gọi là "vai trò khai hoá của những người da trắng". Đó cũng là thời kỳ mà ở Mỹ đã xuất hiện những kẻ đã giết hại hàng triệu thổ dân Mỹ, những người dân đầu tiên ở Mỹ.

Khi còn là một thanh niên rất trẻ, Nguyễn Tất Thành đã phải rời Tổ quốc, hoà nhập vào thế giới để tìm hiểu con quỷ thực dân ngay trong sào huyệt của nó. Người tin tưởng sâu sắc là sẽ tìm thấy con đường xoá bỏ nghèo đói mà dân tộc mình còn phải chịu đựng, xoá bỏ cái điều mà Người đã viết ra nhiều lần, nhưng với chỉ một ít câu của Người cũng đã thể hiện đầy đủ nội dung của cả một tập sách lớn: "Trong khi có hàng nghìn tiệm rượu và tiệm hút thuốc phiện thì không có quá 10 trường học...".

Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại thắng lợi và cùng với nó là sự thu hồi các vị trí của chủ nghĩa thực dân, Sắc luật về hoà bình đã được ban

hành một số giờ trước khi có tiếng pháo của chiến hạm "Rạng Đông". Sau đó, người ta đã thảo ra tuyên bố về quyền của các dân tộc và một số các tài liệu của nước Nga Xô-viết chống chủ nghĩa thực dân. Và như vậy đã diễn ra một thời kỳ rất say sưa trong cuộc đời của Nguyễn Ái Quốc, giai đoạn tìm kiếm sôi nổi, tham dự các cuộc họp và hội nghị. Tại cuộc Hội nghị Véc-xây năm 1919, Người tuyên bố về nền độc lập của Việt Nam. Nhưng tại hội nghị này, điều người ta đã thoả thuận là vấn đề phân chia các thuộc địa từ tay những kẻ thất bại cho những kẻ chiến thắng. Người gia nhập Đảng Xã hội Pháp và ngay sau đó Người lại là đại biểu dự Đại hội Tua (Tours) năm 1920, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Tại đây Nguyễn Ái Quốc đã đề cập đến tình hình ở các nước thuộc địa. Người có quan hệ với nhiều đảng, tổ chức và nhân vật tiến bộ ở châu Âu, châu Phi và châu Á, những người Việt Nam, cũng như những người của các dân tộc thuộc địa khác đang làm việc ở Pháp. Người đã thành lập Hội liên hiệp thuộc địa. Giữa năm 1923, Người đến Liên Xô. Tại Mát-xcơ-va, trong Đại hội thứ V Quốc tế Cộng sản tổ chức vào tháng 6 và 7 năm đó, Người đã cất cao tiếng nói bảo vệ cuộc đấu tranh chống thực dân.

Người đã viết trên các tờ báo xuất bản ở Pa-ri như tờ *Nhân đạo* (L'Humanité), tờ *Người cùng khổ* (Le Paria), tờ *Đời sống công nhân* (La vie ouvrière) và tập san *Thư tín quốc tế* (La correspondance Internationale). Những bài viết của Người nhằm sáng tỏ tình hình về các dân tộc châu Á và châu Đại Dương, các dân tộc Ả Rập và các dân tộc như Ma-đa-ga-xca, Tô-gô, Công-gô, Ca-mê-run, Đa-hô-mây và các dân tộc khác ở châu Phi, Nam Xa-ha-ra. Trong những năm đó, không ai như Người đã miêu tả chủ nghĩa thực dân và lên án những tội ác và sự nhục nhã của nó. Ngòi bút viết báo của Người là trong sáng, sâu sắc, chân thực, sắc bén và sâu cay.

Trong suốt cuộc đời mình, Người đã gắn chủ nghĩa Mác - Lênin với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân mình và của tất cả các dân tộc bị áp bức. Người đã tìm thấy câu trả lời cho điều băn khoăn của mình: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản". "Chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ".

Người thanh niên yêu nước đó đã xem chủ nghĩa xã hội như là một vũ khí tư tưởng, lúc đầu cho cuộc đấu tranh vì độc lập và sau đó cho sự

nghiệp xây dựng một xã hội tại Tổ quốc mình. Người nhận thức được rằng nếu chiến lược thực dân là phân chia thuộc địa giữa các nước tư bản, thì chiến lược chống chủ nghĩa thực dân và giải phóng dân tộc sẽ là sự đoàn kết tất cả các dân tộc thuộc địa theo con đường của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa quốc tế.

Với những tư tưởng đó và với lòng tin vững chắc, Người đã trở về châu Á. Người quyết định gieo mầm cho những ước mơ của mình. Cuối năm 1924, Người tới Quảng Châu và hai thập kỷ sau Người đã ở những vùng gần biên giới Việt - Trung. Đấy là những năm của nhiều hoạt động cách mạng sôi nổi và kiếm sống hàng ngày bằng sự hiểu biết về ngôn ngữ Trung Hoa cổ, về nền văn hoá rộng lớn và lâu đời của nhân dân Trung Quốc, và nhiều khi gặp rất nhiều khó khăn để kiếm sống. Tại Quảng Châu năm 1925, Người đã tham gia sáng lập Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông và sau đó Người sáng lập Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội và xuất bản cuốn *Đường kách mệnh,* trong đó nêu lên việc áp dụng những điều cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Năm 1930, khi 40 tuổi, Người thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tại Cửu Long, Hương Cảng. Một giai đoạn mới của cuộc đấu tranh đã đến.

Con đường cách mạng của Người thật dài và khó khăn. Người là nhà cách mạng kiên trì đã đào tạo nên bao cán bộ. Năm 1941, Người sáng lập Mặt trận Việt Minh, là tổ chức đã tập hợp rộng rãi các lực lượng yêu nước của Tổ quốc mình. Từ đây, Người lấy tên là Hồ Chí Minh "Con người chiếu sáng". Tháng 12 năm 1944, Người đã ký lệnh thành lập "Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân" với 34 chiến sĩ do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy.

Với thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ngày 2 tháng 9 năm đó, Hồ Chí Minh đã tuyên bố sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Nhưng bọn thực dân Pháp không muốn từ bỏ cái mồi ngon của mình và đã tiến hành cuộc chiến tranh để chiếm lại Việt Nam và Đông Dương với sự giúp đỡ của các thế lực đế quốc khác. Những năm tháng đấu tranh mới lại diễn ra. Sau 9 năm chiến tranh, sức mạnh quân sự của thực dân Pháp đã bị đập tan tại Điện Biên Phủ. Tháng 7 năm đó, với việc ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ (Genève) các dân tộc Đông Dương đã giành được độc

lập. Với vũ khí của mình, Hồ Chí Minh đã là tác giả của thắng lợi đó. Lúc này Người đã 64 tuổi và tên tuổi của Người đã được ghi vào những trang sử vẻ vang nhất.

Bốn mươi chín ngày sau khi ký Hiệp định Giơ-ne-vơ, Mỹ âm mưu và bắt bọn tay sai của chúng thành lập cái gọi là "Hiệp ước phòng thủ Đông Nam Á", gọi tắt là SEATO nhằm mục đích tiến hành cuộc xâm lược chống lại các nước Đông Dương, vi phạm Hiệp định Giơ-ne-vơ. Sau đó Mỹ đã thiết lập một chế độ bù nhìn ở Sài Gòn và biến đường ranh giới quân sự tạm thời ở vĩ tuyến 17 theo Hiệp định Giơ-ne-vơ thành một biên giới giữa hai miền Bắc và Nam của Việt Nam. Chúng vi phạm các điều khoản quy định việc tổ chức tổng tuyển cử để nhân dân Việt Nam thực hiện quyền tự quyết của mình. Những hành động đó đã thúc đẩy sự nổi dậy của nhân dân năm 1960. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập để giải phóng đất nước khỏi ách đô hộ của Mỹ và lật đổ nền độc tài của bọn bù nhìn Sài Gòn. Hành động leo thang của Mỹ ngày càng ác liệt và dã man. Trong những năm 1961-1964, chúng tiến hành cuộc "chiến tranh đặc biệt" với những kế hoạch nhằm phá tan trong ít tháng cuộc chiến tranh nhân dân. Sau khi "chiến tranh đặc biệt" bị thất bại chúng đã tiến hành cuộc chiến tranh tổng lực trong những năm 1965-1968. Và vào tháng 8 năm 1964, Mỹ đã trực tiếp tấn công nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà với cái cớ do chúng tạo ra gọi là "Sự kiện Vịnh Bắc Bộ". Đến năm 1970, việc xuất bản cuốn sách "Những tài liệu mật của Lầu Năm Góc" đã vạch trần sự dối trá của đế quốc. Khẩu hiệu của Mỹ là "Bắt miền Bắc quỳ gối để chiến thắng ở miền Nam". Mỹ đã tiến hành chính sách "đốt sạch, giết sạch, phá sạch", cuộc chiến tranh chất độc hoá học và sử dụng các vũ khí giết người như bom na-pan, bom phốt-pho. Đó là cuộc chiến tranh huỷ diệt sinh thái vô nhân đạo nhất trong lịch sử.

Có lúc để chống lại nhân dân Việt Nam, chúng đã phải huy động đến nửa triệu lính Mỹ, cùng với hàng triệu tên lính Sài Gòn và một phần tư triệu tên lính đánh thuê và quân đội của một số nước khác trong khối SEATO.

Bằng cuộc chiến tranh nhân dân, do Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu, nhân dân Việt Nam đã đương đầu với bọn chúng. Thế giới đã chứng kiến bản anh hùng ca bất tử đó. Đấy là cuộc chiến đấu của Đa-vit chống lại tên khổng lồ Giô-li-at. Mỹ đã phạm một sai lầm nghiêm trọng: chúng đã

quên rằng Hồ Chí Minh có quyết tâm chiến đấu bằng những vũ khí thô sơ chống lại kẻ thù hùng mạnh và sẽ đánh bại chúng. Sau cuộc tiến công Tết Mậu thân đầu năm 1968, Mỹ buộc phải ngồi vào bàn thương lượng với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và sau đó bắt đầu cuộc thương thuyết bốn bên trước một sự thất bại không thể tránh khỏi, một sự thất bại to lớn như thất bại của Pháp năm 1954. Trong những thập kỷ đó, Hồ Chí Minh đã thể hiện biết bao tài năng về ngoại giao của mình.

Trong khi cuộc hội đàm ở Pa-ri đang tiếp diễn, ngày 2 tháng 9 năm 1969, Bác Hồ đã qua đời. *Di chúc* của Người để lại đã viết: "Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn".

Người căn dặn: "Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới". Ngày 30 tháng 4 năm 1975, cuộc chiến đấu của Việt Nam đã giành toàn thắng với "Chiến dịch Hồ Chí Minh" lịch sử.

Trong một diễn văn đọc tại thành phố Hà Nội vào tháng 9 năm 1973, đồng chí Phi-đen Ca-xtơ-rô đã nói: "Đồng chí Hồ Chí Minh đã biết áp dụng một cách tài tình các nguyên lý bất tử của chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam và lịch sử đã chứng minh Người có lý, bởi vì bằng cách khác thì không có một dân tộc nào có thể viết nên những trang sử rất anh hùng và quang vinh như trang sử mà nhân dân Việt Nam đã viết nên, nghĩa là đã đánh bại chủ nghĩa thực dân Pháp và sau đó là đánh bại đế quốc Mỹ".

Nhưng phải chăng cuộc đời của Hồ Chí Minh đã kết thúc cùng với cái chết của Người sao? Không phải như vậy. Cuộc đời của Người là một hạt giống lớn lên thành một cây tuyệt đẹp. Đấy là cái cây và tấm gương của Người. Từ đấy đến nay và mãi mãi về sau, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn là một tấm gương của một nhà yêu nước, một nhà cách mạng, một người xã hội chủ nghĩa, quốc tế chủ nghĩa.

Bây giờ, kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người, ta hãy nhìn thế giới chung quanh ta, thế giới chúng ta đang sống, để so sánh với cái thế giới lúc mà chàng thanh niên Nguyễn Ái Quốc đã ra đi tìm con đường để phá tan những xiềng xích của chủ nghĩa thực dân đang kìm kẹp dân tộc mình

và một phần lớn các dân tộc trên thế giới. Chủ nghĩa thực dân đã bị quét sạch khỏi mặt đất. Người là một tấm gương của lòng nhân hậu, tính giản dị và khiêm tốn. Đồng thời Người còn là một tấm gương của tính kiên quyết và táo bạo cách mạng. Người nói: "Không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền". Người là hình tượng của dân tộc Việt Nam, là người thầy của các thế hệ, là tác giả của các công tác tổ chức và tuyên truyền. Người là nguồn cổ vũ ngay từ lúc còn trẻ, đối với châu Á, các nơi khác trên thế giới và thế giới thứ ba ngày nay. Người có lòng tin vào nhân dân mình và vào tất cả các dân tộc. Chính Người lúc còn là Nguyễn Ái Quốc đã nói rằng: "Thắng lợi hay thất bại của công việc phụ thuộc phần lớn vào tư tưởng, thái độ, đạo đức và phong cách làm việc của chúng ta".

Hồ Chí Minh là tác giả vĩ đại của cách mạng Việt Nam, cuộc cách mạng với bản chất của nó, trong nguồn gốc của nó, trong cuộc đấu tranh và chiến thắng của nó luôn là nguồn cảm hứng và là người chỉ đường. Và cuối cùng chữ Bác Hồ là chữ đã thể hiện đồng thời tình cảm, sự kính trọng và ý nghĩa của những giá trị đó. Tấm gương của Bác Hồ tiếp tục là nguồn cảm hứng để không yếu đuối trong đấu tranh giành lấy tương lai, để không dừng lại ở điều đạt được mà luôn luôn tiến lên phía trước.

Đã một phần tư thế kỷ trôi qua kể từ khi cuộc leo thang của đế quốc Mỹ chống nhân dân Việt Nam bắt đầu thể hiện với bộ mặt tàn bạo và ở Cu-ba đã thành lập "Uỷ ban Cu-ba đoàn kết với Việt Nam", do đồng chí Men-ba Héc-nan-đê (Melba Hernandes) làm chủ tịch. Đó là Uỷ ban đầu tiên thành lập trên thế giới.

Chính từ cái Uỷ ban trên sau đó đã hình thành Uỷ ban Cu-ba đoàn kết với Việt Nam, Cam-pu-chia và Lào, nơi mà chúng ta biết thế nào là tình đoàn kết, thế nào là kết nghĩa anh em với các dân tộc, với các nền văn hoá của họ, với những giá trị của nó, hiểu biết những truyền thuyết của họ, những người anh hùng và cuộc sống của họ. Đó là những năm mà trong mỗi nhà máy, trên mỗi cánh đồng, trong mỗi nhà trường, mỗi nơi của đất nước chúng tôi, chúng tôi xem sự nghiệp của các dân tộc anh em như là sự nghiệp của chính mình. Đấy là những năm mà 20.000 tổ nghiên cứu về Việt Nam được nhân ra trên toàn hòn đảo Cu-ba với tất cả sự nhiệt tình và sự sâu sắc. Đấy là những năm đã tổ chức nhiều cuộc hội nghị, những ngày lao động, những cuộc Hội thảo chống lại cuộc chiến tranh diệt chủng.

Đấy là những năm mà tiếng nói của Cu-ba cách mạng đã được lắng nghe, tiếng nói kiên quyết trong tất cả các cuộc hội thảo quốc tế và ở toà án Rút-xen (Russell) và tại Uỷ ban quốc tế chống tội ác của Mỹ ở Đông Dương. Đấy là những năm có nhiều bài phân tích và lên án chủ nghĩa đế quốc Mỹ, những năm có nhiều cống hiến nhiệt tình. Trong nhân dân chúng tôi hình ảnh và tấm gương của Hồ Chí Minh luôn luôn có mặt. Qua con người của Hồ Chí Minh chúng tôi nhìn thấy chủ nghĩa anh hùng của dân tộc Việt Nam.

Như đồng chí Phi-đen Ca-xtơ-rô đã nói:

"Đã nhiều lần người ta nói rằng các đồng chí Việt Nam rất cám ơn nhân dân ta vì tình đoàn kết của chúng ta. Cám ơn chúng ta vì chúng ta đã thể hiện "vì Việt Nam chúng ta sẵn sàng hiến dâng ngay đến cả máu của mình". Nhưng chính chúng ta, chính các dân tộc đang bị bọn đế quốc đe doạ, những nước đang đấu tranh giải phóng và đang đương đầu với sự đe doạ của Mỹ, chúng ta phải cám ơn nhân dân Việt Nam".

Ngày nay trong tình hình căng thẳng này của thế giới, Hồ Chí Minh vẫn luôn có mặt với những lý tưởng của mình, với những cống hiến của mình, với tinh thần và lòng tin của mình. Đấy là Bác Hồ - Người luôn lao về phía trước, sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng với những vũ khí thô sơ chống lại những kẻ thù có vũ khí hùng mạnh; những nguyên lý của Người là nghìn lần hùng mạnh hơn cả.

Người đã hoàn thành đầy đủ sự nghiệp của đời mình, cũng chính là sự nghiệp của dân tộc Người, sự nghiệp của tất cả các dân tộc cách mạng.

Nhưng Người không phải là một kỷ niệm của quá khứ. Người là một con người diệu kỳ cho tất cả mọi thời đại. Những lời nói sau đây của Phi-đen: "Ở dân tộc Việt Nam chúng ta có thể nhận thấy sự giáo dục của một đảng cách mạng và những dấu ấn tuyệt vời đã để lại trong trái tim và tâm hồn của nhân dân Việt Nam - đó là những lời dạy của Hồ Chí Minh".

Đấy là hình tượng mà tất cả những người Cu-ba, tất cả những người có lương tri trên thế giới nhìn thấy ở Nguyễn Ái Quốc - "Người yêu nước", ở Hồ Chí Minh - "Người chiếu sáng", ở Bác Hồ - vị Chủ tịch kính mến.

NHỮNG GIÁ TRỊ CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH *

Giáo sư W. LU-LÂY (W. LULEI)
Khoa nghiên cứu châu Á, Trường đại học MBOLD, (CHDC Đức)

Trước hết, tôi xin chân thành cám ơn Ban tổ chức đã mời tôi đến dự Hội thảo quốc tế về Hồ Chí Minh nhân dịp kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người. Nhân dịp này tôi có viết hai báo cáo:

1. HỒ CHÍ MINH VỚI NƯỚC ĐỨC
2. HỒ CHÍ MINH VÀ THỜI NAY

Tôi hy vọng rằng việc nghiên cứu của mình, cùng Hội nghị khoa học của chúng ta sẽ góp phần chứng minh rõ hơn những cống hiến của tư tưởng Hồ Chí Minh, những giá trị còn nguyên của những tư tưởng ấy tới hôm nay. Chúng tôi cho rằng chúng ta cũng không cần nhắc lại nhiều những cống hiến to lớn của Hồ Chí Minh đã được lịch sử khẳng định mà ai cũng thấy rõ ràng.

Hồ Chí Minh đã hoạt động ở nước ngoài khoảng 30 năm. Trong 30 năm đó, Người chỉ lưu lại ở nước Đức có một thời gian ngắn. Mặc dù vậy, quan hệ của Người với nhân dân Đức, với Cộng hoà Dân chủ Đức có tính chất đặc biệt.

Là những người nghiên cứu lịch sử, chúng tôi phải thú nhận rằng về hoạt động và quan hệ giữa Người với nước Đức, với nhân dân Đức, có nhiều chỗ chúng tôi chưa biết rõ: Hồ Chí Minh lần đầu tiên đến nước Đức vào năm 1923 hay là sớm hơn? Quan hệ giữa Hồ Chí Minh với Cla-ra Zét-kin và Vin-hem Pích cụ thể ra sao? Hồ Chí Minh có quan hệ với Éc-nét Ten-lơ-man không? Chúng tôi đã cố gắng sưu tầm một số tư liệu, khai thác những quan hệ giữa Hồ Chí Minh với nhân dân Đức.

---

* Đầu đề do chúng tôi đặt (BBT).

Nhưng ngày nay, đối với chúng ta có một vấn đề quan trọng là: sự nghiệp, tư tưởng của Người có ý nghĩa gì? Việc nghiên cứu về Người liệu có thể giúp chúng ta giải quyết những vấn đề hiện tại của loài người không?

Tôi đã từng hỏi một số người ở nước Đức và một số bạn ở châu Âu: Hồ Chí Minh là ai? Phần đông đều trả lời tôi: Hồ Chí Minh là người lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và xâm lược Mỹ của nhân dân Việt Nam. Hồ Chí Minh là một nhà hoạt động nổi tiếng của Đảng Cộng sản Việt Nam và phong trào Cộng sản quốc tế.

Trong ký ức của bao người Hồ Chí Minh trước hết là biểu tượng của cuộc chiến tranh thiêng liêng của dân tộc Việt Nam chống chủ nghĩa thực dân. Hồ Chí Minh đã trở thành điểm hội tụ, nhờ đó Mặt trận đoàn kết dân tộc, dù gặp bao nhiêu khó khăn trở ngại đã có thể vượt qua, tiến tới vững mạnh. Chẳng phải ngẫu nhiên, tên Người - Hồ Chí Minh đã trở thành lời kêu gọi đoàn kết đấu tranh của nhiều cuộc biểu tình lớn ở nhiều nước Tây Âu vào cuối những năm 60.

Một vấn đề lớn cần nghiên cứu nữa là: Vai trò của Hồ Chí Minh trong việc phấn đấu cho hoà bình, sự hiểu biết giữa các dân tộc, sự hợp tác thân thiện và việc giải quyết phi bạo lực mâu thuẫn giữa các quốc gia còn chưa được nghiên cứu đánh giá đầy đủ.

Quan điểm của Hồ Chí Minh rất phù hợp với quan điểm của chúng ta ngày nay trong việc giải quyết các xung đột quốc tế.

Thực tế sau cuộc chiến tranh thế giới thứ II, xu hướng giành hoà bình thế giới bằng các giải pháp phi bạo lực còn yếu. Chính Hồ Chí Minh, ngay từ những ngày đầu sau Cách mạng Tháng Tám 1945 ở Việt Nam, luôn mong muốn hoà bình bằng việc đàm phán với Pháp. Hoà bình, hạnh phúc cho nhân dân, đó là ý nguyện suốt đời của Người.

HỒ CHÍ MINH NHÌN THEO TRIỂN VỌNG: CÁC NHÀ LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG VÀ CÁC TRUYỀN THỐNG VĂN HOÁ ĐƯỢC PHỤC HỒI Ở ĐÔNG NAM Á

BÉC-NA ĐAM (BERNHARD DAHM)
Giáo sư Trường Đại học Passan Cộng hoà Liên bang Đức

Trong những năm 1950, khi tôi bắt đầu nhận thức được cuộc đấu tranh của người Việt Nam cho độc lập và, sau đó, cho sự thống nhất dân tộc của mình, cũng như nhiều người khác khắp thế giới, tôi hết sức chú ý đến sự lãnh đạo và sự kiên trì mà Hồ Chí Minh đã đem đến cho nhân dân mình. Nhưng mãi về sau, tôi mới có sự quan tâm khoa học tới nhà lãnh đạo Việt Nam này. Đó là sau những cuộc thảo luận với Pôn Muýt (Paul Mus), một chuyên gia về Việt Nam của Pháp, ông dạy tôi vào cuối những năm 1960 tại Trường đại học I-ê-lơ (Yale), ông thấy tôi đang viết quyển sách về Xu-các-nô (Sukarno) (chúng tôi sống cùng nhà) và ông gợi ý nếu so sánh hai nhà lãnh đạo "hai cuộc Cách mạng Tháng Tám của Đông Nam Á năm 1945 thì rất đáng công".

Giờ đây tôi có dịp quay trở lại gợi ý này và tôi làm điều đó với lòng biết ơn lời khuyên của nhà học giả Pháp nổi tiếng đã có lần đích thân gặp Hồ Chí Minh và có kể cho tôi nghe câu chuyện đầu tiên về nhân cách hấp dẫn của Người.

Khi chuẩn bị bài viết, tôi thấy là sẽ có ích nếu đưa vào cả những nhà lãnh đạo Đông Nam Á mà ta có thể so sánh trực tiếp với Hồ Chí Minh như Tan Ma-la-ka, hay những người cùng có ảnh hưởng quyết định tới cuộc đấu tranh giành độc lập ở nước mình, như A-ung Xan ở Miến Điện. Làm thế nào để giải thích sự thành công hay thất bại, hay ảnh hưởng của họ tới quần chúng? Họ có điểm gì chung, bất chấp mọi khác nhau hiển nhiên không? Tôi nghĩ là có. Họ đều hoạt động trong một lĩnh vực truyền thống văn hoá được phục hồi để chống lại ách thống trị thực dân ở đất

nước mình và tôi thấy trước hết phải bàn đến sự phục hồi truyền thống để hiểu rõ hơn các hành động, các thất bại và thành công.

a) Các câu trả lời khác nhau cho sự thống trị thực dân ở Đông Nam Á

Vào cuối thế kỷ XIX, toàn bộ các nước Đông Nam Á trừ Vương quốc Xiêm, tức Thái Lan hiện nay, đều chịu ách thống trị thực dân: người Anh làm chủ Miến Điện và Mã Lai; người Pháp làm chủ Đông Dương gồm Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia; người Hà Lan làm chủ quần đảo In-đô-nê-xi-a và người Tây Ban Nha bị người Mỹ thay thế ở Phi-lip-pin.

Nếu các dân tộc Đông Nam Á muốn chống lại những thách thức của các cường quốc thực dân đối với nhịp sống truyền thống, các phương tiện tồn tại kinh tế, diện mạo dân tộc và lòng tự trọng của họ, thì họ phải dựa vào khả năng của mình. Và ở đây, ta thấy những câu trả lời rất khác nhau từ nước này sang nước khác, một phần là do những "tính cách" dân tộc khác nhau.

Việt Nam bị chia thành Bắc, Trung, Nam đã chiến đấu dữ dội nhất để tồn tại dân tộc trong các vùng bị thực dân hoá ở Đông Nam Á. Nước họ đã được thống nhất vững chắc dưới triều Nguyễn* từ đầu thế kỷ XIX và họ có một bộ máy hành chính hoạt động tốt có thể trở thành xương sống của phong trào "Cần Vương" sau khi vua Hàm Nghi rời khỏi cung điện năm 1885. Người Pháp cũng sáp nhập Lào và Cam-pu-chia trong mưu toan phục hồi cái vinh quang họ đã mất ở châu Âu trong những năm 1870, nhưng vấp phải sự kháng cự dũng cảm của người Việt Nam và trong tương lai, người Việt Nam phản ứng lại dữ dội hơn đối với các hình thức thống trị ở Việt Nam so với mọi nơi khác ở Đông Dương. Do đó, ở nước Việt Nam bị thực dân hoá không thể phát triển một đời sống chính trị "bình thường" với các đảng phái theo đuổi những thay đổi chủ yếu trong chính sách thuộc địa, hay thậm chí yêu cầu độc lập như điều xảy ra ở Miến Điện hay In-đô-nê-xi-a sau khi một giới thượng lưu mới xuất hiện.

Hậu quả của sự không dung thứ này của Pháp là các trung tâm thực sự đấu tranh chống thực dân Pháp xuất hiện ở ngoài Việt Nam, trái lại ở Miến Điện và In-đô-nê-xi-a, hành động chính đòi cải cách và việc tổ chức

---

* Thật ra nước ta đã được thống nhất từ triều Tây Sơn Nguyễn Huệ (BBT).

kháng cự là xuất phát từ trong nước. Ta phải nhớ đến điều này nếu ta so sánh chẳng hạn, thành công của Hồ Chí Minh là Người chủ yếu hoạt động ở Nam Trung Quốc trong việc tổ chức sự kháng cự cộng sản và sự thất bại của Tan Ma-la-ka, bạn đồng nghiệp của Người ở Quốc tế Cộng sản cũng tìm cách làm như thế cho In-đô-nê-xi-a từ Xin-ga-po hay Băng-cốc[1]. Điều này cũng đúng cho những người lãnh đạo cộng sản ở một giai đoạn muộn hơn tìm cách tác động đến những sự phát triển ở nước nhà từ Ấn Độ và Trung Quốc trong chiến tranh thế giới thứ II[2]...

b) Những truyền thống văn hoá sống lại ở Việt Nam

Để lập lại câu hỏi của chúng tôi, ta có thể nói đến sự phục hồi các truyền thống văn hoá như là bộ phận trong cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa đế quốc Pháp được không? Tôi cho là có thể, và thậm chí cần phải nói. Thành công chưa từng thấy của Hồ Chí Minh sau khi thành lập tổ chức Thanh niên (tức Thanh niên cách mạng đồng chí hội), sự phát triển các chi bộ ở Việt Nam từ khi các nhà lãnh đạo trẻ tuổi từ Quảng Châu về Việt Nam và thành luỹ Đảng Cộng sản sau khi được thành lập đòi hỏi sự giải thích vượt xa ảnh hưởng của Quốc tế Cộng sản và những khả năng của Hồ Chí Minh với tư cách cán bộ hoạt động thành công của Quốc tế Cộng sản ở phương Đông. Tôi cho rằng chìa khoá của sự thành công này là ở truyền thống các hội kín ở Trung Quốc, cũng như ở Việt Nam. Nó sống lại khi người Pháp không cho phép có các đảng chính trị với tính cách công cụ phản đối và phê bình chế độ thực dân được hoạt động.

Chính phủ thực dân Pháp có thể truy nã và đầy ải những nhà lãnh đạo lỗi lạc như Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh, khi nó đã đặt các đảng chính trị ở Việt Nam ra ngoài vòng pháp luật sau các biến cố 1908. Nhưng nó không thể bắt bớ và đầy ải hết các thành viên các tổ chức xã hội, nghề nghiệp hay công cộng mọc như nấm ở Việt Nam vào thời kỳ này. Những tổ chức này, dù mang tên gì để che đậy hoạt động như là những hội kín, được xem như những phương tiện để tỏ rõ sự bất bình chống thực dân mà quyển sách của Giooc-giơ Công-le (George Conlet) với

1. *Về Tan Ma-la-ka*, Xem Harry A. Poeza, *Tan Malaka*. Levensloop van 1897 tot 1945, S' Gravenhague 1976.
2. *Về các hoạt động của những người cộng sản Miến Điện ở Ấn Độ và Trung Quốc*. Xem Robert H. Taylor. *Chủ nghĩa Mác và kháng chiến ở Miến Điện, 1942 - 1945*, Atheno (Ohio), 1984.

đầu đề "Các hội kín trên đất An Nam" xuất bản năm 1926 đã có giá trị thông tin tốt.

Trái với các khu vực "Ấn Độ hoá" (về mặt trận văn hoá) là nơi có các phong trào tôn giáo có thể được sử dụng để chống lại chính quyền thực dân, ở các vùng "Trung Quốc hoá" các tôn giáo này không tồn tại. Cái tồn tại và có thể được dùng, là những tổ chức như cán bộ và các quan điểm trần thế. Đó là hình ảnh báo trước đảng kiểu Lênin thế kỷ XX kể cả hệ tư tưởng trần thế và quan niệm rằng "thiên đường" hay những hoàn cảnh giống như thiên đường có thể thực hiện ngay ở thế giới này. Các hội kín này là nơi ẩn náu những người ly khai về chính trị các thế kỷ trước đây, và nay cũng là nơi ẩn náu sau khi người châu Âu đã trở thành chủ nhân đất nước.

Sự lan tràn nhanh chóng chủ nghĩa cộng sản trong bộ phận trước đây bị "Trung Quốc hoá" của Việt Nam, tức là Bắc kỳ và Trung kỳ cuối những năm 1920 và vào 1930, và sự kháng cự mạnh mẽ của những Xô viết mới thành lập chống lại chính quyền thực dân Pháp năm 1930 - 1931 không có gì sánh kịp trong bất kỳ bộ phận nào khác của Đông Nam Á.

Sự bóc lột kinh tế cũng tương tự như ở các nước khác, sự tuyển mộ lao động bắt buộc và thuế má nặng nề không chỉ thu hẹp vào Việt Nam và ở những chỗ khác của Đông Nam Á cũng có những Đảng Cộng sản. Nhưng chỉ ở Việt Nam chủ nghĩa cộng sản mới có thể bắt rễ và theo tôi, chủ yếu là do nhà lãnh đạo Hồ Chí Minh biết khéo léo sử dụng một truyền thống văn hoá hồi sinh.

c) Các nhà lãnh đạo cách mạng ở Đông Nam Á so với Hồ Chí Minh

1. Tan Ma-la-ka, nhà quốc tế chủ nghĩa

Ta hãy xem xét những kinh nghiệm của một đồng nghiệp của Hồ Chí Minh ở Quốc tế Cộng sản thời kỳ đầu là Tan Ma-la-ka người Tây Xu-ma-tra, một người cách mạng đồng thời với Hồ Chí Minh, là người có thể so sánh với Người tốt hơn ai hết.

Tan Ma-la-ka[1], cũng như Hồ Chí Minh, thuộc giai cấp trung lưu đã đi học ở Hà Lan và trở về In-đô-nê-xi-a tháng 11-1919 để dạy các cu-li trong

1. Tôi chủ yếu theo tiểu sử chính của Tan Ma-la-ka do Harry A. Poeza viết. Xem chú thích 1, tr.118.

một đồn điền ở Đông Xu-ma-tra. Lúc đó, ông đã biết đôi chút về chủ nghĩa cộng sản, nhưng ông trở thành đảng viên tích cực Đảng Cộng sản ở In-đô-nê-xi-a (PKI) thành lập tháng 5-1920, chỉ sau khi ông trở về Gia-va, về trung tâm hoạt động thuộc địa và chống thuộc địa sau này vào năm ấy. Ông thành công trong việc dựng lên những trường học phổ biến tư tưởng cộng sản trong nhân dân theo Hồi giáo đến nỗi năm 1921 đã được chọn để lãnh đạo Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a.

Tan Ma-la-ka, người không chịu trách nhiệm về sự chia rẽ giữa cộng sản và Hồi giáo, tìm cách thuyết phục các lãnh tụ hai nhóm cộng sản và Sa-rê-kat Hồi giáo cần phải đấu tranh chung chống lại chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, phối hợp Hồi giáo với chủ nghĩa xã hội. Sau đại hội II của Quốc tế III, đây cũng là đường lối của Quốc tế Cộng sản theo luận điểm Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Nhưng người ta không thể nói rằng chính "luận điểm" này mở đầu chính sách thoả hiệp, đó là tin tưởng chân thành của nhiều người In-đô-nê-xi-a bấy giờ cho rằng Hồi giáo và chủ nghĩa Mác không loại trừ nhau.

Những cuộc tấn công của Tan Ma-la-ka vào chính phủ thực dân với tư cách là công cụ của CNTB và CNĐQ phương Tây để bóc lột nhân dân In-đô-nê-xi-a trong các bài báo và diễn văn trước những đám đông lớn, chẳng bao lâu được báo lại cho chính phủ. Người ta cảnh cáo nhưng không can thiệp công khai cho đến tháng 2-1922, khi Tan Ma-la-ka bị bắt, và theo cái gọi là "quyền lực quá đáng" của toàn quyền, một vài tháng sau, ông bị trục xuất khỏi quần đảo In-đô-nê-xi-a. Tan Ma-la-ka sống ít lâu ở Hà Lan, rồi sang Mát-xcơ-va và ở tại đây cho đến cuối 1923. Từ đó, ông quay lại Đông Nam Á như một nhân viên của Quốc tế Cộng sản để khuyên Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a từ bên ngoài và khuyến khích thành lập các Đảng Cộng sản khác trong vùng Đông Nam Á. Tan Ma-la-ka sang Xinh-ga-po, ở Thái Lan ít lâu, ở Phi-lip-pin và Hồng Kông và 20 năm sau đó không trở lại In-đô-nê-xi-a, mà chỉ trở lại sau khi quân Nhật chiếm đóng năm 1942.

Dễ dàng phát hiện những sự giống nhau của Tan Ma-la-ka với sự phát triển của Hồ Chí Minh trong giai đoạn là Nguyễn Ái Quốc, cả hai xuất thân từ những gia đình trung lưu, đều sống trong chiến tranh thế giới I ở nước của các ông chủ thực dân, đều bị thu hút bởi thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga và bắt đầu xem chủ nghĩa Mác - Lê-nin là

bạn đồng minh của cuộc đấu tranh cho tự do của dân tộc mình; cả hai gia nhập một Đảng Cộng sản năm 1920, đi Mát-xcơ-va đầu những năm 1920, được Quốc tế Cộng sản phái đi để đẩy nhanh sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản tới Đông Nam Á, đều bị giam ở Hồng Kông vào 1931-1932 và có thể đều được thả cùng một lúc và không trở lại Tổ quốc trước khi chiến tranh thế giới II nổ ra.

Nhưng lại có những sự khác nhau quan trọng trong sự nghiệp của Hồ Chí Minh và Tan Ma-la-ka, chắc chắn hai người phải biết nhau, nhưng bất chấp mọi sự giống nhau, vẫn không phát triển một quan hệ chặt chẽ hơn. Có thể điều này không xảy ra vì những lý do chiến thuật nhưng cũng có thể do sự khác nhau về quan điểm và tính cách: Hồ Chí Minh nổi tiếng là "người bí mật", có lẽ do mật thám theo dõi nên Người tìm cách che giấu tung tích mình bất cứ nơi nào Người đến. Chỉ có trời biết Hồ Chí Minh đã dùng bao nhiêu biệt hiệu trong thời gian hoạt động chính trị ở ngoài Việt Nam, chúng ta biết khoảng 12 tên và điều đó khiến người nghiên cứu khó biết Người ở đâu.

Tan Ma-la-ka, cũng bị theo dõi như là một cán bộ Quốc tế Cộng sản ít bí mật hơn. Chúng ta có đọc tự truyện của ông ta với cái nhan đề hấp dẫn "Hết nhà tù này sang nhà tù khác" phản ánh những quan tâm của ông trong thời gian viết tự truyện, và chúng ta có những thông tin chi tiết nhờ các bức thư chi tiết của ông, cho nên chúng ta hiểu khá rõ về các kế hoạch và các hành động của ông[1]. Trong các tác phẩm, Tan Ma-la-ka có vẻ phân tích hơn, thậm chí đôi khi triết lý hơn, nhưng ít hướng về hành động hơn, khác với điều ta biết về Hồ Chí Minh, không những từ khi Người thành lập các tổ chức, mà cả qua các báo cáo của Người trước các Đại hội của Quốc tế Cộng sản năm 1924 với tư cách là Nguyễn Ái Quốc và năm 1928 với tư cách là An, và qua các bài trong Inprecorr (Thư tín quốc tế).

Trong hoạt động cách mạng, Tan Ma-la-ka không thành công bằng Hồ Chí Minh. Bao giờ Hồ Chí Minh cũng có một nhận thức sâu sắc về thời gian và thời cơ. Ta thấy điều đó qua việc thành lập Thanh niên, lợi dụng các truyền thống hồi sinh của các hội kín, còn thấy rõ hơn trong việc Người thành lập Việt Minh năm 1941, tận dụng tình thế mới ở Đông Dương sau khi quân đội Nhật đến. Ta có thể đặc biệt thấy điều đó trong

1. Một tuyển tập các bức thư này được xuất bản cuối mỗi chương quyển *Tan Ma-la-ka* của Poeze.

việc chuẩn bị Cách mạng Tháng Tám, điều chứng tỏ sự thấy trước tài giỏi các biến cố bắt đầu bằng trung lập hoá Pháp năm 1945 đến việc Nhật đầu hàng vào tháng tám. Người Việt Nam sẵn sàng đối với từng biến cố.

Quay trở lại Tan Ma-la-ka, rõ ràng ông ta thiếu ý thức này về thời cơ. Các lời khuyên và kế hoạch chiến lược của ông là có giá trị trong một thời gian dài, biểu lộ qua suốt cuộc chiến tranh đòi độc lập của In-đô-nê-xi-a cũng như trong cuộc cách mạng sau đó của nó. Nhưng ông không thể ảnh hưởng đến những sự phát triển vào những giây phút quyết định nhất của lịch sử In-đô-nê-xi-a, ông không thể ngăn cản sự nổi dậy sớm của Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a năm 1926 dù ông biết chắc là nó sẽ kết thúc thất bại, và sự thực là thế. Việc ông thành lập một đảng tiếp tục Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a là Đảng Cộng hoà In-đô-nê-xi-a xảy ra ở một nơi và vào một thời gian không đúng: Nó được thành lập ở vườn nhà vua của vua Pơ-ra-gia-ti-tốc (Prajathitok) tại Băng-cốc dưới những vẻ mặt tươi cười của một số Phật ngày 2-6-1927[1] đúng 4 tuần trước khi một nhà dân tộc chủ nghĩa trẻ tên là Xu-các-nô tìm cách tập hợp ở Gia-va mọi lực lượng cách mạng còn lại trong NPI, Đảng Dân tộc chủ nghĩa In-đô-nê-xi-a. Thực vậy, Đảng này lại thức tỉnh những hy vọng của quần chúng, trái lại Đảng của Tan Ma-la-ka gần như không được nhân dân biết đến.

Có những bằng chứng thêm về sự viễn kiến đồng thời về sự mờ tối đối với những sự xuất hiện đột ngột của Tan Ma-la-ka, chẳng hạn năm 1954, sau khi vắng mặt 23 năm, ông lại xuất hiện ở Gia-các-ta, vào lúc mà sự lãnh đạo của Xu-các-nô bị thách thức dữ dội bởi thành viên các nhóm thanh niên cách mạng hay Pê-mu-đa, họ cho Xu-các-nô là bù nhìn trong tay Nhật. Giá vào lúc hiểm nghèo ấy, Tan Ma-la-ka xuất hiện với bản lĩnh của mình, thì ông sẽ là người đọc bản Tuyên ngôn độc lập In-đô-nê-xi-a ngày 17-8, chứ không phải Xu-các-nô. Nhưng Tan Ma-la-ka đến sau khi Xu-các-nô rõ ràng đã nắm lấy sự phát triển và thế là quá muộn để thực hiện các tư tưởng của mình. Và có nhiều dịp để chuyển hướng tình hình theo hướng của Tan Ma-la-ka sau 1945, mà Hồ Chí Minh đã tận dụng do nhận thức về thời cơ của Người.

Như vậy phải chăng Tan Ma-la-ka không phải là người cách mạng, nếu như ông để cho các cơ hội của cách mạng đi qua? Về tính triệt để của tư tưởng, cũng như về cách nhìn đối với bất công xã hội, Tan Ma-la-ka

1. Xem H. Poeze, sdd, tr.354.

chẳng kém ai. Nhìn lại, cái khiến cho ông rõ ràng là một người cách mạng là cuối cùng ông bị bắn trong khi chiến đấu vào tháng 2-1949 để thực hiện lý tưởng của mình.

2. Xu-các-nô, người Gia-va

... Xu-các-nô, sinh năm 1901, cũng như một số lãnh tụ khác ở châu Á xuất thân từ gốc trung lưu, đã được học trường trung học Hà Lan, bởi vì cha của ông, một giáo viên trường làng muốn ông học tiếng Hà Lan. Do đó, ông sớm tiếp xúc với các lý thuyết phương Tây, với chủ nghĩa Mác, với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa dân tộc, v.v... mà ông thảo luận với những người xã hội Hà Lan ở In-đô-nê-xi-a.

Nhưng đồng thời, ông lại sống trong thế giới các truyền thống văn hoá phục hồi...

Xu-các-nô cũng đã sớm nhìn thấy sự chia rẽ của phong trào giữa Sarekat Hồi giáo và Đảng Cộng sản và cho điều đó là một bất hạnh đối với cuộc đấu tranh giành độc lập, bởi vì nhiều tinh lực của sự phản kháng của quần chúng chống lại ách thực dân lúc này đã bị tiêu phí trong những cuộc chiến đấu vặt vãnh của những người có thể là bạn chiến đấu. Do đó Xu-các-nô thấy nhiệm vụ lớn của mình là hoà giải được các bè phái trong phong trào, sau khi Đảng Cộng sản đã bị đặt ngoài vòng pháp luật năm 1927.

Quần chúng In-đô-nê-xi-a, nhất là Gia-va, thích sự cố gắng không ngừng này để thực hiện sự thống nhất trong một chủ nghĩa hoà đồng có thể chấp nhận được vì họ muốn quen với những cố gắng đạt đến sự tổng hợp từ thời xa xưa. Nhưng mong chờ của cái truyền thống được phục hồi về một lãnh tụ trời ban lại cộng lại và tập trung từ cuối những năm 1920 vào Xu-các-nô, và từ đó, ông ta là vị "anh hùng vĩ đại của quần chúng".

Một giai đoạn có thể so sánh trong cuộc đấu tranh của Hồ Chí Minh là lúc thành lập Việt Minh, khi Người kêu gọi một nhóm hoạt động ở Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống lại sự cai trị của Pháp gia nhập Việt Nam Độc lập Đồng minh. Nhưng đối với Hồ Chí Minh, đây có thể chỉ là một giai đoạn trong quá trình hoàn thành độc lập. Người dựa vào chủ nghĩa Mác - Lênin và mục tiêu của Người là nhà nước xã hội chủ nghĩa, trong đó các đối kháng giai cấp không còn tồn tại nữa. Đối với Xu-các-nô thì các biện pháp của ông là thảo luận chung để đi đến sự nhất trí. Có thể trong những

năm sau này, ông thấy rõ hơn là phải dùng áp lực và võ lực chống những kẻ không theo cải cách. Có nhiều biểu hiện cho thấy ông có cảm tình với cuộc đấu tranh của Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a đã lớn mạnh lên khi ông lãnh đạo chính trị In-đô-nê-xi-a đầu những năm 1960. Nhưng nếu như phải có một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thì ông muốn nó chỉ xảy ra sau khi ông mất, ông cho mình là Tôn Dật Tiên của In-đô-nê-xi-a. Điều bi đát của Xu-các-nô là khi còn là nhà chính trị chịu trách nhiệm, ông phải chứng kiến rằng chính sách của ông để củng cố thống nhất, tiêu biểu bởi Nasakom (có nghĩa là hài hoà giữa các nhóm dân tộc chủ nghĩa, tôn giáo và cộng sản) lại dẫn tới một cuộc tử chiến với một quy mô chưa hề có trong lịch sử In-đô-nê-xi-a.

Một phương diện khác đáng được lưu ý khi so sánh Hồ Chí Minh và Xu-các-nô: Cả hai, ngay trong những năm 1920 đã tin chắc có sự bùng nổ một cuộc chiến tranh ở Thái Bình Dương với những hậu quả to lớn đối với nhân dân châu Á. Hồ Chí Minh nói trong các bài báo trong Inprecorr (Thư tín quốc tế) về "Đông Dương và Thái Bình Dương"[1], "Các nước đế quốc chủ nghĩa và Trung Quốc"[2], "Những vấn đề châu Á"[3] và "Lối cai trị của người Anh"[4] dường như chiến tranh giữa các thế lực đế quốc chủ nghĩa và Nhật là một kết luận dứt khoát là nó có thể nổ ra bất cứ lúc nào. Xu-các-nô sử dụng những sản phẩm này của sự phân tích mác-xít các xung đột trong các buổi nói chuyện trước công chúng In-đô-nê-xi-a. Ông kêu gọi họ "sẵn sàng" tận dụng một cơ hội lớn như thế. Trong bối cảnh này, ông nhắc đến "Joyoboyo", một ông vua Gia-va thời quá khứ xa xôi, đã "tiên đoán" rằng người In-đô-nê-xi-a sẽ thoát khỏi các ông chủ nước ngoài với sự giúp đỡ của những người nhỏ da nâu từ phương Đông đến. Điều này làm cho Đảng Xu-các-nô tăng lên đông đảo, nhưng nó cũng dẫn đến việc chính quyền thực dân giam giữ Xu-các-nô[5].

Các lãnh tụ In-đô-nê-xi-a khác thấy việc Xu-các-nô dùng những mong đợi kiểu cứu thế là tai tiếng, nhưng sau đó họ thấy rằng lòng tin vào sự giúp đỡ nước ngoài đã bắt rễ sâu sắc trong quần chúng, và quả thực có thể sử dụng khi người Nhật đến. Và Xu-các-nô đã làm thế khi ông quay

1. Xem *Inprecorr:* 4-3-1924, tr.340f.
2. Như trên: 10-9-1924, tr.1587f.
3. Như trên: 21-3-1925, tr.357.
4. Như trên: 8-4-1925, tr.447.
5. Dahm, *Sukarno*, sdd, tr.119.

lại sân khấu chính trị sau khi quân Hà Lan đã đầu hàng. Cũng như Hồ Chí Minh, ông đã tận dụng tình thế.

Ông không thể tổ chức các chi bộ ở nông thôn để chuẩn bị cho một cuộc khởi nghĩa như Hồ Chí Minh đã làm với các hội cứu quốc năm 1945. Muốn chuẩn bị điều đó cần có một nhân dân có truyền thống cách mạng như người Việt Nam. Nhưng Xu-các-nô đã có thể truyền vào quần chúng In-đô-nê-xi-a một tinh thần chiến đấu chống Nhật cũng như chống các ông chủ thực dân của họ, người Hà Lan, và điều đó đã gây ấn tượng sâu sắc cho đồng minh, sau khi Nhật đầu hàng năm 1945. Và đây là bước đường đầu tiên đi đến quốc tế thừa nhận nền độc lập In-đô-nê-xi-a đã được tuyên bố ngày 17-8-1945.

Sự phát triển này không những đã có thể có nhờ chính trị của Xu-các-nô, như cuộc Cách mạng Tháng Tám nổi tiếng ở Việt Nam có thể xem là do công của Hồ Chí Minh. Đối với hai cuộc Cách mạng Tháng Tám ở hai nước In-đô-nê-xi-a và Việt Nam thì Xu-các-nô là nhà truyền giáo, Hồ Chí Minh là người tổ chức và cả hai đều thắng lợi mặc dầu người Pháp có thể ngăn cản quốc tế thừa nhận sự độc lập của Việt Nam, vì Pháp mạnh hơn Hà Lan năm 1945 suốt một thập kỷ nữa.

3. A-ung Xan (Aung San) ở Miến Điện

A-ung Xan[1], người trẻ nhất trong các nhà cách mạng đấu tranh cho độc lập ở Đông Nam Á (ông sinh năm 1915) không thể xem là một đại biểu của các truyền thống văn hoá được phục hồi như Xu-các-nô, hay một người giỏi khai thác các hình thức tổ chức và các biểu trưng của nó như Hồ Chí Minh. Nhưng ông không hoạt động ngoài phạm vi của nó như trường hợp của Tan Ma-la-ka, là người chú ý nhiều tới lý luận hợp lôgích, chính đề và phản đề hơn là tới nhân dân quanh ông và cái thế giới chính trị hiện đại đang thay đổi nhanh chóng, do đó thường bỏ lỡ cơ hội áp dụng sự hiểu biết to lớn lý luận về cách mạng để đưa vào thực tiễn. A-ung Xan, người không bỏ lỡ cơ hội nào như thế, cũng như Hồ Chí Minh.

---

1. Theo tôi biết, hiện thiếu tiểu sử chi tiết về A-ung Xan về những thông tin đầu tiên đời ông và sự nghiệp ông, xem Maung Maung (xuất bản), *A-ung Xan của Miến Điện*, Den Haag 1962, hay J. Silverstein (xuất bản). *Di sản chính trị của A-ung Xan*, Data Paper số 86 chương trình DNA, Cornell University, Ithaca, N.Y., 1972.

... Người đại diện truyền thống tôn giáo hồi sinh ở Miến Điện và bằng chứng sinh động của tác dụng của nó đối với cả những người có giáo dục hơn là U Nu, người kế vị A-ung Xan, sau khi ông bị ám sát tháng 7-1947, và là Thủ tướng Miến Điện cho đến cuộc đảo chính quân sự đầu 1962...

A-ung Xan là một "nhân vật chính trị", bao giờ cũng theo đuổi trực tiếp mục tiêu gần nhất. Từ khi ông xuất hiện trong giới sinh viên ở Trường đại học Răng-gun năm 1934, ông vào tổ chức nào thì chẳng bao lâu sau đã trở thành tổng thư ký hay chủ tịch của tổ chức ấy, người ta không thể bỏ qua ông. Những công trình nghiên cứu gần đây cũng xem việc A-ung Xan trở thành Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Miến Điện năm 1938[1] là quan trọng. Nhưng sự tham dự này (nếu như có) vẫn ngắn ngủi. Dĩ nhiên, chủ nghĩa Mác đóng một vai trò quan trọng trong tư duy chính trị của ông trong những năm 1930 và trước đó.

... Không một nhà lãnh đạo cách mạng Đông Nam Á nào đã được kể lại, ít nhất là thỉnh thoảng, lại thô lỗ như A-ung Xan. Ông ta có thể không trả lời những lời chào của bạn bè ngoài đường, không nói "chào" hay "từ biệt" khi đến hay khi đi. Nếu ta nghĩ đến Hồ Chí Minh hấp dẫn và cử chỉ thân mật, mà mọi người đồng chí và ngay cả một vài kẻ thù của Người vẫn nhớ mãi; hay nếu ta nhớ đến cố gắng không biết mệt của Xu-các-nô để hợp nhất, sửa chữa những tổn thất, bắc cầu từ nhóm này sang nhóm khác trong phe những người chiến đấu cho tự do, đi đến việc tổ chức một mặt trận thống nhất về chính trị giữa những người dân tộc chủ nghĩa, Hồi giáo và Cộng sản (Nasakom), hay thậm chí nếu ta nhìn những cố gắng ban đầu của Tan Ma-la-ka để lấp lỗ hổng giữa cánh hữu và cánh tả trong Sa-re-kat Hồi giáo: Tất cả đều ra sức giữ hoà hợp trong hàng ngũ mình, thì hình như chỉ có A-ung Xan là không quan tâm đến điều đó.

... Nhưng A-ung Xan cũng là một người cách mạng thực sự, hoạt động với một tốc độ hối hả, dường như ông biết rằng đời ông sẽ rất ngắn. Và sự nghiệp của ông đã trọn vẹn, thực vậy, kể cả ít nhất là sự thống nhất tạm thời với mọi dân tộc thiểu số trước đây không muốn trở thành bộ phận của liên hiệp Miến Điện, cho đến giờ phút cuối cùng khi ông gục xuống, lúc 32 tuổi đã bị giết bởi bè lũ giết người do một kẻ đối thủ về quyền lực ở Miến Điện thuê.

---

1. Robert Taylor. *Một nước kém phát triển. Nghiên cứu chính trị Miến Điện hiện đại.* SOAS-working paper N.28, London 1983, p.14 và như trên *Chủ nghĩa Mác, sự kháng chiến ở Miến Điện 1942-1945.*

Trong số di sản chính trị mà A-ung Xan để lại có cả việc giải quyết với người Anh, họ đồng ý cho Miến Điện độc lập sau khi điều đó đã rõ ràng, bởi vì nếu không, cuộc chiến tranh giải phóng đáng sợ là không thể tránh được.

Người cách mạng duy nhất khác nữa ở Đông Nam Á mà chúng tôi cho là cũng khôn ngoan như A-ung Xan, nhưng hành động thận trọng hơn, đó là Hồ Chí Minh. Người cũng tìm mọi cách để tránh cho nhân dân khỏi chịu những cuộc chiến tranh giải phóng, mà sau đó sẽ được ghi lại trong những quyển lịch sử là chiến tranh Đông Dương thứ I và thứ II.

Như ta biết rõ Hồ Chí Minh thậm chí đã viết những bức thư và gửi những bức điện cho các Tổng thống và các Bộ trưởng Mỹ từ cuối 1944 đến cuối 1946[1]. Người muốn được họ giúp đỡ và thừa nhận nền độc lập Việt Nam đã được tuyên bố ngày 2-9-1945, với những trích dẫn ở bản Tuyên ngôn độc lập của Mỹ.

Song người Mỹ vào cuối chiến tranh Thế giới thứ II đã xa rời hiến chương Đại Tây Dương (về quyền tự quyết của mọi dân tộc) của họ và các lời tuyên bố cổ vũ đối với chủ nghĩa dân tộc châu Á: "Nếu xét trên thực tế, thì họ đứng về phía các thế lực thuộc địa"[2]. Chính sách trực tiếp của Mỹ sau chiến tranh là thế, những ảnh hưởng của nó cũng thấy ở In-đô-nê-xi-a. Ở đấy, Mỹ chỉ thay đổi chính sách ủng hộ thế lực thực dân sau khi chính phủ Cộng hoà In-đô-nê-xi-a đã dẹp một cuộc nổi dậy cộng sản ở Ma-đi-un (9-1948).

Họ (Mỹ) không thể hình dung rằng đa số nhân dân có thể muốn có một chính phủ cộng sản. Bắt đầu từ 1945, họ mất 30 năm nữa để học được bài học cay đắng này. Họ đã phải trả giá đắt, cũng như người Pháp năm 1946. Các khoản tiền ghi trên các hoá đơn viết bằng tiếng Việt và cho thấy chữ của Hồ Chí Minh. Nếu người Mỹ và người Pháp quan tâm sớm hơn để hiểu những lời kêu gọi của Người, thì họ đã cứu được hàng triệu sinh mệnh và những tài sản vật chất cho họ và cho nhân dân Đông Dương.

---

1. *Nước Mỹ và Việt Nam*, 1944-1947. Một công trình nghiên cứu dựa trên tài liệu mật của Lầu Năm góc, soạn cho Tiểu ban đối ngoại của Thượng viện Mỹ, Washington, 3-4-1972.
2. Roger Louis: *Chủ nghĩa đế quốc bị bế tắc. Nước Mỹ và việc phi thực dân hoá đế quốc Anh*, New York, 1978, tr.532.

GIÁ TRỊ CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG THỜI ĐẠI HIỆN NAY

TÊ-SHÔM KÊ-BÊ-ĐE (TESHOME KEBEDE)
Phó Giám đốc Học viện Chính trị Trường Đảng Ê-ti-ô-pi

Hồ Chí Minh - Trung tâm của quá trình cách mạng ở Việt Nam

Người ta nhận thấy bản chất khoa học của học thuyết Mác - Lênin thông qua mục đích của học thuyết này. Mục đích đó là cung cấp một phương pháp tìm kiếm những giải pháp đúng đắn nhằm biến các tiềm năng của quá trình lịch sử thành hiện thực. Về mặt này, sử dụng những kinh nghiệm thực tế của mình, Hồ Chí Minh đã đặt tư tưởng lý luận của Người trên cơ sở di sản của Lênin trong việc tìm kiếm một cách sáng tạo con đường cụ thể cho việc giải quyết các vấn đề quốc tế và các vấn đề dân tộc.

Để phân tích tỉ mỉ những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh, việc đề cập ngắn gọn đến quá khứ trước kia của Người là một cách làm thích hợp. Hồ Chí Minh, người sáng lập phong trào cộng sản ở Việt Nam, sinh ngày 19-5-1890 trong một gia đình nhân sĩ yêu nước gốc nông dân tại tỉnh Nghệ An, miền Trung Việt Nam[1]. Từ khi còn nhỏ, Hồ Chí Minh đã chứng kiến với sự lo lắng sâu sắc nỗi khổ đau của quần chúng bị chà đạp dưới ách đế quốc Pháp. Vào thời trẻ của Người, Việt Nam chứng kiến sự phát triển của cuộc đấu tranh chống Pháp dưới hình thức các phong trào khác nhau. Ảnh hưởng từ nguồn gốc gia đình cùng với truyền thống anh hùng chống ngoại xâm của nhân dân đã giúp Người trưởng thành, trở thành một người yêu nước kiên định[2].

Năm 1911, làm phụ bếp trên một tàu buôn của Pháp, Hồ Chí Minh đã tới một số thành phố ở châu Á, châu Phi và điều đó đã cho phép Người

1. Shingo Shibata: *Những bài học của cuộc chiến tranh Việt Nam: Sự xem xét về mặt triết học cuộc Cách mạng Việt Nam*, Amsterdam 1973, tr.134.
2. Shingo Shibata: sdd, tr.134.

được chứng kiến nỗi bất công của ách thống trị thực dân[1]. Năm 1913, tại Luân Đôn, Người đã tham gia một tổ chức cách mạng gọi là Hiệp hội những công nhân hải ngoại. Năm 1914, Người tới Mỹ, nơi Người đã thu thập được những thực tế để viết một bài báo bóc trần tính chất lắt léo và mâu thuẫn của nền dân chủ và văn minh tư sản"[2]. Sống ở Pa-ri, Người đã đưa ra với các cường quốc tham dự Hội nghị hoà bình Véc-xây (Versailles), bản yêu sách về quyền tự quyết cho nhân dân Việt Nam và các dân tộc thuộc địa. Khi ở Pháp, Người đã có một vai trò nổi bật trong việc thúc đẩy sự nghiệp độc lập của Việt Nam. Người đã tham gia một cách tích cực những câu lạc bộ cấp tiến của giai cấp công nhân và trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp[3].

Hồ Chí Minh đã thể hiện nhiệt tình yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của Người với việc tổ chức những người cấp tiến từ các thuộc địa của Pháp trong Hội liên hiệp thuộc địa. Là một nhà cách mạng đầy nhiệt huyết, Hồ Chí Minh thể hiện tài năng tổ chức và tuyên truyền của Người. Dưới sự chỉ đạo của chính Người, Hội liên hiệp thuộc địa đã thường xuyên có các cuộc họp và xuất bản tờ báo *Le Paria* (Người cùng khổ), một phương tiện để đề cập đến các vấn đề thực dân và lên án chủ nghĩa đế quốc[4].

Những hoạt động đầy tính chiến đấu và quan điểm khoa học của Hồ Chí Minh đã thu hút sự quan tâm của giới lãnh đạo Quốc tế Cộng sản tại Mát-xcơ-va, coi Người là một nhà cách mạng có những hứa hẹn đặc biệt. Mùa hè năm 1923, người được triệu tập đến Mát-xcơ-va để làm việc tại trụ sở của Quốc tế Cộng sản, Người đã là một thành viên sáng lập Quốc tế Nông dân và đã tham gia Đại hội V Quốc tế Cộng sản tại Mát-xcơ-va năm 1924. Để đảm bảo cho chiến lược Quốc tế Cộng sản ở châu Á, Nguyễn Ái Quốc đã cụ thể hoá sâu sắc việc thành lập phong trào Cách mạng mác-xít ở Việt Nam[5].

Năm 1925, làm việc ở Trung Hoa, Người đã tham gia vào việc thành lập Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức và Việt Nam Thanh niên cách

1. William Duiker: *Con đường đến quyền lực của những người cộng sản ở Việt Nam*. Colombo, 1981, tr.15.
2. S. Shibata: sdd, tr.135.
3. W. Duiker: *Con đường đến quyền lực của những người cộng sản ở Việt Nam*, Colombo, 1981, tr.16.
4. *Hồ Chí Minh và châu Phi*, Hà Nội, 1980, tr.38-42 (bằng tiếng Anh).
5. W. Duiker: sdd, tr.17-18.

mạng đồng chí hội. Năm 1930, tại Hồng Kông, Người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, với một sự áp dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác vào phong trào cách mạng Việt Nam[1]. Do những cố gắng bền bỉ của Người, cuộc đấu tranh cách mạng ở Việt Nam đã được tăng cường[2].

Như những sự kiện tiếp theo đã chứng minh, chủ nghĩa Mác - Lênin và ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười đã tràn tới và thâm nhập vào xã hội Việt Nam nhờ những cố gắng của Hồ Chí Minh[3]. Các điều giảng dạy và chỉ thị cách mạng của Người, trong đó có tính đến các mặt thực tiễn của xã hội Việt Nam đã đặt cơ sở cho thắng lợi của Cách mạng Việt Nam.

Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh, nhiệm vụ của các nhà lý luận mác-xít - lênin-nít là làm phong phú thêm nội dung hoạt động của giai cấp công nhân thế giới, các phong trào cộng sản và giải phóng dân tộc. Việc vạch ra và hoàn thiện những kế hoạch phát triển của xã hội sẽ đảm bảo cách nhìn nhận lịch sử dẫn tới việc tiếp thu một cách sáng tạo những kinh nghiệm mới trong quá trình cách mạng thế giới.

Việc có một quan niệm rõ ràng về quan hệ giữa quốc tế và quốc gia cùng với những quy luật tương ứng về nội dung của thời đại lịch sử cận đại có ý nghĩa quyết định trong việc định rõ chiến lược và chiến thuật của cuộc đấu tranh cách mạng. Như Lênin đã nói: "Chỉ có sự hiểu biết về những nét cơ bản của một thời đại, mới là cơ sở để hiểu những nét cụ thể của nước này hay nước khác"[4]. Cùng với điều đó, việc tiếp thu một cách có hệ thống và sáng tạo giúp xác định sự thống nhất biện chứng giữa tính quốc tế và tính dân tộc, và do đó cho thấy những nét riêng biệt và đặc điểm của phong trào cách mạng của một nước. Về điều này, những thành tựu thực tiễn và lý luận nổi lên từ toàn bộ những kinh nghiệm và tư tưởng cách mạng của tất cả các nước trên thế giới[5], cho thấy sức mạnh của tác động tư tưởng đối với vận mệnh của loài người.

Thế giới trong thời đại ngày nay là một chỉnh thể của tính phụ thuộc lẫn nhau và sự gắn bó hữu cơ. Mặc dù đa dạng, nó phản ánh sự tác động

1. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986, tr.28.
2. Trường Chinh: *Tuyển tập*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1977, tr.769.
3. Trường Chinh: *Tuyển tập*, sdd, tr.770.
4. V.I. Lênin: *Toàn tập*, tập 29, Mát-xcơ-va, 1977, tr.145.
5. V.I.Lênin: *Toàn tập*, sdd, tr.354.

lẫn nhau giữa tính quốc tế và tính quốc gia cũng như phản ánh những biểu hiện của các quy luật chung trong khuôn khổ của những đặc thù nằm trong tình hình cụ thể của nước này hay nước kia[1]. Vì vậy, trong phạm vi vấn đề này, tôi muốn nói những tư tưởng của Hồ Chí Minh vẫn phù hợp với thời đại ngày nay.

Sự đánh giá chính trị sâu sắc dựa trên những nguyên tắc dân chủ của những người mác-xít đã dẫn Hồ Chí Minh đến việc tăng cường và phát triển lý luận lênin-nít về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Trong một loạt bài phát biểu và phân tích sâu sắc về chủ nghĩa thực dân, Hồ Chí Minh đã vạch trần sự bóc lột và áp bức của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á[2]. Dựa trên kinh nghiệm thực tiễn của mình, Người đã bóc trần bộ mặt xảo quyệt mà chủ nghĩa đế quốc sử dụng để khuất phục giai cấp vô sản ở chính quốc và ở các thuộc địa. Về mặt này, những tư tưởng của Hồ Chí Minh có ảnh hưởng to lớn trong việc khuyến khích và cung cấp tri thức cho các lãnh tụ của giai cấp công nhân và các nhà cách mạng ở Á, Phi và Mỹ La-tinh giải quyết một cách triệt để vấn đề dân tộc[3].

Sức sống của những tư tưởng Hồ Chí Minh là ở khả năng của Người có thể áp dụng một cách sáng tạo phương pháp luận mác-xít - lênin-nít vào điều kiện của Việt Nam. Vì vậy, trong giai đoạn khủng hoảng của chủ nghĩa thực dân sau chiến tranh thế giới thứ hai tại Lào, Cam-pu-chia, An-giê-ri, Mô-dăm-bích, Ăng-gô-la, đã có những diễn biến chống thực dân thành công nhất, đem lại động lực cho một Mặt trận thống nhất chống đế quốc.

Hệ thống chính trị của chủ nghĩa xã hội được quyết định bởi sức mạnh và chất lượng của Đảng để đạt đến những mục tiêu đã đề ra của mình. Hơn nữa, là hạt nhân của hệ thống chính trị, Đảng có trách nhiệm hướng dẫn quần chúng xây dựng xã hội mới. Để đạt mục đích xã hội, việc xây dựng Đảng trên cơ sở dân chủ là một nhiệm vụ thiết yếu quyết định tính năng động của hệ thống chính trị. Vì lẽ đó, những tư tưởng của Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng, trong khuôn khổ của những nguyên tắc dân

1. Y. Kra-sin: *Các bài viết lý luận về quá trình cách mạng hiện nay*. Mát-xcơ-va, 1985, tr.178.
2. *Những bài học của cuộc chiến tranh Việt Nam*, tr.138.
3. Hồ Chí Minh: *Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1979, tr.29-41.

chủ với tất cả những mặt lý luận và thực tiễn của nó, đã trở thành sinh lực của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Việc xây dựng Đảng đòi hỏi sự gắn bó của những cán bộ Đảng, Nhà nước và cán bộ của các tổ chức quần chúng. Nếu không có một chính sách cán bộ đúng đắn, không thể thực hiện được vai trò tiên phong của Đảng. Nói một cách khác, như Hồ Chí Minh đã viết: "Mỗi đảng viên, mỗi cán bộ phải thấm nhuần sâu sắc đạo đức cách mạng và thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư"[1] trong việc động viên và làm thức tỉnh các hoạt động chính trị - xã hội của quần chúng. Vì vậy sự trong sáng của Đảng là một nhân tố có ý nghĩa quyết định nhằm củng cố cơ sở xã hội và sức mạnh của Đảng, để Đảng hoàn thành được sứ mệnh lịch sử của mình trong việc đánh thắng quân phiệt Nhật, đế quốc Pháp và chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ.

Vì vậy, ý nghĩa lịch sử của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với học thuyết về Đảng là sức mạnh đã nêu ra được một tấm gương cho phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi.

Trong việc vạch ra chiến lược cách mạng để giải phóng Việt Nam khỏi ách đế quốc và thực dân mới, Hồ Chí Minh xem xét đặc thù của tình hình Việt Nam một cách cụ thể nhất. Người đã đưa ra những tư tưởng mới phát triển học thuyết mác-xít về cách mạng và khoa học quân sự. Những tư tưởng về học thuyết quân sự của Hồ Chí Minh bao gồm một lý luận toàn diện với nhiệm vụ cụ thể cho quân đội, dân quân và nhân dân trong các giai đoạn của cuộc kháng chiến toàn quốc[2]. Dựa trên sự đánh giá sâu sắc về lý luận của Người về thực tế khách quan, Đảng đã vũ trang, xây dựng và phát triển khả năng của ba thứ quân. Đồng thời sự phối hợp các cuộc đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao đã đem lại một sức mạnh cách mạng mạnh mẽ đánh đuổi đế quốc Pháp và Mỹ. Điều cần lưu ý là cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam và sự hy sinh của họ nhằm bảo vệ sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của mình là một bằng chứng sinh động về vai trò lãnh đạo của quần chúng. Vì vậy, mục tiêu cách mạng Hồ Chủ tịch theo đuổi và những thắng lợi phi thường của Đảng Cộng sản Việt Nam là nguồn kinh nghiệm cho các đảng anh em ở châu Phi, đang bền bỉ chiến đấu chống các thế lực phản động quốc tế và tay sai gây rối.

---

1. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1977, tr.360.
2. Trường Chinh: sđd, tr.772.

Trước Cách mạng Tháng Tám, Việt Nam là một nước nông nghiệp lạc hậu. Những nỗ lực hoà bình của nhân dân và Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm tiến hành Cách mạng Xã hội chủ nghĩa bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa đã bị cản trở bởi đế quốc Nhật, Pháp và Mỹ. Để đối phó với âm mưu của chủ nghĩa đế quốc, Hồ Chí Minh đã phát triển lý luận ba cuộc cách mạng và lý luận đó là một cái mốc trong tư tưởng của những người theo học thuyết Mác[1]. Lý luận này nêu rõ ràng chủ nghĩa xã hội có thể được xây dựng không chỉ trong điều kiện hoà bình mà cả trong điều kiện chiến tranh. Về thắng lợi của ba cuộc cách mạng có thể thấy là những kiến nghị của Hồ Chí Minh về tăng cường sản xuất và đẩy mạnh tiết kiệm đã có một tác động lớn đối với cuộc chiến tranh lâu dài và giáo dục tư tưởng tự lực cho nhân dân. Việc Đảng và nhân dân áp dụng một cách sáng tạo những huấn thị của Hồ Chí Minh đã đóng góp to lớn vào việc "đưa cuộc kháng chiến và kiến quốc đến thắng lợi"[2]. Vì vậy, tư tưởng phong phú này đã trở thành đại diện cho một cách nhìn mới ở Ăng-gô-la, Mô-dăm-bích và Ê-ti-ô-pi, những nước đã đi vào con đường cách mạng dân tộc dân chủ.

Kết luận

Chủ tịch Hồ Chí Minh tôn kính là một nhà thơ, nhà văn, nhà lý luận và hơn nữa là một nhà chiến lược thiên tài. Là một nhà lý luận mác-xít - lênin-nít, Người đã kế tục và phát triển các tư tưởng của Mác và Lênin trong bối cảnh của cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản và trong bối cảnh của cả quá trình cách mạng thế giới.

Những quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh và khả năng của Người trong việc sử dụng sáng tạo phương pháp lịch sử và duy vật để giải quyết các hiện tượng xã hội là nguồn gốc của những tư tưởng lỗi lạc của Người. Những tư tưởng của Người đã được kiểm nghiệm và thực hiện trong điều kiện cụ thể của Việt Nam đã mở ra những tiềm năng chưa từng có cho các phong trào giải phóng dân tộc.

Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh vào thời điểm lịch sử hiện nay cũng là một nguồn động lực quan trọng đối với các nước châu Phi trong cuộc đấu tranh vì sự thống nhất và phát triển kinh tế - xã hội của dân tộc mình.

---

1. Lê Duẩn: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1977, tr.229.
2. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, sdd, tr.121.

HỒ CHÍ MINH, BIỂU TƯỢNG CỦA CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG SỰ THỐNG TRỊ CỦA NƯỚC NGOÀI VÀ CỦA CÔNG CUỘC XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC PHỒN VINH*

A-BU CA-MA-RA (ABOU CAMARA)
Bộ trưởng phụ trách vùng bờ biển Ghi-nê
Uỷ viên Hội đồng quân sự tối cao phục hưng dân tộc Ghi-nê

Đoàn đại biểu Ghi-nê, trước hết xin thay mặt nhân dân, Chính phủ và đặc biệt là Hội đồng quân sự tối cao phục hưng dân tộc và Chủ tịch Hội đồng, Tướng Lan-xa-na Công-tơ (Lansana Conte) cảm ơn nhân dân, Chính phủ và Đảng Cộng sản Việt Nam đã mời đoàn chúng tôi đến dự cuộc Hội thảo kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của nhà chính khách vĩ đại Hồ Chí Minh.

Đối với chúng tôi, vừa là niềm vinh dự, vừa là điều vui mừng được phát biểu ý kiến ở đây và bày tỏ tình cảm của nhân dân chúng tôi đối với Người - đó là một trong những người đầu tiên thể hiện tình đoàn kết với Ghi-nê trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.

Hồ Chí Minh, mà với sự cho phép của các bạn, chúng tôi gọi là Bác Hồ, là biểu tượng của cuộc đấu tranh chống sự thống trị của nước ngoài và của công cuộc xây dựng một đất nước thống nhất và phồn vinh. Người đã đồng nhất cuộc đời của mình với cuộc đời của dân tộc mình qua những hành động cũng như qua tư tưởng và ngòi bút của mình. Là một chiến sĩ không mệt mỏi, kiên trì, Hồ Chí Minh đã bắt đầu tỏ rõ ý nghĩ chống thực dân khi mới bước ra khỏi tuổi thiếu niên.

Năm 21 tuổi, Người rời Tổ quốc Việt Nam và sang Pháp để bênh vực đất nước mình vào lúc Hội nghị hoà bình họp. Là một người dũng cảm, đi rất nhiều, một công dân của thế giới, Hồ Chí Minh đã sống hầu như trên khắp các lục địa. Nhạy bén với nỗi đau khổ của người khác, không phân

* Đầu đề do chúng tôi đặt (BTT).

biệt chủng tộc, tôn giáo, dân tộc, Người là tiếng nói và bàn tay của những người "không có tiếng nói".

Ai mà không nhớ đến những bài thơ của Hồ Chí Minh, những bài thơ nói lên lòng yêu nước, yêu tự do, bình đẳng của Người, hoặc những bài báo của Người thật sự là những vũ khí để giải phóng, tố cáo chủ nghĩa thực dân, phê phán tệ phân biệt chủng tộc, tất cả những cái đó đều không thể quên được.

Ở con người đó, chúng tôi đặc biệt ghi nhớ hình ảnh một chiến sĩ đã cống hiến cả đời mình cho nhân dân. Người sáng lập Mặt trận Việt Minh vào tháng 5-1941, với sự cộng tác của những người yêu nước khác, như Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp...

Hồ Chí Minh đã sáng suốt lãnh đạo nhân dân Việt Nam hướng tới giành độc lập. Chương trình đấu tranh giành độc lập đó mang một lý tưởng có ý nghĩa toàn thế giới:

- Độc lập, sự liên minh của nhân dân Việt Nam với các lực lượng dân chủ chống phát xít,

- Sự phát triển kinh tế và xã hội của Việt Nam,

- Sự giải phóng chính trị và văn hoá,

- Sự tham gia tích cực của Việt Nam vào những quan hệ quốc tế.

Những chiến thắng của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh bao giờ cũng có tác động đến tình hình quốc tế: những chiến dịch Đông Khê và Cao Bằng tháng 9, tháng 10-1950, chiến thắng Hoà Bình tháng 2-1952, chiến thắng Điện Biên Phủ ngày 7-5-1954.

Đứng đầu nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Hồ Chí Minh và Chính phủ của Người đã tỏ rõ là những người lãnh đạo không những quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của dân tộc Việt Nam mà còn duy trì những quan hệ kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội giữa Việt Nam với thế giới.

Hồ Chí Minh là một nhà lãnh đạo thực tế và một người theo chủ nghĩa dân tộc không khoan nhượng. Những thành tựu kinh tế và những tiến bộ của công nghiệp, nông nghiệp, thủ công nghiệp dưới Chính phủ Hồ Chí Minh là bằng chứng hùng hồn về đường lối đúng đắn của Người.

Chính sách xã hội và văn hoá được Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà khởi động dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh cũng đáng được chú ý: chính sách chìa bàn tay ra với tất cả các tầng lớp xã hội (công nhân, trí thức, các nhóm tôn giáo, các dân tộc thiểu số...) đã cho phép bảo đảm những quyền tự do, dân chủ và củng cố sự đoàn kết dân tộc.

Cuộc đấu tranh chống nạn mù chữ (diệt giặc dốt 1945-1946, học để kháng chiến tháng 6-1948, thi đua yêu nước để thanh toán nạn mù chữ...) là một tấm gương cho các dân tộc chúng ta.

Cuối cùng là tầm cỡ quốc tế của Hồ Chí Minh. Sự giúp đỡ của Người đối với các nước đang đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng, hành động của Người vì hoà bình giữa các dân tộc, tất cả những cái đó không phải là không đáng kể và cũng không cần phải chứng minh.

Những quan hệ giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Ghi-nê đã có từ lâu. Chính phủ Việt Nam là một trong những chính phủ đầu tiên công nhận nền độc lập của nước Cộng hoà Ghi-nê. Những người dân Ghi-nê ghi nhớ hình ảnh Hồ Chí Minh, nhà quốc tế chủ nghĩa. Những nhà giáo Việt Nam đã phục vụ tại các trường trung học Ghi-nê và trường cao đẳng sư phạm. Hàng chục trường học và khu phố ở Ghi-nê mang tên Hồ Chí Minh.

Từ khi lên cầm quyền, Uỷ ban quân sự phục hưng dân tộc và Chính phủ Ghi-nê trung thành với sự lựa chọn chính sách mở cửa và không liên kết của đất nước Ghi-nê, từ ngày 3-4-1984 đã tạo ra một sự thúc đẩy mới trong quan hệ Ghi-nê - Việt Nam dựa trên cơ sở sự đồng nhất của hai nước trong cuộc đấu tranh chống lại những lực lượng thống trị và chậm phát triển.

Và chính là để tỏ lòng biết ơn và kính trọng sâu sắc đối với vị anh hùng giải phóng dân tộc vĩ đại của Việt Nam, Uỷ ban quân sự phục hưng dân tộc của Ghi-nê đã cử tôi - một uỷ viên thường vụ của Uỷ ban và của Nhà nước, là A-bu Ca-ma-ra, Bộ trưởng phụ trách vùng bờ biển Ghi-nê làm trưởng đoàn tham dự Hội thảo quốc tế về "Hồ Chí Minh - anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hoá lớn".

Xin cho phép chúng tôi, nhân dịp này, gửi đến các nhà lãnh đạo Việt Nam kiên cường, đứng đầu là Tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Văn Linh, đến nhân dân Việt Nam, đến Uỷ ban Khoa học xã hội

những lời cảm ơn chân thành và lòng biết ơn sâu sắc về sự đón tiếp nhiệt tình và sự quan tâm dành cho đoàn chúng tôi từ lúc đặt chân đến thành phố Hà Nội tươi đẹp và thanh bình.

Chúng tôi xin chuyển đến các vị đại biểu nước ngoài có mặt ở đây lời chào kính trọng của nhân dân, Chính phủ Ghi-nê, và đặc biệt là của Uỷ ban quân sự phục hưng dân tộc, đứng đầu là Tướng Lan-xa-na Công-tơ. Chúng tôi xin chúc cuộc Hội thảo thành công mỹ mãn.

NHỮNG CỐNG HIẾN TO LỚN CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀO SỰ NGHIỆP GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VIỆT NAM VÀ PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC BỊ ÁP BỨC

LA-GIƠ-LÔ-XAN-GÔ (LÁSZLÓ SALGÓ)

Giáo sư Sử học Hung-ga-ri

Những tư tưởng của Hồ Chí Minh, chiến thắng của Việt Nam là một cống hiến quý báu vào sự nghiệp giải phóng dân tộc và tấm gương cho tất cả các dân tộc bị áp bức.

Ngày nay, trong phong trào cộng sản, không có nhân vật lịch sử nào có tầm vóc có thể so sánh được với Hồ Chí Minh. Đó là tầm vóc của một con người có phẩm giá mà tên gọi gợi lên một lòng kính trọng bất di bất dịch của không những bè bạn mà cả những đối thủ của Người. Đó là tầm vóc những hoạt động mà với tư cách là nhà cách mạng và nhà chính khách, Người đã được mọi người tôn kính khi còn sống cũng như khi Người mất, không những ở đất nước của Người mà cả trên toàn thế giới.

Trong bản tham luận của tôi, tôi chỉ đề cập một cách ngắn gọn đến một giai đoạn trong lịch sử hoạt động của Hồ Chí Minh, đến cuộc chiến đấu để tự giải phóng của Việt Nam, đặc biệt là dưới góc cạnh của sự toả sáng, mà theo tôi, chủ yếu do những hoạt động và cuộc chiến đấu đó tạo ra.

*
* *

Sau khi Việt Nam giành được độc lập và thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngày 2-9-1945, nhà ngoại giao Giăng Xanh-tơ-ny (Jean Sainteny) là một trong những người đối thoại chính của Hồ Chí Minh trong những cuộc đàm phán với Pháp.

Nhiệm vụ chủ yếu của Xanh-tơ-ny được Pa-ri giao là tranh thủ thời gian để nước Pháp có thể chuẩn bị cho một cuộc phản công quân sự vì lúc

đó nước Pháp chưa có những lực lượng đáng kể, nhất là hải quân, để thủ tiêu nước Việt Nam dân chủ cộng hoà độc lập.

Qua những cuộc đàm phán, Xanh-tơ-ny đã có một ý niệm khá chính xác về những nét trong tính cách của Hồ Chí Minh và nhân phẩm của Người. Trong tác phẩm mang đầu đề "Lịch sử một nền hoà bình bị bỏ lỡ", nhà ngoại giao có kinh nghiệm đó đã viết một cách rất khách quan: "Ngay từ những cuộc tiếp xúc đầu tiên với Hồ Chí Minh, tôi đã có cảm tưởng rằng con người khắc khổ đó, với bộ mặt thể hiện đồng thời sự thông minh, mưu trí và tinh tế, là một nhân vật thượng đẳng...

Sự hiểu biết văn hoá rộng lớn, trí thông minh, những hoạt động phi thường và lòng vô tư tuyệt đối đã làm cho uy tín của Người và lòng tin của nhân dân đối với Người không có gì so sánh nổi. Những lời nói, những hành động, thái độ của Người, tất cả đều thuyết phục là Người không muốn dùng giải pháp bạo lực"[1].

Không một chút nghi ngờ, hơn ai hết, Hồ Chí Minh là người đã sử dụng đến mức tối đa sự mềm dẻo xung quanh tấm thảm xanh để thăm dò những khả năng cho một giải pháp hoà bình có thể thực hiện được bằng thoả hiệp.

Trước hết là việc ký với Xanh-tơ-ny bản Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946.

Tiếp theo là cuộc đàm phán ở Phông-ten-nơ-blô (Fontainebleau) từ 6-7 đến 4-9-1946 trong đó với lòng kiên nhẫn và tự kiềm chế, Người đã chấp nhận Tạm ước mà người Pháp muốn có bằng mọi giá.

Từ Phông-ten-nơ-blô trở về với bản Tạm ước, Người đã phải đối phó với sự lớn tiếng lên án là "phản bội" của những phần tử dân tộc chủ nghĩa cực hữu và những phần tử cực tả, và Người đã chứng minh cho cả Việt Nam và thế giới rằng Người sẵn sàng đi đến cùng trên con đường dẫn tới một giải pháp không bạo lực, đến một nền hoà bình thương lượng.

Tuy nhiên, đến tháng Chạp 1946, khi Pa-ri cho rằng đội quân thuộc địa được đưa sang Việt Nam đã tăng cường đủ mức và khi chính phủ Lê-ông Blom (Léon Blum) lượng định đã đến lúc sử dụng vũ lực bằng sự khiêu khích diễn ra ở Hải Phòng để đánh quỵ nước Việt Nam dân chủ

1. Jean Sainteny: *Lịch sử một nền hoà bình bị bỏ lỡ*, Paris. Amyot-Dumont, 1953, tr.164 - 166.

cộng hoà, thì một Hồ Chí Minh hoàn toàn khác đã phản ứng trước hành động đó.

Nhà cách mạng Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào mình tiến hành cuộc chiến đấu cho đến hơi thở cuối cùng.

Trong lời kêu gọi vang dội toàn quốc kháng chiến ngày 20-12-1946, Người tuyên bố: "Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa"[1].

Lời kêu gọi của Hồ Chí Minh cổ vũ đất nước đứng lên chiến đấu phù hợp với triết lý của Người, sự phản ứng được gây nên bởi bạo lực phản cách mạng chỉ có thể là một thái độ rõ rệt phục vụ cuộc đấu tranh yêu nước:

"Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân, cứu nước"[2].

Trong những điều kiện đó, không có gì đáng ngạc nhiên là tướng Va-luy (Valluy), tổng chỉ huy quân đội Pháp ở miền Bắc Việt Nam đã không ngần ngại tuyên bố một cách chắc nịch vào tháng chạp năm 1946 rằng: "Chúng ta chỉ cần ba tháng để bẻ gãy mọi cuộc kháng cự có tổ chức".

Nhưng không phải chỉ ba tháng, mà là ba năm. Cuộc chiến đấu không cân sức, đặc biệt về mặt trang bị vũ khí, kéo dài cho đến tận cuối năm 1949.

Hơn nữa, chính quyền Tơ-ru-man (Truman), kế tục chính quyền Rudơ-ven (Rousevelt), đã trao cho Pháp mọi thứ trang bị vũ khí mà họ cần, từ tàu vận chuyển đến máy bay (mà giá tiền còn lớn hơn cả viện trợ của kế hoạch Mác-sen), trong khi đó thì Việt Nam bị hoàn toàn cô lập và

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 4. Nxb. Sự thật, Hà Nội 1984, tr.202.

không có hậu phương, tiến hành một cuộc chiến tranh du kích truyền thống "con voi bị thương".

Trong thời kỳ đó, hai hoàn cảnh đã đặc biệt mở rộng ảnh hưởng quốc tế của tấm gương kháng chiến Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh.

a) Cho đến ngày 1-10-1949, nghĩa là cho đến khi cách mạng Trung Quốc thành công và tuyên bố thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, thay vì có được sự ủng hộ, thì trái lại, nước Việt Nam có đằng sau lưng mình quân đội của Tưởng Giới Thạch được Mỹ ủng hộ.

b) Những đảng cộng sản ở các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu còn phải lo đến những công việc của mình nên rất ít quan tâm đến các sự kiện ở Viễn Đông.

Trong báo cáo chính về tình hình quốc tế do Giơ-đa-nôp (Jdanov) trình bày tại hội nghị thành lập Cục Thông tin cộng sản tháng 9 năm 1947, không một lời nào đề cập tới cuộc chiến đấu giải phóng đang diễn ra ở Việt Nam cũng như cuộc cách mạng Trung Quốc. Báo cáo đó hoàn toàn tập trung vào việc củng cố nguyên trạng (statusquo) ở châu Âu được thiết lập sau hội nghị I-an-ta. Những quan niệm của Xta-lin chiếm ưu thế lúc đó đã dẫn đến, về mặt Nhà nước, một lập trường còn đặc trưng hơn về thái độ của Liên Xô trong thời kỳ đó. Thật vậy, chỉ đến ngày 30 tháng 1 năm 1950, Liên Xô mới công nhận chính phủ Hồ Chí Minh đã tồn tại trong gần một nửa thập kỷ[1].

Khi cuộc chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc năm 1945, Đảng Cộng sản Pháp tham gia chính phủ trong hơn 2 năm. Nhưng, do tình hình cụ thể, Đảng không thể theo đúng những truyền thống chủ nghĩa quốc tế của mình để đóng góp vào việc giành độc lập của Việt Nam, như là điều Đảng đã cam kết khi mới thành lập năm 1920 ở Đại hội Tua (Tours) và tuân theo những điều kiện mà Quốc tế Cộng sản quy định: "Trước hết, ủng hộ những phong trào giải phóng của các dân tộc bị áp bức ở các nước đang bị đặt dưới ách thống trị thuộc địa của chính giai cấp tư sản của dân tộc mình"[2].

Trước tháng 9-1947, khi mà Đảng Cộng sản Pháp còn tham gia chính phủ, trên lý thuyết Việt Nam còn có thể thiết lập với chính quốc, trong

1. Sau Liên Xô, đến lượt các nước khác công nhận: Tiệp Khắc ngày 12-2-1950, Ba Lan, Hung-ga-ri ngày 8-2-1950...
2. V.I.Lê-nin: *Toàn tập*, tập XXV (tiếng Nga), tr.285 - 290.

khuôn khổ cộng đồng Pháp hoặc liên hiệp Pháp, những mối quan hệ xây dựng trên sự bình đẳng về các quyền. Nhưng sau tháng 9-1947, khi những người cộng sản Pháp bị gạt khỏi chính phủ và cuộc chiến tranh lạnh làm cho mức độ căng thẳng tăng lên, thì khả năng đó thuộc phạm vi lý thuyết cũng chỉ là con số không.

Tất cả các thuộc địa Pháp lúc đó đều được đặt trước một tình thế lưỡng nan: có dám nhận trách nhiệm hay không dấn mình vào cuộc chiến đấu dường như không có lối thoát dưới con mắt của số đông, đặc biệt là trước năm 1949.

Điện Biên Phủ, chiến thắng quân sự chưa từng có giành được vào tháng 5-1954, sau một cuộc chiến tranh kéo dài 9 năm, việc ký hiệp định Giơ-ne-vơ (Genève), thất bại ngoại giao của nước Pháp đem đến cho mỗi người lời giải đáp không có gì nghi ngờ cho vấn đề lưỡng nan nói trên.

Điện Biên Phủ, đó là một tấm gương và một sự cổ vũ. Trên hết và trước hết là đối với các dân tộc thuộc địa của Pháp có những người con mặc quân phục Pháp, được nhập ngũ để phục vụ quyền lợi của Pháp. Những người này có thể tự mắt mình trông thấy và nhận thức, hiểu rõ ý nghĩa của cuộc chiến đấu giải phóng từ những sự kiện thực tế. Lập luận của những người lính An-giê-ri, Ma-rốc và Tuy-ni-di với lập luận của những sĩ quan người Pháp hiển nhiên đã đưa họ đến những kết luận hoàn toàn khác nhau.

Những người lính Bắc Phi đã đồng tình rất nhanh với những quan điểm do các sĩ quan chính trị Việt Nam thuyết trình với họ. Trong quyển sách xuất bản với đầu đề "Bí mật quốc gia". Tuốc-nu (F.R.Tournoux) đã sử dụng tài liệu của các cơ quan an ninh quân sự Pháp để nghiên cứu vấn đề này. Theo các tài liệu đó, các binh sĩ và ngay cả các sĩ quan An-giê-ri và Ma-rốc đều thú nhận rằng sự biến đổi đã diễn ra trong bản thân họ sau công tác tư tưởng của "người Việt".

Chỉ có một lời căn dặn duy nhất đối với họ: "Không bộc lộ chút nào tư tưởng của mình, bề ngoài vẫn tỏ ra có kỷ luật, trở về nhà và dấn mình vào cuộc chiến đấu nhằm giải phóng Bắc Phi"[1].

Ngày 1-11-1954, chỉ vài tháng sau Điện Biên Phủ, cuộc chiến đấu giải phóng dân tộc được phát động ở An-giê-ri dưới sự lãnh đạo của mặt trận dân tộc giải phóng (FLN).

---

1. J.R. Tournoux. *Bí mật quốc gia*, Paris, Plon, 1966, tr.67 - 68.

Thật khó mà biết được có bao nhiêu binh sĩ An-giê-ri ở những chiến trường nào từ Việt Nam trở về đã mang theo lòng tin vào chiến thắng, những kinh nghiệm quân sự của họ và những điều họ đã được nghe về triết lý chính trị của Hồ Chí Minh. Điều chắc chắn, như người ta biết và thừa nhận ở Pa-ri cũng như trong các vùng núi An-giê-ri là ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của tấm gương Việt Nam là một trong những yếu tố quyết định kết cục của cuộc chiến tranh mới kéo dài 7 năm do Pháp tiến hành ở An-giê-ri.

Bài học mà nước Pháp rút ra từ Điện Biên Phủ xác nhận điều đó nhưng theo một hướng hoàn toàn ngược lại.

Noi gương triều đại Buốc-bông (Buorbons), những chính quyền nối tiếp nhau của nền Cộng hoà thứ tư và Bộ Tổng chỉ huy quân sự thuộc địa vẫn giữ nguyên vị trí đã không học được gì ở Việt Nam.

Đó không phải là nhận định của một người bình thường nào đó. Đó là nhận định của Mác-xen Bi-gia (Marcel Bigeard) bị bắt làm tù binh ở Điện Biên Phủ với cấp bậc đại tá và sau đó, dưới thời tổng thống Gi-sca d'E-xtanh (V. Giscard d'Estaing, 1974-1981) trở thành Bộ trưởng Bộ Chiến tranh với thêm một ngôi sao cấp tướng trên cầu vai quân phục. Năm 1984, ông ta kể lại cho một tờ tuần báo An-giê-ri những hoạt động của ông ta ở An-giê-ri sau khi Việt Nam được giải phóng. Nhà báo hỏi ông ta: Phải chăng người ta đã tỏ ra khinh thường quá đáng khi từ chối không chấp nhận yêu sách đòi độc lập của nhân dân An-giê-ri, lấy cớ là cần thiết chống cộng sản? Tướng Bi-gia đã trả lời:

"Đối với tôi, tôi cho rằng mọi điều đều dễ dàng, sau khi việc đã xảy ra, khi người ta nói đến sau 30 năm. Nhà quân sự chỉ là một người thừa hành. Chính quyền dân sự nói: "Quân đội đi An-giê-ri, thì người ta đi An-giê-ri, như thế đấy! Tôi, tôi thật sự tin rằng đã mang dấu vết cuộc chiến tranh Đông Dương, người đã cảm thấy nguy cơ ở An-giê-ri. Khi là tù binh ở Điện Biên Phủ, những chính trị viên Việt Nam nói với tôi: Bi-gia, cuộc chiến tranh sắp nổ ra ở An-giê-ri, người ta mong rằng ông sẽ không tham gia vào..."[1].

Mặc cho lời cảnh cáo đó, Bi-gia đã tỏ ra nổi bật bên cạnh tướng Mát-xu (Massu) trong những buổi thẩm vấn kèm theo những hành động tàn nhẫn đối với những người yêu nước An-giê-ri rơi vào tay họ.

---

1. An-giê-ri. *Thời sự*, số 994, 1-7 tháng 11-1984.

Để tự bào chữa, Bi-gia lấy cớ là khi làm như thế, ông ta chấp hành những mệnh lệnh của chính quyền dân sự Pa-ri. Để gỡ tội, ông ta còn dùng một thủ đoạn khác nhằm tự biện bạch: "Tôi tự bảo, vậy là một thế giới tự đứng vững được. Và khi đến Pa-ri, tôi nói: "Hãy cẩn thận, sẽ nguy hiểm đấy ở An-giê-ri". Người ta đã nói rằng Bi-gia đã in dấu vết những điều các chính trị viên cộng sản nói với ông ta. Vậy là, tất cả những cái đó đã đứng vững, bởi vì ngay sau Điện Biên Phủ, người "Việt" đã nói với tôi là sắp sửa nổ ra ở An-giê-ri. Do đó, người ta có ý thức chiến đấu để tránh cho An-giê-ri không sụp đổ như Việt Nam"[1].

Ở Pa-ri và ở An-giê-ri, giới lãnh đạo chính trị cũng như giới lãnh đạo quân sự quên mất bài học mà Việt Nam đã dạy cho họ. Măng-dét Phơ-răng (Mendès France), Thủ tướng chính phủ, người đã ký hiệp định Giơ-ne-vơ tháng 7-1954 lại cũng là người tuyên bố chiến tranh bắt đầu ở An-giê-ri ngày 1-11-1954. Trong bài diễn văn đọc tại Quốc hội ngày 12-11-1954, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phơ-răng-xoa Mit-tơ-răng (Francois Mitterand) đã bác bỏ dự đoán "một sự đầu hàng theo kiểu Điện Biên Phủ" ở An-giê-ri. "Tất cả các phương tiện sẽ được tập trung để cho sức mạnh của đất nước giành phần thắng, dù cho nhiệm vụ đó có khó khăn và ác liệt đến đâu chăng nữa. Mit-tơ-răng đã nói như vậy. Đột nhiên có tin đồn lan tràn là ở An-giê-ri đang tơi bời trong máu lửa, khoá kín cái vòng đi qua Tuy-ni-di và Ma-rốc. Điều đó sẽ không xảy ra, vì An-giê-ri, đó là nước Pháp và vì từ vùng Phơ-lan-đơ-rơ đến Công-gô có pháp luật, có một đất nước duy nhất, một quốc hội duy nhất"[2].

Tháng 11-1954, Mit-tơ-răng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ của Măng-dét Phơ-răng, ra lệnh cho các lực lượng giữ gìn trật tự, trong tám ngày phải thanh toán xong "những tên khủng bố Ả-rập".

Năm 1956, khi cuộc chiến tranh An-giê-ri bước vào năm thứ hai, Guy Mô-lê (Guy Mollet), Tổng bí thư Đảng xã hội (S.F.I.O), và tất cả các thành viên trong chính phủ của ông ta, đều đánh giá là Pháp sẽ chiến thắng về quân sự. Và để đạt được điều đó, lực lượng quân sự của Pháp đã lên tới 500.000 người.

Vào lúc đó, mùa hè 1956, sau vụ quốc hữu hoá kênh đào Xuy-ê ngày 27 tháng 7, toàn thể chính phủ Guy Mô-lê và toàn bộ bộ chỉ huy quân sự

1. An-giê-ri. *Thời sự*, số 994, 1-7 tháng 11-1984.
2. L'année politique (Năm chính trị) 1954, tr.277.

tìm nguyên nhân cuộc chiến tranh An-giê-ri kéo dài ở những nhân tố bên ngoài. Họ nói rằng kẻ phải chịu trách nhiệm chủ yếu, đó là Ai Cập của đại tá Nát-xe (Nasser). Do đó kết luận chung rút ra là "cuộc chiến tranh An-giê-ri phải giành được thắng lợi ở Ai Cập".

Nhận định đó được nhất trí tán thành ở Pa-ri đến mức Côn-rát A-đê-nao-ơ (Konrad Adenauer), Thủ tướng Cộng hoà liên bang Đức, đã mỉa mai nói về kết luận phi lý đó: "Chính phủ Pháp hy vọng rằng cuộc khởi nghĩa (ở An-giê-ri) sẽ bị dập tắt chậm nhất là tám ngày sau khi Nát-xe đổ"[1].

Trên thực tế, cuộc khởi nghĩa ở An-giê-ri bắt rễ sâu xa trong đất nước, nguồn gốc của nó hoàn toàn thuộc về bên trong. Ách áp bức thuộc địa, việc xoá bỏ nền độc lập dân tộc đã gây nên một sự phẫn nộ trong nhân dân đến mức là theo gương Đông Dương, chỉ có thể tìm thấy lối thoát và giải pháp bằng cuộc chiến tranh giải phóng.

Ngược lại, không thể phủ nhận là ảnh hưởng của các nhân tố bên ngoài cũng quan trọng. Hoàn toàn trái lại, Ai Cập của Nát-xe vào thời kỳ đó là một nước tiến bộ nhất trong thế giới Ả-rập và cùng với Việt Nam của Hồ Chí Minh tuy cách xa ngàn dặm, nhưng gần gũi do ảnh hưởng lan toả ra, đã tác động đến phong trào giải phóng An-giê-ri như một chất men. Và, hơn thế nữa, chúng tôi nói thêm rằng, sự thúc đẩy đầu tiên đối với An-giê-ri là từ Việt Nam, như chúng ta đã thấy trên đây. Sau thất bại thứ ba của nước Pháp, lần này ở Xuy-ê (tiếp theo thất bại ở Việt Nam và An-giê-ri), tướng Bô-phơ-rê (Beaufré), tổng chỉ huy các lực lượng can thiệp Pháp - Anh - I-xra-en ở Ai Cập thừa nhận trong nhật ký của mình.

Các lực lượng quân sự Pháp (và Anh - I-xra-en) bị đánh bại trên đỉnh của "Tam giác Xuy-ê"[2] đã nhanh chóng phải chịu nhục nhã rút khỏi khu vực. Trong quyển sách của mình viết 10 năm sau, khi gợi lại nguyên nhân chủ yếu những thất bại ở An-giê-ri và Ai Cập, tướng Bô-phơ-rê thừa nhận rằng: "Thất bại quân sự ở Điện Biên Phủ năm 1954 cho tín hiệu cuộc nổi dậy ở Bắc Phi, trước hết là ở Tuy-ni-di, rồi đến An-giê-ri và Ma-rốc. Những tín hiệu nổi bật đó tuy nhiên vẫn còn chưa được hiểu"[3].

---

1. Konrad Adenauer: *Erinneiugen Stutgarl*, tập 3, 1967, tr.227.
2. Lazlo Salgó: *Tam giác Suez*, Budapest, 1986.
3. Genéral Besufré: *Cuộc viễn chinh ở Suez*. Paris, Grosset, 1967, tr.229.

Bô-phơ-rê, nhà chiến lược có uy quyền lớn đó (sau này trở thành đại diện của Pháp trong khối quân sự NATO) đã nhận xét một cách chua chát trong phần kết luận: "Sự coi trọng những bài học rút ra từ cuộc chiến tranh ở Việt Nam có thể đã cho phép tránh được thất bại mới ở An-giê-ri và Xuy-ê. Năm 1954, ngay từ những buổi đầu của cuộc nổi dậy ở An-giê-ri, chúng ta còn có một vài cơ may để tác động đến số phận, tuy rằng thất bại ở Điện Biên Phủ đã có một ảnh hưởng rất nặng nề"[1]. Nhưng, do nước Pháp đã hoàn toàn bỏ quên việc coi trọng những bài học lịch sử, Bô-phơ-rê đã đi đến tóm tắt tư tưởng của mình cho những người cầm quyền Buốc-bông hiện đại khi tuyên bố về vấn đề Xuy-ê thật là một cuộc can thiệp vào giờ thứ 25"[2]. Thật thế, cuộc chiến tranh đó chống Ai Cập thể hiện một cuộc can thiệp vào giờ thứ 25. Cuộc can thiệp đó có nghĩa một mưu toan bảo vệ sự chiếm giữ Xuy-ê và An-giê-ri của người Pháp. Cuộc can thiệp đó cũng còn có nghĩa là nó đồng thời cụ thể hoá hành động hão huyền cứu vãn nền Cộng hoà thứ tư mà hoạt động ở Việt Nam là điều báo hiệu cho cả một loạt cuộc chiến tranh thuộc địa.

Ngày 18-5-1958, các viên tướng Pháp thật nhục nhã do thất bại ở Ai Cập, mời tướng Đờ Gôn (De Gaulle), người thành lập nền Cộng hoà thứ năm, được xem như là người cứu vãn duy nhất của đế quốc thuộc địa Pháp lên nắm đỉnh cao của quyền lực. Khi bắt đầu cuộc chiến tranh ở Việt Nam, tướng Đờ Gôn đã chọn việc đứng về phía đối lập; ông ta cũng vậy, không muốn nghe đề nghị lúc đầu của Hồ Chí Minh gửi nhân dân Pháp:

"Nhân dân Việt Nam sẵn sàng cộng tác thật thà với nhân dân Pháp... Bởi vì người Việt và người Pháp cùng tin tưởng vào đạo đức: tự do, bình đẳng, bác ái, độc lập"[3].

Và ngày hôm sau của chiến tranh thế giới thứ hai, khi nước Pháp đã được giải phóng khỏi ách chiếm đóng của nước Đức, những nhà chính trị của giai cấp tư sản và của cánh tả xã hội chủ nghĩa đã giả điếc trước sự cảnh cáo được nhắc đi nhắc lại của chính phủ Hồ Chí Minh vạch rõ rằng chiến thắng tuyệt đối chắc chắn của Việt Nam sẽ quyết định vận mệnh của toàn bộ đế quốc thuộc địa Pháp.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 4, sđd, tr.193-196.
2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 4, sđd, tr.230.

Tuy nhiên, tướng Đờ Gôn, mà năm nay cũng là 100 năm ngày sinh, biết tự nâng mình lên cao hơn những người cùng thời, những nhà chính trị và quân sự trên nhiều phương diện, nhưng đặc biệt là trên một điểm hết sức quan trọng.

Ông đi tới kết luận là nước Pháp không thể "cứu" được An-giê-ri, ngay cả với cái giá của một cuộc chiến tranh mới trong 7 năm.

Về sau này, khi là Tổng thống của nền Cộng hoà thứ năm, ông ta đã nhắc lại cho Mỹ, người bạn đồng minh chính của nước Pháp, vai trò của Việt Nam với tư cách là người khởi xướng quá trình đó, cũng như những kinh nghiệm chua xót của nước Pháp ở Việt Nam. Năm 1961, trong chuyến công du chính thức đầu tiên ra nước ngoài, Giôn Ken-nơ-đi (John Kennedy), vị Tổng thống trẻ của Mỹ mới vừa nhận chức muốn được biết ý kiến của người cùng chức vụ với mình ở Pháp, người đứng đầu Nhà nước lỗi lạc, người có kinh nghiệm. Ông ta hỏi ý kiến của tướng Đờ Gôn về kết quả có thể đem lại của hành động gửi vài vạn cố vấn Mỹ sang Việt Nam bên cạnh chế độ Sài Gòn với sự đồng ý của ông ta. Tổng thống Pháp lúc đó đã làm cho vị khách Mỹ trẻ tuổi của mình cảm thấy điều mà chỉ ít lâu sau đã hoàn toàn được xác nhận trên thực tế:

"Chúng tôi, những người Pháp, chúng tôi đã học được kinh nghiệm. Các ông, những người Mỹ, ngày hôm qua đã muốn chiếm lấy chỗ của chúng tôi ở Đông Dương. Ngày nay, các ông lại muốn theo vết chúng tôi nhóm lại ngọn lửa cuộc chiến tranh mà chúng tôi đã sa vào một vũng lầy quân sự và chính trị không có đáy, dù cho các ông có thể đổ vào đấy bao nhiêu tổn thất và chi phí"[1].

Về phía tướng Đờ Gôn, trên thực tế đó là sự thừa nhận muộn mằn và tự phê bình về điều mà Hồ Chí Minh và những bạn chiến đấu của Người ngay từ buổi đầu đã hé cho thấy trong những lời cảnh cáo đối với nước Pháp.

Cuộc chiến tranh ở Việt Nam sẽ là bước khởi đầu cho sự sụp đổ của toàn thể Liên hiệp Pháp, tức của đế quốc thuộc địa Pháp... Trong thực tế đó, có sự đóng góp quý báu của người con lỗi lạc của nhân dân Việt Nam - Hồ Chí Minh và những bạn chiến đấu của Người vì sự nghiệp giải phóng

1. Charles De Gaulle: *Hồi ký hy vọng*. Paris, Plon, 1970, tập I, tr.269.

các dân tộc bị thực dân Pháp áp bức: Họ đã có lòng tin và lòng dũng cảm một mình tiến hành cuộc chiến đấu đã đồng thời tạo nên phản ứng dây chuyền dẫn đến độc lập cho không những các thuộc địa Pháp mà còn cho các dân tộc khác bị áp bức.

Kết quả cuối cùng của cuộc chiến tranh giải phóng lần thứ hai do Việt Nam tiến hành chống Mỹ, lực lượng đế quốc lãnh đạo trên thế giới, hùng mạnh hơn thực dân Pháp rất nhiều, còn xác nhận rõ rệt hơn thực tế đó.

VAI TRÒ LỊCH SỬ CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG CÁC PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

TIẾN SĨ RÔ-E-XLAN AP-ĐUN-GA-NI
(ROESLAN ABDULGANI)

Chủ tịch nhóm cố vấn của Tổng thống về hệ tư tưởng của Nhà nước (In-đô-nê-xi-a)

Nhắc tới lịch sử cuộc đời Hồ Chí Minh, thực tế là nhắc tới lịch sử loài người. Đặc biệt lịch sử đầu thế kỷ XX cho đến khi thế kỷ này kết thúc. Và cụ thể hơn, đó là lịch sử các nhân dân châu Á chiến đấu chống chủ nghĩa thực dân phương Tây đã từng được thiết lập ở đây qua nhiều thế kỷ. Đối với các nước châu Á bị biến làm thuộc địa, thì sự hiểu biết lịch sử là rất quan trọng. Ba mặt được bao hàm trong lịch sử: là hồi tưởng quá khứ, nhìn sâu vào hiện tại và cuối cùng là hướng tới triển vọng tương lai.

Con đường đi từ quá khứ hướng tới tương lai thông qua hiện tại là một con đường diễn biến đi lên theo hình xoáy ốc. Đó không phải một con đường đi xuống. Quy luật phát triển lịch sử không hoạt động "một cách định mệnh" và "máy móc", nhưng diễn ra thông qua sự tất yếu của những cố gắng của con người và những hoạt động có ý thức của con người.

Cố nhiên, các nhân vật lớn cũng có ảnh hưởng của mình tới quy luật phát triển lịch sử và phát triển xã hội. Nhưng các nhân vật lớn không phải là những người tạo ra các biến cố lịch sử: Họ là những sản phẩm của thời đại của họ với tính cách một nhu cầu chính trị và xã hội.

Tiêu chuẩn này chiếm ưu thế trong quan niệm của chúng tôi về vai trò và vị trí lịch sử của Hồ Chí Minh trong thế kỷ thứ XX này.

Người sống trong những ngày chủ nghĩa thực dân phương Tây và chủ nghĩa đế quốc tấn công chống lại châu Á, cụ thể là chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc Pháp chống lại Việt Nam và Đông Dương. Người đã nhìn thấy dân tộc mình, đã từng là vĩ đại trong thời độc lập của nó trước

đây, nay trở thành bị lăng nhục trong thời đại thực dân. Người đã nhìn thấy thế giới đại chiến thứ nhất bùng nổ, và đó thực tế là một cuộc nội chiến giữa những người châu Âu giành nhau thuộc địa. Đó cũng là cuộc chiến tranh giữa "những người có" và "những người không có". Người đã nhìn thấy cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, chủ yếu là nhằm phân chia lại thuộc địa và nó diễn ra giữa những kẻ có quá nhiều thuộc địa với những kẻ không có thuộc địa nào hết. Chiến tranh diễn ra chủ yếu giữa Anh, Pháp, Hà Lan và Mỹ ở một bên và bên kia là Đức, Ý, Nhật. Ấy vậy mà cả hai bên đều có một khả năng tài chính công nghiệp to lớn và cạnh tranh với nhau.

Trong cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất, cũng như trong cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, các thuộc địa chẳng qua chỉ là những con bài của bọn đế quốc trong các hoạt động để giành giật đất đai, bất chấp ý muốn của nhân dân các nước đó.

Hồ Chí Minh tuy là người chưa bao giờ được hưởng giáo dục cao đẳng, đã học được nhiều ở sự phát triển lịch sử trong thế kỷ XX, nhất là của hai cuộc chiến tranh thế giới do chủ nghĩa đế quốc gây ra nhằm chia lại thuộc địa, tước đoạt quyền tự do, độc lập của các dân tộc.

Do đó, theo Hồ Chí Minh "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Bởi vì, nếu như chúng ta không thể giành lại được quyền tự do và độc lập từ tay bọn cai trị thực dân thì chúng ta sẽ vĩnh viễn bỏ mất Tổ quốc, chúng ta sẽ vĩnh viễn bị nô lệ. Do đó, chúng ta phải hy sinh. Chúng ta thà mất tất cả còn hơn là mất nước và bị nô lệ lần nữa.

Chính xuất phát từ lịch sử này mà Hồ Chí Minh đã rút ra được nhiều bài học đối với nhân dân. Nhân dân hay quần chúng là yếu tố quan trọng nhất trên thế giới.

Trong thế giới ngày nay, không có cái gì có thể chống lại sự đoàn kết của nhân dân. Trong thế giới ngày nay không có cái gì quý báu hơn nhân dân. Không có gì mạnh mẽ hơn sức mạnh đoàn kết của nhân dân. Trong xã hội, không có gì đẹp đẽ hơn và vinh dự hơn là phục vụ nhân dân.

Lòng tin tưởng của Người vào thắng lợi của cuộc đấu tranh của nhân dân vì độc lập của quốc gia và dân tộc được biểu hiện rõ rệt trong những lời nói sau: "Không có gì ngăn cản được mặt trời mọc, không ai có thể đi ngược lại ý muốn của nhân dân".

Người nói trong bức thư năm 1948, cho các cán bộ Việt Nam: "Xã hội có cơm ăn, áo mặc, nhà ở là nhờ nhân dân lao động. Của cải, tự do và dân chủ của chúng ta cũng là do nhân dân lao động mà có. Chúng ta có thể mở rộng hiểu biết của mình là nhờ có lao động trí óc. Chính vì vậy cho nên lao động là lực lượng chính của tiến bộ loài người. Nó cũng là lực lượng để giải phóng dân tộc"[1].

Đó là một vài câu trong những lời dạy của Người mà Người đã rút ra từ lịch sử và đã trao lại cho nhân dân Việt Nam và các nhà lãnh đạo của nó trong việc tiến hành cuộc đấu tranh cho độc lập chống lại chủ nghĩa thực dân.

Khi Hồ Chí Minh đi thăm In-đô-nê-xi-a từ ngày 27-2 đến ngày 8-3-1959, trong thời điểm đó, Người đã nhận bằng tiến sĩ danh dự của trường Đại học Pát-gia-gia-ran tại thành phố lịch sử Băng-đung, Người đã tóm tắt trường học cuộc đời của Người trong xã hội và trong nhân dân như sau:

"Tôi sẽ nói vài lời với các bạn. Khi còn trẻ tôi không có dịp đến trường đại học. Tôi đã đi du lịch và đã làm việc, đó là trường đại học của tôi, đó là trường học của tôi... Trường học ấy đã dạy cho tôi khoa học xã hội. Nó đã dạy cho tôi cách yêu, cách ghét: Yêu nước, yêu loài người, yêu dân chủ và hoà bình và căm ghét áp bức, ích kỷ, v.v...".

Trường học ấy đã dạy tôi khoa học quân sự. Với gậy tầm vông, nhân dân đã đánh bại quân đội đế quốc Pháp và đã giành tự do, với chiến thắng Điện Biên Phủ.

Trường học ấy cũng đã dạy tôi lịch sử. Tôi đã thấy rằng trên 50 năm qua, tất cả các nhân dân bị áp bức, như In-đô-nê-xi-a, Ấn Độ, Việt Nam v.v... ngày càng đi lên. Thế còn bọn đế quốc chủ nghĩa thì thế nào? Họ ngày càng đi xuống.

Trường học ấy đã dạy tôi chính trị. Chính trị là gì? Theo như tôi biết, đó là sự đoàn kết nhân dân. Sự đoàn kết của nhân dân In-đô-nê-xi-a dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Xu-các-nô và với sự thống nhất ấy các bạn đã tống cổ bọn đế quốc Hà Lan. Sự đoàn kết trong nước và sự đoàn kết giữa các nước anh em, giữa In-đô-nê-xi-a và Việt Nam và các nước châu Á và châu Phi. Sự đoàn kết ấy sẽ vĩnh viễn thanh toán bọn đế quốc.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.88.

Khoa học là gì? Nó có nghĩa là trở thành hữu ích cho nhân dân. Các cháu yêu quý! Các cháu sẽ là những nhà khoa học tương lai, không phải là những ông quan sống ở trên và cách xa nhân dân, nhưng để làm việc cho nhân dân".

Qua lời trích dẫn này ta thấy rõ ràng Hồ Chí Minh là người tự học. Một người học tập độc lập không có sự hướng dẫn chính thức của một ông thầy. Ông thầy của Người là xã hội, là nhân dân nói chung và lịch sử phát triển xã hội.

Chính từ trong lòng xã hội và trong nhân dân mà Người đã học các khoa học xã hội, chính trị và quân sự. Đồng thời luân lý và đạo đức của khoa học là phải phục vụ quyền lợi nhân dân nói chung. Người không chỉ là một tư tưởng, mà còn là một con người luôn luôn hành động. Cho nên Người vừa là "một nhà tư tưởng" vừa là "một người hành động". Điều Người nghĩ và suy nghĩ sâu sắc, sau đó Người biến thành hành động trên cơ sở luân lý và đạo đức theo nhân dân.

Những hành động mà Hồ Chí Minh phát triển không những chỉ trong lĩnh vực đấu tranh độc lập của dân tộc mình mà còn cả trong lĩnh vực đoàn kết quốc tế giữa các dân tộc thuộc địa cũng như trong lĩnh vực hiểu biết quốc tế giữa toàn thể loài người nhằm hướng tới hoà bình.

Đó là cội nguồn của những suy nghĩ và những ý nghĩ rất sâu sắc và nhân đạo được biểu hiện trong nhiều tác phẩm văn học. Ngay lập tức Người kết hợp những điều này với nhu cầu cần một đầu óc tự do và độc lập để tạo nên tinh thần sáng tạo của nhân dân trong mọi lĩnh vực của nghệ thuật và văn học.

Nghệ thuật và văn học có nhiệm vụ lịch sử là phát triển tự do và độc lập. Mặt khác, tự do và độc lập dân tộc là những điều kiện tuyệt đối để làm tái sinh tinh thần sáng tạo của nhân dân trong dân tộc về mặt vật chất và tinh thần và trong việc xây dựng Nhà nước.

Chính vì vậy cho nên năm 1962, nói chuyện tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ III, Hồ Chí Minh nói:

"Rõ ràng là dân tộc bị áp bức thì văn nghệ cũng mất tự do. Văn nghệ muốn tự do thì phải tham gia cách mạng"[1].

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1989, tr.443.

Cũng theo cách ấy, Người nhấn mạnh những ý kiến của Người ở trường Đại học Pát-gia-gia-ran, khi Người nói:

"Nhân dân Việt Nam từ lâu khâm phục nền văn hoá nghệ thuật tốt đẹp cổ truyền của nhân dân In-đô-nê-xi-a. Những công trình kiến trúc lịch sử, những điệu múa, điệu nhạc dân tộc, những thơ văn lưu truyền từ nghìn xưa của nhân dân In-đô-nê-xi-a làm cho ai nấy đến In-đô-nê-xi-a đều thêm lòng yêu mến văn học của In-đô-nê-xi-a.

Bọn thực dân muốn kìm hãm nền văn hoá ấy, nhưng nhân dân và những nhà trí thức In-đô-nê-xi-a đã anh dũng đấu tranh để bảo vệ nền văn hoá dân tộc của mình. Từ ngày In-đô-nê-xi-a giành lại được độc lập, các nhà trí thức In-đô-nê-xi-a mà các vị giáo sư là những người tiêu biểu, đã ra sức làm cho nền văn hoá In-đô-nê-xi-a ngày càng phát triển mạnh mẽ"[1].

Ở đây nữa, Hồ Chí Minh nói đấu tranh cho độc lập không những có mục tiêu là giành chủ quyền chính trị. Nó không chỉ thu hẹp ở chỗ tự lực cánh sinh về kinh tế chống lại sự bóc lột về kinh tế. Nó còn làm sống lại diện mạo dân tộc trong lĩnh vực văn hoá, chống lại sự xâm nhập và sự phá hoại của văn hoá thuộc địa suy thoái.

Nhân dân In-đô-nê-xi-a gọi Hồ Chí Minh là Pamen (Bác) Hồ, như vậy, Người được xem là một người anh em của những người lãnh đạo In-đô-nê-xi-a vẫn thường được gọi là Bapak (Cha). Như vậy Bác Hồ san sẻ với các nhà lãnh đạo của chúng tôi tinh thần yêu "những đứa con" của mình (nhân dân nói chung).

Bác Hồ sống trong trái tim của nhân dân In-đô-nê-xi-a như một người yêu nước đã chiến đấu không biết mệt mỏi cho nền độc lập dân tộc. Người cũng là một người quốc tế nhân đạo và một người của cả nhân loại yêu quý hoà bình và hợp tác với mọi dân tộc trên cơ sở tự do, độc lập và hiểu biết lẫn nhau dựa trên bình đẳng phù hợp với phẩm giá của con người.

Trong lịch sử hiện đại của thế kỷ XIX và XX, Việt Nam và In-đô-nê-xi-a đều cùng chung một số phận. Cả hai đều là nạn nhân của chế độ thực dân phương Tây. Sau đó, cả hai đều phải trải qua những ngày chiếm đóng của quân phiệt Nhật. Đối với cả hai, việc quân Nhật đến không phải là một sự giải phóng khỏi bầu không khí thuộc địa.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1989, tr.319-320.

Trái lại, đây là một kiểu thực dân hoá mới bởi chủ nghĩa quân phiệt của một nước châu Á. Vì thế, cả hai dân tộc đều chống lại chế độ quân phiệt này của Nhật Bản, mỗi nước theo con đường của mình phù hợp với những tình huống và những điều kiện thích hợp. Vào cuối thời Nhật chiếm đóng, cả hai dân tộc đều phải đương đầu với những cố gắng của bọn thực dân nhằm phục hồi lại chế độ thực dân phương Tây. Ở Việt Nam đó là chủ nghĩa thực dân Pháp đang khao khát phục hồi sự thống trị của nó bằng bạo lực. Ở In-đô-nê-xi-a đó là chủ nghĩa thực dân Hà Lan đang muốn thực hiện đến cùng âm mưu trên, cũng bằng lực lượng quân sự.

Vì không còn có cách lựa chọn nào khác, cả hai dân tộc đều chọn con đường cách mạng võ trang để hoàn thành nền độc lập của mình. Và họ chọn con đường ấy không phải theo ý họ, mà họ bắt buộc phải làm thế do những tình huống và điều kiện tương ứng. Nếu họ không chọn con đường cách mạng võ trang, thì họ không thể nào san phẳng những tàn dư của quân đội Nhật Bản và cũng không thể nào đánh bại được các đạo quân thực dân của Pháp và Hà Lan.

Cố nhiên, con đường cách mạng là con đường khó khăn, con đường quanh co đầy cản trở và nguy hiểm. Nhưng phải đi con đường ấy. Và bằng những cách làm giống nhau về tinh thần, cụ thể là bằng cách dựa vào lực lượng nhân dân và sức mạnh của những khát vọng đòi tự do, độc lập và công lý, chúng ta đã có thể nổi lên thành những dân tộc độc lập, thống nhất... Nước Cộng hoà In-đô-nê-xi-a chúng tôi được tuyên bố vào ngày 17-8-1945, chúng tôi đã dựa trên những nguyện vọng cao cả của 5 nguyên tắc của chúng tôi (Pancasila) nó bao gồm chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa yêu nước là cái hợp nhất toàn bộ quần đảo In-đô-nê-xi-a, về tính chất là tôn giáo độc thần, hướng về chủ nghĩa quốc tế nhân đạo, dân chủ và gắn liền với công lý xã hội. Chúng tôi đã vạch ra 5 nguyên tắc xuất phát từ kho tàng lịch sử văn hoá và chính trị In-đô-nê-xi-a và đã đưa vào đấy những giá trị hiện đại của những cuộc cách mạng phương Tây khác nhau.

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã nêu cao trong bản tuyên ngôn độc lập của mình ngày 2-9-1945 các giá trị của cách mạng Mỹ năm 1776 và của cuộc cách mạng Pháp năm 1789. Theo cách này, trong tinh thần dân tộc và tinh thần yêu nước của Việt Nam và các giá trị của các cuộc cách mạng khác nhau của phương Tây cũng đã được đưa vào.

Song vấn đề bi đát là các giá trị phương Tây kia lại bị vi phạm bởi chính các nước phương Tây. In-đô-nê-xi-a đã phải đương đầu với cuộc xâm lược của Hà Lan nhiều lần và trong nhiều lúc. Việt Nam đã phải đối phó với một loạt những cuộc tàn sát quân sự của Pháp và Mỹ.

Tuy nhiên kết quả là cả hai dân tộc, bằng chiến tranh du kích của mình đã có thể đánh bại sự xâm lược của phương Tây. Để có thể vĩnh viễn hoá sự kiện này, Chính phủ và các lực lượng võ trang của nước Cộng hoà In-đô-nê-xi-a đã tặng Hồ Chí Minh Huân chương Ngôi sao Du kích ngày 7-3-1959.

Những sự giống nhau trong những cuộc đấu tranh của Việt Nam và In-đô-nê-xi-a thực tế đã được xác lập trong một thời gian dài. Không những trong cuộc chiến tranh giành độc lập sau khi cuộc chiến tranh Thái Bình Dương kết thúc, mà ngay từ hàng chục năm trước đó, cụ thể là khi thanh niên Việt Nam và thanh niên In-đô-nê-xi-a cùng với các bạn ở Ấn Độ ký kết bản Tuyên ngôn phối hợp nhân danh đoàn đại biểu của Đại hội Hoà bình Bi-e-vin (Bierville) năm 1926 gần Pa-ri. Trong bản Tuyên ngôn phối hợp này, thanh niên châu Á, nhất là thanh niên In-đô-nê-xi-a, Việt Nam và Ấn Độ nhấn mạnh rằng không thể chỉ xem châu Âu như là cội nguồn duy nhất của một cuộc chiến tranh châu Âu đáng sợ. Trái lại, châu Âu phải nhận thức rằng chủ nghĩa thực dân ở châu Á cũng làm thành một cội nguồn to lớn cho nguy cơ chiến tranh.

Những sự giống nhau trong tinh thần đấu tranh vẫn tiếp tục phát triển thông qua chiến tranh thế giới thứ hai, chiến tranh Thái Bình Dương với sự xâm lược của Nhật Bản, cho đến khi In-đô-nê-xi-a và Việt Nam tuyên bố nền độc lập của mình gần như cùng một lúc: vào tháng 8 và tháng 9 năm 1945 một cách tương ứng. Trong Hội nghị Băng-đung năm 1955 và trong những cố gắng để thống nhất lại Tây I-ri-ăng với In-đô-nê-xi-a và để hợp nhất lại miền Nam và miền Bắc Việt Nam. Lịch sử giống nhau này trong tinh thần đấu tranh vẫn là hiển nhiên.

Dĩ nhiên có sự khác nhau về hệ tư tưởng dân tộc. In-đô-nê-xi-a dựa trên nguyên tắc chống lại chủ nghĩa thực dân và bênh vực hoà bình thế giới. Việt Nam dựa trên chủ nghĩa cộng sản là chủ nghĩa chống thực dân và ủng hộ hoà bình. Bám chắc lấy 10 nguyên tắc của Hội nghị Băng-đung 1955 với 5 nguyên tắc chung sống hoà bình giữa các nước có chế độ và hệ

tư tưởng khác nhau, chúng ta có thể cùng nhau tăng cường sự hợp tác để bảo vệ hoà bình thế giới.

Có những nhân tố khách quan và chủ quan đã tạo nên sự phát triển của sự hợp tác này.

Nhân tố khách quan là vị trí địa lý của Đông Nam Á, ở đấy In-đô-nê-xi-a và Việt Nam không phải là những người láng giềng cách nhau lắm.

Nhân tố chủ quan đã dẫn tới sự hợp tác truyền thống giữa In-đô-nê-xi-a và Việt Nam là ban lãnh đạo của hai nước nhận thức được nhiệm vụ lịch sử của mình trong việc thiết lập sự hợp tác song phương và trong vùng vì hoà bình thế giới, tự do và công lý.

Một trong những người lãnh đạo này xuất hiện trước mắt nhân dân In-đô-nê-xi-a là Bác Hồ. Suốt đời Người là một người yêu nước, yêu dân tộc, một nhà dân tộc và một người xã hội chủ nghĩa mà trong toàn bộ cuộc đời đã dốc tất cả nghị lực và tư tưởng cho những lý tưởng cao cả của mình. Người thực sự là một người khổng lồ.

Để kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người, tôi nhớ đến một bài thơ của Henry Wadsworth Longfellow:

Đời người vĩ đại nhắc ta,
Cuộc đời cao thượng đúng là phải theo.
Ra đi để lại đằng sau,
Dấu chân trên cát in vào thời gian.

Thực là thích hợp khi UNESCO đã ủng hộ sự kiện này. Bởi vì điều mà Hồ Chí Minh để lại đằng sau là những dấu chân của Người in trên cát bụi của thời gian. Những dấu chân của Người đã cung cấp cho tất cả chúng ta một cơ sở và một hướng đi để bước vào hiện tại và tương lai trong lĩnh vực các giá trị luân lý - đạo đức, xã hội - văn hoá và chính trị.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI CÁCH MẠNG LÀO

XI-XA-NẠ XI-XAN

Chủ nhiệm Uỷ ban Khoa học xã hội
Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào

Tên tuổi đồng chí Hồ Chí Minh gắn liền với sự nghiệp cách mạng Việt Nam, cách mạng Đông Dương. Người đã có những đóng góp to lớn cho cách mạng thế giới. Trước hết, Người là anh hùng giải phóng dân tộc. Nghị quyết UNESCO ghi rõ: "Chủ tịch Hồ Chí Minh là một biểu tượng kiệt xuất về lòng quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội. Tôi không có tham vọng đề cập toàn bộ vấn đề này (vì bản thân vấn đề đã là một hệ thống đề tài nghiên cứu hết sức rộng lớn). Tôi chỉ xin giới hạn vào chủ đề: Chủ tịch Hồ Chí Minh với cuộc cách mạng giải phóng dân tộc Lào.

Từ cuối thế kỷ XIX, khi thực dân Pháp xâm lược và chiếm đóng đất nước chúng tôi, bất chấp sự đầu hàng của bọn phong kiến, quý tộc, nhân dân các bộ tộc Lào, không cam chịu kiếp nô lệ, đã nhiều lần nổi dậy chống ách thống trị hà khắc. Trong suốt 30 năm đầu của thế kỷ XX, các cuộc khởi nghĩa đã bùng nổ liên tiếp trên hầu khắp đất nước. Có phong trào diễn ra trên quy mô khá rộng, bao gồm nhiều địa bàn, nhiều tỉnh. Có cuộc chiến đấu kéo dài gần 4 thập kỷ. Những người lãnh đạo các cuộc đấu tranh đó là những nhà yêu nước kiên cường, nhưng do hạn chế của điều kiện lịch sử, họ không có đường lối và phương thức đấu tranh thích hợp, nên các phong trào đó đều thất bại.

Cuối những năm 20 của thế kỷ này[1], đồng chí Hồ Chí Minh, thông qua tổ chức Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội đã truyền bá chủ nghĩa

1. Tức thế kỷ thứ XX (BT).

Mác - Lênin vào Lào. Khi Người hoạt động ở Thái Lan, sau các lớp huấn luyện chính trị tại U-đon, Người đã nhiều lần trực tiếp huấn luyện các đồng chí hoạt động ở Lào. Có lần, Người đã triệu tập các đồng chí hoạt động ở Viêng Chăn tới Noọng Khai để nghe báo cáo tình hình và chỉ đạo phương hướng đẩy mạnh hoạt động ở Lào. Mùa thu năm 1928, đồng chí Hồ Chí Minh đã từ Thái Lan sang Pắc-xế, lên Xa-van-la-khẹt, đến Xiêng Vang (phía nam tỉnh lỵ Thà Khẹt) để trực tiếp tìm hiểu thực tế tình hình đời sống nhân dân Lào.

Những hạt giống cách mạng mà đồng chí Hồ Chí Minh gieo đã nhanh chóng nảy mầm và phát triển ở Lào. Từ các tổ chức quần chúng cách mạng thời kỳ 1928-1929, đến năm 1930 đã hình thành 6 chi bộ cộng sản ở Viêng Chăn, Pắc-xế, Thà Khẹt, Xa-van-na-khẹt, Thôn-tiu, Bò-nèng. Các tổ chức quần chúng: công hội, thanh niên, phụ nữ, đồng minh phản đế, hội tương tế... đã phát triển ở nhiều thành phố và các vùng đông công nhân. Tháng 9-1934, tại một hòn đảo nhỏ trên sông Mê Kông, Đại hội đại biểu các chi bộ cộng sản các địa phương đã thành lập Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương tại Lào. Từ đó cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân các bộ tộc Lào bước sang thời kỳ mới, với chất lượng hoàn toàn mới; cách mạng Lào đã trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng Đông Dương và cách mạng thế giới.

Năm 1975, trải qua cuộc đấu tranh bền bỉ, kiên cường, hơn 3 triệu nhân dân các bộ tộc Lào, dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, người kế tục sự nghiệp quang vinh của Đảng Cộng sản Đông Dương do đồng chí Hồ Chí Minh sáng lập, đã giải phóng hoàn toàn nước Lào thoát khỏi ách thực dân đế quốc, xoá bỏ chế độ phong kiến, lập nên nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, mở ra kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do và từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, đối với nhân dân Lào, cống hiến to lớn của đồng chí Hồ Chí Minh, trước hết là tìm ra con đường giải phóng dân tộc đúng đắn cho cách mạng Lào. Tháng 5-1941, đồng chí Hồ Chí Minh, thay mặt Quốc tế Cộng sản chủ trì hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, đã nêu rõ: nhiệm vụ chủ yếu và trước mắt của cách mạng Đông Dương là cách mạng giải phóng dân tộc và nhấn mạnh: muốn đánh Pháp đuổi Nhật "phải có lực lượng thống nhất của tất thảy các dân tộc Đông Dương hợp lại". Hội nghị Trung ương lần đó, nhất trí với ý kiến của đồng chí Hồ Chí Minh, đã đặt vấn đề giải phóng dân tộc trong khuôn khổ mỗi nước, chủ trương lập

Mặt trận dân tộc thống nhất trong từng nước nhằm khơi dậy truyền thống tốt đẹp của mỗi dân tộc, thu hút mọi lực lượng yêu nước, động viên sức mạnh của cả nước đứng lên giành độc lập chủ quyền dân tộc. Đường lối chiến lược đó là nhân tố thắng lợi hết sức quan trọng.

Điểm nổi bật ở đồng chí Hồ Chí Minh là không chỉ góp về lý luận, về đường lối, phương hướng, mà đồng chí còn quan tâm đến phương diện tổ chức và chỉ đạo thực tiễn cách mạng. Trong điếu văn đọc tại Lễ truy điệu đồng chí Hồ Chí Minh ngày 5-9-1969 tại Sầm Nưa, đồng chí Cay-sỏn Phôm-vi-hản, Tổng bí thư Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, đã nói: "Đối với Cách mạng Lào chúng ta, đồng chí Hồ Chí Minh đã thường xuyên quan tâm chỉ đạo cho Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương tại Lào trước đây, cũng như sau này cho Đảng Nhân dân Cách mạng Lào khi Đảng đã được thành lập. Đồng chí đã trực tiếp giúp cho chúng ta những ý kiến rất quan trọng về chiến lược, sách lược, về phương thức hoạt động. Nhờ đó mà trong tình thế vô cùng gay go gian khổ Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương tại Lào đã ra sức vận động quần chúng, tổ chức và lãnh đạo nhân dân Lào đứng lên làm Cách mạng Tháng Tám thành công, giành chính quyền về tay mình, tuyên bố nền độc lập của Lào ngày 12-10-1945. Tiếp đó, đồng chí Hồ Chí Minh đã giúp đỡ tận tình cuộc đấu tranh cứu nước của nhân dân ta".

Đồng chí Cay-sỏn Phôm-vi-hản cũng nói rõ việc đồng chí Hồ Chí Minh, trong từng thời kỳ, đã chú ý hướng dẫn việc chuyển hướng trọng tâm hoạt động, xây dựng cơ sở nhân dân, phát động quần chúng nông dân xây dựng các khu căn cứ kháng chiến, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, mở Mặt trận dân tộc thống nhất, xây dựng Đảng Mác - Lênin chân chính, nhất là vấn đề đào tạo đội ngũ cán bộ có đạo đức cách mạng và có năng lực công tác.

Trong những lần lực lượng yêu nước đấu tranh buộc đối phương phải chấp nhận giải pháp hoà bình, thành lập chính phủ liên hiệp dân tộc, có lực lượng cách mạng tham gia, đồng chí Hồ Chí Minh đã ân cần dặn dò "Hoà hợp là thắng lợi về sách lược. Vấn đề chủ yếu quan trọng, có ý nghĩa chiến lược là phải quan tâm củng cố và phát triển lực lượng cách mạng để sẵn sàng đối phó với mọi tình huống, không ngừng đưa cách mạng tiến lên".

Lịch sử đã chứng minh sự đúng đắn của luận điểm của đồng chí Hồ Chí Minh về Cách mạng dân tộc dân chủ, phát triển thành Cách mạng xã hội chủ nghĩa trong từng nước chậm phát triển. Quá trình cách mạng này

gồm hai giai đoạn có phần đan xen vào nhau, giai đoạn sau hoàn thành những nhiệm vụ chưa làm xong của giai đoạn trước, và giai đoạn trước, khi có điều kiện, có thể bắt đầu làm một số nhiệm vụ của giai đoạn sau. Quá trình Cách mạng Lào đã diễn ra gần đúng như thế và hiện nay đang ở giai đoạn củng cố, phát triển, hoàn thiện chế độ dân chủ nhân dân, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đồng chí Hồ Chí Minh hết sức quan tâm xây đắp cho mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào. Tháng 9-1952, trong một cuộc họp, Người nói: "Chính phủ và nhân dân Việt Nam hết lòng thành thực giúp đỡ Mặt trận và nhân dân Lào anh em. Sự thật chưa tìm ra chữ gì để thay chữ giúp, chứ thực ra không phải là giúp mà là làm một nhiệm vụ quốc tế". Trong thực tế, mối quan hệ giữa hai Đảng và nhân dân hai nước Việt - Lào là mối quan hệ láng giềng gần gũi, giữa những người bạn chung lý tưởng, cùng chiến hào chống kẻ thù chung, đã từng đồng cam, cộng khổ "hạt muối cắn đôi", "cọng rau bẻ nửa". Đồng chí Tổng bí thư Đảng chúng tôi đã từng nói: "Trong lịch sử cách mạng thế giới cũng đã có nhiều tấm gương sáng về tinh thần quốc tế vô sản, nhưng chưa ở đâu và chưa bao giờ có sự đoàn kết liên minh chiến đấu đặc biệt lâu dài, toàn diện như vậy, hơn 30 năm đã qua mà vẫn trong sáng như xưa - một sự đoàn kết liên minh bền vững, đã phát huy cao độ tinh thần độc lập tự chủ và mọi nhân tố chủ quan của từng dân tộc và kết hợp với sức mạnh của cả hai dân tộc, cùng chiến đấu và cùng chiến thắng.

Nhìn lại những chặng đường đã qua, từ một dân tộc nô lệ, thành một dân tộc có độc lập, tự do; từ một đất nước bị chia cắt thành một đất nước thống nhất, từ một xã hội thuộc địa và phong kiến thành một xã hội dân chủ nhân dân, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội, từ một xứ sở không có tên trên bản đồ thế giới thành một thành viên tiên tiến của cộng đồng quốc tế, trong cuộc hành trình lịch sử này, nhân dân Lào chúng tôi luôn luôn ghi nhớ công ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngày nay, trước những biến động dồn dập, những xáo trộn phức tạp xảy ra hàng ngày, hàng giờ trên chiến trường thế giới, chúng tôi cho rằng hơn bao giờ hết cần tăng cường hơn nữa quan hệ đoàn kết đặc biệt Lào - Việt, di sản vô giá mà đồng chí Hồ Chí Minh đã để lại, đứng vững trên trận địa của mình, bảo vệ và phát huy thành quả cách mạng đã đạt được, đẩy mạnh sự hợp tác toàn diện có hiệu quả. Đó là một phép màu, một trong những thế mạnh giúp chúng ta vượt qua thử thách, vươn tới mục tiêu.

TOÀN NHÂN LOẠI TIẾN BỘ NHỚ MÃI TÊN TUỔI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH *

V. M. XÔN-XÉP

Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô

Tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi vào lịch sử như một nhà hoạt động chính trị lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế, một lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam.

Đồng chí Phạm Văn Đồng đã nói: "Chủ tịch Hồ Chí Minh là tinh hoa của dân tộc, lương tâm của thời đại".

Toàn dân Việt Nam gọi Người một cách trìu mến là "Bác Hồ".

Đối với nhân dân Liên Xô, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người bạn lớn.

Nhân dân Xô-viết rất kính trọng và yêu quý Người.

Cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người con kiệt xuất của nhân dân Việt Nam hết sức đa dạng, còn sự nghiệp của Người thực là rộng bao la.

Người thông minh, dũng cảm, giản dị, quan tâm chăm sóc đến mọi người và nghiêm khắc với bản thân. Người có kiến thức rộng, biết nhiều ngoại ngữ. Người cũng là nhà chiến lược, sách lược, có tài của cách mạng.

Uy tín của Chủ tịch Hồ Chí Minh rất lớn trên toàn thế giới.

Bởi vậy tổ chức UNESCO đã quyết định năm 1990 là năm kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Hồ Chí Minh.

Trong thế giới đầy năng động của chúng ta ngày nay đang diễn ra những biến đổi lớn lao.

---

* Đầu đề do chúng tôi đặt (BBT).

Sự nghiệp cải tổ và đổi mới mọi mặt cuộc sống đang diễn ra tại Liên Xô. Ở Việt Nam cũng đang tiến hành những cải cách kinh tế quan trọng trong khuôn khổ chính sách đổi mới.

Khái niệm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội, về các con đường và các phương pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng thay đổi.

Nhưng trong mọi biến đổi cũng có một số điều quan trọng không hề thay đổi. Đó là lý tưởng xã hội chủ nghĩa, các tư tưởng nhân đạo chủ nghĩa, tự do, dân chủ và công bằng xã hội, mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà yêu nước vĩ đại, người theo chủ nghĩa quốc tế đã cống hiến trọn đời mình cho những lý tưởng đó.

Năm tháng sẽ qua đi nhưng toàn nhân loại tiến bộ nhớ mãi tên tuổi và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG THỜI ĐẠI HIỆN NAY

Bà MÁC-XÊ-LA LÔM-BÁC-ĐÔ
(MARCELA LOMBARDO)

Giám đốc Trung tâm nghiên cứu Triết học, Chính trị xã hội Mê-hi-cô

Việc công nhận Hồ Chí Minh là một nhà cách mạng lớn, một lãnh tụ vĩ đại, một nhà văn hoá kiệt xuất là niềm vinh dự của loài người, vì như vậy chẳng những là để trả món nợ tinh thần, mà đồng thời qua đó mà các nhà tư tưởng lỗi lạc thế giới có dịp cùng nhau tưởng nhớ một cách xứng đáng và công nhận nhà cách mạng Việt Nam, người con của nhân loại đã hiến dâng cả cuộc đời mình cho cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do của Tổ quốc Việt Nam cũng như của các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Tên tuổi Hồ Chí Minh được biết đến và kính trọng trên khắp thế giới và năm nay với niềm xúc động, Hồ Chí Minh được kỷ niệm như một trong những vĩ nhân mà lịch sử loài người đã sinh ra.

Quyết định của UNESCO kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh cần được hiểu trong thời đại mà chúng ta đang sống. Đó là dịp để suy xét về những lý tưởng mà Người đã chiến đấu, giống như những vị anh hùng của các dân tộc khác, và để khẳng định những lý tưởng này vẫn còn giữ nguyên giá trị.

Biết bao điều muốn nói, biết bao điều có thể học tập từ cuộc đời và sự nghiệp của những con người như Nguyễn Sinh Cung, Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc (Nguyễn - người con yêu nước), Hồ Chí Minh, mà lời lẽ thật khó có thể nói lên một cách đầy đủ.

Con người mà hôm nay chúng ta kỷ niệm sinh ra trong một gia đình có tư tưởng tiến bộ. Nhân cách của Người được tôi luyện trong quá trình chứng kiến tận mắt dân tộc mình bị áp bức, bóc lột và trước nguy cơ thất

bại của một số phong trào yêu nước chống lại ách thống trị thực dân. Việc đọc những cuốn sách của các nhà tư tưởng lớn, cũng như những lý tưởng triết học của cách mạng Pháp đã thôi thúc Người ra đi tìm tri thức rộng lớn giúp Người sau này hình thành cương lĩnh của cuộc đấu tranh giải phóng Tổ quốc.

Trong quá trình tìm tòi này, Người đã đi nhiều nước châu Âu, cũng như châu Mỹ, làm nhiều công việc khác nhau, có những việc rất bình dị; đồng thời Người cũng thường xuyên học hỏi như những con người xuất chúng thường làm, nâng cao kiến thức, mở mang văn hoá của mình.

Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, người con lỗi lạc này đã thảo ra *Bản yêu sách của nhân dân Việt Nam* để gửi đến Hội nghị Véc-xây (Versailles) năm 1919 và Người nhanh chóng trở thành lãnh tụ và niềm tự hào của những người Việt Nam yêu nước.

Từ đó, Người không ngừng hoạt động chính trị, lòng yêu nước nồng cháy và chủ nghĩa quốc tế đã thôi thúc Người. Người hiểu rằng cuộc đấu tranh giải phóng của Việt Nam cũng là cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc khác, mỗi dân tộc với những đặc tính riêng, nhưng đây là cuộc đấu tranh chung, cuộc đấu tranh của một dân tộc chống lại những kẻ áp bức trong nước và ngoài nước.

Những tác phẩm hướng dẫn nhân dân mình, cũng như những khoá học và hội nghị mà Người tổ chức, những vần thơ Người viết và những bài ca mà Người sáng tác, rõ ràng đã góp phần tạo điều kiện để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Những năm tháng gian khổ tìm tòi và chuẩn bị đó đã giúp Người nghiên cứu và phân tích tình hình Việt Nam cũng như tình hình quốc tế, hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai. Từ đó cho phép Người lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng chống lại bọn thực dân Nhật và Pháp.

Trách nhiệm của người cầm lái vĩ đại này của nhân dân Việt Nam thật vô cùng to lớn. Người biết rằng cần phải tiến lên, không được thất bại. Người thấy cần thiết phải có một chiến lược và sách lược để lãnh đạo nhân dân đi đến thắng lợi cuối cùng và Người đã vạch ra. Tháng 8 năm 1945, Việt Nam đã đánh đổ chính phủ do Nhật dựng lên. Mặc dù, ngay sau đó bọn Anh - Pháp đã tìm cách giành lại thuộc địa và lập lại sự kiểm soát ở miền Nam Việt Nam, ở Lào và Cam-pu-chia. Nhưng, sau 6 tháng

chiến tranh ác liệt, Pháp đã phải công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Những cuộc chiến đấu vĩ đại diễn ra, như trận đánh pháo đài Điện Biên Phủ, mà Lôm-bác-đô Tô-lê-đa-nô (Lombardo Toledano) ví như là trận đánh An-hôn-đi-ga Gra-na-di-tat trong chiến tranh giành độc lập của Mê-hi-cô. Cả hai trận đánh đều vì nền độc lập của Việt Nam và của Mê-hi-cô. Cả hai trận đánh đều chống lại những đạo quân hùng mạnh và trong hai trận đánh đó, các đạo quân hùng mạnh đã bị những chiến sĩ yêu nước đánh bại. Đó là biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng nhân đạo và của những trang chói lọi trong lịch sử vì tự do.

Đất nước chúng ta, Việt Nam và Mê-hi-cô đã từng phải đương đầu với các cuộc xâm lược của nước ngoài. Trong cuộc đấu tranh đánh đuổi kẻ xâm lược, nổi lên hai nhân vật vĩ đại, tuy rằng ở hai thế kỷ khác nhau, đó chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Việt Nam - Người anh hùng của cuộc đấu tranh chống cuộc xâm lược dã man, tàn bạo của Pháp và Tổng thống Bê-ni-tô Hoa-rêt ở Mê-hi-cô - Người anh hùng của cuộc đấu tranh chống cuộc xâm lược năm 1862. Trong hai cuộc chiến tranh đó, các đạo quân hùng mạnh nhất lúc bấy giờ đã bị đánh bại bởi một lực lượng hùng mạnh hơn - đó là các dân tộc dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tổng thống Bê-ni-tô Hoa-rết, đưa Tổ quốc mình từ nghèo đói đến vinh quang và hy vọng.

Sau thắng lợi đó, một điều bất hạnh khác đến với dân tộc anh hùng này, họ lại phải đương đầu với một trong những cuộc chiến tranh phi nghĩa và tàn bạo nhất trong lịch sử chống lại một dân tộc không vũ trang và kiệt quệ do những năm tháng bị thực dân đô hộ. Đó là cuộc chiến tranh bẩn thỉu do một nước hiếu chiến chưa từng thấy gây ra, nhằm giành được những sự nhượng bộ cho các tập đoàn độc quyền và nhằm thâm nhập vào Đông Dương, như là chúng đã từng làm ở châu Mỹ Latinh. Chúng muốn chiếm bán đảo này và nhằm mục đích đó, chúng phải tiêu diệt chính phủ của Hồ Chí Minh và gạt bỏ Pháp để không chỉ khai thác nguồn tài nguyên to lớn mà còn xác lập một vị trí chiến lược quan trọng ở Đông Nam Á.

Chúng ta không thể quên rằng, những người phát ngôn của Mỹ đã từng rêu rao về thất bại của một số cuộc hội nghị mà Hồ Chí Minh cố gắng thương lượng để đi tới các thoả thuận.

Chúng ta cũng không thể quên rằng, lợi ích của đế quốc Mỹ là duy trì chính sách kinh tế dựa trên chính sách chạy đua vũ trang để làm dịu cuộc khủng hoảng kinh tế của họ.

Nhưng một nhân vật tưởng chừng như nhỏ bé là Bác Hồ, đã hiên ngang đứng lên trong sự nghiệp đầy nhiệt huyết bảo vệ dân tộc mình, dẫn dắt dân tộc mình và làm sáng ngời lẽ phải và chính nghĩa. Con người đó, người anh hùng chân chính đó là của Việt Nam và của tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Đó là người mà hôm nay chúng ta tưởng nhớ và biết ơn. Bởi vì chúng ta biết rằng khi kỷ niệm các vĩ nhân của nhân loại thì điều dễ hiểu nhất là bất cứ dân tộc nào làm cách mạng cũng không bao giờ đơn độc, rằng sức mạnh thực tế của dân tộc đó, tức sức mạnh lịch sử là sức mạnh của toàn nhân loại tiến bộ, như Hồ Chí Minh đã nói: "Giúp đỡ bạn là tự giúp chính mình".

Chính vì thế, hôm nay chúng ta có thể khẳng định rằng cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh và lý luận của Người về chiến tranh nhân dân đã góp phần làm phong phú học thuyết Mác - Lênin về phương pháp mà các dân tộc phải làm theo khi tiến hành một cuộc Cách mạng dân chủ. Điều đó giải thích tại sao Người có thể tập hợp toàn dân tộc vào mặt trận cách mạng và tại sao tất cả mọi người Việt Nam đã tham gia vào cuộc kháng chiến với chủ nghĩa yêu nước vĩ đại.

Đó là cống hiến to lớn của Người vào cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

Vì vậy, ngày hôm nay chúng ta biết rằng con đường nào mà những bậc tiền bối đã đi, như Hồ Chí Minh, đại diện và phục vụ cho dân tộc mình, tin tưởng ở nhân dân, ở sức mạnh đấu tranh vô tận, tinh thần hy sinh vô hạn, khả năng sáng tạo tuyệt vời, quyền không thể thoái thác được của họ là sống tự do - chính là góp phần trong các giai đoạn lịch sử khác nhau, làm nên giá trị vật chất và tinh thần cho Tổ quốc mình và đại gia đình nhân loại. Đó là con đường duy nhất để giành được những biến đổi cách mạng.

Kiên quyết kháng chiến khi có chính nghĩa, khi phải bảo vệ các quyền thiêng liêng; không nhân nhượng trước bất cứ áp lực nào từ bên ngoài, dù với kẻ thù không ngang sức đến đâu, đó là con đường duy nhất đưa đến tiến bộ và tự do.

Nhà lãnh đạo của những người Mê-hi-cô đã có lúc nói với chúng tôi rằng: "Tất cả các dân tộc đều có con đường riêng của mình để đi tới tương lai, đi tới tiến bộ, đi tới mục tiêu ngày càng rộng lớn của mình". Bởi vì mỗi dân tộc đều mang trong mình những truyền thống riêng của mình và họ bảo vệ nó, bảo vệ những mục tiêu riêng của họ, những phương pháp riêng để tiếp nhận và chiêm ngưỡng thế giới; sự đa dạng đó chính là nguồn và chỗ dựa, cho phép phân biệt sự biến đổi của các quá trình đặc trưng trong sự kiện, để có khả năng đáp ứng cái mới, trước những điều ngày càng phức tạp và đẹp đẽ.

Nhà lãnh đạo của chúng tôi có lần nói với chúng tôi rằng những người cách mạng nhất định chiến thắng, nhưng đồng thời cũng nhắc nhở chúng tôi rằng là người cách mạng không chỉ tuyên bố như vậy mà phải có một sự cam kết. Nghĩa là phải luôn luôn nhạy cảm trước những sự thay đổi và tác động để những điều đó diễn ra vì lợi ích của tiến bộ.

Nếu lần nào đó bị rơi vào sai lầm của chủ nghĩa bất biến, vào huyền thoại một thế giới tĩnh tại, quy củ và ổn định, thì trận chiến đấu vì tiến bộ sẽ coi như bị thất bại.

Rõ ràng là những sự kiện bây giờ cho thấy thế giới đang chuẩn bị cho thiên niên kỷ thứ ba; và sự đối đầu sẽ không phải bằng vũ khí quân sự nữa, mà bằng sức mạnh tư tưởng. Ngày nay cuộc đấu tranh giữa hai thứ triết học về cuộc sống trở nên rõ rệt hơn bao giờ hết. Đó là: một loại triết học nhìn thế giới như một cái gì đó bất biến, trong đó mọi thay đổi chỉ là những mơ hoặc; và loại kia thì nhìn thế giới như một quá trình mà ở đó những thay đổi là cội nguồn của sự giàu có, tiến bộ và nhằm tìm kiếm ước muốn nhân đạo trong lĩnh vực đạo đức. Vì thế mà những con người như Hồ Chí Minh ngày càng trở nên vĩ đại, vì họ là những người đã cho chúng ta lý do để sống và khả năng để thực hiện những giấc mơ của mình.

Chúng ta đang sống trong một thế giới sôi động, vì cuộc chiến tranh tư tưởng giữa những kẻ hòng duy trì chính sách đế quốc chủ nghĩa tàn bạo và những người như chúng ta, đang đấu tranh để giành lấy một chế độ tự do và công bằng hơn, đã trở nên sâu sắc hơn bao giờ hết.

Những mối đe doạ của một cường quốc hay một nhóm cường quốc đang chuẩn bị kế hoạch để khuất phục các dân tộc, phục vụ cho lợi ích kinh tế và chính trị của chúng thật rõ ràng. Nhưng điều đó cũng có thể đoàn kết các dân tộc ở khu vực này với các dân tộc khác trong cuộc đấu

tranh chung vì những sự nghiệp chính nghĩa, tích cực liên kết họ lại trước sự rình rập của những kẻ hùng mạnh; và có lẽ một trong những sự nghiệp có ý nghĩa hơn cả là sự nghiệp vì hoà bình.

Hồ Chí Minh đã tham gia và thúc đẩy những sự nghiệp quảng đại đó như sự nghiệp vì hoà bình. Và như một nhà văn hoá, Người đã tham gia vào sự phát triển và truyền bá văn hoá, nhận thức được văn hoá "như một kho tàng kiến thức của con người về thiên nhiên, cuộc sống, cũng như để đánh giá về sự tồn tại, mà giá trị của nó có thể tăng cường lòng tin vào tính hoàn thiện không ngừng của con người".

Ở Hồ Chí Minh chúng ta bắt gặp - như đồng chí Phạm Văn Đồng đã nói - sự kết hợp hài hoà giữa tính khách quan và chủ quan, giữa chiến lược và sách lược, giữa những nguyên tắc và sự linh hoạt. Và điều đó làm cho Người trở nên vĩ đại, vì Người đã dựa vào triết học duy vật biện chứng, thứ triết học "không chỉ phản ánh sự đúc kết quan trọng nhất trong lịch sử tư duy của loài người mà còn là sự khám phá có ý nghĩa nhất trong lịch sử tri thức và văn hoá; phát hiện ra những quy luật vận hành của mọi tồn tại vật chất; những quy luật chi phối cả thế giới cũng như thiên nhiên, con người và cuộc sống xã hội". Nếu không thực hiện những biện pháp cần thiết, không phân tích đúng đắn thực tế ở mỗi nước, sẽ có nguy cơ chệch hướng và mắc phải những sai lầm mà sau đó có thể trở thành những hậu quả nghiêm trọng đối với sự phát triển cách mạng.

Những đóng góp lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh có nội dung phổ cập, như đồng chí Phạm Văn Đồng nói, Hồ Chí Minh là một con người, một dân tộc, một thời đại và một sự nghiệp.

Một Con Người viết hoa. Một dân tộc, vì Người là hiện thân cho Tổ quốc mình. Một thời đại, vì Người là biểu hiện của thời đại giải phóng các dân tộc thuộc địa. Và một sự nghiệp, sự nghiệp cao cả nhất đưa đến tự do và hạnh phúc con người, mà vì nó Người đã luôn luôn đấu tranh để "biến cuộc sống thành một sức mạnh để tin tưởng, thay cho bước đi buồn nản vô hướng, cho dù đến lúc ánh sáng le lói của cuộc sống bị dập tắt".

"Tất cả chúng ta là những con người đi tới tương lai của vũ trụ và thế giới; nhưng không phải là lịch sử được tôi luyện bởi hàng triệu, hàng triệu cá nhân bằng ý chí và những lý tưởng của mình. Ở đó ngự trị sự vĩnh hằng và vĩ đại của con người". Và chính ở đây là nơi toát lên sự vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

MỐI QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA TÍNH GIAI CẤP VÀ TÍNH NHÂN LOẠI TRONG SỰ NGHIỆP SÁNG TẠO CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

L. Ô-GUN-GIÊ-RAN (L. OGOUNGERAL)
Uỷ ban Khoa học xã hội Mông Cổ

Sự nghiệp của các bậc vĩ nhân thường được thế hệ sau đó nhận thức một cách đầy đủ hơn. Đối với Hồ Chí Minh, người con vĩ đại của nhân dân Việt Nam, người chiến sĩ đấu tranh không mệt mỏi cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội, con người nhân đạo cao cả, cũng xảy ra như vậy.

Tuy đã trải qua 100 năm kể từ ngày sinh của Hồ Chí Minh, nhưng di sản cách mạng sáng tạo của Người vẫn đáng để cho triệu triệu người trên toàn thế giới học tập. Sự nghiệp cách mạng rộng lớn của Người trước hết thể hiện ở phương pháp mác-xít sáng tạo trong mối quan hệ biện chứng giữa tính giai cấp và tính nhân loại.

Hồ Chí Minh đã có những đóng góp quý báu vào việc phát triển luận điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa. Sự sáng tạo trong quan điểm về đấu tranh giải phóng dân tộc của Người là xác định sự thống nhất chặt chẽ giữa tính dân tộc và tính quốc tế, giữa tính giai cấp và tính nhân loại.

Người đã vận dụng sáng tạo những tư tưởng nhân đạo của cuộc đại cách mạng Pháp: *Tự do, Bình đẳng, Bác ái,* Người đã đem hết sức mình kết hợp những lý tưởng của nhân loại với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam vì giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội.

Thời thanh niên, Hồ Chí Minh đã từng sống và làm việc giữa những người lao động của nhiều nước ở châu Âu, châu Mỹ, châu Á và châu Phi, tham gia phong trào công nhân Pháp. Chính điều đó đóng một vai trò

quan trọng trong sự hình thành thế giới quan của Người. Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vĩ đại đã có ảnh hưởng quyết định đến sự hình thành những quan điểm của Người về vấn đề dân tộc và thuộc địa và toàn bộ sự nghiệp hoạt động cách mạng của Người. Hồ Chí Minh là một nhà yêu nước chân chính. Từ chủ nghĩa yêu nước sâu sắc, Người đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin.

Như vậy, những tư tưởng của Người về giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội dựa trên những tư tưởng nhân đạo và yêu nước sâu sắc. Theo quan điểm của chúng tôi, đó chính là đặc trưng của Hồ Chí Minh với tư cách là một nhà cách mạng, một nhà tư tưởng, một con người. Điều đó còn thể hiện rõ hơn nữa trong các tác phẩm văn học và báo chí của Người. Sợi chỉ đỏ xuyên suốt sự nghiệp sáng tạo văn học của Hồ Chí Minh là những tư tưởng tự do, tính nhân đạo đối với mỗi cá nhân cũng như toàn thể dân tộc, đặc biệt là đối với nhân dân Việt Nam đã bị đày đoạ dưới ách thực dân.

Tác phẩm "*Nhật ký trong tù*" của Người thể hiện rõ nét những khía cạnh tinh thần và quan điểm của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc:

Thà chết chẳng cam nô lệ mãi,
Tung bay cờ nghĩa khắp trăm miền;
Xót mình giam hãm trong tù ngục,
Chưa được xông ra giữa trận tiền.

Sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh là di sản vô giá, đầy xúc động, thể hiện rõ nét mối quan hệ biện chứng giữa tính giai cấp và tính nhân loại. Nó xứng đáng được nghiên cứu, tìm hiểu không chỉ ở Việt Nam mà còn cả ở các nước khác, đặc biệt là ở Mông Cổ chúng tôi. Chúng tôi rất hân hạnh báo tin rằng nhân dịp kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Hồ Chí Minh, vào tháng 5 năm nay sẽ tổ chức hội nghị khoa học ở U-lan Ba-to. Chúng tôi sẽ xuất bản tuyển tập thơ của Người. Từ sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh, chúng ta có thể rút ra kết luận rằng: điểm đặc trưng của người cách mạng chân chính là mối quan hệ biện chứng chặt chẽ giữa trạng thái tâm hồn của một con người có cảm nhận được những lý tưởng cao quý của nhân loại, và hành động cách mạng.

HỒ CHÍ MINH VÀ NHỮNG CHÂN LÝ KHÔNG THỂ CHỐI CÃI ĐƯỢC

MU-LƠ HÊ-LEN MÂY-GRAI
(MULLER HELEN MAGRIRE)

Uỷ viên Hội đồng cố vấn SIPA Trường Đại học Cô-lôm-bi-a (Niu Yoóc), Phó chủ tịch Hội đồng Canergic về đạo đức và các vấn đề quốc tế (Niu Yoóc)

Các bạn, công dân của nước Việt Nam, đã cho tôi cái đặc ân được đến đây vào dịp lịch sử này và tôi rất cảm động nhìn thấy quanh tôi các nhà yêu nước nổi tiếng đã đấu tranh lâu dài và anh dũng chống mọi khó khăn hầu như không thể vượt qua được để giành độc lập cho dân tộc. Tôi cũng được vinh dự cùng đến Hà Nội với bạn và đồng sự của tôi Ác-si-mét Pat-ti (Archimede Patti). Các bạn đều biết rõ ông ấy. Ông ấy là bạn cố tri của các bạn. Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh chia tay với "Thiếu tá Pat-ti" ngày 30 tháng 9 năm 1945, Người yêu cầu ông ta trở lại vì "bạn bao giờ cũng được hoan nghênh". Vì thế, *ông Pa-ti* hiện ở đây; *chúng tôi* hiện ở đây. Thế là hôm nay có hai người Mỹ cùng với các bạn kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Hồ Chí Minh, người cha của dân tộc. "Bác Hồ", nhà yêu nước vĩ đại, đã dành cả cuộc đời nghiên cứu mọi công thức chính phủ trong mọi điều kiện, ở mọi xứ nhằm đạt đến một mục đích cố định: Tự do cho dân tộc mình. Hồ Chí Minh là một người có cái nhìn thực tế, không hề nghi ngờ thắng lợi của sự nghiệp của mình, dù cho nhân dân có phải trải qua nhiều cuộc chiến tranh gian khổ. Cái bi kịch là khi Người nhắm mắt xuôi tay, cuộc đấu tranh đã trở nên ác liệt hơn, đẫm máu hơn, lâu dài hơn và tốn kém hơn cho các dân tộc bị lôi cuốn vào cuộc chiến. Nghịch lý tàn nhẫn làm sao!

Thế nhưng, ngày nay Người sống mãi trong trái tim khối óc của nhân loại. Song, có ai trên thế giới ngày nay, lại nhớ đến những lời kêu gọi gây xúc động mạnh mẽ đòi tự do của nhà lãnh tụ khôn ngoan, uyên bác và không muốn mình có một vai trò nổi bật, Người đã trích dẫn bản Tuyên

ngôn độc lập của Mỹ, cái văn kiện đầy sức mạnh đã khuấy động tâm hồn của bao nhiêu nhà cách mạng Mỹ, hay những nguyên tắc của Hiến chương Đại Tây Dương đã khai sinh ra một tổ chức quốc tế mới, Liên hiệp quốc? Ngày nay có ai trong cái tổ hợp thông tin toàn cầu rộng lớn này còn nhắc đến cái bóng dáng mảnh mai trong trang phục nông dân, vị Chủ tịch của một dân tộc mới và cũng là một nhà thơ; Người tin vào những ngôn từ cao cả và lý tưởng của các chiến sĩ tự do khác, nhưng lại không được khuyến khích chuyển những điều đó thành sự thật vì lợi ích của dân tộc mình? Phải chăng các nền dân chủ còn chần chừ, không muốn chia sẻ những giáo lý của họ với người khác? Phải chăng Hồ Chí Minh là nạn nhân của những tư tưởng đúng được đưa ra vào thời điểm sai?[1]

... Đối với Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 9 năm 1945 tại Quảng trường Ba Đình ở thành phố này thì không phải thế.

Trong thời kỳ hậu chiến của những năm bốn mươi, tôi phải thú nhận rằng người Mỹ chúng tôi sau chiến thắng, đã tỏ ra hùng mạnh và hào phóng đối với một số nước nhưng lại phớt lờ và vô tình với những nước khác. Chúng tôi tô màu trắng hay đỏ cho các dân tộc. Chúng tôi thường hay cố tình bác bỏ lời khuyên của những người thông minh trong lĩnh vực này, biết phân biệt rõ các phong trào dân tộc bản xứ giành độc lập với các phong trào do các lực lượng cơ hội bên ngoài xúi giục.

Đã rơi vào lãng quên cái lý tưởng trong 14 điểm của Uyn-sơn (Wilson)* tại Hội nghị Véc-xây và những lời thề nguyền chống thực dân của Ru-đơ-ven (Roosevelt) cứ phai mờ dần sau khi ông qua đời.

... Chúng ta hãy nói lên những lời ca ngợi muộn màng đối với chàng thanh niên Nguyễn Ái Quốc năm 1919 hay Hồ Chí Minh năm 1945 vì đã làm cho những từ cao quý này luôn luôn sống động:

Hồ Chí Minh, nhà chính khách
Hồ Chí Minh, người của nhân dân.

---

1. Tác giả chủ tâm sử dụng hai từ tương phản đúng và sai để làm nổi bật tầm nhìn xa, trông rộng của tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh trong khi tư tưởng của Người chưa được thời điểm lịch sử đó nhận thức đúng (Người dịch chú thích).

* Trong bài Cuộc kháng Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã viết: "Sau một thời gian nghiên cứu và theo dõi, chúng tôi nhận thấy rằng "chủ nghĩa Uyn-sơn" chỉ là một trò bịp lớn" (Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 2, tr.162) (Chú thích của BBT).

Ý NGHĨA NGÀY NAY CỦA CÁCH MẠNG HỒ CHÍ MINH DÂN TỘC VIỆT NAM VÀ HỒ CHÍ MINH

SAI-TÔ-GHEN
Nhà Sử học (Nhật Bản)

Chúng ta đón chào lễ kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Hồ Chí Minh trong lúc công cuộc xây dựng "Chủ nghĩa xã hội" của các nước châu Âu đang rất biến động về cả tính chất tư tưởng và tính chất thực tiễn. Chính vào thời kỳ này, tôi xin được suy nghĩ tới ý nghĩa ngày nay của tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt về ý nghĩa ngày nay của tư tưởng của Người trong vấn đề kết hợp một cách đúng đắn lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp.

Tôi đã mấy lần được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh, và cho đến nay còn đọng mãi trong tôi là cuộc gặp gỡ với Người tại Phủ Chủ tịch gần Quảng trường Ba Đình vào dịp lễ kỷ niệm 10 năm ký Hiệp định Giơ-ne-vơ (tháng 7 năm 1964). Khách được mời chỉ có 20 đại biểu của các nước. Lúc đó Hồ Chí Minh nói đại ý:

"Tại ngôi nhà này, năm 1931, Toàn quyền Pháp tại Đông Dương đã ký bản án tử hình tôi. Nhưng hắn không còn là chủ ngôi nhà này. Sau đó thay Pháp, tướng Nhật đã vào đây, nhưng rồi cũng bị đánh đuổi. Tiếp đến là tướng của quân Quốc Dân Đảng Trung Quốc và tướng Pháp lại làm chủ ngôi nhà này, song chúng đã không thể ở đây được lâu. Và, bây giờ thì tôi đang ở đây". Câu Hồ Chí Minh nói "Bây giờ thì tôi đang ở đây" với một giọng sang sảng đặc biệt làm cho tôi có cảm nghĩ rằng dân tộc Việt Nam hiện đang nghiễm nhiên tồn tại ở đây với một lịch sử vinh quang đầy biến động.

Thời kỳ ấy, ở bất cứ nơi nào cũng nghe thấy câu nói "Hồ Chí Minh chính là dân tộc Việt Nam". Và tôi đã cảm nhận được trên thực tế một cách rất thoải mái về câu nói đó.

Nói điều này trước tiên, bởi vì tôi muốn nói rằng "hai chữ DÂN TỘC" trong tư tưởng của Hồ Chí Minh là một khái niệm lịch sử rất sinh động.

Thử thách đầu tiên

Tôi suy nghĩ về sự phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh với mấy giai đoạn:

Một là, Đại hội Đảng xã hội Pháp (Đại hội Tua) tháng 12-1920. Tại Đại hội lịch sử này đã phân biệt thành Đệ nhị quốc tế và Đệ tam quốc tế, vấn đề Dân tộc của Người đã gặp thử thách lần đầu tiên. Hồ Chí Minh chọn "con đường của Lênin" - Đệ tam quốc tế.

Một quan sát viên thời đó đã viết về lập trường khác thường của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh: "Tại Đại hội Lê-ông Blom (Léon Blum), Pôn Vay-ăng Cu-tu-ri-ê (Paul Vaillant Couturier)... đã tranh luận gay gắt; nhưng sự quan tâm của Nguyễn Ái Quốc lại ở chỗ hơi tách với tranh luận của họ". Đối với Nguyễn Ái Quốc, việc lên án tội ác của chủ nghĩa thực dân đang gây ra cho đồng bào ở Tổ quốc mới là vấn đề... Trong "Những câu chuyện về Hồ Chí Minh" có viết: "Đảng viên xã hội... cần phải hành động một cách có hiệu quả để giúp đỡ các dân tộc thuộc địa đang bị áp bức. Về vấn đề thuộc địa, Đệ tam quốc tế đã hiểu đúng đắn".

Để thực hiện nhiệm vụ này, tại Pa-ri "Hội Liên hiệp thuộc địa" đã được tổ chức và cơ quan ngôn luận là tờ "Le Paria" đã được phát hành. Trên tờ báo này, Hồ Chí Minh đã viết 31 bài như "Tình cảnh người nông dân Việt Nam", "Đông Dương và Thái Bình Dương", "Hãy rút tay khỏi Trung Quốc", "Lối cai trị của người Anh".

Có một điều mà nhiều tác giả viết về Hồ Chí Minh ít để ý tới, đó là truyện ngắn "Paris" của Hồ Chí Minh viết cũng trong thời kỳ này. Được đăng trên báo "L'Humanité" hai kỳ vào ngày 30 và 31 tháng 5 năm 1922. "Paris" là tác phẩm đầu tay của Hồ Chí Minh, miêu tả rất rõ về khu Côm-poanh (Compoint) mà Hồ Chí Minh đã ở.

Tác phẩm "Paris" này được bắt đầu bằng câu hỏi như sau: "Ở Pa-ri có một vùng... tự mình nó, nó trình diễn ra đủ bộ mặt và đủ tâm lý của cả Pa-ri, cả nước Pháp, cả vũ trụ. Ai muốn nghiên cứu tình hình xã hội ta ngày nay thì chỉ cứ đi ngang vùng này mà thôi là đánh giá cả một pho sách lớn cỡ bách khoa toàn thư vậy"[1].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập I, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, tr.31.

"Bách khoa thư", "Bộ mặt và tâm lý của cả vũ trụ" chính những điều này là phương pháp luận trong toàn bộ cuộc đời và cuộc đời cách mạng của Hồ Chí Minh, và sống mãi trong thời kỳ đầy biến động của cuộc chiến tranh cách mạng Việt Nam từ những năm 50 đến 70.

Vấn đề dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân trong tư tưởng của Hồ Chí Minh đã có cuộc thử sức đầu tiên. Chủ trương của Người về "các dân tộc thuộc địa bị áp bức" đã được định nghĩa trong bài "Cách mạng Nga với các dân tộc thuộc địa": Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ chặt một vòi thôi thì cái vòi còn lại kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con quái vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt sẽ lại mọc ra. Cách mạng Nga hiểu rõ điều đó. Cho nên nó không dừng lại ở việc đọc những bài diễn văn lý tưởng đẹp đẽ và thông qua những kiến nghị nhân đạo để ủng hộ các dân tộc bị áp bức mà cách mạng Nga dạy họ đấu tranh[1].

Nhưng, định nghĩa này không phải đã được hiểu và thực hiện một cách giản đơn. Bản báo cáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh về "Các vấn đề dân tộc và thuộc địa" tại Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ V đã trở thành một văn kiện lịch sử, phê phán nghiêm khắc sự thiếu quan tâm của giai cấp công nhân các nước tư bản chủ nghĩa nhất là của những người Cộng sản Pháp đối với vấn đề thuộc địa.

Người viết báo "L' Humanité" đã đăng nhiều bài về thắng lợi của võ sĩ Xi-ky xứ Xê-nê-gan nhưng lại không hề lên tiếng khi các người công nhân bến tàu Đa-ca, những đồng nghiệp của Xi-ky bị bao vây trong khi đang làm việc, bị bắt và vứt lên xe ô tô chở về nhà giam và sau đó bị đưa sang trại lính, để rồi trở thành người bảo vệ văn minh, nghĩa là thành lính. Cơ quan Trung ương của Đảng chúng tôi hàng ngày đều báo tin cho các bạn đọc về những chiến công của anh phi công U-a-đi đã bay từ Pháp sang Đông Dương nhưng khi chính quyền thực dân cướp bóc nhân dân nước "An nam cao quý", lấy ruộng của họ giao cho bọn đầu cơ Pháp, phái máy bay chở bom rồi ra lệnh cho các phi công phải dạy cho những người dân bản xứ bất hạnh và bị cướp kia phải biết

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập I, sdd, tr.454, 455.

điều thì cơ quan của Đảng chúng tôi lại thấy không cần thiết phải báo tin đó cho các bạn đọc biết"[1].

Hơn nữa, bản tham luận này của Hồ Chí Minh còn phê phán nghiêm khắc những người cộng sản Pháp đã không có hành động thực tế đối với vấn đề thuộc địa và các dân tộc thuộc địa: "Đại hội Đảng thường nêu ra những luận cương dài dằng dặc và thông qua những nghị quyết rất kêu để sau Đại hội đưa vào viện bảo tàng"[2].

Đánh giá thêm ý nghĩa của Cách mạng Tháng Tám

Phong trào độc lập của Việt Nam được tiếp tục một cách có tổ chức dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh và đã hoàn thành bằng Cách mạng tháng Tám năm 1945. Trong "2 cái vòi của con quái vật", lần đầu tiên ở một nước thuộc địa một cái bị chặt đứt (vấn đề dân tộc) không còn là một khái niệm suông của phong trào Chủ tịch Hồ Chí Minh nữa mà đã mang một sức sống mới, một sức mạnh đấu tranh của bản thân mình: Lênin đã dự đoán về khả năng thắng lợi của một dân tộc yếu bị áp bức đối với kẻ địch và những kỳ tích của họ. Hồ Chí Minh cuối cùng đã thực hiện được những khả năng và kỳ tích ấy, và đã đặt việc giải phóng dân tộc vào quỹ đạo của lịch sử chứ không phải chuyện thần thoại. Hồ Chí Minh, lần đầu tiên đã mang tới một hệ tư tưởng và hành động của giải phóng dân tộc.

Cuộc đấu tranh giải phóng này của Hồ Chí Minh lại có mối quan hệ mật thiết giữa cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản ở điểm đã thực tế chứng minh rằng nó (cuộc đấu tranh giải phóng của Việt Nam) không theo đuổi cách mạng của bản quốc (Pháp) và có thể phát huy được tính chủ đạo để giành thắng lợi trước khi giai cấp công nhân ở bản quốc nắm chính quyền, thì nó là thắng lợi của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là thắng lợi đầu tiên của chủ nghĩa Mác - Lênin tại một nước thuộc địa.

Người nói: "Mối quan hệ mật thiết của cuộc đấu tranh chống đế quốc" đối với 2 cái vòi hút máu của chủ nghĩa đế quốc đã bảo đảm cho thắng lợi của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa và của giai cấp vô sản ở các nước tư bản chủ nghĩa. Do đó quyết không được coi cuộc đấu tranh dân

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập I, sdd, tr.220.
2. Như trên, tr.221.

tộc là một "sự kiện mang tính chất địa phương". Chính tư tưởng giải phóng của Hồ Chí Minh chỉ rõ tính chất chính trị ấy đã giúp cho các cuộc chiến đấu chống Mỹ thắng lợi. Nói chính xác hơn là cùng với quá trình đi đến thắng lợi, nó đã đem lại dũng khí và triển vọng cho cuộc đấu tranh hiện nay của nhân dân "thuộc địa" như Ni-ca-ra-goa, En-xa-va-đo, Phi-lip-pin... Trong các biểu ngữ của đội ngũ học sinh Phi-lip-pin đang tiến tới căn cứ quân sự Mỹ tháng 10-1985 đã viết "Việt Nam, Ni-ca-ra-goa, En-xa-va-đo, bây giờ là Phi-lip-pin". Như vậy tư tưởng của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh mang ý nghĩa thế giới.

Thử thách, rồi lại thử thách

Hệ tư tưởng và hành động về giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh đã được chứng minh qua thực tế bằng một nền độc lập năm 1945, sau đó lại gặp thử thách. Đấy là thời kỳ quân Pháp xâm lược trở lại và cho đến khi đạt được Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954. Rồi sau đó là thời kỳ thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Cuốn "*Thắng lợi vĩ đại, nhiệm vụ to lớn*" của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, xuất bản năm 1967, đã trả lời sự lo ngại của một số người cho rằng chiến tranh giải phóng dân tộc sẽ châm mồi lửa cho chiến tranh thế giới và có thể nguy hiểm tới chế độ xã hội chủ nghĩa trên thế giới đang tồn tại. Sách đó có đoạn viết:

"Thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc không hẳn có liên quan mật thiết tới chiến tranh thế giới hoặc cách mạng của các nước đế quốc đi xâm lược. Điều quyết định cho thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là sức mạnh chủ quan của bản thân nhân dân làm thay đổi tương quan lực lượng trên chiến trường miền Nam ngày càng có lợi cho cách mạng.

Thời kỳ này, tôi đã tham dự một số cuộc mít tinh của các đại biểu quốc tế và thấy rằng tư tưởng của Việt Nam "kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang để phát triển ngày càng có lợi cho sức mạnh chủ quan của nhân dân" và "ưu tiên đấu tranh chính trị trong đấu tranh vũ trang" đã gây ra các cuộc tranh luận; và đã phải mất khá nhiều thời gian để những người đang tiến hành cuộc đấu tranh dân tộc ở Trung Nam Mỹ, châu Phi, trước đây thường coi trọng đấu tranh vũ trang, hiểu được hoàn toàn điều đó.

Điều được nhấn mạnh trong thời kỳ này là tư tưởng của Hồ Chí Minh rằng "sức mạnh của nhân dân", "con người làm nên lịch sử" và nó sẽ hun nóng lên một vấn đề của lịch sử rằng "phải kết hợp một cách đúng đắn lợi ích dân tộc với lợi ích giai cấp".

Việt Nam trong sự mâu thuẫn Trung - Xô

Đó là thời kỳ có cuộc cách mạng văn hoá ở Trung Quốc, một nước láng giềng của Việt Nam là sự căng thẳng của mâu thuẫn Trung - Xô. Tháng 7-1968, ngay sau khi Hội đàm Pa-ri, tôi đã vào Hà Nội và ngoại trưởng Nguyễn Duy Trinh mà tôi được gặp đã nói về sự kết hợp đấu tranh chính trị, đấu tranh ngoại giao và đấu tranh quân sự, và đặc biệt chỉ rõ sẽ không bỏ vũ khí cho đến khi giành được giải phóng. Đây là một đặc trưng trong suốt quá trình của cuộc chiến tranh Việt Nam.

Ngoại trưởng còn nói: khác với Hà Nội, Pa-ri có nhiều điều kiện thuận tiện, phóng viên các nước đông và có thể nói với thế giới về sự thật của cuộc chiến tranh Việt Nam. Hà Nội đã giành được mà không bỏ lỡ mọi cơ hội và khả năng của chiến thắng.

Trong bài diễn văn khai mạc lớp lý luận tại trường cán bộ Đảng trước đây (1957), Hồ Chí Minh đã nói đại ý: Trong khi chú trọng đến đặc điểm của dân tộc mình thì không được phủ nhận những giá trị phổ biến của các kinh nghiệm lớn cơ bản của các nước anh em[1].

Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại mà giá trị phổ biến cơ bản không thể phủ nhận đối với Hồ Chí Minh. Trong cuộc chiến tranh Việt Nam, sức mạnh quân sự ngoại giao, sức mạnh kinh tế và khả năng tiềm tàng của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đã được nhân bởi những nỗ lực nhất định của Việt Nam.

Nhưng, tình thế đã phải đón một cục diện xấu nhất: Ních-xơn thăm Trung Quốc và Liên Xô năm 1972. Lại đúng vào lúc cảng Hải Phòng bị phong toả bởi mìn của quân Mỹ, báo Nhân dân, cơ quan ngôn luận của Đảng Lao động Việt Nam đăng xã luận ngày 17 tháng 8 với nhan đề "Thắng lợi của trào lưu cách mạng" đã phê phán nghiêm khắc sự kiện đó và viết: "Sự tồn tại và phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới là yếu tố quyết định chiều hướng phát triển của lịch sử. Nhưng chiều hướng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, tập 8, tr.79.

này có thông qua cuộc đấu tranh cách mạng mạnh mẽ và bền bỉ của hàng trăm triệu nhân dân thế giới mới có thể trở thành hiện thực".

Ngày 19-8, bài xã luận nhan đề "Tinh thần tiến công của cách mạng", và tiếp theo đã có nhiều bài quan trọng khác, nhưng một điều trong đó đã chỉ ra "đối với Đảng Cộng sản, tỷ lệ cấu thành của giai cấp công nhân mà lớn lên dĩ nhiên là quan trọng, song chỉ điều đó thôi thì không thể bảo đảm được sự kiên định chính trị".

Năm 1960, Hồ Chí Minh đã nói tại lễ kỷ niệm 35 năm thành lập Đảng: "Đảng ta là đạo đức, là văn minh, là thống nhất độc lập, hoà bình ấm no"[1]. Tại Đại hội lần thứ 3 Mặt trận Tổ quốc đã họp vào tháng 12-1971, đồng chí Trường Chinh đã dẫn lời nói của Hồ Chí Minh về đường lối chủ trương của Đảng trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936-1939), như sau:

"Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hàng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo"[2].

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về sự hình thành năng lực lãnh đạo của Đảng của chủ nghĩa cộng sản càng có sức thuyết phục một khi ta nghĩ rằng nó được nêu ra trong bối cảnh tình hình quốc tế đầy biến động như cuộc nổi dậy ở Tây Ban Nha, sự sụp đổ của Mặt trận nhân dân Pháp... trong những năm 1939. Hiện nay, câu nói của Hồ Chí Minh đang trở thành câu nói chung trong phong trào xã hội chủ nghĩa thế giới.

Đường mòn Hồ Chí Minh

Khi đề cập đến đường mòn Hồ Chí Minh, con đường đóng vai trò to lớn đối với việc giải phóng Sài Gòn, trong buổi tiếp tôi tháng 9 năm ngoái, nguyên Thủ tướng Phạm Văn Đồng nhấn mạnh rằng đường mòn Hồ Chí Minh hoàn toàn không phải là con đường quân sự, đó là con đường chính trị. Đặc trưng của các hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh luôn luôn bắt nguồn từ lời nói, phong tục tập quán, đạo đức của các dân tộc Việt

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 8, sđd, tr.588.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 3, sđd, tr.115.

Nam. Con đường mòn này đi qua vùng Tây Nguyên là nơi có các dân tộc thiểu số (Ba-na, Xê-đăng, Gia-lai, Ê-đê...). Nếu không có sự ủng hộ của các dân tộc thiểu số này thì không thể xây dựng và duy trì được đường mòn Hồ Chí Minh.

Tôi nghĩ rằng đường mòn Hồ Chí Minh không phải bắt đầu từ vĩ tuyến 17 phân chia hai miền Nam Bắc từ giữa những năm 50, cũng không phải bắt đầu từ vùng rừng núi Việt Bắc trong những năm 40 và kết thúc bằng giải phóng Sài Gòn 1975. Như ở trên đã nói về tác phẩm "Paris" của Hồ Chí Minh, tôi mong có đủ bộ mặt và tâm lý của cả vũ trụ ở đây và xin kết luận rằng con đường Hồ Chí Minh sẽ tiếp tục vươn xa hơn nữa.

NHỮNG TƯ LIỆU MỚI VỀ NGUYỄN ÁI QUỐC

SÁC-LƠ PHUỐC-NI-Ô (CHARLES FOURNIAU)

Giáo sư Sử học Hội trưởng Hội hữu nghị Pháp - Việt

Đối với tôi bày tỏ lòng kính phục đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh là một điều tất yếu về tinh thần, bởi vì Người, mà tôi xin mạn phép gọi một cách trìu mến là Bác Hồ, đã có một ảnh hưởng nhạy cảm đối với sự phát triển tư duy và công việc của tôi.

Nhằm mục đích nào tôi có thể đưa ra dẫn chứng về khá nhiều dịp mà tôi đã có vinh dự và thuận lợi được gặp Người, mà tôi có thể đưa ra kết luận của tôi qua suy nghĩ phân tích về sự nghiệp của Người. Tuy nhiên, xin cho phép tôi làm một điều mộc mạc hơn là góp phần vào kho tàng nghiên cứu chung của chúng ta bằng cách tiếp cận bản tiểu sử khoa học lớn cần phải được thực hiện với sự hợp tác của các nhà sử học ở nhiều nước nhằm làm nổi bật một cách hiển nhiên và trên mọi tầm vóc, hình ảnh con người đã là một trong ba hoặc bốn nhân vật vĩ đại nhất của phong trào công nhân và cách mạng thế giới, một trong những vĩ nhân của thế kỷ chúng ta, đồng thời là người sáng lập ra nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tôi xin thông báo với quý vị một tin mừng là sự phát hiện mới đây một khối tư liệu lưu trữ cho đến nay chưa được biết đến liên quan đến Nguyễn Ái Quốc mà tôi vừa mới xem qua.

Lúc quân đội Pháp đang tiến hành cuộc "chiến tranh bẩn thỉu" chống nhân dân Việt Nam, Bộ chỉ huy quân đội viễn chinh đã thu thập một khối lượng thông tin tư liệu khá lớn về đối phương. Nhằm mục đích này, họ đã thu thập một số tư liệu được phân loại theo chủ đề. Và dĩ nhiên một trong những chủ đề chính là về Hồ Chí Minh. Chủ đề này đã tập hợp đủ tư liệu để chất đầy 6 thùng lưu trữ cỡ lớn gồm hàng mấy nghìn tư liệu.

Do các tài liệu lưu trữ của Quân đội viễn chinh được chuyển về nước một cách vội vã sau Điện Biên Phủ, rồi được đưa cất ở nhiều nơi, một số thùng tài liệu này bị thất lạc. Người ta chỉ biết là có các thùng tài liệu lưu trữ này thông qua các hoá đơn vận chuyển: trong số đó có những thùng tài liệu liên quan đến Hồ Chí Minh.

Do mới phát hiện ra các tài liệu này vào tháng 2 Trung tâm lưu trữ hải ngoại ở Êxơ-ăng-Prô-văng-xơ (Aix-en-Provence) nên tôi đã không có thời gian để tiến hành nghiên cứu sâu cả khối tài liệu lưu trữ này. Do vậy, tôi xin mời các bạn cùng tôi lướt qua các nguồn tư liệu mới đó.

Về cơ bản, toàn bộ các tài liệu này liên quan đến thời kỳ có thể gọi là thời kỳ Nguyễn Ái Quốc có nghĩa là từ 1919 đến chiến tranh thế giới thứ II.

Hầu như toàn bộ các tài liệu này là các bản sao chụp, do các cơ quan soạn thảo ra các tài liệu này gửi cho Quân đội viễn chinh.

Hàng chục hồ sơ, một số khá dày, chứa đựng các tài liệu từ các nguồn khác nhau: công văn trao đổi giữa các nhà chức trách dân sự như viên Toàn quyền và Bộ trưởng Bộ Thuộc địa; các nhà báo và một phần lớn các tài liệu của cảnh sát.

Do đó, cần luôn luôn cảnh giác đối với những tài liệu này, phải sử dụng chúng một cách thận trọng và với một đầu óc phê phán nhạy bén.

Vả lại, các tài liệu này cũng chỉ làm sáng tỏ những giai đoạn cảnh sát Pháp đã có thể trực tiếp điều tra về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, có nghĩa là:

- Giai đoạn Người ở Pháp, từ 1919 đến 1923.
- Giai đoạn Người ở Quảng Châu, từ 1925 đến 1927.
- Giai đoạn Người ở Hồng Kông, từ 1931 đến 1933.

Chính về 3 giai đoạn này mà tôi muốn nêu ra một vài thông báo và suy nghĩ đầu tiên của tôi sau khi đọc lướt qua các tài liệu.

Ở Pháp từ 1919 đến 1923

Người ta biết khá rõ về giai đoạn này trong cuộc đời của Nguyễn Ái Quốc và các hồ sơ lưu trữ của Quân đội viễn chinh không đưa ra những

khám phá gì mới. Tuy nhiên, theo tôi, những tư liệu này cho phép chúng ta hiểu biết chính xác hơn về những năm đó.

Trước tiên, có thể xác định rõ ràng một số điểm còn mập mờ.

Tôi nêu ví dụ ngày Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô. Bản thân Người đã nói với tôi là "trong nửa cuối năm 1923". Nhưng, nhờ có sự theo dõi hàng ngày rất cụ thể của cảnh sát đối với Người, giờ đây, chúng ta biết được rằng chính vào ngày 13-6-1923, Người đã rời khỏi nhà, mà bạn bè không biết và nghĩ rằng Người đi du lịch ở vùng Sa-voa và cảnh sát cũng không biết, đi tìm kiếm Người khắp nơi và chỉ tìm thấy dấu vết của Người 3 tháng sau đó.

Cũng như vậy, có thể xác định chi tiết được các quan hệ của Người khi ở Pa-ri: từ phong trào cải cách của Lê-ô Pôn-đe (Léo Poldes) thuộc Câu lạc bộ Ngoại ô (Club du Paubourg) đến Phan Chu Trinh từ những nhà lãnh đạo xã hội và cộng sản cho đến những người Việt Nam xa lạ đã đến trao đổi với Người.

Nhưng đặc biệt, tôi muốn nhấn mạnh hai khía cạnh.

Qua các tài liệu này, người ta thấy sự hình thành nhanh chóng một chính khách và một nhà lãnh đạo.

Mặc dù đã bôn ba khắp thế giới trong 8 năm trời, khi Nguyễn Ái Quốc còn bị cảnh sát theo dõi ở Pa-ri, năm 1917, Người vẫn còn là một thanh niên trẻ chưa có kinh nghiệm chính trị. Một thanh niên còn giữ ấn tượng rất mạnh về cuộc đàn áp phong trào nông dân năm 1908 - 3 năm trước khi Người ra đi - và thấm nhuần những tư tưởng của Phan Chu Trinh, một nhà yêu nước, trung tâm của phong trào trên và là người có uy tín tinh thần lớn nhất đối với những người Việt Nam ở Pa-ri lúc đó.

Năm 1919, Nguyễn Ái Quốc mới chỉ đòi quyền chính trị, phê phán chính quyền thuộc địa không phát triển mạnh ngành đường sắt và đặc biệt là giáo dục. Người viết: chúng tôi cần giáo dục bắt buộc - bênh vực chính sách của Sa-rô (Sarraut) mà Người gặp một lần ở Bộ Thuộc địa - chống lại những tên thực dân phản động nhất và Người muốn sử dụng dư luận Pháp để được những cải cách cần thiết ở Đông Dương. Chính vì vậy, Người có mặt ở mọi nơi mà Người có thể tạo nên sự chú ý về Đông Dương ở Câu lạc bộ Ngoại ô, trong một cuộc tranh luận về y học, Người đã lưu ý rằng so với tác hại của bác sĩ tồi, chủ nghĩa thực dân đã gây nên nhiều

nạn nhân hơn; hoặc trong các cuộc họp về các nước châu Á, Người cố gắng tìm cách phát biểu v.v... Chính từ quan điểm như vậy mà Người đã phát biểu tại Hội nghị Véc-xây (Versailles) trình bày những yêu sách của dân An-nam. Nhưng sự phát triển của Người rất nhanh. Đối với ý kiến của Phan Chu Trinh khuyên Người nên hành động kiên quyết nhưng nhẹ nhàng, Người đáp lại rằng nếu người ta chấp nhận chờ đợi hảo tâm của chính quyền thực dân, thì người ta có nguy cơ phải đợi mãi mãi. Đặc biệt, người ta thấy Người rất nhanh chóng hoà nhập vào trong phong trào công nhân Pháp mà ở đó Người hiểu rằng có được đồng minh thực sự. Điều đó đưa Người đến chỗ phát hiện ra chủ nghĩa Lê-nin mà Người đã kể lại, đặc biệt là cho tôi, sự khám phá này như thế nào.

Do vậy, qua các tài liệu này, thật là hấp dẫn thấy được một thanh niên yêu nước phẫn nộ trước những đau khổ của đất nước mình, trở thành một nhà cách mạng có ý thức, tìm thấy trong chủ nghĩa Mác - Lênin con đường mà Người lựa chọn đi đến cùng và Người mang đến cho dân tộc mình lý luận của chủ nghĩa đó. Do vậy, có hai điểm then chốt được làm sáng tỏ.

Một mặt, vấn đề nan giải không có thật mà nhiều tác giả đặt ra một cách vô lý. Phải chăng Hồ Chí Minh là một người yêu nước hơn là người cộng sản hay là ngược lại? Nhưng hiển nhiên, chúng ta thấy Người trở thành người cộng sản vì yêu nước và chỉ có thể tiếp tục là một nhà yêu nước nếu là người cộng sản.

Mặt khác, rõ ràng là khi Nguyễn Ái Quốc phát hiện ra chủ nghĩa Mác, quả thật Người là người Việt Nam đầu tiên làm điều này. Cả Phan Chu Trinh và Phan Văn Trường ở Pa-ri, cũng như đệ tử của Phan Bội Châu và bản thân Phan Bội Châu ở châu Á đều không nhận thấy được tương lai nằm về hướng nào. Hiếm khi trong lịch sử chúng ta lại có điều kiện như vậy được thấy một khuynh hướng tư tưởng với hệ quả vô cùng quan trọng được xác định vào một thời điểm chính xác và gắn cụ thể với một nhân vật.

Một khía cạnh khác toát lên qua các tài liệu về Nguyễn Ái Quốc ở Pa-ri, đó là cái mà người ta có thể gọi là sự ra đời của một lãnh tụ.

Rất nhanh chóng, bản lĩnh của Người được công nhận và Người trở thành trung tâm của những hành động. Lúc ban đầu, ngay cả những người sành sỏi Ba-buýt (Babut) nghĩ rằng Người ký tên Nguyễn Ái Quốc

trên thực tế là bút danh của Phan Văn Trường; một số trí thức phái tả, như Ô-la (Aulard) nhìn Người với thái độ trịch thượng. Song rất nhanh chóng, những người lãnh đạo phong trào xã hội đã để cho Người viết những bài đăng trên các báo *Bình dân* (Populaire), *Nhân đạo* (L'Humanité). Những người Việt Nam qua Pa-ri tìm gặp Người. Người thành lập Hội liên hiệp thuộc địa, Báo *Người cùng khổ* (Le Paria) mà Người là linh hồn. Còn về phía cảnh sát, họ không nhầm lẫn lâu lắm. Chậm nhất là từ tháng 11-1919, cảnh sát đã cho theo dõi Người ngày đêm và chính quyền Pháp ở Đông Dương, năm 1919 trả lời là không biết ai có thể là Nguyễn Ái Quốc, đã chú ý rất nhiều đến Người kể từ năm 1920 và cho kiểm duyệt bưu chính ngăn giữ lại các tài liệu tuyên truyền của Người. Ngay từ năm 1922, một tài liệu của cảnh sát nói đến "Nhân vật Nguyễn Ái Quốc nổi tiếng". Về phía chính quyền thực dân, họ cũng bắt đầu hành động. Ngay từ năm 1919, Nguyễn Ái Quốc bị U-tơ-rây (Outrey), dân biểu Nam Kỳ công kích trong một cuộc tranh luận ở Hạ nghị viện, bị nhiều bài báo khác nhau tấn công trong tạp chí Đông Dương (*chính trị Đông Dương* "Politique Indochinoise", *Pháp - Đông Dương* "France - Indochine" v.v...) ngược lại tại Đại hội Tua cuối tháng 12-1920, bài phát biểu của Người đã gây sự chú ý. Tại Đại hội Mác-xây tháng 12-1921, Người được bầu làm người cộng tác với Chủ tịch Đại hội Lê-ô Pôn-đe (Léo Poldes) và chính Lê-ô Pôn-đe đã đề nghị là vở kịch của Người được diễn tại ngày hội báo *Nhân đạo* ở Các-sơ (Carches)...

Người tiến hành hai hoạt động: Một mặt, Người đã tổ chức hoạt động của các cư dân "thuộc địa" ở Pa-ri và bắt đầu hoạt động tuyên truyền hướng về Đông Dương. Mặt khác, bên trong Đảng Cộng sản Pháp Người tiến hành hoạt động phê phán giúp Đảng thực sự đưa vấn đề suy nghĩ và hành động chống thực dân vào trong số những đặc điểm của một Đảng lênin-nít. Sự thừa nhận vị trí quan trọng của Nguyễn Ái Quốc trong khoảng thời gian chưa đầy 4 năm là việc Đảng Cộng sản Pháp cử Người đi dự Đại hội thành lập quốc tế nông dân khai mạc ở Mát-xcơ-va ngày 11-10-1923 và Người đã được bầu là uỷ viên Ban chấp hành.

Thế là Người thoát khỏi cảnh sát Pháp 2 năm.

Ở Quảng Châu từ 1925 đến 1927

Cảnh sát Pháp tìm thấy Người năm 1925 ở Quảng Châu, nơi Nguyễn Ái Quốc vừa tới vào cuối năm 1924 hoặc những ngày đầu tiên của năm

1925. Mật thám an ninh của Đông Dương phải mất nhiều tháng mới biết nhân vật Lý Thuỵ, đã từng làm việc cho lãnh sự quán Liên Xô ở Quảng Châu, là Nguyễn Ái Quốc, một nhà hoạt động cộng sản đáng gờm. Nhưng đến lúc phát hiện thì chúng rất lo ngại. Viên Toàn quyền viết cho Bộ trưởng Bộ Thuộc địa rằng tình hình là nghiêm trọng và ông ta lo ngại rằng Nguyễn Ái Quốc, cầm đầu những học sinh sĩ quan "An-nam" có thể xâm nhập vào Đông Dương. Điều đó vừa nói lên sự không hiểu biết của chính quyền thực dân và vừa nói lên mối lo ngại mà Nguyễn Ái Quốc gây cho chúng.

Tuy nhiên, sau khi tìm hiểu kỹ hơn, chính quyền thực dân sớm nhận ra mối nguy hiểm thật sự: Từ một nhóm nhỏ những người theo chủ nghĩa dân tộc gắn liền với Phan Bội Châu và đang lao vào hành động khủng bố (mưu sát hại viên Toàn quyền Méc-lanh (Merlin), Nguyễn Ái Quốc đã xây dựng một nhóm những người cộng sản trẻ. Người cho ra tờ báo cộng sản Việt Nam đầu tiên là báo *Thanh Niên* và đưa vào Việt Nam, thúc đẩy sự khởi động của phong trào cộng sản trong đất nước này.

Lý thú là, chính là dưới ngòi bút của chính quyền thực dân hoặc của cảnh sát mà người ta thấy được sự ca ngợi các phẩm chất của Nguyễn Ái Quốc: "Sự hiểu biết các thực tế này cho phép kết luận rằng Lý Thuỵ được đào tạo theo các phương pháp của người Xô-viết. Không hề còn lại dấu vết trong truyền đơn của ông ta về lối nói huênh hoang khoa trương, là cách nói thường xuyên của những người cách mạng An Nam. Ở bất kỳ đâu, không có vấn đề sử dụng các cách thức cực đoan... Trước hết, phải tổ chức những người tham gia thành các nhóm có kỷ luật". Hoặc còn một đoạn nữa: "Tầm nhìn xa trông rộng, suy nghĩ có phương pháp hoạt động và ngay cả tác phong nói chung của Lý Thuỵ làm cho người ta đương nhiên nghĩ đến nhân vật trước kia thực sự là lãnh tụ của Hội liên hiệp thuộc địa ở Pa-ri năm 1921 và một ngày nào đó đã biến mất và sang nước Nga"...

Việc Tưởng Giới Thạch quay trở lại chống những người cộng sản ở Trung Quốc năm 1927 đã kết thúc giai đoạn này. Nguyễn Ái Quốc đã phải vội vã rời Quảng Châu và cảnh sát Pháp lại mất dấu vết của Người trong nhiều năm.

Ở Hồng Kông từ 1930 đến 1933

Một lần nữa, vào năm 1930, các báo cáo của cảnh sát thông báo Nguyễn Ái Quốc từ Thái Lan tới Hồng Kông, theo lời kêu gọi của các nhóm cộng

sản Việt Nam mà Người sẽ hợp nhất lại vào tháng 2-1930, sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam; đến tháng 10, Đảng lấy tên là Đảng Cộng sản Đông Dương.

Cùng năm đó, bắt đầu cuộc nổi dậy đã đi vào lịch sử, dưới cái tên Xô-viết Nghệ Tĩnh.

Các hồ sơ của quân đội viễn chinh đã không tập hợp các tài liệu về bản thân cuộc nổi dậy này mà chỉ nói về quan hệ giữa cuộc nổi dậy và Nguyễn Ái Quốc. Người giữ mối liên hệ thường xuyên với Đảng Cộng sản Đông Dương. Do vậy, Người theo dõi sát sao các sự kiện của Nghệ Tĩnh, đặc biệt để tố cáo và làm cho thế giới biết về sự đàn áp tàn bạo và Người ghi lại những con số thống kê rùng rợn về số người chết trong các cuộc biểu tình lớn, đặc biệt là trong cuộc biểu tình ngày 1-5-1930. Đồng thời với tư cách là đại diện của Quốc tế Cộng sản. Người đưa ra những lời khuyên bảo đối với Đảng mới thành lập, nhấn mạnh đến tính kỷ luật nghiêm ngặt mà những hoạt động bí mật đòi hỏi phải có. Cơ quan an ninh Đông Dương được biết ít nhiều về các mối quan hệ này, kết luận rằng chính Người chỉ đạo toàn bộ phong trào và Người đã làm việc này ngay cả trước khi Người ở Hồng Kông, từ khi Người còn ở Thái Lan. Chính vì vậy vào tháng 8-1929, trước khi các phong trào lớn ở Nghệ Tĩnh nổ ra, một toà án cấp tỉnh của triều đình Huế đã kết án tử hình vắng mặt Người, sau được Viện Cơ mật giảm án xuống còn lao động khổ sai chung thân.

Nhưng Nguyễn Ái Quốc không chỉ là người lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương từ nước ngoài. Là người phụ trách khu vực Đông Nam châu Á trong Quốc tế Cộng sản, Người thúc đẩy hoạt động cộng sản trong toàn bộ khu vực này: ở Thái Lan, ở Ma-lai-xi-a, ở Xin-ga-po. Một loạt các tài liệu chứng minh việc Người gửi các chỉ thị, đặc biệt cho Đảng Ma-lai-xi-a. Chính trong khuôn khổ trách nhiệm quốc tế này mà Người đã có liên hệ với một phái viên của Quốc tế Cộng sản, ông Đuy-cơ-ru (Ducroux), có tên gọi là Lơ-phơ-răng (Lefrane). Song, các lực lượng đàn áp đang hoạt động trong toàn bộ vùng Viễn Đông. Ở Việt Nam chính quyền Pháp đã dìm cuộc nổi dậy Nghệ Tĩnh trong bể máu, kể cả việc lần đầu tiên trong lịch sử sử dụng máy bay đàn áp dân thường.

Ở Trung Quốc, một đại diện của Quốc tế Cộng sản, ông Nu-len-xơ (Nulens) đã bị bắt. Ở Xin-ga-po, Đuy-cơ-ru cũng sớm bị bắt và chính trong

số các giấy tờ của ông mà cảnh sát đã tìm thấy những chỉ dẫn cho phép chúng bắt được Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông.

Ở nhà Nguyễn Ái Quốc, cảnh sát đã thu giữ được nhiều tài liệu mà các hồ sơ ở Trung tâm Êxơ-ăng Prô-văng-xơ (Aix-en Provence) bao gồm các bức ảnh và bảng giải mật mã. Một loạt các vụ bắt bớ này và đặc biệt là việc bắt được Nguyễn Ái Quốc đã giáng một đòn nặng nề vào tổ chức của các lực lượng cộng sản ở vùng Viễn Đông.

Tuy nhiên, chính quyền Anh bắt giữ Nguyễn Ái Quốc đã không có gì là bằng chứng cụ thể để kết án Người, chiểu theo luật lệ của Anh. Do vậy, họ nghĩ cần phải giải quyết vấn đề này bằng cách dẫn độ Người về Đông Dương. Nhưng lúc đó vụ án chính trị đã có tiếng vang quan trọng trong báo chí ở Hồng Kông viết bằng tiếng Anh. Những hồ sơ lưu trữ của vụ án thể hiện một phần sự can thiệp của một luật sư người Anh ở Hồng Kông là ông Lô-giơ-bai (Loseby). Ông này cung cấp cho Nguyễn Ái Quốc một luật sư bào chữa nổi tiếng là Gien-kin (Jenkin). Những tài liệu đó cho thấy việc trục xuất Nguyễn Ái Quốc đã thất bại: Sự việc lên đến tận Hội đồng Hoàng gia Luân Đôn. Trong thời gian này, Toàn quyền Đông Dương nằn nì đòi giao nộp phạm nhân. Các tài liệu cho phép theo sát được mối quan hệ của các cơ quan an ninh Đông Dương với cảnh sát Hồng Kông, các bức thư của Toàn quyền Pa-xki-ê (Pasquier) gửi Bộ trưởng Thuộc địa. Các cuộc vận động của Bộ trưởng Thuộc địa đối với Bộ trưởng Ngoại giao để gây áp lực đối với chính phủ Anh thông qua sứ quán Pháp ở Luân Đôn. Như vậy, vụ án Nguyễn Ái Quốc đã tạo ra một sự kiện quốc tế lớn. Trong trường hợp này, thật là khó đối với chính quyền Anh đưa một phạm nhân chính trị vào chỗ chết như vậy bằng cách trao cho người Pháp. Cuối cùng, vào năm 1933, sau một loạt các biến cố, Nguyễn Ái Quốc đã biến mất khỏi Hồng Kông và việc này ít gây ra sự xôn xao trong chừng mực cái "chết" của Người đã từng được thông báo và được tiếp nhận như là một việc đã rồi. Báo *Nhân đạo* sau đó đăng bài nói về "người quá cố". Sự đồn đại này quả thật là có thể dễ tin được bởi vì ở trong tù Nguyễn Ái Quốc ốm rất nặng và người ta có được một hoặc hai thư ngắn của Người, trong đó có nói là Người nghĩ rằng Người sẽ chết.

Tôi đã chỉ làm tóm tắt rất nhanh chóng ba thời kỳ nổi bật nhất trong sự nghiệp cách mạng của Nguyễn Ái Quốc theo những tư liệu của quân

đội viễn chinh. Ở đó có một khối lượng lớn tư liệu cần được xử lý để làm tăng sự hiểu biết khoa học về tiểu sử của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Để kết luận, tôi muốn nhấn mạnh đến một khía cạnh toát lên khi đọc các tài liệu này, đó là năng lực hành động về nhân cách của con người sẽ trở thành Hồ Chủ tịch sau này.

Cho dù ở Pa-ri, giữa năm 1919 và 1923, ở Quảng Châu giữa năm 1925 và 1927 hay ở Hồng Kông vào năm 1930-1931, việc Nguyễn Ái Quốc đến những nơi này, trong vòng vài tháng đã làm thay đổi tình hình, nâng cao đáng kể trình độ cách mạng của các nhóm hoạt động và rất nhanh chóng Người trở thành người lãnh đạo.

Ở Pa-ri, năm 1919, giới những người Việt Nam sống lưu vong, tụ tập ở biệt thự Gô-bơ-lanh (Gobelins) mới dừng lại ở lập trường đòi các cải cách và tham gia có phê phán vào sự hợp tác Pháp - Việt do Sa-rô đưa ra. Nguyễn Ái Quốc xuất hiện. Rất nhanh chóng, mọi người thoát ra khỏi các lý luận để đi vào hành động: phát biểu tại Hội nghị Hoà bình, gửi các tài liệu tuyên truyền về Việt Nam. Sau đó, ngay năm 1920, mọi người thoát khỏi những ảo tưởng cải lương để tiến tới một nhận thức cách mạng quốc tế chủ nghĩa mà Hội liên hiệp thuộc địa, báo *Người cùng khổ* là những biểu hiện và chính quyền thực dân Đông Dương lo ngại. Phong trào dân tộc Việt Nam vừa qua một bước quyết định.

Ở Quảng Châu, năm 1924, một nhóm người có đầu óc dân tộc, những người học trò của Phan Bội Châu, có quan hệ với Cường Để, cố gắng hành động nhưng rơi vào bế tắc của những quan điểm lỗi thời và của chủ nghĩa khủng bố, xa rời quần chúng Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc tới đó vào cuối năm 1924. Vài tháng sau, cùng với các thanh niên tìm gặp được ở đó và những người từ Việt Nam sang, Người thành lập nhóm Cộng sản Việt Nam đầu tiên mà Người dạy dỗ, trang bị phương tiện tuyên truyền cơ bản là báo *Thanh niên*, phù hợp với trình độ hiểu biết lúc bấy giờ của những người hoạt động cách mạng và của quần chúng công nông Việt Nam. Một bước mới không kém phần quyết định vừa mới được vượt qua: Tư tưởng, tổ chức và những chiến sĩ cộng sản đã đi vào Việt Nam.

Cuối cùng, ở Hồng Kông, các đại diện khác nhau của các nhóm cộng sản được thành lập từ năm 1925 đã không vượt qua nổi các bất đồng nội bộ. Họ nhờ đến Nguyễn Ái Quốc và rất nhanh chóng Người quét sạch các

cản trở và lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam. Một bước mới lại được vượt qua: Từ nay, nước Việt Nam có một Đảng Cách mạng của mình và được Quốc tế Cộng sản công nhận vào năm sau. Do đó, ngay cả khi Việt Nam Quốc dân Đảng bị đàn áp tan vỡ, nước Việt Nam vẫn có được một Đảng Cách mạng của giai cấp cho cuộc đấu tranh dân tộc. Sự hoà nhập nhanh chóng và thâm nhập sâu rộng của Đảng vào quần chúng công nhân và nông dân cho phép Đảng vẫn tồn tại được, bất chấp sự đàn áp dã man vào đầu những năm 30. Đồng thời, tổ chức Đảng mang tính dân tộc rõ nét này lại gắn liền chặt chẽ với phong trào quốc tế chính là thông qua Nguyễn Ái Quốc và sau này qua các chiến sĩ trẻ khác mà Người đã cử sang học ở Mát-xcơ-va.

Như vậy, một trong các lợi ích chính của tất cả các tài liệu này, phần lớn là của cảnh sát được tập hợp lại bởi Quân đội viễn chinh Pháp đã từng tiến hành chiến tranh ở Việt Nam, là đưa ra được từ phía những kẻ thù xấu xa nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh và những kẻ muốn giết hại Người, một loạt các bằng chứng khẳng định từng điểm một sự khâm phục của nhân dân Việt Nam và những người cách mạng trên toàn thế giới đối với Người.

Bác Hồ sẽ phản đối mạnh mẽ nếu chúng ta gắn những thắng lợi của phong trào dân tộc và cách mạng Việt Nam với cá nhân Người. Ngược lại, Người đã dạy tất cả chúng ta về vai trò to lớn và quyết định của quần chúng. Song nhà sử học phải nhận thấy rõ là mỗi trình độ phát triển của phong trào cách mạng Việt Nam, trong cội nguồn của nó, đều có sự tác động của cá nhân Nguyễn Ái Quốc, là người luôn luôn kết hợp ba khía cạnh: lãnh tụ dân tộc, nhà lãnh đạo Cộng sản và đại diện của Quốc tế Cộng sản.

HỒ CHÍ MINH: MỘT NGƯỜI CHÂU Á CHO MỌI THỜI ĐẠI

SÊ-RA-PHIN QUY-SƠN (SERAFIN D. QUIASON)
Chủ tịch Viện Nghiên cứu lịch sử dân tộc Ma-ni-la Phi-lip-pin

Lễ kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Hồ Chí Minh bắt đầu vào năm nay. Nhìn từ quan điểm về vị trí kế thừa của Người trong xã hội thuộc địa, thì Người sinh ra trong một gia đình nhân sĩ - nông dân ở xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An ngày 19-5-1890. Ở đây, có thể nói rằng trong những năm và những thập kỷ tới, nhiều tác phẩm về Bác Hồ sẽ ra đời vì Người là một trong số ít người châu Á đã để lại được dấu ấn của mình ở nơi tôn thờ những con người vĩ đại của châu Á hiện đại. Chắc chắn là người ta đã viết nhiều về Người, đặc biệt là về các cuộc đấu tranh chính trị vì tự do và độc lập[1]. Nhưng còn nhiều điều chúng ta cần phải biết về con người châu Á vĩ đại này của lịch sử từ những cách nhìn khác nhau. Mục đích của bài này là nhằm tìm hiểu những khía cạnh khác của cuộc đời Người về nhân cách và tư tưởng, đặc biệt là nhấn mạnh về Người với tư cách là một nhà văn hoá. Viết một điều gì đó về các khía cạnh của sự phát triển văn hoá của Hồ Chí Minh, về thái độ của Người đối với văn hoá và về vị trí của Người trong thế giới văn hoá châu Á, là một nhiệm vụ khó khăn và là một cơ hội để dùng kiến thức và kinh nghiệm của mình nhằm mở rộng sự hiểu biết của chúng ta về con người của thế kỷ XX này. Khó mà mô tả được một nhà văn hoá như Hồ Chí Minh nhưng một phần của những tác phẩm, hành động, những nét đặc biệt, những tư tưởng, lời phát biểu và thành quả của Người sẽ minh hoạ tính quên mình, tính vững chắc của mục đích, tính kiên định trong bảo vệ mục tiêu, sự trung thành đối với nhân dân và tinh thần bất khuất trong cuộc đời của Người,

1. Đây là một phần danh sách những tác giả đã viết về Hồ Chí Minh: Cheste A. Bain, King C. Chen, Chiang Yung Ching, Bernard B. Fall, Hà Huy Giáp, Hoài Thanh, Võ Nguyên Giáp, v.v...

cản trở và lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam. Một bước mới lại được vượt qua: Từ nay, nước Việt Nam có một Đảng Cách mạng của mình và được Quốc tế Cộng sản công nhận vào năm sau. Do đó, ngay cả khi Việt Nam Quốc dân Đảng bị đàn áp tan vỡ, nước Việt Nam vẫn có được một Đảng Cách mạng của giai cấp cho cuộc đấu tranh dân tộc. Sự hoà nhập nhanh chóng và thâm nhập sâu rộng của Đảng vào quần chúng công nhân và nông dân cho phép Đảng vẫn tồn tại được, bất chấp sự đàn áp dã man vào đầu những năm 30. Đồng thời, tổ chức Đảng mang tính dân tộc rõ nét này lại gắn liền chặt chẽ với phong trào quốc tế chính là thông qua Nguyễn Ái Quốc và sau này qua các chiến sĩ trẻ khác mà Người đã cử sang học ở Mát-xcơ-va.

Như vậy, một trong các lợi ích chính của tất cả các tài liệu này, phần lớn là của cảnh sát được tập hợp lại bởi Quân đội viễn chinh Pháp đã từng tiến hành chiến tranh ở Việt Nam, là đưa ra được từ phía những kẻ thù xấu xa nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh và những kẻ muốn giết hại Người, một loạt các bằng chứng khẳng định từng điểm một sự khâm phục của nhân dân Việt Nam và những người cách mạng trên toàn thế giới đối với Người.

Bác Hồ sẽ phản đối mạnh mẽ nếu chúng ta gắn những thắng lợi của phong trào dân tộc và cách mạng Việt Nam với cá nhân Người. Ngược lại, Người đã dạy tất cả chúng ta về vai trò to lớn và quyết định của quần chúng. Song nhà sử học phải nhận thấy rõ là mỗi trình độ phát triển của phong trào cách mạng Việt Nam, trong cội nguồn của nó, đều có sự tác động của cá nhân Nguyễn Ái Quốc, là người luôn luôn kết hợp ba khía cạnh: lãnh tụ dân tộc, nhà lãnh đạo Cộng sản và đại diện của Quốc tế Cộng sản.

HỒ CHÍ MINH: MỘT NGƯỜI CHÂU Á CHO MỌI THỜI ĐẠI

SÊ-RA-PHIN QUY-SƠN (SERAFIN D. QUIASON)

Chủ tịch Viện Nghiên cứu lịch sử dân tộc Ma-ni-la Phi-lip-pin

Lễ kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Hồ Chí Minh bắt đầu vào năm nay. Nhìn từ quan điểm về vị trí kế thừa của Người trong xã hội thuộc địa, thì Người sinh ra trong một gia đình nhân sĩ - nông dân ở xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An ngày 19-5-1890. Ở đây, có thể nói rằng trong những năm và những thập kỷ tới, nhiều tác phẩm về Bác Hồ sẽ ra đời vì Người là một trong số ít người châu Á đã để lại được dấu ấn của mình ở nơi tôn thờ những con người vĩ đại của châu Á hiện đại. Chắc chắn là người ta đã viết nhiều về Người, đặc biệt là về các cuộc đấu tranh chính trị vì tự do và độc lập[1]. Nhưng còn nhiều điều chúng ta cần phải biết về con người châu Á vĩ đại này của lịch sử từ những cách nhìn khác nhau. Mục đích của bài này là nhằm tìm hiểu những khía cạnh khác của cuộc đời Người về nhân cách và tư tưởng, đặc biệt là nhấn mạnh về Người với tư cách là một nhà văn hoá. Viết một điều gì đó về các khía cạnh của sự phát triển văn hoá của Hồ Chí Minh, về thái độ của Người đối với văn hoá và về vị trí của Người trong thế giới văn hoá châu Á, là một nhiệm vụ khó khăn và là một cơ hội để dùng kiến thức và kinh nghiệm của mình nhằm mở rộng sự hiểu biết của chúng ta về con người của thế kỷ XX này. Khó mà mô tả được một nhà văn hoá như Hồ Chí Minh nhưng một phần của những tác phẩm, hành động, những nét đặc biệt, những tư tưởng, lời phát biểu và thành quả của Người sẽ minh hoạ tính quên mình, tính vững chắc của mục đích, tính kiên định trong bảo vệ mục tiêu, sự trung thành đối với nhân dân và tinh thần bất khuất trong cuộc đời của Người,

1. Đây là một phần danh sách những tác giả đã viết về Hồ Chí Minh: Cheste A. Bain, King C. Chen, Chiang Yung Ching, Bernard B. Fall, Hà Huy Giáp, Hoài Thanh, Võ Nguyên Giáp, v.v...

cuộc đời của một nhà cách mạng, của lòng dũng cảm, tinh thần ham hiểu biết, yêu nước, sự thông thái và trên hết là chủ nghĩa nhân bản của Người.

Năm 1909, Người 19 tuổi, với nước da sáng, Người là một thanh niên trẻ có dáng mảnh dẻ và nhẹ nhàng. Tới lúc đó, Người đã quyết định đi vào cuộc sống trên biển cả làm người phụ bếp trên tàu và cuộc sống đó đã đưa Người đến những cảng ở châu Á, châu Phi, Bồ Đào Nha, Anh, Pháp, Đức ở châu Âu, qua Mỹ và có lẽ cả Nam Mỹ. Ở Huế, Người đã có tiếng là một học sinh có tài, được đào tạo tốt cho những kiến thức về Việt Nam, về Trung Quốc học và tiếng Pháp tại trường Quốc học danh tiếng. Chính thân phụ Người, cụ Nguyễn Sinh Sắc, một người đã đạt học vị Phó bảng đã khuyến khích con trai ông học tiếng Pháp.

Người cha nhân sĩ tin rằng "tương lai của đất nước sẽ được phụng sự bởi việc mở rộng nền văn hoá"[1].

Chúng ta đã biết Người đã phải phấn đấu như thế nào trong điều kiện khó khăn và túng thiếu khi ở Luân Đôn và Pa-ri.

Nhưng chính là ở Pa-ri "tâm hồn của Người được rộng mở"[2]. Những nỗi gian truân "cay đắng và lạc quan"[3] trước đó đã đem lại cho Người một nhận thức rõ rệt về thực tế với tất cả những mâu thuẫn và nghịch lý của nó: Sự rắc rối trong tính đa dạng của nó và sự thấu cảm mạnh mẽ đối với những người cố gắng đương đầu với chúng.

Phía trước Người là một sứ mệnh vĩ đại sẽ đưa Người trở thành một nhân vật huyền thoại, Người kiến trúc sư của nước Việt Nam là một nhà lãnh tụ thực thụ của nhân dân mình.

Ngoài sự tham gia nhiều và tích cực trong hoạt động chính trị với tư cách là một thành viên của Đảng Cộng sản Pháp, Người đã tìm cách dành thời gian, trong khi ở Pa-ri (1917-1923) để làm giàu tri thức với một tinh thần ham học và đã mở hết cánh cửa này đến cánh cửa khác để đi đến chân trời văn hoá phong phú.

Thế giới tri thức của thế kỷ XX được phong phú hơn bởi Bác Hồ là một phần của thế giới ấy. Người đã có những đóng góp có giá trị lâu dài

1. Jean Lacouture: *Hồ Chí Minh - Tiểu sử chính trị*, Nxb. Random House, New York, 1968, tr.13.
2. Milton Osborw, tạp chí *Lịch sử ngày nay*, tập 30, 11-1980, tr.42.
3. Jean Lacouture, đã dẫn, tr.13.

với những tác phẩm chính trị cùng với những loạt bài của Người trên các báo *Người tự do* (Le Libertaire), *Đời sống công nhân* (La Vie ouvrière), *Người bình dân* (Le Populaire) và *Nhân đạo* (L' Humanité). Người đã sáng lập và làm biên tập viên cho tờ *Người cùng khổ* - tờ báo viết về các thuộc địa. Phạm vi rộng lớn những tác phẩm của Người được thể hiện trong vở kịch "Con rồng tre" nhạo báng Triều đình Huế và "Hồi tưởng của một người lưu vong". Cuốn sách "Bản án chế độ thực dân Pháp" là một sự tiến công đối với những hành động của thực dân Pháp không chỉ ở Việt Nam mà cả ở Đa-hô-mây (Dahomey), Ma-la-ga-xy (Ma-la-ga-sy) (Malagasy) và Tây Ấn. Cuốn sách "Đường Cách mệnh" do Người viết năm 1927 đã vạch ra đường hướng cho phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân Việt Nam. Các bài báo và tác phẩm của Người được đọc rộng rãi ở Việt Nam. Cuốn sách "Bản án chế độ thực dân Pháp" của Người trở thành như cuốn kinh thánh của những trí thức trẻ của Việt Nam và bút danh Nguyễn Ái Quốc của Người trở nên quen thuộc với mọi nhà.

Người không bao giờ viết những luận văn đồ sộ hoặc bản tự thuật. Người là một trong số ít những nhà lãnh đạo châu Á mà giai đoạn đầu trong cuộc đời mình được bao phủ bởi những điều bí ẩn. Trong khi nói chuyện với các nhà báo, Người thường tránh những câu hỏi về quá khứ của Người với những lời ứng đối như "quá khứ của tôi không quan trọng, tôi chỉ quan tâm đến tương lai"[1], hoặc như "tôi là một người già và tôi muốn giữ những bí mật nhỏ bé của tôi. Hãy đợi cho đến khi tôi chết"[2].

Thơ là một phần của cuộc đời Người. Các sinh viên văn học phải rất chịu ơn Người vì tập thơ "Nhật ký trong tù" của Người. Điều đáng ngạc nhiên là Người đã diễn tả những tình cảm suy nghĩ và mong muốn sâu thẳm nhất của mình không phải bằng chữ Quốc ngữ, là tiếng Việt được Latinh hoá mà bằng tiếng Hán theo truyền thống của Lý Bạch (701-762) và Đỗ Phủ (712-770) ở thời Đường. Khả năng hiếm có này làm cho người ta nhớ lại Giô-dép Côn-rát (Joseph Conrad) một nhà văn Ba Lan đã trở thành một bậc thầy vĩ đại về văn phong và văn xuôi Anh. Màu sắc của quyền tự do con người và ý nghĩa đạo đức của công lý đã thấm đượm những dòng thơ của Người. Những vần thơ mang ngụ ý tinh tế, dí dỏm

1. Bain. *Tính toán và uy tín. Phong cách lãnh đạo của Hồ Chí Minh.* Tạp chí *Virginia*, tập 49, số 3, 1977, tr.348.
2. Như trên.

của Người được nâng lên bởi sự hiểu biết sâu sắc của một con người hiện đại.

Tuy nhiên, King C. Chen vẫn cho rằng thơ của Hồ Chủ tịch không mang lối nói hay màu sắc cổ điển, ra vẻ mô phạm, mà được viết bằng ngôn ngữ bình thường theo kiểu hiện đại. Tất cả các bài thơ đều ngắn, đơn giản - thậm chí Người không được học hành cũng có thể hiểu được một cách trực tiếp, nhưng đầy xúc cảm và chứa đựng nhiều lời nhận xét hoặc châm ngôn về đạo lý.

Từ góc độ đạo lý, chúng ta hiểu điều chủ chốt Người muốn nhắn nhủ:

Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao;
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao[1].

Trong các bài tiếp theo, giọng thơ biểu thị tinh thần chịu đựng mạnh mẽ:

Gạo đem vào giã bao đau đớn,
Gạo giã xong rồi, trắng tựa bông;
Sống ở trên đời người cũng vậy:
Gian nan rèn luyện mới thành công[2].

Bài "Đêm thu" của Người gợi lên tính nhạy cảm của người châu Á và mang dấu ấn của sự đau khổ và bất công:

Nghìn dặm bâng khuâng hồn nước cũ,
Muôn tơ vương vấn mộng sầu nay;
Ở tù năm trọn thân vô tội,
Hoà lệ thành thơ tả nỗi này[3].

Tính chiến đấu cũng được Hồ Chủ tịch thể hiện trong bài thơ sau đây - vì rằng thơ ca không phải chỉ là hư ảo và tưởng tượng, mà còn là lương tâm của nhân dân:

Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong?

1. Hồ Chí Minh: *Nhật ký trong tù*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1983, tr.24.
2. Như trên, tr.164.
3. Như trên, tr.279.

Phong cảnh thiên nhiên kỳ diệu của miền Tây Liễu Châu đã mang lại cho Người nguồn cảm hứng để viết một bài thơ cho bạn bè Người sau thời gian ở tù hơn một năm. Tất cả mọi người đều vô cùng vui mừng khi được tin Hồ Chủ tịch đã được trả tự do và vẫn còn sống. Lúc đó, ở tuổi 53, Hồ Chí Minh đã là một người nổi tiếng trong nước. Với sự uyển chuyển và hoàn toàn tinh tế, bài thơ mang hương vị của sự nồng hậu và lãng mạn kiểu Á châu:

Núi ấp ôm mây, mây ấp núi,
Lòng sông gương sáng, bụi không mờ;
Bồi hồi dạo bước Tây Phong Lĩnh,
Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa[1].

Vì thế, tuyển tập thơ của Người giống như một công trình bất hủ thể hiện tinh thần bất khuất, nghị lực và tình yêu quê hương mãnh liệt của Người bất chấp mọi tai ương, khó khăn.

Rất hiếm nhà lãnh đạo châu Á đương đại nào lại được trang bị đầy đủ các ngôn ngữ hiện đại như vậy. Trong thời kỳ ở Luân Đôn, Pa-ri và Mát-xcơ-va, Người có thể nói và đọc được "ít nhất bảy thứ tiếng"[2]. Người nói tiếng Trung Quốc, tiếng Pháp và tiếng Nga như tiếng mẹ đẻ. Hiếm có người nào có năng khiếu bẩm sinh về ngôn ngữ một cách nhanh nhạy và vận dụng nó một cách siêng năng như Hồ Chủ tịch. Về điểm này Chet-xtơ Bên (Chester A. Bain) nói với chúng ta rằng: "Khi học một ngôn ngữ mới, Người học đúng mười từ một ngày - không hơn không kém. Khi dịch thuật, Người dịch ra một số lượng cố định số trang phải dịch trong mỗi ngày và luôn luôn hoàn thành trước khi đi ngủ..."[3].

Trong bản dịch cuốn "Binh pháp" của Tôn Tử, Người đã dịch với sự chính xác chặt chẽ và cẩn thận tỉ mỉ như vậy, có thể sánh với các bản luận thuyết cổ xưa.

Người có tính cách giống Găng-đi (Gandhi), gần như lối tu khổ hạnh của người theo đạo Phật. Xét cá tính riêng của Người về ăn uống, đồ mặc và nhà cửa, Người là con người thích sống giản dị. Người biết thưởng thức các món ăn vì đã từng phục vụ tại nhà hàng Các-lơ-tơn (Carltôn) nổi

1. Như trên, tr.289.
2. Bain, sđd, tr.348.
3. Như trên, tr.348-349.

tiếng dưới sự chỉ đạo của Vua đầu bếp Ét-xcốp-phi-ê (Escoffier) lừng danh. Tuy vậy, Người vẫn thích các món ăn theo khẩu vị thông thường hoặc của thường dân. Khi đã trở thành Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, một trong những nhận xét có ý nghĩa của Người là:

"Tôi được chọn làm Chủ tịch vì tôi chẳng có gì cả: không gia đình, không nhà cửa, không của cải và chỉ có một bộ quần áo - đó là bộ tôi đang mặc"[1].

Nếu chòm râu cằm là dấu hiệu ngoại hình của Người thì bộ quần áo vải màu đất, đôi dép làm bằng lốp ô tô theo kiểu khắc khổ, chiếc gậy và chiếc khăn quàng cổ cùng với chiếc máy chữ xách tay của Người đã trở thành những biểu tượng và đời sống vật chất mộc mạc của Người.

Trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến, Người thường hoạt động với "bộ quần áo vải nâu" giống như quần áo của người "nhà quê"[2] (tức nông dân) và sống trong một túp lều tranh hầu như trống trơn ngoài chiếc máy chữ xách tay "bé bỏng" của Người. Rut Phi-sơ (Ruth Fischer) có ấn tượng sâu sắc về Hồ Chủ tịch như là "biểu hiện thú vị của lòng tốt và sự giản dị"[3]. Theo lời của Võ Nguyên Giáp, thì Người là "một con người giản dị tuyệt vời". Giô-dép Đuy-cơ-ru (Joseph Ducroux) viết về cuộc gặp của mình với Hồ Chủ tịch năm 1951: "Tôi hiếm khi được gặp một người sống thanh đạm đến thế và khinh thường mọi xa hoa đến thế..."[4].

"Tình hữu nghị là niềm an ủi đối với tôi". Hồ Chủ tịch đã nói những lời này khi Người tiếp Giăng Xanh-tơ-ny (Jean Sainteny) và Lê-ông Pi-nhông (Léon Pignon) vào khoảng tháng 3-1946. Người đã xây dựng nhiều tình bạn ấm áp và dài lâu. Toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp của Người thực sự đã giúp tạo nên mối dây liên hệ sống động giữa biết bao nhân vật lỗi lạc (nam và nữ) mà Người có dịp quen biết, với đất nước yêu dấu của Người.

Là một nhà giáo, hiền triết và giảng viên, cái đáng quý ở Người là luôn chủ trương liêm chính, tiết kiệm, cần cù, trung thực, chí công và

1. Tạp chí *Nhà chính khách mới và dân tộc*, tr.628.
2. Như trên, tr.44, 72, 73.
3. Như trên, tr.44, 72, 73.
4. Trích dẫn từ Lacouture, sdd, tr.62.

chống bạo ngược, tư lợi. Phi-lip Đơ-vi-lê (Philippe Devielers) một tác giả có uy tín về lịch sử và văn hoá Việt Nam, viết: ..."Hiển nhiên là Người phản đối mọi bạo lực"[1]. Ai cũng đều thấy rõ tình thương yêu Người dành cho những người dân thường ở địa vị yếu đuối thấp hèn và tài làm trung gian hoà giải của Người.

Cuối cùng, cần nói tới quan điểm văn hoá văn nghệ của Người. Người nói:

"Văn hoá phải thiết thực phục vụ nhân dân, góp phần vào việc nâng cao đời sống vui tươi, lành mạnh của quần chúng. Vì vậy, nội dung văn hoá phải có ý nghĩa giáo dục... Văn hoá phải gắn liền với lao động, sản xuất... Nói tóm lại, để phục vụ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa thì văn hoá phải xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức"[2].

Cũng vậy, trong khi nói chuyện với các nghệ sĩ tại triển lãm tranh 1951, Người nhấn mạnh:... "Văn hoá nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị"[3], Người khuyên các nghệ sĩ "hãy đi sâu vào đời sống nhân dân"[4].

Người cũng yêu thích thiên nhiên chẳng kém văn chương nghệ thuật và là người rất thích làm vườn.

Tóm lại, nhãn quan văn hoá của Người là bao quát và sâu sắc. Người thể hiện quan điểm của mình trong nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau, lúc là người tổ chức, nhà văn, nhà báo, nhà ngôn ngữ, nhà viết kịch, nhà thơ, khi là nhà giáo, nhà chiến lược quân sự, lãnh đạo kháng chiến, khi lại là người làm vườn. Di sản Việt Nam và châu Á phong phú và truyền thống phương Tây ở Người đã tạo nên tất cả các điều đó. Người là một trong số ít người châu Á lại thân thuộc với cả châu Á và phương Tây.

Ít người châu Á nào lại được nhân dân yêu mến như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người thực sự là thần tượng của nhân dân mình. Hiếm người châu Á nào lại đóng một vai trò quan trọng như vậy trong việc tạo dựng một

1. *"Nhà chính khách mới và dân tộc"*, sđd, tr.629 - xem thêm Lacouture, sđd, tr.288.
2. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, sđd, tr.248-249.
3. Như trên, tr.134.
4. Như trên, tr.133.

dân tộc mới như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong cả sự nghiệp của mình, Người luôn xuất phát từ tinh thần hết lòng phục vụ nhân dân, vừa bằng những kiến thức uyên bác, kinh nghiệm và tài nghệ của mình, vừa bằng sự tận tâm và liêm khiết, để giành được sự kính trọng và biết ơn của nhân dân.

Khó có thể có được một người châu Á khác như Người ở thời đại của chúng ta cũng như trong các thế hệ mai sau. Người thực sự là một người châu Á của tất cả các thời đại với ý nghĩa đầy đủ nhất của nó.

MẤY SUY NGHĨ VỀ TƯ TƯỞNG "KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN ĐỘC LẬP, TỰ DO" CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH"*

I-GO VA-XI-LI-EP

Giáo sư Ngôn ngữ học Tiệp Khắc

Tôi đã đến từ một nước ở châu Âu, mà trong thế kỷ XX, nhân dân đã giành được độc lập cho đất nước. Với những hy sinh to lớn, nhân dân chúng tôi đã giành được độc lập hai lần: Năm 1917, lần đầu tiên đất nước được độc lập, nhưng sau hai mươi năm, một khoảng thời gian không lâu, vào năm 1937, đất nước lại bị mất độc lập và bị phát-xít Đức chiếm đóng. Sự kiện không may đó có những nguyên nhân về mặt quốc tế cũng như trong nước.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Đảng Cộng sản Tiệp Khắc đã giành được chính quyền và quyết tâm giải quyết tốt tất cả các vấn đề xã hội trong nước cũng như các khó khăn về địa vị quốc tế của nước Tiệp Khắc độc lập bằng con đường xã hội chủ nghĩa để cho nhân dân được sống đàng hoàng hơn và để bảo đảm cho đất nước được độc lập lâu dài. Chế độ đã sinh ra từ những cố gắng cách mạng đó, chế độ mà ban đầu đã được đa số nhân dân ủng hộ, thì cách đây bốn tháng đã sụp đổ trong vài ngày dưới áp lực của hàng mấy mươi vạn quần chúng nhân dân bất bình. Hiện nay, nhiều người Tiệp Khắc lo lắng đặt cho mình câu hỏi: có phải nền độc lập của tổ quốc lại một lần nữa sẽ bị đe doạ chăng? Mỗi người công dân biết suy nghĩ đang chọn những câu trả lời trong những kinh nghiệm họ có dịp học được.

Tôi chỉ là một nhà Ngôn ngữ học bình thường, và tôi đã học được tiếng Việt Nam, nên tôi có dịp biết qua lịch sử đấu tranh của Việt Nam để giành độc lập và tôi đã được trực tiếp gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh,

* Đầu đề do chúng tôi đặt (BBT).

Người đã có công lao đối với nền độc lập của đất nước. Vì thế nên ngày nay tôi phải suy đi nghĩ lại về nhiều lời nói của Người, một người giàu kinh nghiệm và có trình độ văn hoá rất cao, một nhà cách mạng có quyết tâm, dũng cảm và nhiệt tình khác thường. Người đã được bầu làm Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam độc lập.

Đồng chí Hồ Chí Minh đã từng nói: *"Không có gì quý hơn độc lập, tự do!"*. Câu đó hình như là rất đơn giản. Đất nước phải được độc lập, tự do để có thể chủ động thực hiện các mục đích, cương lĩnh của mình. Cụ thể là nước Việt Nam độc lập đã đề ra mục tiêu sẽ xây dựng đất nước thành một nước hoà bình, dân chủ và phồn vinh.

Nhưng Hồ Chí Minh cũng là một nhà thơ. Người thường phát biểu một cách ngắn gọn và những lời nói giản dị của Người thường rất sâu sắc về nội dung. Cuốn *Nhật ký trong tù* của Người có bài thơ dưới đây, tôi xin cố gắng đọc, đề nghị quý vị đại biểu và các đồng chí thông cảm cho tôi vì tôi không biết ngâm thơ!

Bài *Cảnh binh khiêng lợn cùng đi*

Khiêng lợn, lính cùng đi một lối;
Ta thì người dắt, lợn người khiêng;
Con người coi rẻ hơn con lợn,
Chỉ tại người không có chủ quyền!

*
* *

Trên đời nghìn vạn điều cay đắng,
Cay đắng chi bằng mất tự do?
Mỗi việc mỗi lời không tự chủ,
Để cho người dắt tựa trâu bò!

Trong bài thơ này tác giả nói đến tự chủ của từng cá nhân con người như vậy có nghĩa là cá nhân con người cũng rất cần độc lập, tự do. Xét đến cùng, đất nước độc lập, tự do cũng chỉ có ý nghĩa khi nó đem lại độc lập, tự chủ, tự do cho mọi công dân của mình.

... Cuốn *Nhật ký trong tù* của Bác Hồ đã được dịch ra tiếng Tiệp và được in rất đẹp và đó là tác phẩm của một vị lãnh tụ vĩ đại của một nước

anh em. Nhưng cuốn đó lại chỉ xuất bản với số bản in hết sức là hạn chế, chỉ có 1.000 cuốn, do đó nhiều bạn đọc ở Tiệp Khắc không được đọc đến. Tôi là người dịch nên tôi rất buồn và cảm thấy rất xấu hổ trước bạn bè Việt Nam.

... Tôi cũng rất lấy làm xấu hổ và đau đớn khi thấy rằng ở đất nước mình, muốn in sách thì phải mất bình quân là 5 năm trời, mà trước đây, cách đây hơn 50 năm, Tiệp Khắc in sách trong 2-3 tháng là xong. Với tư cách là một trí thức muốn hiến dâng cho tổ quốc những cái gì quý nhất của mình một cách kịp thời nhất trong những lúc mà đất nước cần đến, tôi rất lấy làm xấu hổ và cảm thấy bị mất độc lập, tự chủ, tự do. Vì thế nên tôi nghĩ rằng những câu nói rất đơn giản và rất cơ bản của Bác Hồ như câu: *"Không có gì quý hơn độc lập, tự do"* ta phải suy nghĩ rất sâu sắc.

PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC CỦA VIỆT NAM VÀ HỒ CHÍ MINH

KIM-HU-GIÔNG (KIM WHO JONG)

Giáo sư Tiến sĩ, Phó chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên

Trong quá khứ, nhân dân Việt Nam đã trải qua một con đường đấu tranh gian khổ do đế quốc xâm lược. Dưới sự lãnh đạo của vị lãnh tụ kính mến là đồng chí Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Việt Nam đã đánh bại bọn đế quốc xâm lược và giành được thắng lợi rực rỡ trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và cuối cùng đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử Việt Nam.

Sau khi chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ, nước Việt Nam dưới sự lãnh đạo của đồng chí Hồ Chí Minh đã thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất, đã tổ chức cuộc tổng khởi nghĩa và cuối cùng, tháng 8-1945, đã đuổi bọn đế quốc Nhật và thành lập một chính phủ nhân dân. Sau Cách mạng Tháng Tám, lại tiến hành một cuộc kháng chiến trường kỳ 9 năm chống bọn xâm lược Pháp mà đỉnh cao nhất là chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, giải phóng hoàn toàn miền Bắc.

Sau khi đuổi được bọn xâm lược Pháp, nhân dân Việt Nam đã phải tiến hành cuộc kháng chiến lần thứ hai chống đế quốc Mỹ.

Đáp lại lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam đã nhất tề đứng lên trong cuộc chiến tranh thần thánh để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc và thống nhất đất nước. Nhờ cuộc đấu tranh anh dũng của mình, nhân dân Việt Nam đã đánh bại các chiến lược của Mỹ về "chiến tranh đặc biệt", "chiến tranh cục bộ", kế hoạch "Việt Nam hoá" chiến tranh và tháng 4-1975 đã giải phóng toàn bộ đất nước, thống nhất lại tổ quốc và tuyên bố thành lập nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Do kết quả chiến thắng lịch sử của nhân dân Việt Nam, chủ nghĩa thực dân Pháp đã mất đi chỗ đứng ở Đông Nam Á, các lực lượng đế quốc chủ nghĩa đã chịu một đòn nặng hơn và bọn đế quốc Mỹ đã suy sụp hơn, sự suy sụp này đã bắt đầu bằng thất bại trong cuộc chiến tranh Triều Tiên.

Phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam bằng chính sức mình đã góp phần vào sự phát triển phong trào giải phóng dân tộc của thế giới.

Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam là cuộc chiến tranh của nhân dân một nước nhỏ ở trình độ xã hội nửa phong kiến, chống lại một đế quốc mà lãnh thổ, dân số hơn gấp nhiều lần, còn sức mạnh kinh tế và quân sự lại càng lớn hơn hẳn.

Đồng chí Hồ Chí Minh kính mến và Đảng Cộng sản Việt Nam cho rằng: người chủ cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc là Đảng và nhân dân Việt Nam và chỉ có thể hoàn thành tự do và độc lập của đất nước bằng cuộc đấu tranh quên mình của Đảng Cộng sản, nhân dân và quân đội Việt Nam. Đồng chí Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc theo nguyên tắc dựa vào sức mình là chính, đồng thời coi trọng sự giúp đỡ quốc tế. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, chiến thắng Điện Biên Phủ và chiến thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh là kết quả sáng chói của sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Vị lãnh tụ kính yêu của nhân dân chúng tôi, đồng chí Kim Nhật Thành nói: "Thắng lợi của nhân dân Việt Nam một lần nữa chứng minh rằng bọn đế quốc dù cố gắng đến đâu cũng không thể chinh phục một nhân dân đã đứng lên trong cuộc đấu tranh chính nghĩa cho tự do của đất nước và độc lập dân tộc".

Thắng lợi của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam một lần nữa chứng tỏ chân lý là một nước dù nhỏ, vẫn có thể đánh bại bất kỳ đế quốc hùng mạnh nào, nếu nhân dân đoàn kết mọi người như một, dưới sự lãnh đạo của Đảng và chiến đấu chống bọn xâm lược.

Phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam cũng chứng minh sự vô địch của chủ nghĩa xã hội và sự dễ bị thương tổn của chủ nghĩa đế quốc.

Tin tưởng vững chắc rằng con đường của chủ nghĩa xã hội là con đường duy nhất đúng của sự nghiệp giải phóng, tự do và độc lập thực sự, Hồ Chí Minh biến cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam thành một cuộc chiến tranh toàn dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo và đã phát triển nó thành một cuộc chiến tranh để xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam.

Ngay sau khi được giải phóng, sau chiến dịch Điện Biên Phủ, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản, nhân dân Việt Nam bắt đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc và biến miền Bắc thành chỗ dựa của cuộc cách mạng toàn dân tộc và hậu phương của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc.

Nhân dân đã kiên quyết đứng lên trong cuộc đấu tranh chống Mỹ để bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa yêu quý đã đem đến cho họ bình đẳng, tự do và phúc lợi.

Đế quốc Mỹ không thể chiến thắng một lực lượng xã hội chủ nghĩa ngày càng lớn lên về chính trị, kinh tế và quân sự và chúng đã thất bại liên tiếp. Bước chuyển từ "chiến tranh đặc biệt" sang "Việt Nam hoá" chiến tranh, "chiến tranh của Ni-xơn" là một chuỗi thất bại của đế quốc Mỹ. Cuối cùng, chúng phải quỳ gối trước sức mạnh kháng chiến của nhân dân Việt Nam và bị đuổi ra khỏi Việt Nam. Kết quả là tiến trình giải phóng dân tộc của Việt Nam chứng minh sự vô địch của chủ nghĩa xã hội và chứng tỏ chủ nghĩa đế quốc ngạo mạn đã bị suy yếu, và xác nhận chân lý lịch sử: trong sự đối đầu giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa xã hội chiến thắng và chủ nghĩa đế quốc thất bại.

Thắng lợi của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam không thể tách rời khỏi sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch, Người sáng lập và lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trước hết, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã áp dụng sáng tạo nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, đã nêu lên đường lối cách mạng và đường lối quân sự đúng đắn, lãnh đạo toàn dân và lực lượng vũ trang Việt Nam thực hiện nó.

Khi xem xét yêu cầu thời gian để cho việc chuyển từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội, bắt đầu trên quy mô toàn thế giới; Hồ Chủ tịch

vạch ra con đường cách mạng dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội không thông qua chủ nghĩa tư bản.

Do chỗ đã vạch ra được con đường cách mạng đúng đắn, chiến tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam đã bước sang một giai đoạn phát triển mới và cách mạng Việt Nam có thể tiến lên con đường thắng lợi.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định đúng đắn nguyên tắc xây dựng, bản chất giai cấp và nhiệm vụ cơ bản của lực lượng vũ trang nhân dân và củng cố sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội, tăng cường giáo dục chính trị và tư tưởng trong binh sĩ. Người chú ý trước hết là xây dựng những lực lượng vũ trang của nhân dân trung với Đảng, hiếu với dân, luôn luôn sẵn sàng phục vụ tự do và độc lập của đất nước, và chiến đấu quên mình cho chủ nghĩa xã hội. Hồ Chủ tịch đã xác định đúng đắn ba hình thức của lực lượng vũ trang: quân đội chính quy, bộ đội địa phương và dân quân du kích - cũng như các nhiệm vụ của nó, và khiến cho sự tiến bộ về vũ khí và kỹ thuật quân sự phù hợp với thực tế Việt Nam.

Đường lối quân sự của Đảng là một đảm bảo để đánh bại sự xâm lược của bọn thực dân cũ và mới trong cuộc nổi dậy của toàn dân và cuộc chiến tranh nhân dân.

Hồ Chủ tịch đã giải quyết sáng tạo các vấn đề về cơ sở và hậu phương trong chiến lược quân sự phù hợp với thực tế Việt Nam và làm sáng tỏ những hình thức chiến tranh và những phương pháp chiến đấu hợp lý trong cuộc chiến tranh giải phóng của Việt Nam.

Nội dung chính là vấn đề phối hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng trong cuộc chiến tranh toàn dân, vấn đề hình thức và phương pháp tấn công kẻ thù cùng một lúc ở ba vùng chiến lược - rừng núi, đồng bằng và đô thị, bắt rễ vào vùng nông thôn, vấn đề thực hiện chiến lược tấn công trong cuộc khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh giải phóng và vấn đề áp dụng chiến lược trận địa chiến.

Chiến lược quân sự này theo cách đánh của Việt Nam là rất quan trọng để đảm bảo thắng lợi trong từng chiến dịch, từng trận đánh và chiến thắng quyết định của cuộc chiến tranh giải phóng.

Điều đặc biệt quan trọng trong sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh là đảm bảo vững chắc sự lãnh đạo của Đảng đối với chiến tranh cách mạng và lực lượng vũ trang.

Trên cơ sở phân tích các kinh nghiệm lịch sử của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc từ một trăm năm trước, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng chỉ dưới sự lãnh đạo của đảng của giai cấp công nhân mới có thể biến cuộc đấu tranh giải phóng thành chiến tranh toàn dân và đảm bảo sự thắng lợi của nó, tiến lên theo con đường của chủ nghĩa xã hội và bảo vệ các thành tựu của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói:

"Thìa khoá dẫn tới kháng chiến thắng lợi là củng cố đảng và tăng cường sự lãnh đạo của đảng trong mọi lĩnh vực".

Khi làm thế, Chủ tịch Hồ Chí Minh coi trọng trước hết việc xây dựng lực lượng chính trị và dốc sức thức tỉnh nhân dân theo chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của Việt Nam.

Nhân dân và các lực lượng vũ trang Việt Nam, được vũ trang bằng tư tưởng của Hồ Chí Minh: "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" và "Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ", đã chiến đấu anh hùng.

Trong việc tổ chức nhân dân và các lực lượng vũ trang để thực hiện đường lối chính trị của đảng, Hồ Chủ tịch tập trung sự lãnh đạo vào việc nuôi dưỡng nhân tố phục vụ thắng lợi trong chiến tranh.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã hết sức cố gắng mở rộng mặt trận thống nhất và củng cố liên minh công nông, chính quyền nhân dân và lực lượng vũ trang. Đảng đã lãnh đạo miền Bắc xúc tiến công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và xây dựng quốc phòng trong khi vẫn tiếp tục cuộc kháng chiến và lãnh đạo miền Nam tiến hành đấu tranh giải phóng, đồng thời tạo nên một cuộc sống mới dưới sự lãnh đạo của Mặt trận dân tộc giải phóng và chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam.

Hồ Chủ tịch ra sức xây dựng đảng để nâng cao chức năng lãnh đạo và vai trò của đảng đối với chiến tranh giải phóng và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đồng chí Hồ Chí Minh là một nhà cách mạng trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản và đã đóng góp to lớn vào sự đoàn kết các nước xã hội chủ nghĩa, vào việc củng cố và phát triển phong trào cộng sản.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một người bạn chí thiết của nhân dân Triều Tiên.

Người bày tỏ tình đoàn kết chiến đấu với cuộc chiến tranh chính nghĩa giải phóng tổ quốc của nhân dân Triều Tiên vì tự do và độc lập, kiên trì ủng hộ cuộc đấu tranh của họ để đuổi đế quốc Mỹ ra khỏi Nam Triều Tiên nhằm thống nhất tổ quốc theo con đường độc lập và hoà bình, và hết sức củng cố tình đoàn kết hữu nghị giữa đảng, chính phủ, nhân dân hai nước Triều Tiên và Việt Nam.

Đồng chí Hồ Chí Minh đã đến thăm nước chúng tôi tháng 7-1957 và đã xây dựng tình bạn thắm thiết với vị lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Triều Tiên, Chủ tịch Kim Nhật Thành, và trên cơ sở đó đã cống hiến to lớn vào sự phát triển tình hữu nghị Việt - Triều.

Chủ tịch Kim Nhật Thành cũng đã thăm Việt Nam tháng 11-1958 và đã phát triển tình hữu nghị truyền thống Việt - Triều lên một giai đoạn mới cao hơn. Đảng, chính phủ và nhân dân chúng tôi đã tố cáo đế quốc Mỹ xâm lược, đã tích cực ủng hộ về vật chất và tinh thần cuộc chiến tranh chính nghĩa để giải phóng dân tộc của Việt Nam và phát triển tình hữu nghị chiến đấu giữa nhân dân Triều Tiên và nhân dân Việt Nam.

Ngày nay, quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân hai nước Triều Tiên và Việt Nam đang được củng cố thêm trong cuộc đấu tranh chung chống lại sự xâm lăng và sự can thiệp của chủ nghĩa đế quốc vì hoà bình và chủ nghĩa xã hội.

Việc đồng chí Võ Chí Công, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến thăm nước chúng tôi vào tháng 9-1988 và đặc biệt, cuộc gặp gỡ giữa Chủ tịch Kim Nhật Thành và Chủ tịch Võ Chí Công đã đánh dấu một bước quan trọng trong việc phát triển những quan hệ hữu nghị và hợp tác truyền thống giữa nhân dân hai nước.

Ngày nay, đảng, chính phủ và nhân dân Việt Nam kiên trì biểu lộ sự ủng hộ và tình đoàn kết với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và sự nghiệp thống nhất đất nước của nhân dân chúng tôi, tích cực ủng hộ đề nghị quan trọng do Chủ tịch Kim Nhật Thành đưa ra năm nay (1990) là phá vỡ bức tường chia cắt, thực hiện du lịch tự do và mở cửa hoàn toàn.

Tôi muốn nhân dịp này cảm ơn sâu sắc nhân dân Việt Nam đã trước sau như một ủng hộ chính sách của đảng chúng tôi nhằm tái thống nhất

dân tộc và đoàn kết với cuộc đấu tranh của nhân dân chúng tôi để thực hiện chính sách đó.

Để kết luận, tôi xin chúc nhân dân Việt Nam thành công to lớn trong việc thực hiện "ba chương trình kinh tế lớn" mà đại hội VI của đảng đã đề ra. Chúc nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Nguyễn Văn Linh kính mến đứng đầu thành công hơn nữa trong cuộc đấu tranh nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo của đảng, củng cố sự thống nhất giữa đảng và nhân dân và hoàn thành sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

TINH THẦN CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH SỐNG MÃI

CỐC NGUYÊN DƯƠNG
Nghiên cứu viên Sở nghiên cứu kinh tế chính trị thế giới, Viện Khoa học xã hội Trung Quốc

Nhân dịp kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tôi hết sức vui mừng nhận được lời mời tham gia cuộc hội thảo quốc tế "Chủ tịch Hồ Chí Minh - anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hoá lớn".

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, một thay đổi quan trọng trong tình hình quốc tế là sự tan rã của hệ thống thực dân. Để triệt để đập tan áp bức thực dân và gông xiềng nô lệ hàng mấy thế kỷ, biết bao bậc tiền bối cách mạng đã nối bước nhau, hiến dâng cuộc đời quý báu của mình trong cuộc đấu tranh máu lửa, trở thành những vị anh hùng chân chính của phong trào giải phóng dân tộc, được nhân dân mãi mãi ghi nhớ. Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam, chính là một trong những anh hùng dân tộc kiệt xuất đó. Cuộc hội thảo quốc tế về Hồ Chí Minh lần này được tổ chức long trọng, ngoài việc nhằm tỏ lòng tôn kính của chúng ta, chủ yếu còn nhằm tìm hiểu và nghiên cứu hơn nữa tư tưởng hết sức có giá trị của Người trong mọi lĩnh vực, qua đó làm giàu thêm kho báu của tư tưởng văn hoá loài người.

Hồ Chí Minh là cái tên tôn kính nhất, thân thiết nhất, đẹp đẽ nhất trong lòng nhân dân Việt Nam. Khi còn sống, tên của Người đã trở nên quen thuộc đối với nhân dân và các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Đặc biệt là ở Trung Quốc, già trẻ, gái trai cũng đều gọi Người là "Hồ Chủ tịch" và "Bác Hồ" một cách thân thiết như nhân dân Việt Nam. Nhân dân Trung Quốc ngưỡng mộ Người, mến yêu Người bởi vì Chủ tịch là người theo chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa quốc tế chân chính và vĩ đại, hiến dâng toàn bộ cuộc đời và sức lực cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội của nhân dân Việt Nam, cho sự nghiệp giải phóng, độc lập và tự do của các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

Bảy mươi chín năm về trước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết tâm tạm thời rời tổ quốc thân yêu, bôn ba khắp năm châu, bốn bể đi tìm chân lý cách mạng và con đường cứu nước, cứu dân. Hình bóng và dấu chân Người đã lưu lại từ châu Âu, châu Phi đến châu Á và châu Mỹ Latinh. Dù đi tới đâu, Người đều cùng chung sống với quần chúng lao khổ, nhóm lên đốm lửa cách mạng ở đó.

Ở Pháp, Người đã tham gia phong trào cộng sản và công nhân, tiếp thu học thuyết Mác - Lênin. Về sau, lại tham khảo và nghiên cứu kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Mười tại Liên Xô, đem ánh sáng về soi rọi con đường cách mạng Việt Nam. Theo tôi được biết nơi Người dừng lại lâu nhất trong thời gian hoạt động ở nước ngoài là Trung Quốc. Người có cảm tình đặc biệt nồng hậu với ông Tôn Trung Sơn - bậc tiền bối của cách mạng Trung Quốc - với các nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc và nhân dân Trung Quốc.

Tại diễn đàn này, với tư cách là một học giả Trung Quốc, tôi muốn nhìn lại những hoạt động cách mạng chủ yếu mà Hồ Chủ tịch đã tiến hành trên đất Trung Quốc.

Năm 1924, Người rời Liên Xô tới Quảng Châu, Trung Quốc. Tại đây, Người đã tiếp xúc với các nhà cách mạng Việt Nam, mở lớp huấn luyện chính trị, bồi dưỡng lớp cán bộ ưu tú như Lý Tự Trọng, chuẩn bị đầy đủ các mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức, tiến tới lập ra chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân Việt Nam. Mùa thu năm 1929, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Thái Lan tới Hương Cảng. Dưới sự chủ trì của Người, đại hội thành lập Đảng đã được triệu tập tại Cửu Long, Hương Cảng, thống nhất ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là kết quả phấn đấu trường kỳ gian khổ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, làm dấy lên cao trào cách mạng ở Việt Nam. Hoang mang lo sợ trước ảnh hưởng của cao trào cách mạng Việt Nam và hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Trung Quốc những năm 1930-1931, tháng 6-1931, đế quốc Anh đã bắt giam Người tại Hương Cảng. Trong tù, Người không mảy may lo lắng tới sự gian nguy của bản thân, ngày đêm dành tâm trí cho phong trào cách mạng trong nước. Sau khi ra tù, Người lại liên hệ với Đảng Cộng sản Trung Quốc, sau đó sang Liên Xô vào học tại Trường Đại học Lênin. Mùa đông năm 1938, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại trở về Trung Quốc, dừng chân ở Diên An và

Tây An một thời gian, sau đó xuống Quảng Tây, tìm cơ hội về nước hoạt động cách mạng. Thời gian ở Quảng Tây, Chủ tịch Hồ Chí Minh công tác tại trụ sở Bát lộ quân Trung Quốc, viết không ít bài tố cáo tội ác tàn bạo của phát-xít Nhật và ca ngợi tinh thần dũng cảm của chiến sĩ Hồng quân Trung Quốc.

Tháng 9-1939, đại chiến thế giới thứ hai bùng nổ, nhận thấy điều kiện cách mạng Việt Nam đã chín muồi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nắm lấy thời cơ tiến hành các công tác chuẩn bị. Sau 30 năm ở xa Tổ quốc, tháng 2-1941, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã về nước, trực tiếp lãnh đạo hoạt động cách mạng ở gần biên giới Trung - Việt. Tháng 5 năm đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8, quyết định thành lập, phát triển và tăng cường sự lãnh đạo đối với tổ chức vũ trang và bán vũ trang, chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang cướp chính quyền. Hồ Chủ tịch còn tự tay biên soạn một số tài liệu về chiến thuật du kích, giới thiệu phương pháp và kinh nghiệm đánh du kích của Trung Quốc. Ngoài ra, Người còn biên dịch các sách về binh pháp Tôn Tử và đạo dùng binh của Khổng Minh. Để liên hệ với các lực lượng chống Nhật của Việt Nam tại Trung Quốc, tháng 2-1942, Người lại lên đường đi Trung Quốc, không ngờ vừa qua biên giới đã bị chính quyền địa phương của Tưởng Giới Thạch bắt giữ, giam cầm hơn một năm trời. Trong thời gian này, Người đã trải qua cuộc sống đoạ đầy. Song gian khổ và dày vò không hề lung lạc được ý chí cách mạng gang thép của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong tù, Người đã viết tập thơ bất hủ *Nhật ký trong tù*. Ở *Nhật ký trong tù,* Người viết:

Kiên trì và nhẫn nại,
Không chịu lùi một phân,
Vật chất tuy đau khổ,
Không nao núng tinh thần.

Nhật ký trong tù thấm đầy tư tưởng, tình cảm cao thượng và tinh thần lạc quan cách mạng của một chiến sĩ cách mạng vĩ đại, là tài liệu hiếm có để giáo dục truyền thống, đạo đức và phẩm chất cách mạng cho thế hệ sau. Nhân dân Trung Quốc hết sức yêu thích tập thơ do Người viết bằng chữ Hán này. *Nhật ký trong tù* cũng được nhiều nước dịch ra tiếng nước mình và truyền tụng rộng rãi trong nhân dân.

Tháng 9-1943, sau khi được tự do, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại trở về Việt Nam, lãnh đạo cuộc đấu tranh của phong trào giải phóng dân tộc.

Năm 1945, Cách mạng Tháng Tám của Việt Nam thành công, ngày 2 tháng 9 năm đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập mang ý nghĩa lịch sử, do Người tự soạn thảo, tuyên bố sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Năm 1949, cách mạng Trung Quốc thắng lợi và nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa được thành lập đã giáng đòn nặng nề vào chủ nghĩa đế quốc, kết thúc tình thế bị bao vây của Việt Nam, tiến tới giành thắng lợi quyết định trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Sau khi nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa thành lập, Hồ Chủ tịch thường xuyên đi thăm Trung Quốc như đến với những người họ hàng, coi Trung Quốc là quê hương thứ hai của mình. Được sự giáo dục của Chủ tịch Mao Trạch Đông và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân hai nước Trung - Việt đã kết nên tình hữu nghị nồng hậu trong cuộc đấu tranh trường kỳ chống thực dân, chống đế quốc, mối tình đó được Hồ Chủ tịch ca ngợi "vừa là đồng chí, vừa là anh em". Tuân theo lời dạy của Chủ tịch Mao Trạch Đông, nhân dân Trung Quốc luôn luôn coi trọng tình hữu nghị nồng hậu này giữa nhân dân hai nước, kiên quyết ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc Việt Nam, tiến tới thực hiện sự nghiệp thống nhất Bắc Nam của Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là tinh hoa của dân tộc Việt Nam, là bạn chiến đấu thân thiết của nhân dân Trung Quốc. Khi tôi đặt bút viết bài tham luận này, tâm hồn xao xuyến, bâng khuâng. Cách tốt nhất để kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh là gì đây? Tôi cho rằng cách tốt nhất là học tập tinh thần cách mạng và phẩm chất đạo đức cao đẹp của Người.

Thứ nhất, học tập tinh thần phấn đấu không ngừng của Người cho sự nghiệp chính nghĩa. Suốt đời, Người đã đấu tranh chống lại sự xâm lược của nước ngoài, giành giải phóng dân tộc. Vì mục tiêu này, Người đi khắp bốn phương để tìm chân lý, tìm con đường cứu nước, cứu dân. Vì mục tiêu này, Người không quản ngại bất kỳ khó khăn trở ngại nào, dũng cảm tiến lên, biểu hiện khí tiết anh hùng cách mạng cao độ.

Thứ hai, học tập phẩm chất cao quý yêu mến nhân dân của Người. Người có tình cảm vô cùng nồng hậu đối với nhân dân Việt Nam đã nuôi dưỡng Người, đối với nhân dân lao động toàn thế giới, Người luôn luôn quan tâm tới lợi ích của nhân dân, nghĩ những điều dân nghĩ, lo những

điều dân lo, hiến dâng cả đời mình cho nhân dân, không hề quan tâm tới bản thân. Người cư xử nhiệt tình, khiêm tốn, gần gũi, bình dị, giữ mối liên hệ thân mật không cách bức với quần chúng. Quyết tâm và dũng khí đấu tranh của Người xuất phát từ tấm lòng yêu mến nhân dân, sức mạnh và uy tín to lớn của Người cũng bắt nguồn từ sự giúp đỡ và ủng hộ của nhân dân.

Thứ ba, học tập tinh thần "cần kiệm liêm chính" và "chí công vô tư" của Người. Suốt đời, Người luôn gìn giữ đạo đức cao đẹp "cần kiệm liêm chính" và "chí công vô tư", dùng 8 chữ đó để giáo dục cán bộ và nhân dân.

Thứ tư, học tập tác phong sinh hoạt cần cù và giản dị của Người. Trong suốt cuộc đời mình, Người làm việc cần cù, học tập không mệt mỏi, chiếc máy chữ nhỏ chính là trợ thủ trung thực của Người. Những việc có thể tự làm được, Người không để người khác giúp, vì thế số nhân viên công tác ở bên Người có thể đếm trên đầu ngón tay. Điều làm tôi đặc biệt cảm động là khi Người - một lãnh tụ của nhân dân, Chủ tịch nước cộng hoà - từ trần, trên người vẫn mặc bộ quần áo ka-ki bạc màu và một đôi "giày vải".

Chủ tịch Hồ Chí Minh xứng đáng là vị anh hùng dân tộc vĩ đại, là nhà cách mạng vô sản kiệt xuất của Việt Nam. Tuy Người đã đi xa, vĩnh biệt chúng ta đã 21 năm, song tinh thần của Người bất tử. Người mãi mãi sống trong lòng nhân dân Việt Nam, trong lòng nhân dân Trung Quốc, trong lòng nhân dân thế giới.

HÃY HỌC Ở HỒ CHÍ MINH NHỮNG PHẨM CHẤT ĐÃ THỂ HIỆN TRONG SUỐT CUỘC ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG LÂU DÀI CỦA NGƯỜI *

A-LAN A-XBON (ALLAN ASBOLT)
Nhà văn Úc

Một trong những nét nổi bật về cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh là Người đã sống nhiều năm ở nước ngoài - ở châu Âu, Anh, Liên Xô, Mỹ và Trung Quốc. Người đã từng là công nhân trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, nhưng ở Mát-xcơ-va và trong các đảng xã hội ở châu Âu, Người được thừa nhận là một vị lãnh tụ cách mạng quan trọng trong cuộc đấu tranh chống thực dân. Đương nhiên, Người không quan niệm mình là trên hết, nên phẩm chất lãnh đạo của Người được phát huy không chỉ do am hiểu lý luận xã hội chủ nghĩa mà còn do bản chất khiêm tốn, giản dị và cởi mở. Nói rõ hơn, Người không bao giờ có tham vọng cá nhân, phù phiếm; Người không cố công để trở thành một nhân vật xuất chúng, theo ngôn ngữ của các xã hội tư bản. Những năm tháng sống ở nước ngoài, Người dành thời gian chủ yếu cho việc nghiên cứu và học hỏi, nghiên cứu chủ nghĩa tư bản trong thực tế có phần dựa vào kinh nghiệm hằng ngày của bản thân trong giai cấp công nhân; và đặc biệt sau Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại năm 1917, nghiên cứu chủ nghĩa xã hội đang dần dần từ lý luận biến thành hiện thực trên toàn Liên Xô. Những năm tháng sống ở nước ngoài, Người vẫn luôn luôn suy nghĩ làm thế nào để giải phóng nhân dân nước mình khỏi ách đô hộ và bóc lột thực dân. Người cũng nhận thức sâu sắc rằng cần phải kết hợp sức chiến đấu của ý thức dân tộc Việt Nam đang trỗi dậy với những mục tiêu đồng cảm về cơ bản là hoà bình và nhân đạo của chủ nghĩa xã hội. Trong gần ba thập kỷ, Người đã sống và làm việc ở nước ngoài nhưng về ý thức, Người không hề xa Tổ quốc.

---

* Đầu đề do chúng tôi đặt (BBT).

Tương lai của Việt Nam và nhân dân Việt Nam là cơ sở tư tưởng của Người về hầu hết các vấn đề lý luận và chiến lược; phấn đấu cho nền độc lập và tự do của Việt Nam là cơ sở để Người vươn lên về trí tuệ và chính trị.

... Tháng 1-1967, khi hành động bạo lực của Mỹ chống Việt Nam lên đến mức ác liệt nhất, nhiều tác giả bảo thủ nổi tiếng ở Anh đã gửi thư cho tờ *Thời báo* (Times) lên án các cuộc biểu tình phản đối chiến tranh và tự cho mình là "tiếng nói của lý trí". Những người đó viết: "Khi tất cả các vấn đề ít quan trọng được giải quyết, chúng ta đứng ở phía nào?". Tất nhiên câu trả lời của họ là phía Mỹ. Nhưng như hồi đó tôi đã phát biểu, việc giết và làm bị thương một triệu, một nửa triệu hay một phần tư triệu trẻ em Việt Nam phải chăng là một "vấn đề ít quan trọng"? Phải chăng lý trí phương Tây, triết học phương Tây, văn minh phương Tây, đạo đức phương Tây của chúng ta thường được khoe khoang nhiều đã đưa con người phương Tây của chúng ta tới chỗ coi việc thiêu sống trẻ em bằng bom na-pan và bom phốt-pho là một vấn đề ít quan trọng, một vấn đề không đáng quan tâm?

Dù thế nào thì cuộc chiến tranh ở Việt Nam không phải bắt đầu trong những năm 60 của thế kỷ này như báo chí, đài phát thanh, vô tuyến truyền hình phương Tây giới thiệu. Nó bắt đầu từ năm 1858, khi lần đầu tiên thực dân Pháp xâm nhập cơ cấu xã hội Đông Dương. Chiến tranh không phải đã diễn ra 10 năm như nhiều người phương Tây tưởng; nó đã diễn ra trong 117 năm. Trước hết, đó không phải là cuộc chiến tranh do người An Nam gây ra mà là do sự ngạo mạn của phương Tây, sự xâm lược của phương Tây, sự tàn bạo của phương Tây, sự lừa bịp của phương Tây và lòng tham của phương Tây. Đối với nhân dân Việt Nam, cuộc chiến tranh đó đã trở thành nhiều cuộc chiến tranh chống lại sự chiếm đóng và nô dịch của Pháp, sự xâm lược của Nhật Bản với sự cộng tác của chính phủ Vi-si (Vichy), sự trở lại chiếm đóng của Pháp và cuối cùng là sự xâm lược của Mỹ và chư hầu. Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhân vật chủ chốt, nhân vật lãnh đạo trong cuộc đấu tranh lâu dài này. Nói như vậy không phải là làm giảm những nỗ lực anh hùng của những người khác, hoặc của toàn thể nhân dân Việt Nam. Nhưng ngay ở phương Tây, Hồ Chủ tịch cũng được thừa nhận là người có sức mạnh tập hợp trong cuộc kháng chiến và cách mạng của Việt Nam.

Tôi xin trích lời một nhà bình luận phương Tây, một người chống cộng cứng rắn ở Úc tên là Đơ-nít Oác-nơ (Denis Warner). Trong cuốn sách của mình *"Người theo đạo Khổng cuối cùng"* ông ta có nói rằng Hồ Chủ tịch luôn luôn có mặt khi mọi người cần tới mình. Oác-nơ viết: "Vừa mới tập hợp những người cộng sản lại với nhau năm 1930, thì khi cuộc chiến tranh Thái Bình Dương mới nổ ra, cụ Hồ lại đã sẵn sàng bắt tay vào việc tập hợp những người theo chủ nghĩa dân tộc và những người cộng sản vào một mặt trận thống nhất mới rộng rãi hơn. Tại một hội nghị ở Tĩnh Tây, Nam Trung Quốc, gần biên giới Đông Dương, vào mùa xuân 1941, những người Đông Dương dưới sự dẫn dắt rất lôi cuốn của cụ Hồ đã thống nhất lập một mặt trận chung và tổ chức "Việt Minh" đã được thành lập". Tôi đã trích dẫn lời một nhà bình luận, mà tôi bất đồng ý kiến về hầu hết các vấn đề chính trị chỉ vì một câu nói lên nhiều ý - đó là "sự dẫn dắt rất lôi cuốn của cụ Hồ". Tôi không thể nghĩ đến một lãnh tụ dân tộc nào khác lại có thể khiến một người ở phe thù ca ngợi như vậy.

Sự thống trị thuộc địa ở Việt Nam lẽ ra phải chấm dứt vào năm 1945 với Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh như các bạn đã biết, đó là một bản tuyên bố, trên thực tế, chứa đựng những từ ngữ của bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của Mỹ. Trong 3 năm rưỡi, Việt Minh đã chiến đấu chống quân Nhật mà không hề được bên ngoài giúp đỡ. Nhưng các cường quốc đế quốc không hề biết ơn về điều này. Quân Anh chiếm Sài Gòn, tái vũ trang quân Nhật đã bị đánh bại và bằng cách hèn hạ đó, muốn tái lập quyền lực đế quốc. Dĩ nhiên, hành động này biểu lộ việc bắt đầu chia cắt bất hợp pháp Việt Nam thành miền Nam và miền Bắc. Tháng 11-1946, quân Pháp trở lại, đưa 4 tàu chiến đến gần cảng Hải Phòng và giết hại 6.000 người Việt Nam trong một trận bắn phá buổi chiều. Pháp đã khẳng định lại chiến lược đế quốc như nhà chính trị người Anh, ông Pan-mốc-xtơn (Palmerston), đã vạch ra vào thời kỳ gọi là "Chiến tranh thuốc phiện" ở Trung Quốc. Ông ta nói: "Chúng ta phải đánh một đòn khác ở Trung Quốc". "Các chính phủ văn minh nửa mùa này không những chỉ phải nhìn thấy cái gậy mà còn phải cảm thấy cái gậy ở trên vai họ".

Trước năm 1942, Pháp thống trị gián tiếp thông qua bọn quan lại và đến lúc đó lại cố gắng làm như vậy, trong khi Hồ Chí Minh đang phục hồi phong trào dân tộc và đặc biệt là Việt Minh, giống như năm 1930 và 1941, "sự dẫn dắt rất lôi cuốn" - nếu tôi có thể dùng lại những từ đó - lại có tính chất quyết định cho thắng lợi cuối cùng. Một giai đoạn quan trọng

của cuộc đấu tranh giành độc lập thực sự đã kết thúc với thất bại to lớn của Pháp ở Điện Biên Phủ năm 1954, nhưng bộ máy kiểm soát của bọn quan lại ở thành thị vẫn hoạt động trong chừng mực nào đó ở miền Nam. Bộ máy này - tuy đã thối rữa nhưng vẫn tồn tại - đã bị Mỹ nắm lấy để thống trị miền Nam. Sự đồng loã của các cường quốc đế quốc đã rõ ràng. Từ năm 1945, Mỹ đã nhúng tay vào nhiều hoạt động ở Việt Nam, khuyến khích các hoạt động quân sự của Pháp bằng cách viện trợ tới 800 triệu đô la một năm. Tháng 12-1954, trách nhiệm tổ chức và huấn luyện quân đội Sài Gòn được chuyển giao từ Bộ chỉ huy Pháp sang cho phái đoàn quân sự Mỹ, bằng một hiệp định bí mật, rõ ràng là vi phạm Hiệp định Giơ-ne-vơ. Sau đó, Mỹ bắt tay vào hiện đại hoá chế độ Bảo Đại - tức là tạo nên một kiểu đế quốc chủ nghĩa do các tỉnh trưởng và lính đánh thuê Việt Nam điều hành. Tổng thống Mỹ Ai-xen-hao đã nói một cách đặc biệt thẳng thắn về các lợi ích kinh tế của Mỹ ở Đông Dương: đối với ông ta, các nguồn thiếc, cao su, lúa gạo, khô dừa, tung-xten và dầu lửa của toàn vùng Đông Nam Á đang bị đe doạ. Trong đầu óc của giới thống trị ở Mỹ, các lợi ích vật chất của Mỹ là tối cao; và trên cùng tận của sự thôi thúc về lợi ích vật chất cơ bản này là một hệ tư tưởng phù hợp. Cần phải có một cuộc chiến tranh thần thánh chống chủ nghĩa cộng sản, nguỵ trang cho điều chủ yếu là một cuộc chiến tranh nhằm theo đuổi lợi ích vật chất và quyền lực. Hệ tư tưởng này thừa nhận cái gọi là "nền độc lập" của miền Nam, thách thức công khai những điều đã được ghi trong Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Năm 1961, tôi cùng dự một cuộc họp với Cơ-rít-xna Mơ-nông (Krishna Menon), một chính khách lớn Ấn Độ và ông ta nói: "Tôi biết các nguyên tắc của Hiệp định vì tôi có mặt ở đó". Rồi ông ta tiếp tục: "Về vấn đề Việt Nam dựa trên nguyên tắc chỉ có một Việt Nam... Vĩ tuyến 17 là ranh giới ngừng bắn, không có gì khác... ranh giới này - sông Bến Hải - không phải là sự phân chia giữa hai nước. Và đó không chỉ là ý kiến của tôi mà đã được ghi trong Hiệp định". Mỹ vẫn tiếp tục giả bộ cho rằng có hai nước ở Việt Nam và tin chắc rằng tuyển cử tự do hứa hẹn trong Hiệp định sẽ không bao giờ diễn ra. Vì sao? Vì các cấp chính quyền khác nhau ở Oa-sinh-tơn tin rằng Hồ Chí Minh sẽ thắng trong cuộc tuyển cử tự do. Theo quan điểm của Mỹ, họ thừa nhận rằng vấn đề là ở chỗ Hồ Chí Minh thu hút được sự mến mộ to lớn của nhân dân trên khắp nước Việt Nam.

Các nhà ngoại giao và nhà báo phương Tây đều bối rối vì Người không giống như hình ảnh đã được tiêu chuẩn hoá ở phương Tây về một nhà cách mạng hung hăng, mị dân và giống như người lính. Người dịch thơ từ tiếng Trung Quốc, và bản thân Người cũng là một nhà thơ lớn. Người sống giản dị không giả dối, không xa hoa. Người hoạt động tự do giữa lòng nhân dân. Người đã hoạt động rất nhiều năm ở phương Tây, là nơi mà Người đã hiểu được rất sâu sắc nền văn hoá và lối tư duy. Thậm chí đối với những người phương Tây hiểu biết rộng, sự giản dị và nhã nhặn, lịch sự của Người dường như khó có thể hoà hợp được với quyết tâm và sự kiên định chính trị của Người. Người không cư xử như một người cầm quyền, nhưng theo một ý nghĩa quan trọng, Người rõ ràng thu phục được trái tim và khối óc của nhân dân Việt Nam. Khó khăn của người phương Tây trong việc cố gắng hiểu được điều này là ở phương Tây, các tổng thống, thủ tướng, vua chúa và tướng lĩnh gần như luôn luôn làm ra vẻ và hoạt động như là những kẻ thống trị, bao quanh họ bằng những phù hoa và nghi lễ, truyền đạt qua giọng nói, cử chỉ, lời lẽ một thái độ chỉ huy... Hồ Chủ tịch là nhà lãnh đạo khác hẳn. Người luôn luôn gắn bó với nhân dân mình, rút ra bài học từ những nỗi thống khổ của nhân dân, khâm phục lòng can đảm và ý chí quyết tâm của nhân dân.

Âm mưu chia cắt Việt Nam của Mỹ bị thất bại. Năm 1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng được thành lập ở miền Nam và tới năm 1963 bộ máy được gọi là "kiểm soát kiểu quan lại" đã gần sụp đổ. Hệ thống cố vấn quân sự của Mỹ chấm dứt và đến năm 1965 toàn bộ quân đội Mỹ đã được đưa vào trận với danh nghĩa là để bảo vệ một dân tộc không tồn tại trên thực tế và được gọi là Nam Việt Nam. Nhưng mục đích thực thì lại khác. Một cuộc tiến công vũ trang trên quy mô lớn đã được phát động chống lại Việt Nam. Vào lúc này, có một sự chia rẽ rõ ràng trong dư luận phương Tây, Việt Nam, đất nước mà các nước phương Tây đã cố gắng dùng những thoả thuận và cấu kết để chia cắt một cách bất hợp pháp, thì nay lại chia rẽ chính các nước phương Tây và sự chia rẽ đó xảy ra trong chính các nước đó nhiều hơn là giữa các nước đó với nhau. Trong khi nhân dân Việt Nam ngày càng thống nhất và quyết tâm hơn, nhân dân các nước đế quốc và chư hầu như Úc lại càng ngày càng mất đoàn kết và thiếu kiên quyết. Ở phần lớn các nước phương Tây, đã diễn ra một sự chấn động xã hội là kết quả của sự thách thức trực tiếp những giá trị của sự bá chủ của các thế lực quân sự tư bản chủ nghĩa. Đầu năm 1960, Tổng thống Mỹ

Giôn-xơn (Johnson) tuyên bố ông ta sẽ không tái tranh cử và điều đó là dấu hiệu cho thấy sự đầu hàng của ông ta trước những sức ép của dư luận và cũng cho thấy ông ta nhận ra rằng không bao giờ người Việt Nam có thể bị đánh bại. Phải mất 7 năm nữa để buộc Mỹ rút lui hoàn toàn, nhưng chiến thắng của Việt Nam trong cuộc chiến tranh về cơ bản đã rõ từ cuộc tiến công Tết năm 1968.

Tới lúc này, Hồ Chí Minh đã ở vào giai đoạn cuối cuộc đời của mình. Trong gần 80 năm, bắt đầu từ những kinh nghiệm của Người trong phong trào yêu nước, Người đã phấn đấu để xây dựng một xã hội dựa trên tự do, tự quyết, bình đẳng và công bằng về kinh tế. Người cộng sản xuất sắc của Ý An-tô-ni-ô Gơ-ram-xi (Antonio Gramsi), đã từng nói rằng trong cuộc đấu tranh vì một xã hội xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải sẵn sàng tuân theo câu châm ngôn là: "Sự bi quan của trí tuệ là sự lạc quan của ý chí". Trong phần cuối của cuộc đời mình, Gơ-ram-xi đã bị giam cầm trong một nhà tù của phát-xít Mút-xô-li-ni (Mussolini). Theo tôi nghĩ, điều ông muốn nói bằng câu châm ngôn này là trong khi sự bi quan của trí tuệ có giá trị trong việc đánh giá thực tế xã hội (trong trường hợp của Gơ-ram-xi) đó là chủ nghĩa phát xít, thì sự lạc quan của ý chí là hoàn toàn cần thiết trong việc xây dựng một thực tại xã hội mới. Hai cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm đã diễn ra ở Cu-ba và Việt Nam, nơi mà sự lạc quan của ý chí đã chiến thắng những khó khăn to lớn. Ở Việt Nam, điều tưởng như không thể có được cũng đã xảy ra với việc một đội quân nông dân đã đánh bại một trong những bộ máy chiến tranh hùng mạnh nhất về mặt kỹ thuật. Mặc dù Hồ Chí Minh không còn sống đến ngày thắng lợi, xét về mặt lịch sử, Người là kiến trúc sư của thắng lợi đó.

Chúng ta đang sống trong một thời đại có nhiều thay đổi và phức tạp. Như Phạm Văn Đồng đã nói, chủ nghĩa xã hội "không phải là một khuôn mẫu, một kiểu mẫu cứng nhắc mà là một chế độ xã hội tiến bộ thừa hưởng tất cả những thành tựu của loài người". Nói một cách khác, ông cho rằng khả năng thay đổi và điều chỉnh là thuộc về bản chất tiến bộ của chủ nghĩa xã hội. Xã hội xã hội chủ nghĩa không bao giờ được dừng lại ở tình trạng cố định bất di bất dịch. Xã hội đó phải luôn có khả năng đổi mới cả về lý luận lẫn thực tiễn. Đa số dư luận ở phương Tây cho rằng chủ nghĩa xã hội đang bị khủng hoảng. Có thể là như vậy, nhưng đừng bao giờ quên rằng chủ nghĩa tư bản đã hoạt động trong khủng hoảng hơn 500 năm, khủng hoảng là căn bệnh kinh niên của chủ nghĩa tư bản.

Đây không phải là lúc nói về sự bi quan của trí tuệ. Đây là lúc nói về sự lạc quan của ý chí. Nếu chúng ta muốn đối phó một cách hợp lý và mạnh mẽ với những vấn đề mà chủ nghĩa xã hội đang gặp phải, chúng ta phải học ở Hồ Chí Minh bằng cách phát triển những phẩm chất đã thể hiện trong suốt cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài của Người: kiên nhẫn và vững vàng theo đuổi mục đích và bình tĩnh trong những lúc khó khăn; linh hoạt về tư duy và chính trị khi xây dựng khối đoàn kết xã hội chủ nghĩa; khiêm tốn và gần gũi với nhân dân, nhất là với công nhân và nông dân; có sự đồng cảm để đạt tới sự hoà giải dân tộc; có tinh thần quốc tế mạnh mẽ; sự sáng tạo và nhạy bén về văn hoá, một sự hiểu biết có phân tích về lịch sử, đặc biệt là về cách thức mà những biến đổi lịch sử đã diễn ra; và phẩm chất mà Hồ Chí Minh có một cách dồi dào - đó là sự lạc quan của ý chí.

HỒ CHÍ MINH

PI-NÔ TA-GƠ-LI-A-DÚC-CHI PÊ-RU-GIA
(PINO TAGLIAZUCCHI PERUGIA)
Nhà Sử học I-ta-li-a

1. Ngày 6-6-1941, Hồ Chí Minh gửi đến nhân dân Việt Nam bức "Thư từ nước ngoài" nổi tiếng. Về nhiều mặt, đó là một văn kiện lạ thường. Người ta nhận thấy có những từ ngữ như "giải phóng dân tộc", "đồng bào", "thống nhất hành động"; và cuối cùng là lời kêu gọi cách mạng Việt Nam sẽ thành công! Cách mạng thế giới sẽ thành công! Lời kêu gọi này dường như không khớp với phần đầu bức thư: "Hỡi các hiền nhân, chí sĩ". Thế nhưng, theo tôi, hình như truyền thống không biết đến từ "dân tộc" và chắc chắn là không biết đến từ "cách mạng". Một mặt khác, chắc chắn là Hồ Chí Minh không bị thúc đẩy bởi những công thức giáo điều. Người tin rằng mọi người hiểu và chấp nhận nội dung lời kêu gọi. Do đó, phải nghĩ rằng lời kêu gọi đó không phải là một sự trở lại kiểu cách truyền thống, như đôi khi người ta thường hiểu, mà đúng hơn, đó là một sự tổng hợp tiêu biểu con đường chính trị và tư tưởng lâu dài mà cả một dân tộc đã trải qua gần 80 năm trong cuộc đấu tranh chống thực dân, mà cũng là, và có thể còn hơn thế, một sự vượt qua những giáo điều của phong kiến để tiến vào thời hiện đại.

Tôi tin rằng sự tiến triển đầy sóng gió, nhưng cũng cực kỳ nhanh chóng và hoàn bị đó đúng là thực chất của quá trình cách mạng Việt Nam. Từ quá trình đó, Hồ Chí Minh là người đại diện cao nhất, kiên trì nhất, sáng suốt nhất và chỉ có trong quá trình đó, Hồ Chí Minh mới thể hiện đầy đủ tầm cỡ của mình.

Tất cả những ai đã may mắn được gặp Hồ Chí Minh đều ngạc nhiên về sự giản dị của Người, ngay cả những người không có được may mắn đó và chỉ biết Người qua những bài viết và những sự kiện trong cuộc đời của Người cũng có ấn tượng sâu sắc là ở Hồ Chí Minh, nhà cách mạng và con người không tách rời nhau.

Có lẽ vì thế mà ở Hồ Chí Minh, lý luận không bao giờ trừu tượng, nó luôn luôn là một cách nhìn sâu sắc và cụ thể những con người và những vấn đề. Là một nhà chính trị có tầm cỡ, Người có khả năng phân biệt được cái gì có tính chất sống còn bắt buộc phải chiến đấu và cái gì có thể đàm phán, dù là đau đớn; điều đó đã tạo thành năng lực đứng vững trên đường lối chiến lược, đồng thời vận động giữa những sự cản trở cực kỳ to lớn.

Nhưng, muốn thực hiện được như câu ca Việt Nam nổi tiếng "chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo" thì không những chỉ cần có một cách nhìn thật sự biện chứng các tình huống, mà còn phải có một sự đồng cảm sâu sắc với những đòi hỏi, khả năng, thậm chí những mâu thuẫn của chính nhân dân của Người.

Người ta không thể cho rằng có thể nói về cách mạng Việt Nam bằng cách chỉ đọc Hồ Chí Minh; trái lại, còn phải hiểu biết cặn kẽ cuộc cách mạng đó mới hiểu được tầm vóc nhân vật lỗi lạc nhất của cuộc cách mạng đó.

Đó là những lý do khiến tôi muốn đóng góp vào việc tôn kính sự tưởng niệm nhà cách mạng vĩ đại Hồ Chí Minh và chắc chắn Người là một trong những người hiếm có của thời đại chúng ta, mà người ta có thể nói rằng: không có Người, lịch sử có thể đã đi theo một con đường khác; lịch sử đã đặt Người vào đúng chỗ của mình, trong quá trình đó, Người là nhân vật sáng tạo quyết định.

2. Ngày 5-7-1885, khi quan đại thần Tôn Thất Thuyết rời Huế cùng với xa giá Hàm Nghi và cả triều đình trong sự cố gắng đưa đất nước vào cuộc chiến đấu chống thực dân xâm chiếm thì trong hệ thống của triều đại (phong kiến) đã xảy ra một sự rạn nứt không thể nào sửa chữa nổi và không có gì là độc đoán để xem ngày đó như bước khởi đầu của một sự tiến triển chính trị và tư tưởng lâu dài.

Hệ thống triều đại (phong kiến) đã bị mục ruỗng từ lâu và ở đây không cần giải thích tại sao lại như thế.

"Vua không biết tý gì về dân. Quan cũng thế. Dân chỉ biết đến dân, họ coi thường vua, quan". Những điều mà Phan Bội Châu viết vào năm 1906 cũng có thể áp dụng cho thế kỷ trước.

Trong tác phẩm "An Nam Bắc Kỳ 1885-1896", Sác-lơ Phuốc-ni-ô đã cung cấp cho chúng ta bản dịch bài chiếu của Hàm Nghi trong đó nói:

"Trong những điều kiện đó, lợi ích của vua là lợi ích của dân. Những ban thưởng của trẫm sẽ rộng rãi cũng như những sự trừng phạt của trẫm sẽ rất nặng nề. Triều đình sẽ ban hành những biện pháp cần thiết, do đó các người đừng tự đặt mình vào một tình thế sau này phải hối hận. Hãy tuân lệnh trẫm, Khâm thử".

Như vậy là nhà vua tự đặt mình vào trong nhân dân theo một truyền thống xa xưa từ thời đại Trần Hưng Đạo và Nguyễn Trãi, nhưng chiếu của nhà vua chỉ nhằm vào bộ máy của nhà nước, các quan lại và sĩ phu, nhân dân chỉ được xem như một thực thể phụ thuộc.

... Các quan lại đã chọn con đường chiến đấu, phải thực hiện điều đó nhân danh một nền quân chủ trên thực tế không còn có sự hiện thân của nhà vua, đặc biệt là sau khi Hàm Nghi bị bắt.

Xét đến cùng, trong phong trào Cần Vương đã thể hiện một cách anh hùng một hệ tư tưởng đã bị thực tế vượt qua, nhưng trong nhận thức thì chưa phải như vậy. Đó là hệ tư tưởng của tầng lớp lãnh đạo cuộc kháng chiến, nhưng đó có còn là hệ tư tưởng của quần chúng hay không? Người ta có thể nghi ngờ điều đó. Khổng giáo vẫn là văn hoá thống trị, nhưng chắc chắn rằng từ lâu nó đã không còn là chất xi măng của xã hội và cơ sở của nhà nước.

Nhưng, như vậy thì cái gì đã làm cho cuộc kháng chiến của nhân dân rộng khắp và dai dẳng như vậy? Cuộc kháng chiến của nhân dân chắc chắn là bắt nguồn từ truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm và nhắc đến những chiến thắng lớn của quá khứ khi "đại nghĩa thắng hung tàn" như một câu thơ của Nguyễn Trãi đã miêu tả. Nhưng người ta phải tự hỏi phải chăng sự thống nhất về hình thể và văn hoá đó đã từng là chỗ dựa cho các cuộc chiến đấu trong quá khứ nay đã yếu đi (và tại sao lại như thế?), và cũng chắc chắn rằng mối quan hệ giữa vua và nhân dân (không phải lúc nào cũng theo Khổng giáo) cũng không còn như trước. Cuộc kháng chiến lớn đầu tiên chống thực dân xâm lược thất bại do nó còn ở trong một khuôn khổ chính trị và tư tưởng lỗi thời và đang khủng hoảng.

... Những quan lại và sĩ phu lãnh đạo Cần Vương (cũng như những người chống lại Cần Vương) vẫn quan niệm về cuộc xâm chiếm của thực dân như là sự diễn lại các cuộc xâm lược trong những thế kỷ trước đây, và họ đối phó bằng những sự phản ứng như trước đây. Cuộc xâm lược chỉ có

thể kéo dài một hoặc hai thế hệ; tất nhiên nó làm cho Việt Nam tạm thời mất chủ quyền chính trị, nhưng không nhất thiết là mất di sản hệ tư tưởng và văn hoá. Do vậy, duy trì di sản đó là điều cơ bản; còn làm thế nào để đạt được điều đó, thì người ta có thể chọn hoặc là điều đình để chờ đợi, hoặc là rút lui khỏi đời sống công cộng, hoặc là vũ trang kháng chiến. Chỉ có đến thế hệ sau mới nhận thức được những tính chất hoàn toàn mới của sự thống trị thuộc địa, sự thống trị này không phải là đến từ một thế giới thuần nhất về mặt văn hoá như trong quá khứ mà từ một thế giới khác và đe doạ ngay cả bản sắc của dân tộc Việt Nam.

Chỉ lúc đó nguy cơ mất nước mới đòi hỏi phải thanh toán giai cấp lãnh đạo cũ với các vốn hệ tư tưởng của nó và đòi hỏi phải làm cho cuộc đấu tranh tiến triển về mặt tư tưởng.

Khi giai đoạn cuối của Cần Vương kết thúc với cái chết của Phan Đình Phùng và tính chất lâu dài, nguy hại của công cuộc thực dân hoá đã trở thành hiển nhiên thì rõ ràng là không còn đất cho một chính sách tuỳ thời, bởi vì sự biện minh cao nhất của nó là một triều đại tự trị với bộ máy quyền lực của riêng nó tiếp tục tồn tại không còn đứng vững nữa. Chỉ còn lại một sự cộng tác lấy nó làm mục đích tự thân. Nhưng nó lại tỏ ra trái ngược với những nguyên nhân tồn tại của một giai cấp vẫn tự xem mình là rường cột tinh thần của xã hội và xây dựng tính hợp pháp chính đáng của nó trên cơ sở Khổng giáo.

... Trận đánh cuối cùng đã đạt được hai kết quả: một là phá huỷ trong nhận thức của nhân dân sự kính trọng triều đại và giới quan lại; hai là, nêu một tấm gương không thể nào quên về lòng tự hào và sự kế thừa cho các thế hệ tương lai.

3. Phong trào Cần Vương chống thực dân, nhưng không chống triều đại, lại càng ít chống Khổng giáo hơn.

Vấn đề đặt ra ở đầu thế kỷ là bản thân tính chất của nền độc lập, và những con đường phải theo để đạt được mục tiêu.

Thế hệ những đầu óc biết suy nghĩ xuất hiện trên vũ đài chính trị gồm những người trạc tuổi 30, đã theo học những kinh sách cổ điển thuộc những gia đình quan lại hoặc phong lưu: một số trong những người đó đã tham gia Cần Vương và tất cả, bằng cách này hay cách khác, đều cắt đứt với giới quan lại và công khai thách thức về hệ tư tưởng.

Chính là với những người đó, bắt đầu cái mà tôi gọi là "giai đoạn thứ hai" cuộc chiến đấu chống thực dân; một thời kỳ còn là quá độ giữa cái cũ và cái mới, nhưng cũng rất phong phú về tư tưởng, về các sự mưu tính, các khuynh hướng khác nhau, các sự thay đổi trong cơ cấu xã hội.

Có hai người đã thu tóm trong bản thân mình sức sống, những giới hạn và cả những điều mơ hồ không muốn có của giai đoạn. Đó là Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh.

Đối với cả hai ông, độc lập là mục tiêu rõ ràng và không có thoả hiệp, điều làm cho họ khác nhau là con đường để đi tới độc lập. "Con đường" đó bao gồm hai vấn đề quyết định: một là bản chất thể chế của độc lập; hai là bối cảnh quốc tế, dựa trên đó để đi tới độc lập và củng cố đất nước. Những phương pháp đấu tranh bắt nguồn từ đó.

... Phan Chu Trinh bác bỏ tức khắc giới quan lại và nền quân chủ mà ông cho rằng không những là đồng phạm với thực dân mà còn là những người phải chịu trách nhiệm vì đã để mất nước. Chỉ có một sự đổi mới sâu sắc cơ cấu chính trị và văn hoá dân tộc mới có thể đưa đất nước ra khỏi tình trạng lạc hậu và từ đó tạo ra những điều kiện cần thiết để khắc phục sự lệ thuộc thuộc địa. Vấn đề chính là sự thua kém về công nghệ và văn hoá của Việt Nam, những giá trị đã lỗi thời, giới trí thức phân hoá, nhân dân thất vọng. Trong những điều kiện đó, tìm kiếm độc lập bằng con đường khởi nghĩa là ảo tưởng, tệ hơn thế, còn là tai hoạ bởi vì trong điều kiện tốt nhất thì cũng chỉ có thể đưa đến một nền độc lập trong sự lạc hậu và ngu dân. Tốt hơn là nên có một quá trình hiện đại hoá cuối cùng dẫn tới độc lập; vậy thì tốt hơn là có một mối quan hệ có phẩm giá với nền văn hoá lớn của Pháp, nền văn hoá đó có thể ủng hộ và hướng dẫn cho quá trình hiện đại hoá.

... Hoạt động và tư tưởng của Phan Bội Châu trái hẳn lại. Phan Bội Châu bác bỏ từ đầu đến cuối những tiền đề và lôgích của Phan Chu Trinh. Trong hồi ký của mình, ông nhắc lại cuộc tranh luận về sự trái ngược đó ở Nhật Bản.

"Trong hơn mười ngày, chúng tôi không ngừng tranh luận về những vấn đề đó, nhưng quan điểm của chúng tôi không thể hoà hợp được với nhau". Mặc dầu chúng tôi cùng một mục đích, nhưng phương pháp hành động của chúng tôi khác nhau rất xa. Trong khi ông ta chủ trương dựa

vào nước Pháp để đánh đổ vua, thì tôi cho rằng trước hết phải đánh đổ người ngoại quốc để khôi phục đất nước".

... Phan Chu Trinh gạt bỏ truyền thống với nguồn gốc châu Á của nó và hướng về nước Pháp với sự tiến bộ của nó, còn Phan Bội Châu thì không chấp nhận nước Pháp với chủ nghĩa thực dân của nó và tìm kiếm ở châu Á đang chuyển động những sự ủng hộ và bối cảnh cho cuộc đấu tranh giành độc lập.

Đó là một cuộc xung đột nội bộ của cả một thế hệ.

Hội Duy Tân và Đông Kinh Nghĩa Thục tiêu biểu cho hai dòng tư tưởng. Trong dòng thứ nhất là Hội Duy Tân mang tư tưởng khởi nghĩa. Người ta phải phân biệt hoạt động của nhóm cải cách và hợp pháp gọi là minh xã với nhóm chủ trương hoạt động khởi nghĩa (và bất hợp pháp) gọi là ám xã. Trong những công ty thương mại mà các sĩ phu cải cách thành lập (nhằm tài trợ cho hoạt động khởi nghĩa), người ta nói đến đấu tranh vũ trang. Còn trong dòng thứ hai là Đông Kinh Nghĩa Thục, đồng thời với việc quan tâm đến các "tân học sách", người ta cũng đọc ngấu nghiến các lời kêu gọi của Phan Bội Châu, người ta lao vào văn hoá hiện đại và náo nức trở lại những kỷ niệm về các cuộc đấu tranh của quá khứ.

Tuy nhiên, tất cả những cái đó đều nhằm quét sạch những ảnh hưởng cuối cùng và dai dẳng của trật tự truyền thống.

... Đông Kinh Nghĩa Thục chỉ tồn tại vẻn vẹn được mười tháng. Nhưng trong khoảng thời gian ngắn ngủi đó, nó đã có một vai trò lịch sử. Có thể nói như vậy mà không sợ là thổi phồng quá đáng vì nó đã làm mất tính thiêng liêng của truyền thống Khổng giáo, thừa nhận giá trị của kỹ thuật và khoa học phương Tây, phá vỡ sự ngăn cách giữa Việt Nam và phương Tây và coi trọng việc nghiên cứu văn hoá châu Âu.

Nhưng vẫn còn một tình trạng không rõ ràng và một giới hạn. Tình trạng không rõ ràng thể hiện ở chỗ không có sự phân biệt giữa sự hợp tác vì những cải cách cơ bản và hợp tác kiểu mới, sự hợp tác này không còn là của giới quan lại mà là của giai cấp tư sản có nguyện vọng hiện đại hoá và thực hiện nó bằng cách Pháp hoá.

... Giới hạn, theo tôi là ở chỗ giai đoạn quá độ đó đã hoàn toàn diễn ra trong nội bộ một giai cấp đang tách thành hai tầng lớp, tầng lớp sĩ phu và

tầng lớp tư sản mới. Hai tầng lớp này vận động theo hai lôgích và hai vận mệnh khác nhau. Vào thời đại đó, vấn đề chưa thật rõ ràng và nếu chính sách thuộc địa của Pháp theo gương người Anh, để cho giai cấp tư sản bản xứ một khoảng không gian phát triển thì những người cải cách sẽ có thể là những người phát ngôn đích thực của giai cấp đó. Trái lại, họ bóp nghẹt trong một trạng thái yếu đuối và lệ thuộc, giai cấp tư sản Việt Nam phải đương đầu với cái lôgích tư bản chủ nghĩa mà không bao giờ trở thành được giai cấp lãnh đạo dân tộc. Trong bàn tay của nó, đường lối cải cách không thể không trở thành một cái mặt nạ tư tưởng che đậy sự hợp tác.

... Vậy mà phong trào chống thực dân nhìn theo bề ngoài đã bị bất ngờ và không có sự hướng dẫn nào. Phan Chu Trinh ở xa, vả chăng, cùng với những đại biểu ưu tú nhất của những người cải cách, ít lâu sau, bị đầy đi Côn Đảo.

Từ Trung Quốc, Phan Bội Châu tham gia vào vụ đầu độc ở Hà Nội cùng với Đề Thám và trong hồi ký của mình, ông ta hoàn toàn không biết gì đến sự kiện mới đó...

4. Sau những chuyến đi dài quanh thế giới và những hoạt động chính trị mà mọi người đã biết, không cần nhắc lại ở đây, Nguyễn Tất Thành, vào tuổi 30 đã trở thành nổi tiếng với cái tên Nguyễn Ái Quốc. Người đọc Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa tại Đại hội Quốc tế Cộng sản. "Nỗi vui mừng của tôi to lớn đến mức tôi phát khóc lên. Một mình ở trong buồng mà tôi kêu to lên như trước đám đông: Hỡi đồng bào yêu quý bị đoạ đày, đau khổ! Đây chính là cái cần cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!".

Kỷ niệm thật sâu sắc và lời kêu lên đó đặt ra một câu hỏi: cái gì trong Luận cương đó đã gây ấn tượng mạnh mẽ như vậy đối với Nguyễn Ái Quốc?

Có thể nói là ở hai đoạn: trước hết là những tiêu chuẩn theo đó lý luận mác-xít phải xác định vấn đề dân tộc, những tiêu chuẩn khách quan đặt lên hàng đầu "sự khác nhau rõ rệt giữa lợi ích của các giai cấp bị áp bức, những quần chúng cần lao bị bóc lột và khái niệm chung về lợi ích dân tộc trong đó bao gồm lợi ích của giai cấp lãnh đạo".

Sau đó, sự khẳng định là "toàn bộ đường lối của Quốc tế Cộng sản về vấn đề dân tộc và thuộc địa trước hết dựa trên sự đoàn kết giữa những

người vô sản và những quần chúng cần lao ở tất cả các nước và các dân tộc vì cuộc đấu tranh cách mạng chung" và ở những nước lạc hậu "phải làm cho phong trào nông dân mang tính chất cách mạng bằng cách thiết lập liên minh chặt chẽ nhất giữa giai cấp vô sản cộng sản chủ nghĩa ở Tây Âu với phong trào cách mạng của nông dân ở phương Đông". Dù sao thì với sự kiện năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã nắm được tầm quan trọng của Luận cương đó đối với đất nước của mình, chứng tỏ sự sắc bén và sáng suốt của Người.

Thật vậy, Luận cương đó đáp ứng cho một vấn đề đang chín muồi ở Việt Nam. Vào lúc đó, nó còn tiềm ẩn, nhưng sau đó, đến năm 1925, nó sẽ là trung tâm của những sự khác nhau giữa phong trào dân tộc và phong trào cộng sản và lâu hơn nữa sau này, trong phần lớn những năm 30, nó là một điểm quan trọng tranh luận nội bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Những sự kiện của những năm đó cũng đã được biết đến, nên tôi chỉ xin phép nhắc lại và đưa ra những giả thuyết.

... Để kết thúc một sự miêu tả hết sức sơ lược, có thể nói rằng tháng 6-1924, khi Phạm Hồng Thái định mưu sát toàn quyền Méc-lanh (Merlin), hành động đó bề ngoài như có vẻ trở lại đường lối cũ của khởi nghĩa; trên thực tế, đó là sự thể hiện một tình hình mới, mặc dù còn chưa chắc chắn về những phương hướng và phương pháp đấu tranh. Và năm 1925, khi cảnh sát Pháp bắt Phan Bội Châu, chấm dứt những hoạt động của ông; tháng 4-1926, khi Phan Chu Trinh mất ở Sài Gòn, thì với hai gương mặt vĩ đại đó, đã chấm dứt một cách gần như tiêu biểu một giai đoạn dài của sự tiến triển Việt Nam. Những cuộc biểu tình lớn đi theo hai sự kiện đó đã tập hợp hàng ngàn thanh niên, họ đã sống trong bước đường đầu tiên của một kinh nghiệm mới.

Kinh nghiệm đó, mà tôi gọi là "giai đoạn thứ ba" trong 15 năm, từ 1925 đến 1940 hết sức sôi động, phong phú về sự kiện và các cuộc tranh luận, gắn bó với những sự kiện trên vũ đài thế giới đến mức là không thể tóm tắt nó trong một vài dòng. Do đó, tôi muốn ngoại suy những vấn đề được đặt ra cho toàn bộ phong trào của Việt Nam và cuối cùng quyết định tiến trình của cuộc cách mạng và từ đó, chúng ta lại trở lại hai đoạn trong Luận cương của Lênin mà Nguyễn Ái Quốc đã đọc, trở lại hai vấn đề mà tôi đã nêu lên.

Vấn đề thứ nhất, là khái niệm dân tộc và cuộc đấu tranh dân tộc. Khái niệm đó là thành công chủ yếu về mặt tư tưởng của phong trào chống ách thống trị thuộc địa, nhưng sự hiểu biết và vận dụng nó một cách cụ thể đã mở ra những sự khác biệt đầu tiên rất rõ rệt.

Tôi viện dẫn đến việc thành lập Việt Nam Quốc dân đảng một bên và một bên khác là Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội.

Cái gì là những sự giống nhau và khác nhau giữa hai tổ chức đó mà từ hai tổ chức này đã diễn ra phần lớn những sự kiện nối tiếp nhau? Trong tác phẩm "Chủ nghĩa cộng sản Việt Nam" Huỳnh Kim Khánh trích dẫn nhà sử học Trần Huy Liệu để nhận xét rằng Việt Nam Quốc dân đảng và Thanh niên có chung khẩu hiệu: "Trước làm cách mạng dân tộc, sau làm cách mạng thế giới".

Nếu chúng ta diễn tả khẩu hiệu đó theo những thuật ngữ giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội, chúng ta nhận thấy rằng đặc biệt trong cuộc đấu tranh chống thống trị thực dân, những thuật ngữ đó không tách rời nhau; nói chung, người ta chấp nhận hoàn toàn khái niệm dân tộc mà không thấy trong nhân dân còn có tác động của giai cấp; trong điều kiện cụ thể, cuộc đấu tranh giành độc lập đòi hỏi phải quyết định xem cần dựa trên những giai cấp nào và do đó, nền độc lập phải đáp ứng những lợi ích giai cấp nào? Những tiêu chuẩn đó không loại trừ việc phải nhấn mạnh đoàn kết dân tộc, xem đó là đòi hỏi ưu tiên, ngay cả đối với những lợi ích giai cấp cấp bách, nhưng chúng không chấp nhận một cách nhìn theo thuyết tổng thể sự đoàn kết đó.

Ở Việt Nam Quốc dân đảng, trái lại, khẩu hiệu "Trước làm cách mạng dân tộc, sau làm cách mạng thế giới" đã làm mất đi tính biện chứng của nó. Vấn đề giải phóng không những bị tách rời khỏi cách mạng, mà người ta còn cho rằng cách mạng là có hại cho sự nhất trí rất cần thiết.

Mối quan hệ giữa giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội cũng làm cho Thanh niên day dứt, nhưng trong một cách nhìn không bao giờ quên sự gắn bó biện chứng giữa hai cái đó. Trong hai thời điểm (giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội), cần phải nhấn mạnh cái nào? Nền độc lập có thể có bản chất thế nào và do đó, những liên minh giai cấp nào là lôgích cần thực hiện? Có cần phải nói đến hai giai đoạn lịch sử khác nhau và nối

tiếp nhau? Những câu hỏi đó theo đuổi suốt cuộc đời Thanh niên, dẫn đến sự thay thế Thanh niên bằng một đảng cộng sản và cũng những câu hỏi ấy được đặt ra trong lịch sử Đảng cho đến gần cuối những năm 30. Những câu trả lời một phần cũng quan hệ đến những sự phát triển nội tại của quốc tế III và trong lòng giai cấp công nhân châu Âu; nhưng chúng không bao giờ làm đổi hướng được những tiêu chuẩn của chiến lược trong phong trào cách mạng Việt Nam.

Trong tác phẩm: "Đi theo con đường của Các Mác" (1969), Trường Chinh viết: "Cách mạng Việt Nam có hai nhiệm vụ: 1) đánh đuổi đế quốc xâm lược, giành lại độc lập dân tộc - đó là nhiệm vụ chống đế quốc; 2) đánh đổ giai cấp địa chủ phong kiến, hoàn thành cải cách ruộng đất, thực hiện khẩu hiệu "người cày có ruộng" - đó là nhiệm vụ chống phong kiến. Hai nhiệm vụ đó liên quan mật thiết với nhau: muốn đánh đuổi đế quốc phải lật đổ địa chủ phong kiến, muốn lật đổ địa chủ phong kiến, phải đánh đuổi đế quốc". Trong sự khái quát đó, là cả lịch sử của một thập kỷ được tóm tắt lại.

Năm 1941, khi Hội nghị Trung ương lần thứ 8 họp lần đầu tiên dưới sự chủ toạ của Hồ Chí Minh và tuyên bố rằng nhiệm vụ chính lúc đó là giải phóng dân tộc, và "quyền lợi của giai cấp chỉ là bộ phận", thì đó không phải là quay trở lại một cách giản đơn đường lối mà Nguyễn Ái Quốc đã đề xướng trong những năm 20 và sau đó đã trở thành vấn đề tranh cãi, mà là một sự tổng hợp cao hơn được áp dụng vào những đòi hỏi và khả năng của tình hình. Cũng vấn đề đó được đặt ra như một sự lựa chọn chính trị, hoặc trong những giai đoạn cuối cùng của cuộc kháng chiến, hoặc trong những điều kiện mới của nền độc lập sau năm 1954. Đó là cuộc cải cách ruộng đất giữa 1953 và 1956. Nhưng, về mặt tư tưởng, mối quan hệ biện chứng giữa hai thời điểm đó đã được ấn định ngay từ những buổi đầu của phong trào cộng sản do Nguyễn Ái Quốc vạch ra ba tiêu chuẩn căn bản trong *Đường cách mệnh:* 1) giai cấp công nhân và giai cấp nông dân làm cách mạng; 2) để lãnh đạo cách mạng, cần có một đảng mác-xít-lê-nin-nít; 3) phong trào cách mạng phải gắn với giai cấp vô sản quốc tế. Điểm cuối cùng đã dẫn chúng ta đến vấn đề thứ hai là bối cảnh quốc tế của cuộc đấu tranh giành độc lập. Chúng ta đã thấy rằng trong số những điểm trái ngược nhau giữa Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh, có vấn đề vị trí quốc tế của cuộc đấu tranh chống thực dân.

Phan Bội Châu muốn tìm trong tính năng động của các nước châu Á những điểm tựa cho một hành động chung mà từ đó có thể đưa tới độc lập của Việt Nam, còn Phan Chu Trinh thì đi tìm ở châu Âu những nguồn văn hoá và kỹ thuật của công cuộc đổi mới. Tuy nhiên, cả hai đều tư duy trên cơ sở từng nước, từng nhà nước.

Nhưng, nếu cuộc đấu tranh dân tộc cũng là đấu tranh xã hội, thì tìm đâu những sự liên hệ và liên minh? Một lần nữa chúng ta lại phải trở lại Nguyễn Ái Quốc với Luận cương của Lênin. Ở đó, về thực chất, Người đã phát hiện ra nếu có thể nói như vậy, là vấn đề dân tộc cũng có một chiều ngang về mặt xã hội và bối cảnh quốc tế cũng có một chiều ngang đi qua chính bản thân nước thực dân. Sự thống trị thực dân không phải là hình chiếu của một nước mà là của một giai cấp. Sau này, Nguyễn Ái Quốc viết chủ nghĩa đế quốc là con đỉa có hai vòi và những nạn nhân của nó đều cùng có nhiệm vụ cắt cả hai vòi đó.

Theo tôi, đó là đóng góp quan trọng nhất, thậm chí có tính chất quyết định mà Nguyễn Ái Quốc đã đem đến cho cách mạng Việt Nam và tôi tin rằng để tránh khỏi rơi vào những việc hệ tư tưởng hoá dễ dàng, tầm quan trọng đó phải được đánh giá thông qua những vấn đề cụ thể mà cách mạng Việt Nam phải đương đầu, ngay cả những vấn đề phức tạp nhất, như những mối quan hệ với chính sách của Quốc tế III những sự kiện và chọn lựa của giai cấp công nhân châu Âu, những thời kỳ dài bị cô lập. Trong một nước căn bản là nông dân, sự việc dẫn đến giai cấp công nhân quốc tế không phải là một định luật giáo điều; nhờ có nó mà giai cấp công nhân Việt Nam ít về số lượng, có thể cung cấp một sự giải thích mới về thế giới, những chỗ dựa cụ thể và cuối cùng trở thành giai cấp lãnh đạo và hướng dẫn một quá trình mà nếu không làm như thế sẽ dẫn đến một chế độ tư bản phụ thuộc hoặc một cuộc khởi nghĩa nông dân.

5. Ngày 2-9-1945, tại quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập của Việt Nam, trong đó Người đã rút từ cách mạng Pháp và cách mạng Mỹ cái làm nền tảng cho một xã hội hiện đại: Mọi người sinh ra đều có quyền tự do và bình đẳng.

Ít ngày trước đó, ở Huế, trước nhân dân, Bảo Đại đã nộp lại ấn kiếm của triều đình cho các đại biểu của Việt Minh và để kết thúc cho hành động chấm dứt sự chính thống của hàng ngàn năm, ông ta đã phát biểu những lời mà từ miệng một ông vua, sẽ gây ngạc nhiên ở bất cứ nước nào:

"Từ nay tôi sung sướng được làm một công dân tự do trong một nước độc lập". Không có gì diễn tả rõ hơn qua câu nói đó ý nghĩa con đường mà người Việt Nam đã trải qua, từ địa vị những bầy tôi trở thành những công dân, từ vai trò nhân dân phụ thuộc trở thành dân tộc làm chủ lịch sử của mình. Nền độc lập cần phải được bảo vệ; và chính là ở giữa cuộc đấu tranh lâu dài và kinh khủng đó, cần phải mở ra sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội với tư cách là một sự phát triển cần thiết của bản chất nền độc lập.

Vì vậy, tôi có thể dừng lại ở năm 1941, và hy vọng rằng ngày nay điều tôi cho rằng "Bức thư từ nước ngoài" là một bản tổng hợp tiêu biểu sự tiến triển chính trị và tư tưởng của cả một dân tộc càng hiển nhiên hơn.

Một phần biểu tượng của bức thư đó có thể được xem như là hành động cuối cùng của Nguyễn Ái Quốc, trước khi trở thành Hồ Chí Minh. Để cho được rõ ràng, cần phải thấy Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh hiển nhiên không phải là hai người khác nhau, nhưng hai người thuộc vào hai thời kỳ khác nhau và hình như muốn nhấn mạnh sự khác nhau đó mà Hồ Chí Minh đã chọn biệt danh cuối cùng của mình và không dùng đến nữa cái tên đã khiến cho Người nổi tiếng.

Trong một phần tư thế kỷ cho đến khi qua đời, Hồ Chí Minh đã ở vào trung tâm cuộc chiến đấu sau khi giành được độc lập; trong gần một phần tư thế kỷ khác trước đó, Nguyễn Ái Quốc đã ở vào trung tâm sự tiến triển cần mẫn và cần thiết nhờ đó mà Việt Nam đã là nước đầu tiên bẻ gãy cái mắt xích của hệ thống thuộc địa thế giới. Với cuộc đời và sự nghiệp của mình, hai gương mặt đó đã hợp thành con người mà hôm nay chúng ta tỏ lòng tôn kính trong sự tưởng niệm mà không một sự kiện mới nào có thể làm lu mờ.

Nhưng, trước khi kết thúc, tôi muốn thêm hai nhận xét ngắn. Từ sự tiến triển nói trên, tôi đã nhấn mạnh đến việc đề ra khái niệm dân tộc, mà theo tôi, đã mang tất cả những đặc điểm của một quá trình cách mạng.

Tuy nhiên, với điều đó, tôi không tán thành luận điểm chỉ khẳng định vấn đề dân tộc trong quá trình đó và gán cho Hồ Chí Minh một phương hướng dân tộc hơn là quốc tế. Sự phân biệt đó (và cả cách đặt ngược lại nữa) theo tôi là một sự đơn giản hoá giáo điều. Nếu cần phải nói dựa trên quan điểm nào mà phân tích bản chất của cuộc cách mạng Việt Nam, tôi

sẽ nêu lên đoạn sau đây trong báo cáo của Lênin tại Đại hội lần thứ 2 các tổ chức cộng sản ở các dân tộc phương Đông:

"Các đồng chí đứng trước một nhiệm vụ chưa từng được đặt ra cho những người cộng sản trên thế giới: dựa trên lý luận và thực tiễn chung của chủ nghĩa cộng sản, vận dụng vào những điều kiện cụ thể không có ở các nước châu Âu, các đồng chí phải cố gắng áp dụng lý thuyết và thực tế đó vào những điều kiện của các đồng chí trong đó nông dân là quần chúng chủ yếu, trong đó phải đấu tranh chống không phải là tư bản mà là những tàn tích của phong kiến".

Theo tôi, Hồ Chí Minh đã luôn luôn biết thể hiện trong thực tiễn mối quan hệ giữa đường lối dân tộc và đường lối quốc tế, đó là một sự thực hành biện chứng, đôi khi khó khăn.

Nhưng, trong báo cáo của Lênin còn nói: "Đương nhiên, chỉ có phong trào ở các nước phát triển mới giành được thắng lợi cuối cùng và chúng tôi, những người Nga, chúng tôi đã tiến hành một sự nghiệp mà giai cấp vô sản Anh, Pháp hoặc Đức sẽ hoàn thành; tuy nhiên, giai cấp vô sản đó sẽ không giành được thắng lợi nếu không có sự giúp đỡ của quần chúng lao động của các dân tộc thuộc địa bị áp bức, trước hết là các dân tộc phương Đông".

Đoạn báo cáo đó làm tôi nhớ lại câu hỏi mà người thanh niên Nguyễn Ái Quốc đặt ra ở Pháp cho những đồng chí của mình trong Đảng Xã hội khi phải quyết định chọn lựa giữa Quốc tế II và Quốc tế III: "Các đồng chí, nếu các đồng chí không lên án chủ nghĩa thực dân, không ủng hộ các dân tộc bị áp bức, thì cuộc cách mạng mà các đồng chí có ý định tiến hành là loại cách mạng gì?".

Thời thế đã đổi thay, một số từ đã trở thành cũ kỹ. Nhưng trong số những người chúng tôi từ phương Tây đến, câu hỏi đó tiếp tục yêu cầu có lời giải đáp.

HỒ CHÍ MINH, NGƯỜI CÓ ĐẦY ĐỦ NĂM ĐỨC TÍNH CỦA LÃNH TỤ MÀ LÊNIN ĐỀ RA

SI-PHƠ-NÔM VI-CHI-VÔ-RA-SAN
Nghị sĩ Quốc hội Thái Lan

Trước hết với tư cách cá nhân, tôi xin thay mặt cho đồng bào tôi, những người yêu nước, yêu độc lập tự do, yêu công lý và hoà bình, xin bày tỏ lòng vui mừng phấn khởi cùng toàn thể nhân dân Việt Nam đã vinh hạnh được tổ chức UNESCO - một tổ chức của Liên hợp quốc chính thức công nhận người con vĩ đại của nhân dân Việt Nam là anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hoá lớn.

Trước khi nói về Chủ tịch Hồ Chí Minh, về Nguyễn Ái Quốc, cái tên xa xưa của Người, tôi muốn nói đến lãnh tụ Vla-đi-mia I-lích U-li-a-nốp Lênin, người mà Hồ Chí Minh đã kính phục như là người thầy vĩ đại, người mà Hồ Chí Minh đã đến Mát-xcơ-va mong được gặp nhưng tiếc rằng ông đã đến muộn, Lênin đã mất trước đấy vài tháng.

Nói về Lênin, tôi muốn nói đến một điều ghi trong văn bản của Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô ngày 4-1-1923, đề cập đến vấn đề bầu tổng bí thư thay thế Lênin, vì lúc này Lênin ốm nặng, Người thấy không thể đảm nhiệm công việc phục vụ đảng được nữa, Người có một đề nghị, tất nhiên, Người không ghi cụ thể tên ai là người sẽ đảm nhận chức tổng bí thư mà chỉ nêu tiêu chuẩn cho một tổng bí thư như sau:

1. Là người phải có tính kiên trì, bền bỉ.
2. Phải luôn luôn trung thành và ngay thẳng.
3. Phải là người khiêm tốn, dịu dàng, mềm mỏng.
4. Phải có lòng nhân ái biết quan tâm đến đồng chí mình.
5. Phải là người có tính kiên định.

Năm tiêu chuẩn đạo đức mà Lênin đặt ra cho tổng bí thư của Đảng Bôn-sê-vích lúc bấy giờ, thực chất là đạo đức của giai cấp cần lao, mà theo tôi nó thể hiện rất đầy đủ ở con người Hồ Chí Minh. Với đạo đức ấy lại được trang bị bằng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, đã thực sự là kim chỉ nam cho mọi thắng lợi của Người trong sự nghiệp giải phóng dân tộc mà Người đã đem lại độc lập tự do cho dân cho nước, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngày 2-9-1945. Từ đây bắt đầu những ngày vô cùng bề bộn trong công cuộc khôi phục lại đất nước, Người đã có câu nói bất hủ: "Mọi thắng lợi là do dân và vì dân".

Thế rồi bọn thực dân Pháp xâm lược quay lại Việt Nam lần nữa vào tháng 3-1946. Lúc này chính phủ do Hồ Chủ tịch đứng đầu tiếp tục công cuộc chống thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ.

Hồ Chí Minh, người con vĩ đại của dân tộc Việt Nam, cả cuộc đời chưa từng vì cuộc sống riêng tư, tất cả đều vì dân, vì nước, gia đình của Người là nhân dân, là Đảng và Tổ quốc. Bởi lẽ đó, tất cả điều gì Hồ Chí Minh dạy và làm, thì mọi người đều ngưỡng mộ và làm theo không chút đắn đo, đặc biệt các cháu thanh thiếu niên yêu quý Người vô cùng, kính yêu Người như cha như mẹ.

Hồ Chí Minh, cái tên được toàn thể nhân dân Việt Nam kính trọng, cũng là biểu tượng của niềm tin, hy vọng, của lòng dũng cảm, của độc lập, tự do và hạnh phúc.

Chân dung của Người khắp cả nước đâu đâu cũng có, từ trong các tủp nhà tranh của người nông dân lao động đến các dinh thự của nhà giàu, trong các nhà thờ Thiên Chúa giáo hay trong các đền chùa đạo Phật, không xa lạ cách bức.

Cho dù Người chưa từng là sinh viên ở trường đại học nào, nhưng sự hiểu biết của Người thật cao rộng và sâu sắc. Người luôn bày tỏ chính kiến của Người trên các trang báo kể cả báo trong nước hoặc báo tiếng Anh, tiếng Pháp. Người biết thông thạo không dưới 5 thứ tiếng: tiếng Hán, tiếng Đức, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Nhật.

Về cá tính, Người chỉ nói ít và nói những điều cô đọng, là người nhân hậu và khiêm tốn, giản dị. Suốt nhiều năm trong cả thời kỳ tiến hành công cuộc kháng chiến chống Pháp, Người chỉ mặc bộ quần áo ka-ki và chiếc mũ cũng vải ka-ki, đi dép kiểu Trung Quốc, nhiều lần có người đề

nghị biếu quần áo sang trọng hơn để Người dùng thì Người đã nhẹ nhàng từ chối rất khéo léo rằng: "Dân ta đang nghèo, đang khó khăn nhiều lắm, Bác có bộ quần áo này là đầy đủ lắm rồi".

Sự ăn ở của Người cũng quá ư bình dân, với tư cách là Chủ tịch nước nhưng nơi ăn chốn ở của Người không khác gì lối sống đạm bạc của giai cấp cần lao.

Khi bàn luận hay giải thích, hoặc đề cập đến vấn đề chính trị, Người luôn trình bày đơn giản để mọi người nghe dễ hiểu, khiến những điều phức tạp thành dễ nghe, dễ tiếp thu. Khi cần tranh luận Người không nói vòng vo, dùng từ khuôn sáo sách vở, Người dùng từ ngữ quen thuộc gần gũi với mọi người, không triết lý dài dòng khó hiểu.

Về sinh hoạt hàng ngày, Người dậy từ 5 giờ sáng ngồi vào bàn làm việc của Người, uống trà, hút thuốc hoặc đọc sách hoặc điểm lại những công việc đã qua, sau đó ghi nhanh chương trình làm việc trong ngày vào quyển sổ tay và tất nhiên Người làm đầy đủ không bỏ sót từng chi tiết công việc đã ghi. Một điều đặc biệt là mặc dù bận trăm công nghìn việc, một việc mà không bao giờ Người bỏ qua là dành 30 phút tập thể dục vào buổi sáng, một nếp sinh hoạt đã hình thành đều đặn ở Người trong hàng chục năm.

Phần lớn thời gian Người hy sinh cho công việc phục vụ nhân dân và tổ quốc, không có mấy thời gian cho riêng mình. Là người đúng giờ tuyệt đối, tuyệt đối đến mức thành thành ngữ "giờ Bác Hồ" tức là muốn nói đến sự đúng giờ.

Một điều cần nói thêm, mặc dù đã là lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc, là lãnh tụ của Đảng, là Chủ tịch nước nhưng lúc nào Người cũng là người khiêm tốn, giản dị và đôn hậu. Hàng chục năm qua Người đã ở nhiều nơi, làm việc nhiều nơi, hoạt động ở nhiều địa bàn khác nhau, dưới nhiều tên khác nhau khó có ai biết được Người hiện đang ở đâu và làm gì. Nói tóm lại Người là con người vô cùng linh hoạt, linh hoạt đến mức kỳ diệu. Cũng có nhiều người đã từng có lần tò mò muốn biết đến quá khứ kỳ diệu ấy của Người, Người đã giản dị trả lời: "Quá khứ của Bác không có gì đặc biệt mà cũng không quan trọng, cái điều mà Bác thấy cần phải quan tâm là vấn đề hiện tại và tương lai của nước nhà".

Nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc sinh ở Nghệ An, là quê hương của nhiều nhà cách mạng đã từng chiến đấu ngoan cường chống thực dân

Pháp xâm lược trong suốt thời gian dài, kể từ khi Việt Nam trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Thân phụ của Người là người am hiểu về lịch sử, về văn học và cũng là nhà ái quốc có tên tuổi. Truyền thống gia đình và tính cách của thân phụ đã sớm hình thành tư tưởng cứu nước trong Nguyễn Ái Quốc, mới 12 tuổi đầu, Người đã sát cánh cùng cha cùng anh chị ruột của mình giương cao tấm gương cứu nước cứu nhà.

Năm 1911, khi mới 19 tuổi, gia đình của Người đã bị thực dân Pháp truy bắt thậm chí còn bị toà án thực dân kết án tù chung thân vì tội chống lại nhà cầm quyền. Không còn cách nào khác người đã phải tìm cách xuất dương, làm một thuỷ thủ trên con tàu sang Pháp, con tàu đã tiếp tục đưa Người vượt đại dương sang San Fran-xít-xcô rồi lại quay lại Luân Đôn, cứ như thế trong nhiều năm.

Mãi đến năm 1918, Người trở lại Pháp, tại đây người làm nghề chụp ảnh để kiếm sống. Thời gian ở Pa-ri, Người đã gặp gỡ rất nhiều nhà ái quốc Việt Nam. Ở đâu cũng vậy, Người bao giờ cũng là một người học trò khiêm tốn, chăm chỉ, cần mẫn tìm tòi học hỏi mọi vấn đề, mọi việc xảy ra trong xã hội, Người học bằng mọi cách, mọi phương tiện, học trong sách vở, trong các cuộc đàm luận, học ngay trong các báo chí hằng ngày, hằng tuần.

Năm 1924, Người sang Quảng Đông Trung Quốc với cái tên Tống Văn Sơ. Tại đây người làm việc cho Quốc dân Đảng dưới hình thức là để tổ chức hội cứu quốc tại hải ngoại, đào tạo và huấn luyện thanh niên Việt Nam rồi đưa họ về nước tiếp tục hoạt động trong phong trào cách mạng trong nước.

Năm 1927, Nguyễn Ái Quốc bị bắt và bị giam một thời gian. Sau khi được tự do, Người sang Thái Lan lúc đó gọi là Xiêm, và đang ở thời kỳ của chế độ quân chủ. Tại đây, Người lại tiếp tục hoạt động cho sự nghiệp cứu nước. Theo lời của sư cụ thượng toạ chùa Oắt Phô, tỉnh U-đon-tha-ni, hiện nay đã 80 tuổi kể lại: Ông Nguyễn tức ông Hồ ở đâu cũng vậy, luôn luôn vì quyền lợi chung, sư cụ còn kể với tôi một mẩu chuyện nhỏ về đời hoạt động của Người tại tỉnh U-đon rằng: hồi ấy chùa Oắt Phô tổ chức xây dựng điện thờ chính cho ngôi chùa, sư cụ Thượng toạ của chùa là Thích Thăm-chê-đi là người có nhiều công đức được dân kính trọng nhất vùng đứng ra quyên góp. Việc chỉ đạo xây điện do ông Nguyễn đảm nhiệm, ông Nguyễn kêu gọi bà con Việt kiều góp của, góp công, mua sắm nguyên vật liệu cho chùa rất nhiều. Một hôm trong lúc mọi người đang

làm việc, cảnh sát Thái Lan ập vào chùa tìm bắt ông Nguyễn, mà hình như lúc này mật vụ của Pháp đã đánh hơi thấy sự xuất hiện của Nguyễn Ái Quốc ở U-đon. Trước tình thế đó sư cụ Thăm-chê-đi đã đứng ra can thiệp che chở cho ông Nguyễn, sư cụ nói rằng: "Nhà chùa không có kẻ ác trốn, mọi người đây chỉ toàn thiện nam tín nữ với lòng từ thiện đến xây điện thờ cho nhà chùa". Cái uy của sư cụ đã khiến đám cảnh sát phải rút lui, nhờ đó ông Hồ đã thoát.

Năm 1929, Người trở về Việt Nam và lại bị bắt giam một lần nữa nhưng Người đã trốn thoát, Người trở lại Thái Lan một lần nữa và ở lại đây thêm 2 năm.

Ngài Pri-đi Pra-nôm-yông, một chính khách lỗi lạc của Thái đã nói về Hồ Chí Minh rằng: Trong một dịp được tiếp xúc với Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người đã hỏi ngài về một ông huyện tỉnh Phi-chít đã từng cứu mạng Người trong thời kỳ lưu lại ở đó với một thái độ cực kỳ biết ơn. Kể cả thời mà chính ngài Pri-đi đã gửi vũ khí giúp nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp sau đại chiến thứ hai cũng được Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhắc đến với cả tấm lòng biết ơn với Chính phủ Xiêm, thể hiện bằng việc đặt tên cho tiểu đoàn bộ binh đã dùng vũ khí của nước Xiêm ủng hộ là "Tiểu đoàn Xiêm", việc làm ấy đã chứng tỏ rằng Hồ Chí Minh là người sống có nhân nghĩa tuyệt vời, luôn luôn nhớ đến công ơn những người đã giúp đỡ mình trong lúc khó khăn.

Thưa quý vị, tất cả những gì tôi đã nói, có thể lộn xộn về ý tứ, hoặc cũng có thể gọi là "múa rìu qua mắt thợ"[1], vì lẽ các quý bà quý ông ở đây biết về Chủ tịch Hồ Chí Minh hơn tôi nhiều. Nhưng tôi vẫn cứ trình bày ở đây để khẳng định một lần nữa rằng Hồ Chí Minh là người có đầy đủ 5 đức tính tiêu biểu của giai cấp cần lao như Lênin đã đặt ra. Đồng thời cũng là để kính cẩn nghiêng mình trước linh hồn vô cùng thiêng liêng, trong sáng và chói lọi của Người.

Cũng trong dịp này tôi xin thay mặt cho nhân dân Thái Lan hết lòng kính trọng và ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh một lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc, một chiến sĩ cách mạng mà cả cuộc đời vì sự tự do và hạnh phúc của toàn thể nhân dân Việt Nam xứng đáng là một lãnh tụ quan trọng của thế giới.

---

1. Nguyên văn: Đem quả dừa già vào bán trong vườn dừa (*ND*).

HỒ CHÍ MINH, HIỆN THÂN CỦA NHỮNG PHẨM CHẤT TỐT ĐẸP NHẤT CỦA NGƯỜI CÁCH MẠNG*

K.C.TI-A-GI (K.C.TYAGI)

Tổng bí thư Đảng Janata Dal, Ấn Độ

Hồ Chí Minh, với nhiệt tình và sự mẫn cảm chính trị, đã đặt quan niệm của mình trên cơ sở những lý tưởng cách mạng. Trong bản Tuyên ngôn Độc lập, Hồ Chủ tịch đã nói: "Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng, tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".

Lịch sử cuộc đời của Hồ Chí Minh gắn chặt với Việt Nam, nơi Người đã sinh ra, và với nhân dân, mà Người đã cùng chung sống. Trong cuộc đời 79 năm, Người đã dành ba phần tư cho cuộc đấu tranh chống đế quốc và tạo ra môi trường chính trị cho thắng lợi của cuộc đấu tranh cách mạng và để củng cố những thành quả cách mạng.

Trong suốt 117 năm của sự khủng bố của thực dân và chiến tranh, nhân dân Việt Nam đã phải tiến hành một cuộc đấu tranh liên tục. Từ khi 16 tuổi, Hồ Chí Minh đã có những kết luận sơ bộ của mình. Người nhận thấy những cuộc khởi nghĩa trước đó đã thất bại. Bởi vì thiếu sự phối hợp để có thể làm lung lay quyền lực quân sự và cảnh sát của bọn thống trị thực dân. Hồ Chí Minh cũng nhận ra rằng để có được sức mạnh, bất cứ phong trào giải phóng dân tộc nào cũng phải dựa chủ yếu vào tiềm lực của chính mình để tiến hành những trận chiến đấu. Đó phải là một cuộc cách mạng trên phạm vi toàn quốc và có tính chất toàn dân, được chuẩn bị cẩn thận và được lãnh đạo bởi những người đã nghiên cứu những phương pháp và chiến thuật đã được sử dụng có hiệu quả ở các

* Đầu đề do chúng tôi đặt (BBT).

nước khác, ở những nơi, mà nhân dân đang đứng lên chống lại những kẻ áp bức.

Ở vào tuổi 21, Người đã được biết đến như là một nhà yêu nước, cách mạng. Khi Nhật bắt đầu tiến công Đông Nam Á, Người đã là một người xã hội cách mạng từng trải và đã được đào tạo. Người đã có được khả năng lãnh đạo đồng bào của mình trong cuộc chiến đấu quyết định vì tự do.

Người đã hiến dâng cuộc đời mình cho một sự nghiệp có ý nghĩa to lớn không hề nghĩ đến tham vọng cá nhân mà chỉ nghĩ đến việc phục vụ cộng đồng mà Người là một thành viên.

Người đã tham gia "Hội những người Việt Nam yêu nước" tại Pháp và hành động chính trị đầu tiên của Người là việc đưa ra bản yêu sách 8 điểm tại Hội nghị hoà bình Véc-xây (Versailles) sau khi chiến tranh kết thúc. Người đã đòi tự do và tự quyết cho Việt Nam.

Người đã tham gia sáng lập "Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông" và xây dựng một mạng lưới liên lạc và thông tin với Đông Dương. Người đã động viên nhân dân mình qua những bài thơ Người viết trong tù, trong đó nhấn mạnh:

Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao,
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao.

Hồ Chí Minh không chỉ là một chính khách có khả năng mà còn là một người đầy kinh nghiệm. Người đã sáng tạo nên một kiểu mới của chiến tranh nhân dân cách mạng.

Nhân dân Ấn Độ trước sau như một kiên quyết phản đối sự can thiệp của chủ nghĩa thực dân ở Đông Dương. Sáng kiến đầu tiên của Ấn Độ là do chính phủ độc lập của Ấn Độ đưa ra tại Hội nghị Giơ-ne-vơ năm 1954. Tại đó, Ấn Độ đã đề nghị có những cuộc thương lượng có hiệu quả giữa đại diện của các bên chính trong cuộc xung đột. Lúc đó, tình hình rất đáng lo ngại tại miền Nam Việt Nam. Giới chức trách miền Nam đang thi hành đường lối chính trị của Mỹ là biến Nam Việt Nam thành một thuộc địa và căn cứ quân sự của Mỹ vĩnh viễn bị đặt vào phạm vi hoạt động của khối SEATO.

Từ những năm tháng đấu tranh chống Pháp, Hồ Chí Minh đã được gọi với cái tên "Bác Hồ", một biểu hiện của tình cảm và sự kính trọng dành cho Người. Người đã thu phục được trái tim và khối óc của nhân dân ở mọi lứa tuổi và thuộc mọi tầng lớp xã hội bởi vì Người chính là một trong số họ và chia sẻ những hy vọng và khát khao của họ.

Hồ Chí Minh không bao giờ là một nhà độc tài về chính trị mà là người có một ảnh hưởng mạnh mẽ trong sự lãnh đạo. Người là một người nồng hậu, có khả năng lôi cuốn và thông cảm. Người tha thiết quan tâm đến đồng bào của mình. Người không thay đổi trong suốt cả cuộc đời mình, từ những ngày đầu cách mạng cho đến khi giữ chức vụ cao nhất là Chủ tịch nước. Người luôn tự coi mình là một người lính được nhân dân cử ra mặt trận. Ở Người, tình yêu đối với nhân dân là một tình cảm mãnh liệt.

Mặc dù vóc dáng mảnh khảnh, Người tạo ra một sức mạnh to lớn vượt qua mọi trở ngại. Người là hiện thân của những phẩm chất tốt đẹp nhất của một nhà cách mạng, một người nhìn xa trông rộng và một nhà nhân văn vĩ đại. Người đã bình tĩnh, kiên định và kiên trì trong cuộc chiến đấu vì thắng lợi và tự do. Người là một con người vô cùng giản dị và khiêm tốn, nhưng có một quyết tâm và sức mạnh bên trong không gì có thể khuất phục được.

Hồ Chí Minh đã giúp đỡ và dẫn dắt nhân dân Việt Nam xây dựng lại tổ quốc mình và biến tổ quốc mình trở thành một nước không liên kết, thống nhất, hoà bình, độc lập, dân chủ và thịnh vượng và có quan hệ hữu nghị với các dân tộc yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

Thay mặt nhân dân Ấn Độ và Đảng Janata Dal, tôi xin kính chào Hồ Chí Minh và gửi lời chào anh em đến nhân dân Việt Nam.

HỒ CHÍ MINH
VỚI VĂN HOÁ DÂN TỘC VÀ QUỐC TẾ

PHIÊNG XI-XU-LAT (PHIENG SISULAT)
Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Thể thao Lào

Đã có nhiều nhà chính trị, nhà văn hoá, nhà khoa học lớn của Việt Nam và thế giới viết về thân thế và sự nghiệp vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, về tài năng, đạo đức, tác phong của Người. Đặc biệt, chúng tôi hoàn toàn nhất trí với sự đánh giá của đồng chí Phạm Văn Đồng trong tác phẩm "Hồ Chí Minh, một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp". Chúng tôi cho rằng đó là những lời đánh giá tuyệt đối đúng và hết mực sâu sắc về Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Bằng sự hiểu biết có hạn của mình, hôm nay, tôi muốn bàn về những đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lĩnh vực văn hoá, văn học và nghệ thuật mà nó xuyên suốt cả cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Văn hoá dân tộc, theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh là toàn bộ những di sản, những giá trị vật chất và tinh thần của tổ tiên ta và nhân loại để lại mà mỗi chúng ta có nghĩa vụ phải bảo toàn, học tập và phát huy những mặt tốt đẹp, nhằm xây dựng nên cuộc sống mới, con người mới, con người có trách nhiệm làm tròn sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Ngay từ những năm còn hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn gìn giữ bản sắc dân tộc, thể hiện trong đời sống, trong mối quan hệ tiếp xúc với bạn bè quốc tế. Những tác phẩm "Mấy ý nghĩ về vấn đề thuộc địa", "Con rồng tre", "Bản án chế độ thực dân Pháp", mà Chủ tịch Hồ Chí Minh viết khi còn hoạt động ở Pháp và hoạt động trong Quốc tế Cộng sản, là những tác phẩm vừa có tính chính trị cao, đồng thời cũng là những tác phẩm văn học điển hình. Nó cực lực lên án chế độ thực dân Pháp; nó thể hiện tâm hồn của một con người yêu nước, yêu đồng bào, lòng nhớ thương tổ quốc; nó mang bản sắc của người Á

Đông nhưng đồng thời cũng rất đậm nét tính cách con người Việt Nam; nó không chỉ chống áp bức bóc lột, chống bạo quyền mà còn đòi được độc lập và tự do.

Với tư cách là người lãnh đạo đảng và nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thức rõ tầm quan trọng của lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật trong sự nghiệp cách mạng. Người đã vạch ra con đường đúng đắn cho cách mạng, đồng thời cũng vạch ra một đường lối đúng đắn cho văn hoá, văn học, nghệ thuật Việt Nam. Người coi "văn hoá, nghệ thuật cũng là một mặt trận; văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy".

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp cũng như sau khi hoà bình lập lại, mặc dù bận trăm công ngàn việc, Người vẫn luôn luôn quan tâm chỉ bảo và vạch đường lối cho văn hoá, văn học, nghệ thuật Việt Nam phát triển. Những lời nói giản dị, những bài viết ngắn gọn của Người làm toát lên những vấn đề lớn của thời đại. Năm 1954, cuộc kháng chiến chống Pháp vừa thắng lợi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến viếng mộ Tổ - đền thờ Vua Hùng, tại Phú Thọ. Đó là việc làm rất phù hợp với truyền thống văn hoá lâu đời của con người Việt Nam. Tại đây, Người đã nói chuyện với con cháu: "Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải giữ lấy nước". Một lời dạy bảo giản dị, mộc mạc nhưng nói lên truyền thống của ngày hôm qua, nhiệm vụ ngày nay và còn có ý nghĩa với muôn đời mai sau. Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ bước vào giai đoạn ác liệt, trong lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược (ngày 17-6-1966), Người khẳng định "Không có gì quý hơn Độc lập, Tự do!". Một câu nói giản dị, ngắn gọn đã trở thành một câu danh ngôn mang những âm vang cộng hưởng không chỉ bó hẹp trong đất nước, con người Việt Nam mà còn là lý tưởng đấu tranh của nhân dân các nước bị áp bức bóc lột và nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là con người cách mạng, Người nhận mình là "Nhà cách mạng chuyên nghiệp" và không nhận mình là nhà văn, nhà thơ. Nhưng chính bản thân Người còn là tác giả của nhiều tác phẩm vừa đậm đà bản sắc dân tộc, vừa rất hiện đại. Vì là một nhà văn hoá chân chính mà Người làm cách mạng và làm cách mạng không chỉ giải phóng con người khỏi áp bức bóc lột mà cái cao quý nhất là để giải phóng con người thoát khỏi nền văn hoá nô dịch và xây dựng nền văn hoá mới của dân tộc. Hằng năm, cứ mùa xuân đến, Người lại làm thơ chúc tết toàn

dân. Mỗi bài thơ của Người vừa là một chỉ thị sáng suốt, một lời khuyên nhủ ân cần, vừa là một bông hoa nở trên từng chặng đường kháng chiến. Người rất hiểu những rung động và sự khao khát đi tìm cái đẹp của người nghệ sĩ. Đồng thời Người cũng nghiêm túc yêu cầu "văn hoá, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác không thể ở ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị".

Văn hoá, văn nghệ theo quan điểm của Người phải tham gia trực tiếp vào cuộc đấu tranh cách mạng. Nhiệm vụ của văn hoá, văn nghệ là phục vụ tổ quốc, phục vụ nhân dân, sáng tác nên những tác phẩm ca ngợi những truyền thống tốt đẹp của cha ông và những tư tưởng, hành động tiên tiến xuất hiện trong cuộc sống mới. Chính vì vậy, trong những sáng tác của mình, Người viết rất ngắn gọn, súc tích, ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu, gần gũi với nhân dân. Người dùng những điển tích rất đúng chỗ, đúng lúc nên càng làm đẹp thêm vốn cổ của dân tộc và làm hay cho văn chương Việt Nam ngày hôm nay.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người am hiểu rất rộng và sâu sắc vốn văn hoá văn nghệ thế giới. Vậy mà Người không lạm dụng tiếng nước ngoài, cũng không hề bài ngoại. Người làm giàu vốn ngôn ngữ dân tộc mình bằng ngôn ngữ nước ngoài.

Chủ tịch Hồ Chí Minh sống và hoạt động trên 30 năm ở nước ngoài, đi khắp năm châu, bốn biển, trải qua bao nhiêu nghề: làm báo, làm ảnh, viết sách và hoạt động cách mạng, lúc hợp pháp, lúc bí mật, lúc bị cầm tù, và chính những năm tháng đi tìm đường để cứu nước, cứu dân đó đã giúp cho Người hiểu tường tận văn hoá, văn nghệ của thế giới. Người đã nhiều lần trò chuyện với các tác giả nước ngoài về các văn hào thế giới, người đã viết những bài phê bình, giới thiệu các nhà đại văn hào thế giới, viết về triết học và nghệ thuật Ấn Độ (1958), và nền nghệ thuật In-đô-nê-xi-a (1958). Văn phong của Người là tổng hoà vốn văn hoá nghệ thuật giữa Á và Âu mà chúng ta có thể tìm thấy trong các tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp", "Nhật ký trong tù", v.v... những lối châm biếm của Pháp, những nụ cười của Anh và chất hàm súc của Đường thi. Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ am hiểu về nền văn hoá dân tộc mình mà còn rất am hiểu nền văn hoá thế giới và Người không chỉ làm cho nền văn hoá văn nghệ Việt Nam phong phú thêm mà Người còn đóng góp cho nền văn hoá thế giới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà văn hoá lớn. Cuộc đời hoạt động và sự nghiệp vĩ đại của Người là tấm gương cao đẹp trong sáng về một quan niệm nhân sinh và thế giới, toả sáng chủ nghĩa nhân văn mới, kết tinh những tư tưởng, tình cảm, những ước mơ lớn của nhân loại. Bởi thế những tư tưởng văn hoá của Người đến với các dân tộc như một lẽ tự nhiên, có sức cổ vũ sâu sắc mỗi con người, mỗi dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gắn bó sâu sắc với dân tộc mình; đồng thời Người cũng đã dành nhiều tình cảm thắm thiết cho mọi dân tộc trên thế giới.

Hai nước Lào và Việt Nam vốn có truyền thống đoàn kết lâu đời. Tình đoàn kết đó lại càng thêm bền chặt từ khi được Chủ tịch Hồ Chí Minh vun đắp và nó đã thấm nhuần vào từng cơ thể của mỗi người dân Lào và Việt Nam. Nó xuyên suốt trong mọi lĩnh vực công tác cách mạng. Nó là những dòng máu đỏ cùng chảy về một con tim. Khi chúng tôi nói Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, đã đưa lại cho nhân dân Việt Nam một nền văn hoá, văn học, nghệ thuật mới cũng tức là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa lại cho nền văn hoá, văn học, nghệ thuật của dân tộc Lào một luồng gió mới, mở ra một thời đại mới, một nền văn hoá, văn học, nghệ thuật mới, vừa kế tục nền văn hoá, văn học, nghệ thuật cổ truyền của dân tộc, vừa được nâng lên để vươn tới một nền văn hoá, văn học, nghệ thuật của thời đại và tương lai - đó chính là nền văn hoá, văn học, nghệ thuật cách mạng. Những tư tưởng lớn, những quan điểm về văn hoá và những tác phẩm của Người đã trực tiếp giúp cho đội ngũ văn nghệ sĩ Lào thấy rõ con đường đi hướng về tương lai xán lạn. Chúng tôi mãi mãi biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh, mãi mãi ghi nhớ những câu thơ của Người:

Thương nhau mấy núi cũng trèo,
Mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua,
Việt - Lào hai nước chúng ta,
Tình sâu hơn nước Hồng Hà, Cửu Long.

HỒ CHÍ MINH - NHÀ YÊU NƯỚC, NHÀ CÁCH MẠNG VÀ MỘT CON NGƯỜI

ÉP-GHÊ-NHI CÔ-BÊ-LÉP

Phó tiến sĩ Sử học, thành viên Liên hiệp các nhà nghiên cứu phương Đông của Liên Xô

Thời gian không làm phai mờ ký ức về những người đã hiến dâng toàn bộ cuộc đời mình cho sự nghiệp phục vụ nhân dân, cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội mình. Những năm tháng chiến đấu vẻ vang và hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh càng lùi sâu vào quá khứ, thì hình ảnh không bao giờ phai mờ của Người càng thêm rực rỡ và chói lọi đối với các thế hệ mai sau.

Hồ Chí Minh là một trong những vị lãnh tụ cách mạng, mà khi Người còn sống tên tuổi đã được hàng triệu người biết đến, và đã trở thành huyền thoại. Mọi người khâm phục Người, đã nói về Người và mỗi người đều nhận thấy nét đặc trưng nổi bật trong hình ảnh của Người. In-đi-ra Gan-đi (Ấn Độ) đã gọi Hồ Chí Minh "là một nhà lãnh đạo mềm dẻo mà vĩ đại và kiên định". Rôt-nây A-ri-xmen-đi (U-ru-goay) coi "Hồ Chí Minh là biểu tượng cho sự uyên bác cộng sản chủ nghĩa ở châu Á", Xan-va-đo A-gien-đê (Chi-lê), vào năm 1971, đã trả lời như sau về câu hỏi của một nhà báo: "Ba phẩm chất của các nhà hoạt động chính trị mà ông muốn có là thế nào?" - đó là: "Nhất quán, nhân đạo, khiêm tốn cao cả của Hồ Chí Minh". Còn ở Liên Xô, người ta ngưỡng mộ gọi Hồ Chí Minh là "hiệp sĩ cách mạng", và những từ này thể hiện sự khâm phục đối với ý chí sắt đá, lòng dũng cảm bất khuất của người chiến sĩ và đồng thời tính giản dị và nhân đạo của Người.

Hồ Chí Minh và Việt Nam trong suốt nhiều năm trong ký ức của nhân dân hai từ này là không tách rời nhau. Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội, nhân dân Việt Nam đã trải qua một

chặng đường khó khăn và anh dũng. Thắng lợi của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc trong một nước cực kỳ lạc hậu và nửa phong kiến, sự ra đời của một nước Dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á (1945), cuộc kháng chiến 9 năm chống bọn thực dân Pháp (1945-1954), cuộc kháng chiến lần thứ hai chống cuộc xâm lược của Mỹ, với chủ nghĩa anh hùng tập thể (1960 - 1973), cuộc đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao lâu dài nhằm giải phóng miền Nam Việt Nam và thống nhất tổ quốc, kết thúc với sự thắng lợi hoàn toàn (1954-1975) - đó là những chiến công yêu nước và cách mạng của nhân dân Việt Nam.

Những thành tựu vẻ vang của nhân dân Việt Nam gắn liền với Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản do Người lãnh đạo.

Khoa học lịch sử mác-xít nhấn mạnh tính quy luật tất yếu trong quá trình lịch sử và vai trò quyết định trong lịch sử của quần chúng nhân dân như là lực lượng sản xuất chủ yếu của xã hội; đồng thời không coi nhẹ vai trò của những cá nhân, các nhà lãnh đạo chính trị và các lãnh tụ. V.I.Lênin đã từng viết rằng: "Tính tất yếu của lịch sử không xoá nhoà chút nào vai trò của các cá nhân trong lịch sử: Toàn bộ lịch sử được tạo thành bởi những hoạt động của các cá nhân với tư cách là những nhà hoạt động lỗi lạc"[1].

Trong mọi điều kiện giống nhau, thì phẩm chất riêng của một cá nhân, đứng đầu một phong trào, một cuộc cách mạng hay nhà nước có thể có tác dụng đẩy nhanh hoặc kìm hãm, giảm nhẹ hay làm phức tạp diễn biến các sự kiện và gây ảnh hưởng nhất định đến những diễn biến này. Nhiều cuộc cách mạng giải phóng, kinh nghiệm của Liên Xô, của một loạt nước xã hội chủ nghĩa và các nước đang phát triển khác đã chứng minh hùng hồn điều đó. Có thể nói một cách thẳng thắn rằng chính những phẩm chất rực rỡ của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đạo đức cao cả của Người đã đóng vai trò quan trọng trong cuộc đấu tranh thắng lợi của nhân dân Việt Nam.

Cuộc cách mạng Việt Nam đã phát triển trong những điều kiện khi quần chúng nhân dân còn rất lạc hậu về mặt chính trị và văn hoá, và tất nhiên cả những người đại diện tiên phong của giai cấp lao động cũng còn nhiều ấu trĩ. Ở Pháp và ở nước Nga xô-viết, Hồ Chí Minh là người cộng

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, tập I, tr.159.

sản Việt Nam đầu tiên đã nắm vững những cơ sở của học thuyết Mác - Lênin, đã tìm hiểu kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Mười vĩ đại. Trong suốt 20 năm, Người là nhà hoạt động tích cực của Quốc tế Cộng sản. Ngoài ra, Người nổi bật bởi tri thức uyên bác, biết nói nhiều tiếng nước ngoài, hiểu rõ những thành tựu văn hoá của phương Đông lẫn phương Tây. Tất cả những phẩm chất trên đã tạo cho Người khả năng ở các giai đoạn khác nhau của cách mạng vạch ra một cách đúng đắn đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, góp phần sáng tạo chiến lược, chiến thuật của nó.

Trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc lâu dài và phức tạp của các dân tộc Đông Dương, Hồ Chí Minh đóng vai trò người đi tiên phong với hoàn toàn đầy đủ ý nghĩa của từ này. Dưới sự lãnh đạo của Người, những người cộng sản Việt Nam đã vận dụng thành công lý luận cách mạng của Lênin trong bối cảnh hết sức độc đáo và phức tạp vào điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước mình, bảo đảm sự kết hợp hữu cơ giữa cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc với cuộc đấu tranh vì giải phóng xã hội, vì chủ nghĩa xã hội.

Trong thời gian hai cuộc kháng chiến lâu dài, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã thực hiện thành công chiến lược chiến tranh cách mạng, đóng góp phần quan trọng vào kho tàng kinh nghiệm cách mạng thế giới, đã kết hợp một cách tài tình vào các hình thức đấu tranh khác nhau: quân sự - chính trị - ngoại giao, kết hợp có hiệu quả cao nhất mọi nỗ lực của toàn dân với sự giúp đỡ quốc tế rộng rãi nhất.

Phát huy học thuyết của Lênin, Hồ Chí Minh đã chứng minh sự cần thiết đối với đội tiên phong của phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Dương và phải nắm vững lý luận cách mạng tiên tiến và thành lập Đảng của giai cấp công nhân, là giai cấp có thể và cần phải đứng đầu phong trào này. Hồ Chí Minh đã đóng vai trò quyết định trong sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương (Việt Nam) và suốt cuộc đời mình nỗ lực bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng trong cách mạng và công cuộc xây dựng đất nước Việt Nam mới, bảo đảm để Đảng thường xuyên lớn mạnh về mặt số lượng và chất lượng, giữ gìn sự đoàn kết và thống nhất như giữ gìn con ngươi của mắt mình, quan tâm kết hợp đúng đắn giữa lợi ích dân tộc với nhiệm vụ quốc tế trong chính sách của Đảng.

Những dòng đầu tiên trong *Di chúc,* viết về Đảng, Hồ Chí Minh đã tỏ lòng tin tưởng rằng, sau khi Người qua đời, Đảng vẫn là đội tiên phong

sáng suốt và đáng tin cậy của giai cấp công nhân Việt Nam, là hạt nhân nòng cốt trong liên minh dân tộc của nhân dân Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam, mà ngày nay trong đội ngũ có hơn 2 triệu người vẫn giữ trọn lòng trung thành với *Di chúc* của Người. Sau khi đảm bảo việc thành lập một nước Việt Nam thống nhất, hoà bình, độc lập trên cơ sở xã hội chủ nghĩa, Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay vững bước đưa đất nước tiến lên trên con đường đổi mới kinh tế, chính trị, văn hoá.

Hồ Chí Minh đã sống và đấu tranh trong thời kỳ cách xa chúng ta hàng mấy chục năm, nhưng Người rất hiện đại. Từ tầm cao ngày hôm nay nhìn lại hoạt động của Người thì dễ nhận thấy những yếu tố quan trọng của sự kết hợp một cách biện chứng giữa mục đích dân tộc và giai cấp, sự thống nhất hữu cơ giữa lý tưởng yêu nước và xã hội chủ nghĩa. Đối với nhân dân Việt Nam, Hồ Chí Minh thực sự tượng trưng cho sự đoàn kết dân tộc. Người luôn luôn đứng trên lập trường giai cấp - lập trường giai cấp công nhân - nhưng đồng thời biết lôi kéo về phía nhân dân các đại diện của tư sản dân tộc, địa chủ, trí thức tư sản phong kiến, mà trong những giai đoạn phức tạp nhất của cuộc cách mạng điều đó bảo đảm một liên minh khá rộng rãi của dân tộc Việt Nam để chống lại kẻ thù bên ngoài. Nhiều đại diện trí thức tư sản phong kiến ở Việt Nam đã thừa nhận rằng họ đã đi theo cách mạng dưới tác động ảnh hưởng của nhân cách, phẩm chất của Hồ Chí Minh và coi Người là niềm hy vọng đối với sự giải phóng dân tộc và sự hồi sinh của Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã là người đề ra sáng kiến và tích cực ủng hộ chiến lược của Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi ở mỗi giai đoạn cụ thể của cách mạng. Chiến lược này đã trở thành một thứ vũ khí hùng mạnh trong tay của những người cộng sản Việt Nam ở giai đoạn đầu trong cuộc đấu tranh giải phóng Tổ quốc khỏi bọn quân phiệt Nhật và thực dân Pháp (Mặt trận Việt Minh); tiếp sau đó trong cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam Việt Nam chống sự xâm lược của Mỹ (Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam) và hiện nay trong công cuộc xây dựng hoà bình tổ quốc thống nhất (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam).

Hồ Chí Minh đã đi vào lịch sử thế giới không chỉ riêng với tư cách là nhà lãnh đạo Đảng của những người cộng sản Việt Nam, nhà hoạt động phong trào cộng sản và công nhân quốc tế mà còn như là một trong những lãnh tụ vĩ đại của phong trào giải phóng dân tộc quốc tế. Cống

hiến của Người vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đã được đánh giá cao tại các hội nghị quốc tế của các lực lượng tiến bộ, của các nhà lãnh đạo các nước mới được giải phóng ở châu Á, châu Phi và trên báo chí nhiều nước. Hồ Chí Minh đã nhiệt liệt hoan nghênh sự ra đời của Phong trào không liên kết vào năm 1961; Người đã có các mối liên hệ mật thiết với hai nhà sáng lập vĩ đại phong trào này là Gia-oa-hác-lan Nê-ru và A-khơ-mat Xu-các-nô.

Hồ Chí Minh là một nhân tài sáng tạo - một nhà chính luận, nhà văn, nhà thơ, Người viết không ít sách, tài liệu và bài báo về các vấn đề chủ nghĩa Lênin, lý luận và thực tiễn cách mạng Việt Nam, công cuộc xây dựng những cơ sở của chủ nghĩa xã hội trong điều kiện Việt Nam, chiến lược và sách lược cuộc đấu tranh nhằm bảo vệ độc lập tổ quốc. Ở quê hương Việt Nam, mọi người gọi Hồ Chí Minh là người sáng lập nền văn học cách mạng Việt Nam.

Tuy vậy lĩnh vực này không phải là chính yếu trong hoạt động của Hồ Chí Minh. Phương châm chủ yếu trong cuộc sống của Người là câu nói nổi tiếng của Các Mác: "Mỗi bước chuyển động hữu hiệu quý hơn cả hàng tá cương lĩnh"[1]. Người là nhà cách mạng thực tiễn, một con người hành động với ý đẹp nhất của từ này. Phải làm mọi việc có thể làm được để xích lại gần giờ phút giải phóng và chiến thắng, nhằm xây dựng thành công cuộc sống mới, đó là quy luật mà Người đã tuân theo suốt đời mình và kiên quyết kêu gọi các bạn chiến đấu cùng làm theo.

Hồ Chí Minh đã có uy tín to lớn vô hạn trong quần chúng nhân dân Việt Nam. Nhưng cái đó chính là uy tín chứ không phải sùng bái cá nhân với những méo mó xuyên tạc và tội ác tất yếu của nó. Như đã biết, do một số nguyên nhân khách quan và chủ quan, tệ sùng bái cá nhân với tư cách là hiện tượng chính trị xã hội đã tác động đến không phải là một nước xã hội chủ nghĩa, đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến các lý tưởng của chủ nghĩa xã hội. Việt Nam may mắn không lâm vào tình trạng này trước hết nhờ những phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh, là một nhà lãnh đạo tiêu biểu kiểu Lênin với đúng nghĩa của từ đó.

Ngay vào những năm khó khăn nhất của cuộc đấu tranh vì tự do và độc lập, vì sự sống còn của Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn luôn chống lại

1. Mác - Ăng-ghen: *Toàn tập*, tập 34 (tiếng Nga), tr.111.

các phương pháp mệnh lệnh quyền uy, Người triệt để thực hiện chủ trương lãnh đạo tập thể, duy trì tính dân chủ trong mối quan hệ giữa lãnh đạo và đảng viên, giữa Đảng và nhân dân.

Trong một bài báo của mình về những vấn đề đạo đức cách mạng và đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, Hồ Chí Minh nêu lên rằng: Nếu ở một nhà lãnh đạo Đảng có căn bệnh chủ nghĩa cá nhân bám vào, thì điều đó dẫn đến hậu quả nặng nề đối với Đảng và nhân dân, gây thiệt hại to lớn cho chủ nghĩa xã hội. Lời nói này đặc biệt cấp bách trong tình hình hiện nay trước những sự kiện bi thảm ở các nước Đông Âu.

Ngay vào những năm 20, Hồ Chí Minh đã viết: "Lênin thu hút và chinh phục trái tim của các dân tộc châu Á không chỉ bằng sự thiên tài, mà còn bởi Người coi nhẹ sự xa hoa, yêu lao động, cuộc sống thanh bạch, trong sáng, tính giản dị, tóm lại, bởi đạo đức cao cả và sự cao thượng của Người Thầy vĩ đại". Suốt đời mình, Hồ Chí Minh triệt để tuân theo lý tưởng của Lênin.

Người là vị lãnh tụ của dân tộc mình, nhà lãnh đạo bất khuất và sáng suốt của Đảng và Nhà nước, và đồng thời trong tiềm thức của người dân Việt Nam bình thường, Hồ Chí Minh bao giờ cũng là người giản dị và gần gũi chia sẻ với mọi suy nghĩ, lo toan, ước mơ và hy vọng của họ. Chính bởi vậy nhân dân đã gọi Người một cách yêu mến là "Bác Hồ" để thể hiện sự kính trọng sâu sắc và gần gũi mật thiết.

Hồ Chí Minh đã kiên quyết phấn đấu vì đạo đức cách mạng cao cả, phấn đấu không mệt mỏi để giáo dục những phẩm chất tốt ở mỗi đảng viên và ở mỗi người lao động Việt Nam. Với thanh niên, Người đã dặn dò: "Trong mỗi việc làm trước hết không nên suy nghĩ về mình mà về đồng bào, về toàn dân... khi có khó khăn phải đi trước và hưởng thụ sau thiên hạ"[1].

Hình ảnh của Hồ Chí Minh lan toả sự ấm cúng, nhân hậu đối với mọi người. Người đã từng chia sẻ nỗi đau của người khác hơn là nỗi đau của chính mình. Nhiều người đã từng được gặp Hồ Chí Minh nói rằng Người đã hiểu biết rất sâu sắc những điều về cuộc sống của nhân dân, về những thử thách và hy sinh của họ. Người rất xúc động kể lại lòng dũng cảm của

1. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, tập 2, Hà Nội, 1980, tr.96.

các chiến sĩ Việt Nam, và luôn xót xa nói về "những người đã khuất chính là những con người ưu tú nhất".

Về bản chất, Hồ Chí Minh là một người mềm mỏng, hiền từ, nhưng Hồ Chí Minh thường nói: "Không có việc gì khó chỉ sợ lòng không bền" - đó là câu nói tốt đẹp của Bác Hồ. Người đã từng dạy rằng: "Để giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nhân dân phải thể hiện tinh thần cách mạng triệt để, luôn luôn giương cao lá cờ của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, không lùi bước trước bất cứ khó khăn và hy sinh nào, kiên quyết đấu tranh đến cùng"[1].

Một trong những phẩm chất rực rỡ nhất của Hồ Chí Minh làm cho mọi người mến phục là tính lạc quan lịch sử vô tận. Ngay vào những ngày tháng bi thảm nhất của cuộc cách mạng Việt Nam, khi mà dường như cách mạng bị dồn vào tận hang núi và rừng sâu, còn kẻ thù thống trị hầu như cả nước, thì Hồ Chí Minh vẫn tượng trưng cho lòng tin không gì lay chuyển nổi vào sự thắng lợi tất yếu của sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Việt Nam. Người đã từng dạy không được sợ hãi kẻ thù, hãy tin vào sức mình và sự giúp đỡ của bè bạn. Chính nhờ đó, nhân dân Việt Nam không biết sợ hãi trước kẻ thù bên ngoài, dù nó hung dữ và nguy hiểm tới mức nào.

Hồ Chí Minh - nhà yêu nước vĩ đại của Việt Nam, đồng thời là một nhà quốc tế triệt để nhất. Người thường xuyên chủ trương đoàn kết nhân dân lao động các nước khác nhau, thực hiện liên minh giữa nhân dân Việt Nam với các lực lượng tiến bộ trên thế giới. Hoạt động của Người là một tấm gương của sự kết hợp hữu cơ giữa cuộc đấu tranh vì lợi ích của nhân dân lao động nước mình với lợi ích của các dân tộc đấu tranh vì độc lập và tự do, vì hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới.

Hồ Chí Minh đã đóng góp phần to lớn của mình vào sự phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam với các nước mới giải phóng, vào cuộc đấu tranh vì sự thống nhất, đoàn kết của các lực lượng chống đế quốc. Người đã từng viết: "Chính vì Đảng ta biết kết hợp khéo léo phong trào cách mạng ở đất nước mình với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế và các dân tộc bị áp bức trên thế giới, nên chúng ta đã vượt qua mọi khó khăn và đưa nhân dân đến những thắng lợi vẻ vang"[2].

---

1. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, tập 2, Hà Nội, 1980, tr.467.
2. Hồ Chí Minh, sđd, tr.167.

Ở Liên Xô, tên tuổi của Nguyễn Ái Quốc được đặc biệt kính trọng và yêu mến. Nhà yêu nước vĩ đại của Việt Nam đã đặt nền tảng và tích cực phấn đấu phát triển tình hữu nghị Việt - Xô. Ngay trước thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám ở Việt Nam, Người đã ba lần sang thăm Liên Xô vào những năm 1923-1924, 1927-1928 và 1934-1938. Người đã làm việc trong Ban Phương Đông của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, đã học trong Trường Cộng sản Phương Đông và Trường Quốc tế Lênin, đã làm việc trong Viện các vấn đề dân tộc và thuộc địa, đã tham gia Đại hội V và VII của Quốc tế Cộng sản. Tóm lại, Nguyễn Ái Quốc đã ở đất nước Liên Xô hơn 6 năm và nước này trở thành quê hương thứ hai của Người. Trong những năm 30 và 60, Hồ Chí Minh cũng nhiều lần sang thăm Liên Xô với tư cách Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chủ tịch Đảng Lao động Việt Nam. Người luôn luôn coi Liên Xô như là người bạn gần gũi nhất và người bạn chiến đấu của nước Việt Nam đang chiến đấu, là chỗ dựa vững chắc của nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh gian khổ vì độc lập tự do.

Điều đáng chú ý là, một trong những bài được in cuối cùng của Hồ Chí Minh là bài đăng trên báo *Sự thật* (Pravda) nhân dịp kỷ niệm 50 năm Cách mạng Tháng Mười, trong đó tác giả viết: "Tục ngữ Việt Nam có câu "uống nước nhớ nguồn"... Đi theo con đường do Lênin vĩ đại vạch ra, con đường của Cách mạng Tháng Mười, nhân dân Việt Nam đã giành được những thắng lợi to lớn. Chính bởi vậy nhân dân chúng tôi có lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc đối với Cách mạng Tháng Mười vẻ vang, đối với Lênin vĩ đại và nhân dân Liên Xô".

*
* *

Nhân dân Việt Nam, toàn thể loài người tiến bộ đều tôn kính Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nghị quyết của UNESCO về việc kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người đã nói lên điều đó. Nhiều nước trên thế giới đang xuất bản những tác phẩm của Hồ Chí Minh, hồi ký về Người, tiến hành những cuộc nghiên cứu khoa học về cuộc sống và hoạt động của Người. Ở Liên Xô đã xuất bản hàng chục cuốn sách, trong đó có cuốn "Hồ Chí Minh - Tác phẩm chọn lọc", cuốn "Hồi tưởng về Hồ Chí Minh" mới được xuất bản cách đây 4 ngày nhân dịp kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người.

Nhà xuất bản Đội Cận vệ trẻ của Liên Xô trong loạt sách "Cuộc sống của những người lỗi lạc", đã được nhà văn vĩ đại Liên Xô Mác-xim Goóc-ki mở đầu 60 năm trước đây, đã hai lần xuất bản cuốn sách văn học chính luận về cuộc sống và hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh với số bản in tổng cộng 200 nghìn cuốn... Cuốn sách này được dịch ở Việt Nam, Bun-ga-ri, Mông Cổ. Nhà xuất bản Tiến bộ của Liên Xô đã ấn loát cuốn sách này bằng các thứ tiếng Việt Nam, Lào, Anh. Nhân dân các dân tộc khác nhau đọc đi đọc lại những trang nói về cuộc sống của vị lãnh tụ của nhân dân Việt Nam, nhớ mãi hình ảnh của Người.

Song, hiển nhiên, đài tưởng niệm rực rỡ nhất về Chủ tịch Hồ Chí Minh là những thắng lợi lịch sử mà nhân dân ba nước Đông Dương đã giành được trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội mà chính Người đã đặt nền tảng cho các thắng lợi đó hơn nửa thế kỷ trước đây. Những ước mơ và *Di chúc* của Người đang trở thành hiện thực. Đúng như đại hội IV của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nói, Hồ Chí Minh "đã hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất tổ quốc, cho sự nghiệp của Đảng và nhân dân, đã làm rạng rỡ non sông đất nước ta, và để lại di huấn bất diệt cho chúng ta và các thế hệ mai sau".

VAI TRÒ CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ TIẾN BỘ CỦA PHỤ NỮ

GIÔ-XƠ-PHIN STEN-XƠN
(JOSEPHINE STENSON)
Nhà Sử học, Trường đại học Phơ-lo-ri-đa At-lăng-tích (Mỹ)

Sự ngắn gọn của bài viết này phản ánh việc thiếu thời gian chuẩn bị và hoàn toàn không tương xứng với những đóng góp của Hồ Chí Minh đối với tiến bộ của phụ nữ trong lịch sử nhân loại. Mặc dù vậy có một lời phát biểu, dù là ngắn, về khía cạnh quan trọng đó của Hồ Chí Minh còn hơn là im lặng trong một dịp tốt lành như thế này.

Năm nay - năm 1990, chúng ta đang ở vào một thời điểm chưa từng có của những biến đổi xã hội. Đó là sản phẩm của 200 năm qua, những năm tháng đã sản sinh ra những lãnh tụ chính trị nổi tiếng trên thế giới nhiều hơn tất cả những giai đoạn khác trong lịch sử. Trong số những lãnh tụ thế giới như Tô-mát Giéc-phéc-sơn, Ma-hat-ma Găng-đi, Vla-đi-mia I-lich Lê-nin, Các Mác, Mao Trạch Đông, Mắc-tin Lu-thơ Kinh, và Nen-xơn Man-đê-la, chỉ có Hồ Chí Minh đã luôn luôn bộc trực về quyền bình đẳng của phụ nữ, về giáo dục, tự do ngôn luận độc lập về kinh tế và quyền của phụ nữ được hưởng các quyền lợi khác như của nam giới. Chỉ Hồ Chí Minh là thấy được rằng phụ nữ đã phải chịu đựng những gánh nặng như nam giới và còn hơn thế nữa.

Tất cả những lãnh tụ nói trên đều quan tâm sâu sắc đến công lý xã hội cho toàn thể xã hội. Vậy thì tại sao chỉ Hồ Chí Minh đã thẳng thắn nói về chủ đề phụ nữ. Để trả lời cho câu hỏi đó, tôi nghĩ rằng chúng ta phải nhìn lại những năm tháng đầu tiên của cuộc đời Hồ Chí Minh.

Không giống như các vị lãnh tụ khác của thế giới, người ta ít được biết về gia đình của Hồ Chí Minh. Điều này cho thấy sự chấn thương của xã hội Việt Nam vào lúc đó và càng trở nên lý thú khi đặt trong bối cảnh

của những gia đình truyền thống của Việt Nam, những gia đình không chỉ có ông bà, bố mẹ, anh chị em ruột, cô chú, bác ruột mà cả những gia đình thông gia. Chúng ta biết rằng trong thời thơ ấu của Hồ Chí Minh đã có sự kiện nổi bật. Khi Người còn nhỏ, thân phụ của Người, ông Nguyễn Sinh Sắc đã rời nhà đi thuyết giảng về chủ nghĩa dân tộc và chữa bệnh cho mọi người. Vì vậy thân mẫu Người đã phải một mình nuôi dạy ba đứa con ở một nước đang còn bị chiếm đóng. Nói một cách khác, Bà đã phải gánh vác toàn bộ gánh nặng.

Có hai nét nổi bật trong sự chiếm đóng của Pháp ở Việt Nam: sự đàn áp tàn bạo đối với những người chống đối và sự bóc lột dã man đối với phụ nữ Việt Nam, những người không được hưởng những quyền cơ bản của con người và bị chiếm đoạt phẩm cách của con người, do những sự cấm đoán thô bạo và những lề thói có tính chất cổ hủ. Trong số những điều nói trên, người phụ nữ bị bác bỏ quyền được học chữ, quyền được quyết định số lượng con cái, quyền được ly dị một người chồng thô bạo, quyền được truy tố, thậm chí là chống lại kẻ hãm hiếp mình.

Mặc dù phải trải qua những vất vả và khó khăn, dường như là người mẹ của Hồ Chí Minh đã hỗ trợ cho sự hoạt động của chồng mình, là người yêu nước nồng nàn. Người con gái duy nhất của Bà đã bị kết án tù chung thân ở tuổi 14 do việc mua bán vũ khí. Như vậy, từ thuở thiếu thời của Hồ Chí Minh, hai người phụ nữ trong gia đình của Người đã là nạn nhân của những tai hoạ và cả hai tai hoạ đó đều là hậu quả của sự bất công xã hội đối với phụ nữ. Chắc chắn là những tai hoạ này có ảnh hưởng quan trọng và lâu dài đối với cuộc đời của Người khi trưởng thành. Hồ Chí Minh đứng trước sự bất công xã hội không ngừng tăng lên và bị làm sâu sắc thêm bởi sự đàn áp tàn bạo đối với những người dám thách thức giới cầm quyền.

Như tất cả chúng ta ở đây đều rõ, chính là từ việc biết đến câu châm ngôn của Cách mạng Pháp: *tự do, bình đẳng, bác ái* mà Hồ Chí Minh quyết định rời Việt Nam đi tìm hiểu những thực tế khác và nguồn gốc triết học của câu châm ngôn đó.

Tháng 6 năm 1911, Hồ Chí Minh xung phong vào làm thuỷ thủ trên một con tàu đi biển La-tu-sơ Tơ-rê-vin (La Touche Tréville). Người làm nhiệm vụ của một người phục vụ trên tàu. Chính trên con tàu này, Người đã gặp một hình thức nô dịch khác đối với phụ nữ. Người đã gặp những

người tôi tớ là những người vợ, những người con gái và chị em gái, những người mẹ và các bà. Những người đó bị giới hạn trong những vai trò nhỏ mọn trong xã hội mà nội dung chủ yếu của vai trò đó là làm đối tượng cho những ham muốn tình dục. Đối với những người phụ nữ này, tất cả các hoạt động khác của họ cũng chỉ là thuộc về một loại là làm các trò tiêu khiển. Sự lười nhác được áp đặt lên họ đã cầm tù họ trong suốt cuộc đời của mình.

Chúng ta không có bằng chứng nào về quan hệ bạn bè của Người với phụ nữ trong giai đoạn này, khác với những điều kiện chúng ta biết về quan hệ bè bạn của Ben-gia-min Phơ-răng-cơ-lin (Benjamin Franklin) khi ông ta gặp những người phụ nữ Pháp... Nhưng chúng ta biết rằng vào thời kỳ này, Hồ Chí Minh một thanh niên trẻ, đẹp trai, cao và tóc sẫm màu với vẻ hấp dẫn và uy tín đang tăng lên là những dấu hiệu bên ngoài báo trước Người sẽ là thiên tài vĩ đại. Về mặt thể chất và tinh thần, Người hoàn toàn đối lập với các nhà kinh doanh Pháp bụng phệ đầu hói, chơi bời phóng đãng và đám con gái vênh vang tự cao tự đại, chỉ chạy theo mốt của họ.

Mỗi khi tàu dừng lại ở các cảng nước ngoài, như Cô-lôm-bô và nhiều cảng khác, Hồ Chí Minh nhận thấy có một kiểu chà đạp nhân cách phụ nữ khác nhau, thông qua trao đổi buôn bán gái điếm rất thịnh hành. Ở mỗi cảng, việc trao đổi buôn bán này diễn ra ở góc độ khác nhau. Khi trở về Mác-xây (Marseille), một thành phố ở đất nước mà Người muốn đến, Hồ Chí Minh có lẽ đã ngạc nhiên khi nhận thấy tình cảnh của phụ nữ ở mọi lứa tuổi, thuộc mọi chủng tộc và quốc tịch đều rõ ràng tồi tệ hơn ở các cảng mà Người đã tới. Mác-xây cũng là cảng giàu nhất và nhộn nhịp nhất trong tất cả các cảng đó.

Chẳng bao lâu sau đó, Hồ Chí Minh lại đáp một con tàu khác nhằm hướng tới thành phố Niu Yoóc (New York), một cảng lớn hơn nữa. Chắc chắn đó là một điều kinh ngạc khi đi ngang qua tượng Nữ thần Tự do và phần hồn gây đầy ấn tượng là những toà nhà chọc trời và giao thông đi lại hối hả đủ kiểu diễn tả một cách kiêu hãnh sự đắc thắng của thế giới tư bản công nghiệp.

Nhưng, vùng bến cảng này cũng lại đầy rẫy những nhà chứa và lũ cò mồi ma cô. Xa hơn nữa là vô số những xí nghiệp bóc lột công nhân tàn tệ, trong đó nhiều xí nghiệp chỉ thuê toàn phụ nữ. Chỉ có 4 năm trước đó, vụ

cháy ở nhà máy Triangle đã làm cả thế giới sửng sốt vì hàng chục công nhân nữ bị chết do bị khoá nhốt ở trong không có lối ra. Vào khoảng thời kỳ Hồ Chí Minh đến Niu Yoóc, khu Brúc-lin (Brooklyn) và các vùng lân cận phía Đông của thành phố đang tràn ngập những gia đình dân nhập cư châu Âu, nhiều gia đình trong số đó có trên một chục trẻ em, tất cả đều sinh ra trong nghèo khổ và đó là hình mẫu đáng buồn về sự tàn bạo của con người đối với con người, cũng như đối với phụ nữ.

Chẳng bao lâu, Luân Đôn lại vẫy gọi Hồ Chí Minh. Một khi đã tới đó, Người lại trở thành một sinh viên say sưa nghiên cứu văn hoá và ngôn ngữ. Theo học Vua đầu bếp E-xcô-phi-ê[1] ở Luân Đôn, Hồ Chí Minh biết được nhiều bí mật của những người thuộc tầng lớp con ông cháu cha quý tộc nhất trong xã hội, thị hiếu cũng như quan điểm của họ nói chung.

Vào năm 1919, Hồ Chí Minh đã rất kiên quyết trong các phát biểu về quyền bình đẳng của phụ nữ. Nhưng cho đến lúc đó và sau đó, chưa có một phụ nữ nào đã bước vào cuộc đời Người, như là một người bạn riêng tư, bạn gái tâm tình hoặc người vợ. Thay vào đó, cùng với mối quan tâm của Người và công bằng xã hội, và đặc biệt là về các quyền của phụ nữ càng sâu sắc hơn, thì Hồ Chí Minh cũng tránh xa các quan hệ riêng tư và những người trong gia đình. Người ôm ấp một gia đình rộng lớn là dân tộc Việt Nam, nhân dân Việt Nam, nam giới, phụ nữ và Người coi trẻ em ở khắp mọi nơi như con em của chính mình, coi phụ nữ ở khắp mọi nơi như em gái, chị gái của chính mình, những người đang phải chịu đựng những ách nặng nề.

Ngày nay, bài học về cuộc đời và tư tưởng của Hồ Chí Minh có rất nhiều và sáng rõ. Như Hồ Chí Minh thường chỉ ra, quan điểm của Người về công bằng xã hội cho phụ nữ được đặt trong một bối cảnh rộng lớn hơn là công bằng xã hội cho tất cả mọi người. Nhưng chính nam giới lại là những người miễn cưỡng nhất trong việc chuyển giao cho phụ nữ quyền bình đẳng mà họ đòi hỏi ở những người khác. Tại sao lại như vậy? Họ sợ gì vậy? Họ sợ rằng phụ nữ chúng tôi sẽ làm gì với quyền tự do của chúng tôi chăng? Chắc chắn là chúng tôi không thể làm điều gì tồi tệ hơn họ, như nhiều nam giới trên khắp thế giới sẵn sàng thừa nhận.

---

1. E-xcô-phi-ê là người Pháp nổi danh với tên gọi "Vua đầu bếp" ở Luân Đôn bấy giờ (BBT).

Để kết luận tôi tin rằng tại lễ kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Hồ Chí Minh đầy xúc động này, chúng ta phải làm nhiều hơn, chứ không phải chỉ viết và đọc tài liệu về Hồ Chí Minh. Với tư cách là các học trò của Người, chúng ta cần phải quyết tâm đẩy nhanh quá trình biến đổi để đạt được công bằng xã hội rộng lớn hơn cho phụ nữ và vì thế đồng thời cho cả nam giới. Chúng ta phải tuyên truyền rộng rãi những lời dạy bảo của Người và khuyến khích hàng triệu người nữa đọc những lời dạy của Người, nghiên cứu cuộc đời của Người và đóng góp vào sự nghiệp công bằng bình đẳng cho toàn nhân loại.

THƠ CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI NGƯỜI NHẬT BẢN

CA-OA-MÔ-TÔ CU-NI (KAWAMOTO KUNIE)
Giáo sư Trường đại học Kê-i-ô, Nhật Bản

Những tin tức về việc Chủ tịch Hồ Chí Minh đang bị ốm nặng đã được đăng trên tất cả các báo phát hành ở Tô-ky-ô ngày 3-9-1969, đặc biệt là 5 tờ báo lớn đăng tin đó với những dòng chữ đậm ở trên trang nhất. Đó là những bài viết về nội dung thông báo của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và của Đài phát thanh Hà Nội đưa tin 2 lần trong ngày này và những bài tỏ ý lo ngại việc đó sẽ có ảnh hưởng nghiêm trọng đối với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam trong lúc đang tiến hành cuộc hội đàm Pa-ri một cách thuận lợi, hoặc hy vọng điều đó không làm trở ngại tới sự tiến triển có lợi đối với phía Mặt trận. Ngày hôm sau 4-9, các báo buổi chiều đã đưa tin về cái chết của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên trang nhất với những dòng cảm xúc đau buồn. Có thể nói là hầu hết những người trí thức Nhật Bản là những người yêu mến Chủ tịch Hồ Chí Minh, và biểu lộ lòng kính trọng Người bằng nhiệt tình ủng hộ nhân dân Việt Nam trong phong trào chống chiến tranh suốt thời gian qua. Họ sống thầm lặng bằng những tình cảm đó đối với Người, vì vậy những tin tức này đã làm cho họ rất sửng sốt. Những báo buổi chiều ngày hôm đó không những chỉ đăng trên trang nhất mà trang nào cũng đầy những bài viết về Hồ Chủ tịch của những nhà bình luận, những người trí thức. Trong trang viết về cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh đăng trên báo Yo-mi-u-ri, tờ báo lớn nhất của Nhật Bản mỗi ngày ra tới tám triệu số, đã đăng bài với nhan đề "Hồ Chí Minh - nhà thơ", trong đó đã dịch và giới thiệu với độc giả 7 bài thơ của Người, viết trong cuốn "Nhật ký trong tù". Trong lời giới thiệu, bài báo viết "Hồ Chí Minh không chỉ là một nhà thợ theo nghĩa của nó. Trong thơ của Người có ánh sáng đến mức đáng ngạc nhiên đối với những con người

sống trong nghịch cảnh và đứng trước cái chết. Sức mạnh tinh thần của Hồ Chí Minh là chỗ dựa về tinh thần đối với nhân dân Hà Nội đang phải chịu đựng các cuộc ném bom. Muốn hiểu về Người, thì tốt nhất hãy đọc những bài thơ đó hơn là đọc những bài viết của những nhà nghiên cứu lâu năm về cuộc đời của Người".

Cũng giống như những báo khác, về việc này tờ Asahi, một trong những tờ báo lớn nhất của Nhật Bản, trong cột văn hoá nghệ thuật, đã đăng bài viết của tôi. Lúc đó ngoài tôi ra chưa có người nào nghiên cứu về Việt Nam và nghiên cứu về thơ, văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nên báo Asahi đã đăng liên tục nhiều ngày từ 4-9 những bài viết của tôi. Tôi viết: Tôi muốn làm cho nhân dân Nhật Bản biết được rằng Người là nhà thơ. Tất cả các bài của tôi với đầu đề là: "Hồ Chí Minh - một nhà thơ" và với phụ đề là "ý chí không già mà trẻ trung như thanh niên". Về thơ chữ Hán của Hồ Chủ tịch, trước đây khi dịch thơ chữ Hán cổ ra tiếng Nhật, người Nhật thường viết theo Hán văn trong đó làm sống lại cách phát âm và biểu hiện của Hồ Chí Minh thường dùng cách dịch ngũ thất, là phương pháp hay nhất có tính truyền thống của tiếng Nhật.

Tôi viết: "Có tư liệu viết rằng khá nhiều người nghi hoặc rằng khi Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà công bố danh sách Chính phủ đầu tiên ngày 28-8-1945, cái tên Hồ Chí Minh, người giữ chức Chủ tịch kiêm Ngoại trưởng lúc đó có phải cùng là một nhân vật Nguyễn Ái Quốc nổi tiếng hay không? Trong tư liệu đó cũng viết rằng Hồ Chí Minh chắc chắn hẳn là Nguyễn Ái Quốc. Người Việt Nam vui sướng vô hạn dang tay chào mừng Cách mạng Tháng Tám thành công, lòng tràn đầy hy vọng và chờ đợi rằng Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh là cùng một nhà cách mạng, và tất nhiên Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh chỉ là một người - một nhà cách mạng, điều đó đã được nhân dân toàn thế giới biết đến. Các báo của Nhật đưa tin một cách đích xác về việc này từ khoảng năm 1951. Và hiện nay hầu hết trí thức, học sinh của Nhật Bản đều biết rằng cả hai tên đó của Người không phải là tên thực đã dùng trong lúc sinh thời. Cái tên Nguyễn Ái Quốc - "người yêu nước họ Nguyễn" và Hồ Chí Minh được giải thích với nghĩa "người vạch rõ ý chí họ Hồ" đã là những cái tên dùng chung trong các nước có nền văn hoá chữ Hán như Nhật Bản, Trung Quốc, Triều Tiên và Việt Nam, và hương thơm của các nhà nhân văn truyền thống và nhà thơ đang toả thơm ngát. Để hoạt động cách mạng, Người đã giấu tên Nguyễn Tất Thành và viết dưới tên của

một nhà chính trị, nhưng tôi hiểu những tên đó tự bản thân nó nói lên rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà thơ. Đối với tôi, Hồ Chủ tịch là thi sĩ. Hơn nữa ở đất nước Việt Nam, nơi được gọi là "đất nước của thơ và tre", từ đời xưa đã có thơ và sinh ra những nhà thơ, thì Hồ Chí Minh rõ ràng là một nhà thơ lớn.

"Nhật ký trong tù" là tập thơ chữ Hán bình dị trong sáng có 127 bài[1]. Và như mọi người đều biết, đây là tác phẩm viết trong thời kỳ Người bị chính quyền địa phương Tưởng Giới Thạch Quốc dân Đảng bắt và giải đi qua rất nhiều nhà lao ở tỉnh Quảng Tây.

Người Nhật Bản ngày nay vẫn lấy chữ Hán làm văn tự. Tuỳ theo cách nhìn, những chữ Hán mà người Nhật hiện đang dùng có thể nhiều hơn chữ Hán người Trung Quốc đang dùng. Nhưng rất ít những nhà thơ làm thơ bằng chữ Hán, tuy vậy người Nhật Bản, cũng giống như ngày xưa, rất thích dùng chữ Hán. Thơ chữ Hán của Hồ Chủ tịch được viết bằng chữ Hán, nhưng thể hiện bằng âm luật của tiếng Việt. Viết bằng chữ Hán nhưng hoàn toàn đó là những bài thơ tiếng Việt. Hầu hết người Nhật Bản đều yêu thích thơ của Người. Đó là một biểu hiện lòng ái mộ của người Nhật đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tôi đã viết như trên trong các bài đăng trên báo. Trong đó tôi đã dẫn ra 6 bài thơ với cách dịch theo lối thơ truyền thống của Nhật Bản. Đó là bài "Cảnh binh đảm trư đồng hành", tức là "Lính gác khiêng lợn cùng đi":

Cảnh sĩ đảm trư đồng lộ tẩu,
Trư do nhân đảm, ngã nhân thiên;
Nhân nhi phản tiện ư trư tử,
Nhân vị nhân vô tự chủ quyền.

Có nghĩa là:

Khiêng lợn, lính cùng đi một lối,
Ta thì người dắt, lợn người khiêng;
Con người coi rẻ hơn con lợn,
Chỉ tại người không có chủ quyền!

1. Theo số liệu của bản in lần thứ 3: Hồ Chí Minh: *Nhật ký trong tù*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1983.

Tôi đã dịch bài thơ này ra tiếng Nhật.

Theo tôi, bài thơ này là bài tiêu biểu trong toàn bộ tập thơ. Bởi vì nó thể hiện được cả tài năng thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh và khí phách của Nhà cách mạng Hồ Chí Minh.

Trong những người lính dẫn giải Hồ Chủ tịch có người lính khiêng lợn để ăn dọc đường, nhưng bản thân Người thì lại bị trói dẫn đi không khác gì kiếp trâu ngựa. Thế thì làm lợn còn sướng hơn! Đây là sự đối xử của Tưởng Giới Thạch đối với con người. Trong lúc bị ngược đãi, Người vẫn luôn luôn cười yêu đời. Lúc đó Người vô cùng căm thù đối với sự đối xử của Tưởng Giới Thạch Quốc dân Đảng, song viết trên thơ Người lại thể hiện bằng lối nói châm biếm. Trong thơ không thể hiện những hoàn cảnh bi kịch của bản thân mình mà thể hiện một cách thẳng thắn tình cảm lạc quan với phong cách nhẹ nhàng. Đó là một bài thơ biểu hiện chủ nghĩa lạc quan cách mạng.

Câu cuối cùng của bài thơ có một ý nghĩa quan trọng đặc biệt.

"Nhân vị nhân vô tự chủ quyền".

Có nghĩa là: *Vì con người không có quyền tự do,*

Ý nghĩa này còn được tiếp tục trong bài thơ số 51 như sau:

Thế thượng thiên tân hoà vạn khổ,
Mạc như thất khước tự do quyền;
Nhất ngôn bất động bất tự chủ,
Như ngưu, như mã nhiệm nhân khiêm!

Tức là:

Trên đời nghìn vạn điều cay đắng,
Cay đắng chi bằng mất tự do?
Mỗi việc mỗi lời không tự chủ.
Để cho người dắt tựa trâu bò!

Tôi cũng đã dịch bài thơ này sang tiếng Nhật.

Khi đọc bài thơ này, trước mắt tôi hiện lên khuôn mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh thật hiền từ và đôi mắt thật rực sáng và bộ râu của Người. Đó có lẽ là những cảm xúc chung của tất cả mọi người Nhật Bản yêu thơ Người.

Người đọc nhận được những tình cảm hiền hậu và một ý chí cách mạng mãnh liệt từ những bài thơ, đó là giá trị cao quý nhất của tập thơ "Nhật ký trong tù".

Cách đây 5 năm, tôi có dịp sang thăm Trung Quốc và tới khu tự trị Quảng Tây, nơi có thị trấn có nhà tù mà Hồ Chủ tịch đã bị giam cầm. Phong cảnh nơi đó có lẽ đến nay chưa có gì thay đổi. Tôi đã đi thăm một số nơi trong nhà tù và đứng ngắm nhìn những nơi ấy. Tôi nhớ lại những cảnh cách đây 45 năm khi Bác Hồ bị giam giữ. Là một người đại diện những người yêu thơ Bác Hồ trong những người Nhật Bản, tôi có cảm tình sâu sắc với những lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thỉnh thoảng tôi đã viết những cảm tưởng ấy của mình trên các trang báo. Và đến nay tôi vẫn thường nhận được những bức thư đầy cảm kích của các độc giả Nhật Bản gửi đến.

Tôi tin rằng chắc chắn sẽ có nhiều người yêu thơ và ái mộ đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh.

NHỮNG ĐỨA CON CỦA CHIẾN TRANH NHÀ THƠ HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ GIẢI PHÓNG CON NGƯỜI*

Tiến sĩ VI-VEN-XI-Ô HÔ-XÊ (VIVENCIO R.JOCE)
Trưởng khoa Nghệ thuật và văn học Trường đại học Phi-lip-pin,
Chủ tịch Hội hữu nghị Phi-lip-pin - Việt Nam

Đối với thanh niên những năm 60 và 70 tại nhiều nơi trên thế giới, Việt Nam là trung tâm của cuộc đấu tranh giải phóng mà ranh giới không được xác định. Các ranh giới của nó vượt qua giới hạn của Việt Nam trên quy mô thế giới vì những người có thiện cảm với những chiến sĩ chiến đấu cho tự do của Việt Nam đã chống lại bọn diều hâu và các chính phủ của họ đã phạm lỗi đứng về phía kẻ thù của Việt Nam. Cái chiến trường liên tục không có biên giới này, trong đó các đạo quân xung đột nhau cả ngày và đêm tạo nên những anh hùng và liệt sĩ của nó, và cố nhiên cả những đứa con của nó, những người đã tổ chức những cuộc biểu tình phản kháng khổng lồ tại các thủ đô trên thế giới để giúp đỡ Việt Nam thực hiện mục tiêu của mình.

Tình hữu ái đối với nhân dân Việt Nam ngày càng sâu thêm đến nỗi lúc đó nó trở thành một niềm tin trong số những người con của chiến tranh rằng bất cứ ai chiến đấu cho tự do ở các nơi đều là người Việt Nam. Những đứa con của chiến tranh nảy sinh từ mọi dân tộc. Họ sôi sục tinh thần hăng hái của tuổi trẻ và được cổ vũ bởi một niềm tin cách mạng tuy còn giản đơn nhưng chân thực rằng: những người ở trong cuộc đấu tranh sinh tử kia sẽ giải quyết được cuộc xung đột của họ để cho những người bảo vệ đất nước chiến thắng bọn xâm lược và đánh bại chúng một cách nhục nhã.

Lúc đó yêu tự do tức là người Việt Nam. Đây là một lôgích huyền bí nhưng có tính lịch sử, mà ở trung tâm của nó, trong đầu óc của những

---

* Đầu đề do chúng tôi bổ sung thêm (BBT).

đứa con của chiến tranh kia, hiện lên một hình ảnh hiền từ và đáng kính. Đó là Hồ Chí Minh.

I. *Nhật ký trong tù* và những sự việc khác

A. Nguồn gốc của Nhật ký trong tù

Một điểm sáng quan trọng của cuộc đời Hồ Chí Minh là cội nguồn của tập thơ của Người. Vào tháng 8 năm 1942, Người đang lo chuẩn bị cuộc tổng khởi nghĩa. Nhưng bọn cảnh sát của Tưởng Giới Thạch đã bắt giữ Người ở gần biên giới Trung - Việt. Chúng cầm tù Người từ mùa thu năm 1942 đến mùa thu năm 1943, bắt Người phải đi hàng tháng trời, lần lượt chuyển qua 30 nhà tù[1] vì cái tội, như Người viết: "Tội trung với nước với dân à?"[2]. Nhiều khi Người bị giam trong một xà lim đen tối, chật hẹp, cách xa các đồng chí của mình trong khi cả thế giới đang có chiến tranh. Người không chấp nhận thất bại, trái lại quyết định:

Ngày dài ngâm ngợi cho khuây,
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do.

Một bài thơ viết trong hoàn cảnh này, cũng có biểu lộ tâm trạng lo lắng:

BUỒN BỰC

Tráng sĩ đua nhau ra mặt trận,
Hoàn cầu lửa bốc rực trời xanh
Trong ngục người nhàn, nhàn quá đỗi,
Chí cao mà chẳng đáng đồng chinh.

Ở đây, trong những điều kiện khổ cực, bị giam cầm như vậy, vẫn biểu hiện cái tinh thần bất khuất của con người. Trong những phút thuận tiện, Người thường ghi lại những ấn tượng của mình. Để cho bọn cai tù khỏi ngờ vực, Người sử dụng ngôn ngữ của họ "tiếng Hán cổ điển" chứ không phải tiếng mẹ đẻ. Người ta có thể hình dung sự vất vả và ý chí phi thường đã nâng đỡ Người vượt qua những trở lực như vậy. Sự quyết chí của Người là rõ ràng và dứt khoát. Ta thấy điều đó nói lên trong một bài

1. Hồ Chí Minh: *Nhật ký trong tù*.
2. Như trên.

thơ kể lại nỗi nhớ nhà của Người, những thử thách trong tù và sự an ủi của thơ.

ĐÊM THU

Trước cửa lính canh bồng súng đứng,
Trên trời trăng lướt giữa làn mây,
Rệp bò ngang dọc như xe cóc,
Muỗi lượn hung hăng tựa máy bay;
Nghìn dặm bâng khuâng hồn nước cũ,
Muôn tơ vương vấn mộng sầu nay;
Ở tù năm trọn thân vô tội,
Hoà lệ thành thơ tả nỗi này.

Trong khi dốc tâm trí vào thơ, Người đã viết được một kiệt tác về văn học "bằng ngôn ngữ cổ điển của các nhà nho, được làm phong phú thêm bởi những cách nói hiện đại và cách diễn đạt dân gian". Các bài tứ tuyệt này biểu hiện tuyệt vời những tình cảm sâu sắc của Người và những ý nghĩ cao cả nhất.

B. Sự chuẩn bị về văn học

Những bài thơ này không phải là sản phẩm của lối viết theo cảm hứng, mà đó là những kết quả lôgích của tài năng một nhà thơ biến những tình cảm nhân đạo và những đau khổ của con người thành những vần thơ đẹp. Thực vậy, đây là sản phẩm của một sự chuẩn bị lâu dài, bắt nguồn từ cội rễ của truyền thống yêu nước của dân tộc, khi Người hãy còn là một cậu học trò học cái đẹp của ngôn ngữ và những điều kỳ diệu của thơ, rồi sau đó là một thầy giáo tìm cách dạy tất cả những điều đó cho các học sinh chăm chỉ của Người ở nhà trường.

Thời gian dài Người sống ở nước ngoài là rất quan trọng cho sự phát triển này. Không những nó làm cho cuộc đời Người thêm phong phú mà còn làm cho cả kinh nghiệm trí tuệ, nghệ thuật và chính trị của Người càng thêm phong phú thêm. Ở nước ngoài Người đọc Lỗ Tấn bằng chữ Hán, Sếch-xpia (Shakespeare) và Đích-ken (Dickens) bằng tiếng Anh, Huy-gô (Hugo) và Dô-la (Zola) bằng tiếng Pháp. A-na-tôn Phơ-răng-xơ (Anatole France) và Lep Tôn-xtôi (Lep Tolstoi) đã có ảnh hưởng to lớn tới

sự nghiệp của Người với tư cách một nhà văn. Những nhu cầu và những mục đích thúc đẩy Người viết những truyện ngắn đăng trên báo *Nhân đạo* (L'Humanité) và vở kịch "Con rồng tre", Người bước vào ngành báo chí (*Người cùng khổ*)... xuất bản một quyển sách (*Bản án chế độ thực dân Pháp*) và nhiều tác phẩm khác sau này tập hợp lại trong bộ *Tuyển tập* của Người gồm bốn tập[1].

Một nền tảng tri thức và văn học phong phú như vậy sau này sẽ biểu hiện dồi dào. Giống như trường hợp các cá nhân khác, trong đó nhà tù là một thánh đường để sáng tạo. Hồ Chí Minh đã có được điều "may mắn" là đã bị tù.

C. Kinh nghiệm tôi luyện thành thơ

Sản phẩm của điều "may mắn" này là "trên 100 bài thơ về cuộc sống"[2], từ đó và chắc chắn trong nhiều năm sắp đến, Người san sẻ với vô số thế hệ. Trong những thập kỷ qua, những đứa con của chiến tranh thực tế đã đọc những bài thơ của Hồ Chí Minh, thường thường trong bản dịch, và thậm chí còn dịch một vài bài thơ này ra ngôn ngữ của mình. Theo tôi, cần phải có một công trình riêng về ảnh hưởng những bài thơ của Hồ Chí Minh ở nước ngoài.

Ở nước tôi, những người trong chúng tôi ở các trường đại học lúc đó đã có những buổi đọc thơ. Những bài thơ của Hồ Chí Minh thường thường đọc cùng với những bài thơ của Pa-bơ-lô Nê-ru-đa (Pablo Neruda), Phê-đê-ri-cô Gác-xi-a (Federico Garcia), Hoan Ra-môn Hi-mê-nét (Juan Ramon Jimenez), Lu-i A-ra-gông (Louis Aragon), Ga-bri-e-la Mi-stran (Gabriela Mistral), Sác-lơ Bô-đơ-le (Charles Baudelaire), Vơ-la-đi-mia Mai-a-cốp-xki (Viladimir Mayakovsky) và những người khác. Trong những nhà thơ lỗi lạc này, các bài thơ của Hồ Chí Minh chiếm một địa vị đặc biệt. Đối với chúng tôi nó gắn liền không những với cuộc đời và những cố gắng tập thể của nhân dân Người để được giải phóng mà còn gắn bó chặt chẽ với cuộc đấu tranh của chúng tôi đòi tự do.

Nhật ký trong tù và các bài thơ khác của Hồ Chí Minh trong những hoàn cảnh ấy trở thành những văn kiện giải phóng nghệ thuật và đã

1. Sđd, tr.53-54, 58-59.
2. Hồ Chí Minh: *Nhật ký trong tù* - Nguyễn Khắc Viện, *Vietnamese Literature*, p. 134.

có, ngoài sự sống của bản thân nó, một sức sống mãnh liệt riêng ở các nước khác.

Chúng tôi say mê bởi vì chúng tôi đã học được qua tình trạng mỉa mai của chính trị mà hoàn cảnh bắt con người phải chịu, điều Người đã giải thích trong một bài thơ.

ĐƯỜNG ĐỜI KHÓ KHĂN

I

Đi khắp đèo cao, khắp núi cao,
Ngờ đâu đường phẳng lại lao đao!
Núi cao gặp hổ mà vô sự,
Đường phẳng gặp người bị tống lao.

II

Ta là đại biểu dân Việt Nam,
Tìm đến Trung Hoa để hội đàm.
Ai ngỡ đất bằng gây sóng gió,
Phải làm "khách quý" tại nhà giam!

III

Ta người ngay thẳng, lòng trong trắng,
Lại bị tình nghi là Hán gian.
Xử thế từ xưa không phải dễ,
Mà nay xử thế khó khăn hơn!

Với một tình cảm sâu sắc, chúng tôi ngâm các bài thơ này trong các buổi đọc thơ, ở lớp học hay các buổi tụ họp đặc biệt. Hai bài thơ "*Trời đẹp*" và "*Ra đi trước rạng đông*" biểu lộ sự thống nhất trong tính năng động phổ biến của tự nhiên với ý chí bên trong của con người muốn tiếp tục cuộc đấu tranh của mình - Hy vọng vĩnh viễn - từ trong lồng ngực.

Chỉ trong một cuộc đời, mà Người đã có biết bao kinh nghiệm! Chúng tôi có được cảm hứng từ những câu thơ ấy và những câu thơ khác nữa. Người miêu tả tài tình tinh thần bất khuất của con người bị cầm tù. Với bất cứ giá nào, như *Nhật ký trong tù* cho thấy, những người tù có trái tim sắt đá và ý chí gang thép vẫn tỏ ra bất khuất. Họ chịu đựng với sự tự hào

và kiêu hãnh những thử thách của cuộc đời và chiến thắng trong những thử thách gay go của ý chí. Họ là người chiến thắng. Và bao giờ cũng thế, phía sau là thiên nhiên, không phải là một người bạn thân nhưng cũng không phải là một lực lượng ác cảm. Đó là sự có mặt tuyệt diệu nhưng lặng lẽ phục vụ con người và an ủi con người với khả năng nuôi dưỡng của nó.

D. Cách thức và phong cách

Những bài thơ này cách đây hàng chục năm đã làm những đứa con của chiến tranh ở nhiều nước xúc động. Họ nhận thức được rằng qua nghi lễ và phong tục xuất hiện tự do và cái đẹp, nảy sinh một sự tổng hợp sinh động xuất phát từ những năng lực sáng tạo của một con người hợp nhất được ở bản thân mình "một nhà nho được giáo dục theo văn hoá truyền thống" và một nhà thơ tuyệt diệu, cũng đồng thời là một nhà cách mạng. Về mặt phong cách, đó là những bài thơ "ngắn gọn, tỉnh táo và trong sáng, hoàn toàn cổ điển nhưng biểu lộ những tình cảm và những ý nghĩ của một chiến sĩ ở tuyến đầu của thời đại chúng ta". "Cấu trúc cổ điển của nó phối hợp với sự phong phú về tình cảm và sự nhạy cảm sôi nổi", được biểu hiện bởi tài năng nghệ thuật huyền diệu của Hồ Chí Minh, theo sự chỉ đường của trí thông minh của Người. Một người biên dịch nhấn mạnh về điều này rằng: "Một ánh sáng sinh ra từ khổ đau như vậy làm thức tỉnh lý trí và con tim, đây là con người hành động và là nhà thơ"[1].

Các bài thơ có vẻ đơn giản, thực tế là sâu sắc và phong phú về mặt biểu trưng. Như một nhà văn học sử Việt Nam nói: "Tiếng gà gáy phải chăng đó là người chiến sĩ kêu gọi cầm vũ khí? Những làn gió giá lạnh đập vào mặt người tù khi anh ta đi trên đường, phải chăng gợi lên những thử thách trên con đường của những người cách mạng. Và ở đây đột nhiên rạng đông làm núi non rực hồng, toả ánh sáng và hơi nóng, chắc chắn là hình ảnh của các cuộc cách mạng đang tiến đến để xua tan những bóng đêm?"[2]

Những bài thơ "thực sự cổ điển" như vậy có các đặc tính là ngôn ngữ ngắn gọn, tình cảm đẹp đẽ và sức mạnh gợi cảm của từ ngữ và hình ảnh... Hồ Chí Minh đã thực hiện được công việc to lớn này là làm ra những bài

1. Sdd, tr.134 - 135.
2. Sdd, tr.135.

thơ Đường kiệt tác ở thời đại ta và làm cho nó rất đơn giản. Nhưng rõ ràng là sự đơn giản này là kết quả của một quá trình rèn luyện lâu dài, và biệt tài của tác giả là đi thẳng đến cái chủ yếu của sự việc, đó là phẩm chất của một nhà văn hoá lớn... Tác phẩm của Người còn đáng chú ý hơn bởi những nét châm biếm làm nhẹ nhàng những câu thơ chan chứa tình cảm nhân đạo sâu sắc[1].

Thơ không cần phải dùng đến lưỡi kiếm để làm cho người ta cảm thấy sức mạnh của nó. Từ 1947 đến 1969, mỗi ngày Tết, nhân dân Việt Nam từ Bắc chí Nam vẫn thường lắng nghe những bài thơ của Hồ Chí Minh truyền đạt cho họ ý nghĩa thông điệp của Người về năm ấy[2].

II. Nước Việt Nam được thống nhất lại: những cuộc đi thăm

Kể từ ngày đó, các biến cố thế giới cứ tiếp tục diễn ra một cách phũ phàng và đất nước của Người nhờ sức mạnh của nhân dân và sự ủng hộ của bạn bè trên thế giới đã hoàn toàn giải phóng. Năm 1975, tên lính địch cuối cùng đã hoảng sợ bỏ chạy. Một phần của quan điểm chiến lược do đó đã được thực hiện và những đứa con của chiến tranh ở nhiều nơi trên thế giới vẫn đi tiếp con đường họ đã chọn. Hàng ngũ của họ bị cái chết, sự lớn lên hay sự thờ ơ làm mai một. Nhưng tôi vẫn hiếu kỳ vô hạn. Tôi muốn đi thăm Việt Nam. Cho nên khi tôi được mời tham dự Hội nghị quốc tế các nhà văn Á - Phi ở thành phố Hồ Chí Minh tháng 10 - 1982, tôi vui vẻ nhận lời.

A. Cuộc đi thăm thứ nhất

Các đại biểu tại đại hội thuộc những nhà văn Việt Nam và nước ngoài.

Tôi nhận thấy ngay rằng các nhà văn Việt Nam vừa bước ra khỏi cuộc chiến tranh đều không bỏ mất sự hăng hái và óc dí dỏm. Họ có những chuyện để kể, kể cả chuyện các chiến sĩ che chở họ như thế nào khỏi quân địch trong những trận chiến đấu mà chính họ cũng muốn tham dự. Người ta cũng nhận thấy rằng họ rất Á Đông, không hình thức, ham tìm hiểu và phần nào rụt rè mặc dầu nổi tiếng là những chiến sĩ. Tuy nhiên, dưới cái vẻ bên ngoài sinh động, chúng tôi cảm thấy vẻ kiêu hãnh, sự dũng cảm và

1. Sđd, tr.135 - 136.
2. Sđd, tr.499 và 508.

lòng tận tuỵ của họ cho một sự nghiệp mà đến lúc này đã đánh đuổi lần lượt bốn kẻ xâm lăng ra khỏi đất nước họ.

Chúng tôi nhận thấy những khó khăn kéo dài mà đất nước lúc đó gặp phải: Đâu đâu các dấu vết của chiến tranh cũng thấy rõ. Sự tàn phá diễn ra khắp nơi: Nhà cửa bị sụp đổ, cấu trúc hạ tầng và tài sản bị huỷ diệt. Sự điên cuồng dữ dội của bọn Mỹ biểu lộ cả ở những hố bom khắp nơi trên một miền đất phần lớn đã mất sức sản xuất vì kẻ thù đã ném bom bừa bãi, nhiều đến nỗi lúc đó người ta nói rằng số lượng bom ném ở đây vượt quá số lượng dùng trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Ngay vào lúc đó, những quả bom, mìn chưa bị lấy kíp vẫn còn giết hại nhân dân trong cơn trả thù hung bạo hình như không bao giờ chấm dứt. Mặt đất là kẻ chứa đựng bất lực hàng ngàn tấn na-pan, chất độc làm chết cây cỏ và các chất độc hoá học khác.

Khi đến Phnôm Pênh và đi thăm ngoại ô thành phố này, chúng tôi thấy những dấu vết của nạn diệt chủng của bọn Pôn Pốt trong những cảnh rùng rợn của nhà tù Tuôn Xleng (Tuol Sleng), những cánh đồng giết người to lớn và hàng chục vạn trẻ em mồ côi. Người Việt Nam được chào đón như những người giải phóng Cam-pu-chia.

Một mình trong các phòng khách sạn, dù là ở thành phố Hồ Chí Minh, Phnôm Pênh hay Hà Nội, chúng tôi nghĩ đến hàng triệu người đã chết, bị thương hay bị tàn phế suốt đời trong những cuộc chiến tranh kế tiếp nhau trên bán đảo này. Chúng tôi viết những truyện kể và những bài thơ, lòng nghĩ đến quê hương chúng tôi. Khi chúng tôi nói chuyện với các viên chức, nhà văn và nhà thơ, chúng tôi cảm thấy yên tâm vì chúng tôi nhận thấy mỗi người vẫn mang một cái gì đầy sức sống, toàn vẹn, với tinh thần chiến đấu cao. Sức mạnh này biểu lộ rõ ràng theo cách của họ: Các vết thương chiến tranh đang được hàn gắn và số phận chính trị lúc này rõ ràng ở trong tay họ. Họ không tỏ ra huênh hoang như một vài tộc người, ngay khi những người phiên dịch đi với chúng tôi đến những địa điểm lịch sử, nơi lịch sử đã được làm nên, kể cả những nơi Hồ Chí Minh đã sống, dạo chơi. Những lời tuyên bố, những lời phát biểu và nhất là những bài thơ của Người vẫn văng vẳng bên tai chúng tôi. Chúng tôi nói với các đại biểu: "Có được một người lãnh đạo, một vị thầy và một nhà thơ vĩ đại như thế thực là một nhân dân may mắn. Họ cũng vô địch như Người vậy".

Lúc đó tôi hứa 10 năm nữa sẽ quay trở lại.

B. Cuộc đi thăm thứ hai

Tháng 5 năm ngoái, tôi quay trở lại thành phố Hồ Chí Minh và các ngoại ô, dẫn đầu một phái đoàn bốn người với tư cách là Chủ tịch Hội hữu nghị Phi-lip-pin - Việt Nam. Sau bảy năm, những thay đổi nhằm phục hồi đất nước đã rõ ràng. Ban lãnh đạo quốc gia đã trải qua nhiều thay đổi và, do đó, được củng cố không ngừng. Lệnh giới nghiêm đã bị bỏ và kế hoạch rút lui quân đội khỏi Cam-pu-chia đã được xác lập (và cuối cùng được thực hiện). Đường phố đầy người, đi bộ, đi xe đạp, đi mô-tô, bán bất kỳ cái gì trong các hẻm và các đường phố cũng như trong các hiệu buôn.

Thành phố sạch sẽ. Toà thị chính và rạp hát Sài Gòn, quét vôi vàng nhạt trông sang trọng, đẹp đẽ và sạch sẽ. Các ngôi nhà cũ đã được đổi mới. Những toà cao ốc mới như các khách sạn du lịch đang mọc lên nhanh chóng. Công việc ở Quán Ngày nghỉ Sài Gòn, một công trình phối hợp giữa một công ty Hương Cảng và chính quyền thành phố đã bắt đầu. Nó có 500 phòng và năm tới sẽ mở cửa. Các nhà máy mọc lên ở một vài nơi của đất nước. Một lớp học về thị trường chứng khoán đang được tổ chức cho khoảng 300 người.

Đất nước rõ ràng đang mở cửa đón thế giới bên ngoài, với một đạo luật mới thu hút đầu tư trực tiếp.

Chúng tôi đã đi thăm nhiều nơi. Tôi lưu ý rằng, khác năm 1982, bất chấp nhiều vấn đề rắc rối hãy còn tồn tại lúc này có nhiều tiếng cười sung sướng và rôm rả hơn - ngay cả trong các quan chức. Có một cái gì khiến lòng ta nhẹ nhõm. Những ngọn gió thay đổi đã trở thành ít khó chịu hơn khi đất nước mở cửa ra thế giới bên ngoài và đương đầu với sự thách thức của hiện đại hoá.

Dù đi đến đâu, chúng tôi cũng cảm thấy sự hiện diện của tinh thần Hồ Chí Minh, một cụ già dịu dàng, hiền từ, mỉm cười rộng lượng với mọi người, bởi vì, với tư cách là người cha của dân tộc, Người biết rằng họ sẽ không bao giờ xa rời con đường giải phóng. Những tác phẩm và những bài thơ sinh động của Người là những bằng chứng cụ thể của lòng tin của Người. Mặc dầu *Nhật ký trong tù* nói về kinh nghiệm của một con người ở một thời kỳ đã xa, vẫn cổ vũ nhân dân đấu tranh thoát khỏi "nhà tù" của tình trạng kém phát triển về kinh tế.

III. Kết luận

Khi thế giới ngày nay rời khỏi những tro tàn của cuộc chiến tranh lạnh và bước vào thập kỷ cuối cùng của thế kỷ này, tiến tới thiên niên kỷ

sắp tới, tôi tin chắc rằng nhân dân đầy tự hào này sẽ vượt lên khỏi những cơn sóng và máu lửa của lịch sử, dĩ nhiên là có khó khăn, nhưng chắc chắn họ sẽ đứng vững trong một môi trường thế giới mới, khác hẳn các thập kỷ đấu tranh trước đây. Họ đã học được nhiều qua hàng ngàn năm đấu tranh giành độc lập và đã dạy cho thế giới một bài học: Đừng bao giờ phạm sai lầm kéo họ vào một cuộc chiến tranh, bởi vì anh sẽ thua. Những cường quốc đã học được bài học khá đau đớn của mình về mặt này. Người Việt Nam rõ ràng là một ông thầy kiên nhẫn về chiến lược, chiến thuật chiến tranh và họ yêu nước và anh dũng một cách kiên quyết.

Đó không phải là tất cả những bài học mà chúng ta lĩnh hội. Để tồn tại và giành tự do, không những cần có những người tổ chức, có một cách nhìn thế giới tiên tiến, có khoa học quân sự, chiến lược chiến thuật tiên tiến và lãnh đạo vững chắc, những cố gắng của họ còn cần phải được ủng hộ bởi những phương tiện khác - kể cả văn học và nghệ thuật, vì nó sẽ củng cố tinh thần của các chiến sĩ. Hồ Chí Minh đã thể hiện điều đó rất tốt trong tác phẩm của Người, kể cả *Nhật ký trong tù*. Nhà thơ vẫn tiếp tục đấu tranh cho nền độc lập của đất nước mình cũng như Người vẫn tiếp tục viết nhiều bài thơ nữa. Niềm hy vọng của Người vào tương lai vẫn trong sáng. Như Người viết trong một bài thơ khác: "Kháng chiến thành công ta trở lại - Trăng xưa núi cũ với xuân này".

Nhân dịp kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người, chúng ta đừng buồn vì Người đã ra đi. Ta hãy nhớ thành tựu nghệ thuật đặc biệt của Người để trân trọng ký ức về Người - một bộ phận hữu cơ của những lao động khổng lồ mà Người đã thực hiện cho những người bị áp bức không những của đất nước mình mà cả các nước khác trên thế giới. Một người dù có sống hai ba cuộc đời cũng không thể thực hiện được những công việc như thế. Khẳng định tầm quan trọng của điều này là việc dễ dàng, bởi vì người ta không cần phải là thông thái và vĩ đại như Người, con người đã trở thành điển hình của loài người vào thế hệ mình, mà thành tựu của Người với tư cách là một người giải phóng dân tộc và nhà nghệ thuật đòi hỏi phải được nghiên cứu nhiều hơn và trong một thời gian dài hơn trong lịch sử loài người. Sản phẩm vĩ đại này của loài người và thơ của Người xứng đáng với tất cả những điều đó.

HỒ CHÍ MINH: NGƯỜI THEO CHỦ NGHĨA DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

GUN-NA PHƠ-RÊ-ĐƠ-RIC-SƠN
(GUNNAR FREDRIKSSON)
(Thuỵ Điển)

Ở Thuỵ Điển, nước chúng tôi, tên tuổi Hồ Chí Minh đã được mọi người biết đến trong thời kỳ chiến tranh từ khoảng giữa những năm 60. Người được đông đảo những người trẻ tuổi ủng hộ và tôn kính. Họ hoạt động trong những hình thức, tổ chức, ít nhiều chặt chẽ hay lỏng lẻo và đã gây ảnh hưởng lớn đối với dư luận quần chúng ở Thuỵ Điển vào những năm 60 và đầu những năm 70. Hồ Chí Minh và phong trào mà Người lãnh đạo đã nhận được sự ủng hộ bằng nhiều cách khác nhau của phong trào lao động. Thuỵ Điển từ năm 1969, kể cả của chính phủ xã hội - dân chủ và vị chủ tịch của nó là ông Ô-lốp Pan-mơ (Olof Palme).

Tôi tin rằng chính nhân cách của Hồ Chí Minh đã đóng một vai trò nhất định trong quá trình này.

Nhân cách của Hồ Chí Minh đã đóng góp vào việc giải thích tức thời về nội dung của cuộc chiến tranh. Người đã xuất hiện đầu tiên như một nhà lý luận, hay một người chiến sĩ vĩ đại, hay một nhà chính trị nhưng ở một tầm rộng lớn hơn. Người còn là một nhà văn hoá đạo đức. Điều này đã mang lại kết quả là nhiều người, đặc biệt là thanh niên, dù trước đó họ rất ít chú ý hoặc chưa bao giờ để tâm đến chính trị, đã biểu thị sự căm giận về mặt đạo đức trước những sự vi phạm của nước ngoài đối với những quyền dân tộc của nhân dân các nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, những quyền mà nhân dân các nước phương Tây rất tha thiết gìn giữ cho chính bản thân họ.

*
* *

Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên trong một xã hội nông dân và quan lại. Người thông hiểu đạo Khổng và đạo Phật cũng như các đạo giáo khác từ khi còn niên thiếu. Người đã chứng kiến các cuộc đàn áp ở thuộc địa của Pháp ngay từ khi bắt đầu cuộc đời của mình.

Đất nước tôi cũng như bất kỳ nước nào khác ở phương Tây đều biết quá ít về tình hình ở Việt Nam trong thời kỳ này, trừ một số ít người. Càng tồi tệ hơn là những người có một vài hiểu biết về tình hình đó thì lại có xu hướng ủng hộ người Pháp.

Hồ Chí Minh đã đi rất nhiều nơi và làm việc như một người thuỷ thủ hoặc một nghề gì khác ở nước ngoài, luôn luôn quan tâm nghiên cứu những vấn đề mà Người cho là quan trọng. Người chú trọng rất sớm đến các truyền thống của thế giới phương Tây, đặc biệt là tư tưởng và thực tiễn cách mạng ở Mỹ, nền dân chủ và chủ nghĩa dân tộc ở Tây Âu. Thực vậy, Người cho rằng nổi dậy chống lại sự bóc lột ở trong nước và của nước ngoài là một phần quan trọng của nền văn hoá và chính trị Tây phương.

Điều này đã trở thành một trong những cách suy nghĩ chung khi nhân dân các nước phương Tây thấy cần phải biểu thị lập trường của họ đối với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống Pháp, Nhật và Mỹ. Đó cũng là lý do tại sao Hồ Chí Minh đã coi những cuộc đấu tranh này là không mâu thuẫn với các nước Pháp, Nhật và Mỹ mà chỉ chống lại các giới cầm quyền ở các nước đó, vì họ đã bóc lột các dân tộc nghèo đói ở nhiều nơi trên thế giới và ở cả nước của chính họ.

Hồ Chí Minh đã nghiên cứu cuộc cách mạng 1776 ở Mỹ và Người đã trích dẫn, như chúng ta đã biết, bản Tuyên ngôn độc lập của nước này, sự trích dẫn này được thể hiện rõ ràng nhất trong bản Tuyên ngôn độc lập của Việt Nam ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại Hà Nội.

Thật là lạ lùng là 200 năm sau, khi một vài sinh viên Mỹ hỏi người dân thường ở ngoài đường các thành phố Mỹ là họ nghĩ gì về bản Tuyên ngôn đó, thì nhiều người trong số họ lại trả lời là họ thấy đó chỉ là một thứ tuyên truyền của cộng sản mà thôi. Thực ra, đây là một bộ phận của di sản lịch sử chung của chúng ta mà Hồ Chí Minh đã hiểu rõ và đánh giá cao sự kiện đó.

Trong những năm sống ở Pháp, Hồ Chí Minh nghiên cứu về cuộc Cách mạng Pháp. Cuộc cách mạng này tuy không chống thực dân hay đế

quốc nhưng nó đã có những ảnh hưởng sâu đậm tới nền dân chủ ở phương Tây nói chung và do đó đã ảnh hưởng tới sự tin tưởng về quyền tự trị của các dân tộc trên toàn thế giới. Tất nhiên, Người đã có dịp so sánh và rút ra những kết luận cần thiết và Người đã hoàn toàn đúng.

Sau những cuộc bàn cãi lâu dài và những sự xung đột mạnh mẽ giữa các người có những lợi ích khác nhau, chế độ nô lệ đã bị bãi bỏ, ít nhất về mặt công khai, ở hầu hết các nước ở thế kỷ thứ XIX. Mặc dù chế độ nô lệ đã được coi như một tội ác; trên thực tế nó vẫn còn tồn tại ở các nước thuộc địa dù cho gọi nó là gì đi chăng nữa. Đây cũng là một vấn đề mà Hồ Chí Minh đã nghiên cứu. Người không bỏ lỡ đưa ra những kết luận khi Người nghĩ đến thực trạng đau buồn ở ngay chính nước của Người. Đặc biệt Người còn thấy rõ những tệ hại nặng nề của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc của người da trắng, điều này, đáng tiếc thay, cũng là một bộ phận của di sản lịch sử phương Tây.

Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ở Pa-ri và các thành phố khác thuộc châu Âu vào năm 1848 và sự kiện công xã Pa-ri năm 1871 đã gây một ấn tượng sâu sắc tới tâm trí người thanh niên Nguyễn Ái Quốc - sau này là Hồ Chí Minh. Ở cả hai trường hợp, những người theo chủ nghĩa bảo thủ cánh hữu tìm mọi cách đàn áp công nhân và cố gắng thống trị để kìm hãm bước tiến của nền dân chủ. Nhưng tư tưởng rõ ràng là không thể đàn áp nổi. Những tư tưởng đó tiếp tục tồn tại, ít nhất trong giới trí thức ở thế giới phương Tây và chúng ta có thể tìm thấy một sự so sánh với cuộc khởi nghĩa Văn thân ở Việt Nam những năm 80 của thế kỷ XIX.

Cuộc chiến tranh châu Âu nổ ra vào năm 1914 đã kết thúc một luồng gió cấp tiến thổi vào bầu không khí chính trị ở châu Âu. Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 trên thực tế đã dựa vào những tư tưởng đã được phát triển khá rộng rãi tại các nước tư bản Tây Âu, mặc dù lần đầu tiên mới được thực hiện ở một xã hội nông dân phong kiến. Những gì thực sự xảy ra và những hậu quả đối với vùng đất thuộc địa tất nhiên đã được Hồ Chí Minh rất lưu tâm theo dõi.

Người đã trở thành một người mác-xít - lê-nin-nit và thành viên của khối cộng đồng quốc tế Bôn-sê-vích vào những năm sau đó. Người có một ấn tượng đặc biệt sâu sắc đối với những tư tưởng của Lênin về chủ nghĩa quốc tế như là giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản và những lý luận của Lênin về vai trò lãnh đạo của một chính đảng mạnh. Hồ Chí Minh đã

tìm cách kết hợp đường lối tư tưởng quốc tế và thực tế dân tộc chống thực dân cho thật phù hợp với kinh nghiệm của nhân dân các nước Đông Dương.

Hồ Chí Minh đã gửi một bản yêu sách của nhân dân Việt Nam đến Hội nghị hoà bình ở Véc-xây (Versailles) năm 1919. Người đã đề nghị Hội nghị xem xét những ý kiến về quyền tự quyết của các dân tộc, do Tổng thống Uât-đơ-râu Uyn-sơn (Woodrow Wilson) của Mỹ đưa ra. Tuy không được hội nghị thảo luận tới, bản yêu sách đó rõ ràng là một tư liệu lịch sử quan trọng.

Hồ Chí Minh chưa phải là một nhà lý luận đứng hàng đầu trong phong trào cộng sản quốc tế. Nhưng chắc chắn Người rất thông hiểu lý luận Mác - Lênin và cũng đã tham gia vào nhiều cuộc thảo luận về mặt lý luận, đặc biệt trong những năm mà Người còn đang tự rèn luyện. Người đã nhìn nhận Lênin như một người yêu nước và coi một phần lớn cuộc cách mạng của Đảng Bôn-sê-vích là một bộ phận của cuộc đấu tranh chống lại sự thống trị của ngoại bang và những âm mưu của các cường quốc Tây Âu nhằm tiêu diệt Liên Xô. Cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai có thể được coi đúng hơn là một cuộc đấu tranh rộng lớn lần thứ nhất trên phạm vi toàn thế giới bao gồm cả các vùng đất thuộc địa. Khi cuộc chiến tranh này chấm dứt, một giai đoạn mới được mở ra để thực hiện triệt để các ý tưởng về giai cấp của chủ nghĩa xã hội và quyền tự quyết của các dân tộc.

Trong thời gian nghiên cứu và thu thập kinh nghiệm về mặt chính trị cho tới những năm 1940, Hồ Chí Minh đã đi sâu tìm hiểu rất kỹ những tư tưởng chủ yếu của thế giới công nghiệp về mặt chính trị và đời sống của giới trí thức nói chung và cũng đồng thời tìm cách giải thích những hiện tượng đó từ góc độ Việt Nam và vì thế mà Người đã có khả năng làm cho rất nhiều người ở phương Tây hiểu rõ thực chất về cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam.

Nó là một bộ phận của cuộc đấu tranh lịch sử trên phạm vi toàn thế giới, nó có liên quan đến nền tự do của các dân tộc, và về cơ bản, nó còn là một vấn đề có ý nghĩa văn hoá và đạo đức sâu sắc.

Trong những năm 30 và 40, Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh đến các tư tưởng dân chủ chung và Người còn nói về các cuộc cách mạng tư sản, coi đó là những hiện tượng tích cực. Những năm cuối của thập kỷ 30

là thời kỳ Mặt trận Bình dân ở Pháp với một chính phủ mà thành phần gồm những đảng viên Đảng Xã hội và Đảng Cộng sản. Phải nói là trong cuộc đấu tranh chống phát-xít, người ta chú trọng chủ yếu đến các lý tưởng dân chủ.

Trong một bức giác thư viết từ năm 1939, ngay từ trước khi nổ ra cuộc chiến tranh thế giới, Hồ Chí Minh đã dùng từ ngữ "Mặt trận dân chủ".

Mặt trận Việt Minh được hình thành năm 1941, khi Hồ Chí Minh trở về đất nước sau những năm bôn ba ở hải ngoại. Người đã bỏ khá nhiều thời gian vào công tác tổ chức tại một cái hang thần thoại và lúc đó cương lĩnh chính trị của Mặt trận Việt Minh trở nên triệt để, dứt khoát hơn, nhưng đồng thời cũng có tính chất cải cách và dân tộc chủ nghĩa. Cương lĩnh này không hề có tính giáo điều về lý luận. Từ đó, nhân dân các nước phương Tây đã hiểu rõ hơn về cuộc đấu tranh yêu nước của người Việt Nam. Tuy nhiên, dư luận quần chúng ở các nước phương Tây hãy còn đặt câu hỏi là nên coi Mặt trận Việt Minh là một tổ chức như thế nào? Một chi nhánh ở Việt Nam của chủ nghĩa cộng sản theo kiểu Liên Xô hay Trung Quốc, hay chủ yếu chỉ là một phong trào dân tộc chống thực dân?

Năm 1943, bản Đề cương Văn hoá Việt Nam của Đảng đã nhấn mạnh rằng cuộc cách mạng phải dựa trên nền tảng dân chủ và nền dân chủ đó phải là mục tiêu đấu tranh của nó.

Trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh và các đồng chí của Người đã đưa vào lời tuyên bố này để đề cập đến "một cuộc cách mạng dân chủ tư sản" nhằm thủ tiêu "mọi hình thức áp bức và bóc lột của phong kiến đối với đất nước", đồng thời là "một phong trào giải phóng dân tộc" nhằm đánh đổ đế quốc ngoại bang.

Năm 1951, cuộc cách mạng được mệnh danh là "cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân". "Dân tộc và dân chủ là tính chất của cuộc cách mạng của chúng ta, và nhân dân là lực lượng của nó".

Các sự kiện xảy ra trở nên bi đát hơn: sau Cách mạng Tháng Tám 1945, với sự lật đổ của người Nhật tiếp đến một thời kỳ cầm quyền ngắn của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà cho đến khi người Pháp quay trở lại năm 1946, rồi cuộc chiến tranh đẫm máu kết thúc thắng lợi với chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954. Khi người Mỹ từ

chối không công nhận Hiệp định Giơ-ne-vơ (Genève) ký kết năm 1954 và tiếp quản cuộc chiến tranh thuộc địa của Pháp. Dư luận trên toàn thế giới đã nhanh chóng hiểu rõ là cuộc chiến tranh của nhân dân Việt Nam lúc khởi đầu chỉ là một cuộc chiến tranh chống đế quốc giành giải phóng dân tộc.

Trong suốt thời kỳ đen tối này, ngay cả trong cuộc chiến tranh chống chính quyền thực dân Pháp, Hồ Chí Minh vẫn tìm mọi cách duy trì mối quan hệ hữu nghị với nhân dân Pháp. Người muốn có những quan hệ tốt với nước Pháp trong tương lai, và phải nói rằng, Người có mặt ở tầm nhìn xa trông rộng về tương lai rất đặc biệt trong thời kỳ vô cùng nguy hiểm này. Người cũng có một quan điểm tương tự đối với nhân dân Mỹ.

Mặc dù đang đứng trước những vấn đề cấp bách cần phải giải quyết, Hồ Chí Minh vẫn nhìn rõ là sau chiến tranh cần phải có sự hợp tác và quan hệ hữu nghị giữa các nước để giúp vào việc phát triển các vùng nghèo đói và bị bóc lột trên thế giới, chia sẻ với họ các thành tựu của nền văn hoá và kỹ thuật cũng như mọi kinh nghiệm.

Tuy vậy, các chính khách Mỹ đã không để cho Người có một sự lựa chọn nào khác ngoài một cuộc chiến tranh gian khổ và những đau khổ vô bờ bến cho nhân dân Việt Nam.

Trong một cuộc phỏng vấn năm 1966, Hồ Chí Minh đã nói: "Ở nước chúng tôi, vấn đề dân tộc chủ yếu là vấn đề ruộng đất, và vấn đề ruộng đất nói chung lại là một vấn đề dân chủ cơ bản. Nhân dân nước chúng tôi hầu hết là nông dân. Chính nhờ sức mạnh của nông dân mà chúng tôi có thể trụ vững được. Chính nhờ sức mạnh này mà cuộc kháng chiến sẽ đi đến thắng lợi và công cuộc kiến quốc nhất định sẽ thành công".

Đó chính là đường lối mác-xít - lê-nin-nít tại một nước nông nghiệp thuộc địa. Đó là sự tổng hợp các nguyên tắc mác-xít - lê-nin-nít vào thực tiễn của cách mạng Việt Nam.

Chúng ta có thể thấy những ý kiến này của Hồ Chí Minh cũng giống như những ý tưởng của Người khi còn là thanh niên và chúng ta có thể thấy nó không chỉ là sự quy kết của một tình hình lịch sử riêng biệt. Có lẽ điều chủ yếu trong ý thức tư tưởng của Người là sự biết phân biệt giữa nguyên tắc và thực tiễn, hoặc có thể là sự hiểu biết về mặt tác động lẫn nhau giữa nguyên tắc và thực tiễn.

Điều này, theo như tôi biết, rất hấp dẫn đối với dư luận quần chúng ở nước tôi và chắc hẳn cũng chẳng kém gì đối với dư luận ở các nước khác trên thế giới. Hồ Chí Minh không bao giờ tuyên truyền một thứ lý luận xã hội chủ nghĩa thiển cận có thể rập khuôn vào nhóm trí thức này hay nhóm trí thức nọ trong một thời gian ngắn. Người có một nhãn quan lịch sử rộng lớn dựa trên thực tế của xã hội nông dân, trên những sự kiện hiển nhiên của cuộc kháng chiến công khai hay bí mật chống một thế lực quân sự áp đảo.

*
* *

Trong bài diễn văn đọc vào mùa hè năm 1965, cố thủ tướng Ô-lốp Pan-mơ đã nói về chủ nghĩa dân tộc như sau: "Nhiều dân tộc sống dưới sự thống trị và áp bức của nước ngoài hàng bao nhiêu thế kỷ đang đòi được tự do... ở châu Á và châu Phi, chủ nghĩa dân tộc là một sức mạnh vô cùng to lớn. Trong những thập kỷ gần đây, nó đã tiến triển mạnh như một lớp sóng thần để chống lại những kẻ áp bức đã gây ra những đau khổ ghê gớm cho con người và đôi khi được thực hiện với những biện pháp mà chúng ta cảm thấy khó chấp nhận. Nhưng chủ nghĩa dân tộc tất yếu sẽ thắng lợi vì sức mạnh và ý chí của nó thật là mạnh mẽ...".

Ông tiếp tục giải thích thêm: "Chúng ta hiện nay đang chứng kiến một cuộc nổi dậy của dân chúng chống lại những nhóm đặc quyền, đặc lợi, những gì mà chúng ta hiện đang nghe thấy chính là những yêu cầu đòi hỏi được tự do và bình đẳng của quảng đại quần chúng nhân dân, chính họ cũng đã có lần, trong lịch sử của chúng ta, nuôi dưỡng và thúc đẩy hy vọng vào sự tin tưởng của chúng ta đối với tương lai và với phong trào lao động ngày càng phát triển rộng rãi ở châu Âu".

Bài diễn văn này tất nhiên bị các giới bảo thủ phản đối mạnh mẽ, kể cả lời tuyên bố dưới đây của cố thủ tướng Ô-lốp Pan-mơ mà chắc hẳn nhiều người Thuỵ Điển còn ghi nhớ: "Thật là ảo tưởng nếu tin rằng người ta có thể dùng bạo lực và lực lượng quân sự để đàn áp các yêu sách về công bằng xã hội".

Tôi tin rằng cả Hồ Chí Minh lẫn Ô-lốp Pan-mơ đã nói rất đúng khi nhấn mạnh đến sự giống nhau trong di sản lịch sử của chúng ta và hơn nữa sự tin tưởng của cả hai người là những tư tưởng này sẽ có một tầm quan trọng cơ bản đối với tương lai của nhân loại là một điều hoàn toàn xác thực.

HỒI ỨC VỀ HỒ CHÍ MINH

GÔN-LAN (W.E.GOLLAN)

Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Úc

Vào giữa những năm 1960, khi đại diện cho phong trào hoà bình Ô-xtơ-ra-li-a (Australia) tại một hội nghị châu Âu, tôi được Hội đồng Hoà bình Việt Nam mời tới thăm Việt Nam trên đường trở về Ô-xtơ-ra-li-a. Tại Hà Nội, sau những cuộc thảo luận với Hội đồng Hoà bình, tôi đã được đặc ân thú vị là trò chuyện một giờ với Hồ Chí Minh. Việc này xảy ra tại dinh trước đây của Cao uỷ Pháp, nhưng nay là trụ sở chính thức của Chủ tịch. Song, trong khi dinh được dùng vào những cuộc tiếp đón chính thức, chúng tôi ngồi trao đổi bên nhau trên ghế đẩu trong sân dinh, cạnh một cái nhà nhỏ. Vào thời thực dân Pháp trước đây, chỗ này là nơi ở của người coi vườn của Cao uỷ, nhưng nay là nơi ở của Hồ Chí Minh. Thái độ và cách đối xử thân mật, cởi mở của Hồ Chí Minh ngay lập tức làm người ta thoải mái và cuộc trao đổi sau đó giữa chúng tôi là cuộc trao đổi giữa hai người bạn đi theo hai đường khác nhau để tìm cách chấm dứt sự xâm lăng của chủ nghĩa đế quốc Mỹ và chư hầu Ô-xtơ-ra-li-a của nó ở Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã dành tất cả cuộc đời tráng niên của mình cho cuộc đấu tranh chống ách áp bức thực dân của Pháp và sau khi giành được thắng lợi dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh lại bắt đầu một chiến thắng mới chống sự can thiệp chính trị và quân sự của Mỹ.

Nhưng cuộc đấu tranh suốt đời để giành độc lập cho đất nước mình đã không làm cho Hồ Chí Minh trở thành một người dân tộc chủ nghĩa hẹp hòi, trái lại, Người vẫn là một người quốc tế chủ nghĩa vĩ đại với một nhãn quan thế giới.

Người bảo tôi rằng phong trào phản chiến to lớn đã bắt đầu ở chính nước Mỹ và trở thành phong trào toàn thế giới - phong trào lớn nhất trong lịch sử - là có tầm quan trọng to lớn đối với nhân dân Việt Nam

trong cuộc đấu tranh của họ cho tự do và độc lập, và tình đoàn kết quốc tế ấy đánh dấu những bước đầu của một giai đoạn mới trong các mối liên hệ giữa người với người.

Chủ nghĩa quốc tế của Hồ Chí Minh tiêu biểu bởi tinh thần nhân đạo và thương người. Người đã nghiên cứu và đã học ở Pháp và làm việc ở Anh, đồng thời là hiện thân và ủng hộ những ai đấu tranh chống áp bức và bất công xã hội ở châu Âu cũng như ở châu Á. Nói thạo tiếng Pháp và tiếng Anh, như tôi đã phát hiện trong cuộc trò chuyện với Người, Hồ Chí Minh nói cả tiếng Nga và tiếng Trung Quốc. Lòng nhân ái của Người biểu lộ đối với cả những kẻ do bọn cai trị của họ phái đi, nhiều khi trái ngược với ý muốn của họ, để tiến hành một cuộc chiến tranh tàn bạo chống lại dân thường. Hồ Chí Minh yêu cầu tôi đi thăm một nhóm nhỏ phi công Mỹ, những thanh niên đã bị bắn rơi trong các đợt ném bom và nay đang bị giam. Họ sống trong một ngôi nhà nhỏ, bị canh giữ, nhưng được đối xử lịch sự và theo đúng các điều luật quốc tế về tù nhân chiến tranh. Mục đích cuộc đi thăm của tôi, như tôi hiểu, là cho các phi công Mỹ trong những năm bị giam giữ, một sự tiếp xúc với một nền văn hoá và một ngôn ngữ giống như họ. Tôi thảo luận với họ, trả lời một vài câu hỏi của họ và nhận một vài bức thư để trao cho bạn bè, người thân của họ. Tôi không thể hình dung Mỹ có cách đối xử tương tự đối với tù binh chiến tranh mà họ bắt được.

Hồ Chí Minh là một nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa sáng tạo vĩ đại và là một người hành động. Chủ nghĩa xã hội của Người không bè phái cũng không giáo điều, mà nhân đạo và nhân loại. Nhiệm vụ đầu tiên là giành tự do, độc lập cho đất nước, thiết lập một xã hội xã hội chủ nghĩa với tính cách một bộ phận của cuộc đấu tranh của châu Á để tự giải phóng mình khỏi sự áp bức và bóc lột của đế quốc nước ngoài. Tư tưởng chính trị của Người chịu ảnh hưởng của những nhà tư tưởng dân chủ và chủ nghĩa xã hội lớn châu Âu được áp dụng vào một hoàn cảnh châu Á và điều đó đã đem lại cho nó một ý nghĩa thế giới.

Tấm gương và tinh thần của Hồ Chí Minh sống mãi ở Việt Nam và trong lòng nhân dân Việt Nam. Tuy bị một kẻ thù cô lập hoá nó, Việt Nam sẽ lấy lại vị trí xứng đáng của mình trên thế giới nhờ tinh thần bất khuất mà họ đã biểu lộ trên một nửa thế kỷ đấu tranh cho các quyền của mình với tư cách một thành viên trong toàn thể cộng đồng thế giới.

HỒ CHỦ TỊCH
TRONG CON TIM NGƯỜI CÔNG GIÁO VIỆT NAM

Linh mục VƯƠNG ĐÌNH ÁI

Uỷ viên Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Bác Hồ là vị cha chung,
Là sao Bắc Đẩu, là vừng Thái Dương,
Chúng con đi giữa đêm trường,
Nhờ Cha soi đuốc, dẫn đường chúng con.

Câu ca dao trên đây của nhân dân Việt Nam ca ngợi công ơn của Hồ Chủ tịch, cũng chính là những suy tư, những hình ảnh đậm nét mà muôn đời không phai nhạt trong trái tim những người công giáo Việt Nam.

Là người con của quê hương Nghệ Tĩnh, là một người công giáo trong đại gia đình dân tộc Việt Nam, vốn chịu bao nhiêu ân tình sâu nặng của Bác, để tham dự vào bản hợp xướng ca ngợi công ơn Bác Hồ, nhân dịp kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Bác, tôi xin phép bày tỏ đôi lời về lòng nhân ái của Bác Hồ đối với người công giáo Việt Nam.

Tình thương của Bác Hồ đối với người công giáo Việt Nam được biểu hiện rõ nét trên nhiều mặt, nhiều lĩnh vực, nhưng theo thiển ý của tôi, có bốn điểm sáng trong tình thương của Bác Hồ, đó là:

1. Bác Hồ đã giải phóng trọn vẹn cho người công giáo

Sinh ra từ vùng đất Nghệ Tĩnh[1], một vùng có nhiều đồng bào công giáo, Bác Hồ đã thấy rõ cảnh người dân lương cũng như giáo, bị áp bức bóc lột về mặt tinh thần cũng như về mặt vật chất; nhưng người công

1. Nay là hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh (BT).

giáo lại còn phải thêm cảnh áp bức về mặt tôn giáo. Từ đó Bác Hồ quyết định đi tìm con đường cứu nước cứu dân.

Sau 30 năm bôn ba hải ngoại, Bác Hồ đã trở về nước thành lập Mặt trận Việt Minh, đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân, lương cũng như giáo, làm cuộc cách mạng giải phóng dân tộc thành công.

Cuộc cách mạng, do Bác Hồ tổ chức và lãnh đạo, đã giải phóng trọn vẹn người công giáo Việt Nam: về phương diện chính trị và phương diện tôn giáo, người công giáo Việt Nam đã và đang đứng trong hàng ngũ dân tộc làm chủ đất nước. Giáo hội Việt Nam ngày nay đã trưởng thành, có Hội đồng Giám mục Việt Nam, có Hồng Y,... thực sự được bình đẳng với các Giáo hội trên toàn cầu, không còn cảnh tủi nhục và đau lòng "Cụ Ta" và "Cụ Tây" như thời mất nước nữa. Đó chính là giá trị to lớn đã được Bác Hồ đồng tình ủng hộ và nêu lên trong bản Tuyên ngôn Độc lập: "Tạo hoá đã cho mọi người có quyền bình đẳng, quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc"[1].

2. Bác Hồ bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng

Ngay sau khi được bầu làm Chủ tịch nước, Bác Hồ cùng với Quốc hội, đã ban hành Hiến pháp năm 1946, trong đó ghi rõ: "Mọi người được theo hoặc không theo một tôn giáo nào...". Tiếp đến năm 1955, Bác Hồ ban hành Sắc lệnh về tôn giáo. Điều 15 trong Sắc lệnh ghi rõ: "Việc tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng là quyền lợi của nhân dân, chính quyền dân chủ cộng hoà tôn trọng quyền ấy và giúp đỡ nhân dân thực hiện".

Hiến pháp năm 1946 và Sắc lệnh 1955 của Bác Hồ không những bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, mà còn bảo đảm địa vị và quyền bình đẳng giữa các tôn giáo, tẩy xoá những thành kiến, chia rẽ lương giáo do âm mưu thực dân, thắt chặt tình đoàn kết và bảo đảm chỗ đứng và nghĩa vụ của đồng bào các tôn giáo trong cộng đồng dân tộc.

Bác Hồ lại còn chú ý theo dõi việc thực hiện chính sách tôn giáo và chăm lo đến cả các điều kiện để các linh mục và giáo dân thực hiện tốt chính sách ấy.

Ở Việt Bắc, mỗi lần Linh mục Phạm Bá Trực hoặc Linh mục Vũ Xuân Kỷ đi làm công tác tôn giáo, Bác Hồ đã cử cán bộ đi phòng vệ các linh

1. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, tập I, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, tr.351.

mục, và Bác còn chỉ thị cho các địa phương phải tạo điều kiện giúp các linh mục phục vụ tốt bà con giáo dân.

Có lần Bác Hồ nhắc nhở Linh mục An Bình phụ trách chủng viện Phát Diệm: "Cụ đừng để cho các chúng sinh thiếu thốn gì hết. Nếu thiếu gì, thì xin tỉnh giúp, tỉnh không giúp được thì Cụ viết thư cho tôi"[1].

Một cử chỉ làm chúng tôi hết sức xúc động mỗi lần nhớ tới: Trong kháng chiến chống Pháp, đoàn đại biểu Công giáo Nghệ Tĩnh (trong đó Linh mục Trần Văn Sáng và tôi ra dự Hội nghị tôn giáo ở Việt Bắc, vinh dự được gặp Bác Hồ, Bác tiếp đón chúng tôi như anh em ruột thịt xa cách lâu ngày gặp nhau. Bác ân cần hỏi han về cuộc hành trình từ Nghệ Tĩnh ra, Bác dạy bảo từ việc giữ gìn sức khoẻ đến việc tín ngưỡng. Bác nói: "Các cụ ra đây không có điều kiện làm việc tín ngưỡng như ở nhà, các cụ cứ tự nhiên làm các nghi thức thay thế...".

Và hằng năm, cứ đến ngày lễ Nô-en, Bác luôn gửi thư chúc mừng, động viên bà con giáo dân, và bức thư của Bác Hồ luôn được mọi tầng lớp công giáo đón nhận một cách hết sức nồng nhiệt và biết ơn.

3. Bác Hồ quan tâm đến sự tiến bộ của người công giáo

Bác Hồ rất mong muốn đồng bào các tôn giáo ngày càng tiến bộ, phục vụ lợi ích chung, thực hiện quyền bình đẳng dân tộc.

Sau khi giành được độc lập, có Giám mục đã được Bác Hồ mời làm cố vấn. Bác Hồ cũng rất quý trọng và mến Giám mục Hồ Ngọc Cẩn, một vị Giám mục giàu lòng yêu nước, đã cởi dây vàng cúng vào Quỹ Độc lập. Sau khi đi dự Hội nghị Phông-ten-nơ-bơ-lô trở về, Bác Hồ đã gửi thư cho Giám mục Hồ Ngọc Cẩn, trong thư Bác viết: "Tôi đi mấy tháng, luôn luôn nhớ Cụ. Nay về đến nhà vội vàng viết mấy dòng hỏi thăm Cụ và đồng bào công giáo...". Trong cuộc tổng tuyển cử đầu tiên, Linh mục Phạm Bá Trực trúng cử đại biểu Quốc hội, Linh mục được Bác Hồ, Quốc hội và Mặt trận tín nhiệm uỷ thác trọng trách: Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội, Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Liên Việt toàn quốc liên tiếp nhiều khoá. Có lần Linh mục Phạm Bá Trực bị ốm, không quản đường xa và nguy hiểm, Bác Hồ đã đều đặn đến thăm Linh mục hai ngày một lần. Và Bác

1. Báo *Chính nghĩa* số 708 ngày 10-11-1969.

còn dặn các thầy thuốc hằng ngày phải báo cáo cho Bác biết tình trạng sức khoẻ của Linh mục.

Bác Hồ rất hài lòng thấy có nhiều đại biểu trong hàng giáo sĩ và giáo dân tham gia việc nước và các tổ chức chính trị xã hội. Bác hằng lưu tâm đến việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng đỡ các cán bộ người Thiên Chúa giáo. Ngoài ra, Bác Hồ còn thường xuyên theo dõi phong trào "người tốt, việc tốt", để ý phát hiện những nhân tố mới trong đồng bào công giáo, để khen thưởng biểu dương, khuyến khích.

Linh mục Trần Văn Sáng, nguyên Phó chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ Tĩnh, đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng ba. Trước khi qua đời, Linh mục Sáng tâm sự: "Đời tôi trải qua nhiều kỷ niệm, vui có, buồn có. Nhưng một trong những kỷ niệm đẹp đẽ nhất mà tôi nhớ mãi, kỷ niệm đó giúp thêm cho tôi vui vẻ trong tuổi già, đó là hai lần tôi được gặp Bác Hồ".

Cụ Hoàng Hanh, anh hùng lao động nông nghiệp, một giáo dân ở huyện Nam Đàn đã được Bác Hồ quý mến, khuyến khích và biểu dương. Ghi sâu ơn Bác, cụ Hoàng Hanh đã phát biểu một cách thấm thía rằng: "Nằm ngủ đi thì thôi, thức dậy ăn miếng cơm vào bụng, mặc manh áo vào thân, lúc nào tôi cũng nhớ tới công ơn Bác Hồ" (Báo *Chính Nghĩa*).

Trong Đại hội Công giáo yêu nước họp tại Hà Nội năm 1955, có rất nhiều linh mục và nam nữ tu sĩ. Đại hội đã tới chào Bác Hồ và đã được Bác Hồ đón tiếp rất nồng hậu. Bác khen ngợi, biểu dương các thành tích yêu nước của đồng bào công giáo. Trước lúc chia tay ra về, Bác Hồ đã chụp chung một tấm ảnh với các đại biểu. Một cử chỉ đột xuất của Bác Hồ làm cho mọi người cảm động đến rơi nước mắt, đó là việc Bác nhường chiếc ghế dành riêng cho Bác để cụ Hà Văn Quận - một giáo dân trên 100 tuổi thuộc đoàn Nghệ Tĩnh ngồi.

Nói tóm lại, Bác Hồ luôn luôn vui mừng trước những thành tích của đồng bào công giáo trên các mặt trận "diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm". Trong thư gửi Hội nghị đại biểu Công giáo yêu nước năm 1964, Bác Hồ đã viết: "Tôi rất vui lòng thấy đồng bào công giáo các giới hăng hái tham gia mọi công việc xây dựng Tổ quốc. Các cháu công giáo đi học ngày càng đông và tiến bộ. Con đường yêu nước mà đồng bào đang đi là hoàn toàn đúng. Tôi mong các cụ phụ lão, các vị Giám mục, các Linh mục khuyến khích tín đồ trong mọi công việc ích nước lợi dân...".

4. Bác Hồ chăm sóc mọi tầng lớp công giáo

Trong dịp các Linh mục gặp Bác Hồ ở Việt Bắc, Bác đã hỏi han nhiều vấn đề thiết thực và cảm động. Bác hỏi: Bà con lương giáo đã thực sự đoàn kết thương yêu, giúp đỡ nhau chưa? Việc chống giặc đói, giặc dốt thực hiện thế nào? Ngày ba, tháng tám và những ngày giáp hạt bà con có kiếm được thức gì thêm vào bữa ăn không? Mùa đông các cụ già có củi sưởi không, hoặc có lo liệu được gì che đắp cho ấm thân không? Các cháu công giáo có cháu nào vì nhà nghèo đói hoặc vì lẽ gì mà thất học hay bỏ học dở dang không? Khi hỏi các vấn đề trên, một ưu tư lớn được biểu lộ rõ trên dung nhan của Bác.

Cụ Hà Văn Quận, một giáo dân 126 tuổi ở thôn Nhân Hoà, xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ Tĩnh đã được Bác Hồ thương mến và chăm sóc một cách đặc biệt.

Trước Cách mạng, cụ Hà Văn Quận đã sống 100 năm trong đói nghèo, tủi nhục và đau thương. Suốt đời phải đi ở làm công cho bọn địa chủ. Ngày cưới vợ phải đi mượn manh quần tấm áo lành. Sau Cách mạng, sau cải cách ruộng đất con cháu cụ có ruộng cày, cụ Quận được Bác Hồ cấp thêm lương thực, áo quần mới, đường sữa và cả áo dài đi dự lễ. Bác Hồ còn chỉ thị cho Uỷ ban liên lạc Công giáo toàn quốc đón cụ Quận ra thủ đô tĩnh dưỡng. Trước lúc kết thúc tuổi già, cụ Quận đã trối lại cho Thìn, người con gái út những lời dặn dò: "Cha, họ hàng nhà ta, làng nước ta đã chịu công ơn của Bác Hồ, của cách mạng nhiều lắm, con hãy thay cha đội ơn Hồ Chủ tịch và Chính phủ muôn vàn trùng".

Được tin Toà Giám mục và nhà thờ Xã Đoài bị giặc Mỹ ném bom tàn phá, gây chết chóc và tổn hại lớn lao, Bác Hồ đã nhanh chóng gửi điện khẩn, ân cần hỏi thăm hai vị Giám mục, các Linh mục, nam nữ tu sĩ, các cụ phụ lão và bà con giáo dân Xã Đoài. Đồng thời Bác Hồ chỉ thị cho Uỷ ban nhân dân tỉnh và các cơ quan địa phương phải tạo mọi điều kiện để sức khoẻ hai vị Giám mục, những người bị thương chóng được bình phục, và khu vực Xã Đoài sớm trở lại sinh hoạt bình thường.

Chúng tôi vinh dự được gặp Bác khá nhiều lần. Mỗi lần gặp Bác Hồ, những điều quý đẹp ghi sâu đậm trong tâm trí chúng tôi là phong thái sáng suốt, bình dị, hiền từ, thanh thản và đôn hậu của Người. Gặp Bác Hồ là gặp nguồn tình thương. Bác thương yêu quần chúng, nhưng rất quý

trọng và tin tưởng quần chúng. Quả tim của Bác Hồ ôm cả non sông, dân tộc, trước khi ngừng đập vẫn nuối tiếc vì "không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa". Ân tình và mọi lời Bác dạy luôn sống động và nảy nở trong tâm hồn mọi người công giáo. Người công giáo Việt Nam khắc ghi công ơn của Bác Hồ tới muôn đời, và quyết tâm thực hiện mọi lời dạy của Bác Hồ, đổi mới tư duy, đổi mới tâm trí, đổi mới hành động để cùng toàn thể dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đóng góp nhiều thành tích vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

HỒ CHÍ MINH VẪN SỐNG VỚI CHÚNG TA

XAN-TI MAU-ROI (SANTI MAUROY)
Giáo sư Sử học, Tổng thư ký
Hội hữu nghị Ấn - Việt, Tây Băng-gan, Ấn Độ

"Gạo đem vào giã bao đau đớn,
Gạo giã xong rồi trắng tựa bông,
Sống ở trên đời người cũng vậy,
Gian nan rèn luyện mới thành công".

"Đây là thời kỳ tốt nhất và cũng là tệ hại nhất" Sác-lơ Đích-ken (Charles Dickens), một nhà văn Anh lỗi lạc đã nói như vậy vào đêm trước cách mạng Pháp.

Ngày nay nhân loại đang ở ngã tư đường một sự xáo động mãnh liệt khác. Nhân loại đói khát, bị tước đoạt, bị áp bức, đang kinh hoàng nhìn cuộc diễu hành huênh hoang của phồn vinh và giàu có, bị chà đạp bởi sự giả nhân giả nghĩa xã hội ghê gớm, đi liền với cuộc cách mạng kỹ thuật khổng lồ đã tạo cho loài người vô vàn quyền lực, của cải và ảnh hưởng, nhưng lại không có sự tiến bộ tinh thần tương ứng và các giá trị nhân đạo phổ biến là cái gắn bó loài người thành một khối đoàn kết anh em vững chắc từ buổi bình minh của văn minh. Nhân loại dần dần đang nhường bước cho sự xuất hiện tàn nhẫn của ham muốn cá nhân, ích kỷ để thống trị như chưa hề thấy. Chính sự xuyên tạc các giá trị nhân đạo đã làm nảy sinh những sự thiên lệch nghiêm trọng khác, xa rời con đường biến đổi cách mạng về xã hội và văn hoá. Điều cần đến là một cuộc nổi dậy về đạo đức, một sự phục hưng mới chống lại quá trình bất ổn định phi nhân tính này - ít nhiều nổi bật khắp thế giới. Ở giữa cơn khủng hoảng này, nhân

loại đã sản sinh ra những danh nhân lỗi lạc làm nên thời đại như Lênin, Hồ Chí Minh và Găng-đi là những người đã để lại những dấu ấn không thể sai lầm của mình để được tiếp tục theo đuổi trong các đảo lộn nhiều biến động.

Hồ Chí Minh không còn với chúng ta theo nghĩa vật chất. Nhưng Người rất gắn bó với chúng ta về mặt đạo lý, tinh thần. Cùng với cố Ma-hat-ma Găng-đi của Ấn Độ, họ xuất hiện trước mắt ta như ngọn hải đăng dẫn đường cho cuộc chiến đấu sống còn của chúng ta. Cuộc chiến đấu sẽ khó khăn và đôi khi cô độc. Khi Người còn sống, Người thường ngâm bài ca của Ta-go (Tagore)* mà Người ưa thích:

Nếu chẳng ai nghe lời kêu gọi của anh, anh hãy đi một mình,
Nếu họ co rúm trong run sợ, im lặng trước tường thành,
Anh hãy mở trí tuệ ra lên tiếng một mình.
Đốt trái tim anh bằng lửa kia của chớp và đau khổ,
Và anh sẽ trở thành ngọn đuốc dẫn đường.

Là người dũng cảm vô song, Người rất tôn kính, khiêm tốn với quần chúng. Cũng như Lênin và Găng-đi, Người xem mình là "đầy tớ tại gia" của quần chúng, như Người thường nhắc lời của nhà văn lớn Trung Quốc Lỗ Tấn:

Trợn mắt coi khinh ngàn lực sĩ,
Cúi đầu làm ngựa đứa nhi đồng.

Sự khiêm tốn của Người là nổi tiếng. Ở Đê-li (Delhi) năm 1955, khi phóng viên báo *Times* của Ấn Độ hỏi Người về phản ứng của Người đối với Găng-đi, Người trả lời ngay: "Ông là thầy" chúng tôi, một bậc tiền phong trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc ở châu Á. Thật vậy, tất cả những con người mở đường kia - Lênin, Găng-đi và Hồ Chí Minh - đều là những người đã huy động nhân dân mình bằng cách hy sinh từng giọt máu để đấu tranh cho quyền lợi của nước mình và hơn nữa cho toàn nhân loại. Tình thương nhân dân của Người, sự khiêm tốn và giản dị trong lối sống của Người là sâu sắc và hồn nhiên.

---

* Ra-bin-dơ-ra-nát Ta-go (1861 - 1941) là đại thi hào Ấn Độ.

Tháng 2-1958 ở Can-quýt-ta (Calcutta), Người thăm cơ quan Đảng Cộng sản Ấn Độ ở số 8 đường Dacres Lane. Không một ai trong số chúng tôi, nhóm họp với người trong phòng, cảm thấy bị bỏ quên. Khi Người nghe tác giả bài này nói rằng anh ta tiếp thu con đường cộng sản trong tù, trong cuộc đấu tranh giải phóng và hiện đang dạy ở trường trung học của thành phố, Người chúc mừng tác giả về hoàn cảnh thuận lợi trong đời và nhắc anh ta nhớ đến trách nhiệm to lớn của mình đối với nhân dân và Đảng. Thực tế bao giờ Người cũng nhấn mạnh tới "trách nhiệm cách mạng" và sức mạnh ý chí. Đức tính này bắt nguồn từ lòng yêu thương vô hạn đối với nhân dân.

Ở Người không có thuyết giáo cứng nhắc nào. Tính linh hoạt làm cho Người trở thành một con đường lãnh đạo cách mạng và nhà chính trị lớn. Năm 1945 là năm trọng yếu trong cuộc đấu tranh giải phóng của Việt Nam. Lúc đó Việt Nam đứng trước việc quân đội Nhật rút lui, 180.000 quân Tưởng Giới Thạch thúc ép dữ dội, đòi phân chia quyền lực trong chế độ chính trị sắp tới. Với sự mềm dẻo và cứng rắn tuyệt diệu, Người đã ứng phó với mưu đồ của Tưởng Giới Thạch và tham vọng đang lên của Pháp. Quyết tâm sắt đá và niềm tin vào nhân dân mình đã giúp Người vững tay lái qua tình huống khó khăn vào giai đoạn cốt yếu nhất của cuộc đấu tranh giải phóng. Quyết tâm của Người không phải là sự phô trương mà nó được nối tiếp bởi hành động bình tĩnh.

Người căm ghét sự kiểu cách. Lao động đối với Người bao giờ cũng là vinh dự. Khi lưu lại Phủ thống đốc ở Can-quýt-ta, Người thường đến thăm nhà bếp, trò chuyện với những người nấu bếp, lau nhà, làm vườn, và thực tế với mọi phụ nữ chung quanh. Người tránh đi trên "thảm đỏ" vốn là điều thông thường đối với mọi người khách được trọng vọng ở Ấn Độ. Người dân Can-quýt-ta vẫn còn nhớ cụ Hồ Chí Minh đi dép cao su làm từ lốp ôtô. Đi dép kiểu Hồ Chí Minh đã trở thành mốt đối với những người cấp tiến trẻ trong gần một nửa thập kỷ.

Sau giải phóng, đồng chí Hồ Chí Minh nhận thức được những kẻ thù vô hình của dân tộc mà Người gọi là: tham ô, lãng phí, quan liêu. "Không loại trừ chúng thì cách mạng không thể thắng lợi hoàn toàn được". Có lần Người nói: "Trong đấu tranh một số người đã tỏ ra rất

hăng hái, trung thành và dũng cảm. Họ đã cống hiến rất nhiều. Nhưng khi có quyền lực, cũng những người ấy lại trở thành hách dịch, xa hoa; do đó vô tình chống lại cách mạng. Ta phải giúp họ trở lại với đạo đức cách mạng"[1]. Lời khuyên của Người càng thích hợp với ngày nay lúc đang có sự xói mòn toàn diện các giá trị nhân đạo và có sự xuyên tạc đạo đức cách mạng.

Trên các trang của lịch sử, Hồ Chí Minh vẫn sẽ vinh quang chói lọi như sao Bắc đẩu để hướng dẫn loài người đi đến một tương lai tốt đẹp hơn trên hành tinh thân yêu này của chúng ta.

1. *Lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, tập IV, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960, tr.171.

Ý NGHĨA CỦA L.TÔN-XTÔI ĐỐI VỚI SÁNG TÁC VĂN HỌC VÀ BÁO CHÍ CỦA HỒ CHÍ MINH NHỮNG NĂM 20

N.NI-CU-LIN

Giáo sư tiến sĩ, Trưởng bộ môn văn học Á Phi, Viện Văn học thế giới (Liên Xô)

Trong *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* được tái bản nhiều lần, Trần Dân Tiên viết rằng, Nguyễn Ái Quốc "thích đọc Sếch-xpia và Đích-ken bằng tiếng Anh, Lỗ Tấn bằng tiếng Trung Hoa và Huy-gô, Dô-la bằng tiếng Pháp, A-na-tôn Phơ-răng-xơ và Lép Tôn-xtôi có thể nói là những người đỡ đầu văn học cho ông Nguyễn"[1].

Hồ Chủ tịch bước vào nền văn học Việt Nam đúng vào giai đoạn bước ngoặt trong sự phát triển của nó. Lúc đó đang diễn ra quá trình hình thành nền văn học mới, đoạn tuyệt với những khuôn mẫu hình thức, thể loại, hình ảnh, tư tưởng truyền thống từ thời Trung cổ. Hồ Chí Minh là một trong số những người đầu tiên khai phá và đặt nền móng cho nền văn học mới, mà trong quá trình hình thành đã dần dần xâm nhập vào quỹ đạo những mối liên hệ rộng rãi của văn học thế giới. Đoạn trích dẫn trên đây đã trực tiếp thể hiện thái độ của Hồ Chí Minh đối với A-na-tôn Phơ-răng-xơ và Lép Tôn-xtôi như những người đỡ đầu văn học cho mình.

Khi nghiên cứu di sản văn học của Người viết vào những năm kháng chiến gian khổ chống thực dân Pháp (1946 - 1954), các nhà nghiên cứu thường ghi nhận ảnh hưởng của A-na-tôn Phơ-răng-xơ đối với Hồ Chí Minh - nhà văn và nhắc tới truyện ngắn "Giấc ngủ mười năm" (1948), trong đó Người thử nhìn trước mười năm và hình dung Việt Nam sau chiến thắng chống thực dân. Người ta cho rằng, một trong những động lực thúc đẩy Người viết truyện ngắn này là tác phẩm về tương lai của

1. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Hà Nội, 1969, tr.33.

A-na-tôn Phơ-răng-xơ "Trên hòn đá trắng". Tiện đây xin nói rằng những tư tưởng về viễn cảnh tương lai đã được Nguyễn Ái Quốc phát triển từ năm 1923, trong buổi nói chuyện với nhà thơ Nga Ô-xíp Man-đen-xtam, được nhà thơ công bố sau đó trong tạp chí "Ngọn lửa nhỏ", số 39, năm 1923. Song, cũng xin nhắc rằng trong truyền thống của Viễn Đông, thoạt đầu, dưới tác động của tư tưởng Phật giáo về tính luân hồi ảo ảnh (ảo tưởng), về niềm vui và nỗi khổ trần gian đã hình thành và phát triển loại hình văn học "chiêm bao" bắt nguồn từ tác phẩm của nhà văn Shen Ji Ji đời Đường (giữa thế kỷ VIII và IX) và được tiếp tục phát triển trong nền văn học của Trung Quốc (tiểu thuyết *Hồng lâu mộng* của Tào Tuyết Cần thế kỷ XVIII), Triều Tiên (tiểu thuyết *Giấc mộng trên mây của chín người* của Kim Man Trung, cuối thế kỷ XVII), Việt Nam (*Mai đình mộng ký* của Nguyễn Huy Hổ, đầu thế kỷ XIX; *Giấc mộng con, Giấc mộng lớn* của Tản Đà những năm 20 của thế kỷ XX), Hồ Chí Minh luôn quan tâm không chỉ đến kinh nghiệm văn học của các nhà văn châu Âu mà còn rất chú trọng các truyền thống của văn học phương Đông, truyền thống văn học dân tộc mà Người thường suy ngẫm một cách sáng tạo.

Về đánh giá của Hồ Chủ tịch với sự nghiệp sáng tạo của Lép Tôn-xtôi thì chúng tôi có bằng chứng của chính Người: năm 1960 theo yêu cầu của ban biên tập báo *Văn học,* ở Mát-xcơ-va, Người đã viết bài báo tưởng niệm Lép Tôn-xtôi đăng trong số ra ngày 19 năm đó. Nhân kỷ niệm 50 ngày Tôn-xtôi rời khỏi trang trại Jasnaja Poliana và ngày mất của ông, năm 1960 được coi là năm Lép Tôn-xtôi.

Trong buổi lễ kỷ niệm Tôn-xtôi ở Mát-xcơ-va năm đó, nhà văn Việt Nam nổi tiếng Nguyễn Công Hoan đã đến dự và được Hồ Chủ tịch mời đến dự buổi chiêu đãi cơm Việt Nam tại biệt thự mà chính phủ Liên Xô dành cho Người. Vốn quen thấy Hồ Chủ tịch trong bộ quần áo ka ki giản dị với đôi dép cao su đen trên đôi chân trần, nhà văn Nguyễn Công Hoan đã không kìm được việc miêu tả bộ quần áo khác thường Người mặc hôm đó và dáng vẻ Người. Hôm đó Hồ Chủ tịch về hơi muộn, do bận tham gia một hội nghị quốc tế kéo dài. "Tôi nhìn xuống sân. Bác ra khỏi xe, đầu đội mũ lông, mình mặc áo pa-đơ-xuy, hồng hào, nhanh nhẹn". Thời gian của Người rất ít, bữa cơm và câu chuyện trong khi ăn kéo dài không lâu vì Hồ Chủ tịch còn bận đi họp tiếp. Các đồng chí làm việc với Người lúc đó kể lại rằng: Đồng chí Hồ Chí Minh thường về nhà rất khuya nhưng sáng dậy làm việc rất sớm.

Chính trong bối cảnh đó, bài báo "Tưởng niệm về Lép Tôn-xtôi" đã được viết ra và báo *Văn nghệ* số 12 năm đó đã đăng lại bản gốc tiếng Việt với tựa đề "Tôi là học trò nhỏ của văn sĩ vĩ đại Tôn-xtôi." Giữa bài đăng tiếng Nga và tiếng Việt có một số khác biệt về văn phong chữ nghĩa.

Trong bài báo Hồ Chủ tịch đã kể lại thuở ban đầu làm quen với tác phẩm của Tôn-xtôi và những bước đi đầu tiên với tư cách một nhà văn, nhà báo hồi đầu những năm 20. (Còn về thơ chữ Hán thì đương nhiên Người đã viết từ trước đó, thuở còn thanh niên, và tài năng nghệ thuật này của Người được đổi mới hơn và được thể hiện tuyệt vời trong tác phẩm "*Nhật ký trong tù*").

Sau chiến tranh thế giới thứ I, bỏ nghề thuỷ thủ, một nghề đã để lại dấu ấn trong nhân cách và sự nghiệp sáng tác của Người, Hồ Chí Minh về sống tại Pa-ri (chỉ cần nhắc đến "Nhật ký chìm tàu" cũng đủ thấy). Người đã lao động và tham gia các hoạt động xã hội. "Cuối ngày làm việc, tôi đọc vài trang tiểu thuyết để trau dồi tiếng Pháp và giải trí một chút. Một hôm một bạn cùng nghề đã đưa cho tôi một cuốn truyện nhỏ của Tôn-xtôi"[1].

Trong nhận thức của Hồ Chí Minh việc làm quen với các tác phẩm của Tôn-xtôi được coi là sự tình cờ..." Tôi xin kể chuyện tôi trở thành người học trò của nhà văn Nga vĩ đại như thế nào. Câu chuyện có thể nói là kỳ lạ đấy nhỉ, nhưng đó quả là sự thật". Hồ Chủ tịch muốn bạn đọc cùng cảm nhận sự ngạc nhiên đó.

Song, nhà nghiên cứu lịch sử văn học không hề thấy rằng việc các nhà văn Việt Nam tiến bộ, trước hết là Hồ Chủ tịch tìm chỗ dựa trong vốn kinh nghiệm của nền văn học cổ điển Nga thế kỷ XIX không phải là ngẫu nhiên. Việc Hồ Chí Minh lần đầu làm quen với tác phẩm của Tôn-xtôi và sau đó của Đốt-xtôi-ép-xki, hết tác phẩm này đến tác phẩm khác, thì có thể là ngẫu nhiên. Trong nền văn học cổ điển Nga thế kỷ XIX luôn có trường phái nhân dân và khai sáng, rất gần gũi với các nhà hoạt động văn hoá tiên tiến ở phương Đông. Đề tài tư tưởng và cuộc sống của nền văn học Nga với tính nổi bật của nó là nguyện vọng tha thiết kiếm tìm sự thật, tâm hồn cởi mở, tinh tế và ước muốn cao cả đến lý tưởng cũng rất gần gũi với văn hoá phương Đông. Lịch sử tiếp thu và ảnh hưởng của nền

1. Hồ Chí Minh: *Tưởng niệm về Tôn-xtôi*. Báo *Văn học* Liên Xô, ngày 19-11-1960.

văn học cổ điển Nga đến sự phát triển của văn học Nhật Bản, Trung Quốc, Triều Tiên đã chứng tỏ điều đó.

Hơn bất kỳ mọi nhà văn cổ điển Nga thế kỷ XIX, Lép Tôn-xtôi có lẽ là người có mối liên hệ nhiều nhất với văn hoá phương Đông, với các nước châu Á, những danh nhân văn hoá và phong trào đấu tranh giải phóng ở các nước này. Ta hãy nhớ đến Ma-hat-ma Gan-đi. Tô-ky-tô-mi Rok. Có thể kể ra những bài viết chính luận của Tôn-xtôi *"Thư gửi người Ấn Độ", "Thư gửi người Trung Quốc", "Hãy tỉnh lại..."* Những quan điểm triết học, tôn giáo của Tôn-xtôi hình thành dưới ảnh hưởng của các học thuyết phương Đông đã tiếp thu một cách đồng cảm ở các nước châu Á. Bản dịch đầu tiên tác phẩm văn học Nga sang ngôn ngữ phương Đông là một trích đoạn trong *Chiến tranh và hoà bình* của Tôn-xtôi dịch sang tiếng Nhật dưới nhan đề *"Những bông hoa khóc, những cây liễu buồn". Đống tro tàn cuối cùng của những cuộc giao tranh đẫm máu ở Bắc Âu.* Như vậy ta thấy tính quy luật thể hiện qua muôn vàn sự ngẫu nhiên.

Vốn rất quen thuộc những quy tắc truyền thống trong nền văn học Việt Nam và Trung Quốc, nên nội dung các tác phẩm của Tôn-xtôi, nguyên tắc phản ánh cuộc sống một cách hiện thực, thể hiện qua cách viết đã gây cho Người ấn tượng rất sâu sắc. "Cách viết của Tôn-xtôi rất giản dị, rõ ràng và dễ hiểu làm tôi rất thích. Tuổi trẻ thường bồng bột, tôi nhảy vùng dậy khỏi giường mặc dù mùa đông rất lạnh, nhất là trong căn phòng bé nhỏ của tôi lại không có lò sưởi. Tôi nói to: Viết một cuốn truyện ngắn chẳng có gì là khó. Mình cũng có thể viết được"[1].

Sự nhận thức cái phức tạp thoạt đầu tưởng như đơn giản trong chủ nghĩa hiện thực của Lép Tôn-xtôi và trong các tác phẩm của ông đến với Người muộn hơn trong quá trình sáng tác. Và điều đó, chính Hồ Chủ tịch đã nói một các hài hước, như khi người ta thường nhớ lại những sai lầm ngây thơ thời trẻ. "Ở Việt Nam chúng tôi có câu tục ngữ: "Điếc không sợ súng". Đúng là trường hợp của tôi. Mỗi ngày tôi phải viết từ năm giờ đến sáu giờ rưỡi sáng là vì bảy giờ tôi phải đi đến xưởng. Thường thường ngón tay tôi tê cóng lại. Sau một tuần vất vả, tôi viết xong tác phẩm của mình"[2].

---

1. Hồ Chí Minh: *Tưởng niệm về Tôn-xtôi*. Báo *Văn học* Liên xô, 19-11-1960.
2. Hồ Chí Minh: *Tưởng niệm về Tôn-xtôi*, bdd.

Bài phóng sự đầu tiên của Hồ Chí Minh với nhan đề "Pa-ri" được đăng sau đó trên báo "Nhân đạo". Trong bài phóng sự của tôi - sau này Hồ Chủ tịch kể lại, "Tôi kể những điều mắt thấy tai nghe trong khu phố tôi ở là khu phố nghèo khổ của những công nhân và những người thất nghiệp trong thành phố Pa-ri lộng lẫy và giàu có"[1].

Thường các nhà nghiên cứu chỉ dừng lại ở chỗ trích dẫn bài báo của Hồ Chí Minh về Tôn-xtôi. Tư duy phân tích của họ không vượt khỏi nhận định chung chung và ai cũng thấy được vai trò của L. Tôn-xtôi trong cuộc đời sáng tác, viết văn và viết báo của Hồ Chí Minh. Thậm chí họ cũng không suy nghĩ tìm hiểu xem cuốn truyện vừa của L. Tôn-xtôi được nói đến trong bài báo của Hồ Chủ tịch là truyện nào. Người viết: "Tôi quên tên cuốn sách là gì. Từ đó đến nay đã bốn mươi năm rồi còn gì"[2] song Hồ Chủ tịch còn nhớ nội dung. Theo nội dung Người kể lại thì chắc đó là chuyện "Cha Xéc-ghi". Trí nhớ của Hồ Chủ tịch đã ghi lại những gì quan trọng nhất trong nội dung tác phẩm: "Xung đột mâu thuẫn trong tâm hồn một sĩ quan quý tộc trẻ tuổi, giữa tình yêu với vợ chưa cưới của chàng bị Sa hoàng biến thành người tình" và điều mà Hồ Chủ tịch theo truyền thống Nho giáo gọi là đạo trung quân. Chắc rằng Hồ Chí Minh lúc đó đã tiếp thu tác phẩm này trên cái nền quen thuộc của truyện Nôm thế kỷ XVIII-XIX, trong đó những chuẩn mực của đạo đức phong kiến mâu thuẫn với cuộc sống, nên đã nhận thấy trong tác phẩm của Lép Tôn-xtôi "Sự chỉ trích đạo đức phong kiến"[3]. Sẽ thật lạ lùng nếu đi tìm ở Hồ Chí Minh sự vay mượn trực tiếp ở Tôn-xtôi (trong khi thời đó rất phổ biến hiện tượng các tác giả Việt Nam như Phạm Duy Tốn, Hồ Biểu Chánh mượn thẳng đề tài nước ngoài và hiện tượng này cần được xem như một hình thức khai thác kinh nghiệm của văn học phương Tây). Hồ Chí Minh không hề làm như vậy.

Đọc kỹ một chút bút ký "Pa-ri" (trích thư gửi cháu) chúng ta dễ dàng nhận thấy tác giả đi từ cuộc sống với những khác biệt về mặt xã hội và bi kịch của nó và ở đây chúng ta thấy tác giả cố gắng trung thành với những nguyên tắc hiện thực chủ nghĩa. Nên nhớ rằng văn học ký sự thường là tiền thân của văn học hiện thực. Trong những bài ký sự Hồ Chí Minh viết

1. Hồ Chí Minh: *Tưởng niệm về Tôn-xtôi*, bdd.
2. Hồ Chí Minh: *Tưởng niệm về Tôn-xtôi*, bdd.
3. Hồ Chí Minh: *Tưởng niệm về Tôn-xtôi*, bdd.

vào lúc những vết thương của chiến tranh thế giới lần thứ nhất còn chưa nhức nhối, chúng ta bắt gặp những suy tư về sự phi lý của chiến tranh như một hiện tượng trong đời sống xã hội, bắt gặp cách đánh giá rất tiêu cực đối với Na-pô-lê-ông. Những suy nghĩ của Hồ Chí Minh về chiến tranh và cách đánh giá của Người đối với Na-pô-lê-ông giống một cách kỳ lạ với những gì chúng ta đọc được trong "Chiến tranh và hoà bình", với "tư tưởng nhân dân" vốn rất quý giá đối với Tôn-xtôi. Từ những trang bút ký của Hồ Chí Minh phảng phất cách hiểu của Tôn-xtôi về chiến tranh và hoà bình, cách đánh giá của Tôn-xtôi về Na-pô-lê-ông.

Đồng thời xuất hiện quan niệm cho rằng Hồ Chí Minh đã tiếp xúc sâu rộng hơn với văn học cổ điển Nga đương thời. Ký giả Hồng Hà, nhà viết tiểu sử Hồ Chí Minh nổi tiếng cũng đồng ý với quan niệm đó và đã tả cảm tưởng của Nguyễn Ái Quốc trong lần đầu tới Pê-trô-grat vào những đêm trăng nổi tiếng tháng sáu năm 1923 như sau: "Giữa đêm, trời vẫn sáng như ban ngày, người dạo chơi đông bên bờ sông Nê-va. Thành phố của những cây cầu đẹp, những pho tượng và vườn hoa, đâu đấy còn bóng dáng của Put-skin, Gô-gôn, Đốt-xtôi-ép-xki mà tác phẩm của ông đã lôi cuốn anh trong phòng đọc có vòm trần rất cao của Thư viện quốc gia Pa-ri"[1]. Hồng Hà cũng phần nào nhắc nhở tới sự am hiểu khá sâu rộng của Hồ Chí Minh lúc đó về các tiểu thuyết của Tôn-xtôi như theo chúng tôi đã thấy rõ trong bút ký Pa-ri: Xế của trụ sở (Hội đồng nông dân quốc tế - N.N.) là nhà số 9 (trên phố Vô-dơ-đơ-vi-gien-ca-N.N.) nguyên là lâu đài của công tước Vôn-côn-xki, ông ngoại nhà đại văn hào Nga Lép Tôn-xtôi. Chính Tôn-xtôi đã dựa vào cơ sở này để miêu tả lâu đài của nhân vật công tước Bôn-côn-xki trong "Chiến tranh và hoà bình". Tác phẩm xuất sắc này của ông cùng với "An-na Ka-rê-ni-na" đã lôi cuốn anh Nguyễn, dạy anh cách viết văn, viết báo trong sáng, gọn gàng, cô đọng"[2].

Có lẽ đúng là như vậy. Thế còn "Cha Xéc-ghi" thì sao? Rõ ràng vai trò của chuyện này đối với sự nghiệp sáng tạo của Hồ Chí Minh thể hiện ở chỗ: khác với các tiểu thuyết của Tôn-xtôi, nó đã tạo nên động lực sáng tạo trực tiếp mà Hồ Chí Minh đã miêu tả thật sinh động trong bài viết về Tôn-xtôi.

1. Hồng Hà: *Bác Hồ trên đất nước Lênin*, Hà Nội, 1980, tr.23.
2. Hồng Hà: *Bác Hồ trên đất nước Lênin*, sdd.

"Sông Đông êm đềm" của Sô-lô-khốp được nhất trí coi là sự kế thừa sáng tạo đặc sắc và rực rỡ tính anh hùng ca Tôn-xtôi trong nền văn học Xô-viết. Tuy mọi người đều biết rõ Hồ Chí Minh quan tâm tới văn học Xô-viết, Người đã từng lược dịch cuốn "Tỉnh uỷ bí mật" của nhà văn A.Phê-đô-rốp, song những bài viết của Hồ Chí Minh về các nhà văn Xô-viết chỉ còn lại rất ít. Và vì vậy nhận định của Người về Sô-lô-khốp lưu lại được là rất có giá trị. Nó được nhà thơ Môn-đa-vi Pê-trây Cru-chen-huc ghi lại theo trí nhớ và chắc chắn có những khiếm khuyết của cách ghi này, song vẫn thể hiện được tư tưởng chung của Hồ Chí Minh, cách đánh giá chung của Người. "Không một ai sống trên trái đất không thể không yêu mến Sô-lô-khốp. Chỉ kẻ nào không yêu quý cuộc sống mới tự cho phép mình không yêu mến Sô-lô-khốp. Bởi vì Sô-lô-khốp là sự cô đọng của bản thân cuộc sống với vô số các mặt trong sáng và đen tối của nó, với những giọt nước mắt và những bài ca, với sự sinh nở và cái chết. Các dân tộc Nga có thể được hạnh phúc còn bởi vì họ đã sản sinh ra Sô-lô-khốp cho thế giới, đã khơi nguồn bất tận trong sáng tác của ông, nguồn nước mà tất cả nhân dân và các dân tộc trên thế giới đều có thể uống"[1].

Các thời đại kế tiếp nhau trong chuỗi thời gian liên tục, và những tranh luận sáng tạo về tính kế thừa và không tiếp nhận trong phát triển văn học không ngừng tiếp diễn. Hồ Chí Minh, người mở đường và nhà sáng lập trong lịch sử văn học Việt Nam, đã tích cực dựa vào kinh nghiệm của các nền văn học nước ngoài, trong đó có văn học cổ điển Nga, trong những sáng tác của mình.

1. *Người cùng thời vĩ đại của chúng ta.* Các nhà văn Xô-viết viết về Sô-lô-khốp - "Molôdaja Gvardja", 1975, số 4, tr.52.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
MỘT BIỂU TRƯNG NHÂN BẢN VIỆT NAM

Thượng toạ THÍCH ĐỨC NGHIỆP

Nói về Hồ Chủ tịch, tức là nói về một vĩ nhân đa dạng, có tầm vóc lớn, đã tạo ra lịch sử Việt Nam độc lập và thống nhất, và đã đi vào lịch sử thế giới hiện nay.

Nhiều người Việt Nam và nước ngoài đã viết nhiều những đặc điểm về Hồ Chủ tịch, qua các tác phẩm sách, báo, văn, thơ, nhạc, kịch, phim ảnh. Nhưng một điểm nổi bật nhất, sẵn có trong đức tính nhân bản của Hồ Chủ tịch, lại chỉ được đề cập khái quát. Do đó, dưới góc độ Phật giáo Việt Nam, chúng tôi thành tâm góp phần nhỏ của mình vào việc tìm hiểu nhân bản của Hồ Chủ tịch.

Trước hết, tôi phải xác định rằng: Hồ Chủ tịch là của mọi người, nhất là của những người sống trong khổ đau và đen tối. Cho nên, nhân bản của Hồ Chủ tịch là một bản chất rất người, rất sáng tạo, rất thực tiễn, nhằm làm cho tất cả mọi người Việt Nam và thế giới đều được tự do và hạnh phúc. Nói theo Phật giáo, nhân bản ấy kết tinh bằng Từ bi, Trí tuệ, Dũng mãnh, hướng dẫn chúng sinh đạt tới mục đích Giác ngộ và Giải thoát, chuyển biến cõi sa bàn này thành cõi tịnh độ, và cuộc đời cơ cực này thành nếp sống cực lạc. Ước mơ ấy bắt nguồn từ tình thương, yêu nước, thương người và toả sáng trong những bài thơ bằng chữ Hán và chữ Việt của Hồ Chủ tịch, khi Người còn bị cầm tù tại Trung Quốc dưới chế độ Tưởng Giới Thạch, và khi Người về Việt Nam trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Nhật và Pháp.

Một trong những bài thơ trong tập "Nhật ký trong tù" viết:

"Trưởng ban họ Mạc người hào hiệp,
Dốc túi mua cơm giúp phạm nhân;

Đêm đến cởi thừng cho họ ngủ,
Chẳng dùng quyền thế, chỉ dùng ân"[1].

Và:

"Lòng riêng riêng những bàn hoàn,
Lo sao khôi phục giang san Tiên Rồng,
Thuyền về, trời đã rạng đông,
Bao la nhuốm một màu hồng đẹp tươi"[2].

Mới nghe hai chữ kháng chiến, chúng ta liền nghĩ tới cuộc đổ máu giữa người và người, dường như không phù hợp với tình thương nhân bản của Hồ Chủ tịch. Nhưng thực tế đó là một việc bất đắc dĩ, một cuộc kháng chiến tự vệ, đòi quân phiệt Nhật và thực dân Pháp phải trả lại quyền tự chủ bất khả nhượng cho dân tộc mình. Nghĩa là, vì kẻ thù quá gian ngoan, không tự giác, không chịu từ bỏ tham vọng cai trị dân ta, nên Hồ Chủ tịch cùng toàn dân bắt buộc phải chiến đấu, chiến đấu thành công, không cho phép chúng được tái nô dịch Tổ quốc ta một lần thứ hai nữa. Như vậy, chúng ta hiểu rõ rằng, Hồ Chủ tịch có giàu tình thương, sáng suốt và kiên cường trong sự nghiệp cứu nước, thương người, chứ không phải là một thứ nhân ái hèn yếu, bất lực, đành khoanh tay, nhắm mắt để kẻ địch gây tội ác gì cũng được. Đúng như các Phật tử Việt Nam thường nói: "Từ bi với Phật, chứ không thể từ bi với ma vương, quỷ sứ". Điều này đã được chứng minh rõ ràng trong câu chuyện tiền thân của đức Phật[3]. Ngài đã phải tuỳ thời, thích nghi, dùng mọi phương tiện để làm lợi ích cho chúng sinh và làm sáng tỏ chính pháp, nên ngài đã quyết định tuốt gươm Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ bi, dấn thân giết chết một tên tướng cướp để bảo toàn mạng sống và của cải cho năm trăm người bạn đồng hành, đồng thời làm cho cả bọn cướp kia biết cải tà, quy chính, biết làm ăn lương thiện, biết tôn trọng quyền sống và tài sản của mọi người.

Hơn nữa, chính Giăng Xanh-tơ-ny (Jean Sainteny), một sứ giả của chính quyền thực dân Pháp năm 1946, cũng phải công nhận đức tính Hiếu hoà và Nhân ái của Hồ Chủ tịch, và viết rõ trong cuốn *Lịch sử một nền hoà bình bị bỏ lỡ* như sau: "Khi mới liên hệ với Hồ Chủ tịch, tôi cảm

1. Hồ Chí Minh: *Nhật ký trong tù*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1983, tr.206-207.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Tập 5, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.290.
3. *Đại Tạng Kinh*, tập III, Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân, quyển 7, Phẩm Thân Cận thứ 9, tr.161 - 162.

thấy rằng, đó là một nhân vật hàng đầu và khổ hạnh, với khuôn mặt đầy thông minh, mưu lược và tế nhị... Một nhân vật hàm chứa một văn hoá sâu rộng, một trí tuệ tuyệt vời, tầm hoạt động phi thường và tính không vụ lợi tuyệt đối, đã có uy tín và được dân chúng kính yêu rất nhiều. Tất cả lời nói, việc làm và thái độ của Hồ Chủ tịch chứng tỏ rằng Người không muốn dùng giải pháp võ lực. Rõ ràng là, suốt trong giai đoạn này, Người muốn trở thành một Thánh Găng-đi của Đông Dương".

Thêm vào đấy, năm 1945, tại Côn Minh, Hồ Chủ tịch có việc gặp Hen-li-oen (Helliwell), một đại tá Mỹ, cùng các sĩ quan làm việc trong cơ quan Công vụ chiến lược (Office of Strategic Service). Một nhà báo nổi tiếng Béc-na Phôn (Bernard Fall) đã thuật lại ý kiến của một viên chức Mỹ đối với Hồ Chủ tịch trong cuốn "Le Việt Minh" như sau:

"Hồ Chủ tịch thật là một mẫu người rất hiền dịu. Nếu tôi phải nhớ tới bậc lão thành này, ngồi trên một ngọn đồi trong một khu rừng, thì đó là một đức tính hoà nhã..."

Tuy vậy, vẫn còn một số người, kể cả những người Phật giáo, có một định kiến chật hẹp, và cho rằng Hồ Chủ tịch là một lãnh tụ cộng sản. Đúng, nhưng đây là cộng sản Việt Nam, không phải là một mớ giáo điều, càng không phải như một văn bản "Sao y bản chính" mà căn bản là tình người, tình yêu nước, tình nhân đạo. Đúng như Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói:

"Ý chí cách mạng của Hồ Chủ tịch phát nguồn từ tình cảm, tình cảm dân tộc, tình cảm giai cấp, sự cảm thông với biết bao đau khổ và bất công, với biết bao mơ ước một đời sống tươi sáng. Tình nhân đạo, tình thương đồng bào, đó là điều sâu sắc nhất và tốt đẹp nhất trong con người của Hồ Chủ tịch"[1].

Phù hợp với ý kiến trên, trong cuốn "Từ Lênin đến Mao", Bà Phi-sơ (Fischer) đã viết:

"Điều mà chúng ta phải lưu ý nơi Người (Hồ Chủ tịch), dù ở trong Đệ tam Quốc tế cộng sản, đó là tình yêu nước nồng nàn của Người..."

Điều này đã được nhà văn kiêm ký giả Giăng La-cu-tuya nhận định như sau:

1. Phạm Văn Đồng: *Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ*. Nxb. Văn học, tr.226 - 227.

"Bà cho rằng, đối với Nguyễn Ái Quốc, chủ nghĩa Mác chỉ là một phương pháp, phong trào cộng sản quốc tế là một đòn bẩy, một phương tiện để thực hiện thành công lòng yêu nước căn bản của Ông. Bà ta cũng xác nhận sự gia nhập của Ông vào Đệ tam Quốc tế, sự trung thành của Ông với tổ chức này và học thuyết cộng sản"[1].

Trên đây là những nhận định khách quan đối với tình nhân đạo của Hồ Chủ tịch; và sau đây là những việc làm cụ thể để chứng minh tình nhân đạo ấy. Thí dụ:

- Sau ngày 19-8-1945, ngày Cách mạng thành công và ngày 2-9-1945, ngày Tuyên ngôn Độc lập, tại Hà Nội Hồ Chủ tịch đã đích thân tới thăm Chùa Quán Sứ và gặp Hoà thượng Cần, Hoà thượng Tố Liên; và thăm Chùa Bà Đá, gặp Hoà thượng Thanh Hỷ, Hoà thượng Vô Thịnh. Nơi đây, chính tôi, người viết bài này, đã vui mừng được thấy, và được nghe Hồ Chủ tịch mà những lời nói đó tôi vẫn còn ghi nhớ:

"Nhà nước chúng tôi luôn luôn tôn trọng tự do tín ngưỡng. Phật giáo Việt Nam với dân tộc như bóng với hình, tuy hai mà một. Tôi mong các Hoà thượng, Tăng ni và Phật tử, hãy tích cực thực hiện tinh thần Từ bi, Vô ngã, Vị tha trong sự nghiệp cứu nước, giữ nước và giữ đạo, để cùng toàn dân sống trong Độc lập, Tự do, Hạnh phúc".

- Ngày sinh Hồ Chủ tịch, 19 tháng 5, năm Người 70 tuổi. Một vị tăng ở Chùa Hương mới vào tham quan miền Nam, thành phố Hồ Chí Minh, có kể lại:

"Trong khi Hoà thượng Thích Thanh Chân, trụ trì Chùa Hương và Chứng minh Đạo sư hội Việt Nam Phật giáo Thống nhất, ra Hà Nội để cùng phái đoàn Phật giáo vào chúc thọ và mừng thọ Hồ Chủ tịch, thì ngay 5 giờ sáng hôm đó, chính Hồ Chủ tịch lại vào thăm Chùa Hương, và Người đã chỉ thị cho Chính quyền địa phương, Bến Đục làng Yên Vĩ, phải sửa lại những con thuyền, làm thêm cầu phao, và đắp một đường mới, để du khách và các Tăng ni, Phật tử đi lại, chiêm bái, được tự do, an toàn".

- Rồi đến chuyện Cựu hoàng Bảo Đại Cố vấn chính phủ lâm thời năm 1946, và Nguyễn Hải Thần, lãnh tụ Việt Nam Quốc dân Đảng, là Phó chủ

1. Jean Lacouture: *Cinq Hommes et La France*, Pakixtan, tr.99 - 100.

tịch Nhà nước bấy giờ. Được biết hai người này có ý định bỏ ra nước ngoài đi chữa bệnh, Hồ Chủ tịch chẳng những không cho các vị lãnh đạo chính quyền giữ lại, mà còn nói: "Cứ để họ đi thoải mái, vì giữ người ở, chứ không giữ người đi".

- Tiếp theo, lòng nhân bản của Hồ Chủ tịch đến cả với các tù binh Pháp và Mỹ, là những người có mưu đồ xâm chiếm nước ta, tàn phá quê hương ta. Cụ thể là vào tháng 10-1951, chính Hồ Chủ tịch đã đi thăm trại tù binh tại Thất Khê. Nơi đây, Người đã cởi áo choàng của mình cho một đại uý thầy thuốc, người Pháp, vì trời quá lạnh. Nghĩa là, trên mình của người chỉ còn một áo sơ mi mỏng. Sau mấy chục phút thăm hỏi thân tình, viên đại uý đã ôm lấy Hồ Chủ tịch và khóc nức nở rất lâu... Và qua phim ảnh đã chiếu khắp nơi, trong và ngoài nước mà tôi được xem, vào những năm 1969 - 1970, máy bay Mỹ đã oanh tạc miền Bắc Việt Nam, nhưng một số lớn đã bị bắn rơi, và các phi công Mỹ đã bị bắt giữ tại "khách sạn Hilton" Hà Nội. Nhân dịp lễ Tạ ơn (Thanhsgiving) vào cuối tháng 11 hàng năm, Hồ Chủ tịch chỉ thị cho các vị cán bộ liên hệ phải làm món gà tây cổ truyền đặc biệt cho tất cả các tù binh Mỹ này ăn đầy đủ và thoải mái.

Thật vậy, theo tôi, về quan điểm đạo đức học trong xã hội con người, Hồ Chủ tịch đã làm đúng như những lời Kinh Pháp cú. Thí dụ:

"Là người lãnh đạo thế gian, biết làm việc chân chính, không thiên vị; biết tu dưỡng tâm hồn, thắng vượt mọi điều xấu, đó là vị Pháp vương; thấy ai làm đúng, thường giúp đỡ; làm lợi ích cho mọi người bằng nhân ái; có quyền lợi thì chia đều, do đó quần chúng đều kính mến"[1].

Tóm lại chủ nghĩa nhân đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh được biểu trưng cụ thể bằng sự giang tay rộng mở để giải phóng nô lệ và lòng căm thù, bằng trái tim độ lượng dành tình thương yêu cho đồng bào của mình và cho nhân loại, và bằng trí óc đầy sáng suốt để dẫn dắt mọi người trên con đường đi tới đỉnh cao của tự do và hạnh phúc. Người lấy tình hữu nghị thân thiện thay cho oán cừu và tình thương yêu thay cho sự báo thù.

Đó là toàn bộ cuộc đời đẹp đẽ và đầy ý nghĩa của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đạo Phật đã có vinh dự được gặp ở đỉnh cao nhân bản đó.

---

1. *Đại Tạng Kinh*, tập 4, Kinh Pháp cú thi dụ, quyển 4, tr.607.

HỒ CHÍ MINH - NHÀ TƯ TƯỞNG

V.G.BU-RỐP

Tiến sĩ Triết học Liên Xô

Vào những năm 20 của thế kỷ này[1], Việt Nam còn là một nước thuộc địa cực kỳ lạc hậu, đứng bên lề sự phát triển của thế giới. Địa vị thống trị của các quan hệ kinh tế - xã hội phong kiến, số lượng công nhân không đáng kể so với tổng số dân cư, sự hiện diện của đủ các loại tập tục tâm lý - tư tưởng bảo thủ đã ảnh hưởng tới tính chất của quá trình diễn ra trong xã hội Việt Nam thuở đó. Những vấn đề chủ yếu được tranh luận gay gắt lúc đó là vấn đề giải phóng khỏi ách thực dân, xoá bỏ sự lạc hậu của xã hội của đất nước, khắc phục những chênh lệch lớn về mọi mặt trong đời sống xã hội giữa Việt Nam và các nước phát triển phương Tây. Nhiều phương hướng và biện pháp thực hiện những nhiệm vụ trên đã được đề xuất, song rút cuộc đều không có hiệu quả vì dựa trên những quan niệm thiếu khoa học về bản chất quá trình lịch sử xã hội, vì vậy tuy có đóng vai trò tích cực nhất định đối với việc thức tỉnh ý thức dân tộc, chúng không thể đưa đến thực hiện những mục tiêu mà các lãnh tụ phong trào giải phóng dân tộc đặt ra.

Và cương lĩnh đúng đắn, phù hợp với điều kiện của đất nước hơn cả nhằm giành độc lập dân tộc, xoá bỏ sự lạc hậu về kinh tế - xã hội của Việt Nam là cương lĩnh do các nhà mác-xít, mà người đầu tiên là Hồ Chí Minh, đưa ra.

Để đánh giá khách quan hoạt động chính trị của Hồ Chí Minh và hoạt động sáng tạo tinh thần của Người, không thể chỉ hạn chế trong phạm vi một quốc gia, một thời đại. Không thể chỉ xem xét những điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam trong thế kỷ XX, mà chúng ta còn cần

---

1. Tức là thế kỷ XX (BT).

phải mở rộng không gian xã hội và thời gian của vấn đề nghiên cứu. Nói về Hồ Chí Minh là phải nói trên ba bình diện: Việt Nam, khu vực (châu Á) và thế giới.

Chúng tôi muốn nhấn mạnh điểm này vì những nguyên nhân sau.

Một là, bản thân lịch sử xã hội và văn hoá Việt Nam không mang tính chất địa phương mà gắn liền với những sự kiện diễn ra ở các nước láng giềng và ở cả châu Âu xa xôi. Hai là, ngay cả thế giới quan của Hồ Chí Minh được hình thành không chỉ dưới tác động của những truyền thống tư tưởng dân tộc, mà còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của những khuynh hướng dư luận xã hội nước ngoài ở châu Á và châu Âu. Ba là, Hồ Chí Minh không chỉ hoạt động ở Việt Nam mà đã sống và hoạt động chính trị tích cực nhiều năm ở nhiều nước khác. Bốn là, nhiều suy nghĩ và tìm tòi của Hồ Chí Minh không chỉ dành riêng cho nhân dân Việt Nam, Người cũng nghiên cứu cả những vấn đề toàn cầu, những vấn đề được các dân tộc nhiều khu vực và trên cả thế giới quan tâm.

... Những tư tưởng được Hồ Chí Minh phát huy đều mang đậm bản sắc Việt Nam. Đó là kết quả phát huy tính dân tộc. Xuyên suốt toàn bộ hoạt động sáng tạo của Hồ Chí Minh là tinh thần dân tộc tự quyết của nhân dân Việt Nam, tinh thần tự quyết không thể có được một khi thiếu giải phóng dân tộc và xoá bỏ ách thuộc địa. Chính vì vậy, suốt cuộc đời mình, Hồ Chí Minh gắn bó sâu sắc với những ý tưởng độc lập chính trị và xây dựng Việt Nam thành một quốc gia tự do và tự chủ trong cộng đồng thế giới.

Chủ nghĩa yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh không đối lập người Việt Nam với các dân tộc khác, kể cả những nước có những người theo lệnh kẻ trên đã thực hiện "sứ mạng" thực dân ở Việt Nam. Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh chứa đựng lòng tôn trọng đối với những người thuộc các dân tộc khác. Và theo tôi, đấy chính là một trong những bài học quan trọng mà Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta.

Hồ Chí Minh đã tiếp thu sự giáo dục truyền thống ưu tú của dân tộc. Người hiểu sâu sắc lịch sử dân tộc và kính trọng đối với truyền thống do các thế hệ trước để lại.

Đồng thời Hồ Chí Minh cũng xa lạ với thái độ tự phụ, ngạo mạn dân tộc. Người đánh giá cao những giá trị văn hoá dân tộc, đồng thời thấu

hiểu rằng thế kỷ XX dòi hỏi phải có một tư duy mới, phải có quan điểm chính trị và tư tưởng mới.

... Hồ Chí Minh hiểu rằng quyền dân tộc tự quyết, việc khôi phục và phát huy những truyền thống đạo đức văn hoá tinh tuý nhất của dân tộc không thể có được nếu người Việt Nam không tiếp cận được với những thành tựu của nền văn minh thế giới, của khoa học thế giới. Một ý tưởng dân tộc nếu không được củng cố bởi tiến bộ khoa học - kỹ thuật sẽ không thể tránh khỏi bị bóp chết từ trong trứng. Cách nhìn của Hồ Chí Minh về tương lai dân tộc và xã hội Việt Nam theo tôi là như vậy.

... Vấn đề tác động qua lại trong giao lưu văn hoá Đông - Tây là vấn đề mới đối với các nhà tư tưởng Việt Nam, nhưng vận mệnh của phong trào giải phóng lại phụ thuộc vào cách hiểu đúng đắn vấn đề này. Lời giải đáp mà Hồ Chí Minh đưa ra chính là sự kết hợp học thuyết cách mạng cho phương Tây (chủ nghĩa Mác) với các truyền thống tư tưởng tiến bộ của Việt Nam.

... Và cuối cùng, còn nói tới hoạt động trí tuệ của Hồ Chí Minh trên bình diện quốc tế. Mặt này đã được viết và nói khá nhiều.

Vào nửa cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, nhiều vấn đề hoàn toàn mới gắn liền với sự thâm nhập của văn hoá phương Tây (Pháp) được đặt ra cho xã hội Việt Nam. Vào thời gian này, trong các tác phẩm của các nhà tư tưởng Việt Nam xuất hiện những vấn đề trước đó không hề có, như thái độ với văn hoá phương Tây và văn hoá truyền thống. Là người được giáo dục về nhiều mặt, Hồ Chí Minh được tiếp xúc với nhiều luồng tư tưởng và dần dần trở thành lãnh tụ chính trị không những của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam mà còn là một trong những nhà lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc quốc tế nổi tiếng và có uy tín lớn. Người nhìn xa trông rộng, luôn tìm tòi sáng tạo. Chính những phẩm chất này đã thu hút được những người tham gia vào phong trào yêu nước ở các nước khác đến với Người.

Mặt khác, kinh nghiệm gắn liền với tên tuổi Hồ Chí Minh về phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam đã lôi cuốn sự chú ý của nhiều nước Á - Phi. Thông qua đối chiếu, phân tích, so sánh đã nảy sinh nhu cầu tự nhiên áp dụng những kinh nghiệm của Việt Nam phù hợp với điều kiện của từng nước.

Ngoài ra, chính Hồ Chí Minh cũng rất quan tâm tới những sự kiện diễn ra tại các nước châu Á khác. Chẳng hạn, Người đã có nhiều cố gắng giới thiệu tình hình kinh tế và chính trị của các tầng lớp cư dân trong xã hội Trung Quốc, nông dân, công nhân, sinh viên ở các nước châu Á. Người đánh giá vai trò của chủ nghĩa Mác như một học thuyết chỉ ra con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hướng tới các tư tưởng dân tộc yêu chuộng tự do là những bằng chứng đầy thuyết phục về điều đó. Hơn nữa, cần nhấn mạnh rằng Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác không như đến với một hiện tượng của nước Nga thuần tuý mà thấy ở đó kết quả mang tính quy luật của sự phát triển tư tưởng giải phóng của thế giới. Đối với Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác và sự kế thừa và sự phát triển tiếp theo của nó - chủ nghĩa Lênin, không phải là hiện tượng biệt lập với tư tưởng xã hội của thế giới. Người tiếp thu những tư tưởng của Mác và Lênin như một bộ phận không tách rời của một chỉnh thể tư tưởng chung, chỉnh thể những quan niệm của phương Tây về giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội.

Chính vì vậy, ngày nay nói về Hồ Chí Minh, cần thấy rõ trong thế giới quan của Người, không chỉ những đặc điểm riêng của Việt Nam, mà cả những điểm tổng quát, đã khiến Người trở nên gần gũi với nhiều nhà hoạt động tiến bộ hiện đại. Di sản tư tưởng của Người không thuộc riêng Việt Nam.

TRUYỀN THỐNG VÀ CÁCH MẠNG TRONG TƯ TƯỞNG CỦA HỒ CHÍ MINH

LÊ THÀNH KHÔI
Giáo sư Sử học, đại diện Hội những người Việt Nam ở Pháp

Văn hoá - như A-min-ca Ca-bran (Amilcar Cabral) nước Ghi-nê Bit-xao (Guinée Bissau) đã nói - chính là cơ sở của phong trào giải phóng và chỉ những xã hội nào gìn giữ được nền văn hoá của mình mới có thể huy động, tổ chức và đấu tranh chống lại sự thống trị của nước ngoài. Khả năng xây dựng hay tạo nên những yếu tố bảo đảm sự tiếp tục của lịch sử và đồng thời quy định những khả năng tiến bộ hay thoái lui của xã hội ở văn hoá".

Ở châu Á, chính sách "không bạo lực" của Găng-đi (Gandhi) là một bạo lực tinh thần chống lại đối phương, một khái niệm rút ra từ nền văn hoá Ấn Độ (Ahimsa), trong đó nhà hiền triết thực hiện sự tu luyện có được một quyền lực siêu phàm. Thiên tài của Người là đã chuyển những nguyên lý của đạo đức học cá nhân sang lĩnh vực hành động tập thể. Hồ Chí Minh, về phần mình, đã không tách chủ nghĩa Mác khỏi những giá trị dân tộc và Người đã đem lại cho giá trị ấy một ý nghĩa mới nhằm thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Lịch sử Việt Nam là lịch sử của một dân tộc trải qua trên 2000 năm đã biết duy trì sự tồn tại của mình bằng cách cày cấy những cánh đồng làm thành nơi ở của mình dọc theo Biển Đông, đồng thời bảo vệ sự tồn tại của mình chống lại ngoại xâm. Hai nhiệm vụ này xưa nay vẫn gắn liền với nhau, và trước đây cũng như hiện nay, không thể nào thực hiện được nếu không có một điều kiện chủ yếu: đoàn kết của toàn dân. Biết bao bài dân ca xưa đã ca ngợi những trận chiến đấu thắng lợi của một nước nhỏ chống lại những cường quốc:

Nực cười châu chấu đá xe,
Tưởng rằng chấu ngã, ai dè xe nghiêng.

Và đoàn kết dân tộc dẫn tới thắng lợi:

Nhiễu điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước phải thương nhau cùng.

Sau khi chiến thắng hai cuộc xâm lăng của Mông Cổ vào thế kỷ XIII, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn trước khi mất dặn nhà vua như sau: "Nói chung, giặc cậy trường trận, ta cậy đoản binh, lấy đoản chế trường là việc thường của binh pháp. Nếu thấy quân giặc đến ồ ạt như lửa cháy, gió thổi thì thế dễ chế ngự. Nếu chúng đi chậm như cách tằm ăn, không cần của dân, không cần được chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến như đánh cờ vậy, tuỳ thời mà làm, có thu được quân lính một lòng như cha con một nhà thì mới dùng được. Vả lại, khoan thư sức dân để làm kế bền gốc, sâu rễ, đó là thượng sách giữ nước"[1].

Trong truyền thống Việt Nam hai điều nhân và nghĩa gắn liền chặt chẽ với nhau và được nhận thức không phải trong mối liên hệ với các quan hệ xã hội như trong Nho giáo kinh điển, mà theo một ý nghĩa chính trị: trong mối quan hệ với phúc lợi nhân dân và với sự gìn giữ dân tộc. Ưu điểm lớn nhất của một vị anh hùng là làm cho nhân dân thoát khỏi nạn ngoại xâm. Bài *Bình Ngô đại cáo* mà Nguyễn Trãi viết vào năm 1427, sau 10 năm chiến đấu giành độc lập và chiến thắng quân Minh mang ý nghĩa đẹp đẽ như thế:

Việc nhân nghĩa cốt để yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.

Vào thế kỷ XIX, sự suy thoái của nền quân chủ và của Nho giáo khiến đất nước phải chịu sự xâm lược của nước ngoài. Một vài nhà Nho muốn cứu vãn danh dự bằng cách cầm đầu cuộc kháng chiến của nhân dân. Nhưng lực lượng chênh lệch nhau và họ lần lượt thất bại. Với khúc quanh lịch sử thế kỷ XX, diễn ra một sự chuyển biến triệt để. Việc Nhật đánh thắng Nga (Lữ Thuận 1905) phát hiện cho các nhà Nho thấy rằng, để chiến thắng phương Tây cần phải vay mượn khoa học và công nghệ của nó. Chính vì vậy mà sau khi vứt bỏ thái độ hoài cổ, họ say sưa học tập tư

1. Theo *Lịch sử Việt Nam*, tập I. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr.95.

tưởng và các thể chế châu Âu. Họ đã từ bỏ nguyên lý quân chủ để đề xướng dân chủ là cái theo họ duy nhất có thể hiện đại hoá đất nước bằng cách để nhân dân tham dự vào đời sống chính trị và phát triển kinh tế. Những trường Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Nội, các hội buôn và các tạp chí cải lương ngay lập tức bị nhà nước bảo hộ cấm.

Thay thế họ là những người mới xuất hiện thuộc giai cấp tư sản và tầng lớp trí thức lớn lên theo sự phát triển của sản xuất và trao đổi, của việc cai trị và các trường học thuộc địa. Nếu như thế hệ đầu tiên tỏ ra nhút nhát trong các yêu sách của mình thì thế hệ thứ hai tỏ ra gay gắt hơn. Nhưng mưu toan bạo động của Việt Nam Quốc dân đảng, vì tổ chức kém, đã kết thúc thất bại. Việc lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc chuyển sang những người mác-xít. Thành lập năm 1930, Đảng Cộng sản 15 năm sau đã thực hiện Cách mạng Tháng Tám 1945 và thiết lập chính phủ độc lập đầu tiên của Việt Nam từ khi thực dân xâm lược.

Như vậy là về mặt lịch sử, sự lớn lên của chủ nghĩa cộng sản đã được thuận lợi hơn bởi sự thất bại của những phong trào dân tộc chủ nghĩa. Nó đã thành công nhờ trí thông minh của con người sáng lập, nó đã biết làm cho chủ nghĩa Mác hoà nhập với các truyền thống dân tộc. Và cũng như trong các thế kỷ trước đây, tính chất chính đáng của quyền lực của nó đã có được bằng việc giành độc lập.

Sinh trong một gia đình Nho giáo, khác các nhà Nho của thời đại vẫn nhìn sang Nhật Bản, Hồ Chí Minh quyết định sang Pháp để nghiên cứu ngay cội nguồn ưu thế của nó. Sau Cách mạng Tháng Mười 1917, Người ở Pa-ri đọc Lênin và trở thành người cộng sản do tinh thần yêu nước: bởi vì Lênin lên án chủ nghĩa thực dân và ủng hộ các dân tộc bị áp bức. Đối với Người, chủ nghĩa Mác sẽ trở thành vừa là công cụ phân tích chủ nghĩa đế quốc, vừa là công cụ tổ chức quần chúng để giành chính quyền. Đảng Cộng sản, bằng cách ấy đã xác lập chiến lược của mình xuất phát từ hai đặc điểm của đất nước: sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc và những hình thức bóc lột phong kiến. Giai đoạn thứ nhất của cuộc cách mạng phải tấn công vào hai mặt này vốn gắn bó với nhau: lật đổ chủ nghĩa đế quốc để thực hiện một sự phát triển độc lập, xoá bỏ giai cấp địa chủ và thi hành cải cách ruộng đất, lật đổ chế độ nửa phong kiến để lật đổ chủ nghĩa đế quốc mà nó ủng hộ. Trong cuộc đấu tranh này, vô sản và nông dân vì làm thành bộ phận quan trọng nhất và bị bóc lột nhất của nhân dân, nên là

những động lực chủ yếu. Nhưng cách mạng chỉ thành công khi giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng; bởi vì khác nông dân, nó có một lý thuyết nhất quán, một đường lối chính trị, những phương pháp chặt chẽ.

Như vậy là cách mạng dân tộc và cách mạng xã hội gắn liền chặt chẽ với nhau. Chiến lược quân sự là xuất phát từ chiến lược chính trị. Hồ Chí Minh viết: "Quân sự không có chính trị là cây không có rễ. Không những nó không có hiệu lực mà còn có hại". Cách mạng không phải là sự nghiệp của những cá nhân siêu phàm mà là của quần chúng công nông đấu tranh tự giải phóng mình và đất nước mình. Xuất phát từ sự liên minh của họ mà một mặt trận dân tộc có thể hình thành. Mặt trận phải ra sức đoàn kết tất cả các tầng lớp xã hội yêu nước, tất cả các dân tộc và tất cả các tôn giáo trên cơ sở một cương lĩnh chung là cương lĩnh tối thiểu của giai cấp vô sản, bởi vì nếu không có công nông thì sẽ không có mặt trận. Chính vì vậy năm 1953, khi cuộc kháng chiến chống Pháp bước vào giai đoạn gay go nhất, Đảng quyết định tiến hành cải cách ruộng đất để làm cho nông dân phấn khởi và củng cố chính quyền nhân dân ở nông thôn. Điều này sẽ góp phần quyết định vào chiến thắng Điện Biên Phủ (1954).

Thực vậy, bởi vì quân đội là quân đội của nhân dân mà về thực chất là quân đội công nông. Hai nhân tố: dân tộc và giai cấp đều gắn liền chặt chẽ với nhau và điều đó cho phép thực hiện đoàn kết quân dân, đảm bảo cho quân đội có được một hậu phương ủng hộ nó, báo tin cho nó và che chở cho nó. Trong thực tế, toàn dân được sử dụng theo ba kiểu tổ chức, mỗi kiểu đều có những chức năng nhất định; dân quân du kích (không rời khỏi sản xuất), bộ đội địa phương và quân đội chính quy. Đây là một cuộc chiến tranh toàn dân cũng như cuộc chiến tranh trước đây chống quân Nguyên. Nguyên tắc của Trần Hưng Đạo "dùng đoản binh thắng trường trận" chỉ có thể thực hiện được vì ở đây còn có một nguyên lý khác: đoàn kết dân tộc. Song nếu như lịch sử dạy cho ta các nguyên lý này, thì các hình thức đấu tranh phải thích nghi cho từng thời đại. Không phải là chiến tranh du kích Việt Nam đã chiến thắng công nghệ tiên tiến nhất, như người ta đã viết. Trong thực tế, nó kết hợp với vận động chiến trong một cuộc chiến tranh nhân dân sử dụng những vũ khí đơn giản nhất cũng như hiện đại nhất (ra-đa, tên lửa), chính những vũ khí sau khi hạ các B52 trên bầu trời Hà Nội vào tháng 12-1972. Truyền thống không ngừng được phong phú thêm bởi sự sáng tạo của nhân dân và sự suy nghĩ của những người lãnh đạo làm cho cả hai trở thành phong phú.

Pi-tơ Oai-xơ (Peter Weiss) sau chuyến đi vào năm 1968 đã viết: "Đời sống văn hoá ở Việt Nam là nền tảng của cái sức kháng chiến vô địch mà cuộc cách mạng đã chứng minh." Từ rất sớm, Đảng đã xem đấu tranh văn hoá là bộ phận hữu cơ của đấu tranh chính trị. Đề cương văn hoá của Đảng năm 1943 đề nghị xây dựng một nền văn hoá dân chủ mới theo ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học và đại chúng. Ở đây nối tiếp một truyền thống lâu dài, các nhà văn và các nghệ sĩ tham gia kháng chiến, dạy chữ, đọc thơ cho nhân dân, tổ chức những nhóm nghệ thuật, âm nhạc theo khẩu hiệu "tiếng hát át tiếng bom".

"Có những phút làm nên lịch sử,
Có cái chết hoá thành bất tử,
Có những lời hơn mọi bài ca,
Có con người như chân lý sinh ra".

(Tố Hữu)

Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh nhiều đến đạo đức cách mạng. Đối với Người, đạo đức là yêu cầu chủ đạo: nó nhằm phục vụ Đảng và nhân dân. Người cũng phân biệt năm đức tính sẽ làm cho người cách mạng trở thành một người chí công, vô tư. Đó là nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm. Ba đức tính đầu cũng mang tên gọi như ở Khổng Tử, nhưng dĩ nhiên với một nội dung khác và theo truyền thống Việt Nam, nghĩa là có tính chất chính trị hơn là xã hội. Chẳng hạn, *nhân* là yêu thương thành thực và hoàn toàn phục vụ các đồng chí và đồng bào; *nghĩa* là không làm điều ác, ngoài quyền lợi chung, không quan tâm tới quyền lợi riêng nào hết; *trí* là cái cho phép phân biệt cái tốt và cái xấu; *dũng* là cái cho phép ta "chịu đựng thử thách và khi cần thiết, hy sinh cho toàn thể cộng đồng, cho Tổ quốc"; *liêm* là "không ham địa vị, tiền bạc, hạnh phúc và những lời khen của người khác".

Và Hồ Chí Minh kết luận:

"Giống như con sông nhờ nguồn mà có nước và không có nguồn thì nó sẽ khô, cũng như cây phải có rễ vì không có rễ thì nó sẽ héo, người làm cách mạng phải có đạo đức; không có đạo đức thì dù cho tài năng đến đâu cũng không thể lãnh đạo nhân dân. Bởi vì muốn làm một sự nghiệp to lớn như là giải phóng nhân dân và giải phóng loài người, nếu như bản thân mình không có đạo đức làm nền tảng, nếu như chính mình hư hỏng và xấu xa thì làm được gì?"

CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN HỒ CHÍ MINH - ĐẶC ĐIỂM VÀ CỘI NGUỒN

GS. TRẦN VĂN GIÀU

Cho phép tôi hiểu rằng tầm cỡ của một hiền triết chưa chắc ở chỗ giải đáp mối tương quan giữa tồn tại và tư tưởng, ở chỗ xác định thế giới là thực tại hay là ảo ảnh, khả tri hay bất khả tri, ở chỗ lựa chọn giáo điều quen thuộc hay sáng tạo mới lạ, mà chung quy là ở mức quan tâm đến con người, con người thật đang phải sống trên quả đất này và chắc còn sống lâu dài đến vô tận thời gian, lấy đó làm trung tâm của mọi sự suy tư và chủ đích của mọi hành động. Cụ Hồ thuộc loại hiền triết đó; vì đó mà Cụ lớn; vì đó mà ta kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Cụ. Tôi xin bàn về chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh chưa hề viết hay nói một bài riêng có hệ thống về chủ nghĩa nhân văn. Chủ nghĩa nhân văn của Cụ toát ra từ toàn bộ cuộc đời liên tục đấu tranh không biết mỏi, không lúc nghỉ, đã gặt hái nhiều thành quả và gởi lại nhiều kỳ vọng ở đời sau. Hành động và hành động trước sau như một, chẳng phải là chân thật ít nhất cũng bằng câu chữ hay sao?

*
* *

Khi còn là anh thuỷ thủ tàu buôn, Nguyễn đã uất ức đến khóc ròng khi chứng kiến thực dân Pháp cảng Đa-ca (Dakar) bắt người lao động da đen nhảy xuống biển đang gầm thét để nối dây cáp bị đứt, người da đen bị sóng nhận chìm. Kiếm sống tại Luân Đôn, Nguyễn cũng khóc ròng khi đọc báo biết một nhà yêu nước Ai-len (Irlande) tuyệt thực đến chết, chống Anh thống trị. Nguyễn là một lương tâm dễ xúc động với những gì gần xa liên can đến thân phận dân nước mình, đến thân phận con người.

Lại phải là người xúc cảm mạnh mới viết nổi những trang bi ai đến thế mô tả một cuộc hành hình người da đen ngày nọ theo kiểu Lin-sơ (Lynch) man rợ. Và phải là người biết đau khổ cái đau khổ của con người mới kể nổi chuyện Pa-ri (Paris) về một cụ cố người Pháp xóm E-pi-net (Epinette) cùng khổ gần xóm Ê-toan (Étoile) vương giả, một nhà mất vợ mất hết con vì chiến tranh, nay phải ngày ngày đứng chờ bữa cháo bố thí. Lòng thương người của Nguyễn chân thành quá và không có giới hạn tiếng nói hay màu da. Thấy cái khổ không dửng dưng mà động lòng trắc ẩn, nghĩ tới cách nào cứu khổ cứu nạn. Cứu ai trước hết vì nghĩa vụ và khả năng? Cứu dân mình đang quằn quại, cứu nước mình mất tự do, và cứu các dân tộc đồng cảnh ngộ với dân tộc mình. Sau chiến tranh thế giới, nếu tôi không lầm, Nguyễn Ái Quốc là ngòi bút viết nhiều nhất tố cáo chế độ thực dân, bênh vực mạnh nhất quyền của các dân tộc bị áp bức giành lại nhân phẩm và tự do, hoạt động tổ chức nhiều nhất để tập hợp, ở Pa-ri, ở Quảng Châu, các dân tộc Á Phi mới vừa bị Uyn-sơn (Willson) và bè lũ lừa gạt một lần nữa ở Véc-xây (Versailles).

Tình cảm đó, hành động đó là gì nếu không phải là một chủ nghĩa nhân văn sống động nhằm xây dựng mối đồng tâm chiến đấu mà sau này Hồ Chí Minh gọi là "Tình nghĩa đồng bào, đồng chí, tình nghĩa năm châu bốn biển một nhà". Trong ngôn ngữ Việt Nam, chữ "tình" là tiếng của những sợi tơ lòng quý báu, chữ "nghĩa" nói lên các nhiệm vụ cao cả không thể không làm xuất phát từ đạo lý làm người đối với con người.

Về tầm cỡ và hiệu nghiệm của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh, tôi xin phép trao lời cho La-cu-tuya (Lacouture) và Mông-tô-rông (Montoron), hai nhà báo Pháp. La-cu-tuya viết:

"Trong ngót nửa thế kỷ, ông Hồ lãnh đạo một cuộc chiến đấu chưa từng có về chuyển biến của chiến thuật và tình huống, về tính đa dạng của cách xử trí, về những hy sinh phải chấp nhận, về sức mạnh yếu khác nhau một trời một vực ở mặt vũ khí. Bị toà án thực dân kết án tử hình, mười lần thoát khỏi lưu đày và máy chém, khi thì mặc áo vàng nhà sư Thái Lan, khi thì mặc quân phục Bát lộ quân Trung Quốc. Và, giành chính quyền được rồi, ông Hồ phải liên tiếp đương đầu với hai đế quốc phương Tây. Thời này, có nhà cách mạng nào đủ gan lớn mật để chống đối trật tự của liệt cường với một quyết tâm bền bỉ như thế? Ông Hồ hồi sinh một dân tộc, tái tạo một quốc gia, lãnh đạo hai cuộc chiến tranh về cơ bản là chiến tranh của những

người bị áp bức. Cuộc chiến đấu của ông chống Pháp đã dẫn đến sự giải tán một đế quốc thuộc địa lớn. Cuộc chiến đấu của ông chống Mỹ tỏ ra cái giới hạn của sức mạnh kỹ thuật khi đương đầu với con người".

Ấy là chủ nghĩa nhân văn cách mạng, chủ nghĩa nhân văn của các dân tộc nhỏ yếu quyết ngửng đầu lên giành lấy nhân phẩm của mình, quyết bãi bỏ một cái điếm nhục dài nhiều thế kỷ của loài người là chủ nghĩa thực dân. Cám ơn La-cu-tuya.

Và đây là đoạn văn có thể xem là lời tâm huyết xuất phát từ đáy lòng Mông-tô-rông, báo "Témoignoges chrétiens":

"Cụ Hồ Chí Minh là một chiến sĩ đầu tiên của thế giới thứ ba, của các dân tộc nghèo đói thèm khát một cuộc sống dựa vào sức mình là chính và một dân tộc chỉ có thể sống còn khi mà dân tộc ấy không chịu sống nô lệ. Nhất là Cụ dạy rằng cuộc chiến đấu vì nhân phẩm và tự do phải được đặt lên trên mọi cuộc chiến đấu khác. Cụ đã đem hết sức mình để đem lại cơm ăn, nước uống cho những ai đói khát. Cụ đã bênh vực những người yếu hèn và mang lại nhân phẩm cho những người nghèo khổ. Bởi vậy, xin chúc Người yên nghỉ và mong rằng những người yêu chuộng công lý phải tiếp tục trên cương vị mình cuộc chiến đấu của Cụ vì nhân phẩm và tự do của các dân tộc bị chà đạp".

Rất cám ơn Mông-tô-rông đã cho tôi mấy lần khó cầm nước mắt vì cảm động và tự hào. Ông cho tôi hiểu thêm vì sao nhà triết học Béc-tơ-răng Rút-xen (Bertrond Russell) khẳng định Cụ Hồ Chí Minh trước hết là một người nhân văn chủ nghĩa. Đúng như ý của Mông-tô-rông, chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là chủ nghĩa nhân văn giải thoát của những lớp người yếu hèn lao khổ, của các dân tộc bị chà đạp, giải thoát chính bằng ý thức lực lượng của mình; nó lớn, rất lớn là vì vậy.

Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh đặc biệt trong sáng và cao cả vì người cưu mang nó là một người vì nghĩa quên mình, suốt đời tận tuỵ mà không nghĩ đến bản thân danh lợi. 30 năm chiến tranh của Pháp, Mỹ trên đất nước Cụ Hồ là khủng khiếp và man rợ đến thế mà Cụ Hồ không bao giờ để chiến tranh khủng khiếp và man rợ đó ảnh hưởng đến bản chất nhân văn, nhân đạo của mình hay in dấu ấn trong tâm hồn các môn đệ Cụ. Thân ái chỉnh nhà thơ Việt Phương, Cụ bảo: Không có trận đánh đẫm máu nào là "đẹp" cả cho dầu thắng lớn. Đến đây thì chiến sĩ tiếp cận

với giáo chủ mà không phải giáo chủ nào cũng được như thế. Cụ Hồ gắn bó sâu xa với cuộc đời toàn tâm toàn ý vì nước, vì dân, vì nhân loại khổ đau mà không có cái gì riêng của mình. Cho nên Bớc-sét (Burchett) nhận xét rằng: "Nói tới một người mà cả một cuộc đời mình để lại ân tình sâu nặng trong nhân dân thì không ai khác ngoài Chủ tịch Hồ Chí Minh".

Bác thương dân quá, nên dân thương Bác lắm. Sinh tiền, mà cho đến khi qua đời hãy còn, Bác thương người, quý người và giúp xây dựng con người. Một nhà quan sát bảo không sai: Cụ Hồ là một người xây dựng lương tri, xây dựng nó khi nó thiếu, tái tạo khi nó mất; Cụ thức tỉnh kẻ mê, ân cần đỡ dậy người trượt ngã, biến vạn ức người dân bình thường thành anh hùng vô danh và hữu danh trong lao động, trên chiến trường, trong ngục tối, trước máy chém. Để hiểu tại sao sức mạnh kỹ thuật của Mỹ có giới hạn trước con cháu Cụ Hồ.

Lòng nhân ái Hồ Chí Minh sâu thẳm như biển cả, nhưng đồng thời lại thiết thực như hạt gạo hạt muối. Ngày ngày, ai cũng có thể thấy Bác Hồ yêu trẻ, kính già, trọng phụ nữ. Vũ Kỳ nói: Ở gần Cụ mấy chục năm, không bao giờ bị Cụ cáu quát, chỉ thấy được Cụ thân tình chỉ bảo. Phạm Văn Đồng nói: Dùng cơm với Cụ hàng trăm lần, lần nào cũng thấy Cụ tém vén không để rơi một hạt cơm nào bởi vì Cụ trọng lao động của con người làm ra lúa gạo. Chuyện nhỏ đức lớn hài hoà ở một con người.

Một hôm tại Bảo tàng Nhà Rồng, Võ Nguyên Giáp nhắc rằng số 1 báo *Người cùng khổ* (Le Paria) mà Nguyễn Ái Quốc chủ trương hồi đầu những năm 20 đã nói đến con người, giải phóng con người, giành lại nhân phẩm cho các dân tộc. Hơn 55 năm sau, trong *Di chúc* của Cụ Hồ, chúng ta đọc lời Cụ dặn dò về các nhiệm vụ phải làm tròn: "Đầu tiên là công việc đối với con người". Lần chót, Bác viết: "Cuối cùng tôi để lại muôn vàn tình thương yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng. Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn, các cháu thanh niên nhi đồng quốc tế".

2-9-1969, một trái tim lớn ngừng đập mà chủ nghĩa nhân văn cao cả còn sáng chiếu từ đó đến nay và mãi về sau.

*

* *

Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh bắt nguồn từ đâu?

Nguyễn sinh ra giữa làng Sen vàng nở trong một gia đình sĩ phu mà cần cù lao động, trong một vùng quê mà con người phải cật lực mới biến sỏi thành cơm. Mẹ, tay không rời khung cửi để nuôi chồng ăn học; cha, đỗ cao mà về làng không chịu đi võng lọng. Lớn lên trong hoàn cảnh đó thì tự nhiên yêu lao động, yêu nhân dân, quý nghĩa tình, những yếu tố sơ khai của một tâm trí nhân văn. Đất Lam Hồng, khúc sông trái núi nào cũng in dấu tích đánh giặc cứu nước hay tụ nghĩa vì dân; nói "địa linh" là thế; địa linh sinh "nhân kiệt". Nơi đây đời qua đời, văn học dân gian truyền miệng phong phú cả hình thức lẫn nội dung. Nguyễn sinh ra và lớn lên như được tắm gội trong môi trường xã hội văn hoá ấy. Rồi đi với cha vào kinh. Với tính cần học di truyền, với trí nhớ thông minh đặc biệt, Nguyễn tiếp thu nền quốc học Việt Nam đã phát triển tới mức cao nhất từ trước tới lúc bấy giờ trên các mặt lịch sử, triết lý, văn chương cả bác học lẫn dân gian. Chính cái túi khôn ngàn đời đó sẽ giúp cho Nguyễn tha hương mà không tha hoá, lại sáng tạo được với sắc thái Việt Nam khó lẫn lộn.

Nguyễn xuất thân chủ yếu từ cửa Khổng. Không thi Nho, nhưng Nguyễn vừa đủ 10 năm đèn sách. Như lời Chu Khảo Đình, đạo Khổng trước hết là đạo nhân. Nhân ái là lời dạy của Thánh Hiền. Nhờ học không cốt để đi thi, Nguyễn có thể dành cho mình một khoảng lề rộng để suy xét, nhất là khi "tân thư" bắt đầu. Người ta sẽ thấy Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong khi trân trọng với Thánh Hiền mà không chịu mòn bánh xe móng ngựa đi khuyến thiện vương hầu, nhưng người ta cũng khó thấy Cụ Hồ khước từ dù một phút nhân nghĩa của các hiền triết Đông phương. Hán học chiếm một chỗ lớn trong tâm trí của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Xưa kia văn hoá Hy-La cũng từng đóng vai trò ấy đối với các vĩ nhân thời Phục sinh châu Âu.

Nguyễn từng học ở thần kinh. Không khí tư tưởng Lam Hồng là không khí thuần Nho. Không khí tư tưởng thần kinh là không khí Nho Phật. Huế, nhiều chùa lớn, kinh luận đủ, sư tăng giỏi. Tư tưởng thiền chủ là vô ngã vị tha, cứu khổ cũng là một nhân văn bổ sung cho nhân nghĩa Nho giáo như Mâu Bác Giao Châu đã từng làm. Vả chăng, mới đó cuộc khởi nghĩa áo vàng Phú Yên nhắc nhở rằng cửa Khổng cửa Phật thông nhau trong sự nghiệp chung cứu dân độ thế.

Vậy, Nguyễn Tất Thành sang Âu năm 21 tuổi, mang theo một cái vốn văn hoá quốc học và Đông phương đáng kể. Ruộng đồng đã có nước trước khi nước sông đẩy lên.

Sang Âu, bởi có ý thức tìm đường tiến thủ tối ưu hơn là bởi tình cờ xô đẩy, Nguyễn không học ở trường mà tự học, học ở bạn, học ở trong quần chúng lao động. Mượn tàu buôn làm phương tiện, Nguyễn đi quan sát ở các bến cảng Địa Trung Hải, cả hai bờ Đại Tây Dương, rồi định cư ở hai kinh thành ánh sáng Luân Đôn và Pa-ri. Của Hoà Kỳ, Nguyễn học tập Oa-sinh-tơn (Washington) mà càng thích Linh-côn (Lincoln). Của Pháp, Nguyễn học tập Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền, thích Mi-sơ-lê (Michelet) mà càng thích Giô-rét (Jaurès) hơn. Chủ nghĩa nhân văn phương Tây cận đại cho dầu hạn chế cũng mở một khoảng chân trời. Đặc biệt là cái tính phổ biến (universalisme) 1789 dường như bắt gặp cái đại đồng Nho giáo cổ truyền.

Nắm chắc tiếng Anh, tiếng Pháp và về sau một số tiếng nữa, có đủ điều kiện ngoại ngữ mà Ăng-ghen nghiêm khắc đòi hỏi ở mỗi nhà khoa học, Nguyễn nhanh chóng tiếp thu tinh hoa của văn minh Âu Mỹ, hội nhập với văn minh Đông phương và Việt Nam. Tuy vậy, mặc dù lịch sử cận đại Tây phương rất phong phú, Nguyễn vẫn trăn trở chưa tìm thấy cái gì mình muốn tìm từ 1911: con đường cứu nước Việt Nam. Mãi đến sau khi Uyn-sơn (Wilson), Poanh-ca-rê (Poincaré) và phe cánh diễn xong trò bịp Véc-xây, duy trì và củng cố ách thực dân trên các dân tộc Á Phi, đến 1920, nhờ sẵn có một tần số tâm hồn tạo ra bởi đã từ lâu lăn lộn với nhân dân lao động, Nguyễn bắt gặp tiếng gọi của Lênin qua Luận cương vang dội về vấn đề giải phóng các dân tộc thuộc địa trong quỹ đạo cách mạng thế giới. Nguyễn ở Luân Đôn, Pa-ri khá lâu, đọc tiếng Anh, tiếng Pháp vậy mà không phải Nguyễn đi từ Mác đến Lênin, mà từ Lênin về với Mác, vào hẳn một chủ nghĩa nhân văn mới, cách mạng, trong đó khẩu hiệu lớn là: Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện phát triển tự do của mọi người, trong đó khẩu hiệu lớn còn là: bãi bỏ trạng thái xã hội người bóc lột người, thì trạng thái xã hội áp bức dân tộc sẽ không còn nữa. Hấp dẫn không cưỡng nổi, Nguyễn trở thành người mác-xit - lê-nin-nít.

Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh xuất phát từ những cội nguồn quốc gia và quốc tế ấy, phát triển trên cơ sở cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam.

Trong suốt 30 năm dài bè bạn năm châu bốn biển đã bền bỉ ủng hộ cuộc cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam, ấy là đã đóng góp mỗi người một phiến đá tinh thần cho chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh, sản phẩm Việt Nam mà cũng là sản phẩm nhân loại.

BÀI PHÁT BIỂU TỔNG KẾT CỦA ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYÊN GIÁP, PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Đến dự Hội thảo khoa học "Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn" có 70 đại biểu quốc tế là các nhà nghiên cứu khoa học, các nhà hoạt động xã hội thuộc 34 nước, và hơn 1000 nhà khoa học, nhà hoạt động xã hội Việt Nam.

Với tinh thần làm việc khẩn trương trong hai ngày, chắc rằng các bạn quốc tế và các bạn Việt Nam đều nhất trí: Hội thảo quốc tế "Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn" đã thành công tốt đẹp.

Điểm nổi bật của Hội thảo là sự nhất trí cao, thể hiện tình cảm đặc biệt đối với Bác Hồ, đối với nhân dân Việt Nam.

Hội thảo đã làm nổi bật tấm lòng yêu nước, thương dân vô hạn của Bác Hồ. Các bè bạn khắp năm châu đều thấy rằng lòng yêu nước thương dân đó cũng là tình cảm của chính mình. Ai cũng muốn đất nước mình được độc lập, thống nhất, tự do, bình đẳng và sống hữu nghị với các dân tộc khác.

Các bạn nhất trí rằng: Chủ tịch Hồ Chí Minh không những chỉ yêu nước, thương dân mình, mà còn có tình thương yêu bao la, đối với nhân dân các nước, đối với nhân loại cần lao trên thế giới.

Tấm lòng của Bác Hồ đối với con người là mênh mông như biển cả. Trong *Di chúc* của Người, Bác nói: *Đầu tiên là công việc đối với con người.* Bác không quên nói tới sự quan tâm đối với mọi thế hệ mai sau. Bác Hồ rất quý trọng phụ nữ, Bác nói: ở Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội mà không có phụ nữ thì chỉ xây dựng được một nửa chủ nghĩa xã hội. Việt Nam là một đất nước rất coi trọng phụ nữ.

Bác Hồ luôn chăm lo cho con người về mọi mặt, tin tưởng ở con người, phấn đấu cho tự do, hạnh phúc của con người, con người hôm nay và

con người mai sau, con người Việt Nam, con người Liên Xô, ở Mỹ và khắp năm châu. Điều đó là biểu hiện tập trung *của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh.*

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao, nhưng cũng rất coi trọng văn hoá. Văn hoá là sức mạnh cơ bản của mọi dân tộc, của mỗi một con người. Dân tộc Việt Nam đã từng bị đô hộ 1.000 năm, nhưng vẫn tồn tại và phát triển, vì Việt Nam giữ vững được dân chủ ở cơ sở, xóm làng, giữ vững được nền văn hoá truyền thống lâu đời.

Ở Bác Hồ, văn hoá là sự kết tinh văn hoá nghìn năm của đất nước Việt Nam trên cơ sở đổi mới, kết hợp hài hoà với tinh hoa của văn hoá nhân loại, tinh hoa của Sếch-spia, Vích-to Huy-gô, Lỗ Tấn, v.v... tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Cách đây 70 năm, một bạn quốc tế đã nói, từ Nguyễn Ái Quốc toát lên một thứ văn hoá, không phải là văn hoá phương Tây, cũng không phải là văn hoá phương Đông mà có lẽ là nền văn hoá của tương lai. Muốn tiến tới một nền văn hoá như vậy thì nhất thiết phải có sự đổi mới không ngừng. Chủ tịch Hồ Chí Minh là con người có tư chất thông minh, độc lập sáng tạo và luôn luôn đổi mới. Bác nói: Phải đổi mới, luôn luôn đổi mới. Đổi mới không phải là phủ định tất cả những cái cũ, mà là kế thừa cái đúng, cái đẹp, kế thừa và phát triển tất cả những cái gì là tinh hoa của nhân loại.

Nhân đây, tôi xin phép nói một điểm cụ thể mà có bạn đã đề cập đến.

Từ ngày còn trẻ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tinh thông Khổng giáo, đã đọc Tân thư của Nhật Bản, của Trung Quốc, Bác cho rằng học thuyết Khổng Tử có những cái hay ta nên học. Nhưng quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên những vấn đề cơ bản thì hoàn toàn khác với quan điểm của Khổng Tử.

1. Khổng Tử quan niệm là xã hội chia thành đẳng cấp: quân tử với tiểu nhân. Bác Hồ thì quan niệm mọi người đều bình đẳng. Tuy Người giữ cương vị Chủ tịch nước, song trong tiếp xúc với mọi người lúc nào Người cũng coi mình như là mọi người vậy.

2. Khổng Tử khinh lao động chân tay. Có đệ tử hỏi Khổng Tử:

- Phu tử có biết làm vườn không?

- Ta không biết làm vườn.

- Phu tử có biết làm ruộng không?

Khổng Tử trả lời: Hèn thay, sao lại hỏi ta như vậy[1].

Bác Hồ rất coi trọng lao động, cả lao động trí óc và lao động chân tay.

3. Khổng Tử khinh thường phụ nữ. Ông nói:

"Phụ thân nan hoá" nghĩa là người phụ nữ thật khó dạy.

Ngược lại, Bác Hồ rất tôn trọng phụ nữ.

Bác Hồ tiếp thu tinh hoa các nền văn hoá cổ kim, đông tây từ quan niệm thế giới đại đồng thời Nghiêu Thuấn đến tư tưởng tiến bộ trong Tuyên ngôn dân quyền và nhân quyền Pháp, Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ, v.v...

Bác Hồ là nhà văn hoá kiệt xuất, là sự kết tinh tinh hoa của nền văn hoá Việt Nam và phần nào đó là tinh hoa văn hoá của nhân loại. Dân tộc Việt Nam muốn đổi mới, tiến lên, phải vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời vươn lên làm chủ khoa học: khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ.

70 đại biểu, đại diện cho 34 nước tham dự Hội thảo hôm nay, có tiếng nói khác nhau, thuộc những dân tộc khác nhau, tôn giáo khác nhau, phong tục tập quán khác nhau, mang những màu sắc chính trị khác nhau, song tất cả đều nhất trí rằng: Chủ tịch Hồ Chí Minh là con người của chúng ta. Điều đó thể hiện rõ nét trong nhiều bài phát biểu. Như nữ đại biểu người Mỹ nói: "Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng là Chủ tịch của chúng tôi".

Vì thời hạn hạn chế, không có điều kiện đọc hết tại Hội trường tất cả các bài tham luận, nhưng Hội thảo này cũng đã cung cấp những tư liệu mới, những suy nghĩ, tìm tòi mới và những hiểu biết mới về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Xin cảm ơn các bạn vì các bản tham luận chứa chan nhiệt tình, thấm nhuần tính khoa học sâu sắc.

Các nhà khoa học Việt Nam đã gửi đến hội thảo gần 100 bản báo cáo in trong cuốn kỷ yếu gần 400 trang. Đề nghị các nhà khoa học chúng ta tiếp thu ý kiến của các bạn quốc tế, tiếp tục nghiên cứu sâu thêm về Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm phục vụ tốt công cuộc đổi mới, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

---

1. Chú thích: đại ý như vậy, không phải nguyên văn.

Hội thảo lần này diễn ra trong một thời điểm trên thế giới có nhiều biến động, nhưng không khí Hội thảo rất đoàn kết, rất nhất trí. Đây là một điều hiếm có.

Thay mặt Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam, một lần nữa, tôi cảm ơn tổ chức UNESCO đã ra quyết định về việc kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, và giúp Việt Nam tổ chức Hội thảo quốc tế này. Quyết định của UNESCO sẽ có tác dụng góp phần vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới và góp phần phát triển sự nghiệp giáo dục, văn hoá ở khắp năm châu.

Kính nhờ ngài Át-met chuyển lời cảm ơn rất chân thành của chúng tôi tới ngài Tổng giám đốc UNESCO.

Chúng tôi nhờ các bạn chuyển tới nhân dân các bạn tình hữu nghị của nhân dân Việt Nam, chuyển lời cảm ơn của nhân dân Việt Nam tới nhân dân các bạn. Tuỳ theo hoàn cảnh cụ thể của từng nước, đề nghị các bạn truyền tới nhân dân các bạn tư tưởng nhân văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, góp phần vào cuộc đấu tranh chung cho hoà bình và hữu nghị giữa các dân tộc.

Xin cảm ơn các vị, các bạn và các đồng chí.

PHẦN THỨ BA

TUYỂN CHỌN NHỮNG BÀI NGHIÊN CỨU VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

ଌ325ଌ

CHUYÊN ĐỀ I:

HỒ CHÍ MINH - MẤY VẤN ĐỀ TRIẾT LÝ PHÁT TRIỂN VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN CÁCH MẠNG

THỬ HÌNH DUNG MINH TRIẾT HỒ CHÍ MINH*

PGS. VŨ NGỌC KHÁNH

I. Minh triết Hồ Chí Minh

Nghiên cứu một học thuyết, cần phải tìm đến nguyên lý của học thuyết ấy. Ở trường hợp thuộc phạm vi siêu hình học, những nguyên lý này phải xét trên cơ sở vũ trụ quan, thế giới quan của triết gia. Ở trường hợp đạo đức học, phải tìm hiểu cơ sở xã hội, nhân sinh, mà trên đó, nhà tư tưởng xây dựng hệ thống quan điểm của mình. Trường hợp tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, lâu nay chúng ta cũng đã tiến hành nghiên cứu như vậy, tuy lý giải thường nghiêng theo giác độ chính trị, xã hội học. Thực ra, có một minh triết Hồ Chí Minh. Bước đầu, ta hãy điểm qua vài nét dễ nhận, để có dịp sẽ đối chiếu với nhiều nguyên lý của các triết gia khác, khi điều kiện nghiên cứu cho phép.

1. Điều dễ nhận nhất là tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh (và cả những tư tưởng, quan điểm thuộc các lĩnh vực khác) đều có cơ sở trên nguyên lý nhận thức về dân tộc của ông. Có lẽ không phải bàn luận thêm về những điều đã được hoàn toàn nhất trí. Từ Nguyễn Ái Quốc đến Hồ Chí Minh, lý tưởng suốt đời phấn đấu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc đã rõ ràng. "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" đã trở thành một danh ngôn... Ngay người nước ngoài cũng thừa nhận điều này, không chỉ thừa nhận về lập trường mà thừa nhận về đạo đức: "Ông chỉ có một suy nghĩ trong đầu óc - và tôi nghĩ ra nó đã ám ảnh ông suốt cả cuộc đời. Nước của ông, nước Việt Nam. Tôi không nói rằng ông không phải là một người quốc tế chân thật, một nhà cách mạng chân chính. Nhưng đối với ông, Việt Nam luôn luôn đã được ông nghĩ tới trước hết"[1]. Nhận xét như vậy là đúng đắn, chỉ cần

---

* Trích trong cuốn: *Minh triết Hồ Chí Minh*. Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội, 1999. Nxb Thanh niên tái bản năm 2007.

1. Charles Fenn dẫn lời của Lacouture (tài liệu của Viện bảo tàng Hồ Chí Minh).

thêm rằng: Cái lý tưởng dân tộc mà Hồ Chí Minh ôm ấp lại không phải là lý tưởng dân tộc hẹp hòi, trong phạm vi văn hoá quốc gia hay văn hoá khu vực. Nó có tầm của văn hoá quốc tế, để gặp được tư tưởng giải phóng các dân tộc thuộc địa của Lênin. Chính ở đây mới là nguyên lý dân tộc cơ bản của ông Hồ. Bằng cái nhìn dân tộc - quốc tế như vậy, ông đã kiên trì đấu tranh, về mặt lý luận, chủ trương, ở nhiều tổ chức cách mạng trên thế giới. Đó là cái mới ông đem lại cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam và lý thuyết vô sản giai cấp của Mác - Lênin. Và đó là một tư tưởng đạo đức mới, ông đã đóng góp với nhân loại. Nếu tôi không lầm thì hình như các tác phẩm của Mác - Lênin không nói vấn đề này kể cả bản Luận cương của Lênin mà Nguyễn Ái Quốc đã vui mừng và cảm động khi tiếp thu.

Bản Luận cương ấy nhấn mạnh vai trò giai cấp vô sản, giai cấp công nhân và các đảng cộng sản ở các nước thuộc địa. Hồ Chí Minh đã thấy ở bản Luận cương ấy con đường giải phóng hữu hiệu, con đường mà các nhà văn thân, các đảng quốc gia ở Việt Nam không tìm ra. Con đường ấy lại phù hợp với lương tri thời đại trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa. Chính do cách tiếp thu bản Luận cương khác nhau (vì sự võ trang lý luận, sự ý thức bản chất khác nhau) mà sau này có sự khác nhau giữa Staline - Trần Phú và Hồ Chí Minh. Ông Hồ đứng trên cơ sở đạo đức, người khác ông chỉ thấy vấn đề lập trường.

Về ý thức dân tộc, còn một vấn đề nữa ở Hồ Chí Minh mà lâu nay ta ít để ý, hoặc không tiện, không dám nói, nhưng thực ra có lẽ lại là cơ sở nguyên lý để có thể hiểu vì sao Hồ Chí Minh được quần chúng các thế hệ chấp nhận. Đó là cơ sở lương tri, cơ sở tâm thức của dân tộc. Nói lương tri (bon sens) rất ngại rơi vào lý thuyết duy tâm chủ quan. Nói tâm thức (conscience) cũng vậy, và cũng thường có sự đồng nhất tâm linh với tâm thức. Hồ Chí Minh lại không bao giờ nói đến những chuyện này, hay dùng các thuật ngữ này, vì ông vẫn trung thành với triết lý vô ngôn của dân tộc. Do đó, hướng nghiên cứu thường không dám đi theo ngả này. Ấy vậy mà, trong thực tế rõ ràng Hồ Chí Minh đã căn cứ vào lương tri, vào tâm thức dân tộc để ứng xử trong nhiều trường hợp, thường là các trường hợp có nội dung đạo đức. Lương tri dân tộc không phân tích, không lý lẽ, nhưng có khả năng phân biệt cái đúng cái sai. Bằng lương tri, quần chúng Việt Nam chiến đấu vì độc lập, không ngại mất mát, hy sinh, không nề gian khổ. Cũng bằng lương

tri, quần chúng phê phán những thói hư tật xấu, những sự tha hoá của cán bộ. Rất nhiều câu hát, mẩu chuyện lưu hành kín đáo trong dân gian, (mà ngành tuyên huấn và an ninh đã phải để tâm nhiều, thậm chí phải có biện pháp), không ít những câu xuất phát từ lương tri, chứ không vì phản động hay ác ý. Kể cả những câu có nội dung phản động, ác ý, không có câu nào nói về Cụ Hồ. Vì ông tôn trọng lương tri, nên lương tri cũng đánh giá ông công bằng, chính xác. Còn một lĩnh vực khá phức tạp và tế nhị nữa, có liên quan đến câu chuyện tâm thức. Cũng như Khổng Tử, Hồ Chí Minh không nói đến quỷ thần, ông cũng luôn luôn nhắc nhở người dân thực hành "đời sống mới". Nhưng ông đã sẵn sàng chấp nhận một thế giới biểu tượng vừa có ý nghĩa hữu thức và vô thức. Chính đây là chỗ quần chúng thấy Bác Hồ rất dân gian. Ông nhớ đến tổ Hùng Vương, ông đọc văn và làm lễ cầu Trần Hưng Đạo, ông dựng cảnh Bà Trưng hiện về trong đêm sương giá Paris, ông quan niệm thân thể ở trong lao, tinh thần ở ngoài lao, ông báo trước cuộc hành trình sẽ gặp những đàn anh trong "thế giới người hiền", v.v... Người vô thần hay người vỗ ngực là duy vật sẽ có những dấu hỏi tuỳ theo mặc cảm. Nhưng người dân Việt thì không, trái lại chỉ thấy những biểu hiện cử chỉ ấy, củng cố cho lý tưởng đạo đức của họ. Chắc chắn là Hồ Chí Minh biết sự thực bản chất này, thấy đó là cái đẹp trong tâm thức dân tộc, đẹp mà lại rất cần cho lý tưởng đạo đức, chứ không có gì là siêu hình hay mê tín cả. Đã nói lý tưởng thì phải nghĩ rằng cái làm nên lý tưởng có cả phần thực và phần mơ. Phải chăng, hiện tượng đạo đức xuống cấp, lý tưởng đổ vỡ hiện nay, là vì cả hai phần ấy đều khủng hoảng ! Chứ suốt thời gian ông Hồ còn sống, không có nguy cơ đổ vỡ này, mặc dầu nhiều lúc, nhiều nơi, đã có những việc người ta làm sai những điều ông Hồ dạy bảo (Thí dụ: Những vùng văn hoá kêu cứu).

2. Gắn với nguyên lý dân tộc độc lập, nguyên lý dân chủ cũng là cơ sở vững chắc cho học thuyết đạo đức Hồ Chí Minh. Vấn đề cũng đã được bàn bạc nhiều, đặc biệt là trong lĩnh vực chính trị, xã hội. Còn có thể khai thác thêm nhiều khía cạnh để hiểu rõ thực chất quan niệm dân chủ ở Hồ Chí Minh. Có ba điểm cần chú ý. Trước hết là sự thống nhất giữa dân và nước. Điều này, Phan Bội Châu cũng đã nói rồi: dân là dân nước, nước là nước dân (Hải ngoại huyết thư). Nhưng ở Phan Bội Châu, cơ sở vấn đề là mối tương quan giữa quân chủ và dân chủ. Từ nguồn gốc ấy, đây cũng là tinh thần được bộc lộ từ tuyên ngôn 1791 ở Pháp về cách mạng tư sản

dân quyền, hoặc trước hơn một chút: Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Tuyên ngôn độc lập 1945 của Việt Nam, do Hồ Chí Minh thảo và công bố, nhắc đến hai bản Tuyên ngôn 1776 và 1791 là "suy rộng ra". Từ khái niệm nhân quyền và dân quyền được mở rộng thành quyền bình đẳng của tất cả các dân tộc. Chính đây là điểm phải được lưu ý, mà khi giải đáp câu hỏi quan niệm dân chủ ở Hồ Chí Minh với quan niệm dân chủ tư sản phân biệt thế nào, nhiều người đã không khai thác. Ở Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc và dân chủ dân quyền là một thể thống nhất, gắn bó chặt chẽ với nhau. Có quyền làm người phải có quyền làm dân. Người dân ở nước này cũng có quyền bình đẳng với người dân nước khác, được tôn trọng quyền làm người và quyền làm dân như tất cả nhân loại. Đây là một tư tưởng đạo đức rất cao. Không thực sự thấm nhuần tư tưởng dân chủ thì không hiểu và không làm được. Dân chủ là bình đẳng, nghĩa là không có vấn đề nước lớn, nước bé, không có dân tộc này mới là người, dân tộc kia là thấp hèn, là loài di tộc man rợ, v.v... Dân chủ là bình đẳng, còn phải hiểu là phải được hưởng quyền làm người, quyền sống hạnh phúc như nhau, ngay trong phạm vi một nước. Lãnh đạo một nước, mà để cho dân nước ấy bị lạc hậu, bị thiệt thòi trong hạnh phúc con người, cũng là mất dân chủ. Có hiểu như vậy, mới thấm thía được những ý kiến: "Bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân"[1].

Chúng ta thường nhắc đến phương châm "lấy dân làm gốc". Nếu không tìm hiểu ý nghĩa mấy từ này, trên cơ sở nguyên lý dân chủ của riêng Hồ Chí Minh, thì dễ sa vào những chuyện cãi nhau về chữ nghĩa (đã xảy ra rồi) về nguồn gốc (Khổng Tử đã nói: Quốc dĩ dân vi bản). Đúc kết thành một phương châm như vậy là công lao của các nhà tư tưởng, các triết gia, nhưng sử dụng thuật ngữ trong văn bải, thậm chí trong cả tuyên ngôn lại là một việc dễ, có khi là quá dễ. Hồi tháng 3/1945, sau đảo chính Nhật, Pháp, khắp đường phố và nông thôn nước ta dán đầy quảng cáo, tuyên bố "Nước An Nam độc lập", "Hoàng đế" Bảo Đại cũng ra tuyên ngôn: Từ nay nước ta theo nguyên tắc "Dân vi quý". Tuyên bố mà không làm, hoặc làm trái ngược lại càng dễ. Nghị quyết Đại hội 6 có nêu phương châm này và tất nhiên là ai cũng thấm nhuần; nhắc đi nhắc lại từ cơ sở trở lên. Chắc những người lãnh đạo đã sử dụng để huấn luyện, giáo dục cho cán bộ.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (1984), tập 5, tr.299 và tập 4, tr.35, cũng như câu nói: "Nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì".

Vậy mà, ở một địa phương nọ, người ta bỏ ra một lúc 350 triệu đồng để sắm cho đồng chí lãnh đạo mới của tỉnh một chiếc xe mới, nhãn hiệu Toyota đời chót, trong khi ở đó "tỉnh này hiện có vài trăm nghìn học sinh, đến trường còn phải mang gạch, đòn kê thay ghế ngồi" và "bệnh sốt rét hoành hành, lan rộng kéo dài, đã cướp đi hàng trăm sinh mạng ở một số huyện miền núi trong tỉnh". Thông tin này lấy ở báo *Quân đội nhân dân* thứ Bảy, ngày 25-1-1992 (đúng nguyên văn). Bài báo cũng nói thêm: Giá để số tiền mua xe kia đóng bàn ghế cho học sinh thì cũng được 7.000 bộ bàn ghế, thêm 28.000 chỗ ngồi cho các em... (còn nhiều giả sử nữa).

Những thí dụ như trên đây, có thể kể ra nhiều, song không cần thiết. Chỉ cần nhận rằng, tư tưởng dân chủ đã ra đời hàng nghìn năm nay, ai cũng nói dân chủ, nhất là các nhà lãnh đạo, nhưng không ai thực hiện dân chủ cả. Dân chủ không giả hiệu, thì dân chủ hình thức, miễn cứ việc hô hào dân chủ là được rồi. Hồ Chí Minh khác thế, ông đặt mình vào người dân, tự thấy mình cũng là dân, và cũng có nhiệm vụ thực hiện dân chủ cho dân. Dân chủ ở Hồ Chí Minh phải gọi là một quan niệm dân chủ lưỡng nhất tính. Dân được quyền, nhưng không phải chỉ có quyền một cách hình thức hay lấy lệ, vì nếu thế cũng là không có quyền, mà chỉ là quyền ủng hộ cho kẻ có thực quyền thôi. Hình như có lần ta có nói đến việc: Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Hồ Chí Minh, từ lâu đã nói rõ hơn: "Phải làm cho mọi người dân Việt Nam, từ già đến trẻ, cả đàn ông và đàn bà, ai cũng hiểu nhiệm vụ của mình và biết hưởng hạnh phúc của mình nên được hưởng"[1]. Nêu tính cách lưỡng nhất tính trong nguyên lý dân chủ Hồ Chí Minh, là để nhấn thêm rằng, những người lãnh đạo khi nói dân chủ, thì không nên quên rằng dân là chủ của bản thân mình, bản thân cá nhân mình, chứ không phải khái niệm mình lẫn lộn vào danh từ công bộc một cách xô bồ. Hồ Chí Minh đã chân thành có quan niệm như vậy, đó là tư tưởng của ông và cũng là một nét đạo đức của ông.

3. Nguyên lý cơ sở nữa của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là nguyên lý nhân đạo. Nguyên lý này gắn với đạo đức học nhiều hơn, ở cả mấy ngành: Triết học đạo đức, xã hội học đạo đức và tâm lý học đạo đức. Có

1. *Về công tác văn hoá văn nghệ*. Nxb. Sự thật, H. 1971, tr.72. Sách in năm 1971, nhưng ý kiến phát biểu từ ngày 25-11-1946.

thể có một chuyên đề riêng cho đề tài, vì là vấn đề khá rộng. Triết học, đạo đức học của Nho gia nói rất nhiều về chữ *nhân*. Khổng Tử giải thích, thành ra thuyết nhân chính. Cơ đốc giáo, Phật giáo đều nhấn mạnh vào các quan điểm từ bi, cứu thế mà chính Hồ Chí Minh cũng đã ca ngợi phần ưu điểm. Lòng nhân ái Việt Nam cũng là một đặc điểm truyền thống của dân tộc ta. Các anh hùng chí sĩ Việt Nam từ Nguyễn Trãi đến Nguyễn Đình Chiểu, đặc biệt gắn nhân nghĩa với dân tộc và giang sơn. Nhân nghĩa là ở "yên dân", có nhân nghĩa thì không phụ nhà, phản nước. Lý Văn Phức (trong *Gia Huấn ca*), đúc kết được một câu nổi tiếng, sau này Lê Duẩn sẽ nhấn mạnh: Thương người như thể thương thân, để khỏi bị hiểu lầm tình thương người này xuất phát từ lòng trắc ẩn, v.v... Như vậy thì đây là một vấn đề quen thuộc, một chân lý vĩnh hằng. Có triết gia nào, lãnh tụ nào lại không phải dựa vào cái nhân để giương ngọn cờ chính nghĩa. Song hình như, vẫn trên cơ sở nguyên lý ấy, mà Hồ Chí Minh cũng có cái riêng của ông. Trước hết, phải nhận rằng, hơn tất cả các vấn đề học thuật khác, vấn đề này được ông đề cập đến nhiều lần, mặc dù không tự mình nêu ra hệ thống. Hệ thống tư tưởng nhân đạo, một dạng chủ nghĩa nhân bản của ông, cũng rất dễ nhận. Có thể lấy ngay những chữ ông đã dùng để mệnh danh cho các luận điểm:

+ *Muôn vàn tình thương:* Tình thương ở Hồ Chí Minh cũng là lòng nhân, là nghĩa cử của nhân bản phương Đông thôi. Các đối tượng của tình thương được Hồ Chí Minh nhắc đến trong những bài viết của ông là lớp nhi đồng, thanh thiếu niên, là người dân nói chung (nhiều người nói đến), nhưng các dân tộc thiểu số, các công nhân, dân nghèo ở các nước thì có lẽ trong hàng lãnh tụ, chính trị gia, triết gia, chỉ có Hồ Chí Minh nhắc đến nhiều nhất. Không nên viện dẫn đến những cuốn tiểu thuyết hiện thực ở các nước, kể cả Việt Nam, vì ở đây ta còn đang bàn đến tư cách của các giáo chủ. Kinh thánh cũng nhiều loại kinh khác nhau, rồi loại Ngũ kinh Tứ thư, dù đọc được ít, tôi chưa gặp trong đó hình ảnh một người thiểu số hay một người da đen nào. Cho nên, phải lưu ý đến các đối tượng nghĩa tình, mới thấy chủ nghĩa nhân đạo Hồ Chí Minh là có tầm quốc tế, tầm nhân loại. Người dân bị bóc lột ở các nước nhận ông Hồ là người cha, người thầy, mà ở Việt Nam, cũng chỉ Hồ Chí Minh là người độc nhất được gọi là Bok Hồ, Avooc Hồ... thật không phải ngẫu nhiên, ba chữ đại đoàn kết của ông, là chuyện nghĩa tình chứ không chỉ là khẩu hiệu.

+ *Trồng người:* Trong Hán văn, đã xuất hiện đâu đó thuật ngữ thụ nhân[1], nhưng thuật ngữ "trồng người" thì hoàn toàn là sáng tạo của Hồ Chí Minh. Quả thật, ông rất quan tâm đến con người. Bản *Di chúc* của ông nêu rõ: "Đầu tiên là công việc đối với con người". Thuật ngữ "con người mới" cũng do ông chính thức nêu ra, lần đầu tiên trong cuốn "Đời sống mới". Chuyện "trồng người", ông nói với ngành giáo dục, nhưng là cốt lõi cho quan điểm nhân bản trong tư tưởng đạo đức của ông, và đã được vận dụng vào các chính sách đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức cán bộ. Trồng người là xây dựng con người, là dùng người, trân trọng con người và giải phóng con người. Nói với con người, ông đã gặp gỡ, đã huấn thị hầu như không thiếu một thành phần hay một đơn vị nào tiêu biểu cho cả một tầng lớp, một ngành nghề, một khu vực. Phải hiểu ý nghĩa lý luận của những cử chỉ ấy. Rõ ràng Hồ Chí Minh không có quan niệm con người nói chung (các triết gia xưa lại hay thiên về điểm này). Cũng không phải chỉ nhìn vào một hạng người nào đó (như kiểu người quân tử, tiểu nhân, thanh văn, duyên giác). Ông hiểu rằng, con người vừa tồn tại với tư cách cá nhân, vừa là thành viên của một cộng đồng. Trồng người là xây dựng con người cho cộng đồng ấy. Do đó, ông đã gặp gỡ mọi người từ trên chí dưới, ông nói với họ từ những vấn đề chung đến những vấn đề cụ thể, để có thể đề cập được cả các mặt nhân cách, hoạt động và hướng vươn lên. Có thể nói chắc chắn rằng chưa một triết gia nào lại có quan điểm nhân bản vừa duy lý mà vừa duy nghiệm như vậy.

Trong vấn đề trồng người, Hồ Chí Minh cũng có nhiều lần trở lại với truyền thống dạy cho con nên người của dân tộc. Tự ông nói ra điều này, không cần đợi ta phải suy ra mới biết ông đã nhiều lần nhắc đến việc học và nhấn mạnh: "Học để làm người"[2]. Từ cuốn *Đường Kách mệnh* đến *Sửa đổi lối làm việc,* đến nhiều tiểu luận, hoặc bài báo khác, việc "học để làm người", "học đi đôi với hành", luôn luôn được ông nhắc đến.

---

1. Hai câu thơ in trong cuốn *Một hiện tượng văn hoá đẹp* (Nxb. Thanh Hoá, 1992), tr.65.
   Hành nan ngôn dị, duy hành đạo
   Thụ thiểu hoạch đa, chỉ thụ nhân.
   (Nói dễ mà làm khó, chính ở chỗ thực hành cái đạo; trồng ít mà thu hoạch nhiều, chỉ có trồng người hoặc trồng cái nhân).
2. Võ Nguyên Giáp trích trong cuốn *Tư tưởng Hồ Chí Minh sống mãi* (Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1991, tr.29). Trang đầu cuốn sổ vàng trường Nguyễn Ái Quốc (1949) có bút tích câu nói này của Bác Hồ.

+ *Chống chủ nghĩa cá nhân:* Hồ Chí Minh dùng nhiều thuật ngữ đạo đức học nhất là khi ông bàn đến vấn đề này, có thể xem là một luận điểm cơ bản trong hệ thống tư tưởng đạo đức của nhà triết gia. Cũng ở đây, Hồ Chí Minh đã sáng tạo nên thuật ngữ đạo đức cách mạng. Ông đã bàn nhiều lần đến các vấn đề *thiện ác*, đã viện dẫn lịch sử tiến hoá nhân loại, lịch sử cách mạng Việt Nam, và rất nhiều câu danh ngôn trong các kinh điển của Nho giáo để trình bày quan điểm đạo đức của mình[1]. Có thể trích ra đây một số lập luận chính:

Câu đầu tiên *Tam tự kinh* là "nhân chi sơ, tính bản thiện"... Nhân nghĩa là nhân dân. Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân.

Thiện nghĩa là tốt đẹp, vẻ vang. Trong xã hội không gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ cho lợi ích của nhân dân.

Trong xã hội có Thiện và cũng có Ác.

Theo nghĩa rộng thì cả thế giới và trong một nước có Thiện và Ác. Theo nghĩa hẹp thì trong bản thân và tư tưởng của mỗi một người cũng có Thiện và Ác.

... Thiện và Ác là hai cái mâu thuẫn, luôn luôn đấu tranh gay gắt với nhau. Cuộc đấu tranh ấy phải trường kỳ và gian khổ, nhưng rồi cuối cùng thì Ác nhất định bại, Thiện nhất định thắng. (Sách đã dẫn, trang 62, bài nói ngày 8-12-1956).

... "Có chính tâm, có tu thân mới trị quốc bình thiên hạ được. Nếu chính mình tham ô, bảo người ta liêm khiết có được không? không được. Mình trước hết phải siêng năng, trong sạch thì mới bảo người ta trong sạch, siêng năng được.

Ai cũng thấy siêng năng trong sạch là tốt. Điều đó không ai chối cãi được. Thế mà vì sao vẫn không làm hay làm không được? chẳng những không làm được mà còn làm trái lại? Đó là vì cái tâm mình không chính... (Sách trên, trang 21)

Sinh trưởng trong xã hội cũ, chúng ta ai cũng mang trong mình hoặc nhiều hoặc ít vết tích xấu xa của xã hội về tư tưởng, về thói quen... Vết

1. Xem: *Phát huy tinh thần cầu học cầu tiến bộ* (Nxb. Sự thật, H.1960), cuốn *Một số bài của Hồ Chủ tịch nói về đạo đức Cách mạng* (Nxb. Sự thật, 1965).

tích xấu nhất và nguy hiểm nhất của xã hội cũ là chủ nghĩa cá nhân. Chủ nghĩa cá nhân trái ngược với đạo đức cách mạng; nếu nó còn lại trong mình, thì dù là ít thôi, thì nó sẽ chờ dịp để phát triển che lấp đạo đức cách mạng, để ngăn trở ta một lòng một dạ đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng...

... Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là dày xéo lên lợi ích cá nhân. Mỗi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng: đời sống riêng của bản thân và của gia đình mình. Nếu những lợi ích cá nhân đó không trái với lợi ích của tập thể, thì không phải là xấu". (Bài *Đạo đức cách mạng*, sách đã dẫn 1965, từ trang 5).

Hồ Chí Minh còn nhiều lần nhắc lại những ý kiến trên đây, tuy cách phân tích có khác nhau (để cho hợp với đối tượng người nghe), nhưng có thể nói những lời trích trên đã tóm tắt được luận điểm về chống chủ nghĩa cá nhân và xây dựng đạo đức cách mạng.

4. *Nguyên lý thực hành đạo đức*: Có thể có người băn khoăn khi đề ra nguyên lý này. Bàn về nguyên lý và một lĩnh vực thực hành những nguyên lý là một lĩnh vực khác, không thể cùng ở trong một cấu trúc tư duy. Nhưng khi bàn đến tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, lại không thể tách rời hai vấn đề (xem lại đoạn trên về đạo đức cổ truyền Việt Nam). Xin nhắc lại một ý chúng tôi đã lặp đi lặp lại nhiều lần.

"Cuộc đời Hồ Chí Minh là một bộ phận cấu thành học thuyết của ông, bộ phận cấu thành chứ không phải là hiện tượng độc lập để minh hoạ". Trong phạm vi nghiên cứu, ta cũng thấy ông đặc biệt chú ý mặt thực hành. Có thể nhìn nhận nguyên lý này, trên cơ sở:

- Những huấn thị, những gợi ý của ông thường không nặng về lý thuyết, mà nặng về sự chỉ dẫn công tác trong từng trường hợp, từng hoàn cảnh cụ thể. Phải từ những vấn đề cụ thể ấy mà quy chiếu lại hệ tư tưởng của ông.

- Trong công tác giáo dục huấn luyện cán bộ, ông đặc biệt chú trọng đến sự nêu gương. Ông nói "Lấy gương người tốt, việc tốt để hàng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới". Bản thân ông cũng luôn luôn làm gương trước.

- Xét về mặt triết học của vấn đề, sự nêu gương này ở Hồ Chí Minh có nhiều ý nghĩa và đặc biệt là gợi ra nhiều hệ luận. Ở bản thân ông, đã có một sự khắc kỷ rất cao. Có điều kỳ lạ là sự khắc kỷ này đã đạt đến mức

không làm cho người ta thấy có sự cưỡng ép. Ông đã khắc kỷ một cách thung dung, đến mức những nét sinh hoạt của ông đều trở thành giai thoại, gây khoái cảm thẩm mỹ hoặc gây cảm động, chứ không gây ngạc nhiên hay kinh sợ. Mặt khác, trong việc nêu gương khách quan, những hình ảnh của ông chọn lọc không hề mang tính cách duy lý chút nào. Hoặc ông ca ngợi những người thực, việc thực (như hàng trăm bài báo ở mục *Nói và nghe*), hoặc ông xây dựng những hình tượng nghệ thuật (qua các thể loại thơ, ca dao, truyện) với một khuynh hướng thẩm mỹ rất gắn với thực tế. Ông chú ý đến cái đẹp, cái trọn vẹn trong đạo đức đời thường. Đà tưởng tượng của ông, ngừng lại ở một ngưỡng nhất định, không vượt quá thực tế, có lúc nào cần vượt quá, ông cũng sẵn sàng xua con người quay về với thực tế. Có lý tưởng đạo đức, nhưng là có để thành con người đạo đức. Con người đạo đức trong sự hình dung của Hồ Chí Minh là con người như thế này (tel qui est), chứ không phải là con người cần phải như thế này (tel qui devrait être) cho nên lý tưởng của ông lại cũng là thực tế.

*
* *

Như vậy, xét theo giác độ triết học, rõ ràng là có một minh triết Hồ Chí Minh. Từ minh triết này, nhà lý thuyết sẽ đề ra các chuẩn mực. Ở phần này, việc truy tìm hệ thống có đôi chút thuận lợi, vì xuất phát từ nguyên lý thực hành của mình, Hồ Chí Minh đã tự đề ra bằng cách mượn vỏ ngôn ngữ cũ, để giữ sự liên tục truyền thống. Cần nói trước là không nắm chắc phần minh triết, sẽ không thấy cái mới trong các chuẩn mực này.

II. Chuẩn mực đạo đức Hồ Chí Minh

Trên cơ sở nguyên lý minh triết ấy, Hồ Chí Minh đã đề ra những chuẩn mực đạo đức nhằm xây dựng phẩm chất con người. Những chuẩn mực này, do chính Hồ Chí Minh đã sáng tạo thành thuật ngữ (có khi dùng vỏ ngôn ngữ cũ) và luôn luôn sử dụng suốt cả bình sinh, từ ngày về nước (1941) cho đến khi mất. Đó là:

- Trung với nước, hiếu với dân
- Cần kiệm liêm chính
- Chí công vô tư
- Có lý có tình.

Nội dung ý nghĩa của các chuẩn mực đạo đức này, ở cả hai mặt lý luận và thực hành, chúng ta đều đã được nghe giải thích, phân tích, thiết tưởng không cần bàn bạc thêm nhiều. Tuy nhiên, về mặt triết học cũng như xã hội học của vấn đề, thiết tưởng cũng nên ghi nhận thêm vài nét mới. Điều ai cũng rõ: Trung hiếu là thuật ngữ của Nho gia, là hệ luận của thuyết Tam cương, quy thành chuẩn mực. Nay Hồ Chí Minh thay đổi nội dung của nó và thay đổi từ gốc. Gốc của *trung* là dân tộc, gốc của *hiếu* là dân chủ. Thay đổi gốc, chuyển sang khái niệm mới nhưng không ngỡ ngàng vì vẫn giữ được sự liên tục trong tâm thức người dân. Dân ta đã quen với trung hiếu rồi, quen theo cách Việt Nam *trai thì trung hiếu làm đầu* (Nguyễn Đình Chiểu) và *chữ hiếu niệm cho tròn một tiết, thì sinh ra trăm nết đều nên* (Lý Văn Phức), v.v... Trong tiến trình phát triển của tư duy dân tộc, sự thay đổi nội dung khái niệm trung hiếu cũng không bỡ ngỡ gì lắm. Với Phan Đình Phùng, ngọn cờ Cần vương không hạ xuống khi Hàm Nghi bị bắt. Vị đình nguyên tiến sĩ đã trọng nước hơn vua. Với Phan Chu Trinh, Ngô Đức Kế, bệ hạ đã thành hạ bệ. Chỉ có quan niệm hiếu với dân thì thực là rất mới. Nhưng nếu ta nhớ lại những ý kiến như: ý dân là ý trời, thiên tử là con trời, thì "hiếu với dân", chỉ là nhằm lật ngược lại tư tưởng của bọn thống trị luôn luôn xưng là phụ mẫu chi dân. Nhắc lại như vậy, chỉ để thấy tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đã xuất phát từ một triết học đạo đức có cơ sở.

Mấy chữ "cần kiệm, liêm, chính", ai cũng hiểu là hoàn toàn nằm trong bình diện đạo đức. Hồ Chí Minh cũng nhiều lần lưu ý các cán bộ phải trau dồi tư cách để đạt những phẩm chất này. Song nếu theo dõi cách giải thích của ông thì vấn đề còn phải đặt trên bình diện xã hội nữa. Chẳng hạn cá nhân tiết kiệm chưa đủ, phải giáo dục mọi người cùng tiết kiệm, không chỉ tiết kiệm của riêng, mà cả của công, tiết kiệm cả của cải, cả thì giờ. Vậy là vấn đề đã liên quan đến việc sản xuất của xã hội. Cũng theo cách hiểu ấy, vấn đề liêm chính liên quan đến sự phân phối, những chuyện tham ô, những đãi ngộ bất công thực chất là phân phối không công bằng. Người xưa cũng lo lắng về tình hình này (bất hoạn bần nhi hoạn bất quân), nhưng chỉ là đơn thuần nhìn về khía cạnh đạo đức. Với Hồ Chí Minh, cần, kiệm, liêm, chính có liên quan đến kinh tế chính trị, đến quan hệ sản xuất.

Khái niệm "chí công, vô tư", cũng như cần, kiệm, liêm, chính trên đây, vẫn được các nhà nho nhắc đi nhắc lại, nhất là khi đòi hỏi người cầm quyền phải giữ đúng phẩm chất để xem xét chính sự. Phần lớn, người ta

hay đòi hỏi các vị quan toà, các thủ trưởng phải chí công, vô tư trong chính sách cán bộ, trong việc phân xử phải trái, v.v... Chuẩn mực này ở Hồ Chí Minh có ý nghĩa sâu sắc và rộng rãi hơn nhiều, nó liên quan đến triết học đạo đức của thời đại mới. Đây là vấn đề ứng xử trong quan hệ tập thể và cá nhân. Chỉ nói như vậy thôi; rất dễ đi đến ngộ nhận về tư tưởng Hồ Chí Minh. Nếu chịu khó đọc toàn bộ tác phẩm Hồ Chí Minh, sẽ thấy không bao giờ ông nói đến sự mâu thuẫn riêng, chung, hoặc sự đối lập giữa cá nhân và tập thể. Ông chỉ nói "lợi ích chung, lợi ích riêng", "quyền lợi cá nhân, quyền lợi tập thể" mà thôi. Như vậy, "chí công, vô tư", chủ yếu là chuẩn mực đòi hỏi khi cần giải quyết mâu thuẫn lợi ích. Không thể nghĩ như nhà triết học Anh Bentham lợi ích xã hội chỉ có lợi ích cá nhân cộng lại. Hiểu như thế, lợi ích xã hội sẽ bị thủ tiêu, trong khi thực tế xưa nay phải có cộng đồng, cá nhân mới tồn tại được. Cá nhân và tập thể là thống nhất, gắn bó với nhau bằng nhiều sợi dây. Có lúc một sợi dây chùng nhưng không nên để bị cắt mà nên đi đến cái chung (chí công) thì cộng đồng mới tồn tại được. Tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh cũng ở đấy. Không thể chỉ là lợi ích nhỏ, mà cá nhân trở thành đối đầu với tập thể, hoặc tập thể không chăm lo lợi ích cá nhân. Ý nghĩa triết học đạo đức ở đây là như vậy.

Trong *Di chúc* để lại, Hồ Chí Minh có dùng thuật ngữ "có lý có tình", ông dặn dò Đảng Cộng sản Việt Nam một chuẩn mực để ứng xử với phong trào cộng sản thế giới. Nhưng thực ra, ông đã sống có lý, có tình suốt cả đời mình, và ông cũng đã theo chuẩn mực này để giáo dục đảng viên, cán bộ. Chính sách đại đoàn kết của ông, thái độ của ông đối với người hay người dở đều có lý, có tình. Cái hay là thuật ngữ này chưa bao giờ xuất hiện trên sách báo bàn về chủ nghĩa Mác - Lênin: "Có thể hiểu lý tình ở rất nhiều khía cạnh. Tình của con người quốc tế trải lòng hữu ái và hành động thực sự vì tất cả các dân tộc bị áp bức trên khắp địa cầu. Lý của ý thức bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa xã hội, mà thực chất là sự phát triển tự do cho con người. Lý cũng là lẽ sống đương nhiên, chính đáng của những dân tộc độc lập tự do. Tình cũng là sự hoà hợp đại lượng để đảm bảo đoàn kết, sống cho nhau, gắn bó với nhau, tạo cho cuộc đời thêm đẹp. Lý và tình còn là sự cân đối đẹp đẽ hoà hợp của tâm thức Việt Nam" như trên đây ta đã nói.

Tóm lại, để cho dễ nhận, chúng ta có thể hình dung học thuyết đạo đức Hồ Chí Minh một cách đại cương như sau:

Học thuyết đạo đức Hồ Chí Minh:

Phần minh triết: Các cơ sở nguyên lý đạo đức

1. Dân tộc - Quốc gia - quốc tế

- Lương tri - tâm thức

2. Dân chủ: - Dân ích - dân quyền

- Lưỡng nhất tính

3. Nhân đạo: - Tình thương

- Trồng người

- Chống chủ nghĩa cá nhân

4. Thực hành: - Khắc kỷ

- Nêu gương

Phần chuẩn mực: Các tiêu chuẩn đạo đức

1. Trung nước - hiếu dân (dân tộc, dân chủ)
2. Cần kiệm liêm chính (sản xuất - phân phối)
3. Chí công vô tư (tập thể - cá nhân)
4. Có lý có tình (lý trí - tình cảm)

Nếu hình dung bằng một sơ đồ, có thể trình bày:

<table>
<tr><td></td><td colspan="4">MINH TRIẾT HỒ CHÍ MINH</td></tr>
<tr><td rowspan="8">Học thuyết đạo đức Hồ Chí Minh</td><td>Dân tộc</td><td>Dân chủ</td><td>Nhân đạo</td><td>Thực hành</td></tr>
<tr><td>Quốc gia</td><td>Dân ích</td><td>Tình thương</td><td>Khắc kỷ</td></tr>
<tr><td>Quốc tế</td><td>Dân quyền</td><td>Trồng người</td><td>Nêu gương</td></tr>
<tr><td>Lương tri</td><td>Lưỡng nhất tính</td><td>Chống chủ nghĩa cá nhân</td><td></td></tr>
<tr><td>Tâm thức</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="3">CHUẨN MỰC HỒ CHÍ MINH</td><td></td></tr>
<tr><td>Trung nước
Hiếu dân</td><td>Cần kiệm
Liêm chính</td><td>Chí công
Vô tư</td><td>Có lý
có tình</td></tr>
</table>

TỪ NGUYÊN LÝ PHÁT TRIỂN MÁCXÍT ĐẾN TRIẾT LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI HỒ CHÍ MINH*

GS. TS. NGUYỄN VĂN HUYÊN

Phép biện chứng mácxít chỉ ra rằng, bản chất của phát triển là sự vận động theo hướng đi lên của bản thân sự vật, hiện tượng của giới tự nhiên, con người và xã hội. Nguyên lý của sự phát triển đó là: sự biến đổi về lượng dẫn đến sự chuyển đổi dần về chất, tạo nên mâu thuẫn trong bản thân sự vật, hiện tượng, và sự phủ định của phủ định - kết quả của quá trình giải quyết mâu thuẫn, - tạo nên bước nhảy vọt biến sự vật này thành một sự vật khác mới và cao hơn về chất. Đó là tiến trình có tính quy luật tất yếu khách quan và phổ biến của thế giới. Quá trình đó diễn ra theo các vòng đi lên vô tận, làm cho thế giới ngày càng đa dạng được nâng cao, phong phú và hoàn thiện.

Xã hội loài người, một bộ phận của giới tự nhiên, là trình độ phát triển rất cao của thế giới. Quá trình nâng cao và hoàn thiện xã hội theo nguyên lý phát triển biện chứng đã được các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin phân tích một cách khoa học và thuyết phục ở chính bản thân lịch sử phát triển của xã hội: Từ xã hội nguyên thuỷ đến xã hội chiếm hữu nô lệ, từ xã hội phong kiến sang xã hội tư bản và tiến lên xã hội xã hội chủ nghĩa - cộng sản chủ nghĩa. Quá trình đi lên tất yếu đó của xã hội loài người cũng đã được Mác, Ăngghen, Lênin kiểm chứng qua thực tế ở một số nước châu Âu, nước Nga và châu Á. Sự kiểm chứng đó chứng minh rằng, dù các nước đang ở các trình độ khác nhau, dù lịch sử mỗi nước diễn ra theo nhiều hướng phức tạp,... nhưng tất cả cuối cùng đều đi lên chủ nghĩa xã hội; rằng, với những hoàn cảnh và điều kiện khác

---

* Trích trong cuốn: *Một số vấn đề triết học xã hội và phát triển con người* của GS. TS. Nguyễn Văn Huyên, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

nhau, dưới sự lãnh đạo của đội tiên phong của giai cấp công nhân - Đảng Cộng sản, các dân tộc có thể tuần tự hoặc nhảy vọt tiến tới xã hội xã hội chủ nghĩa - cộng sản chủ nghĩa.

Theo quan điểm duy vật biện chứng - duy vật lịch sử, xã hội được cấu thành bởi các quan hệ xã hội chặt chẽ và phức hợp: quan hệ con người - con người, con người - xã hội, con người - tự nhiên. Sự phát triển của một xã hội diễn ra bởi những mâu thuẫn cơ bản, trước hết là mâu thuẫn giữa sản xuất và tiêu dùng; giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; giữa nhu cầu (lợi ích và khả năng đáp ứng các nhu cầu lợi ích); v.v... Do vậy, sự thúc đẩy xã hội đi lên là do nhiều yếu tố: lợi ích con người, hoạt động xã hội, đấu tranh giữa các giai cấp, khả năng và khát vọng cải tạo tự nhiên, cải tạo xã hội thể hiện ở tiến bộ khoa học - kỹ thuật - công nghệ, v.v... Tuy nhiên, tựu trung lại, nền tảng của sự phát triển xã hội trước hết chính là sản xuất vật chất. Sự tổng hợp tiến bộ khoa học - kỹ thuật, nền đại công nghiệp, trình độ quản lý khoa học, quản lý kinh tế - xã hội cao, v.v... là nguồn lực và là động lực phát triển xã hội.

Các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin đã đưa ra một hệ thống tiêu chuẩn như là các chỉ số đánh giá một xã hội phát triển: mức độ giải phóng và phát triển con người, sự phát triển lực lượng sản xuất phù hợp với quan hệ sản xuất, năng suất lao động, trong đó sự phát triển lực lượng sản xuất là quyết định. Xem yếu tố kinh tế là chỉ số có tính quyết định sự phát triển xã hội, các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin không xem nhẹ các yếu tố tinh thần, văn hoá, chính trị, pháp quyền như là các chỉ số chất lượng sống cao và đặc biệt là sự phát triển con người với tư cách vừa là mục tiêu vừa là động lực của phát triển.

Do tính lịch sử của nó, quan điểm về sự phát triển của Mác, Ăngghen, Lênin chưa tính đến tất cả các khía cạnh mà những vấn đề lý thuyết phát triển hiện đại phải giải quyết, tuy nhiên trong đó đã hội đủ và thể hiện tính tổng hợp và toàn diện các yếu tố cơ bản: nội sinh - ngoại lực, vật chất - tinh thần, kinh tế - văn hoá, cá nhân - cộng đồng, con người - tự nhiên, v.v... Tất cả các yếu tố đó vừa là điều kiện cho sự phát triển, đồng thời là mục tiêu của sự phát triển xã hội.

Đứng vững trên nguyên lý phát triển mácxít, Hồ Chí Minh không chỉ tiếp thu, kế thừa lý thuyết phát triển phổ quát về thế giới, mà điều quan

nhau, dưới sự lãnh đạo của đội tiên phong của giai cấp công nhân - Đảng Cộng sản, các dân tộc có thể tuần tự hoặc nhảy vọt tiến tới xã hội xã hội chủ nghĩa - cộng sản chủ nghĩa.

Theo quan điểm duy vật biện chứng - duy vật lịch sử, xã hội được cấu thành bởi các quan hệ xã hội chặt chẽ và phức hợp: quan hệ con người - con người, con người - xã hội, con người - tự nhiên. Sự phát triển của một xã hội diễn ra bởi những mâu thuẫn cơ bản, trước hết là mâu thuẫn giữa sản xuất và tiêu dùng; giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; giữa nhu cầu (lợi ích và khả năng đáp ứng các nhu cầu lợi ích); v.v... Do vậy, sự thúc đẩy xã hội đi lên là do nhiều yếu tố: lợi ích con người, hoạt động xã hội, đấu tranh giữa các giai cấp, khả năng và khát vọng cải tạo tự nhiên, cải tạo xã hội thể hiện ở tiến bộ khoa học - kỹ thuật - công nghệ, v.v... Tuy nhiên, tựu trung lại, nền tảng của sự phát triển xã hội trước hết chính là sản xuất vật chất. Sự tổng hợp tiến bộ khoa học - kỹ thuật, nền đại công nghiệp, trình độ quản lý khoa học, quản lý kinh tế - xã hội cao, v.v... là nguồn lực và là động lực phát triển xã hội.

Các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin đã đưa ra một hệ thống tiêu chuẩn như là các chỉ số đánh giá một xã hội phát triển: mức độ giải phóng và phát triển con người, sự phát triển lực lượng sản xuất phù hợp với quan hệ sản xuất, năng suất lao động, trong đó sự phát triển lực lượng sản xuất là quyết định. Xem yếu tố kinh tế là chỉ số có tính quyết định sự phát triển xã hội, các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin không xem nhẹ các yếu tố tinh thần, văn hoá, chính trị, pháp quyền như là các chỉ số chất lượng sống cao và đặc biệt là sự phát triển con người với tư cách vừa là mục tiêu vừa là động lực của phát triển.

Do tính lịch sử của nó, quan điểm về sự phát triển của Mác, Ăngghen, Lênin chưa tính đến tất cả các khía cạnh mà những vấn đề lý thuyết phát triển hiện đại phải giải quyết, tuy nhiên trong đó đã hội đủ và thể hiện tính tổng hợp và toàn diện các yếu tố cơ bản: nội sinh - ngoại lực, vật chất - tinh thần, kinh tế - văn hoá, cá nhân - cộng đồng, con người - tự nhiên, v.v... Tất cả các yếu tố đó vừa là điều kiện cho sự phát triển, đồng thời là mục tiêu của sự phát triển xã hội.

Đứng vững trên nguyên lý phát triển mácxít, Hồ Chí Minh không chỉ tiếp thu, kế thừa lý thuyết phát triển phổ quát về thế giới, mà điều quan

trọng hơn, là đã vận dụng và phát triển một cách sáng tạo nguyên lý đó vào vấn đề phát triển xã hội.

Sống trong cảnh mất nước, nhân dân bị đoạ đầy trong nô lệ, lầm than dưới ách thống trị của thực dân đế quốc, "ham muốn tột bậc" của Hồ Chí Minh là đem lại tự do hạnh phúc cho dân tộc. Chắt lọc những tinh hoa tư tưởng phương Đông và phương Tây, chọn lọc tất cả các yếu tố hợp lý, các mô hình phát triển của nhiều dân tộc và nhiều quốc gia trên thế giới, Hồ Chí Minh luôn suy nghĩ nhằm thực hiện mục đích cao cả của mình là làm sao tìm ra được con đường đi và cách thức xây dựng thành công đất nước theo hướng nhân văn. Vận dụng một cách sáng tạo nguyên lý phát triển mácxít, kế thừa những truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, đặc biệt là từ thực tế đất nước, con người, kinh tế, xã hội, tâm lý, phong tục, tập quán... Việt Nam, Hồ Chí Minh đã xây dựng được một mô hình phát triển đất nước Việt Nam phù hợp và hiệu quả.

Đặc điểm tư tưởng Hồ Chí Minh là tư tưởng - hành động. Nhân lõi triết lý của Hồ Chí Minh về một đất nước phát triển và giải pháp có tính nguyên tắc đối với việc thực hiện quá trình phát triển đất nước cũng không chỉ dừng lại ở trong lý thuyết, mà nó được hoà quyện vào trong hành động của Người, nó thể hiện ngay trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Người.

Để một đất nước có thể phát triển thì điều tiên quyết, theo Hồ Chí Minh, đất nước phải được độc lập, dân tộc phải được tự do. Độc lập tự do là điều kiện để một dân tộc tự quyết định vận mệnh và tương lai của mình, đồng thời có thể phát huy toàn bộ nội lực cho sự phát triển. Chính vì vậy, trong hệ thống những vấn đề tạo nên sự phát triển Hồ Chí Minh, nhiệm vụ đầu tiên của cách mạng Việt Nam là giải phóng dân tộc, độc lập tự do cho Tổ quốc. "Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ", "Không có gì quý hơn độc lập, tự do"!

Có độc lập, tự do rồi thì vấn đề quyết định bảo đảm cho một đất nước phát triển là xác định con đường đi đúng đắn của cách mạng. Tin tưởng sắt đá vào nguyên lý phát triển mácxít, Hồ Chí Minh khẳng định: chủ nghĩa xã hội là đường đi tất yếu của lịch sử nhân loại. Người viết: "Loài người đã trải qua sự phát triển từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội chiếm hữu nô lệ, xã hội phong kiến rồi đến xã hội tư bản; xã hội tư bản với bản

chất vô nhân đạo và đầy mâu thuẫn tự trong lòng nó, cũng giống như những quy luật của lịch sử xã hội, xã hội tư bản sẽ chuyển sang xã hội xã hội chủ nghĩa - cộng sản chủ nghĩa"[1]. Tư tưởng sâu xa của Hồ Chí Minh không chỉ là ở sự lựa chọn hướng đi của dân tộc phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử. Giá trị nhân văn trong cách nhìn mới của Hồ Chí Minh là ở chỗ Người xem xã hội xã hội chủ nghĩa là hướng đi tối ưu của loài người. Theo Người, "chỉ có chủ nghĩa xã hội mới cứu nhân loại, đem lại cho con người... tự do, bình đẳng, bác ái,... hoà bình, hạnh phúc"[2].

Chính vì vậy, ngay từ khi đất nước còn chìm trong nô lệ, Hồ Chí Minh đã quyết chọn con đường cách mạng dân quyền để thực hiện dân sinh, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội, với bản chất nhân đạo và đầy sức sống của nó, - nơi thể hiện lý tưởng cao đẹp của con người, - có khả năng tự tạo ra sức mạnh nội sinh để thúc đẩy xã hội đi lên phù hợp với lý tưởng chân chính của nhân dân Việt Nam. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã trở thành nhân lõi xuyên suốt lý tưởng xây dựng xã hội mới, của triết lý phát triển xã hội Hồ Chí Minh.

Chủ nghĩa xã hội - cái xã hội mà theo Hồ Chí Minh, nó có khả năng tạo ra sự phát triển, - khác rất xa chủ nghĩa xã hội theo nhiều người quan niệm đương thời. Đó là một xã hội được xây dựng trên cơ sở các điều kiện hiện thực của nền kinh tế - chính trị - xã hội... Việt Nam, mà nội dung cơ bản của nó là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; đó là một xã hội ngày càng đáp ứng cao và toàn diện mọi nhu cầu chính đáng của nhân dân mà sau này Người khái quát là: Độc lập - Tự do - Hạnh phúc. Chỉ có độc lập dân tộc mới có tự do cho nhân dân; độc lập tự do là môi trường, là điều kiện cho mỗi cá nhân, cho toàn xã hội phát huy mọi tiềm năng sáng tạo mưu cầu hạnh phúc của chính mình. Do vậy, chủ nghĩa xã hội không chỉ là ước mơ, mà bản thân nó có khả năng tối ưu (so với tất cả các xã hội đã có trong lịch sử) trong việc tạo ra động lực, sức sống nội sinh thúc đẩy xã hội tiến lên. Có thể nói, đối với Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội là mục tiêu của phát triển, đồng thời là phương thức, phương tiện thực hiện sự phát triển.

Xã hội xã hội chủ nghĩa với bản chất và sức sống như thế, theo Hồ Chí Minh chỉ thực hiện được trên cơ sở một nhà nước vững mạnh của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.7. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.246.
2. Hồ Chí Minh: Sđd., t.1, tr.461.

dân, do dân, vì dân. Đó là một nhà nước do nhân dân làm chủ. Chính phủ là cơ quan nhà nước cao nhất tập trung quyền lực của nhân dân do nhân dân giao phó vận hành theo cơ chế pháp quyền, thực hiện mọi trách nhiệm vì cuộc sống của nhân dân. Cán bộ là người đại diện cho ý chí của dân, là công bộc của dân. Bao nhiêu quyền lợi đều thuộc về dân. Một nhà nước như vậy sẽ là nơi tập trung và thể hiện toàn bộ sức mạnh của nhân dân, tạo ra sức mạnh xã hội. Điều đó cho thấy, ở Hồ Chí Minh, sức phát triển của một xã hội được tạo ra từ chế độ dân chủ thực sự: "Mọi sức mạnh đều ở dân"; "Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong"! Dân chủ như vậy không chỉ đơn thuần là yếu tố tinh thần, cơ chế, mà trở thành lực lượng vật chất, nó tạo ra sức mạnh ngay trong các lĩnh vực hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội,... của một quốc gia.

Từ nhận thức sâu sắc rằng kinh tế quyết định chính trị, chính trị tập trung ở kinh tế, Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng xây dựng một nền kinh tế vững mạnh theo hướng xã hội chủ nghĩa. Lôgíc phát triển thường trực ở Hồ Chí Minh là trước hết phải làm cho dân "ăn no mặc ấm" rồi mới đến "học hành tiến bộ". Ngay từ ngày đầu đất nước độc lập, Người đã tiến hành xây dựng và phát triển kinh tế, thực hiện hợp tác hoá để quy tụ sức mạnh toàn dân xây dựng nền kinh tế mới; cải tạo quan hệ sản xuất, phát triển lực lượng sản xuất, từng bước công nghiệp hoá, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng bao trùm và quan trọng của Hồ Chí Minh là phải có một nền kinh tế vững mạnh, do nhân dân lao động làm chủ mới có thể bảo đảm cho phát triển đất nước.

Nếu như kinh tế là nền tảng và là yếu tố hàng đầu của phát triển xã hội thì văn hoá - khoa học - giáo dục được Hồ Chí Minh xem là nguồn lực nội sinh từ thượng tầng kiến trúc tác động đến tận hạ tầng cơ sở tạo nên sự vận động của tất cả các lĩnh vực hoạt động xã hội. Bởi theo Người, lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất, làm biến đổi phương thức sản xuất, đưa xã hội chuyển từ xã hội thấp lên xã hội mới cao hơn. Khoa học - kỹ thuật là trình độ chiếm lĩnh tự nhiên, cải tạo xã hội, đó là hạt nhân của lực lượng sản xuất. Hồ Chí Minh hiểu sự phát triển của trình độ khoa học - kỹ thuật tương ứng với sự phát triển của xã hội. Người viết: "Từ đời xưa đến đời nay, cách sản xuất từ chỗ dùng cành cây, búa đá, phát triển đến máy móc, sức điện, sức nguyên tử. Chế độ xã hội cũng phát triển từ cộng sản nguyên thuỷ đến chế độ nô lệ, phong kiến, đến chủ

nghĩa tư bản..."[1]. Cho nên Hồ Chí Minh nhấn mạnh phát triển khoa học - kỹ thuật ngay từ khi nước ta còn hết sức nghèo nàn lạc hậu. Người từng nói rằng, chúng ta chỉ có thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên một nền khoa học - kỹ thuật tiên tiến. Chúng ta phải thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động. Ngay từ kế hoạch năm năm lần thứ nhất, Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề tiến hành cách mạng khoa học - kỹ thuật, từng bước tiến hành công nghiệp hoá đất nước, khoa học - kỹ thuật là then chốt của công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Chúng là lực lượng làm tăng sức sản xuất, tạo ra động lực chuyển biến nền kinh tế - xã hội, thay đổi quan hệ sản xuất, quan hệ xã hội, làm chuyển chất xã hội lên xã hội xã hội chủ nghĩa.

Phát triển khoa học - kỹ thuật tất yếu gắn liền với giáo dục - đào tạo con người. Con người là nội lực quyết định nhất của lực lượng sản xuất; nó cũng là chủ thể tạo ra, đồng thời sử dụng khoa học - kỹ thuật, điều hành toàn bộ quá trình xã hội. Vì vậy, bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa", những con người "vừa hồng vừa chuyên". Theo Hồ Chí Minh, sức mạnh của một dân tộc là tri thức, là trí tuệ. "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu". Phải diệt giặc dốt, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài. Non sông Việt Nam có sánh vai được với các cường quốc năm châu hay không là nhờ ở công học tập của các em học sinh. Dân trí là điều kiện để thực hiện văn hoá xã hội, tạo tiềm năng trí tuệ và sức vươn lên một xã hội nhân văn.

Văn hoá theo Hồ Chí Minh vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển xã hội. Người cho rằng "vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích cuộc sống, loài người mới sáng tạo ra và phát minh ra... những giá trị văn hoá"[2]. Như vậy, văn hoá, một mặt là nền tảng tinh thần xã hội, mục tiêu phấn đấu của xã hội, mặt khác, là yếu tố bên trong thúc đẩy xã hội tiến lên. "Muốn phát triển xã hội, nền văn hoá dân tộc phải: xây dựng tâm lý, tính cách, tinh thần độc lập tự cường; xây dựng luân lý, biết hy sinh cho lợi ích quần chúng, xây dựng xã hội". "Văn hoá phải soi đường cho quốc dân đi"[3]. Ngay từ ngày đầu của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Hồ Chí Minh đã

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd., t.9, tr.282.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.3. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.431.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.3. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.431.

đề ra tư tưởng xây dựng nền văn hoá Việt Nam theo nguyên tắc dân tộc hoá, khoa học hoá, đại chúng hoá với nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc. Vì theo Người, đó là những nguyên tắc giải phóng năng lượng lớn lao của tuyệt đại bộ phận nhân dân lao động, tham gia xây dựng Tổ quốc. Tính chất đó của nền văn hoá sẽ phát huy cao độ nội lực trong việc tiếp thu, tiếp biến các giá trị phổ biến của nhân loại, làm sâu sắc và đậm đà thêm bản sắc văn hoá Việt Nam tạo sức mạnh to lớn cho phát triển xã hội.

Sự phát triển xã hội và một xã hội phát triển, theo Hồ Chí Minh, tất cả đều quy tụ ở vấn đề con người. Mục tiêu phát triển của một xã hội theo hướng nhân văn là đáp ứng mọi khát vọng chính đáng của con người, tạo điều kiện cho con người ngày càng phát triển toàn diện hài hoà như một chủ thể văn hoá. Mặt khác, xã hội đó lại do chính bản thân con người làm ra với tư cách là chủ thể lịch sử, xã hội. Con người tự đặt ra mục đích và đồng thời là người thực hiện mục đích cao quý đó. Cho nên, một xã hội có thể phát triển phải đi trúng mục tiêu con người với hai khía cạnh cơ bản đó. Trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng (giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội) Hồ Chí Minh luôn đặt con người ở vị trí trung tâm theo hai hướng thống nhất. Con người mà Hồ Chí Minh quan niệm là từng cá nhân, tập thể, mọi tầng lớp người, nhưng tựu trung lại là nhân dân: Những lực lượng xây dựng và phát triển xã hội là "quân đội nhân dân", "công an nhân dân"; những danh hiệu cao quý cho con người cũng là "nhà giáo nhân dân", "nghệ sĩ nhân dân", v.v... Phương thức đấu tranh bảo vệ Tổ quốc cũng là chính quyền nhân dân, chiến tranh nhân dân; v.v... Cơ cấu xã hội tạo nên sức mạnh phát triển xã hội là khối đại đoàn kết: công nhân - nông dân - trí thức và tất cả các thành phần dân tộc Việt Nam.

Ở Hồ Chí Minh, phát triển không chỉ là các yếu tố tạo nên động lực phát triển, mà còn là tổng hoà tất cả các mối quan hệ với sự tác động nhiều chiều, đa dạng, biện chứng.

Sự tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam chỉ có được khi chủ nghĩa yêu nước Việt Nam được phát huy cao độ và được nâng lên thành chủ nghĩa yêu nước mới, - một chủ nghĩa yêu nước cộng sản đầy trí tuệ, tài năng, toàn bộ tinh hoa và khí phách dân tộc được biến thành hành động chuyển ý tưởng thành hiện thực. Chủ nghĩa yêu nước mới như vậy thực chất đã thể hiện một nền đạo đức mới, - nền đạo đức lấy tiêu chí tiến bộ, nhân văn làm đích

phấn đấu. Các yếu tố tinh thần này cộng hưởng với tiềm năng vật chất xã hội nhằm thực hiện một mục tiêu chung: tiến bộ và phát triển toàn nhân loại, trong đó có tiến bộ và phát triển con người - xã hội Việt Nam.

Sức sống của phát triển lâu bền chỉ có được khi một xã hội phát huy cao độ các yếu tố sức mạnh truyền thống và cái mới hiện đại. Sự gắn bó hài hoà truyền thống - hiện đại, theo Hồ Chí Minh là nguyên tắc của phát triển. Bởi vì ở đó tương lai được tiếp sức từ nguồn sống của quá khứ và của hiện tại. Truyền thống là tinh hoa và sức mạnh kết tụ ngàn đời của một dân tộc. Nó làm cơ sở cho xã hội truyền thống đi vào hiện đại. Hiện đại nâng cao truyền thống - đó là sức mạnh và sức bền của phát triển.

Cũng tương tự, yếu tố dân tộc và yếu tố quốc tế được thể hiện qua quan hệ riêng - chung trong triết lý phát triển xã hội Hồ Chí Minh. Dân tộc là bộ phận của quốc tế. Một dân tộc phải nằm trong và dựa vào nhiều dân tộc khác như là quan hệ tất yếu tự nhiên mới có thể cùng tồn tại và trưởng thành. Cách mạng dân tộc không thể tách rời cách mạng thế giới, nó như hai cánh của con chim, tạo lực cho nó bay lên cao. Xu thế và hoàn cảnh quốc tế là điều kiện quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của một quốc gia.

Ngay từ thời đại mình, từ những năm giữa thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã có cái nhìn khoa học và hiện đại về phát triển, trong đó những vấn đề mà nhiều lý thuyết phát triển ngày nay đang đặt ra như: phát triển bền vững, phát triển nhân văn. Những vấn đề về tăng trưởng và phát triển, nội sinh và ngoại lực, kinh tế và xã hội, vật chất và tinh thần, hiện tại và tương lai,... đã được Hồ Chí Minh đề cập sâu sắc trong quan niệm của Người về bản chất của chủ nghĩa xã hội, quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Về nội sinh - ngoại lực, theo Hồ Chí Minh, chỉ có cách mạng vô sản mới giải phóng được dân tộc, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội là do nhân dân tự làm lấy; phải tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân thế giới. Về tăng trưởng và phát triển, Hồ Chí Minh cho rằng, vấn đề không chỉ là sản xuất ra nhiều của cải, vấn đề quan trọng hơn là làm sao nâng cao được chất lượng đời sống của nhân dân. Chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội mà dân không được hưởng hạnh phúc thì chủ nghĩa xã hội đó cũng không có nghĩa lý gì!

Đặc biệt, đối với Hồ Chí Minh, mối quan hệ thiên nhiên - con người là hết sức gắn bó, nó như chỉnh thể tất yếu tự nhiên, không thể chia cắt. Trời có bốn mùa, người có bốn đức tính. Thiên thời - địa lợi - nhân hoà là

điều kiện cho sự ổn định, phát triển và trường tồn. Người nói: "Việt Nam ta có hai tiếng Tổ quốc, ta cũng gọi Tổ quốc là đất nước. Có đất và có nước thì mới thành Tổ quốc. Có đất lại có nước thì dân giàu nước mạnh. Nhiệm vụ của chúng ta là làm cho đất với nước điều hoà với nhau để nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội"[1]. Quan điểm và hành vi "Trồng cây", "Trồng người" của Hồ Chí Minh thể hiện ẩn ý triết lý sâu xa của Người về mối quan hệ con người - thiên nhiên trong sự hài hoà và trường tồn vũ trụ.

Trong hệ thống các yếu tố phát triển, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm yếu tố chủ thể của quá trình phát triển - Đảng Cộng sản. Sự lãnh đạo của một Đảng chân chính trí tuệ và sáng tạo là yếu tố đầu tiên, cũng là yếu tố cuối cùng có tính quyết định đối với sự định hướng, hành động và xây dựng một xã hội. Bởi theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản là Đảng của giai cấp công nhân, đồng thời cũng là Đảng của nhân dân, của cách mạng, mục đích của Đảng không có gì khác là đem lại cuộc sống ấm no, tự do hạnh phúc cho nhân dân, cho muôn đời con cháu mai sau. Đó cũng thực sự là mục tiêu của bất kỳ một triết lý phát triển nào nhằm mục tiêu phát triển xã hội bền vững.

Toàn bộ sự nghiệp cách mạng mà Hồ Chí Minh thực hiện ở Việt Nam chính là triết lý phát triển xã hội của Người. Do hoàn cảnh và điều kiện thời kỳ đầu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh chưa thể thực hiện toàn vẹn các vấn đề cụ thể, song nội dung cơ bản của triết lý phát triển Hồ Chí Minh, đặc biệt là nguyên lý, linh hồn triết lý phát triển đúng nghĩa của nó, - phát triển bền vững, phát triển theo hướng nhân văn, - đó là quan điểm phát triển đúng đắn, phù hợp với xu thế thời đại ngày nay.

Nếu như Mác, Ăngghen, Lênin đưa ra nguyên lý phát triển phổ biến về giới tự nhiên và xã hội thì Hồ Chí Minh đã xây dựng một hệ thống vấn đề, hệ thống yếu tố của phát triển xã hội bền vững trong hiện thực. Nguyên lý phát triển mácxít là nền tảng lý luận của triết lý phát triển xã hội Hồ Chí Minh. Triết lý phát triển xã hội Hồ Chí Minh là lôgích vận động về phía trước tất yếu của quá trình kế thừa, tiếp nối và là kết quả biện chứng của sự vận dụng sáng tạo và thiên tài nguyên lý phát triển mácxít.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.9. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.506.

PHƯƠNG PHÁP HỒ CHÍ MINH VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ LÝ LUẬN ĐẾN THỰC TIỄN*

GS. TS. HOÀNG CHÍ BẢO

1. Hướng tiếp cận phương pháp Hồ Chí Minh

Để nghiên cứu phương pháp Hồ Chí Minh một cách đúng đắn, phản ánh chân thực và khách quan cái hiện thực phong phú trong cuộc đời, tư tưởng và sự nghiệp của Người, từ đó có thể rút ra một vài nhận xét về phương pháp Hồ Chí Minh; những đặc điểm và những nội dung biểu hiện; giá trị và ý nghĩa của phương pháp Hồ Chí Minh trong thực tiễn đổi mới hiện nay, cần phải bắt đầu từ việc xác định một hướng tiếp cận tới đối tượng nghiên cứu. Việc xác định hướng tiếp cận này đồng thời chỉ rõ những cơ sở phương pháp luận chung cho việc nghiên cứu Hồ Chí Minh trên bình diện *tư tưởng* và *phương pháp,* có thể xuất phát từ mấy căn cứ sau đây:

Thứ nhất, nếu phương pháp là những cách thức, những biện pháp, những quan điểm và nguyên tắc nhất định mà chủ thể lựa chọn và xác định để thực hiện một yêu cầu, một nhiệm vụ nào đó mà mình định ra hoặc đáp ứng một đòi hỏi nhất định của thực tiễn liên quan trực tiếp tới hoạt động của mình thì *phương pháp bao giờ cũng hình thành từ sự tác động qua lại giữa cái khách quan và cái chủ quan.*

Nguồn gốc và nội dung, tính chất và trình độ phát triển của phương pháp là khách quan, bị chi phối bởi hiện thực khách quan. Phát hiện ra phương pháp, làm cho phương pháp được định hình, lựa chọn và sử dụng phương pháp trong hoạt động cũng như những sự điều chỉnh, bổ sung, phát triển và hoàn thiện phương pháp trong những điều kiện và hoàn cảnh nào đó lại thuộc về nỗ lực chủ quan, sáng tạo chủ quan của chủ thể.

---

* Trích trong cuốn: *Tìm hiểu phương pháp Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

Hoạt động của con người không thể không dùng đến một hay một số phương pháp nào đó. Không thể hình dung được hoạt động mà lại không có vai trò của chủ thể người và việc chủ thể sử dụng những phương pháp cần thiết cho hoạt động của mình. Hoạt động cũng đồng thời gắn liền với đối tượng, môi trường và hoàn cảnh hiện thực. Ở trình độ tự phát và bị giới hạn trong phạm vi kinh nghiệm với những lẽ phải thông thường, con người nhiều khi sử dụng phương pháp mà vẫn không có ý niệm rõ ràng về phương pháp. Từ thời cổ đại, con người đã biết suy nghĩ và hành động một cách biện chứng trong khi chưa tự ý thức được thế nào là phương pháp biện chứng, ngay cả khái niệm về nó cũng chưa được hình thành. Song, ở trình độ hoạt động tự giác với trình độ phát triển của nhận thức khoa học, của tư duy lý luận, con người với tư cách là chủ thể nhận thức và hành động, nhất định phải có ý thức rõ ràng về phương pháp mà mình lựa chọn và sử dụng.

Con người sáng tạo ra phương pháp không phải vì phương pháp mà vì hoạt động để thoả mãn một nhu cầu nào đó trong hoạt động, nhằm đáp ứng những đòi hỏi mà thực tiễn hoạt động đặt ra dưới dạng những tình huống, những nhiệm vụ. Nói một cách khác, phương pháp ra đời không có mục đích tự thân của nó. Ở trong tay con người, phương pháp trở thành công cụ, phương tiện để hoạt động. Trình độ khoa học của phương pháp được thể nghiệm và được kiểm chứng bởi kết quả và tác dụng của phương pháp đó trong hoạt động của con người, ở chỗ với một phương pháp nhất định khi áp dụng vào thực tiễn nó góp phần biến đổi tích cực thực tiễn đó đến mức nào và như thế nào? Thực tiễn sẽ đánh giá và cho câu trả lời về tính hợp lý hay không hợp lý, về độ đúng, sai của phương pháp.

Trình độ sử dụng thành thạo phương pháp, năng lực sáng tạo về phương pháp nói lên trình độ phát triển của con người về văn hoá, đó là một trong những thước đo về tiềm lực tư tưởng và khoa học của con người, của chủ thể người trong xã hội.

Không phải ngẫu nhiên mà Hêghen - một triết gia vĩ đại của nền triết học cổ điển Đức thế kỷ XIX nhấn mạnh rằng, toàn bộ tri thức của nhân loại trong lịch sử tư tưởng triết học, suy đến cùng là vấn đề phương pháp. Viện sĩ Landao, nhận xét rằng, phương pháp quan trọng hơn phát minh bởi lẽ, với những phương pháp đúng đắn, sáng tạo, con người có thể phát minh ra nhiều hơn, khám phá ra nhiều điều mới mẻ kỳ diệu hơn so

với những phát minh hiện có, nâng cao trình độ hiểu biết và tăng cường sức mạnh trí tuệ của con người.

Do đó, nghiên cứu về phương pháp bao gồm cả phương pháp nhận thức (tư duy) và phương pháp hành động (dùng lý luận để chỉ đạo hoạt động thực tiễn) là nghiên cứu những năng lực sáng tạo của chủ thể trong hoạt động của nó nhằm chiếm lĩnh và làm chủ đối tượng và khách thể một cách phù hợp với quy luật khách quan. Phương pháp là kết quả tìm kiếm, sáng tạo từ những nỗ lực chủ quan của con người nhằm tác động có hiệu quả và tự giác vào thế giới đối tượng tuân theo những quy luật vận động của thực tại khách quan và lý luận nhận thức.

Trên một ý nghĩa nào đó có thể nói, phương pháp là những kết quả sáng tạo mà con người tìm thấy, con người làm ra trong quá trình hoạt động nhận thức và cải tạo thế giới, đó là cách thức phù hợp để xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa thực tiễn và nhận thức, giữa thực tiễn luận với nhận thức luận. Phương pháp là năng lực tự biểu hiện, tự khẳng định vai trò của con người với tư cách là chủ thể nhận thức và chủ thể hành động. Phương pháp đánh dấu những nấc thang khác nhau trình độ hiểu biết và làm chủ đối tượng của con người, nó tỏ rõ đối tượng đã thuộc về chủ thể, đối tượng của chủ thể, đối tượng đã di chuyển vào bên trong hoạt động của chủ thể.

Theo đó, phương pháp không phải là hình thức thể hiện nội dung mà phương pháp thực sự chứa đựng một nội dung tư tưởng nhất định. Phương pháp được xem xét ở trình độ tư tưởng, lý luận, đặc biệt là những phương pháp thuộc về lĩnh vực hoạt động xã hội, đấu tranh để cải tạo xã hội hướng tới cách mạng và phát triển do con người và những lực lượng con người thực hiện.

Đối tượng nào thì phương pháp ấy. Đối tượng quy định phương pháp. Phương pháp phản ánh đối tượng và tương dung với đối tượng. Cũng như vậy, trình độ tư tưởng, lý luận của chủ thể sẽ quy định và tác động trực tiếp tới sự lựa chọn, xác định phương pháp của chủ thể đó. Trong lĩnh vực hoạt động xã hội, đặc biệt là hoạt động chính trị, tầm nhìn, nhãn quan chính trị và văn hoá có ảnh hưởng hết sức sâu sắc tới sự hình thành quan điểm, nguyên tắc, chiến lược, sách lược, những trù tính về cách thức, phương pháp hành động, những tiên liệu dự báo tình hình và xu hướng phát triển của phong trào mà người lãnh đạo với tư cách là nhà tư tưởng, nhà tổ chức sẽ tính toán, cân nhắc.

Phương pháp có nguồn gốc và nội dung hiện thực từ thực tiễn, đồng thời phương pháp lại được xây dựng dựa trên một cơ sở lý luận, chủ thuyết nhất định. Phải xem xét phương pháp trên trình độ tư tưởng, ở cấp độ tư tưởng, lý luận là vì vậy. Lênin có nhận xét rằng, đường lối chính trị (cũng tức là bao hàm phương pháp cách mạng) mà cũng dựa vững chắc trên một cơ sở triết học nhất định. Vậy là, *vấn đề phương pháp phải được nhìn nhận từ nhiều lớp quan hệ gắn liền với nhau như một chỉnh thể bao gồm:*

- Khách quan và chủ quan.

- Đối tượng và chủ thể.

- Thực tiễn - lý luận - hoạt động.

Thứ hai, phương pháp Hồ Chí Minh là phương pháp của một nhà mácxít sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX. Đó là sản phẩm của sự kết hợp nhuần nhuyễn, sáng tạo giữa tính phổ biến với tính đặc thù của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới, được Hồ Chí Minh nhận thức và vận dụng vào hoạt động thực tiễn đấu tranh cách mạng, mở ra con đường phát triển tốt đẹp nhất của xã hội Việt Nam hiện đại - con đường gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Phương pháp Hồ Chí Minh là sự phát triển mới về chất, là bước ngoặt có tính cách mạng, vượt qua những hạn chế và sự bế tắc về đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc và con đường phát triển xã hội Việt Nam mà các nhà tư tưởng trước đó đã không vượt qua được. Phương pháp Hồ Chí Minh là sự thể hiện sinh động những năng lực và phẩm chất của thiên tài sáng tạo Hồ Chí Minh trong lịch sử dân tộc Việt Nam ở thế kỷ XX. Nhờ có phương pháp Hồ Chí Minh mà dân tộc ta đã chấm dứt được những cuộc khủng hoảng triền miên về đường lối cứu nước dựa trên tư tưởng phong kiến, tư sản và tiểu tư sản hồi đầu thế kỷ XX. Nhờ có phương pháp Hồ Chí Minh mà dân tộc ta đã tiến hành thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc, chấm dứt ách nô lệ, tình cảnh vong quốc nô bởi sự thống trị tàn bạo của chủ nghĩa thực dân, đã giành lại và giữ vững độc lập chủ quyền dân tộc, xác lập quyền tự do dân chủ của mình và tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Phương pháp Hồ Chí Minh đem lại chìa khoá cho sự tiến bộ và phát triển bền vững của nước ta.

Phương pháp đó chỉ rõ con đường cách mạng mà dân tộc ta phải đi; lý tưởng và mục tiêu mà chúng ta phải lựa chọn; chủ nghĩa, học thuyết mà

chúng ta cần tin theo, cần giữ vững; lực lượng mà chúng ta cần phải tập hợp và phát triển. Phương pháp đó của Hồ Chí Minh cũng đồng thời chỉ rõ những điều kiện cần thiết cho công cuộc giải phóng mà chúng ta phải chuẩn bị, những biện pháp, cách làm, bước đi mà chúng ta phải khéo léo áp dụng cho hợp thời, hợp cảnh, vừa kiên quyết, vừa khôn khéo để đem hết tinh thần và lực lượng mà giành lấy độc lập và giữ vững nền độc lập ấy, lại vừa biết phát huy sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại, chủ nghĩa yêu nước kết hợp với chủ nghĩa quốc tế, truyền thống với hiện đại để xây dựng thành công chế độ mới xã hội chủ nghĩa ở nước ta, làm cho đồng bào ta và các thế hệ muôn đời con cháu chúng ta được sống trong độc lập - tự do - hạnh phúc. Đó cũng chính là con đường, là phương pháp đưa dân tộc ta trở thành một dân tộc văn minh, hiện đại, có thể sánh vai cùng các cường quốc năm châu, có mặt một cách xứng đáng trong thế giới nhân loại và góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng trên thế giới, vào sự nghiệp giải phóng xã hội loài người, thực hiện hoà bình, độc lập, tự do, ấm no và hạnh phúc cho mọi người lao động trên trái đất.

Từ khi Hồ Chí Minh giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin, truyền bá chủ nghĩa đó vào nước ta, gieo những hạt giống đầu tiên của phong trào cách mạng Việt Nam, tiến tới sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam, dân tộc ta đã từng bước được thức tỉnh, đã vững bước trên đường cách mạng, đã đem sức ta mà giải phóng cho ta, đánh thắng đế quốc và phong kiến, và ngày nay, theo đường lối Hồ Chí Minh, tư tưởng và phương pháp Hồ Chí Minh, dân tộc ta đang từng bước vượt qua cửa ải đói nghèo, lạc hậu để tiến tới văn minh và hiện đại.

Phương pháp Hồ Chí Minh chỉ dẫn cho giai cấp công nhân nước ta và đội tiền phong của nó là Đảng Cộng sản, cho toàn thể dân tộc, cho các thế hệ người Việt Nam một trong những điều hệ trọng căn bản quyết định sự tồn tại và phát triển của mình. Đó là, đã làm cách mạng thì phải làm cho "đến nơi", theo gương của Cách mạng Tháng Mười Nga do Lênin lãnh đạo, phải giữ chủ nghĩa cho vững, phải ít lòng ham muốn về vật chất, phải ra sức xây dựng Đảng thật vững bền với đầy đủ những tư cách của một đảng cách mạng chân chính, xây dựng nhà nước thực sự thể hiện sự uỷ quyền của dân chúng và đội ngũ cán bộ, đảng viên một lòng một dạ vì cách mạng, tận tuỵ phục vụ dân chúng, là công bọc, là đầy tớ trung thành của dân. Lại phải ra sức gây dựng và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân với công nông là gốc của cách mạng cùng với tập hợp và phát huy sức

mạnh vai trò của đội ngũ trí thức trong sự nghiệp kháng chiến kiến quốc. Chỉ có "đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết" thì mới có "thành công, thành công, đại thành công". Cách mạng là thay cái cũ, đổi ra cái mới, loại bỏ mọi cái cũ kỹ, lạc hậu đã trở thành xấu xa, hư hỏng, lỗi thời và hướng tới những cái mới mẻ, tốt tươi, tiến bộ, tích cực. Đó là một cuộc "chiến đấu khổng lồ, lâu dài, khó khăn", phức tạp. Đánh thắng giặc ngoại xâm chưa đủ, còn phải kiên quyết và dũng cảm, biết vượt qua cả những sự đau đớn trong lòng, trong chính bản thân mỗi người để đánh thắng cả "giặc nội xâm nữa", ấy là "chủ nghĩa cá nhân". Nó là bệnh gốc, đẻ ra mọi bệnh khác, mọi thói hư tật xấu ở đời. Không ra sức tu dưỡng trau dồi đạo đức cách mạng, không đánh thắng chủ nghĩa cá nhân thì không thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Đây là điều căn bản, sâu xa nhất của tư tưởng, đạo đức và đạo lý Hồ Chí Minh mà cũng là phương pháp tư tưởng, phương pháp hành động, phương pháp ứng xử của Người. Hồ Chí Minh dạy rằng, cần, kiệm, liêm, chính là bốn đức của người cách mạng. Thiếu một đức thì không thành người. Có cần, kiệm, liêm thì mới chính được. Phải có đủ cả "cần, kiệm, liêm, chính" thì mới là người hoàn toàn. Chỉ như vậy mới "chí công vô tư" được. Và, một dân tộc có đủ cả cần, kiệm, liêm, chính thì dân tộc đó sẽ vừa giàu có về vật chất lại vừa cao quý về mặt tinh thần. Từ luận điểm này toát lên một điều rất sâu xa và tinh tế trong tư tưởng và phương pháp Hồ Chí Minh. Ấy là sự nhạy cảm, sự mẫn cảm đặc biệt của Người về đạo làm người và sự phát triển của dân tộc, của xã hội. Từ rất sớm, Người đã nhìn nhận rõ ràng *vai trò, động lực của đạo đức đối với sự hoàn thiện nhân cách của từng cá nhân đối với sự phát triển của kinh tế và văn hoá đối với xã hội.* Ở đây, Người vừa chỉ dẫn nhận thức lại vừa "bày vẽ" - theo đúng chữ mà Người rất hay dùng trong các bài viết và bài nói của mình - cho mọi người cách tu dưỡng, rèn luyện trong công việc, trong đời sống thực tế. Đó là sự thống nhất giữa *tư tưởng* và *phương pháp,* giữa *lý luận* và *thực tiễn,* giữa *lời nói* và *việc làm*... Với Hồ Chí Minh, hành động là chỗ đến, thực hành là điều căn bản, cốt yếu, là cái đích của hiểu biết. TRÍ để HÀNH là vì vậy. Phương hướng tư tưởng ấy ở Hồ Chí Minh được thể hiện một cách nhất quán, được Người theo đuổi đến cùng và đạt tới sự triệt để đến kỳ lạ, hiếm thấy. Ở Hồ Chí Minh, *lôgích* của *tư tưởng,* của *nhận thức khoa học* chuyển hoá một cách hết sức tự nhiên sang *lôgích hành động,* chúng gắn bó hữu cơ, mật thiết với nhau không thể tách rời. Nó biểu hiện như một chỉnh thể ở ngay trong con người Hồ Chí Minh, trong cuộc sống và hành động, tư tưởng, đạo đức,

phương pháp và phong cách của Hồ Chí Minh. Người nêu gương sáng mẫu mực cho mọi người từ mọi việc làm lớn nhỏ của mình hàng ngày. Nhà hiền triết Hồ Chí Minh về phương diện tư tưởng, đạo đức và triết lý nhân sinh đồng thời trùng hợp hoàn toàn với Hồ Chí Minh - con người hành động, *người chiến sĩ cách mạng* đấu tranh không mệt mỏi cho độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội, người công dân tận tuỵ với bổn phận, nghĩa vụ, làm kiểu mẫu cho mọi người về *làm người* và *sống ở đời,* theo đuổi khát vọng thực hiện lý tưởng và mục tiêu cộng sản chủ nghĩa, đem toàn bộ nỗ lực, nghị lực và bản lĩnh của mình vào hành động để thực hiện lý tưởng, mục tiêu đó. Con người ấy, khi đã trở thành vị Chủ tịch nước vẫn khiêm tốn coi mình như một người lính vâng lệnh quốc dân đồng bào ra trận. Con người ấy là lãnh tụ thực sự của dân, được dân tin cậy và yêu mến một cách tuyệt đối, bởi rất mực gần gũi dân, làm tất cả vì cuộc sống của dân, *vui* với mọi niềm vui trong cuộc sống dung dị, bình thường của mọi người từ cháu nhỏ tới cụ già và *đau* gấp bội lần, từ mọi nỗi đau nhân gian, trần thế của mọi người, mọi nhà cộng lại. Con người ấy không chỉ là hình ảnh của dân tộc mà còn là lương tâm, khí phách của thời đại, là người được thế giới tôn vinh "Anh hùng giải phóng dân tộc và Danh nhân văn hoá kiệt xuất". Tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp Hồ Chí Minh được chứng thực trước hết bởi cuộc đời, sự nghiệp, hành động của Người, nó toả sáng đạo đức và nhân cách của Người - một con người vĩ đại mà vô cùng giản dị, một lãnh tụ cộng sản hiện đại mà lại thể hiện đậm nét và độc đáo cái triết lý phương Đông cổ điển "thân dân" và "chính tâm". Trong rất nhiều luận điểm của Hồ Chí Minh thể hiện rõ sắc thái và phong cách độc đáo của Người, chúng ta lưu ý luận điểm của Người về chính trị. Người cho rằng, *chính trị là đoàn kết và thanh khiết, từ việc lớn tới việc nhỏ.* Cũng như vậy, Người nói về lòng nhân ái bao dung: Sông to bể rộng bao nhiêu nước cũng vừa vì độ lượng của nó rộng và sâu. Cái chén nhỏ, cái đĩa cạn thì một ít nước cũng đã tràn vì độ lượng của nó hẹp và nông. Chỉ sợ mình không đủ độ lượng để rộng lòng khoan thứ chứ không sợ người ta không theo mình. Người thấu hiểu rằng không có lòng khoan dung, độ lượng thì không thể đoàn kết được. Mà như thế sẽ không có lực lượng, không có sức mạnh. Cách mạng là việc lớn của toàn dân chứ không phải chỉ một số ít người mà làm được, dù họ có tài giỏi đến mấy đi nữa. Người hiểu rõ vai trò và sức mạnh của dân, sức sáng tạo to lớn trong dân, dân là quyết định thắng lợi của cách mạng, là gốc của nước vì lợi ích và quyền hành là của dân, lực lượng ở nơi dân. Phải làm cho dân có ăn, có

mặc, có chỗ ở, được học hành, tiến bộ. Đó là những nhiệm vụ cấp bách và căn bản của một nền chính trị vì dân, của một thể chế nhà nước của dân, do dân. Muốn thực hành nền chính trị ấy, muốn giữ vững thể chế nhà nước ấy phải làm sao xứng đáng với sự tin cậy và uỷ thác của dân. Trước hết phải tin dân, yêu dân, kính dân, thương dân thì dân mới tin ta, yêu ta, kính ta và thương ta được.

Bí quyết của thành công ấy, của mọi thắng lợi của cách mạng là làm cho "dân tin, dân yêu mến, dân ủng hộ, dân giúp đỡ, dân bảo vệ". Mọi phương pháp đều quy tụ lại ở đó. Hồ Chí Minh suy nghĩ, thực hành, chiêm nghiệm, tổng kết kinh nghiệm và khái quát lý luận để đúc rút thành tư tưởng và phương pháp. Như vậy, ở Hồ Chí Minh, mọi luận đề tư tưởng đều dẫn tới phương pháp hành động và phương pháp của Người lại luôn luôn nhằm vào thực hành tư tưởng (lý luận) để kiểm chứng tác dụng của nó, xác nhận giá trị và ý nghĩa của nó trong thực tiễn, bằng thực tiễn, để thúc đẩy những biến đổi, những sự phát triển của thực tiễn.

Từ những điều trình bày trên đây, có thể thấy rõ: *phương pháp Hồ Chí Minh là phương pháp được xây dựng trên những cơ sở khoa học - cách mạng và nhân văn.* Đó vừa là những đặc trưng căn bản thuộc về bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh lại vừa là những căn cứ để xác lập và định hình phương pháp của Người. Phương pháp Hồ Chí Minh thống nhất và nhất quán với tư tưởng Hồ Chí Minh là vì vậy. Cũng vì lẽ đó, tiếp cận phương pháp Hồ Chí Minh để nhận diện đúng về phương pháp của Người, để thấy rõ phương pháp đó thực sự là sự sáng tạo của Người; cần phải làm sáng tỏ sự liên kết chỉnh thể giữa tư tưởng và sự nghiệp của Người; vai trò của động cơ, biểu hiện nổi bật ở quan niệm "dân" và triết lý "thân dân" trong sự hình thành tư tưởng và lựa chọn phương pháp thực hành tư tưởng của Người, cần kết hợp sự phân tích tư tưởng để tìm ra phương pháp, xem xét phương pháp để thấy chiều sâu và sự tinh tế của tư tưởng. Phương pháp Hồ Chí Minh là thấu lý đạt tình, là lấy thực tiễn làm cơ sở xuất phát, lấy hạnh phúc cuộc sống của dân, của mỗi con người và của cả cộng đồng làm mục tiêu, hướng tới sự phát triển hài hoà giữa cá nhân và xã hội.

Với tư cách là quan điểm, nguyên tắc lý luận, phương pháp Hồ Chí Minh có mặt trong tư tưởng của Người; với tư cách là biện pháp, cách làm, bước đi để hướng vào giải quyết các mối quan hệ, các nhiệm vụ

thực tiễn, các công việc thực tế nhằm chuyển tư tưởng thành hành động thì phương pháp đó lại hàm nghĩa *thực hành tư tưởng*. Nó vượt ra khỏi hình thức khái niệm biểu đạt tư tưởng để tự biểu hiện bản thân nó trong tính cụ thể, sinh động của con người và công việc, của chủ thể và hoạt động.

Phương pháp Hồ Chí Minh là những tổng kết, khái quát, cô đúc, nối liền giữa *lý luận - thực tiễn với thực tiễn - lý luận,* giữa nhận thức với hành động.

Phương pháp Hồ Chí Minh vừa *ở bên trong tư tưởng* để xác lập cơ sở lý thuyết của bản thân nó lại vừa *vượt ra khỏi tư tưởng* để biến thành hành động thực tiễn. Nó *ở bên ngoài tư tưởng* không phải với nghĩa là thoát ly tư tưởng lý luận của nó mà chính là nó đã đạt tới sự thuần thục của bản thân nó với tư cách là một phương pháp lý luận để trở về với thực tiễn - cái cội nguồn đã hình thành nó.

Với Hồ Chí Minh, tư tưởng là nơi phương pháp được khái quát hoá và phương pháp là nơi thực tiễn hoá của tư tưởng, là hợp điểm giữa lý luận và thực tiễn, giữa nhận thức và hành động. Chính tư tưởng là lý luận của phương pháp và phương pháp là sự trưởng thành thực tiễn của tư tưởng lý luận. Một quan niệm và hướng tiếp cận như vậy về phương pháp Hồ Chí Minh đòi hỏi phải nghiên cứu phương pháp Hồ Chí Minh trong một cái nhìn toàn diện, hệ thống, trong cấu trúc chỉnh thể, trong phân tích và tổng hợp, trong sự tương tác và chuyển hoá giữa lý luận và thực tiễn, giữa khoa học và trừu tượng hoá khoa học với kinh nghiệm và tổng kết kinh nghiệm. Nó tất yếu đòi hỏi phải nghiền ngẫm sâu sắc các tác phẩm, văn phẩm của Người và tìm thấy sức sống, giá trị biểu cảm của tư tưởng và phương pháp Hồ Chí Minh không chỉ ở trong tác phẩm mà còn ở trong cuộc đời, con người, sự nghiệp Hồ Chí Minh.

2. Sự hình thành và những đặc điểm chủ yếu của phương pháp Hồ Chí Minh

a) Sự hình thành

Ngay từ khi rời bến cảng Nhà Rồng năm 1911, ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã nói rõ mục đích của mình: "Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau

khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta"[1]. Vào lúc này, hành trang tư tưởng của Nguyễn Tất Thành mới chỉ là tinh thần dân tộc và chủ nghĩa yêu nước của dân tộc, là tình cảm yêu nước thương nòi mà Anh hấp thụ từ truyền thống như bao người khác. Nhưng từ đó, trải qua năm tháng lao động, học tập và tranh đấu, Nguyễn Tất Thành đã từng bước thâu thái tri thức, mở mang học vấn và tích luỹ kinh nghiệm để trưởng thành, đạt tới sự giác ngộ khoa học về chủ nghĩa xã hội, trở thành nhà cách mạng theo lập trường của chủ nghĩa Mác.

Trong mục đích mà Anh xác định lúc ra đi đã thấy rõ điều căn bản: Anh rất chú trọng tới phương pháp (xem xét, quan sát, phân tích) và phương pháp mà Anh có ý thức tìm tòi, khảo nghiệm, đúc kết là phương pháp hoạt động, xuất phát từ thực tiễn và nhằm cải tạo thực tiễn. Phương pháp ấy cũng hướng tới con người, giúp ích vào sự nghiệp giải phóng con người, giúp ích cho đồng bào mình.

Điều này chứng tỏ rằng, Hồ Chí Minh không chỉ ý thức được từ rất sớm vai trò, tác dụng, sự cần thiết của phương pháp mà cũng từ rất sớm, Người đã đặt vấn đề về *cơ sở thực tiễn* và *tính hướng đích của phương pháp vào con người, xã hội,* tức là đông đảo đồng bào dân tộc mình. Cách đặt vấn đề như vậy là đúng đắn và tính đúng đắn đó càng ngày càng được thực tế lịch sử, thực tế đấu tranh cách mạng chứng thực. Sau khi tham dự Đại hội của Đảng Xã hội Pháp và bỏ phiếu tán thành Quốc tế III, trở thành một trong những nhà sáng lập ra Đảng Cộng sản Pháp vào năm 1920, với tên gọi Nguyễn Ái Quốc, Người đã đạt được một bước chuyển quan trọng có tính bước ngoặt: từ chủ nghĩa yêu nước tới chủ nghĩa xã hội, gắn liền chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế, chuyển từ lập trường dân chủ sang lập trường cách mạng cộng sản chủ nghĩa, từ đó nhất quán trên lập trường, quan điểm của giai cấp công nhân để giải quyết vấn đề dân tộc. Sau này, vào những năm 1920-1930, khi đạt đến trình độ thành thục về quan điểm - tư tưởng lý luận và phương pháp, Nguyễn Ái Quốc đã giải quyết đúng đắn và sáng tạo mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, giữa giải phóng giai cấp và giải phóng dân tộc, giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

---

1. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch,* Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, tr.13.

Vào tháng 6-1923, Nguyễn Ái Quốc đã bí mật rời Pari. Trong bức thư để lại cho những người bạn và đồng chí của mình cùng làm việc ở báo *Le Paria,* Người đã viết những dòng đặc biệt quan trọng thể hiện rất rõ quan điểm và phương pháp của mình. Người viết: "Chúng ta cùng chịu chung một nỗi đau khổ: sự bạo ngược của chế độ thực dân. Chúng ta đấu tranh vì một lý tưởng chung: giải phóng đồng bào chúng ta và giành độc lập cho Tổ quốc chúng ta...

Chúng ta phải làm gì?

Chúng ta không thể đặt vấn đề ấy một cách máy móc.

Điều đó tuỳ hoàn cảnh của mỗi dân tộc chúng ta.

Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập"[1].

Trong đoạn văn ngắn trên đây có ba khía cạnh nổi bật thuộc về phương pháp Hồ Chí Minh mà giá trị và ý nghĩa của nó còn mãi tới ngày nay.

Thứ nhất, chú trọng vào tình hình, hoàn cảnh để định ra phương pháp đấu tranh. Đó là quan điểm lịch sử - cụ thể, là phép biện chứng mácxít, không thể máy móc, cứng nhắc, giáo điều, không thể trừu tượng, thoát ly đặc điểm lịch sử của từng dân tộc, không thể có phương pháp, giải pháp duy nhất nào áp dụng đồng loạt cho mọi nơi, mọi lúc.

Thứ hai, phương pháp phục vụ cho mục tiêu, lý tưởng giải phóng, giành lấy độc lập, tự do cho Tổ quốc mình, đồng bào và dân tộc mình.

Do đó, phương pháp trước hết là phương pháp cách mạng, là lĩnh vực của hoạt động chính trị. Đó là vấn đề hàng đầu, là tiền đề, là điều kiện tiên quyết. Muốn đạt tới tiến bộ và phát triển, trước hết phải giành được tự do độc lập về chính trị. Phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh, trước hết là *phương pháp đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, phương pháp đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi sự bạo ngược của chế độ thực dân.*

Thứ ba, phương pháp, đặc biệt là phương pháp cách mạng là một hệ thống, một tập hợp chặt chẽ các biện pháp, cách làm, bước đi nhằm tập

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.1, tr.191-192.

hợp lực lượng, giáo dục tuyên truyền thức tỉnh quần chúng, thực hành trong công tác thực tế, tổ chức - đoàn kết - huấn luyện - đấu tranh nhằm đạt tới mục tiêu, lý tưởng của cách mạng.

Vào thời điểm này, ở Nguyễn Ái Quốc đã hình thành những nhận thức về tính tất yếu của cách mạng vô sản, của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, về xu hướng độc lập dân tộc phát triển tới chủ nghĩa xã hội, nhờ có ảnh hưởng mạnh mẽ của Lênin và Cách mạng Tháng Mười. Cũng có thể nói, phương pháp cách mạng chiếm vị trí chủ đạo, bao trùm trong hệ thống phương pháp Hồ Chí Minh.

Trong giai đoạn đầu của sự hình thành phương pháp, Hồ Chí Minh đã có những năm tháng quan trọng ở Pháp để tiếp xúc với một trung tâm lớn của văn minh châu Âu, nơi đã sản sinh ra Đại cách mạng tư sản 1789 và Công xã Pari 1871 của giai cấp vô sản cách mạng, đồng thời trực tiếp quan sát tìm hiểu bộ mặt thật của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa thực dân, của kẻ thù của dân tộc mình. Người đã từ thực tiễn trực tiếp ấy mà tự giải đáp cho mình câu hỏi lớn, sự hoài nghi lớn đầy tính phê phán, cách mạng mà Người đã nhạy cảm nhận thấy từ khi còn rất nhỏ tuổi: Đằng sau những từ đẹp đẽ "Tự do - bình đẳng - bác ái" thực chất là cái gì?

Người cũng còn có dịp trực tiếp quan sát tình hình ở Nga sau Cách mạng Tháng Mười, đặc biệt là nước Nga Xôviết đang hồi sinh trong Chính sách kinh tế mới. Ở Pháp, Người hình thành phương pháp cách mạng giành độc lập tự do, phương pháp thực hiện khát vọng giải phóng. Ở Nga, từ tháng 6-1923 Người đã đến Pêtôrơgrát vào đầu tháng 7-1923 Người đã đến Mátxcơva trở thành chiến sĩ của phong trào cộng sản quốc tế. Người đã quan sát trực tiếp và cảm nhận trực tiếp những mặt ưu việt của chủ nghĩa xã hội dù mới chỉ như một mầm non mới nhú; điều này làm hình thành ở Người những trù tính cho tương lai, viễn cảnh ở Việt Nam - tức là phương pháp để xây dựng, kiến thiết xã hội tương lai.

Thực tế này giúp ích rất nhiều cho phương pháp tư duy, phương pháp tư tưởng và phương pháp hành động trên tinh thần duy vật biện chứng, trên quan điểm và phương pháp biện chứng duy vật để Người tự rút ra những kết luận phủ định chủ nghĩa tư bản và khẳng định chủ nghĩa xã hội. Điều này được thể hiện trong lôgích tư tưởng và lôgích thể hiện tư tưởng của Người.

Cũng chính điều này *giải thích vì sao* mấy năm sau đó, khi dự thảo Điều lệ Hội Việt Nam Thanh niên cách mạng (1925) Người đã ghi: Sau này nước nhà đã giành được độc lập, đi vào xây dựng kiến thiết chế độ mới, nhất định chúng ta sẽ áp dụng "Tân kinh tế chính sách" (NEP) của Lênin. Và vào năm 1927, khi viết *Đường Kách mệnh,* Người đã thông qua "Tư cách người cách mệnh" mà lý giải *mối quan hệ giữa đạo đức cách mạng với chính trị cách mạng,* giữa lý luận cách mạng với phong trào cách mạng. Người cũng tổng kết từ thực tiễn các cuộc cách mạng điển hình trong lịch sử mà đề cập tới "cách mạng đến nơi", đến "quyền hành giao cho dân chúng số nhiều", đến cách thức tổ chức và phương pháp hoạt động của các đoàn thể (công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ...) từ kinh nghiệm của các Quốc tế (I, II, III).

Đường Kách mệnh là một tác phẩm truyền bá lý luận cách mạng cũng đồng thời vạch rõ vấn đề phương pháp cách mạng.

Ở mục *Vì sao phải viết sách này,* Người giải thích rằng, "phàm làm việc gì cũng vậy, bất kỳ lớn bé, bất kỳ khó dễ, nếu không ra sức thì chắc không thành công... Làm việc to tát như việc giải phóng gông cùm nô lệ cho đồng bào, cho nhân loại, nếu không hết sức thì làm sao được". " Việc gì khó cho mấy, quyết tâm làm thì chắc được, ít người làm không nổi, nhiều người đồng tâm hiệp lực mà làm thì phải nổi. Đời này làm chưa xong thì đời sau nối theo làm thì phải xong.

Muốn đồng tâm hiệp lực, muốn bền gan thì trước hết ai ai cũng phải hiểu rõ vì sao mà phải làm, vì sao mà không làm không được, vì sao mà ai ai cũng phải gánh một vai, vì sao phải làm ngay không nên người này ngồi chờ người khác. *Có như thế mục đích mới đồng; mục đích có đồng, chí mới đồng; chí có đồng, tâm mới đồng, tâm đã đồng, lại phải biết cách làm thì làm mới chóng*"[1]. Cách làm ở đây chính là phương pháp.

Người còn giải thích, "cách mạng trước hết phải làm cho dân giác ngộ... phải giảng giải lý luận, chủ nghĩa cho dân hiểu". "Cách mạng phải hiểu phong triều thế giới, phải bày sách lược cho dân" và "sức cách mạng phải tập trung, muốn tập trung phải có đảng cách mệnh". "Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.2, tr.261, 267 - 268.

vững cách mệnh mới thành công... Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt"[1].

Người đã trình bày sáng tỏ, chặt chẽ và sâu sắc bằng một văn phong hết sức mộc mạc, dung dị mà Người gọi là không màu mè, tô vẽ gì. Văn chương và hy vọng ở sách này, lúc này cốt ở hai chữ cách mệnh! cách mệnh!

Như vậy, đến tác phẩm *Đường Kách mệnh,* vấn đề phương pháp trong tư duy Hồ Chí Minh đã thể hiện rõ ràng. Hơn nữa, ngay từ đầu, phương pháp Hồ Chí Minh đã nổi bật tính chất thiết thực, chủ đích hướng dẫn hành động cho số đông dân chúng. Đó là một giá trị đặc sắc của phương pháp Hồ Chí Minh.

Ngoài tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927) bàn trực tiếp tới vấn đề phương pháp và phương pháp cách mạng, Hồ Chí Minh còn để lại nhiều tác phẩm chứa đựng những chỉ dẫn quý báu về vấn đề này. Có hai điều cần phải lưu ý sau đây:

Thứ nhất, ở Hồ Chí Minh, tư tưởng gắn liền với phương pháp. Rất nhiều luận điểm của Hồ Chí Minh vừa thể hiện quan điểm, nguyên tắc chính trị, chứa đựng những giá trị tư tưởng, lý luận đồng thời lại là những chỉ dẫn về phương pháp, cả phương pháp nhận thức lẫn phương pháp hành động. Như đã nói, Hồ Chí Minh là người thấm nhuần sâu sắc quan điểm thực tiễn và lấy hành động làm điều căn bản trong triết lý sống của mình. Do đó, Người đặc biệt chú trọng phương pháp. Người đề cập tới phương pháp, nhất là phương pháp đấu tranh cách mạng bằng cách *trực tiếp* trong tác phẩm, trong hình thức lý luận mà cũng còn bàn tới một cách *gián tiếp,* từ tư tưởng mà dẫn tới phương pháp, từ thực tiễn tranh đấu, từ việc giải quyết các công tác thực tiễn, gây dựng phong trào và lực lượng, giáo dục cán bộ, vận động quần chúng... mà nổi bật lên ý nghĩa phương pháp. Bản thân Hồ Chí Minh trong hơn sáu thập kỷ hoạt động, với những phẩm chất đặc biệt và nổi bật của mình như nhất quán giữa lời nói với việc làm, lý luận liên hệ mật thiết với thực tiễn, nhận thức đi liền với hành động, trong hành động lại chú trọng nêu gương để thuyết phục, luôn tiêu biểu cho tinh thần đoàn kết, hoà hợp, bao dung, nhân ái, vừa kiên định nguyên tắc vừa mềm dẻo, linh hoạt trong biện pháp, sách lược, trong việc xử lý các mối quan hệ, các tình huống... Người quả thật là

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.2, tr.261, 267 - 268.

một minh chứng sinh động về thực hành phương pháp. Người là nhà tư tưởng lớn mà cũng đồng thời là một bậc thầy về phương pháp.

Vì lẽ đó, cần hiểu phương pháp Hồ Chí Minh trong sự thống nhất chỉnh thể giữa lý luận với thực tiễn, giữa tư tưởng với phương pháp và phong cách. Nghiên cứu phương pháp Hồ Chí Minh vừa phải chú trọng khai thác những tư tưởng, quan niệm của Người *trong tác phẩm* lại vừa phải ý thức đầy đủ về hoạt động phong phú, đa dạng của Người trong mối liên hệ mật thiết với Đảng, với nhân dân, với dân tộc và quốc tế. Chính là *ở bên ngoài tác phẩm,* trong thực hành phương pháp bằng công việc thực tế chứ không chỉ giới hạn trong sự luận bàn về phương pháp, Hồ Chí Minh đã tỏ rõ sự nhuần nhuyễn, thành thục về phương pháp như thế nào. Hồ Chí Minh đã giải quyết vấn đề phương pháp vừa như một khoa học lại vừa như một nghệ thuật.

Thứ hai, việc nghiên cứu những chỉ dẫn về phương pháp mà Người đề cập tới trong một số tác phẩm tiêu biểu cho thấy, ở giai đoạn đấu tranh để xác định đường lối, hướng đi và cách đi của phong trào cách mạng nước ta, để tiến tới thành lập Đảng cũng như ở thời kỳ chín muồi tình thế cách mạng giải phóng dân tộc, thời kỳ đấu tranh *giành* và *giữ* chính quyền - đó là những giai đoạn và thời kỳ mà phương pháp cách mạng có một vai trò nổi bật. Người bàn nhiều tới phương pháp thì trước hết đó là phương pháp cách mạng. Trong vấn đề này, phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh mang nội dung hết sức phong phú, đặc sắc từ đường lối chiến lược tới sách lược, từ tập hợp lực lượng và gây dựng tổ chức, phát triển sâu rộng cơ sở xã hội của phong trào cách mạng; từ nguyên tắc tổ chức đến chất lượng con người mà nòng cốt là cán bộ; từ giáo dục tuyên truyền vận động đến thực hành công việc, kiểm tra đánh giá, tổng kết... Người cũng đặc biệt quan tâm tới vấn đề *thể chế,* trước hết là thể chế đảng và thể chế nhà nước mà mấu chốt là thực hành dân chủ, nâng cao ý thức và năng lực dân chủ cho quần chúng.

Đây là những vấn đề mà Người quan tâm một cách *thường xuyên* và *nhất quán* trong suốt đời mình, từ khi sáng lập Đảng, khai sinh thể chế dân chủ cộng hoà cho đến lúc cuối đời. Trong bản *Di chúc* lịch sử, Người đã nói rất thấu đáo, kỹ lưỡng vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền, vấn đề thực hành dân chủ và củng cố chính quyền nhà nước sao cho thực sự là chế độ uỷ quyền của nhân dân là vì vậy.

Dưới đây là những tác phẩm tiêu biểu mà Hồ Chí Minh đề cập trực tiếp tới vấn đề phương pháp được Người viết sau tác phẩm *Đường Kách mệnh.*

- *Cách tổ chức các uỷ ban nhân dân,* 11-9-1945.

- *Thư gửi các đồng chí tỉnh nhà,* 17-9-1945.

- *Chính phủ là công bộc của dân,* 19-9-1945.

- *Lời phát biểu tại lễ tốt nghiệp khoá học thứ 4, trường quân chính Việt Nam,* 1-10-1945.

- *Thiếu óc tổ chức - một khuyết điểm lớn trong các uỷ ban nhân dân,* 4-10-1945.

- *Sao cho được lòng dân,* 12-10-1945.

- *Thư gửi Uỷ ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng,* 17-10-1945.

Những bài nói và viết nêu trên của Người đều xuất hiện trong khoảng thời gian sau ngày tuyên bố độc lập, khi chính thể dân chủ cộng hoà non trẻ vừa mới ra đời. Lúc đó, quản lý hành pháp ở nước ta còn rất mới mẻ, thiếu kiến thức và kinh nghiệm. Người đặt vấn đề trực tiếp về công tác tổ chức bộ máy và phương pháp hoạt động cũng như trách nhiệm của công chức đối với dân chúng.

Người đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu: "Cần phải biết làm việc cho có phương pháp"[1] và trong thái độ làm việc, cư xử với dân phải biết "trọng nhân cách của người ta"[2].

Bước vào giai đoạn toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược vào năm 1947, Người viết hai tác phẩm quan trọng là *Sửa đổi lối làm việc* (10-1947) và *Đời sống mới* (20-3-1947). Có thể coi *Sửa đổi lối làm việc* là tác phẩm đặt nền móng cho tư tưởng đổi mới của Người, trước hết là đổi mới phương pháp công tác, cách thức, lề lối làm việc cho phù hợp với tinh thần dân chủ, trọng pháp luật, kỷ luật, kỷ cương, chống quan liêu, lãng phí, tham ô, thực hành tiết kiệm mà Người coi đó là một quốc sách.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.4, tr.39, 48.
2. Như trên.

Tác phẩm *Đời sống mới* đặt vấn đề xây dựng đời sống văn hoá, lối sống văn hoá, thực hành cuộc vận động tuyên truyền và giáo dục văn hoá, góp phần vào công cuộc kháng chiến kiến quốc. Người đã nêu rõ quan niệm và cách thức xử lý mối quan hệ giữa cũ và mới trong đổi mới mà ý nghĩa chỉ đạo đối với nhận thức và thực hành văn hoá còn mãi tính thời sự của nó.

Đổi mới trong tư duy, tư tưởng và hành động của Hồ Chí Minh là một nét đặc sắc về phương pháp cũng như nhãn quan văn hoá của Người. Nó cho thấy, Người luôn nhìn sự vật, con người, các mối quan hệ trong tính động, biến đổi thường xuyên không tĩnh tại, cứng nhắc dễ sinh ra bảo thủ, trì trệ. Ngoài những tác phẩm đó, còn phải kể đến *Dân vận* viết ngày 15-10-1949, một tác phẩm nổi tiếng của Người bàn về lý luận dân chủ, chế độ dân chủ, vai trò *người chủ* và *làm chủ* của dân cũng như phải đổi mới quan niệm phương pháp, phong cách vận động quần chúng. Cuối cùng là *Di chúc,* một văn kiện mà Người dành nhiều công sức trong những năm cuối đời để khởi thảo và sửa chữa nhiều lần. *Di chúc* được xem như một phác thảo lý luận đổi mới xã hội. Người chỉ rõ những việc cần làm, những trù tính công việc cho tương lai khi đất nước đi vào xây dựng hoà bình sau khi chiến tranh đã kết thúc. Trước hết, Người nói về chỉnh đốn lại Đảng sao cho Đảng thực sự trong sạch vững mạnh, xứng đáng là một Đảng cầm quyền. Người căn dặn công việc đầu tiên là công việc với con người. *Di chúc* còn chứa đựng một quan niệm rõ ràng về đổi mới như một cuộc chiến đấu khổng lồ, lâu dài, khó khăn, phức tạp để cái mới, cái tiến bộ, cái tích cực đủ sức chiến thắng cái cũ kỹ, lạc hậu, thối nát và hư hỏng.

Trên đây chúng ta đã phác qua sự hình thành phương pháp Hồ Chí Minh.

Trong số những vấn đề phương pháp, Người không chỉ đề cập tới phương pháp cách mạng với nội dung và ý nghĩa trực tiếp của nó là đấu tranh chống ách áp bức đô hộ của chủ nghĩa thực dân, chống kẻ thù đế quốc và phong kiến, tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, khởi nghĩa vũ trang, chiến tranh nhân dân, mà Người còn bàn tới những vấn đề thuộc về phương pháp, cách làm, bước đi trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Dù là phương pháp cách mạng để giành và giữ chính quyền, để bảo vệ thành quả cách mạng theo tinh thần "thà hy sinh tất cả chứ quyết

không chịu làm nô lệ", "không có gì quý hơn độc lập tự do" hay phương pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội, từ xây dựng thể chế đến phát triển kinh tế, văn hoá, giáo dục... thì *trung tâm của vấn đề phương pháp vẫn là phương pháp làm việc với con người, chăm lo cho cuộc sống của dân, phát huy khả năng sáng tạo của dân, tập hợp tổ chức lực lượng của dân thành sức mạnh để kiến thiết, xây dựng chế độ mới của dân, do dân và vì dân.* Tư tưởng đó là cốt lõi chủ đạo trong nội dung phương pháp Hồ Chí Minh, được thể hiện một cách nhất quán trong phương pháp của Người ở mọi thời kỳ và giai đoạn lịch sử.

b) Những đặc điểm chủ yếu của phương pháp Hồ Chí Minh

Có nhiều quan niệm và cách trình bày khác nhau về những đặc điểm chủ yếu của phương pháp Hồ Chí Minh. Ở phần trên, phương pháp Hồ Chí Minh đã được nhấn mạnh ở tính hệ thống chỉnh thể lý luận và thực tiễn, ở mối liên hệ mật thiết giữa tư tưởng, phương pháp và phong cách, ở đặc tính khoa học, cách mạng và nhân văn. Phương pháp Hồ Chí Minh còn được thể hiện trong sự nhất quán giữa nhận thức, phương pháp với thực hành phương pháp trong hoạt động thực tiễn, biểu hiện thành sự nhất quán giữa lời nói với việc làm.

Phương pháp Hồ Chí Minh còn được hiểu như là sự kết hợp giữa truyền thống với hiện đại, giữa lý và tình, thấu lý và đạt tình trong nhận thức và trong hành xử với con người, với công việc. Phương pháp đó là sản phẩm sáng tạo độc đáo từ một trí tuệ lớn, một nhân cách lớn Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc và Danh nhân văn hoá thế giới. Cùng một chủ thể sáng tạo phương pháp, Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh với hơn 60 năm dâng hiến trọn vẹn cho một sự nghiệp lớn lao, cao thượng: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, trong đó có 30 năm hoạt động ở nước ngoài, tiếp xúc, giao lưu với cả hai nền văn hoá Đông - Tây, tích luỹ một khối lượng tri thức và kinh nghiệm phong phú để trở thành một nhà tư tưởng, một lãnh tụ có tầm cỡ và uy tín lớn trên thế giới trong thế kỷ XX, có học vấn uyên bác, văn hoá lịch lãm và tinh tế, nghị lực và bản lĩnh phi thường... Chủ thể sáng tạo phương pháp ấy đã thực sự là chủ thể sáng tạo văn hoá. Di sản mà Người để lại đã trở thành vốn quý của dân tộc và cũng đã thuộc về nhân loại.

Hồ Chí Minh đã thực sự là một hiện tượng văn hoá độc đáo của dân tộc và thế giới trong thời đại ngày nay. Hiện tượng văn hoá độc đáo ấy

được thể hiện chân thực và cảm động trong toàn bộ *con người - cuộc đời và sự nghiệp* của Hồ Chí Minh, trong *tư tưởng - phương pháp và phong cách* của Người, cũng như trong *đạo đức - lối sống và nhân cách* của Người. Đó là *nhà tư tưởng mácxít hiện đại mang cốt cách hiền triết Á Đông*. Đó là nhà hoạt động chính trị chuyên nghiệp và vạch ra lý luận chống chủ nghĩa thực dân và cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa, người đã khai sinh ra chế độ dân chủ cộng hoà ở Việt Nam, mở ra một thời đại mới trong lịch sử dân tộc - thời đại Hồ Chí Minh - thời đại rực rỡ nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Đó cũng là lãnh tụ của nhân dân, của dân tộc và của Đảng với sự kết hợp đến mức lý tưởng giữa tầm vóc vĩ đại và sự giản dị. Đó là người bạn lớn của tất cả các dân tộc, người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc trên thế giới.

Đó là một người cộng sản đã suốt đời theo đuổi sự nghiệp tranh đấu cho thắng lợi của lý tưởng và mục tiêu cộng sản chủ nghĩa ở Việt Nam. Đó cũng là nhà mácxít sáng tạo lớn, có bản lĩnh sáng tạo và độc lập tự chủ, nhìn nhận chủ nghĩa Mác - Lênin một cách khoáng đạt, mới mẻ, hiện đại, biết làm sống động nó trong thực tiễn và không bao giờ đặt nó trong sự tách rời, biệt lập với toàn bộ thành tựu của văn hoá, văn minh nhân loại. Là một nhà mácxít nên *tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc về dòng tư tưởng của chủ nghĩa xã hội khoa học và phương pháp Hồ Chí Minh là phương pháp duy vật biện chứng.*

Song, tư tưởng chủ nghĩa xã hội khoa học và phương pháp duy vật biện chứng Hồ Chí Minh không chỉ thể hiện tinh thần thời đại và xu hướng phát triển hiện đại của lịch sử mà còn thấm nhuần và kết tinh sâu sắc tinh hoa văn hoá Việt Nam, trí tuệ, tâm hồn, đạo đức và cốt cách của dân tộc Việt Nam.

Tư tưởng - phương pháp Hồ Chí Minh là sự chung đúc hài hoà các giá trị nhân bản, nhân đạo và nhân văn Việt Nam, vừa kế thừa truyền thống vừa thâu thái được những tinh hoa của thế giới ở trình độ hiện đại ngày nay.

Từ năm 1923, khi tiếp xúc với Nguyễn Ái Quốc, nhà thơ Xôviết - Ô.Manđenxtam đã cảm nhận thấy, qua Nguyễn Ái Quốc, mọi người có thể hiểu dân tộc Việt Nam là "một dân tộc rất lịch thiệp và độ lượng, rất ghét những gì thái quá". Nhà thơ còn nêu rõ: "Dáng dấp của con người đang ngồi trước mặt tôi đây, Nguyễn Ái Quốc cũng đang toả ra một cái gì

thật lịch thiệp và tế nhị"[1]. "Qua phong thái thanh cao, trong giọng nói trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như nghe thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mênh mông của tình hữu ái toàn thế giới"[2]. "Từ Nguyễn Ái Quốc đã toả ra một thứ văn hoá, không phải văn hoá Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hoá tương lai"[3].

Nhiều người cho rằng, phong cách Hồ Chí Minh quen thuộc với cả phương Đông và phương Tây, nhưng lại rất Việt Nam. Phong cách ấy có những điểm gần với Lênin, Găngđi, Oasinhtơn - một Lênin phương Đông, một Găngđi mácxít, một Oasinhtơn Việt Nam, nhưng lại rất Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh là một trong những nhân vật kỳ lạ của thời đại này - hơi giống Găngđi, hơi giống Lênin, hoàn toàn Việt Nam[4]. Cụ Hồ là G. Oasinhtơn của Việt Nam[5].

Từ những cảm nhận chung đó về tư tưởng - phương pháp - phong cách Hồ Chí Minh cũng như từ những nhận xét đã nêu về phương pháp Hồ Chí Minh có thể hệ thống hoá lại thành những đặc điểm chủ yếu của phương pháp Hồ Chí Minh.

Đặc điểm thứ nhất: *phương pháp Hồ Chí Minh nổi bật ở việc nhận thức đúng các mối quan hệ và giải quyết hợp lý sự tác động qua lại giữa các mối quan hệ đó trong thực tiễn, phù hợp với yêu cầu phát triển của thực tiễn.*

Đặc điểm này bao quát toàn bộ các lĩnh vực hoạt động của Hồ Chí Minh từ nhận thức đến hành động, từ hoạt động tư tưởng lý luận đến các hoạt động đấu tranh chính trị, từ quan hệ đối nội đến quan hệ đối ngoại, từ tự mình đến đối xử với người, với việc. Tư duy và hành động (đặc biệt là trong ứng xử) *theo các lớp quan hệ* là một đặc điểm nổi bật ở Hồ Chí Minh.

Đặc điểm này cho thấy rất rõ năng lực tư duy biện chứng, sức sáng tạo trong thực hành phép biện chứng của Người. "Nhìn cho rộng, suy cho kỹ" để khi hành động thì luôn chủ động, kiên quyết, khôn khéo, linh hoạt,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.478.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.479.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.478.
4. Xem: Đavít Hanbớcxtam: *Hồ*, Nxb. Răngđôm Haosơ, 1971.
5. Xem: *Xã luận* báo *Thế giới hàng ngày*, số ra ngày 5-9-1969.

uyển chuyển, thay đổi cho kịp thời, cho hợp với cảnh, với người - đó là điều mà Hồ Chí Minh ý thức rất rõ cho *bản thân mình* và công phu rèn luyện cho mọi người xung quanh, nhất là đối với cán bộ, đảng viên khi họ phải chịu trách nhiệm với phong trào và với cuộc sống của dân.

Người hiểu thấu đáo, cặn kẽ bản chất và khuynh hướng của sự vật vận động, chính vì Người luôn nhìn sự vật, các hiện tượng, sự kiện, quá trình trong đời sống chính trị, con người cá nhân và lực lượng những con người trong cộng đồng của đời sống xã hội trong một hệ thống các quan hệ, các mối liên hệ xã hội. Nhờ sự tác động của những mối quan hệ, liên hệ này mà có hoạt động, hơn nữa là hoạt động của con người, của phong trào. Hoạt động là giải quyết các mối quan hệ đó. Muốn vậy, phải nhận thức nó, tìm cách tác động vào nó hay *biết cách thức phải làm như thế nào* để phản ứng trở lại đối với sự tác động của những quan hệ ấy.

Chú trọng nhận biết quan hệ là chú trọng tới *tính động,* tính biến đổi của nó, nhận ra nó một cách cụ thể, trực tiếp, hiện thực, xác định chứ không phải trừu tượng hay đồng nhất giản đơn giữa chúng. Đó chính là phát hiện và vạch ra *mâu thuẫn,* không lảng tránh nó, cũng không phủ nhận nó theo chủ quan và ý chí của mình.

Chính là dựa trên các mối quan hệ và phân tích các khả năng, các xu hướng biến đổi của các mối quan hệ đó trong một khung cảnh nhất định với những điều kiện xác định mà Hồ Chí Minh mới thấy được bản chất và quy luật của sự vật (tức là đối tượng) để từ đó hình thành các phán đoán, các dự báo, trù tính các biện pháp, cách thức, bước đi cho phù hợp.

Người có thể tạo cho mình một thái độ chủ động, bình tĩnh, ung dung thanh thản trước mọi tình huống dù phức tạp nhất, tức là có được bản lĩnh *làm chủ tình thế trong hoạt động,* biết tiến, biết lui, biết kiên nhẫn chờ đợi, biết kiềm chế khi cần thiết... là vì thế. Điều này thể hiện rõ cả trong những việc nhỏ, những cái bình thường lẫn trong những việc lớn, những chuyện đại sự, hệ trọng.

Niềm tin không chỉ là một trạng thái tình cảm, tâm lý mà còn là kết quả của sự phát triển của tư duy lý trí, của sự giác ngộ khoa học. Niềm tin mạnh mẽ vào tương lai, vào chiều hướng phát triển tích cực của lịch sử chỉ hình thành và được củng cố vững chắc dựa trên sự hiểu biết thấu đáo các quan hệ cấu thành bản thân lịch sử.

Có thể nói, *phương pháp Hồ Chí Minh là phương pháp nhận biết và xử lý các mối quan hệ,* là phương pháp chủ đạo của Người. Đặc tính khoa học trong phương pháp Hồ Chí Minh là ở đó. Cũng chính từ dấu hiệu này, nhìn từ góc độ tư duy và tư tưởng, Hồ Chí Minh là người thể hiện rất tiêu biểu *phương pháp tư duy hệ thống, phân tích hệ thống - cấu trúc.* Đó là một biệt tài của Người. Sự nhạy cảm, năng động, tầm nhìn khoáng đạt, sắc sảo và phản ứng linh hoạt đến mức như tự nhiên ở Hồ Chí Minh sở dĩ có được, ngoài những phẩm chất riêng thuộc về trí tuệ và nhân cách của Người thì cái chủ yếu là ở công phu khổ luyện, rèn luyện trong thực tế ở trường học cuộc đời với những trải nghiệm phong phú của Người đem lại.

Nhờ tư duy hệ thống theo các lớp quan hệ mà tư tưởng và phương pháp Hồ Chí Minh không phải là những yếu tố đơn lẻ, riêng biệt mà là một *hệ thống chỉnh thể.* Đây là cơ sở để nhận biết Hồ Chí Minh là một nhà tư tưởng, có chủ kiến riêng của mình như một hệ thống. Có một hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và hệ thống ấy nâng tư tưởng của Người lên *tầm triết học.* Có một hệ thống phương pháp Hồ Chí Minh và hệ thống ấy làm cho phương pháp của Người là phương pháp *biện chứng duy vật.*

Trở lại bức thư mà Người viết cho các bạn bè, đồng chí của mình vào năm 1923 khi rời Pari đi Mátxcơva, khi Người bộc lộ rõ ý định trở về nước để giúp đồng bào mình giải phóng, ta thấy trong dự định của Người là dự định tác động vào *một loạt mối quan hệ,* sự kiện, sự việc và tiến trình để thúc đẩy phong trào cách mạng.

"Trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập"[1]. Chỉ trong một câu thôi, Người hình dung bao nhiêu việc lớn và nhất là *quan hệ lôgích* của các công việc lớn đó. Lôgích ấy là gì nếu không phải là bắt đầu từ chỗ phải thâm nhập vào đời sống thực tiễn, để làm công tác vận động tuyên truyền, từ đó tổ chức gây dựng lực lượng, tập hợp sức mạnh quần chúng, tiến hành công tác thực tiễn (thực hành) và từng bước đạt tới mục tiêu. Ở đây có mối quan hệ giữa chủ thể tác động với đối tượng tác động (Hồ Chí Minh và quần chúng), lại cũng có quan hệ giữa mục đích, mục tiêu với phương tiện và phương pháp và quan hệ nội tại trong lôgích phát

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sdd, t.1, tr.192.

triển từ con người - sự kiện - hoạt động, nó quy định trật tự các bước đi, các hình thức vận động cách mạng. Vào hồi đó, Nguyễn Ái Quốc mới ngoài 30 tuổi mà tư duy khoa học của Người đã đạt được một trình độ như thế.

Chúng ta lại thấy đặc điểm tư duy trên các lớp quan hệ của Người thể hiện rất rõ trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927) khi Người nói về tư cách người cách mạng là tư cách thể hiện trong các mối quan hệ: Đối với tự mình, đối với người, đối với tổ chức, đoàn thể, đối với công việc... Khi Người nói: Với mình (tự mình), phải nghiêm khắc, với người thì phải rộng lòng khoan thứ... thì cách *ứng xử ấy là ứng xử trong các mối quan hệ.*

Người đã có một nhận xét khái quát là: Bất kỳ ở tầng lớp nào, giữ địa vị nào, làm nghề nghiệp gì, sự hoạt động của một người trong xã hội có thể chia làm ba mặt (tức là ba loại quan hệ) mình đối với mình, mình đối với người, mình đối với công việc. Từ những mối quan hệ đó mà nhận ra cái chính yếu, căn bản, cái bổ sung, hỗ trợ. Người xem xét thiên thời - địa lợi - nhân hoà là những cái cần thiết trong hoạt động nhưng vẫn coi nhân hoà là gốc, là quyết định. Đủ hiểu vì sao Người căn dặn "trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân" và "không bao giờ làm việc gì trái với ý dân".

Người cũng thấy sự chi phối, chế ước lẫn nhau của các mối quan hệ tạo thành trong sự vật, trong con người, trong công việc, trong sự nghiệp lớn mà người cách mạng theo đuổi. Rõ nhất là quan niệm của Người về đạo đức, mà theo Người, "thiếu một mùa không thành trời, thiếu một phương không thành đất, thiếu một đức thì không thành người". Ấy là phải đủ cả bốn đức: cần - kiệm - liêm - chính vậy.

Trong quan hệ mà cần phải *so sánh,* từ so sánh mà biết rõ, nhận ra hướng hành động.

Với việc tu dưỡng đạo đức của người cách mạng, Người nói: "Người xưa còn biết tu thân... Đảng viên, cán bộ ta từ nhân dân anh hùng mà ra, phải sống cho xứng với nhân dân và Đảng anh hùng"[1].

Với phong trào, với cuộc chiến đấu để giải phóng, giành lấy độc lập tự do và quyền lực về cho nhân dân lao động, Người đặt vấn đề phải nắm bắt nhạy bén những chuyển động của tình hình, của tương quan giữa "thế - thời và lực". Mấu chốt là phải có Đảng cách mạng để *trong* thì tập

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.12, tr.557.

hợp lực lượng dân chúng, tuyên truyền, vận động cách mạng và *ngoài* thì liên hệ với các dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi, còn quyết định thắng bại của cách mạng lại là ở sức mạnh đồng tâm nhất trí của dân chúng.

Người cũng khái quát lại ở tầm triết lý, suy đến cùng, tư pháp cũng như mọi vấn đề khác là vấn đề *ở đời* và *làm người*. Đã ở đời và làm người thì phải hết lòng thương yêu dân chúng, tận tuỵ phục vụ dân chúng, nghĩa là phải *thân dân* và *chính tâm*. Đây là một trong những ví dụ tiêu biểu nhất về sự gắn kết làm một giữa tư tưởng với đạo đức và phương pháp. Và nếu đó là phương pháp thì đây lại là sự tổng hợp, chung đúc của phương pháp nhận thức, phương pháp hành động, bao gồm tu dưỡng cá nhân và phục vụ nhân dân, là lẽ sống ở đời của người cách mạng.

Có biết bao ví dụ sinh động về mẫu mực giải quyết các mối quan hệ trong phương pháp Hồ Chí Minh mà nổi bật là:

- Nhận thức đúng mối quan hệ giữa chủ nghĩa Mác - Lênin, đỉnh cao trí tuệ của thời đại với tinh hoa tư tưởng, văn hoá của loài người để ứng xử với chủ nghĩa đó như là kim chỉ nam hành động chứ không phải là các tín điều, kinh thánh. Nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin là nắm lấy *tinh thần* và *phương pháp* của nó chứ không phải thuộc lòng câu chữ một cách giáo điều.

- Nhận thức đúng đặc điểm, hoàn cảnh lịch sử và trình độ phát triển của xã hội phương Đông, của Đông Dương và Việt Nam để nhận ra sự khác biệt trong kết cấu xã hội, trong quan hệ giai cấp ở nước ta *không giống* với châu Âu và phương Tây, từ đó, giải quyết thành công trong *lý luận* và trong *thực tiễn* mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, giữa giải phóng giai cấp với giải phóng dân tộc, *thực hành giải phóng dân tộc trên lập trường giai cấp công nhân*. Đó là chìa khoá để tìm thấy con đường phát triển: *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.*

- Nhận thức đúng và giải quyết đúng mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị, giữa Đảng với giai cấp, với dân tộc, với quần chúng nhân dân, giữa Đảng với Nhà nước, giữa Nhà nước như chủ thể uỷ quyền của dân với dân là chủ thể của sự uỷ quyền đó. Đó là vấn đề mấu chốt để xây dựng và thực hành thể chế dân chủ. Phương pháp thân dân của Hồ Chí

Minh đã làm sáng tỏ lôgích phát triển các mối quan hệ từ DÂN tới DÂN CHỦ và DÂN VẬN.

- Nhận thức đúng và giải quyết sáng tạo mối quan hệ giữa dân tộc và quốc tế, giữa chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế, giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, giữa độc lập tự chủ và tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, giữa truyền thống và hiện đại.

- Nhận thức thấu đáo quan hệ ĐỨC - TÀI trong cấu trúc nhân cách của người cách mạng, từ đó phải ra sức đào tạo con người mới xã hội chủ nghĩa, phải biết dùng người cho *đúng,* và cho *khéo,* chống chủ nghĩa cá nhân nhưng tôn trọng nhân cách của từng người một...

Đặc điểm thứ hai: *thực tiễn hoá lý luận và lý luận hoá thực tiễn là một trong những đặc điểm chủ yếu của phương pháp Hồ Chí Minh.*

Thực tiễn hoá lý luận là quá trình đưa lý luận vào cuộc sống, là thực hành lý luận, đem lý luận kiểm chứng trong thực tiễn đồng thời hiện thực hoá vai trò của lý luận đối với hoạt động thực tiễn. Nói một cách dung dị theo đúng phong cách Hồ Chí Minh, đó chính là gắn lý luận với thực tiễn, lý luận liên hệ với thực tiễn, học đi đôi với hành, là con đường để khắc phục bệnh sách vở, thói lý luận suông.

Lý luận hoá thực tiễn là hoạt động nỗ lực của chủ thể tư duy và hành động để tổng kết thực tiễn, khái quát hoá thực tiễn thành lý luận thông qua việc phân tích, đánh giá, sàng lọc những kinh nghiệm, nâng kinh nghiệm lên trình độ lý luận. Thực tiễn và kinh nghiệm được khoa học hoá bởi tư duy lý luận để trở thành lý luận. Đó cũng là giải pháp cần thiết để thực tiễn không tách rời khỏi lý luận, không có lý luận dẫn đường, dễ rơi vào tình trạng thực tiễn mù quáng, hành động tự phát, ở bên ngoài phương pháp. Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhấn mạnh rằng, thống nhất giữa lý luận với thực tiễn là nguyên tắc căn bản thuộc về bản chất của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Người còn chỉ rõ: Học phải đi đôi với hành, học để làm việc, để làm người, làm cán bộ, học để phụng sự đoàn thể, phục vụ Tổ quốc và nhân dân. Muốn vậy phải có thói quen đem lý luận liên hệ với thực tế, đem những hiểu biết lý luận đã thâu thái được cùng với kinh nghiệm đã tích luỹ trong đời sống hàng ngày mà áp dụng vào các công việc thực tế.

Với tinh thần đó, phương pháp Hồ Chí Minh luôn luôn chú trọng tính hữu ích thực tế, bất cứ việc gì dù to hay nhỏ cũng phải xuất phát từ yêu cầu thực tế, thiết thực, có ích, không phù phiếm, khoa trương, hình thức. Muốn đạt được kết quả đó thì việc học phải xuất phát từ yêu cầu của công việc và phải học cặn kẽ, thấu đáo, thà biết ít nhưng đã biết thì phải chân xác, tỉ mỉ, cụ thể và sâu sắc đến tận bản chất của vấn đề chứ không hời hợt, nông cạn ở bề mặt. Người kỳ vọng ở việc học và hành, tức là nhận thức và hành động phải đạt tới chỗ thấy cho hết, nhìn cho thấu. Thực tiễn là điểm xuất phát mà cũng là chỗ trở về, chỗ đi tới của mọi nhận thức. Nhưng đó phải là thực tiễn được phân tích một cách có lý luận, có mặt lý luận ở trong nó. Cũng như vậy, lý luận không phải là tự nghĩ ra chủ quan từ đầu óc tư biện mà là lý luận có sức nặng của thực tiễn, sinh khí của nó trong thực tiễn, bắt nguồn từ thực tiễn.

Kết hợp giữa thực tiễn hoá lý luận và lý luận hoá thực tiễn trong phương pháp Hồ Chí Minh đòi hỏi không chỉ có quan điểm thế giới quan khoa học mà còn phải có phương pháp sáng tạo, có trình độ học vấn, học thức ngày một cao, lại phải ra sức tích luỹ vốn sống, kinh nghiệm phong phú, trực tiếp.

Theo Hồ Chí Minh, học tập trong nhà trường, trong sách vở chưa đủ, phải học trong cuộc sống, lăn lộn với công việc thực tế và phải không ngừng học hỏi trong quần chúng, học ở người khác.

Người biết rõ, nhận thức là cả một quá trình, phải trải qua hành động mới biết mình hay dở ở chỗ nào, thấy mình mạnh yếu ra sao để không ngừng rút ra kinh nghiệm mà bổ sung, sửa chữa, làm cho mình mau chóng tiến bộ và trở nên hoàn thiện.

Biết cách rút ra những bài học và kinh nghiệm không chỉ trong thắng lợi mà ngay cả khi thất bại, không thành công cũng là một phẩm chất đáng quý: phẩm chất về thái độ khách quan khoa học trung thực về mặt đạo đức. Xét đến cùng, bản chất của khoa học và đạo đức, bản lĩnh của bất kỳ sự sáng tạo nghiêm túc nào cũng dựa trên tinh thần khách quan và sự trung thực, trọng chân lý, trọng lẽ phải, trọng nhân cách của mình và của người. Nhờ gắn liền thực tiễn hoá lý luận với lý luận hoá thực tiễn mà Người phát hiện ra những cái mới, *phát triển lý luận để phát triển thực tiễn* và hoàn thiện nhân cách của mỗi người.

Người diễn tả thật tài tình mối quan hệ lý luận - thực tiễn, học và hành, nhận thức thúc đẩy động cơ hành động với hành động thiết thực, hiệu quả trong thực tiễn. Trong hoạt động mà mỗi nhân tố, mỗi quan hệ có vị trí và vai trò nổi bật riêng của nó.

Người đưa ra một luận điểm rất đáng chú ý về vai trò, vị trí, tác dụng của lý luận đối với thực tiễn và thực tiễn đối với lý luận trong mỗi hoạt động của con người. Người viết:

"Thực hành *sinh ra* hiểu biết

Hiểu biết *tiến lên* lý luận

Lý luận *lãnh đạo* thực hành"[1].

Khó có thể xác lập theo cách nào khác về lượng thông tin chặt chẽ, tiêu biểu cho hoạt động của đầu óc (lý luận) và cho từng thao tác, bởi hoạt động chân tay, bởi kết hợp làm một giữa lý luận và thực hành lý luận đến như vậy.

Chú trọng nghiên cứu lý luận đồng thời thường xuyên tổng kết thực tiễn để phát triển lý luận, để thường xuyên đổi mới, Hồ Chí Minh đã làm rõ vai trò của lý luận cũng như của thực tiễn đối với hoạt động của con người. Người đòi hỏi phải coi trọng lý luận khoa học bằng cách ra sức học hỏi những cái hay, cái tốt ở bên ngoài, nhưng phải học hỏi một cách sáng tạo, không máy móc, giáo điều. Phải hết sức đề phòng những căn bệnh, những thói xấu như kiêu ngạo, tự phụ cũng như giấu dốt, tự ti, lại phải đề phòng để tránh nguy cơ trở thành kẻ bắt chước[2]. Học lý luận, khoa học trong sách vở, trong nhà trường là rất cần thiết nhưng không bao giờ được thoát ly cuộc sống thực tế. Người thấu hiểu bản chất của sáng tạo, đặc biệt là cảm hứng sáng tạo nghệ thuật đối với văn nghệ sĩ trong việc làm phong phú thế giới tinh thần. Người nói: "Muốn tìm thấy sự thay đổi, sự ham mê thật, phải trở về với cuộc sống sinh hoạt thực tại của con người"[3].

Nắm vững lý luận và vận dụng đúng đắn lý luận là phải có thái độ khoa học để nhận rõ quy luật, tôn trọng quy luật khách quan. Vì thế

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.6, tr.247.
2. Xem: Hồ Chí Minh: *Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1981, tr.344-345, 516-517.
3. Như trên.

trong phương pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội không được làm trái quy luật, phải chống cả khuynh hướng nguy hiểm là xét lại và giáo điều. Từ góc độ phương pháp mà Người đã nhấn mạnh: tiến nhanh, tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội nhưng phải tiến vững chắc. Không được làm bừa, làm ẩu. Phải dần dần, từ từ, từng bước một. Phải nắm vững quy luật phát triển của cách mạng. Phải tính toán cẩn thận những điều kiện cụ thể, những biện pháp cụ thể[1].

Đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện hoàn cảnh nước ta, Người đặc biệt nhạy cảm với lý luận về lợi ích của người lao động. Đó là lợi ích thiết thân, hàng ngày của người lao động, nhất là nông dân. Và từ thực tiễn, Người thấy rõ, "chế độ làm khoán là một điều kiện của chủ nghĩa xã hội, nó khuyến khích người công nhân luôn luôn tiến bộ, cho nhà máy tiến bộ. Làm khoán là ích chung và lại lợi riêng...; làm khoán tốt thích hợp và công bằng dưới chế độ ta hiện nay"[2].

Từ quan điểm thống nhất lý luận với thực tiễn, Người đã trình bày rõ sự cần thiết phải tìm tòi sáng tạo về phương pháp trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta: "Chúng ta phải dùng những phương pháp gì, hình thức gì, đi theo tốc độ nào để tiến lên chủ nghĩa xã hội? Đó là những vấn đề đặt ra trước mắt Đảng ta hiện nay. Muốn giải quyết tốt những vấn đề đó, muốn đỡ bớt mò mẫm, muốn đỡ phạm sai lầm, thì chúng ta phải học tập kinh nghiệm các nước anh em và áp dụng những kinh nghiệm ấy một cách sáng tạo. Chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin để dùng lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta. Như thế là phải học tập lý luận, phải nâng cao trình độ lý luận chung của Đảng, trước hết là của cán bộ cốt cán của Đảng"[3].

Người còn nói "Lý luận luôn luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động. Những người cộng sản các

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.10, tr.315.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.8, tr.341.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.8, tr.494, 496.

nước phải cụ thể hoá chủ nghĩa Mác - Lênin cho thích hợp với điều kiện hoàn cảnh từng lúc và từng nơi"[1].

Đây là những phát biểu trực tiếp và đầy đủ nhất về phương pháp của Hồ Chí Minh trên lĩnh vực lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Người tỏ rõ thái độ, quan điểm của mình trong vấn đề xác lập phương pháp khoa học là phải thấm nhuần quan điểm thực tiễn, lịch sử - cụ thể và quan điểm phát triển. Phải có tinh thần độc lập tự chủ, độc lập nghiên cứu, tìm tòi để tự mình giải quyết lấy những vấn đề của mình do thực tiễn đặt ra trên cơ sở kết hợp lý luận với thực tiễn, nâng cao trình độ hiểu biết lý luận và đúc rút kinh nghiệm, kể cả việc tiếp thu học hỏi kinh nghiệm nước ngoài để làm phong phú vốn tri thức của mình.

Trong rất nhiều luận điểm của mình về xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người luôn luôn gắn liền giữa nhiệt tình yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội với yêu khoa học, trọng khoa học, trọng tri thức, trọng những trí thức hiền tài, coi như là tài sản quý báu của đất nước trong công cuộc kiến thiết chế độ mới.

Người chỉ rõ: "chủ nghĩa xã hội cộng với khoa học chắc chắn sẽ đưa loài người đến hạnh phúc vô tận"[2] và "cách mạng xã hội chủ nghĩa gắn liền với sự phát triển khoa học, kỹ thuật, với sự phát triển văn hoá của nhân dân"[3]. Đưa sức mạnh của khoa học, của văn hoá nói chung vào thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội như một *chiến lược,* một *đường lối* và một *phương pháp,* Người trù tính những công việc lâu dài của một cuộc vận động giáo dục văn hoá, trước hết là nâng cao học vấn toàn dân, cải tạo tâm lý ý thức nhân dân cho phù hợp với đời sống mới. Người cũng đặt nhiều hy vọng ở thế hệ trẻ sẽ lớn lên, trưởng thành trong sự giáo dục, đào luyện về khoa học, tư tưởng, đạo đức và chính trị của chủ nghĩa xã hội. Chính ở đây, sự hoà quyện nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn, giữa tư tưởng và phương pháp Hồ Chí Minh tìm thấy sự biểu hiện chân thực nhất.

Trong cách đặt vấn đề của Người thể hiện rõ nhất một cảm quan văn hoá. Xét đến cùng, xây dựng, kiến thiết chế độ mới, giáo dục đào tạo con người mới là cả một chiến lược phát triển rộng lớn, sâu xa về văn hoá. Chỉ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.8, tr.494, 496.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.9, tr.130-131, 586.
3. Như trên.

với tầm nhìn khoa học ấy của tư tưởng, chỉ với nhãn quan văn hoá ấy của phương pháp mới có thể đi tới thắng lợi của chủ nghĩa xã hội như một chiến thắng lớn nhất của văn hoá và văn minh.

Người cảm nhận sâu sắc rằng, dốt nát là một sự cản trở ghê gớm đối với phát triển. Nó là một kẻ địch nguy hiểm, giam hãm dân ta trong tăm tối, lạc hậu. Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu. Một dân tộc nghèo là một dân tộc hèn. Một dân tộc ỷ lại vào nước ngoài, dân tộc đó không xứng đáng được tự do độc lập.

Sau lễ Tuyên bố độc lập ngày 2-9-1945, lịch sử nền hành pháp của nước ta dưới chế độ mới bắt đầu một trang mới đầu tiên của nó - trang mới theo đúng nghĩa trực tiếp của từ này, bởi lẽ chưa bao giờ có một vị đứng đầu chính phủ đọc diễn văn khai mạc phiên họp đầu tiên của nội các ngắn đến vậy, vẻn vẹn chỉ có một trang mà quy tụ trong đó bao điều lớn lao, hệ trọng. Trong phiên họp ấy vào ngày 3-9-1945. Người đã tuyên bố rằng, Chính phủ này phải quyết tâm là một Chính phủ hành động vì dân, của dân, công việc của Chính phủ là chăm lo hết sức mình cho cuộc sống ấm no, hạnh phúc của dân. Do đó phải tập trung giải quyết ngay những việc cấp bách: chống giặc đói, chống giặc dốt, chống giặc ngoại xâm, xây dựng thể chế, phát triển kinh tế, văn hoá...

Bằng lý luận và bằng cả thực tiễn, Người đã thấy rõ điều đó và Người nói: "Chúng ta có nhiệm vụ cấp bách là phải *giáo dục lại cho nhân dân chúng ta.* Chúng ta phải làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập"[1]. "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu, vì vậy tôi đề nghị mở một chiến dịch chống nạn mù chữ"[2].

Vì sao Người đặt vấn đề như vậy? Bởi hơn ai hết, Người hiểu rằng: Địch dốt nát giúp địch ngoại xâm. Địch dốt nát tấn công ta về tinh thần cũng như địch ngoại xâm tấn công ta bằng vũ lực. Địch thực dân dựa vào địch dốt nát để thi hành chiến lược ngu dân. Địch dốt nát dựa vào địch thực dân để đưa dân ta vào nơi mù quáng.

Từ một hiện trạng như vậy, Người nghĩ về xây dựng, kiến thiết nước nhà và hy vọng, trông mong, chờ đợi ở thế hệ trẻ: "Non sông Việt Nam có

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.4, tr.8.
2. Như trên.

trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em"[1].

Người còn căn dặn thanh niên phải yêu khoa học, cái gì trái với khoa học phải kiên quyết chống, và có nhiệm vụ dạy bảo các cháu thiếu niên về khoa học kỹ thuật, làm cho các cháu ngay từ thuở nhỏ đã biết yêu khoa học, để mai sau các cháu trở thành người có thói quen sinh hoạt và làm việc theo khoa học.

Thực tiễn hoá lý luận và lý luận hoá thực tiễn trong phương pháp Hồ Chí Minh như một số điều trình bày vắn tắt trên đây cho thấy ý nghĩa nhiều mặt từ đặc điểm rất quan trọng này. Đó là nguyên tắc nhận thức luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác được Hồ Chí Minh nhận thức và vận dụng với tất cả sự nhuần nhuyễn, đầy tính sáng tạo của Người. Nó biểu hiện thành một đặc điểm của phương pháp mà đồng thời cũng là nội dung của chính phương pháp sáng tạo Hồ Chí Minh. Người chỉ dẫn cho chúng ta về mặt nhận thức mà đồng thời Người cũng bày vẽ cho ta cách thực hiện vận dụng. Người nêu gương sáng thực hành phương châm ấy trong suốt cuộc đời. Từ đặc điểm này, Người gợi mở cho chúng ta cách học, cách làm, cách tu dưỡng, cách xử thế ở đời, với người, với việc. Đủ hiểu vì sao, trước khi từ biệt thế giới này, Người còn gặp gỡ đại biểu công nhân ngành than để động viên và thúc đẩy sản xuất. Người còn tự tay sửa chữa *Điều lệ Hợp tác xã nông nghiệp,* chăm lo lợi ích của người nông dân làm ra hạt thóc, Người còn trao đổi cặn kẽ về công tác tuyên truyền tư tưởng, mở cuộc vận động người tốt việc tốt. Bài báo cuối cùng của Người viết cho báo Đảng vẫn đau đáu một nỗi bận tâm *Ra sức trau dồi đạo đức cách mạng, kiên quyết đánh bại chủ nghĩa cá nhân.* Trong *Di chúc,* Người căn dặn Đảng và Chính phủ phải có kế hoạch chu đáo để chăm lo cho cuộc sống của dân. Trên giường bệnh, giữa cơn đau, Người vẫn không quên hỏi tình hình ở chiến trường và bão lụt thiên tai đang xảy ra ở nơi này, nơi khác. Đó là nỗi lo dân nước, nỗi đau đời, nỗi đau nhân thế của Người. Đó là thực tiễn phải quan tâm. Cũng như lúc sinh thời, Người đã từng nói điều cao sâu nhất của lý luận, không phải trong sách vở mà từ trong trường học cuộc đời: "Cái gì có lợi cho dân thì quyết làm cho bằng được. Cái gì có hại cho dân thì phải quyết tránh cho bằng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.4, tr.33.

được". Ở thế kỷ XX này, duy nhất chỉ có Hồ Chí Minh nói tới chân lý, định nghĩa chân lý từ góc độ đạo đức học, từ tinh thần nhân dân và quan điểm thân dân: cái gì tốt cho dân, có lợi cho dân, có ích cho dân, cái đó là chân lý!

Toàn bộ *tư tưởng* và *phương pháp* của Người về xây dựng chủ nghĩa xã hội, về phát triển xã hội thâu tóm vào một mệnh đề lý luận này: *"Đúng quy luật, thuận lòng dân và hợp thời đại".*

Mệnh đề lý luận ấy tìm thấy tính hiện thực của nó trong một phương châm hành động thực tiễn là:

"Ra sức thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm, chống quan liêu, lãng phí, tham ô". Đằng sau và bên trong cái vẻ bề ngoài của khẩu hiệu đó là cốt lõi thực tiễn đầy tính chất thời sự, thấm sâu tinh thần và ý nghĩa *nhân bản, nhân đạo và nhân văn Hồ Chí Minh:* Con người suốt một đời hướng tới dân, nghĩ về dân và chăm lo cho cuộc sống của dân.

Đặc điểm thứ ba: *phương pháp Hồ Chí Minh là phương pháp sáng tạo, đổi mới để phát triển; chú trọng hành động và hiệu quả thực tế, nên chú trọng bày vẽ cách làm, bước đi thật cụ thể để dân chúng hiểu đúng và làm ngay.*

Đặc điểm này là sự phát triển nhất quán, hợp lôgích với hai đặc điểm đã phân tích ở trên. Nó cho thấy một đức tính nổi bật của Hồ Chí Minh: nói phương pháp cốt để thực hành cho được, để làm việc có khoa học.

Người xa lạ với mọi biểu hiện phù phiếm, khoa trương, rỗng tuếch. Người trọng sự thiết thực. Đó là phẩm chất chỉ có ở những con người đã thấu hiểu chân giá trị của cuộc sống là lao động và khát vọng lớn nhất của con người là tự do và hạnh phúc trong cuộc đấu tranh giành độc lập cho Tổ quốc và đưa dân tộc tới chủ nghĩa xã hội. Phẩm chất ấy cũng chỉ có ở con người là lãnh tụ của dân, sống gần gũi với dân và hoạt động trong lòng dân.

Trong tác phẩm nổi tiếng *Dân vận,* Người đã trình bày cô đọng mà đầy đủ nhất bản chất của chế độ dân chủ, trong đó *nhân dân làm chủ* và *nhân dân là chủ,* bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân. Người cũng xác định rõ, công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân, sự nghiệp kháng chiến,

kiến quốc là công việc của dân, chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra, đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên.

Từ quan niệm về vai trò của dân như vậy, mà cách mạng là sự nghiệp vĩ đại để giải phóng cho dân nên mọi phương pháp xét đến cùng đều quy tụ ở phương pháp vận động quần chúng gọi tắt là dân vận.

Phương pháp Hồ Chí Minh dựa vững chắc và bắt nguồn là *sức sáng tạo của dân, ở trong dân.* Bàn tới vấn đề gì, Người cũng hướng vào chỗ phải chăm chú quan sát cuộc sống của dân, đi sâu vào đời sống và hoạt động của dân, văn hoá cũng phải soi đường cho quốc dân đi, phải làm cho văn hoá ở trong kinh tế và chính trị, thấm sâu trong dân gian. Lại phải khéo léo động viên thuyết phục dân chúng, làm cho *dân hiểu, dân tin, dân yêu mến, dân giúp đỡ, dân ủng hộ và dân bảo vệ.* Được như vậy thì việc khó mấy cũng thành công. Người còn nói: Phải luôn luôn nắm bắt thái độ, tâm trạng, nguyện vọng và phản ứng của dân chúng, lấy đó làm căn cứ mà cân nhắc chủ trương, chính sách. Thấy đúng thì phát huy, thấy sai thì quyết tâm sửa chữa, phải có lòng thành thật và sự can đảm mới sửa chữa được.

Phải biết biến cái chủ trương và quyết tâm của Đảng và Chính phủ thành ra ý nguyện, hành động của dân chúng.

Muốn làm tốt từng công việc và mọi việc thì phải rất chú trọng công tác dân vận, điều trước tiên vẫn là công việc với con người.

Đối với công việc của cách mạng, thực hiện giải phóng cho dân thì điều quan trọng là *vận động được tất cả lực lượng của mỗi một người, không để sót một người nào,* góp thành lực lượng toàn dân, để thực hành những việc nên làm, những công việc mà đoàn thể và Chính phủ giao cho. Đây là điều căn bản sâu xa của tư tưởng *giải phóng mọi tiềm năng sáng tạo trong xã hội,* để tìm thấy nội lực quan trọng nhất, nguồn lực quan trọng nhất trong phát triển.

Hướng dẫn, bày vẽ cách thức cho dân làm, theo Hồ Chí Minh phải chú trọng trước hết là giải thích cho dân hiểu rõ lợi ích, sau đó phải bàn bạc với dân, hỏi ý kiến dân, cùng với dân đặt kế hoạch, kế hoạch lại phải phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện, rồi động viên, tổ chức toàn dân thi hành. Rồi còn phải giúp đỡ, đôn đốc, kiểm tra, khuyến khích dân chúng.

Những phương pháp đó qua cách chỉ dẫn, bày vẽ đã thấm nhuần tinh thần dân chủ. Đáng lưu ý là, Người rất coi trọng tính tiền phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Phải làm gương mẫu cho dân noi theo, phải có óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm chứ không phải nói suông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh: "*Phải thật thà nhúng tay vào việc*"[1].

Trong tác phẩm *Dân vận, chữ ít nhất mà nghĩa nhiều nhất. Ý nghĩa ấy là phương pháp.* Tác phẩm này có thể xem là tác phẩm hay nhất về vấn đề phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh. Đây cũng là tác phẩm có tính thời sự và tính hiện đại nhất về thực hành dân chủ.

Để thực sự có tác dụng bày vẽ cho dân chúng thực hiện, Người còn dạy: Bất cứ việc to việc nhỏ, chúng ta phải *xét rõ* và *làm cho đúng, cho hợp* với trình độ văn hoá, thói quen sinh hoạt, trình độ giác ngộ, kinh nghiệm tranh đấu, lòng ham, ý muốn, tình hình thiết thực của quần chúng, do đó mà định cách làm việc, cách tổ chức.

Thấy dân làm việc gì cũng phải làm giúp, thái độ lại phải mềm mỏng.

Nói cái gì phải cho dân tin, nói và làm nhất trí với nhau, phải có nhiệt thành, có quyết tâm, phải chịu khó, có thái độ mềm dẻo, khôn khéo, biết nhân nhượng, biết trọng nhân cách người ta[2].

Người đặc biệt làm rõ điều này trong *phép dùng người.* Người cũng thường xuyên quan tâm và chỉ dẫn cách thức phát huy mọi khả năng sáng tạo của quần chúng để quần chúng tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước và các đoàn thể của mình *từ cơ sở.* Đảm bảo công bằng, dân chủ cho dân, chớ có thiên tư, thiên vị, chớ có cậy quyền cậy thế.

Một cách rất thiết thực, Người nói tới những chỉ dẫn về xử lý mối quan hệ cũ - mới trong đổi mới. Cần hiểu đúng và làm đúng như thế nào?

Người vạch rõ:

"... Không phải cái gì cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới.

Cái gì cũ mà *xấu* thì bỏ...

Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý...

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.5, tr.699.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.4, tr.48.

Cái gì cũ mà *tốt* thì phải phát triển thêm...

Cái gì *mới* mà *hay* thì ta phải làm...

Làm thế nào cho đời sống của dân ta, vật chất được đầy đủ hơn, tinh thần được vui mạnh hơn. Đó là mục đích đời sống mới"[1].

Cốt lõi của đời sống mới là đạo đức cách mạng. Cho nên, "nêu cao và thực hành cần, kiệm, liêm, chính tức là nhen lửa cho đời sống mới"[2].

Trong đoạn văn trích dẫn trên, thiết tưởng không còn có gì rành mạch, sáng tỏ hơn, đúng đắn, xác thực để không còn hiểu sai, hiểu cạn, mơ hồ, trừu tượng được nữa. Dân chúng có thể hiểu và nhớ, nhớ rồi làm đúng như thế.

Người cũng còn lường trước một thực tế là, đổi mới là một cuộc đấu tranh. Thắng sức ỳ, xơ cứng, trì trệ trong thể chế đã khó. Thắng sức ý tâm lý còn khó khăn hơn.

Nhận xét sau đây của Người là rất thật, sâu sắc mà tinh tế. Người đã đi qua những nếm trải ở trường đời nên Người thấy rất rõ *những nghịch lý trong đổi mới, phát triển.*

Người viết: "Thói quen rất khó đổi. Cái tốt mà lạ, người ta có thể cho là xấu. Cái xấu mà quen người ta cho là thường"[3].

Đó là một trở lực tâm lý, ý thức cần phải vượt qua trong đổi mới. Trong hàng loạt bài nói, bài viết về dân chủ, chống quan liêu, về chủ nghĩa cá nhân và chống chủ nghĩa cá nhân, về đạo đức cách mạng và trau dồi đạo đức cách mạng, bao giờ Người cũng đi theo một lôgích chặt chẽ để nhận thức và để thực hành. Đó là vạch rõ nguyên nhân, chỉ rõ cách chữa, cách xây, cách chống.

Sự chỉ dẫn của Người lại thường hướng vào từng đối tượng, từ công nhân, nông dân, trí thức sao cho ai cũng tìm thấy những gì cần thiết cho chính mình.

Để hành động, Người còn chú trọng xây dựng tổ chức, lực lượng, phát động thành phong trào thực tiễn và tự mình làm gương trong những hành

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.5, tr.94-95, 110.
2. Như trên.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.5, tr.107.

động kiểu mẫu, với thanh niên và phụ nữ, với công nhân và nông dân, với trí thức văn nghệ sĩ, với đảng viên và quần chúng ngoài Đảng... Từ trong phong trào đó, những điển hình tiên tiến đã xuất hiện được Người chăm chú theo dõi, động viên, khen thưởng kịp thời nhằm thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển động tích cực của xã hội.

Thực tế sinh động đã tỏ rõ điều ấy với những phong trào và những ngọn cờ "Hai tốt" trong giáo dục, "Ba sẵn sàng" của thanh niên, "Ba đảm đang" của phụ nữ... Kinh nghiệm phong phú này đáng được triển khai, áp dụng và nhân rộng trong tình hình hiện nay.

Đặc điểm thứ tư: *phương pháp Hồ Chí Minh - một kiểu mẫu của lòng khoan dung nhân ái, của việc thực hành lối sống và nhân cách văn hoá.*

Lòng nhân ái bao dung của Hồ Chí Minh thật rộng lớn. Chủ nghĩa nhân đạo của Người là chủ nghĩa nhân đạo cách mạng, nhân đạo cộng sản chủ nghĩa.

Trong công trình nghiên cứu về Hồ Chí Minh, nhà sử học Ba Lan, Hêlen Tuốcmêơ có tựa đề *Trở thành người Bác như thế nào?* do Nhà xuất bản Viện Hàn lâm Ba Lan, xuất bản năm 1986 đã nói về Người: "Hồ Chí Minh là hình ảnh hoàn chỉnh của sự kết hợp: đức khôn ngoan của Phật, lòng bác ái của Chúa, triết học của Mác, thiên tài cách mạng của Lênin, tình cảm của người chủ gia tộc. Tất cả đều hoà hợp trong một dáng dấp tự nhiên"[1].

Tinh thần văn hoá khoan dung đó không chỉ thể hiện thành giá trị nhân văn trong tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn thể hiện là một đặc trưng văn hoá trong phương pháp Hồ Chí Minh. Đó là văn hoá làm người, là phương pháp ứng xử với con người một cách văn hoá. Từ phương diện này mà xem xét, có thể thấy, phương pháp Hồ Chí Minh là phương pháp giáo dục và thực hành lối sống văn hoá trau dồi và hoàn thiện nhân cách văn hoá mà mặt cốt lõi của nó là *văn hoá đạo đức.*

Tư tưởng nhân văn và phương pháp ứng xử văn hoá của Hồ Chí Minh cho ta hình dung thấy chiều sâu và vẻ đẹp tinh tế, cao quý trong triết lý nhân sinh và hành động của Người, ở đó có bao hàm cả triết lý của Người

1. Tạp chí *Cộng sản*, số ra tháng 3-1992.

về tự do, sự thanh khiết của tâm hồn và triết lý về hạnh phúc. Đây là nét đặc sắc trong tư tưởng, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh, tạo nên sức hấp dẫn, sự lôi cuốn của Hồ Chí Minh đối với con người cũng như sự ngưỡng mộ và yêu mến của dân tộc, của nhân loại đối với Người.

Người nêu một gương sáng mẫu mực về tình thương yêu thiết tha đối với đồng bào mình, với tất cả những người lao khổ bị áp bức bóc lột trên trái đất. Họ dù khác chúng ta về màu da, tiếng nói, phong tục tập quán nhưng đều là bạn bè, anh em, đồng chí của ta. Chỉ có bọn đế quốc thực dân tàn bạo mới là ác tâm, ác quỷ phải đánh đổ, còn tất cả đều là bạn bè, đều đồng cảm thương xót lẫn nhau. Do đó, trong phương pháp văn hoá ứng xử Hồ Chí Minh, Người đã xem xét vấn đề con người với nhiều hàm nghĩa: nghĩa hẹp, chữ "người" chỉ những người thân thiết trong gia đình, trong họ hàng ruột thịt. Nghĩa rộng hơn là chỉ đồng bào trong cộng đồng dân tộc và nghĩa rộng hơn nữa là tất cả nhân loại. Với tình cảm con người và *rất người* đó, Hồ Chí Minh đã quan tâm, chăm sóc và thương mến không sót một ai, ân cần, chu đáo, tế nhị, lịch thiệp.

Người đặc biệt quan tâm tới các tầng lớp, các đối tượng đặc biệt từ cụ già, trẻ thơ, thanh niên, phụ nữ, những người cô đơn, cơ nhỡ bất hạnh. Sự ân cần chu đáo ấy chân thành, tự nhiên, gây xúc động lòng người không phải bằng lễ nghi mà bằng cử chỉ và tấm lòng, bằng lời nói và việc làm, bằng sự chan hoà gần gũi của Người với dân chúng trong nước, với bạn bè nước ngoài. Mấu chốt của vấn đề là ở *thái độ tin cậy với con người, là sự nâng niu, quý trọng nhân cách con người.*

Phương pháp Hồ Chí Minh là phương pháp cảm hoá, thuyết phục, thu phục lòng người ở mọi đối tượng, mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi. Trí thức, văn nghệ sĩ đặc biệt quý trọng cảm phục Người và họ thực sự được Người cảm hoá. Các nhà tu hành ngưỡng mộ Người như hình ảnh kết tinh đẹp đẽ nhất của dân tộc. Dân chúng luôn coi Người là thân thiết trong cuộc đời của họ. Đồng bào ở một buôn làng Tây Nguyên coi việc được mang họ "Hồ" của Người là niềm hạnh phúc thiêng liêng. Từ cháu bé đến người lớn đều gọi Người bằng hai tiếng "Bác Hồ" gần gũi. Nhiều bạn bè quốc tế cũng bị cuốn hút bởi điều kỳ diệu ấy, cũng đồng cảm với chúng ta trong tiếng gọi trìu mến "Bác Hồ".

Từ cơ sở sâu xa của lòng nhân ái bao dung, phương pháp Hồ Chí Minh là *phương pháp tập hợp lực lượng dân chúng, phương pháp đoàn kết và đại*

đoàn kết toàn dân mà Người là linh hồn của khối đoàn kết đó. Theo Hồ Chí Minh, phải có lòng thành thật bao dung, có độ lượng vĩ đại thì mới có thể tập hợp đoàn kết được muôn người. Và đoàn kết để có sức mạnh phấn đấu cho thắng lợi của sự nghiệp vĩ đại, nên đoàn kết phải dựa trên cơ sở đấu tranh của những người cùng chí hướng, cùng mục tiêu lại phải có phương pháp. Đó là có lý, có tình, thấu lý đạt tình, có tình có nghĩa - có tình thương yêu đồng chí. Đó là đạo lý của người cách mạng. Nguyên tắc thì giữ vững, kiên định, nhất quán nhưng biện pháp, sách lược, cách làm, bước đi lại phải thiên biến vạn hoá cho phù hợp với những biến đổi mau lẹ của hoàn cảnh. Đó là nguyên tắc, phương châm ứng xử "dĩ bất biến ứng vạn biến" ở đời.

Phương pháp ứng xử văn hoá Hồ Chí Minh *hướng tới con người, tới phép dùng người và chiến lược "trồng" người.* Hồ Chí Minh nhìn nhận con người với tất cả chiều sâu nhân bản của nó, xem con người ta là những con người hiện thực, ở đời, chứ không phải thánh thần. Ở đời và làm người ai cũng có chỗ hay và chỗ dở, cái tốt và cái xấu, cái thiện và cái ác. Nó không phải tự nhiên mà có, mà là do hoàn cảnh và giáo dục tạo nên. Phải làm sao cho cái hay cái tốt ở mỗi người sẽ phát triển, nảy nở như hoa mùa xuân còn cái ác, cái xấu sẽ mất dần đi rồi tiến tới chỗ mất hẳn. Niềm tin ấy ở con người rất giàu nhân tính. Đối xử với người phải thật công bằng, bình đẳng, chính trực, công tâm, ngay thẳng. Chớ nịnh hót người trên. Chớ xem khinh người dưới. Phải thực hành hai chữ Bác - Ái[1].

Người chủ trương xử sự một cách rất đại lượng nhân từ: "Biến đại sự thành tiểu sự. Biến tiểu sự thành vô sự"[2]. Người viết thư gửi tướng Nguyễn Sơn, lời lẽ chân tình, thương yêu với tấm lòng nhân hậu và cũng đem vào trong thư đó lời dặn dò thật tinh tế, sâu sắc, thâm trầm, ngụ ý giáo dục mọi người *một cách sống hài hoà tâm và trí, động cơ và hành động:* "Tâm dục tế, đảm dục đại, trí dục viên, hạnh dục phương"[3] (Cái tâm thì phải tế nhị, chín chắn. Lòng can đảm phải to lớn, trí tuệ phải sâu sắc, đức hạnh phải cho ngay thẳng...).

Bởi không quên một điều là, con người ta, đã là người thì dù là xấu, tốt, văn minh hay dã man đều có tình[4].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.5, tr.644.
2. Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.3, tr.167.
3. Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, sđd, t.7, tr.60.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.7, tr.60.

Một phương pháp, một phong cách ứng xử như vậy đã có sức lay động cảm hoá muôn người. Đó là biểu hiện nổi bật của văn hoá và nhân cách văn hoá Hồ Chí Minh - nhân cách lớn của dân tộc ta, một nhân cách có sức toả sáng quy tụ triệu triệu con người. Bạn bè xa gần thì yêu mến cảm phục mà đến ngay kẻ thù cũng phải nể trọng.

*
* *

Trên đây chúng ta đã trình bày một số vấn đề căn bản về phương pháp Hồ Chí Minh từ một hướng tiếp cận và quan niệm đến lịch sử hình thành, những đặc điểm chủ yếu và sự biểu hiện của nó. Với những đặc điểm và nội dung đó chưa thể nói là đã đầy đủ, đã bao quát được toàn bộ phương pháp của Người, song về đại thể, những nét chủ yếu là như vậy. Dĩ nhiên là phương pháp Hồ Chí Minh nổi bật ở phương pháp cách mạng. Song, ngoài điểm nổi bật ấy, phương pháp Hồ Chí Minh còn bao quát rộng lớn nhiều lĩnh vực khác của đời sống và hoạt động đa dạng, phong phú của Người từ tư duy, nhận thức đến hành động, ứng xử, giao tiếp của Người giữa muôn người, nghĩa là trong sự không tách rời với tư tưởng, với đạo đức, với phong cách của Người.

Đó cũng là một phần nằm trong di sản thiêng liêng mà Người để lại. Các thế hệ người Việt Nam hôm nay và mai sau sẽ tiếp thụ, lĩnh hội tư tưởng của Người, sẽ vận dụng phương pháp của Người vào cuộc sống. Chỉ tính riêng từ thời điểm Người đi xa, trở về với thế giới người hiền cho tới nay đã một phần ba thế kỷ, khoảng thời gian đó đã đủ để sinh thành một thế hệ. Những em bé sinh ra khi Bác đã không còn nữa, đã chỉ được biết về Bác qua những hồi ức, ký ức, kỷ niệm nay cũng đã trưởng thành. Họ sẽ là nguồn nhân lực chủ yếu của thế kỷ XXI và các thế hệ sau lại ra đời tiếp nối trong lịch sử. Ai ai cũng gọi Người là "Bác Hồ". Vậy là Người còn mãi, sống động và trẻ trung mãi mãi như trí tuệ, tâm hồn và bản sắc văn hoá Việt Nam. Phương pháp Hồ Chí Minh đang được vận dụng trong công cuộc đổi mới ở nước ta. Phương pháp ấy đang biểu hiện sinh động trong đời sống và lối sống của con người Việt Nam.

Phương pháp ấy độc đáo, riêng có của Hồ Chí Minh, của Việt Nam. Người vĩ đại mà giản dị, thực sự giản dị tới mức lão thực. Người rất chú

trọng kinh nghiệm thực tiễn mà không rơi vào chủ nghĩa kinh nghiệm. Người rất coi trọng lý luận mà không rơi vào giáo điều sách vở. Người rất thiết thực, chú trọng thực tế mà không thực dụng. Người rất coi trọng ý chí mà không rơi vào chủ quan duy ý chí. Người rất dân tộc, là hình ảnh tiêu biểu của dân tộc mà vẫn không rơi vào chủ nghĩa dân tộc cực đoan, hẹp hòi, biệt phái. Người là mẫu mực của tinh hoa truyền thống mà vẫn không xa cách hiện đại, thời đại... Đó là nét độc đáo riêng có của tư tưởng và phương pháp Hồ Chí Minh.

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP HỒ CHÍ MINH ĐỂ TÌM HIỂU TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC HỒ CHÍ MINH*

GS. TS. HOÀNG CHÍ BẢO

Trong cuộc đời hoạt động và đấu tranh cách mạng của mình để cứu dân, cứu nước, thực hiện độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đã kết hợp học với hành, lý luận với thực tiễn. Người vừa làm vừa học, làm đủ mọi nghề để kiếm sống và cũng là để học. Người khổ công rèn luyện trong học tập, nghiên cứu, không chỉ tích luỹ tri thức, học vấn và văn hoá mà còn trau dồi phương pháp, tu dưỡng đạo đức, rèn luyện bản lĩnh để hành động sáng tạo và nhất quán, tự hình thành cho mình lý thuyết khoa học, chủ kiến chính trị và đạo lý nhân văn. Tất cả những cái đó, với Hồ Chí Minh, không phải là cứu cánh mà để thực hiện đến cùng mục đích, ham muốn tột bậc của Người: giải phóng dân tộc, giai cấp, giải phóng xã hội và con người, đi tới độc lập dân tộc thực sự bền vững trong chủ nghĩa xã hội. Do đó, toàn bộ hệ thống lý luận và phương pháp Hồ Chí Minh đều lấy thực tiễn làm điểm xuất phát, lấy giải phóng và phát triển con người làm mục tiêu.

Nghiên cứu các chủ nghĩa, các học thuyết trên thế giới để cuối cùng, Người lựa chọn chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học. Triết lý Hồ Chí Minh nhằm vào mục đích đấu tranh xoá bỏ áp bức bóc lột, giành lấy độc lập tự do cho dân tộc, cho các dân tộc và đem lại hạnh phúc cho nhân dân mình và cho tất cả mọi người trên thế giới. Đó là một triết lý nhân sinh mà Người hằng theo đuổi từ thời trai trẻ.

Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh là thế giới quan duy vật và phương pháp biện chứng mácxít được cụ thể hoá và chứng thực ở cách mạng Việt Nam. Đó không chỉ là quan niệm mà còn là hành động và hơn nữa, chính là thực hành triết học duy vật biện chứng vào đời sống, vào thực tiễn cách mạng.

---

* Trích trong cuốn: *Tìm hiểu phương pháp Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh, do đó nổi bật ở hành động thực tiễn, ở sự thực hành phép biện chứng duy vật trong chính trị, trong đời sống chính trị - xã hội, thực hành triết học chính trị - xã hội. Nói một cách khác, triết học Hồ Chí Minh là triết học giải phóng, triết học phát triển. Có một triết lý sâu sắc, phong phú, đa dạng ẩn chứa trong mọi tác phẩm của Người, trong cả cuộc đời và sự nghiệp của Người, tức là ở trong triết học nhân sinh của Người, ở trong chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh.

Nếu nhận diện đặc trưng và lôgích triết học Hồ Chí Minh ta sẽ thấy, từ những kiến giải lý luận và tổng kết thực tiễn, Người đã xây dựng hệ thống và phương pháp của mình theo ba lớp quan hệ chủ yếu sau đây:

- Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Giải phóng và phát triển.

- Con người và văn hoá.

Những lớp quan hệ chủ yếu này như những dòng tư tưởng lớn chi phối nhận thức và hành động của Hồ Chí Minh. Nó thấm nhuần và thấu suốt trong các tác phẩm thành văn của Người. Nó còn được chứng thực trong thực tiễn cách mạng, trong lịch sử cuộc đời và sự nghiệp của Người, gắn bó hữu cơ với dân tộc và nhân dân mình, với thế giới nhân loại, với truyền thống và thời đại.

Có thể nhận xét rằng, *lớp quan hệ thứ nhất* chính là đường nét chủ đạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Muốn thực hiện độc lập dân tộc thì phải tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc theo lập trường của giai cấp vô sản do giai cấp vô sản và đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản lãnh đạo. Như thế, cách mạng giải phóng dân tộc nằm trong quỹ đạo vận động của cách mạng vô sản, mang bản chất của cách mạng vô sản để từ mục tiêu độc lập dân tộc phát triển tới mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Độc lập dân tộc là tiền đề đi tới chủ nghĩa xã hội và chỉ có chủ nghĩa xã hội mới bảo đảm đầy đủ, thực chất và bền vững cho độc lập dân tộc. Ở đây có biện chứng nhân - quả, có sự gặp gỡ tự nhiên, tất yếu giữa yêu cầu bức xúc của dân tộc với xu thế cơ bản của thời đại được mở ra từ Cách mạng Tháng Mười.

Đây là câu trả lời mà Hồ Chí Minh đã tìm thấy, đã phát hiện ra về con đường phát triển của xã hội Việt Nam, về quy luật vận động và phát

triển của cách mạng Việt Nam trong thời đại lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Khẳng định mối quan hệ này, Hồ Chí Minh đã tỏ rõ năng lực tư duy biện chứng và tính nhất quán triệt để về quan điểm chính trị của mình. Đây là chỗ vượt trước của thế giới quan triết học và đường lối chính trị của Hồ Chí Minh so với các thế hệ đương thời, kể cả các bậc tiền bối của mình.

Chính ở lớp quan hệ này, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mà hình thức thì như một cặp phạm trù và nội dung thì như một nguyên lý, một tư tưởng, một quy luật của cách mạng Việt Nam từ đầu thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã thấm nhuần bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, thống nhất lý luận và thực tiễn của phong trào vận động chính trị, kết hợp hài hoà mục đích trực tiếp, trước mắt với triển vọng lâu dài của đường lối chính trị đó. Gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đã vận dụng quan điểm và phương pháp triết học duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác một cách sáng tạo để xác lập đường lối chính trị Việt Nam ở thế kỷ XX. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đó là triết học chính trị của Việt Nam mà người đặt nền móng và phát triển nó, thực hành và khẳng định là Hồ Chí Minh.

Đó cũng là tư tưởng triết học chủ đạo của Hồ Chí Minh cho thấy rõ một trong những đặc trưng nổi bật về triết học của Người là triết học chính trị thực tiễn, triết học hành động, triết học nhân sinh và cách mạng.

Lớp quan hệ thứ hai, giải phóng và phát triển Hồ Chí Minh thực sự tỏ rõ là một người có tư tưởng đổi mới, có đầu óc cách tân, có năng lực và bản lĩnh sáng tạo lớn trong tư duy và hành động. Đổi mới và sáng tạo để thực hiện mục tiêu giải phóng và phát triển là tư tưởng triết học đặc sắc của Hồ Chí Minh. Nhờ đó, triết học Hồ Chí Minh, từ quan niệm đến phương pháp nổi bật một đặc trưng tương ứng là tính hiện đại, linh hoạt và năng động. Nhờ đặc trưng này, tư tưởng triết học Hồ Chí Minh không những có sức thuyết phục về lý luận và phương pháp mà còn có sức truyền cảm về đạo đức và tinh thần, sức thúc đẩy, hướng dẫn về mặt hành động và lối sống đối với con người và cộng đồng xã hội. Tư tưởng giải phóng của Hồ Chí Minh trước hết là giải phóng dân tộc mình ra khỏi tình cảnh nô lệ dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, rộng hơn là

giải phóng tất cả các dân tộc thuộc địa bị áp bức, bóc lột trên thế giới. Được suy tôn là lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã có những cống hiến xuất sắc đối với phong trào cách mạng thế giới ở thế kỷ XX, bởi Người đã vạch ra lý luận chống chủ nghĩa thực dân đồng thời truyền bá và thực hành lý luận đó ở Việt Nam. Thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam có sức cổ vũ to lớn đối với các dân tộc đang đấu tranh cho độc lập tự do trên thế giới. Nó chứng thực sức sống của tư tưởng triết học Hồ Chí Minh về giải phóng. Nếu độc lập dân tộc là tiền đề và điều kiện để đi tới chủ nghĩa xã hội thì giải phóng cũng là tiền đề và điều kiện của phát triển. Lôgích này cho thấy, giải phóng dân tộc, độc lập dân tộc trước hết là một cuộc giải phóng chính trị. Tính nhiều hàm nghĩa của giải phóng còn ở chỗ, đó còn là giải phóng ý thức, tinh thần xã hội, giải phóng mọi năng lực xã hội nhằm huy động mọi khả năng, mọi tiềm lực và tiềm năng cho phát triển. Và, Hồ Chí Minh khi quyết định lựa chọn con đường phát triển là chủ nghĩa xã hội thì Người cũng ý thức rằng, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới là bảo đảm chắc chắn, bền vững nhất của độc lập dân tộc. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có thể đem lại độc lập - tự do - hạnh phúc cho tất cả các dân tộc và loài người trên trái đất. Phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa cũng đồng thời là xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa sao cho chế độ đó là một chế độ luôn luôn phát triển, tiến bộ, hoàn thiện, không rơi vào trì trệ, xơ cứng, thậm chí suy thoái. Vì thế, Người đứng trên quan điểm động để trình bày bản chất của chủ nghĩa xã hội, quan niệm chủ nghĩa xã hội như một cơ thể sống, luôn biến đổi và tiến bộ: chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội mà đời sống vật chất ngày càng tăng, đời sống tinh thần ngày một tốt, xã hội ngày càng tiến.

Một xã hội phát triển thì phải là một xã hội giàu có và văn minh, sao cho không có ai bị đói, tiến tới đủ ăn, khá giả, giàu có và giàu có mãi. Không chỉ phát triển kinh tế mà còn phải phát triển xã hội, nhờ đó chủ nghĩa xã hội tạo ra môi trường lành mạnh để phát triển, từ phát triển chế độ, thể chế nhà nước dân chủ, xã hội công bằng, bình đẳng đến nhân cách con người tự do, làm chủ và sáng tạo. Muốn đạt được mục tiêu như thế của giải phóng và phát triển thì phải đổi mới từ cách nghĩ, cách làm, đến bước đi và biện pháp. Lênin là nhà cách tân vĩ đại của cách mạng Nga và của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở nước Nga Xôviết với chính sách kinh tế mới (NEP). Cũng như vậy, Hồ Chí Minh là người thiết kế và thực hành

chương trình đổi mới của cách mạng Việt Nam. Người vượt ra khỏi lối mòn cũ từ sự lựa chọn con đường và giải pháp cứu dân, cứu nước. Người luôn nêu cao tinh thần độc lập chủ động trong tư duy và hành động. Không có đầu óc đổi mới không thể có được cách tiếp cận mới mẻ, độc đáo của Hồ Chí Minh đối với chủ nghĩa Mác - Lênin, đối với chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Một thí dụ điển hình là, Hồ Chí Minh coi chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ là học thuyết lý luận khoa học mà còn là phương pháp, là đạo lý, là văn hoá. Người chủ trương tìm tòi chân giá trị của chủ nghĩa đó ở tinh thần và phương pháp để ứng xử với con người và công việc. Người định nghĩa chủ nghĩa xã hội là xa lạ, đối lập với chủ nghĩa cá nhân. Người xem xét chân lý không chỉ đối với ý nghĩa nhận thức luận mà còn từ phương diện nhân bản của nó, cái gì có lợi cho dân, đem lại điều tốt đẹp cho dân, cái đó là chân lý.

Tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (1947) là tác phẩm lý luận về đổi mới được Người viết cách đây hơn một phần hai thế kỷ. *Di chúc* của Người từ 30 năm trước đây (1969) là một luận cương đổi mới và một kế hoạch trù tính bao nhiêu việc phải làm trong công cuộc đổi mới. Đó là cuộc chiến đấu chống lại mọi cái cũ kỹ, lạc hậu, hư hỏng và xây dựng cái mới mẻ, tốt tươi, tiến bộ nữa, tiến bộ mãi.

Ở *lớp quan hệ thứ ba,* con người và văn hoá. Đây là tiêu điểm, là tính hướng đích, là mục tiêu cao quý nhất của toàn bộ triết lý và tư tưởng triết học của Hồ Chí Minh. Đây là giá trị cốt lõi của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh.

Nếu lớp quan hệ thứ nhất, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội cho thấy đường lối triết học Hồ Chí Minh, lớp quan hệ thứ hai, giải phóng và phát triển bộc lộ phương pháp triết học hành động Hồ Chí Minh thì ở lớp quan hệ thứ ba này, con người và văn hoá, có thể nhận ra mục tiêu triết học nhân sinh của Người. Ấy cũng là động lực của phát triển, là động lực thúc đẩy Người hành động, là những giá trị thiêng liêng nhất mà vì nó Người ký thác tất cả cuộc đời và sự nghiệp của mình, Người dâng hiến toàn bộ đời mình cho độc lập của Tổ quốc, tự do cho dân tộc và hạnh phúc của nhân dân. Do vậy, tư tưởng triết học Hồ Chí Minh còn nổi bật một đặc trưng nữa, ấy là tầm cao của chủ nghĩa nhân đạo kết hợp với chiều sâu của chủ nghĩa nhân văn. Đó là sự gắn liền trong chỉnh thể lý luận

của Người các thuộc tính căn bản nhất của triết học Hồ Chí Minh: thực tiễn, khoa học, cách mạng và nhân văn.

Văn hoá có một giá trị cao nhất, quy tụ mọi giá trị, đó là giá trị con người, và con người trong sự hoàn thiện của nó là giá trị văn hoá cao nhất. Sự hoàn thiện nhân cách người, đó là chiến thắng lớn nhất của con người, của văn hoá làm người.

Thấu hiểu điều đó, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới công việc giáo dục, đào tạo con người và phát triển văn hoá. Ở đây có sự hoà quyện mật thiết giữa chiến lược con người "vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người", "muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết cần có con người xã hội chủ nghĩa", với chiến lược văn hoá "văn hoá phải soi đường cho quốc dân đi", làm cho dân tộc ta trở thành một dân tộc thông thái, phải chú trọng mở mang giáo dục, nâng cao học thức, văn hoá cho nhân dân, phải diệt dốt đi đôi với xoá đói giảm nghèo. Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu.

Thắng giặc ngoại xâm đã khó. Thắng nghèo nàn, lạc hậu, dốt nát còn khó hơn. Chỉ có thể vượt qua cửa ải đó, đi tới văn minh, hiện đại và hạnh phúc chủ yếu bằng sức mạnh nội lực của chính dân tộc mình, kết tinh ở nguồn nhân lực chất lượng cao và phát huy các giá trị, các bản sắc văn hoá dân tộc, kết hợp truyền thống với hiện đại.

Coi con người là mục tiêu của chế độ xã hội chủ nghĩa, của mọi chương trình kiến thiết của chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh xác định, mọi công việc đều liên quan tới con người, hướng vào phục vụ con người, làm cho con người được phát triển mọi năng lực sẵn có, con người làm chủ, có tự do và hạnh phúc.

Đào tạo nhân cách làm người phải coi đạo đức là gốc. Đức phải gắn với tài, trau dồi đạo đức cách mạng cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, đánh thắng chủ nghĩa cá nhân để có thể làm người cách mạng tận tuỵ, suốt đời phục vụ nhân dân. Giữ chủ nghĩa cho vững, ít lòng ham muốn vật chất, giữ nghiêm kỷ luật của tổ chức, nghiêm khắc với mình, khoan thứ với người, đó là những điểm của nhân cách làm người, đó cũng là văn hoá đạo đức, văn hoá nhân cách.

Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng xây dựng đời sống văn hoá cho nhân dân, rèn luyện văn hoá ứng xử, thực hành nếp sống mới, bảo tồn và phát huy cái hay, cái đẹp của truyền thống, khắc phục và cải tạo cái cũ, cái lạc

hậu, xoá bỏ những gì đã lỗi thời, cản trở phát triển. Lại phải biết học tập, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại để làm giàu văn hoá của mình.

Con người cũng như văn hoá vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển. Tư tưởng ấy đang chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện chiến lược con người, chiến lược văn hoá hiện nay. Tư tưởng ấy đã được Hồ Chí Minh đề ra một cách sáng tỏ và thực hành một cách công phu từ rất sớm, trong suốt cuộc đời cách mạng của Người.

Đó là tinh thần và phương pháp triết học Hồ Chí Minh. Có một chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh như những điều đã nêu trên, lại cũng có một phép biện chứng Hồ Chí Minh. Đó là biện chứng của tư duy và hành động. Người chủ trương nói ít, làm nhiều, chủ yếu phải hướng vào hành động. Do đó, có thể nói, phép biện chứng Hồ Chí Minh là phép biện chứng thực hành, là thực hành phép biện chứng duy vật mácxít trong đấu tranh cách mạng, cải tạo thế giới cũ, xây dựng thế giới mới. Điều này làm sáng tỏ thêm những nét đặc sắc, độc đáo của Hồ Chí Minh trong tư duy, tư tưởng và hành động.

"Dĩ bất biến ứng vạn biến" là triết lý hành động, phương châm công tác, cách thức ứng xử của Người. Nó là sự kết hợp giữa tính kiên định về nguyên tắc, lập trường, quan điểm với tính linh hoạt về phương pháp, biện pháp, sách lược, mưu lược, mềm dẻo và uyển chuyển trước mọi thay đổi của tình hình, sự kiện. Đó là biện chứng.

Chủ động sáng suốt, bình tĩnh, tự tin trước hoàn cảnh và trong hành động nhờ nắm chắc bản chất, nhìn rõ xu hướng của sự phát triển, nhờ xử lý đúng các quan hệ thời - thế - lực lượng đấu tranh cách mạng. Đó là biện chứng.

Diễn tả một cách khác về quan điểm toàn diện, lịch sử - cụ thể và quan điểm phát triển, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ, kiên quyết không ngừng thế tiến công". Người thấu hiểu sự vận động trong mâu thuẫn, sự chuyển hoá, sự tương tác, sự thâm nhập lẫn nhau của các sự vật, thuộc tính, quan hệ.

Chính trị ở trong kinh tế và văn hoá, cũng như văn hoá thấm sâu vào trong chính trị và kinh tế, đó là một cách nhìn sâu sắc đầy tính biện chứng của Hồ Chí Minh.

Một nét đặc sắc khác của phép biện chứng Hồ Chí Minh là tính hài hoà, nhờ hài hoà mà phát triển, muốn phát triển phải có sự hài hoà. Người nhấn mạnh: xây dựng chủ nghĩa xã hội phải hợp quy luật, thuận lòng dân, thấu lý đạt tình, Người căn dặn: Phê bình, giúp đỡ nhau trên tình đồng chí, có lý, có tình và đối xử ăn ở với nhau có tình, có nghĩa.

Đó là hài hoà, là ứng xử hài hoà.

Đào tạo con người không chỉ chú trọng đức và tài mà còn không được xem thường rèn luyện thể lực, sức khoẻ. Học cái hiện đại mà không xem thường truyền thống. Vươn tới hiện đại hội nhập với thế giới nhưng không đánh mất truyền thống, bản sắc, quý trọng truyền thống nhưng không vì thế mà cứng nhắc hoá thành nệ cổ, bảo thủ.

Xây dựng xã hội, phát triển kinh tế nhưng không được coi thường tự nhiên. Phải chăm lo cho môi trường, cảnh quan không bị tàn phá... đó là thế hài hoà của phát triển. Trong thiên thời - địa lợi - nhân hoà thì nhân hoà là quan trọng nhất, là yếu tố quyết định. Đó cũng là tính chủ động lịch sử của con người làm nên sự hài hoà của phát triển với chất lượng nhân văn ngày một cao hơn.

Hồ Chí Minh vận dụng tài tình phép biện chứng và lý thuyết phát triển hài hoà vào trong thực tiễn. Nó còn thấm nhuần cả tinh thần khoan dung và văn hoá khoan dung nữa mà tiêu biểu nhất là phương châm giải quyết công việc và các quan hệ con người: "Biến đại sự thành tiểu sự, biến tiểu sự thành vô sự". Chú trọng sự thống nhất tương đồng, khắc phục những khác biệt, vì nghĩa lớn, vì mục tiêu, vì cả đạo lý làm người nữa mà phải tránh hẹp hòi, định kiến, làm hỏng việc. Đó là "cầu đồng tồn dị". Những cái khác biệt mà không phương hại tới cái chung, cái lớn thì nên xem như một sự thường tình trong cái phát triển...

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN CÁCH MẠNG HAY VẤN ĐỀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN HỒ CHÍ MINH*

PGS.TS. THÀNH DUY

Để nghiên cứu hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta có thể vận dụng nhiều phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu cụ thể khác nhau về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong thực tế, chúng ta được biết đến một đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước thuộc chương trình khoa học Công nghệ cấp Nhà nước nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh (KX02), đó là đề tài: Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đối tượng nghiên cứu của đề tài này là xác định hệ phương pháp luận nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh gồm những phương pháp nào thích hợp và có tính hiệu quả nhất để có thể vận dụng vào việc nghiên cứu về Hồ Chí Minh. Đây là một vấn đề lớn mà bất cứ nhà nghiên cứu nào về Hồ Chí Minh cũng cần quan tâm nhằm tìm cho mình một phương pháp luận thích hợp nhất với đối tượng mà mình nghiên cứu. Tác giả bài viết này cũng không thể không quan tâm đến vấn đề phương pháp luận và những phương pháp nghiên cứu cụ thể về Hồ Chí Minh. Nhưng, đó là vấn đề khác, không thuộc đối tượng nghiên cứu của bài viết này.

Ở đây, chúng tôi muốn tìm hiểu về vấn đề phương pháp luận của Hồ Chí Minh hay có thể gọi là phương pháp luận Hồ Chí Minh như là một nội dung trong hệ thống tư tưởng của Người, thậm chí có thể nói, đó là hạt nhân cốt lõi nhất trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong rất nhiều phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu cụ thể có thể vận dụng để nghiên cứu về Hồ Chí Minh, chúng tôi xem phương pháp luận

---

* Trích trong cuốn: *Tư tưởng Hồ Chí Minh – Những nội dung cơ bản* của PGS.TS Thành Duy, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh, 2005.

Hồ Chí Minh là thích hợp nhất, hữu hiệu nhất, một cơ sở khoa học để nghiên cứu về Hồ Chí Minh. Như vậy thì, trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bên cạnh nhiều hệ tư tưởng khác có hệ tư tưởng về phương pháp luận Hồ Chí Minh. Cần tìm hiểu hệ tư tưởng phương pháp luận Hồ Chí Minh để nghiên cứu về Người, theo chúng tôi là thích hợp nhất và chắc chắn có hiệu quả nhất.

Vậy, hệ tư tưởng phương pháp luận Hồ Chí Minh là gì, gồm những nội dung nào và mang đặc điểm như thế nào để có thể xem đó là phương pháp luận Hồ Chí Minh.

I. Hạt nhân biện chứng của phương pháp tư tưởng tìm sự thống nhất giữa các mặt đối lập trong tư tưởng Hồ Chí Minh

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh không đặt cho mình nhiệm vụ trước tiên là nghiên cứu nhằm tìm ra phương pháp cách mạng hoặc lý luận về con đường cách mạng ở Việt Nam. Mục tiêu của Người khi ra đi là tìm đường cứu nước, cũng có nghĩa là đi tìm một phương pháp cách mạng đúng đắn hay con đường tiến hành sự nghiệp cách mạng trên đất nước mình, nhằm giải phóng dân tộc, đem lại độc lập, tự do và hạnh phúc cho nhân dân. Cũng có thể gọi đó là cách đi tìm chân lý cách mạng như chúng ta thường nói. Nhưng, Người không đi tìm chân lý cách mạng trong lý luận, mặc dù trong thời điểm Người ra đi tìm đường cứu nước, chủ nghĩa Mác và sau này là chủ nghĩa Lênin đã trở thành một học thuyết cách mạng của nhiều nhà cách mạng chân chính trên thế giới. Cái mà Hồ Chí Minh quan tâm tìm kiếm trước tiên là thực tiễn cuộc sống sôi động trong đó xuất hiện nhiều phong trào cách mạng ở các nước mà Người có điều kiện tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp. Cũng có thể nói, đây là một phương pháp tư tưởng độc đáo của Hồ Chí Minh khác với những bậc cách mạng tiền bối lúc đó ở nước ta.

Điểm xuất phát của Hồ Chí Minh khi ra đi tìm đường cứu nước không phải là tư tưởng hay quan điểm lý luận đã hình thành, mà là đi tìm bản chất của các hiện tượng, tức hiện thực cuộc sống để tự mình rút ra kết luận về hành động cách mạng phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của dân tộc mình. Người đặt chân trước tiên lên chính nước Pháp, nước tự cho mình có nền văn minh nhưng lại đi xâm lược và áp bức một cách tàn khốc một dân tộc còn nhỏ bé và lạc hậu như dân tộc Việt Nam thời

đó. Và tiếp theo đó bước chân của Hồ Chí Minh đã đặt trên nhiều châu lục khác cũng không ngoài mục đích là đi tìm sự thật ở một thời đại lịch sử loài người đã đạt đến một trình độ văn minh cho phép con người với tư cách con người bình thường có thể làm chủ được vận mệnh của mình, làm chủ được xã hội, làm chủ thiên nhiên. Phải chăng, ý thức về lòng tin ở con người nói chung, tin ở sức mạnh của đồng bào mình nói riêng cũng chỉ có được trọng quá trình quan sát và chứng kiến những sự kiện thực tế sinh động từ các phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở nhiều nước trên thế giới. Và, phải chăng từ phương pháp tìm đường cứu nước một cách độc đáo đó, Hồ Chí Minh đã tiếp cận được trước tiên với chủ nghĩa duy vật hiện đại như Ăngghen đã từng nói: "Chủ nghĩa duy vật hiện đại coi lịch sử là một quá trình phát triển của loài người và nhiệm vụ của nó là phát hiện ra những quy luật vận động của quá trình ấy"[1]. "Chủ nghĩa duy vật hiện đại tổng hợp những thành tựu mới nhất của khoa học tự nhiên" (Ăngghen), theo chúng tôi cả khoa học xã hội và khoa học nhân văn nữa. Hồ Chí Minh là người đã từng trải quá trình vận động và phát triển của lịch sử nhân loại ở thời điểm chủ nghĩa tư bản đã phát triển và chủ nghĩa thực dân đang thịnh hành trên hành tinh chúng ta, cho nên Người có điều kiện tiếp cận với chủ nghĩa duy vật hiện đại một cách rõ ràng nhất cũng là lẽ đương nhiên.

Chủ nghĩa duy vật hiện đại theo Ăngghen nói ở đây cũng là chủ nghĩa duy vật theo quan điểm của Mác, bởi lẽ, cũng theo Ăngghen, "chủ nghĩa duy vật hiện đại về bản chất là biện chứng, và nó không cần đến bất cứ một triết học nào đứng trên các khoa học khác. Một khi người ta đặt ra trước mỗi khoa học cái yêu cầu là phải làm sáng tỏ vị trí của nó trong mối liên hệ chung giữa các sự vật và những kiến thức về các sự vật ấy thì bất kỳ một khoa học đặc biệt nào về mối liên hệ chung ấy cũng đều trở nên thừa"[2].

Như vậy thì, việc Hồ Chí Minh xuất phát từ hiện thực cuộc sống đương thời với cái nhìn tổng quát bằng tư duy biện chứng trong mối quan hệ hữu cơ giữa lịch sử phát triển của các xã hội cụ thể với lịch sử phát triển nền văn minh, hay nói một cách khác, giữa quy luật vận động của lịch sử với quy luật phát triển văn hoá, thì tất nhiên Người sẽ đến với học

1. Mác - Ăngghen: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, 1980, H., T.V, tr.41.
2. Mác - Ăngghen: *Tuyển tập*, sđd, T.V, tr.41-42.

thuyết của chủ nghĩa Mác – Lênin, mà hạt nhân của học thuyết ấy như chính Hồ Chí Minh đã từng nói, đó là "phương pháp làm việc biện chứng". Chính hạt nhân biện chứng ấy của chủ nghĩa Mác – Lênin đã giúp Hồ Chí Minh tìm ra phương pháp cách mạng đúng đắn và con đường tiến hành cách mạng cho dân tộc mình, đồng thời Người thực sự đến với chủ nghĩa Mác – Lênin, trở thành người cộng sản đầu tiên của Việt Nam. Đó cũng chính là phương pháp đi từ cụ thể đến trừu tượng, từ trực quan sinh động đến tổng hợp nhằm rút ra quy luật vận động của lịch sử và của văn hoá, nhưng không phải bằng cách giản đơn, máy móc theo chủ nghĩa duy vật tầm thường hay chủ nghĩa duy tâm chủ quan mà bằng phương pháp duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Xuất phát từ phương pháp luận cách mạng và khoa học đó, Hồ Chí Minh đi tìm động lực cách mạng được xem như bước khởi đầu của sự nghiệp tìm đường cứu nước của Người. Từ những mâu thuẫn trong cuộc sống, những khoảng cách trong vũ trụ, những đối lập trong tư tưởng, Hồ Chí Minh đi tìm không phải là mâu thuẫn mà là sự thống nhất, không phải là khoảng cách mà là sự gần gũi, không phải là sự đối lập mà là sự đồng tâm, đồng cảm, đồng tình, đồng thuận, sự hoà hợp, đoàn kết. Tóm lại, đó là phương pháp đi tìm sự thống nhất giữa các mặt đối lập, sự đồng thuận giữa các khuynh hướng trong tư tưởng Hồ Chí Minh, và chính sự thống nhất và đồng thuận ấy mới là bí quyết của động lực cách mạng đồng thời cũng là hạt nhân biện chứng trong phương pháp luận Hồ Chí Minh.

Từ mâu thuẫn giữa chủ nghĩa thực dân Pháp với dân tộc Việt Nam, và từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống, yêu cầu giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đến với nhân dân Pháp, đi tìm sự thật trong lòng chủ nghĩa đế quốc, tìm chân lý cách mạng trong thế giới quả là đã có bước phát triển của nền văn minh nhưng cũng là thế giới đầy mâu thuẫn và vô cùng phức tạp. Người đã nhìn thấy trong thế giới đầy mâu thuẫn và vô cùng phức tạp ấy, không phải là mâu thuẫn giữa hai dân tộc Pháp và Việt Nam mà là sự thống nhất giữa nhân dân lao động ở các dân tộc khác nhau, trong đó có nhân dân Pháp với nhân dân Việt Nam. Người tìm thấy sức mạnh trong sự thống nhất giữa nhân dân lao động của hai dân tộc, giữa giai cấp công nhân ở chính quốc với đồng bào mình, tìm thấy động lực cách mạng trong sự đồng tình, đồng cảm, đồng thuận của nhân dân tiến bộ trên thế giới, tìm thấy sự gần gũi giữa các dân tộc với thời đại mà ở đó

chủ nghĩa Mác – Lênin đã trở thành một học thuyết cách mạng, chủ nghĩa xã hội đã trở thành một định hướng phát triển của nền văn minh mới.

Từ mâu thuẫn giữa trình độ còn lạc hậu của dân tộc mình với yêu cầu phát triển của thế giới hiện đại, của nền văn minh mới, Hồ Chí Minh đã ý thức được không chỉ yêu cầu giải phóng dân tộc mà là giải phóng xã hội, giải phóng con người và từ đó, ý thức về chủ nghĩa xã hội xuất hiện, yêu cầu kết hợp giữa cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng xã hội chủ nghĩa hình thành, đã trở thành chân lý có tính thời đại. Phải chăng, từ đó Hồ Chí Minh đến với Đảng Xã hội Pháp, đến với chủ nghĩa Lênin và chủ nghĩa Mác, để trở thành một trong những người sáng lập ra Đảng Cộng sản Pháp, tìm thấy động lực cách mạng giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội, giữa dân tộc và hiện đại, dân tộc và quốc tế.

Hạt nhân biện chứng trong phương pháp tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện không phải ở phía này hay phía khác, ở cực này hay cực khác, mà là trong mối quan hệ có định hướng phát triển theo yêu cầu thời đại, yêu cầu của khoa học và văn hoá. Hạt nhân biện chứng trong phương pháp tư tưởng Hồ Chí Minh cũng thể hiện ở chỗ Người luôn luôn nhìn nhận thế giới là thống nhất, trong đó có sự thống nhất của từng dân tộc, dân tộc là thống nhất trong đó có sự thống nhất với từng cá nhân thành viên của dân tộc. Ý thức về sự đoàn kết chỉ có thể có được trong quan niệm và lòng tin về sự thống nhất ấy.

II. Hạt nhân biện chứng của phương pháp tư tưởng kết hợp giữa lý luận với thực tiễn, coi hiệu quả trong hoạt động thực tiễn là thước đo của lý luận trong tư tưởng Hồ chí Minh

Từ muôn vàn sự kiện trong cuộc sống, nhiều khuynh hướng tư tưởng khác nhau trên thế giới, nhiều thứ lý luận trừu tượng, nhiều chủ nghĩa nhân danh học thuyết khoa học, nhiều trào lưu tư tưởng nhân danh cách mạng..., Hồ Chí Minh quan tâm trước hết và trên hết không phải là sự kiện, không phải là tư tưởng, không phải lý luận hay học thuyết mà là mục đích cuối cùng hay kết quả, hiệu quả của công việc. Đương nhiên, nói như vậy không có nghĩa là Người xem nhẹ công tác tư tưởng và vị trí của lý luận, tầm quan trọng của học thuyết cách mạng. Đối với Hồ Chí Minh, bất cứ một hệ tư tưởng nào, một thứ lý luận nào, một học thuyết nào, chỉ là cách mạng, là thiết thực và có giá trị khi nó mang lại

hiệu quả thiết thực trong cuộc sống, mang lại kết quả của sự việc, của việc làm thực tế...

Từ phương pháp tư tưởng kết hợp giữa lý luận với thực tiễn, coi hiệu quả trong hoạt động thực tiễn là thước đo của lý luận, Hồ Chí Minh lựa chọn việc gia nhập Đảng cách mạng, lựa chọn học thuyết, lựa chọn phương pháp cách mạng và nhất là lựa chọn mục tiêu sáng tạo cái mới, định hướng lý luận cách mạng. Đối với Hồ Chí Minh, Đảng Xã hội hay Đảng Cộng sản, Quốc tế hai hay Quốc tế ba, lúc đầu Người không xem là quan trọng, mà quan trọng là ai ủng hộ phong trào giải phóng các dân tộc thuộc địa. Từ đó, Người theo Quốc tế ba, theo Lênin và tham gia Đảng Cộng sản Pháp trở thành người đảng viên cộng sản đầu tiên của Việt Nam.

Trong quá trình đi tìm chân lý cách mạng, Hồ Chí Minh đã chứng kiến nhiều khuynh hướng tư tưởng khác nhau, nhiều trào lưu cách mạng. Nhưng cuối cùng, Người rút ra kết luận: "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin"[1]. Đó là điều Hồ Chí Minh chỉ có thể rút ra sau nhiều năm khảo sát thế giới, nhiều năm tiếp xúc với các trào lưu tư tưởng khác nhau, nhiều năm trăn trở đi tìm chân lý cách mạng.

Ngay cả đối với chủ nghĩa Mác – Lênin là học thuyết được xem là kim chỉ nam cho hành động cách mạng và bản thân Người cũng thừa nhận đó là học thuyết cách mạng nhất, chân chính nhất, Hồ Chí Minh cũng không đặt cho mình nhiệm vụ tiếp thu tất cả những điều Mác, Ăngghen và Lênin nói và làm mà chỉ tiếp nhận những giá trị cơ bản nhất của lý tưởng chính trị và chủ nghĩa nhân đạo cách mạng, nhất là tiếp thu phương pháp cách mạng mà nội dung cơ bản là hạt nhân biện chứng. Sau đó, Người vận dụng, biến hoá và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin theo cách hiểu của mình và nhất là cho thích hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế của cách mạng Việt Nam. Có rất nhiều thí dụ để chứng minh cho việc Hồ Chí Minh đã vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế của cách mạng Việt Nam. Nhưng, có lẽ rõ nhất là việc Người vận dụng quan điểm về đấu tranh giai cấp, về chủ nghĩa tư bản, nhất là về cách hiểu chủ nghĩa dân tộc ở phương Đông và ở Việt Nam chúng ta, được thể hiện trong Báo cáo về

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.2, tr.268.

Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ do Người viết năm 1924 tại Mátxcơva[1]. Chính ở tài liệu quan trọng này Hồ Chí Minh đã thể hiện rõ tư duy rất sáng tạo về lý luận cách mạng ở một nước còn chậm phát triển như nước ta. Khẳng định rằng: "Cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây", Hồ Chí Minh viết về thực trạng nông thôn Việt Nam như sau: "Về phía người lao động, đó là sự giác ngộ, sự nhẫn nhục và vô tổ chức. Về phía bọn chủ, không có máy móc, ruộng đồng thuộc sở hữu của những địa chủ hạng trung và hạng nhỏ và ở đó những kẻ được coi là đại địa chủ thì chỉ là những tên lùn tịt bên cạnh những người cùng tên với họ ở châu Âu và châu Mỹ, không có tỷ phú người An Nam. Những tên trọc phú ở đó thì ở đây chỉ là những kẻ thực lợi khá giả thôi.

"Cho nên, nếu nông dân gần như chẳng có gì thì địa chủ cũng không có vốn liếng gì lớn, nếu nông dân chỉ sống bằng cái tối thiểu cần thiết thì đời sống của địa chủ cũng chẳng có gì là xa hoa, nếu thợ thuyền không biết mình bị bóc lột bao nhiêu thì chủ lại không hề biết công cụ để bóc lột của họ là máy móc, người thì chẳng có công đoàn, kẻ thì chẳng có tơrớt. Người thì nhẫn nhục chịu số phận của mình, kẻ thì vừa phải trong sự tham của mình. Sự xung đột về quyền lợi của họ được giảm thiểu. Điều đó không thể chối cãi được"[2].

Để thuyết phục hơn quan điểm có liên quan đến giai cấp và dân tộc này, Hồ Chí Minh còn viết: "Mai đây, khi chủ nghĩa tư bản phương Tây làm đổi thay phương Đông thì đấu tranh giai cấp có trở thành quyết liệt không? Đại thể là có, nếu xét gương của Nhật Bản".

"Thật ra là có, vì sự Tây phương hoá ngày càng tăng và tất yếu của phương Đông - nói cách khác, chủ nghĩa Mác sẽ còn đúng cả ở đó. Dù sao thì cũng không thể cấm bổ sung "cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được".

"Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại"[3].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.464.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.468.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.565.

Không chỉ phân tích thực trạng các giai cấp ở nước ta để thấy rõ đặc điểm nông thôn Việt Nam không giống với nông thôn ở phương Tây nhằm rút ra quan điểm về đấu tranh giai cấp thích hợp khi vận dụng chủ nghĩa Mác, Hồ Chí Minh còn yêu cầu: "Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông". Trên cơ sở đó, Người phân tích quan điểm về chủ nghĩa dân tộc và định hướng cho sự phát triển chủ nghĩa dân tộc bản xứ (tức ở nước ta) nhân danh Quốc tế Cộng sản.

Người viết: "Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người culi biết phản đối, nó làm cho những người "nhà quê" phản đối ngầm trước thuế tạp dịch và thuế muối. Cũng chủ nghĩa dân tộc đã luôn luôn thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc, nó đã thúc dục thanh niên bãi khoá, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản và làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917"[1].

Sau khi nhận định chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước, Hồ Chí Minh phân tích tiếp: "Chiến tranh đã làm thay đổi chủ nghĩa dân tộc":

1. Chủ nghĩa dân tộc đã hiện đại hoá khi chuyển từ giới thượng lưu này sang giới thượng lưu khác. Chính thanh niên An Nam ngày nay đang chỉ đạo nó.

2. Chủ nghĩa dân tộc ăn sâu vào quần chúng nhờ sự phát triển của các phần tử thành thị và nhất là nhờ sự tuyển mộ và trở về của "lính tình nguyện".

3. Trong chủ nghĩa dân tộc có cả lòng căm ghét bọn xâm lược Trung Quốc và người Ấn Độ sinh cơ lập nghiệp trên đất nước này.

4. Nó có xu hướng hợp pháp hoá các hình thức biểu hiện và yêu sách của nó. Một mặt, chính quyền nhượng bộ. Mặt khác, lớp thanh niên từ bỏ phương pháp tiến hành những cuộc nổi dậy bột phát của lớp người đi trước, và ngày nay, người ta thiên về chiến thuật của những nhà cách mạng châu Âu: Tuyên truyền, tổ chức và khởi nghĩa quần chúng. Trong khi lớp người già muốn độc lập ngay thì lớp trẻ yêu sách những thiết chế

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.466 (Cuộc mưu khởi nghĩa diễn ra năm 1916).

chuẩn bị cho độc lập (tờ La Tribune indigène: cơ quan của phái lập hiến – chú thích của Hồ Chí Minh)[1].

Sau khi phân tích quá trình thay đổi quan niệm về chủ nghĩa dân tộc, Hồ Chí Minh nêu lên quan niệm của mình mà Người gọi là "Cương lĩnh của chúng tôi" như sau:

"Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản. Khẩu hiệu này, do Mátxcơva tung ra, đánh vào các nhà tư sản như một nghịch lý táo bạo, nhưng thật ra điều đó có nghĩa lý gì? Một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời. Giờ đây, người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ. Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi thì đã lâu lắm rồi, phần lớn thế giới sẽ xô-viết hoá và lúc đó, nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế. Trong khi chờ đợi, chủ nghĩa dân tộc sẽ quấy rối chủ nghĩa đế quốc và bằng việc làm này, Quốc tế Cộng sản sẽ được lợi trực tiếp"[2].

Những trích dẫn trên về quan điểm dân tộc và chủ nghĩa dân tộc của Hồ Chí Minh đã nói lên khá rõ ràng và sâu sắc quá trình tư duy biện chứng và sự vận dụng rất sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin của Người vào thực tiễn cách mạng đất nước ta, để từ đó Người chuyển hoá chủ nghĩa yêu nước từ truyền thống đến hiện đại, từ yêu nước theo lập trường dân tộc đến yêu nước theo lập trường xã hội chủ nghĩa. Hạt nhân biện chứng ở đây chính là phương pháp kết hợp giữa lý luận với thực tế, trên cơ sở phân tích mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, dân tộc và thời đại, dân tộc và quốc tế nhằm tìm ra động lực thực sự cho cách mạng Việt Nam phù hợp với lý tưởng giải phóng dân tộc kết hợp với giải phóng xã hội, giải phóng con người theo quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin.

Như vậy là, từ chỗ lựa chọn được học thuyết cách mạng đúng đắn đến việc vận dụng học thuyết ấy vào thực tiễn cách mạng đất nước mình không phải bao giờ cũng diễn ra thuận chiều nếu không có một tinh thần dũng cảm và nhất là một phương pháp luận khoa học, phù hợp với yêu cầu thực tế. Quả là không phải dễ dàng khi Hồ Chí Minh muốn trương lên ngọn cờ chủ nghĩa dân tộc, coi đó là một trong những động lực lớn và

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.467.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.467.

cơ bản của đất nước mình, trong khi giai cấp tư sản cũng muốn trương lên ngọn cờ chủ nghĩa dân tộc ở nước họ, và nhất là trong khi một số không ít người cộng sản theo khuynh hướng "tả khuynh" lại lên án chủ nghĩa dân tộc, coi đó là quan điểm "xét lại" chủ nghĩa Mác và Quốc tế Cộng sản. Thật táo bạo hơn nữa khi Hồ Chí Minh trương cao chủ nghĩa dân tộc nhân danh Quốc tế Cộng sản và chính Người đã tìm ra hạt nhân biện chứng trong mối quan hệ giữa chủ nghĩa dân tộc chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản nhằm khẳng định con đường cách mạng rất đặc biệt của các nước phương Đông, trong đó có Việt Nam chúng ta. Nếu không có một phương pháp tư duy và phương pháp luận đúng đắn thì Hồ Chí Minh khó có thể có được những quan điểm sáng tạo và phát triển về lý luận cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin vào thực tiễn đất nước ta. Và cũng chính Người đã chịu những thử thách và cả sự trả giá cho sự sáng tạo mạnh mẽ và dũng cảm đó. Nhưng, lịch sử đã chứng minh rằng Hồ Chí Minh là đúng, quan điểm của Người là chân lý và ngày càng chứng tỏ sức sống, có sức thuyết phục lớn không chỉ ở nước ta mà có thể nói trên toàn thế giới như một chân lý mang tính thời đại cách mạng vô sản.

Một điều khá đặc biệt nữa chúng ta có thể thấy trong phương pháp luận Hồ Chí Minh là bên cạnh chủ nghĩa Mác – Lênin được Người tiếp nhận cả hệ thống, Hồ Chí Minh cũng đồng thời tiếp nhận và sử dụng nhiều yếu tố tư tưởng và phương pháp tư duy biện chứng của các nhà tư tưởng ở phương Đông và thế giới nói chung, không phân biệt chính kiến, tôn giáo, dân tộc... miễn sao có thể áp dụng được và áp dụng có hiệu quả, thiết thực trong thực tiễn đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng mà Người theo đuổi. Người đã từng nói: "Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo của Giê-su có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó phù hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Giê-su, Các Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có ưu điểm chung đó sao? Họ đều muốn mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu cầu phúc lợi cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, nếu họ họp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định sống chung với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết. Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy"[1].

1. Theo sách *Hồ Chí Minh truyện*, bản tiếng Trung Quốc, Nxb. Tam Liên, Thượng Hải, 1949.

Quả là chỉ có tầm nhìn của một nhà văn hoá lớn như Hồ Chí Minh mới thâu thái được những cái hay, cái đẹp, cái vĩ đại, cái tinh tuý của các nhà tư tưởng lớn, nhà văn hoá kiệt xuất trên thế giới. Và, trong thực tế hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh đã vận dụng rất thành công không chỉ phép biện chứng của chủ nghĩa Mác mà cả những phương pháp tư duy của các nhà tư tưởng, nhà văn hoá lớn, đặc biệt là Khổng Tử. Là người xuất thân từ một gia đình Nho giáo, Hồ Chí Minh am hiểu một cách sâu sắc rất nhiều mệnh đề trong học thuyết Nho giáo, nhưng Người chỉ tiếp thu và khai thác mặt tích cực nhất, đặc biệt trong quá trình vận dụng những mệnh đề đạo đức của Nho giáo, Người đã làm thay đổi về bản chất các khái niệm cũng như các mệnh đề đạo đức Nho giáo, khiến cho những phạm trù Nho giáo trở nên thích hợp với nội dung đạo đức mới, đạo đức cách mạng. Ví dụ, những vấn đề trí, nhân, dũng hoặc nhân, nghĩa, lễ, trí, tín của Nho giáo đều được Hồ Chí Minh sử dụng, nhưng khác với Nho giáo, Người đã hướng những nội dung của các khái niệm trên về với dân, với nước, chuyển hoá thành nội dung tư tưởng đạo đức cách mạng. Từ đó, cũng có thể nói, Hồ Chí Minh đã khai thác hạt nhân biện chứng của tư tưởng kết hợp giữa lý luận với thực tiễn.

Rõ nhất và cũng thành công nhất trong việc vận dụng hạt nhân biện chứng phương Đông là việc Hồ Chí Minh sử dụng mệnh đề "dĩ bất biến, ứng vạn biến" để xem xét và giải quyết các vấn đề chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam. Người đã vận dụng rất có hiệu quả nguyên tắc phương pháp luận này trong cuộc đời hoạt động cách mạng đầy thử thách của mình. Và cũng chính Người đã dặn lại cụ Huỳnh Thúc Kháng, Quyền Chủ tịch nước và các đồng chí lãnh đạo của Đảng trong lúc cách mạng đầy sóng gió về nguyên tắc "dĩ bất biến, ứng vạn biến", khi Người phải sang Pháp dự Hoà đàm Phôngtennơbơlô với tư cách là thượng khách của Chính phủ Pháp. Nhờ đó, cụ Huỳnh Thúc Kháng và các đồng chí lãnh đạo của Đảng ta đã vượt qua được những thử thách hết sức hiệu nghiệm, giữ cho tình hình đất nước ổn định trong lúc Người xa đất nước.

Đối với Hồ Chí Minh, "dĩ bất biến, ứng vạn biến" có thể xem là một nguyên tắc phương pháp luận gần giống như hạt nhân biện chứng trong phép biện chứng cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác- Lênin. Chỉ có điều khác là, với chủ nghĩa Mác – Lênin, Người đã tiếp thu cả hệ thống tư tưởng mà hạt nhân của nó là phương pháp làm việc biện chứng, còn

với các hệ tư tưởng phương Đông, Người chỉ tiếp thu và vận dụng những yếu tố tích cực, mà chủ yếu là phương pháp tư tưởng nhằm đem lại hiệu quả trong hoạt động thực tiễn của mình. Đó cũng chính là phương pháp thống nhất giữa lý luận với thực tiễn, lấy hiệu quả trong hoạt động làm thước đo của lý luận trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Với Hồ Chí Minh, quan điểm thực tiễn hoàn toàn xa lạ với quan điểm thực dụng hoặc kinh nghiệm chủ nghĩa. Khi vận dụng hạt nhân biện chứng của chủ nghĩa Mác – Lênin hay vận dụng quan điểm biện chứng phương Đông, Người đặt lên trên hết là kết quả đạt được trong thực tiễn và cũng vì yêu cầu của thực tiễn cách mạng mà Người cần đến phương pháp làm việc biện chứng cũng như hạt nhân biện chứng trong các học thuyết lý luận của phương Đông cũng như của phương Tây, của dân tộc cũng như của thế giới. Điều đó chứng tỏ, Hồ Chí Minh không bao giờ xem nhẹ vai trò của lý luận và tư duy lý luận. Bản thân phép biện chứng, dù là phép biện chứng của các nhà triết học duy vật hay phép biện chứng của các nhà tư tưởng duy tâm đã bao hàm tư duy lý luận và tầm quan trọng của vai trò lý luận. Hơn thế nữa, đó còn là yếu tố tinh tuý nhất của tư duy lý luận. Chỉ có điều là, lý luận nào, cũng như phép biện chứng nào, đó là điều Hồ Chí Minh quan tâm khi vận dụng. Chính Người cũng đã từng nói trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* như sau: "Đảng không có chủ nghĩa như người không có trí khôn" và Người đã trích dẫn câu nói nổi tiếng của Lênin đặt ngay trên trang đầu của tập sách: "Không có lý luận cách mệnh, thì không có cách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiền phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mạng tiền phong"[1]. Nhưng, đối với Hồ Chí Minh, lý luận phải gắn với thực tiễn, đem lại hiệu quả trong hoạt động thực tiễn. Người nhấn mạnh: "Sự thống nhất lý luận với thực tiễn là nguyên tắc cao nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin". Đó cũng chính là nguyên tắc "lời nói đi đôi với việc làm", một đặc trưng nổi bật và nhất quán trong phong cách làm việc của Hồ Chí Minh – phong cách nêu gương trong hành động cách mạng. Và xét cho cùng, hạt nhân biện chứng cao nhất, đúng đắn nhất, chính là nguyên tắc nêu gương trong hoạt động cách mạng nói chung, trong khi nói về lý luận nói riêng.

Đương nhiên, Hồ Chí Minh không chỉ tiếp thu hạt nhân biện chứng của Mác hay kế thừa phương pháp tư tưởng của các nhà tư tưởng phương

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.2, tr.259.

Đông cũng như phương Tây. Điều quan trọng đối với Người là sự tìm tòi, sáng tạo cái mới, trong đó có cái mới về phương pháp luận. Người chủ trương vừa làm vừa rút kinh nghiệm, có sai có sửa, dĩ bất biến ứng vạn biến xét cho cùng là như vậy. Người nói: "Lý luận là đem thực tế trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc đấu tranh, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng, rõ ràng, làm thành lý luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính". Điều đó có nghĩa là lý luận mà Người vận dụng trong thực tế không chỉ là thứ lý luận có sẵn, mà bản thân mỗi người đều có khả năng sáng tạo ra lý luận. Đó cũng là phép biện chứng trong quan hệ giữa lý luận với thực tiễn, giữa nói và làm, giữa dĩ bất biến và ứng vạn biến, giữa cải tạo và xây dựng... Đối với Hồ Chí Minh, mọi việc đều phải được đặt vào không gian và thời gian cụ thể, thích hợp và tất cả đều phải đúng, phải chính xác, phải hợp tình, hợp lý, phải đúng mức, đúng độ...

3. Hạt nhân biện chứng trong phương pháp tư tưởng giải quyết các mối quan hệ có liên quan đến quyền con người và vì sự phát triển của con người

Vấn đề con người cũng như quyền con người là sự quan tâm của mọi triết học, mọi tôn giáo, mọi học thuyết, mọi trào lưu tư tưởng. Nếu khác chăng là ở quan điểm về phương pháp tư tưởng giải quyết các mối quan hệ có liên quan đến quyền con người và vì sự phát triển của con người. Đó chính là ranh giới về phương pháp luận theo quan điểm duy vật hay duy tâm, theo phép biện chứng duy tâm hay phép biện chứng duy vật. Với quan điểm duy tâm, nhất là đối với các tôn giáo, con người được quan tâm chủ yếu ở thế giới tâm linh và lòng thương xót những nỗi đau của con người trần gian, bất kể nỗi đau ấy từ nguyên nhân nào. Cho nên, Hồ Chí Minh mới ca ngợi "tôn giáo của Giê-su có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả". Chỉ có lòng nhân ái hoặc tình thương yêu con người đã là một ưu điểm rất đáng ca ngợi, vì dù sao phương pháp tư tưởng của họ vẫn đặt con người ở vị trí trung tâm, vẫn coi con người là đối tượng cần được sự quan tâm, thương xót những nỗi đau trên trần thế và an ủi họ hướng tới một thế giới tâm linh ở bên ngoài trần gian. Nhưng, phương pháp tư tưởng của họ là duy tâm ở chỗ họ chỉ có lòng nhân ái và tình thương yêu con người nói chung khi thấy con người lâm vào những cảnh đau đớn, cực khổ trên trần gian mà không hề nghĩ đến những đau đớn cực khổ đó là do

nguyên nhân nào, do đó, họ cũng không hề nghĩ đến những giải pháp đấu tranh hoặc khắc phục những nguyên nhân và nguồn gốc của những nỗi khổ trên đời. Thậm chí họ còn muốn người ta quên đi những đau đớn trên trần gian để nghĩ đến một thế giới khác trên thiên đường mà ở đó con người được giải thoát, được sung sướng, được hưởng lạc...

Khác với phương pháp luận duy tâm hoặc tình thương yêu con người theo kiểu các tôn giáo, Hồ Chí Minh không chỉ thể hiện lòng nhân ái cũng như tình thương yêu con người nói chung. Đối với Người, quan trọng là phải giải phóng con người khỏi cảnh áp bức, bóc lột, khỏi nghèo nàn và lạc hậu, nhằm cứu thoát con người không phải ở thế giới bên kia mà phải mang lại hạnh phúc cho con người ở thế giới trần gian. Đặc điểm nổi bật của phương pháp tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc quan tâm đến con người và vì sự phát triển của con người là ở chỗ, Người luôn luôn quan tâm đến những con người cụ thể, con người đang sống bên cạnh mình hoặc trên mảnh đất quê hương mình, mặc dù tầm mắt của Người vẫn hướng về không gian bao la của cả thế giới loài người. Đối với Hồ Chí Minh, mọi tư tưởng, mọi thứ triết học, mọi chủ nghĩa, mọi thể chế đều phải hướng về con người và vì sự phát triển của con người, làm cho con người có tự do và hạnh phúc thật sự trên cõi đời mà họ đang sống và có quyền được sống bình đẳng như mọi người.

Hạt nhân biện chứng trong phương pháp tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người và vì sự phát triển của con người có nguồn gốc từ phép biện chứng của chủ nghĩa Mác – Lênin thể hiện ở chỗ chính học thuyết chủ nghĩa Mác – Lênin đã đem đến cho Người lý tưởng giải phóng con người một cách toàn diện và triệt để, chính học thuyết chủ nghĩa Mác – Lênin đã tạo cơ sở khoa học cho một triết lý phát triển xã hội con người nói chung. Nhưng, có thể nói, khác với Mác, Ăngghen và Lênin, Hồ Chí Minh không chỉ quan tâm đến lý tưởng giải phóng con người một cách toàn diện và triệt để mà còn phát triển học thuyết của chủ nghĩa Mác – Lênin, bằng cách đưa ra những giải pháp thực hiện mục đích giải phóng con người toàn diện và triệt để bằng những việc cụ thể, nhất là bằng những biện pháp thích hợp, phù hợp với từng đối tượng con người cụ thể, từng dân tộc cụ thể, đặc biệt đối với các dân tộc ở phương Đông trong đó có Việt Nam chúng ta.

Xuất phát từ lý tưởng giải phóng con người một cách toàn diện và triệt để đồng thời với việc vận dụng sáng tạo lý tưởng đó của chủ nghĩa

Mác – Lênin trong hoàn cảnh đặc biệt của các nước phương Đông và Việt Nam với nền kinh tế còn nghèo nàn, lạc hậu, trình độ dân trí chưa cao, Hồ Chí Minh đã có công lớn trong việc đề ra lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc kết hợp và gắn liền với cách mạng XHCN cũng như trong việc giải quyết các quyền có liên quan đến lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế, dân tộc và giai cấp, cá nhân và tập thể và những quyền có liên quan đến quyền con người và vì sự phát triển của con người.

Mặc dù Hồ Chí Minh có ý thức tiếp thu tất cả những giá trị văn hoá và văn minh của loài người, ở Người hội tụ được những giá trị cao đẹp nhất về văn hoá, văn minh mà nhân loại đã đạt được trong thời đại của mình, nhưng điều quan trọng nhất khiến Người có thể sáng tạo được lý luận cách mạng phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện đất nước mình vẫn là ở phương pháp làm việc biện chứng và tư duy của phép biện chứng trong triết học mác-xít. Cho nên, khi nói đến hạt nhân biện chứng trong phương pháp tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta cần hiểu đó là hạt nhân biện chứng mác-xít, nhưng là hạt nhân biện chứng mác-xít đã được Hồ Chí Minh vận dụng rất thành công trong quá trình hoạt động cách mạng của mình, cho nên hạt nhân biện chứng về phương pháp trong tư tưởng Hồ Chí Minh đã mang sắc thái riêng với những đặc điểm riêng trở thành hạt nhân biện chứng trong phương pháp luận Hồ Chí Minh.

Đương nhiên, Hồ Chí Minh không phải là người sáng tạo ra hạt nhân biện chứng. Người sáng tạo ra hạt nhân biện chứng trước hết là Hê-ghen, được Mác cải tạo lại từ hạt nhân biện chứng duy tâm thành phép biện chứng duy vật. Lênin cũng có công lớn trong việc diễn đạt tư duy biện chứng đó trong tác phẩm *Bút ký triết học* của ông. Song, đến Hồ Chí Minh, chúng ta có thể thấy ở Người một tấm gương sinh động về việc vận dụng sáng tạo và rất thành công phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác - Lênin. Hơn thế, chúng ta có thể nói, chính Hồ Chí Minh đã tạo nên một gạch nối trong việc vận dụng sáng tạo hạt nhân biện chứng của cả triết học phương Đông và triết học phương Tây, trong đó có hạt nhân biện chứng chưa hoàn toàn duy vật của phương Đông với hạt nhân biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác – Lênin. Phải chăng, đó chính là cơ sở lý luận để hình thành một phương pháp luận riêng: Phương pháp luận Hồ Chí Minh.

Nói đến phương pháp luận Hồ Chí Minh, chúng ta còn có thể phải trình bày nhiều quan điểm khác nữa. Nhưng ở đây, chúng tôi chỉ tập

trung vào một số luận điểm cơ bản nhất thể hiện đặc điểm phương pháp tư duy và phương pháp luận Hồ Chí Minh mà cũng có thể nói đó là những đặc điểm cơ bản nhất của mọi phương pháp luận, đó là **hạt nhân biện chứng.**

Qua những ý kiến trình bày trên, chúng ta có thể thấy: Vấn đề thứ nhất, thể hiện đặc điểm phương pháp luận Hồ Chí Minh trong việc nhận thức xã hội, con người và nhất là trong việc cải tạo thực tiễn. Vấn đề thứ hai, thể hiện đặc điểm phương pháp luận Hồ Chí Minh trong việc vận dụng trí tuệ của loài người vào việc cải tạo thực tiễn, cải tạo xã hội. Vấn đề thứ ba thể hiện đặc điểm phương pháp luận Hồ Chí Minh trong việc suy nghĩ và hành động về mục tiêu cách mạng, lấy con người làm trung tâm, tất cả vì hạnh phúc của con người.

Rõ ràng, Hồ Chí Minh đã tạo cho mình những đặc điểm riêng trong phương pháp tư duy, phương pháp tư tưởng, trong nghệ thuật tiếp cận với chân lý, cũng như trong việc vận dụng sáng tạo chân lý cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin vào việc cải tạo thực tiễn, cải tạo xã hội. Những đặc điểm riêng trong phương pháp tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở khoa học tạo ra phương pháp luận mang tên Hồ Chí Minh, cũng là cơ sở khoa học để nghiên cứu cả hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh./.

CHUYÊN ĐỀ II:

HỒ CHÍ MINH - NHÀ TƯ TƯỞNG LỖI LẠC

HỒ CHÍ MINH - ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ NHÀ VĂN HOÁ KIỆT XUẤT*

GS.VS. NGUYỄN DUY QUÝ

Là "Anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam", sự tôn vinh của Tổ chức Văn hoá và Giáo dục Thế giới (UNESCO), nhân kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người (1990)[1], Hồ Chí Minh luôn luôn thể hiện nhất quán tư tưởng, đạo đức và nhân cách văn hoá trong sự nghiệp vĩ đại của Người.

1. Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc:

Trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam, nhân dân ta đã làm nên biết bao kỳ tích rất đáng tự hào. Thế kỷ XX là thế kỷ đấu tranh oanh liệt và giành nhiều thắng lợi vẻ vang. Trong những thắng lợi đó, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 mở ra kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở nước ta, không những có ý nghĩa trọng đại đối với Việt Nam mà còn có ý nghĩa quốc tế sâu sắc.

Như mọi người đều biết, ngày 6/6/1884, Triều đình nhà Nguyễn phải ký Hiệp ước Patenotre cam chịu đầu hàng, nước ta trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Trước thảm hoạ mất nước, khắp nơi nổ ra nhiều cuộc đấu tranh oanh liệt của nhân dân ta. Nhưng tất cả những cuộc nổi dậy oanh liệt ấy đều bị dìm trong biển máu. Nguyên nhân thất bại của phong trào yêu nước nói trên đều có quan hệ đến đường lối cứu nước. Sự khủng hoảng về đường lối cứu nước chỉ được khắc phục từ khi Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cách mạng.

---

* Báo *Nhân dân*, số ra ngày 17-5-1998, tr.3.

1. Nguyên văn Nghị quyết 24/C/18.65 của Đại Hội đồng UNESCO khoá 24-1987, bản tiếng Pháp: *"Hero de la liberation nationale et éminent de culture du Viet Nam"*, hay bản tiếng Anh: *"Vietnamese hero of national liberation and great man of culture"*.

Công lao to lớn đầu tiên của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam là Người đã tìm ra con đường cứu nước, khai phá con đường giải phóng cho dân tộc ta. Với nguyện vọng thiết tha là làm thế nào để giành lại độc lập, tự do cho Tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân, Hồ Chí Minh đã tham gia hoạt động đấu tranh trong phong trào giải phóng của các dân tộc bị áp bức cũng như tham gia phong trào của giai cấp công nhân ở các nước tư bản, đi qua nhiều nước trên thế giới ở châu Phi, châu Mỹ, châu Âu. Trên con đường bôn ba tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã gặp được luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa làm Người sung sướng đến chừng nào vì đã tìm thấy *"đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta"*. Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã nhận ra con đường cứu nước duy nhất đúng đắn là con đường cách mạng vô sản. Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới có thể triệt để giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Con đường cứu nước mà Hồ Chí Minh đã tìm ra là một sáng tạo vĩ đại, một cống hiến có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh của dân tộc Việt Nam. Con đường cách mạng của Việt Nam là con đường: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Để thực hiện được mục tiêu của cách mạng, Hồ Chí Minh rất coi trọng việc thành lập, xây dựng Đảng cách mạng, bởi lẽ: *"Đảng có vững cách mạng mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin"*[1].

Hồ Chí Minh là người sáng lập, giáo dục và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930, đồng thời Hồ Chí Minh rất coi trọng việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân vì đoàn kết là sức mạnh. Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công.

Hồ Chí Minh là tấm gương sáng ngời của một chiến sĩ cộng sản trọn đời vì nước vì dân, là biểu tượng khí phách anh hùng, ý chí độc lập tự cường, sáng tạo và quyết thắng không chịu khuất phục trước mọi kẻ thù.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.268.

Sau ba mươi năm hoạt động sôi nổi tìm đường cứu nước và theo dõi tình hình trong nước một cách sâu sát, Hồ Chí Minh đã trực tiếp chỉ đạo cuộc đấu tranh của nhân dân ta nhằm lật đổ sự thống trị thực dân, đế quốc, phong kiến, giành lại độc lập cho dân tộc, tự do, dân chủ cho nhân dân.

Ngày 8/02/1941, Nguyễn Ái Quốc về nước và sau đó, Người đã khẩn trương chuẩn bị Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhằm xác định nhiệm vụ trước mắt của nhân dân ta. Căn cứ vào hoàn cảnh lúc bấy giờ, Hội nghị Trung ương lần thứ tám đã xác định: "*Cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng*"[1].

Đây là một sự chuyển hướng chiến lược hết sức sáng suốt của Đảng ta nhằm tập hợp mọi lực lượng có thể tập hợp được vào Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi để đánh đổ Nhật, Pháp và bè lũ tay sai, giành cho được độc lập dân tộc, tạm gác nhiệm vụ điền địa. Vì "*trong giai đoạn hiện tại ai cũng biết rằng nếu không đánh đuổi được Pháp - Nhật thì vận mạng của dân tộc phải chịu kiếp trâu ngựa muôn đời mà vấn đề ruộng đất cũng không làm sao giải quyết được*"[2].

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ tám, Nguyễn Ái Quốc viết thư kêu gọi đồng bào cả nước: "*Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa bỏng. Việc cứu nước là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kề vai gánh vác một phần trách nhiệm: người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có sức góp sức, người có tài năng góp tài năng. Riêng phần tôi, xin đem hết tâm lực đi cùng các bạn, vì đồng bào mưu giành tự do độc lập, dầu phải hy sinh tính mệnh cũng không nề*"[3].

Để xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Nguyễn Ái Quốc, ngày 19-5-1941, Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh) được thành lập. Chương trình cứu nước của Việt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng - Toàn tập*, t.7, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.119.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng - Toàn tập*, t.7, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.119.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.3, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.198.

Minh lập tức được đông đảo nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ. Dưới ngọn cờ cứu nước của Việt Minh, phong trào cách mạng phát triển hết sức nhanh chóng vì đáp ứng được nguyện vọng thiết tha nhất của nhân dân là phải đánh đuổi Nhật - Pháp giành cho được độc lập dân tộc.

Cùng với việc xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng thông qua phong trào Việt Minh, Đảng ta đã chú ý xây dựng lực lượng vũ trang. Tại các nơi có phong trào đã tổ chức ra các đội tự vệ chiến đấu.

Hội nghị Trung ương lần thứ tám đã quyết định xây dựng căn cứ địa cách mạng, xây dựng căn cứ địa vũ trang trước hết là căn cứ địa Cao Bằng và căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai tạo ra căn cứ địa Việt Bắc vững chắc làm chỗ dựa cho cách mạng cả nước, tạo điều kiện cho Tổng khởi nghĩa Tháng Tám thắng lợi.

Ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập. Như vậy lực lượng vũ trang, bán vũ trang của Đảng ra đời ở nhiều nơi, đặc biệt là ở các chiến khu cách mạng. Đội du kích Ba Tơ ra đời từ cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, tiêu biểu ở Trung Bộ. Sau khi Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945), nhiều đội tự vệ ra đời ở hầu khắp các thôn xóm.

Cao trào kháng Nhật cứu nước là thời kỳ tiền khởi nghĩa - thời kỳ chuẩn bị khẩn trương về nhiều mặt cho Tổng khởi nghĩa Tháng Tám.

Ngày 13/8/1945, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh. Tình thế vô cùng khẩn cấp, cơ hội cho nhân dân ta giành độc lập đã tới. Nhờ có sự trù liệu trước nên ngày 13/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng quyết định phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương để giải giáp quân Nhật.

Uỷ ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập. Quân lệnh số 1 của Uỷ ban khởi nghĩa truyền đi như hồi kèn xung trận. Giờ tổng khởi nghĩa đã đến!

Quốc dân Đại hội họp ở Tân Trào (16/8/1945). Đại hội tán thành chủ trương phát động tổng khởi nghĩa của Đảng Cộng sản Đông Dương, cử ra Uỷ ban lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào: *"Giờ quyết định cho vận mệnh của dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta".*

Trong không khí sục sôi cách mạng, toàn dân Việt Nam triệu người như một đứng lên đập tan xiềng xích nô lệ, giành lấy chính quyền làm chủ vận mệnh đất nước.

Sáng ngày 19/8/1945, với khí thế cách mạng sục sôi, cả Hà Nội vùng dậy nhanh chóng giành được chính quyền.

Ở Huế ngày 23/8/1945, rồi ở Sài Gòn ngày 25/8/1945, cuộc khởi nghĩa đã thành công. Như vậy chỉ trong một thời gian ngắn, Cách mạng Tháng Tám đã thành công trong cả nước, chính quyền hoàn toàn về tay nhân dân.

Ngày 2/9/1945, tại Thủ đô Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc ***Tuyên ngôn độc lập:*** *"Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy"*[1].

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

Theo lời hiệu triệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn dân ta đã đoàn kết một lòng ra sức: "chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm". Chiến công nối tiếp chiến công, thắng lợi nối tiếp thắng lợi, vượt qua muôn trùng gian khổ hy sinh, nhân dân ta đã giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ giành được độc lập, thống nhất đất nước, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Quan điểm nổi tiếng của Hồ Chí Minh về độc lập, tự do đã trở thành động lực cách mạng có sức lôi cuốn toàn thể dân tộc "đánh thắng hai đế quốc to" đồng thời xây dựng xã hội mới, con người mới và văn hoá mới trong sự nghiệp xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào cách mạng thế giới.

Tư tưởng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh đã trở thành đường lối chính trị của chiến tranh giải phóng dân tộc; và hơn thế, còn trở thành phương pháp, nguyên tắc, biện pháp hành động và nghệ thuật tổ chức thực hiện bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng trên cơ sở thống nhất tư tưởng bạo lực cách mạng với tư tưởng nhân văn, nhân đạo và hoà bình.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.3, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.557.

Hồ Chí Minh là bậc thầy về chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam. Nguyên Tổng bí thư Trường Chinh khẳng định: Hồ Chí Minh *"dạy chúng ta mỗi khi tình hình đổi mới, điều kiện mới của cuộc vận động cách mạng đã nảy sinh, hàng ngũ bạn đồng minh của cách mạng đã có chỗ biến hoá thì phải lập tức xem xét lại chủ trương, chính sách và khẩu hiệu cách mạng, căn cứ vào tình hình mới mà định phương châm, chiến lược, sách lược, không nên bám lấy những khuôn khổ cũ kỹ và lỗi thời"*[1].

Hồ Chí Minh nhìn thấy "xã hội, con người luôn đổi mới". Vì thế, Người coi việc phát triển đất nước sau giải phóng dân tộc *"là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi. Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân"*[2].

Sự nghiệp của Hồ Chí Minh và toàn thể dân tộc Việt Nam, theo đánh giá của UNESCO, là đã "để lại dấu ấn" và "góp phần thúc đẩy quá trình phát triển của nhân loại". Lịch sử ghi nhận dân tộc Việt Nam thuộc vào hàng ngũ các dân tộc tiên phong đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, đế quốc để xây dựng một chế độ xã hội mới, xã hội chủ nghĩa. Đối với Hồ Chí Minh, sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam là không tách rời sự nghiệp đấu tranh của các dân tộc trên thế giới. Thực tế đã chứng tỏ Hồ Chí Minh là một chiến sĩ quốc tế mẫu mực, thuỷ chung, trong sáng. Viện sĩ V.M.Xôn-xép (Nga) xác nhận rằng *"năm tháng sẽ qua đi, nhưng nhân loại tiến bộ sẽ nhớ mãi tên tuổi và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh"*[3].

Sự nghiệp và cống hiến của Hồ Chí Minh, sở dĩ được UNESCO tôn vinh là anh hùng giải phóng dân tộc, vì Người *"là một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội"*[4].

---

1. Trường Chinh: *Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1991, tr.146.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.505.
3. Xem *Hội thảo Quốc tế về Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr.98.
4. Nghị quyết 24C/18.65 của Đại Hội đồng UNESCO khoá 24-1987 về kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nhà sử học Mỹ, William J. Duiker, sau khi nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh, đã kết luận: "*Ông Hồ Chí Minh là một người tạo ra thời thế... Ông đã kết hợp được trong bản thân mình hai trong số các lực lượng thông tin của lịch sử Việt Nam hiện đại: khát vọng độc lập dân tộc và hoài bão về công bằng xã hội... cho nên ông có khả năng truyền đạt thông điệp của mình đến khắp các dân tộc thuộc địa trên thế giới, đáp ứng yêu cầu của họ về một cuộc sống danh dự và tự do, thoát khỏi ách áp bức của chủ nghĩa đế quốc... Bất kể lời phán xét thế nào đối với di sản của ông để lại cho dân tộc mình, Hồ Chí Minh vẫn có vị trí trên tượng đài của các vị anh hùng cách mạng đã chiến đấu ngoan cường cho những người cùng khổ trên thế giới, giúp họ nói lên được tiếng nói đích thực của mình*"[1].

Tại cuộc hội thảo quốc tế Việt Nam trong Thế kỷ XX tổ chức tại Hà Nội, Chủ tịch danh dự Hội đồng Hoà bình Thế giới, ngài Romesh Chandra nói: "*Trong nửa sau thế kỷ XX, có một từ đã xuất hiện trong tiếng nói của những người bảo vệ và kiến tạo hoà bình trên thế giới, một từ mà cùng một lúc mang rất nhiều ý nghĩa: đấu tranh, dũng cảm, anh hùng và nó còn có ý nghĩa là chiến thắng, độc lập, tự do.*

*Từ đó là **Việt Nam.** Và có một cái tên đã luôn gắn liền với từ này - từ chỉ tên một đất nước. Đó là **Hồ Chí Minh.** Người là niềm cảm hứng cho cuộc đấu tranh bất khuất của dân tộc mình, và cũng là nguồn cảm hứng cho tất cả các dân tộc đang đấu tranh cho những điều tốt đẹp nhất của nhân loại*"[2].

2. Hồ Chí Minh - Nhà văn hoá kiệt xuất:

Sự nghiệp, cống hiến của Hồ Chí Minh, xét về bản chất, là sự nghiệp văn hoá, vì sự nghiệp và cống hiến lớn nhất của Người là để giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và con người, nhằm bảo vệ, phát triển những giá trị văn hoá nhằm phục vụ những lợi ích chân chính của con người.

Ở Hồ Chí Minh, tư tưởng và tấm gương sáng của nhà văn hoá kiệt xuất được thể hiện trước tiên trong sự nghiệp và cống hiến của Người với tư cách là anh hùng giải phóng dân tộc, đồng thời còn được thể hiện ở tấm gương sáng, tư tưởng văn hoá và nhà hoạt động sáng tạo văn hoá lớn.

---

1. William J. Duiker: *Hồ Chí Minh a life*, Hyperion, New York, 2000, tr.577.
2. *Việt Nam trong thế kỷ XX*, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.48.

Tấm gương sáng thể hiện ở nhân cách văn hoá, đó là tổng hoà các quan hệ xã hội - văn hoá thông qua phẩm chất cá nhân. Là cái xã hội trong cái cá nhân, nhân cách văn hoá được hình thành thông qua tu dưỡng và thực hành phẩm chất cá nhân trong thực tế. Trong công trình *"Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam"*, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nêu những phẩm chất sau đây của nhân cách văn hoá Hồ Chí Minh[1]:

- Hồ Chí Minh là người sống có hoài bão, có lý tưởng yêu nước, thương dân sâu sắc, nhất là đối với những người cùng khổ bị áp bức, bóc lột, có bản lĩnh kiên định, có khí tiết kiên cường trong đấu tranh thực hiện mục tiêu, lý tưởng đã lựa chọn;

- Hồ Chí Minh là người đặc biệt thông minh, sắc sảo, nhạy bén với cái mới, ham học hỏi, có tư duy độc lập sáng tạo;

- Hồ Chí Minh là người có lòng tin mãnh liệt ở nhân dân; có ý chí, nghị lực phi thường và đầu óc thực tế, nói đi đôi với làm.

- Hồ Chí Minh là người mẫu mực về đạo đức cách mạng; tác phong bình dị, chân tình, khiêm tốn, có sức cảm hoá lớn đối với mọi người;

- Hồ Chí Minh là bậc đại nhân, đại trí, đại dũng.

Đó là những phẩm chất nổi bật trong nhân cách văn hoá Hồ Chí Minh. Phẩm chất nói riêng và nhân cách văn hoá nói chung ở Hồ Chí Minh là kết quả tổng hợp các nguồn lực văn hoá Đông, Tây một cách nhuần nhuyễn trên nền móng truyền thống văn hoá Việt Nam. Có thể gọi trình độ đó là tích hợp đa tổng hợp nhuần nhuyễn giữa cách thức tư duy, trí tuệ, tình cảm và hành động đến mức giản dị, khiêm tốn phi thường.

Giản dị và khiêm tốn là biểu hiện của kết quả tổng hợp - tích hợp đa văn hoá trên cơ sở và thông qua các phẩm chất kiệt xuất của Hồ Chí Minh. Tổng thống Cộng hoà Chilê X.Agiendê đã khái quát: *"Nếu như muốn tìm một sự tiêu biểu cho tất cả cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh thì đó là đức tính vô cùng giản dị và sự khiêm tốn phi thường"*[2]. Giản dị và khiêm tốn là thuộc tính hàng đầu của nhà văn hoá kiệt xuất Hồ Chí

1. *Việt Nam trong thế kỷ XX*, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.48.
2. Xem *"Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chí Minh"*, in lần thứ hai, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, tr.378.

Minh, kể cả khi Người là Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước có uy tín rất cao, sức hấp dẫn rất lớn.

Một thuộc tính cơ bản nữa ở nhà văn hoá kiệt xuất Hồ Chí Minh là giữ vững chữ tín trong nhân cách văn hoá. Chữ tín lớn nhất ở Hồ Chí Minh là phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân. Chữ tín then chốt ở Hồ Chí Minh là chữ tín với lý tưởng, mục tiêu hoạt động và nguyên tắc xây dựng Đảng. Chữ tín cơ bản ở Hồ Chí Minh là giữ vững lời hứa, nói là làm, dù chỉ là những điều nhỏ nhất trong quan hệ giữa con người với con người. Suốt đời Người tâm niệm với chữ tín đó, "như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận". Giữ chữ tín là yêu cầu và kết quả chung của việc kế thừa các giá trị Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín trong truyền thống văn hoá Việt Nam.

Để giữ chữ tín, Hồ Chí Minh xác định "đối với tự mình", phải "Cần, kiện, liêm, chính, chí công vô tư", phải thường xuyên khắc phục "những cái xấu trong mình ta" và không tầm thường với cả những điều nhỏ nhặt trong sinh hoạt thường nhật. Hồ Chí Minh giữ chữ tín bằng lối sống giản dị, khiêm tốn và bằng phương thức dân chủ, trước hết là tự phê bình và phê bình với cái tâm trong sáng và trí tuệ tỉnh táo, để xác lập niềm tin giữa con người với con người, và để xác lập niềm tin đối với nhân dân, nhằm giữ vững mối quan hệ mật thiết giữa Người với nhân dân. Nhờ vậy, mới có thể đem "tài dân, sức dân, của dân, làm lợi cho dân" với tính cách là phương châm hành động nhất quán của Người.

Người quan niệm "xã hội, con người đều đổi mới, không đổi mới là lạc hậu". Đổi mới là thể hiện sự sáng tạo, là kết quả của sự sáng tạo. Song đổi mới, sáng tạo phải dựa vào chữ tín và giữ vững chữ tín với cái tâm trong sáng và trí tuệ tỉnh táo. Giữ vững chữ tín theo tư tưởng Hồ Chí Minh là kiên định thực hiện lý tưởng, mục tiêu hoạt động của Đảng: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Giữ vững chữ tín là thực hành "tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền" [1], trong đó có cả tấm gương tư tưởng, đạo đức... nhân cách văn hoá và quan trọng nhất là tấm gương thực hành. Giữ vững chữ tín là giữ vững niềm tin vào mối quan hệ mật thiết với nhân dân; là không ngừng học hỏi dân, không ngừng "tự đổi mới" để nâng mình, đồng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.263.

thời nâng tầm mỗi người và mọi người, nhằm khơi dậy tiềm năng văn hoá và định hướng cho sự hình thành một nền văn hoá mới của Việt Nam.

Một thuộc tính nổi trội nữa ở nhà văn hoá kiệt xuất Hồ Chí Minh là khoan dung văn hoá[1]. Người trân trọng "tính cách riêng", "sở trường riêng", "đời sống riêng" của mỗi người. Người trân trọng mọi giá trị văn hoá dân tộc, nhân loại và chấp nhận những giá trị văn hoá riêng, khác biệt của mỗi dân tộc. Hồ Chí Minh từng thừa nhận mình là học trò của Mác, Giê-su, Khổng Tử, Tôn Dân Tiên, vì *"các vị ấy đều có điểm chung giống nhau là mưu cầu hạnh phúc cho loài người... Nếu họ còn sống và ở gần nhau, tôi tin họ sẽ chung sống thoải mái với nhau như những người bạn tốt"*[2]. Người tôn trọng đức tin của các tôn giáo khác nhau; khẳng định lý tưởng cao đẹp và những giá trị nhân bản của các vị sáng lập ra các tôn giáo đó. Người thành thật hướng lý tưởng của các tôn giáo vào sự nghiệp giải phóng dân tộc và mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân. Người thể hiện nhất quán tư tưởng đối thoại, hoà bình với thái độ hiểu biết và nhân nhượng lẫn nhau. Người là biểu tượng và khát vọng về một nền văn hoá hoà bình Việt Nam.

Với những phẩm chất và thuộc tính cơ bản nổi trội đó, nhà văn hoá kiệt xuất Hồ Chí Minh được mọi người dân thuộc các ngành, các giới kính yêu với tư cách "là cha, là bác, là anh" (Tố Hữu); là lãnh tụ nhưng là một tấm gương sáng để mỗi người dân bình thường cũng có thể noi theo một cách tự nhiên, nhằm xây dựng "đời sống mới" cho bản thân, tập thể và đất nước.

Với những phẩm chất và thuộc tính cơ bản nổi trội ấy, nhà văn hoá kiệt xuất Hồ Chí Minh đã cảm hoá và nâng tầm mỗi người, mọi người "rũ bùn đứng dậy sáng loà" (Nguyễn Đình Thi) để giải phóng dân tộc, nhằm xây dựng xã hội mới, con người mới và nền văn hoá mới trên cơ sở coi *"văn hoá là tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn"*[3].

Hồ Chí Minh quan niệm "những biểu hiện" của văn hoá dân tộc gồm: *"ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ*

1. Xem thêm Huỳnh Khái Vinh, Nguyễn Thanh Tuấn, *Bàn về khoan dung trong văn hoá*, tái bản có sửa chữa, bổ sung. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.253-263.
2. Trần Dân Tiên, *Hồ Chí Minh truyện*, Trương Niệm Thức dịch, Bát Nguyệt xuất bản xã, Thượng Hải, 1949, tr.49, tiếng Trung.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.3, tr.431.

thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng"[1]. Người quan niệm, văn hoá không chỉ là một lĩnh vực riêng lẻ của đời sống xã hội, mà tương đồng với đời sống xã hội, song không bao trùm lên trên hay bao quát từ bên ngoài, mà thấm vào trong "mọi phương thức sinh hoạt cùng với những biểu hiện của nó".

Chính vì thế, Hồ Chí Minh khẳng định *"Văn hoá có liên lạc với chính trị rất mật thiết"*. Trong kháng chiến chống Pháp, Người đề xuất phương châm: *"Kháng chiến hoá văn hoá, văn hoá hoá kháng chiến"*,trong xây dựng hoà bình, Người xác định có 4 vấn đề cần phải chú ý đến và coi trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá.

Đối với Hồ Chí Minh, sức tác động, tầm ảnh hưởng của văn hoá là rất lớn, đến mức "văn hoá hoá kháng chiến", văn hoá thấm vào trong chính trị, kinh tế, xã hội và "soi đường cho quốc dân đi".

Trên cơ sở nắm vững tính quy luật hình thành và phát triển của nền văn hoá dân tộc, Hồ Chí Minh yêu cầu xây dựng nền văn hoá mới phải kết hợp hài hoà, đúng đắn truyền thống và hiện đại, dân tộc và quốc tế, nhằm xây dựng nền văn hoá mới Việt Nam. Chủ trương của Người là phải chú ý nghiên cứu toàn diện văn hoá của dân tộc khác để có thể tiếp thu nhiều hơn cho văn hoá của mình. Mặt khác, giữ vững và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc chính là góp phần làm phong phú thêm nền văn hoá thế giới.

Cần lưu ý rằng trong việc giữ vững và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, theo Người, phải "tránh phục cổ một cách máy móc", tôn trọng tiếng nói, phong tục tập quán văn hoá của các dân tộc thiểu số và tăng cường sự giao lưu, bồi bổ lẫn nhau giữa các dân tộc, để làm cho nền văn hoá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam phong phú, đa dạng, "làm cho vườn hoa văn hoá dân tộc ngàn sắc, muôn hương". Và cũng cần lưu ý rằng, trong hội nhập quốc tế, theo Người, ta phải "giữ cốt cách dân tộc", còn phương Đông hay phương Tây có cái gì hay, cái gì tốt phải học tập lấy để tạo ra nền văn hoá Việt Nam, nghĩa là lấy kinh nghiệm tốt của văn hoá xưa và văn hoá nay, trau dồi văn hoá Việt Nam thật có tinh thần thần tuý Việt Nam để hợp với tinh thần dân chủ[2].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.3, tr.431.
2. Hồ Chí Minh, Bài nói tại Hội nghị văn hoá toàn quốc, tháng 1/1946.

Để xây dựng nền văn hoá mới theo Hồ Chí Minh, cần xác định tầm quan trọng trước tiên của chủ thể văn hoá hay "con người XHCN". Thật vậy, khi xác định năm điểm lớn trong sự nghiệp xây dựng nền văn hoá mới, Người coi xây dựng tâm lý, luân lý có tầm quan trọng như xây dựng phúc lợi của nhân dân, xây dựng dân quyền (xây dựng chính trị) và xác định kinh tế[1]. Người nói rõ: "*xây dựng tâm lý là xây dựng lý cách, tinh thần độc lập tự cường; xây dựng luân lý là biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng*"[2]. Đó là "cái gốc" của con người mới xã hội chủ nghĩa với tư cách là chủ thể xây dựng nền văn hoá mới.

Với tư tưởng đó, Hồ Chí Minh đã khơi dậy và phát huy lương tri con người với tính cách là sự tổng hoà của nhận thức triết học, của tâm lý và luân lý làm người. Từ đó đã kiến thiết được mối giao hoà giữa lương tri con người, lương tri dân tộc và lương tri thời đại trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng nền văn hoá mới. Noi theo tư tưởng và tấm gương sáng của Người đã xuất hiện những tấm gương người tốt, việc tốt, tấm gương điển hình, đại diện cho "đời sống mới", "nền văn hoá mới".

Bằng tư tưởng và tấm gương sáng, Hồ Chí Minh đã khơi dậy tiềm năng truyền thống văn hoá Việt Nam, định hướng cho sự ra đời một nền văn hoá mới. Người nhận ra được vai trò soi đường và sức mạnh động lực, điều tiết của văn hoá; sớm đưa văn hoá vào chiến lược giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ mới như xoá mù chữ, trồng cây, trồng người, cải tạo môi trường sinh thái... Ngày nay, những chủ trương này được Liên hợp quốc đề xuất thành các cuộc vận động lớn trên toàn thế giới. Hồ Chí Minh rõ ràng đã thúc đẩy, nâng dân tộc lên một tầm văn hoá mới. Bản thân Người tiêu biểu cho tầm cao trí tuệ, văn hoá dân tộc và thời đại.

Người làm chủ được nhiều ngôn ngữ khác nhau trong viết văn, viết báo, làm thơ, luận bàn chính trị và văn hoá... Người là nhà thơ, nhà văn, nhà báo cách mạng vĩ đại. Những bài thơ "thơ đuổi giặc" không vắng bóng con người; những thành tựu văn chương đặt nền móng cho nền văn xuôi hiện thực mới; những bài báo ngắn gọn, súc tích góp phần thức tỉnh dân tộc, v.v... phản ánh sức sáng tạo văn chương, nghệ thuật ở Người.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.3, tr.431.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.3, tr.431.

Nghị quyết của UNESCO đánh giá "*sự đóng góp về nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực văn hoá, giáo dục và nghệ thuật là kết tinh của truyền thống hàng ngàn năm của nhân dân Việt Nam và những tư tưởng của Người là hiện thân của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho sự hiểu biết lẫn nhau*"[1].

Hồ Chí Minh là một vĩ nhân của lịch sử Việt Nam và thế giới, con người tiêu biểu của văn hoá dân tộc và nhân loại trong thời đại mới. "*Tôi đã hình dung ra được một cách cụ thể... dân tộc An Nam đáng yêu, một dân tộc rất lịch thiệp và độ lượng, rất ghét những gì thái quá. Dáng dấp của con người đang ngồi trước mặt tôi đây, Nguyễn Ái Quốc, cũng đang toả ra một cái gì thật lịch thiệp và tế nhị*". "*Qua phong thái thanh cao, trong giọng nói trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như nghe thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mênh mông của tình hữu ái trên thế giới*". "*Từ Nguyễn Ái Quốc đã toả ra một thứ văn hoá, không phải văn hoá Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hoá tương lai*"[2].

Hơn 80 năm đã trôi qua, ngày càng chứng minh cái nhìn nhạy bén và nhận xét tài tình của nhà báo Xô viết. Chúng ta ngày càng thấy Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hoá kiệt xuất, không chỉ kết tinh những thành tựu của quá khứ, không chỉ thể hiện đỉnh cao của trí tuệ và tâm hồn thời đại mà còn báo hiệu qua chính bản thân mình những phẩm chất tiêu biểu cho nền văn hoá ngày mai.

---

1. Nghị quyết 24C/18.65 của Đại Hội đồng UNESCO về kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh.
2. Ô-xíp Manđenxtam, nhà báo Liên Xô, Báo Ogoniok (Liên Xô) số 39 ngày 23/12/1923. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.478-479.

HỒ CHÍ MINH - NHÀ TƯ TƯỞNG LỖI LẠC*

GS. SONG THÀNH

A. HỒ CHÍ MINH - NHÀ TƯ TƯỞNG, NHÀ LÝ LUẬN CÁCH MẠNG SÁNG TẠO

I. Quan niệm về nhà tư tưởng, nhà lý luận

Đến nay, vẫn không tránh khỏi còn có người băn khoăn một cách thành thật: xét về vị thế, gọi Chủ tịch Hồ Chí Minh là anh hùng giải phóng dân tộc vĩ đại, nhà văn hoá kiệt xuất, điều đó không cần phải bàn cãi, nhưng còn nhà tư tưởng, nhà lý luận?

Bác Hồ không để lại cho chúng ta những công trình đồ sộ có tính chất lý luận chung, hoàn chỉnh và hệ thống, mà phần lớn chỉ là những bài báo, thư từ, lời kêu gọi,... Gọi là tác phẩm, thì như Người đã từng nói: trong đời mình, Người chỉ viết có một tác phẩm duy nhất là *Bản án chế độ thực dân Pháp*.

Làm gì có nhiều lý luận trong những bài viết giản dị, ngắn gọn ấy? Người có cố tình làm "lý luận", viết "lý luận" đâu? Không cần thêm nhà tư tưởng, nhà lý luận, Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng ta cũng đã đủ vĩ đại, đã được thừa nhận là một trong những vĩ nhân in dấu ấn sâu sắc vào thế kỷ XX rồi.

Một vài nhà nghiên cứu phương Tây cũng cho rằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh không có tham vọng là một nhà tư tưởng, một nhà lý luận; Người chỉ là một nhà tổ chức, một nhà hoạt động thực tiễn, mặc dù họ có kèm theo sau đó những tính từ như "to lớn, kỳ tài, thiên tài", v.v...

---

* Trích trong cuốn: *Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc* của GS. Song Thành, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2004.

Jean Lacouture viết: "Vị lãnh tụ của Việt Nam không tỏ ra là một nhà lý luận và hình như ít chú ý về mặt này, thậm chí còn tỏ ra khó chịu hoặc coi thường những cuộc tranh luận về chủ nghĩa..."[1]. Đọc các tác phẩm của Hồ Chí Minh, ông đưa ra nhận xét: Không thấy những tiểu luận dài có tính lý luận khái quát mà chỉ thấy một chuỗi nghiên cứu chính trị cụ thể, những bài khái lược, những bản báo cáo khả dĩ cho chúng ta thấy rõ một sự quan tâm thường xuyên nhằm thâm nhập thời cuộc... Từ đó, ông cho rằng "sự nghiệp kỳ lạ của Cụ Hồ không ở chiều độ tư tưởng của nó.... Cụ chỉ là một *"người điều khiển kỳ tài"*, một *"người khéo tay thiên tài"*. Ông còn gọi Cụ Hồ là một *"người cộng sản cấu trúc"* vì đã dành cả cuộc đời của mình để "xây đắp, nhào nặn, tạo dựng phong trào"[2].

Bernard Fall thừa nhận Chủ tịch Hồ Chí Minh là "một người có học thức uyên thâm, nhưng không bao giờ là một nhà tư tưởng hay một nhà lý luận"[3].

Philippe Devillers cho rằng "thành công của những người mácxít ở Việt Nam không phải là ở học thuyết của họ mà ở hiệu lực của hệ thống mà họ đã lập nên", tức là không phải nhờ sức mạnh của tư tưởng, lý luận mà là nhờ tài khéo léo về tổ chức.

Cần nói ngay rằng, các học giả và nhà báo nói trên đều có thiện chí, rất khâm phục Cụ Hồ và không hề có ý định làm giảm giá trị lịch sử to lớn của cách mạng Việt Nam, của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tiến trình lịch sử thế giới hiện đại. Họ nói có điều đúng: Cụ Hồ rất khiêm tốn, không bao giờ Người nhận mình là nhà tư tưởng, nhà lý luận, lại càng không ưa nói lý luận một cách dông dài. Ruth Fisher, đại biểu Đảng Cộng sản Đức tại Quốc tế Cộng sản từng có nhận xét về anh Nguyễn thời kỳ ở Trường Đại học Phương Đông: "Theo bản tính, anh thiên về hành động hơn là những cuộc tranh luận về học thuyết"[4].

Điều cần nói ở đây là do bị chi phối bởi quan niệm học thuật phương Tây, các tác giả nói trên thiên về đề cao những tư tưởng thuần tuý triết học mà coi nhẹ những hoạt động cách mạng thực tiễn. Họ thường đi tìm tính chất lý luận ở những suy tưởng trừu tượng, ở cách diễn đạt cao siêu,

1. J. Lacouture: *Hồ Chí Minh*, Ed. Seuil, Paris, 1967, tr.200.
2. J. Lacouture: sdd, tr.181 và 200.
3. B. Fall: *Le Viet Minh 1945-1960*, Armand Colin, Paris, 1960, tr.26.
4. Dẫn lại theo Davis Halberstam.

có tính tư biện, mà không thấy những hạt ngọc lý luận lấp lánh đằng sau những câu nói giản dị, ngắn gọn, dễ hiểu.

Cũng theo đó, họ quan niệm nhà tư tưởng, nhà lý luận ở một vĩ nhân như Hồ Chí Minh thì phải đem lại những "hệ thống lớn", những luận đề lý thuyết hoàn toàn mới mẻ, độc đáo, lật ngược lại những nguyên lý quen thuộc, có như vậy mới được coi là "sáng tạo học thuyết".

Ở nước ta, những quan niệm và nhận thức trên đây không phải không có ảnh hưởng nhất định trong suy nghĩ của một số người, do đó cần thiết phải được làm sáng tỏ trước khi đi vào tìm hiểu sự nghiệp tư tưởng, lý luận Hồ Chí Minh.

1. Về quan niệm lý luận và phong cách diễn đạt lý luận

Có một số người thường dựa vào đặc điểm ngôn ngữ và cách diễn đạt của Hồ Chí Minh để lập luận rằng, Người không hề có ý định viết lý luận, không hề có ý định trở thành nhà lý luận. Người cũng không để lại cho chúng ta những công trình lớn mang tính chuyên luận.

Trước hết, cần nói ngay rằng: tư tưởng - lý luận không nhất thiết sinh ra từ các cuốn sách dày cộp! Giá trị của tư tưởng - lý luận không phụ thuộc vào số trang, số tập mà ở ý nghĩa, tác dụng của nó đối với sự biến đổi của lịch sử, ở sự đóng góp của nó vào sự phát triển của đời sống dân tộc và nhân loại.

Thích Ca, Giêxu,... đã viết gì? Thế mà các ông lại được coi là những nhà tư tưởng lớn, có ảnh hưởng sâu sắc trong đời sống tinh thần của nhân loại suốt mấy nghìn năm nay? Tác phẩm của Khổng Tử, Lão Tử như *Luận ngữ, Đạo đức kinh* cũng chỉ là những lời giảng đạo của hai ông, được học trò đời sau ghi chép lại, ai dám bảo các ông không phải là những nhà tư tưởng, những nhà sáng tạo học thuyết?

Đúng là Hồ Chí Minh không viết dài. Phần lớn những bài viết của Người là diễn văn, thư từ, lời kêu gọi, bài nói chuyện... tất cả đều giản dị, những khái niệm lý luận hiện đại đều được thay thế bằng những từ ngữ thông thường. Phải chăng, đó không phải là tư tưởng?

Ở đây có mấy khía cạnh cần được làm sáng tỏ:

1.1. Quan niệm về lý luận

Theo quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin, lý luận được sinh ra trên nền tảng thực tiễn, là kết quả của sự khái quát kinh nghiệm thực tiễn.

Không có thực tiễn cách mạng thì không có lý luận cách mạng, ngược lại không có lý luận cách mạng thì cũng không có phong trào cách mạng.

Như vậy, đối với chúng ta, không có lý thuyết nào là tự thân, lý luận nào cũng nảy sinh từ *nhu cầu giải đáp thực tiễn*. Nhu cầu của thực tiễn có tác dụng quyết định đối với sự phát triển của mọi khoa học nói chung và lý luận nói riêng.

Tác phẩm của Hồ Chí Minh có giá trị tư tưởng - lý luận to lớn vì nó đã giải đáp được nhu cầu của thực tiễn cách mạng Việt Nam.

- Làm thế nào để giải phóng dân tộc khỏi ách thuộc địa của thực dân Pháp trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc đã trở thành một hệ thống thế giới?

- Làm thế nào để xây dựng được chính đảng mácxít - lêninnít của giai cấp công nhân ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến, công nghiệp chưa phát triển, giai cấp công nhân còn nhỏ bé?

- Làm thế nào để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước nông nghiệp lạc hậu, chưa trải qua trình độ phát triển của chủ nghĩa tư bản, lại bị mấy chục năm chiến tranh tàn phá?, v.v..

Đó là những con đường chưa có tiền lệ trong lịch sử, phải từ trong đấu tranh thực tiễn mà khai phá, tìm tòi. Và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thành công trong việc tìm ra một hệ thống lý luận cách mạng phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện nước ta, do đó đã đưa cách mạng Việt Nam đi tới những thắng lợi huy hoàng, làm thay đổi tận gốc cuộc sống trên đất nước ta và góp phần tác động sâu xa vào tiến trình lịch sử thế giới.

Thử hỏi, làm thế nào có thể hoàn thành được một sự nghiệp vĩ đại như vậy chỉ nhờ vào "khéo tay", "khéo làm", chỉ do biết "tổ chức giỏi", chứ không phải do nắm vững những quy luật khách quan của sự phát triển xã hội, không phải do nắm vững và vận dụng sáng tạo lý luận?

1.2. Phong cách diễn đạt lý luận

Lý luận có thể có nhiều phong cách diễn đạt. Đặc tính chung của lý luận là *tính khái quát*. Tính khái quát đó có thể được diễn đạt một cách trừu tượng, theo lối suy tưởng triết học với những câu dài, gồm nhiều mệnh đề chồng chéo, như kiểu các nhà triết học phương Tây.

Nhưng tính khái quát của lý luận cũng có thể được diễn đạt một cách trong sáng, giản dị, cô đọng, hàm súc, dễ hiểu, dễ nhớ mà vẫn thể hiện được

cái bản chất, cái cốt lõi của sự vật và hiện tượng. Đó là cách nói lý luận qua hình ảnh, biểu tượng kiểu phương Đông và nhất là *cách nói lý luận với quần chúng* của Hồ Chí Minh.

Cần nói ngay rằng Hồ Chí Minh viết giản dị không phải vì Người không viết được uyên bác. Xuất thân trong một gia đình khoa bảng, từ nhỏ Người đã được hấp thụ một nền Quốc học và Hán học sâu sắc. Trong những năm bôn ba tìm đường cứu nước, Người đã sống, học tập, hoạt động thực tiễn và lý luận ở giữa những trung tâm văn hoá, khoa học và cách mạng của châu Âu; đã gần gũi và làm việc bên cạnh những chính khách hàng đầu của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế... Một người có trí tuệ lỗi lạc và học vấn uyên thâm như Hồ Chí Minh, muốn viết lý luận kiểu hàn lâm không phải là chuyện không làm được.

Tuỳ đối tượng, khi cần uyên bác, Người cũng đã từng viết rất uyên bác. Đó là những bài báo, luận văn, bút chiến,... được viết một cách đanh thép, sắc sảo nhằm chống lại ngôn luận xằng bậy của bọn chính khách tư sản và lên án tội ác của chủ nghĩa thực dân... được viết vào đầu những năm 20 của thế kỷ XX tại Pháp. Đó là những bài phát biểu, tham luận, tranh luận về các vấn đề lý luận phức tạp trên diễn đàn các đại hội ở Pari và Mátxcơva. Đó là cách nói hàm súc, ẩn dụ, ý tại ngôn ngoại để nói với các bậc đại nho ở trong nước, v.v...

Nhưng từ những lớp huấn luyện ở Quảng Châu, nhất là từ sau khi về nước, Người không thể dùng cách viết "tầm chương trích cú" với người ít học, mà bằng cách viết, cách nói dễ hiểu, dễ nhớ, Người đã làm cho lý luận trở nên gần gũi với tất cả mọi người. Thức tỉnh lòng yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của hàng chục triệu người mù chữ và thất học, từ chỉ quen sống yên phận, dám vùng dậy đấu tranh đòi giải phóng, đó là một sự nghiệp gian nan và phi thường. Phải nói và viết sao cho họ hiểu được, hiểu để làm được, đó là mục tiêu, là cứu cánh của lý luận. Người chủ trương: "Lý luận cốt để áp dụng vào thực tế". Người thường chỉ trích: "Viết gì mà dài dòng và rỗng tuếch như thế? Chỉ có một cách trả lời: là quyết không muốn cho quần chúng xem"[1].

Có hiểu được mục đích và quan điểm về cách viết lý luận của Hồ Chí Minh mới hiểu được phong cách lý luận Hồ Chí Minh, một phong cách thống nhất với lý tưởng, đạo đức và nếp sống của Người.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1995, t.5, tr.299.

Tóm lại, cũng như việc Chủ tịch Hồ Chí Minh không hề nhận mình là nhà thơ nhưng sự nghiệp thơ ca của Người để lại đã đưa Người lên hàng những nhà thơ xuất sắc của dân tộc, việc Người không hề có tham vọng trở thành nhà tư tưởng, nhà lý luận, càng không thích lý luận một cách rông dài, nhưng sự nghiệp tư tưởng - lý luận mà Người để lại đã làm cho Người được thừa nhận như một nhà tư tưởng lỗi lạc, nhà lý luận sáng tạo; đó là hai việc khác nhau.

2. Về tính hệ thống và những cái mới mà Hồ Chí Minh đóng góp vào kho tàng lý luận Mác - Lênin

Lý luận là sự khái quát kinh nghiệm thực tiễn thành hệ thống, lý luận đòi hỏi phải có tính hệ thống.

Trong lịch sử tư tưởng nhân loại, có học thuyết đã trải qua quá trình phát triển hàng trăm năm, hàng nghìn năm, được xây dựng thành một hệ thống hoàn chỉnh, rất đồ sộ, như Phật giáo, Nho giáo, hệ tư tưởng Mác - Lênin, v.v..

Cũng có học thuyết chỉ có ảnh hưởng trong một thời, ở một vùng, mà hệ thống lý luận của nó cũng không có gì phức tạp. Ví như *chủ nghĩa Gandhi, chủ nghĩa Tam Dân* của Tôn Trung Sơn,...

Chủ tịch Hồ Chí Minh không tạo cho mình một học thuyết riêng, đứng ngoài chủ nghĩa Mác - Lênin, nhưng trong khi vận dụng tài tình và sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của Việt Nam, kết hợp với truyền thống tư tưởng của dân tộc, tinh hoa văn hoá của nhân loại, Hồ Chí Minh đã sáng tạo nên một hệ thống tư tưởng và lý luận của mình, rất Việt Nam mà cũng rất Mác - Lênin. Điều đó không có gì lạ bởi những nguyên lý của học thuyết Mác - Lênin đòi hỏi phải được vận dụng phù hợp với mỗi hoàn cảnh cụ thể và từ thực tiễn sinh động đó mà phát triển, làm phong phú thêm cho lý luận.

Báo chí Cuba viết rằng: Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho thời đại một học thuyết bất hủ - *học thuyết về độc lập, tự do*! Chủ tịch nước Cuba Phiđen Caxtơrô đã nói rõ điều này: "Người đã tìm ra con đường kết hợp giữa tư tưởng yêu nước của các dân tộc với sự cần thiết phải giải thoát họ khỏi sự bóc lột xã hội. Sự nghiệp giải phóng dân tộc và sự nghiệp giải phóng xã hội là hai điểm then chốt trong học thuyết của Người"[1]. "Đó là

1. *Hồ Chủ tịch trong lòng nhân dân thế giới*, Nxb. Sự thật, H. 1979, tr.42.

một cống hiến khác thường của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào tư tưởng cách mạng thế giới"[1].

Chủ tịch Hồ Chí Minh không có một công trình riêng trình bày, giới thiệu hệ thống tư tưởng của mình. Nhưng tự thân mỗi vĩ nhân là một hệ thống hoàn chỉnh. Nghiên cứu, khám phá, phát hiện cho đầy đủ và chính xác hệ thống vốn có của tư tưởng vĩ nhân, đó là nhiệm vụ của các nhà nghiên cứu.

Trở lại vấn đề "cái mới" mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đem lại cho chủ nghĩa Mác - Lênin. Cái mới không phải lúc nào cũng đồng nhất với cái phủ định. Triết học Mác thừa nhận bên cạnh sự thay đổi về *chất* còn có sự thay đổi về *lượng,* bên cạnh cái *chung* còn có cái *riêng.*

Mỗi một nhà tư tưởng, nhà lý luận, khi mới hình thành, thường bao giờ cũng gắn bó với một hệ tư tưởng sẵn có, rồi từ kế thừa sáng tạo mà tiến lên phát triển hoặc vượt qua. C. Mác và Ph. Ăngghen ban đầu cũng tham gia phái Hêghen rồi sau mới kế thừa phủ định hệ tư tưởng duy tâm biện chứng của Hêghen và sáng lập ra chủ nghĩa duy vật biện chứng mácxít. Lịch sử phát triển các ý thức hệ cũng như của bất cứ lĩnh vực văn hoá - tinh thần nào khác cũng thường diễn ra như vậy.

Nói riêng, trong nội bộ một học thuyết, một trào lưu hay trường phái học thuật - tư tưởng nhất định, thường có ba loại người: có người sáng lập, đặt nền móng; có người kế thừa, vận dụng sáng tạo; có người phát triển, làm phong phú, đưa nó lên tầm cao mới.

Khổng Tử chỉ làm cái việc san định các tư tưởng Nho gia thời Tây Chu, đem lại cho Nho giáo bộ mặt mới, có hệ thống chặt chẽ, chỉ "thuật nhi bất tác" mà có ai dám bảo ông không phải là một nhà tư tưởng lớn của xã hội Trung Quốc cổ đại.

Các học trò của ông, từ Mạnh Tử, Tuân Tử đến Đổng Trọng Thư, Trình, Chu, Vương Dương Minh... chỉ là người kế tục và phát triển Nho giáo trong những hoàn cảnh mới, ai bảo họ không phải là những nhà tư tưởng tiêu biểu của Nho giáo Trung Hoa?

Cũng như vậy, trong hệ tư tưởng Mác - Lênin, C. Mác và Ph.Ăngghen là những người sáng lập; V. I. Lênin đã phát triển và làm giàu thêm chủ

1. Phiđen Caxtơrô: Diễn văn đọc tại La Habana ngày 17-3-1974. Dẫn lại theo báo *Thống Nhất,* số 245, ra ngày 18-5-1974.

nghĩa Mác bằng một hệ thống những luận điểm sáng tạo khi chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn tự do cạnh tranh đã chuyển sang giai đoạn tư bản độc quyền.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, trên bình diện nhà tư tưởng - nhà lý luận, không phải chỉ là người kế thừa, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin mà còn phát triển và làm phong phú nó trong những điều kiện lịch sử mới. Người vẫn trung thành với những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhưng với tư duy độc lập và sáng tạo, Người đã vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin để phân tích tình hình, đặc điểm cụ thể của cách mạng Việt Nam, từ đó đề ra nội dung, yêu cầu, phương thức, biện pháp, bước đi... của cách mạng thích hợp với hoàn cảnh Việt Nam. Do trung thành và kiên trì vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin mà Người đã có điều kiện phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện lịch sử - cụ thể của một nước thuộc địa, nửa phong kiến, ở phương Đông, và bằng cái riêng Người đã làm phong phú thêm cái chung.

Sở dĩ có học giả phương Tây cho rằng "những người cộng sản Việt Nam không đưa lại một sự đóng góp về lý luận chung cho phong trào cộng sản quốc tế" là vì họ đã không hiểu được *phép biện chứng giữa cái chung và cái riêng,* không hiểu được sức sống của cái chung là ở chỗ mang trong mình nó sự phong phú của cái riêng; vì vậy đã không đánh giá được hết ý nghĩa, giá trị của những kinh nghiệm và thành tựu mà cách mạng Việt Nam đóng góp vào các dòng thác cách mạng của thời đại, nên cũng không đánh giá được một cách đúng đắn những cái mới về tư tưởng và lý luận mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đóng góp vào sự phát triển và làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại các dân tộc thuộc địa vùng lên đấu tranh tự giải phóng.

Tóm lại, nói như Hồ Chí Minh "nếu căn cứ vào hành động để xét về mặt lý luận", nếu từ thực tế thắng lợi của cách mạng mà xem xét giá trị của lý luận cách mạng, thì chúng ta dễ dàng nhất trí với ý kiến của Giáo sư Trần Văn Giàu rằng: "Cách mạng Tháng Tám, hai cuộc chiến tranh giải phóng, đó là một cuộc cách mạng bi hùng nhất, một chiến thắng vang dội nhất thế kỷ XX, đã chiến thắng hai đế quốc lớn ở phương Tây, đã làm tan vỡ hệ thống thuộc địa thế giới mà lịch sử chưa từng chứng kiến kể từ sau sự sụp đổ của đế quốc La Mã hồi đầu công nguyên! Một thắng lợi vĩ đại như vậy mà người tổ chức và lãnh đạo nó chỉ biết thực hành chứ

không có sáng tạo lý luận, thì đó là một thứ lập luận phi lý! Vượt qua muôn ghềnh, nghìn thác, phải có một bộ óc lớn, rất lớn, giỏi thực tiễn mà cũng rất giỏi lý luận"[1] đó là bộ óc của nhà tư tưởng, nhà lý luận Hồ Chí Minh!

II. Những nhân tố hình thành nhà tư tưởng, nhà lý luận Hồ Chí Minh

Không phải ai hoạt động trong lĩnh vực tư tưởng - lý luận đều có thể được gọi là nhà tư tưởng, nhà lý luận. Theo V. I. Lênin, "chỉ xứng đáng với danh hiệu "nhà tư tưởng" khi nào họ *đi trước* phong trào tự phát, chỉ đường cho nó, khi nào họ biết giải quyết, *trước* người khác tất cả các vấn đề lý luận, chính trị, sách lược và các vấn đề về tổ chức mà "những yếu tố vật chất" của phong trào húc phải một cách tự phát"[2]. Cũng theo Lênin, chỉ xứng đáng được gọi là "nhà tư tưởng" khi người đó "có được chuẩn bị đầy đủ về mặt lý luận", "có được một tầm mắt chính trị bao quát, một nghị lực cách mạng, một tài ba tổ chức để có thể sáng lập một chính đảng chiến đấu trên cơ sở một phong trào mới"[3].

Như vậy, theo Lênin, chỉ xứng đáng được gọi là "nhà tư tưởng" khi đáp ứng được: 1) Có sự chuẩn bị đầy đủ về mặt *lý luận,* có khả năng *đi trước, dự báo chỉ đường cho phong trào của quần chúng* (còn tự phát); 2) Có được *tầm mắt chính trị* rộng lớn để *giải quyết thành công mọi vấn đề chiến lược, sách lược của cách mạng;* 3) Có *tài ba về tổ chức* để có thể sáng lập một chính đảng cách mạng có sức chiến đấu mạnh mẽ, và cuối cùng; 4) Phải có một *nghị lực cách mạng phi thường,* vượt qua mọi trở lực, khó khăn để thực hiện tư tưởng của mình.

Rõ ràng, Lênin đã đưa ra một quan niệm mới về tư tưởng. Khác với quan niệm truyền thống, hiểu nhà tư tưởng chỉ là người hay suy nghĩ (le penseur), luôn luôn trầm tư mặc tưởng, chỉ đề xuất ý tưởng mà không hành động, nên tư tưởng của họ cũng không có ảnh hưởng, tác động gì đối với cuộc sống. Nhà tư tưởng, theo quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin,

---

1. Xem Trần Văn Giàu: *Chủ tịch Hồ Chí Minh ứng dụng chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo,* trong cuốn *Tư tưởng Hồ Chí Minh và thời đại,* Ban Khoa học xã hội Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh, 1992, tr.7-17.
2. V. I. Lênin: *Toàn tập,* Nxb. Tiến bộ, M, 1975, t.5, tr.445-446.
3. V. I. Lênin: *Toàn tập,* sdd, t.5, tr.447.

phải là người thống nhất được ý chí và hành động, lý luận và thực tiễn, tức là phải sử dụng được lực lượng vật chất trong thực tiễn để thực hiện tư tưởng.

Hồ Chí Minh chính là một nhà tư tưởng theo kiểu Lênin.

1. Sự chuẩn bị về mặt lý luận

Vào đầu những năm 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh xuất hiện trong lịch sử cách mạng hiện đại Việt Nam như *một nhà lý luận tiên phong,* người đầu tiên đề xuất con đường cứu nước, giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, từ đó chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối, mở ra thời kỳ mới, thời kỳ đấu tranh và thắng lợi của cách mạng Việt Nam và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Nói khủng hoảng về đường lối tức là nói khủng hoảng về lý luận. Các phong trào Văn Thân - Cần Vương phát động đấu tranh chỉ để "phò vua giúp nước", mà không được dẫn dắt bởi một thứ lý luận nào. Các phong trào Đông Du, Duy Tân, Việt Nam Quốc dân Đảng đều ít quan tâm đến vấn đề lý luận, vấn đề học thuyết, đều chưa xác định được mục tiêu chiến lược, sách lược một cách rõ ràng, nhất quán.

Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước tức là đi tìm một học thuyết có khả năng dẫn dắt cuộc đấu tranh của dân tộc đi tới mục tiêu Tổ quốc độc lập, đất nước phồn vinh, nhân dân hạnh phúc. Khi gặp được "Luận cương" của Lênin cũng là giây phút Người bừng sáng về lý luận. Thấm nhuần sâu sắc lời dạy của Lênin: "Không có lý luận cách mạng thì không có phong trào cách mạng", Hồ Chí Minh đã vừa hoạt động thực tiễn, vừa từng bước nâng cao trình độ lý luận. Chúng ta đều biết Nguyễn Ái Quốc đã từng nghiên cứu lý luận Mác - Lênin ở Trường Đại học Phương Đông (1923-1924), ở Trường Quốc tế Lênin dành cho cán bộ cao cấp của các đảng cộng sản anh em (1934-1935), sau đó vào làm nghiên cứu sinh tại Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa của Quốc tế Cộng sản (1936-1938). Nguyễn Ái Quốc cũng đã từng dịch *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, ABC của chủ nghĩa cộng sản, Lịch sử Đảng Cộng sản (B) Liên Xô* và nhiều tác phẩm lý luận khác ra tiếng Việt để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam. Qua đó, có thể thấy: vào thời điểm ấy, chưa có lãnh tụ nào của Đảng ta "được chuẩn bị đầy đủ về mặt lý luận" như Nguyễn Ái Quốc.

Có kiến thức lý luận nhưng không biết vận dụng vào thực tiễn thì cũng không thể trở thành nhà lý luận. Nhờ nắm vững những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và vận dụng nó một cách sáng tạo vào điều kiện thực tế của Việt Nam và các nước thuộc địa cùng hoàn cảnh mà Nguyễn Ái Quốc đã sớm viết nên những tác phẩm lý luận nổi tiếng như *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ, Bản án chế độ thực dân Pháp, Đường Kách mệnh,...* Đặc biệt, *Chính cương, Sách lược vắn tắt* và các văn kiện do Người khởi thảo tại Hội nghị hợp nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930 đã đánh dấu sự hình thành hoàn chỉnh *tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản: giành độc lập dân tộc để đi tới chủ nghĩa xã hội.*

Tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam chính là nền tảng lý luận của cách mạng Việt Nam. Nó không ra đời từ trên bàn giấy hay từ các bài giảng của trường lý luận chính trị nào mà từ nhu cầu thực tiễn của cách mạng Việt Nam, từ sự tổng kết kinh nghiệm đấu tranh cách mạng ở trong nước và trên thế giới.

Chủ nghĩa Mác - Lênin quan niệm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn một cách biện chứng. Trong những điều kiện lịch sử mới, hoạt động thực tiễn của con người ngày càng được mở rộng, nên cần thiết phải duyệt lại luận điểm này hay luận điểm khác, bổ sung, chỉnh lý nó dưới ánh sáng của thực tiễn mới, bởi thực tiễn không chỉ là nền tảng, là động lực, mà còn là tiêu chuẩn duy nhất của chân lý.

Nhờ đứng vững trên quan điểm thực tiễn của chủ nghĩa Mác - Lênin, luôn luôn xuất phát từ nhu cầu và đặc điểm của các nước thuộc địa phương Đông và Việt Nam để tiếp thu và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, nên từ rất sớm nhà lý luận Hồ Chí Minh đã từ phân tích sự khác biệt giữa châu Á và châu Âu mà đưa ra kiến nghị với Quốc tế Cộng sản "xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông... bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được"[1]. Trong bối cảnh sau Lênin, khi xu hướng "sơ cứng hoá" về lý luận đang ngự trị trong Quốc tế Cộng sản, quan điểm của Nguyễn Ái Quốc được xem là cực kỳ mới mẻ và táo bạo.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd , t.1, tr.465.

Chính vì luôn luôn xuất phát từ nhu cầu và thực tiễn của đất nước, Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường cách mạng Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản, con đường đó phải qua hai giai đoạn, hai tiến trình cách mạng: trước làm *dân tộc cách mệnh* (tức cách mạng dân tộc và dân chủ), sau làm *thế giới cách mệnh* (tức cách mạng xã hội chủ nghĩa). Trong dân tộc cách mệnh chống đế quốc thì "sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền", do đó "chủ nghĩa dân tộc vẫn là một động lực lớn của đất nước", nên Đảng cần có sách lược đúng đắn, khôn khéo để tập hợp rộng rãi mọi giai cấp, mọi tầng lớp có tinh thần yêu nước, nhằm huy động sức mạnh toàn dân tộc để chiến thắng kẻ thù.

Tuy nhất thời, tư tưởng đó còn bị ngộ nhận, nhưng tính khoa học đúng đắn, tính cách mạng sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn tồn tại như một dòng chảy liên tục trong tư duy lý luận của Đảng ta. Sau Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (1935) Đảng ta cũng kịp thời đề ra chiến sách mới về mặt trận nhân dân phản đế và giải thích rõ: "Đảng Cộng sản Đông Dương là chi bộ của Quốc tế Cộng sản, chiến lược cuối cùng của Đảng tức là chiến lược của Quốc tế Cộng sản"..., nhưng không phải theo chiến lược Quốc tế Cộng sản "thì ở nước nào cũng đồng thời phải làm cách mạng vô sản, lập vô sản chuyên chính như nhau...". "Theo đúng chiến lược của Quốc tế Cộng sản thì chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương là phải làm cách mạng tư sản dân quyền - phản đế và điền địa - lập chính quyền của công nông bằng hình thức Xôviết, để dự bị điều kiện đi tới cách mạng xã hội chủ nghĩa, đó là mục đích cuối cùng của cuộc cách mạng trong giai đoạn này, *nhưng làm sao đi tới mục đích ấy là vấn đề chiến sách*"[1]. Như vậy, Đảng ta đã hết sức lưu ý đảng viên nhận thức cho rõ vấn đề chiến lược và vấn đề sách lược, chiến lược không thay đổi, nhưng sách lược phải tuỳ tình hình hoặc mỗi lúc mà thay đổi.

Đến Hội nghị Trung ương 6 (11-1939), Đảng ta ra nghị quyết lịch sử, đánh dấu sự chuyển hướng trong chỉ đạo chiến lược và sách lược của Đảng ta. Nghị quyết có đoạn viết: "Hiện nay,... đế quốc chiến tranh, khủng hoảng cùng với ách thống trị phát xít thuộc địa đã đưa vấn đề dân tộc thành một vấn đề khẩn cấp rất quan trọng. Đám đông trung, tiểu địa chủ và tư sản bổn xứ cũng căm tức đế quốc. Đứng trên lập trường giải

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2000, t.6, tr.138, 538-539.

phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mệnh, cả vấn đề điền địa, cũng phải nhằm vào cái mục đích ấy mà giải quyết"[1]. Đó chính là thể hiện sự nối tiếp tư tưởng đã được Hồ Chí Minh vạch ra từ *Chính cương, Sách lược vắn tắt* năm 1930.

Từ sau khi Hồ Chí Minh về nước (1941) trực tiếp chỉ đạo cách mạng, tư tưởng của Người đã thực sự trở thành tư tưởng chỉ đạo của cách mạng Việt Nam, đưa tới những thắng lợi lịch sử của Cách mạng Tháng Tám và hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc. Đó cũng là thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam.

2. Tầm nhìn chiến lược, bao quát thời đại

Để trở thành nhà lý luận tiên phong, có khả năng đi trước phong trào, giải quyết trước những người khác tất cả những vấn đề về đường lối chiến lược, sách lược,... mà phong trào đang vướng mắc nhằm thúc đẩy phong trào tiến lên, như Lênin nói, đòi hỏi ở nhà lý luận *những tố chất đặc biệt,* trước hết là tầm nhìn. Những thời kỳ có tính bước ngoặt, lịch sử đòi hỏi phải có những nhân vật khổng lồ, như Ph. Ăngghen nói, "khổng lồ về năng lực suy nghĩ, về nhiệt tình và tính cách, khổng lồ về mặt có lắm tài, lắm nghề và về mặt học thức sâu rộng,... Ít nhiều họ đều có cái tinh thần phiêu lưu của thời đại họ cổ vũ. Trong thời đại ấy, khó tìm ra được nhân vật quan trọng nào mà lại không từng đi chu du xa, không biết nói bốn, năm thứ tiếng, và không nổi tiếng trong nhiều lĩnh vực sáng tạo..."[2].

Có thể vận dụng ý kiến trên của Ăngghen khi nói về những người khổng lồ thời đại Phục hưng để tìm hiểu những nhân tố tạo nên nhà tư tưởng lỗi lạc, nhà lý luận tiên phong Hồ Chí Minh ở thời đại cách mạng vô sản. Để trở thành nhà lý luận tiên phong, có tầm nhìn chiến lược, Hồ Chí Minh đã hội tụ đủ ba loại vốn cơ bản: vốn trí tuệ siêu việt, vốn văn hoá rộng lớn và vốn sống thực tế vô cùng phong phú.

- *Về trí tuệ,* rõ ràng Hồ Chí Minh đã được thừa hưởng của cha ông một trí thông minh xuất chúng, được bộc lộ từ nhỏ trong học tập, ứng xử và đối đáp thơ văn. Trí thông minh đó đã tạo nên ở người thanh niên Nguyễn Tất Thành một đầu óc quan sát, phân tích, phê phán rất tinh

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H., 2000, t.6, tr.138, 538 - 539.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2002, t.20, tr.459-460.

tường; một tinh thần hoài nghi để khám phá; một bản lĩnh độc lập, tự chủ trong tư duy,... vốn không phải là những sản phẩm sẵn có của nền giáo dục Nho giáo chỉ quen thừa nhận các giáo điều "Tử viết, Thi vân". Nhờ đó, ngay từ khi còn ở trong nước, Người đã sáng suốt nhận ra những hạn chế và bất cập của phong trào đấu tranh do các sĩ phu yêu nước lãnh đạo. Người rất khâm phục các cụ Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh,... nhưng không hoàn toàn tán thành cách làm của một người nào. Người từ chối con đường Đông Du của Phan Bội Châu, một mình đi sang phương Tây, không phải đi trong vai thân sĩ, trí thức mà trong tư cách người lao động, sống với giai cấp công nhân và các tầng lớp cùng khổ trong xã hội tư bản để có thể hiểu được thực chất cái gì ẩn sau lá cờ "tự do, bình đẳng, bác ái", quyết không để cho những cái bề ngoài hào nhoáng đánh lừa mình.

Trong những năm hoạt động ở nước ngoài, trí tuệ hơn người của Hồ Chí Minh đã có thêm điều kiện rèn luyện và phát triển. Từ chỗ học chữ Hán, quen tư duy kiểu phương Đông, chuyển sang học chữ Pháp với tư duy kiểu phương Tây, mà chỉ trong 6 năm Người đã có thể viết văn, viết báo, viết kịch, diễn thuyết, tranh luận,... bằng tiếng Pháp, thu hút được người đọc, lôi cuốn được người nghe, thuyết phục được cả một bộ phận đảng viên Xã hội ngả theo Quốc tế thứ ba,... thực là một điều hiếm có. Đến Mátxcơva chỉ mới một thời gian ngắn, thông qua các hoạt động ở Hội nghị Quốc tế Nông dân và Quốc tế Cộng sản, tên tuổi Nguyễn Ái Quốc đã được biết đến rộng rãi như một chuyên gia hàng đầu, một lãnh tụ xuất sắc của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản.

Sức hấp dẫn của Hồ Chí Minh do nhiều yếu tố, nhưng trước hết là ở *sự toả sáng của trí tuệ*. Tất cả mọi người, từ già trẻ lớn bé, đồng chí và bạn bè, chính khách hay kẻ thù,.... dù chỉ một lần được tiếp xúc với Người, dù là Chánh mật thám như Pie Ácnu hay nhà thơ như Ôxíp Manđenstam, tất cả đều nói lên ấn tượng về sức chinh phục mạnh mẽ ấy. Đó chính là dấu hiệu của thiên tài Hồ Chí Minh.

- Nhà lý luận tiên phong muốn vươn tới tầm nhìn chiến lược, đi trước hiện thực đòi hỏi phải trau dồi cho mình một *vốn học thức, vốn văn hoá - lịch sử sâu rộng*.

Hồ Chí Minh được thừa nhận là nhà lý luận tiên phong của phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới bởi Hồ Chí Minh là người đầu

tiên đã tìm ra con đường thắng lợi cho sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản là con đường kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội; hơn nữa còn là người đầu tiên vượt lên trước những nhà lý luận cùng thời, đưa ra luận điểm: cách mạng giải phóng dân tộc không những không phụ thuộc vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính quốc, mà với sức mạnh và tính chủ động của mình, *cách mạng giải phóng dân tộc có thể giành thắng lợi trước cách mạng vô sản và bằng thắng lợi đó giúp cho những người anh em ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn!* Một luận điểm mang tính khẳng định như vậy đã đem lại sự cổ vũ, niềm tin và sức mạnh to lớn cho nhân dân các dân tộc thuộc địa vùng lên đấu tranh tự giải phóng.

Tầm nhìn chiến lược của Hồ Chí Minh là kết quả của sự nắm vững và vận dụng sáng tạo lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời trên cơ sở một *vốn văn hoá Đông - Tây sâu sắc, một vốn tri thức lịch sử và thực tiễn rộng lớn.* Người đã kiên trì học tập, từng bước vươn lên đỉnh cao của trí tuệ thời đại để có được tầm nhìn xa, trông rộng của một "phượng hoàng đại ngàn".

Theo Ăngghen, một nhân vật khổng lồ thường biết đến 4, 5 ngoại ngữ - những công cụ giúp cho họ dễ dàng bước vào thế giới văn minh của nhân loại để thu lượm thông tin, khám phá quy luật và dự báo tình hình. Hồ Chí Minh là một nhân vật như vậy. Ta được biết, Người có thể đọc trực tiếp Shakespeare, Dickens bằng tiếng Anh; V. Hugo, E. Zola bằng tiếng Pháp; Lỗ Tấn bằng tiếng Hoa, L. Tolstoi bằng tiếng Nga,... đồng thời có thể giao tiếp thông thường bằng nhiều ngoại ngữ khác nữa. Năng lực đó giúp cho Hồ Chí Minh khi ở phương Tây có thể viết văn, viết báo như một nhà báo Pari sành sỏi, khi về phương Đông lại có thể làm thơ bằng chữ Hán mà giá trị của nó có thể sánh ngang với thơ Đường, thơ Tống![1]. Đó là dấu hiệu của một tài năng hiếm có.

- Có vốn trí tuệ xuất chúng, vốn kiến thức văn hoá sâu rộng, nhà lý luận Hồ Chí Minh còn có một *vốn sống thực tiễn cực kỳ phong phú.* Ra đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành chọn nghề bồi tàu, thuỷ thủ để có điều kiện được đi, "xem các nước tổ chức và cai trị như thế nào" để trở về giúp đồng bào. Anh đã vượt qua ba đại dương, bốn châu lục, đặt chân

1. Đánh giá của Quách Mạt Nhược.

lên khoảng gần 30 nước! Trong các nhà hoạt động chính trị đầu thế kỷ XX, có lẽ Hồ Chí Minh là một trong những người đi nhiều nhất, nên cũng hiểu nhiều, biết rộng về các nước đế quốc và thuộc địa của chúng. Người đã từng sống và làm việc ở thủ đô và hải cảng lớn của các cường quốc đế quốc hùng mạnh nhất lúc bấy giờ: Mỹ, Anh, Pháp, Đức,... nên đã hiểu được bản chất chung và màu sắc riêng của từng tên đế quốc. Đến Niu-Oóc, Người không chỉ thấy tượng Thần Tự do mà còn được chứng kiến cuộc sống quằn quại rên siết của người da đen dưới sự giết hại tàn bạo của người da trắng theo lối hành hình kiểu Lynsơ! Người đã bước vào những túp lều thấp bé, siêu vẹo, dột nát của những người dân thuộc địa Á - Phi, chứng kiến cuộc "khai hoá giết người" của bọn thực dân bỉ ổi, đầy thú tính. Từ thực tế đó, Người đã viết lên *Bản án chế độ thực dân Pháp,* tố cáo chúng đã nhân danh chiêu bài dân chủ, đem "tất cả cái chế độ trung cổ đáng nguyền rủa" cùng với "lưỡi lê của nền văn minh tư bản chủ nghĩa" để thống trị và bóc lột nhân dân các dân tộc thuộc địa. Từ đó, Người kêu gọi "muốn cứu vãn những nòi giống này, ta phải lật đổ chủ nghĩa đế quốc". Để giành được thắng lợi, Người nêu lên sự cần thiết phải thực hiện sự liên minh chiến đấu giữa chính quốc và thuộc địa, giai cấp vô sản ở phương Tây và nhân dân các dân tộc bị áp bức ở thuộc địa phải gắn bó với nhau như hai cái cánh của một con chim để cùng đi tới tương lai đã được hé mở qua tấm gương của cách mạng Nga.

Khác với các chính khách "xalông", các nhà lý luận "bàn giấy" mà Ăngghen gọi là "những tên philixtanh khôn ngoan không muốn bị bỏng tay", nhà lý luận Hồ Chí Minh đã hoà mình vào thực tiễn phong trào đấu tranh của thời đại, chiến đấu với tâm hồn và nghị lực của một chiến sĩ. Lý luận tiên phong của Hồ Chí Minh ra đời từ đó và con đường cách mạng của dân tộc Việt Nam - *độc lập dân tộc kết hợp với chủ nghĩa xã hội* - cũng hình thành từ đó.

3. Năng lực tổng kết thực tiễn, dự báo tương lai

Một phương diện nữa của thiên tài lý luận Hồ Chí Minh còn ít được nhắc đến đó là *năng lực tổng kết lịch sử, tổng kết thực tiễn, dự báo tương lai.*

Một trong những phẩm chất cơ bản không thể thiếu của nhà lý luận ở tầm cỡ quốc gia là *năng lực tiên đoán, dự báo.* Đây không phải là một

năng lực trừu tượng được hiểu theo một nghĩa huyền bí. Không có khả năng tiên tri theo kiểu thần linh mách bảo. Chúng ta không bác bỏ vai trò của linh cảm và trực giác, nhưng linh cảm, trực giác nào cũng là kết quả của tri thức và kinh nghiệm. Một dự đoán được coi là đúng đắn, khoa học, bao giờ cũng là kết quả của một quá trình tích luỹ thông tin, dữ liệu, phân tích hàng loạt sự kiện trong nước và thế giới, tổng kết thực tiễn lịch sử và hiện tại, rút ra quy luật vận động của hiện thực, vận dụng nó để phán đoán những diễn biến mới, xu hướng phát triển mới của tình hình, đó là dự báo khoa học. Nhà lý luận hay người lãnh tụ chủ chốt, ở những thời kỳ đột biến của lịch sử, muốn thành công cần có năng lực định hướng tốt, dự báo đúng sự phát triển của tình hình để vạch ra đường lối, chính sách có khả năng xoay chuyển được tình thế, đưa cách mạng và đất nước tiến lên.

Hồ Chí Minh là một lãnh tụ mácxít. Năng lực tiên tri dự báo của Người được hình thành nhờ nắm vững và vận dụng sáng tạo lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, trên cơ sở một vốn văn hoá Đông - Tây sâu sắc, một vốn tri thức lịch sử và thực tiễn rộng lớn. Nói cách khác, Người đã sống sâu sắc ở thời đại của mình, đã từng bước học tập vươn lên đỉnh cao của trí tuệ thời đại để mà tiên tri, dự báo.

Thời đại Hồ Chí Minh bước vào hoạt động chính trị là thời đại diễn ra những biến đổi cực kỳ to lớn trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó nổi bật lên hai sự kiện quan trọng nhất làm thay đổi nội dung của thời đại: một là, chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn tự do cạnh tranh đã chuyển sang giai đoạn tư bản độc quyền (tức giai đoạn đế quốc chủ nghĩa) và đã hình thành hệ thống thuộc địa của chúng; hai là, thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga mở ra bước phát triển mới của lịch sử nhân loại.

Với nội dung đó, thời đại mới đã chấm dứt sự tồn tại biệt lập giữa các quốc gia, mở ra mối quan hệ quốc tế ngày càng rộng lớn, làm cho vận mệnh mỗi dân tộc không thể tách rời vận mệnh chung của loài người. Các dân tộc có biết mình đang sống ở thời đại lịch sử nào, nó có những đặc điểm cơ bản gì, xu hướng vận động và phát triển ra sao, giai cấp nào đứng ở vị trí trung tâm của thời đại,... khi đó mới có được sự lựa chọn đúng, hành động đúng, phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại.

. Sau gần 10 năm ra nước ngoài khảo sát, Hồ Chí Minh đã nắm bắt được chính xác đặc điểm và xu thế phát triển của thời đại mình. Người

viết: "Thời đại của chủ nghĩa tư bản cũng là thời đại một nhóm nước lớn do bọn tư bản tài chính cầm đầu thống trị các nước và *các dân tộc bị áp bức là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản*"[1]. Nhờ tầm mắt xa rộng bao quát lịch sử và thời đại đó, Người đã khai phá ra con đường cách mạng chưa từng có trong cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc - con đường gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, từ đó khơi dậy được toàn bộ sức mạnh trí tuệ, tài năng của dân tộc và của thời đại, đưa tới thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc ở Việt Nam và mở ra cao trào giải phóng dân tộc trên thế giới trong thế kỷ XX.

Chính vì biết vận dụng lý luận và phương pháp luận Mác - Lênin để tổng kết lịch sử và tổng kết thực tiễn mà Hồ Chí Minh đã thấy được tương lai, điều mà nhiều người bình thường chưa thể thấy. Ở mỗi giai đoạn cách mạng cụ thể, Người đã đưa ra những tiên đoán kỳ diệu với độ chính xác gần như là tuyệt đối, làm ngạc nhiên tất cả chúng ta.

Ngày nay, ôn lại những dự báo của Bác Hồ, chúng ta càng hiểu sâu thêm một phương diện của thiên tài Hồ Chí Minh: nhờ tổng kết lịch sử, tổng kết thực tiễn, Người đã hình thành một năng lực tiên tri, dự báo kỳ diệu! Nhấn mạnh điều này, chúng ta không hề có ý định thần thánh hoá lãnh tụ kính yêu của mình. Bác Hồ cũng là một con người, nhưng là một con người lỗi lạc, hơn thường. Với một thiên tài trí tuệ hiếm có, với sự nắm vững khoa học Mác - Lênin - quy luật vận động và phát triển của lịch sử, với lượng thông tin chính xác và khả năng phân tích sắc sảo,... Người đã có thể nhìn thấy tương lai từ sự tổng kết lịch sử và tổng kết thực tiễn.

Tóm lại, những nhân tố dân tộc và thời đại kết hợp với những nhân tố thuộc về phẩm chất chủ quan hiếm có ở Hồ Chí Minh đã tạo nên nhà tư tưởng lỗi lạc, nhà lý luận tiên phong của cách mạng Việt Nam.

B. CON ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH TỪ CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC ĐẾN VỚI CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trước khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin đã thấm nhuần sâu sắc chủ nghĩa yêu nước Việt Nam cũng như những

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.8, tr.567.

yếu tố dân chủ, công bằng, bác ái ở những mức độ khác nhau trong văn hoá dân tộc và văn hoá phương Đông. Ở Hồ Chí Minh, khát vọng độc lập dân tộc gắn liền với khát vọng tự do, ấm no, hạnh phúc của nhân dân trong một xã hội công bằng, nhân ái, không còn áp bức, bất công. Điều đó cho thấy: khát vọng làm cho nước độc lập, dân tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành,... vốn là một khát vọng từ bao đời nay của dân tộc nhất là trong hoàn cảnh nô lệ, mất nước. Công lao của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là ở chỗ đã từ chủ nghĩa yêu nước, từ truyền thống văn hoá của dân tộc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, hình thành quan niệm và thiết kế ra con đường biến lý tưởng đó từ ước mơ, khát vọng từng bước trở thành hiện thực trên đất nước ta. Lý giải sáng tỏ con đường Hồ Chí Minh từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin cũng tức là trả lời câu hỏi vì sao, ngay từ đầu ở Nguyễn Ái Quốc, khát vọng độc lập, tự do, dân chủ, cơm áo, hạnh phúc đã gắn liền với lý tưởng của chủ nghĩa xã hội, và vì sao Nguyễn Ái Quốc lại sớm khẳng định "chủ nghĩa cộng sản thâm nhập vào châu Á dễ dàng hơn là ở châu Âu".

I. Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin từ đặc điểm lịch sử và truyền thống văn hoá dân tộc

1. Từ đặc điểm lịch sử - xã hội của đất nước

Năm 1924, trong *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ,* chúng ta thấy Hồ Chí Minh đã tiếp cận chủ nghĩa Mác từ thực tiễn dân tộc. Người viết: "Mác cho ta biết rằng sự tiến triển các xã hội trải qua ba giai đoạn: chế độ nô lệ, chế độ nông nô, chế độ tư bản; và trong mỗi giai đoạn ấy, đấu tranh giai cấp có khác nhau. Chúng ta phải coi chừng! Các dân tộc Viễn Đông có trải qua hai giai đoạn đầu không?[1]"

Phát hiện của Hồ Chí Minh đầu những năm 20 của thế kỷ trước đã được xác nhận bằng kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học lịch sử Việt Nam những năm 60: Việt Nam không trải qua thời kỳ phát triển của *chế độ chiếm hữu nô lệ*. Quan hệ nô tỳ, tức chế độ nô lệ gia trưởng, có phát triển trong mức độ nào đó, nhưng không bao giờ trở thành quan hệ chi phối, thống trị của xã hội và nô tỳ chưa bao giờ giữ vai trò là lực lượng sản xuất chủ yếu của xã hội. Chế độ chiếm hữu nô lệ ở phương Tây không

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.465.

coi nô lệ là con người, nó chà đạp lên thân phận và nhân phẩm của họ, gạt bỏ quần chúng nô lệ là lực lượng sản xuất chủ yếu ra khỏi thành viên của cộng đồng xã hội, do đó nó để lại dấu ấn nặng nề trong mối quan hệ cũng như trong tình cảm giữa con người với con người.

Chế độ phong kiến Việt Nam cũng mang đặc điểm của chế độ phong kiến phương Đông. Chế độ phong kiến ở Việt Nam không tồn tại chế độ lãnh địa với quan hệ lãnh chúa - nông nô, cũng không trải qua thời kỳ phân quyền cát cứ lâu dài. Đặc điểm này ảnh hưởng đến tính cố kết cộng đồng và sự phát triển của tinh thần, dân tộc[1].

Một đặc điểm nổi bật khác của lịch sử Việt Nam là ngay từ ngày lập quốc gia đã *phải liên tục đứng lên chống ngoại xâm,* trong những điều kiện rất chênh lệch về so sánh lực lượng. Muốn chiến thắng được kẻ thù, phải huy động được sức mạnh của toàn dân tộc, sức mạnh vật chất cũng như sức mạnh tinh thần. Đó là cơ sở tạo nên truyền thống yêu nước, ý chí quật cường và tinh thần cố kết cộng đồng của dân tộc Việt Nam.

Chủ nghĩa yêu nước và tinh thần cộng đồng của người Việt Nam, ngoài yêu cầu của sự nghiệp tự vệ, chống xâm lăng, còn được hình thành và củng cố trong quá trình dựng nước, xây dựng và phát triển kinh tế.

Việt Nam là một nước nông nghiệp. Sản xuất nông nghiệp lấy *đất* và *nước* làm nền tảng, do đó vấn đề sở hữu ruộng đất là một trong những vấn đề quan trọng hàng đầu của một xã hội nông nghiệp. Theo quan niệm "đất vua, chùa làng", ngày xưa dưới chế độ phong kiến, đất nào cũng là đất của vua, quyền sở hữu ruộng đất thuộc về nhà nước, đứng đầu tượng trưng là vua. Với thời gian và quá trình tiến triển của chế độ sở hữu ruộng đất, ở làng công xã Việt Nam cũng hình thành nhiều thành phần sở hữu: có ruộng *quan điền* (tức ruộng của nhà nước giao cho làng quản lý hoặc cho quan lại được phong lộc điền để hưởng tô thuế), ruộng *công điền* của làng xã (do làng quản lý và phân phối hoa lợi); ngoài ra còn có một ít ruộng của họ tộc, *ruộng của nhà chùa* và *ruộng tư.* Như vậy, chế độ công điền là một hình thức sở hữu toàn dân, kiểu công xã.

---

1. Phan Huy Lê: Đề tài KHXH.01.10 - *Chủ nghĩa yêu nước, truyền thống và hiện đại* (Báo cáo khoa học).

Đề cập đến quá trình tư hữu hoá ruộng đất ở Việt Nam, tháng 5 năm 1921 Nguyễn Ái Quốc đã viết trên tạp chí *La Revue Communiste*[1]: "Về của cải tư hữu, luật pháp An Nam cấm mua bán toàn bộ đất đai. Hơn nữa, một phần tư đất trồng trọt bắt buộc phải để làm của chung. Cứ ba năm, người ta chia lại ruộng đất đó. Mỗi người dân trong xã thôn được nhận một phần. Điều đó, không hề ngăn cản một số người trở nên giàu có, vì còn ba phần tư đất đai khác có thể mua bán, nhưng nó có thể cứu nhiều người khác thoát khỏi cảnh bần cùng"[2].

Theo các nhà sử học Việt Nam, chế độ công điền và các biến tướng của nó, cùng những tàn dư của công xã nông thôn Việt Nam, đã tồn tại kéo dài cho đến tận giữa thế kỷ XX ở miền Bắc và miền Trung. Dù quá trình tư hữu hoá ruộng đất vẫn diễn ra không tránh khỏi, như Nguyễn Ái Quốc đã viết, nhưng chừng nào chế độ ruộng công còn tồn tại, cứ ba năm chia lại một lần, bất kỳ trai đinh nào cũng được nhận một phần như nhau, thì chừng đó, mối liên hệ cá nhân - cộng đồng được gắn kết bởi chế độ ruộng công, vẫn còn được duy trì. Đó cũng chính là cơ sở kinh tế - xã hội đã tạo nên tinh thần cố kết cộng đồng bền chặt của người Việt Nam.

Một nền kinh tế nông nghiệp lúa nước phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện tự nhiên: nắng, mưa, bão, lụt,... Địa hình Việt Nam vốn chằng chịt sông ngòi, những con sông vừa bồi đắp phù sa màu mỡ vừa gây ra những trận lũ lụt dữ dội. Đã "lụt thì lút cả làng" và không chỉ một làng mà là chuyện của cả miền, cả nước. Do đó, để bảo vệ cuộc sống và sản xuất, từ rất sớm người Việt cổ đã tự nguyện liên kết lại với nhau trong cuộc chinh phục thiên nhiên, đắp đê phòng lụt. Hệ thống đê điều ở châu thổ Bắc Bộ là những công trình hùng vĩ, được hình thành nhờ sức lao động của hàng triệu, hàng triệu nông dân qua hàng mấy chục thế kỷ. Cùng với sự cố kết trong đấu tranh chống ngoại xâm, sự cố kết tự nguyện trong đấu tranh chống thiên tai, lũ lụt được coi là những yếu tố dẫn đến sự hình thành sớm quốc gia, dân tộc ở Việt Nam. *Nếu chế độ công điền là cơ sở tạo nên mối quan hệ cộng đồng ở cấp làng xã thì công cuộc trị thuỷ là nhân tố quan trọng hình thành nên tinh thần cố kết cộng đồng ở cấp quốc gia, dân tộc.*

Chủ nghĩa yêu nước, tinh thần cố kết cộng đồng, tình thương yêu đùm bọc trong hoạn nạn và đấu tranh, là giá trị cơ bản của tinh thần

1. Tạp chí *Cộng sản* của Đảng Cộng sản Pháp.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.36.

truyền thống Việt Nam đồng thời cũng là một nhân tố của tư tưởng xã hội chủ nghĩa sơ khai ở Việt Nam.

2. Từ truyền thống văn hoá và con người Việt Nam

Việt Nam là dân tộc có nền văn hoá lâu đời, được hình thành và phát triển qua hàng nghìn năm lịch sử, có bản sắc riêng, trở thành nguồn nuôi dưỡng tinh thần cho dân tộc, nguồn sống mãnh liệt giúp cho dân tộc chiến thắng âm mưu đồng hoá của mọi kẻ thù xâm lược.

Bước vào kỷ nguyên độc lập, ý thức và niềm tự hào về bản sắc văn hoá riêng của dân Đại Việt càng được đề cao. Khi vua Trần Nghệ Tông (1370-1372) mới lên ngôi, triều thần có kẻ muốn thay đổi phép tắc, chế độ, vua nói: "Triều trước dựng nước, có luật pháp, chế độ riêng, không theo quy chế của nhà Tống là vì Nam, Bắc nước nào làm chủ nước đó, không phải bắt chước nhau"[1], và vua đã phê phán những kẻ có ý định đem phép cũ của tổ tông thay đổi theo tục phương Bắc về y phục, âm nhạc, v.v... Thời Lê mạt, Lê Quýnh bỏ nước chạy theo Lê Chiêu Thống sang Tàu, bị bọn Phúc Khang An nhà Thanh buộc phải "gióc tóc, đổi áo" theo lối Tàu. Dù trong hoàn cảnh ấy, Lê Quýnh vẫn khảng khái chống lại: "Đầu ta có thể chặt được, chứ tóc không thể gióc được. Da ta có thể lột được chứ áo ta không thể đổi được"[2].

Nói về *những đặc trưng cơ bản của văn hoá Việt Nam,* trước hết đó là nền văn hoá *lấy nhân nghĩa làm gốc,* như Nguyễn Trãi đã nói: "Phàm mưu việc lớn phải lấy nhân nghĩa làm gốc. Nên công to phải lấy nhân nghĩa làm đầu", do đó mà ông chủ trương:

> Trừ độc, trừ tham, trừ bạo ngược
> Có nhân, có trí, có anh hùng[3].

Đó là một nền văn hoá *trọng đạo lý làm người* đề cao trách nhiệm, bổn phận của cá nhân đối với gia đình, làng nước, Tổ quốc, coi đó là những chuẩn mực cao nhất của nhân cách con người. Theo cách nhìn truyền thống của văn hoá Việt Nam, giá trị con người không thể hiện ở

1. *Đại Việt sử ký toàn thư,* Nxb. Khoa học xã hội, H. 1993, t.II, tr.151.
2. Theo Trần Trọng Kim: *Việt Nam sử lược,* Bộ Giáo dục - Trung tâm học hiệu Sài Gòn xuất bản, t.2, tr.138.
3. Nguyễn Trãi: *Toàn tập,* Nxb. Khoa học xã hội, H. 1976, tr.440.

phẩm trật của khách công hầu mà ở nhân nghĩa, đạo đức của bậc "ưu quốc, ái dân", biết chăm lo, vun đắp cho vận mệnh chung của đất nước, của cộng đồng. Văn hoá đó dạy cho người dân không được quên cội nguồn, đất tổ của mình:

Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ về giỗ Tổ, mồng mười tháng ba.

Hướng về cội nguồn, người Việt có truyền thống tôn thờ tổ tiên, biết ơn người đã khuất, coi trọng mồ mả cha ông, gắn bó với quê cha đất tổ, lên án tội rước voi giày mả tổ! Cũng có thể gọi đó là nền *văn hoá tình nghĩa,* luôn luôn chăm lo "đền ơn, đáp nghĩa", "ăn quả nhớ kẻ trồng cây".

Đó là nền văn hoá *có truyền thống trọng dân,* đề cao dân, lấy dân làm gốc. Nền văn hoá bản địa của người Việt hình thành và phát triển trên nền nông nghiệp lúa nước; công việc trồng cấy đòi hỏi sự kết hợp hài hoà nhiều yếu tố: nước, phân, cần, giống, thời vụ, khí hậu,... với cây trồng. Nếp canh tác đó tạo nên ở người Việt *nếp tư duy hài hoà,* luôn luôn hướng tới các mối quan hệ giữa bản thân mình với thiên nhiên, môi trường, với cộng đồng xã hội.

Trong sản xuất nông nghiệp, người phụ nữ có vai trò không thua kém đàn ông (khác với các dân tộc sống du mục, săn bắn,...), quyền bình đẳng của phụ nữ với nam giới được tôn trọng. Tục thờ bốn vị Thánh Mẫu, việc lịch sử ghi công những phụ nữ kiệt xuất đã có đóng góp to lớn vào quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc: Bà Trưng, Bà Triệu, Dương Vân Nga, Ỷ Lan phu nhân, nữ tướng Bùi Thị Xuân, v.v... đã phản ánh truyền thống đó. Không phải ngẫu nhiên mà các bộ luật nổi tiếng thời phong kiến như *Hình thư* (đời Lý), *Quốc triều hình luật* (đời Trần), *Hồng Đức* (đời Lê) đều đề cao quyền bình đẳng của phụ nữ, như quyền được ly hôn, quyền được thừa kế tài sản, cho phép người phụ nữ không có con được quyền nhận con nuôi, công nhận công lao chung của vợ chồng trong vấn đề tài sản, v.v...

Chúng ta cũng có thể nói đến *một nền chính sự trọng dân, thân dân* thời Lý - Trần. Do ảnh hưởng của tinh thần "từ bi hỉ xả" và tư tưởng không phân chia đẳng cấp của Phật giáo, tư tưởng "dân vi bản", "dân vi quý" của Nho giáo buổi đầu, nên trong chính sự, các vua Lý - Trần đã thể hiện được tinh thần coi trọng dân, đề cao dân, lấy dân làm gốc. Mỗi khi quyết định những việc lớn, có tầm quốc gia, vua thường tham khảo ý kiến

của dân, như Lý Thái Tổ với việc dời đô năm 1010, Trần Thánh Tông với Hội nghị Diên Hồng năm 1285, để hỏi ý kiến các bô lão, tức hỏi ý kiến dân chứ không phải hỏi ý kiến những người đứng đầu các điền trang, thái ấp vốn là người của hoàng tộc. Các vua Lý hết sức coi trọng quyền tố cáo, khiếu nại của dân. Ngay khi vừa lên ngôi, Lý Thái Tổ đã xuống chiếu: "Từ nay, ai có việc oan ức, cho đến triều tâu, vua thân xét quyết"[1]. Trong các năm 1029, 1033, 1052 các vua lần lượt cho đúc chuông lớn đặt tại điện Long Trì (sân rồng) để ai có chuyện oan ức đánh chuông lên, vua sẽ đích thân minh xét. Năm 1076, Lý Nhân Tông ban chiếu cầu những "lời nói thẳng", muốn nghe lời tấu bày trung thực để hiểu thấu nguyện vọng, mong ước của muôn dân.

Đó là ở triều đình, còn ở hương thôn, làng Việt Nam là một cộng đồng tự quản, các chức sắc trong làng, như các Hội đồng tộc biểu, giáp biểu đều do dân cử ra theo đúng nghĩa của nó, tức là có tranh cử quyết liệt giữa các họ tộc, phe giáp trong làng. Để xử lý các quan hệ cộng đồng, ngoài pháp luật của nước, chế độ phong kiến Việt Nam còn cho phép các làng được lập ra *khoán lệ, hương ước* như là các chế định, luật tục của làng xã để quản trị việc làng; mỗi người dân phải coi đó là những chuẩn mực buộc phải tuân theo trong quan hệ làng xã. Đây thực sự là một hiện tượng đặc biệt, một "ngoại lệ" không có trong nền chuyên chế quân chủ nói chung, có lẽ chỉ có ở Việt Nam. Bởi hương ước tuy đều hướng vào mục đích chung là đưa sinh hoạt của người dân vào trật tự quy củ, làm cho nước thịnh dân giàu; nhưng cũng có thể việc thực thi hương ước sẽ làm mờ nhạt hiệu lực cai trị của vua quan, dẫn tới tình trạng "phép vua thua lệ làng". Nếu thiếu đi một tinh thần thân dân, tôn trọng ý dân và quyền tự quản xã thôn thì không một nhà nước phong kiến tập quyền nào chấp nhận tình trạng này.

Văn hoá Việt Nam là *văn hoá khoan dung, hoà mục* để *hoà đồng* đương nhiên là "hoà nhi bất đồng". Văn hoá Việt Nam hình thành và phát triển trên cơ tầng văn hoá bản địa - văn hoá Đông Nam Á. Việt Nam là quốc gia đa dân tộc. Hơn 50 dân tộc trên đất nước ta đều có tầng văn hoá nguyên thuỷ giống nhau: đó là sự tích cái bọc trăm trứng (hay quả bầu), nở ra trăm người con, chia nhau đi gây dựng khắp miền trên đất nước này. Đó là một hình ảnh văn hoá tạo ra sức mạnh đại đoàn kết dân tộc ngay từ buổi lập nước.

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, t.1, tr.239.

Trong quá trình giao lưu với văn hoá khu vực, trước hết là với văn hoá Trung Hoa, Ấn Độ, sau này là văn hoá phương Tây, văn hoá Việt Nam không ngừng chắt lọc, tiếp thu, làm giàu cho mình bằng những nhân tố mới, giá trị mới phù hợp với đạo lý nhân nghĩa Việt Nam. Nhờ sức sống mạnh mẽ, nhờ biết chăm lo giữ gìn bản sắc độc đáo, trong quá trình giao lưu, hội nhập đó, bản sắc văn hoá Việt Nam không mờ đi mà trái lại ngày càng đậm nét hơn, được coi là một trong số hơn 30 quốc gia giữ được cái bản sắc không thể trộn lẫn trong kho tàng văn hoá nhân loại.

Nhờ có tư duy khoan dung, hoà nhập, không hẹp hòi, không kỳ thị, văn hoá Việt Nam đã không ngừng thâu hoá, Việt hoá những giá trị văn hoá từ bên ngoài để thăng hoa lên thành một nền văn hoá phong phú, đa dạng, độc đáo. Những yếu tố tích cực, hợp lý của Nho, Phật, Lão vào Việt Nam đều được người Việt Nam tiếp nhận, cùng tồn tại và bổ sung cho nhau. *Nho* cần thiết cho an dân, trị quốc; *Phật* thoả mãn nhu cầu tâm linh của con người, giải thoát cho con người khỏi tham, sân, si, vươn tới cái tâm trong sạch; *Lão* đưa con người trở về với thiên nhiên, giao hoà cùng cảnh vật, gửi tâm hồn trong tiếng trúc, tiếng tơ, thoát ra ngoài mọi ràng buộc của danh lợi... Nếp tư duy trung hoà đó tạo cho con người Việt Nam biết kết hợp cá nhân - xã hội - thiên nhiên để có được hành vi ứng xử hài hoà. Nhờ tư duy đó mà, khác với nhiều quốc gia khác, từ cổ đại đến nay, ở Việt Nam chưa hề có các cuộc chiến tranh sắc tộc và tôn giáo.

Văn hoá Việt Nam là văn hoá *trọng trí thức, hiền tài.* Cha ông ta từ xưa quan niệm: "Hiền tài là nguyên khí quốc gia, nguyên khí vững thì thế nước mạnh và thịnh, nguyên khí kém thì thế nước yếu và suy. Vậy nên, các đấng thánh đế, minh vương không ai là không coi việc bồi dưỡng nhân tài, tin dùng kẻ sĩ, vun đắp nguyên khí là việc cần làm trước tiên"[1].

Muốn có nhân tài, phải mở trường đào tạo. Văn Miếu - Quốc Tử Giám của nước ta được dựng khá sớm, cách nay gần chục thế kỷ, sớm hơn nhiều trường đại học danh tiếng của thế giới. Chế độ khoa cử ngày càng được hoàn thiện, nhà nước đặt ra chức *Đốc học* để đôn đốc việc học, cứ ba năm lại mở một kỳ đại khoa. Thi cử nghiêm túc đã mở đường cho các nho sĩ có tài đức được tiến thân, số quan lại xuất thân khoa bảng ngày càng nhiều. Để khuyến khích việc học, Lê Thánh Tông có sáng kiến cho khắc tên các tiến sĩ lên bia đá để "lưu danh muôn thuở".

1. Lời Thân Nhân Trung, Văn bia số 1 ở Văn Miếu, dựng năm 1442.

Vì nhiều lý do, có những danh sĩ có thực tài không chịu đi thi, hoặc thi đỗ nhưng không ra làm quan, hoặc vì lưu luyến triều đại cũ mà "mai danh ẩn tích". Với nhận thức: đất nước không bao giờ thiếu người tài, các vua hiền, chúa sáng ngày xưa đều rất quan tâm đến việc "cầu hiền", "trọng hiền", có chính sách "chiêu hiền, đãi sĩ" nhằm thu hút nhân tài, coi đó là một yếu tố quyết định sự hưng thịnh của đất nước. Muốn vậy, trong việc tiến cử, cất nhắc, dùng người lại phải giữ sao cho tỉnh táo, sáng suốt, chí công vô tư mới chọn được người tài trí, ngay thẳng, đức hạnh, loại bỏ được bọn dèm pha, xiểm nịnh, tà tâm.

Chính nhờ đường lối trọng hiền đó, bước vào kỷ nguyên độc lập, các triều đại Lý, Trần, Lê,... đã đào tạo ra biết bao sĩ phu, văn nhân, nhà tư tưởng, nhà giáo dục, nhà văn hoá,... tên tuổi, có đóng góp to lớn vào xây dựng nền văn hoá dân tộc, làm rạng danh đất nước.

Nói văn hoá cũng tức là đã nói con người, vì con người vừa là sản phẩm vừa là chủ thể đã sáng tạo nên văn hoá theo hình ảnh của mình. Văn hoá Việt Nam có gốc rễ từ thiên nhiên Việt Nam, mà thiên nhiên Việt Nam thì cực kỳ trù phú: có núi cao hùng vĩ, có biển cả mênh mông, núi đồi trùng điệp, đồng ruộng thẳng cánh cò bay,... Do đó tâm hồn con người Việt Nam cũng rất phong phú, đa dạng, phóng khoáng, giàu cảm xúc, cả trữ tình và anh hùng ca.

Văn hoá Việt Nam là văn hoá *trọng nhân nghĩa, đạo đức* nên con người Việt Nam có tâm hồn trong sáng, giàu lòng vị tha, thương yêu đồng loại,... Văn hoá Việt Nam là văn hoá *khoan dung, hoà mục* nên con người Việt Nam không cực đoan mà kết hợp được cái chung với cái riêng, gia đình với Tổ quốc, dân tộc và nhân loại...

Nhận xét về tính cách con người Việt Nam, một nhà nghiên cứu nước ngoài đã viết: "Trước tiên là nhân phẩm mà không có thử thách nào làm suy suyển, ý thức về bổn phận và lao động cần cù, một tính cách lịch sử, một phong độ ứng xử tế nhị bẩm sinh, có đầu óc thực tế, khả năng thích nghi một cách khéo léo, sáng suốt với tất cả tình thế và quyết tâm lạnh lùng của họ theo đuổi cuộc chiến đấu, khiến cho cả thế giới kinh ngạc"[1].

Tất cả những đặc trưng làm nên bản sắc và giá trị của văn hoá Việt Nam được đề cập đến trên đây đã thấm sâu vào trí tuệ, tâm hồn, nhân

1. Claude Palazzori: *Nước Việt Nam giữa hai huyền thoại*, 1981.

cách của Nguyễn Tất Thành qua những năm tháng được tắm mình trong nền giáo dục quốc học, trở thành hành trang quý báu đối với anh trên hành trình cứu nước. Vì vậy, không có gì ngạc nhiên khi chúng ta đọc những dòng sau đây được Nguyễn Ái Quốc viết ở nước ngoài từ đầu những năm 20 thế kỷ trước, về văn hoá và con người Việt Nam: "Chúng ta thấy ở đây (tức Việt Nam) cả một nền văn minh trọn vẹn, mọi thứ đều xây dựng từ lâu. Nghệ thuật, khoa học, kể cả khoa học quản lý nhà nước, đều đã phát triển mạnh mẽ. Luật pháp, cổ phong(*), tôn giáo, văn học, tất cả đều đã hoàn chỉnh và hoà hợp với nhau, trải qua bao nhiêu thế kỷ, đã được điều hoà và ngày càng hoàn hảo thêm. Những vết tích man rợ đã mất đi từ lâu, dân tộc này đã sống trong một xã hội thuần thục, có tổ chức trong khi người phương Tây còn ở tình trạng bán khai".

Tiếp theo, Nguyễn Ái Quốc nói về những thuần phong mỹ tục trong *bản tính con người Việt Nam:* "Yêu mến quê hương, quyến luyến gia đình, tôn kính tổ tiên, yêu chuộng công lý, tôn trọng chính nghĩa, ham thích khoa học, coi trọng lời nói thánh hiền, thương yêu nòi giống, tôn kính lẽ phải, ghét xa hoa, không hám tiền tài, khinh ghét vũ lực, không sợ gian khổ, hy sinh; đó là những đức tính răn dạy trong sách thánh hiền, lưu lại trong cổ phong và ghi thành luật pháp; hiện nay đó cũng là những đặc điểm về bản tính của người An Nam hình thành từ bao thế hệ, những thế hệ luôn luôn cố gắng thực hiện đạo đức ấy một cách thành kính; người An Nam bình thường mà người ta gặp bất cứ ở đâu cũng đều như vậy cả..."[1].

Trong hoàn cảnh mất nước, đó là những đánh giá rất cao, có sức mạnh cổ vũ cho chủ nghĩa yêu nước và tinh thần tự hào dân tộc.

Nói về truyền thống tốt đẹp, Hồ Chí Minh thường đề cao truyền thống *nhân ái,* "nhiễu điều phủ lấy giá gương", "tối lửa tắt đèn có nhau" và nhắc nhở: "Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là phải sống với nhau có tình, có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình, có nghĩa thì sao gọi là người hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin được"[2].

Chính những truyền thống tốt đẹp của văn hoá và con người Việt Nam là một trong những căn nguyên dẫn dắt Hồ Chí Minh đến với chủ

---

* Cổ phong (nguyên văn: tradition) phong tục truyền thống.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.1, tr.425-426.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.12, tr.554.

nghĩa Mác - Lênin, tiếp thu và lý giải chủ nghĩa Mác - Lênin từ truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

3. Từ tư duy chính trị - triết học phương Đông

Văn hoá Việt Nam, trong quá trình hình thành và phát triển, đã chịu ảnh hưởng sâu sắc của hệ tư tưởng tam giáo: Nho, Phật, Lão. Các học thuyết chính trị và tôn giáo này đều là những hệ thống lớn, rất phức tạp, chứa đựng những nhân tố vừa tích cực, vừa tiêu cực mà các giai cấp đều có thể khai thác. Trong quá trình giao lưu, hội nhập với tư tưởng và văn hoá bản địa, nó cũng để lại những dấu ấn sâu sắc trong tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người Việt Nam trước đây, trong đó có tư duy chính trị - triết học, nhất là ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo.

Hồ Chí Minh xuất thân trong một gia đình nhà Nho, gần gũi với nhân dân, từ nhỏ đã được hấp thụ một nền giáo dục Hán học và Quốc học sâu sắc, nên không có gì lạ nếu như có thể tìm thấy những yếu tố tích cực, tiến bộ của tư duy chính trị - triết học phương Đông trong tư duy chính trị - triết học của Hồ Chí Minh.

- Trước hết là *tư tưởng "lấy dân làm gốc"* (dĩ dân vi bản). Nho giáo hình thành một vũ trụ quan: Trời sinh ra dân trước rồi mới đặt vua để phục vụ dân. Dân là con trời nên ý dân là ý trời, được lòng dân là được nước (Đắc quốc ưng tri tại đắc dân - Nguyễn Bỉnh Khiêm). Từ đó Nho giáo đề cao sức mạnh của dân: "Chở thuyền là dân mà lật thuyền cũng là dân" (Nguyễn Trãi). Những tư tưởng đó nhằm mục đích hạn chế quyền lực của nhà vua. Nho giáo chủ trương "phò đời, giúp nước", hành đạo giúp đời, coi "quốc gia hưng vong thất phu hữu trách", đề cao tinh thần phục vụ nhân dân, coi quan lại là công bộc của dân, nước bình trị là công của dân, còn nước không bình trị là lỗi của vua, chỉ mình vua bị trừng phạt[1].

Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng sâu sắc của quan điểm tiến bộ này. Người từng nhắc lại lời Mạnh Tử: "Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh". Hồ Chí Minh viết: "Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới, không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân... Trong xã hội, không có gì vẻ vang, tốt đẹp bằng phục vụ

1. Xem: Khổng Tử - *Thượng thư* (tức Kinh Thư), bản dịch của Nhượng Tống, Nxb. Văn học, H. 2001, mục "Bàn Canh thượng", tr.82.

cho lợi ích của nhân dân"[1]. Từ đó, Người chủ trương xây dựng một nhà nước "được lòng dân", cán bộ từ Chủ tịch toàn quốc đến các làng đều là "đầy tớ" dân, "dân muốn gì ta phải làm nấy". Tự phê bình trước dân, Người viết: "Những sự thành công là nhờ đồng bào. Những khuyết điểm nói trên là lỗi tại chúng tôi"[2].

- Đề cao văn hoá, lễ nghĩa, coi trọng giáo dục, đạo đức.

Khổng Tử rất coi trọng giáo dục, đặt giáo dục trên chính trị, coi giáo dục tốt thì chính trị tốt. "Chính trị tốt thì dân giàu, giáo dục tốt thì được lòng dân" (Mạnh Tử).

Nho giáo vốn là một học thuyết về đạo đức, nó chủ trương: từ thiên tử cho đến thứ dân, ai cũng phải lấy tu thân làm đầu. Phương pháp giáo dục đạo đức của Nho giáo là *nêu gương*. "Vua mà có *nhân* thì không ai không có *nhân*. Vua mà có *nghĩa* thì không ai không có *nghĩa* (Mạnh Tử). Cả sáu kinh đều tập trung vào đề cao đạo đức. Khổng Tử nhấn mạnh Trí, Nhân, Dũng. Mạnh Tử đề cao Nhân, Nghĩa, Lễ, Tín.

Nhận thức được vai trò quan trọng của nhân tố đạo đức trong xã hội phương Đông, Hồ Chí Minh rất quan tâm giáo dục đạo đức cho cán bộ, đảng viên, coi đạo đức là cái gốc của người cách mạng. Người nhấn mạnh Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công, Vô tư và suốt đời kiên trì nêu gương về đạo đức, từ đời công đến đời tư, từ đạo đức cách mạng đến đạo đức đời thường.

- Tư duy phương Đông thường coi trọng chữ "hoà", chữ "đồng".

Cuộc sống vốn tồn tại những cái khác nhau nên tư duy phương Đông vừa chủ trương "bách gia tranh minh" vừa chủ trương "cầu đồng tồn dị", "thiên hạ đồng quy nhi thù đồ". Triết học phương Đông cũng đề cao phạm trù *thời* (thời cơ, thời vận), một phạm trù khách quan mà hành động chủ quan của con người cần làm sao cho phù hợp vì vậy có thể "tuỳ cơ ứng biến", "tuỳ thời biến dịch", "xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tuỳ thời tạo thế" (Trần Quốc Tuấn)[3]. Phan Bội Châu cũng viết: "Sinh thời thế phải xoay nên thời thế"[4]. Tuy nhiên, trong lẽ *biến dịch,* con người lại phải

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.8, tr.276.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.4, tr.166.
3. *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, t.II, tr.79.
4. Phan Bội Châu: *Toàn tập*, Nxb. Thuận Hoá, 1990, t.3, tr.238.

giữ được cái *bất biến* để có thể ứng với cái *vạn biến*. Cái bất biến ở người cách mạng, theo Hồ Chí Minh, là ý chí suốt đời đấu tranh cho độc lập, thống nhất của Tổ quốc; tự do, cơm áo, hạnh phúc cho nhân dân; là đạo đức cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, là đạo đức cách mạng mà "mài chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen".

Là một nhà mácxít phương Đông, Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng của phương pháp tư duy này. Người thường chú ý khai thác mặt *đồng nhất*, tạm để sang một bên mặt *khác biệt*. Theo Hồ Chí Minh, Khổng Tử, Giê-su, Mác, Tôn Dật Tiên,... đều có *những điểm chung giống nhau* là mưu cầu hoà bình, hạnh phúc, công lý,... cho con người. Lý lẽ của Hồ Chí Minh rất đơn giản, thường được lập luận trên cơ sở *tính đồng nhất về nguyên lý*: "Nước Pháp muốn dân chủ, không có lý gì lại muốn cho nước Việt Nam không dân chủ,... Nước Pháp muốn độc lập, không có lý gì lại muốn nước Việt Nam không độc lập"... "Triết lý đạo Khổng và triết lý phương Tây đều tán dương một nguyên tắc đạo đức: *Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*"[1].

Nói như vậy, không phải Hồ Chí Minh chủ trương xoá nhoà mâu thuẫn. Là nhà duy vật mácxít, Người từng nói: "Cái gì cũng có mâu thuẫn, cái gì cũng có biến âm dương, có sinh có tử, có quá khứ, có tương lai, có cũ có mới. Đó là những mâu thuẫn sẵn có trong mọi vật"[2]. Tuy nhiên, khi vận dụng, Người đã không tuyệt đối hoá mâu thuẫn, không đẩy nó lên thành giải pháp cực đoan như có người đã làm, coi "thiên hạ đại loạn" mới là tốt. Hồ Chí Minh là bậc thầy về nghệ thuật khai thác mâu thuẫn, phân hoá kẻ thù. Nhưng trong tập hợp lực lượng đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, Người lại nhấn mạnh chữ *đồng* (đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh) để đi tới đại đoàn kết dân tộc. Người thường phê phán một số cán bộ chỉ biết "chia rẽ, bênh vực lớp này chống lại lớp khác, không biết làm cho các tầng lớp nhân nhượng lẫn nhau, hoà thuận với nhau... Quên rằng lúc này ta phải toàn dân đoàn kết, không chia già trẻ, giàu nghèo để giữ nền độc lập, chống kẻ thù chung"[3].

Với phương pháp đó, Hồ Chí Minh đã xử lý đúng đắn *mối quan hệ giai cấp và dân tộc*. Người luôn luôn nêu cao quan điểm giai cấp: "Nói đến chính trị, chúng ta phải xét thái độ của các giai cấp và tầng lớp xã hội

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.4, tr.267.
2. X. Y. Z: *Duy vật biện chứng và duy vật lịch sử*, tài liệu đã dẫn.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.4. tr.57.

Việt Nam... để định phương châm, chính sách cho đúng"[1]. Tuy nhiên, trong thực tiễn vận dụng, Người lại lưu ý chúng ta đến chữ *thời* - thời gian, bối cảnh và điều kiện. Sai lầm của việc vận dụng máy móc, phương pháp đấu tranh giai cấp ở phương Tây vào phương Đông là ở chỗ đã không nhận thức được như Hồ Chí Minh về đặc điểm của xã hội phương Đông nói chung và Việt Nam nói riêng, là vấn đề phân hoá giai cấp chưa triệt để. Trước khi chủ nghĩa tư bản vào, ở phương Đông chủ yếu chỉ có đẳng cấp. Sang đầu thế kỷ XX vấn đề phân hoá giai cấp đã diễn ra, nhưng mâu thuẫn, xung đột giai cấp trong nội bộ dân tộc vẫn nằm ở bên dưới và chịu sự chi phối của mâu thuẫn dân tộc với đế quốc. Vì vậy, Hồ Chí Minh đã từng phê phán quan điểm giáo điều: "Nghe người ta nói giai cấp đấu tranh, mình cũng đề ra khẩu hiệu giai cấp đấu tranh mà không xét hoàn cảnh nước mình như thế nào để làm cho đúng"[2]. "Trong lúc cần toàn dân đoàn kết mà chủ trương giai cấp đấu tranh là một điều ngu ngốc"[3].

Tóm lại, tư duy chính trị Hồ Chí Minh là tư duy "quyền biến" trên cơ sở chữ "thời". Đứng vững trên quan điểm thực tiễn, luôn luôn bám sát theo sự vận động và phát triển của thực tiễn, tư duy Hồ Chí Minh là một tư duy uyển chuyển, linh hoạt, chứ không "chấp kinh" một cách cứng nhắc, giáo điều mà biết thay đổi tuỳ theo sự thay đổi của tình hình. Tháng 7-1954, khi hoà bình lập lại trên miền Bắc, Hồ Chí Minh nói: "*Tình hình mới* đã đặt ra những *nhiệm vụ mới,* phương châm, sách lược mới... Hiện nay, tình hình đã đổi mới thì nhiệm vụ của ta cũng có thay đổi. Chính sách và khẩu hiệu cũng phải thay đổi cho phù hợp với tình hình"[4].

Tóm lại, Hồ Chí Minh đã tiếp cận chủ nghĩa Mác - Lênin từ thực tiễn lịch sử, đất nước và con người Việt Nam, từ truyền thống văn hoá - đạo đức của dân tộc. Chính truyền thống tư tưởng - văn hoá - đạo đức dân tộc đã chuẩn bị sẵn những nhân tố để Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, kết hợp lý tưởng độc lập, tự do với lý tưởng của chủ nghĩa xã hội.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.6, tr.458.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.5, tr.272.
3. X. Y. Z: *Duy vật biện chứng và duy vật lịch sử*, tài liệu đã dẫn.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.7, tr.315.

II. Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin từ nhu cầu thực tiễn của cách mạng Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại

1. Giành lại độc lập dân tộc và canh tân đất nước là đòi hỏi cấp bách của cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX

Sự lựa chọn con đường phát triển của đất nước trong mỗi thời kỳ lịch sử thường gắn liền với tên tuổi của một vĩ nhân, một anh hùng lỗi lạc của dân tộc. Song điều đó không bao giờ chỉ là sự phản ánh ý chí chủ quan của một cá nhân. Như C. Mác từng nói "Con người làm ra lịch sử của chính mình, nhưng không phải làm theo ý muốn tuỳ tiện của mình, trong những điều kiện do mình chọn lấy, mà là trong những điều kiện trực tiếp, có trước mắt, đã cho sẵn và do quá khứ để lại"[1].

Vì vậy, khi nói nhân dân ta kiên quyết đi theo con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn thì cần hiểu rằng đó không phải là sự lựa chọn chủ quan của cá nhân lãnh tụ mà là sự lựa chọn của lịch sử, nghĩa là nếu không Hồ Chí Minh thì sẽ có một người khác thay thế, "thích hợp ít hay nhiều, nhưng cuối cùng cũng xuất hiện", như Mác đã nói.

Nhìn ra lịch sử thế giới đầu thế kỷ XX, từ Âu sang Á, chưa có một nước thuộc địa và phụ thuộc nào (từ Airơlen, Ba Lan,... đến Ấn Độ, Trung Hoa, Inđônêxia,...) đấu tranh giành độc lập thắng lợi, chưa có tấm gương nào được nêu lên để soi chung.

Trở lại Việt Nam đầu thế kỷ XX, lịch sử đặt ra cho dân tộc hai nhiệm vụ cấp bách cần giải quyết: đánh đuổi đế quốc Pháp, giành lại độc lập dân tộc và canh tân đất nước đưa Việt Nam đuổi kịp các nước văn minh trên thế giới. Hai nhiệm vụ này gắn bó chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau, không thể tách rời.

Thực ra, hai nhiệm vụ này cũng đã được lịch sử đặt ra từ cuối thế kỷ XIX, song chưa kết hợp được với nhau. Những người *cần vương* chống Pháp như Tôn Thất Thuyết, Phan Đình Phùng thì hầu như chỉ biết tập trung ý chí và sức mạnh cho việc đánh đuổi ngoại xâm; còn những người muốn *canh tân* đất nước như Nguyễn Trường Tộ, Phạm Phú Thứ thì ý thức chống Pháp lại không sâu sắc, quyết liệt! Đến khi phong trào *cần vương* thất bại, bài học thực tế rút ra là: với một kẻ thù có trình độ khoa

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1993, t.8, tr.145.

học kỹ thuật tiên tiến, được trang bị vũ khí tối tân, nếu chỉ với nhiệt tình yêu nước và vũ khí thô sơ, thì không thể chiến thắng được. Vì vậy, muốn đánh thắng thực dân xâm lược, phải canh tân đất nước, làm cho nước giàu, dân mạnh.

Thời đại mới, nhiệm vụ lịch sử mới đòi hỏi phải có giai cấp mới, giai cấp tiên tiến đứng ra gánh vác. Nhưng xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX mới đang trong quá trình phân hoá, chưa sâu sắc. *Giai cấp nông dân* là lực lượng đông đảo, bị áp bức bóc lột nặng nề, có khả năng cách mạng lớn lao, nhưng không đại diện cho một phương thức sản xuất tiên tiến nên không có được một hệ tư tưởng độc lập. *Giai cấp tiểu tư sản dân tộc* thành thị lực lượng bé nhỏ, địa vị bấp bênh, không thể lãnh đạo cách mạng, chỉ có thể là bạn đồng minh của cách mạng mà thôi. *Giai cấp tư sản* đang trong quá trình hình thành, chịu sự chèn ép của tư bản nước ngoài, có tinh thần dân tộc, nhưng vì quá yếu ớt nên cam phận, dễ dàng thoả hiệp để mưu sự sống còn. *Giai cấp công nhân* bắt đầu hình thành, nhưng số lượng chưa nhiều, đang ở giai cấp "tự nó", chưa trở thành một giai cấp đấu tranh tự giác, có đảng tiên phong lãnh đạo.

Trước tình hình đó, *lớp sĩ phu yêu nước* - bộ phận tiến bộ nhất, phân hoá từ giai cấp phong kiến, được hấp thụ ít nhiều "tân học", đã đứng ra đảm nhiệm sứ mệnh lãnh đạo cuộc đấu tranh. Ý thức được trách nhiệm trước lịch sử, với bầu nhiệt huyết chứa chan, vượt qua ý thức hệ phong kiến bảo thủ, họ cố tiến lên cùng thời đại, đón nhận những lý luận chính trị, khoa học, triết học,... của ý thức hệ tư sản phương Tây qua các "tân thư" của Trung Quốc, để mong tìm phương hướng giải quyết những yêu cầu do lịch sử đang đặt ra.

Với một hệ tư tưởng đã lỗi thời, lại được vận dụng bởi tầng lớp sĩ phu phong kiến cũng đã hết vai trò lịch sử, hệ tư tưởng tư sản không thể giải quyết được những vấn đề bức xúc đang đặt ra cho cách mạng Việt Nam.

Phan Chu Trinh đại diện cho xu hướng yêu nước cải lương, chủ trương khơi dậy tinh thần yêu nước, dân chủ, mở đường cho văn minh phương Tây đi vào đời sống dân tộc. Theo Phan Chu Trinh, muốn cứu nước, trước hết phải thực hiện dân quyền, phải "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh", rồi sau đó mới có thể nói đến đánh đuổi thực dân, giành lại độc lập tự do cho dân tộc.

Hạn chế cơ bản của Phan Chu Trinh là ở chỗ *không nhận rõ mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam* là *mâu thuẫn giữa dân tộc ta với bọn thực dân Pháp xâm lược;* trong khi tập trung công kích bọn quan lại sâu mọt hại dân, ông có phần tỏ ra nương nhẹ việc công kích nguyên lý quân chủ và sự hiện hữu của nó là triều đình Huế; ông còn tỏ thái độ công kích những ai chủ trương dùng phương pháp bạo động cách mạng. Vì vậy, đường lối và phương pháp của Phan Chu Trinh đã không bắt rễ được vào cuộc sống, không được nhân dân chấp nhận, mặc dù ông là một chí sĩ yêu nước có uy tín và danh vọng lớn. Một dân tộc có truyền thống kiên cường, bất khuất như dân tộc Việt Nam sao có thể cam chịu dựa vào kẻ thù, mong đợi ở chúng ban bố cho những cải cách?

Phan Bội Châu đại diện cho xu hướng bạo động, theo đường lối chính trị và phương pháp cách mạng mới, theo tấm gương duy tân của Nhật Bản. Ông tập hợp đồng chí, lập ra hội đảng cách mạng, tuyên truyền, khích lệ lòng yêu nước, thúc giục đồng bào đoàn kết, nổi dậy đấu tranh. Ông cũng đã bước đầu xây dựng được quan hệ đồng minh với một số nước cùng cảnh ngộ trong vùng Đông Á để chống chủ nghĩa thực dân.

Quả thực, tấm gương duy tân của Nhật Bản, đặc biệt là chiến thắng của quân đội Nhật trước quân đội Nga hoàng, đã có một tiếng vang lớn, nhất là đối với các dân tộc châu Á lâu nay bị đế quốc da trắng thôn tính, áp bức, nó tạo nên ảo tưởng có thể dựa vào người anh em "đồng chủng, đồng văn" để thoát khỏi ách thống trị của đế quốc da trắng. Từ đó mà có phong trào Đông Du.

Nhưng người ta không biết rằng Nhật Bản cũng đã trở thành một tên đế quốc da vàng, có tham vọng lớn về đất đai. Dựa vào tên đế quốc này chống lại tên đế quốc kia cũng nguy hiểm, chẳng khác gì "đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau".

Ý thức hệ tư sản cuối mùa đã không giúp được các nhà chí sĩ cách mạng của nước ta khắc phục được những hạn chế, sai lầm trong đường lối và phương pháp cách mạng. Do mơ hồ về giai cấp, họ không nhìn rõ kẻ thù chính, mà cũng không thấy được ai là lực lượng nòng cốt và ai là bạn đồng minh. *Phương pháp bạo động được hiểu một cách hạn hẹp như là những hành động quân sự đơn lẻ,* có tính manh động, ám sát cá nhân, *chưa phải là tiến hành vận động quần chúng, xây dựng lực lượng, tiến tới khởi nghĩa vũ trang,... để giành chính quyền.*

Những hạn chế đó đã dẫn Phan Bội Châu đến "trăm thất bại mà không một thành công".

Thể nghiệm cuối cùng của phong trào cách mạng theo ý thức hệ tư sản ở nước ta do *Việt Nam Quốc dân Đảng* thực hiện cũng nhanh chóng bị thất bại. Cương lĩnh và lý luận của tổ chức này không được xác định rõ ràng, nhất quán. Bản Điều lệ đầu tiên được thông qua ngày 24-12-1927 xác định: trước làm quốc gia cách mạng, sau làm thế giới cách mạng. Đến năm 1928, chủ nghĩa xã hội dân chủ được bổ sung thêm vào Điều lệ; đến năm 1929 lại được thay bằng ba nguyên tắc của cách mạng tư sản Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái; cuối cùng lại lấy chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn làm tôn chỉ của Đảng (thực chất là thứ chủ nghĩa Tam Dân đã bị Tưởng Giới Thạch cắt xén sau cuộc chính biến 4-1927).

Những hạn chế trong đường lối và phương pháp cách mạng của *Việt Nam Quốc dân Đảng* sau này đã được Phạm Tuấn Tài, một trong những người sáng lập, viết trong *Di chúc,* đề ngày 30-11-1936, như sau: "Trong lúc ấy, các đồng chí không phân biệt hoàn cảnh của mỗi giai cấp nên không định rõ giai cấp nào là chủ lực quân, giai cấp nào là phụ lực quân. Đã vậy, đảng viên là những phần tử của mọi giai cấp, địa vị và quyền lợi phức tạp, thì cố nhiên tư tưởng và chủ trương cũng lung tung, không thống nhất. Hầu hết mọi người trong đảng chỉ nhìn thấy một cái mục đích gần nhất là làm cho nước được độc lập rồi, lập nên một chế độ công bình và nhân đạo. Mà các nguyên tắc công bình và nhân đạo thì không giải thích ở đâu hết"[1].

Tóm lại, *ý thức hệ tư sản đã chứng tỏ sự lỗi thời và bất lực của nó trước nhiệm vụ lịch sử đặt ra cho dân tộc ta.* Sự thất bại của các phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX đã đặt ra nhu cầu khách quan phải đi tìm một ý thức hệ mới đủ sức vạch ra một đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, chẳng những đem lại thắng lợi cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc mà còn mở ra con đường phát triển của đất nước trong tương lai. Với sự phát triển và trưởng thành của giai cấp công nhân Việt Nam, một giai cấp mới đứng ở trung tâm của thời đại mới sẽ đứng ra gánh vác nhiệm vụ lịch sử đó.

---

1. Dẫn lại theo Trần Văn Giàu: *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám,* Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1997, t.2, tr.572.

2. Cách mạng Tháng Mười Nga đã mở ra thời đại giải phóng các dân tộc phương Đông

Năm 1911, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước và con đường phát triển cho dân tộc. Anh hướng tới mọi chân trời lý tưởng, khảo sát nhiều cuộc cách mạng tư sản nổi tiếng trên thế giới, hy vọng có thể tìm thấy chân lý cho sự cứu nguy dân tộc. Nhưng anh đã thất vọng.

Tại Mỹ, anh đã thấy đằng sau những lời đẹp đẽ về các quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của con người là cuộc sống quằn quại, bị chà đạp của những người da đen. Anh rút ra kết luận: Cách mạng Mỹ là cuộc cách mạng chưa đến nơi!

Sang Anh, nơi mà gần đó đang diễn ra cuộc đấu tranh dũng cảm, đầy hy sinh của nhân dân Airơlen để giành độc lập. Phong trào đã bị đàn áp, những người cầm đầu bị bức hại. Anh thấm thía: nếu bản thân người da trắng còn chưa được tự do, độc lập, thì có thể hy vọng gì ở chủ nghĩa thực dân đối với các dân tộc da màu?

Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp vào lúc mà cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vừa nổ ra thắng lợi, mở ra thời đại mới trong lịch sử loài người. Nhân Hội nghị hoà bình Vécxây, anh thử nghiệm sử dụng pháp lý tư sản và hình thức đấu tranh bằng phương pháp hoà bình, đưa ra *Yêu sách 8 điểm* đòi quyền bình đẳng về pháp lý và các quyền tự do, dân chủ tối thiểu cho nhân dân Việt Nam. Bản *Yêu sách* đã không được các đế quốc thắng trận để mắt tới. Anh rút ra kết luận: chương trình 14 điểm của Tổng thống Mỹ W. Wilsơn là một trò bịp lớn, "muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào bản thân mình".

Cuối năm 1919, Nguyễn Ái Quốc gia nhập Đảng Xã hội Pháp, một tổ chức chính trị duy nhất ở Pháp tỏ ý quan tâm đến số phận các dân tộc thuộc địa. Họ nói rất hay, "thông qua những nghị quyết rất kêu, để sau đại hội đưa vào viện bảo tàng!"[1].

Rõ ràng, với tất cả niềm tin chân thành của tuổi trẻ, anh đã tìm đến và từng gửi gắm hy vọng vào thế giới phương Tây. Nhưng anh đã thất vọng và vẫn phải tiếp tục cuộc hành trình đi đến chân lý.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.281.

Giữa lúc đó, ai đã chìa bàn tay thân ái đối với anh, với các dân tộc thuộc địa? - Chính phái tả cách mạng Pháp, Quốc tế thứ ba, Lênin và Cách mạng Nga! "Họ đã không vừa lòng với việc đọc những bài diễn văn rỗng tuếch và viết ra những nghị quyết "nhân đạo"... Mặc dầu đang vấp phải những khó khăn trong nước và ngoài nước, nước Nga cách mạng không hề một chút do dự trong việc giúp đỡ các dân tộc mà nó đã thức tỉnh bằng cuộc cách mạng anh dũng và thắng lợi"[1]. Chính nhờ thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga và *Luận cương* của V.I.Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa mà Nguyễn Ái Quốc đã từ người yêu nước trở thành người cộng sản. Người rút ra kết luận: cách mạng Việt Nam muốn thành công phải đi theo con đường của cách mạng Nga, phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin.

Những năm trước đây, tại Sài Gòn, một linh mục công giáo di cư có tiếng tăm đã thừa nhận "ông Hồ Chí Minh xứng đáng hơn ai hết để lãnh đạo đất nước này, phải chi ông không phải là cộng sản thì vui biết bao!". Lôgic nào đã đưa Nguyễn Ái Quốc trở thành người cộng sản, trên kia đã phân tích rõ. Ta hãy nghe thêm ý kiến của chính những người công giáo Sài Gòn lý giải vấn đề này trên báo chí công khai thời Mỹ - nguỵ lúc bấy giờ.

- "Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm một giải pháp cho quê hương, nhưng không còn một giải pháp nào khác ngoài giải pháp Đệ tam Quốc tế.

Chúng ta đã thấy sự tin tưởng của Phan Bội Châu và các đồng chí ở sự giúp đỡ của Trung Hoa và Nhật Bản, bị phản bội. Ở châu Âu, không một quốc gia, không một đảng phái nào có chủ trương chống chủ nghĩa thực dân ngoài Nga Xô và Cộng sản Đệ tam Quốc tế. Vì thế mà ở Đại hội của Đảng Xã hội Pháp năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu cho việc sáp nhập Đảng Xã hội Pháp vào Đệ tam Quốc tế... Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn Mác - Lênin bởi vì không còn một sự lựa chọn nào khác"[2].

- "Nguyễn Ái Quốc đã trở thành cộng sản vì, vào cái thời kỳ vàng son của chủ nghĩa thực dân, khi mà các cường quốc Âu, Mỹ còn có thể công khai mang quân đi cướp nước người và chia năm xẻ bảy cái thế giới này

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.298.
2. Linh mục Trương Bá Cần: *Từ Cách mạng Tháng Mười đến Cách mạng Tháng Tám*, tạp chí *Đất nước*, số 3, Sài Gòn, tháng 1-1968, tr.50-52.

theo ý họ muốn, chỉ có Liên Xô và Đệ tam Quốc tế là đã chủ trương giải phóng các dân tộc bị áp bức như là một chặng đường cần thiết trong cuộc giải phóng toàn diện con người... Họ đã đơn độc tố cáo những tội ác của thực dân và Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn họ"[1].

Điều chúng ta cần bổ sung và nói rõ thêm là Nguyễn Ái Quốc lựa chọn chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội *không phải như một giải pháp tình thế, cảm tính, mà nó có gốc rễ sâu xa từ cơ sở kinh tế - xã hội, văn hoá - tư tưởng truyền thống Việt Nam, từ nhu cầu thực tiễn của cách mạng Việt Nam, từ xu thế phát triển của thời đại* đã được mở ra từ thắng lợi của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại.

Cách mạng Tháng Mười đã mở đầu thời đại giải phóng các dân tộc phương Đông. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này đã nhận định: "Cách mạng Tháng Mười đã chặt đứt xiềng xích của chủ nghĩa đế quốc, phá tan cơ sở của nó và giáng cho nó một đòn chí mạng. Cách mạng Tháng Mười như tiếng sét đã đánh thức nhân dân châu Á tỉnh giấc mê hàng thế kỷ nay. Cách mạng Tháng Mười đã mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc"[2].

Sau Cách mạng Tháng Mười, Đảng Cộng sản Bônsêvích Nga và Chính phủ Xôviết, đứng đầu là V.I.Lênin, đã làm hết sức mình để giúp đỡ phong trào cách mạng thế giới, phong trào đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa. Nhờ đó, phong trào cách mạng của các nước phương Đông, từ những năm 20, đã chuyển sang một bước ngoặt cơ bản. Các Đảng cộng sản Inđônêxia, Mông Cổ, Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Ấn Độ,... lần lượt ra đời, đưa phong trào cách mạng ở các nước đó tiến lên theo con đường mới - con đường của cách mạng vô sản.

Thực tế đó cũng đến với các nhà cách mạng Việt Nam. Vào lúc Nguyễn Ái Quốc đã trở thành một chiến sĩ quốc tế với những hoạt động náo nhiệt ở Pháp, Nga và Trung Quốc thì ảnh hưởng của phong trào cách mạng thế giới - tức cách mạng vô sản - cũng đã tác động đến Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh,... bước đầu tạo nên sự chuyển hướng của các ông.

Sau khi ký điều ước thoả hiệp với Pháp, Chính phủ Nhật ra lệnh trục xuất cụ Phan và số lưu học sinh Việt Nam ra khỏi đất Nhật! Phan Bội

1. GS. Lý Chánh Trung: *Nói chuyện với người đã khuất*, tạp chí *Đất nước*, Sài Gòn, số 14, tháng 10-1969.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.8, tr.562.

Châu lâm vào cảnh bơ vơ, nay Trung Quốc, mai Xiêm La, khi cày ruộng, lúc viết báo để độ thân, chờ thời. Cuối năm 1920, được tin phái đoàn Chính phủ công nông Xôviết sang thăm Bắc Kinh, cụ Phan muốn yết kiến, bèn dịch sách *"Điều tra chân tướng Nga-la-tư"* của một tác giả Nhật, nhờ Thái Nguyên Bồi giới thiệu, để ra mắt. Cụ Phan đặt vấn đề muốn được gửi học sinh Việt Nam sang du học tại Nga - Xô. Đại diện nước Nga đã hoan nghênh và tỏ ý sẵn sàng giúp đỡ.

Cảm tưởng của cụ Phan sau cuộc gặp là: "Người Nga khi nói chuyện với tôi biểu hiện một cách hoà ái, thân thiện, tư sắc rành thấy là nhã nhặn, điềm đạm"[1].

Sau tiếng bom của Phạm Hồng Thái, khí thế cách mạng Việt Nam dâng cao, thanh niên Việt Nam yêu nước nô nức tìm đến Quảng Châu - khi đó được coi là Mátxcơva của phương Đông. Được sự giúp đỡ của Chính phủ Tôn Trung Sơn, một số thanh niên Việt Nam đã vào học Trường Quân sự Hoàng Phố. Lúc này, cụ Phan nhận định: "Tôi xem chừng phong trào thời đại bây giờ đã khuynh về *"thế giới cách mệnh"* tôi mới bàn bạc với các đồng chí, thủ tiêu *Quang phục hội,* cải tổ làm *Việt Nam Quốc dân Đảng"*[2]. Qua thư từ trao đổi, được Nguyễn Ái Quốc góp ý kiến, cụ Phan dự định tiếp tục sửa đổi chương trình và đảng cương của mình để hoà nhập vào xu hướng "thế giới cách mệnh" của thời đại. Tiếc rằng việc chưa thành, ngay sau đó cụ đã bị Pháp lừa bắt, đưa về Việt Nam.

Tuy nhiên, lớp đồng chí trung kiên của Cụ, tập hợp lại trong *Tâm tâm xã,* kế thừa tinh thần của Cụ, lại được Nguyễn Ái Quốc trực tiếp dìu dắt, đã chuyển sang xu hướng cách mạng thế giới. Nếu cụ Phan không bị sa lưới giặc, chúng ta tin rằng con đường cụ đi tiếp sẽ không ra ngoài xu thế phát triển của lịch sử. Trong *Truyện Phạm Hồng Thái,* được sáng tác vào 11-1924, Phan Bội Châu đã viết: "Người nước ta nếu không nói cách mạng thì thôi, chứ nói cách mạng thì phải bắt tay vào làm cách mạng xã hội"[3].

Sau khi bị bắt về giam lỏng tại Huế, Cụ đã viết tác phẩm *Xã hội chủ nghĩa* nhằm giới thiệu cho nhân dân ta những hiểu biết sơ lược về chủ nghĩa xã hội, qua đó biểu lộ niềm tin của mình vào con đường và bước đi

1. Phan Bội Châu: *Toàn tập,* sđd, t.6, tr.272, 287.
2. Phan Bội Châu: *Toàn tập,* sđd, t.6, tr.272, 287
3. Phan Bội Châu: *Toàn tập,* sđd, t.3, tr.530, 132.

tới của cách mạng Việt Nam: "May thay! Đương giữa lúc khói độc, mây mù, thình lình có một trận gió xuân thổi tới. Chính giữa lúc trời khuya, đất ngủ, thình lình có một tia thái dương mọc ra. Trận gió xuân ấy, tia thái dương ấy là chủ nghĩa xã hội vậy"[1].

Đó cũng là sự chuyển hướng của Phan Chu Trinh vào cuối đời, sau khi về nước. Trong bài diễn thuyết tại Sài Gòn tháng 11-1925 về "Đạo đức và luân lý Đông - Tây", cụ có nói: "Nay nước ta muốn độc lập, tự do phải có đoàn thể, phải truyền bá chủ nghĩa xã hội trong dân..."[2].

Trình bày như vậy để thấy rằng: không chỉ Nguyễn Ái Quốc mà bất cứ nhà cách mạng chân chính nào khác, nếu thật sự muốn mưu cầu độc lập bền vững cho Tổ quốc, tự do, cơm áo, hạnh phúc cho nhân dân thì *không có sự lựa chọn nào khác ngoài con đường đi tới chủ nghĩa Mác - Lênin.* Đó là kết quả của một quá trình tìm đường và nhận đường của nhiều thế hệ cách mạng, qua thử thách của thực tiễn mà đi tới chân lý. Đó chính là sự lựa chọn của lịch sử mà Nguyễn Ái Quốc là người đại diện tiêu biểu nhất.

III. Hồ Chí Minh tiếp cận chủ nghĩa Mác - Lênin với tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo

1. Cơ sở hình thành tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo ở Hồ Chí Minh

1.1. Ở tuổi 20, khi ra đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành *đã được quê hương và gia đình trang bị cho một vốn học vấn chắc chắn, một năng lực trí tuệ sắc sảo,* một đầu óc phê phán tinh tường giúp anh phân tích, tổng kết các phong trào yêu nước chống Pháp từ cuối thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX để tự tìm ra một hướng đi mới cho cách mạng Việt Nam. Tinh thần độc lập, tự chủ được biểu hiện trước hết ở *nhận thức về con đường cứu nước.* Anh từ chối con đường Đông Du mà một mình đi sang phương Tây; ngoài trí tuệ và hai bàn tay lao động, anh không có hành trang nào khác, không được sự bảo trợ của một tổ chức hay cá nhân nào. *Mục đích,* đi, *phương thức* đi cũng đổi mới: đi để tìm đường cứu nước, chứ không phải để cầu viện. Xuất thân trong gia đình nhà nho đỗ đạt,

1. Phan Bội Châu: *Toàn tập,* sđd, t.3, tr.530, 132.
2. Dẫn lại theo Huỳnh Lý: *Phan Chu Trinh, thân thế và sự nghiệp,* Nxb. Đà Nẵng, 1993, tr.166.

bản thân đã từng làm thầy giáo, nhưng anh không ra đi trong vai thân sĩ, mà từ lớp "sĩ", anh đi thẳng xuống lớp "công", hoà mình vào cuộc sống của người lao động, thực hiện "vô sản hoá", không chút mặc cảm, tự ti. Ở đầu thế kỷ XX này, đó quả là *một sự đổi mới đầy dũng cảm.* Chính nhờ cách đi đó mà anh đến được với phong trào công nhân và sớm tiếp thu được chủ nghĩa Mác - Lênin.

Trong mười năm đầu, Nguyễn Tất Thành đã bôn ba qua nhiều nước đế quốc và thuộc địa khắp Âu, Á, Mỹ, Phi; vừa hoạt động, vừa nghiên cứu, học tập ở những trung tâm văn hoá, khoa học và cách mạng của phương Tây, như Niu Yóoc, Luân Đôn, Pari, Mátxcơva,... đã gần gũi và kết bạn với nhiều nhà văn hoá và hoạt động cách mạng nổi tiếng - những đại diện xuất sắc của trí tuệ thời đại, qua đó tự trang bị cho mình một trình độ học vấn có thể gọi là uyên bác về nhiều mặt, chẳng những bắt kịp nhịp sống của thời đại mà còn dự kiến được bước phát triển mới của lịch sử trong tương lai. Nói cách khác, *Người đã nhận thức được thời đại mình đang sống một cách sâu rộng* theo phong cách của Lênin. Chính bản lĩnh đó đã tạo cho Người một năng lực tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, một đầu óc phê phán tinh tường, sáng suốt trong việc khảo sát, đánh giá các cuộc cách mạng tư sản, không để cho cái bề ngoài hào nhoáng của nó đánh lừa.

Như đã nói, mục tiêu ra nước ngoài của Nguyễn Tất Thành là *để tìm đường cứu nước, giải phóng đồng bào.* "Độc lập cho Tổ quốc tôi, tự do cho đồng bào tôi, đó là tất cả những gì tôi muốn, tất cả những gì tôi hiểu". Toàn bộ tư duy của anh đều vận động trên *nhu cầu thực tiễn* đó của cách mạng Việt Nam. Mọi học thuyết, mọi lý luận đến với anh, dù rắc rối, phức tạp đến đâu cũng đều trở nên rõ ràng dưới cái nhìn tham chiếu đó. Trong Đảng Xã hội, người ta tranh luận rất nhiều với nhau về việc ở lại Quốc tế thứ hai, theo Quốc tế thứ hai rưỡi, hay là Quốc tế thứ ba; riêng đối với Nguyễn Ái Quốc, vấn đề thật đơn giản: *"Vậy thì cái quốc tế nào bênh vực nhân dân các nước thuộc địa"*? Khi được trả lời là Quốc tế thứ ba thì Người có thể xông vào tranh luận với lẽ duy nhất là: *"Nếu đồng chí không lên án chủ nghĩa thực dân,... không bênh vực các dân tộc thuộc địa, thì đồng chí làm cái cách mạng gì?"*[1].

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.10, tr.127, 28.

Đó là những cơ sở ban đầu tạo nên phẩm chất và năng lực tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo của Hồ Chí Minh. Từ khả năng tư duy đó, Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học.

1.2. Hồ Chí Minh, từ khát vọng tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc, đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, "tựa như người đi đường đang khát nước mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn". Người phấn khởi reo lên như tìm được một phát kiến vĩ đại: "Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta". Người sớm đi tới kết luận: "Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"[1].

Hồ Chí Minh khẳng định: "Chủ nghĩa Mác - Lênin là chủ nghĩa cách mạng và khoa học nhất"[2]. *Tính khoa học* của chủ nghĩa Mác - Lênin là ở chỗ nó đã phát hiện ra các quy luật phát triển của tự nhiên và xã hội, quy luật đấu tranh tự giải phóng của những người lao động, quy luật xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Chủ nghĩa Mác - Lênin là khoa học vì nó vừa là kết quả của sự kế thừa có chọn lọc tinh hoa trí tuệ của loài người, vừa là kết quả tổng kết thực tiễn phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong thời đại tư bản. *Tính cách mạng* của chủ nghĩa Mác - Lênin là ở chỗ đó là học thuyết nhằm cải tạo thực tại theo hướng tiến bộ vì hạnh phúc của con người; ở chỗ nó thâm nhập vào giai cấp công nhân và đông đảo những người lao động, biến thành sức mạnh vật chất cải tạo thế giới. Tính khoa học và tính cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin thống nhất chặt chẽ với nhau. Những nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin vừa là những trí tuệ uyên bác của thời đại, vừa là những nhà hoạt động cách mạng kiệt xuất. Học thuyết mang tên các ông đã phản ánh giá trị, phẩm chất của chính con người các ông.

Nắm vững tính khoa học và tính cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin đồng thời Hồ Chí Minh cũng thấm nhuần sâu sắc di huấn của các bậc thầy cách mạng của mình, "không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm" mà "phải tự mình phát triển hơn nữa lý luận của Mác, vì lý luận này chỉ đề ra nguyên lý *chỉ đạo* chung, còn việc áp dụng những nguyên lý ấy thì *xét riêng từng nơi*, ở

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.10, tr.127, 28.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.6, tr.479.

Anh không giống ở Pháp, ở Pháp không giống ở Đức, ở Đức không giống ở Nga"[1].

Trong các bài viết của mình, Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhắc lại lời khuyên của V.I.Lênin đối với các nhà cách mạng phương Đông, rằng "các bạn phải biết vận dụng lý luận và thực tiễn ấy vào điều kiện: khi nông dân là quần chúng cơ bản, khi cần phải giải quyết nhiệm vụ đấu tranh không phải chống tư bản mà chống những tàn tích của thời trung cổ"[2].

Tinh thần cơ bản trong di huấn của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin là lý luận phải kết hợp với thực tiễn, phải phù hợp với thực tiễn, giải đáp được nhu cầu của thực tiễn. Mác đã viết: "ở mỗi dân tộc, lý luận bao giờ cũng chỉ được thực hiện theo mức độ mà nó là sự thực hiện những nhu cầu của dân tộc ấy"[3].

Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết về giải phóng giai cấp vô sản được hình thành ở các nước tư bản phát triển nhất của châu Âu, nay đem vận dụng vào các nước thuộc địa châu Á, nơi còn tồn tại phổ biến các quan hệ tiền tư bản, lại nhằm mục tiêu trước mắt là giải phóng dân tộc, đòi hỏi phải được vận dụng với một tinh thần sáng tạo rất cao. Cơ sở của sự sáng tạo đó là quan điểm thực tiễn.

Khi vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào cách mạng thuộc địa ở Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã luôn luôn đứng vững trên quan điểm thực tiễn, thể hiện một tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo hiếm có. Ngay từ năm 1924, trong một báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã đưa ra nhận định về sự phát triển không giống nhau giữa các xã hội phương Đông và phương Tây:

- Xét về mặt cấu trúc kinh tế - xã hội, xã hội Đông Dương (có thể nói cả Ấn Độ hay Trung Quốc), không giống các xã hội phương Tây thời trung cổ. Việt Nam không trải qua chế độ chiếm hữu nô lệ. Chế độ phong kiến Việt Nam cũng mang đặc điểm khác với chế độ phong kiến phương Tây.

- Xét về mặt giai cấp, tuy đã có phân hoá, nhưng chưa triệt để và sâu sắc. Sự đối lập giữa địa chủ và nông dân, tư sản và công nhân về tài sản,

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, M. 1974, t.4, tr.232.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.7, tr.516.
3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1995, t.1, tr.582.

mức sống, phương tiện sinh hoạt,... chưa lớn, do đó sự xung đột về quyền lợi giữa họ được giảm thiểu.

Từ đó, Nguyễn Ái Quốc rút ra kết luận "cuộc đấu tranh giai cấp ở đây - tức Việt Nam - không diễn ra giống như ở phương Tây". Vì vậy, Người nêu lên sự cần thiết phải "bổ sung *cơ sở lịch sử* của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được"[1]. Đó là một kiến nghị thật mới mẻ và táo bạo, nhất là vào lúc trong phong trào cộng sản quốc tế, lý luận đang có xu hướng bị "sơ cứng" sau khi Lênin qua đời.

2. Mấy đặc điểm chủ yếu trong tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo của Hồ Chí Minh

Có thể khái quát tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo của Hồ Chí Minh trên mấy nét chủ yếu sau đây:

2.1. Định hướng tư duy trên cơ sở thực tiễn

Xuất phát từ thực tiễn là một nguyên lý của nhận thức luận mácxít. Ph. Ăngghen đã viết: "Các nguyên lý không phải là điểm xuất phát của sự nghiên cứu mà là kết quả cuối cùng của nó,... không phải là giới tự nhiên và loài người phải phù hợp với các nguyên lý, mà trái lại các nguyên lý chỉ đúng trong chừng mực chúng phù hợp với giới tự nhiên và lịch sử"[2].

Hồ Chí Minh quan niệm: "Lý luận là đem *thực tế* trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc đấu tranh, xem xét so sánh thật kỹ lưỡng, rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với *thực tế*. Đó là lý luận chân chính"[3].

Theo quan niệm đó, trong tư duy, Hồ Chí Minh luôn luôn lấy thực tiễn, lấy sự kiện của đời sống dân tộc và thời đại làm định hướng cho suy nghĩ và hành động, hết sức tránh sao chép sách vở một cách giáo điều, hết sức tránh lặp lại các giải pháp sẵn có.

Để tìm đường cứu nước, Người thấy tự mình phải trực tiếp ra nước ngoài khảo sát xem xét họ làm ăn như thế nào để trở về giúp đồng bào.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.465.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2002, t.20, tr.54.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.5, tr.233.

Người tìm thấy trong chủ nghĩa Mác - Lênin, học thuyết cách mạng và khoa học của thời đại, con đường giải phóng cho các dân tộc thuộc địa. Nhưng chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết cách mạng rộng lớn, bao quát nhiều vấn đề về giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng xã hội, giải phóng loài người. Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin từ nhu cầu thực tiễn giải phóng dân tộc, Người biết rút ra những vấn đề cần thiết cho giai đoạn trước mắt của cách mạng Việt Nam, phù hợp với lịch sử, đất nước, con người Việt Nam. Người vận dụng lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin phân tích xã hội Việt Nam, đề ra đường lối đúng đắn cho cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Khi miền Bắc nước ta từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, tiền tư bản chủ nghĩa, bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Người đặt vấn đề: "Chúng ta phải dùng những phương pháp gì, hình thức gì, đi theo tốc độ nào để tiến lên chủ nghĩa xã hội?"[1]. Người cũng nhắc nhở: "... tuy chúng ta đã có những kinh nghiệm dồi dào của các nước anh em, nhưng chúng ta cũng không thể áp dụng những kinh nghiệm ấy một cách máy móc, bởi vì nước ta có những đặc điểm riêng của ta"[2].

Tóm lại, Hồ Chí Minh là hiện thân sinh động của sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Cách mạng Việt Nam nhờ vận dụng quán triệt tư tưởng và phương pháp của Người, biết xuất phát từ điều kiện thực tế của nước ta để định ra đường lối chủ trương cho cách mạng nước ta, nhờ đó mà giành được thắng lợi ngày càng to lớn.

2.2. Luôn luôn đặt câu hỏi "tại sao", truy đến tận cùng bản chất của sự vật và hiện tượng

Nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ, tư duy Hồ Chí Minh là tư duy sâu sắc, triệt để, không bao giờ chịu dừng lại ở hiện tượng bề ngoài mà luôn luôn tìm tòi suy nghĩ, đào sâu vào bên trong để hiểu được bản chất của vấn đề.

Lần đầu tiên đặt chân đến nước Pháp, anh Nguyễn thấy ở nước Pháp cũng có người nghèo và gái điếm, anh đặt câu hỏi: "Tại sao người Pháp không "khai hoá" đồng bào của họ trước khi đi "khai hoá" chúng ta?"[3].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.8, tr.494, 499.
2. Như trên.
3. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Văn học, H. 1970, tr.15.

Trước cuộc tranh luận dai dẳng và kịch liệt trong Đảng Xã hội Pháp về vấn đề nên ở lại Quốc tế thứ hai, theo Quốc tế ba hay là tổ chức một Quốc tế thứ hai rưỡi, anh Nguyễn đặt câu hỏi: "Vậy thì cái quốc tế nào bênh vực nhân dân các nước thuộc địa?".

Để vạch rõ sai lầm trong chiến lược "đánh chết rắn đằng đuôi" của một số đảng cộng sản Tây Âu, trong bài phát biểu tại Phiên họp thứ 8 của Đại hội V Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã lập luận bằng cách đưa ra một loạt các câu hỏi "tại sao", vừa chất vấn, vừa thuyết phục người nghe về tầm quan trọng của cách mạng thuộc địa. Người nói: "Tại sao các đồng chí lại xem thường các thuộc địa trong lúc chủ nghĩa tư bản lại dựa vào nó để tự bảo vệ và chống lại các đồng chí?"[1].

Phương pháp đặt câu hỏi cũng là cách phổ biến Người thường dùng trong công tác đào tạo, huấn luyện cán bộ. Tác phẩm *Đường kách mệnh*, cuốn sách giáo khoa cách mạng đầu tiên do Người soạn thảo, cũng được trình bày dưới hình thức "hỏi - đáp". Để "sửa đổi lối làm việc" cho cán bộ, Người chú trọng sửa đổi phương pháp tư duy cho họ. Người viết:

" Gặp mỗi vấn đề, ta phải đặt câu hỏi:

Vì sao có vấn đề này?

Xử trí như thế này, kết quả sẽ ra sao?

Phải suy tính kỹ lưỡng. Chớ nên hấp tấp, chớ làm liều..."[2].

Trong học tập lý luận, Người nhắc nhở: "Đối với bất cứ vấn đề gì đều phải đặt câu hỏi "vì sao"? đều phải suy nghĩ kỹ càng, xem nó có hợp với thực tế không, có thật là đúng lý không, tuyệt đối không nên nhắm mắt tuân theo sách vở một cách xuôi chiều..."[3].

Tóm lại, "phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ", đó là điểm nổi bật trong phương pháp tư duy Hồ Chí Minh.

2.3. Kết hợp hài hoà lý trí khoa học với tình cảm cách mạng

Tính khoa học và tính cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin đòi hỏi ở người nghiên cứu và vận dụng không thể chỉ dừng ở *nhận thức* mà phải

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.274.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.5, tr.299.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.8, tr.500.

chuyển từ nhận thức sang *hành động*. Hồ Chí Minh căn dặn: "Theo chủ nghĩa Mác thì chẳng những cần hiểu biết quy luật thế giới để giải thích thế giới mà còn phải dùng sự hiểu biết ấy để cải tạo thế giới... Lý luận sở dĩ quan trọng là vì nó dạy ta *hành động*. Nếu đưa một lý luận rất đúng ra nói, rồi xếp nó lại một xó, không đưa ra thực hành, thì lý luận ấy thành lý luận xuông"[1].

Để hành động, con người cần có lý trí soi sáng, nhưng chưa đủ. Lý trí như ngọn đèn, còn cái tạo ra động lực cho hành động chính là tình cảm. V.I.Lênin đã viết: "Nếu không có tình cảm cách mạng trong quần chúng, không có những điều kiện thuận tiện cho tình cảm ấy phát triển thì không thể làm cho sách lược cách mạng biến thành hành động được"[2]. Ph. Ăngghen cũng từng nói đại ý: Một sự say sưa nhất định luôn luôn là đặc tính của người chiến sĩ, kẻ nào rút gươm ra một cách hững hờ, kẻ ấy ít có nhiệt tình đối với sự nghiệp mà mình bảo vệ.

Như vậy, dù để tìm tòi chân lý hay hoạt động cách mạng đều cần đạt tới sự kết hợp hài hoà giữa lý trí khoa học và tình cảm cách mạng. Có như vậy mới khắc phục được tính phiến diện, cực đoan kiểu tư duy lạnh lùng, cứng nhắc, thiếu uyển chuyển của người duy lý; cũng như sự nhẹ dạ, cả tin, thiếu sáng suốt của người duy tình, duy cảm.

Tư duy Hồ Chí Minh là biểu hiện mẫu mực của sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý trí khoa học và tình cảm cách mạng. Đó cũng là sự kết hợp của truyền thống yêu nước, nhân ái, tình nghĩa Việt Nam với chủ nghĩa Mác - Lênin; là sự thống nhất giữa trái tim yêu nước, thương dân mãnh liệt với trí tuệ tỉnh táo, sáng suốt trong con người Hồ Chí Minh. Người nói: "Con người, dù là xấu tốt, văn minh hay dã man, đều có tình". "Người kiên quyết cách mạng nhất lại là người đa tình, chí hiếu nhất"[3]. Từ nhỏ, Người đã từng đau xót chứng kiến cảnh bệnh tật, đau khổ, chết chóc của những đồng bào đi phu Cửa Rào. Người đã khóc khi thấy những người da đen bị bọn chủ tàu ném xuống biển cho sóng cuốn trôi ở Đaca. Người đã phẫn nộ lên án lối hành hình kiểu Lynsơ của bọn phân biệt chủng tộc ở Mỹ, v.v... Người từng nói một cách thống thiết: "Mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng. Gộp tất cả những nỗi khổ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.6. tr.253-254.
2. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, M. 1977, t.41, tr.59.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.7, tr.60.

riêng của mỗi người, mỗi nhà lại thì thành nỗi đau khổ của tôi". Chính tình cảm yêu thương giai cấp sâu sắc, yêu thương nhân loại rộng lớn đó đã hun đúc ở Người một ý chí, một quyết tâm mãnh liệt để dấn thân vào cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, sẵn sàng vượt qua mọi gian khổ, hy sinh, hiến dâng đời mình cho sự nghiệp cao cả giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Chính tình cảm cách mạng nồng nàn ấy đã đưa Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, một đỉnh cao của trí tuệ thời đại, để đạt tới sự hài hoà giữa lý trí khoa học với tình cảm cách mạng.

Cuộc đời Hồ Chí Minh là tấm gương sáng ngời chí khí cách mạng và lòng yêu thương nhân dân thắm thiết. Đất nước còn chia cắt, Người nói: "Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên".

Miền Bắc được giải phóng, nhưng đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, Người nói với cán bộ, đảng viên: "Hễ còn một người Việt Nam bị bóc lột, bị nghèo nàn thì Đảng vẫn đau thương, cho đó là vì mình chưa làm tròn nhiệm vụ"[1].

Không có tình cảm cách mạng sâu sắc, thường trực thì cũng không có ham muốn hành động cách mạng. Vì vậy với Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ là những nguyên lý, quy luật, khái niệm, phạm trù, không phải chỉ là nhận thức lý tính, mà còn là tình cảm, là tình nghĩa. "Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là phải sống với nhau có tình, có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình, có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin được"[2]. Trong *Di chúc,* phần nói về Đảng, Người nhắc nhở "phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau", phải biết giải quyết những vấn đề lớn và nhỏ, dân tộc và quốc tế "trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có *lý có tình*".

2.4. Tư duy Hồ Chí Minh là tư duy rộng mở để thâu hoá, không ngừng làm giàu trí tuệ của mình bằng vốn văn hoá - tư tưởng của nhân loại

Tư duy Hồ Chí Minh là tư duy uyển chuyển, hài hoà giữa *nước* và *nhà, cộng đồng* và *cá nhân, dân tộc* và *quốc tế.* Được như vậy là nhờ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.10, tr.4.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.12, tr.554.

Người biết kế thừa truyền thống khoan dung văn hoá của dân tộc, lại biết mở rộng tư duy của mình ra thế giới, tìm hiểu, suy ngẫm, gạn lọc, thâu hoá tinh hoa tư tưởng - văn hoá của nhân loại để không ngừng làm giàu vốn trí tuệ của mình.

Người từng nhắc nhở: "Tây phương hay Đông phương có cái gì tốt ta học lấy để tạo ra một nền văn hoá Việt Nam... có tinh thần thuần tuý Việt Nam, hợp với tinh thần dân chủ"[1]. Bản thân Người là hình ảnh kết tinh của tinh hoa văn hoá nhân loại.

Tư duy độc lập, tự chủ không có nghĩa là đóng cửa, khép kín, tự huyễn hoặc mình bằng vốn hiểu biết hạn hẹp và những suy nghĩ thiển cận, chủ quan. Độc lập, tự chủ trong tư duy phải được đặt trên nền tảng khoa học, hiện đại, nhân văn. Muốn thế, phải biết hướng tầm nhìn ra thế giới, thu hái, chắt lọc những gì tiến bộ, cách mạng, phù hợp với dân tộc và đất nước mình. Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin cũng chính trên tinh thần ấy. Nhờ đứng vững trên lập trường, quan điểm và phương pháp của học thuyết cách mạng và khoa học này, Người đã có thể tiếp tục tìm hiểu các học thuyết khác, theo tinh thần của Lênin: "Chỉ những người cách mạng chân chính mới thu hái được những điều hiểu biết quý báu của các đời trước để lại"[2].

Người vừa phê phán vừa tiếp thu có chọn lọc *tư tưởng dân chủ và cách mạng của phương Tây,* nhất là truyền thống Tự do, Bình đẳng, Bác ái của cách mạng tư sản Pháp, biết sử dụng *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* để lên án bọn thực dân xâm lược đã phản bội lại các giá trị quá khứ của cha ông họ; đồng thời từ nguyên lý về các quyền tự nhiên của con người mà đi tới khẳng định quyền tự do, độc lập của các dân tộc.

Người khai thác, lựa chọn những yếu tố tích cực, phù hợp trong *Nho giáo* để phục vụ cho nhiệm vụ cách mạng; sử dụng những thuật ngữ cũ của Nho giáo, nhưng có sửa đổi, bổ sung, đem lại cho nó ý nghĩa mới, đặc biệt trong các vấn đề về đạo đức, sản xuất, phân phối,... Trân trọng những "hạt nhân hợp lý", đồng thời Người cũng triệt để phê phán những quan điểm sai lầm, phản tiến hoá của Nho giáo, như tư tưởng phân biệt đẳng cấp, coi khinh phụ nữ, khinh lao động chân tay, khinh thực nghiệp,

1. Báo *Cứu quốc,* số ra ngày 25-11-1946.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.6, tr.46.

doanh lợi, khoa - kỹ,... nguyên nhân dẫn đến lạc hậu, trì trệ, không đổi mới, không đủ sức đương đầu với sức mạnh khoa học - kỹ thuật của bọn xâm lược phương Tây.

Người đề cao tư tưởng từ bi, bác ái, cứu khổ cứu nạn, chăm lo làm điều thiện, tư tưởng dân chủ, bình đẳng... của Phật giáo. Người đề cao tinh thần nhập thế của Thiền phái Trúc lâm Việt Nam, kêu gọi phật tử hăng hái tham gia cứu đói, diệt dốt, diệt ngoại xâm.

Là môn đệ của chủ nghĩa Mác, Hồ Chí Minh hiểu rõ những hạn chế, sai lầm trong các học thuyết của Thích Ca, Giê-su, Khổng Tử,... nhưng không khoét sâu vào đó, mà với tinh thần gạn đục khơi trong, Người vẫn đánh giá cao tinh thần trọng đạo đức, lòng bác ái, thương người trong các học thuyết ấy, tìm ra những điểm gặp gỡ, tương đồng nhằm thực hiện đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết tôn giáo, phục vụ cho kháng chiến, kiến quốc và mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân.

Sau khi đã trở thành người mácxít, Hồ Chí Minh vẫn tìm hiểu *chủ nghĩa tam dân* của Tôn Dật Tiên và tiếp thu từ học thuyết đó những yếu tố phù hợp với mục đích trước mắt của cách mạng dân tộc, dân chủ, nhân dân ở Việt Nam.

Những đặc điểm trên hoà quyện với nhau tạo nên ở Hồ Chí Minh một phương pháp tư duy sâu sắc, triệt để, hiệu quả, thiết thực; một phương pháp tư duy luôn luôn kết hợp chặt chẽ lý luận với thực tế, cách mạng với khoa học, lý trí với tình cảm, dân tộc với thời đại. Đó cũng là những phẩm chất đã tạo nên năng lực cho tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo của Hồ Chí Minh. Tư duy đó đã giúp cho Chủ tịch Hồ Chí Minh chẳng những tiếp thu sâu sắc, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam mà còn có điều kiện phát triển, làm phong phú lý luận ấy ở một nước vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sau khi giành được độc lập về chính trị, quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Con đường Hồ Chí Minh từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin là con đường phát triển hợp lôgic, phù hợp với quá trình vận động và phát triển của tư tưởng cách mạng Việt Nam. Đóng góp sáng tạo của Hồ Chí Minh là ở chỗ: đứng vững trên những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin, Người đồng thời biết xuất phát từ lịch sử, truyền thống tốt đẹp của dân tộc, từ trí tuệ thời đại để vạch ra đường lối chiến

lược, sách lược cho cách mạng Việt Nam, đưa dân tộc ta vượt qua những khó khăn ban đầu với những sai lầm ít cực đoan nhất, đã tránh được cho dân tộc những thử thách khốc liệt không đáng có, những hy sinh mất mát không cần thiết, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Ngày nay, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đạt được những thành công và phát triển vững chắc như hiện nay cũng là nhờ Đảng ta đã kế thừa và vận dụng sáng tạo những bài học của Hồ Chí Minh trong suy nghĩ, tìm tòi *mô hình* và *con đường* đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta, vừa phù hợp với truyền thống dân tộc, vừa phù hợp với đặc điểm của thời đại hiện nay.

C. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH, GIÁ TRỊ DÂN TỘC VÀ Ý NGHĨA THỜI ĐẠI

Trong cuộc đời hơn 60 năm chiến đấu cho lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lập nên một sự nghiệp phi thường, trong đó có sự nghiệp tư tưởng - lý luận. Di sản tư tưởng - lý luận Người để lại được Đảng ta và nhân dân ta định danh là *tư tưởng Hồ Chí Minh.*

I. Khái niệm về hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh

Trên cơ sở tiếp thu thành tựu nghiên cứu của các nhà khoa học, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam bước đầu đưa ra một *định nghĩa* về tư tưởng Hồ Chí Minh:

"Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhân loại...

Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta"[1].

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2001, tr.83-84.

Khái niệm này vừa là sự phản ánh thành quả nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh những năm qua đồng thời vừa là định hướng cơ bản cho các nhà nghiên cứu để trên cơ sở đó đi tới một khái niệm có khả năng bao quát được những nội dung lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Định nghĩa trên đã giúp cho người đọc nhận thức đúng đắn về cả *khái niệm, nguồn gốc* và *ý nghĩa, giá trị* của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Đó là một hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về con đường cách mạng Việt Nam từ độc lập dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội; được hình thành từ chủ nghĩa Mác - Lênin, truyền thống tốt đẹp dân tộc và tinh thần văn hoá nhân loại. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành ngọn cờ thắng lợi của cách mạng Việt Nam hơn 70 năm qua và đang tiếp tục soi sáng con đường chúng ta đi tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Định nghĩa trên cũng khẳng định: tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống. Hệ thống đó bao gồm nhiều lĩnh vực, liên quan đến nhiều bộ môn khoa học khác nhau. Khái quát lại bước đầu có thể xếp thành năm bộ phận lớn:

- Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh;
- Tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh;
- Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh;
- Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh;
- Tư tưởng văn hoá - đạo đức Hồ Chí Minh.

Sự phân chia đó cũng chỉ là tương đối, tách ra để nghiên cứu, trên thực tế các tư tưởng đó có quan hệ chặt chẽ với nhau, đan xen vào nhau, bổ sung cho nhau, cái này làm rõ thêm cái kia.

Trong hệ thống đó, bộ phận lớn nhất đã trực tiếp chỉ đạo thắng lợi cách mạng Việt Nam hơn 70 năm qua và đang tiếp tục soi sáng công cuộc đổi mới hiện nay là *tư tưởng chính trị* của Người. Đây cũng là bộ phận thể hiện rõ nhất những cống hiến sáng tạo của Hồ Chí Minh vào sự phát triển, làm phong phú thêm lý luận Mác - Lênin khi được vận dụng vào điều kiện cụ thể của một nước thuộc địa ở phương Đông. Những cống hiến đó là:

- Lý luận về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, về mối quan hệ giữa cách mạng vô sản ở chính quốc với cách mạng giải phóng dân

tộc ở thuộc địa; về sức mạnh, tính năng động cách mạng và khả năng thắng lợi trước của cách mạng thuộc địa so với cách mạng vô sản ở chính quốc.

- Lý luận về mối quan hệ thống nhất, biện chứng giữa dân tộc và giai cấp, giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, giữa chủ nghĩa yêu nước nồng nàn với chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

- Lý luận về xây dựng chính đảng vô sản ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp chưa phát triển, giai cấp công nhân còn nhỏ bé; đặc biệt là lý luận về xây dựng đảng trong điều kiện đảng cầm quyền.

- Lý luận về chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân.

- Lý luận về mối quan hệ giữa đường lối cách mạng và phương pháp cách mạng, giữa nguyên tắc và sách lược, giữa đánh và đàm,...

- Lý luận về bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở một nước nông nghiệp lạc hậu, chưa trải qua chủ nghĩa tư bản, trong hoàn cảnh đất nước bị chia cắt và chiến tranh kéo dài.

- Lý luận về quyền làm chủ của nhân dân và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân.

- Lý luận về chiến lược con người (trong đấu tranh cách mạng cũng như trong hoà bình xây dựng), về văn hoá - đạo đức và nhiều vấn đề quan trọng khác.

Những nội dung lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh là đối tượng nghiên cứu của chuyên luận này và ý nghĩa, giá trị của sự nghiệp tư tưởng - lý luận Hồ Chí Minh sẽ từng bước được làm sáng tỏ ở các mục sau.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam

Tư tưởng Hồ Chí Minh hình thành, phát triển và tỏa sáng cùng với quá trình đấu tranh và thắng lợi của cách mạng Việt Nam.. Quá trình nhận thức của Đảng ta về vai trò nền tảng và giá trị chỉ đạo của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam cũng ngày càng hoàn chỉnh và sâu sắc hơn.

Lần đầu tiên, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2-1951) đã khẳng định: "Đường lối chính trị, nền nếp làm việc và đạo đức cách mạng của Đảng ta hiện nay là đường lối, tác phong và đạo đức Hồ Chủ tịch, là đường lối chính trị, tác phong và đạo đức cách mạng của Mác, Ăngghen, Lênin, Xtalin ở Việt Nam. Toàn Đảng hãy ra sức học tập đường lối chính trị, tác phong và đạo đức của Hồ Chủ tịch; sự học tập ấy là điều kiện tiên quyết làm cho Đảng mạnh, và làm cho cách mạng đi mau đến thắng lợi hoàn toàn"[1].

Tuy là đầu tiên nhưng đã là một sự đánh giá rất cao của Đảng ta về ý nghĩa, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đại hội II đã đặt vấn đề toàn Đảng phải học tập tấm gương Hồ Chí Minh một cách cơ bản, toàn diện, tương xứng với tầm vóc của nó, bao gồm cả *đường lối* (tức tư tưởng chiến lược, sách lược, phương pháp cách mạng...) và *đạo đức, tác phong,* đồng thời nhấn mạnh: đó là điều kiện tiên quyết bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng.

Sau Đại hội, đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh đã viết bài *Hồ Chủ tịch, người sáng lập, rèn luyện và lãnh đạo Đảng ta.* Sau khi khẳng định công lao to lớn của Người đối với Đảng ta, đồng chí Tổng bí thư đã tổng kết và nêu lên 14 bài học sâu sắc về tư tưởng, đạo đức, tác phong của Bác Hồ cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta học tập. Đó là bài học về:

- Đạo đức cách mạng cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, khiêm tốn, giản dị.

- Đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân để kháng chiến lâu dài.

- Thương yêu đồng chí, săn sóc cán bộ.

- Tự phê bình và phê bình, đấu tranh tư tưởng trong Đảng và Mặt trận.

- Tác phong điều tra, nghiên cứu, đi sát quần chúng, chống quan liêu, mệnh lệnh.

- Kết hợp nhiệt tình cách mạng với óc thực tế cách mạng.

- Gần gũi, học hỏi, tin yêu quần chúng, gương mẫu, không theo đuôi quần chúng.

- Muốn gần dân phải nói, viết phù hợp với trình độ của nhân dân.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2001, t.12, tr.9.

- Nắm khâu chính trong sợi dây chuyền công tác, tập trung và kiên quyết làm bằng được để tiến lên.

- Kết hợp tinh thần yêu nước nồng nàn với tinh thần quốc tế vô sản chân chính.

- Kết hợp lý luận với thực tiễn, vận dụng sáng tạo vào từng hoàn cảnh cụ thể.

- Phối hợp tính cứng rắn về nguyên tắc với tính mềm dẻo về sách lược, không vì lợi ích thiển cận mà đi trệch mục tiêu lâu dài.

- Hoạch định chính sách phải căn cứ vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam và hoàn cảnh quốc tế, chú trọng tổng kết kinh nghiệm nước mình và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của nước bạn.

- Khi tình hình và điều kiện đã đổi mới, khi hàng ngũ kẻ thù và bạn đồng minh cách mạng đã phân hóa,... thì lập tức phải xem xét lại chủ trương, chính sách, khẩu hiệu cách mạng; phải căn cứ vào tình hình mới mà định ra phương châm, chiến lược, sách lược mới, không nên bám lấy những khuôn khổ cũ kỹ và lỗi thời[1].

Bài viết của đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh là công trình tổng kết đầu tiên rất có giá trị về *tư tưởng, đạo đức, phương pháp* và *phong cách Hồ Chí Minh* với nhiều phát hiện tinh nhạy và sâu sắc, có tác dụng rất quan trọng đối với công tác đào tạo, huấn luyện của Đảng nhằm hình thành một thế hệ cán bộ, đảng viên mới - thế hệ Hồ Chí Minh, quyết tâm tu dưỡng, rèn luyện theo lý tưởng và đạo đức cách mạng Bác Hồ.

Năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời. *Điếu văn* của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, do đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn đọc tại lễ truy điệu Người, là một văn kiện lịch sử tổng kết súc tích và cảm động toàn bộ cuộc đời cao đẹp, trọn vẹn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đó có đoạn viết: "Hồ Chủ tịch là người Việt Nam đầu tiên *đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh nước ta,* vạch đường chỉ lối cho cách mạng Việt Nam từng bước tiến lên, từ thắng lợi này đến thắng lợi khác... Người là linh hồn, là ngọn cờ chói lọi, lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đoàn kết một lòng, chiến đấu anh dũng, viết nên những trang sử vẻ vang nhất của Tổ quốc ta".

---

1. Trường Chinh: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, H. 1987, t.1, tr.566-569.

Tại lễ trọng thể của Đảng và Nhà nước ta kỷ niệm lần thứ 80 Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, (5-1970), Thủ tướng Phạm Văn Đồng đưa ra nhận định: "Hồ Chủ tịch bao giờ cũng khái quát lý luận từ trong thực tiễn. Do đó, *Người không chỉ vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin mà còn phát triển và làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin một cách thiết thực*"[1].

Sau khi kết thúc thắng lợi sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, Đại hội IV của Đảng (12-1976) đã dâng lên Người chiến công vĩ đại này và đề ra khẩu hiệu "Sống, chiến đấu, lao động, học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại".

Năm 1980, kỷ niệm lần thứ 90 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng đã phát biểu nhiều bài quan trọng, nêu ra nhiều luận điểm lớn về tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn viết: "Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhân vật vĩ đại nhất trong lịch sử hiện đại Việt Nam, *là hiện thân của con đường cách mạng Việt Nam*,... Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kết hợp hài hòa tinh hoa của dân tộc với trí tuệ của thời đại, kế thừa xuất sắc truyền thống bốn nghìn năm lịch sử của nhân dân ta, thể hiện đến đỉnh cao bản chất cách mạng và khoa học của giai cấp công nhân và những nét đặc sắc của cách mạng Việt Nam ta"[2].

Đánh giá sự nghiệp tư tưởng - lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Trường Chinh viết: "Đó là sự nghiệp của *một người mácxít chân chính, một nhà tư tưởng vĩ đại*... Sống trong hoàn cảnh một nước thuộc địa và chứng kiến tình cảnh bị áp bức của nhiều dân tộc khác, *Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát triển học thuyết của Lênin về cách mạng thuộc địa,* đi sâu nghiên cứu chủ nghĩa thực dân và mối quan hệ gắn bó hữu cơ giữa cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản ở "chính quốc"[3].

Báo cáo xây dựng Đảng của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội V (3-1982) đặt vấn đề: "Đảng phải đặc biệt coi trọng việc tổ chức học tập

1. Phạm Văn Đồng: *Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại*, Nxb. Sự thật, H. 1970, tr.23.
2. Lê Duẩn: *Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của Đảng và dân tộc ta*, Nxb. Sự thật, H. 1986, tr.83-85.
3. Trường Chinh: *Chủ tịch Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam*, Nxb. Thông tin lý luận, H. 1991, tr.136-141.

một cách có hệ thống tư tưởng, đạo đức, tác phong của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong toàn Đảng".

Trước biến chuyển của tình hình thế giới và trong nước cuối những năm 80, Đại hội VI của Đảng ta (12-1986) đặt vấn đề phải đổi mới tư duy. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương do đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh trình bày tại Đại hội, có đoạn nhấn mạnh: "Muốn đổi mới tư duy, Đảng ta phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh..."[1].

Cũng với tinh thần đó, đồng chí Nguyễn Văn Linh, Tổng bí thư khóa VI của Đảng, đã phát biểu: "Cuộc đời và tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh là kho tàng vô giá của Đảng và nhân dân ta, cả thế hệ hôm nay và thế hệ mai sau. *Bác Hồ là nhà lý luận kiệt xuất trong việc vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào nước ta*... Khai thác, hệ thống hóa, nghiên cứu nội dung và vận dụng di sản tinh thần phong phú của Bác Hồ vào công cuộc đổi mới đất nước ta hiện nay là nhiệm vụ hàng đầu của những người làm công tác nghiên cứu lý luận"[2].

Từ sự kiểm nghiệm và xác nhận của thực tiễn thắng lợi của cách mạng Việt Nam dưới sự chỉ đạo của tư tưởng Hồ Chí Minh, Đại hội VII của Đảng (6-1991) đã trân trọng ghi vào *Cương lĩnh* và *Điều lệ* của mình: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động". Đây là một quyết định quan trọng, đánh dấu bước phát triển mới trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta.

Đại hội IX (4-2001), đã tiến thêm một bước, đưa ra một *khái niệm* tương đối hoàn chỉnh về tư tưởng Hồ Chí Minh, nêu lên *những nội dung cơ bản* và *ý nghĩa giá trị* của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, đặc biệt Đại hội còn nhấn mạnh thêm: tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là sự vận dụng sáng tạo mà còn là sự *phát triển* chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, H. 1987, tr.125.
2. Nguyễn Văn Linh: *Bài phát biểu nhân dịp kỷ niệm 35 năm xuất bản Tạp chí Cộng sản*, Báo *Nhân dân*, số ra ngày 5-12-1990.

Qua đó có thể thấy: liên tục trong nửa thế kỷ, từ Đại hội II (1951) đến Đại hội IX (2001), Đảng ta luôn luôn có nhận thức đúng đắn và đánh giá nhất quán về ý nghĩa, giá trị to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam; coi Hồ Chí Minh là *nhà tư tưởng lỗi lạc, nhà lý luận kiệt xuất,* coi đường lối, cương lĩnh, tư tưởng, đạo đức, phương pháp cách mạng của Hồ Chí Minh là đường lối, đạo đức, phương pháp cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam; là nhân tố tiên quyết dẫn đến thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp xây dựng và đổi mới chủ nghĩa xã hội ở nước ta

2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh - cơ sở làm nên tính năng động cách mạng của quần chúng trong đổi mới

Những tìm tòi đổi mới trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hình thành và phát triển trước hết là từ tính năng động cách mạng của nhân dân ta, trong đó từng lúc, từng nơi nổi lên những con người, những đơn vị, những địa phương,... với những tìm tòi, thử nghiệm, đột phá, hình thành nên nhân tố mới. Từ thực tiễn sôi nổi, phong phú đó, Đảng ta đã tổng kết, nâng lên thành chủ trương, chính sách, bắt đầu từ Nghị quyết Trung ương VI (khóa IV) tháng 8-1979, "làm cho sản xuất bung ra".

Giữa những năm 80, khi phải trực diện đối đầu với một cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội sâu sắc chưa từng có, đổi mới trở thành một đòi hỏi cấp bách, một điều kiện sống còn, đồng chí Trường Chinh - trong bài nói chuyện tại Hội nghị cán bộ nghiên cứu dự thảo *Báo cáo chính trị* trình Đại hội VI - đã trở lại với một tư tưởng của Hồ Chí Minh. Đồng chí nói: "Sức mạnh của một nước, của cách mạng chính là ở nhân dân. Để thực sự phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, phải tin tưởng ở nhân dân, mọi chủ trương, chính sách phải *lấy dân làm gốc*"[1].

Tin tưởng vào khả năng, sức mạnh của nhân dân, phát huy quyền làm chủ của dân, dựa vào dân, lấy dân làm gốc, đó là nét chủ đạo, nhất quán trong tư tưởng cách mạng Hồ Chí Minh. Một bài học lớn, được nhắc lại đúng lúc, đã thổi lên một làn gió mới, được quần chúng hân hoan đón nhận như một phát kiến mới, vì nó phản ánh đúng yêu cầu, tình cảm và nguyện vọng của nhân dân.

---

1. Báo *Nhân dân*, số ra ngày 26-7-1986.

Như vậy, sức sống, tiềm lực của đổi mới nằm ngay trong truyền thống văn hoá và tính năng động sáng tạo của nhân dân ta đã trải qua đấu tranh cách mạng dưới ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh. Không thể hiểu được công cuộc đổi mới ở nước ta nếu tách rời nó với di sản tư tưởng Hồ Chí Minh đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta.

Di sản tư tưởng Hồ Chí Minh vô cùng phong phú, có bộ phận thành văn và bộ phận không thành văn. Giới nghiên cứu đã được biết đến di sản của Người qua bộ *Hồ Chí Minh Toàn tập*. Trong khi đó, đại bộ phận nhân dân lại quen thuộc với bộ phận không thành văn, đó là những sự kiện, mẩu chuyện, hồi ức,... phản ánh một cách sinh động, sâu sắc tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách,... Hồ Chí Minh. Điều đặc biệt là di sản đó - bộ phận không thành văn - không những không mai một dần đi, trái lại nó tiếp tục được lưu giữ, truyền bá, sinh sôi, phát triển trong đời sống tinh thần của quần chúng, trở thành một bộ phận văn hoá của dân tộc. Đó là một hiện tượng hiếm thấy ở các nhà tư tưởng, nhà hiền triết xưa nay.

Điểm đặc sắc của di sản tư tưởng Hồ Chí Minh là ở hàm lượng *trí tuệ* cao gắn liền với *tình cảm* cách mạng sâu sắc, được diễn đạt một cách *giản dị,* rất gần với lối cảm, lối nghĩ của quần chúng. Vì vậy, nó đi thẳng vào lòng người, đọng lại sâu sắc trong trái tim, khối óc của người dân. Ngay những người ít chữ cũng vẫn nhập tâm được nhiều châm ngôn, mẩu chuyện, sự kiện, việc làm,... thể hiện sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh.

Qua di sản không thành văn này, nhân dân ta cảm nhận sâu sắc tư tưởng của Hồ Chí Minh về một *chủ nghĩa xã hội dân giàu nước mạnh,* tất cả cho con người, tất cả vì con người; về một *Đảng cộng sản yêu nước, gắn bó máu thịt với nhân dân;* về một *nhà nước được lòng dân, do nhân dân làm chủ;* về một đội ngũ *cán bộ công bộc của nhân dân,* cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, "đảng viên đi trước, làng nước theo sau", v.v... Xét đến cùng, đó cũng là bản chất, mục tiêu, nội dung đích thực của chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chính những cảm nhận đó là cơ sở làm nên tính năng động cách mạng của quần chúng, thúc đẩy họ tìm tòi, đổi mới, không chấp nhận một mô hình và những cách làm chủ nghĩa xã hội, về thực chất, không phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh.

Từ tổng kết thực tiễn, Đại hội VI của Đảng ta đã khái quát lên bốn bài học lớn:

- Bài học "nước lấy dân làm gốc", trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước, tất cả đều của dân, tất cả đều do dân và vì dân.

- Bài học xuất phát từ thực tế, hành động theo quy luật, tức là bài học của Bác Hồ về sự thống nhất giữa lý luận với thực tế, cách mạng với khoa học.

- Bài học về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, cũng tức là kết hợp giữa tinh thần yêu nước với chủ nghĩa quốc tế, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

- Bài học về xây dựng Đảng ngang tầm với nhiệm vụ lịch sử mới, điều mà Bác Hồ suốt đời chăm lo.

Theo đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh, đó chính là bốn bài học quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng chí khẳng định: "Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành nguồn sáng và sức mạnh cho sự nghiệp đổi mới"[1].

2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh là niềm tin và sức mạnh để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta

Có một thực tế cần được nhìn nhận lại: trong cuộc khủng hoảng và đổ vỡ của chủ nghĩa xã hội thế giới ở cuối thế kỷ XX, trong khi nhiều lãnh tụ cầm quyền ở các nước xã hội chủ nghĩa lâm vào bi kịch, phải gánh chịu những hậu quả nặng nề thì Hồ Chí Minh lại được loài người tiến bộ tôn vinh là anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hóa kiệt xuất. Giữa lúc nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã đạt tới trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao hơn ta, đi vào cải tổ không thành công thì công cuộc đổi mới ở Việt Nam lại đạt những thành tựu được coi là kỳ lạ. Vì sao?

Ở một số nước, cải tổ được tiến hành dưới khẩu hiệu "dân chủ hoá, công khai hoá", thường mở đầu bằng việc đánh giá lại quá khứ, lật lại những trang sử bi thảm, khơi dậy oan trái, hận thù, hạ bệ các thần tượng, v.v... Bào chữa cho sự trì trệ, yếu kém của chủ nghĩa xã hội trong hiện tại bằng cách lật lại, phê phán chủ nghĩa xã hội trong quá khứ, đó

1. Nguyễn Văn Linh: *Bác Hồ sống mãi với non sông*, Nxb. Sự thật, H. 1990, tr.20.

không phải cách có thể củng cố được niềm tin của quần chúng vào chủ nghĩa xã hội trong tương lai. Cũng do bước đi và cách làm cải tổ sai lầm, tại các nước đó, chủ nghĩa xã hội đổ vỡ là điều khó tránh khỏi.

Ở Việt Nam, dưới thời Hồ Chí Minh, việc xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng không đi ra ngoài mô hình kiểu cũ. Cách mạng Việt Nam dưới thời Hồ Chí Minh không phải chỉ có thắng lợi mà không có sai lầm. Nhưng nhờ tư tưởng và nhân cách văn hoá - đạo đức Hồ Chí Minh, những sai lầm đó được hạn chế ở mức thấp nhất, ít cực đoan nhất, được phát hiện nhanh nhất; đến khi nhận ra sai lầm thì đã dũng cảm tự phê bình, công khai kiểm thảo và quyết tâm sửa chữa.

Vì vậy, cũng bất bình trước một hiện tại trì trệ và yếu kém, nhưng ôn lại quá khứ, mỗi người dân lại hoài niệm về một thời đã qua với bao kỷ niệm đẹp đẽ, bao hạnh phúc, niềm vui,... Nhớ lại sinh thời Hồ Chí Minh, người ta nhớ lại hình ảnh một người cộng sản ái quốc, một nhà chính trị nhân văn, luôn luôn biết phát huy sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, nêu cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân, kêu gọi nhân ái, khoan dung, mở rộng dân chủ, chủ trương "lấy dân làm gốc" cho mọi đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Nhớ lại sinh thời Hồ Chí Minh, người ta nhớ lại một lãnh tụ cộng sản cầm quyền, có quyền lực tối cao, nhưng cũng là một người lính xung kích, đi tiên phong trong cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, chống đặc quyền đặc lợi, luôn luôn nêu cao tấm gương đạo đức liêm khiết, mẫu mực của người cầm quyền, hết lòng vì cuộc sống hạnh phúc của nhân dân. Chính ở đây, Hồ Chí Minh là hiện thân của "tinh hoa và khí phách của dân tộc", là trí tuệ và lương tâm của Đảng.

Trong nhận thức mỗi người dân Việt Nam, Hồ Chí Minh là hiện thân sinh động, cụ thể về chủ nghĩa xã hội tươi đẹp, đem lại cho họ niềm tin và quyết tâm đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, điều mà không một thế lực thù địch nào phá vỡ nổi. Chính tư tưởng, tình cảm, đạo đức Hồ Chí Minh đã góp thêm sức mạnh tinh thần cho nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, vượt qua khủng hoảng, đưa sự nghiệp cách mạng tiếp tục tiến lên.

Ngày nay, để tranh thủ vận hội, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thách thức, đưa đất nước vào thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đi tới thành công, thì một điều cần kíp là phải tiếp tục làm cho tư

tưởng Hồ Chí Minh thấm sâu vào các tầng lớp nhân dân, trước hết là thế hệ trẻ, biến những di sản tinh thần tốt đẹp của Hồ Chí Minh thành truyền thống, thành một nguồn động lực văn hoá - tinh thần của toàn dân tộc, nhằm xây dựng thành công một chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Việt Nam, một chủ nghĩa xã hội thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển của đất nước trong tương lai

Tư tưởng Hồ Chí Minh không phải chỉ có ý nghĩa trong đấu tranh giải phóng dân tộc, trong sự nghiệp đổi mới mà còn có giá trị bền vững, lâu dài đối với sự phát triển của đất nước trong tương lai.

Mỗi dân tộc phải tự khám phá con đường phát triển phù hợp với truyền thống và điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước mình. Trong công việc này, chúng ta có tấm gương sáng ngời về cách làm của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chính nhờ biết vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời biết xuất phát từ lịch sử, truyền thống tốt đẹp của dân tộc, từ đặc điểm của thời đại mà Hồ Chí Minh đã vạch ra được đường lối cứu nước đúng đắn, đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc đến thành công.

Hồ Chí Minh cũng đã phác thảo ra những đường nét lớn về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đã đưa dân tộc ta vượt qua được những khó khăn ban đầu với những sai lầm ít cực đoan nhất, đã tránh được cho dân tộc những thử thách khốc liệt không đáng có, những đổ vỡ mất mát không cần thiết, nhờ đó chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã vượt qua được cơn bão táp của thế kỷ, đứng vững và tiếp tục phát triển như ngày nay.

Bài học rút ra là mọi tìm tòi về *mô hình* và *con đường* phát triển của Việt Nam trong tương lai đều phải xuất phát từ bài học mang tính quy luật mà Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta: *vận dụng sáng tạo và kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa Mác - Lênin với truyền thống dân tộc và đặc điểm thời đại.*

Thời đại ngày nay so với sinh thời Hồ Chí Minh đã có những biến đổi cực kỳ to lớn và sâu sắc. Cách mạng Việt Nam cũng đang vận động trong một bối cảnh quốc tế với những diễn biến rất phức tạp. Trung thành với tư tưởng Hồ Chí Minh thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau phải biết vận dụng và phát triển tư tưởng của Người một cách sáng tạo, phù hợp với tình hình và đặc điểm mới của dân tộc và thời đại.

Thời kỳ Hồ Chí Minh sống và hoạt động là thời kỳ thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, mở ra thời đại mới - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Đó cũng là thời kỳ chủ nghĩa xã hội ngày càng mở rộng và phát triển, trở thành một hệ thống thế giới; thời kỳ cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa, thời kỳ phong trào hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội phát triển mạnh mẽ, giành được những thắng lợi to lớn chưa từng có.

Thời kỳ sau Hồ Chí Minh, tình hình thế giới đã có những biến đổi hết sức to lớn. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ phát triển như vũ bão đang đưa loài người quá độ lên kỷ nguyên của nền văn minh trí tuệ được đặc trưng bằng xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức, tạo cơ sở khách quan cho quá trình toàn cầu hoá. Xu hướng liên kết, hợp tác đang diễn ra mạnh mẽ với nhiều cấp độ.

Sự khủng hoảng dẫn tới sụp đổ của chủ nghĩa xã hội mô hình Xôviết đã làm thay đổi cục diện chính trị thế giới. Chủ nghĩa xã hội đang lâm vào thoái trào. Các quốc gia độc lập cũng đang bị phân hoá mạnh mẽ về kinh tế, chính trị, tư tưởng, lợi ích quốc gia, dân tộc; nhiều nước đang tăng cường cuộc đấu tranh để tự lựa chọn và quyết định con đường phát triển của mình. Chủ nghĩa tư bản hiện đại vẫn tiếp tục tự điều chỉnh, song không khắc phục nổi những mâu thuẫn vốn có. Chủ nghĩa xã hội thế giới, từ những bài học thành công và thất bại cũng như từ khát vọng và thức tỉnh của các dân tộc, đang có sự điều chỉnh, đổi mới, khắc phục thoái trào để mở ra bước phát triển mới.

Chiến tranh lạnh đã kết thúc song chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, hoạt động can thiệp lật đổ, chủ nghĩa khủng bố quốc tế,... đang diễn ra nhiều nơi trên thế giới, tính chất phức tạp ngày càng tăng. Khu vực Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương đang phát triển năng động, nhưng vẫn tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định, có thể tác động đến các mặt đời sống kinh tế - chính trị - xã hội nước ta. Tuy nhiên, hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, phản ánh đòi hỏi bức xúc của các quốc gia, dân tộc.

Tình hình đó đang mở ra trước mắt nhân dân ta cả *cơ hội lớn* và *thách thức lớn.*

Thành tựu sau gần 20 năm đổi mới của nước ta là to lớn và quan trọng, thế và lực của nước ta đã lớn mạnh hơn nhiều. Cơ sở vật chất và kỹ

thuật của nền kinh tế được tăng cường. Đất nước còn nhiều tiềm năng, nhân dân có những phẩm chất tốt đẹp. Tình hình chính trị - xã hội ổn định, môi trường hoà bình, hợp tác, liên kết quốc tế,... đang tạo điều kiện để chúng ta tiếp tục phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực. Đó là *cơ hội* lớn.

Đồng thời đất nước ta cũng đang phải đối mặt với nhiều *thách thức:* tình trạng thấp kém của nền kinh tế, mức sống của nhân dân còn thấp, khoảng cách giữa nước ta với nhiều nước phát triển còn rất lớn, lại đi lên trong điều kiện cạnh tranh quốc tế quyết liệt; các thế lực thù địch vẫn đang âm mưu thực hiện "diễn biến hoà bình" đối với chủ nghĩa xã hội nước ta; trong khi đó tình trạng quan liêu, tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống,... của một bộ phận không nhỏ cán bộ có chức, có quyền chưa được đẩy lùi; nguy cơ chệch hướng cũng nảy sinh từ đó. Bốn nguy cơ ấy đang đan xen, tác động với nhau, không thể xem nhẹ nguy cơ nào[1].

Trong tình hình đó, nếu chúng ta biết vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để "dĩ bất biến, ứng vạn biến", chúng ta hoàn toàn có thể nắm lấy vận hội, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thách thức, đưa đất nước tiến lên cùng thời đại mới. Muốn thế, chúng ta phải nắm vững mấy quan điểm cơ bản chỉ đạo việc vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ mới.

3.1. Quan điểm lý luận gắn với thực tiễn

Hồ Chí Minh nhắc nhở: "... Phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin để dùng *lập trường, quan điểm* và *phương pháp* của chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta"[2].

Hồ Chí Minh luôn luôn nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo trong việc tiếp thu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của nước ta. Cơ sở của tinh thần sáng tạo

1. Xem: *Báo cáo chính trị* của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.8, tr.494.

đó là quan điểm gắn liền lý luận với thực tiễn - thực tiễn Việt Nam và thực tiễn thời đại, từ đó mà bổ sung cho lý luận bằng *những kết luận mới* rút ra từ thực tiễn sinh động.

3.2. Quan điểm lịch sử - cụ thể

Hồ Chí Minh chẳng những là một nhà chiến lược vĩ đại mà còn là một nhà sách lược tài giỏi; tuỳ đối tượng, tuỳ hoàn cảnh cụ thể mà Người có cách ứng xử linh hoạt, sáng tạo riêng. Nghiên cứu để nhận thức hay vận dụng một câu nói nào đó của Hồ Chí Minh cần thiết phải đặt nó trong bối cảnh cụ thể: nói với ai, nhằm mục đích gì, do hoàn cảnh nào mà nói như vậy,... để không dẫn đến những suy diễn hay quy kết lầm lẫn, sai lệch với tư tưởng của Người.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của một thời kỳ lịch sử cụ thể, chịu sự ước định của điều kiện lịch sử đó. Ví dụ: do hoàn cảnh chiến tranh, ta chưa thực sự bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội theo đúng nghĩa của nó, ta cần học tập, tham khảo lý luận và kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa, trong đó có nhiều điểm đúng, nhưng cũng có điểm nay đã bị thực tiễn vượt qua.

3.3. Quan điểm toàn diện và hệ thống

Là nhà chiến lược thiên tài của cách mạng Việt Nam, trong xem xét, đánh giá sự vật, hiện tượng, xã hội hay con người, Hồ Chí Minh luôn luôn xem xét một cách toàn diện: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội; quá khứ, hiện tại, tương lai; truyền thống và hiện đại; dân tộc và quốc tế; cá nhân, tập thể, cộng đồng; thời, thế, lực; thiên thời, địa lợi, nhân hoà; nhận thức, tư tưởng, tình cảm; đức và tài; lý luận và thực tiễn, nói và làm, v.v... Người thường nhắc nhở cán bộ trong công tác phải có cái nhìn toàn cục, tránh chủ quan, phiến diện, cục bộ. Nghiên cứu, học tập, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh phải quán triệt điểm đó của Người.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống và nhất quán ngay từ đầu. Giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản tức là giành độc lập dân tộc để đi tới chủ nghĩa xã hội. Đó là hạt nhân cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh. Mọi tư tưởng cụ thể đều xuất phát từ đó và phục vụ cho mục tiêu đó. Tách rời một yếu tố nào đó khỏi hệ thống sẽ hiểu sai tư tưởng Hồ Chí Minh. Tách rời độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội là xa rời tư tưởng Hồ Chí Minh. Vấn đề không phải ở câu chữ mà ở tinh thần cơ bản, ở nội

dung cốt lõi đích thực của tư tưởng Hồ Chí Minh, ở "ham muốn tột bực" của Người là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Ham muốn tột bực đó, Người thấy chỉ có thể thực hiện được trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội khoa học.

3.4. Quan điểm kế thừa và phát triển

Tư tưởng Hồ Chí Minh là tinh hoa của tư tưởng - văn hoá Việt Nam, là sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam; đã trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng, là ngọn cờ thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh là khoa học, cách mạng và sáng tạo, nên luôn luôn mới. Để đưa đất nước tranh thủ được vận hội, vượt qua nguy cơ và thách thức, tiếp tục tiến lên, dân tộc ta may mắn có tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta phải tổ chức việc nghiên cứu, học tập để nắm vững và vận dụng tốt tinh thần và phương pháp Hồ Chí Minh.

Thực tiễn phát triển của đất nước đang đặt ra nhiều vấn đề mới vô cùng phức tạp, sinh thời Hồ Chí Minh chưa có điều kiện đề cập đến, nhưng Người đã để lại cho chúng ta những nguyên lý, những nguyên tắc phương pháp luận để ta suy nghĩ, tìm lời giải đáp cho những vấn đề của chúng ta, phù hợp với bối cảnh và điều kiện lịch sử hiện nay và mai sau. Nói cách khác, ta phải *vừa kế thừa, vừa phát triển, có phát triển tốt mới kế thừa tốt.*

Vậy quan niệm như thế nào là phát triển trung thành tư tưởng Hồ Chí Minh?

Trước hết, trung thành với tư tưởng Hồ Chí Minh là *trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Người,* chứ không phải là khư khư giữ lấy những câu chữ cũ khi tình hình đã đổi mới; phải biết "chọn con đường khác để đi tới đích nếu con đường cũ xem ra không thích hợp nữa, không đi theo được nữa", như V.I.Lênin đã nói.

Trung thành với Hồ Chí Minh là trung thành với lôgíc phát triển tư tưởng của Người. Hồ Chí Minh là nhà cách mạng năng động, sáng tạo, luôn luôn biết thích ứng với hoàn cảnh. Người từng nói: "*Tình hình mới* đã đặt ra *những nhiệm vụ mới,* phương châm mới, sách lược mới... Trước tình hình mới hiện nay, ta không thể giữ cương lĩnh cũ"[1].

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.7, tr.315-316.

Tóm lại, trung thành với tư tưởng Hồ Chí Minh là vận dụng *tinh thần* và *phương pháp* Hồ Chí Minh để phát hiện ra *những quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam,* để sáng tạo ra *những luận điểm mới, nội dung mới, cách làm mới,* phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện mới, biến mục tiêu, lý tưởng của Người thành hiện thực trên đất nước chúng ta.

III. Tư tưởng Hồ Chí Minh, ý nghĩa thời đại

Tư tưởng Hồ Chí Minh không phải chỉ có *giá trị dân tộc* mà có *ý nghĩa thời đại.* Nhớ lại vào những năm 90 của thế kỷ trước, giữa lúc bao nhiêu tên tuổi lớn bị hoài nghi và phê phán, vì sao thế giới lại vẫn nhắc tên Người? Muốn nhận thức được đầy đủ ý nghĩa thời đại của tư tưởng Hồ Chí Minh, cần đặt Hồ Chí Minh vào thời đại hiện nay, xem thời đại đang đòi hỏi gì và Hồ Chí Minh đã đáp ứng yêu cầu đó như thế nào?

Chúng ta đang chứng kiến sự bùng nổ xung đột về dân tộc và tôn giáo diễn ra ở nhiều khu vực trên thế giới. Có những quốc gia liên bang đã bị tan rã, trong các quốc gia đa dân tộc, xu hướng ly khai, đòi độc lập đang có chiều hướng phát triển. Hàng trăm quốc gia tuy đã có độc lập về chính trị nhưng lại đang ngay càng bị phụ thuộc trầm trọng vào các nước tư bản phát triển, do nắm được trong tay ưu thế về kinh tế - tài chính và khoa học - công nghệ, họ đang ra sức bóc lột các nước chậm phát triển một cách tinh vi và tàn bạo. Trong điều kiện đó không thể nói đến tự do, bình đẳng, hợp tác cùng có lợi cho tất cả các dân tộc, không thể có công bằng, dân chủ, hạnh phúc cho mọi con người.

Sau khi Liên Xô tan rã, chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào, các thế lực hiếu chiến đã và đang điều chỉnh chiến lược, ráo riết thực hiện ý đồ thiết lập "thế giới một cực". Chiến tranh lạnh kết thúc, nhưng từ 1991 đến nay, thế giới đã diễn ra 4 cuộc chiến tranh nóng: tại Vùng Vịnh (1991), Nam Tư (1999), Ápganixtan (2002) và Irắc (2003). Từ sau sự kiện 11-9-2001 ở Mỹ, hoạt động khủng bố và chống khủng bố trở thành vấn đề quốc tế lớn. Các thế lực hiếu chiến đang lợi dụng chiêu bài "chống khủng bố" để can thiệp vào công việc nội bộ các nước, xâm hại chủ quyền quốc gia, bất chấp luật pháp quốc tế.

Trong tình hình đó của thế giới, nhân loại đang nổi lên khát vọng chung: độc lập dân tộc, dân chủ, hoà bình, nhân đạo, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển. Thế giới đang kêu gọi một tinh thần khoan dung, nhân

ái, chấp nhận đối thoại về giá trị, giải quyết mọi tranh chấp bằng thương lượng, xây dựng một thế giới hiểu biết lẫn nhau, chung sức giải quyết những vấn đề toàn cầu.

Chính trong khát vọng đó, nhân loại đang nhắc đến tư tưởng Hồ Chí Minh, vì tìm thấy trong đó những giải pháp có tầm thời đại, giúp loài người đi đến một thế giới tốt đẹp hơn.

Hồ Chí Minh là biểu tượng cao cả của *sự kết hợp chủ nghĩa yêu nước nồng nàn với chủ nghĩa quốc tế trong sáng;* độc lập tự do cho dân tộc mình đồng thời độc lập tự do cho tất cả các dân tộc.

Hồ Chí Minh chủ trương *giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội và giải phóng con người* - không phân biệt chủng tộc và màu da. Thương yêu, quý trọng con người, tin vào bản chất tốt đẹp và khả năng vươn lên của con người, tạo mọi điều kiện thuận lợi để mỗi con người có thể tận lực phát huy tài năng và phẩm giá của mình, đó là *chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh.*

Hồ Chí Minh sớm nhận thức được tầm quan trọng của sự *kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại,* chủ trương Việt Nam phải mở cửa đi ra thế giới, thu hút tinh hoa nhân loại, làm giàu có cho trí tuệ của dân tộc mình. Người đã đi qua ba đại dương, bốn châu lục, đặt chân lên gần 30 nước, có vinh dự là người Việt Nam đầu tiên đặt cơ sở cho tình hữu nghị với nhiều nước trên thế giới. *Người là sứ giả của hoà bình và hữu nghị giữa các dân tộc.*

Hồ Chí Minh là biểu tượng, là tinh hoa của tinh thần khoan dung, nhân ái Việt Nam. Khoan dung, nhân ái Hồ Chí Minh biểu hiện ở lòng yêu thương sâu sắc đối với con người, ở cái nhìn rộng lượng với những giá trị khác biệt với mình, ở sự tôn trọng niềm tin của người khác, không áp đặt ý kiến của mình cho người khác, xa lạ với mọi thái độ kỳ thị, cuồng tín, giáo điều. Đối với các tôn giáo, Người tôn trọng đức tin của người có đạo, khéo léo hướng lý tưởng của các bậc sáng lập tôn giáo vào mục tiêu giải phóng dân tộc và mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân. Vì vậy, khoan dung, nhân ái Hồ Chí Minh đã được coi là *biểu tượng của văn hoá hoà bình* ở thời đại ngày nay.

Hồ Chí Minh *là một tấm gương lớn về đối thoại, hợp tác để cùng phát triển.* Người luôn luôn theo đuổi chính sách ngoại giao hoà bình, chủ

trương giải quyết mọi mâu thuẫn, xung đột bằng đàm phán, thương lượng. Trong đối thoại, Người thường *xuất phát từ những chân lý phổ biến*, "những lẽ phải không chối cãi được", tức là từ những chân lý khách quan để truy tìm cái chung, cái đồng nhất mà hai bên đều có thể chấp nhận được. Nhiều nhà báo phương Tây đã nhận xét: Cụ Hồ Chí Minh sẵn sàng chấp nhận tiệc tùng và luôn luôn biết giải quyết mọi khó khăn với nụ cười trên môi.

Vì những giá trị nói trên, các nhà văn, nhà báo, chính khách nước ngoài ngày càng nhắc nhiều đến tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tiến sĩ Átmét, Giám đốc UNESCO khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đã phát biểu trong dịp kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ mà còn là một nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này"[1].

Uỷ viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Ấn Độ (M) Praoasơ Karát viết: "Chủ tịch Hồ Chí Minh là một trong những biểu tượng tinh tuý nhất của các dòng thác cách mạng đã cải tạo thế giới trong thế kỷ XX... Trong bối cảnh của tình hình thế giới hiện nay, điều cấp thiết là tất cả những người theo chủ nghĩa xã hội cần rút ra những bài học thích hợp từ cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh"[2].

Giáo sư Nhật Bản Furuta Môtô nói: "Chủ tịch Hồ Chí Minh là một người cộng sản không có đầu óc bè phái, hẹp hòi; đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin nhưng biết tiếp thụ cái hay của đạo Phật, Khổng Tử, M. Gandhi,... Người có tài hoà mình vào dòng sông lớn của văn minh nhân loại. Chính quan điểm rộng rãi này đã giúp Người tập hợp được các tầng lớp nhân dân rộng rãi, xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc. Tư tưởng và hành động của Hồ Chí Minh thể hiện tính văn minh nhân loại nhưng lại rất Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh mang tính chất thời đại chứ không chỉ có ý nghĩa quan trọng đối với riêng Việt Nam"[3].

---

1. *Hội thảo quốc tế Chủ tịch Hồ Chí Minh - anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn* (kỷ yếu), Nxb. Khoa học xã hội, H. 1990, tr.22.
2. Tạp chí *Sinh viên đấu tranh*. Cơ quan Trung ương của Liên đoàn sinh viên toàn Ấn Độ, số ra tháng 9-1990.
3. Báo *Nhân dân chủ nhật*, số ra ngày 27-8-1995.

Hêrôminô Carêra, nhà báo Vênêxuêla viết: "Hồ Chí Minh là một đỉnh cao thực sự của toàn thể nhân loại về mặt đạo đức. Người là một tấm gương tuyệt vời. Tất cả những lãnh tụ và anh hùng cách mạng không một ai có thể vượt qua Người về mặt này... Ngày nay, trong lúc uy tín cá nhân của khá nhiều lãnh tụ mácxít nổi tiếng đang bị bôi nhọ... trái lại, hình ảnh Hồ Chí Minh lại càng nổi bật trước con mắt thế giới hơn bao giờ hết"[1].

Sự thừa nhận rộng rãi của bạn bè từ các châu lục khác nhau đã khẳng định một cách khách quan giá trị, tác dụng, ảnh hưởng của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với thế giới chắc chắn không phải chỉ trong thế kỷ XX mà thôi. Vào giữa lúc cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội thế giới đang diễn ra gay gắt, tại cuộc Hội thảo quốc tế "Hồ Chí Minh - Việt Nam - Hoà bình thế giới" được tổ chức tại Cancutta (Ấn Độ) ngày 14-1-1991, "các nhà khoa học của nhiều quốc gia, thuộc nhiều khuynh hướng khác nhau, đều có chung một nhận định: *thế giới đã và sẽ còn đổi thay, nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn còn sống mãi trong kho tàng văn hoá của nhân loại*"[2].

Nghiên cứu sự nghiệp tư tưởng - lý luận Hồ Chí Minh đem lại cho chúng ta niềm tự hào vô hạn về lãnh tụ, người thầy vĩ đại, nhà tư tưởng lỗi lạc, nhà lý luận sáng tạo của cách mạng Việt Nam.

1. Báo *Diễn đàn nhân dân* của Vênêxuêla, số 775, ra ngày 19-5-1990.
2. Võ Nguyên Giáp: *Thế giới còn đổi thay, nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh sống mãi*. Bài phát biểu tại Hội thảo khoa học quốc tế "Hồ Chí Minh - Việt Nam - Hoà bình thế giới" tại Ấn Độ, in lại trong sách *Tư tưởng Hồ Chí Minh, quá trình hình thành và phát triển*, Nxb. Sự thật, H. 1993, tr.72-73.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC Ở VIỆT NAM*

PGS. TS. THÀNH DUY

Quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam gắn liền với tính tất yếu lịch sử của con đường cách mạng Việt Nam. Đó là việc Hồ Chí Minh ý thức được sự bất cập của đường lối cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam theo quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa yêu nước truyền thống do các bậc sĩ phu yêu nước lãnh đạo. Do đó, Người quyết định chọn con đường ra đi tìm đường cứu nước. Việc Người quyết định chọn con đường ra đi, mà lại đi sang phương Tây đến chính nước đang xâm lược dân tộc mình là nước Pháp, chứ không phải sang nước Nhật hay một nước phương Đông nào khác theo lời khuyên của các bậc cách mạng tiền bối, có thể xem là bước khởi đầu có tính đột phá hết sức quan trọng cho việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Cũng cần thấy rằng trước lúc rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh chỉ mới có tấm lòng yêu nước, thương dân chứ chưa hình thành đường nét rõ ràng về con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Thậm chí, cũng có thể nói, cả sau này nữa, khi thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước gửi bản Yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Vécxây, Hồ Chí Minh vẫn chưa tìm thấy thật rõ con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam phải bắt đầu từ đâu và tiến hành như thế nào. Về điều này, chính Hồ Chí Minh đã nói khi trả lời phỏng vấn của Sáclơ Phuốcniô, phóng viên báo L'Humanité (Pháp). Người nói: "Lúc đầu, chính là do chủ nghĩa yêu nước mà tôi tin theo Lênin. Rồi, từng bước một, tôi đi đến kết luận là chỉ có chủ

---

* Trích trong cuốn: *Tư tưởng Hồ Chí Minh – Những nội dung cơ bản* của PGS.TS. Thành Duy. Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh, 2005.

nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân toàn thế giới"[1]. Vì vậy, trước hết chúng ta cần tìm hiểu quá trình từ lúc gửi bản *Yêu sách* đến việc Người tìm được con đường cứu nước như thế nào.

1. Từ bản "Yêu sách của nhân dân Việt Nam" đến việc Hồ Chí Minh gặp bản "Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa" của Lênin.

Sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) kết thúc, ngày 18/1/1919, đại biểu các nước đế quốc tham gia chiến tranh họp Hội nghị ở Vécxây, nước Pháp. Hội nghị này còn gọi là Hội nghị hoà bình. Bên cạnh những đoàn đại biểu chính thức của các nước thắng trận, còn có nhiều đoàn đại biểu thay mặt cho các dân tộc bị áp bức. Họ đến để yêu cầu được độc lập và tự do. Trong số đó có cả Nguyễn Ái Quốc. Người thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp gửi đến Hội nghị Vécxây bản *Yêu sách* của nhân dân An Nam đòi chính phủ Pháp phải thừa nhận các quyền tự do, dân chủ và bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Bản *Yêu sách* gồm 8 điểm do Nguyễn Ái Quốc ký tên. Đây là lần đầu tiên Người xuất hiện chính thức với cái tên là Nguyễn Ái Quốc. Cũng có thể nói, từ đó Người công khai với tư cách nhà hoạt động chính trị. Nói lần đầu tiên Người công khai dưới tên Nguyễn Ái Quốc vì thực ra trước đó Người vẫn hoạt động chính trị, hoạt động trong nhóm Những người Việt Nam yêu nước tại Pháp và là người lãnh đạo của nhóm đó. Nhưng, chưa bao giờ Người công khai ký tên một văn bản quan trọng như bản *Yêu sách* chẳng những gửi cho Hội nghị Vécxây mà còn gửi thư riêng kèm theo bản *Yêu sách* đến tất cả các đoàn đại biểu Đồng minh dự Hội nghị và tất cả nghị viên của Quốc hội Pháp.

Với Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, phải nói đây là một sự kiện quan trọng đánh dấu một cái mốc khởi đầu cho hoạt động chính trị của mình trong quá trình hình thành tư tưởng của Người về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Bởi lẽ, từ khi xuất hiện bản *Yêu sách* do Nguyễn Ái Quốc ký tên, Người đã chính thức đề ra mục tiêu cho sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam, mặc dù Người vẫn biết rằng mục tiêu ấy là rất hạn chế, chỉ đòi một số quyền tối thiểu cho người dân của một

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, xuất bản lần thứ hai, Nxb. Chính trị quốc gia, H., 1995, t.12, tr.474.

nước thuộc địa chứ chưa phải đòi quyền độc lập dân tộc. Ngay trong bản *Yêu sách* ấy, trước khi nói đến những điều khoản cụ thể, có đoạn viết: "Trong cuộc đấu tranh của Văn minh chống Dã man, thì tiền đồ một thời đại công lý và chính nghĩa nhất định là phải đến với họ.

"Trong khi chờ cho nguyên tắc dân tộc sẽ từ lĩnh vực lý tưởng chuyển vào lĩnh vực hiện thực do chỗ quyền tự quyết thiêng liêng của các dân tộc được thừa nhận thực sự, nhân dân nước An Nam trước kia, nay là xứ Đông - Pháp, xin trình với các quí Chính phủ trong Đồng minh nói chung và với Chính phủ Pháp đáng kính nói riêng, những yêu sách khiêm tốn sau đây..."[1]. Sau đó, bản *Yêu sách* nêu lên 8 khoản xoay quanh việc đòi những quyền tự do tối thiểu cho con người. Chỉ có thế mà ngay sau khi Nguyễn Ái Quốc gửi bản *Yêu sách* đến trưởng đoàn các nước dự Hội nghị, bọn thực dân Pháp đã lồng lộn lên. Bọn chúng cho bọn bồi bút viết ngay một bài nhan đề: Giờ phút nghiêm trọng để chỉ trích bản *Yêu sách*, với lời lẽ thật thô bạo: "Làm sao một người dân thuộc địa lại có thể dùng bản yêu sách của nhân dân để công kích Chính phủ Pháp. Thật là quá quắt"... "Không được, phải kìm giữ chúng mãi mãi trong vòng nô lệ"[2]. Nguyễn Ái Quốc phải viết bài trả lời ngay bài báo sặc mùi thực dân trên. Nhưng cũng từ đó, Nguyễn Ái Quốc phải hoạt động dưới sự theo dõi rất nghiêm ngặt và đầy nguy hiểm của bọn mật thám Pháp.

Điều cần chú ý ở đây không phải ở chỗ mục tiêu đấu tranh của bản *Yêu sách* đề ra không những không đạt được mà còn bị chỉ trích, mà quan trọng là để nhân dân thế giới trong đó có nhân dân Pháp và nhân dân Việt Nam chúng ta thấy rõ tâm địa của bọn thực dân, đúng như nhan đề bài viết: *Tâm địa thực dân* của Nguyễn Ái Quốc. Điều quan trọng hơn nữa là, sau sự kiện Hội nghị Vécxây với bản *Yêu sách* này, nhân dân ta cũng như những người lao động bị áp bức dưới chế độ thực dân trên khắp thế giới rút ra bài học như lời kể về Nguyễn Ái Quốc như sau: "Được những sự thật ấy rèn luyện, ông Nguyễn hiểu rằng những lời tuyên bố tự do của các nhà chính trị tư bản trong lúc chiến tranh thật ra chỉ là những lời đường mật để lừa bịp các dân tộc. Và, muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình"[3].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.435.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.1.
3. Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, In lần thứ tư, Nxb. Sự thật, H., 1986, tr.31.

Quả nhiên, sau sự kiện gửi bản *Yêu sách* ấy, Nguyễn Ái Quốc trở thành một người Việt Nam yêu nước được đặc biệt chú ý. "Sự hoạt động chính trị của ông Nguyễn được cảm tình sâu sắc của những người Việt Nam yêu nước, đó là dĩ nhiên. Vì lần đầu tiên trong lịch sử, có một người Việt Nam tuyên bố trước toàn thế giới chủ trương giành độc lập cho dân tộc mình; lần đầu tiên trong lịch sử, có một người Việt Nam dám bóc trần những tội ác của bọn thực dân Pháp ngay ở Pari và cũng chính vì vậy mà ông Nguyễn bị bọn thực dân thù ghét"[1].

Sự kiện gửi bản *Yêu sách* đến Hội nghị Vécxây đã có tác dụng vô cùng lớn lao về chính trị, đánh dấu một giai đoạn mới trong phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta, đồng thời, nó cũng đánh dấu một giai đoạn mới trong sự nghiệp cách mạng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, tạo ra bước ngoặt đầu tiên mang tính tất yếu lịch sử của sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Bởi lẽ, sau sự kiện đó Người không chỉ thấy rõ tâm địa của bọn thực dân đồng thời chứng minh cho nhân dân các dân tộc bị thuộc địa và cả nhân dân Pháp thấy rõ những thủ đoạn bỉ ổi của bọn thực dân Pháp, mà hơn thế, Người đã rút ra bài học sâu sắc về phương pháp cách mạng. Đến lúc này, có thể nói, tuy Người chưa đến được điểm tận cùng của chân lý cách mạng là lý tưởng giải phóng nhân loại theo lập trường mác-xít, nhưng Người đã phát hiện rõ một chân lý có ý nghĩa phương pháp luận cách mạng khi rút ra kết luận: Các dân tộc, muốn được giải phóng chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình.

Nếu trước đây, khi còn ở quê hương Người thấy hiện tượng nhân dân ta, trong đó có Cụ thân sinh ra Người thường tự hỏi nhau ai là người sẽ giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp, là Nhật, là Anh hay là Mỹ... thì nay câu hỏi ấy đã được giải đáp, mà người giải đáp câu hỏi đó không phải ai khác là bài học rút ra từ thực tiễn đấu tranh với bọn thực dân thông qua bản *Yêu sách* gửi Hội nghị Vécxây. Chân lý về phương pháp luận ấy đã tạo cho Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh một động lực cách mạng mạnh mẽ trong suốt cuộc đời hoạt động của mình. Sau này, khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên, Người vẫn khẳng định chân lý đó khi viết bản Tuyên ngôn của

1. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, sdd, tr.35.

Hội liên hiệp thuộc địa. Tuyên ngôn có đoạn viết: "Anh em phải làm thế nào để được giải phóng?

Vận dụng công thức của Các Mác, chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em"[1].

Đó cũng chính là nguồn gốc phương pháp luận cách mạng dẫn đến tư tưởng tự lực cánh sinh mà Người là người đầu tiên thực hiện nguyên tắc ấy ngay cả khi chỉ có một mình phải đối phó với muôn vàn khó khăn giữa mảnh đất thủ đô của kẻ thù đang xâm lược dân tộc mình để hoạt động cách mạng.

Nhờ bản *Yêu sách* của nhân dân An Nam gửi Hội nghị Vécxây, Nguyễn Ái Quốc đã có trong tay một công cụ có thể xem như một thứ vũ khí lợi hại, vừa để tuyên truyền mục đích cách mạng cho nhân dân ta và nhân dân ở nhiều nước, kể cả nhân dân Pháp, vừa để tố cáo kẻ thù xâm lược, những âm mưu thủ đoạn của thực dân Pháp mà lâu nay chúng vẫn tìm cách che dấu nhân dân Pháp. Với số ít tiền kiếm được, Người vẫn thuê in bản *Yêu sách* ấy thành truyền đơn đem phát trong các cuộc mít tinh, gửi cho Việt kiều ở Pháp và gửi về nước cho đồng bào mình. Người còn gửi bản *Yêu sách* ấy cho nhiều người Pháp, nhờ đó, một số đông người Pháp đã hiểu thêm về Việt Nam, nhất là những trí thức trong Quốc hội Pháp. Cũng nhờ đó, Người làm quen với hầu hết nghị viên trong Quốc hội Pháp và nhiều trí thức nổi tiếng ở Pari.

Điều đặc biệt quan trọng hơn nữa là, nhờ có bản *Yêu sách* ấy, Nguyễn Ái Quốc đã có dịp đến với tờ báo "Dân chúng", cơ quan của Đảng Xã hội Pháp để sau đó Người trở thành một đảng viên chính thức của đảng này. Nguyễn Ái Quốc đến gặp Chủ nhiệm toà báo, ông Jean Longuet, cháu ngoại Các Mác và là nghị viên của Quốc hội Pháp chẳng những nhận in bản *Yêu sách* mà còn tiếp Người rất thân mật, đồng thời khuyến khích Người viết bài cho báo. Cũng từ đó, Nguyễn Ái Quốc nhờ sự giúp đỡ tận tình của ông Chủ bút báo này, đã trở thành một nhà báo thực thụ, sử dụng ngòi bút của mình để trực tiếp viết bài cho báo chứ không phải nhờ ông Phan Văn Trường viết thay như trước.

---

1. Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, Nxb. Thông tin lý luận, H., 1992, tr.140.

Điều cần nói ở đây là chính tờ báo đã tạo ra "cầu nối" cho Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đến với Đảng Xã hội Pháp để sau này trở thành đảng viên của Đảng Cộng sản Pháp. Cũng từ đó, Người bắt đầu tổ chức hay như Người nói là học tổ chức, tiếp tục sự nghiệp cách mạng của mình có bài bản hơn, phù hợp với những nguyên tắc phương pháp luận mà Người rút ra được trong học tập và nhất là trong hoạt động thực tiễn cách mạng. Mặc cho bọn mật thám Pháp suốt ngày đêm theo rõi Người, hết đe doạ lại dụ dỗ, mua chuộc Người, Nguyễn Ái Quốc vẫn hoạt động ngày càng mạnh mẽ hơn, ngày càng tiếp cận với chân lý cách mạng hơn và cuối cùng Người đã đến với Lênin qua bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa do chính Lênin viết.

Quá trình từ khi ra đời bản *Yêu sách* đến khi vào Đảng Xã hội Pháp và gặp bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương... của Lênin để sau đó thành người đảng viên cộng sản Việt Nam đầu tiên là một quá trình vận động tất yếu, hợp quy luật, nhờ sự hình thành sớm phương pháp luận đúng đắn của Hồ Chí Minh. Do đó, có thể nói, phương pháp luận Hồ Chí Minh là một phần rất quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần hình thành tư tưởng của Người về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Điều đó, chúng ta còn thấy rõ hơn trong hoạt động thực tiễn và cả trong những suy nghĩ của Người.

Về hoạt động thực tiễn trước khi đến với chủ nghĩa Lênin, chúng ta thấy ở Hồ Chí Minh ba sự kiện vô cùng quan trọng. Một là, việc Người đi vận động để tổ chức ra Hội liên hiệp thuộc địa ở Pari. Từ Hội những người Việt Nam yêu nước chỉ tập trung vào mục tiêu cách mạng cho riêng dân tộc mình đến việc suy nghĩ và tổ chức ra Hội liên hiệp thuộc địa ở Pari, rõ ràng trong tư tưởng về chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh đang diễn ra quá trình vận động tiếp cận với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Lúc này, Hồ Chí Minh không chỉ nghĩ về dân tộc mình mà Người đã nghĩ về sự đoàn kết quốc tế giữa những người bị áp bức ở các dân tộc thuộc địa. Người muốn cùng với những người bị áp bức ở các dân tộc thuộc địa trên thế giới tổ chức thành một mặt trận rộng rãi, đoàn kết họ lại cùng với giai cấp vô sản ở chính quốc là những nước đi xâm lược, thành một mặt trận chống kẻ thù chung. Cho nên, trong Tuyên ngôn của Hội liên hiệp thuộc địa do Người thảo ra có đoạn viết: "Hỡi các bạn bị áp bức ở chính quốc ! Giai cấp tư sản trong nước các bạn đã lừa dối các bạn, dùng các bạn làm công cụ đi xâm lược đất nước chúng tôi. Ngày nay, vẫn dùng cái chính

sách quỷ quyệt ấy, giai cấp tư sản nước các bạn lại định dùng chúng tôi để đàn áp mọi cố gắng tự giải phóng của các bạn.

"Đứng trước chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, quyền lợi của chúng ta là thống nhất, các bạn hãy nhớ lời kêu gọi của Các Mác:

"Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại !"[1].

Như thế là Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã thực sự đến với chủ nghĩa Mác, từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa quốc tế vô sản. Điều Hồ Chí Minh nhắc đến Các Mác khiến chúng ta phải nhớ lại câu nói có ý nghĩa quyết định quan điểm duy vật lịch sử của Mác, Ăngghen trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* như sau: "Toàn bộ lịch sử của nhân loại... là lịch sử đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa những giai cấp đi bóc lột và bị bóc lột, giai cấp thống trị và giai cấp bị áp bức; rằng lịch sử của cuộc đấu tranh giai cấp đó hiện nay đã phát triển tới giai đoạn trong đó giai cấp bị bóc lột và bị áp bức, tức là giai cấp vô sản, không còn có thể tự giải phóng khỏi ách của giai cấp bóc lột và áp bức mình, tức là giai cấp tư sản, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn xã hội khỏi ách áp bức, bóc lột, khỏi sự phân chia giai cấp và đấu tranh giai cấp"[2]. Rõ ràng, đó là sự kết tinh của mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và hoạt động thực tiễn, sự gặp gỡ kỳ diệu giữa tư tưởng Hồ Chí Minh và tư tưởng của học thuyết Mác.

Gắn liền với sự kiện thành lập Hội liên hiệp thuộc địa là việc ra báo *Người cùng khổ* (Le Paria) do Nguyễn Ái Quốc làm Chủ bút kiêm Chủ nhiệm. Cũng có thể xem báo *Người cùng khổ* là cơ quan ngôn luận của Hội liên hiệp thuộc địa nhằm mở rộng việc tuyên truyền cho mục đích cách mạng đến các thuộc địa đồng thời báo cũng được gửi về nước ta làm phương tiện tuyên truyền cho cách mạng. Cũng vì thế, bọn thực dân Pháp lại một lần nữa lồng lộn lên, tìm cách ngăn cấm tờ báo đó vào các thuộc địa của chúng. Nhưng, Nguyễn Ái Quốc không chịu thua. Có Hội liên hiệp thuộc địa, nay lại có thêm báo *Người cùng khổ*, Người như được tiếp sức thêm vũ khí để hoạt động công khai giữa thủ đô nước Pháp. Cũng vì thế, Người càng bị theo rõi nghiêm ngặt suốt ngày đêm của bọn mật thám Pháp, khiến cho những kiều bào ta ở Pari cũng ngại có quan hệ

1. Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, sđd, t.1, tr.141.
2. Mác - Ăngghen: *Tuyển tập*, t.I, Nxb. Sự thật, H. 1980. tr.517.

với báo này, vì sợ bị liên luỵ. Nhưng dù gặp khó khăn thế nào, báo *Người cùng khổ* vẫn phát triển, vẫn đến được nhân dân các nước bị áp bức, tất nhiên trong đó có cả nhân dân ta. Cũng có thể xem việc ra được báo *Người cùng khổ* với hai bàn tay trắng, lại tìm cách nuôi tờ báo sống được trước những phong ba bão táp để tờ báo phát huy tác dụng của nó như một thứ vũ khí đặc biệt lợi hại, là một sự kiện quan trọng thứ hai trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh ở Pari.

Sự kiện thứ ba là việc Nguyễn Ái Quốc vào Đảng Xã hội Pháp. Đây là người Việt Nam đầu tiên vào một chính đảng ở Pháp, mà lại là đảng của những người cách mạng theo quan điểm mác-xít lúc đó. Khi được hỏi, vì sao vào Đảng, Nguyễn Ái Quốc trả lời: "Chỉ vì đây là tổ chức duy nhất ở Pháp bênh vực nước tôi, là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại cách mạng Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái"[1].

Vào Đảng Xã hội Pháp, Nguyễn Ái Quốc có dịp gần gũi và hoạt động cùng với những nhà hoạt động chính trị và văn hoá nổi tiếng của Pháp. Nhưng đối với Hồ Chí Minh, điều quan trọng hơn là được sống trong bầu không khí tự do tranh luận quan điểm cách mạng. Lúc bấy giờ, những người thuộc Đảng Xã hội Pháp sôi nổi thảo luận về nhiều vấn đề có quan hệ đến phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và cả những vấn đề có quan hệ đến các nước thuộc địa, đến việc tham gia Quốc tế ba hay Quốc tế hai, v. v... Về nhiều vấn đề thảo luận, Người chưa hiểu hết, nhưng đó lại là trường học cách mạng vô cùng quan trọng đối với một đảng viên trẻ tuổi của một dân tộc còn lạc hậu và bị áp bức như Người.

Mặt khác, cũng nhờ việc vào Đảng Xã hội Pháp, Người thực sự được hoà mình với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân, càng có điều kiện tiếp cận với những quan điểm đúng đắn của học thuyết mác-xít. Cũng từ đây, từ Đảng Xã hội Pháp, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh được đọc văn kiện quan trọng đăng trên báo L'Humanité về bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin tạo nên một bước ngoặt mới về tính tất yếu lịch sử của sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Chính tác phẩm của Lênin đã giải đáp cho Người con đường giành độc lập cho dân tộc và tự do cho đồng bào mình.

---

1. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, sđd, tr.48.

Cũng vì thế, khi được hỏi cảm tưởng của mình khi được đọc bản *Sơ thảo luận cương* của Lênin, Người nói: "Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao ! Tôi xúc động đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đầy đoạ đau khổ, đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta". "Từ đó, tôi đã có một sự lựa chọn: tán thành Quốc tế thứ ba và hoàn toàn tin theo Lênin"[1].

Đối với Hồ Chí Minh khi còn ở Pháp, từ việc gửi bản *Yêu sách* đến việc thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa và ra báo *Người cùng khổ* cũng như việc vào Đảng Xã hội Pháp, mỗi sự kiện đối với Người như mở ra một khám phá mới, như tạo thêm sức mạnh cho Người hoạt động, quyết tâm tìm đến chân lý cách mạng, nhưng phải đến sự kiện gặp bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin mới thật sự giúp Người hình thành quan điểm về vấn đề dân tộc và quan điểm đấu tranh giải phóng dân tộc kết hợp với sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản. Hơn nữa, cũng từ đó, Người có một lòng tin vô biên về con đường giải phóng dân tộc phải gắn liền với sự nghiệp cách mạng vô sản, độc lập dân tộc kết hợp với chủ nghĩa xã hội. Khi viết thư gửi Quốc tế Cộng sản, Người đã cho biết *Luận cương* này đã ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành thế giới quan của Người và giúp Người dứt khoát đi theo Quốc tế ba[2].

Sau việc gặp bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin là việc Người dự Đại hội toàn quốc lần thứ 18 Đảng Xã hội Pháp với tư cách là đại biểu Đông Dương. Đối với Hồ Chí Minh lúc bấy giờ, việc tham gia một đại hội của một chính đảng Pháp như Đảng Xã hội có thể xem là một hành động vô cùng dũng cảm, một ý chí bất chấp mọi gian nguy để đến với lý tưởng cách mạng, bởi lẽ, chính ở Đại hội này, Hồ Chí Minh đã tạo nên bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình khi Người quyết định sự lựa chọn tham gia Quốc tế ba, trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, đồng thời cũng là người cộng sản đầu tiên của dân tộc Việt Nam. Cũng từ đó, Người trở thành một đối tượng theo rõi chặt chẽ hơn của bọn mật thám

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.12, tr.471.
2. Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, Nxb. Thông tin lý luận, H., 1992, T.I, tr.91-92.

Pháp. Kẻ thù tìm mọi cơ hội để bắt Người nhưng Người cũng không bao giờ lùi bước, trái lại, càng hoạt động mạnh mẽ thêm.

Sau khi đến với chủ nghĩa Lênin, tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc gắn liền với sự nghiệp cách mạng vô sản, độc lập dân tộc kết hợp với chủ nghĩa xã hội, đồng thời tạm hiểu về cách tổ chức và tuyên truyền cách mạng, Hồ Chí Minh nghĩ ngay đến việc trở về Tổ quốc, mặc dù Người biết rõ đó là con đường hiểm nguy và gian khổ hơn nhiều lần so với con đường ra đi tìm đường cứu nước. Trong thư gửi các bạn quốc tế cùng hoạt động ở báo *Người cùng khổ*, Người tự hỏi và trả lời: "Chúng ta phải làm gì?" ... "Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do, độc lập".

Như vậy là, phải gần một thập kỷ, kể từ khi rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước với biết bao gian nguy, cực khổ, Hồ Chí Minh mới tìm được chân lý cách mạng và phương pháp cách mạng. Đó là kết quả của cả quá trình hoạt động thực tiễn kết hợp với khổ công học tập, rèn luyện, tiếp cận với những tinh hoa của nền văn minh đương thời mà học thuyết khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin được xem là đỉnh cao của nền văn minh đó.

Từ khi gửi bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* đến việc Hồ Chí Minh gặp bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin tuy ngắn hơn nhiều so với thời gian Người học tập, tìm hiểu thực tế ở nhiều nước và nhất là hoà mình với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân ở châu Âu, nhưng đó là thời gian quý báu nhất, quyết định nhất việc hình thành quan điểm về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Tuy vậy, phải đến khi quyết định trở về nước để cùng đồng bào, đồng chí của mình tiến hành sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, tự do cho nhân dân, Hồ Chí Minh mới thật sự hoàn thiện tư tưởng về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc.

Sự chuyển biến trong tư tưởng Hồ Chí Minh để hình thành tư tưởng về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam, là cả một quá trình lâu dài trải qua nhiều chặng đường, chứng kiến nhiều sự kiện và nhất là tham gia nhiều hoạt động cách mạng của Người. Để hiểu rõ hơn đối tượng của cách mạng giải phóng dân tộc, chúng ta sẽ tìm hiểu

sâu thêm bản chất của chủ nghĩa thực dân, kẻ thù của các dân tộc thuộc địa nói chung và chủ nghĩa thực dân Pháp, kẻ thù trực tiếp của nhân dân Việt Nam chúng ta nói riêng và ý nghĩa cách mạng có tính thời đại của việc Hồ Chí Minh lên án chủ nghĩa thực dân. Sau đó, tất nhiên, phải nghiên cứu chủ thể của cách mạng là phong trào quần chúng bị áp bức, bóc lột ở các thuộc địa cùng với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ở chính quốc nói chung cũng như các tầng lớp nhân dân Việt Nam nói riêng. Trên cơ sở nhận thức rõ bản chất chủ nghĩa thực dân và đặc điểm của các phong trào quần chúng bị áp bức ở khắp các châu lục và ở Việt Nam, chúng ta sẽ nghiên cứu sâu hơn đường lối, chiến lược và sách lược cách mạng thể hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

2. Bản chất chủ nghĩa thực dân và ý nghĩa cách mạng của việc Hồ Chí Minh lên án chủ nghĩa thực dân

Cũng như toàn thể nhân dân Việt Nam và nhất là các sĩ phu yêu nước, Hồ Chí Minh lúc đầu chỉ thấy thực dân Pháp là kẻ thù, vì chúng đã trực tiếp áp bức, bóc lột tàn bạo, có nhiều tội ác đối với nhân dân ta. Người chưa ý thức thật rõ chủ nghĩa thực dân là gì, thậm chí cũng chưa phân biệt rõ bọn thực dân Pháp với người Pháp ở chính quốc, mặc dù Người vẫn có cảm tình với một vài người Pháp tốt đã từng giúp mình ở quê hương.

Phải đến khi đặt chân lên nước Pháp, Hồ Chí Minh mới thấy rõ người Pháp ở Pháp tốt, lễ phép hơn người Pháp ở Đông Dương, hoặc khi chứng kiến cảnh tượng bọn Pháp bắt người da đen phải bơi ra chiếc tàu trong lúc sóng lớn khiến cho người này bị sóng cuốn đi trước sự coi thường của mọi người, Người nhận định: "Người Pháp ở Pháp phần nhiều là tốt. Song những người Pháp thực dân rất hung ác, vô nhân đạo. Ở đâu chúng nó cũng thế. Ở ta, tôi cũng thấy chuyện như thế xảy ra ở Phan Rang. Bọn Pháp cười sặc sụa trong khi đồng bào ta chết đuối vì chúng nó. Đối với bọn thực dân, tính mạng của người thuộc địa da vàng hay da đen cũng không đáng một xu"[1]. Đó chỉ mới là những cảm nhận ban đầu của Hồ Chí Minh về bọn thực dân Pháp chứ chưa phải là những lời tố cáo tội ác man rợ của chúng ở Việt Nam cũng như ở các thuộc địa khác của chúng. Phải

1. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, sđd, tr..23.

đến sau này, khi gửi bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* đến Hội nghị Vécxây và nhất là khi gặp bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin, Hồ Chí Minh mới thực sự thấy rõ hơn bản chất không chỉ của bọn thực dân Pháp mà là của chủ nghĩa thực dân nói chung, kẻ thù của tất cả các dân tộc thuộc địa ở khắp các châu lục. Từ đó, Người không chỉ tố cáo tội ác của bọn thực dân Pháp ở Việt Nam mà còn tố cáo tội ác man rợ của tất cả bọn thực dân ở các thuộc địa khác. Cũng từ đó, Người ý thức rõ hơn về chủ nghĩa thực dân là con đẻ của các cường quốc tư bản chủ nghĩa, không chỉ áp bức, bóc lột nhân dân các dân tộc thuộc địa mà còn áp bức, bóc lột nhân dân lao động ở chính quốc. Người thấy rõ chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung của nhân dân các dân tộc thuộc địa và nhân dân lao động ở chính quốc. Chủ nghĩa thực dân là giai đoạn mở đầu của chủ nghĩa đế quốc, là nguyên nhân gây ra những cuộc chiến tranh thế giới, là kẻ thù chung của nhân dân lao động trên toàn thế giới.

Với ý thức rõ ràng về kẻ thù chung của các dân tộc cũng như của nhân dân lao động trên toàn thế giới, Hồ Chí Minh đã tố cáo tội ác dã man của bọn chúng không chỉ đối với nhân dân Việt Nam mà ở khắp các châu lục khác. Người đã viết rất nhiều bài tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân, nhưng tập trung nhất phải nói đến tác phẩm nổi tiếng của Người là *Bản án chế độ thực dân Pháp* được xuất bản lần đầu tiên ở Pari năm 1925. Đây là một tác phẩm vừa có giá trị lớn về tư tưởng, chính trị, vừa có giá trị lớn về văn học của Hồ Chí Minh ra đời giữa lúc phong trào cách mạng đang diễn ra sôi nổi ở khắp các thuộc địa không chỉ của bọn thực dân Pháp mà cả các thuộc địa của những bọn thực dân khác.

Với nhiều bằng chứng cụ thể, sinh động, và bằng lời văn giản dị, trong sáng, lối viết châm biếm sâu sắc, Hồ Chí Minh đã vạch trần những tội ác tầy trời của chủ nghĩa thực dân nói chung, thực dân Pháp nói riêng đối với nhân dân các dân tộc thuộc địa. Đồng thời, tác phẩm cũng vạch rõ nguồn gốc của mọi sự áp bức, bóc lột, mọi khổ đau của nhân dân lao động các dân tộc thuộc địa cũng như nhân dân lao động ở chính quốc.

Tác phẩm gồm 12 chương, trong đó 11 chương tác giả giành cho việc tố cáo những tội ác man rợ của chủ nghĩa thực dân đối với người bản xứ ở các thuộc địa. Chương cuối cùng, tác giả giành cho việc cổ vũ phong trào đấu tranh của nhân dân các dân tộc thuộc địa đồng thời nói về mối quan

hệ giữa cách mạng Nga cũng như Quốc tế Cộng sản và các tổ chức quốc tế khác với phong trào đấu tranh của các dân tộc thuộc địa. Toàn bộ tác phẩm chứa đựng vô vàn những mẩu chuyện có thực, nói lên những tội ác vô cùng man rợ của chủ nghĩa thực dân ở các thuộc địa của chúng, mặc dù như tác giả nói: "Tất cả những điều mà người ta đã có thể nói ra vẫn còn ở dưới mức sự thật. Chưa có bao giờ, ở một nước nào mà người ta lại vi phạm mọi quyền làm người một cách dã man, độc ác trắng trợn đến thế".

Với nhan đề *Thuế máu*, chương I của tác phẩm đã phản ảnh những cảnh bắt lính người bản xứ sang "mẫu quốc" làm bia đỡ đạn cho bọn chủ thực dân để nhiều người trong họ không bao giờ còn trông thấy mặt trời nữa. Và "khi đại bác đã ngấy thịt đen, thịt vàng rồi, thì những lời tuyên bố tình tứ của các ngài cầm quyền nhà ta bỗng dưng im bặt như có phép lạ, cả người Nêgrô lẫn người Annamít mặc nhiên trở lại "giống người bẩn thỉu". Không những thế, họ còn bày trò ăn mừng chiến thắng một cách lố bịch hết chỗ nói.

Tác giả kể lại câu chuyện viết trong một bức thư như sau: "Nếu trên đời này mà có một việc quái gở vừa thương tâm lại vừa lố bịch, thì đó hẳn là việc bắt một dân tộc vẫn đang chịu đựng đủ mọi thứ bất công và không có bất cứ thứ quyền nào phải làm lễ mừng cuộc chiến thắng của "công lý" và "chính nghĩa". Ấy thế mà ở bên này chúng tôi đã làm như vậy...".

Nói đến những tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp đối với nhân dân các dân tộc thuộc địa, điều quan trọng là phải thấy cho được những bộ mặt thật của những tên quan cai trị nhân danh nhà khai hoá đã có những hành động man rợ, bỉ ổi như thế nào đối với người bản xứ ở các dân tộc thuộc địa. Có thể đấy là một trọng tâm của tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Cho nên, không phải ngẫu nhiên, trong tác phẩm của mình, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã giành đến sáu chương để nêu lên một cách cụ thể, sinh động những bộ mặt thực dân vô cùng xấu xa, những kẻ mà chính quốc thải ra lại tìm được "thiên đường" của chúng ở trần gian là các dân tộc thuộc địa.

Bằng những mẩu chuyện có thật kể lại việc hành hạ hoặc giết người một cách vô nhân đạo người dân bản xứ của bọn quan thống đốc, quan cai trị hoặc nhà khai hoá, kẻ đội lốt thày tu, tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* đã cho chúng ta thấy bộ mặt thật của những tên thực dân cụ thể, với những cái tên có thật, những con người có thật, những việc làm

hoàn toàn là sự thật chứ không phải là hình tượng hoặc việc làm do tác giả hư cấu. Hơn thế nữa, những chứng cứ được viết ở đây còn được trích dẫn từ những thư từ hoặc nhật ký do chính người Âu kể lại, do đó, độ chính xác của những sự kiện được mô tả trong tác phẩm là khó phủ nhận. Chẳng hạn, trong nhật ký đi đường của một anh lính thuộc địa kể lại câu chuyện xảy ra khi anh chứng kiến thấy cảnh "đôi khi để đùa vui, một anh sốp phơ hắt một thùng nước sôi xuống lưng những người bán hàng khốn khổ. Thế là, những tiếng kêu rú lên, mái chèo vung lên loạn xạ để bơi tránh, làm cho xuồng va chạm vào nhau lộc cộc. "Ngay bên dưới tôi, một người An Nam bị giội nước sôi, bỏng từ đầu đến chân, phát điên lên muốn nhảy xuống biển. Người anh của anh ta, quên cả nguy hiểm, bỏ chèo, ôm lấy anh, bắt anh nằm xuống lòng thuyền. Cuộc vật lột chớp nhoáng vừa chấm dứt thì một thùng nước sôi khác do một bàn tay thành thạo lại dội xuống; thế là đến lượt chính người đi cứu, bị luộc chín. Tôi trông thấy anh ta giẫy giụa trong thuyền, da bị lột ra trời thịt đỏ rói gào rống lên như một con vật. Thế nhưng cảnh đó lại làm cho chúng tôi cười, chúng tôi cho là ngộ nghĩnh. Quả thật chúng tôi đã có tâm hồn thực dân!".

Ở một trang khác, anh lính viết: " - Trong thời kỳ tôi ở đây (ở Bắc kỳ), không có tuần nào là tôi không thấy vài cái đầu rụng. Trong những cảnh ấy, tôi chỉ còn ghi nhớ được một điều là chúng ta còn độc ác, còn dã man hơn cả bọn kẻ cướp nhà nghề. Tại sao lại có những hành vi quái ác đến thế đối với một người tù sắp phải chết? Tại sao lại dùng nhục hình, tại sao phải giải từng đoàn tù đi bêu khắp xóm làng?" .

Lại một người khác ở thuộc địa kể rằng: "Khi bọn lính kéo đến, tất cả dân chúng đều chạy trốn, chỉ còn lại hai cụ già, một thiếu nữ, một thiếu phụ đang cho đứa con mới đẻ bú và tay dắt một em gái lên tám. Bọn lính đòi tiền, rượu và thuốc phiện. Vì không ai hiểu tiếng Pháp nên chúng nổi giận, lấy báng súng đánh chết một cụ già. Còn cụ già kia thì bị hai tên lính, khi đã say mềm, đem thiêu sống trong một đống lửa hàng mấy giờ liền để làm trò vui với nhau. Trong khi đó những tên khác thay phiên nhau hiếp cô thiếu nữ, người mẹ và đứa con gái nhỏ của bà. Xong, chúng vật ngửa cô thiếu nữ ra, trói lại, nhét giẻ vào miệng, rồi một tên cầm lưỡi lê đâm vào bụng cô, chặt ngón tay cô để lấy chiếc nhẫn và chặt đầu cô để lột cái vòng cổ". Quả là không thể nói hết được những mẩu chuyện thương tâm kể lại những tội ác tày trời do bọn thực dân gây ra đối với người dân bản xứ ở Việt Nam và ở các thuộc địa khác của chúng như ở

Tuynidi, Mađagátxca, Camơrun, Tây Phi, Angiêri, v.v... "Thói dâm bạo vô độ của bọn xâm lược thật không có giới hạn nào cả. Cái tinh vi của một nền văn minh khát máu cho phép chúng tưởng tượng được đến đâu thì chúng cứ thực hiện tính tàn ác lạnh lùng của chúng đến đó" hoặc "khi người ta có màu da trắng thì nghiễm nhiên người ta là một nhà khai hoá. Mà khi người ta đã là một nhà khai hoá thì người ta có thể làm những việc dã man mà vẫn cứ là người văn minh nhất"[1]. Đó là nhận xét của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh khi thấy những cảnh ra lệnh bắt buộc phải phục tùng một cách vô lý hoặc sự tàn ác không giới hạn của bọn thực dân cai trị đối với người dân thuộc địa.

Nhận xét về tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp,* cố Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn viết: "Cuốn sách này là sản phẩm tổng hoà của tất cả các tri thức - chính trị, triết học, xã hội, lịch sử, văn học và kinh nghiệm thực tiễn được tiếp thu, bồi bổ, phát triển trong quá trình đấu tranh đầy sóng gió của Người"[2].

Vậy việc Hồ Chí Minh lên án chủ nghĩa thực dân có ý nghĩa cách mạng như thế nào đối với sự nghiệp cách mạng vô sản nói chung, sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam nói riêng? Đây mới là điều cốt yếu trong tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam .

Rõ ràng, Hồ Chí Minh không chỉ viết *Bản án chế độ thực dân Pháp* để tố cáo tội ác của thực dân Pháp ở Việt Nam mà phải thấy xa hơn, đây là một bản cáo trạng luận tội chủ nghĩa thực dân nói chung, chẳng những là kẻ thù đối với các dân tộc thuộc địa của chúng mà cũng là kẻ thù đối với nhân dân lao động, trước hết là giai cấp vô sản ở chính quốc. Do đó, cần phân tích rõ hơn ý nghĩa cách mạng thể hiện trong tư tưởng Hồ Chí Minh khi Người lên án mạnh mẽ chủ nghĩa thực dân.

1)**Trước hết,** phải thấy Hồ Chí Minh là một trong những người đầu tiên đã có ý thức tố cáo mạnh mẽ, toàn diện và có hệ thống những tội ác của chủ nghĩa thực dân chẳng những đối với các dân tộc thuộc địa mà cả đối với giai cấp vô sản ở chính quốc. Người đã viết nhiều tiểu phẩm, phóng sự, bút ký, truyện ngắn, kịch, ký hoạ và thơ mà trong đó *Bản án*

1. Những câu trong ngoặc kép đều trích ở cuốn: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.2, từ tr.23 - 56.
2. Xem *Lời giới thiệu* tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc do Nguyễn Khánh Toàn viết, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, tr.10.

chế độ thực dân Pháp được xem là một tác phẩm nổi bật nhất, tất cả chỉ nhằm một chủ đề là tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân để không chỉ cho nhân dân các dân tộc thuộc địa mà cả nhân dân trên khắp thế giới trong đó có nhân dân ở chính quốc thấy rõ bản chất vô nhân đạo của chủ nghĩa thực dân, thực chất cái gọi là "tự do, bình đẳng, bác ái" của chủ nghĩa tư bản, thực chất nền "văn minh" mà ở đó bọn đế quốc thực dân trương lên như ngọn cờ khai hoá các dân tộc bị chúng xem là dã man.

Qua những bài viết, những tác phẩm của mình, Hồ Chí Minh muốn phô bày toàn bộ quang cảnh vô cùng thương tâm của người dân ở các thuộc địa, dù họ là người Việt Nam hay người châu Phi, Mỹ la tinh, dù đó là người da vàng hay người da đen, da đỏ, dù đó là nông dân ở phương Đông hay công nhân ở phương Tây. Bằng cách miêu tả sâu sắc những cảnh giết người man rợ của bọn thực dân Pháp ở Đông Dương, cảnh tra tấn người da đen kiểu lynsơ vô cùng tàn bạo ở Mỹ, cảnh hun người trong hang tối ở Angiêri và các thủ đoạn áp bức, bóc lột khác ở các dân tộc thuộc địa..., Hồ Chí Minh rút ra kết luận rằng:"Mọi chế độ thực dân đế quốc đều tiêu diệt hết các nòi giống bản xứ, và muốn cứu vãn những nòi giống này, ta phải lật đổ chủ nghĩa đế quốc !"[1].

Người đã cho cả thế giới thấy mặt thật của chủ nghĩa thực dân, của bọn người lừa dối nhân dân ở chính nước họ để nhân danh là dân tộc"văn minh"đi khai hoá các dân tộc dã man; Người đã viết ra bản cáo trạng đanh thép vừa mang tính cách mạng vừa mang tính khoa học lên án chủ nghĩa thực dân để chúng không còn lý do tồn tại trên trái đất này như một thực thể hợp pháp.

Tuy nhiên, mặc dù tư tưởng chính trị - pháp lý về sự thủ tiêu chủ nghĩa thực dân thực chất đã ra đời từ *Bản án chế độ thực dân Pháp*, đã được Hồ Chí Minh soi sáng cho cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và đặt nền tảng đúng đắn cho việc bảo vệ quyền tự quyết của các dân tộc và những quyền cơ bản của con người, nhưng phải đến ngày 14-12-1960 Đại hội đồng Liên hợp quốc mới chính thức ra bản Tuyên ngôn trao trả độc lập cho các dân tộc thuộc địa và đến ngày 12-12-1970, Nghị quyết Đại hội đồng Liên hợp quốc, với không một phiếu chống nào, đã trịnh trọng tuyên bố: Khẩn thiết chấm dứt một cách mau chóng và vô điều kiện, chế độ thuộc địa dưới mọi hình thức và mọi biểu hiện.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.2, tr.340.

Từ đó, có thể nói, những nghị quyết của Liên hợp quốc tuy ra đời chậm so với sự ra đời *Bản án chế độ thực dân Pháp* nhưng nó đã chứng minh cho sự chiến thắng của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới, kết thúc một thời kỳ đen tối trong lịch sử nhân loại và mở ra một trang mới "trong cuộc đấu tranh của Văn minh chống Dã man" như Hồ Chí Minh dự báo khi viết bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* gửi Hội nghị Vécxây.

Như vậy là, từ lúc Hồ Chí Minh lên án chủ nghĩa thực dân, thấy chủ nghĩa thực dân cũng như chủ nghĩa đế quốc là một bước lùi của tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại, cho nên cần phải chấm dứt nó, cho đến khi một tổ chức quốc tế cao nhất là Liên hợp quốc ra được nghị quyết trịnh trọng tuyên bố chấm dứt chủ nghĩa thực dân, phải mất nửa thế kỷ với biết bao mạng người phải ngã xuống trong những cuộc chiến tranh đẫm máu mà điển hình là cuộc Đại chiến thế giới lần thứ hai. Nhưng, đó chỉ mới là sự kết thúc chủ nghĩa thực dân về mặt danh nghĩa pháp lý, còn trong thực tế thì không phải hoàn toàn như vậy.

2) Chủ nghĩa thực dân cũng như chủ nghĩa đế quốc vốn là con đẻ của chủ nghĩa tư bản. Nó sinh ra trên cơ sở của chế độ áp bức, bóc lột, trước hết là sự áp bức, bóc lột nhân dân lao động ở chính quốc, sau đó là áp bức, bóc lột các dân tộc thuộc địa và sau nữa là sự tranh chấp lẫn nhau các thuộc địa giữa các cường quốc tư bản chủ nghĩa, tạo ra những cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu như chúng ta đã thấy. Từ lôgích đó, muốn thủ tiêu trên thực tế chủ nghĩa thực dân cũng như chủ nghĩa đế quốc phải thủ tiêu nguyên nhân tạo ra nó là sự áp bức, bóc lột của chủ nghĩa tư bản mà điều đó thì không đơn giản.

Bao giờ thủ tiêu được nạn người áp bức, bóc lột người thì lúc đó mới thủ tiêu được cái chế độ mà ở đó giai cấp tư sản muốn bảo vệ và cũng từ đó mới không còn hiện tượng dân tộc này áp bức dân tộc khác. Cho nên, trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản,* Mác và Ăngghen đã viết: "Hãy xoá bỏ nạn người bóc lột người thì nạn dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xoá bỏ. Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo"[1].

Song, để có được thực tế đó, không phải tự nhiên nó đến. Đó chính là sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản và của các dân tộc thuộc địa bị

1. Mác - Ăngghen: *Tuyển tập*, T.I, Nxb. Sự thật, H., 1980, tr.565.

áp bức, diễn ra trên tất cả các lĩnh vực cuộc sống từ kinh tế, chính trị đến văn hoá, xã hội mà học thuyết chủ nghĩa Mác - Lênin đã vạch ra những nội dung cơ bản.

Bằng thực tế của mình trên mảnh đất của các dân tộc thuộc địa, trước hết là dân tộc Việt Nam, đồng thời bằng việc tiếp thu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã thấy rõ nguyên nhân sinh ra chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc, đồng thời trong lúc tố cáo những tội ác của chủ nghĩa thực dân, Người cũng vạch ra con đường cách mạng giải phóng dân tộc đối với các dân tộc thuộc địa nói chung, đối với nhân dân Việt Nam nói riêng. Đây là ý nghĩa quan trọng **thứ hai** mà chúng ta có thể rút ra trong việc Hồ Chí Minh lên án chủ nghĩa thực dân.

Từ kết luận cho rằng: "Lịch sử việc người Âu xâm chiếm châu Phi... cũng như bất cứ lịch sử xâm chiếm nào thì từ đầu đến cuối đều được viết bằng máu những người bản xứ. Sau những cuộc tàn sát thẳng tay thì chính chế độ lao dịch, khuân vác, lao động khổ sai, rượu cồn, bệnh giang mai tiếp tục hoàn thành công cuộc khai phá của sự nghiệp khai hoá. Kết quả tất nhiên của chế độ ghê tởm đó là sự tiêu diệt giống da đen"[1]. Đồng thời với thực tế đó, Hồ Chí Minh đã nhìn thấy ngọn nguồn tinh vi của chủ nghĩa thực dân khi chuyển thành chủ nghĩa đế quốc. Người nói: "Ngày nay, chủ nghĩa đế quốc đã tới một trình độ hoàn bị gần như khoa học. Nó dùng những người vô sản da trắng để chinh phục những người vô sản các thuộc địa. Sau đó, nó lại tung những người vô sản ở một thuộc địa này đi đánh những người vô sản ở một thuộc địa khác. Sau hết, nó dựa vào những người vô sản ở các thuộc địa để thống trị những người vô sản da trắng. Chiến công đáng buồn của người Xênêgan là đã giúp bọn quân phiệt Pháp giết hại anh em của mình ở Cônggô, Xuđăng, Đahômây, Mađagátca. Người Angiêri đã sang đánh Đông Dương. Người Việt Nam thì sang đóng đồn canh phòng ở châu Phi. Vân vân và vân vân..."[2].

Xuất phát từ những nhận định trên về bản chất chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc, Hồ Chí Minh rút ra nhận định: "Chủ nghĩa tư bản là con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.326.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.246.

vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi còn lại kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra"[1]. Từ nhận định đó, trong Tuyên ngôn của Hội liên hiệp thuộc địa, tổ chức của những người dân bản xứ ở tất cả các thuộc địa, Hồ Chí Minh kêu gọi: "Hỡi các bạn bị áp bức ở chính quốc ! Giai cấp tư sản trong nước các bạn đã lừa dối các bạn, dùng các bạn làm công cụ đi xâm lược đất nước chúng tôi. Ngày nay, vẫn dùng cái chính sách quỷ quyệt ấy, giai cấp tư sản nước các bạn lại định dùng chúng tôi để đàn áp mọi cố gắng tự giải phóng của các bạn.

"Đứng trước chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, quyền lợi của chúng ta là thống nhất, các bạn hãy nhớ lời kêu gọi của Các Mác: "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại !"[2].

Như thế là, từ chỗ lên án chủ nghĩa thực dân, phát động sự thức tỉnh của nhân dân các dân tộc thuộc địa đứng lên chống chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc đến chỗ thấy rõ bản chất chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc không chỉ áp bức, bóc lột các dân tộc thuộc địa mà còn áp bức, bóc lột giai cấp vô sản ở chính quốc, kêu gọi sự đoàn kết giai cấp, Hồ Chí Minh đã có cống hiến vĩ đại về lý luận cách mạng giải phóng dân tộc kết hợp với cách mạng vô sản quốc tế. Đó cũng chính là mối quan hệ khăng khít giữa quan điểm dân tộc với quan điểm giai cấp trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc cũng như trong sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản nói chung.

3) Không chỉ là tố cáo hay lên án chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc, cũng không chỉ là kêu gọi, hô hào sự thức tỉnh của nhân dân các dân tộc thuộc địa, Hồ Chí Minh còn có những hành động cách mạng cụ thể như thành lập Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Pari, tạo thành một mặt trận chống chủ nghĩa tư bản thực dân và chủ nghĩa đế quốc trên khắp các châu lục. Hơn thế, Người đã có ý thức rõ ràng về sự kết hợp giữa cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng xã hội chủ nghĩa.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.2, tr.120.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.2, tr.128.

Trong bài viết về Lênin và phương Đông, Người nói: "Quốc tế thứ nhất đã đặt cơ sở cho học thuyết cộng sản, nhưng vì tồn tại trong một thời gian ngắn nên chỉ kịp đề ra những đường lối cơ bản của học thuyết đó mà thôi. Vấn đề các nước thuộc địa chưa được Quốc tế thứ nhất nghiên cứu đầy đủ"... "Bởi vậy, cho tới tận Cách mạng Tháng Mười, ở các nước thuộc địa, học thuyết xã hội chủ nghĩa đã bị coi là một thứ học thuyết chỉ dành riêng cho những người da trắng, một thứ thủ đoạn mới để lừa dối và bóc lột người bản xứ.

"Lênin là người đầu tiên đã đặt cơ sở cho một thời đại mới, thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa"[1]. Có thể xem đó là ý nghĩa **thứ ba** của việc Hồ Chí Minh lên án chủ nghĩa thực dân. Điều này còn thể hiện rõ trong Tuyên ngôn của Đại hội Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức, khi khẳng định: "Con đường thoát duy nhất để xoá bỏ sự áp bức chỉ có thể là liên hiệp các dân tộc nhỏ yếu bị áp bức và giai cấp vô sản toàn thế giới, áp dụng những phương pháp cách mạng để lật đổ về căn bản chủ nghĩa tư bản đế quốc cực kỳ hung ác"[2].

Sau này, khi sang Liên Xô tiếp xúc với Quốc tế Cộng sản, Hồ Chí Minh càng khẳng định tính đúng đắn về con đường cách mạng vũ trang ở các dân tộc thuộc địa. Người đã viết nhiều bài nói về Lênin và nêu rõ tư tưởng cách mạng vũ trang của Lênin. Người viết: "Lênin là người đầu tiên đã hiểu và đánh giá hết tầm quan trọng lớn lao của việc lôi cuốn nhân dân các nước thuộc địa vào phong trào cách mạng. Lênin là người đầu tiên đã chỉ ra rằng, nếu không có sự tham gia của các dân tộc thuộc địa, thì cách mạng xã hội không thể có được.

Lênin đã tìm ra những phương pháp có hiệu quả để tiến hành có kết quả công tác trong các nước thuộc địa và đã nhấn mạnh là cần phải sử dụng phong trào cách mạng dân tộc ở những nước này"[3].

Như vậy, có thể nói, về mặt lý luận trong tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam đã hình thành rõ ràng và dứt khoát. Vấn đề còn lại là việc nhận thức về chủ thể cách mạng và việc tổ chức thực tiễn tạo ra đường lối chiến lược và sách lược cách mạng như thế nào cho có hiệu quả.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.2, tr.218-219.
2. Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, sđd, t.1, tr.258.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.2, tr.136.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò quần chúng và việc thức tỉnh quần chúng bị áp bức ở các thuộc địa

Ý thức rõ kẻ thù chỉ mới là bước khởi đầu của việc hình thành một đường lối cách mạng. Điều quan trọng hơn là việc nhận thức về chủ thể cách mạng để trên cơ sở đó hình thành một đường lối cách mạng đúng đắn thể hiện quan điểm lý luận cách mạng đúng đắn. Đó không phải là việc giản đơn mà là quá trình sáng tạo trong khi vận dụng lý luận mà cụ thể ở đây là chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn hoạt động cách mạng ở Việt Nam.

Chúng ta đều biết rằng từ những năm 1920-1921, khi mới gặp bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin, hình thành thế giới quan mới và dứt khoát đi theo Quốc tế ba, Hồ Chí Minh đã có suy nghĩ nhiều về tình hình các dân tộc phương Đông, trong đó có Việt Nam chúng ta. Người đã viết nhiều bài về châu Á nói chung, về Đông Dương nói riêng nhằm khẳng định: "Chế độ cộng sản có thể áp dụng được ở châu Á nói chung và Đông Dương nói riêng".

Người nêu rõ: "Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến"... "Ngày mà hàng trăm triệu người dân châu Á bị đầy đọa, áp bức sẽ nổi dậy gạt bỏ sự bóc lột ti tiện của những tên thực dân tham lam vô độ, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ và sẽ có thể, qua việc thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản tức là chủ nghĩa đế quốc, giúp cho những người anh em của họ ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn"[1].

Hồ Chí Minh không chỉ thấy người Đông Dương, châu Á có khả năng nổi dậy đánh đuổi kẻ thù xâm lược, mà hơn thế, họ còn có khả năng giúp người anh em ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn. Người đã bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin bằng những luận điểm mới rất quan trọng. Trong những luận điểm mới ấy, Hồ Chí Minh đã nêu luận điểm đặc biệt sáng tạo: "Cách mạng ở các nước thuộc địa có thể nổ ra và thắng lợi trước cách mạng vô sản chính quốc và tác động trở lại thúc đẩy cách mạng chính quốc. Nhân dân Việt Nam hoàn toàn có thể

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.18, 36.

chủ động đứng lên, "đem sức ta mà giải phóng cho ta". Không ỷ lại chờ đợi cách mạng chính quốc"[1].

Điều này hình như có khác với những luận điểm trước đây thường nói về khả năng thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở các dân tộc thuộc địa chỉ có thể tiến hành trong điều kiện sự nghiệp cách mạng ở chính quốc đã hoàn thành, chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc đã bị thủ tiêu trên toàn thế giới. Đó chính là luận điệu của bọn cải lương theo đệ nhị quốc tế cộng sản mà Lênin đã từng phê phán.

Vậy, trên cơ sở nào Hồ Chí Minh có thể có những nhận định về khả năng cách mạng của người Đông Dương, châu Á như trên. Chắc chắn, đây không phải là sự nhận định không có cơ sở khoa học và thực tiễn.

Về mặt khoa học, chúng ta đều biết rằng Hồ Chí Minh đã tiếp cận với học thuyết Các Mác tìm thấy phương pháp tư duy biện chứng của chủ nghĩa Mác. Sau khi gặp Luận cương của Lênin, Người lại được soi sáng con đường cách mạng giải phóng các dân tộc thuộc địa, nhất là đối với các dân tộc phương Đông. Khi được gợi lại vai trò của Lênin và chủ nghĩa Lênin đối với việc hình thành tư tưởng của mình, Hồ Chí Minh nói: "Lênin đã vạch con đường cho chúng tôi một cách cụ thể: năm 1919, tại Đại hội những người cộng sản phương Đông, Người tuyên bố: "Các đồng chí hiện đang có một nhiệm vụ mà trước đây những người cộng sản trên toàn thế giới không có: trong khi dựa vào lý luận chung và thực tiễn của chủ nghĩa cộng sản, các đồng chí vừa phải thích ứng với những điều kiện riêng biệt mà các nước châu Âu không có, vừa phải học cách vận dụng được lý luận và thực tiễn ấy vào nơi quần chúng chủ yếu là nông dân, nơi cần phải xác định sự cần thiết không phải là đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, mà là đấu tranh chống những tàn tích phong kiến". Sự thật là cuộc cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa lúc đầu và trước hết là một cuộc cách mạng nông dân. Cuộc cách mạng ấy không tách rời cuộc cách mạng chống phong kiến. Sự liên minh giữa quần chúng đông đảo nông dân và giai cấp công nhân làm cái nền tảng trên đó có thể thành lập một mặt trận dân tộc rộng rãi và vững chắc. Cho nên cải cách ruộng đất là một nhiệm vụ cơ bản của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ. Những kinh nghiệm của chúng tôi chứng tỏ rằng muốn đưa cuộc cách

1. Xem *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, H., 1997, tr.62, 67.

mạng dân chủ đến thắng lợi và mở ra những giai đoạn nối tiếp cho sự phát triển của một Nhà nước dân tộc dân chủ, giai cấp công nhân và đảng của nó phải lãnh đạo cuộc cách mạng. Cuộc cách mạng giải phóng các dân tộc bị áp bức và cuộc cách mạng của giai cấp vô sản các nước đi áp bức phải ủng hộ lẫn nhau. Như Lênin đã dự kiến, ngày nay đã đến lúc các dân tộc ngửng cao đầu bước lên vũ đài quốc tế. Nhân dân Việt Nam, về phần mình, đang tiến lên chủ nghĩa xã hội, dưới lá cờ quang vinh của chủ nghĩa Mác - Lênin"[1].

Đây là một nội dung hết sức quan trọng phản ảnh gần như tổng quát những nội dung tư tưởng cơ bản nhất của Hồ Chí Minh về con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam do chính Người trực tiếp nói ra trên cơ sở nhận thức quan điểm lý luận của Lênin. Hơn nữa, đó lại là ý kiến trả lời phỏng vấn của Sáclơ Phuốcniô vào thời điểm thử thách ác liệt nhất của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam khi Người sắp từ giã cõi đời. Đó là ngày 20 tháng 7 năm 1969 trước lúc Người mất chỉ có hơn 40 ngày. Điều đó nói lên tính nhất quán về lý luận trong tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam, đồng thời điều đó cũng có thể xem như lời căn dặn cuối cùng của Người về sự kiên trì trong đường lối cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Về mặt thực tiễn, chúng ta thấy rõ Hồ Chí Minh không chỉ căn cứ vào truyền thống yêu nước cũng như ý thức dân tộc vốn rất mạnh mẽ của nhân dân Việt Nam, đã thể hiện trong suốt lịch sử đấu tranh chống kẻ thù xâm lược, mà Người cũng rất chú ý đến truyền thống văn hoá phong phú và lâu đời của dân tộc ta, vốn tiềm ẩn như một động lực vô cùng quý giá của cách mạng Việt Nam. Không phải là ngẫu nhiên khi Hồ Chí Minh nhắc lại lời thú nhận của một viên toàn quyền Đông Dương trong bài viết Nước An Nam dưới con mắt người Pháp như sau: "Trong một bản tuyên bố, ông Bô lúc đó là toàn quyền Đông Dương, nói với người An Nam như thế này:

"Hỡi nhân dân An Nam !

"Chúng ta đến nước các ngươi là nối gót ông cha chúng ta đã từng lui tới bờ biển nước các ngươi từ hai thế kỷ nay.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.12, tr.475.

"Chúng ta đến đây cũng với một tinh thần mạo hiểm và một ý muốn khai hoá.

"Không hiểu phong tục và lịch sử nước các ngươi, chúng ta tưởng đem đến cho một dân tộc dã man những ân huệ của một nền văn minh cao cả.

"Chúng ta đã đi khắp đồng ruộng, núi đồi và ở đâu chúng ta cũng khen cho sự cần cù không mệt mỏi của các ngươi.

"Chúng ta đi khắp kinh kỳ, ở đâu chúng ta cũng thấy có cơ sở tổ chức đáng khen.

"Chúng ta đã vào nhà các ngươi và chúng ta cũng thấy trong gia đình trên kính dưới nhường, thờ phụng tổ tiên.

"Chúng ta đã đi thăm các đền chùa, được đọc những câu châm ngôn làm vẻ vang cho nhân loại"[1].

Cũng trong bài viết trên, Hồ Chí Minh còn trích ý kiến của ông Đờ Puvuốcvin như sau:."Chúng ta thấy ở đây cả một nền văn minh, mọi thứ đều xây dựng từ lâu. Nghệ thuật, khoa học, kể cả khoa học quản lý nhà nước đều đã phát triển mạnh mẽ. Luật pháp, cổ phong, tôn giáo, văn học, tất cả đều đã hoàn chỉnh và hoà hợp với nhau, trải qua bao thế kỷ, đã được điều hoà và ngày càng hoàn hảo thêm. Những vết tích man rợ đã mất đi từ lâu, dân tộc này đã sống trong một xã hội thuần thục có tổ chức trong khi những người phương Tây còn ở tình trạng bán khai. Yêu mến quê hương, quyến luyến gia đình, tôn kính tổ tiên, yêu chuộng công lý, tôn trọng chính nghĩa, ham thích khoa học, coi trọng lời nói thánh hiền, thương yêu nòi giống, tôn kính lẽ phải; ghét xa hoa, không hám tiền tài, khinh ghét vũ lực, không sợ gian khổ, hy sinh; đó là những đức tính răn dạy trong sách thánh hiền, lưu lại trong cổ phong và ghi thành luật pháp; hiện nay đó cũng là những đặc điểm về bản tính của người An Nam hình thành từ bao thế hệ, những thế hệ luôn luôn cố gắng thực hiện đạo đức ấy một cách thành kính; người An Nam bình thường mà người ta gặp bất cứ ở đâu cũng đều như vậy cả...Trong đám người bình dân, người ta cũng thấy những thuần phong mỹ tục ấy, cả ở những con người mà xưa nay chúng ta thường quen gọi là bọn côn đồ, quân ăn cướp"[2].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.425.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.426.

Quả là không ai có thể ngờ rằng chính dưới con mắt người Pháp, trong đó có cả viên Toàn quyền Đông Dương lại nói được một cách khái quát và rất đúng về bản chất nền văn hoá Việt Nam như những lời trích dẫn nêu trên. Nhưng, đó lại hoàn toàn là sự thật do Hồ Chí Minh trích lại. Điều đó chứng tỏ rằng dân tộc ta vốn có một sức mạnh văn hoá tiềm tàng mà chính kẻ thù cũng phải thừa nhận. Chính truyền thống văn hoá ấy đã tạo nên sức mạnh thần kỳ cho chủ thể cách mạng là những con người Việt Nam để chiến thắng kẻ thù xâm lược trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Cả sau này, trong tác phẩm hồi ký của mình, nguyên Bộ trưởng Quốc phòng của Mỹ Mắc Namara cũng phải thừa nhận, một trong những nguyên nhân thất bại của Mỹ ở Việt Nam là do không hiểu sức mạnh văn hoá Việt Nam.

Nói đến truyền thống văn hoá Việt Nam cũng là nói đến trí tuệ của con người Việt Nam thể hiện trong tư tưởng Hồ Chí Minh và trong đường lối cách mạng Việt Nam xuyên suốt cả quá trình cách mạng giải phóng dân tộc cho đến tận ngày nay. Việc Hồ Chí Minh làm rõ những đặc điểm dân tộc và con người Việt Nam cũng như việc Người nêu cao ý chí bất khuất trước kẻ thù xâm lược của con người Việt Nam, bản lĩnh yêu nước và truyền thống văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc của Việt Nam đều nhằm mục đích khơi dậy những phẩm chất cao đẹp và sâu sắc vốn có ở con người Việt Nam.

Điều đó chứng tỏ Hồ Chí Minh không chỉ có lòng tin ở sức mạnh của quần chúng, chủ thể cách mạng, mà hơn thế, Người đã làm cho mọi người tin vào sức mạnh của chính mình, sức mạnh của dân tộc mình, sức mạnh của nền văn hoá Việt Nam, nghĩa là sức mạnh của ta ở trong tay ta "đem sức ta mà giải phóng cho ta" như Người nói.

Đó là điều khác rất cơ bản giữa tư tưởng yêu nước của Hồ Chí Minh với quan điểm cứu nước của các sĩ phu yêu nước đương thời. Đó cũng là điều khác rất cơ bản giữa quan điểm cách mạng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh với chủ nghĩa cải lương chủ trương cách mạng không triệt để hoặc chủ trương chỉ dựa vào cầu viện từ bên ngoài.

Không chỉ kêu gọi đấu tranh, kêu gọi nổi dậy, điều quan trọng là Hồ Chí Minh đã vạch ra con đường đấu tranh, phương pháp cách mạng trên cơ sở đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, đoàn kết mọi lực lượng có thể

đoàn kết được để chiến thắng kẻ thù xâm lược, chiến thắng chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc.

Trên cơ sở nhận thức bản chất kẻ thù và thấy rõ sức mạnh của quần chúng, tin tưởng ở quần chúng mà đặc điểm của quần chúng là nông dân, còn mang những tàn tích của chế độ phong kiến, Hồ Chí Minh vạch ra đường lối cách mạng đồng thời tổ chức hoạt động thực tiễn. Đó chính là quá trình Người vận dụng những hiểu biết của mình về lý luận cách mạng để tạo ra phong trào cách mạng, lôi cuốn đông đảo quần chúng bị áp bức, bóc lột chẳng những ở dân tộc mình mà cả ở nhiều dân tộc khác cùng đứng dậy chống kẻ thù chung, tạo ra "những cái cánh của cách mạng vô sản" như Người nói. Quá trình đó cũng là quá trình Hồ Chí Minh hoàn thiện tư tưởng của mình về con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam .

4. Từ quá trình vận dụng lý luận vào thực tiễn đến việc Hồ Chí Minh hoàn thiện tư tưởng của mình về con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam

Những vấn đề nêu trên, cả ở phần 1 phần 2 và phần 3, tuy rất quan trọng nhưng dù sao vẫn thuộc phạm vi nhận thức, dù rằng trong quá trình nhận thức ấy, Hồ Chí Minh đã phải trải qua thời kỳ hoạt động thực tiễn vô cùng gian khổ, đầy thử thách. Song, như chúng ta đều biết "chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo". Mọi nhận thức lý luận chỉ có thể trở thành chân lý trong sự nghiệp cách mạng, khi nó được vận dụng vào hoạt động thực tiễn, khi nó trở thành thực tiễn.

Quả như Mác nói: "Trong một dân tộc, lý luận bao giờ cũng chỉ được thực hiện theo mức độ mà cách mạng là sự thực hiện những nhu cầu của dân tộc ấy"... "Tư tưởng cố sức biến thành hiện thực vẫn chưa đủ, bản thân hiện thực cũng phải cố sức hướng tới tư tưởng"[1]. Hồ Chí Minh không chỉ tìm thấy chân lý đáp ứng nhu cầu cách mạng giải phóng dân tộc ta, mà hơn thế, Người còn tìm thấy cách vận dụng lý luận cách mạng theo mức độ mà cách mạng là sự thực hiện những nhu cầu của dân tộc ta. Trong lúc thực hiện nhu cầu cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam, Người không chỉ cố sức biến tư tưởng yêu nước, thương dân thành hiện

1. Mác - Ăngghen: *Tuyển tập*, T.I, sđd, tr.27.

thực, mà hơn thế, Người còn cố sức hoàn thiện tư tưởng của mình về con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Hồ Chí Minh không chỉ dùng vũ khí lý luận để chống chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc bằng sự phê phán, vạch mặt bản chất độc ác, vô nhân đạo của bọn chúng, mà còn chủ trương phê phán chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc bằng chính vũ khí vật chất theo con đường cách mạng vũ trang. Có thể nói, Người đã quán triệt một cách sâu sắc quan điểm duy vật biện chứng của Mác khi Mác nói rằng"lực lượng vật chất chỉ có thể bị đánh đổ bằng lực lượng vật chất". Đồng thời Mác cũng nói: "Nhưng lý luận cũng sẽ trở thành lực lượng vật chất, một khi nó thâm nhập vào quần chúng"[1]. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh rất coi trọng vị trí của lý luận cách mạng.

Trong tác phẩm *Đường kách mệnh* (1927), Người đã trích dẫn câu nói nổi tiếng của Lênin đặt ở trang đầu của bìa sách: "Không có lý luận cách mệnh, thì không có cách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiền phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiền phong"[2]. Đồng thời, Hồ Chí Minh cũng rất chú trọng đến công tác thực tiễn, đến việc vận dụng lý luận vào công tác thực tiễn để lý luận trở thành một sức mạnh vật chất, trở thành vũ khí thực sự sắc bén của quảng đại quần chúng.

Trong quá trình đó, Người lại cùng quần chúng hoàn thiện thêm tư tưởng của mình về con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Đó chính là quá trình vận dụng sáng tạo lý luận vào thực tiễn, vừa tạo ra những thành quả cho cách mạng, vừa rút ra những bài học thực tế khi đúc rút kinh nghiệm trong thực tiễn, tổng kết thành lý luận và hoàn thiện thêm nữa tư tưởng cách mạng của mình. Đó cũng chính là con đường của tư duy biện chứng mà Hồ Chí Minh quán triệt được từ học thuyết Mác như chính Người đã từng nói.

Quá trình hoàn thiện về lý luận đó diễn ra như thế nào trong tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam?

Trước hết, có thể nói, quá trình ấy bắt đầu từ khi Hồ Chí Minh đặt chân đến Liên Xô, năm 1923, cho đến trước và sau những năm 1930 -

1. Mác -Ăngghen: *Tuyển tập*, T.I, sđd, tr.25.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.2, tr.259.

1940, khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và thực sự đã trở thành hạt nhân lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Lúc này, Hồ Chí Minh vừa hoạt động với tư cách Uỷ viên Ban phương Đông của Quốc tế Cộng sản, phụ trách Văn phòng phương Nam, vừa trực tiếp chỉ đạo cách mạng ở Đông Dương. Đây là thời kỳ có nhiều sóng gió nhất đối với Hồ Chí Minh cả trong hoạt động lý luận và trong hoạt động thực tiễn.

Về lý luận, chính là thời kỳ Người phải suy nghĩ nhiều nhằm tìm ra sự vận dụng sáng tạo học thuyết chủ nghĩa Mác - Lênin trong bối cảnh cách mạng ở Việt Nam. Ngoài tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* được hoàn thành trong thời gian này như đã nói ở trên, còn hai sự kiện đánh dấu bước phát triển trong tư duy sáng tạo của Hồ Chí Minh về việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin cũng như về sự hoàn thiện trong tư tưởng của Người về con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam, đó là tác phẩm *Đường Kách mệnh* bao gồm những bài giảng của Người nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng và phương pháp cách mạng cho những người cách mạng Việt Nam và bản *Báo cáo về Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ*. Đó là những tác phẩm đầu tiên đặt cơ sở tư tưởng và phương pháp vận dụng lý luận vào thực tiễn, tạo ra đường lối cách mạng nói chung, cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam nói riêng.

Về thực tiễn, đó là sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam với việc ra đời Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng và Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng do Người soạn thảo. Những văn kiện này thể hiện tinh thần cách mạng triệt để và sáng tạo, kết hợp đúng đắn giữa lý luận với thực tiễn cách mạng ở Việt Nam và có giá trị chỉ đạo xuyên suốt con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta.

Mặc dù phải hoạt động ở nước ngoài, Hồ Chí Minh vẫn theo rõi sát sao phong trào cách mạng và có nhiều ý kiến chỉ đạo đúng đắn đối với sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Cũng trong thời gian này, Người đã viết nhiều tác phẩm, bài viết nhằm cụ thể hoá đường lối, chiến lược, sách lược cách mạng Việt Nam đồng thời hoàn thiện thêm một bước nữa tư tưởng của mình về con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Nếu nói về đường lối chiến lược và sách lược cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thì chúng ta có thể xem trong các văn kiện của Đảng

và Nhà nước ta, nhất là các nghị quyết Đại hội Đảng. Đương nhiên, tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam đã được thể hiện trong các văn kiện ấy. Song, đó là bề nổi thể hiện sự chỉ đạo của đường lối cách mạng giải phóng dân tộc, còn chiều sâu của đường lối ấy chính là ý thức hệ của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Khi nói về tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, chúng ta sẽ tìm hiểu chiều sâu của đường lối thể hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội để thấy rõ hơn sự hoàn thiện trong tư tưởng của Người về con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam./.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ VIỆC XÂY DỰNG ĐẢNG CẦM QUYỀN Ở VIỆT NAM*

PGS.TS. THÀNH DUY

Vấn đề quan điểm về Đảng cầm quyền có quan hệ chặt chẽ và hữu cơ với quan điểm về bản chất của Nhà nước kiểu mới. Có thể nói, thực chất của vấn đề xây dựng Đảng cũng như Đảng cầm quyền ở những nước mà cách mạng vô sản đã giành được chính quyền là phản ảnh mối quan hệ có tính nguyên tắc về quyền lực giữa *Đảng* với tư cách cơ quan lãnh đạo với *Nhà nước* với tư cách cơ quan quản lý và *Nhân dân* với tư cách người làm chủ đất nước. Cho nên, để hiểu rõ quan điểm Hồ Chí Minh về Đảng và Đảng cầm quyền, không chỉ cần tìm hiểu quan điểm về đảng mà còn phải tìm hiểu quan điểm của Người về bản chất của nhà nước kiểu mới, nhất là về vị trí, vai trò của nhân dân trong mối quan hệ với Đảng và Nhà nước.

Xuất phát từ quan điểm về đảng của chủ nghĩa Mác – Lênin đồng thời có sự vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, Hồ Chí Minh đã đề ra quan điểm về đảng cầm quyền ở một nước đại bộ phận là nông dân, chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa như nước ta. Trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, có thể nói, quan điểm về đảng cầm quyền không chỉ thể hiện sự mạnh dạn sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin mà còn thể hiện ý thức thực tiễn sâu sắc. Bởi lẽ, chính trong hoạt động thực tiễn, một đảng cầm quyền mang bản chất giai cấp công nhân ra đời ở một nước đại bộ phận là nông dân như nước ta, mới dễ bộc lộ những nhược điểm cố hữu, đòi hỏi phải vượt qua những khó khăn trong thử thách, không chỉ mang tính khách quan mà trước hết là những khó

---

* Trích trong cuốn: *Tư tưởng Hồ Chí Minh – những nội dung cơ bản* của PGS.TS. Thành Duy, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh, 2005.

khăn thử thách mang tính chủ quan, nghĩa là phải vượt qua chính bản thân mình. Và, chỉ có vượt qua được chính bản thân mình thì mới xây dựng được một đảng cầm quyền thật sự mang tính giai cấp công nhân đủ sức lãnh đạo một nhà nước kiểu mới. Trái lại, một đảng nhân danh là đảng cầm quyền hạt nhân lãnh đạo của giai cấp công nhân, không vượt qua được chính mình để trở thành một đảng chân chính của giai cấp công nhân thì không những không đủ sức lãnh đạo một nhà nước kiểu mới mà cũng sẽ không đủ tư cách một đảng cầm quyền theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

I. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về đảng và đảng cầm quyền

Luận điểm về sự cần thiết phải có Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân, để lãnh đạo và thực hiện sự nghiệp cách mạng vô sản, trước tiên là của Mác, Ăngghen, sau đó được Lênin khẳng định lại và phát triển trong hoàn cảnh cách mạng ở nước Nga, đặc biệt là trong Cách mạng Tháng Mười Nga. Nhằm trả lời đồng thời phê phán cuốn *Triết học về sự khốn cùng* của Proudhon, trong tác phẩm *Sự khốn cùng của triết học,* lần đầu tiên, Mác đã nói rõ quan điểm của mình về sự cần thiết phải có sự liên minh, liên kết với nhau giữa những người công nhân trong xã hội tư bản nhằm đấu tranh chống giai cấp tư sản và hình thành một giai cấp mới – giai cấp vô sản hiện đại. Chính trong quá trình liên minh, liên kết đó, giai cấp vô sản hiện đại đã tạo thành một lực lượng đối lập, có ý thức đấu tranh mạnh mẽ với giai cấp tư sản và hình thành quan điểm về Đảng Cộng sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân.

Sau đó, những quan điểm của Mác đã được Ăngghen phát triển thêm và nêu thành "những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản" trong tác phẩm cùng tên, được xem là bản dự thảo khoa học đầu tiên của Liên đoàn những người cộng sản và là một bước chuẩn bị cơ bản cho tác phẩm nổi tiếng: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* của Mác, Ăngghen.

Nhưng, những quan điểm về đảng được nói rõ ràng, sâu sắc và hoàn chỉnh nhất là ở tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản,* do cả Mác và Ăngghen cùng viết, ra đời năm 1848. Bản thân hai chữ *tuyên ngôn* trong tác phẩm đó cũng đã nói lên một cách dứt khoát và rõ ràng về sự cần thiết phải có Đảng Cộng sản để trong thì vận động và tổ chức giai cấp công nhân thành giai cấp "thống trị", thành đội quân tiên phong cách

mạng; ngoài thì liên hệ với phong trào công nhân và các tổ chức quần chúng ở các nước.

Từ trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản,* Mác và Ăngghen đã đề ra những nguyên tắc về sự cần thiết phải có Đảng Cộng sản, đặc biệt là tư tưởng về *chuyên chính vô sản* mà Lênin cho là *trọng yếu nhất* đối với sự nghiệp cách mạng mà ở đó giai cấp công nhân có sứ mệnh lãnh đạo, cũng như những nguyên tắc xây dựng Đảng Cộng sản thành đội quân tiên phong của giai cấp công nhân. Cũng ở đây, Mác và Ăngghen đã đưa ra một định nghĩa nổi tiếng về Nhà nước ở những nước thực hiện thành công sự nghiệp cách mạng vô sản. Đó là: *"Nhà nước, tức là giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị".*

Khẳng định rằng đây là "một định nghĩa tuyệt vời về Nhà nước", Lênin nhấn mạnh và giải thích thêm trong quá trình phê phán những nhận thức không đúng những luận điểm của Mác về Đảng cũng như về Nhà nước. Lênin viết: "Giai cấp vô sản cần có Nhà nước – tất cả bọn cơ hội chủ nghĩa, bọn xã hội – sô vanh và bọn Cau-xki đều lập lại điều đó mà khẳng định rằng học thuyết Mác là như thế, nhưng chúng *"quên"* nói thêm: *một là*, theo Mác thì giai cấp vô sản chỉ cần có một Nhà nước đang tiêu vong, nghĩa là một Nhà nước tổ chức sao cho có thể bắt đầu tiêu vong ngay và không thể nào không tiêu vong được. *Hai là*, những người lao động cần có "Nhà nước", tức là giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị"... "Những người lao động cần có Nhà nước là chỉ để trấn áp sự phản kháng của bọn bóc lột; mà lãnh đạo việc trấn áp ấy, thực hiện việc trấn áp ấy một cách thực tiễn, thì chỉ có giai cấp vô sản mới có thể làm được, vì nó là giai cấp duy nhất triệt để cách mạng, giai cấp duy nhất có thể đoàn kết tất cả những người lao động và tất cả những người bị bóc lột trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản, nhằm hoàn toàn loại bỏ giai cấp đó khỏi chính quyền". Đây là một luận điểm quan trọng, tuy nói về Nhà nước nhưng đồng thời cũng nói về vai trò của đảng cầm quyền mà Lênin cho là *tuyệt hay* của Mác. Chính ở quan điểm này, Mác đã nói rõ vai trò của chuyên chính vô sản đối với Nhà nước.

Nhấn mạnh tầm quan trọng của luận điểm này, Lênin giải thích thêm: "Nhà nước, tức là giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị – lý luận ấy của Mác mật thiết gắn liền với toàn bộ học thuyết của ông về vai trò cách mạng của giai cấp vô sản trong lịch sử. Biểu hiện

tối cao của vai trò ấy là chuyên chính vô sản, là sự thống trị chính trị của giai cấp vô sản"[1].

Tóm lại, theo Lênin, *chuyên chính vô sản* là "viên đá thử vàng" để thử thách sự hiểu biết *thực sự* và thừa nhận *sự thực* chủ nghĩa Mác. Mà, chuyên chính vô sản theo quan điểm của Mác được Lênin nhấn mạnh thêm, chính là bản chất Nhà nước đã thuộc Đảng Cộng sản cầm quyền. Luận điểm quan trọng và xem là *tuyệt hay* ấy đã được Lênin vận dụng và phát triển trong hoàn cảnh xây dựng Chính quyền Nhà nước xô-viết sau Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại.

Khi nói đến việc phát huy Nhà nước tư sản, Mác cũng đề cập đến khái niệm "cách mạng nhân dân". Phát triển rõ hơn khái niệm "cách mạng nhân dân" của Mác, Lênin đề cập đến sự liên minh giữa công nhân và nông dân, vì theo ông "giai cấp vô sản cũng không phải là đa số nhân dân". "Cách mạng nhân dân", lôi kéo được đa số nhân dân vào phong trào, chỉ có thể là thế khi nó bao gồm được cả giai cấp vô sản và giai cấp nông dân". Hơn thế nữa, Lênin còn nói: "Nếu không có sự liên minh ấy thì không thể có dân chủ vững bền, không thể có cải tạo xã hội chủ nghĩa được"[2].

Khi nói đến việc phá huỷ nhà nước cũ, Lênin cho rằng trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản,* Mác và Ăngghen chỉ nói vấn đề nhà nước thay thế nhà nước cũ một cách trừu tượng, hay nói đúng hơn, chỉ đặt vấn đề mà không đề ra phương pháp giải quyết. Lênin viết: "Thay bộ máy Nhà nước bằng việc "tổ chức giai cấp vô sản thành giai cấp thống trị", bằng việc "giành lấy dân chủ", đó là câu giải đáp trong "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản"[3].

Sau này, khi diễn ra sự kiện Công xã Pari, Mác dùng khái niệm Công xã như là một hình thức cụ thể của Nhà nước. Nhưng, theo Lênin "Công xã dường như đã thay bộ máy Nhà nước bị đập tan, bằng một chế độ dân chủ "chỉ" hoàn bị hơn mà thôi". Mặc dù cái "chỉ" đó là một sự thay đổi vĩ đại, nhưng theo Lênin, vấn đề Nhà nước mới cần thay thế nhà nước cũ như thế nào, vẫn là điều chưa thật rõ lắm.

---

1. Lênin: *Tuyển tập*, Nxb. Tiến bộ, M. tr.322.
2. Lênin: *Tuyển tập*, sdd, tr.335.
3. Lênin: *Tuyển tập*, sdd, tr.336.

Một khi quan niệm về bản chất của Nhà nước chưa thật rõ lắm, thì có thể nói, quan niệm về Đảng cầm quyền như thế nào cũng chưa thể nói là rõ ràng. Điều đó cũng dễ hiểu. Trong hoàn cảnh chưa có thực tế chứng minh, Mác không thể đưa ra luận điểm về nhà nước kiểu mới. Chính Lênin cũng nói rằng do "không muốn rơi vào không tưởng, Mác chờ *kinh nghiệm* của phong trào quần chúng để giải đáp vấn đề xem tổ chức ấy của giai cấp vô sản với tư cách là giai cấp thống trị, sẽ theo những hình thức cụ thể nào, và tổ chức ấy đúng ra sẽ thích ứng như thế nào với việc "giành lấy dân chủ" một cách hoàn bị nhất và triệt để nhất. Kinh nghiệm Công xã tuy hạn chế, nhưng Mác cũng đã đem ra phân tích hết sức chăm chú trong tác phẩm "Nội chiến ở Pháp" của ông"[1].

Tuy chưa có điều kiện nói rõ việc xây dựng một hình thức Nhà nước cụ thể như thế nào để thay thế nhà nước cũ, nhưng Mác cũng đã đặt những cơ sở đầu tiên vững chắc cho việc xây dựng Đảng và Nhà nước trong bối cảnh những nước mà ở đó giai cấp vô sản giành được chính quyền. Đó là việc ông khẳng định bản chất giai cấp công nhân của Đảng cầm quyền và chuyên chính vô sản được xem là "hòn đá tảng" của việc xây dựng Nhà nước kiểu mới do Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo.

Đó còn là việc "giành lấy dân chủ" khi xây dựng một Nhà nước kiểu mới. Điều đó có nghĩa là, rời bỏ bản chất giai cấp công nhân cũng như chuyên chính vô sản, Đảng cầm quyền sẽ không còn hiệu lực và đương nhiên sẽ không thể gọi là Đảng cầm quyền. Còn vấn đề bản chất Nhà nước, thì Mác đã nói rõ Nhà nước là công cụ thống trị xã hội của giai cấp thống trị, bao giờ cũng mang tính giai cấp, không có thứ nhà nước trừu tượng, chung chung, đồng thời ông cũng nói đến việc "giành lấy dân chủ". Như vậy là, việc xây dựng Nhà nước mang bản chất giai cấp vô sản nhưng nhân dân vẫn là người chủ nhà nước đó; mặt khác, nhân dân làm chủ nhà nước nhưng phải hiểu là nhà nước đó mang bản chất giai cấp vô sản, như Mác nói "Nhà nước, tức là giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị". Cho nên, chuyên chính vô sản phải là bản chất của nhà nước do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Vấn đề là phải hiểu chuyên chính vô sản như thế nào cho đúng và nhất là cho phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của mỗi nước khi tiến hành sự nghiệp cách mạng vô sản. Đó là vấn đề khác sẽ bàn ở sau.

---

1. Lênin: *Tuyển tập*, sdd, tr.336.

Nhằm làm rõ quan điểm của Mác đồng thời chống quan điểm của bọn vô chính phủ về nhà nước, Ăngghen còn đề cập đến chức năng chính trị và chức năng quản lý của nhà nước. Không thể có nhà nước phi chính trị cũng như không thể có nhà nước chỉ thực hiện chức năng quản lý đơn thuần. Đây là những điều bổ sung hết sức quan trọng đối với quan điểm của Mác về nhà nước.

Như vậy là, chúng ta đã rõ những quan điểm về Đảng cũng như về Nhà nước của Mác và Ăngghen. Vấn đề là cách vận dụng quan điểm về Đảng cũng như về Nhà nước mang bản chất giai cấp vô sản vào việc xây dựng một nhà nước cụ thể trong từng thời kỳ đối với mỗi quốc gia cụ thể như thế nào, lại là việc khác. Điều đó chỉ có thể diễn ra khi giai cấp vô sản giành được chính quyền và bắt tay vào việc xây dựng một nhà nước kiểu mới thay thế nhà nước cũ.

Sau Cách mạng Tháng Mười Nga, Lênin đã có thực tế cách mạng Nga 1905 và nhất là Cách mạng Nga năm 1917 để vận dụng sáng tạo và phát triển luận điểm quan trọng về xây dựng Đảng và Nhà nước kiểu mới của Mác, Ăngghen, đặc biệt là luận điểm về chuyên chính vô sản, vào việc xây dựng Chính quyền Nhà nước Xô-viết. Hơn thế nữa, Lênin còn chú ý tham khảo thêm nhiều ý kiến bổ sung quan trọng khác của Ăngghen về Nhà nước, như vấn đề nhà nước liên bang với nhà nước thống nhất hoàn toàn; vấn đề chế độ dân chủ cộng hoà là con đường ngắn nhất đưa đến chuyên chính vô sản; vấn đề các hình thức nhà nước quá độ từ đâu đến đâu; vấn đề dân tộc, vấn đề tôn giáo...và nhiều vấn đề khác có quan hệ đến việc xây dựng nhà nước kiểu mới do giai cấp vô sản lãnh đạo.

Chúng ta có thể thấy những ý kiến của Lênin về Đảng cầm quyền và Nhà nước kiểu mới thông qua việc phân tích và đồng tình với những luận điểm của Mác và Ăngghen cũng như việc ông phê phán những người xuyên tạc những luận điểm của Mác về Đảng Cộng sản và về Nhà nước kiểu mới.

Những ý kiến của Lênin về Đảng và Nhà nước kiểu mới chủ yếu viết trong tác phẩm *Nhà nước và cách mạng,* vào tháng tám và tháng chín năm 1917. Trong *Lời bạt lần xuất bản thứ nhất* tác phẩm *Nhà nước và cách mạng,* Lênin có nói đến dự định viết về kinh nghiệm các cuộc cách mạng Nga 1905 và 1917, nhưng vì nổ ra sự kiện Cách mạng Tháng Mười Nga 1917, ông phải dừng lại, đồng thời nói rõ lý do: "Làm ra "kinh nghiệm

của một cuộc cách mạng" vẫn thú vị hơn và bổ ích hơn là viết về kinh nghiệm đó"[1].

Quả nhiên, sau Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, Lênin đã có cơ sở thực tiễn để bổ sung nhiều ý kiến quan trọng về vai trò của Đảng cầm quyền và tính chất của Nhà nước kiểu mới do đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. Những ý kiến của Lênin về đảng cầm quyền, chủ yếu trong những tác phẩm và bài viết của ông sau Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, đặc biệt trong tác phẩm *Những nhiệm vụ trước mắt của Chính quyền Xô-viết* năm 1918.

Nói về trách nhiệm của Đảng cầm quyền, Lênin viết: "Chúng ta đang trải qua một bước ngoặt lịch sử, nó là đặc điểm của thời cục chính trị hiện thời, và nó đòi hỏi Chính quyền Xô-viết phải có một phương hướng mới nghĩa là một cách thức mới để đặt những vấn đề mới; bước ngoặt lịch sử đó như thế nào thì sự phát triển của Đảng bôn-sê-vích, ngày nay là đảng cầm quyền ở Nga, đã vạch cho chúng ta thấy hết sức hiển nhiên"[2]. Đứng trước bước ngoặt lịch sử đó, Lênin cho rằng bất cứ một chính đảng nào có trọng trách với tương lai cũng đều có nhiệm vụ đầu tiên là thuyết phục đa số nhân dân về sự đúng đắn của cương lĩnh và sách lược của mình. Đó là nhiệm vụ được coi như đã hoàn thành về căn bản rồi, vì đa số công nhân và nông dân Nga đều rõ ràng đã đứng về phía những người bôn-sê-vích. Nhiệm vụ thứ hai của Đảng là giành chính quyền và đập tan sự phản kháng của bọn bóc lột. Tuy chưa thể coi là xong, nhưng về căn bản nhiệm vụ đập tan sự phản kháng của bọn bóc lột đã làm xong trong thời kỳ từ 25 tháng mười năm 1917 đến tháng hai năm 1918. Nhiệm vụ thứ ba – tức là nhiệm vụ tổ chức việc *quản lý* nước Nga được đề ra một cách khẩn thiết, trở thành nhiệm vụ chủ yếu và trung tâm. Theo Lênin, "đó là nhiệm vụ khó khăn nhất, vì vấn đề là phải tổ chức một cách mới mẻ những cơ sở sâu xa nhất, những cơ sở kinh tế của đời sống hàng chục và hàng chục triệu con người. Đó cũng là nhiệm vụ cao cả nhất, vì chỉ có *sau khi* đã thực hiện được nhiệm vụ ấy (trên những nét lớn và căn bản của nó), người ta mới có thể nói rằng nước Nga *đã trở thành* một nước Cộng hoà không những là Xô-viết, mà còn là xã hội chủ nghĩa nữa"[3].

1. Lênin: *Tuyển tập*, sđd, tr.405.
2. Lênin: *Tuyển tập*, sđd, tr.469.
3. Lênin: *Tuyển tập*, sđd, tr.470.

Để thực hiện việc quản lý nước Nga, Lênin đề ra cho Đảng cầm quyền nhiệm vụ "tổ chức việc toàn dân kiểm kê và kiểm soát sự sản xuất và phân phối sản phẩm một cách hết sức chặt chẽ"[1]. "Vấn đề tổ chức việc kiểm kê và kiểm soát đó trở thành trọng tâm của cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản"[2]. "Cuộc đấu tranh để làm cho quần chúng thấm nhuần cái tư tưởng về sự kiểm kê và kiểm soát của Nhà nước, sự kiểm kê và kiểm soát *xô-viết*, cuộc đấu tranh để thực hiện tư tưởng ấy, để đoạn tuyệt với cái quá khứ bỉ ổi đã gây ra cho người ta thói quen coi sự cố gắng tìm ra cơm ăn, áo mặc là một "việc riêng", coi việc mua bán như một việc "chỉ có liên quan đến cá nhân mình mà thôi", - cuộc đấu tranh đó quả là một cuộc đấu tranh vĩ đại, có ý nghĩa lịch sử trên toàn thế giới, một cuộc đấu tranh của ý thức xã hội chủ nghĩa chống tính tự phát tư sản và vô chính phủ"[3].

Xuất phát từ đặc điểm lịch sử xã hội Nga và kinh nghiệm cuộc Cách mạng Nga diễn ra trong cả quá trình từ tháng *ba* đến tháng *năm,* rồi tháng *bảy,* rồi tháng *chạp* năm 1917 với những diễn biến vô cùng phức tạp, Lênin đã rút ra bài học "mà Mác đã tóm lại trong một công thức vắn tắt, rõ ràng, chính xác và nổi bật là: *chuyên chính vô sản".* Lênin viết: "Vì Chính quyền Xô-viết không phải là cái gì khác hơn là hình thức tổ chức của nền chuyên chính vô sản, nền chuyên chính của giai cấp tiền phong đã nâng hàng chục và hàng chục triệu người lao động và người bị bóc lột lên đến chỗ thực hiện một nền dân chủ mới, đến chỗ tham gia tự chủ vào việc quản lý Nhà nước; hàng chục và hàng chục triệu người đó, nhờ kinh nghiệm bản thân, mà dần dần thấy được rằng đội tiền phong có kỷ luật và có ý thức của giai cấp vô sản, là người đưa đường dẫn lối chắc chắn nhất của họ"[4].

Như vậy là, có thể nói một cách tóm tắt, quan điểm của Lênin về *Đảng cầm quyền* chính là thực hiện *chuyên chính vô sản,* xây dựng Nhà nước mang chức năng chuyên chính của giai cấp tiền phong và của nhân dân lao động, hay nói như cách nói của Lênin, đó là "nền chuyên chính của giai cấp tiền phong đã nâng hàng chục và hàng chục triệu người lao

1. Lênin: *Tuyển tập,* sđd, tr.473.
2. Lênin: *Tuyển tập,* sđd, tr.479.
3. Lênin: *Tuyển tập,* sđd, tr.481.
4. Lênin: *Tuyển tập,* sđd, tr.492.

động và bị bóc lột đến chỗ thực hiện một nền dân chủ mới, đến chỗ tham gia tự chủ vào việc quản lý nhà nước".

Nói rõ hơn vai trò của nhân dân đối với Chính quyền Nhà nước Xô-viết, Lênin viết: "Chính mối liên hệ giữa các Xô-viết với "nhân dân", tức những người lao động, đã tạo ra những hình thức đặc biệt về sự kiểm tra từ dưới lên, - bãi miễn các đại biểu, v.v... – những hình thức mà hiện nay chúng ta phải thật sốt sắng chăm lo phát triển"[1].

Tuy Lênin chưa nói đến Nhà nước kiểu mới của dân, do dân và vì dân, nhưng ông đã thấy rõ vị trí, vai trò của nhân dân đối với Nhà nước kiểu mới. Có điều là, trong hoàn cảnh Cách mạng Nga lúc đó, với sự phản kháng quyết liệt của giai cấp tư sản và tầng lớp trí thức viên chức trong nhà nước cũ, Lênin coi nhân dân chủ yếu vẫn chỉ là giai cấp công nhân và giai cấp nông dân nghèo, không thấy nói đến tầng lớp trí thức, càng không thấy nói đến giai cấp tư sản dân tộc. Điều đó cũng dễ hiểu. Cách mạng Nga diễn ra từ tháng ba đến tháng chạp năm 1917 đã cho thấy giai cấp tư sản dân tộc và một bộ phận trí thức thuộc chính quyền cũ không đứng về phía cách mạng của nhân dân, trái lại, họ đã có những hành động chống đối quyết liệt, khiến cho Chính quyền Nhà nước Xô-viết còn non trẻ phải đối phó lại và xem họ là đối tượng đấu tranh của cách mạng vô sản.

Tóm lại, có thể nói, cả Mác, Ăngghen và Lênin chưa ai nói đến hình thức Nhà nước kiểu mới của dân, do dân và vì dân như Hồ Chí Minh, mặc dù các ông đều đề cập đến "cách mạng nhân dân", "nhà nước nhân dân" và vai trò của nhân dân trong cách mạng vô sản. Hơn thế nữa, Lênin còn phê phán những quan điểm hiểu không đúng về "cách mạng nhân dân", "nhà nước nhân dân". Chẳng hạn, ông đã kịch liệt phê phán ý kiến cho rằng "phải biến Nhà nước xây dựng trên *sự thống trị của một giai cấp,* thành *Nhà nước nhân dân*"[2]. Đó là quan điểm của bọn vô chính phủ mà trước đó Ăngghen cũng đã kịch liệt phê phán.

Khái niệm Nhà nước kiểu mới của dân, do dân và vì dân của Hồ Chí Minh chẳng những hoàn toàn khác với quan điểm "nhà nước nhân dân" của bọn vô chính phủ mà còn thể hiện sự vận dụng sáng tạo và phát triển

1. Lênin: *Tuyển tập*, sđd, tr.502.
2. Lênin: *Tuyển tập*, sđd, tr.139.

những quan điểm về Đảng cầm quyền và về Nhà nước kiểu mới của chủ nghĩa Mác – Lênin trên cơ sở thực tế của nước ta.

Để thấy rõ hơn quan điểm Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền, trước hết phải tìm hiểu quan điểm của Người về bản chất của Đảng cũng như bản chất của Nhà nước kiểu mới.

II. Từ quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin đến quan điểm của Hồ Chí Minh về đảng và nhà nước kiểu mới

Xuất phát từ cơ sở lịch sử xã hội các nước tư bản phát triển ở châu Âu, Mác và Ăngghen cho rằng: "Mục đích trước mắt của những người cộng sản cũng là mục đích trước mắt của tất cả các đảng vô sản khác là tổ chức những người vô sản thành giai cấp, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản giành lấy chính quyền" ... "Giai cấp vô sản phải giành lấy chính quyền, phải tự xây dựng thành một giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc..."[1]. Tuy Mác có nói đến việc "giành lấy dân chủ", nhưng khái niệm dân chủ như thế nào và làm thế nào để giành lấy dân chủ thì chưa được Mác giải thích rõ.

Vận dụng và phát triển những quan điểm của Mác, Ăngghen, Lênin nhấn mạnh vai trò của chuyên chính vô sản và cho rằng nhà nước là hình thức của chuyên chính vô sản. Lênin có nói đến vị trí, vai trò của nhân dân, nhưng theo Lênin, nhân dân chủ yếu vẫn chỉ là giai cấp công nhân và giai cấp nông dân nghèo, nghĩa là những người vô sản thực sự.

Vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của một dân tộc đại bộ phận là nông dân, chưa qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản, lại phải tiến hành sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc thoát khỏi chủ nghĩa thực dân, Hồ Chí Minh đã sớm nhận thấy sức mạnh tạo nên động lực cách mạng ở nước ta không chỉ có giai cấp công nhân mà chủ yếu là ở nhân dân. Khái niệm nhân dân ở đây được hiểu không chỉ có giai cấp công nhân, giai cấp nông dân mà bao gồm cả tầng lớp trí thức và tư sản dân tộc. *Nhân dân phải giành lấy chính quyền* là khẩu hiệu của Hồ Chí Minh. Người khẳng định rất sớm rằng "cách mệnh trước hết phải làm cho dân giác ngộ... phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu", phải đoàn kết toàn dân, tuyệt đối tránh chia rẽ, bè

1. Mác, Ăngghen: *Tuyển tập*, sđd, T.I, tr.558,565.

phải làm cho sức dân chúng yếu đi như "đũa mỗi chiếc mỗi nơi". Vậy nên sức cách mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có Đảng cách mệnh".

Thấy rõ sức mạnh của cách mạng là ở nhân dân, Hồ Chí Minh đồng thời khẳng định muốn tập trung sức mạnh của nhân dân phải có Đảng lãnh đạo. Đó là hai mặt gắn bó hữu cơ với nhau, thiếu một mặt không thể tạo nên sức mạnh và cách mạng không thể thành công. Đó là chân lý đã được cụ thể hoá và được Hồ Chí Minh vận dụng rất sáng tạo trong hoàn cảnh cách mạng nước ta.

Xuất phát từ yêu cầu phải có đảng lãnh đạo, cách mạng mới thành công đến nơi đến chốn, đồng thời nói rõ lập trường cách mạng của mình đối với một đảng cách mạng chân chính, Hồ Chí Minh khẳng định: "Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên hệ với các dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm nòng cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất, là chủ nghĩa Lênin"[1].

Như vậy là, *một mặt,* Hồ Chí Minh khẳng định vai trò của nhân dân (chứ không chỉ riêng giai cấp công nhân), coi nhân dân là nhân tố quyết định sự nghiệp cách mạng và đòi hỏi nhân dân phải giành lấy chính quyền; *mặt khác,* Người khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, coi sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là nhân tố quyết định đảm bảo thành công của sự nghiệp cách mạng. Điều này có vẻ hơi khác chút ít với những ý kiến của Mác, Ăngghen khi các ông nói về vị trí của giai cấp vô sản mỗi nước phải giành lấy chính quyền, phải tự mình trở thành dân tộc như đã trích dẫn ở trên. Nhưng nói khác mà không trái, trái lại, chính ý kiến Hồ Chí Minh mới thực sự phù hợp với thực tế lịch sử xã hội Việt Nam, nơi ở đó 90% dân số là nông dân, giai cấp công nhân (được hiểu là giai cấp vô sản) sinh sau đẻ muộn hơn cả giai cấp tư sản dân tộc; nơi ở đó nhân dân lao động nói chung phải chịu sự áp bức, bóc lột cùng cực của chủ nghĩa thực dân và chế độ phong kiến đã đi vào giai đoạn thối nát; nơi ở đó động lực cách mạng không chỉ tập trung vào giai cấp công nhân mà chủ yếu là

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.2, tr.267, 268.

ở phong trào cách mạng của nông dân trên mọi miền của đất nước. Nói đến nhân dân là nói đến sức mạnh tổng hợp của mọi thành viên trong cộng đồng dân tộc, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, già trẻ, dân tộc, giàu nghèo, bao gồm những thành phần cơ bản là giai cấp công nhận, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và cả tư sản dân tộc, tức là đại bộ phận công dân Việt Nam, những người có tinh thần yêu nước, chống xâm lược và có ý thức dân tộc.

Chính những điều Hồ Chí Minh nói tuy có hơi khác với Mác, Ăngghen, Lênin, nhưng không sai ấy đã thể hiện tinh thần vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin của Người. Người đề cao vị trí, vai trò của nhân dân nhưng không hề hạ thấp vị trí, vai trò của giai cấp vô sản, nhất là vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Trái lại, Hồ Chí Minh luôn khẳng định rằng chỉ có sự lãnh đạo tập trung và thống nhất của đảng cách mệnh chân chính của giai cấp công nhân thì cách mạng mới thành công, cách mạng mới đến nơi đến chốn, để nhân dân không phải làm một cuộc cách mạng khác nữa, như ở Pháp và Mỹ sau cách mạng tư sản.

Hơn thế nữa, Hồ Chí Minh còn khẳng định rằng đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm nòng cốt, mà chủ nghĩa ấy lại chính là chủ nghĩa Mác – Lênin. Điều đó có nghĩa là Hồ Chí Minh hiểu rất rõ hoàn cảnh ra đời của một đảng cộng sản trong hoàn cảnh xã hội ta, và do đó, đương nhiên, Người cũng hiểu phải làm thế nào để đảng đó thực sự trở thành một đảng cầm quyền chân chính.

Để có một Đảng thật sự cách mạng ở một đất nước đại bộ phận là nông dân, lại chưa qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản như nước ta, Hồ Chí Minh đòi hỏi Đảng ấy phải coi lợi ích tối cao là lợi ích của nhân dân, nhân dân là trên hết, là trước hết, là tất cả. Do đó, nhân dân phải chiếm vị trí quyết định cả trong Đảng và Nhà nước, chuyên chính vô sản đối với một đất nước như nước ta cũng đồng nghĩa với chuyên chính của nhân dân do Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo.

Cho nên, khi nói đến xây dựng đảng, Hồ Chí Minh đã từng nói: "Nay tôi chỉ có một tin tưởng vào *Dân tộc độc lập*. Nếu cần có đảng thì sẽ là *Đảng dân tộc Việt Nam*. Đảng đó sẽ chỉ có một mục đích là làm cho dân tộc ta hoàn toàn độc lập. Đảng viên của đảng đó sẽ là tất cả quốc dân Việt Nam, trừ những kẻ phản quốc và những kẻ tham ô ra ngoài"[1]. Sau đó,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.4, tr.141-162.

một lần nữa Người tuyên bố trước Quốc hội tại phiên họp ngày 31/10/1946 của Kỳ họp thứ hai Quốc hội khoá I rằng: "Tôi chỉ có một đảng, đảng Việt Nam"[1]. Đến khi đổi tên Đảng Cộng sản thành Đảng Lao động Việt Nam, Hồ Chí Minh còn nói rõ hơn: "Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam"[2]. Thiết nghĩ, những điều Hồ Chí Minh giải thích vì sao Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam lại là Đảng của dân tộc Việt Nam đã nói lên khá rõ quan niệm của Người. Ở đây không hề có sự mơ hồ về lập trường giai cấp hoặc về bản chất của một đảng cộng sản mà chỉ thể hiện sự vận dụng sáng tạo đồng thời phát triển quan điểm về đảng của chủ nghĩa Mác – Lênin phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của một đất nước đại bộ phận là nông dân trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc gắn liền với cách mạng xã hội như nước ta.

Nói rằng Đảng Cộng sản là đảng của dân tộc, đảng của nhân dân, mọi công dân Việt Nam đều có thế đứng trong hàng ngũ của Đảng, trừ những kẻ phản quốc và những kẻ tham ô ra ngoài, thì hình như không đúng với điều nói về đảng cộng sản của Mác, Ăngghen và Lênin, bởi lẽ, những nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin luôn nhấn mạnh tính giai cấp công nhân hay bản chất chuyên chính vô sản của một đảng cách mạng được xem là đội tiền phong của giai cấp công nhân. Rõ ràng, Hồ Chí Minh không bao giờ không thừa nhận tính đúng đắn có ý nghĩa nguyên tắc trọng việc xây dựng Đảng Cộng sản. Chính Người vẫn thường nói Đảng ta là Đảng của giai cấp công nhân hay đội tiền phong của giai cấp công nhân. Nhưng, với một đảng ra đời trong hoàn cảnh một đất nước đại bộ phận là nông dân, một đất nước thuộc địa, phong kiến, nghèo nàn, lạc hậu như nước ta, Hồ Chí Minh không thể máy móc và giáo điều khi xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam theo tiêu chí như một đảng cộng sản ra đời trong xã hội công nghiệp phát triển như ở châu Âu. Nếu cứ theo tiêu chí xây dựng Đảng ta như những đảng cộng sản ra đời ở châu Âu, nơi chủ nghĩa tư bản đã phát triển, có giai cấp công nhân hùng hậu, thì ở nước ta sẽ không thể xây dựng được một đảng cộng sản. Và, điều đó cũng đồng nghĩa với việc không thể hình thành một đường lối cách mạng theo lập

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.4, tr.427.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.6, tr.183-184.

trường giai cấp vô sản lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng, kim chỉ nam của hành động.

Chính vì vậy, Hồ Chí Minh phải chủ trương mở rộng những điều kiện vào Đảng, coi bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam không nhất thiết phải ở thành phần xuất thân mà chủ yếu là ở mục tiêu lý tưởng và đường lối cách mạng trong từng giai đoạn cụ thể, mặc dù Người không hề coi nhẹ thành phần xuất thân là giai cấp công nhân. Cho nên, Người coi Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Trong thực tế, Đảng ta là như vậy. Trong thực tế Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát huy sức mạnh của mình không phải ở chỗ chỉ nhấn mạnh thành phần giai cấp mà là ở việc tập trung ý thức đoàn kết dân tộc mà hạt nhân là các giai cấp cơ bản theo lý tưởng và đường lối cách mạng đúng đắn của một đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng.

Với ý thức xây dựng Đảng theo lập trường Mác – Lênin, Hồ Chí Minh đòi hỏi Đảng Cộng sản Việt Nam phải là một đảng chân chính, trong sạch, vững mạnh, được lòng dân, đủ sức lãnh đạo chính quyền và nhân dân nói chung thực hiện những nhiệm vụ do đảng đề ra. Đảng đó đương nhiên phải có lý luận tiền phong của chủ nghĩa Mác – Lênin, phải gắn bó với nhân dân, coi quyền lợi của nhân dân như quyền lợi của chính mình. Đảng đó phải trở thành một tổ chức chính trị đại diện cho trí tuệ của cả dân tộc, có năng lực và phẩm chất lãnh đạo nhân dân hoàn thành sứ mệnh cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tóm lại, Đảng đó phải là một Đảng *đạo đức* và *văn minh* như chính Hồ Chí Minh khẳng định một cách khái quát.

Nói đến vai trò của Đảng khi giành được chính quyền, Hồ Chí Minh thấy rất sớm vấn đề xây dựng Nhà nước kiểu mới. Quan niệm của Hồ Chí Minh về việc xây dựng Nhà nước kiểu mới xuất hiện từ trong tác phẩm *Đường cách mệnh,* ra đời năm 1927, khi Người phê phán những nhà nước tư sản của Mỹ và Pháp đồng thời đề cao Nhà nước Nga sau Cách mạng Tháng Mười 1917.

Nhưng, phải đến sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh mới bắt tay vào việc xây dựng Chính quyền của dân và hoàn thiện về quan

niệm Nhà nước kiểu mới tức Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Nói rõ tính chất và quan niệm về Nhà nước kiểu mới này tại cuộc họp Quốc hội đầu tiên năm 1946, Hồ Chí Minh khẳng định: "Chính phủ sau đây là một Chính phủ toàn dân đoàn kết và tập hợp nhân tài không đảng phái". Điều đó chứng tỏ Hồ Chí Minh luôn nghĩ đến việc xây dựng một nhà nước thực sự của dân, đó cũng là nhà nước của cả dân tộc. Nói như vậy không những không sai mà còn phản ảnh rõ ý nguyện xây dựng một Nhà nước kiểu mới "lấy dân làm gốc", cũng có thể gọi là nhà nước nhân dân, nhưng không quan niệm nhân dân theo kiểu vô chính phủ. Trái lại, nhân dân nói ở đây là lực lượng cách mạng đã giác ngộ, đã được tổ chức và nhất là có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản hướng theo mục tiêu phấn đấu do Đảng đề ra.

Dưới con mắt của người có quan điểm giáo điều chủ nghĩa thì điều đó chắc chắn không dễ chấp nhận, bởi vì, theo họ Đảng Cộng sản là đảng của giai cấp công nhân thì không thể nói là đảng của dân tộc, nghĩa là không thể là đảng của mọi người Việt Nam. Cũng vậy, đã là Nhà nước kiểu mới mang bản chất chuyên chính vô sản do Đảng Cộng sản lãnh đạo thì không thể xem là nhà nước dân tộc, vì mọi người. Nhưng, với Hồ Chí Minh, điều đó là thể hiện sự vận dụng dũng cảm và sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm được giải pháp cách mạng đúng đắn về việc xây dựng một đảng cầm quyền cũng như một nhà nước kiểu mới phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh nước ta.

Vậy, thực chất quan điểm Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền là thế nào, gồm những nội dung gì?

III. Quan điểm Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền

a/ Trước hết, về khái niệm đảng cầm quyền, như trên đã nói, là do Lênin đề ra đầu tiên sau Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Nhưng, do hoàn cảnh Cách mạng Nga lúc đó, khi nói đến Đảng cầm quyền, Lênin nhấn mạnh chuyên chính vô sản chủ yếu ở khía cạnh trấn áp sự chống đối của bọn tư sản phản cách mạng. Chính quyền Nhà nước Xô-viết sau Cách mạng Tháng Mười Nga được hiểu là *hình thức chuyên chính vô sản,* tức là công cụ đấu tranh cách mạng. Khi nói đến chuyên chính vô sản, Lênin nói đến nền chuyên chính của giai cấp tiền phong đã nâng hàng chục và hàng chục triệu người lao động và bị bóc lột đến chỗ thực hiện

niệm Nhà nước kiểu mới tức Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Nói rõ tính chất và quan niệm về Nhà nước kiểu mới này tại cuộc họp Quốc hội đầu tiên năm 1946, Hồ Chí Minh khẳng định: "Chính phủ sau đây là một Chính phủ toàn dân đoàn kết và tập hợp nhân tài không đảng phái". Điều đó chứng tỏ Hồ Chí Minh luôn nghĩ đến việc xây dựng một nhà nước thực sự của dân, đó cũng là nhà nước của cả dân tộc. Nói như vậy không những không sai mà còn phản ảnh rõ ý nguyện xây dựng một Nhà nước kiểu mới "lấy dân làm gốc", cũng có thể gọi là nhà nước nhân dân, nhưng không quan niệm nhân dân theo kiểu vô chính phủ. Trái lại, nhân dân nói ở đây là lực lượng cách mạng đã giác ngộ, đã được tổ chức và nhất là có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản hướng theo mục tiêu phấn đấu do Đảng đề ra.

Dưới con mắt của người có quan điểm giáo điều chủ nghĩa thì điều đó chắc chắn không dễ chấp nhận, bởi vì, theo họ Đảng Cộng sản là đảng của giai cấp công nhân thì không thể nói là đảng của dân tộc, nghĩa là không thể là đảng của mọi người Việt Nam. Cũng vậy, đã là Nhà nước kiểu mới mang bản chất chuyên chính vô sản do Đảng Cộng sản lãnh đạo thì không thể xem là nhà nước dân tộc, vì mọi người. Nhưng, với Hồ Chí Minh, điều đó là thể hiện sự vận dụng dũng cảm và sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm được giải pháp cách mạng đúng đắn về việc xây dựng một đảng cầm quyền cũng như một nhà nước kiểu mới phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh nước ta.

Vậy, thực chất quan điểm Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền là thế nào, gồm những nội dung gì?

III. Quan điểm Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền

a/ Trước hết, về khái niệm đảng cầm quyền, như trên đã nói, là do Lênin đề ra đầu tiên sau Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Nhưng, do hoàn cảnh Cách mạng Nga lúc đó, khi nói đến Đảng cầm quyền, Lênin nhấn mạnh chuyên chính vô sản chủ yếu ở khía cạnh trấn áp sự chống đối của bọn tư sản phản cách mạng. Chính quyền Nhà nước Xô-viết sau Cách mạng Tháng Mười Nga được hiểu là *hình thức chuyên chính vô sản,* tức là công cụ đấu tranh cách mạng. Khi nói đến chuyên chính vô sản, Lênin nói đến nền chuyên chính của giai cấp tiền phong đã nâng hàng chục và hàng chục triệu người lao động và bị bóc lột đến chỗ thực hiện

một nền dân chủ mới, đến chỗ tham gia vào việc quản lý nhà nước. Khi nói đến chức năng nhà nước, Lênin có nói đến chức năng quản lý của nhà nước nhưng chủ yếu vẫn nhấn mạnh chức năng chuyên chính, coi quản lý là một hình thức chuyên chính của giai cấp vô sản, nhằm thực hiện việc kiểm soát, kiểm kê và lãnh đạo việc kiểm kê, kiểm soát từ dưới lên trên.

b/ Hồ Chí Minh không chỉ dùng khái niệm *đảng cầm quyền* mà Người cũng rất có ý thức đến *vai trò cầm quyền của đảng* đối với Nhà nước cũng như đối với dân tộc. Ngay sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Hồ Chí Minh đã lưu ý nhắc nhở Đảng ta đã trở thành Đảng cầm quyền. Điều đó có nghĩa là, Người đã thấy rõ trách nhiệm trước dân tộc của Đảng ta trong điều kiện đã giành được chính quyền. Từ nay, dù hoạt động công khai hay bán công khai thì Đảng ta vẫn phải có trách nhiệm lãnh đạo trực tiếp và toàn diện chính quyền nhân dân hoàn thành sứ mệnh giải phóng dân tộc và hướng đất nước theo mục tiêu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam như Cương lĩnh đầu tiên do Đảng đề ra.

Với tư cách một lãnh tụ của Đảng, Hồ Chí Minh không bao giờ quên nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải nhớ đến trách nhiệm của một đảng cầm quyền. Người luôn chú ý giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên và toàn đảng nói chung về trách nhiệm của đảng đối với nhân dân, đối với Nhà nước của dân cũng như đối với toàn dân tộc. Cho đến cuối đời, trong *Di chúc* của mình, Người vẫn không quên nhắc lại: "Đảng ta là một đảng cầm quyền". Điều đó chứng tỏ Người vẫn hằng băn khoăn, lo lắng trong một lúc nào đó, một hoàn cảnh nào đó, Đảng ta có thể sẽ không thấy hết trách nhiệm của một đảng cầm quyền đối với nhân dân và đất nước. Quả nhiên, điều băn khoăn, lo lắng của Người không bao giờ thừa. Trái lại, trong bối cảnh đất nước tiến hành sự nghiệp đổi mới, vận hành đất nước theo cơ chế thị trường như hiện nay, thì điều căn dặn, nhắc nhở đó của Hồ Chí Minh càng trở nên rất cần thiết và thiêng liêng hơn bao giờ hết. Có thấy rõ Đảng ta là một đảng cầm quyền thì mới thấy hết trách nhiệm của mình trước những khó khăn của nhân dân, mới không lơ là giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên ý thức trách nhiệm đối với nhân dân và dân tộc, mới mạnh dạn đấu tranh với những cán bộ, đảng viên thoái hoá, biến chất trong đảng và trong bộ máy nhà nước để vượt qua những khó khăn, thách thức nhằm xây dựng đất nước trong bối cảnh và điều kiện mới.

Nhưng, quan trọng hơn phải nói đến quan niệm của Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền cũng như về bản chất của Nhà nước kiểu mới, đặc biệt

là về mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Chỉ thấy rõ Đảng ta là một đảng cầm quyền tuy là cần thiết nhưng chưa đủ, mà còn phải hiểu rõ quan niệm của Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền phải như thế nào, để từ đó không chỉ chuẩn bị những cơ sở lý luận và thực tiễn trong việc xây dựng Đảng nói chung cũng như việc xây dựng Nhà nước kiểu mới thực sự của dân, do dân và vì dân như Người đòi hỏi.

Vấn đề đặt ra đối với Hồ Chí Minh là, chính quyền cách mạng đã thuộc về nhân dân (chứ không phải là công cụ của một giai cấp), thì *tất cả quyền lực nhà nước phải thuộc về nhân dân.* Để đạt mục tiêu ấy, Hồ Chí Minh luôn suy nghĩ và lo lắng rằng Đảng cầm quyền phải làm thế nào để nhân dân thực sự làm chủ, thực sự nắm quyền lực Nhà nước, thực hiện lý tưởng cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Người luôn có ý thức đề phòng Đảng cầm quyền sẽ làm biến chất đảng viên, nhất là đảng viên có chức có quyền, và do đó sẽ làm biến chất Đảng dẫn đến biến chất cả Nhà nước. Từ đó, Đảng sẽ không những không thực hiện được sứ mệnh lãnh đạo Nhà nước, mà ngược lại, còn có thể làm tha hoá Nhà nước, tha hoá Đảng khi đảng viên nắm được quyền lực trong tay. Cho nên, khi nói đến Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý đến mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước và vai trò của dân đối với cả Đảng và Nhà nước.

c/ Nói về *bản chất của Đảng cầm quyền,* Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh: "Những người cộng sản chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên thế giới". Đó là mục tiêu lý tưởng của Đảng đề ra khi mới thành lập mà bất cứ một đảng viên nào khi vào Đảng đều được nhắc đến lý tưởng cao cả đó như một điều kiện đứng trong hàng ngũ của Đảng. Nhưng khi Đảng đã trở thành một Đảng cầm quyền, người cộng sản dễ quên đi cái lý tưởng cao cả mà mình vẫn tâm niệm thề thốt.

Thấy rõ nguy cơ biến chất, tha hoá của một Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở đảng viên phải tu dưỡng đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, không được chủ quan tự mãn khi đã nắm quyền trong tay, không được biến thành những "ông quan cách mạng". Không phải là ngẫu nhiên Hồ Chí Minh lại luôn đề cao đạo đức cách mạng và chống chủ nghĩa cá nhân một cách quyết liệt như chúng ta đã thấy. Hơn thế nữa, Người còn nói rõ Đảng cầm quyền phải vừa là người lãnh đạo vừa là

người đầy tớ của dân. Có lẽ, trong các lãnh tụ của Đảng Cộng sản, không một ai nói rõ, nói mạnh mẽ về vai trò của Đảng cầm quyền đối với nhân dân như Hồ Chí Minh.

Trong suốt 24 năm lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Hồ Chí Minh không một phút nào coi thường việc nhắc nhở cán bộ, đảng viên tu dưỡng đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân. Cho đến cuối đời, Người còn viết bài nêu rõ mục tiêu *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* đăng trên báo *Nhân dân* ngày 03/02/1969, nghĩa là trước lúc Người qua đời chỉ có 6 tháng. Ngay cả trong bản *Di chúc* thiêng liêng của mình, Người vẫn không quên nói: "Đảng ta là một Đảng cầm quyền... Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân".

Với Hồ Chí Minh thì đây là một nguyên tắc lớn không thể thay đổi, nếu thay đổi cũng có nghĩa là thay đổi bản chất của Đảng Cộng sản, cũng có nghĩa là Đảng không còn là Đảng cầm quyền. Cầm quyền, với Hồ Chí Minh không có nghĩa là đứng trên nhân dân, bắt nhân dân làm những điều mà mình không muốn, bắt nhân dân phục vụ mình, coi nhân dân như những người thấp kém còn mình mới là cứu tinh, người mang lại quyền lợi cho dân. Trái lại, với Hồ Chí Minh, cái quyền mà Đảng có được, là do dân, nhờ dân và của dân. Cho nên, cầm quyền không phải là đứng trên dân như cách hiểu của những người trong xã hội cũ mà là công bộc thực sự của nhân dân. Hơn nữa, Hồ Chí Minh còn đòi hỏi "là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân". Mới nghe qua quả là khó hiểu, và trong thực tế không dễ thực hiện điều Hồ Chí Minh đòi hỏi, nếu không thật sự quán triệt và tu dưỡng mình như quan niệm của Hồ Chí Minh. Nhưng càng ngẫm nghĩ, càng thấy rõ ý thức sâu xa và thâm thuý khi thấy Hồ Chí Minh đề cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân đối với một Đảng cầm quyền như Đảng ta, nhất là trong bối cảnh hiện nay.

Nếu Đảng nói chung, đảng viên nói riêng khi nắm quyền trong tay, không xác định được mình là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân thì chỉ có thể là "ông quan cách mạng" đứng trên nhân dân. Không thể có hiện tượng ở giữa không phải là "ông quan" cũng không phải là "đầy tớ". Đương nhiên, phải hiểu "đầy tớ" theo nghĩa là phục hết mình cho nhân dân, cái gì có lợi cho dân thì hết sức làm, cái gì có hại cho dân thì hết sức tránh như Hồ Chí Minh đòi hỏi. Giữa hai thái độ đó, người cán bộ cách

mạng chỉ có thể chọn lấy một và phấn đấu tu dưỡng theo mục tiêu thực sự là "đầy tớ" của nhân dân thì mới coi nhà nước là công cụ của nhân dân để phục vụ dân, mới biến quyền lực Nhà nước thành quyền lực của nhân dân.

Trong thực tế những năm gần đây, những điều Hồ Chí Minh nói về Đảng cầm quyền cũng như về cán bộ, đảng viên đã diễn ra đúng như Người dự báo. Trong bối cảnh xây dựng đất nước theo cơ chế thị trường, có sự giao lưu, hợp tác rộng rãi với các nước trên thế giới, đã có không ít cán bộ, đảng viên thoái hoá, biến chất, khiến cho Đảng cầm quyền rất dễ thành tha hoá, biến chất. Nếu mỗi đảng viên cũng như toàn Đảng không có ý thức nâng cao cảnh giác, không ra sức tu dưỡng đạo đức cách mạng và chống những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân như Hồ Chí Minh đề phòng thì Đảng không chỉ mất vị trí lãnh đạo, mất vị trí cầm quyền Nhà nước mà Nhà nước cũng có thể biến chất không còn là Nhà nước của dân, do dân và vì dân nữa. Đó là bài học đã diễn ra ở một số nước xã hội chủ nghĩa. Đương nhiên, Đảng ta không phải là ngoại lệ, nếu không thực hiện kiên quyết và nghiêm túc những giáo huấn của Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng cầm quyền và Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

d/ Để thấy rõ vai trò của Đảng cầm quyền theo quan điểm Hồ Chí Minh, còn cần phải làm rõ quan điểm của Người về Nhà nước kiểu mới của dân, do dân và vì dân. Đây là một vấn đề khác, sẽ đề cập đến một cách chi tiết và đầy đủ ở một bài viết khác ngay trong tập sách này. Tuy nhiên, ở đây nói về Đảng cầm quyền không thể không nói đến vai trò của nhà nước kiểu mới ở mức độ nhất định để hiểu bản chất của Đảng cầm quyền trong xã hội ta.

Trước hết phải phân biệt tính chất nhà nước và cơ sở xã hội của nhà nước với tư cách là một xã hội công dân. Tính chất nhà nước thì bao giờ cũng là nhà nước giai cấp, không có thứ nhà nước chung chung, trừu tượng. Vì vậy, nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân và vì dân nhưng không bao giờ được quên là do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Đảng Cộng sản lãnh đạo nhà nước là một nguyên tắc cơ bản và chỉ có sự lãnh đạo tuyệt đối và thống nhất của Đảng Cộng sản thì Nhà nước ta mới đảm bảo được tính giai cấp của nó. Trái lại, không còn sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản thì nhà nước ta cũng như bất cứ nhà nước nào khác, đương nhiên, sẽ

không thể là nhà nước vô sản hay nhà nước kiểu mới theo quan điểm Hồ Chí Minh.

Nhưng, khác với nhà nước tư sản, nhà nước phong kiến, Nhà nước ta tuy nòng cốt là công nông, do Đảng Cộng sản lãnh đạo nhưng không chỉ phục vụ cho lợi ích công nông, càng không vì quyền lợi riêng của Đảng. Sự nhìn nhận về lập trường giai cấp cũng như sự chăm lo đến quyền lợi công nông là hoàn toàn đúng đắn, nhưng bao trùm lên tất cả bao giờ cũng là quần chúng lao động, là khối đại đoàn kết dân tộc, là sự hoà hợp dân tộc. Vì thế, Nhà nước ta là nhà nước của cả dân tộc do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Cho nên, cần phân biệt Nhà nước với tư cách hệ thống chính trị với cơ sở xã hội của nhà nước tức xã hội công dân vốn tồn tại lâu dài, xuyên suốt cả quá trình phát triển của lịch sử dân tộc. Với tư cách hệ thống chính trị, nhà nước bao giờ cũng là nhà nước của giai cấp, mang tính chính trị rõ ràng và có thể thay đổi trong quá trình phát triển của lịch sử dân tộc. Trong xã hội phong kiến, nhà nước do nhà vua quyết định; Trong xã hội tư bản, nhà nước do giai cấp tư sản chi phối; Trong xã hội ta, nhà nước đương nhiên do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo.

Với tư cách hệ thống chính trị, nhà nước thuộc kiến trúc thượng tầng, do hạ tầng cơ sở quyết định, nhưng cũng chi phối hạ tầng cơ sở và thường có mâu thuẫn nhất định giữa nhà nước thống trị với hạ tầng cơ sở và xã hội công dân. Đó là những nguyên tắc chung thường diễn ra ở bất cứ xã hội nào còn giai cấp bóc lột và giai cấp bị bóc lột. So với nhà nước thì xã hội công dân, cơ sở của nhà nước bao giờ cũng tồn tại lâu dài, tiệm tiến, thay đổi chậm, nhưng phong phú, đa dạng, muôn vẻ... Đó là nói chung về nhà nước cũng như xã hội công dân trong lịch sử phát triển của tất cả các nước có chế độ xã hội khác nhau.

Nhưng, đối với nhà nước trong xã hội ta bên cạnh nguyên tắc chung cũng có những nét khác biệt phản ảnh bản chất chế độ xã hội mới. Nhà nước với tư cách hệ thống chính trị thuộc kiến trúc thượng tầng là nhà nước tồn tại trong quá trình vận động phát triển theo chiều hướng tiêu vong như quan điểm của Mác mà Lênin đã nhắc lại ở trên. Nói đến nhà nước là nói đến quyền lực, nhưng đồng thời cũng có chức năng quản lý. Nói đến quá trình vận động của nhà nước theo hướng tiêu vong là nói đến tiêu vong quyền lực chứ không phải tiêu vong chức năng quản lý. Đương

nhiên, đó là việc lâu dài, song cần phải hiểu rõ để thấy rõ quyền lực nhà nước không phải là quyền lực tuyệt đối mà là tương đối. Do đó, không thể xem quyền lực là bản chất của nhà nước trong xã hội ta, mặc dù vấn đề quyền lực vốn gắn với nhà nước như hình với bóng. Bởi lẽ, trong xã hội ta, quyền lực nhà nước không thuộc cá nhân, cũng không thuộc bộ máy hệ thống chính trị của một giai cấp, mà *thuộc về nhân dân*. Cho nên, Hồ Chí Minh mới nói, trong chế độ ta "bao nhiêu quyền hạn đều của dân", nhân dân là "người chủ tập thể của xã hội", "lực lượng bao nhiêu là nhờ ở dân hết". Các Hiến pháp của nhà nước ta do Hồ Chí Minh chỉ đạo xây dựng đều ghi rõ nguyên tắc ấy. Đây là chỗ khác hết sức cơ bản và quan trọng giữa nhà nước ta với các nhà nước trong xã hội cũ.

Khi quyền lực nhà nước đã thuộc về nhân dân thì có nghĩa là nhân dân có thể sử dụng nhà nước như công cụ của mình. Cơ quan nhà nước các cấp đều dưới quyền kiểm soát của nhân dân, là người chấp hành mệnh lệnh của quốc dân, ý chí của nhân dân. Nhà nước phải được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, nghĩa là nhân dân là người chủ thực sự. Hồ Chí Minh nói rõ: "Chế độ ta là chế độ dân chủ tức là nhân dân là người chủ"... "Dân là chủ thì Chính phủ phải là đầy tớ. Làm việc ngày nay không phải để thăng quan phát tài. Nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi chính phủ"[1]. Có lẽ không còn cách diễn đạt nào rõ hơn về vị trí, vai trò của dân đối với nhà nước ta như cách nói của Hồ Chí Minh. Nhưng thực hiện cho được mục tiêu lý tưởng đó quả là không phải dễ dàng, nếu không có sự lãnh đạo sáng suốt và nghiêm minh của Đảng Cộng sản cầm quyền.

Chắc rằng, Hồ Chí Minh cũng đã thấy những khó khăn đó, cho nên Người mới đặc biệt chú ý đến việc tu dưỡng đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên. Hồ Chí Minh còn đòi hỏi: "Tất cả những việc Đảng và Chính phủ đề ra đều nhằm cải thiện đời sống cho nhân dân. Làm gì mà không nhằm mục đích ấy là không đúng"[2]. Để thực hiện mục tiêu trên, Người đòi hỏi Nhà nước ta phát huy dân chủ đến cao độ, đó là tính chất Nhà nước ta là nhà nước của nhân dân. Có phát huy dân chủ đến cao độ thì mới động viên được tất cả lực lượng của nhân dân đưa cách mạng tiến lên. Người coi "thực hành dân chủ là cái chìa khoá vạn năng có thể giải

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.5, tr.60.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.4, tr.56.

quyết mọi khó khăn". Người còn nhấn mạnh: Nền dân chủ của ta không phải là dân chủ hình thức, càng không phải là dân chủ cho một số ít người mà là dân chủ cho tuyệt đại đa số nhân dân; tập thể nhân dân là người chủ chân chính duy nhất của xã hội. Chính vì vậy, Nhà nước ta phải là công cụ sắc bén để bảo vệ lợi ích của nhân dân, bảo vệ các quyền của nhân dân. Đây là một nguyên tắc tối cao thể hiện ý chí gắn độc lập dân tộc với tự do, hạnh phúc của nhân dân như Người từng nói: "Nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng nghĩa lý gì".

đ/ Hồ Chí Minh đề cao quyền dân chủ của nhân dân đối với Nhà nước, nhưng Người cũng không quên vai trò chuyên chính của nhà nước do giai cấp vô sản lãnh đạo. Người nói: "Dân chủ và chuyên chính đi đôi với nhau. Muốn dân chủ thực sự phải chuyên chính thực sự". Nhưng, Người quan niệm chuyên chính theo cách của mình, phù hợp với điều kiện của nước ta, chứ không máy móc, giáo điều khi vận dụng quan điểm chuyên chính vô sản của chủ nghĩa Mác – Lênin. Theo Hồ Chí Minh "chuyên chính là đa số nhân dân chuyên chính với thiểu số phản động chống lại lợi ích của nhân dân". Theo Người, chuyên chính không phải là mục đích của Nhà nước ta mà là phương tiện thực hiện dân chủ. Người nói: "Dân chủ là quý nhất của nhân dân, chuyên chính là cái khoá, cái cửa để phòng kẻ phá hoại, nếu hòm không khoá, nhà không cửa thì sẽ mất cắp hết. Cho nên, có cửa thì phải có khoá, có nhà thì phải có cửa. Thế thì dân chủ cũng cần phải chuyên chính để giữ gìn lấy dân chủ". Như vậy thì, không chỉ nhà nước có tính giai cấp hay chuyên chính có tính giai cấp mà dân chủ cũng phải có tính giai cấp. Có điều là, cần phải hiểu và vận dụng quan điểm giai cấp và đấu tranh giai cấp một cách đúng đắn và hợp lý, chứ không phải cứ nghe nói đến giai cấp và đấu tranh giai cấp thì vận dụng một cách tuỳ tiện máy móc. Không phải ai thuộc giai cấp bóc lột thì nghĩ rằng họ là người bóc lột và phải chuyên chính với họ, mà chỉ thực hành chuyên chính với những kẻ chống lại lợi ích của nhân dân, bọn phản động, bọn tham nhũng, dù họ là ai thuộc giai cấp và tầng lớp nào.

e/ Ngay cả quan niệm về dân chủ, Hồ Chí Minh cũng không cho rằng do Đảng và Nhà nước ban phát cho nhân dân. Trái lại, quyền làm chủ của dân là tuyệt đối và chỉ có nhân dân mới có quyền tuyệt đối đó. Quyền đó không do ai ban phát cho họ mà do tạo hoá sinh ra ai cũng có quyền được sống bình yên, quyền bình đẳng, quyền mưu cầu hạnh phúc như

trong *Tuyên ngôn độc lập* của nước ta do Hồ Chí Minh khởi thảo đã nói. Trái lại, quyền của Nhà nước có được là do dân trao cho, quyền mà Đảng có được cũng là do tín nhiệm của dân, nghĩa là đối với Nhà nước cũng như đối với Đảng cầm quyền thì quyền đó là tương đối, là hạn chế, là nơi dân giao phó hoặc dân tin tưởng, phó thác mà có. Điều đó cũng có nghĩa là, nếu Nhà nước cũng như Đảng cầm quyền không làm tròn trách nhiệm dân giao phó hoặc không còn đủ tín nhiệm thì dân cũng có thể tước cái quyền mà họ có bất cứ lúc nào.

Song, do sinh ra từ xã hội cũ lại bị những tàn dư của chế độ cũ kiềm chế và nhất là do thiếu sự hiểu biết, quần chúng nhân dân nhiều khi có quyền mà không biết sử dụng cái quyền mà mình đáng được hưởng. Chính vì vậy, ngay sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh nói: "Muốn giữ vững độc lập, muốn làm cho dân mạnh nước giàu, mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà". Sau khi cách mạng thành công, song song với việc xây dựng Hiến pháp, Người dành nhiều công sức cho việc xây dựng hệ thống quản lý nhà nước các cấp từ trung ương đến cơ sở. Nói đến trách nhiệm của Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh cho rằng một trong những nhiệm vụ quan trọng của Đảng là phải đảm bảo cho nhân dân thật sự quản lý công việc của nhà nước. Đảng không chỉ chịu trách nhiệm lãnh đạo Nhà nước mà còn phải chịu trách nhiệm trước nhân dân về mọi hoạt động của Nhà nước. Đảng mạnh thì Nhà nước mạnh. Nhà nước hoạt động tốt, không quan liêu, không tham nhũng thì không những nhân dân yêu mến, tím nhiệm Nhà nước mà nhân dân cũng tin tưởng, yêu mến Đảng. Cho nên, theo quan điểm Hồ Chí Minh, Đảng cầm quyền gắn liền với Nhà nước kiểu mới, mặc dù Nhà nước là do dân cử ra, còn Đảng thì không theo cơ chế dân cử. Điều đó phản ảnh bản chất của Nhà nước kiểu mới và chỉ có nhà nước ta, nhà nước của dân, do dân và vì dân mới có hiện tượng dân thừa nhận một Đảng cầm quyền độc nhất. Bởi lẽ, Đảng đã vì dân thì tất nhiên dân cũng vì Đảng, bảo vệ Đảng và coi Đảng cầm quyền là Đảng ta, Đảng của chính mình.

Tóm lại, Đảng và Nhà nước, dưới con mắt của nhân dân không phải là hai mà chỉ là một, là Đảng và Nhà nước ta. Nhưng, giữa Đảng và Nhà nước ta lại không thể lẫn lộn trách nhiệm. Hồ Chí Minh cũng đề phòng sự lẫn lộn này dẫn đến sự bao biện chức năng giữa Đảng và Nhà nước, mặc

dù trong giai đoạn lãnh đạo Đảng và Nhà nước, vì đất nước còn chiến tranh, nên Người chưa có điều kiện nói rõ chức năng của mỗi bên. Người cho rằng, Đảng cầm quyền phải phát huy được vai trò của Nhà nước với tư cách bộ máy do nhân dân lập ra, dân giao phó những nhiệm vụ quản lý, điều hành đất nước. Nhà nước có mạnh thì dân mới mạnh. Còn Đảng lãnh đạo Nhà nước phải bằng pháp luật và Đảng phải tuân theo pháp luật chứ không thể đứng ngoài, đứng trên pháp luật. Đảng tôn trọng Nhà nước cũng có nghĩa là tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Hồ Chí Minh phê phán nghiêm khắc hiện tượng lạm quyền, "cậy thế mình là người của đảng, phớt cả kỷ luật và cả cấp trên trong các đoàn thể nhân dân hoặc cơ quan Chính phủ". Người yêu cầu "đảng viên chẳng những phải giữ gìn kỷ luật sắt, kỷ luật tự giác của Đảng mà còn phải giữ gìn kỷ luật của chính quyền, của cơ quan đoàn thể cách mạng, của nhân dân".

Rất tiếc là, những điều Hồ Chí Minh đề phòng vẫn có lúc xảy ra khiến cho quyền lực của Quốc hội cũng như của Chính phủ có lúc phải bó tay trước những sai trái của một vài đảng viên có chức có quyền trong Đảng như chúng ta đã thấy trước đây cũng như gần đây. Điều đó càng chứng tỏ, những điều răn dạy của Hồ Chí Minh có tầm quan trọng và bức thiết như thế nào đối với một Đảng cầm quyền trong bối cảnh xây dựng đất nước hiện nay.

h/ Trên đây chỉ nói về quan hệ giữa Đảng và Nhà nước trong việc thực hành dân chủ của nhân dân. Đảng không chỉ có trách nhiệm trong việc lãnh đạo Nhà nước thi hành những nhiệm vụ cụ thể do Hiến pháp quy định mà còn có trách nhiệm với xã hội nói chung với tư cách là xã hội công dân. Xã hội công dân bao gồm toàn dân tộc không trừ một ai, không kể bất cứ lĩnh vực nào. Đó là cái nền tảng chung của cả dân tộc, trên đó cả Đảng và Nhà nước được xây dựng nên. Nhà nước từ trung ương đến địa phương là do dân cử ra theo Hiến pháp, thì dĩ nhiên là từ nhân dân mà ra. Đảng tuy không phải do dân cử ra mà được hình thành từ trước, trong quá trình lãnh đạo nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc, nhưng cũng từ nhân dân mà ra, được nhân dân nuôi dưỡng và bảo vệ. Sự tồn tại của Đảng không ngoài mục đích nào khác là phục vụ nhân dân, thực hiện sứ mệnh cao cả mà chính Đảng đề ra trong Cương lĩnh của mình là giải

phóng nhân dân khỏi áp bức, bóc lột, mang lại tự do, hạnh phúc thực sự cho nhân dân.

Nhưng, Chính phủ chỉ có những nhiệm vụ và quyền hạn nhất định như trong Hiến pháp quy định, chứ không thể bao quát được hết mọi sự việc xảy ra trong xã hội công dân. Còn Đảng cầm quyền lại không thể nói là chỉ thực hiện những gì Hiến pháp quy định, mặc dù hoạt động của Đảng không thể tách khỏi Hiến pháp và pháp luật hiện hành. Đảng phải bao quát mọi sự kiện xảy ra và có thể xảy ra trong xã hội, lãnh đạo không chỉ Chính phủ thực hiện những nhiệm vụ cụ thể mà còn phải lãnh đạo Chính phủ thực hiện những những nhiệm vụ mà nhân dân đòi hỏi một cách hợp tình, hợp lý.

Cho nên, ngay sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trong cuộc họp đầu tiên của Uỷ ban nghiên cứu kế hoạch kiến quốc, Hồ Chí Minh đã nói: "Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, độc lập khi mà dân được ăn no mặc đủ. Chúng ta phải thực hiện ngay:

1. Làm cho dân có ăn.
2. Làm cho dân có mặc.
3. Làm cho dân có chỗ ở.
4. Làm cho dân có học hành.

Cái mục đích của chúng ta là đi đến 4 điều đó. Đi đến để dân nước ta xứng đáng với tự do, độc lập và giúp sức được cho tự do độc lập"[1].

Hơn thế nữa, Hồ Chí Minh còn nhiều lần chỉ rõ: "Chính phủ là công bộc của dân vậy. Các công việc của Chính phủ làm phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do, hạnh phúc cho mọi người. Cho nên, Chính phủ bao giờ cũng phải đặt quyền lợi của dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì tránh". Những điều Hồ Chí Minh nói từ những ngày đầu Cách mạng Tháng Tám 1945, được chính Người nhắc lại nhiều lần nhằm làm rõ thêm và khẳng định quyết tâm của Người xây dựng Nhà nước ta thật sự là Nhà nước kiểu mới, Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.4, tr.152.

Để thực sự có một Nhà nước kiểu mới thực sự của dân, do dân và vì dân, vấn đề đặt ra đối với Hồ Chí Minh cũng như đối Đảng ta là làm thế nào để dân được làm chủ trong thực tế chứ không phải làm chủ hình thức. Cần phải hiểu rằng, những quyền lợi mà dân có được, không phải do Nhà nước ban phát cho họ, càng không phải do Đảng mang lại cho họ theo cách ban phát như có người vẫn nghĩ, mặc dù vai trò lãnh đạo của Đảng là hết sức quyết định. Thậm chí có thể nói, nếu không có sự lãnh đạo sáng suốt và đúng đắn của Đảng cầm quyền thì dân khó có được những quyền lợi trong thực tế. Tuy vậy, vẫn phải thấy rằng quyền lợi mà dân có được, trước hết là do chính người dân tạo ra bằng cách xây dựng Nhà nước của mình, giao cho Nhà nước những quyền hạn nhất định và giám sát việc thực thi các quyền hạn ấy nhằm từng bước thực thi quyền lực của dân.

Với dân, Nhà nước chỉ là công cụ thi hành quyền lực do dân giao phó thông qua bầu cử trực tiếp ra Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, hay gián tiếp thông qua những người do Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp cử ra trong bộ máy Nhà nước từ trung ương đến các địa phương. Vấn đề khó khăn là ở chỗ, làm sao dân giao quyền mà không bị mất quyền; các cơ quan Nhà nước được dân giao quyền mà không tiếm quyền của dân; trái lại họ phải luôn chứng tỏ là công cụ thực thi quyền lực của dân.

Với cơ quan lập pháp, đó là việc chuẩn bị và thông qua các đạo luật phù hợp với yêu cầu chính đáng của dân, đồng thời kiểm tra việc thực hiện các đạo luật đó sao cho có hiệu quả.

Với cơ quan hành pháp, đó là việc thực hiện có hiệu quả các chương trình hành động nhằm thực thi quyền lực do Quốc hội thông qua đồng thời chịu sự giám sát của nhân dân bằng cách đề ra cơ chế cho dân được tham gia ý kiến, cho dân biết, dân bàn, dân kiểm tra nhằm đưa đến hiệu quả thiết thực.

Với cơ quan toà án, viện kiểm soát, đương nhiên phải là công cụ mạnh thi hành xét xử những vụ việc sai trái một cách nghiêm minh, công bằng, không để lọt tội, cũng không để có người chịu oan sai.

Tóm lại, đó chỉ là sự phân công tương đối quyền lực giữa ba bộ phận hợp thành Nhà nước và phân cấp giữa các cấp Nhà nước từ trung ương

đến địa phương. Trên họ chỉ có dân và dân mới là quyền lực tuyệt đối, có thể giám sát việc làm của cả ba bộ phận đó.

Vấn đề là làm thế nào để tạo ra cơ chế cho dân thực thi quyền lực của mình về mọi mặt. Đương nhiên, ở đây có trách nhiệm của Đảng cầm quyền. Sự lãnh đạo của Đảng có mang lại hiệu quả thực tế hay không có lẽ là ở chỗ tìm ra cơ chế hợp lý nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời cũng là cơ chế lãnh đạo của đảng. Chừng nào dân mất quyền hoặc không phát huy được quyền lực của mình trong thực tế như Hồ Chí Minh khẳng định "lực lượng bao nhiêu là nhờ ở dân hết", thì chừng đó vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước cũng sẽ không còn hiệu lực, nghĩa là Đảng sẽ không còn thực hiện được trách nhiệm của một Đảng cầm quyền nữa. Cho nên, dân phải thống nhất với Đảng, Đảng phải thực sự là Đảng của dân, vì dân thực sự. Đó là nguyên tắc lớn nhất và có lẽ cũng là khó khăn nhất đối với một Đảng cầm quyền như Đảng ta.

Với dân, đương nhiên là có nghĩa vụ đối với Nhà nước và quyền lợi do Nhà nước mang lại. Nghĩa vụ và quyền lợi không chỉ ở chỗ được bầu cử và ứng cử, mặc dù đó là những việc hệ trọng bậc nhất, mà chủ yếu là ở những quyền mà họ có được đối với Nhà nước cũng như những lợi ích mà họ có được do Nhà nước mang lại. Đó là quyền chính trị, quyền kinh tế và quyền xã hội. Với họ, quyền và nghĩa vụ gắn bó với nhau, như việc bầu cử và ứng cử vừa là quyền mà cũng là nghĩa vụ, sự giám sát công việc của Nhà nước vừa là quyền mà cũng là nghĩa vụ.

Có điều là, một khi Hiến pháp đã quy định rõ những quyền hạn và nghĩa vụ công dân rồi thì vấn đề thực thi nó lại không phải do dân quyết định, mà do các cơ quan nhà nước từ trên xuống quyết định. Họ chỉ còn làm những gì Hiến pháp và pháp luật hiện hành không quy định, không cấm. Từ đó, dễ phát sinh mâu thuẫn giữa cơ quan Nhà nước với sự đòi hỏi của dân. Nhà nước thì muốn khuôn vào việc thực thi những quy định trong Hiến pháp và pháp luật, dân thì đòi hỏi nhiều quyền tuy không ghi trong Hiến pháp và pháp luật, nhưng là những đòi hỏi chính đáng, hợp tình, hợp lý. Do đó, dễ phát sinh hai loại quyền: *Quyền tự do* và *quyền đòi hỏi*. Quyền tự do là quyền chính trị và xã hội, gắn với hệ thống chính trị của Nhà nước; quyền đòi hỏi nặng về kinh tế và văn hoá, xã hội, gắn với xã hội công dân.

Đó là quyền được có cuộc sống đàng hoàng hơn, có thu nhập cao hơn tương xứng với trình độ phát triển của đất nước, có công ăn việc làm, được bảo hiểm xã hội, được đảm bảo khi đau ốm cũng như lúc tuổi già, được học hành đến nơi đến chốn, được đáp ứng nhu cầu thưởng thức và tiêu dùng văn hoá... Có thể nói, trong xã hội công dân có hàng trăm hàng ngàn nhu cầu khác nhau gắn với mỗi lớp người, mỗi lứa tuổi, mỗi nghề nghiệp, mỗi tôn giáo, mỗi dân tộc...tuy không trái với pháp luật, nhưng pháp luật cũng không thể ghi rõ những quyền đó. Nhưng, với Đảng cầm quyền, lại không thể không quan tâm đến những nguyện vọng chính đáng và có thể nói là tối thiểu của nhân dân. Có lẽ cũng chính vì vậy, Hồ Chí Minh mới nói: "Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi. Nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi. Nếu dân dốt, là Đảng và Chính phủ có lỗi"[1]. Nói như vậy cũng có nghĩa là, trong thực tế Hồ Chí Minh đã hợp pháp hoá quyền đòi hỏi của công dân. Điều đó càng chứng tỏ trách nhiệm bao quát của một Đảng cầm quyền đối với xã hội công dân.

Vấn đề đặt ra đối với Đảng là phải lãnh đạo Chính phủ điều hoà hai thứ quyền ấy (quyền tự do và quyền đòi hỏi) sao cho có sự thống nhất, thiết thực bằng những chính sách xã hội cụ thể. Ở đây có quan hệ đến mục tiêu công bằng xã hội là vấn đề có lẽ khó khăn nhất đối với một đất nước còn nghèo nàn, lạc hậu, đi lên chủ nghĩa xã hội như nước ta. Song, chính điều đó lại càng đòi hỏi một Đảng cầm quyền như Đảng Cộng sản Việt Nam phải có đường lối, chủ trương đúng đắn và nhất là thích hợp với điều kiện và hoàn cảnh đất nước ta. Điều đó cũng đòi hỏi sự sáng suốt, dũng cảm và nhất là sự nghiêm minh của một Đảng cầm quyền đối với đảng viên của mình trong bối cảnh xây dựng đất nước có những khó khăn và phức tạp như đất nước ta.

Có lẽ, cũng chính vì thấy rõ những khó khăn đó đối với một Đảng cầm quyền như Đảng ta, trong *Di chúc* của mình, Hồ Chí Minh mới căn dặn: "Đảng cần có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*". Kế hoạch thật tốt ở đây, dĩ nhiên là bao gồm cả những chính sách xã hội cụ thể phù hợp với tình hình tăng trưởng kinh tế và những đòi hỏi chính đáng của xã hội công dân. Chủ trương xoá đói giảm nghèo nhằm hạn chế sự phân hoá giàu nghèo cũng như nhiều chính sách xã hội khác vì người nghèo, vì người có

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.7, tr.572.

công với nước, vì những gia đình thương binh, liệt sĩ, những người tàn tật... mà Đảng và Nhà nước ta đang tiến hành hiện nay, phải chăng là với ý nghĩa đó.

Đối với một Đảng cầm quyền như Đảng ta, ngoài việc lãnh đạo Nhà nước thực thi những nhiệm vụ được đề ra hàng tháng, hàng quý, hàng năm, cũng phải có kế hoạch lâu dài về xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, thực hiện sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước như các Nghị quyết của Đảng đề ra. Đó là những nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch trước mắt của Đảng và Nhà nước. Nhưng, thiết tưởng, với tầm nhìn xa hơn, Đảng còn phải thấy trách nhiệm lâu dài của mình gắn với mục tiêu công bằng xã hội, nâng cao dân trí, phát triển công nghệ, xây dựng và phát triển Đảng vững mạnh theo hướng vừa đạo đức vừa văn minh như Hồ Chí Minh đòi hỏi.

Đương nhiên, Đảng chỉ có thể thực hiện nhiệm vụ của mình thông qua Nhà nước và nhất là được nhân dân ủng hộ. Song, tất cả những điều kiện đó cũng phụ thuộc vào trách nhiệm xây dựng Đảng ta thực sự là một Đảng cầm quyền duy nhất của dân, do dân và vì dân như chính mục tiêu xây dựng một Nhà nước kiểu mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Chính vì vậy, khi nói đến quan điểm Hồ Chí Minh về Đảng và Đảng cầm quyền, chúng ta không thể không nói đến Nhà nước kiểu mới vốn gắn liền với một Đảng cầm quyền kiểu mới như Hồ Chí Minh quan tâm từ đầu và có sự nhất quán trong hệ thống tư tưởng của Người./.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC, PHÁP LUẬT VÀ VIỆC XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN CỦA DÂN, DO DÂN VÀ VÌ DÂN*

PGS.TS. THÀNH DUY

Mặc dù ở chương trên chúng ta đã đề cập đến tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước khi nói về Đảng và Đảng cầm quyền, nhưng chưa thể xem là đầy đủ và toàn diện. Vì vậy, ở đây vẫn cần dành một chương riêng để nói cụ thể hơn, rõ ràng hơn tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước, pháp luật và nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân trong mối quan hệ không chỉ với Đảng mà còn có quan hệ đến nhiều mặt khác như quan niệm của Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền, về mối quan hệ giữa nhà nước và pháp luật, pháp luật và đạo đức, nhà nước, pháp luật với xã hội công dân.

I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam

Chẳng những nhận thức rõ vai trò của nhà nước trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, Hồ Chí Minh cũng thấy rất sớm vai trò của pháp luật và việc xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam. Cũng như nhà nước, pháp luật là một nhu cầu tất yếu của cuộc sống xã hội. Không chỉ ở xã hội ta mà bất cứ xã hội nào trong lịch sử nhân loại cũng đều cần có pháp luật. Một xã hội không thể tồn tại bình thường, không thể sống như cuộc sống xã hội loài người, nếu không có pháp luật. Song, cũng như nhà nước, pháp luật là một phạm trù lịch sử, nghĩa là có pháp luật theo quan điểm phong kiến, pháp luật theo quan điểm tư sản và pháp luật theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin.

---

* Trích trong cuốn: *Tư tưởng Hồ Chí Minh- những nội dung cơ bản* của PGS.TS. Thành Duy, Nxb. Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh, 2005.

Là một người xuất thân từ gia đình Nho giáo, chắc chắn Hồ Chí Minh hiểu rất rõ những quan điểm pháp luật thời phong kiến ở phương Đông và mối quan hệ giữa hai khuynh hướng trị nước cực đoan theo "đức trị" hay "pháp trị". Nhưng, với tình hình phát triển của thời đại tư bản chủ nghĩa, Hồ Chí Minh quan tâm nhiều hơn đến việc tìm hiểu pháp luật tư sản mà nội dung cơ bản của nó là quan điểm tự do, bình đẳng, bác ái. Bởi lẽ, đối với nước ta trong hoàn cảnh còn xã hội phong kiến, lại bị đô hộ dưới gót giày của chủ nghĩa thực dân Pháp, khẩu hiệu tự do, bình đẳng, bác ái thật là hấp dẫn nhưng cũng thật xa vời. Hồ Chí Minh rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước, đặt chân lên nước Pháp trước tiên cũng với ý thức tìm hiểu sự thật về khẩu hiệu tự do, bình đẳng, bác ái trong nhà nước pháp quyền tư sản. Chỉ riêng việc đó thôi, chúng ta đã thấy Hồ Chí Minh quan tâm đến vấn đề pháp luật như thế nào. Nếu khi ra đi bắt nguồn từ nhiệt huyết của người yêu nước, thương dân, nghĩa là xuất phát điểm là đạo đức, sự thôi thúc của truyền thống yêu nước, thì mục tiêu của cuộc hành trình cách mạng của Hồ Chí Minh khởi đầu bằng việc tìm hiểu thực chất của một xã hội mà ở đó đã hình thành nhà nước pháp quyền tư sản với nội dung rất tiến bộ là tự do, bình đẳng, bác ái như thế nào.

Như vậy, cũng có thể nói, Hồ Chí Minh đến với cách mạng từ đạo đức và hành động cách mạng bằng cả đạo đức và pháp luật. Chính là nhờ công cụ của pháp luật mà trước tiên là pháp luật tư sản với nội dung tiến bộ mà nó có được trong lúc chống chế độ phong kiến và giáo hội để hình thành một nhà nước kiểu mới theo quan điểm tư sản, Hồ Chí Minh đã có cơ sở pháp lý để đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, bảo vệ quyền lợi chính đáng cho dân tộc mình và các dân tộc bị áp bức khác trên thế giới. Điều đó chứng tỏ rằng Hồ Chí Minh không chỉ coi trọng pháp luật mà hơn thế Người còn coi bản thân pháp luật như một hình thái ý thức xã hội do con người sáng tạo ra vì nhu cầu cuộc sống và vì lẽ sinh tồn của con người, là một thứ vũ khí rất cần thiết để đấu tranh chống kẻ thù đồng thời nó cũng là công cụ để thiết lập một xã hội mới theo yêu cầu của mỗi dân tộc và yêu cầu thời đại.

Chính trên cơ sở tiếp nhận quan điểm về nhà nước pháp quyền, Hồ Chí Minh đã viết bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* gồm tám điều do Người ký tên gửi đến Hội nghị Véc-xây (Pháp) nhằm đòi những quyền khiêm tốn và tối thiểu cho nhân dân ta. Bản thân việc viết bản *Yêu sách* nhằm tạo ra công luận trước thế giới, trước hết là nhân dân Pháp, thấy

được bản chất chủ nghĩa thực dân đối với các dân tộc thuộc địa, không chỉ là một hành động dũng cảm mà còn thể hiện một phương pháp đấu tranh biết dựa vào cơ sở pháp lý tư sản.

Nhưng quan trọng hơn là ở điều thứ bảy bản *Yêu sách* này, Hồ Chí Minh đòi phải thay thế chế độ cai trị bằng sắc lệnh, hiện thân cho phép trị nước không dân chủ dẫn đến độc tài cá nhân bằng chế độ cai trị theo pháp luật, hiện thân cho phép trị nước bằng pháp quyền. Điều đó chứng minh cho việc Hồ Chí Minh coi trọng việc xây dựng nhà nước pháp quyền và chủ trương xây dựng nhà nước ta thành nhà nước pháp quyền phù hợp với cơ sở khoa học pháp lý mà loài người đã đạt được trong thời đại văn minh.

Rõ ràng, so với thời phong kiến thì vấn đề nhà nước pháp quyền là một biểu hiện của văn hoá pháp luật ở trình độ cao. Nó gắn liền với sự ra đời của chủ nghĩa tư bản, dân chủ tư sản và khoa học pháp lý tư sản. Tuy còn xa mới đạt đến trình độ nhà nước pháp quyền theo tiêu chí dân chủ mới trong thời đại cách mạng vô sản, nhưng với nước ta trong bối cảnh còn chế độ thực dân, phong kiến thì phải nói tư tưởng về nhà nước pháp quyền tư sản mà Hồ Chí Minh quan tâm đã là một bước đột phá có ý nghĩa cách mạng.

Song, thừa nhận rằng Hồ Chí Minh coi trọng việc xây dựng nhà nước pháp quyền như khi Người khẳng định "trăm điều phải có thần linh pháp quyền", cũng chưa nói lên ý nghĩa triết lý của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền Việt Nam. Điều quan trọng là từ ý thức xây dựng nhà nước pháp quyền, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo tư tưởng pháp quyền như một sản phẩm khoa học pháp lý mà loài người đã đạt được trong thời đại cách mạng tư sản, để hình thành một quan điểm mới về nhà nước pháp quyền lấy nội dung cốt lõi của nó là xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân. Ý nghĩa triết lý của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền Việt Nam là ở việc thực sự xây dựng được một nhà nước của dân, do dân và vì dân, đồng thời tìm ra cơ chế đảm bảo cho việc xây dựng và thực thi pháp luật đáp ứng được những yêu cầu của dân, đảm bảo bộ máy nhà nước kiểu mới ở ta thực sự là nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Trong điều kiện một đất nước còn nghèo nàn, lạc hậu, chưa qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản như nước ta, việc chủ trương xây dựng

một nhà nước kiểu mới của dân, do dân và vì dân quả là không đơn giản một chút nào, nếu không xuất phát từ một cơ sở khoa học thực sự của khoa học pháp lý và điều kiện thực tiễn của một đất nước đã có truyền thống văn hoá lâu đời, trong đó có truyền thống về ý thức dân chủ và tính cộng đồng mang màu sắc phương Đông. Hồ Chí Minh là nhà cách mạng biết lấy hiệu quả trong hoạt động thực tiễn làm mục tiêu phấn đấu của mình chứ không phải là nhà cách mạng không tưởng chỉ biết phục tùng ý chí mà bất chấp điều kiện thực tiễn cho phép. Chính vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền Việt Nam chẳng những đã thực sự mang lại hiệu quả trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam mà còn có ý nghĩa thời đại.

Đương nhiên, khi nói đến tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, chúng ta cần quan tâm không chỉ lĩnh vực lý luận của khoa học pháp lý mà còn phải đặc biệt chú ý đến quá trình vận dụng thực hiện nó trong thực tiễn đất nước ta. Đó là hai vấn đề khác nhau, tuy có quan hệ với nhau một cách hữu cơ. Hồ Chí Minh xuất phát từ lý luận mà cụ thể là khoa học pháp lý tư sản để hình thành quan niệm của mình về nhà nước kiểu mới, nhưng không dừng ở cơ sở lý luận pháp lý tư sản mà Người đã có sự vận dụng đồng thời phát triển nó vào hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của nước ta để xây dựng quan niệm nhà nước pháp quyền Việt Nam. Bởi vì, nhà nước pháp quyền tư sản dù được xây dựng trên cơ sở khoa học pháp lý tiến bộ nhưng chưa thể coi là nhà nước của dân, do dân và vì dân. So với nhà nước phong kiến thì nhà nước tư sản là tiến bộ, nhưng so với yêu cầu xây dựng nhà nước kiểu mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh thì nó còn rất xa. Thực chất nhà nước tư sản chỉ là nhà nước phục vụ cho quyền lợi giai cấp tư sản, nếu có dân chủ thì cũng là dân chủ cho số ít theo quan điểm tư sản, chứ chưa phải là dân chủ thật sự cho mọi người dân như đòi hỏi của Hồ Chí Minh về nhà nước kiểu mới.

Quan niệm về nhà nước pháp quyền theo tư tưởng Hồ Chí Minh cũng dựa trên cơ sở khoa học pháp lý nhưng đã có bước phát triển đột biến nhờ vận dụng nền tảng khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin và thực tiễn cách mạng của thời đại cách mạng vô sản. Hơn thế nữa, xuất phát từ đặc điểm văn hoá và tình hình thực tiễn cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh tin tưởng có thể vận dụng và xây dựng nhà nước ta thành một nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân. Đây mới là điểm mấu chốt nhất

trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền mà chúng ta cần phải làm rõ.

Thật ra thì tư tưởng về nhà nước pháp quyền lấy dân làm gốc của Hồ Chí Minh cũng không hoàn toàn do Người nghĩ ra. Nếu nói đến nguồn gốc sâu xa của ý tưởng đó thì cần trở lại quan điểm "nước lấy dân làm gốc" của Khổng Tử và Mạnh Tử. Từ trong xã hội phong kiến phương Đông, trong đó có Việt Nam, việc trị nước "lấy dân làm gốc" vẫn được xem là một tiêu chí lý tưởng. Nhưng dù sao đó cũng chỉ là một tiêu chí đạo đức chứ chưa thể hiện rõ trong pháp luật, chưa thành pháp luật. Ngay cả những bộ luật tiến bộ nhất thời phong kiến, người dân vẫn ở vị trí thấp kém, quyền lực nhà nước vẫn trong tay nhà vua và hệ thống quan lại, dân chỉ được coi là gốc của nước đã là may mắn lắm rồi chứ làm gì có chuyện dân làm chủ. Ý tưởng dân chủ thực sự chỉ có thể xuất hiện dưới thời cách mạng tư sản. Nhưng dẫu sao đó cũng chỉ mới là ý tưởng, còn từ ý tưởng tốt đẹp đến thực tế dân có được làm chủ thực sự hay không còn là việc xa vời. Điều đó không chỉ phụ thuộc vào bản chất nhà nước được quy định trong hiến pháp mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác, ngay cả trong xã hội ta.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân và vì dân không chỉ được thể hiện trong Hiến pháp nước ta mà đã trở thành một thực tế thể hiện bản chất Nhà nước ta do Người sáng lập và chỉ đạo. Nội dung của tư tưởng đó là toàn bộ quyền lực Nhà nước chỉ ở nhân dân, chỉ do nhân dân, chỉ vì nhân dân mà thôi.

Hồ Chí Minh cũng nói "nước lấy dân làm gốc", nhưng sau đó Người giải thích rõ hơn đồng thời khẳng định: "Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân". Những điều nói trên đã có trong các sách thánh hiền của Nho giáo mà ở đây Hồ Chí Minh chỉ nhắc lại như khẳng định một chân lý đã có từ thời phong kiến.

Khi nói đến cách mạng Mỹ trong tác phẩm *Đường kách mệnh,* Hồ Chí Minh cũng nhắc lại một câu trong lời tuyên ngôn của Mỹ rằng "Giời sinh ra ai cũng có quyền tự do, quyền giữ tính mệnh của mình, quyền làm ăn cho sung sướng... Hễ Chính phủ nào mà có hại cho dân chúng, thì dân chúng phải đập đổ Chính phủ ấy đi, và gây nên Chính phủ khác...". Nghe câu ấy, ai mà không thích thú thấy nhà nước tư sản cũng vì dân đấy chứ. Quả là, so với chế độ phong kiến thì nhà nước tư sản là tiến bộ đột biến,

người dân đã có vị trí. Hồ Chí Minh nhắc lại những điều đó như để nhấn mạnh một chân lý không cần bàn cãi. Đó là mặt tích cực của pháp luật và nhà nước tư sản. Nhưng bên cạnh mặt tích cực ấy, nhà nước và pháp luật tư sản cũng bộc lộ những tiêu cực, thậm chí không thể xem là dân chủ chân chính, nhất là trong thời đại hiện nay.

Trong thời đại chủ nghĩa tư bản đã phát triển đến trình độ cao, nền kinh tế thế giới đã bước vào thời kỳ toàn cầu hoá, nhiều mặt của đời sống xã hội cũng có xu hướng toàn cầu hoá, vấn đề pháp quyền do đó không còn là việc riêng của mỗi quốc gia. Ý thức tự chủ của loài người nói chung, của mỗi quốc gia dân tộc nói riêng, lại có xu hướng ngày càng được củng cố và phát triển. Đó là mặt tích cực của trình độ phát triển tư duy con người và phát triển ý thức pháp quyền. Điều đó có nghĩa là thế giới đã bước vào thời đại văn minh mới mà ở đó con người không còn chịu khuất phục dưới bất cứ một thế lực nào, con người tự ý thức được bản thân mình và con đường giải phóng cho mình. Thế giới quan và nhân sinh quan của chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ có thể ra đời và phát triển trong bối cảnh đó. Nhưng, cũng từ đó mà phát sinh cuộc đấu tranh về ý thức pháp quyền mà thực chất cũng là cuộc đấu tranh về ý thức đạo đức và pháp quyền. Quả như trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản,* Mác, Ăngghen đã nói: "Nhờ cải tiến mau chóng công cụ sản xuất và làm cho các phương tiện giao thông trở nên vô cùng tiện lợi, giai cấp tư sản lôi cuốn đến cả những dân tộc dã man nhất vào trào lưu văn minh. Giá rẻ của những sản phẩm của giai cấp ấy là trọng pháo bắn thủng tất cả những bức vạn lý trường thành và buộc những người dã man bài ngoại một cách ngoan cường nhất cũng phải hàng phục. Nó buộc tất cả các dân tộc phải thực hành phương thức sản xuất tư sản, nếu không sẽ bị tiêu diệt; nó buộc tất cả các dân tộc phải du nhập cái gọi là văn minh, nghĩa là phải trở thành tư sản. Nói tóm lại, nó tạo ra cho nó một thế giới theo hình ảnh của nó"[1]. Điều dự báo của Mác, Ăngghen ngày nay đã trở thành hiện thực. Đồng thời với việc quốc tế hoá lĩnh vực sản xuất hàng hoá, tìm kiếm lợi nhuận, giai cấp tư sản cũng tìm cách quốc tế hoá những chuẩn mực giá trị về đạo đức và ý thức pháp quyền. Giai cấp tư sản muốn áp đặt những giá trị tư sản về đạo đức và nhất là về pháp quyền theo hình ảnh của nó. Cho nên, không phải ngẫu nhiên chúng ta thấy những năm gần đây các chính quyền của nhà

1. Mác, Ăngghen: *Tuyển tập,* T.I, Nxb. Sự thật, 1980, Hà Nội, tr.546.

nước tư sản luôn miệng nói đến nhân quyền, lấy quan điểm nhân quyền tư sản làm gốc để phê phán đồng thời can thiệp vào công việc nội bộ của nhiều nước khác, nhất là những nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa như nước ta.

Điều đó càng chứng tỏ trong lĩnh vực đạo đức và pháp quyền chẳng những luôn có quan hệ với nhau mà cũng có quan hệ hữu cơ với định hướng phát triển của mỗi quốc gia. Riêng đối với nước ta, điều đó càng vô cùng thấm thía, bởi lẽ nước ta vốn là một thuộc địa của thực dân Pháp, đã từng chịu đựng những cái gọi là "công lý", "nhân quyền" và nhiều giá trị đạo đức và pháp quyền theo chuẩn mực văn hoá tư sản phương Tây. Do đó, càng hiểu mặt trái của những giá trị đạo đức và pháp quyền tư sản từ phương Tây áp đặt cho dân tộc ta, chúng ta càng thấy giá trị đích thực của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền Việt Nam.

Hơn thế nữa, còn phải thấy thực chất vấn đề nhà nước pháp quyền cũng là vấn đề văn hoá. Mà đã nói đến lĩnh vực văn hoá thì không phải bây giờ mới có những quan điểm khác nhau về văn hoá gắn với phát triển. Từ rất lâu đã xuất hiện những khuynh hướng gắn sự phát triển với văn hoá phương Tây và chỉ có văn hoá phương Tây mới có sự phát triển còn văn hoá phương Đông thì gắn với sự trì trệ, lạc hậu và kém phát triển, mà nguyên nhân của nó thường được hiểu là do sự trì trệ, lạc hậu về đạo đức và tư tưởng pháp quyền. Nếu chỉ nhìn hiện tượng bề ngoài thì quả là ở nhiều nước phương Đông, trong đó có Việt Nam chúng ta, còn mang nặng hệ tư tưởng đạo đức phong kiến và do đó ý thức pháp quyền theo quan điểm dân chủ tư sản tiến bộ cũng chưa phát triển. Đó là một đặc điểm nổi bật mà Hồ Chí Minh đã nhiều lần phân tích và khẳng định rằng: "Người châu Á - tuy bị người phương Tây coi là lạc hậu - vẫn hiểu rõ hơn hết sự cần thiết phải cải cách toàn bộ xã hội hiện đại"[1]. Và, chính Người đã thực hiện sự cải cách đó ở Việt Nam trên cơ sở khoa học pháp lý lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng.

Xuất phát từ quan điểm coi thế giới là một khối thống nhất, không phân biệt giá trị phương Đông và phương Tây, Hồ Chí Minh tiếp thu tinh hoa văn hoá của cả phương Đông và phương Tây mà chủ nghĩa Mác - Lênin là một trong những đỉnh cao của nền văn hoá phương Tây đồng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.1, tr.35.

thời cũng là đỉnh cao của nền văn hoá nhân loại. Trên cơ sở những giá trị chung của văn hoá nhân loại, trong đó có những giá trị về văn hoá đạo đức và tư tưởng pháp quyền, kết hợp với việc nghiên cứu nghiêm túc xã hội phương Đông, đặc biệt là thực tiễn xã hội Việt Nam, Hồ Chí Minh đã tìm ra một triết lý phát triển phù hợp với điều kiện và đặc điểm của nước ta. Đó là triết lý phát triển tập trung vào con người, nhân danh những giá trị văn hoá và nhân văn để hướng tới mục tiêu phát triển vì con người theo lý tưởng của chủ nghĩa nhân văn mác-xít. Điều đó không có gì trái với chủ nghĩa Mác - Lênin, mà thực chất là bổ sung cho học thuyết của Mác bằng cách đưa văn hoá thâm nhập vào bên trong của chính trị và kinh tế, tạo nên một sự thống nhất biện chứng giữa văn hoá và chính trị, kinh tế, giữa các mục tiêu tăng trưởng kinh tế với các mục tiêu xây dựng chính sách xã hội. Từ triết lý phát triển đó, Hồ Chí Minh có quan điểm rất sáng tạo về động lực của toàn bộ sự phát triển xã hội, không chỉ thấy động lực của đấu tranh giai cấp mà còn thấy "chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước". Người chủ trương: "Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế cộng sản".

Cũng từ triết lý phát triển mới rất sáng tạo đó, Hồ Chí Minh đặt cơ sở khoa học cho việc xây dựng nhà nước kiểu mới ở Việt Nam, đó là Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Song, Hồ Chí Minh không cho rằng cứ có quan niệm đúng thì tự nhiên có nhà nước kiểu mới. Đó là quá trình không chỉ cần có một quan niệm đúng về việc xây dựng một nhà nước kiểu mới mà còn là quá trình phấn đấu lâu dài, gian khổ, trong đó có sự tu dưỡng mạnh mẽ của những cán bộ nhà nước và đảng viên của đảng cầm quyền. Chính vì vậy, Người đặc biệt chú ý đến vị trí của đạo đức và việc tu dưỡng đạo đức cách mạng. Có thể xem đây là một điều kiện cơ bản để thực hiện việc xây dựng một nhà nước kiểu mới của dân, do dân và vì dân, Cũng chính vì vậy Người quan tâm đến mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật, đạo đức, pháp luật và xã hội công dân đồng thời đặt cơ sở cho mối quan hệ biện chứng giữa đạo đức, pháp luật và xã hội công dân trong triết lý phát triển vừa phù hợp với thực tiễn xã hội Việt Nam vừa phù hợp với quy luật chung của tiến trình văn hoá gắn với phát triển mà ngày nay cả thế giới đang hướng tới. Chính vì những lẽ đó, trước khi nói đến quan điểm Hồ Chí Minh về nhà nước kiểu mới, chúng ta cần làm rõ quan điểm của Người về mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật, đạo đức, pháp luật và xã hội công dân.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật

Ở trên, chúng ta đã nói đến vị trí của đạo đức cũng như của pháp luật trong cuộc sống xã hội nói chung, trong xã hội ta nói riêng và vai trò của đạo đức và pháp luật trong phát triển xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Có thể khẳng định, hai lĩnh vực đạo đức và pháp luật nói trên cùng tồn tại như hai hình thái ý thức có những đặc điểm và quy luật riêng, nhưng lại có quan hệ với nhau, chi phối lẫn nhau như sự chi phối giữa tồn tại vật chất và tinh thần của bản thân con người mà theo Ăngghen "hai loại quy luật mà chúng ta nhiều lắm cũng chỉ có thể tách cái nọ ra khỏi cái kia trong quan niệm chứ không thể tách ra trong thực tế được". Điều đó có nghĩa là "người ta không thể bàn về đạo đức và pháp quyền mà lại không nói đến vấn đề gọi là tự do ý chí, lương tri của con người, quan hệ giữa tất yếu và tự do"[1]. Điều đó cũng có nghĩa là trong bản chất của vấn đề đạo đức và pháp luật đã có mối quan hệ hữu cơ với nhau như mối quan hệ giữa tất yếu và tự do. Vấn đề đặt ra đối với chúng ta là phải hiểu mối quan hệ đó như thế nào, mà ở đây là mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật trong tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với yêu cầu phát triển của lịch sử xã hội ta.

Đương nhiên, tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật cũng không thể vượt ra ngoài quy luật của mối quan hệ giữa tự do và tất yếu với nội dung biện chứng của chủ nghĩa duy vật lịch sử theo quan điểm của Mác. Dù có vận dụng sáng tạo quan điểm duy vật lịch sử của Mác và nói chung là chủ nghĩa Mác - Lênin nhằm tìm ra những đặc điểm riêng của xã hội phương Đông và Việt Nam nói riêng, phát triển học thuyết mác-xít trên cơ sở hiện thực mới, Hồ Chí Minh cũng không thể không bị chi phối bởi tư duy triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin trong đó có tư duy biện chứng trong mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật. Ngược lại, chính là nhờ biết vận dụng phép biện chứng mác-xít trong việc nhận thức lịch sử xã hội ta, Hồ Chí Minh đã có được những quan điểm đúng đắn trong việc nhận thức mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật, đồng thời tìm thấy động lực trong việc giải quyết mối quan hệ đó đối với sự phát triển cách mạng ở nước ta.

---

1. Mác- Ăngghen: *Tuyển tập*, sdd, t.5, tr.162.

Đạo đức cũng như pháp luật đều là những phạm trù lịch sử. Nội dung của đạo đức cũng như pháp luật đều gắn liền với quá trình phát triển của mỗi xã hội cụ thể. Do đó, quan hệ giữa đạo đức và pháp luật cũng gắn liền với mỗi xã hội cụ thể, nghĩa là có quan hệ giữa đạo đức và pháp luật trong xã hội phong kiến, có quan hệ giữa đạo đức và pháp luật trong xã hội phát triển chủ nghĩa tư bản và đương nhiên cũng có quan hệ giữa đạo đức và pháp luật trong xã hội chúng ta, gắn liền với hoàn cảnh và điều kiện lịch sử cụ thể của xã hội phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cũng giống như quy luật của tự do và tất yếu, mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật cũng bị chi phối bởi hoàn cảnh lịch sử cụ thể của mỗi xã hội nhất định. Nếu nói như Ăngghen "tự do là sự chi phối được chính bản thân và tự nhiên bên ngoài, một sự chi phối dựa trên sự nhận thức được những tất yếu của tự nhiên; do đó nó tất yếu là một sản phẩm của sự phát triển lịch sử"[1], thì có thể nói ngược lại, sản phẩm của sự phát triển lịch sử đã từng tồn tại trong quá khứ đều là kết quả phản ảnh mối quan hệ giữa tự do và tất yếu trong điều kiện lịch sử nhất định, nghĩa là sự tự do còn hạn chế trong giới hạn con người chỉ mới nhận thức chưa đầy đủ những tất yếu của chính bản thân và tự nhiên bên ngoài.

Song, cũng chính Ăngghen đã nói: "Mỗi bước tiến lên trên con đường văn minh lại là một bước tiến tới tự do"[2], mà tự do ở đây là sự nhận thức được cái tất yếu tức là những quy luật mà khả năng con người nhận thức được để chi phối và tác động đến nó nhằm những mục đích nhất định. Nếu vận dụng quy luật của tự do và tất yếu vào việc nhận thức mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật tồn tại trong mỗi giai đoạn lịch sử xã hội thì chúng ta cũng thấy như vậy. Mỗi bước tiến lên của lịch sử nhân loại là một bước tiến tới của đạo đức khiến cho con người tự ý thức rõ hơn bản thân mình và môi trường xã hội để làm chủ được nó. Mỗi bước tiến của lịch sử nhân loại là một bước tiến tới của con người hoàn thiện, có khả năng làm chủ bản thân và xã hội. Do đó, pháp luật được xem như công cụ do con người tạo ra để xây dựng xã hội, quản lý đất nước cũng phải có bước phát triển nhằm đáp ứng những yêu cầu về đạo đức xã hội tương ứng. Điều đó có nghĩa là một nền đạo đức mang ý

1. Mác-Ăngghen: *Tuyển tập*, sđd, t.5, tr.164.
2. Mác-Ăngghen: *Tuyển tập*, sđd, t.5, tr.164.

thức hệ vô sản nhất thiết phải có một hệ thống pháp luật phục vụ cho quyền lợi của giai cấp vô sản và nhân dân lao động. Ngược lại, một hệ thống pháp luật phục vụ giai cấp vô sản và nhân dân lao động chỉ có thể có được ở một xã hội đã thực sự thấm nhuần đạo đức mang ý thức hệ vô sản. Như vậy thì, cái chân lý tạo ra động lực phát triển cũng đồng thời là triết lý phát triển không phải ở một bên đạo đức hoặc pháp luật mà chính là ở mối quan hệ khăng khít và biện chứng giữa đạo đức và pháp luật.

Thiên tài của Hồ Chí Minh không chỉ biểu hiện ở việc đề cao vị trí của đạo đức, coi đạo đức cách mạng là gốc của người cách mạng, đề ra một hệ thống những chuẩn mực đạo đức cách mạng làm nền tảng cho sự nghiệp cách mạng ở nước ta mà quan trọng hơn là ở việc Người xây dựng được một hệ thống quan điểm pháp luật phù hợp với quan điểm đạo đức mới. Chỉ có thấm nhuần quan điểm pháp luật và quan điểm đạo đức của Hồ Chí Minh mới xây dựng được một nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân. Đó cũng chính là quan điểm pháp luật thấm sâu quan điểm đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tóm lại, khi nói đến tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức hay về pháp luật, nếu tách riêng để chỉ nghiên cứu vị trí, vai trò của đạo đức hay vị trí, vai trò của pháp luật thì không thể thấy được quan điểm của Người về nhà nước kiểu mới, càng không thể thấy được triết lý phát triển theo tư tưởng của Người. Vấn đề đặt ra ở đây là, thông qua mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật trong tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta tìm ra một triết lý phát triển đã từng tồn tại ở Việt Nam và đang chi phối hiện tại và tương lai của sự nghiệp cách mạng nước ta như một quy luật tất yếu mà Hồ Chí Minh là người có công nhận thức và khám phá ra.

Nếu Hồ Chí Minh xây dựng đạo đức và pháp luật chỉ căn cứ vào ý tưởng hoặc dục vọng dù rất tốt đẹp nhưng không xuất phát từ cơ sở hiện thực là đặc điểm xã hội và lịch sử văn hoá Việt Nam thì chắc chắn Người không hơn nhà cách mạng không tưởng. Nhưng, thực tế cách mạng nước ta đã chứng minh tính đúng đắn của tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật đối với tiến trình phát triển đất nước. Nhờ có tư tưởng cách mạng trong lĩnh vực đạo đức đồng thời xây dựng được hệ thống pháp luật đáp ứng được những quyền lợi chính đáng của nhân dân, Hồ Chí Minh đã cùng Đảng ta đưa cách mạng nước ta đến thành công và

hiện nay đang cùng sánh vai với các nước phát triển theo hướng đã chọn. Đó là điều không ai có thể phủ nhận.

Song, từ thực tế lịch sử của dân tộc ta, chúng ta có thể rút ra những vấn đề gì có ý nghĩa triết lý phát triển đối với hiện tại và tương lai của đất nước, nhất là trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là việc không đơn giản. Bởi lẽ, chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo, tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật có thể rất đúng với hôm qua, liệu có còn đúng với hôm nay và ngày mai của đất nước nữa không. Thực tế những năm qua đã cho ta thấy tình hình đạo đức xã hội đang có hiện tượng xuống cấp nghiêm trọng, tình hình thực thi pháp luật cũng có hiện tượng coi thường không hơn hiện tượng xuống cấp về đạo đức, mặc dù tình hình kinh tế của đất nước đã có những bước phát triển đáng kể. Phải chăng do hiện tượng mâu thuẫn đó khiến cho chúng ta phải xem xét lại tính đúng đắn của tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật đối với quá trình phát triển đất nước ta. Hoặc phải chăng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức và pháp luật cũng như về mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật chỉ đúng trong cách mạng giải phóng dân tộc, còn hiện nay khi cách mạng đã chuyển sang giai đoạn mới, nó đã trở nên bất cập, không còn thích hợp nữa. Trong thực tế không phải không có người nghĩ như vậy.

Quả là mỗi bước tiến trên con đường văn minh của nhân loại lại là một bước tiến tới đòi hỏi tự do và hạnh phúc của con người. Con người không chỉ sống bằng sự hy sinh suốt đời. Sự hy sinh là cần thiết khi đất nước còn kẻ thù xâm lược, khi chưa có độc lập thật sự. Khi đã có độc lập rồi, mọi thành viên trong cộng đồng dân tộc phải hướng tới mục tiêu tự do và hạnh phúc. Đó là lẽ bình thường, nguyện vọng chính đáng của mọi người. Nếu không như vậy thì như Hồ Chí Minh đã từng nói, "nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì". Từ đó, vấn đề lợi ích của con người được đặt ra như một đòi hỏi tự nhiên. Đương nhiên, lợi ích phải gắn liền với nghĩa vụ. Mỗi công dân đều có quyền bình đẳng về lợi ích cũng như bình đẳng về nghĩa vụ. Nhà nước phải có trách nhiệm đáp ứng những lợi ích chính đáng của nhân dân đồng thời yêu cầu mỗi người dân thực hiện nghĩa vụ của mình đối với đất nước. Vấn đề đạo đức và pháp luật cũng không ngoài việc chăm lo đến những lợi ích chính đáng của mỗi người mà họ đáng được hưởng và nghĩa vụ của mỗi người cũng như nghĩa vụ của nhà nước mà họ

phải thực hiện theo quy định của pháp luật và đạo lý ở đời. Mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật cũng được quy định bởi mối quan hệ giữa lợi ích và nghĩa vụ của công dân, tạo nên sự công bằng về đạo đức cũng như sự công bằng trước pháp luật. Đó là điều tối thiểu khi nói đến công bằng xã hội. Nhưng, cái điều tối thiểu ấy chỉ có được trong quan niệm đúng đắn về mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật đối với sự phát triển của đất nước. Nếu không có được quan hệ hài hoà giữa đạo đức và pháp luật trong thực tế thì không thể có sự phát triển, mà có khi còn có tác dụng ngược lại, nó sẽ làm kìm hãm sự phát triển và do đó cũng sẽ không có bất cứ một triết lý phát triển đúng đắn nào cả.

Đây là một vấn đề phức tạp cả về lý luận và trong thực tế. Cho nên, khi đề cập đến vấn đề này, Mác và Ăngghen trong *Gia đình thần thánh* đã nói: "Nếu như lợi ích, hiểu một cách đúng đắn, là nguyên tắc của toàn bộ đạo đức thì điều quan trọng là phải ra sức làm cho lợi ích riêng tư của con người phù hợp với lợi ích của loài người. Nếu con người không có tự do theo ý nghĩa duy vật, nghĩa là nếu người ta có tự do không phải nhờ có lực lượng tiêu cực để lẩn tránh cái này cái nọ, mà nhờ có lực lượng tích cực để phát huy cá tính thực sự của mình thì không nên trừng phạt những tội lỗi trong cá nhân mà nên tiêu diệt những nguồn phản xã hội đẻ ra tội lỗi và đem lại cho mỗi người một không gian xã hội cần thiết cho sự biểu lộ căn bản của bản chất của mình. Nếu như con người là do hoàn cảnh tạo nên thì phải tạo ra những hoàn cảnh hợp tình người. Nếu như con người, bẩm sinh ra, đã có tính xã hội thì do đó chỉ có trong xã hội, con người mới có thể phát triển bản tính thực sự của mình và lực lượng của bản tính của con người phải được đánh giá không căn cứ vào lực lượng của cá nhân riêng lẻ mà căn cứ vào lực lượng của toàn xã hội"[1]. Vấn đề đạo đức cá nhân được hiểu như nguyên tắc của toàn bộ đạo đức và vấn đề pháp luật được xem như cái không gian cần thiết tạo nên hoàn cảnh hợp tình người cho con người phát triển năng lực và bản tính thực sự của mình là hai vấn đề luôn luôn có mối quan hệ với nhau trong suốt lịch sử xã hội loài người. Giải quyết như thế nào về mối quan hệ ấy, tức là mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật, là quá trình con người thực sự ý thức được bản tính người của mình đối với xã hội, tức là nhận thức được cái tất yếu để có tự do. Nhưng, thực tế xã hội lại không diễn ra theo tư tưởng, dù

1. Mác, Ăngghen: *Tuyển tập*, sdd, t.I, tr.174.

đó là một hệ tư tưởng vĩ đại tiếp cận chân lý của Mác, Ăngghen, Lênin hay Hồ Chí Minh. Quả như Mác, Ăngghen nói: "Nói chung, tư tưởng không thể thực hiện tốt được gì hết. Muốn thực hiện tốt những tư tưởng thì cần có những con người vận dụng một lực lượng thực tiễn"[1]. Vậy là vấn đề tư tưởng đã quan trọng, nhưng vấn đề con người vận dụng tư tưởng trong thực tiễn còn quan trọng hơn nhiều. Đạo đức hay pháp luật tựu trung lại là vấn đề con người. Quan hệ giữa đạo đức và pháp luật xét cho cùng là vấn đề quan hệ giữa con người với con người trong xã hội và trong bản thân mỗi người. Cho nên, xét cho cùng, vấn đề đạo đức và pháp luật cũng như mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật là những vấn đề có tính xã hội và luôn mang theo nó ý thức đấu tranh giữa thiện và ác, đúng và sai, tốt và xấu, giữa bản chất người và phi tính người...

Song, vì lịch sử xã hội loài người là lịch sử có giai cấp và luôn luôn diễn ra những hình thức đấu tranh giai cấp, cho nên "mỗi một giai cấp và ngay cả mỗi một nghề nghiệp đều có đạo đức riêng của mình, và đều vi phạm đạo đức ấy, mỗi khi thấy có thể vi phạm mà không bị trừng phạt" (Ăngghen). Phải chăng cũng chính vì vậy mà cần đến pháp luật đồng thời tạo ra mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật tương ứng ở mỗi xã hội cũng như mỗi thời kỳ phát triển của lịch sử xã hội. Bởi lẽ, nếu như lòng mong muốn cũng như dục vọng của mỗi người phải là cơ sở của mọi đạo đức thì như Ăngghen nói "nếu như chúng ta muốn thoả mãn lòng mong muốn hạnh phúc của chúng ta, chúng ta phải biết đánh giá đúng những hậu quả của hành vi của chúng ta và ngoài ra chúng ta phải để cho những người khác cũng có quyền bình đẳng với chúng ta trong việc mong muốn hạnh phúc". Hơn thế nữa, Ăngghen còn nói: "Nếu như con người chỉ chăm lo đến bản thân mình thì lòng mong muốn hạnh phúc của họ chỉ được thoả mãn trong những trường hợp rất hạn hữu và hoàn toàn không có lợi cho họ hay cho người khác. Nhưng trái lại, lòng mong muốn hạnh phúc đòi hỏi con người cần phải chăm lo đến thế giới bên ngoài, những phương tiện để thoả mãn yêu cầu của mình, nghĩa là cần phải có thức ăn, một người thuộc giới tính khác mình, sách vở, chuyện trò, tranh luận, hoạt động, vật dụng và đối tượng lao động"[2]. Mà tất cả những phương tiện thoả mãn đời sống vật chất và tinh thần của mỗi người cũng là

1. Mác - Ăngghen: *Tuyển tập*, sđd, t.I, tr.154.
2. Mác - Ăngghen: *Tuyển tập*, sđd, t.6, tr.393.

những phương tiện thoả mãn cho tuyệt đại đa số người có quyền bình đẳng trong xã hội.

Vậy làm thế nào để không chỉ đảm bảo quyền lợi vật chất và tinh thần cho một thiểu số mà là tuyệt đại đa số nhân dân lao động, những người có quyền được hưởng hạnh phúc của mình một cách chính đáng. Không thể chỉ kêu gọi suông về đạo đức dù cho sự kêu gọi mọi người phải biết nghĩ đến người khác là cần thiết, mà phải có pháp luật đảm bảo những quyền hạn và nghĩa vụ của công dân và nhà nước. Tuy nhiên, có pháp luật là một chuyện, còn có thực thi pháp luật hay không lại là chuyện khác. Cho nên, vấn đề đạo đức nói ở đây không đơn thuần là lời kêu gọi lòng tốt của con người mà thực chất là nói đến những chuẩn mực giá trị tinh thần của con người đối với cộng đồng, đồng thời cũng là giá trị pháp lý được pháp luật đảm bảo trong một xã hội nhất định.

Toàn bộ tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa đạo đức và pháp quyền Việt Nam chẳng những đã phản ảnh tính đúng đắn của nó trong việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của tuyệt đại đa số người Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhằm giải phóng toàn dân tộc khỏi chủ nghĩa thực dân, mang lại độc lập tự do cho mọi người mà cũng là định hướng của triết lý phát triển của xã hội tương lai, đảm bảo cho mọi người những quyền cơ bản của cuộc sống tự do và hạnh phúc, của con người phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực của mình. Đó là một triết lý phát triển phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh xã hội Việt Nam đồng thời cũng là một triết lý phát triển mang tính thời đại sâu sắc, tiêu biểu cho nền văn hoá tương lai.

Tuy nhiên, để triết lý phát triển theo tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành hiện thực trong xã hội đang diễn ra quá trình chuyển mình từ một xã hội còn nghèo nàn, lạc hậu, chưa qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản sang một xã hội công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo cơ chế thị trường trong điều kiện mở cửa, hội nhập với một thế giới đã bước vào nền văn minh mới, quả là không đơn giản chút nào. Dù tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa đạo đức và pháp quyền Việt Nam là một chân lý vĩ đại thì tự nó cũng không bao giờ trở thành hiện thực, nếu không có vai trò của con người, của cả cộng đồng dân tộc và nhất là của một Đảng cầm quyền đã từng đóng vai trò chủ thể vĩ đại trong việc thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh trong cách mạng dân tộc dân chủ. Đó là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Pháp luật của xã hội ta đương nhiên không giống với pháp luật được xây dựng trong xã hội phong kiến hay tư sản mặc đù chúng ta có tiếp thu những mặt tích cực của truyền thống pháp luật được hình thành từ các xã hội trước. Trong các nước xã hội chủ nghĩa, pháp luật được xây dựng phù hợp với thực tế mỗi nước, với truyền thống đạo đức và đặc điểm văn hoá dân tộc của mỗi nước. Do đó, không thể nói một cách đơn giản về một quan niệm pháp quyền chung chung, càng không thể thoát ly cơ sở chính trị và đạo đức khi bàn về quan điểm xây dựng pháp luật hay quan niệm về nhà nước pháp quyền, xã hội công dân...

Trong mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật, thật khó nói đạo đức hay pháp luật bên nào quan trọng hơn. Cuộc sống xã hội càng phát triển, càng văn minh thì yêu cầu về đạo đức cũng như về pháp luật càng trở thành vấn đề xã hội bức thiết. Song, nếu cần đặt lên bàn cân so sánh, đối chiếu thì phải nói đạo đức là cơ sở xã hội của pháp luật, một nền đạo đức đúng đắn sẽ quyết định sự hình thành một đạo luật đúng đắn. Cho nên, trước tiên phải nói đến đạo đức trong pháp luật, sau đó mới nói đến đạo đức trong việc thực hiện pháp luật. Pháp luật không dựa trên cơ sở một nền đạo đức tiến bộ thì việc thực hiện pháp luật cũng khó có điều kiện hoàn thành. Nói đến đạo đức công dân trong cuộc sống đời thường cũng như tinh thần tôn trọng pháp luật, lòng nhân ái, vị tha trong quan hệ giữa con người với nhau...đều có cơ sở xuất phát từ một nền đạo đức có giá trị nhân văn thực sự mà ngày nay đó là nền đạo đức cách mạng có khuynh hướng xã hội chủ nghĩa. Pháp luật của mỗi nước chính là lăng kính phản chiếu nền văn minh, giá trị văn hoá đạo đức cũng như truyền thống nhân văn của nước đó, dân tộc đó. Cho nên, khi nghiên cứu về tư tưởng đạo đức Hồ Chí.Minh và tư tưởng về pháp luật của Người không thể không xuất phát từ truyền thống văn hoá và đặc điểm lịch sử Việt Nam.

Vậy tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh thể hiện trong mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật như thế nào?

Quan điểm về mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật như nói trên là quan điểm chung cho bất cứ thời đại nào, xã hội nào. Còn quan điểm đạo đức thể hiện như thế nào trong pháp luật cũng như trong mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật lại là vấn đề khác, thường mang tính lịch sử cụ thể gắn liền với hệ ý thức cũng như tư tưởng triết học của mỗi thời đại.

Quan điểm về tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh thể hiện trong quan niệm xây dựng pháp luật cũng như trong mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật đương nhiên là xuất phát từ truyền thống đạo đức dân tộc và nhân loại cùng với sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin của Người vào hoàn cảnh thực tế của Việt Nam.

Điểm mấu chốt có tính nguyên tắc của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh thể hiện trong pháp luật là tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân, tôn trọng và bảo đảm trên thực tế các quyền tự do cơ bản, các lợi ích chính đáng, danh dự và nhân phẩm của con người. Có thể nói, đó là mục tiêu chung của cả đạo đức và pháp luật. Đương nhiên, đạo đức không phải là pháp luật, ngược lại, pháp luật cũng không chỉ thể hiện hoặc phản ảnh quan hệ đạo đức, song pháp luật cũng không chỉ thể hiện quyền lợi công dân đơn thuần mà còn nhằm mục đích xây dựng một nền đạo đức xã hội đảm bảo cho mọi người có cuộc sống lương thiện, yên ổn, kẻ ác phải bị trừng phạt, người lương thiện được đảm bảo lợi ích và cuộc sống công bằng, hợp lý. Đó chính là cơ sở triết lý của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh thể hiện trong pháp luật và cả trong quan hệ giữa đạo đức và pháp luật. Người không bao giờ đặt vấn đề đạo đức hay pháp luật bên nào quan trọng hơn. Đối với Người giữa đạo đức và pháp luật có mối quan hệ biện chứng như mối quan hệ giữa hình thức và nội dung, nội dung là đạo đức, hình thức là pháp luật, sẽ không có hình thức nếu không có nội dung và ngược lại, sẽ không có pháp luật thật sự nếu không có đạo đức thật sự và ngược lại. Chỗ gặp nhau của tư tưởng đạo đức và tư tưởng pháp luật của Hồ Chí Minh là tất cả đều hướng về nhân dân, về quyền lợi của đại bộ phận những người lao động, người làm nên lịch sử cũng đồng thời là mục tiêu của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa mà Người luôn luôn xem là lý tưởng phấn đấu suốt đời. Đây là đặc điểm tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh cũng đồng thời là chỗ phân biệt giữa đạo đức cũ và đạo đức mới, đạo đức cách mạng mà Hồ Chí Minh có ý thức rất rõ ràng.

Tất cả những quan điểm trên đều phản ảnh tư tưởng đạo đức song không phải những quan điểm đạo đức đó có nội dung như nhau mà thể hiện ranh giới giữa đạo đức cũ và đạo đức mới, đạo đức cách mạng. Phạm trù đạo đức trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức cách mạng mang nội dung khác về chất so với đạo đức cũ, dù cho tất cả đều hướng về nhân dân, đều mang ý tưởng dân chủ, đều thể hiện tư tưởng nhân văn... Từ đó làm nẩy sinh một vấn đề khác trong khi nghiên cứu tư tưởng đạo

đức Hồ Chí Minh có quan hệ đến pháp luật. Đó là mối quan hệ giữa đạo đức và lợi ích công dân hay đúng hơn, đó là tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong quan niệm về lợi ích chung và lợi ích riêng.

III. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong mối quan hệ giữa lợi ích chung và lợi ích riêng

Rõ ràng, Hồ Chí Minh không chỉ đề cao vai trò của đạo đức, coi đạo đức là gốc của người cách mạng, mà còn đề cao vai trò của đạo đức tập thể, lên án quyết liệt chủ nghĩa cá nhân, coi chủ nghĩa cá nhân là một trong ba kẻ thù nguy hiểm của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Dĩ nhiên, cần phân biệt lợi ích cá nhân và chủ nghĩa cá nhân, Hồ Chí Minh lên án chủ nghĩa cá nhân chứ không phủ nhận lợi ích chính đáng của cá nhân. Người nói: "Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là "giày xéo lên lợi ích cá nhân". Mỗi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của từng bản thân và của gia đình mình. Nếu những lợi ích cá nhân đó không trái với lợi ích của tập thể thì không phải là xấu"[1]. Nhưng ranh giới giữa lợi ích chính đáng của cá nhân với chủ nghĩa cá nhân là gì, thường không phải bao giờ cũng được phân biệt một cách rõ ràng, nhất là đối với những người mang nặng tư tưởng cá nhân chủ nghĩa. Quả như Hồ Chí Minh nói: "Chủ nghĩa cá nhân là một thứ rất gian giảo, xảo quyệt". Người có chủ nghĩa cá nhân thường không thấy mình là cá nhân chủ nghĩa, mà luôn luôn nghĩ đến lợi ích riêng cho rằng mình là người có công xứng đáng được hưởng lợi ích hơn người khác. Cho nên, Hồ Chí Minh phải đặt cái mốc ranh giới rõ ràng một bên là chủ nghĩa tập thể vì lợi ích chung là tư tưởng xã hội chủ nghĩa, một bên là chủ nghĩa cá nhân chỉ nghĩ đến lợi ích riêng, là kẻ thù của tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Người nói: "Muốn xã hội chủ nghĩa phải có người xã hội chủ nghĩa. Muốn có người xã hội chủ nghĩa phải có tư tưởng xã hội chủ nghĩa".

Tư tưởng xã hội chủ nghĩa trái hẳn với cá nhân chủ nghĩa. Cái gì không phải là xã hội chủ nghĩa là cá nhân chủ nghĩa. Cá nhân chủ nghĩa đẻ ra hàng trăm tính xấu như siêng ăn, biếng làm, kèn cựa, nghĩ đến mình không nghĩ đến đồng bào, tham danh lợi, địa vị, v.v... Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh thể hiện quan điểm: a) Xem chủ nghĩa cá nhân là kẻ thù nguy hiểm của chủ nghĩa xã hội; b) Xem chủ nghĩa tập thể là nội

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.8, tr.216.

dung chủ yếu của tư tưởng xã hội chủ nghĩa; c) Trong quan hệ giữa lợi ích chung và lợi ích riêng, người có đạo đức là người biết đặt lợi ích chung lên trên lợi ích riêng, đôi khi phải hy sinh lợi ích riêng cho lợi ích chung.

Sự khác nhau hiển nhiên giữa một bên là tư tưởng tư sản coi chủ nghĩa cá nhân là động lực của phát triển xã hội, động lực của sáng tạo tinh thần và của cải vật chất, một bên là tư tưởng xã hội chủ nghĩa của Mác cũng như tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh coi chủ nghĩa tập thể, việc quan tâm đến lợi ích chung, lợi ích cộng đồng mới là động lực thực tế và lâu dài của sự phát triển xã hội, động lực của sáng tạo tinh thần và sự tăng trưởng kinh tế. Đó là nói một cách giản đơn chứ thực ra ngay trong chủ nghĩa tư bản cũng như trong những nước được xem là chủ nghĩa xã hội cũng có những quan điểm rất khác nhau về động lực phát triển có liên quan đến tư tưởng đạo đức và pháp luật. Chẳng hạn, giữa Mỹ và Nhật Bản tuy đều là chủ nghĩa tư bản nhưng vẫn có những khía cạnh khác nhau khi đề cao vị trí, vai trò cá nhân trong cộng đồng xã hội, cũng như khi nói đến truyền thống văn hoá và đạo đức trong phát triển xã hội. Cũng vậy, giữa nước ta với nhiều nước xã hội chủ nghĩa tuy cùng đề cao chủ nghĩa tập thể, chống chủ nghĩa cá nhân, nhưng mức độ và biện pháp có khác nhau. Điều đó không chỉ ngày nay chúng ta mới thấy mà có thể thấy trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Người chống chủ nghĩa cá nhân rất quyết liệt, coi là kẻ thù không đội trời chung của chủ nghĩa xã hội nhưng trong ứng xử với từng cá nhân con người thì có thể nói cũng không ai bằng Hồ Chí Minh. Điều đó thể hiện chủ nghĩa nhân văn sâu sắc trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Bản thân Người luôn luôn nêu cao tấm gương trong sáng về tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa, ý thức đặt lợi ích chung lên trên lợi ích riêng, không chút tham vọng cá nhân mặc dù quyền lực trong tay, điều kiện dễ dàng.

Nhưng, Hồ Chí Minh không quan niệm chủ nghĩa tập thể một cách máy móc theo chủ nghĩa bình quân giản đơn. Người luôn đặt lợi ích cá nhân gắn liền với lợi ích tập thể, lợi ích cá nhân trong lợi ích tập thể. Và Người chỉ phê phán chủ nghĩa cá nhân khi cá nhân tách khỏi tập thể để mưu cầu lợi ích riêng làm hại đến lợi ích tập thể. Còn tập thể mà Người nói là một tập thể đoàn kết, có trí tuệ, có sức mạnh động lực phát triển chứ không phải tập thể của con số cộng những con người thiếu tổ chức, thiếu kỷ luật. Với ý nghĩa đó, Đảng là một tập thể mạnh, các đoàn thể là những tập thể mạnh. Nhưng Đảng cũng như các đoàn thể cách mạng có

trở thành tập thể mạnh hay không còn tuỳ thuộc chất lượng của tập thể đó. Mỗi cá nhân gắn với tập thể đó, là thành viên của tập thể đó thì đương nhiên phải phụ thuộc vào tập thể đó, nghĩa là phải đặt lợi ích của cá nhân mình trong tập thể đó. Muốn vậy, từng cá nhân cũng như cả tập thể phải có ý thức vươn lên vì mục đích chung của xã hội, của cách mạng, còn ngược lại thì đương nhiên cái tập thể là đảng hay các đoàn thể đó cũng chỉ là một kiểu cá nhân chủ nghĩa dưới nhiều màu sắc. Hồ Chí Minh không bao giờ đề cao những loại tập thể đó. Chính vì vậy, Người nói: "Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân"[1]. Điều Hồ Chí Minh nói ngày nay không còn là sự dự báo nữa mà đã trở thành hậu hoạ nhỡn tiền ở nhiều quốc gia, nhiều đảng cộng sản và nhiều nhân vật một thời đã là thần tượng của thế giới. Từ hiện tượng đó mà xét thì chúng ta có thể nói rằng trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh không có cái gì là bất biến, vĩnh cửu, có cái hôm nay là mẫu mực của đạo đức ngày mai có thể trở thành phản đạo đức, nếu cá nhân hoặc tập thể ấy không đặt lợi ích chung, lợi ích chính đáng, lợi ích của nhân dân lên trên lợi ích riêng, lợi ích bộ phận, thậm chí cả lợi ích dân tộc hẹp hòi.

Sự hình thành và ra đời hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cũng như mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật với xã hội công dân không phải là hiện tượng ngẫu nhiên mà có cơ sở thực tiễn là xã hội Việt Nam với những đặc điểm lịch sử và văn hoá dân tộc riêng độc đáo của nó và cơ sở lý luận - triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin với sự vận dụng sáng tạo của Hồ Chí Minh vào thực tiễn nước ta. Chính vì nó xuất phát từ hai cơ sở đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức và mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật với xã hội công dân có giá trị khoa học và thực tế đã được kiểm nghiệm thành công như một chân lý mang giá trị nhân loại.

IV. Về việc xây dựng một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phù hợp với xã hội công dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Trong quá trình đổi mới đất nước thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá định hướng xã hội chủ nghĩa bỏ qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.10, tr.666.

tư bản ở nước ta, có ý kiến cho rằng có hai vấn đề nổi bật đang đặt ra: Đó là phát triển kinh tế thị trường và xây dựng nhà nước pháp quyền. Nhận thức trên có phần đúng nhưng chưa đủ, chưa thực sự quán triệt được tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền kiểu mới, nhà nước của dân, do dân và vì dân. Bởi lẽ, họ chỉ mới thấy hai tác nhân là kinh tế và chính trị tác động tới quá trình phát triển đất nước mà chưa thấy một nhân tố vô cùng quan trọng khác, nếu không nói là quan trọng nhất là văn hoá. Có thể nói, với quan điểm mới về văn hoá, chúng ta phải đặt văn hoá lên hàng đầu như tác nhân chủ yếu của quá trình phát triển, nếu hiểu văn hoá theo nghĩa rộng như định nghĩa của Hồ Chí Minh về khái niệm văn hoá. Nói văn hoá ở trong kinh tế và chính trị cũng có nghĩa là xem văn hoá và chỉ có văn hoá mới có điều kiện thúc đẩy cả kinh tế và chính trị ở nước ta phát triển đúng hướng, đúng mục tiêu, đúng trọng tâm vì con người và lấy con người làm trung tâm.

Nói đến văn hoá là nói đến con người, nếu xem văn hoá vừa là mục tiêu vừa là động lực thì cũng phải xem con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của phát triển. Vấn đề là xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phù hợp với xã hội công dân theo mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết và trên hết phải tập trung vào nhân tố nào, kinh tế, chính trị hay văn hoá hay cả ba tác nhân nêu trên. Đương nhiên không thể coi nhẹ kinh tế và chính trị, nhưng phải hiểu kinh tế và chính trị như thế nào cho phù hợp với mục tiêu phát triển văn hoá và xây dựng con người, lấy con người làm trung tâm. Hồ Chí Minh đã từng nói: "Chúng ta đang ở giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc biến đổi khó khăn và sâu sắc nhất. Chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta. Chúng ta phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm. Chúng ta phải thay đổi quan hệ sản xuất cũ, xoá bỏ giai cấp bóc lột, xây dựng quan hệ sản xuất mới không có bóc lột, áp bức. Muốn thế chúng ta phải dần dần biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước công nghiệp. Chúng ta phải dần dần tập thể hoá nông nghiệp...Chúng ta phải biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hoá cao và đời sống tươi vui hạnh phúc"[1]. Những ý kiến trên của Hồ Chí Minh về mục tiêu xây dựng chủ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.8, tr.493-494.

nghĩa xã hội ở nước ta vừa thể hiện rõ quan điểm xem văn hoá là mục tiêu và động lực của phát triển, vừa thể hiện rõ quan điểm coi con người là trung tâm và xây dựng con người phát triển toàn diện là mục tiêu của xã hội mới.

Nói đến việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phù hợp với xã hội công dân theo mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cũng có nghĩa là đặt con người ở vị trí trung tâm của xã hội. Nhưng quan niệm con người như thế nào là trung tâm của xã hội không phải bao giờ cũng giống nhau. Nhà nước pháp quyền tư sản không phải không coi con người có vị trí trung tâm. Thậm chí giai cấp tư sản còn luôn mồm nói đến nhân quyền và phê phán những nước vi phạm nhân quyền. Điều đó có nghĩa là họ cũng nhân danh quyền con người để phê phán các nước khác vi phạm nhân quyền. Nhưng tiêu chí về nhân quyền đối với họ lại rất khác chúng ta. Quan tâm đến quyền con người, nhà nước pháp quyền tư sản chủ yếu bảo vệ lợi ích của người có của tức nhà tư sản, còn đại đa số nhân dân lao động vẫn là đối tượng bị bóc lột dưới những hình thức tinh vi. Do đó, sự phân hoá giàu nghèo là bản chất chủ nghĩa tư bản. Nhà nước tư sản không có khả năng và cũng không bao giờ muốn giải quyết sự ngăn cách giữa người giàu và người nghèo. Chính vì vậy, trong xã hội phát triển chủ nghĩa tư bản, hạnh phúc chỉ thực sự đến với một số ít nhà tư sản còn đại đa số nhân dân lao động bị bóc lột vẫn phải sống phụ thuộc vào giới chủ trong cảnh thiếu thốn, bấp bênh, và không thể nói là có hạnh phúc thực sự. Còn trong xã hội ta, khi nói đến con người là trung tâm là nói đến tuyệt đại đa số người lao động. Sự phát triển xã hội đồng nghĩa với sự phát triển con người. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải coi sự phát triển xã hội, trên thực tế, không ở đâu khác là ở sự phát triển con người, mà con người nói ở đây là nói đến đại đa số nhân dân lao động.

Vậy sự phát triển con người là thế nào, cũng cần phải làm rõ. Cần phải hiểu ở cả hai mặt: Một mặt, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải coi việc chăm lo đến mức sống, chất lượng sống của con người trong xã hội công dân như một vị trí trung tâm của sự phát triển xã hội. Nói đến mức sống và chất lượng sống là nói đến hạnh phúc của con người không chỉ được tính bằng GDP nghĩa là bằng chỉ số phát triển thích hợp với chủ nghĩa tư bản mà phải được tính đến chỉ số phát triển con người trong thực tế như chỉ số về tuổi thọ, về giáo dục, về y tế, về nhà ở, về văn hoá và về nhiều phương diện khác nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao

của con người, không phải cho một thiểu số người có của, có điều kiện mà phải cho tuyệt đại đa số người lao động. Mặt khác, quan trọng không kém là ở chỗ, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải luôn chăm lo đến sự phát huy và phát triển mọi tiềm năng vốn có của con người. Muốn vậy, không có cách nào khác là phải đặc biệt coi trọng nhân tố phát triển văn hoá, coi văn hoá vừa là mục tiêu vừa là động lực của phát triển kinh tế-xã hội. Chỉ trên cơ sở phát triển văn hoá mới phát triển được nguồn lực con người, nguồn lao động, tạo động lực cho phát triển kinh tế-xã hội. Chính vì vậy, vấn đề nâng cao dân trí có vị trí hết sức quan trọng trong xã hội công dân theo mục tiêu xây dựng xã hội chủ nghĩa. Về mặt nào đó, có thể nói, chính sách nâng cao dân trí bao trùm lên mọi chính sách xã hội, bởi đó là mục tiêu có quan hệ đến mọi người, mọi lĩnh vực phát triển của xã hội và trước hết là đến việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Mặc dù ở bất cứ một xã hội nào cũng có một số người nổi trội hơn về văn hoá, nhưng vấn đề nâng cao dân trí không thể tập trung ở một số ít người có trình độ văn hoá mà phải đặt ra với mọi người, cho mọi người, mọi thành viên của xã hội, tức phải đem ánh sáng văn hoá đến cho tất cả mọi công dân, mọi nhà, bắt đầu từ người mù chữ. Từ số đông có trình độ dân trí cao chắc chắn sẽ xuất hiện những tài năng từ trong quần chúng.

Xây dựng nền văn hoá vì mọi người, lấy con người làm trung tâm càng không thể không đặt vấn đề nâng cao dân trí. Cho nên, trong Hội nghị Liên Chính phủ về chính sách văn hoá vì sự phát triển được tổ chức tại Stốckhôm, Thuỵ Điển, năm 1988, sau khi khẳng định những nguyên tắc cơ bản về chính sách văn hoá, Hội nghị đề ra 14 nội dung về chính sách văn hoá có quan hệ đến mọi thành viên trong xã hội công dân, trong đó điều 12, khi đề cập đến chính sách dân chủ hoá văn hoá, tuyên bố chung của hội nghị lưu ý cần phải khuyến khích và củng cố các phương pháp và phương tiện đảm bảo một sự tiếp cận rộng rãi hơn đối với tất cả mọi tầng lớp dân chúng, chống lại sự loại trừ và đẩy một bộ phận dân chúng ra bên lề đời sống văn hoá, khuyến khích các quá trình dân chủ hoá văn hoá. Đây chính là một tiêu chí quan trọng về chính sách văn hoá, chẳng những phù hợp với việc nâng cao dân trí mà cũng đồng thời tạo động lực cho sự phát triển kinh tế-xã hội, phát triển con người toàn diện, đảm bảo xây dựng một nhà nước pháp quyền định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó cũng chính là ý tưởng của Hồ Chí Minh về việc xây dựng một nhà nước pháp quyền thực sự của dân, do dân và vì dân.

Tựu trung, nói đến nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và xã hội công dân theo tiêu chí chủ nghĩa xã hội không chỉ là nói đến nghĩa vụ của nhà nước đối với công dân mà cũng là nói đến vai trò của công dân đối với nhà nước trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Bởi lẽ, mối quan hệ hai chiều đó phải được xem là một điều kiện thiết yếu nhất trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Trên đây, chúng tôi chỉ đề cập đến những điều cơ bản nhất trong hệ thống tư tưởng vô cùng phong phú và sâu sắc của Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, pháp luật và đạo đức, đặc biệt về mối quan hệ giữa nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với xã hội công dân theo mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Quán triệt được những nội dung cơ bản nêu trên cũng có nghĩa là quán triệt được tư tưởng Hồ Chí Minh về việc xây dựng một Nhà nước kiểu mới của dân, do dân và vì dân./.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI*

GS. VS. NGUYỄN DUY QUÝ

Cách tiếp cận sáng tạo, độc đáo về bản chất của chủ nghĩa xã hội cũng như các định hướng và động lực của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội là điểm nổi bật trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Đặc biệt, tư tưởng của Người về vai trò của đạo đức cách mạng và đạo đức xã hội chủ nghĩa trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội vẫn mãi mãi là bài học quý báu và là nguồn khích lệ to lớn đối với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là ngọn cờ dẫn dắt sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta, trong đó tư tưởng về chủ nghĩa xã hội là một bộ phận hết sức quan trọng.

Nhất quán với các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm rằng, chủ nghĩa xã hội là một học thuyết khoa học và cách mạng của giai cấp vô sản nhằm xoá bỏ ách thống trị tư bản chủ nghĩa, thực hiện lý tưởng giải phóng giai cấp và giải phóng toàn thể xã hội loài người. Chủ nghĩa xã hội còn được hiểu với tư cách là một chế độ xã hội thuộc hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa mà việc xây dựng và hoàn thiện nó như là một quá trình lịch sử lâu dài để từng bước đạt tới mục tiêu.

Cái mới và sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi nói về bản chất của chủ nghĩa xã hội là phát hiện lý tưởng xã hội chủ nghĩa từ sự chung đúc tất cả những lý tưởng về giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội. Đồng thời, Người còn phát hiện một điểm rất quan

---

* Trích trong: Tạp chí *Cộng sản*, số 778, tr.29-33.

trọng là, muốn đạt tới lý tưởng, mục tiêu xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải thường xuyên chống lại chủ nghĩa cá nhân. Đối với Người, chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội bảo đảm sự phát triển hài hoà giữa các cá nhân. Như vậy, đây là cách tiếp cận mới mà Người đã làm phong phú thêm hướng tiếp cận về chủ nghĩa xã hội.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã làm sáng tỏ bản chất chủ nghĩa xã hội từ những kiến giải về kinh tế, chính trị và xã hội. Ngoài những kiến giải ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nhìn nhận bản chất chủ nghĩa xã hội từ phương diện đạo đức, văn hoá. Theo Người, chủ nghĩa xã hội đối lập, xa lạ với chủ nghĩa cá nhân, nhưng không hề phủ nhận cá nhân; trái lại, tôn trọng cá nhân, phát triển mọi năng lực cá nhân vì sự phát triển xã hội và hạnh phúc của con người nói chung. Đây là chiều sâu trong tư duy biện chứng, trong nhãn quan văn hoá đạo đức của Người.

Theo Hồ Chí Minh, người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới mong hoàn thành được nhiệm vụ vẻ vang của sự nghiệp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Để có đạo đức cách mạng thì phải loại trừ mặt trái của nó là chủ nghĩa cá nhân. Chủ nghĩa cá nhân là một kẻ thù nguy hiểm, ngăn cản chúng ta đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng. Nếu không gạt bỏ được nó ra khỏi ý thức và hành động của chúng ta, thì chúng ta sẽ tự mình phá huỷ sự nghiệp của mình. Đây chính là nỗi lo toan thường trực của Người.

Từ tác phẩm "*Đường Kách mệnh*" (năm 1927) cho đến "*Di chúc*" để lại cho toàn Đảng, toàn dân (năm 1969), Chủ tịch Hồ Chí Minh không lúc nào xa rời điều quan tâm lớn lao đó. Trong tác phẩm "*Tư cách của người cách mệnh*" và nhất là tác phẩm "*Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*", Người nhấn mạnh: Không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. "Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hoá, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?"[1].

Từ đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra lời khẳng định: "*Tư tưởng xã hội chủ nghĩa là chống tư tưởng cá nhân chủ nghĩa*"[2]. Theo Người, cần chống

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.5, tr.253.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.9, tr.280 (TG nhấn mạnh).

chủ nghĩa cá nhân, thực hiện sự tôn trọng và đề cao nhân cách, bảo đảm cho mỗi cá nhân phát triển lành mạnh nhân cách của mình trong sự phát triển hài hoà giữa cá nhân và xã hội. Nhìn nhận mặt bản chất quan trọng này, Người đưa ra quan niệm, chủ nghĩa xã hội là xã hội trong đó, con người ứng xử với nhau theo phương châm: mình vì mọi người, mọi người vì mình. Do đó, một trong những nét nổi bật của con người xã hội chủ nghĩa là phải đạt tới trình độ phát triển cao về đạo đức, nhân cách, đủ sức chiến thắng chủ nghĩa cá nhân. Xã hội xã hội chủ nghĩa vừa đòi hỏi, vừa tạo ra những con người như thế, và chăm lo giáo dục, phát triển con người là chiến lược quan trọng bậc nhất của chủ nghĩa xã hội.

Điều cần lưu ý là, mặc dù rất chú trọng nhân tố đạo đức trong sự phát triển của chủ nghĩa xã hội và coi đạo đức xã hội chủ nghĩa là thuộc về bản chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội, song Chủ tịch Hồ Chí Minh không bao giờ xem đạo đức là hiện tượng nằm ngoài tác nhân khác, gây nên sự chia cắt, đối lập giữa kinh tế và đạo đức. Người đề cao sức mạnh tinh thần của đạo đức, nhưng không rơi vào duy ý chí, chủ quan hoặc chủ nghĩa trừu tượng.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội luôn luôn thể hiện tính thống nhất biện chứng giữa các nhân tố kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá và đạo đức. Từ cách tiếp cận đó về chủ nghĩa xã hội, thông qua hoạt động lý luận và thực tiễn hết sức phong phú của mình, Người đã rút ra những kết luận rất sâu sắc về bản chất của chủ nghĩa xã hội với tư cách là một chế độ xã hội có khả năng thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, đem lại tự do và hạnh phúc cho nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói về chủ nghĩa xã hội một cách sâu sắc và khoa học, nhưng lại giản dị, có sức cảm hoá rất lớn đối với nhân dân. Với câu hỏi chủ nghĩa xã hội là gì, Người trả lời rất sáng tỏ: "xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt, đó là chủ nghĩa xã hội"[1]. Luận đề tổng quát đó được Người cụ thể hoá thêm: "*Chủ nghĩa xã hội* nghĩa là tất cả mọi người các dân tộc ngày càng ấm no, con cháu chúng ta ngày càng sung sướng"[2]. "Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu nước mạnh"[3].

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.10, tr.591, 317.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.10, tr.591, 317.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.8, tr.226.

Bản chất của chủ nghĩa xã hội còn được làm sáng tỏ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh nói tới trọng trách của Đảng với nhân dân, nhất là khi Đảng đã trở thành Đảng cầm quyền. Người luôn luôn lấy cuộc sống hạnh phúc của nhân dân làm thước đo hiệu quả, làm căn cứ đánh giá công việc của Đảng và Nhà nước ta. Bản chất và tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội có được bộc lộ ra không, có được phản ánh đúng đắn không, chính là ở đó. Người viết: "Chính sách của Đảng và Chính phủ là *phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân.* Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi"[1].

Qua đó, chúng ta thấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đòi hỏi cao như thế nào sự tận tuỵ, hy sinh, sự mẫu mực, trong sáng của Đảng và Nhà nước, biểu hiện không những ở tổ chức và thể chế, mà còn ở từng người, từng cán bộ, đảng viên của Đảng, những công chức của bộ máy chính quyền, những công bộc của dân. Người thấu hiểu sâu sắc rằng, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi phải như vậy. Chính điều này làm sáng tỏ biết bao sự nhạy cảm và tinh tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi Người đặt lý luận về Đảng và Nhà nước của dân, do dân, vì dân vào vị trí cốt yếu của lý luận về chủ nghĩa xã hội và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung. Cũng như vậy, Người xác định đạo đức và tư cách của người cách mạng ở vị trí quan trọng hàng đầu, quyết định sự thành bại của công cuộc kiến thiết chủ nghĩa xã hội.

Mục đích của chủ nghĩa xã hội, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, là không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động. Bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân là một trong những vấn đề quan trọng mà Người đặc biệt quan tâm. Theo Người, dân chủ là của quý báu nhất của nhân dân; chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ, bởi vậy, bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân; dân chủ là chìa khoá của mọi sự tiến bộ và phát triển. Quan niệm này đã đặt nền tảng và giữ vai trò chỉ đạo trong hoạt động của Đảng và Nhà nước ta.

Cùng với chế độ mới, nền kinh tế mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh tới nền văn hoá mới và con người mới xã hội chủ nghĩa trong mục

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.7, tr.572.

tiêu của chủ nghĩa xã hội. Bao quát mục tiêu đó, Người nhắc nhở chúng ta: "Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc biến đổi khó khăn nhất và sâu sắc nhất... Chúng ta phải biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hoá cao và đời sống tươi vui hạnh phúc"[1].

Bàn về động lực, nhất là động lực bên trong, thúc đẩy công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra những chỉ dẫn thiết thực và quý báu. Theo Người, động lực quan trọng và quyết định của xây dựng chủ nghĩa xã hội chính là nhân tố con người. Do đó, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa. Truyền thống yêu nước của dân tộc, sự cố kết cộng đồng, sức lao động sáng tạo của nhân dân là sức mạnh tổng hợp tạo nên động lực quan trọng của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người luôn luôn xây đắp khối đoàn kết dân tộc và nhấn mạnh: đoàn kết, đại đoàn kết toàn dân là nguồn sức mạnh vô địch.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, văn hoá là động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhận thấy rõ vai trò ngày càng tăng của văn hoá trong sự phát triển, Người cho rằng, văn hoá phải soi đường cho quốc dân đi; phải xúc tiến công tác đào tạo con người mới và cán bộ mới. Đó là nguồn vốn, là của cải quý báu nhất của quốc gia.

Cùng với động lực tinh thần, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng động lực kinh tế trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là những lĩnh vực sản xuất, kinh doanh có tác dụng giải phóng mọi năng lực sản xuất vì ích nước, lợi nhà. Người sớm chủ trương áp dụng *"Tân kinh tế chính sách"* (Chính sách kinh tế mới) của V.Lênin khi Người khởi thảo Điều lệ Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội. Như vậy, dự cảm và trù tính về tương lai của Người thực sự là sáng suốt và chuẩn xác.

Ngoài các động lực bên trong, do các nhân tố nội sinh tạo nên, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi phải kết hợp được các nhân tố nội sinh với các nhân tố bên ngoài (ngoại sinh). Một trong những sự kết hợp đó là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế trên lập trường của giai cấp công nhân.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.8, tr.493-494.

Bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đứng trước một thực tế là trở thành Đảng cầm quyền. Nỗi quan tâm lớn nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền là làm sao cho Đảng không trở thành Đảng quan liêu, xa dân, thoái hoá, biến chất, làm mất lòng tin của dân. Để tránh được nguy cơ đó, theo Người, trước hết Đảng phải tăng cường đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân và thường xuyên rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Người coi đó là điểm mấu chốt. Chỉ như vậy, Đảng mới mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, mới xứng đáng với lòng tin của nhân dân.

Bên cạnh đó, Đảng phải luôn luôn giữ được mối liên hệ máu thịt với nhân dân, bởi vì, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân là "nền tảng lực lượng của Đảng và nhờ đó mà Đảng thắng lợi"[1]. Muốn vậy, trong phương thức lãnh đạo, Đảng "phải khéo tập trung ý kiến của quần chúng, hoá nó thành cái đường lối để lãnh đạo quần chúng. Phải đem cách nhân dân so sánh, xem xét, giải quyết các vấn đề, mà hoá nó thành cách chỉ đạo nhân dân"[2]. Người cho rằng, những cán bộ, đảng viên có khuyết điểm thường sợ dân nói. Nhưng nếu thành thật với dân, biết mình có lỗi, xin lỗi dân thì dân cũng rất vui lòng và sẽ tha thứ cho.

*
* *

Bác Hồ muôn vàn kính yêu đã để lại cho chúng ta di sản tinh thần to lớn, với những giá trị nhân văn cao cả, đặc biệt là tư tưởng đạo đức cách mạng và đồng thời cũng là đạo đức xã hội chủ nghĩa. Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" do Trung ương Đảng phát động và được toàn Đảng, toàn dân, toàn quân hưởng ứng, thực hiện nghiêm túc là một biện pháp rất quan trọng để trước hết, mọi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức khắc phục tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống, cũng như củng cố, giữ vững niềm tin của họ và nhất là của nhân dân đối với Đảng, đối với lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Điều đó càng trở nên cấp thiết khi sự suy thoái về đạo đức, lối sống, nhất là tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên cũng như sự xuống cấp về đạo đức trong xã hội ta đang có chiều hướng gia tăng.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.5, tr.286.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.5, tr.298.

Để cuộc vận động đạt hiệu quả thiết thực, trước hết phải nâng cao nhận thức về đạo đức Hồ Chí Minh, đồng thời phải coi trọng ***làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.*** Như vậy, vấn đề có tầm quan trọng là phải hành động sau khi nhận thức đã được nâng lên. Chính khâu hành động - thực hiện tốt lại góp phần củng cố và nâng cao nhận thức mới. Thực tiễn cho thấy, trong thời gian vừa qua, ở các đơn vị biết tổ chức học tập tốt, biết liên hệ một cách sát thực và coi trọng hành động thiết thực thì bước đầu tạo được chuyển biến rõ rệt trong việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Ngược lại, nơi nào chỉ coi trọng việc học tập, thậm chí tổ chức thi nói rất rầm rộ, nhưng không có chương trình hành động cụ thể thì sau khi học tập, tình hình vẫn như cũ, không tạo được chuyển biến cần thiết theo yêu cầu đặt ra đối với cuộc vận động lần này. Bên cạnh đó, nếu các đơn vị biết sơ kết và phổ biến kinh nghiệm kịp thời thì sẽ thúc đẩy cuộc vận động đạt hiệu quả cao hơn.

Những thành tựu quan trọng mà nhân dân ta đã đạt được trong thời gian qua, đặc biệt là trong hơn 20 năm đổi mới, là một thực tế không ai có thể phủ nhận được. Con đường đi tới của cách mạng nước ta đang có nhiều cơ hội thuận lợi, nhưng cũng gặp không ít thách thức, khó khăn, nhất là sau khi nước ta gia nhập WTO. Chúng ta tin tưởng rằng, dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội, với sự kiên định mục tiêu, lý tưởng và đạo đức xã hội chủ nghĩa cùng sự lãnh đạo sáng tạo, đúng đắn của Đảng, nhân dân ta sẽ từng bước thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM*

PGS.TS. THÀNH DUY

Quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng ở Việt Nam có thể chia thành hai giai đoạn: giai đoạn hình thành tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc và giai đoạn phát triển thành tư tưởng cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Nhưng đó chỉ là cách chia rất tương đối, chia để nghiên cứu cũng như khi Đảng ta nói đến hai ngọn cờ trong đường lối cách mạng, đó là ngọn cờ cách mạng giải phóng dân tộc và ngọn cờ cách mạng xã hội chủ nghĩa. Còn trong thực tế thật khó chia cắt tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam thành hai giai đoạn một cách rạch ròi.

Bởi lẽ, trong tư tưởng Hồ Chí Minh có sự nhất quán ngay từ đầu, khi tìm thấy con đường cứu nước, cứu dân cũng là lúc Người tìm thấy con đường cách mạng Việt Nam có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ngay từ năm 1919, khi viết bản Tuyên ngôn của Hội liên hiệp thuộc địa, Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Anh em phải làm thế nào để được giải phóng?

"...Vận dụng công thức của Các Mác, chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em". Đó là tiền đề đầu tiên khi Người nhắc đến chủ nghĩa Mác và vận dụng chủ nghĩa Mác vào việc giải phóng dân tộc. Tuy nhiên, ở đây chỉ mới nói lên định hướng tự giải phóng bằng chính nỗ lực của bản thân chứ không thể ỷ lại vào bên ngoài. Nói rõ hơn quan điểm của mình sau khi gửi bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* đồng thời thấy rõ trò lừa

---

* Trích trong cuốn: *Tư tưởng Hồ Chí Minh – Những nội dung cơ bản* của PGS.TS. Thành Duy, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh, 2005.

bịp của chủ nghĩa đế quốc, Người viết: "Cuối bản yêu sách, chúng tôi có viết thêm rất nhiều câu ca tụng nhân dân và nhân đạo.

"Nhưng sau một thời gian nghiên cứu và theo rõi, chúng tôi nhận thấy rằng "chủ nghĩa Uynxơn" (Uynxơn là Tổng thống Mỹ năm 1913-1921. Nói chủ nghĩa Uynxơn là nói chương trình 14 điểm do Uynxơn đưa ra làm cơ sở cho Hội nghị Vécxây - người viết chú thích) chỉ là một trò lừa bịp lớn. Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới"[1]. Từ luận điểm nổi tiếng đó, Hồ Chí Minh phát triển thành hệ thống lý luận thể hiện rõ tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc phải có sự kết hợp với cách mạng xã hội chủ nghĩa. Sau đây, chúng ta sẽ tìm hiểu cụ thể hơn những quan điểm của Người về sự kết hợp giữa cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng xã hội chủ nghĩa, về bản chất chủ nghĩa xã hội và cách mạng xã hội chủ nghĩa, về những chính sách lớn thể hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Thành tựu nổi bật nhất trong tư tưởng yêu nước Hồ Chí Minh chính là ở chỗ, Người đã kết hợp được định hướng xã hội chủ nghĩa và kiên trì, thống nhất với định hướng đó trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình. Để có được sự kết hợp đó, trước hết Người phải có quan điểm đúng về vấn đề dân tộc và cả sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Đây không phải là một việc giản đơn mà phải trải qua quá trình hoạt động cách mạng gian khổ và sáng tạo mới có được sự chuyển hoá từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống đến chủ nghĩa yêu nước mang nội dung mới có sự kết hợp giữa yếu tố dân tộc với quan điểm giai cấp vô sản, giữa dân tộc với quốc tế, giữa dân tộc với hiện đại.

Điểm xuất phát trong tư tưởng Hồ Chí Minh trước khi ra đi tìm đường cứu nước là yêu cầu độc lập dân tộc chứ chưa phải là chủ nghĩa xã hội. Sau này, chính Người đã nói: "Lúc đầu, chính là do chủ nghĩa yêu nước mà tôi tin theo Lênin. Rồi từng bước một, tôi đi đến kết luận là chỉ có chủ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.1, tr.416.

nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân toàn thế giới"[1].

Đáng chú ý là, nhận thức của Hồ Chí Minh về con đường từ chủ nghĩa yêu nước theo yêu cầu giải phóng dân tộc đến chủ nghĩa xã hội và cách mạng xã hội chủ nghĩa đã diễn ra ngay sau khi Người gửi bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* đến Hội nghị Vécxây. Cho nên, hoàn toàn không phải là ngẫu nhiên gần như cùng một thời điểm vào năm 1919, Người vừa gửi bản *Yêu sách* đến Hội nghị Vécxây vừa hoà mình vào phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Pháp. Lúc này, Người chưa gặp *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin, nghĩa là chưa tìm thấy con đường cách mạng Việt Nam phải tiến hành như thế nào, nhưng Người đã tiếp cận với chủ nghĩa Mác, vào Đảng Xã hội Pháp và thấy "chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc" như đã nói ở trên. Điều đó có nghĩa là tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc đã gắn liền với tư tưởng về cách mạng xã hội chủ nghĩa. Khi gặp *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương*... của Lênin, Người không chỉ được củng cố thêm nhận thức về sự gắn liền giữa hai cuộc cách mạng ấy theo lập trường chủ nghĩa Mác mà quan trọng hơn là ở chỗ, Người đã tìm thấy con đường cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam theo lập trường Quốc tế III, tức là có thể giành độc lập cho dân tộc và tự do cho đồng bào mình trước khi cách mạng vô sản thắng lợi trên thế giới, đồng thời Người khẳng định chủ nghĩa cộng sản có thể áp dụng được ở châu Á nói chung và Đông Dương nói riêng.

Trong một bài viết về phong trào cộng sản quốc tế từ năm 1921, khi nói về Đông Dương, Người tự hỏi: "Chế độ cộng sản có áp dụng được ở châu Á nói chung và Đông Dương nói riêng không?". Rồi chính Người trả lời: "Bây giờ hãy xét những lý do lịch sử cho phép chủ nghĩa cộng sản thâm nhập dễ dàng vào châu Á, dễ dàng hơn là ở châu Âu". Kết luận bài viết của mình, Người nói: "Ngày mà hàng triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn"[2].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.12, tr.474.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.1, tr.35-36.

Điều này thật vô cùng quan trọng đối với Hồ Chí Minh. Nếu nói rằng chỉ sau khi gặp chủ nghĩa Lênin, Người mới thực sự tìm được con đường cứu nước, chính là ở chỗ Người thấy cách mạng giải phóng dân tộc có thể nổ ra và thắng lợi trước khi cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi trên thế giới. Nói rõ sự chuyển biến trong nhận thức của mình sau khi gặp *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương*... của Lênin, Người nhắc lại: "Lênin đã vạch con đường cho chúng tôi một cách cụ thể: năm 1919, tại Đại hội những người cộng sản Phương Đông, Người tuyên bố: "Các đồng chí hiện đang có một nhiệm vụ mà trước đây những người cộng sản trên toàn thế giới không có: trong khi dựa vào lý luận chung và thực tiễn của chủ nghĩa cộng sản, các đồng chí vừa phải thích ứng với những điều kiện riêng biệt mà các nước châu Âu không có, vừa phải học và vận dụng được lý luận và thực tiễn ấy vào nơi mà chủ yếu là nông dân, nơi cần xác định sự cần thiết không phải là cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, mà là đấu tranh chống những tàn tích phong kiến".

Từ quan điểm trên của Lênin, Hồ Chí Minh đã tìm thấy con đường cách mạng Việt Nam mà không chờ cách mạng giải phóng giai cấp vô sản ở các nước tư bản chủ nghĩa. Cái vĩ đại và sự sáng suốt của Hồ Chí Minh, chính là ở chỗ, Người không chỉ thấy có thể tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông, châu Á trong đó có Việt Nam trước khi cách mạng vô sản thế giới diễn ra, mà hơn nữa cuộc cách mạng ấy được phất lên không phải bằng ngọn cờ dân tộc chủ nghĩa mà bằng cả hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Hai ngọn cờ ấy phải gắn liền với nhau trong cả lý luận và thực tiễn. Cho nên, sau khi nhắc lại ý kiến của Lênin, Hồ Chí Minh nói tiếp: "Sự thật là cuộc cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa lúc đầu và trước hết là một cuộc cách mạng nông dân. Cuộc cách mạng ấy không tách rời cuộc cách mạng chống phong kiến. Sự liên minh giữa quần chúng đông đảo nông dân và giai cấp công nhân làm cái nền tảng trên đó có thể thành lập một mặt trận dân tộc rộng rãi và vững chắc. Cho nên cải cách ruộng đất là một nhiệm vụ cơ bản của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ. Những kinh nghiệm của chúng tôi chứng tỏ rằng muốn đưa cuộc cách mạng dân chủ đến thắng lợi và mở ra những giai đoạn nối tiếp nhau cho sự phát triển của một Nhà nước dân tộc dân chủ, giai cấp công nhân và đảng của nó phải lãnh đạo cuộc cách mạng"[1].

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.12, tr.474-475.

Như vậy là, tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc gắn liền với cách mạng xã hội chủ nghĩa không chỉ trong lĩnh vực nhận thức lý luận mà đã trở thành thực tiễn đường lối cách mạng Việt Nam. Song, để có được thực tiễn đường lối cách mạng như nó đã diễn ra ở Việt Nam, trước hết Hồ Chí Minh phải có nhận thức lý luận rõ ràng về quá trình gắn liền ấy. Có hai tài liệu thể hiện rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Một là, bản Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ do Người viết tại Mátxcơva năm 1924, trong đó nói rõ sự vận dụng sáng tạo đồng thời phát triển chủ nghĩa Mác trong hoàn cảnh cụ thể của các nước Đông Dương trong đó có Việt Nam. Sau khi nhận thức rõ "cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây", Người nói: "Dù sao thì cũng không thể cấm bổ sung "cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được.

"Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại".

Điều đáng chú ý là, chính ở bản báo cáo này, Người đã nói: "Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước". Sau đó, có lẽ để tránh sự hiểu lầm về quan niệm chủ nghĩa dân tộc, Người nói tiếp: "Chiến tranh đã làm thay đổi chủ nghĩa dân tộc". "Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản. Khẩu hiệu này do Mátxcơva tung ra, đánh vào các nhà tư sản như một nghịch lý táo bạo, nhưng thật ra điều đó có nghĩa gì? Một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời"[1].

Rõ ràng, ở đây trong lúc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã phất cao ngọn cờ chủ nghĩa dân tộc nhưng không phải chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi hoặc chủ nghĩa dân tộc tư sản mà chính là chủ nghĩa dân tộc mang nội dung mới, có sự kết hợp nhuần nhuyễn với chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Điều đó còn được thể hiện trong tài liệu thứ hai là Chánh cương vắn tắt của Đảng do Hồ Chí Minh thảo, trong đó nói rõ "chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"[2].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.466-467.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.3, tr.1.

Từ hai tài liệu quan trọng nói trên cùng với những bài viết về Đông Dương trước đó, chúng ta đều thấy rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Nhưng quan trọng hơn phải nói đến sự gắn liền đó diễn ra trong thực tế cách mạng Việt Nam do Người lãnh đạo như thế nào. Ngay từ đầu sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh và Đảng ta đã phất cao cả hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Dưới hai ngọn cờ ấy, Hồ Chí Minh và Đảng ta không chỉ giành được độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc mà quan trọng hơn là mang lại tự do và hạnh phúc thực sự cho nhân dân như một mục tiêu đầu tiên của chủ nghĩa xã hội.

Ngay sau khi giành được chính quyền, trong *Tuyên ngôn độc lập,* Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Chế độ mới đảm bảo cho người dân Việt Nam quyền bình đẳng, quyền sống, quyền sung sướng, quyền tự do". Với Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc phải gắn liền với tự do hạnh phúc cho con người, trước hết ở những yêu cầu tối thiểu như ăn, mặc, ở, học tập, việc làm. Người luôn luôn nhấn mạnh ý tưởng này và nhắc nhở Chính phủ: "Ngày nay chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Nhưng nếu độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc tự do thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì. Chính phủ ta đã hứa với dân sẽ gắng sức làm cho ai nấy đều có phần hạnh phúc. Việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm. Việc gì có hại cho dân ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta"[1].

Tư tưởng cao đẹp này còn được Hồ Chí Minh nhắc lại trong bài phát biểu tại cuộc họp đầu tiên của Uỷ ban Nghiên cứu Kế hoạch kiến quốc. Một lần nữa, Người khẳng định: "Chúng ta giành được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét thì tự do, độc lập cũng không để làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ. Chúng ta phải thực hiên ngay:

1. Làm cho dân có ăn.
2. Làm cho dân có mặc.
3. Làm cho dân có chỗ ở.
4. Làm cho dân có học hành".

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.4, tr.56.

Cái mục đích chúng ta đi đến là 4 điều đó. Đi đến để dân nước ta xứng đáng với tự do độc lập và giúp sức được cho tự do độc lập"[1].

Điều đó chứng minh rằng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội không chỉ thể hiện trong lý thuyết mà ở ngay trong thực tiễn đấu tranh cách mạng. Tuy rằng, chủ nghĩa xã hội chưa trở thành hiện thực ở nước ta, nhưng ngay trong cách mạng giải phóng dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã được giải quyết từng bước việc cải thiện đời sống vật chất và tinh thần theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, phấn đấu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trong suốt đời mình, Hồ Chí Minh phấn đấu không chỉ cho độc lập dân tộc mà còn vì mục tiêu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Tư tưởng của Người về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã được thể hiện nhất quán trên tất cả các mặt hoạt động cách mạng và bản thân Người là tấm gương trong sáng, sinh động về sự hiện diện của sự gắn liền giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và cách mạng xã hội chủ nghĩa

Mặc dù Hồ Chí Minh thấy "chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân toàn thế giới", "chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại...", nhưng Người không nghĩ rằng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản sẽ trở thành hiện thực ngay trên đất nước ta. Như trên đã nói, cái vĩ đại và sự sáng suốt của Hồ Chí Minh là thấy cách mạng giải phóng dân tộc có thể tiến hành trước cách mạng xã hội chủ nghĩa nhưng với điều kiện có sự gắn liền với cách mạng xã hội chủ nghĩa do giai cấp công nhân và đảng của nó lãnh đạo. Từ đó, chúng ta có thể rút ra kết luận: Chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn tất yếu của lịch sử sau khi đã giành được độc lập dân tộc. Đây là chiều sâu nhất trong tiềm thức lý luận của tư tưởng Hồ Chí Minh về sự gắn liền giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thể hiện rõ sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Đây cũng là tư tưởng lớn phản ảnh tính quy luật của quá trình phát triển lịch sử xã hội Việt Nam trong thời đại cách mạng vô sản.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.4, tr.152.

Nhưng Hồ Chí Minh không bao giờ nghĩ phải đốt cháy giai đoạn, nghĩa là phải đi ngay vào việc xây dựng chủ nghĩa xã hội không cần quan tâm đến đặc điểm kinh tế xã hội của nước ta. Thể hiện rõ ý tưởng này, Người đã trả lời câu hỏi của một nhà báo nước ngoài khi Người ở Pháp như sau: "Tất cả mọi người đều có quyền nghiên cứu một chủ nghĩa. Riêng tôi, tôi đã nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác... Còn khi nào chủ nghĩa Các Mác thực hiện được (tức chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản-người viết bình luận) thì tôi không thể trả lời được. Muốn cho chủ nghĩa cộng sản thực hiện được, cần có kỹ nghệ, nông nghiệp và tất cả mọi người đều được phát triển hết khả năng của mình. Ở nước chúng tôi, những điều kiện ấy chưa đủ"[1]. Thể hiện rõ hơn quan điểm này, Người còn nói với tướng Trương Phát Khuê khi rời Liễu Châu (Trung Quốc) trở về nước như sau: "Tôi là một người cộng sản nhưng điều mà tôi quan tâm hiện nay là độc lập và tự do cho nước Việt Nam, chứ không phải chủ nghĩa cộng sản. Tôi có một lời đảm bảo đặc biệt đối với ông rằng: Chủ nghĩa cộng sản sẽ chưa được thực hiện ở Việt Nam trong vòng 50 năm tới"[2].

Điều đó chứng tỏ Hồ Chí Minh rất hiểu chủ nghĩa Mác cũng như điều kiện thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản theo lý tưởng của Các Mác. Một mặt, Người không có ảo tưởng hoặc chủ quan duy ý chí khi đề ra mục tiêu tiến hành sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản khi ở nước ta còn chưa có đủ điều kiện. Người thấy rõ những điều kiện quan trọng của cách mạng xã hội chủ nghĩa là kỹ nghệ, nông nghiệp mà ngày nay chúng ta thường nói đến cơ sở vật chất, kỹ thuật và điều kiện con người được phát triển toàn diện hết khả năng của mình, đều chưa có đủ ở nước ta. Nhưng, mặt khác, Người thấy không thể ngồi chờ cho các điều kiện trên có đủ mới nghĩ đến việc tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa mà phải căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể và đặc điểm bản sắc văn hoá dân tộc mà khởi đầu cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ngay trong quá trình tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, nghĩa là kháng chiến phải gắn liền với kiến quốc, mà kiến quốc theo quan điểm Hồ Chí Minh là thực hiện định hướng cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đó là một định hướng vô cùng sáng suốt, thể hiện ý thức cách mạng không ngừng ở nước ta, mặc dù trước đây chúng ta không nói đến khái niệm định hướng đó.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.4, tr.272.
2. Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, sdd, t.2, tr.205.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam bắt nguồn từ lý tưởng về một xã hội công bằng, bình đẳng, nhân dân được sống trong tự do và hạnh phúc. Người cho rằng các vấn đề dân tộc cơ bản chỉ có thể được giải quyết triệt để trong chủ nghĩa xã hội, ngược lại, chủ nghĩa xã hội chỉ có thể trở thành hiện thực trên cơ sở những quyền cơ bản của dân tộc được giải quyết một cách triệt để. Đó là hai mặt của một sự nghiệp cách mạng chân chính nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Đó cũng chính là thực chất của chủ nghĩa xã hội theo cách hiểu của Hồ Chí Minh. Cho nên, khi định nghĩa chủ nghĩa xã hội là gì, Người đã giải thích một cách dễ hiểu rằng chủ nghĩa xã hội "là mọi người được ăn no, mặc ấm, sung sướng, tự do"; "Chủ nghĩa xã hội là tất cả mọi người các dân tộc ngày càng ấm no, con cháu chúng ta ngày càng sung sướng"[1]; "Nói một cách tóm tắt, mộc mạc, chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát khỏi bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc"[2]. Tóm lại, "chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu, nước mạnh"[3]. Đó là những luận điểm rất cơ bản, sâu sắc, tuy mộc mạc nhưng lại phản ảnh những đặc trưng bản chất nhất của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang phấn đấu để đạt tới.

Để có chủ nghĩa xã hội thực sự vì con người, vì dân, vì lý tưởng nhân văn cao cả mà chủ nghĩa Mác - Lênin muốn đạt tới, Hồ Chí Minh đòi hỏi phải có con người xã hội chủ nghĩa và có tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Người đã nhiều lần nói: "Muốn có chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa. Muốn có con người xã hội chủ nghĩa, phải có tư tưởng xã hội chủ nghĩa"[4]. Nói chuyện với học sinh và giáo viên trường phổ thông cấp III Chu Văn An (Hà Nội), Người nói: "Xã hội chủ nghĩa là tất cả mọi người phải ra sức lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa xã hội xây dựng được mọi người mới sung sướng, ấm no"[5].

Người còn căn dặn: "Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiết kiệm là một chính sách lớn, một đạo đức lớn, một nếp làm việc và nếp sống không bao giờ được lơ là. Kẻ thù chính của nó là: tệ tham ô, lãng phí,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.10, tr.317-324.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.10, tr.17.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.8, tr.226.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.9, tr.296.
5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.9, tr.295.

bệnh phô trương, hình thức và lối làm việc thiếu tinh thần trách nhiệm"[1]. Điều quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội không chỉ thể hiện trong lý luận mà chính là sự vận dụng nhuần nhuyễn trong thực tiễn đấu tranh cách mạng, do đó Người rất quan tâm đến con người và các chính sách xã hội đối với con người. Người không bao giờ nghĩ rằng chủ nghĩa xã hội là sự cấy ghép từ bên ngoài vào ta mà chính là do ta xây dựng lên từ đặc điểm kinh tế xã hội và văn hoá của dân tộc ta. Từ lâu, Người đã nói đến một đặc điểm lớn nhất của nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội là không qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản. Điều đó sẽ đặt ra nhiều vấn đề khó khăn hơn là thuận lợi cho nước ta khi xây dựng chủ nghĩa xã hội, mà Đảng và Chính phủ ta đang phải giải quyết trong quá trình đổi mới toàn diện đất nước hiện nay.

3. Những chính sách lớn thể hiện đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam không chỉ thể hiện trong những tác phẩm, bài viết và bài nói của Người mà còn thể hiện trong các chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta. Những chính sách ấy được thể hiện trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước nhưng đồng thời cũng thể hiện trong hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh và thực tiễn xây dựng đất nước ta theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tất nhiên, chúng ta không thể nói hết được rất nhiều sự kiện vô cùng phong phú trong hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh suốt cả thời gian dài diễn ra ở thời kỳ trước và sau khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam cho đến Cách mạng Tháng Tám 1945 và cả thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ do Người trực tiếp lãnh đạo. Ở đây, chúng tôi chỉ đề cập đến một số tư tưởng cơ bản nhất vốn đã hình thành từ trong quá trình tìm đường cứu nước, được thể hiện xuyên suốt trong hoạt động thực tiễn tạo nên hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng giải phóng dân tộc gắn liền với xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

1. Trước hết, đó là tư tưởng về sự đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh. Đây là một nội dung cơ bản nhất thể hiện nhất quán

1. Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, sđd, t.7, tr.421.

trong tư tưởng Hồ Chí Minh từ trong lý luận đến hoạt động thực tiễn, cả trên phạm vi quốc tế và bối cảnh dân tộc, từ trong sự lãnh đạo của Đảng đến các đoàn thể quần chúng.

Chính là quán triệt tinh thần đoàn kết ấy, Hồ Chí Minh đã quy tụ được những tổ chức cách mạng chân chính về một mối, tạo nên sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân tố có vai trò quyết định sự thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta. Cũng chính là nhờ tư tưởng đoàn kết ấy, Hồ Chí Minh đã quy tụ được sức mạnh của cả dân tộc, tranh thủ được sự ủng hộ của mọi tầng lớp nhân dân ta và nhân dân tiến bộ cũng như phong trào cách mạng trên thế giới, tạo cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam có vị thế trên thế giới.

Rõ ràng, đối với Hồ Chí Minh đoàn kết đã trở thành sức mạnh, đoàn kết tạo nên chiến thắng. Nhận thức rõ vị trí và tầm quan trọng của tư tưởng đoàn kết trong sự nghiệp cách mạng, Người đã nêu cao tư tưởng đoàn kết thành khẩu hiệu hành động: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công.

Mặt khác, trên cơ sở ý thức cộng đồng vốn là một nhân tố hết sức quan trọng trong truyền thống văn hoá dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh đã có sự kết hợp rất tài tình tinh thần hữu ái giai cấp vốn được xem là cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tế của một đất nước có bề dày lịch sử chống ngoại xâm, có nền văn hoá đặc sắc, đa dạng và phong phú, có những con người tuy xuất thân từ nông dân mang theo những tàn tích phong kiến nhưng luôn tỏ rõ bản lĩnh về ý thức dân tộc và rất nhạy cảm với cái mới, với trào lưu văn minh của nhân loại. Từ đó, Người đã kết hợp một cách tuyệt diệu quan điểm đấu tranh giai cấp được xem như hạt nhân của học thuyết mác-xít với quan điểm dân tộc chân chính vốn được xem là động lực lớn của cách mạng giải phóng dân tộc. Có thể nói, đây là chiều sâu nhất trong tiềm thức lý luận của hệ tư tưởng Hồ Chí Minh mà nó chỉ có thể được hoàn thiện khi Người tìm cách vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam.

Cho nên, không phải là ngẫu nhiên khi chúng ta thấy nhiều người nước ngoài đến Việt Nam đã phát hiện ra nhiều điều thật lý thú tiềm ẩn bên trong nền văn hoá cũng như con người Việt Nam. Chẳng hạn, nhà văn, nhà soạn kịch Tây Đức, ông Pi-tơ Vai-xơ đã có những nhận xét về Việt Nam khá tinh tế như sau: "Đi tìm lịch sử của chính mình, khám phá

cái quá khứ xa xôi nhất là những phần việc nằm trong quá trình phục hưng đất nước bắt đầu bằng thắng lợi cách mạng. Ngày nay các nhà khoa học và các nhà chính trị của Việt Nam nhấn mạnh vào những nét đặc trưng trong nền văn minh của họ, họ đối lập những nét này với các ảnh hưởng nước ngoài đã lần lượt che lấp mất cái lõi dân tộc và họ tìm cách sửa chữa những sự lạm dụng trước kia của các nước phương Tây. Nhưng sự kiến tạo này lại tiến hành song song với sự xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa, hướng theo tinh thần quốc tế cho nên nó cũng đồng thời loại bỏ những yếu tố chủng tộc chủ nghĩa"[1]. Đây là một nhận xét về Việt Nam sau khi sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc đã hoàn thành. Nhưng, điều đó lại nói lên tính đúng đắn của tư tưởng Hồ Chí Minh về đường lối cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam chúng ta. Đó là đường lối cách mạng kết hợp nhuần nhuyễn giữa quan điểm dân tộc chân chính với tinh thần quốc tế vô sản, giữa truyền thống với hiện đại, giữa cách mạng dân tộc dân chủ với cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Không chỉ chú ý đến đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh cũng hết sức chú ý đến xây dựng tinh thần đoàn kết quốc tế. Người được thế giới thừa nhận là biểu tượng của tình hữu nghị giữa các dân tộc, biểu tượng của văn hoá hoà bình trong thời đại ngày nay. Người tuyên bố: "Việt Nam muốn làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với ai". "Thái độ của nước Việt Nam đối với những nước châu Á là một thái độ anh em, đối với ngũ cường là một thái độ bạn bè"[2]. Đó chính là thái độ nhất quán của Hồ Chí Minh mà ngày nay trong sự nghiệp đổi mới đất nước, Đảng và Nhà nước ta đang "tiếp tục thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá và đa dạng hoá với tinh thần Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển" (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam).

2. Vấn đề thứ hai có tính nguyên lý trong tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là sự khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đảng của giai cấp công nhân lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Điều này đã được Hồ Chí Minh khẳng định

1. *Tiếng nói của lương tri và trái tim*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1973, tr.301.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.5, tr.136, 220.

khi viết tác phẩm *Đường kách mệnh*. Người nói: "Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm nòng cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam"[1].

Đối với Hồ Chí Minh, sự lãnh đạo của đảng không chỉ là điều kiện của cách mạng giải phóng dân tộc mà chính là nội dung của một đường lối cách mạng đúng đắn, triệt để theo định hướng phát triển chủ nghĩa xã hội. Cho nên, vấn đề không chỉ là cần có đảng lãnh đạo mà là đảng nào lãnh đạo, tức là đảng theo chủ nghĩa nào. Người nói: "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin"[2]. Điều đó nói lên rằng vấn đề quan trọng không chỉ ở chỗ cần có đảng lãnh đạo, mà là đảng đó như thế nào mới đáp ứng được những đòi hỏi chính đáng của nhân dân cũng tức là mục tiêu của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc.

Ở đây, một lần nữa chúng ta lại tìm thấy chiều sâu trong tư tưởng Hồ Chí Minh nói về vị trí, vai trò của đảng lãnh đạo hay ngày nay còn gọi là đảng cầm quyền. Có hai vấn đề cần được quán triệt. Một mặt, đó là đường lối cách mạng đúng đắn và triệt để của Đảng ấy như thế nào để vừa quán triệt được tinh thần cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin vừa đáp ứng được yêu cầu cách mạng của dân tộc. Mặt khác, quan trọng hơn, đó là những cán bộ, đảng viên của đảng ấy phải thực sự giác ngộ theo lập trường giai cấp công nhân, nghĩa là chỉ có thể giải phóng mọi người khỏi áp bức, bóc lột và nghèo nàn, lạc hậu mới giải phóng được cho chính mình. Cho nên, Hồ Chí Minh đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải có đạo đức cách mạng, phải có ý thức tu dưỡng, rèn luyện không ngừng bản thân và phải chống chủ nghĩa cá nhân một cách triệt để. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh một mặt rất coi trọng vị trí lãnh đạo của Đảng, đồng thời Người cũng coi vấn đề xây dựng Đảng là một nhân tố có vai trò quyết định sự thành công của sự nghiệp cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.2, tr.268.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.2, tr.268

3) Vấn đề thứ ba có tính nguyên tắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng giải phóng dân tộc là quan điểm về cách mạng không ngừng, cách mạng triệt để. Điều đó cũng phản ảnh tư tưởng cách mạng không ngừng trong chủ nghĩa Mác - Lênin, tức là giải phóng dân tộc nhất thiết phải tiến tới giải phóng xã hội, giải phóng con người, mang lại tự do và hạnh phúc thực sự cho nhân dân. Nếu không như vậy thì như Hồ Chí Minh đã từng nói: "Nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì" như đã nói ở trên.

Rõ ràng, đối với Hồ Chí Minh vấn đề cách mạng giải phóng dân tộc chỉ là giai đoạn đầu của sự nghiệp cách mạng giải phóng xã hội, giải phóng con người . Cho nên, việc thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa cũng là một mục tiêu trong tư tưởng cách mạng không ngừng hay cách mạng triệt để của Hồ Chí Minh. Từ ý thức đó, cũng có thể nói, tư tưởng thân dân, lấy dân làm gốc vốn có gốc rễ trong hệ tư tưởng yêu nước truyền thống đã được Hồ Chí Minh hoàn thiện và phát triển ở một trình độ rất cao.

Với Hồ Chí Minh, tất cả sự nghiệp cách mạng phải vì dân và ở nơi dân: "Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì có hại cho dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân thì dân mới yêu ta, kính ta" như trình bày ở trên. Quan điểm thân dân, lấy dân làm gốc ở Hồ Chí Minh cũng rất triệt để, cần được quán triệt sâu sắc trong mọi lĩnh vực. Dân vừa là chủ thể cách mạng vừa là mục tiêu cách mạng. Không ai có quyền đứng trên dân, ngoài dân để ban phát cho dân. Người nói: "Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân"[1]. Vấn đề đối với Đảng cầm quyền là "làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm"[2].

Có thể nói, đây là một tư tưởng sâu sắc nhất, xuất phát từ quan niệm mới về con người và vị trí con người trong sự nghiệp cách mạng mà trách nhiệm của Đảng lãnh đạo là phải chăm lo không chỉ tự do và hạnh phúc cho mỗi người mà cả trình độ phát triển văn hoá và hoàn thiện nhân cách cho mỗi người.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.5, tr.698.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.5, tr.508.

4. Cả ba nội dung cơ bản nêu trên chỉ có ý nghĩa khi quán triệt được tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và việc xây dựng con người mới, tức con người cách mạng có khả năng đảm bảo sự nghiệp cách mạng của chính mình, của dân tộc mình, của thời đại mình. Xuất phát từ quan điểm coi lịch sử là sự nghiệp của quần chúng, Hồ Chí Minh ý thức rất rõ về mục tiêu của sự nghiệp giải phóng dân tộc ở Việt Nam, không thể dừng lại ở việc giành độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc, mà sau khi thực hiện sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc nhất thiết phải thực hiện sự nghiệp cách mạng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người khỏi nghèo nàn, lạc hậu, đem lại tự do, hạnh phúc thực sự cho mọi người chứ không phải cho một số người.

Những mục tiêu cụ thể mà Người nêu ra như làm sao cho dân đủ ăn, làm sao cho dân đủ mặc, làm sao cho dân được học hành, được chữa bệnh khi đau ốm... xem ra có vẻ đơn giản nhưng sự thực lại rất sâu sắc, không dễ thực hiện được nếu không quán triệt đầy đủ tư tưởng của Người. Hồ Chí Minh quan niệm "một cách tóm tắt, mộc mạc, chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc"[1]. Đó là một định nghĩa rất dễ hiểu về chủ nghĩa xã hội, nhưng để thực hiện cho được mục tiêu trên đó là công việc của cả một cuộc cách mạng, cách mạng xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, có thể đây lại là vấn đề cơ bản nhất trong hệ thống tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh về con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam, đó là việc nâng cao vị thế con người lên người chủ thực sự của xã hội, có khả năng tự quyết định lấy số phận của chính mình.

Khi nói đến vị trí con người trong xã hội nói chung, Hồ Chí Minh thường nhấn mạnh đến vai trò của tập thể, nhưng không phải là tập thể của số đông cộng lại mà là tập thể gồm những con người giác ngộ thực sự, có tài năng thực sự, có ý thức về mình, về cộng đồng dân tộc và nhân loại. Đây là một tư tưởng có ý nghĩa triết lý rất sâu sắc về con người. Cho nên, không phải ngẫu nhiên, mặc dù rất xứng đáng là một anh hùng kiệt xuất của dân tộc, nhưng Hồ Chí Minh không bao giờ tự nhận mình là anh hùng. Người muốn dành danh hiệu anh hùng cho nhân dân.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.10, tr.17.

Nói về vấn đề này, có người đã từng nhắc nhở người ta đề phòng các anh hùng trong lịch sử, địa vị của anh hùng quá cao sẽ làm chìm quần chúng, làm chìm tổ chức, gây họa lớn cho quốc gia. Họ nhắc đến một câu nói của nhà viết kịch Béctôn Bờrếch trong vở kịch Galilê có hai câu mở đầu, một câu là lời của một học trò Galilê: "Một nước không có anh hùng thì thật bất hạnh biết bao". Một câu là lời đáp của Galilê: "Không! Một nước cần có anh hùng mới là bất hạnh!"[1]. Phải chăng, Hồ Chí Minh của chúng ta tuy không nói theo triết lý trên nhưng đã hành động theo triết lý sâu sắc đó.

Đối với Người, việc nâng con người bình thường lên vị trí người anh hùng cũng chính là một sự nghiệp cách mạng sâu sắc nhất, khó khăn nhất và lâu dài nhất, nhưng lại là một sự nghiệp cao cả và căn bản nhất. Bởi vì, chỉ có những con người anh hùng đó, sự nghiệp cách mạng mới thực sự đảm bảo thành quả, thực sự triệt để. Cho nên, khi nói "ra ngõ gặp anh hùng" trong xã hội ta cũng có nghĩa là thừa nhận lịch sử đã chuyển sang thời đại dân chủ, mọi người dân từ vị trí người chủ đều có thể trở thành anh hùng thực sự, anh hùng theo nghĩa đen bằng xương bằng thịt, bằng những việc làm phi thường trong một xã hội do chính nhân dân là chủ.

Đương nhiên, nói như vậy không có nghĩa là xã hội ta đã hoàn toàn tốt đẹp, mọi người đã là anh hùng. Điều chúng ta muốn nói ở đây là chiều sâu trong tư tưởng Hồ Chí Minh về quan niệm con người và việc xây dựng con người phát triển toàn diện như sản phẩm tất yếu của xã hội mới, xã hội chủ nghĩa.

Nói đến tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam là nói đến toàn bộ những diễn biến trong quá trình phát triển tư duy của Hồ Chí Minh cũng như việc hình thành nhân cách của Người. Đó là quá trình giải phóng dân tộc như một điều kiện để giải phóng xã hội, giải phóng con người, đem lại hạnh phúc thật sự cho mỗi người. Mong muốn của Hồ Chí Minh trước hết là giải phóng cho đồng bào mình, nhưng quan niệm của Người không chỉ dừng lại ở việc chỉ giải phóng cho đồng bào mình. Người muốn giải phóng cho tất cả những người cùng khổ trên khắp thế giới, mang lại hạnh phúc cho mọi người. Do đó, tư

1. Xem *Mưu lược Đặng Tiểu Bình* của Tiêu Thị Mỹ, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1996, tr.390.

tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng cũng như về con người có sự gặp gỡ sâu sắc với chủ nghĩa nhân văn mác- xít. Hơn nữa, tư tưởng của Người là sự hiện diện của chủ nghĩa nhân văn mác-xít đã bước đầu trở thành hiện thực trên mảnh đất Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam sẽ mãi mãi là ngọn đuốc soi đường cho các dân tộc bị áp bức và cho nhân dân lao động cùng khổ trên toàn cầu. Ở đây, chúng tôi chỉ mới phác họa những nét cơ bản nhất trong tư tưởng của Người về cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một đất nước nông nghiệp lạc hậu chưa qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản như Việt Nam chúng ta. Quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng ở Việt Nam cũng là quá trình hình thành một phương pháp luận cách mạng đúng đắn, cách mạng và khoa học, gắn liền với chủ nghĩa Mác – Lênin, nhưng lại không phải là sự vận dụng một cách giáo điều, máy móc học thuyết Mác – Lênin mà là sự vận dụng sáng tạo đồng thời phát triển học thuyết cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của cách mạng Việt Nam. Vì thế, muốn hiểu một cách đầy đủ tư tưởng Hồ Chí Minh, cần phải nghiên cứu những vấn đề phương pháp luận Hồ Chí Minh và nội dung này đã được chúng tôi đề cập trong một số bài viết khác./.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ KINH TẾ*

GS. SONG THÀNH

Tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh là một bộ phận hợp thành của tư tưởng Hồ Chí Minh tạo thành một thể thống nhất giữa kinh tế với chính trị, kinh tế với văn hoá, đạo đức và con người.

Tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh được hình thành và phát triển cùng với quá trình hình thành tư tưởng của Người về con đường giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước theo chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Để hiểu được tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh, cần tìm hiểu những nhân tố đã góp phần hình thành nên tư tưởng đó.

I. Cơ sở hình thành tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh

1. Chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân văn trong truyền thống văn hoá trị nước của Việt Nam

Tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh là một bộ phận hữu cơ của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh. Lý tưởng chính trị của Hồ Chí Minh là "nước được độc lập, dân được tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành". Đó là sự thống nhất giữa độc lập về chính trị với phồn vinh về kinh tế, giải phóng dân tộc đi liền với chấn hưng đất nước, làm cho dân giàu, nước mạnh.

Lý tưởng đó của Hồ Chí Minh có nguồn gốc sâu xa từ chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân văn trong văn hoá trị nước của Việt Nam; từ những tấm gương yêu nước, thương dân của các bậc minh quân, hiền thần trong lịch sử dân tộc. Trong đường lối an dân, trị quốc của họ, đẩy mạnh sản

---

* Trích trong cuốn: *Hồ Chí Minh - nhà tư tưởng lỗi lạc* của Giáo sư Song Thành, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2004.

xuất, phát triển kinh tế, chăm lo đời sống của nhân dân bao giờ cũng được coi là chính sách nền tảng của mọi chính sách, bởi "dân lấy ăn làm trời, nếu không có ăn tức là không có trời". Trị vì một nước mà cơ sở kinh tế là nông nghiệp, trước hết phải quan tâm đến nghề nông. Thời xưa, Lý Thái Tông (1028-1058) nhiều năm đã tự mình đi cày, làm ruộng tịch điền để nêu gương cho các quan phải chăm lo đến việc đồng áng. Sau ăn là đến mặc. Để khuyến khích dân chăm nghề canh cửi, vua tổ chức cho cung nữ trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải. Khi cung nữ đã dệt được gấm vóc, tháng 2 năm Canh Thìn (1040), vua xuống chiếu đem gấm vóc của nhà Tống còn lại trong kho ban phát hết cho các quan theo phẩm hàm, để tỏ ý từ nay vua sẽ không còn dùng hàng ngoại nữa. Vua đã dùng gấm vóc trong nước làm ra, có quan nào dám mặc gấm vóc nhà Tống nữa! Năm mất mùa, vua xá một nửa thuế cho dân, năm Giáp Thân (1044) vua đi đánh thắng quân Chiêm trở về, lại là năm được mùa lớn, vua cũng hạ lệnh xá một nửa thuế cho dân, với tuyên bố: "Nếu trăm họ đã no đủ, trẫm lo gì không no đủ?"[1]. Đó là tiêu biểu cho tinh thần khoan dân, tin ở dân mà chúng ta cũng thấy được sự kế thừa ở nhiều trung thần, lương tướng các đời sau, như Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi và nhiều người khác.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nói: "Dân dĩ thực vi tiên... vì vậy chính sách của Đảng và Chính phủ là *phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân*... Nếu dân đói, rét, dốt, bệnh thì chính sách của ta dù có hay mấy cũng không thực hiện được"[2]. Noi gương người xưa, trong *Di chúc,* Người cũng dặn lại: Sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước hoàn toàn thắng lợi "tôi đề nghị miễn thuế nông nghiệp một năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất". Tư tưởng đó chính là sự kế thừa tư tưởng khoan dân của cha ông.

2. Ảnh hưởng của tư tưởng phương Đông

Hồ Chí Minh xuất thân trong một gia đình Nho học, từ thuở thiếu thời đã được hấp thụ sâu sắc một nền học vấn Quốc học và Hán học, nên tư tưởng Hồ Chí Minh cũng được hình thành trên nền tảng *tư tưởng phương Đông,* chủ yếu là của Phật giáo và Nho giáo. Lòng thương người,

1. *Đại Việt sử ký toàn thư,* Nxb. Khoa học xã hội, H. 1993, t.I, tr.261 và 267.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.7, tr.572.

chính sách khoan dân của các vua đầu đời nhà Lý có phần chịu ảnh hưởng của tinh thần *từ bi hỉ xả* của Phật giáo. Nho giáo là một học thuyết an dân trị quốc mà hạt nhân của nó là *chủ nghĩa dân bản* - một tư tưởng trị nước của giai cấp thống trị. Vua chủ trương "lấy dân làm gốc" mà "dân lại lấy ăn làm trời"[1], nên muốn được lòng dân thì trước hết phải làm cho dân được no đủ, tức là phải chăm lo phát triển kinh tế, làm ra nhiều của cải, lương thực, bởi miếng ăn là điều kiện trước tiên của sự sống, "có thực mới vực được đạo", có đủ ăn mới có ổn định xã hội rồi sau mới có thể nói đến hưng thịnh của quốc gia. Vua Đại Vũ (đầu nhà Hạ) nói: "Dân chúng là cái gốc của nước, gốc mà vững, quốc gia mới an ninh". Khổng Tử kế thừa tư tưởng này của vua Vũ, chủ trương muốn quốc gia ổn định phải làm cho dân giàu có lên, dân có giàu nước mới mạnh.

Thời Xuân Thu, đất còn rộng người còn thưa, con người là vốn quý nhất (sách *Hiếu Kinh,* một kinh điển của Nho gia, có câu: "Thiên địa chi tính, nhân vi quý", nghĩa là trời đất sinh ra vạn vật, con người là quý nhất). Có nhiều người sẽ có nhiều sức lao động để sản xuất nông nghiệp, đất nước mới giàu có, kinh tế mới lớn mạnh. Một lần, Khổng Tử cùng học trò đến nước Vệ, thấy dân đông đúc, Khổng Tử thốt lên lời khen: Dân đông quá! Học trò hỏi: Dân đông rồi thì phải làm gì? Khổng Tử đáp: Làm cho họ giàu lên. Lại hỏi: Đã giàu rồi thì làm gì nữa? - Giáo hoá họ. (*Luận ngữ* - Tử Lộ). Như vậy, giáo dục đã phải đi sau kinh tế, trên nền tảng kinh tế.

Nho giáo chủ trương "dĩ đức trị quốc" không có nghĩa là tuyệt đối hoá vai trò của đạo đức. Quản Tử từng viết: "Kho lẫm đầy rồi mới có thể nói đến lễ tiết. Cơm áo đủ rồi mới nói đến vinh nhục" (*Quản Tử* - Mục dân). Khi điều kiện vật chất quá thiếu thốn, con người đến cái mạng sống còn chẳng lo được thì còn lo gì đến lễ nghĩa? Mạnh Tử cũng nói: có hằng sản mới có hằng tâm. Do đó, trước tiên phải làm cho dân đủ ăn, rồi giàu có lên, sau mới có thể nói đến giáo hoá họ. Nho giáo là một học thuyết chính trị - đạo đức, ít bàn trực tiếp đến kinh tế, chủ yếu bàn về mối quan hệ giữa con người với chế độ, giữa con người với con người,... nên tự nhiên cũng bao gồm trong đó mối quan hệ giữa con người với đời sống, với kinh tế, ví dụ như mối quan hệ giữa *nghĩa* và *lợi*. Gạt ra một bên phần phục vụ cho giai cấp thống trị, vẫn có thể tìm thấy trong Nho giáo những điều

1. Quốc dĩ dân vi bản, nhi dân dĩ thực vi thiên.

đúng đắn, hợp lý để vận dụng vào kinh tế và quản lý kinh tế ở thời đại hiện nay. Thành công của các con rồng châu Á trong việc vận dụng tư tưởng Khổng Tử vào kinh tế, trước hết là của Nhật Bản, đã chứng minh điều đó.

Khi Hồ Chí Minh đề cập đến các vấn đề mục tiêu, động lực kinh tế, vấn đề xử lý mối quan hệ lợi ích trong kinh tế (lợi ích chung và lợi ích riêng, lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài,...) đặc biệt là vấn đề công bằng trong phân phối "không sợ thiếu chỉ sợ không công bằng, không sợ nghèo chỉ sợ lòng dân không yên", v.v... ta thấy Người đã vận dụng các câu chữ và mệnh đề của Nho giáo.

3. Từ phê phán chế độ kinh tế của chủ nghĩa thực dân

Tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh còn được hình thành từ thực tiễn đấu tranh, phê phán những chủ trương, chính sách, phương pháp, hình thức áp bức bóc lột man rợ, tàn bạo của chủ nghĩa thực dân đối với các dân tộc thuộc địa. Những bài viết đầu tiên của Hồ Chí Minh về kinh tế ra đời vào những năm 20 của thế kỷ trước là những trang khảo sát về thực trạng đói nghèo, bần cùng hoá của nhân dân các nước thuộc địa dưới ách áp bức, bóc lột của chủ nghĩa thực dân; là những bản điều tra về những thủ đoạn ăn cướp tàn bạo, man rợ, đầy màu sắc trung thế kỷ của những kẻ tự mệnh danh là "những người đi khai hoá".

- Trước hết, ta thấy Người tố cáo chế độ *chiếm đoạt ruộng đất của nông dân*. Chính quyền thực dân đã "đem nộp phần lớn đất đai thuộc địa cho côngxoócxiom của những bọn tư bản cá mập", "đã thủ tiêu quyền chiếm hữu công cộng và thay thế bằng quyền chiếm hữu tư nhân. Nó cũng thủ tiêu quyền chiếm hữu nhỏ, làm lợi cho quyền chiếm hữu đồn điền lớn". Tác giả đã dẫn ra những con số cụ thể về sự chiếm đoạt đó ở Angiêri, Cabili, Marốc, An Nam, Tây châu Phi và châu Phi Xích đạo, rồi kết luận: "Họ chiếm tất cả: ruộng đất, tài nguyên thiên nhiên, cả tính mạng của dân bản xứ nữa"[1].

Tiếp theo, tác giả đã vạch mặt *chính quyền thực dân là những kẻ buôn nô lệ*. Họ đã bán những người dân Bắc Kỳ cho các chủ đồn điền trên các đảo ở Thái Bình Dương. Chúng đã buôn người da đen. Những người

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.279-287, 324, 326.

nô lệ bị đóng dấu và đánh số bằng sắt nung đỏ, chúng đếm họ bằng "tấn", bằng "kiện" chứ không phải bằng đầu người! "Công ty Bồ Đào Nha ở Ghinê năm 1700 đã ký một hợp đồng là sẽ cung cấp 11.000 "tấn" người da đen. Hơn 15 triệu người da đen đã được chở sang Mỹ trong những điều kiện như vậy, độ 3 triệu đã chết dọc đường hay bị ném xuống biển"[1]. Chế độ thực dân còn dùng nhiều cách tàn sát dã man, tàn bạo khác để tiêu diệt, làm cạn kiệt dân số của nhiều bộ tộc ở châu Phi, như lối hành hình man rợ kiểu lynsơ, hoả thiêu, chôn sống, nổ mìn, đưa họ đi làm bia đỡ đạn trong các cuộc chiến tranh đế quốc, v.v...

- *Sự bóc lột về kinh tế* được chúng thực hiện thông qua các chế độ thuế khoá nặng nề; chế độ ăn cắp được hợp pháp hoá của bọn quan cai trị, bọn chủ đồn điền; chế độ lao dịch khổ sai của người tù; chế độ "mộ phu" với tiền công chết đói, chế độ những con chiên ngoan đạo phải làm công không cho nhà thờ, v.v... Thông qua các hình ảnh, sự việc và con số cụ thể, tác giả rút ra kết luận: "Lịch sử người châu Âu xâm chiếm châu Phi - cũng như bất cứ lịch sử xâm chiếm thuộc địa nào - thì từ đầu đến cuối đều được viết bằng máu của những người bản xứ"[2].

Có thể xem đây là sự bổ sung cho những trang viết của C. Mác về những thủ đoạn đẫm máu mà bọn thực dân, tư bản vẫn dùng để thực hiện tích luỹ ban đầu nay được diễn lại tàn bạo hơn ở thời kỳ đế quốc chủ nghĩa. Từ sự phê phán tính chất dã man, vô nhân đạo của chế độ kinh tế thuộc địa đã dẫn Nguyễn Ái Quốc suy nghĩ tới những luận điểm về kinh tế sẽ được áp dụng sau khi đất nước giành được tự do, độc lập.

4. Từ sự tiếp nhận chính sách kinh tế mới của Lênin

Khi trở thành chiến sĩ xã hội chủ nghĩa, Nguyễn Ái Quốc đã đọc *Tư bản* của Mác như Người đã từng nói, nhưng có nhiều vấn đề chưa hiểu được rõ ràng. Hơn nữa, vấn đề Nguyễn Ái Quốc quan tâm lúc đó chưa phải là những vấn đề kinh tế mà là vấn đề chính trị: tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc và Người đã tìm thấy con đường đó trong *Luận cương* của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Từ đó, Người hoàn toàn tin theo Lênin, tìm thấy ở Lênin người thầy của giai cấp vô sản và của các dân tộc thuộc địa.

Nguyễn Ái Quốc đến Mátxcơva vào tháng 6-1926 và đã tham dự một khoá đào tạo ngắn hạn tại Trường Đại học Phương Đông. Lúc này Lênin

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.279-287, 324, 326.

vừa qua đời, nhưng *Chính sách kinh tế mới* (NEP) của Người vẫn đang trong thời kỳ phát huy tác dụng.

Sau khi đánh thắng cuộc chiến tranh can thiệp của các nước đế quốc và bọn phản động trong nước (1918-1920), nền kinh tế của đất nước Xôviết lâm vào tình trạng suy sụp nghiêm trọng, sản phẩm công nghiệp các ngành giảm từ 5 đến 20 lần. Lương thực và các nhu yếu phẩm đều hết sức khan hiếm; việc duy trì quá lâu chính sách "cộng sản thời chiến" (chế độ trưng thu lương thực thừa) làm cho nông dân bất mãn, không quan tâm mở rộng sản xuất. Lợi dụng sự bất bình đó, những phần tử chống chủ nghĩa xã hội đã tổ chức những cuộc nổi loạn chống chính quyền Xôviết, dẫn đến nguy cơ nghiêm trọng đe doạ khối liên minh công nông, làm suy yếu cơ sở xã hội của Nhà nước Xôviết.

Tình hình đó đòi hỏi phải nhận thức lại cho đúng về đặc điểm của thời kỳ quá độ để điều chỉnh chính sách kinh tế cho phù hợp. Lênin đã chỉ rõ: nền kinh tế trong thời kỳ đó xét về toàn bộ là *nền kinh tế quá độ* với sự tồn tại của 5 thành phần kinh tế, chứ chưa phải là nền kinh tế xã hội chủ nghĩa; việc cải tạo các thành phần kinh tế tư bản tư nhân và sản xuất nhỏ phải làm dần dần, từng bước chứ không thể xoá bỏ ngay một lúc bằng mệnh lệnh hành chính được.

Chính sách kinh tế mới được Lênin ban hành vào năm 1921, có nghĩa là *thay đổi các phương pháp lãnh đạo kinh tế.* Nhà nước chỉ nắm các ngành công nghiệp lớn và vừa, còn tiểu công nghiệp thì nhường lại cho hợp tác xã và tư nhân thuê. Các xí nghiệp được tự chủ trong mua nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm, đồng thời bắt đầu sử dụng chế độ hạch toán kinh tế. Việc lưu thông tiền tệ được khôi phục. Chế độ tiền lương được xây dựng lại nhằm làm cho công nhân quan tâm hơn đến nâng cao tay nghề và năng suất lao động. Chế độ phân phối bình quân được thay thế bằng trả lương theo số lượng và chất lượng lao động. Chế độ trưng thu lương thực thừa được thay thế bằng chính sách thuế lương thực. Sau khi đóng thuế, nông dân được tự do mua bán, trao đổi phần nông sản thừa, nhờ đó kích thích được nông dân mở rộng sản xuất nông nghiệp, thu hút được nông dân vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Sau hơn một năm thực hiện, *Chính sách kinh tế mới* đã khẳng định được tính đúng đắn của nó: lực lượng sản xuất trong nước phát triển, có sự chuyển biến mạnh mẽ trong tâm trạng xã hội, đặc biệt là niềm tin của

nông dân đối với Đảng, giai cấp công nhân và chính quyền Xôviết đã tăng lên. Đảng và Nhà nước Liên Xô coi Chính sách kinh tế mới không phải là một cuộc vận động nhất thời mà là một chính sách lâu dài, xuyên suốt thời kỳ quá độ nhằm đưa một nước tư bản phát triển trung bình, còn nặng tính tiểu nông, đi lên chủ nghĩa xã hội. Theo Lênin, việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp cần được chuẩn bị kỹ và chỉ có thông qua *chế độ hợp tác xã* mới có thể chuyển dần các nông hộ nhỏ lên chủ nghĩa xã hội, thống nhất họ lại trong những nông trang tập thể lớn.

Nguyễn Ái Quốc đến nước Nga lần thứ nhất (1923-1924) đã tận mắt chứng kiến sức sống của *Chính sách kinh tế mới* của Lênin và đã tiếp thu những luận điểm mới mẻ về con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở một nước mà tiểu nông còn phổ biến. Sau khi về Quảng Châu, trong bài giảng tại các lớp huấn luyện chính trị, Người đã bàn đến kinh tế hợp tác xã, vai trò, lợi ích và các hình thức tổ chức của hợp tác xã có thể và cần thành lập ở nông thôn nước ta về sau. Trong *Điều lệ* "Việt Nạm thanh niên cách mạng đồng chí hội" được soạn ở Quảng Châu (thời kỳ 1925-1927), *Chính sách kinh tế mới* đã được đưa vào mục III - *Chương trình,* Điều e: "áp dụng những nguyên tắc *tân kinh tế chính sách* để thúc đẩy sự phát triển các cơ quan sản xuất trong nước, bãi bỏ tư bản tư nhân và sự giao lưu những tài sản quốc gia"[1].

Sau này, trong kháng chiến chống Pháp (1946-1954) cũng như khi miền Bắc nước ta bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhiều ý kiến của Hồ Chí Minh về kinh tế cũng thể hiện sự vận dụng sáng tạo *Chính sách kinh tế mới* của Lênin vào hoàn cảnh Việt Nam.

II. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Hồ Chí Minh là nhà chính trị bàn về kinh tế. Tư tưởng kinh tế của Người cơ bản là tư tưởng kinh tế - chính trị. Trên cương vị lãnh đạo quốc gia, Hồ Chí Minh đã đưa ra những quan điểm chỉ đạo về xây dựng và phát triển kinh tế ở một nước nông nghiệp lạc hậu quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chưa trải qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Những quan điểm này là một bộ phận đặc sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh và vẫn giữ nguyên giá trị

1. *Các tổ chức tiền thân của Đảng*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương xuất bản, 1977, tr.83.

chỉ đạo đối với chúng ta trong công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế trong thời kỳ quá độ được hình thành chủ yếu từ khi miền Bắc nước ta bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1954). Tuy nhiên, nhiều ý kiến chỉ đạo về kinh tế của Người trong thời kỳ kháng chiến 1946-1954, xét về tính chất, cũng rất phù hợp với thời kỳ quá độ. Nếu hiểu thời kỳ quá độ được đánh dấu từ khi Đảng của giai cấp công nhân giành được chính quyền, xây dựng và cải tạo đất nước theo con đường của chủ nghĩa xã hội, thì chế độ dân chủ nhân dân cũng có thể xem là một giai đoạn quá độ trong thời kỳ quá độ.

Tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh có thể sơ bộ trình bày qua mấy quan điểm cơ bản sau đây:

1. Quan điểm về mục tiêu *và* con đường phát triển *kinh tế của nước ta*

1.1. Sau khi giành lại độc lập, toàn bộ sức mạnh và ý chí của nhân dân ta đấu tranh cho *độc lập, tự do* được chuyển sang đấu tranh cho mục tiêu *ấm no, hạnh phúc*, bởi như Hồ Chí Minh từng nói: "Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ"[1].

Người nói: "Tất cả đường lối, phương châm, chính sách của Đảng đều chỉ nhằm nâng cao đời sống của nhân dân"[2]. Toàn bộ quan tâm của Người về kinh tế là chăm lo phát triển sản xuất để làm sao cho nhân dân ta có đủ cái ăn, mặc, ở, học hành, đi lại, chữa bệnh, giải trí, v.v... tức là lo sao cho mỗi người dân lao động đều được ấm no, hạnh phúc. Phát triển sản xuất, cải thiện đời sống của nhân dân, đó là *mục tiêu,* đồng thời cũng là *thước đo* tính đúng đắn, ý nghĩa, giá trị của mỗi chính sách, biện pháp kinh tế của chúng ta.

Theo Người, chủ nghĩa xã hội là "làm cho dân giàu, nước mạnh. Dân có giàu thì nước mới mạnh". Vì vậy, phải đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế nhằm "làm cho người nghèo thì *đủ ăn.* Người đủ ăn thì *khá giàu.*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.4, tr.152.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.10, tr.380.

Người khá giàu thì *giàu thêm*"[1]. Do quy luật phát triển không đều nên trong xã hội có bộ phận giàu lên trước, có bộ phận sẽ giàu sau, nhưng về đời sống của dân phải làm cho ai cũng được cải thiện, được nâng cao từng bước, đó là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Ở Hồ Chí Minh, quan điểm về *mục tiêu* thống nhất với quan điểm về *động lực*. Vì mục đích kinh tế là phục vụ nhân dân nên nó phải dựa vào dân, biết phát huy sức người, sức của, tinh thần làm chủ của dân để làm cho sản xuất phát triển. Người nói: "Chủ nghĩa xã hội là nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân và *do nhân dân tự xây dựng lấy*"[2]. "Đưa tiền của dân và sức của dân để làm việc ích lợi cho dân thì bao giờ dân cũng hăng hái, việc cũng thành công. Việc gì to lớn, tốn kém mấy, dân đồng sức đồng lòng thì làm cũng được"[3]. Như vậy "dân vi bản" vừa là mục tiêu, vừa là động lực của kinh tế.

Vì mục tiêu kinh tế và động lực kinh tế của chủ nghĩa xã hội là nhất trí nên *chính sách kinh tế phải* thống nhất và phục vụ cho *chính sách xã hội,* tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với tiến bộ xã hội, không có chính sách, biện pháp kinh tế nào là tự thân, xa rời thậm chí đối với mục tiêu phát triển sản xuất và cải thiện đời sống của nhân dân. Có một thời chúng ta đã *lầm lẫn biện pháp* với *mục tiêu,* cho nên Bác Hồ phải nhắc nhở: "Cần nhận rõ mục đích của việc tổ chức hợp tác xã là gì? - Là để cải thiện đời sống nông dân, làm cho nông dân được no ấm, mạnh khoẻ, được học tập, làm cho dân giàu, nước mạnh... Đó là mục đích chung và mục đích riêng của việc xây dựng hợp tác xã"[4]. Nếu đưa nông dân vào hợp tác xã mà sản xuất không phát triển, thu nhập của xã viên lại kém đi, là không đạt mục tiêu, cần phải điều chỉnh lại phương pháp, bước đi và cách làm cải tạo *xã hội chủ nghĩa* của ta.

1.2. Về *con đường phát triển kinh tế* của nước ta sau khi giành được độc lập, Hồ Chí Minh đã khẳng định: *tiến lên chủ nghĩa xã hội là bước phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam,* đồng thời cũng là phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Đó là con đường *cải tạo* và *xây dựng* nền kinh tế quốc dân theo chủ nghĩa xã hội. "Biến nền kinh tế lạc hậu thành

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.5, tr.65.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.10, tr.556.
3. Thư Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đồng bào huyện Quỳnh Côi, Thái Bình, tháng 8-1949.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.9, tr.537, 588.

một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến"[1].

Chúng ta không thể lựa chọn con đường phát triển tư bản chủ nghĩa vì kinh nghiệm lịch sử 80 năm sống dưới ách kìm kẹp, bóc lột của tư bản thực dân, nhân dân ta không lạ gì bản chất của chế độ đó. Mặc dầu ngày nay chủ nghĩa tư bản đã có những điều chỉnh nhất định để có thể tiếp tục tồn tại và phát triển, nhưng chủ nghĩa tư bản không bao giờ đặt ra mục tiêu giải phóng nhân dân lao động khỏi nghèo nàn, lạc hậu, tiến tới cùng giàu có, mà chủ nghĩa tư bản chỉ có mục tiêu duy nhất là lợi nhuận tối đa của nhà tư bản mà thôi.

Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì *trước tiên phải cải tạo nền kinh tế cũ,* làm cho nó phục vụ đắc lực cho quốc kế dân sinh. Người đã sớm chỉ rõ: cải tạo nền kinh tế cũ theo hướng xã hội chủ nghĩa không thể làm một bước mà xong ngay được. Về bước đi và quy mô của phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, Người nói: "Phải tổ chức tổ đổi công là hình thức thấp nhất, rồi tiến lên hợp tác xã nông nghiệp, từ hợp tác xã nhỏ phát triển thành hợp tác xã to, dùng máy móc trong nông nghiệp"[2], như vậy Người quan tâm đến cả lao động sản xuất lẫn quan hệ sản xuất chứ không phải chỉ nhằm cải tạo quan hệ sản xuất mà thôi. "Đối với người làm nghề thủ công và lao động riêng lẻ khác, nhà nước bảo hộ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất của họ... Đối với những nhà tư bản công thương, nhà nước không xoá bỏ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất và của cải khác của họ mà ra sức hướng dẫn họ hoạt động nhằm làm lợi cho quốc kế dân sinh"[3].

Về bản chất, nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phải được tạo lập trên nền tảng chế độ công hữu, song ở thời kỳ quá độ, nó vẫn tồn tại 4 hình thức sở hữu chính: sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể, sở hữu người lao động riêng lẻ và sở hữu của nhà tư bản[4], không thể nôn nóng xoá bỏ ngay một lúc được.

Vậy *con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội* ở nước ta phải trải qua mấy *chặng đường, mục tiêu* và *biện pháp* đặt ra cho mỗi chặng là gì, sẽ đi lên với *tốc độ* nào,... là điều chưa thể làm rõ ngay một lúc được. Tinh thần

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.9, tr.537, 538.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.8, tr.345.
3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.9, tr.589, 588.

chỉ đạo của Hồ Chí Minh là: phải biết xuất phát từ điều kiện thực tế của nước ta, để tìm ra con đường đi riêng của mình, không rập khuôn mà cũng không được chủ quan, duy ý chí.

Theo Hồ Chí Minh, đặc điểm to nhất, bao trùm nhất của nước ta khi bước vào thời kỳ quá độ, nó chi phối các đặc điểm khác là "từ một nước nông nghiệp lạc hậu, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa"[1]. Đặc điểm này thâu tóm đầy đủ những mâu thuẫn, khó khăn, phức tạp trong tiến trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Nó đặt ra hàng loạt vấn đề lý luận và thực tiễn mà chúng ta cần nghiên cứu, giải đáp một cách đúng đắn để tìm ra *con đường, bước đi* và *cách làm* phù hợp cho công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Tại Hội nghị Bộ Chính trị bàn về phương hướng khôi phục và phát triển kinh tế sau hoà bình lập lại, có ý kiến muốn tập trung lực lượng vào xây dựng và phát triển công nghiệp nặng để nhanh chóng đưa nền kinh tế nước ta tiến lên, Người nói: "Mấy năm kháng chiến ta chỉ có nông thôn, bây giờ mới có thành thị,... nếu muốn công nghiệp hoá gấp thì là chủ quan... cho nên, trong kế hoạch phải tăng tiến nông nghiệp... Ta cho nông nghiệp là quan trọng và ưu tiên, rồi đến thủ công nghiệp và công nghiệp nhẹ, sau mới đến công nghiệp nặng"[2].

Qua ý kiến trên, ta có thể hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường phát triển kinh tế ở nước ta với các *bước đi* như sau:

(1) Ta cho nông nghiệp là quan trọng và ưu tiên, (2) rồi đến thủ công nghiệp và công nghiệp nhẹ, (3) sau mới đến công nghiệp nặng (trên thực tế, đó cũng là con đường đã đi qua của một số nước công nghiệp mới ở châu Á: Hàn Quốc, vùng lãnh thổ Đài Loan,...).

Tại sao ta phải ưu tiên phát triển nông nghiệp, lấy phát triển nông nghiệp làm gốc, làm chính? Theo Hồ Chí Minh, là vì:

- Miền Bắc nước ta vừa ra khỏi chiến tranh, do địch phá ruộng lập vành đai trắng, lại thêm thiên tai, nên từ cuối năm 1954 đến giữa năm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.10, tr.13.
2. Biên bản Hội nghị Bộ Chính trị ngày 10-12-1954, lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

1955, nạn đói đã diễn ra ở nhiều nơi trên miền Bắc, nghiêm trọng nhất là các tỉnh đồng bằng. Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa phải mở Hội nghị sản xuất cứu đói, vừa phải đồng thời sửa sai cải cách ruộng đất,... Do đó, trước hết phải giải quyết vấn đề *ăn*, vấn đề *mặc*, rồi mới đến các vấn đề khác. Trong điều kiện đó, rõ ràng "muốn công nghiệp hoá gấp thì là chủ quan".

- Có phát triển nông nghiệp mới có cơ sở để phát triển công nghiệp, "vì nước ta là một nước nông nghiệp, mọi việc đều phải dựa vào nông nghiệp". "Phải có một nền nông nghiệp phát triển thì công nghiệp mới có thể phát triển mạnh"[1]. "Muốn phát triển công nghiệp, phát triển kinh tế nói chung, thì phải lấy nông nghiệp làm gốc, làm chính. Nếu không phát triển nông nghiệp thì không có cơ sở để phát triển công nghiệp, vì nông nghiệp cung cấp nguyên liệu, lương thực cho công nghiệp và tiêu thụ hàng hoá do công nghiệp làm ra"[2].

- Vì nước ta có khí hậu nhiệt đới, đất đai màu mỡ, là điều kiện thuận lợi mà nhiều nước xã hội chủ nghĩa không có. Khí hậu nhiệt đới, đất đai màu mỡ, lao động nông nghiệp dồi dào, đó là ba nhân tố "thiên thời, địa lợi, nhân hoà" để phát triển nông nghiệp, phát triển kinh tế nói chung. Vì vậy, phải đi lên từ nông nghiệp, phải coi "phát triển nông nghiệp là cực kỳ quan trọng"[3].

Tư tưởng Hồ Chí Minh về ưu tiên phát triển nông nghiệp, trong bước đi ban đầu phải lấy nông nghiệp làm cơ sở để phát triển công nghiệp và phát triển kinh tế nói chung đã được Đảng ta kế thừa và vận dụng có hiệu quả trong thời kỳ đổi mới. Ở một đất nước giàu tiềm năng nông nghiệp mà trong nhiều năm ta vẫn phải trông chờ vào viện trợ lương thực của các nước anh em; bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng ta chọn nông nghiệp làm khâu đột phá và chỉ sau một vài năm, nền nông nghiệp nước ta đã phát triển mạnh, chẳng những đáp ứng nhu cầu lương thực trong nước mà còn trở thành một nước xuất khẩu gạo đứng hàng thứ hai trên thế giới. Đó là một minh chứng về tính khoa học đúng đắn của con đường phát triển kinh tế theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Quan điểm phát triển kinh tế phải gắn liền với thực hiện nhiệm vụ chính trị, với tiến bộ xã hội và đạo đức

Gắn bó kinh tế với chính trị, xã hội và đạo đức con người là một trong những quan điểm rất cơ bản của tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh. Chính trị

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.10, tr.14, 180, 544.

chỉ đạo kinh tế, kinh tế phát triển sẽ củng cố cho nền tảng chính trị bền vững. Nhưng kinh tế phát triển cũng có thể dẫn tới phá vỡ, gây mất cân đối giữa kinh tế với tiến bộ xã hội - đạo đức, kinh tế với môi trường tự nhiên, v.v... Hồ Chí Minh rất nhạy cảm với các vấn đề này nên trong chỉ đạo phát triển kinh tế, Người không chỉ nói một mặt, nhấn mạnh một chiều mà luôn luôn có sự kết hợp, nhằm tạo ra sự phát triển hài hoà giữa kinh tế với tiến bộ xã hội và đạo đức con người.

Theo Hồ Chí Minh, phát triển kinh tế phải đi liền với thực hiện công bằng xã hội và tiến bộ đạo đức, qua đó mà củng cố hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa. Người nói: "Nước ta bị Tây áp bức hơn 80 năm, bốn năm bị Nhật áp bức. Dân ta đói rét khổ sở không thể nói xiết... Chính phủ ta đã hứa với dân sẽ gắng sức làm cho ai nấy đều có phần hạnh phúc"[1]. Do đó, "Chính phủ phải thi hành *một nền chính trị liêm khiết* như cải thiện đời sống của nhân dân, cứu tế thất nghiệp, sửa đổi chế độ xã hội, phát triển kinh tế văn hoá, v.v... Có như thế, dân chúng mới đoàn kết chung quanh Chính phủ, mới vì quyền lợi thiết thân của mình mà hy sinh giết giặc"[2].

Trong kháng chiến chống Pháp, vạch chương trình công tác của Chính phủ, Người đề ra *ba nhiệm vụ:* thi đua giết giặc, thi đua tăng gia sản xuất và tiết kiệm đồng thời với chống nạn tham ô, lãng phí, quan liêu[3].

Thi đua giết giặc là nhiệm vụ chính trị lớn nhất lúc đó; thi đua tăng gia sản xuất và tiết kiệm là nhiệm vụ kinh tế; chống tham ô, lãng phí, quan liêu là nhiệm vụ xây dựng đạo đức mới. Ba nhiệm vụ đó có quan hệ chặt chẽ với nhau, thúc đẩy lẫn nhau. Nếu tăng gia sản xuất tốt mà để xảy ra tham ô, lãng phí trầm trọng thì rõ ràng là không đạt mục tiêu. Khi xảy ra vụ án tham ô của Trần Dụ Châu, Người đã chỉ đạo xử lý nghiêm khắc để không tái diễn những hành vi lợi dụng chức quyền, đục khoét công quỹ để ăn chia tiêu xài lãng phí, nêu gấm gương xấu trước đời sống gian khổ, cần kiệm của bộ đội và nhân dân.

Hoà bình lập lại, miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh mở cuộc vận động chỉnh huấn mùa xuân 1961, bồi dưỡng con người mới xã hội chủ nghĩa, nhằm quán triệt các quan điểm: tất cả phục vụ sản xuất; cần kiệm xây dựng nước nhà; chống chủ nghĩa cá nhân, tham ô, lãng phí, quan liêu,...

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.4, tr.56, 227.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.6, tr.484.

- Quan điểm tất cả phục vụ sản xuất

Đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, sản xuất trở thành mặt trận chính. Khẩu hiệu cần quán triệt lúc này là "tất cả phục vụ sản xuất". Người nói: "Muốn có chủ nghĩa xã hội thì không có cách nào khác là phải dốc lực lượng của mọi người ra để sản xuất; sản xuất là mặt trận chính của chúng ta hiện nay ở miền Bắc. *Tất cả phục vụ sản xuất!* Tất cả chúng ta, bất kỳ ở cấp nào, đều phải góp sức cho sản xuất phát triển"[1]. Đây là một trong những quan điểm cơ bản nhất trong tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh mà Người đòi hỏi phải quán triệt, phải làm cho nó trở thành tư tưởng chủ đạo, chi phối cách nghĩ, cách sống của mọi người, bởi có người vẫn ảo tưởng rằng cứ tuyên bố xây dựng chủ nghĩa xã hội thì lập tức mọi chuyện sẽ tự nhiên trở nên tốt đẹp. Chỉ có trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, cuộc sống của chúng ta mới dần dần được cải thiện. Người ví "mức sống với sản xuất như thuyền với nước. Nước cao thì thuyền mới lên cao". Do đó, theo Hồ Chí Minh, góp sức cho sản xuất phát triển phải trở thành thước đo đạo đức và ý chí cách mạng của mỗi người, "phải kiên quyết chống bệnh nói xuông, thói phô trương hình thức, lối làm việc không nhằm mục đích nâng cao sản xuất".

- Quan điểm cần kiệm xây dựng nước nhà

Chúng ta vừa ra khỏi chiến tranh, đất nước còn nghèo, nhân dân còn khổ, muốn được sung sướng không có cách nào khác là phải cần cù lao động. Hồ Chí Minh đưa ra khẩu hiệu *"Lao động là nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của chúng ta"*. "Trong xã hội ta, không có nghề nào thấp kém, chỉ có những kẻ lười biếng, ỷ lại mới đáng xấu hổ"[2].

Cần cù phải đi đôi với *tiết kiệm,* vì "sản xuất mà không đi đôi với tiết kiệm thì khác nào gió vào nhà trống". Do đó, phải làm cho ý thức tiết kiệm trở thành một tâm lý đạo đức ngự trị trong xã hội lành mạnh của chúng ta. Theo Hồ Chí Minh, "làm cho nhiều, tiêu thì ít, làm chóng tiêu chậm, tức là đầy đủ". Nhờ đó mà "nghèo trở nên đủ, đủ trở nên giàu, giàu thì giàu thêm"[3].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.10, tr.312, 313.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.10, tr.312, 313.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.4, tr.62.

Tiết kiệm, theo Hồ Chí Minh, bao gồm tiết kiệm *thời gian,* tiết kiệm *sức lao động* và tiết kiệm *của cải.* Tiết kiệm không phải chỉ là một *chuẩn mực đạo đức.* Tiết kiệm là để có nhiều của cải, tức là để được tiêu dùng nhiều hơn, lâu dài hơn, nó còn là một *phạm trù kinh tế.* Tiết kiệm là biết sử dụng thời gian, nhân lực, tài lực, trí tuệ của con người một cách có hiệu quả hơn, nó còn là *một vấn đề khoa học.*

Trái với tiết kiệm là *lãng phí,* Người đòi hỏi phải chống lãng phí: lãng phí trong sản xuất, trong tiêu dùng, lãng phí do bao cấp tràn lan, kéo dài, do thể chế không nghiêm. Vì vậy, phải thấm nhuần quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiết kiệm là một chính sách lớn, một đạo đức lớn, một nếp làm việc và nếp sống không bao giờ được lơ là, kẻ thù chính của nó là tệ tham ô, lãng phí, bệnh phô trương hình thức, là lề lối làm việc thiếu tinh thần trách nhiệm"[1].

- *Quan điểm nâng cao tinh thần tập thể, chống chủ nghĩa cá nhân*

Trong chiến tranh, mỗi người dân Việt Nam đều sẵn sàng hy sinh tính mạng và tài sản của mình vì độc lập, tự do; nhưng đi vào xây dựng trong hoà bình, lợi ích kinh tế trở thành mối quan tâm hàng đầu của mỗi con người. Do đó, phải biết xử lý mối quan hệ giữa các lợi ích sao cho hợp lý nhằm tạo ra động lực cho sự phát triển, bởi như Mác đã nói: lịch sử "chẳng qua chỉ là hoạt động của con người theo đuổi mục đích của bản thân mình", trong đó lợi ích là khâu trực tiếp tạo nên động cơ thúc đẩy con người lao vào hành động.

Tuy nhiên, xu thế của con người thường chạy theo lợi ích cá nhân, nếu không được điều chỉnh kịp thời dễ rơi vào chủ nghĩa cá nhân, mà "chủ nghĩa cá nhân - như Hồ Chí Minh nói - là một trở ngại lớn cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội", từ đó Người nhấn mạnh "thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân"[2]. Năm 1961, miền Bắc bước vào kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Với quan điểm "muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa"[3]. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mở *"cuộc chỉnh huấn mùa xuân"* nhằm xây dựng những con người xã hội chủ nghĩa có tư tưởng và tác phong xã hội chủ nghĩa.

---

1. C.K.: *Chung quanh một phòng họp mới*, Báo *Nhân dân*, 5-2-1960.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.9, tr.291.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.10, tr.310.

Thế nào là tư tưởng và tác phong xã hội chủ nghĩa?

Theo Hồ Chí Minh, trước hết con người xã hội chủ nghĩa phải có *ý thức làm chủ nhà nước, tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa và tư tưởng "mình vì mọi người, mọi người vì mình"*[1]. Ngày nay, người lao động không còn là người làm thuê như dưới chế độ cũ, mà đã là những *người chủ tập thể* mọi của cải vật chất và văn hoá của xã hội. Đã là người chủ thì phải chăm lo việc nước như việc nhà. "Người công nhân phải yêu quý máy móc như yêu quý con mình, người nông dân phải biết yêu quý trâu bò của hợp tác xã như bạn thân của mình. Mọi người phải biết giữ gìn của công, phải chăm lo việc tập thể như chăm lo việc gia đình"[2].

"Đã là người chủ thì phải biết tự mình lo toan, gánh vách, không ỷ lại, không ngồi chờ. Mỗi người phải ra sức góp công, góp của để xây dựng nước nhà... Ai cũng phải là một chiến sĩ dũng cảm phấn đấu xây dựng chủ nghĩa xã hội"[3].

Tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa hoàn toàn đối lập với *chủ nghĩa cá nhân*. Chủ nghĩa cá nhân là căn bệnh mẹ đẻ ra mọi tư tưởng sai lệch và tác phong xấu, đó là căn bệnh quan liêu, mệnh lệnh, tham ô, lãng phí, bảo thủ, rụt rè,... Mặt khác, Người cũng chỉ rõ: "Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là "giày xéo lên lợi ích cá nhân". Mỗi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và của gia đình mình. Nếu những lợi ích cá nhân đó không trái với lợi ích của tập thể, thì không phải là xấu", bởi "không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thoả mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa"[4]. Vì vậy, phải xác định cho đúng: trong chế độ xã hội chủ nghĩa, mỗi người là một bộ phận của tập thể, "lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích của tập thể. Lợi ích chung của tập thể được bảo đảm thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện để được thoả mãn"[5].

Qua đó, ta thấy Hồ Chí Minh rất chú ý đến vai trò của *nhân tố lợi ích* trong kinh tế, đồng thời luôn lấy đạo đức của người chủ tập thể để điều

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.10, tr.310. (Đây là câu nói của Mác, sau này được dịch lại một cách chính xác hơn là *"mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người"*).
2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.10, tr.310, 311.
4, 5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.9, tr.291.

chỉnh kịp thời các xung đột lợi ích, tạo ra sự kết hợp hài hoà giữa lợi ích chung và lợi ích riêng, sao cho nhà nước, hợp tác xã và xã viên đều có lợi. Chính nhờ luôn luôn kiên trì quan điểm phát triển kinh tế trong sự gắn bó chặt chẽ với chính trị, xã hội và đạo đức, nên vào sinh thời Hồ Chí Minh, những hiện tượng tiêu cực trong sản xuất và đời sống không phải không xảy ra, nhưng nhờ có sự tỉnh táo đề phòng và kiên trì nhắc nhở của Hồ Chí Minh, những tiêu cực đó đã sớm được ngăn chặn, đẩy lùi và hạn chế tới mức thấp nhất, không để xảy ra các vụ án kinh tế lớn, không để được mùa về kinh tế mà thất bát về xã hội và đạo đức.

Nếu bước vào thời kỳ chuyển đổi cơ chế kinh tế, từ tập trung bao cấp sang vận động theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta quán triệt đầy đủ tư tưởng Hồ Chí Minh và thực hiện tốt theo cách làm của Người, tiến hành chiến lược kinh tế đi đôi với chiến lược đạo đức, chắc chắn chúng cũng sẽ hạn chế được những tác hại ghê gớm của kinh tế thị trường, sẽ không để xảy ra "quốc nạn" tham nhũng, quan liêu, làm tha hoá, biến chất một bộ phận không nhỏ cán bộ có chức, có quyền, có nguy cơ đe doạ đến an ninh của đất nước, tồn vong của chế độ.

3. Quan điểm về lựa chọn cơ cấu của nền kinh tế quốc dân trong thời kỳ quá độ

Cơ cấu kinh tế được hiểu là tổng thể các mối quan hệ tương tác giữa các yếu tố, các bộ phận hợp thành của một nền kinh tế, được xác lập trong những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định, trong một khoảng thời gian nhất định.

Từ rất sớm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quan tâm đến mối quan hệ và tỷ lệ giữa các yếu tố hợp thành của nền kinh tế quốc dân. Người đã có ý kiến về cơ cấu của hầu hết các cấp, các ngành, các lĩnh vực kinh tế: từ cơ cấu kinh tế cả nước đến cơ cấu kinh tế của từng ngành, cơ cấu vùng (đồng bằng, trung du, miền núi, miền biển), cơ cấu kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, kinh tế trong nước và hợp tác kinh tế với nước ngoài - tức là quan hệ giữa xuất và nhập, giữa tự lực cánh sinh với tranh thủ viện trợ và hợp tác với nước ngoài.

3.1. Về lựa chọn cơ cấu cho nền kinh tế quốc dân

Bước vào xây dựng kinh tế ở bất cứ nước nào, vấn đề trước tiên cần xác định là *lựa chọn cơ cấu nào* để đạt tới hiệu quả kinh tế cao nhất. Lựa

chọn cơ cấu nào cho nền kinh tế quốc dân không thể do ý chí chủ quan của người lãnh đạo, mà phụ thuộc chủ yếu vào điều kiện lịch sử - xã hội khách quan đất nước. Từ một nước nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ, bị chiến tranh tàn phá, Việt Nam quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, chúng ta lựa chọn cơ cấu nào được coi là hợp lý cho chặng đầu của thời kỳ quá độ?

- Ngay từ đầu, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định: *đó là cơ cấu công - nông nghiệp hiện đại.* Cũng như "người thì có hai chân, kinh tế một nước thì có hai bộ phận chính: nông nghiệp và công nghiệp". Hai ngành kinh tế chủ chốt này có quan hệ mật thiết với nhau, hỗ trợ cho nhau cùng phát triển.

Người nói: "*Nông nghiệp* phải phát triển mạnh để cung cấp đủ lương thực cho nhân dân; cung cấp đủ nguyên liệu (như bông, mía, chè...) cho nhà máy, cung cấp đủ nông sản (như lạc, đỗ, đay...) để xuất khẩu"...

"*Công nghiệp* phải phát triển mạnh để cung cấp đủ hàng tiêu dùng cần thiết cho nhân dân, trước hết là cho nông dân; cung cấp máy bơm, phân hoá học, thuốc trừ sâu... để đẩy mạnh nông nghiệp và cung cấp dần dần máy cấy, máy bừa cho các hợp tác xã nông nghiệp. Công nghiệp phát triển thì nông nghiệp mới phát triển. Cho nên công nghiệp và nông nghiệp phải giúp đỡ lẫn nhau và cùng nhau phát triển, như hai chân đi khoẻ và đi đều thì tiến bước sẽ nhanh và nhanh chóng đi đến mục đích"[1]. Theo phân tích của Người, đó cũng là nhằm thực hiện *liên minh công nông* để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Trong cơ cấu đó, xuất phát từ điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam, ta đang phải tập trung phát triển ngành nào, *lấy cái gì làm gốc, làm chính?* Trong thư gửi nông gia Việt Nam tháng 4-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Việt Nam là một nước sống về nông nghiệp. Nền kinh tế của ta lấy canh nông làm gốc. Trong công cuộc xây dựng nước nhà, Chính phủ trông mong vào nông nghiệp một phần lớn. Nông dân ta giàu thì nước ta giàu. Nông nghiệp thịnh thì nước ta thịnh"[2].

Sau này, khi miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhấn mạnh vai trò cực kỳ quan trọng của nông

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.10, tr.544-545.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.4, tr.215.

nghiệp, coi *tập trung phát triển nông nghiệp* là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và yêu cầu các ngành khác "phải lấy phục vụ nông nghiệp làm trung tâm"[1]. Mặt khác, Người cũng nhắc nhở: nông nghiệp muốn làm được chức năng là *cơ sở cho sự phát triển của công nghiệp* và *các ngành kinh tế khác,* bản thân nó phải là một *nền nông nghiệp toàn diện.*

Thế nào là một nền nông nghiệp toàn diện? Cơ cấu một nền nông nghiệp toàn diện theo Hồ Chí Minh, bao gồm các ngành trồng trọt, chăn nuôi, đánh cá, làm muối, trồng rừng và các ngành nghề khác ở nông thôn. Trong *trồng trọt* phải ưu tiên phát triển cây lương thực, bao gồm cả hoa màu, ngoài ra còn phải phát triển cây công nghiệp như gai, trẩu, sở, chè, hồi, màng tang, đỗ trọng, lạc, mía và cây ăn quả,... "Các thứ cây này cần nhiều mà xuất khẩu cũng được tiền"[2].

Về *chăn nuôi,* Người chủ trương cần xây dựng chăn nuôi thành một ngành sản xuất chính trong nông nghiệp, nhất là ở miền núi và trung du, và không chỉ có nuôi lợn mà "phải hết sức chú ý chăn nuôi trâu, bò, ngựa, dê, ong, v.v...", nuôi lấy thịt mà còn để vắt sữa nữa[3].

- Nước ta là một nước nông nghiệp, chỗ bắt đầu đi lên của ta là nông nghiệp, nên *trước mắt chúng ta phải lấy nông nghiệp làm chính,* tức là theo cơ cấu nông - công nghiệp. Nhưng nông nghiệp chỉ có thể phát triển mạnh, có sản phẩm dồi dào khi mà ta dùng máy móc để sản xuất một cách thật rộng rãi, mà muốn có nhiều máy, thì như Bác Hồ nói, phải mở mang các ngành công nghiệp làm ra máy, ra gang, thép, than, dầu... "Đó là con đường phải đi của chúng ta, *con đường công nghiệp hoá nước nhà,...* con đường no ấm thật sự của nhân dân ta"[4].

Về cơ cấu của *ngành công nghiệp,* Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập đến vị trí, chức năng của từng ngành: công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp địa phương và tiểu thủ công nghiệp.

Về tầm quan trọng của *công nghiệp nặng,* Người viết: "Công nghiệp nặng là đầu mối để mở mang các ngành công nghiệp khác và cung cấp máy móc cho nông nghiệp. Cho nên, chưa có công nghiệp nặng thì chưa

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.11, tr.396.
2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.11, tr.243.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.10, tr.41, 43.

thể có một nền kinh tế tự chủ và giàu mạnh được"[1]. Tuy nhiên, chưa thấy có lúc nào Người nói phải ưu tiên phát triển công nghiệp nặng mà thường nói "nhiệm vụ của công nghiệp nặng rất nặng nề nhưng rất vẻ vang", "chúng ta phải quyết tâm phát triển tốt công nghiệp nặng"[2].

Về vị trí của *ngành công nghiệp nhẹ,* Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Ngành công nghiệp nhẹ quan hệ rất khăng khít với đời sống hàng ngày của nhân dân. Vì vậy, nhiệm vụ của công nghiệp nhẹ là rất quan trọng"[3]. Bên cạnh những ưu điểm đáng khen, Người đã chỉ ra những khuyết điểm, yếu kém của ngành công nghiệp nhẹ là chất lượng nhiều mặt hàng sản xuất ra còn thấp kém, mới chỉ dùng được mấy hôm "đã có vấn đề", gây dư luận không tốt trong nhân dân.

Về *công nghiệp địa phương,* Người nhắc nhở "phải chú ý làm cho đúng phương châm: vốn, nguyên liệu, vật liệu, người của địa phương là chính; sản xuất hàng ra chủ yếu bán ở địa phương"[4]. Vì là một lĩnh vực mới, Người yêu cầu các xí nghiệp quốc doanh phải chú ý giúp đỡ cho công nghiệp địa phương ngày một phát triển.

Về *tiểu thủ công nghiệp,* Người khẳng định "thủ công nghiệp cũng là một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế nhà nước và quan hệ đến đời sống của hàng vạn đồng bào"[5]. Vì vậy, Người yêu cầu phải giúp đỡ các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp ổn định và phát triển, khơi dậy tiềm năng của các ngành thủ công truyền thống tinh xảo, đồng thời phát triển các ngành nghề ở nông thôn.

Trong bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ, việc lựa chọn cơ cấu công - nông nghiệp hiện đại cùng với việc chỉ ra mối quan hệ tương tác giữa các bộ phận hợp thành - như Hồ Chí Minh đã xác định - đó là một sự lựa chọn hợp lý, sáng suốt. Nhờ đó, trong những năm đầu hoà bình vừa lập lại, nền kinh tế của miền Bắc đã có những chuyển biến đáng mừng, nhanh chóng hàn gắn xong các vết thương chiến tranh, mức sản xuất năm 1960 đã vượt cao hơn mức năm 1939, đời sống của cán bộ và nhân dân miền Bắc bước đầu được cải thiện rõ rệt, đã xuất hiện một không khí tưng bừng, phấn khởi chưa từng có khi nhân dân ta sôi nổi bước vào thực

1. Báo Nhân dân: *Thế nào là công nghiệp hoá,* ký tên C.K., ngày 22-1-1960.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.11, tr.352, 362, 84.
3, 5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.11, tr.352, 362, 84.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.10, tr.41, 43.

hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, điều này được phản ánh trong tiếng reo hồ hởi của thơ Tố Hữu: "Chào 61 đỉnh cao muôn trượng!".

Tiếc rằng, tư tưởng chủ quan, duy ý chí đã xuất hiện khá sớm, dẫn đến chủ trương "ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý", nhưng trên thực tế, ta đã đầu tư không hợp lý vào quá nhiều công trình lớn, xây dựng dở dang, kém hiệu quả, làm cho đời sống kinh tế lâm vào khó khăn, thiếu thốn triền miên. Đại hội VI đã mở đầu thời kỳ đổi mới bằng cách trở về với tư tưởng Hồ Chí Minh. Đại hội khẳng định phải "dứt khoát sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân theo cơ cấu hợp lý, trong đó các ngành, các vùng, các thành phần kinh tế,... phải được bố trí cân đối, liên kết với nhau, phù hợp với điều kiện thực tế". Đại hội đề ra ba chương trình mục tiêu về *lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng* và *hàng xuất khẩu,* thực tế là đã *đưa nông nghiệp trở lại về với vị trí là mặt trận hàng đầu* trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ.

Như vậy, mỗi cơ cấu kinh tế đều phải là sản phẩm khách quan, phù hợp với trình độ kinh tế - xã hội của một thời kỳ nhất định. Sự phát triển của kinh tế tự bản thân nó sẽ phá vỡ cơ cấu cũ để chuyển dịch sang cơ cấu kinh tế mới. Sau 20 năm đổi mới và phát triển, kinh tế Việt Nam đang chuyển dần sang cơ cấu mới: *cơ cấu công - nông nghiệp và dịch vụ,* trong đó tỷ trọng nông nghiệp trong GDP đang ngày càng giảm xuống, tỷ trọng của công nghiệp và dịch vụ đang tăng lên, tuy vẫn còn chậm, như Đại hội IX của Đảng đã nhận định.

3.2. Về cơ cấu thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ

Cơ cấu các thành phần của một nền kinh tế phụ thuộc vào sự tồn tại của các hình thức sở hữu, các kiểu quan hệ sản xuất, vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, của sản xuất hàng hoá trong thời kỳ quá độ. Như Lênin đã chỉ rõ: nền kinh tế trong thời kỳ quá độ, xét về toàn bộ, nó là nền kinh tế quá độ, còn tồn tại nhiều hình thức sở hữu (sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân, sở hữu hỗn hợp) do đó sự tồn tại của các thành phần kinh tế khác nhau là một tất yếu khách quan. Mỗi thành phần kinh tế còn phát huy tác dụng tích cực, có đóng góp vào quốc kế dân sinh thì không thể dùng mệnh lệnh hành chính mà xoá bỏ ngay một lúc được.

Khi nghiên cứu *Chính sách kinh tế mới* của Lênin để vận dụng vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, ngay từ trong kháng chiến chống Pháp,

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói rõ, ở vùng tự do của ta, còn tồn tại 6 thành phần kinh tế sau đây:

- *Kinh tế địa chủ* phong kiến bóc lột địa tô, nhưng vì để thực hiện đại đoàn kết dân tộc, Đảng và Nhà nước ta chưa chủ trương xoá bỏ ngay thành phần kinh tế này, mà chỉ thực hiện giảm tô, giảm tức, để tập hợp mọi lực lượng của dân tộc, đưa kháng chiến đến thành công.

- Kinh tế quốc doanh, có tính chất xã hội chủ nghĩa, là nền tảng của nền kinh tế dân chủ mới, dưới sự lãnh đạo thống nhất của Chính phủ nhân dân.

- *Kinh tế hợp tác xã* (tiêu thụ và cung cấp) có tính chất nửa xã hội chủ nghĩa, do nhân dân giúp nhau mua bán, không để con buôn bóc lột.

- *Kinh tế cá nhân* của nông dân và thợ thủ công, có tính chất cá thể, tự cấp tự túc, còn nhiều lạc hậu.

- *Kinh tế tư bản tư nhân.* Họ bóc lột công nhân, nhưng đồng thời họ cũng góp phần vào xây dựng kinh tế đất nước.

- *Kinh tế tư bản quốc gia* là Nhà nước hùn vốn với tư nhân để kinh tế, do nhà nước lãnh đạo. Trong loại này, tư bản của tư nhân là chủ nghĩa tư bản, tư bản của Nhà nước là chủ nghĩa xã hội[1].

Sự tồn tại của các thành phần kinh tế nói trên phản ánh thực trạng của nền kinh tế kháng chiến cả về tính chất, trình độ của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, trong đó có hai thành phần kinh tế bóc lột, nhất là kinh tế địa chủ, chưa thể xoá bỏ, do yêu cầu của đoàn kết dân tộc, còn kinh tế tư bản tư nhân tuy rất nhỏ yếu, có bóc lột nhưng Chính phủ bảo vệ lợi quyền của công nhân, không cho họ bóc lột quá tay. Trong điều kiện khó khăn, kém phát triển của kháng chiến ta cần tranh thủ tận dụng vốn, kinh nghiệm sản xuất, tổ chức quản lý của nhà tư sản phục vụ cho cuộc kháng chiến lâu dài của ta, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của nhân dân.

Sau khi miền Bắc nước ta chính thức bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong báo cáo về dự thảo Hiến pháp, Hồ Chí Minh nói rõ: Nhà nước ta vẫn thừa nhận còn tồn tại 4 hình thức sở hữu chính: sở hữu

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.7, tr.221.

của Nhà nước, sở hữu của hợp tác xã, sở hữu của người lao động riêng lẻ và một ít sở hữu của nhà tư bản, do đó trong thực tế vẫn còn tồn tại các thành phần kinh tế sau:

- *Kinh tế quốc doanh* với tính cách là nền tảng vật chất của chủ nghĩa xã hội.

- *Kinh tế hợp tác xã* (của nông dân và thợ thủ công) được tổ chức theo nguyên tắc tự nguyện.

- *Kinh tế công tư hợp doanh,* thực chất là kinh tế tư bản nhà nước, nhà nước góp vốn với nhà tư sản dân tộc cùng hợp doanh, dưới sự lãnh đạo của nhà nước, qua đó giúp nhà tư sản tiếp thu cải tạo, hoà mình với nhân dân lao động cùng xây dựng Tổ quốc.

- *Kinh tế của những người lao động riêng lẻ* chưa có điều kiện gia nhập hợp tác.

Do chưa nhận thức được thời kỳ quá độ là một thời kỳ lịch sử lâu dài, phải trải qua nhiều chặng đường, phải bắc nhiều nhịp cầu nhỏ để quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhất là ở một nước nông nghiệp lạc hậu, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa như ở nước ta, nên chúng ta cũng không nhận thức được sự tồn tại lâu dài của nền kinh tế nhiều thành phần cũng là một tất yếu lịch sử. Do chủ quan, nôn nóng, chúng ta đã dùng biện pháp hành chính, cưỡng bức để nhanh chóng xoá đi các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, tưởng rằng như thế sẽ sớm có chủ nghĩa xã hội! Và chúng ta đã phải trả giá cho những nhận thức và việc làm trái quy luật kinh tế khách quan: *quan hệ sản xuất mới phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.* Kinh nghiệm thực tế đã chỉ cho chúng ta thấy, lực lượng sản xuất không chỉ bị kìm hãm trong trường hợp quan hệ sản xuất lạc hậu mà cả khi quan hệ sản xuất phát triển không đồng bộ, có những yếu tố đi quá xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Đại hội Đảng lần thứ VI đã trở về với quan điểm của Lênin, coi *nền kinh tế nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ.* Các thành phần đó, như Đại hội VI xác định, gồm có:

- *Kinh tế xã hội chủ nghĩa:* bao gồm kinh tế *quốc doanh* và kinh tế *tập thể.*

- *Các thành phần kinh tế khác* gồm: kinh tế tiểu sản xuất hàng hoá (cá thể); kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước (mà hình thức

cao là công tư hợp doanh); kinh tế tự nhiên tự cấp tự túc (ở Tây Nguyên và các vùng núi cao).

Đại hội Đảng lần thứ IX đã xác định nền kinh tế nhiều thành phần của nước ta hiện nay gồm 6 thành phần cụ thể sau đây:

- Kinh tế nhà nước;
- Kinh tế tập thể;
- Kinh tế cá thể, tiểu chủ;
- Kinh tế tư bản tư nhân;
- Kinh tế tư bản nhà nước;
- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Về phương hướng phát triển của nền kinh tế nhiều thành phần, nghị quyết Đại hội IX chỉ rõ: "Thực hiện nhất quán nền kinh tế nhiều thành phần. Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh; trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân"[1].

Đó cũng là thể hiện sự kế thừa và phát triển quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ vào hoàn cảnh của nước ta.

4. Quan điểm xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ đồng thời với mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế

Độc lập về chính trị chỉ có thể được củng cố vững vàng trên cơ sở một nền kinh tế độc lập tự chủ đáp ứng được các nhu cầu bên trong và đủ sức giao lưu với bên ngoài nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao đời sống của nhân dân. Nếu sản xuất yếu kém, không đáp ứng được nhu cầu trong nước, phải phụ thuộc vào kinh tế nước ngoài thì trước sau cũng dẫn đến bị phụ thuộc về chính trị, không bảo vệ được độc lập và chủ quyền dân tộc.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, sđd, tr.95, 96.

4.1. Về xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ

Sau khi giành lại chính quyền về tay nhân dân, Nhà nước ta được thừa hưởng một gia tài kinh tế suy sụp chưa từng thấy: do Nhật, Pháp vơ vét thóc lúa đã gây ra nạn đói khủng khiếp, cướp đi hơn hai triệu sinh mệnh đồng bào ta; nạn ngập lụt lại đang diễn ra trên 9 tỉnh sản xuất lúa gạo của miền Bắc, làm cho tình hình càng thêm trầm trọng; nền tài chính kiệt quệ, ngân khố quốc gia trống rỗng; nạn đầu cơ tích luỹ hoành hành, hàng vạn công nhân thất nghiệp,...

Để đưa nước nhà ra khỏi hiểm nguy, trước mắt phải khắc phục nạn đói, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị với Hội đồng Chính phủ lâm thời phát động một chiến dịch tăng gia sản xuất. Người kêu gọi: "Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa!... Đó là cách thiết thực của chúng ta để giữ vững quyền tự do, độc lập"[1]. Hưởng ứng lời kêu gọi của Người, cả nước thi đua thực hiện "tấc đất, tấc vàng", "không một tấc đất bỏ hoang". Chủ tịch, các bộ trưởng và nhân viên Chính phủ cũng tham gia sản xuất sau giờ làm việc. Trong khi chờ đợi thu hoạch ngô, khoai, sắn, trên tinh thần nhường cơm sẻ áo, Người đề xướng phong trào quyên gạo cứu đói, lập "hũ gạo cứu đói", "ngày đồng tâm nhịn ăn". Hàng vạn tấn gạo quyên được đã gửi đi cứu giúp đồng bào các địa phương. Nạn đói từng bước được đẩy lùi.

Để xây dựng nền tài chính quốc gia và ngân sách quốc phòng, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh đặt ra *Quỹ độc lập* và *Quỹ đảm phụ quốc phòng,* phát động *Tuần lễ vàng,* kêu gọi sự đóng góp của nhân dân vào xây dựng nền tài chính độc lập của Việt Nam. Tiếp theo, Người cho phát hành *giấy bạc Việt Nam* (tiền tài chính), tuyên bố thủ tiêu đồng tiền Đông Dương, làm cho nền kinh tế Việt Nam thoát khỏi sự lệ thuộc vào Ngân hàng Đông Dương do thực dân Pháp đang kiểm soát.

Trong hoàn cảnh chuẩn bị bước vào kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra khẩu hiệu *"vừa kháng chiến, vừa kiến quốc",* nêu cao tinh thần *tự lực cánh sinh, cần kiệm trong sản xuất và tiêu dùng,* thực hiện *động viên kinh tế,* "người có sức giúp sức, có tiền giúp tiền, có của giúp của". Nông dân trồng nhiều lúa, nhiều màu, nhiều bông để quân đội ta ăn no đánh thắng, dân ta đủ mặc, đủ dùng. Công nhân chế tạo nhiều vũ khí

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.4, tr.115.

cho bộ đội giết giặc, nhiều nông cụ, đồ dùng thiết yếu cung cấp cho nhân dân. Các nhà công thương phải hoạt động để xây dựng một nền kinh tế - tài chính vững vàng và thịnh vượng, đem vốn vào làm những công cuộc ích quốc lợi dân, v.v...

Nhờ những chủ trương đó, mặc dù bị địch bao vây về kinh tế và ngoại giao, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta đã vượt qua được những năm tháng cầm cự đầy gian khổ, khó khăn, từng bước giành được những thắng lợi ngày càng to lớn, buộc kẻ thù phải ngồi vào đàm phán, kết thúc chiến tranh. Đó cũng là thắng lợi của ý chí độc lập tự chủ, tự lực tự cường cả về chính trị, quân sự và kinh tế.

Sau năm 1954, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, nước ta đã nhận được sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, nhất là của Liên Xô và Trung Quốc, nhưng chúng ta vẫn phải nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, dựa vào sức mình là chính, bởi nền kinh tế miền Bắc không phải chỉ lo phát triển sản xuất, bảo đảm đời sống cho nhân dân mà còn có trách nhiệm chi viện sức người, sức của cho cách mạng miền Nam và thực hiện nghĩa vụ quốc tế với hai nước bạn láng giềng. Trong tình hình đó, chúng ta vẫn phải tiếp tục phấn đấu xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ, có khả năng đáp ứng nhu cầu cải thiện của nhân dân, tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, chủ động đối phó với mọi tình huống phức tạp có thể xảy ra. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhắc nhở cán bộ và nhân dân ta hiểu rằng "với sự giúp đỡ của các nước bạn, ta vẫn phải tự lực, hăng hái mà làm". Các nước bạn ra sức giúp đỡ ta không phải để ta ỷ lại mà "để chúng ta có thêm điều kiện tự lực cánh sinh"[1]. Hướng tiến lên của chúng ta là "phải xây dựng *một nền công nghiệp dân tộc tự chủ* có khả năng cung cấp hàng tiêu dùng và trang bị tư liệu sản xuất cho nền kinh tế quốc dân"[2], có như vậy mới giữ được độc lập tự chủ. Năm 1965, trả lời phỏng vấn của *Nhật báo công nhân* (Anh), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu lên một trong những thành tích chủ yếu của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là đã "bước đầu xây dựng công nghiệp nặng làm cơ sở cho *nền kinh tế độc lập của Việt Nam*"[3].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.8, tr.48.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.10, tr.433.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.11, tr.459.

4.2. Phá vỡ thế bao vây, tranh thủ mở rộng hợp tác quốc tế

Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ được thể hiện chủ yếu ở tinh thần độc lập, tự chủ trong việc vạch ra đường lối, phương hướng phát triển kinh tế; ở chủ trương, chính sách, thể chế, quy mô, cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát huy nội lực, thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao đời sống của nhân dân và tăng cường tiềm lực đất nước. Xây dựng kinh tế độc lập tự chủ không đồng nghĩa với đóng cửa, khép kín kiểu tự cấp tự túc, nhất là với một nền kinh tế vốn bị thực dân, phong kiến kìm hãm trong nghèo nàn, lạc hậu như nước ta, muốn phát triển phải tranh thủ mở rộng giao lưu, hợp tác với nước ngoài để tranh thủ thu hút vốn đầu tư, khoa học - công nghệ và kinh nghiệm tổ chức sản xuất, quản lý kinh tế, v.v...

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức được điều này, nhất là trong điều kiện nước Cộng hoà non trẻ của chúng ta đang ở trong vòng vây bốn bề của hệ thống tư bản, chưa được một quốc gia nào công nhận chính thức về mặt ngoại giao. Ngay từ cuối tháng 12-1946, trong lời kêu gọi gửi Liên hợp quốc, Người đã chủ động tuyên bố *chính sách mở cửa và hợp tác* rộng rãi của Việt Nam trên mọi lĩnh vực:

"a. Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình.

b. Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường xá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế.

c. Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc.

d. Nước Việt Nam sẵn sàng ký kết với các lực lượng hải quân, lục quân trong khuôn khổ của Liên hợp quốc những hiệp định an ninh đặc biệt và những hiệp ước liên quan đến việc sử dụng một vài căn cứ hải quân và không quân"[1].

Trong tuyên bố đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nói rõ: Việt Nam không chỉ chiến đấu vì những quyền lợi thiêng liêng của mình mà còn vì một sự nghiệp chung, "đó là sự khai thác tốt đẹp những nguồn lợi kinh tế và một tổ chức có hiệu quả cho an ninh ở Viễn Đông".

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.4, tr.470, 472.

Trong chính sách có tầm nhìn xa đó, Hồ Chí Minh vẫn dành phần xứng đáng cho nước Pháp. Trả lời các nhà báo về chính kiến của nguyên Thủ tướng Pháp Lêông Blum (tháng 12-1946) Người nói: "Việt Nam quyết lòng thật thà cộng tác với nhân dân Pháp như anh em, trên nền tảng độc lập, bình đẳng, quyết lòng tôn trọng lợi ích văn hoá và vật chất của nước Pháp ở đây"[1]. Sau này, trong các lần trả lời phỏng vấn của phóng viên các nước Mỹ, Anh, Pháp, Thái Lan,... Người đều nhắc lại chính sách nhất quán là, "Việt Nam sẽ giao dịch với tất cả các nước nào trên thế giới muốn giao dịch với Việt Nam một cách thật thà"[2], trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền dân tộc, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

Tất nhiên, trong hoàn cảnh chiến tranh, Việt Nam lại chưa được một nước nào công nhận về mặt ngoại giao, chính sách nói trên chưa có điều kiện trở thành hiện thực, nhưng quyết không phải chỉ là sách lược tuyên truyền mà là một chính sách kinh tế nhất quán của Hồ Chí Minh, chính sách đó đã đặt nền tảng cho đường lối mở cửa, hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước ta ở thời kỳ hiện nay.

Từ sau chiến dịch Biên giới (1950), vùng tự do của ta được nối liền với hậu phương lớn Trung Quốc, Liên Xô,... bên cạnh việc tiếp nhận viện trợ kinh tế - quân sự của nước bạn ta đã mở ra *quan hệ mậu dịch* với các tỉnh biên giới của Trung Quốc, đưa nông - lâm - thổ sản đổi lấy hàng hoá tiêu dùng, đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của nhân dân.

Sau khi miền Bắc đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, quan hệ kinh tế đối ngoại của Nhà nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa anh em ngày càng được mở rộng. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn nhắc nhở cán bộ và nhân dân phải biết tận dụng sự viện trợ quý báu của các nước anh em để xây dựng đất nước. Người nói: "Các nước bạn giúp ta cũng như thêm vốn cho ta. Ta phải khéo dùng cái vốn ấy để bồi bổ lực lượng của ta, phát triển khả năng của ta. Song nhân dân và cán bộ ta tuyệt đối chớ vì bạn ta giúp nhiều mà đâm ra ỷ lại. Trái lại, chúng ta phải học tập tinh thần tự lực tự cường, tinh thần hăng hái thi đua sản xuất và tiết kiệm của nhân dân các nước bạn"[3]. Người nêu gương thắt lưng buộc bụng của nhân dân

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.4, tr.470, 472.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.5, tr.578.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.8, tr.30.

Liên Xô trong những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội đã tiết kiệm tiêu dùng, dành những thứ của ngon vật quý đưa ra nước ngoài đổi lấy máy móc; đồng thời cũng nêu một hiện tượng ở Nghệ An "trên trời, dưới lạc", từ thành thị đến thôn quê, từ ngoài đường đến trong chợ, đâu đâu cũng làm và bán kẹo lạc, chí ít mỗi tháng cũng hết 54 tấn, mỗi năm hết 650 tấn. Nếu đem ra nước ngoài thì mỗi tấn lạc đổi được 1,5 tấn gang, mỗi năm đổi được 975 tấn gang, nếu các nơi đều tiết kiệm lạc thì mỗi năm ta có thể đổi được biết bao máy cày cho nông thôn! Vậy Người có lời khuyên rằng:

Làm thế nào cho *lạc* thêm *vui*?
Đổi lấy máy móc thì bày tui quyết làm!"[1].

Đó cũng là tinh thần cơ bản của phương châm *phát huy cao độ nội lực để tranh thủ ngoại lực, biến ngoại lực thành nội lực* mà Nghị quyết Đại hội IX của Đảng ta đã nói.

5. Quan điểm về con người - động lực quan trọng nhất của xây dựng và phát triển kinh tế

Mọi quy luật xã hội đều phát huy tác dụng thông qua hoạt động của con người - với tư cách là chủ thể sáng tạo của lịch sử. Cái kích thích, thúc đẩy hay kìm hãm con người trong đấu tranh sản xuất hay đấu tranh giai cấp là *nhu cầu* và *lợi ích* của họ. Cái thúc đẩy con người trong sản xuất, kinh tế là tiền lương, tiền thưởng; là quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh; là chính sách thuế khoá, giá cả; là vấn đề công bằng, dân chủ trong lao động và phân phối, v.v... Xây dựng và phát triển kinh tế, muốn đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao phải tạo ra và thường xuyên điều chỉnh các cơ chế, chính sách, phương thức tổ chức, quản lý,... nhằm tích cực hoá nhân tố con người, làm cho con người trở nên phấn khởi, năng động, sáng tạo, đem hết trí tuệ, sức lực làm cho sản xuất, kinh tế phát triển.

Phát huy sức mạnh của nhân tố con người trong đấu tranh cách mạng cũng như trong sản xuất và phát triển kinh tế là một tư tưởng chiến lược được quán triệt trong toàn bộ cuộc đời cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, *con người* - với tất cả sức

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.10, tr.575-576.

mạnh thể chất và tinh thần, với tất cả nhu cầu và lợi ích của nó - bao giờ cũng là *mục tiêu* và *động lực* của cách mạng - trong đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như trong xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Người thường nói: "Vô luận việc gì đều do con người làm ra cả", "có dân là có tất cả". Do đó, Người thường nhắc nhở cán bộ phải biết tin ở dân; dựa vào dân, phát huy sức mạnh của toàn dân - của toàn thể cộng đồng cũng như của mỗi cá nhân. Miền Bắc đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, Người nói: "Chủ nghĩa xã hội chỉ có thể xây dựng với giác ngộ đầy đủ và lao động sáng tạo của hàng chục triệu người". Từ đó, Người đề ra một luận điểm mà ngày nay ta gọi là chiến lược con người: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa", "Phải coi *nhân tố con người* là vấn đề số một"[1]. Trước tình hình đời sống nhân dân có phần khó khăn, Người đề nghị giảm một phần vốn xây dựng để giải quyết vấn đề ăn mặc cho quần chúng tốt hơn, đừng để cho tình hình đời sống căng thẳng quá. Người nói: "*Vấn đề con người* là hết sức quan trọng. Nhà máy cũng rất cần thêm, có sớm, nhưng cần hơn là con người, là sự phấn khởi của quần chúng; làm tất cả là do con người"[2].

Nói *nhân tố con người* là nói đến những phẩm chất, thuộc tính, tri thức, kinh nghiệm, năng lực, thói quen,... của con người được biểu hiện trong các dạng thức hoạt động khác nhau, qua đó ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, kinh tế.

Nói *phát huy sức mạnh của nhân tố con người* là nói đến hệ thống các biện pháp nhằm tác động vào tính tích cực xã hội của con người với tư cách là chủ thể sáng tạo của lịch sử. Nếu nhân tố con người là một cấu trúc phức tạp, nhiều bộ phận thì hệ thống biện pháp mà Chủ tịch Hồ Chí Minh sử dụng nhằm tác động vào tính tích cực xã hội của con người cũng rất đa dạng, phong phú.

Trước hết, Người chú trọng giáo dục *chủ nghĩa yêu nước, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và đạo đức cách mạng* cho cán bộ và nhân dân. Đây là nguồn lực tinh thần nội sinh có tầm quan trọng hàng đầu mà Người luôn luôn nhắc nhở phải khơi dậy mạnh mẽ biến nó thành sức mạnh to lớn, rửa cái nhục nghèo nàn lạc hậu, đưa Việt Nam lên hàng các quốc gia phát

1. Báo *Nhân dân*, số ra ngày 7-4-1965.
2. Trích biên bản Hội nghị Trung ương. Theo *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, t.8, tr.239.

triển trong một thế giới văn minh, hiện đại. Nếu để xảy ra tình trạng suy thoái về chính trị - tư tưởng - đạo đức - lối sống, nhất là trong đội ngũ cán bộ, đảng viên có chức có quyền, làm suy giảm niềm tin của nhân dân vào tương lai của chủ nghĩa xã hội thì chẳng những chủ nghĩa xã hội không được thực hiện mà đất nước cũng lâm vào tình hình khó khăn không thể lường hết được.

Thứ hai, Người nhắc nhở phải ra sức *phát huy quyền làm chủ và ý thức làm chủ của người lao động.* Đó là cái quyền được làm chủ sở hữu, làm chủ quá trình sản xuất và phân phối. Cán bộ không được mệnh lệnh, cưỡng ép, làm triệt tiêu nhiệt tình lao động và sáng tạo của người dân. Hồ Chí Minh căn dặn: "Các hợp tác xã phải làm thế nào để các xã viên đều thấy rằng mình là người làm chủ tập thể của hợp tác xã, có quyền bàn bạc và quyết định những công việc của hợp tác xã. Có như thế thì xã viên sẽ đoàn kết chặt chẽ, phấn khởi sản xuất và hợp tác xã sẽ tiến bộ không ngừng"[1].

Mặt khác, Người cũng nói: "Muốn làm chủ được tốt, *phải có năng lực làm chủ.* Chúng ta học tập chính là để có đủ năng lực làm, có đủ năng lực tổ chức cuộc sống mới, trước hết là tổ chức ngành sản xuất mới... Ý thức làm chủ không phải chỉ tỏ rõ ở tinh thần hăng hái lao động, mà còn phải tỏ rõ ở tinh thần say mê học tập để không ngừng nâng cao năng lực làm chủ của mình"[2]. Như vậy, Hồ Chí Minh đã dự báo: kinh tế phát triển, nhiều ngành sản xuất mới sẽ ra đời, nếu không chịu khó học tập, trau dồi kiến thức, kỹ năng mới,... thì không theo kịp sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ.

Nói chuyện tại Đại hội sinh viên Việt Nam lần thứ hai (5-1958), Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu thanh niên trí thức phải yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu lao động và *yêu khoa học,* "bởi vì tiến lên chủ nghĩa xã hội phải có khoa học... Thời đại chúng ta bây giờ là thời đại vệ tinh nhân tạo, nghĩa là thời đại của khoa học phát triển rất mạnh"[3]. Người yêu cầu thanh niên, nhất là thanh niên trí thức, phải ra sức "vượt mọi khó khăn để mà chiến thắng, để hưởng thụ tất cả những khoa học, những hiểu biết của thời đại thế kỷ XX"[4] để "thiết thực giải quyết các vấn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.12, tr.195, 403.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.10, tr.103.
3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.9, tr.174, 471.

để do cách mạng nước ta đề ra và trong một thời gian không xa, đạt những đỉnh cao của khoa học và kỹ thuật"[1].

Ở đầu thế kỷ XXI này, khi đất nước đang từng bước tiến vào nền kinh tế tri thức, khoa học - công nghệ đã trở thành một lực lượng sản xuất trực tiếp, người lao động nếu không được giáo dục - đào tạo tốt, sẽ không dễ thích nghi với biến động của thị trường, với sự đa dạng hoá của ngành nghề, nên cũng dễ bị đào thải. Điều đó cho thấy tầm nhìn xa của lãnh tụ đồng thời càng thấy thấm thía ý nghĩa quốc sách hàng đầu của giáo dục - đào tạo và phát triển khoa học - công nghệ như Nghị quyết Đại hội IX đã khẳng định.

Thứ ba, để tạo ra động lực cho kinh tế, sản xuất phát triển, chỉ tác động vào văn hoá - đạo đức thôi không đủ, mà cơ bản là *phải hoàn thiện cơ chế, chính sách,* trước hết là cơ chế lợi ích. Con người khác cỗ máy ở chỗ, ngoài tác động của chính trị - tư tưởng, nó còn bị chi phối bởi *nhu cầu* và *lợi ích*. Lênin cho rằng "tiến lên chủ nghĩa xã hội không phải bằng cách trực tiếp dựa vào nhiệt tình, mà là với nhiệt tình do cuộc cách mạng vĩ đại sinh ra, phải *bằng cách khuyến khích lợi ích cá nhân,* bằng sự quan tâm thiết thân của cá nhân, bằng cách áp dụng chế độ hạch toán kinh tế..., nếu không, các đồng chí sẽ không dẫn được hàng chục và hàng chục triệu người đến với chủ nghĩa cộng sản"[2].

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng việc bồi dưỡng lý tưởng và đạo đức cách mạng cho người lao động, nhưng Người không coi nhẹ *các biện pháp kích thích lợi ích vật chất như khoán, thưởng, phạt,...* trong kinh tế. Người nói: "làm khoán là ích chung và lại lợi riêng. Công nhân sản xuất ra nhiều vải, cố gắng nhiều, hưởng được nhiều, làm khoán tốt, thích hợp và công bằng dưới chế độ ta hiện nay"[3]. "Đối với công nhân, phải cương quyết *thưởng năng suất,* nếu không thì những công nhân hăng hái hao mòn dần đi"[4].

Hồ Chí Minh cũng là người đầu tiên ở Việt Nam nêu vấn đề phải *kết hợp hài hoà ba lợi ích*. Người nói: "Mua bán phải theo giá cả thích đáng... Giá cả phải đảm bảo cho *Nhà nước, hợp tác xã* và *xã viên* cùng có lợi để

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.12, tr.195, 403.
2. V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.44, tr.189.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.8, tr.341.
4. Biên bản Hội đồng Chính phủ, số A1/Q 033-403, lưu Văn phòng Hội đồng Chính phủ, tr.14.

xây dựng nước nhà". "Về thuế cũng phải làm sao cho *Nhà nước, hợp tác xã* và *nông dân* cùng có lợi"[1].

Trong vấn đề phân phối lợi ích, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở đảm bảo nguyên tắc *công bằng xã hội,* nhất là khi sản phẩm xã hội chưa dồi dào. Người thường nhắc nhở: "Sản xuất được nhiều đồng thời phải chú ý phân phối cho công bằng". Tuy nhiên, công bằng không phải là bình quân. Con người có trí tuệ, năng lực, thể chất khác nhau, nên có cống hiến khác nhau, "không nên có tình trạng người giỏi, người kém, việc khó, việc dễ cũng công điểm như nhau"[2]; "làm tốt, làm nhiều: hưởng nhiều; làm xấu, làm ít: hưởng ít, có khi phải bồi thường lại cho Nhà nước. Chính phủ không phát lương cho người ngồi ăn không"[3].

Cuối cùng, một lĩnh vực được Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm và nhấn mạnh, coi đó là "cái thìa khoá" để tạo ra động lực cho phát triển nền kinh tế quốc dân, đó là vấn đề *tổ chức sản xuất, quản lý kinh tế.* Người thường chỉ ra những khuyết điểm yếu kém phổ biến của ta là tổ chức còn lủng củng, quản lý thiếu chặt chẽ, không nền nếp nên sản xuất kém hiệu quả, "người thì nhiều việc quá, làm không hết, người thì ngồi chờ việc, người thì chạy lăng xăng...". Sở dĩ có tình trạng đó là do cán bộ quản lý không tham gia lao động sản xuất, xa rời thực tế, còn quan liêu, mệnh lệnh, chủ quan, chưa phát huy được vai trò làm chủ xí nghiệp của cán bộ và công nhân; còn công nhân vì chưa tham gia quản lý nên còn kém tinh thần trách nhiệm và kỷ luật, không phát huy được sáng kiến. Người chỉ rõ: "Công nhân tham gia quản lý là nền tảng của việc quản lý xí nghiệp..., sẽ làm cho cơ quan quản lý khỏi kềnh càng, bớt giấy tờ bề bộn, bớt chế độ phiền phức, và sản xuất nhất định sẽ nhiều, nhanh, tốt, rẻ"[4].

Một quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về quản lý kinh tế là *nguyên tắc hạch toán kinh tế,* làm ăn phải có hiệu quả. "Quản lý một nước cũng như quản lý một doanh nghiệp: *phải có lãi.* Cái gì ra, cái gì vào, việc gì phải làm ngay, việc gì chờ, hoãn hay bỏ, món gì đáng tiêu, người nào đáng dùng: tất cả mọi thứ đều phải tính toán cẩn thận"[5].

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.10, tr.414, 400.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.8, tr.338.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.9, tr.232.

5. Phát biểu tại phiên họp Hội đồng Chính phủ ngày 1-1-1953, lưu tại Văn phòng Hội đồng Chính phủ.

Trong việc đổi mới *công tác kế hoạch,* Người đã đưa ra các nguyên tắc chỉ đạo. *Thứ nhất* là phải *cân đối;* phải *nhìn xa, thấy rộng;* phải rất *tỉ mỉ, chu đáo,* thật sát với cơ sở. "Đó là một bộ ba để hoàn thành kế hoạch"[1]. *Thứ hai,* là phải đảm bảo vấn đề dân chủ trong việc làm kế hoạch, "từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên". *Thứ ba,* là phải thiết thực, tính toán cẩn thận điều kiện cụ thể, "chớ làm kế hoạch đẹp mắt, to tát, kể hàng triệu, nhưng không thực hiện được"[2]. *Thứ tư,* là "phải dựa trên sự cần thiết cho thị trường trong nước, trước hết là thị trường của nông dân và trên phạm vi của cải (vốn) của ta"[3]. Như vậy, lần đầu tiên chúng ta thấy Hồ Chí Minh đã đề cập tới mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường. Cuối cùng, Người chốt lại: "Có chỉ tiêu, kế hoạch rồi, chưa đủ, mà phải có biện pháp cụ thể, vững chắc, phải có tinh thần cố gắng rất cao để thực hiện bằng được kế hoạch đã đề ra. Chỉ tiêu kế hoạch một phần, biện pháp phải hai phần, cố gắng phải ba phần"[4]. Ngày nay, những nguyên tắc trên vẫn giữ nguyên tính chỉ đạo của nó trong công tác xây dựng kế hoạch của chúng ta.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta được Người trình bày một cách giản dị và thiết thực, dễ đi vào lòng người vì nó xuất phát từ nhu cầu và nguyện vọng bức thiết của người dân, phù hợp với điều kiện của một nước từ nông nghiệp lạc hậu quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Chính vì vậy, nó vừa có ý nghĩa lý luận, vừa có ý nghĩa thực tiễn, không chỉ đối với nước ta mà còn có ý nghĩa quý báu đối với nhiều nước anh em có hoàn cảnh giống như ta.

Ngày nay, đất nước ta đã bước sang một thời kỳ lịch sử mới - thời kỳ đổi mới, mở cửa, hội nhập kinh tế với thế giới. Trong bối cảnh toàn cầu hoá và nền kinh tế tri thức đang phát triển rất nhanh, cuộc cạnh tranh diễn ra ở quy mô toàn cầu ngày càng gay gắt, quyết liệt; lộ trình AFTA và việc gia nhập WTO đang đến gần, có rất nhiều ẩn số trong bài toán kinh tế của nước nhà đòi hỏi chúng ta phải suy nghĩ, tìm tòi và giải đáp. Tất nhiên, chúng ta sẽ không thể tìm được lời giải có sẵn trong những điều

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.11, tr.367.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.5, tr.65.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.6, tr.498.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.10, tr.261.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát biểu cách đây hàng nửa thế kỷ, trong bối cảnh khác, ở điều kiện khác. Do đó, khi chúng ta trở về với tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh là trở về với các bài học về phương pháp luận, về cách suy nghĩ, tìm tòi, lựa chọn của lãnh tụ bậc thầy, đồng thời kết hợp với thực tiễn dân tộc, thực tiễn thời đại hiện nay để đi tới chân lý. Nói cách khác là chúng ta phải trở về với linh hồn của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là *tinh thần sáng tạo*. Đó mới là cách đọc duy nhất đúng khi chúng ta tiếp cận với tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM*

PGS.TS. TRẦN ĐỨC CƯỜNG

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là anh hùng giải phóng dân tộc, người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, người khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Người còn là nhà chiến lược thiên tài của cách mạng Việt Nam. Tư tưởng của Người luôn là nền tảng cho khoa học và nghệ thuật quân sự Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Tư tưởng ấy thể hiện qua việc giải quyết những vấn đề có tính quy luật về khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng, về lực lượng vũ trang và nền quốc phòng toàn dân nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Trong bài viết này, chúng tôi muốn nói thêm về những quan điểm cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Về xây dựng quân đội nhân dân, trước hết phải nói về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, công cụ bạo lực quan trọng nhất của cách mạng.

Như chúng ta đã biết, sau khi tìm được con đường giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân - con đường cách mạng vô sản, Chủ tịch Hồ Chí Minh (lúc đó lấy tên là Nguyễn Ái Quốc) thấy rõ: Để xâm lược và nô dịch nhân dân Việt Nam, thực dân Pháp đã huy động một bộ máy chiến tranh hết sức tàn bạo để bắn giết đồng bào, đốt phá xóm làng của nhân dân và dìm các cuộc đấu tranh chống xâm lược của nhân dân Việt Nam trong bể máu. Vì vậy, nhân dân Việt Nam không có con đường nào khác là phải dùng bạo lực cách mạng lật đổ ách thống trị của chính quyền thực dân phong kiến, giành độc lập cho Tổ quốc. Bởi, như Nguyễn

---

* Trích trong Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, Số 5 (373) 2007, tr.3-10.

Ái Quốc đã viết trên báo *Người cùng khổ (Le Paria)* ngày 1-8-1922, bài *Phụ nữ An Nam và sự đô hộ của Pháp: "chế độ thực dân, tự bản thân nó, đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu rồi"*[1]. Nói đến bạo lực, ta thường liên tưởng ngay đến những hoạt động vũ trang, những vụ bạo động, những cuộc khởi nghĩa... Đối với Việt Nam, nơi mà thực dân Pháp đã dùng xe tăng và đại bác để xâm lược và thống trị nhân dân ta thì bạo lực cách mạng chủ yếu là bạo lực vũ trang. Tuy nhiên, bạo lực cách mạng không chỉ là bạo lực vũ trang mà theo quan điểm của Hồ Chí Minh bao gồm cả sức mạnh của quần chúng cách mạng cộng với sức mạnh của lực lượng vũ trang nhân dân. Đây chính là sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc trong sự nghiệp giải phóng nhân dân khỏi ách áp bức, bóc lột của ngoại bang và tay sai của chúng, trong đó lực lượng vũ trang có vị trí vô cùng quan trọng. Năm 1924, trong tài liệu *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ*, gửi Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã nêu lên khả năng bùng nổ một cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương. Để có thể giành được thắng lợi, cuộc khởi nghĩa ấy *"phải có tính chất một cuộc khởi nghĩa quần chúng chứ không phải một cuộc nổi loạn. Cuộc khởi nghĩa đó phải được chuẩn bị trong quần chúng"*[2].

Ngày 18 tháng 2 năm 1941, sau nhiều năm hoạt động ở nước ngoài nhằm tìm đường cứu nước, lãnh tụ Hồ Chí Minh trở về Tổ quốc để trực tiếp chỉ đạo phong trào. Vào những ngày đầu sau khi về nước, Người ở tại hang Pắc Pó (Hà Quảng, Cao bằng). Việc đầu tiên mà Người làm là bắt tay ngay vào việc xây dựng căn cứ địa, tổ chức các đoàn thể cứu quốc và chuẩn bị hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tháng 5-1941, Người triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương để bàn việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng Việt Nam. Hội nghị có sự tham dự của các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Phùng Chí Kiên cùng một số đại biểu của xứ ủy Bắc Kỳ, Trung Kỳ và một số đại biểu hoạt động ở nước ngoài. Sau khi phân tích một cách toàn diện và khách quan về tình hình trong nước và thế giới, Hội nghị cho rằng nhiệm vụ của cách mạng Đông Dương lúc này là phải tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, phải đánh đuổi phát xít Pháp - Nhật, bởi vì *"nếu không đánh đuổi được Pháp - Nhật thì vận mạng dân*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 1. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.96.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.468.

tộc phải chịu kiếp trâu ngựa muôn đời". Hội nghị nhận định "*Cuộc cách mạng Đông Dương phải kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa võ trang...*"[1]. Hội nghị còn quyết định phải xúc tiến mọi mặt công tác để chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, "*phải luôn luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh lại quân thù*"[2]. Trên tinh thần ấy, tháng 11-1941, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị thành lập Đội vũ trang ở Cao Bằng. Đây là một đơn vị vũ trang tập trung gồm 12 cán bộ chiến sĩ do Lê Quảng Ba chỉ huy. Tham gia còn có Lê Thiết Hùng, Hoàng Sâm, Bằng Giang, Nông Thị Trưng... Đội có nhiệm vụ bảo vệ cơ quan Lãnh đạo của Đảng, củng cố và giữ vững đường giao thông liên lạc, đồng thời làm công tác tuyên truyền và huấn luyện tự vệ chiến đấu. Để có tài liệu huấn luyện quân sự cho các đội tự vệ chiến đấu, trong thời kỳ này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã biên soạn một số bài giảng như: *Cách đánh du kích, Kinh nghiệm du kích Trung Hoa, Kinh nghiệm du kích Pháp,* đồng thời giới thiệu về *Phép dùng binh của Tôn Tử, Sách dạy làm tướng của Khổng Minh*. Các tài liệu này được đặt tên là "*Cách huấn luyện cán bộ quân sự*". Người dành nhiều thời gian trực tiếp huấn luyện cho đơn vị về những điều lệnh thông thường, về phương thức hoạt động.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể lại những ngày được hoạt động bên Người trong thời gian chuẩn bị khởi nghĩa như sau: "*Bác đề ra một cách giải quyết: "Lực lượng vũ trang của ta hiện nay đã ít lại phân tán quá. Bây giờ nên tập hợp những cán bộ, chiến sĩ, anh dũng nhất, tổ chức thành một đội vũ trang tập trung để hoạt động. Ta sẽ dùng hình thức vũ trang để gây ảnh hưởng cách mạng sâu rộng trong quần chúng. Tác chiến phải nhằm gây được ảnh hưởng tốt về chính trị, do đó mà mở rộng cơ sở, phát triển lực lượng vũ trang. Chúng ta sẽ lập đội quân giải phóng... Đêm hôm ấy, chúng tôi nằm nghe Bác nói chuyện rất khuya. Trên núi cao, cái rét của mùa Đông đến sớm hơn. Trong căn lều lạnh giá, không đèn đóm, Bác và chúng tôi, mỗi người gối đầu trên một khúc gỗ cứng. Bác phác ra những nét chính về đội Việt Nam giải phóng quân, từ tổ chức đến phương châm hành động, và vấn đề cung cấp lương thực, đạn dược. Bác hướng dẫn cho tôi làm một bản kế hoạch.*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.119.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, sdd, tr.129.

Bác dặn đi dặn lại nhiều lần: "Phải dựa vào dân, dựa chắc vào dân thì kẻ địch không thể nào tiêu diệt được. Tổ chức của đội phải lấy chi bộ đảng làm hạt nhân lãnh đạo"[1].

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của con người trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao *tính nhân dân* trong việc xây dựng lực lượng vũ trang và tổ chức đấu tranh vũ trang. Từ nhân dân mà ra, dựa vào nhân dân, vì nhân dân mà chiến đấu, hy sinh, kiên quyết bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, được nhân dân hết lòng ủng hộ, đó là yếu tố quan trọng bảo đảm cho thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Ngay từ *Luận cương chính trị* năm 1930, Người đã nêu vấn đề *"Tổ chức ra quân đội công nông"*[2] để chiến đấu chống quân thù và bảo vệ chính quyền cách mạng. Quân đội công nông chính là quân đội của nhân dân, vì nhân dân mà chiến đấu, hy sinh. Vì vậy, quân đội ấy mang tính nhân dân sâu sắc.

Đối với những đơn vị vũ trang công nông, muốn giành được thắng lợi trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù hung ác phải dựa vào sự ủng hộ của quần chúng nhân dân. Ở nước ta, quần chúng nhân dân đông đảo nhất là nông dân. Vì vậy, trong tập bài giảng *Công tác quân sự của Đảng trong nông dân,* Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: *"Chìa khóa dẫn tới thắng lợi vững chắc của các toán du kích là sự liên hệ mật thiết với quần chúng nông dân"*[3].

Trong việc xây dựng các đơn vị vũ trang chiến đấu Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng công tác vận động quần chúng, chú trọng việc xây dựng quan hệ chặt chẽ, giữa nhân dân với lực lượng vũ trang cách mạng. Ngay sau khi thành lập đội vũ trang đầu tiên ở Cao Bằng, Người đã biên soạn *Mười điều kỷ luật* cho các đội viên học tập và trực tiếp huấn luyện cho họ[4].

Mười điều kỷ luật đó là:

1. Phải phục tùng mệnh lệnh cấp trên.

2. Không được lấy cái kim sợi chỉ của dân.

---

1. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử.* Nxb.Văn học, Hà Nội, 1977, tr.31.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 3. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.1.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 2. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.423.
4. Theo: Lê Quảng Ba - *Bác Hồ về nước.* In trong cuốn *Đầu Nguồn*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1997, tr.214-215.

3. Mua bán với dân phải công bằng.

4. Không được lấy của công làm của riêng.

5. Nói năng với dân phải lễ phép.

6. Phải giữ gìn sạch sẽ nhà cửa, vườn tược của dân nơi đóng quân.

7. Mượn cái gì của dân dùng xong phải đem trả.

8. Làm hư hại cái gì của dân phải bồi thường.

9. Không tắm rửa trước phụ nữ.

10. Không rượu chè, cờ bạc, hút thuốc phiện.

Mười điều kỷ luật trên đây đã được phát triển thành *Mười lời thề danh dự* của *Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân* khi Đội được tuyên bố thành lập ngày 22-12-1944, trong đó, có điều 1 là: "*Hy sinh tất cả vì Tổ quốc Việt Nam, chiến đấu đến giọt máu cuối cùng để tiêu diệt bọn phát xít Nhật, Pháp và bọn Việt gian phản quốc, làm cho nước Việt Nam trở nên một nước độc lập và dân chủ, ngang hàng với các nước dân chủ trên thế giới*" và điều 9: "*Khi tiếp xúc với dân sẽ làm đúng ba điều răn: không lấy của dân - không dọa nạt dân - không quấy nhiễu dân, và ba điều nên: kính trọng dân - giúp đỡ dân - bảo vệ dân, để gây lòng tin cậy cao đối với dân chúng, thực hiện quân dân nhất trí, giết giặc cứu nước*"[1].

Mười lời thề danh dự của các chiến sĩ Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân sẽ trở thành lời thề danh dự của cán bộ, chiến sĩ Quân đội Nhân dân Việt Nam. Mười lời thề đó nói lên lòng trung thành vô hạn với Tổ quốc, tinh thần hy sinh chiến đấu quên mình, sự gắn bó máu thịt với nhân dân của các chiến sĩ. Đây chính là nguồn sức mạnh vô địch để Quân đội Nhân dân Việt Nam "*nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng*".

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ lòng trung thành của những người cán bộ, chiến sĩ quân đội thể hiện trước hết ở tinh thần "*Quyết tử để cho Tổ quốc quyết sinh*", tinh thần xả thân quên mình vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

Người nói: "*Mình đánh giặc là vì dân. Nhưng mình không phải là cứu tinh của dân, mà mình có trách nhiệm phụng sự nhân dân*"[2]. Theo

1. *Lịch sử Quân đội Nhân dân Việt Nam*, tập I. Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.116, 117.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.6, tr.207.

Người, hiếu với dân, trước hết là tinh thần tận tụy phụng sự nhân dân, thật sự coi nhân dân là cha mẹ của quân đội. Đã là người cán bộ, chiến sĩ quân đội thì dù cấp bậc cao hay thấp, bất kỳ cương vị nào, cũng phải ra sức phục vụ nhân dân. Điều này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Trong buổi lễ phong quân hàm cho cán bộ cao cấp của quân đội năm 1958, Người chỉ rõ: "*Để lãnh đạo quân đội tiến bộ không ngừng, các đồng chí cần phải trau dồi đạo đức cách mạng, khiêm tốn, giản dị, gần gũi quần chúng và gương mẫu về mọi mặt. Dù ở cương vị nào, chúng ta đều phải cố gắng để xứng đáng là người đầy tớ trung thành và tận tụy của nhân dân*"[1]. Ngày 25-5-1946, đến dự lễ khai giảng Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn, Chủ tịch Hồ Chí Minh trao tặng nhà trường lá cờ thêu 6 chữ vàng: "*Trung với nước, hiếu với dân*" và căn dặn: "*Mong rằng anh em ở đây, bao giờ cũng phải làm theo hai khẩu hiệu mà nó là cái đích của anh em: Trung với nước, hiếu với dân*"[2]. Người xác định trung với nước, hiếu với dân là bổn phận thiêng liêng, một trách nhiệm nặng nề nhưng cũng là vinh dự của người chiến sĩ trong đội quân quốc gia đầu tiên của nước ta.

Lịch sử hơn 60 năm xây dựng và trưởng thành đã chứng tỏ: Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh - "Người cha thân yêu của lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam" - cán bộ, chiến sĩ Quân đội Nhân dân Việt Nam đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, chiến đấu, hy sinh, luôn nêu cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, xứng đáng với lòng tin yêu của nhân dân.

Henri Nava, Tổng chỉ huy quân đội Pháp tại Đông Dương những năm 1953-1954, là "tác giả" của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, cũng đã phải thừa nhận: "*Họ (tức là nhân dân Việt Nam) đã tiến hành chiến tranh tổng lực, chiến tranh của toàn dân, không chỉ là của riêng quân đội. Quân đội ở trong nhân dân, như một câu ngạn ngữ đã nói: "Quân với dân như cá với nước" hay "Chỗ nào có một người lính chiến đấu, thì nơi đó phải có mười người dân ủng hộ*"[3].

Lực lượng vũ trang nhân dân có vai trò vô cùng quan trọng trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, nguyên

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, tập 9, tr.496.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, tập 4, tr.329.
3. H. Navarre: *Đông Dương hấp hối*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2004, tr.56.

tắc hàng đầu để xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và tổ chức đấu tranh vũ trang là phải đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định, mọi hoạt động trên lĩnh vực quân sự phải đứng trên lập trường giai cấp công nhân, lực lượng vũ trang cách mạng phải đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện và trực tiếp của Đảng. Người cho rằng: "*Quân sự mà không có chính trị như cây không có gốc, vô dụng lại có hại*"[1]. Nghiêm chỉnh chấp hành sự lãnh đạo của Đảng là nguyên tắc cao nhất, là nhân tố quyết định sự trưởng thành và sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Trong bài giảng cho các lớp huấn luyện quân sự, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm chỉ rõ những nguyên tắc tổ chức các đội du kích là: "*Cấu trúc phải làm sao cho Đảng thực hiện quyền lãnh đạo về chính trị và tổ chức của mình*"[2].

Như trên đã nêu, Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá cao về vai trò, vị trí của lực lượng vũ trang nhân dân, của những hình thức đấu tranh vũ trang trong phong trào cách mạng, nhưng Người cũng cho rằng lực lượng vũ trang không phải là lực lượng duy nhất quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng mà cách mạng phải là sự nghiệp của toàn dân. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn xác định: Cuộc kháng chiến của ta là toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến, kháng chiến trường kỳ và tự lực cánh sinh là chính. Nói về toàn dân kháng chiến, Người giải thích: "*Toàn dân kháng chiến nghĩa là toàn cả dân, ai cũng đánh giặc, bất kỳ đàn ông, đàn bà, người già, con trẻ ai cũng tham gia kháng chiến*"[3]. Người đánh giá cao vai trò của vũ khí trong chiến tranh cách mạng nhưng luôn luôn nhấn mạnh ý nghĩa quyết định của con người sử dụng vũ khí. Người chỉ rõ tầm quan trọng của chiến tranh du kích tại các vùng nông thôn rộng lớn nhưng nó cũng chỉ là những hoạt động bổ trợ cho phong trào cách mạng nói chung do giai cấp công nhân lãnh đạo. Người viết: "*Trong toàn bộ mô hình đấu tranh giai cấp, các phong trào du kích đóng vai trò của một nhân tố bổ trợ: nó không có thể chỉ tự mình đạt được mục tiêu lịch sử mà chỉ có thể góp phần giải quyết cái được đưa ra bởi một lực lượng khác - giai cấp vô sản*"[4].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, tập 6, tr.318.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, tập 2, tr.425.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, tập 4, tr.485.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, tập 2, tr.424-425.

Nhằm xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam ngày càng lớn mạnh, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chú trọng công tác giáo dục lý tưởng chiến đấu cho cán bộ, chiến sĩ. Trong bản Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân ngày 22-12-1944, Người nêu rõ: "*Tên Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự. Nó là đội tuyên truyền. Vì muốn hành động có kết quả thì về quân sự, nguyên tắc chính là nguyên tắc tập trung lực lượng, cho nên, theo chỉ thị mới của Đoàn thể, sẽ chọn trong hàng ngũ những du kích Cao - Bắc - Lạng số cán bộ và đội viên kiên quyết, hăng hái nhất và sẽ tập trung một phần lớn vũ khí để lập ra đội chủ lực*"[1]. Và ngay từ thuở ban đầu đó, Người đã giao cho các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp soạn thảo tài liệu về công tác chính trị trong quân đội cách mạng, bước đầu xác định một số nguyên tắc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân về chính trị và tự tay Người cũng biên soạn nhiều tài liệu để huấn luyện lực lượng vũ trang. Mở đầu cuốn sách *Chiến thuật du kích* gồm 13 chương là mục *Có đường lối chính trị đúng đắn*. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng là người đã dày công xây dựng và chỉ đạo công tác Đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang nhân dân. Người cho rằng Quân đội ta luôn vì Đảng, vì dân mà chiến đấu và trưởng thành. Cán bộ chiến sĩ trong lực lượng vũ trang vì vậy phải là những người được tuyển chọn trong cộng đồng các dân tộc. Đó là những người giàu lòng yêu nước và căm thù giặc, có lý tưởng cao đẹp và lối sống lành mạnh, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân. Mỗi đơn vị chiến đấu phải là một tập thể đoàn kết, dân chủ, có ý thức tổ chức kỷ luật cao. Trong bài viết nhân dịp kỷ niệm ba năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12-1947), Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "*Vệ quốc quân, dân quân du kích phải luôn luôn phát triển cái kỷ luật nghiêm như sắt, cái tinh thần vững như đồng, cái chí khí quật cường tất thắng, cái đạo đức: trí, dũng, liêm, trung của giải phóng quân*"[2].

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập, giáo dục và rèn luyện quân đội ta. Người luôn chú ý việc đào tạo, bồi dưỡng những vị tướng cầm quân giỏi cho quân đội, chú ý xây dựng đội ngũ cán bộ, coi đây là khâu then chốt để nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội. Người xác định:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, tập 3, tr.507.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, tập 5, tr.331.

"Tướng là kẻ giúp nước. Tướng giỏi (đủ cả: trí, tín, nhân, dũng, nghiêm) thì nước mạnh. Tướng xoàng thì nước hèn.

Cho nên do 5 điều mà biết sự thắng lợi:

1. Tướng biết có thể đánh và không thể đánh.

2. Tướng biết cách dùng chủ lực và bộ phận của bộ đội.

3. Trên dưới đồng lòng.

4. Ta luôn chuẩn bị để chờ dịp địch không chuẩn bị.

5. Tướng giỏi mà chúa cho tướng rộng quyền"[1].

Cho nên từ rất sớm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất chú trọng lựa chọn, đào tạo những cán bộ quân sự có tài cầm quân đánh giặc. Người chú trọng cử cán bộ đi học quân sự, quan tâm đến việc thành lập các trường quân sự và viết nhiều tài liệu để bồi dưỡng kiến thức quân sự cho cán bộ, chiến sĩ. Sáu tiêu chuẩn mà Người luôn nhắc nhở người làm tướng là *"Trí, Dũng, Nhân, Tín, Liêm, Trung"* Người yêu cầu *"Người chỉ huy về quân sự cũng như về chính trị, phải làm kiểu mẫu"*[2]. Người sớm phát hiện ở những người cộng sự có tiềm ẩn tài năng quân sự. Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể lại lần được Người cử lên Diên An, căn cứ địa của cách mạng Trung Quốc học tập: *"Một bữa, Bác bảo anh Đồng và tôi: "Các đồng chí sẽ đi Diên An. Lên trên ấy, vào trường Đảng học tập chính trị, cố gắng học thêm quân sự. Mấy lần gặp sau, trước khi chúng tôi đi, Bác vẫn dặn lại tôi: "Cố gắng học thêm quân sự"*[3]. Được Chủ tịch Hồ Chí Minh dìu dắt, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã rèn luyện, chiến đấu và trưởng thành. Đúng như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: *"Quân đội ta quen gọi Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp là Anh Cả. Cách gọi thân ái ấy rất đúng với tinh thần và lịch sử của quân đội ta: vì từ ngày thành lập quân đội Nam tiến đến nay Đảng và Chính phủ đã ủy cho đồng chí Giáp và một số cán bộ phụ trách tổ chức, huấn luyện và lãnh đạo quân đội ta"*[4]. Tên tuổi và võ công của nhà cách mạng, của vị tướng cầm quân Võ Nguyên Giáp được suy tôn cả trên phạm vi quốc tế và đối phương cũng phải vị nể. Học giả L.A.Patti, nguyên Thiếu tá tình báo Mỹ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, tập 3, tr.519.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, tập 5, tr.204.
3. Võ Nguyên Giáp: *Từ nhân dân mà ra*. Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1964, tr.26.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, tập 5, tr.792.

kể lại cuộc tiếp xúc đầu tiên của đại diện Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Võ Nguyên Giáp cùng với Giăng Xanhtơny (Jean Sainteny), đại diện Chính phủ Cộng hoà Pháp tại Hà Nội năm 1945 đã viết: "*Tôi e rằng Giáp có thể hiên ngang bước ra khỏi phòng bất cứ lúc nào, nhưng ông đã không làm như vậy. Bằng một tiếng Pháp hoàn hảo và với một sự tự kiềm chế tuyệt đối, Giáp nói ông đến đây không phải để nghe diễn thuyết mà cũng chẳng phải để biện minh cho các hoạt động của nhân dân Việt Nam và ông đến là theo lời mời của người mà ông cho là đại diện của "Chính phủ Pháp mới", do đó, ông sẵn sàng tham gia một "cuộc trao đổi quan điểm" thân mật. Lần đầu tiên trong đời mình, Sainteny đã gặp mặt đối mặt với một người Việt Nam đã dám dũng cảm đương đầu với một người Pháp. Thái độ Sainteny nhụt hẳn đi và với một nụ cười hòa giải, ông tuyên bố ông là đại diện cá nhân của tướng de Gaulle. Ông đã không thấy được chút nào là ông đã đụng đầu ngay với một người mà sau này đã được ghi nhận trong lịch sử bằng việc làm tan rã một cách cơ bản đế quốc thuộc địa Pháp ở Viễn Đông*"[1].

Cùng với Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nhiều cán bộ quân sự được Chủ tịch Hồ Chí Minh dìu dắt từ trong những ngày trứng nước đã trở thành những tướng lĩnh tài ba như Hoàng Văn Thái, Đàm Quang Trung, Hoàng Sâm, Vũ Lập, Nam Long, Lê Quảng Ba, Lê Hiến Mai (Dương Quốc Chính), Phùng Thế Tài... Còn nhiều vị tướng cầm quân trưởng thành từ những môi trường chiến đấu khác cũng luôn luôn được sự quan tâm, chăm sóc tận tình của Người. Năm 1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh phong tướng cho một số cán bộ chỉ huy quân sự. Khi biết tướng Nguyễn Sơn, Khu trưởng khu IV không hài lòng với cấp bậc Thiếu tướng, Người đã gửi kèm theo bản sắc lệnh một tấm danh thiếp mà tự tay Người viết bằng chữ hán: "*Tặng Sơn đệ. Đảm dục đại. Tâm dục tế. Trí dục viên. Hành dục phương*". Người muốn căn dặn tướng Nguyễn Sơn về đạo làm tướng thì: Khí phách phải hiên ngang, bất khuất; Tấm lòng phải trong sáng, tinh tế; Trí lực phải đầy đủ, trọn vẹn; Hành động phải quang minh chính đại. Tướng Nguyễn Sơn đã coi đó là một bài học sâu sắc trên những chặng đường hoạt động cách mạng của mình. Trung tướng Nguyễn Bình, Tư lệnh chiến trường Nam Bộ trong những năm đầu thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, đã điện gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh: "*Nhận được điện đả*

1. L.A.Patti: *Tại sao Việt Nam*, Nxb. Đà Nẵng, 1995, tr.215.

thông từ lời ban khen của Cha già cho các bộ đội. Lời khuyên dỗ con rất cảm động. Xin vâng theo. Cha tin cậy lời hứa của một đứa con, sống rất tin tưởng và kính mến Cha để sửa chữa những chỗ sai lầm vì hoàn cảnh hay vô tình mắc phải"[1].

Bộ đội cụ Hồ đã trở thành biểu tượng cao đẹp về phẩm chất, ý chí và tinh thần chiến đấu quên mình, sức mạnh vô địch của một đội quân tận trung với nước, tận trung với Đảng, tận hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng./.

1. *Mật diện của Trung tướng Nguyễn Bình gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 8-5-1948*. Lưu Bảo tàng Hồ Chí Minh, số A.HIO, 0004.

CHUYÊN ĐỀ III:

HỒ CHÍ MINH - NHÀ VĂN HÓA KIỆT XUẤT

VỀ TƯ TƯỞNG VĂN HOÁ HỒ CHÍ MINH*

GS. ĐẶNG XUÂN KỲ

1 - Danh nhân văn hoá

Năm 1923, nhà thơ xô viết Ôxíp Manđenxtam, với cái nhìn sắc sảo của mình, đã phát hiện ở Nguyễn Ái Quốc một nhân cách văn hoá của một nước thuộc địa đã bị xoá tên trên bản đồ thế giới, nhưng cũng là một đại diện văn hoá của một dân tộc rất văn hoá. Hơn nữa, ông còn thấy một điều lớn hơn, xa hơn mà chưa ai thấy: "Từ Nguyễn Ái Quốc đã toả ra một thứ văn hoá, không phải văn hoá Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hoá tương lai"[1].

Trong những năm 20 và nhiều chục năm tiếp theo, không phải đã có nhiều người biết đến nhận xét đó của Ô. Manđenxtam, ngay đối với chúng ta cũng vậy. Sau gần một nửa thế kỷ bị bụi thời gian che lấp, bài báo của Ô. Manđenxtam trên tờ *Tia lửa nhỏ* đã được sống lại, khi trái tim của con người mà ông ca ngợi đã ngừng đập. Và phải thêm hai thập kỷ nữa, đến dịp kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Hồ Chí Minh, cả thế giới mới trở lại với điều mà Ô. Manđenxtam đã phát hiện, đã dự báo, bằng việc UNESCO suy tôn Hồ Chí Minh là anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam và là một nhà văn hoá kiệt xuất của nhân loại.

Những giá trị trường tồn phải có thời gian để thẩm định. Nhất là trong thời kỳ chúng ta đang sống hiện nay, có biết bao nhiêu điều thật giả, bao nhiêu giá trị và phản giá trị đan xen lẫn lộn, việc phân biệt cho rõ, đánh giá cho đúng vàng thau hoàn toàn không đơn giản. Càng không

---

* Trích trong cuốn: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng văn hoá Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, xuất bản lần thứ hai, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.1, tr.478.

đơn giản khi đại diện của trên một trăm quốc gia với các chế độ chính trị - xã hội khác nhau, với các nền văn hoá khác nhau đã đi đến một nghị quyết chưa từng có của tổ chức quốc tế này: thừa nhận hai vĩ nhân trong một con người - Hồ Chí Minh vừa là anh hùng giải phóng dân tộc, lại vừa là danh nhân văn hoá.

Khi một con người đã đi vào văn hoá, đã trở thành văn hoá thì tư tưởng và sự nghiệp của con người đó cũng trở thành bất tử, vượt qua mọi giới hạn của không gian và của thời gian. Hồ Chí Minh là một trong những người như vậy. Điều đó đã được thể hiện trong lời phát biểu của tiến sĩ M. Átmét, giám đốc UNESCO khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, đại diện đặc biệt của Tổng giám đốc UNESCO tại cuộc Hội thảo quốc tế kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hà Nội: Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ, mà còn là một nhà hiền triết hiện đại đã mang lại *viễn cảnh và hy vọng mới* cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này.

Như vậy, người anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hoá Hồ Chí Minh không phải chỉ thuộc về quá khứ, mà tư tưởng của Người vẫn sống với hiện tại và vẫn toả sáng như một nền văn hoá của tương lai, dù đó là viễn cảnh và hy vọng, nhưng nhất định sẽ đến.

Tư tưởng văn hoá Hồ Chí Minh là một di sản vô giá, là những giá trị vĩnh cửu, mà Người để lại cho dân tộc mình và cho nhân loại. Những tư tưởng ấy không phải chỉ nằm trong những bài nói, bài viết, những tác phẩm của Người, mà còn nằm trong toàn bộ hoạt động thực tiễn, trong cuộc sống, trong con người Hồ Chí Minh, và quan trọng hơn là trong phong trào cách mạng của cả một dân tộc, trong sự nghiệp vĩ đại mà Người đã cùng với dân tộc mình tạo dựng nên trong thế kỷ thứ XX, trong sự lay động con tim, khối óc của hàng triệu, hàng triệu con người trên thế giới. Chính vì vậy mà UNESCO đã nhận định: Những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau. Cũng với tinh thần ấy, có người đã đánh giá Hồ Chí Minh không còn chỉ thuộc về dân tộc Việt Nam, mà đã trở thành "tài sản của nhân loại".

Mỗi danh nhân, mỗi vĩ nhân đều để lại dấu ấn trong lịch sử. Dấu ấn của người này không làm lu mờ hoặc xoá bỏ dấu ấn của người khác. Văn

hoá là như vậy. Thế giới suy tôn người anh hùng và danh nhân văn hoá Hồ Chí Minh cũng có nghĩa là khẳng định dấu ấn của Hồ Chí Minh trong dòng chảy văn hoá của dân tộc Việt Nam và của nhân loại. Bên cạnh việc kế thừa truyền thống văn hoá của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, mà đỉnh cao là chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp biến những giá trị văn hoá đã có từ trước, Hồ Chí Minh còn bổ sung cái phần của mình, từ đó không những đã phục hưng và phát triển nền văn hoá của dân tộc Việt Nam lên tầm cao của thời đại, mà còn đóng góp làm phong phú thêm nền văn hoá của các dân tộc trên hành tinh này.

Nét đặc sắc nổi bật nhất của tư tưởng văn hoá Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hoà dân tộc với quốc tế, giai cấp với nhân loại, truyền thống với hiện đại, trên cơ sở một chủ nghĩa nhân văn - tất cả vì hạnh phúc của con người, tất cả vì sự hoàn thiện con người. Con người với ý nghĩa đầy đủ nhất, như Hồ Chí Minh nói, đó là mỗi một người, là những người thân trong gia đình, những người gần gũi trong làng xã, phố phường, tập thể, là những người trong một nước, cho đến phạm vi rộng nhất là cả loài người. Văn hoá Hồ Chí Minh là văn hoá của con người, do con người, vì con người. Phải chăng, như một số nhà khoa học đã định nghĩa về văn hoá, ở Hồ Chí Minh văn hoá chính là *nhân hoá.*

Đến với văn hoá Hồ Chí Minh, mỗi người Việt Nam đều cảm thấy gần gũi, nhưng lại rất mới mẻ. Gần gũi vì không xa rời truyền thống hàng ngàn năm của dân tộc, mới mẻ vì lại bắt kịp hiện đại và đi xa về tương lai. Hiện đại nhưng không tan biến vào người khác, mà vẫn giữ được bản sắc, cốt cách Việt Nam. Đó là điều đã làm cho Đavít Hambớcxtam đi đến nhận xét: Hồ Chí Minh là một trong số các nhân vật lạ lùng nhất của thời đại chúng ta - *hơi giống Găngđi, hơi giống Lênin, hoàn toàn Việt Nam.* Chắc chắn là hơn hẳn bất cứ nhân vật nào của thế kỷ này, Người là hiện thân sinh động của cách mạng của dân tộc Người và của toàn thế giới.

Văn hoá Hồ Chí Minh cũng không xa lạ với người nước ngoài, dù ở phương Đông hay phương Tây. Những người phương Tây có thể tìm thấy trong văn hoá Hồ Chí Minh tinh thần của chủ nghĩa nhân đạo thời kỳ Phục hưng, tư tưởng dân chủ của thế kỷ Ánh sáng, tinh thần độc lập và nhân quyền của cách mạng Mỹ, tư tưởng tự do - bình đẳng - bác ái của cách mạng Pháp, và cao hơn cả là tinh thần cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin. Những người phương Đông lại thấy trong văn hoá

Hồ Chí Minh những nét gần gũi với chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn, tinh thần yêu nước, khắc khổ hy sinh vì dân vì nước của M.Găngđi, và xa hơn là học thuyết về sự tu dưỡng đạo đức và sự trang nhã của Khổng giáo, đức từ bi của Phật Thích ca, tinh thần bác ái của Chúa Giê-su. Trong ngôn từ, mọi người có thể tìm thấy ở Hồ Chí Minh tính hài hước của văn chương Pháp bên cạnh chất hàm súc thanh tao của Đường thi, nét trong sáng của Anatôn Phrăngxơ, tính hiện thực của M. Goócki, cùng với sự sắc nhọn của Lỗ Tấn... Tất cả được thể hiện như một sự *gần gũi, tương đồng, hơi giống, nhưng lại hoàn toàn Hồ Chí Minh,* mà không thể nhầm lẫn với bất cứ một người nào khác.

Văn hoá Hồ Chí Minh là một minh chứng cho điều: văn hoá là chắt lọc, kế thừa và tiếp biến liên tục trong dòng thời gian vô tận; văn hoá là sáng tạo, chỉ có sáng tạo mới trở thành văn hoá; giá trị văn hoá đích thực bao giờ cũng có sức thu hút và cảm hoá mạnh mẽ con người hướng về cái chân, cái thiện, cái mỹ, dù chính kiến hay niềm tin có khác nhau.

2. Văn hoá trong đấu tranh giành chính quyền

Hiểu rõ vai trò của văn hoá trong cách mạng, từ khi bước vào cuộc đời hoạt động chính trị, Hồ Chí Minh đã thường xuyên kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh văn hoá, đấu tranh văn hoá bao giờ cũng mang tính chất chính trị, phục vụ cho đấu tranh chính trị, còn đấu tranh chính trị lại đòi hỏi rất nhiều ở văn hoá. Ở Hồ Chí Minh, chính trị là rất văn hoá, văn hoá lại rất chính trị. Hồ Chí Minh là nhà hoạt động chính trị, đồng thời lại là nhà văn hoá, theo ý nghĩa thông thường nhất của từ này.

Những bài báo, những truyện, ký, kịch, thơ, vè, hoạ từ những năm 20 cho đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945 của Người đều nhằm mấy mục tiêu sau đây:

Một là, tố cáo chủ nghĩa thực dân Pháp ở Đông Dương và chủ nghĩa thực dân trên thế giới, bóc trần bộ mặt "khai hoá văn minh", mà thực chất là áp đặt một thứ "văn hoá thực dân", "văn hoá ngu dân", một thứ "văn minh khát máu" đối với nhân dân các nước thuộc địa. Đó là một thứ văn hoá đầu độc con người bằng thuốc phiện, rượu cồn, bằng "một nền giáo dục đồi bại, xảo trá và nguy hiểm hơn cả sự dốt nát", mà mục tiêu chủ yếu là nhằm đào tạo ra những người phục vụ cho chế độ thực dân thống trị của chúng.

Hai là, thức tỉnh nhân dân Việt Nam, nhân dân Đông Dương và nhân dân các nước thuộc địa khác vùng lên đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân đế quốc, đi theo con đường cách mạng vô sản để giành độc lập dân tộc, thoát khỏi vòng ngu nguội tối tăm, xây dựng một xã hội mới tốt đẹp hơn.

Ba là, từng bước hình thành một nền văn hoá, văn nghệ cách mạng, trước hết là báo chí và văn học cách mạng để thực hiện hai mục tiêu trên ngày càng sâu rộng trong phong trào cách mạng Việt Nam, chuẩn bị cho việc xây dựng một nền văn hoá mới, khi đã đánh đổ được chế độ thực dân, phong kiến.

Tư tưởng trên đây của Hồ Chí Minh đã được quán triệt vào đường lối, chủ trương và các hoạt động thực tiễn của Đảng, từng bước đi sâu vào ý thức xã hội của các tầng lớp nhân dân, trước hết là tầng lớp các nhà văn hoá, trí thức, văn nghệ sĩ hướng về cách mạng. Văn hoá, văn nghệ cách mạng đã đóng một vai trò rất quan trọng trong cao trào cách mạng năm 1930-1931, đặc biệt là thời kỳ Mặt trận Dân chủ Đông Dương 1936-1939 và thời kỳ chuyển hướng chiến lược cách mạng 1941 chuẩn bị trực tiếp cho Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Xây dựng một nền văn hoá mới với tính chất, chức năng mới

Sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, việc xây dựng một nền văn hoá mới đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đặt ra như một trong những nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng, dù đất nước đang ngổn ngang trăm công ngàn việc, đặc biệt là nạn đói và nạn ngoại xâm đang đe doạ nghiêm trọng vận mệnh của nước cộng hoà trẻ tuổi. Ngay trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ sáng ngày 3-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt ra một loạt vấn đề về văn hoá, như giải quyết nạn dốt, giáo dục nhân dân tinh thần cần, kiệm, liêm, chính, cấm hút thuốc phiện, tự do tín ngưỡng, v.v... Cùng ngày, Người đã ra thông báo về việc tiếp chuyện đại biểu các đoàn thể, nêu ra một phong cách làm việc mới, một thứ văn hoá chính trị mới của người đứng đầu nhà nước, hoàn toàn khác với chế độ thực dân, phong kiến trước kia.

Cũng trong những ngày đầu tháng 9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cho thành lập Uỷ ban Văn hoá lâm thời Bắc Bộ. Trong buổi tiếp đại biểu của Uỷ ban này ngày 7-9-1945, Người đã nói rõ: Tôi mong rằng các ngài

trong giới văn hoá nhận thấy rõ nhiệm vụ của các ngài trong lúc này là củng cố nền độc lập của Việt Nam, sửa soạn gây dựng cho đất nước *một nền văn hoá mới*... Bổn phận của các ngài là lãnh đạo tư tưởng quốc dân, đấu tranh cho độc lập và kiến thiết *một nền văn hoá mới*.

Nền văn hoá mới trong thời kỳ đó là *nền văn hoá dân chủ mới, đồng thời là nền văn hoá kháng chiến,* với tinh thần *kháng chiến hoá văn hoá, văn hoá hoá kháng chiến*. Đến thời kỳ miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thì nền văn hoá được xây dựng là *nền văn hoá xã hội chủ nghĩa*. Đương nhiên, đó là nền văn hoá dân chủ mới, nền văn hoá xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Về tính chất của nền văn hoá, chúng ta cũng thấy có sự điều chỉnh nhiều lần. Nền văn hoá trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã được Đảng ta và Hồ Chí Minh xác định có ba tính chất: *dân tộc, khoa học, đại chúng*. Điều này đã được nêu ra khá sớm, trong *Đề cương văn hoá năm 1943* của Đảng.

Khi miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, từ năm 1955 đến năm 1960, tính chất của nền văn hoá được xác định là *một nền văn hoá có nội dung xã hội chủ nghĩa và hình thức dân tộc*. Từ Đại hội III của Đảng, vấn đề này đã được điều chỉnh lại là *một nền văn hoá có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc*. Đây là quan điểm của Hồ Chí Minh và của Đảng ta từ Đại hội Đảng lần thứ III (9/1960) đến Đại hội Đảng lần thứ VII (6-1991). Từ Đại hội VII trở đi thì tính chất của nền văn hoá được xác định là *một nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.*

Đến năm 1992, trong bản Hiến pháp mới của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tính chất tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của nền văn hoá được diễn đạt là *dân tộc, hiện đại, nhân văn.*

Dù có những thay đổi, điều chỉnh trong cách diễn đạt, nhưng tinh thần cơ bản vẫn là xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa đích thực, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Từ tư tưởng văn hoá Hồ Chí Minh, chúng ta hiểu rằng văn hoá có *những chức năng* rất quan trọng trong sự nghiệp cách mạng: nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ, giải trí,... Những chức năng ấy được thể hiện trên tất cả các mặt của đời sống xã hội và con người, từ lao động, chiến đấu đến

học tập, sinh hoạt hàng ngày; trong mọi mối quan hệ từ hẹp đến rộng, từ gần đến xa, từ cá nhân đến cộng đồng, từ gia đình, xóm làng đến quốc gia, quốc tế. Văn hoá không những tác động đến tư tưởng mà còn cả tình cảm con người, không những nâng cao trí tuệ mà còn bồi dưỡng tâm hồn của mỗi thành viên trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Vì vậy, Hồ Chí Minh đòi hỏi văn hoá phải "vào sâu trong tâm lý quốc dân", phải "xây dựng tâm lý" của cả xã hội để tạo nên tất cả những gì bền vững nhất của bản sắc dân tộc, của "cốt cách" Việt Nam. Chính nhờ có bản sắc, cốt cách này mà dân tộc ta trong cả ngàn năm Bắc thuộc vẫn không bị đồng hoá với dân tộc khác, trong gần một trăm năm Pháp thuộc vẫn không bị mất gốc, và khi tìm thấy con đường giải phóng ở chủ nghĩa Mác - Lênin, cả dân tộc đã vùng dậy giành độc lập, tự do và bước vào một thời đại mới, trong đó văn hoá được phục hưng, phát triển, thực sự đóng vai trò vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển xã hội.

Vì vậy, như Hồ Chí Minh nói, văn hoá phải gắn với chính trị, kinh tế, xã hội, gắn với lao động sản xuất. Nó không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị. Người đã đưa ra những luận điểm khái quát: "Văn hoá phải soi đường cho quốc dân đi", "Nội dung văn hoá phải có ý nghĩa giáo dục", "Văn hoá văn nghệ là một mặt trận", "Văn hoá giáo dục cũng là một mặt trận", các nhà văn hoá, trí thức, văn nghệ sĩ là "những chiến sĩ chiến đấu trên mặt trận ấy".

3. Nội dung của nền văn hoá mới

Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hoá là một quan niệm rộng. Những vấn đề văn hoá mà Người đề cập đến chủ yếu là những vấn đề của thực tế đời sống văn hoá Việt Nam, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, có liên quan với thế giới hiện đại. Tất cả tạo thành một hệ thống những vấn đề rất cơ bản của nền văn hoá Việt Nam.

Nếu nói theo ngôn ngữ thường dùng hiện nay, chúng ta có thể tìm thấy trong hệ thống ấy nội dung rất phong phú của một nền văn hoá cần được xây dựng và phát triển: từ văn hoá giáo dục đến văn hoá văn nghệ; từ văn hoá lao động đến văn hoá chính trị, văn hoá lãnh đạo; từ văn hoá đạo đức đến văn hoá lối sống, văn hoá gia đình, làng xã; văn hoá của các tập thể, cộng đồng; văn hoá giao tiếp ứng xử; văn hoá kinh doanh, văn

hoá phong hoá, văn hoá sinh thái, v.v... Và bao trùm nhất là vấn đề con người - con người văn hoá, văn hoá con người.

Nếu đi sâu vào từng loại vấn đề, chúng ta thấy sự phong phú của tư tưởng văn hoá Hồ Chí Minh như luôn luôn mở ra phía trước cho những tìm tòi và phát hiện, cho việc khai thác, vận dụng và phát triển. Từ trước đến nay đã có không ít công trình nghiên cứu về vấn đề này hay vấn đề khác, nhưng chắc còn phải cố gắng rất nhiều chúng ta mới có thể thấy được ngày càng sâu hơn, nhiều hơn, đầy đủ hơn những giá trị tiềm ẩn trong văn hoá Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh không đề cập đến các vấn đề văn hoá theo kiểu kinh viện hay kiểu bác học, mà đề cập một cách dung dị, rất gần gũi với cuộc sống đời thường, rất dễ hiểu đối với đông đảo quần chúng nhân dân. Đó là những vấn đề của chính cuộc sống, vì vậy được mọi người tiếp nhận rất nhanh và đi vào cuộc sống ngày càng sâu rộng. Điều quan trọng là trong bất cứ vấn đề gì, Người cũng có những đóng góp mới, để lại những dấu ấn sâu đậm trong các tầng lớp, các thế hệ khác nhau, những dấu ấn cho hôm nay và cho cả mai sau.

Để xây dựng một nền văn hoá mới của một nước Việt Nam độc lập, một trong những công việc mà Hồ Chí Minh đặt ra sớm nhất là phải thanh toán nạn mù chữ đối với trên 90% dân số còn thất học, để mọi người không phải đứng ngoài chính trị, điều mà Lênin đã chỉ ra từ lâu. Biết chữ là bước khởi đầu của dân trí, của văn hoá giáo dục. Từ biết chữ đến hiểu biết quyền và nghĩa vụ công dân, quyền làm chủ và trách nhiệm của người làm chủ, từ đó nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, khoa học kỹ thuật, mỗi người càng có thể tham gia vào việc tạo ra những giá trị văn hoá vật chất và tinh thần ngày càng nhiều hơn cho xã hội. Cũng từ đó mới có thể nói đến việc đào tạo và bồi dưỡng nhân tài ngày càng nhiều hơn cho đất nước. Con người vừa là sản phẩm, lại vừa là chủ thể của văn hoá là như vậy.

Có lẽ chưa có ai trên thế giới này gọi dốt là giặc, và vấn đề chống giặc dốt lại được đặt ngang với chống giặc đói và chống giặc ngoại xâm. "Dốt thì dại, dại thì hèn"; "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu"; "sự ngu dốt này sẽ đẻ ra sự ngu dốt khác"; mỗi người phải ra sức học tập, "Học suốt đời, còn sống còn học tập", "Việc học là không cùng"; "Học đi đôi với hành"; "Học để làm việc, học để làm người, học để làm cán bộ. Học để

phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, phụng sự nhân loại"... Những luận điểm ấy của Hồ Chí Minh luôn luôn nhắc nhở mọi người không ngừng vươn lên những tầm cao mới của trí tuệ, của văn hoá, văn minh.

Chủ trương xây dựng *Đời sống mới* là một chủ trương rất độc đáo của văn hoá Hồ Chí Minh. *Đời sống mới* bao gồm cả văn hoá đạo đức, văn hoá lối sống, văn hoá lao động, văn hoá gia đình, văn hoá phong hoá, văn hoá chính trị, v.v... Đó là những vấn đề của tất cả mọi người, từ người lãnh đạo cao nhất đến người dân bình thường: trong lao động, chiến đấu, học tập và sinh hoạt, trong gia đình, thôn xóm, nhà trường, công sở, xí nghiệp, đơn vị bộ đội, v.v... Ở đây không chỉ là những vấn đề lớn, mà còn cả những vấn đề thường gặp trong đời sống hàng ngày như ăn, mặc, ở, đi lại, ma chay, cưới xin, vệ sinh, môi trường, bài trừ hủ tục và các tệ nạn xã hội, v.v... Hồ Chí Minh coi truyền thống và thói quen lạc hậu cũng là một loại kẻ địch, giống như thực dân, đế quốc. Quan niệm này cũng chưa thấy ở bất cứ người nào khác.

Đối với việc xây dựng đạo đức mới, con người mới, Hồ Chí Minh đã dành một sự quan tâm đặc biệt trong suốt cuộc đời mình. Từ tác phẩm *Đường kách mệnh* cho đến bản *Di chúc,* Người đều nói đến vấn đề đạo đức và vấn đề con người. Những phẩm chất đạo đức mới và những tiêu chuẩn con người mới đã được Người đề ra chung cho mọi người, cho suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, cũng như đã cụ thể hoá cho từng thời kỳ cách mạng, cho từng lớp người, trước hết là cho cán bộ đảng viên. Bất cứ ai cũng có thể tìm thấy trong di sản tư tưởng của Người những lời dạy rất thiết thực, tìm thấy ở Người một tấm gương trong sáng nhất để học tập, noi theo.

Hồ Chí Minh đã rút ra một triết lý nhân sinh: "Xét cho cùng chỉ là vấn đề sống ở đời và làm người", sống sao cho lương tâm không phải hổ thẹn, cho con cháu không phải xấu hổ, phải sống sao cho xứng đáng là một con người.

Đã có ai quan niệm như Hồ Chí Minh: chủ nghĩa cá nhân, tham ô, lãng phí, quan liêu là "giặc nội xâm", là những "kẻ địch ở trong lòng", "đồng minh với giặc ngoại xâm", mà chúng ta cần phải chống đến cùng, cần kiên quyết đấu tranh để loại bỏ? "Đạo đức là cái gốc của người cách mạng", "Người có bốn đức: cần, kiệm, liêm, chính, thiếu một đức thì không thành người", "Một con người, một Đảng, một dân tộc có thể ngày hôm

qua là vĩ đại, nhưng hôm nay không còn được nhân dân yêu mến, quý trọng, nếu lòng dạ không còn trong sáng nữa", "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa", "Phải đào tạo, bồi dưỡng lớp người mới, những trí thức mới, cán bộ mới", lớp người cho hôm nay và kế tục sự nghiệp cách mạng mai sau - những luận điểm ấy thực sự là những chân lý sáng ngời, luôn luôn định hướng cho việc xây dựng và phát triển nền đạo đức mới và những con người mới Việt Nam.

Văn nghệ là một bộ phận không thể thiếu của nền văn hoá dân tộc. Nó có vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng con người mới, giúp con người phát triển cân đối về các mặt đức, trí, thể, mỹ, hài hoà lý trí và tình cảm, trí tuệ và tâm hồn, từ đó xây dựng một xã hội thuần phong mỹ tục, những mối quan hệ lành mạnh, tốt đẹp, đầy tính nhân văn giữa người và người.

Theo Hồ Chí Minh, đối tượng của văn nghệ là cuộc sống và con người, là "sinh hoạt thực tại của con người". Nó phải phản ánh "cho hay, cho chân thật, cho hùng hồn" những cái đúng, cái hay, cái đẹp, cái tốt, cái thiện trong con người và cuộc sống, để hướng con người về với chân, thiện, mỹ, đồng thời đấu tranh nhằm loại bỏ cái giả, cái ác, cái xấu vẫn thường có trong cuộc sống của con người. Văn nghệ phải đánh thức được tình người, ý hướng thiện của con người, ít nhiều đều có trong mỗi người. Nếu văn hoá văn nghệ là một mặt trận, và các văn nghệ sĩ là những chiến sĩ trên mặt trận ấy, thì "ngòi bút của văn nghệ sĩ" cũng là "những vũ khí sắc bén trong sự nghiệp phò chính trừ tà", trong nhiệm vụ "phụng sự kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân". Còn những sản phẩm văn nghệ lại là "những món ăn tinh thần" không thể thiếu của cuộc sống con người. Xã hội càng phát triển lại càng đòi hỏi nhiều hơn ở những món ăn tinh thần ấy, và như người ta thường nói, cuộc sống đâu phải chỉ có bánh mỳ là đủ.

Để xứng đáng là những chiến sĩ trên mặt trận văn hoá văn nghệ, Hồ Chí Minh đòi hỏi văn nghệ sĩ phải ra sức học tập, không ngừng nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ, vốn hiểu biết và tài năng. Đặc biệt phải quán triệt đường lối quan điểm của Đảng, hiểu biết thực tiễn Việt Nam, và như Người nói, "cần hiểu thấu, liên hệ và đi sâu vào đời sống nhân dân", tìm thấy ở đấy nguồn cảm hứng không bao giờ cạn cho các sáng tác văn nghệ.

Mối quan hệ giữa ba khâu nghệ sĩ - tác phẩm - công chúng đã được Người đề cập đến với những lời chỉ dẫn chí tình, hơn nữa còn bằng cả kinh nghiệm của bản thân mình. Người đã nêu lên những phương châm rất quan trọng đối với những người cầm bút, những người sáng tác là trước khi viết, trước khi sáng tác, mỗi người phải tự đặt ra cho mình bốn câu hỏi: Viết cho ai? Viết cái gì? Viết để làm gì? Viết như thế nào? Những điều chỉ dẫn của Người về cách nói, cách viết, cách sáng tác, cách giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, đồng thời làm phong phú thêm ngôn ngữ dân tộc, thực sự là một kho báu cực kỳ phong phú, luôn luôn có ý nghĩa thời sự đối với tất cả những người cầm bút, những người hoạt động văn hoá, văn nghệ.

Người rất coi trọng quyền tự do sáng tạo của văn nghệ sĩ, đồng thời cũng đòi hỏi văn nghệ sĩ phải có tinh thần trách nhiệm cao trước công chúng, trước đất nước và dân tộc. Những sáng tác văn nghệ phải làm sao cho quần chúng "khi chưa xem thì muốn xem, xem rồi thì *có bổ ích*". Một trong những chức năng của văn nghệ là đem lại sự giải trí cho công chúng, nhưng là sự giải trí bổ ích, giải trí mà vẫn có ý nghĩa giáo dục, vẫn giúp cho mọi người cảm thụ được cái hay, cái đẹp, nâng cao thị hiếu thẩm mỹ của con người.

Trong lĩnh vực văn hoá, văn nghệ, Hồ Chí Minh còn đề cập đến nhiều vấn đề rất quan trọng, như mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức, giữa phổ cập và nâng cao, giữa kế thừa và cách tân, giữa sáng tạo của quần chúng và sáng tạo của văn nghệ sĩ, v.v... Có thể trích dẫn một số ý kiến của Hồ Chí Minh để thấy rõ điều đó:

- "Quần chúng mong muốn những tác phẩm có *nội dung* chân thật và phong phú, có *hình thức* trong sáng và vui tươi"[1];... cần làm cho món ăn tinh thần được phong phú. Không nên bắt mọi người chỉ được ăn một món thôi.

- Có trước mới có sau. Có cũ mới có mới, nhưng chúng ta không nên nệ cổ; Nghệ thuật của cha ông để lại hay lắm. Phải giữ gìn cho được, nhưng chớ gieo vừng ra ngô; "Khôi phục vốn cũ, thì nên khôi phục cái gì tốt, còn cái gì không tốt thì phải loại dần ra. Xem ra thì năm nay tương đối khá, còn như năm ngoái, khi khôi phục vốn cũ thì khôi phục cả đồng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.10, tr.646.

bóng, rước xách thần thánh. Vì khôi phục như thế, nên ở nông thôn nhiều nơi quên cả sản xuất, cứ trống mõ bì bõm, ca hát lu bù. Có những xã góp đến mấy triệu đồng đi mua áo, mua mũ, mua hia. Như thế nói là khôi phục vốn cũ có đúng hay không?"[1].

- Phát triển hết cái hay, cái đẹp của dân tộc, tức là ta cùng đi đến chỗ nhân loại; Có cái gì tốt của Đông phương hay Tây phương ta phải học lấy để tạo nên một nền văn hoá Việt Nam; Chúng ta không chịu vay mà không trả...

Nếu đi sâu vào tìm hiểu tư tưởng văn hoá văn nghệ của Hồ Chí Minh, chúng ta còn thấy biết bao nhiêu điều quý giá, bao nhiêu điều như Người đang nói với chúng ta hôm nay.

Đối với giới nghệ sĩ, Người đã dành những tình cảm rất ưu ái và những lời chỉ bảo rất chân tình. Người cổ vũ lớp già, động viên lớp trẻ, nhắc nhở lớp văn nghệ sĩ đi trước: phải hết lòng giúp đỡ thanh niên, làm cho văn nghệ nước nhà ngày càng thêm trẻ, thêm xuân. Người đặc biệt quan tâm đến việc đào tạo bồi dưỡng các văn nghệ sĩ người dân tộc, người miền Nam, chuẩn bị cho việc phát triển rực rỡ nền văn hoá văn nghệ của một nước Việt Nam độc lập và thống nhất hoàn toàn. Nhiều thế hệ các văn nghệ sĩ nước ta, trực tiếp hay gián tiếp, đều cảm nhận thấy sâu sắc tấm lòng của Người đối với văn nghệ sĩ.

Người đã đi xa sáu năm trước khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng. Việc xây dựng và phát triển rực rỡ nền văn hoá văn nghệ của một nước Việt Nam độc lập, thống nhất hoàn toàn là công việc mà các thế hệ nối tiếp sự nghiệp cách mạng của Người phải đảm nhiệm, phải hoàn thành, phải xứng đáng với những giá trị văn hoá mà Người đã để lại cho dân tộc và cho nhân loại, xứng đáng với những kỳ vọng của Người về một nước Việt Nam mười lần đàng hoàng hơn, to đẹp hơn, xứng đáng với sự tôn vinh của thế giới đối với người anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hoá Hồ Chí Minh.

*
* *

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.9, tr.248.

Như một kiến trúc sư tài hoa và một người chỉ đạo thi công dạn dày kinh nghiệm, Hồ Chí Minh đã cùng với Đảng lãnh đạo nhân dân ta xây dựng nền văn hoá mới trong gần một phần tư thế kỷ, trong hoàn cảnh đất nước còn chiến tranh, còn tạm thời bị chia cắt, còn hết sức nghèo khó và đầy rẫy những thách thức hiểm nguy. Nhưng đó lại là một nền văn hoá đã định hình được bộ mặt của con người mới, lối sống mới, đạo đức mới, phong hoá mới, một nền văn hoá đưa con người Việt Nam đến đỉnh cao của chủ nghĩa anh hùng, đồng thời lại mang tính nhân văn sâu đậm. Đó là một nền văn hoá luôn hướng con người về chân, thiện, mỹ, về hoà bình và hữu nghị giữa các dân tộc, về tình hữu ái chân chính giữa người với người, một nền văn hoá đã thức tỉnh lương tâm thời đại. Ngôi nhà văn hoá được xây dựng lúc đó là một ngôi nhà khiêm tốn, giản dị, như chính bản sắc của dân tộc Việt Nam và con người Hồ Chí Minh, nhưng lại là một ngôi nhà văn hoá có vẻ đẹp của phẩm giá con người, của nhân cách làm người, có môi trường trong sạch, lành mạnh. Mỗi người chúng ta có thể tự hào chính đáng về một thời ra ngõ gặp anh hùng, tiếng hát át tiếng bom, trên dưới đồng cam cộng khổ, ánh sáng văn hoá thực sự chiếu rọi các mặt của đời sống con người và xã hội. Đương nhiên đó mới chỉ là những bước mở đầu, chuẩn bị cơ sở cho những bước tiếp theo về sau này. Và tư tưởng văn hoá Hồ Chí Minh chính là cơ sở quan trọng nhất - cơ sở lý luận và phương pháp luận - định hướng cho việc xây dựng nền văn hoá mới Việt Nam.

Để xây dựng nền văn hoá mới, Hồ Chí Minh đã có nhiều ý kiến chỉ đạo rất thiết thực, trong đó có hai vấn đề có thể coi là quan trọng hàng đầu:

Một là, sự nghiệp xây dựng nền văn hoá mới là *sự nghiệp của quần chúng nhân dân,* vì vậy, có nhiều nội dung phải biến thành phong trào quần chúng rộng lớn thì mới đem lại kết quả tốt đẹp, như các phong trào *Xoá nạn mù chữ, Đời sống mới, Khoẻ vì nước, Trồng cây gây rừng, Tết trồng cây, Ba xây ba chống, Dạy tốt học tốt, Người tốt việc tốt, v.v...*

Hai là, Đảng lãnh đạo xây dựng nền văn hoá mới thì bản thân *Đảng phải trở thành văn hoá,* đúng như Hồ Chí Minh đã nói: Đảng là đạo đức, là văn minh, Đảng phải tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự, lương tâm của dân tộc và thời đại.

Nền văn hoá mà nhân dân ta xây dựng và phát triển hiện nay phải là nền văn hoá mà Hồ Chí Minh đã dày công xây nền, đắp móng. Đó là

sự nối tiếp tất cả những gì mà lúc sinh thời Người đã cùng với Đảng lãnh đạo nhân dân xây dựng. Đương nhiên, đất nước đã có nhiều biến đổi, nhưng tư tưởng văn hoá Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng văn hoá, văn hoá nhất định sẽ trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và nền văn hoá Việt Nam sẽ phát triển lên một tầm cao mới như là mục tiêu cần đạt tới khi đất nước bước vào thế kỷ XXI.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HOÁ VÀ VIỆC XÂY DỰNG NỀN VĂN HOÁ MỚI*

PGS.TS. THÀNH DUY

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống bao gồm nhiều lĩnh vực, thể hiện nhất quán sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của cách mạng Việt Nam. Trong hệ thống tư tưởng của Người, những quan điểm về văn hoá chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng. Hơn nữa, nó lại thấm sâu và xuyên suốt trong mọi lĩnh vực hoạt động cách mạng của Người cũng như trong đời sống xã hội ta. Cho nên, để quán triệt và trình bày đầy đủ tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá là việc không đơn giản, đòi hỏi nghiên cứu một cách toàn diện các lĩnh vực tư tưởng và cuộc sống. Chính vì vậy, chúng tôi chỉ có thể đề cập ở đây những nội dung cơ bản nhất thể hiện *quan điểm* và *phương pháp luận* của Hồ Chí Minh về văn hoá và việc xây dựng nền văn hoá mới ở Việt Nam, nhằm:

Một là, nhận thức đúng đắn những giá trị tạo nên sức mạnh văn hoá Việt Nam, cả truyền thống và hiện đại, cả văn hoá bản địa và tinh hoa văn hoá nước ngoài được cha ông ta tiếp nhận.

Hai là, nhận thức rõ nguyên nhân tạo nên sức mạnh văn hoá Việt Nam, đồng thời thấy rõ những hạn chế của văn hoá ta do lịch sử và do cả chính sách của kẻ xâm lược nước ta gây nên.

Ba là, từ việc nhận thức rõ những giá trị văn hoá và nguyên nhân tạo nên sức mạnh văn hoá Việt Nam, chúng ta cần quán triệt các quan điểm và phương pháp luận của Hồ Chí Minh về văn hoá nhằm vận dụng và xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

---

* Trích trong cuốn: *Tư tưởng Hồ Chí Minh – những nội dung cơ bản* của PGS.TS. Thành Duy, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh, 2005.

I. Quan niệm về nội hàm khái niệm văn hoá ở Hồ Chí Minh

Khái niệm văn hoá vốn rất rộng và thường được dùng trong những văn cảnh khác nhau. Do đó, mỗi người có thể có cách hiểu khác nhau về khái niệm văn hoá. Vì lẽ đó, đã ra đời hàng trăm định nghĩa về văn hoá, nẩy sinh nhiều cuộc tranh luận xung quanh khái niệm văn hoá. Cũng từ đó, hình thành những cách suy nghĩ khác nhau về vị trí, vai trò và chức năng, tác dụng của văn hoá đối với đời sống xã hội cũng như đối với sự nghiệp cách mạng và xây dựng đất nước nói chung.

Hồ Chí Minh không có ý định đi tìm một định nghĩa chính thức về văn hoá. Nhưng, từ những bài viết và bài nói của Người, chúng ta thấy rất rõ những quan điểm của Người về văn hoá cũng như về vị trí, vai trò và chức năng, tác dụng của văn hoá. Chỉ có một lần duy nhất Hồ Chí Minh nói đến *ý nghĩa của văn hoá* trong mục đọc sách ghi ở phần cuối tập *Nhật ký trong tù* (1942-1943), và nhờ bút tích quý báu ấy, chúng ta thấy rõ hơn những quan điểm của Người về nội hàm khái niệm văn hoá.

Người viết: "*Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn*".

Từ quan niệm nêu trên về ý nghĩa của văn hoá, Hồ Chí Minh đề ra năm điểm lớn xây dựng nền văn hoá dân tộc.

1. Xây dựng tâm lý: lý cách, tinh thần độc lập tự cường.

2. Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng.

3. Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội.

4. Xây dựng chính trị: dân quyền.

5. Xây dựng kinh tế[1].

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.431.

Như vậy, có thể xem 5 điểm lớn nói trên là những yêu cầu cơ bản nhất cần quán triệt khi đề ra mục tiêu chiến lược phát triển văn hoá đối với một dân tộc, một quốc gia. Và, theo Hồ Chí Minh, văn hoá được hiểu theo nghĩa rộng nhất, bao gồm toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần mà loài người sáng tạo ra nhằm đáp ứng những nhu cầu ngày càng cao của đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn.

Để có một nền văn hoá như vậy, phải xây dựng đồng thời cả tâm lý, luân lý, xã hội, chính trị và kinh tế. Năm lĩnh vực ấy tuy chưa phản ảnh đầy đủ mọi mặt của đời sống xã hội, nhưng đã bao quát trong bốn nhiệm vụ cơ bản mà Hồ Chí Minh đề ra cho sự nghiệp cách mạng, như Người nói: "Trong công cuộc kiến thiết nước nhà, có bốn vấn đề cần chú ý đến, cũng phải coi là quan trọng ngang nhau: Chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá. Nhưng văn hoá là một kiến trúc thượng tầng" (Báo *Cứu quốc*, số ra ngày 08/10/1945).

Vậy năm yêu cầu của một chiến lược phát triển văn hoá nêu trên với bốn vấn đề cần chú ý, có mâu thuẫn với nhau không và vì sao Hồ Chí Minh đã nói đến năm mục tiêu của một chiến lược phát triển văn hoá lại chỉ nói đến bốn vấn đề (chứ không phải năm vấn đề) cần chú ý đến? Tại sao đã quan niệm văn hoá theo nghĩa rộng bao gồm cả văn hoá vật thể và văn hoá phi vật thể lại còn nhấn mạnh văn hoá là một kiến trúc thượng tầng? Hầu như ở đây văn hoá lại được hiểu theo nghĩa hẹp thuộc kiến trúc thượng tầng? Phải chăng, khái niệm văn hoá được Hồ Chí Minh dùng trong những văn cảnh khác nhau lại mang nội hàm khác nhau?

Quả là có vấn đề khái niệm văn hoá được dùng trong những văn cảnh khác nhau khiến cho người ta hiểu về nội hàm khái niệm văn hoá có khác nhau. Khi Hồ Chí Minh định nghĩa khái niệm văn hoá thì rõ ràng văn hoá được hiểu theo nghĩa rộng nhất như trên đã nói. Nhưng khi Người nêu bốn vấn đề cần được chú ý ngang nhau, đó là chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá thì hình như văn hoá lại được hiểu theo nghĩa hẹp chỉ còn là văn hoá tinh thần thuộc kiến trúc thượng tầng. Điều đó không phải là mâu thuẫn mà chỉ phản ảnh phương pháp tư duy *cần phân biệt giữa quan điểm* và *phương pháp luận*.

Nội hàm khái niệm văn hoá với ý nghĩa chính xác của nó như Hồ Chí Minh hiểu thì phải nói theo nghĩa rộng. Đó là quan niệm về văn hoá hay ý nghĩa của văn hoá vốn có từ khi nó ra đời. Nhưng khi nói đến quan hệ

giữa văn hoá với chính trị, kinh tế và xã hội, đồng thời nhấn mạnh phải coi trọng ngang nhau và phải thấy văn hoá là thuộc kiến trúc thượng tầng thì phương pháp tư duy lại hướng sang vấn đề khác, *vấn đề phương pháp luận*.

Trong quan hệ giữa văn hoá với tư cách kiến trúc thượng tầng và kinh tế với tư cách hạ tầng cơ sở thì văn hoá lại phụ thuộc hạ tầng cơ sở do điều kiện kinh tế quyết định, nếu xét đến cùng. Đó là vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận khi nghiên cứu về vị trí, vai trò của văn hoá trong quan hệ với chính trị, kinh tế, xã hội chứ không phải là vấn đề định nghĩa khái niệm văn hoá. Cho nên, giữa hai vấn đề: *quan điểm và phương pháp luận nghiên cứu văn hoá tuy có quan hệ hữu cơ với nhau nhưng vẫn là hai vấn đề khác nhau không được lẫn lộn.*

Hồ Chí Minh bao giờ cũng có sự nhất quán khi nói và hiểu về quan niệm văn hoá cũng như việc xác định vị trí, vai trò của văn hoá trong quan hệ với chính trị, kinh tế và xã hội. Đối với Hồ Chí Minh, có lẽ ý nghĩa của khái niệm văn hoá không phải ở chỗ nó rộng hay hẹp mà nó là cái gì đó gắn liền với bản chất con người và cuộc sống xã hội, do đó không thể nào tách bạch ra được. Nó là *tổng hợp* của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà con người sáng tạo ra do nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn như Người khẳng định. Do đó, nó phải thể hiện ra như nó vốn có để tạo ra *sức mạnh tổng hợp* bao gồm cả đời sống vật chất và đời sống tinh thần đối với một con người trong một xã hội cụ thể, cả đức và tài đối với một con người phát triển toàn diện. Nếu cần tách văn hoá khỏi con người và xã hội là để nghiên cứu hoặc xem xét mối quan hệ giữa nó với các nhân tố khác mà thôi. Đó là lĩnh vực của phương pháp luận khoa học.

Từ cách hiểu về văn hoá nêu trên cũng như yêu cầu xây dựng một nền văn hoá dân tộc không chỉ đơn thuần là xây dựng văn hoá tinh thần mà phải quán triệt sâu sắc và toàn diện những nhu cầu ngày càng cao của đời sống con người, trong đó có cả đời sống vật chất và đời sống tinh thần, chúng ta thấy Hồ Chí Minh quan niệm về ý nghĩa của văn hoá phải như thế nào và đặt nó ở vị trí quan trọng ra sao trong sự nghiệp cách mạng cũng như trong chiến lược phát triển đất nước.

Thấm nhuần quan điểm văn hoá theo tư tưởng Hồ Chí Minh tức là đặt văn hoá ở vị trí trung tâm của cách mạng, có nghĩa là thiếu nó cuộc

sống sẽ không còn ý nghĩa, thiếu nó con người sẽ không thành người, thiếu nó xã hội sẽ không phát triển, thiếu nó sẽ không có chủ nghĩa xã hội... Điều đó cũng có nghĩa là văn hoá gắn với mọi mặt của đời sống xã hội, là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực của phát triển kinh tế - xã hội nói chung như Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII của Đảng *Về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* đã khẳng định.

Vậy, định nghĩa về nội hàm khái niệm văn hoá nêu trên có liên quan như thế nào đến việc nghiên cứu văn hoá Việt Nam. Nói cách khác, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá thể hiện trong định nghĩa nội hàm khái niệm văn hoá sẽ rọi ánh sáng như thế nào cho việc nghiên cứu văn hoá Việt Nam?

Đương nhiên, ở đây không chỉ nói đến nhiệm vụ xây dựng nền văn hoá mới mà trước hết là nói đến việc nhận thức về các giá trị văn hoá nói chung trong đó có văn hoá truyền thống, tìm thấy ý nghĩa của văn hoá trong lịch sử dân tộc, trong những sự kiện lịch sử và hành động của con người làm nên lịch sử, tạo ra những chiến công, những kỳ tích, những tấm gương, những nhân cách văn hoá. Giá trị văn hoá cũng như nguyên nhân tạo nên sức mạnh văn hoá Việt Nam chỉ có thể tìm thấy trong quá trình phát triển của lịch sử dân tộc. Đó là *quan điểm duy vật lịch sử và duy vật biện chứng trong nghiên cứu văn hoá* mà Hồ Chí Minh đã quán triệt ngay từ trong quan niệm về nội hàm khái niệm văn hoá.

Nếu hiểu ý nghĩa của văn hoá như Hồ Chí Minh hiểu thì chúng ta sẽ thấy sức mạnh văn hoá Việt Nam không phải thể hiện ở những gì cao siêu, khó hiểu vượt ra ngoài cuộc sống đời thường của con người mà là ở trong nhân dân, trong lịch sử dân tộc, trong cuộc sống muôn màu muôn vẻ. Chúng ta sẽ không đi tìm nguồn gốc văn hoá cũng như giá trị truyền thống ở nơi khác, ở nguồn khác mà là ở trong cuộc sống đời thường cũng như trong sự nghiệp lao động và chiến đấu của nhân dân. Đó chính là ý nghĩa của triết lý phát triển văn hoá mà chúng ta cần khẳng định khi nghiên cứu văn hoá Việt Nam. Đó cũng chính là bản chất văn hoá Việt Nam do con người Việt Nam sáng tạo và phát minh ra trong cuộc sống lao động cũng như trong việc bảo vệ và xây dựng đất nước.

Mặt khác, đó cũng là nguyên nhân khiến cho văn hoá Việt Nam không có điều kiện phát triển như Hồ Chí Minh có lần nói: "Xưa kia chính trị bị đàn áp, nền văn hoá của ta vì thế không nẩy sinh được"[1]. Điều đó có nghĩa là, văn hoá Việt Nam do các cộng đồng dân tộc người Việt Nam tạo dựng ra trong tiến trình phát triển của lịch sử nền văn hiến có bề dầy hàng nghìn năm, tuy đã có sức mạnh nhưng nó vẫn không phát triển tương xứng với tầm vóc dân tộc và con người Việt Nam sáng tạo ra do nhu cầu cuộc sống và đòi hỏi của sự sinh tồn.

Còn nói về ý nghĩa của văn hoá trong việc xây dựng xã hội mới và nền văn hoá mới thì khỏi phải bàn. Nó đã từng được khẳng định trong sự nghiệp kháng chiến giành độc lập dân tộc và xây dựng đất nước hơn nửa thế kỷ qua. Chúng ta sẽ càng thấy văn hoá quan trọng như thế nào khi đề cập đến chức năng và tác dụng của nó trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nhất là khi nói đến việc xây dựng nền kinh tế tri thức trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay.

II. Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận

Trong thư gửi các hoạ sĩ nhân dịp triển lãm hội hoạ năm 1951, Hồ Chí Minh viết:

"Văn hoá nghệ thuật cũng là một *mặt trận.*

Anh chị em là *chiến sĩ* trên mặt trận ấy".

Cũng trong thư ấy, Hồ Chí Minh còn căn dặn văn nghệ sĩ "cần có lập trường vững, tư tưởng đúng" để làm tròn nhiệm vụ chiến sĩ nghệ thuật. Sau đó, Người nói: "Chắc có người nghĩ: Cụ Hồ đưa nghệ thuật vào *chính trị.*

Đúng lắm. Văn hoá, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị".

Trong các quan điểm về văn hoá nghệ thuật của Hồ Chí Minh, có thể nói quan điểm coi văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận có ý nghĩa tổng quát định hướng của văn hoá và sản phẩm văn hoá. Một khi văn hoá nghệ thuật đã là một mặt trận và ở trong kinh tế và chính trị thì người sáng tạo ra nó hoặc nhân danh nó để hoạt động, để gửi gắm tâm tư, tình

1. Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, t.3, sđd, tr.16.

cảm của mình, dù muốn né tránh ý thức chính trị hoặc muốn đi tìm nơi ẩn dật để không quan hệ gì đến chính trị đương thời cũng không thể né tránh được.

Nói một cách khác, né tránh chính trị hoặc muốn biến văn hoá nghệ thuật thành "thiên đường" riêng của giới văn hoá nghệ thuật cũng là một thái độ chính trị mà thường là thái độ tiêu cực, trốn tránh trách nhiệm. Cho nên, không phải là ngẫu nhiên, trong bất cứ xã hội nào khi cuộc đấu tranh giai cấp hoặc cuộc chiến đấu chống kẻ thù xâm lược đến giai đoạn quyết liệt thì trong giới hoạt động văn hoá nghệ thuật thường có sự phân hoá. Bởi chính lúc này văn hoá nghệ thuật phải bộc lộ rõ quan điểm của mình một cách rõ ràng, dứt khoát. Không có thứ văn hoá nghệ thuật chung chung không mang ý thức chính trị nào hoặc đứng trên, đứng ngoài chính trị để chỉ phục vụ cho cái gọi là nghệ thuật "thuần tuý" hoặc "nghệ thuật vị nghệ thuật" như có người đã lầm tưởng như vậy.

Chính trị tập trung nhất là chính trị yêu nước, chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc, phục vụ lợi ích của nhân dân. Đó là sứ mệnh cao cả của văn hoá nghệ thuật, cũng là trách nhiệm thiêng liêng nhất của người hoạt động trên mặt trận văn hoá nghệ thuật. Cho nên, nói văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận, đồng thời khẳng định nó ở trong kinh tế và chính trị, thực chất là hướng văn hoá nghệ thuật trở về với thiên chức cao quý mà nó vốn có. Đó là thiên chức của thứ lao động sáng tạo với ý thức tự do thật sự, chưa bị biến thành thứ tha hoá để phản lại chính người sáng tạo ra nó, hoặc biến nó thành một thứ lao động làm thuê cho kẻ khác.

Văn hoá nghệ thuật sở dĩ được xem là cao quý chính là nhờ có thiên chức lao động sáng tạo với ý thức tự do thực sự đó. Nếu đánh mất thiên chức cao quý đó thì nó sẽ không còn là nó nữa, nghĩa là nó sẽ trở thành thứ phản văn hoá. Và, đương nhiên thứ phản văn hoá xưa nay cũng được xem là một mặt trong phạm trù văn hoá, nhưng là mặt đối lập, mặt trái của văn hoá thường tồn tại trong xã hội còn áp bức, bóc lột, còn kẻ giàu người nghèo, còn đầy rẫy những bất công.

Chính vì vậy, văn hoá nghệ thuật càng trở thành một mặt trận, trước hết là mặt trận đấu tranh trong lĩnh vực văn hoá, sau đó là cuộc chiến xảy ra trên nhiều mặt trận khác thuộc chính trị, kinh tế, đạo đức, lối sống hay nói chung là xã hội. Ở tất cả các mặt trận ấy, văn hoá không đóng vai trò vừa là mục tiêu vừa động lực mà còn có tác dụng điều tiết

quá trình phát triển, nghĩa là bản thân văn hoá tác động vào mọi mặt của đời sống xã hội tạo thành nội lực đấu tranh và phát triển, và chỉ có đấu tranh với những mặt tiêu cực, phản văn hoá nó mới thực sự phát triển. Nó sẽ có tác động một cách tinh vi, tế nhị đến mọi mặt của cuộc sống; có thể uốn nắn hành vi ứng xử của con người, giữ cho văn hoá gắn với bản chất vốn có của con người và trở thành nhu cầu tự nhiên của đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn, như Hồ Chí Minh khẳng định khi nói về ý nghĩa của văn hoá.

Quan điểm xem văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận và ở trong kinh tế và chính trị là hoàn toàn phù hợp với lập trường mác-xít; và thực sự đó là một quan điểm rất cơ bản về văn hoá nghệ thuật của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Xuất phát từ quan điểm xem văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận, chủ nghĩa Mác - Lênin đã khẳng định tính khuynh hướng của văn hoá nghệ thuật, coi nó là nền tảng tinh thần của xã hội và đặt nó trong quan hệ hữu cơ với điều kiện sinh hoạt vật chất và tính chất của chế độ xã hội. Điều đó có nghĩa là văn hoá tuy là nền tảng chung của xã hội, gắn với quá trình hình thành bản chất con người và có truyền thống phát triển liên tục, nhưng nó vẫn bị quy định bởi ý thức chính trị, điều kiện phát triển kinh tế và bản chất giai cấp của các chế độ xã hội.

Chính vì vậy, mỗi xã hội có văn hoá riêng mang ý thức của xã hội đó, nghĩa là có văn hoá trong xã hội thời trung cổ, văn hoá trong xã hội phong kiến, có văn hoá của xã hội tư bản chủ nghĩa và đương nhiên có văn hoá xã hội chủ nghĩa. Do đó, trong khái niệm văn hoá tuy có mặt phản ảnh bản chất chung của con người có ý thức về bản thân, tức con người có nhân cách văn hoá, nhưng nó cũng bị chi phối bởi ý thức giai cấp, ý thức dân tộc và ý thức thời đại. Quán triệt tinh thần cơ bản nêu trên đồng thời vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã diễn đạt quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hoá nghệ thuật một cách dễ hiểu hơn, sáng rõ hơn, thích hợp với hoàn cảnh nước ta.

Nói rõ quan điểm "văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận", trong *Nhật ký trong tù,* Người còn viết:

"Thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp,
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông;

Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong".

(Cảm tưởng đọc "Thiên gia thi")

Nói đến "chất thép" trong thơ và yêu cầu "nhà thơ cũng phải biết xung phong", Hồ Chí Minh đã bộc lộ rõ quan điểm sáng tác của mình, mặc dù đối tượng sáng tác là cảnh đẹp của thiên nhiên, là mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông.

Xuất phát từ quan niệm xem văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận và ở trong kinh tế và chính trị, Hồ Chí Minh không chỉ đòi hỏi những người hoạt động trên mặt trận văn hoá nghệ thuật phải có lập trường vững, tư tưởng đúng mà Người còn nhìn nhận văn hoá nghệ thuật như một thứ vũ khí sắc bén không chỉ chúng ta dùng mà cả kẻ thù của chúng ta cũng dùng nó. Thậm chí, kẻ thù còn biết sử dụng thứ vũ khí văn hoá nghệ thuật rất khôn khéo, rất lợi hại. Cho nên, các loại kẻ thù xâm lược nước ta từ xưa đến nay đều thực hiện chính sách nô dịch văn hoá, đàn áp văn hoá, không cho nhân dân ta được tự do sáng tạo văn hoá và được hưởng những giá trị văn hoá tiến bộ. Chúng muốn biến nước bị chúng xâm lược càng ít văn hoá bao nhiêu càng tốt cho chúng bấy nhiêu, nghĩa là thành ngu dân để chúng dễ trị. Đó là một thực tế quá rõ ràng đối với dân tộc ta, đối với văn hoá nước ta trong các thời kỳ bị bọn phong kiến phương Bắc và cả bọn thực dân phương Tây xâm lược. Ở những thời kỳ đó, văn hoá nước ta tuy vẫn có thể phát triển nhưng không còn thuần nhất và sự phát triển nếu có cũng không phải do lòng tốt của kẻ đi xâm lược hoặc nước nhân danh là "văn minh" đi khai hoá "man di" như chúng thường nói.

Chính vì vậy, khi nghiên cứu văn hoá Việt Nam, dù là văn hoá truyền thống hay văn hoá hiện đại, văn hoá bản địa hay văn hoá được tiếp nhận từ ngoài vào, chúng ta cần phải hết sức tỉnh táo phân biệt văn hoá tiến bộ với thứ văn hoá do kẻ thù áp đặt nhằm nô dịch nhân dân, văn hoá lạc hậu ra đời trong bối cảnh không có tự do sáng tạo với văn hoá thực sự có giá trị dân tộc, thể hiện lập trường đúng đắn và phản ảnh những chiến công, kỳ tích của nhân dân ta trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước với các loại kẻ thù xâm lược cũng như trong lao động và phòng chống thiên tai.

Vấn đề nhận thức các giá trị văn hoá cũng không chỉ nhằm xây dựng nền văn hoá mới mà cả trong việc tiếp thu, cách đánh giá văn hoá truyền thống của dân tộc, nghĩa là phải đứng trên quan điểm triết lý văn hoá tiến bộ và cách mạng mà ngày nay đó là quan điểm văn hoá của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Với ý nghĩa ấy, khi nghiên cứu văn hoá Việt Nam, dù là văn hoá truyền thống hay văn hoá hiện đại, nhà nghiên cứu cần phải có khuynh hướng rõ ràng, mà đối với chúng ta đó là khuynh hướng theo lập trường mác-xít và dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh.

III. Xã hội thế nào, văn hoá thế ấy

Tại Đại hội Văn công vào đầu năm 1955, Hồ Chí Minh nói: "Xã hội thế nào, văn nghệ thế ấy" nhằm khen ngợi văn công ta khá. "Khá nhất là ở chỗ đã tẩy hết những cái gì truỵ lạc, hủ bại của văn nghệ thực dân và phong kiến; đã nêu rõ chừng nào tinh thần dũng cảm và sinh hoạt cần lao của nhân dân ta"[1] trong những năm kháng chiến gian khổ và anh dũng.

Tuy chỉ là một câu nói súc tích, dễ hiểu của Hồ Chí Minh, nhưng đã hàm chứa nhiều ý nghĩa có giá trị quy luật, thể hiện quan điểm đúng đắn về mối quan hệ giữa văn hoá nghệ thuật với cuộc sống xã hội, về cách nhìn nhận truyền thống văn hoá dân tộc, về chức năng, quan niệm sáng tạo của văn hoá nghệ thuật cũng như trách nhiệm của giới văn hoá, văn nghệ trước mỗi thời kỳ phát triển của đất nước.

Quan điểm nêu trên đã được Hồ Chí Minh nhắc đến nhiều lần mỗi khi có dịp gặp gỡ những người hoạt động văn hoá, nghệ thuật. Chẳng hạn, tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ ba, sau khi điểm lại tình hình văn chương cách mạng bị đàn áp như thế nào dưới chế độ thực dân Pháp, Người nêu kết luận: "Rõ ràng là dân tộc bị áp bức thì văn nghệ cũng mất tự do. Văn nghệ muốn tự do thì phải tham gia cách mạng". Sau đó, Người nêu lên trách nhiệm của văn nghệ sĩ trong thời đại mới: "Quần chúng đang chờ đợi những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại vẻ vang của chúng ta, những tác phẩm *ca tụng* chân thật những người mới, việc mới, chẳng những để làm gương cho chúng ta ngày nay, mà còn để giáo dục con cháu ta đời sau". "Quần chúng mong muốn những tác phẩm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.7, tr.434.

có *nội dung* chân thật và phong phú, có *hình thức* trong sáng và vui tươi. Khi chưa xem thì muốn xem, xem rồi thì bổ ích". Người đòi hỏi văn nghệ sĩ: "Miêu tả cho hay, cho chân thật và cho hùng hồn, những người, những việc ấy, bằng văn, bằng thơ, bằng vẽ và bằng các nghệ thuật khác, v.v..."[1].

Từ cậụ nói "Xã hội thế nào, văn nghệ thế ấy" của Hồ Chí Minh, chúng ta có thể vận dụng khi nghiên cứu thực trạng văn hoá các thời kỳ lịch sử và do đó có thể nói một cách khác "xã hội thế nào, văn hoá thế ấy". Điều đó có nghĩa là khi nghiên cứu, nhìn nhận, đánh giá bất cứ một công trình hay tác phẩm văn hoá nghệ thuật nào phải xem nó là sản phẩm của thời đại mà nó ra đời và đặt nó trong bối cảnh lịch sử cụ thể mà đánh giá.

Một mặt, phải xem văn hoá nghệ thuật là sản phẩm do nhân dân sáng tạo ra vì nhu cầu cuộc sống và đòi hỏi của sự sinh tồn trong mỗi thời kỳ; do đó nó bao giờ cũng bị chi phối bởi hoàn cảnh lịch sử cụ thể. *Mặt khác*, cần thấy trong các xã hội trước đây, khi còn phải sống dưới chế độ phong kiến, nhất là ở những thời kỳ phải chịu sự áp bức, nô dịch của bọn xâm lược phương Bắc hay bọn thực dân phương Tây, nhân dân ta không thể có tự do trong sáng tạo văn hoá nghệ thuật. Trong bối cảnh đó, văn hoá nghệ thuật vừa phản ảnh xã hội đương thời, vừa phải đấu tranh với những áp bức, bóc lột của giai cấp thống trị. Văn hoá nghệ thuật ở những xã hội đó không những không có tự do sáng tạo mà còn bị phân hoá, bị tranh chấp, bị làm mất đi ý nghĩa đích thực, vốn có của văn hoá.

Nhưng, dù sao nhân dân còn tồn tại thì văn hoá vẫn tồn tại; văn hoá do nhân dân sáng tạo ra vì nhu cầu cuộc sống và vì cả cuộc chiến đấu thầm lặng với kẻ thù xâm lược hay với các triều đại phong kiến thối nát vẫn tồn tại; nghĩa là nhân dân vẫn phải sử dụng nó như món ăn tinh thần và thứ vũ khí đấu tranh sắc bén.

Văn hoá ấy chính là tinh thần bất khuất, ý thức tự cường của chủ nghĩa yêu nước, là ý thức cộng đồng thể hiện ở tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc anh em, giữa những người cùng bị áp bức, bóc lột, giữa nhân dân lao động có mặt ở mọi miền của đất nước; văn hoá ấy là lòng nhân ái, biết yêu thương, đùm bọc nhau trong khó khăn, hoạn nạn... được biểu hiện dưới nhiều hình thức và bằng các phương tiện có trong tay; văn hoá ấy còn là ý thức sáng tạo ra những sản phẩm, công trình mới do nhu cầu

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.10, , tr.646, 647, 561.

cuộc sống và đòi hỏi của sự sinh tồn của mỗi thời kỳ phát triển đất nước hoặc trong những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn do thiên tai và địch hoạ gây nên.

Trong những thời kỳ đất nước độc lập, triều đại phong kiến tiến bộ còn biết dựa vào dân thì văn hoá ấy được phát huy và phát triển thuận lợi, tạo nên những kỳ tích văn hoá, những công trình văn hoá, những nhân cách văn hoá sáng ngời, như các triều đại Lý, Đinh, Tiền Lê, Trần và thời kỳ Tây Sơn Nguyễn Huệ...Nếu không như vậy thì làm gì có những chiến công vang lừng của nhà Trần, ba lần chiến thắng giặc Nguyên và ra đời *Hịch tướng sĩ* của Trần Hưng Đạo; Nếu không như vậy thì làm gì có những anh hùng dân tộc như Lê Lợi, Lê Thánh Tông, nhất là Nguyễn Trãi với bài *Đại cáo bình Ngô* bất hủ và câu nói không thể nào quên "đẩy thuyền là dân mà lật thuyền cũng là dân"; Nếu không như vậy thì làm gì có người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ với lối đánh tốc chiến tốc thắng, một đêm quét sạch 20 vạn quân Thanh. Đó là chưa nói đến nhiều biểu hiện có ý nghĩa sáng tạo văn hoá như những cách xử lý thông minh thể hiện chân lý "dĩ bất biến ứng vạn biến" của cha ông ta vào những thời kỳ khó khăn của đất nước. Trong *Đại Việt sử ký toàn thư* còn ghi lại một hiện tượng đáng lưu ý: ở Hoa Lư "về sau, tục dân lập đền thờ, tô tượng hai vua Tiên Hoàng và Đại Hành và tượng Dương Hậu cùng ngồi, hồi quốc sơ vẫn còn như thế" (BK 1,15b). Bình luận về sự kiện trên, Phan Huy Lê viết: "Thái độ của nhân dân ta lúc bấy giờ thật rõ ràng, công minh: tôn kính và biết ơn cả ba người vì Đinh Tiên Hoàng là một anh hùng thống nhất đất nước, Lê Đại Hành là một anh hùng chống ngoại xâm và Dương Vân Nga là một phụ nữ yêu nước biết xử sự việc nội bộ cung đình một cách sáng suốt, đúng đắn, có lợi cho dân cho nước. Đó là "tục dân" phản ảnh đạo lý truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta"[1]. Nếu không phải là ý thức văn hoá thì làm gì có được những cách ứng xử thông minh sáng suốt đó.

Trong lịch sử dân tộc ta không chỉ một lần mà còn nhiều lần xảy ra những khó khăn nội bộ như thời nhà Đinh. Thời nhà Lý, nhà Trần, nhà Lê... đều có những tấm gương thể hiện ý thức văn hoá rất đáng trân trọng. Tất nhiên, không tránh khỏi những sự việc đáng tiếc nhưng chủ

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*, T.I, bài viết của Phan Huy Lê - *Đại Việt sử ký toàn thư - tác giả, văn bản, tác phẩm*, Nxb. Khoa học xã hội, H. 1983, tr.59.

yếu do nội bộ các triều đại phong kiến đã mục nát. Cho nên, mặt khác phải thấy cả những hạn chế lịch sử do thời đại quy định hoặc do giai cấp thống trị và kẻ thù xâm lược tìm cách áp đặt, nô dịch, đàn áp không để nhân dân tự do trong sáng tạo văn hoá, nhất là ở những giai đoạn lịch sử bị ngoại bang xâm lược. Đó là quan điểm biện chứng trong cách nhìn lịch sử phát triển văn hoá dân tộc.

Nhưng dù nhìn nhận mặt nào, tích cực hay tiêu cực, thì người nghiên cứu vẫn phải được trang bị một thế giới quan khoa học và nhân sinh quan tiến bộ mới phân biệt rõ đối tượng văn hoá truyền thống. Nếu không như vậy thì, người nghiên cứu rất có thể không thấy hoặc thấy không đúng những giá trị thực sự của văn hoá Việt Nam mà điều đó đã từng xảy ra.

Chẳng hạn, khi nghiên cứu văn hoá truyền thống có người nghĩ rằng Việt Nam chưa hề có nền văn hoá riêng: "Xưa kia chúng ta là những người Tàu, gần đây chúng ta là những người Tây, và chưa có lúc nào chúng ta là những người Việt Nam cả"[1]. Đó là tiếng nói của người bi quan mang tâm trạng của kẻ mất nước muốn tìm về cội nguồn văn hoá dân tộc mà không thấy sức mạnh của văn hoá truyền thống. Hoặc, có người nghĩ những gì Việt Nam có được về văn hoá là do "vay mượn" và nhờ "dung hoà" các nền văn hoá khác, còn bản thân ta không có sáng tạo gì mới. Trong lúc đó, chính người Pháp lại thấy rõ những giá trị văn hoá Việt Nam mà Hồ Chí Minh đã có lần nhắc đến.

Trong một bài viết nhan đề *Nước An Nam dưới con mắt người Pháp,* Hồ Chí Minh đã trích dẫn những nhận xét, đánh giá của ông Bô lúc đó là Toàn quyền Đông Dương và ông Đờ Puvuốcvin đại diện cho giới nghiên cứu Pháp đã có những cảm nhận thật sâu sắc và tỏ ra rất khâm phục nền văn hoá độc đáo của Việt Nam.

Trong một bản tuyên bố nhân danh Toàn quyền Đông Dương, ông Bô đã không giấu nổi lòng khâm phục của mình đối với truyền thống văn hoá Việt Nam và có nhận xét như sau:

"Chúng ta đến nước các ngươi là nối gót ông cha chúng ta đã từng lui tới bờ biển các ngươi từ hai thế kỷ nay.

---

1. T/c. *Tao Đàn* số 1, Nxb. Tân Dân, H. 3/1939.

Chúng ta đến đây cùng với một tinh thần mạo hiểm và một ý đồ khai hoá.

Không hiểu phong tục và lịch sử nước các ngươi chúng ta tưởng đem đến cho một dân tộc dã man những ân huệ của một nền văn minh cao cả.

Chúng ta đã đi khắp ruộng đồng, núi đồi và ở đâu chúng ta cũng khen cho sự cần cù không mệt mỏi của các ngươi.

Chúng ta đã đi khắp kinh kỳ, ở đâu chúng ta cũng thấy có cơ sở tổ chức đáng khen.

Chúng ta đã vào nhà các ngươi và chúng ta cũng thấy trong gia đình trên kính dưới nhường, thờ phụng tổ tiên.

Chúng ta đã đi thăm các đền chùa, được đọc những câu châm ngôn làm vẻ vang cho nhân loại"[1].

Cũng trong bài viết trên, Hồ Chí Minh còn trích dẫn lời nhận xét của ông Đờ Puvuốcvin như sau: "Chúng ta thấy ở đây cả một nền văn minh, mọi thứ đều xây dựng từ lâu. Nghệ thuật, khoa học, kể cả khoa học quản lý nhà nước đều đã phát triển mạnh mẽ. Luật pháp, cổ phong, tôn giáo, văn học, tất cả đều đã hoàn chỉnh và hoà hợp với nhau, trải qua bao thế kỷ đã được điều hoà và ngày càng hoàn hảo thêm. Những vết tích man rợ đã mất từ lâu, dân tộc này đã sống trong một xã hội thuần thục có tổ chức trong khi những người phương Tây còn ở tình trạng bán khai. Yêu mến quê hương, quyến luyến gia đình, tôn kính tổ tiên, yêu chuộng công lý, tôn trọng chính nghĩa, ham thích khoa học, coi trọng lời nói thánh hiền, thương yêu nòi giống, tôn kính lẽ phải, ghét xa hoa, không hám tiền tài, khinh ghét vũ lực, không sợ gian khổ, hy sinh; đó là những đức tính răn dạy trong sách thánh hiền, lưu lại trong cổ phong và ghi thành luật pháp; hiện nay đó cũng là bản tính của người An Nam hình thành từ bao thế hệ luôn luôn cố gắng thực hiện đạo đức ấy một cách thành kính, người An Nam bình thường mà người ta bắt gặp bất cứ ở đâu cũng đều như vậy cả...Trong đám người bình dân người ta cũng thấy những thuần phong mỹ tục ấy, cả ở những người mà xưa nay chúng ta thường quen gọi là bọn côn đồ, quân ăn cướp"[2].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.1, tr.425.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.1, tr.426.

Thiết tưởng không cần bình luận gì thêm về những nhận xét trên dưới con mắt người Pháp cũng đã nói lên khá thuyết phục về bản sắc dân tộc độc đáo của văn hoá Việt Nam. Chính nền văn hoá bản địa ấy đã hun đúc nên những con người Việt Nam yêu nước, tạo nên bản sắc của một nền văn hoá lâu đời, nuôi dưỡng con người Việt Nam trải qua những sóng gió và thử thách ác liệt để tồn tại và phát triển ngày càng rạng rỡ cho đến ngày nay.

Cũng không phải là ngẫu nhiên Hồ Chí Minh lại nhắc lại với một thái độ tôn trọng và khách quan những ý kiến của người Pháp trong đó có cả kẻ đại diện cho bọn đi xâm lược. Điều đó không chỉ nhằm khẳng định sự hiện diện vững chắc của nền văn hoá bản địa Việt Nam, đến cả kẻ thù cũng không thể phủ nhận được, mà còn nhắc nhở chúng ta một cách nhìn đúng đắn về truyền thống văn hoá dân tộc.

Chính nền văn hoá truyền thống phong phú và sâu sắc đó đã và đang làm cho kẻ thù thất bại trước những âm mưu thâm độc của chúng và cả những cái gọi là "thiện chí" đi khai hoá của chúng. Chỉ khi nào hiểu rõ được văn hoá Việt Nam như Hồ Chí Minh đã xác định, chúng ta mới thấy rõ sức mạnh văn hoá Việt Nam đã từng tồn tại và đang phát huy sức mạnh của nó trong sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc như thế nào. Điều đó vừa thể hiện quan điểm đúng đắn về văn hoá, vừa thể hiện phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu văn hoá Việt Nam của Hồ Chí Minh.

Trên đây là nói về quan điểm và phương pháp luận Hồ Chí Minh khi nhìn nhận, đánh giá nền văn hoá truyền thống và cả những đòi hỏi của Người đối với giới văn hoá nghệ thuật trong thời kỳ kháng chiến. Còn hiện nay, khi đất nước đã bước sang giai đoạn mới đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong bối cảnh đất nước mở cửa hội nhập với thế giới muôn màu muôn vẻ thì đương nhiên nền văn hoá mà chúng ta đòi hỏi cũng phải thích hợp với thời đại mới. Trách nhiệm của giới văn hoá nghệ thuật là xây dựng một nền văn hoá tương xứng với thời đại, bước vào nền văn minh trí tuệ mà đối với nước ta là xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

IV. Văn hoá soi đường cho quốc dân đi

Đây là một quan điểm tiêu biểu phản ảnh ý thức xem văn hoá không chỉ gắn với phát triển mà còn xem văn hoá như một thiên chức có giá trị

đặc biệt, có khả năng soi đường cho con người vươn tới sự hiểu biết sâu rộng và phẩm chất trí tuệ trong sáng để loài người hướng tới tương lai.

Nhận thức rõ giá trị đặc trưng của văn hoá, ngay từ đầu thế kỷ XX khi còn trên ghế nhà trường, Hồ Chí Minh đã nghĩ đến việc tìm hiểu đỉnh cao của văn hoá phương Tây, muốn tận mắt nhìn thấy những gì ẩn giấu đằng sau khẩu hiệu "Tự do, Bình đẳng, Bác ái".

Xuất phát từ ý thức muốn đi tìm đỉnh cao của văn hoá phương Tây, Hồ Chí Minh đã chọn con đường đi sang phương Tây và nhờ đó Người đến được với học thuyết cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin, tìm thấy ở chủ nghĩa Mác-Lênin một động lực văn hoá có ý nghĩa thời đại. Nhưng quan trọng hơn, Hồ Chí Minh đã thấy rõ bản chất và chức năng của văn hoá là ở giá trị cải tạo con người, cải tạo xã hội, có thể tạo ra những chủ thể cách mạng thực sự.

Từ đó, Người tập trung không chỉ truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin về cho nhân dân ta mà còn tìm cách trang bị cho nhân dân và cán bộ những kiến thức văn hoá có ý nghĩa thời đại, những hiểu biết về thế giới, cả âm mưu kẻ thù và những mô hình xây dựng đất nước và văn hoá mới của thời đại cách mạng vô sản; Những mong muốn đem ánh sáng văn hoá đến cho nhân dân ta của Hồ Chí Minh được thể hiện trong nhiều bài viết, nhiều công trình sáng tạo văn hoá, nhưng có thể nói *Đường Kách mệnh* là một công trình tiêu biểu, phản ảnh cả một pho kiến thức văn hoá có quan hệ đến thời đại cách mạng vô sản.

Như vậy, từ khi tìm thấy chân lý cách mạng Hồ Chí Minh không chỉ tìm cách giác ngộ cho nhân dân về chính trị, về lập trường cách mạng và về ý chí căm thù giặc, mà cao hơn Người còn tìm cách rọi ánh sáng văn hoá cho nhân dân bắt đầu từ người mù chữ. Người tìm thấy động lực cách mạng Việt Nam chính là ở những chủ thể cách mạng có nhân cách văn hoá, có năng lực sáng tạo văn hoá.

Ngay từ đầu cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh đã phát hiện ra sức mạnh cách mạng Việt Nam chính là phụ thuộc vào sức mạnh văn hoá Việt Nam, vào con người Việt Nam thấm nhuần ánh sáng văn hoá của dân tộc và nhân loại. Từ đó, Người không rời mặt trận văn hoá, coi sự nghiệp cách mạng văn hoá là một bộ phận quan trọng của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, bắt đầu từ phương pháp sử dụng

báo chí, nhằm trước hết tuyên truyền, thức tỉnh đồng bào trong nước và cả kiều bào sống ở nước ngoài hướng về cách mạng, về Tổ quốc.

Phải chăng cũng vì thế mà Phan Chu Trinh đã coi phương pháp của Nguyễn Ái Quốc là "ngọa ngoại chiêu hiền, đãi thời đột nội" và phê phán rằng chỉ "nương náu đất người", "viết bài trên báo chương trên đất người để mà hô hào quốc dân đồng bào bên nhà đem tinh thần và nghị lực ra làm việc nước" thì cũng chẳng đem lại kết quả gì, chỉ là "phí công" vô ích, mà "tài năng" ắt mai một". Điều đó càng chứng tỏ Phan Chu Trinh đã không hiểu hết dụng ý sâu xa của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh khi Người sử dụng văn hoá như ánh sáng soi đường nhằm giáo dục, đào tạo, phát huy tiềm năng trí tuệ của nhân dân ta và tập hợp nhân tài cho sự nghiệp cách mạng, mặc dù Cụ Phan luôn tỏ ra rất trân trọng tài năng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Xuất phát từ quan niệm coi văn hoá có khả năng soi rọi ánh sáng...đó, hầu như, trong mọi lĩnh vực hoạt động cách mạng, từ tổ chức, xây dựng đoàn thể đến cải tạo về đạo đức, tác phong, lối sống; từ việc phát triển kinh tế đến xây dựng lực lượng an ninh quốc phòng toàn dân, từ trong Đảng đến ngoài quần chúng, từ các nhà máy, xí nghiệp đến nông thôn và các vùng dân tộc ít người, từ việc gặp gỡ các cụ già đến các trẻ em trong nhà trường v.v..., không bao giờ Hồ Chí Minh quên nhắc đến việc học tập nâng cao sự hiểu biết, nâng cao trình độ văn hoá và sự tu dưỡng không ngừng về phẩm chất văn hoá.

Tóm lại, Hồ Chí Minh thực sự muốn đưa ánh sáng văn hoá vào chính trị, kinh tế, xã hội và mọi hoạt động khác, biến nó thành hạt nhân tích cực có tác dụng như là động lực cho sự nghiệp cách mạng nước ta và nhờ đó sự nghiệp cách mạng nước ta đã đạt được những thắng lợi một cách vững chắc, trên cơ sở tạo thế và đà cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chính vì thấy rõ vị trí, vai trò của văn hoá, giữa lúc cách mạng còn muôn vàn khó khăn "ngàn cân treo sợi tóc", từ cuối năm 1946, Hồ Chí Minh vẫn chủ trương họp *Đại hội văn hoá toàn quốc lần thứ nhất,* và ở đây Người đã có bài phát biểu vô cùng quan trọng.

Người nói: "Văn hoá có liên lạc với chính trị rất mật thiết. Phải làm thế nào cho văn hoá vào sâu trong tâm lý quốc dân, nghĩa là văn hoá phải

sửa đổi được tham nhũng, được lười biếng, phù hoa, xa xỉ. Tâm lý của ta lại muốn lấy tự do, độc lập làm gốc. Đồng thời, văn hoá phải làm thế nào cho quốc dân có tinh thần vì nước quên mình, vì lợi ích chung mà quên lợi ích riêng.

Với xã hội, văn hoá phải làm thế nào cho mỗi người dân Việt Nam từ già đến trẻ, cả đàn ông và đàn bà ai cũng hiểu cái nhiệm vụ của mình và biết hưởng cái hạnh phúc của mình nên được hưởng.

Số phận dân ta ở trong tay ta. Văn hoá soi đường cho quốc dân đi"[1].

Bài phát biểu trên của Hồ Chí Minh vừa thể hiện rõ quan niệm về chức năng văn hoá, vừa đặt văn hoá trên định hướng phát triển của xã hội hiện đại, coi văn hoá không chỉ gắn với phát triển, là đối tượng và mục tiêu của phát triển, mà nó còn gắn với con người có lý tưởng, có trí tuệ, có hoài bão, nghĩa là văn hoá thực sự có khả năng trở thành một động lực thúc đẩy mỗi người tự vượt qua những khó khăn, hướng tới mục tiêu cao quý của *cái Chân, cái Thiện, cái Mỹ*.

Nói văn hoá soi đường cho quốc dân đi, có lẽ chỉ thấy ở Hồ Chí Minh và trong thực tế chính Người đã làm như vậy đối với dân tộc ta, đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam; và cũng nhờ đó, cách mạng Việt Nam đã thành công, văn hoá Việt Nam đã phát triển và tự nâng mình lên ngang tầm với thời đại văn minh mới, mỗi người Việt Nam cũng được trang bị những kiến thức mới, những phẩm chất của con người mới, con người phát triển toàn diện. Vị thế của một nước Việt Nam có sức mạnh văn hoá và truyền thống văn hoá lâu đời đã được cả nhân loại tiến bộ biết đến, cả kẻ thù xâm lược cũng không thể phủ nhận. Đó chính là biểu hiện và kết quả của chân lý "văn hoá soi đường...".

Cũng như nhiều vấn đề có tính chân lý, có giá trị quy luật, cái chân lý "văn hoá soi đường cho quốc dân đi" không chỉ có ý nghĩa trong thời đại hiện nay. Đã là một chân lý thì nó mang tính quy luật, thích hợp với văn hoá của mọi thời đại. Có điều là, ở các thời đại trước, con người vẫn nhờ văn hoá soi đường mà cứ tưởng do trời hoặc một đấng tối cao nào đó ban cho. Còn trong thời đại hiện nay, nhờ nắm được quy luật, thấy rõ khả năng to lớn của văn hoá do chính con người sáng tạo ra, người ta mới có ý thức nắm lấy nó, chủ động vận dụng nó, biến nó thành nội

1. Xem báo *Cứu quốc* ngày 25 tháng 11 năm 1946.

lực, thành bản chất, thành sức mạnh tinh thần của mỗi người và toàn xã hội nói chung.

Rõ ràng, đối với các xã hội đã qua, văn hoá vẫn có tác dụng soi đường cho con người và nhờ ánh sáng văn hoá, con người mới biết mình phải làm gì, phải sống ra sao, phải yêu nước và căm thù, phải có lòng nhân ái, bao dung, nghĩa là phải là một con người chân chính, con người có văn hoá. Chỉ khác một điều là, ngày xưa do chưa thấy rõ vị trí, vai trò và tác dụng của văn hoá, cho nên, được rọi ánh sáng văn hoá mà người ta vẫn không biết hoặc đôi khi lại cho đó là sức mạnh của siêu nhiên, của thần thánh, của vua chúa.

Đó chính là hiện tượng mà Mác gọi là sự tha hoá, tức là cái do con người tạo ra và nhờ nó mà mình có sức mạnh lại không hiểu, không cho là do mình tạo ra, cứ nghĩ là do kẻ khác ban cho. Sự tha hoá về văn hoá cũng giống như sự tha hoá về lao động; Nhờ sức lao động của chính bản thân mình, mỗi người có thể tạo ra sản phẩm lao động, nhưng trong xã hội có áp bức, bóc lột, sức lao động ấy thường bị kẻ áp bức, bóc lột lợi dụng, biến nó thành thứ áp bức lại chính mình. Sự tha hoá đó là hiện tượng phổ biến, dễ thấy trong xã hội tư bản chủ nghĩa, khi giai cấp tư sản sử dụng chính giá trị thặng dư do người lao động làm thuê tạo ra để áp bức, bóc lột lại chính người lao động.

Dĩ nhiên, mọi sự so sánh thường khập khiễng, song cũng có thể nói, văn hoá giống như lao động của người lao động, có sự tha hoá không chỉ ở chủ nghĩa tư bản mà có lẽ trong suốt cả quá trình lịch sử của nhân loại. Nhờ tích luỹ kinh nghiệm trong cuộc sống hoặc học tập lẫn nhau giữa những con người cùng thế hệ, con người được rọi ánh sáng văn hoá một cách tự nhiên, trở thành người có ích cho xã hội, có năng xuất lao động và ý chí vươn lên làm chủ bản thân, làm chủ tự nhiên, làm chủ xã hội. Từ đó, con người nẩy sinh trí tuệ, bản lĩnh và cả ham muốn hoàn thiện bản thân, ham muốn có hạnh phúc, có tự do, có sức mạnh. Tất cả những ham muốn ấy đều mang tính xã hội, nghĩa là không chỉ một người có ham muốn mà mọi người sống trong xã hội đều có ham muốn, đều muốn được tự do, được sống có hạnh phúc, được hưởng thụ văn hoá. Chính là nhờ ánh sáng văn hoá, con người không chỉ tạo ra nội lực mà còn được điều tiết sự ham muốn của mình trở thành con người có lương tri văn hoá, có nhân cách văn hoá.

Nhưng, trong xã hội cũ còn bị áp bức, bóc lột, dù dưới chế độ phong kiến hay chủ nghĩa tư bản, con người đâu có tự do để thực hiện những ham muốn chính đáng của mình và điều chỉnh ham muốn của mình khi cần thiết. Bản chất chế độ áp bức, bóc lột đã đẩy con người tới chỗ ích kỷ, phải sống với nhau như chó sói, nghĩa là phản lại con người văn hoá và chỉ sống bằng con người bản năng phản văn hoá, người ta mới hy vọng tồn tại.

Văn hoá do con người tạo ra do đó mà bị tha hoá, nghĩa là nó phản lại chính mình, văn hoá càng cao, trí tuệ càng dồi dào, con người càng nghĩ ra những cách, những biện pháp không chỉ để đem lại lợi ích cho xã hội mà cả những cách, những thủ đoạn phản văn hoá nhằm mang lại hạnh phúc riêng cho bản thân. Cái chủ nghĩa cá nhân cực đoan càng phát triển bao nhiêu thì văn hoá trong xã hội đó càng bị tha hoá, càng bị biến thành thứ vụ lợi cho bản thân hoặc cho kẻ khác mạnh hơn mình bấy nhiêu.

Chính vì những lẽ đó, Ăngghen mới viết: "Mọi người đều chỉ coi nhau như những đối tượng có thể lợi dụng được; mỗi người đều bóc lột người bên cạnh, và kết quả là kẻ mạnh hơn chà đạp kẻ yếu hơn và một nhúm kẻ mạnh, tức là những nhà tư bản, chiếm lấy tất cả về phần mình, còn số đông kẻ yếu, tức là những người nghèo, thì chỉ còn có cuộc sống miễn cưỡng mà thôi"[1].

Phân tích thực trạng đạo đức tư sản, Lênin cũng viết: "Xã hội cũ xây dựng trên nguyên tắc sau đây: anh ăn cắp của người khác hoặc người khác ăn cắp của anh, anh làm cho người khác hưởng hoặc người khác làm cho anh hưởng, anh làm chủ hoặc anh làm nô lệ. Ai nấy đều hiểu rằng những người được đào tạo trong xã hội đó đã nhiễm phải, có thể nói là với sữa mẹ, một tâm lý, những tập quán và những quan điểm sau đây: hoặc là chủ, hoặc là nô lệ, hoặc là tiểu chủ, là viên chức nhỏ, là người trí thức, tóm lại là một người chỉ lo nghĩ về của riêng của mình chứ không quan tâm đến người khác".

Những điều Ăngghen và Lênin nói trên, chúng ta thấy khá rõ trong xã hội tư bản, bởi trong xã hội đó phần lớn hạnh phúc của người này chỉ có thể thực hiện được bằng đau khổ của người khác, bởi trong xã hội đó,

1. Mác, Ăngghen: *Toàn tập*, t.21, Nxb. Chính trị quốc gia, H., 1994, tr.360.

con người quen với lối sống "mỗi người lo cho bản thân mình còn thượng đế lo cho tất cả", hoặc lối sống "người với người là chó sói".

Trong tình hình đó, thật khó nói đến khả năng văn hoá soi đường. Phải chăng, ở các xã hội cũ, văn hoá không có chức năng soi đường ? Chắc chắn không phải như vậy. Có điều là, cái chân lý "văn hoá soi đường..." thể hiện trong xã hội cũ còn áp bức, bóc lột có thể không giống như trong xã hội mới, khi con người đã có tự do, hạnh phúc. Văn hoá soi đường trong các xã hội cũ đương nhiên là tuỳ thuộc vào vị trí cũng như sự giác ngộ của mỗi người.

Đối với những người bị áp bức, bóc lột thì có thể nhờ ánh sáng văn hoá, họ thấy được lẽ phải, ý thức được bản chất xã hội mà giác ngộ và bày tỏ thái độ phản kháng, đấu tranh với những bất công, với áp bức, bóc lột. Cách mạng chỉ nẩy sinh từ những con người giác ngộ đó. Còn đối với những kẻ đi áp bức, bóc lột, đương nhiên không thể hy vọng ánh sáng văn hoá giác ngộ họ thành người lương thiện. Nhưng, điều đó không có nghĩa là văn hoá không mang lại cho họ tác dụng tích cực đối với xã hội.

Nhờ được học hành đến nơi đến chốn, được hiểu biết thế giới một cách sâu sắc, lại có trình độ văn hoá cao, những con người trong các giai tầng có của đã đóng vai trò tích cực trong việc tạo ra lớp trí thức mới, trong sáng chế phát minh, trong khoa học và công nghệ, và cả trong việc thức tỉnh những lương tri của con người. Họ sẽ đến với cách mạng theo cách riêng của họ, làm biến đổi xã hội bằng con đường riêng của mình, mà con đường ấy, xét cho cùng, cũng chính là nhờ có ánh sáng văn hoá soi đường.

Các nhà văn hoá lớn, các trí thức tư sản, thậm chí cả những nhà cách mạng chân chính...thường có xuất thân từ những giai cấp hoặc tầng lớp xã hội có của, có dính líu nhất định đến chế độ áp bức, bóc lột, kể cả các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác. Điều đó giải thích như thế nào, nếu không bắt nguồn từ góc độ văn hoá và sức mạnh của văn hoá trong phát triển xã hội nói chung. Nói rõ thực trạng đó, chúng ta không sợ làm giảm uy tín của các nhà cách mạng, những nhà văn hoá kiệt xuất, lỗi lạc, những nhà văn, nhà khoa học và vô số trí thức xuất thân từ tầng lớp có của mà xã hội nào cũng có. Trái lại, từ thực tế đó khiến chúng ta càng thấy rõ hơn tầm nhìn sáng suốt về vị trí, vai trò văn hoá của Hồ Chí Minh mà trước đây đến cả những nhà yêu nước tiền bối như Phan Chu Trinh cũng khó hiểu nổi. Nhưng, cuộc sống đã chứng minh sự đúng đắn

của Hồ Chí Minh và hiện nay quan điểm của Người càng bộc lộ rõ tầm nhìn xa thấy rộng của một nhân cách văn hoá lớn.

Tóm lại, nói đến chân lý coi "văn hoá là ánh sáng soi đường...", chúng ta phải thấy cho hết ý nghĩa tích cực và vai trò cách mạng của nó chứ không nên chỉ nghĩ giản đơn về văn hoá theo nghĩa hẹp hay văn hoá mang hệ tư tưởng một cách máy móc.

V. Phương pháp làm việc biện chứng - một biểu hiện của triết lý phát triển văn hoá

Để thực sự biến văn hoá thành ánh sáng soi đường...ngoài việc hiểu đúng vai trò, vị trí của văn hoá còn phải biết cách vận dụng đúng đắn quan điểm văn hoá vào cuộc sống. Có thể gọi quan điểm ấy là *triết lý văn hoá* hay *triết học văn hoá*. Cũng như các lĩnh vực khác, trong văn hoá, một quan điểm bao quát có thể xem là biểu hiện cơ bản của triết lý văn hoá, chính là *phương pháp làm việc biện chứng* mà Hồ Chí Minh đã thâu nhận ở học thuyết Mác.

Là người am hiểu sâu sắc đồng thời thâu tóm tinh hoa cả văn hoá phương Đông và phương Tây, Hồ Chí Minh đã từng nói: "Học thuyết Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo của Giê-su có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó phù hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Giê-su, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có ưu điểm chung đó sao ? Họ đều muốn mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu cầu phúc lợi cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, nếu họ họp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định sống chung với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết. Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy". Chỉ với tầm nhìn của nhà văn hoá lớn, Hồ Chí Minh mới thâu thái được những cái hay, cái đẹp, cái vĩ đại của những nhà tư tưởng, nhà văn hoá kiệt xuất trên thế giới.

Điều đáng chú ý là, khi nói đến học thuyết Mác, Hồ Chí Minh đã nêu bật được cái tinh hoa nhất, ưu điểm cơ bản nhất đồng thời cũng là hạt nhân của phương pháp luận mác-xít là *phương pháp làm việc biện chứng*. Nói văn hoá là ánh sáng soi đường... là nói chung, song phải biết vận dụng phương pháp làm việc biện chứng thì văn hoá mới thực sự soi rọi

ánh sáng đến hoạt động cụ thể, biến văn hoá thành nội lực cho những con người và hoạt động cụ thể của họ. Đó là triết lý của hành động, cũng là triết lý của văn hoá.

Phép biện chứng mác-xít không chỉ là phương pháp tư duy của mọi hành động cách mạng mà cũng là phương pháp tư duy của hoạt động văn hoá. Nếu văn hoá cần một triết lý hành động thì phương pháp làm việc biện chứng chính là triết lý của văn hoá, có khả năng biến văn hoá thành ánh sáng soi đường. Chính là nhờ phương pháp làm việc biện chứng, Hồ Chí Minh đã tìm thấy con đường giải phóng dân tộc, vận dụng sáng tạo học thuyết Mác vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam.

Rõ nhất và cũng là thành công nhất trong việc vận dụng phương pháp làm việc biện chứng của Hồ Chí Minh là ở việc Người vận dụng quan điểm giai cấp và quan điểm dân tộc vào việc hình thành đường lối cách mạng Việt Nam. Trong hoàn cảnh lịch sử các nước tư bản phát triển ở phương Tây, Mác chủ trương thực hiện đấu tranh giai cấp nhằm xoá bỏ chủ nghĩa tư bản cũng như giải phóng các dân tộc thuộc địa. Cho nên, trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản,* Mác và Ăngghen viết: "Hãy xoá bỏ nạn người bóc lột người thì nạn dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xoá bỏ: Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo"[1].

Với thực tế các nước tư bản phát triển thì quan điểm trên của Mác và Ăngghen là hoàn toàn đúng. Không thể đòi hỏi Mác và Ăngghen xuất cảng cách mạng đến các dân tộc thuộc địa, trong khi các ông đang suy nghĩ và hành động cách mạng ở chính nơi các nước tư bản phát triển. Nhưng với các nước thuộc địa mà ở đó đại bộ phận là nông dân chưa qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản như Việt Nam, nếu vận dụng một cách máy móc, giáo điều quan điểm giai cấp và đấu tranh giai cấp mà Mác và Ăngghen sử dụng ở các nước tư bản phát triển, thì không những không thực hiện được sự nghiệp giải phóng dân tộc mà có khi còn nguy hại đến đường lối chung của cách mạng. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh mới nói "cuộc đấu tranh giai cấp ở các nước phương Tây diễn ra không giống các nước phương Đông". Từ đó, Người chủ trương phát động chủ nghĩa dân tộc nhân danh Quốc tế Cộng sản, coi "chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước".

---

1. Mác - Ăngghen: *Toàn tập*, t.4, sđd, tr.624.

Như vậy là, về mục tiêu lý tưởng cách mạng thì Hồ Chí Minh không khác với chủ nghĩa Mác - Lênin, nhưng về phương pháp thực hiện lý tưởng cách mạng thì Hồ Chí Minh khác với Mác ở chỗ, Mác chủ trương *giải phóng giai cấp trước khi giải phóng các dân tộc*, còn Hồ Chí Minh thì chủ trương *giải phóng dân tộc trước sau mới giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người.*

Nói trước và sau chỉ là tương đối, trong thực tế Hồ Chí Minh đã có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, thực hiện sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ngay từ khi bắt đầu sự nghiệp giải phóng dân tộc. Đó là phương pháp làm việc biện chứng thể hiện trong việc đề ra đường lối cách mạng một cách uyển chuyển giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Đường lối ấy đã diễn ra một cách nhất quán ở nước ta do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Cũng với phương pháp tư duy đó, Hồ Chí Minh đặt vấn đề dân tộc lên trên vấn đề giai cấp, vấn đề giải phóng dân tộc lên trên vấn đề giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Nếu trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản,* Mác và Ăngghen nhận định: "Thay cho xã hội cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người", có nghĩa là phát triển tự do cá nhân mỗi người là điều kiện để phát triển tự do cho mọi người, thì Hồ Chí Minh lại chủ trương giải phóng dân tộc sẽ đem lại cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc cho toàn dân, cho mọi người, là điều kiện cho sự phát triển tự do của mỗi người. Điều đó hoàn toàn không có nghĩa là có sự khác nhau về mục tiêu lý tưởng cách mạng, mà chỉ thể hiện sự khác nhau về phương pháp cách mạng.

Hai thực tế lịch sử khác nhau đòi hỏi hai phương pháp cách mạng khác nhau. Đó là phương pháp làm việc biện chứng thích hợp với hoàn cảnh mỗi nước. Xã hội phương Đông, châu Á có truyền thống lịch sử và văn hoá rất lâu đời, có đặc điểm riêng của phương thức sản xuất châu Á mà Mác đã nhắc tới khi ông nói: "Về đại thể, có thể *coi* các phương thức sản xuất châu Á, cổ đại, phong kiến và tư sản hiện đại là những thời đại tiến triển dần dần của hình thái kinh tế xã hội"[1]. Sở dĩ Mác coi các

1. Mác - Ăngghen: *Toàn tập*, sđd, t.13, tr.16.

phương thức sản xuất châu Á, cổ đại, phong kiến và tư sản hiện đại là những thời đại tiến triển dần dần của hình thái kinh tế - xã hội, vì thực tế lịch sử các nước châu Á không giống như các nước ở châu Âu, do đó không thể vận dụng máy móc khoa học kinh tế vào việc phân tích các xã hội ở phương Đông, châu Á như ở các nước châu Âu.

Về điều này, cả Ph.Ăngghen, trong tác phẩm *Chống Đuyrinh* cũng nói: "Cho đến nay những gì mà khoa học kinh tế đem lại cho chúng ta, hầu như chỉ hoàn toàn giới hạn trong sự phát sinh và phát triển của các phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa..., và khoa học đó chấm dứt bằng việc đứng trên quan điểm xã hội chủ nghĩa mà phê phán phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, tức là trình bày những quy luật của phương thức đó theo phía tiêu cực, bằng cách chứng minh rằng phương thức sản xuất đó, do sự phát triển của bản thân nó, đang tiến nhanh tới cái điểm ở đó nó tự làm cho nó không thể tồn tại được nữa"[1].

Những ý kiến trên của Mác và Ăngghen càng chứng minh cho tính đúng đắn trong việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh Việt Nam của Hồ Chí Minh.

Phương pháp làm việc biện chứng của Hồ Chí Minh còn được thể hiện ở tư tưởng "dĩ bất biến ứng vạn biến" khi gặp và giải quyết những vấn đề khó khăn trong thực tiễn hoạt động cách mạng. *Dĩ bất biến* nghĩa là độc lập cho dân tộc, thống nhất cho Tổ quốc, tự do hạnh phúc cho nhân dân là mục tiêu đấu tranh của mọi người yêu nước, của cả dân tộc. Mục tiêu ấy là bất biến, dù khó khăn đến đâu cũng không bao giờ thay đổi hoặc nhượng bộ, hạ thấp yêu cầu cách mạng. Nhưng, con đường đi đến mục tiêu bất biến ấy, là cả quá trình lâu dài, gian khổ, đòi hỏi sự hy sinh của nhiều lớp người, thậm chí nhiều thế hệ. Trong mỗi bước đi lên của cách mạng, đòi hỏi người cách mạng phải tỉnh táo, sáng suốt, nhạy bén và mềm dẻo khi phải đối phó với những tình huống khó khăn. Cho nên, phải *ứng vạn biến* trong mỗi thời điểm, mỗi tình huống, mỗi khi xử lý một nhiệm vụ cách mạng cụ thể.

Phương pháp "dĩ bất biến ứng vạn biến" của Hồ Chí Minh không chỉ phù hợp với phương pháp cách mạng của người phương Đông mà cũng phù hợp với quan điểm biện chứng của chủ nghĩa Mác-Lênin, như chính

---

1. Mác - Ăngghen: *Toàn tập*, sđd, t.20, tr.212.

Ăngghen đến cuối đời, đã có một đánh giá đặc biệt chú ý về phương pháp của Mác: "Toàn bộ thế giới quan của Mác không phải là một học thuyết mà là một phương pháp, nó không đưa ra những giáo điều có sẵn, mà đem lại những điểm xuất phát cho việc tiếp tục nghiên cứu và phương pháp *cho* việc nghiên cứu đó"[1]. Cần phải hiểu cho đúng ý của Ăngghen trong nhận xét về Mác với dụng ý là đừng xem quan điểm của Mác như những giáo điều định sẵn, chứ không phải phủ nhận giá trị chân chính của học thuyết Mác.

Về vấn đề này, khi nói đến việc vận dụng học thuyết Mác trong đấu tranh cách mạng, Lênin còn khẳng định: "Những người mác-xít chắc chắn là chỉ mượn của lý luận Mác những phương pháp quý báu, mà nếu không có thì không hiểu được những quan hệ xã hội"[2].

Nói lên những ý kiến trên của Ăngghen và Lênin, chúng tôi muốn khẳng định một lần nữa việc vận dụng sáng tạo của Hồ Chí Minh đối với các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể Việt Nam là hoàn toàn sáng suốt. Có thể còn nói nhiều đến những cách vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh, nhưng ở đây chỉ dẫn chứng một vài ví dụ nêu trên để thấy sự vĩ đại trong tư duy biện chứng và phương pháp làm việc biện chứng của Người.

*
* *

Năm vấn đề nêu trên chưa phải là tất cả các quan điểm văn hoá Hồ Chí Minh, nhưng có thể xem đó là những nội dung cơ bản nhất chi phối toàn bộ hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, làm rõ quan điểm và phương pháp luận của Người. Hơn nữa, đó lại là những mệnh đề lý luận phản ảnh rõ quan điểm văn hoá được Hồ Chí Minh phát ngôn trực tiếp, nói rõ chính kiến của mình một cách súc tích, dễ hiểu nhất.

Từ thực tế sinh động của cuộc sống cũng như từ kinh nghiệm bản thân, Hồ Chí Minh đã khái quát, nêu lên các quan điểm về văn hoá, vậy chúng ta có thể rút ra điều gì có ý nghĩa phương pháp luận trong tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá? Đó là việc chúng ta phải tìm tòi, suy nghĩ mới thấy hết giá trị thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá khi

1. Mác - Ăngghen: *Toàn tập*, sđd, t.9, tr.454.
2. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, M. 1974, T1, tr.239.

nghiên cứu văn hoá truyền thống cũng như khi xây dựng và phát triển nền văn hoá mới Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

1/ Trước hết, có thể xem văn hoá là một cấu trúc tổng thể, một hệ thống bao gồm cả văn hoá vật chất tức văn hoá vật thể và văn hoá tinh thần tức văn hoá phi vật thể, vừa thể hiện bản chất văn hoá vừa thể hiện bản chất con người văn hoá, xã hội văn hoá, nhân cách văn hoá, thời đại văn hoá. Điều đó có nghĩa là không thể có văn hoá mà chỉ nói đến một mặt vật chất hay tinh thần, vật thể hay phi vật thể.

Cũng vậy, không thể có con người mang nhân cách văn hoá chỉ bộc lộ ở tài năng mà không có đức độ hoặc ngược lại. Tài và đức là hai mặt của con người phát triển toàn diện cũng đồng thời là sự thống nhất của một nhân cách văn hoá thực sự.

Hồ Chí Minh không quan niệm văn hoá chỉ là lĩnh vực tinh thần thuần tuý, mặc dù Người rất chú trọng yếu tố tinh thần trong văn hoá. Ngay trong định nghĩa khái niệm văn hoá của Hồ Chí Minh, chúng ta đã thấy rõ quan điểm của Người khi quán triệt các lĩnh vực sáng tạo văn hoá với lẽ sinh tồn cũng như nhu cầu cuộc sống. Nói đến năm phương diện của một chiến lược phát triển văn hoá, chúng ta càng thấy rõ Hồ Chí Minh nhìn nhận văn hoá không chỉ có tâm lý, luân lý mà có cả xã hội, kinh tế, chính trị.

Nếu đi sâu hơn vào lĩnh vực văn hoá đạo đức chúng ta còn thấy Hồ Chí Minh không tách bản chất sinh vật với bản chất văn hoá của con người. *Dĩ thực vi tiên* hoặc *có thực mới vực được đạo* là phương châm của Hồ Chí Minh nói về con người văn hoá. Điều này rất quan trọng và đúng với quan niệm của Mác khi nói về bản chất con người cũng như bản chất văn hoá.

Không phải là ngẫu nhiên trong buổi lễ an táng Các Mác, Ăngghen đã nói: "Giống như Darwin đã tìm ra quy luật phát triển của thế giới hữu cơ, Mác đã tìm ra quy luật phát triển của lịch sử loài người: cái sự thật đơn giản mà đã bị những lớp tư tưởng phủ kín cho đến ngày nay là: con người trước hết cần phải ăn, uống, ở và mặc đã rồi mới có thể làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo, v.v... vì vậy, việc sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt vật chất trực tiếp và do đó, mỗi một giai đoạn phát triển kinh tế nhất định của một dân tộc hay một thời đại, tạo thành một cơ sở trên đó người ta phát triển các thể chế nhà nước, các quan niệm pháp

quyền, nghệ thuật và thậm chí cả những quan niệm tôn giáo của những con người nhất định và vì vậy phải xuất phát từ cơ sở đó mà giải thích những cái này chứ không phải ngược lại, như từ trước đến nay người ta đã làm"[1].

Quả là một phát hiện rất đơn giản, nhưng lại vô cùng quan trọng đối với mỗi con người, mỗi dân tộc, mỗi thời đại mà hầu như người ta vô tình hay cố ý quên đi cái ý nghĩa đích thực của văn hoá để chỉ thấy một phía của khái niệm văn hoá, phía tinh thần thuần tuý, giản đơn của văn hoá. Thực chất đó là một quan niệm duy tâm về văn hoá, một cách nhìn phiến diện nếu không nói là một thủ đoạn về cách giải thích khái niệm văn hoá, tạo ra ở văn hoá một thứ hào quang không tưởng khiến cho người ta theo đuổi nó mà quên đi đời sống vật chất vốn cơ cực trong xã hội thực tại.

Hồ Chí Minh vốn rất trân trọng những tinh hoa văn hoá, xem trọng đời sống tinh thần, khâm phục đức tính hy sinh vì người khác, vì nhân dân, nhưng Người không bao giờ quên đời sống vật chất của con người như một nội dung cơ bản của văn hoá; do đó khi nói phấn đấu nâng cao đời sống văn hoá, cần phải hiểu là phải phấn đấu cả hai mặt đời sống vật chất và đời sống tinh thần.

2/ Văn hoá là yếu tố của thượng tầng kiến trúc, nghĩa là dưới nó phải xây dựng hạ tầng cơ sở thì văn hoá mới có điều kiện phát triển. Điều đó càng nói lên rằng cái gọi là văn hoá tinh thần không bao giờ tách khỏi văn hoá vật chất. Người ta phải có ăn, mặc, ở và các phương tiện sinh hoạt... rồi mới hoạt động chính trị và văn hóa như quan niệm của Mác mà Ăngghen nhắc lại. Quán triệt sâu sắc điều sơ đẳng này, Hồ Chí Minh mới nói "dĩ thực vi thiên" tức đối với dân ăn là trên hết, trước hết; không có ăn là không có trời hoặc nói đến ý nghĩa của độc lập mà dân không được hưởng tự do, hạnh phúc thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì. Với tinh thần ấy, trong *Di chúc* của mình, Hồ Chí Minh nhắc nhở Đảng ta phải coi trọng việc đem lại đời sống cho nhân dân trong đó có đời sống vật chất và đời sống tinh thần.

Nhưng, ý nghĩa của việc xem văn hoá là thượng tầng kiến trúc không chỉ có thế. Nói văn hoá là một yếu tố thuộc thượng tầng kiến trúc tức là xem văn hoá là một hình thái ý thức. Cũng như mọi hình thái ý thức

1. Mác - Ăngghen: *Toàn tập*, sđd, t.19, tr.116-117.

khác, văn hoá gắn liền với ý thức, tư tưởng và tâm lý con người, cho nên văn hoá có tính *khuynh hướng*, tính giai cấp khi nó phát triển trong xã hội đã hình thành giai cấp, tính dân tộc khi xã hội loài người đã hình thành dân tộc và tính thời đại để phân biệt các loại hình văn hoá gắn với mỗi thời đại sản sinh ra nó.

Điều đó có nghĩa là có văn hoá thời cổ đại, văn hoá thời phong kiến, văn hoá tư sản và văn hoá vô sản. Mỗi giai cấp, dân tộc và thời đại hình thành những đặc điểm và tiêu chí văn hoá của mình. Từ đó, người ta mới nói đến bản sắc văn hoá dân tộc, đến giá trị truyền thống và tính hiện đại của văn hoá, tính dân tộc và ý nghĩa quốc tế của văn hoá...

Chính vì những lý do nêu trên, khi nói đến bốn vấn đề phải coi trọng ngang nhau là chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá, Hồ Chí Minh nói ngay "nhưng văn hoá là một kiến trúc thượng tầng". Điều đó có nghĩa là mặc dù coi trọng ngang nhau giữa văn hoá với chính trị, kinh tế và xã hội, nhưng lại phải thấy cho được tính chất và đặc trưng của văn hoá với ý nghĩa là một hình thái ý thức xã hội thuộc kiến trúc thượng tầng nhằm phân biệt nó không chỉ với các hình thái ý thức xã hội khác thuộc kiến trúc thượng tầng mà còn phân biệt giữa nó với cơ sở kinh tế và phát triển xã hội. Điều này có ý nghĩa quan trọng đối với người có trách nhiệm hoạch định chiến lược phát triển kinh tế, xã hội và văn hoá. Cũng từ đó, văn hoá mới được khẳng định vừa là động lực vừa là mục tiêu của phát triển.

Với ý nghĩa là mục tiêu, văn hoá gắn liền với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia. Với ý nghĩa là động lực, văn hoá gắn liền với yêu cầu phát triển tiềm lực con người, đặc biệt là chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo, việc xây dựng con người phát triển toàn diện, việc trọng dụng nhân tài... nhằm tạo tiền đề cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng đất nước nói chung.

3/ Đối với Hồ Chí Minh, văn hoá gắn liền với truyền thống phát triển của mỗi dân tộc và từ truyền thống mà lên, không có thứ văn hoá biệt phái hoặc văn hoá cục bộ, văn hoá khép kín của riêng một giai cấp, một dân tộc, một thời đại mặc dù văn hoá vẫn có tính giai cấp, tính dân tộc và tính thời đại như đã nói trên. Điều đó có nghĩa là văn hoá bao giờ cũng có sự phát triển liên tục, chịu tác động lẫn nhau giữa các nền văn hoá khác biệt của những dân tộc khác.

Trên cơ sở phát triển liên tục và chịu tác động lẫn nhau, văn hoá hun đúc nên những giá trị chung mang tính quốc tế, tính nhân loại, tính dân tộc, tính truyền thống và tính hiện đại. Do đó, Hồ Chí Minh có ý thức trong việc tiếp thu và chuyển đổi những giá trị văn hoá truyền thống, những tinh hoa của văn hoá thế giới, nhằm dân tộc hoá và hiện đại hoá những giá trị đó cho phù hợp với yêu cầu phát triển của mỗi dân tộc và mỗi thời đại.

Quá trình phát triển của văn hoá cũng là quá trình phát triển con người mang tính nhân loại. Từ đó, việc giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và quốc tế, truyền thống và hiện đại là những vấn đề luôn được Hồ Chí Minh quan tâm. Người không theo cực này hay cực khác mà luôn luôn đặt văn hoá trong sự phát triển hài hoà giữa con người với xã hội, giai cấp với dân tộc, dân tộc với quốc tế, truyền thống với hiện đại. Điều đó thể hiện phương pháp tư duy biện chứng trong việc giải quyết các vấn đề văn hoá với kinh tế, văn hoá với chính trị, văn hoá với xã hội, văn hoá với phát triển...

4/ Trong văn hoá cũng có đấu tranh và phát triển, và chỉ phát triển trong quá trình đấu tranh giữa các mặt tiêu cực và tích cực, giữa cái thiện và cái ác vốn thường trực trong mỗi con người và trong xã hội nói chung, đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc. "Dĩ bất biến ứng vạn biến" là cách ứng xử có văn hoá, đồng thời là phương pháp đấu tranh có cơ sở khoa học nhất. Chống thái độ cực đoan, nhân danh chân lý trong đấu tranh trên lĩnh vực văn hoá, Hồ Chí Minh chủ trương tiếp thu và tiếp biến tất cả những giá trị văn hoá truyền thống và tinh hoa văn hoá nhân loại. Trong câu nói nổi tiếng của Hồ Chí Minh đối với các nhà văn hoá lớn của thế giới như Khổng Tử, Giê-su, Các Mác, Tôn Dật Tiên, đồng thời nhận mình là học trò nhỏ của các vị ấy, chẳng những phản ảnh rõ thái độ của Người đối với các giá trị văn hoá nhân loại mà còn thể hiện quan điểm bao dung, trân trọng các di sản văn hoá có nguồn gốc và khuynh hướng tư tưởng khác nhau.

Thật kỳ lạ, Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu của chúng ta, Người đã giác ngộ cách mạng theo lập trường chủ nghĩa Mác-Lênin, khuyên mọi người tu dưỡng đạo đức cách mạng theo phương pháp làm việc biện chứng của Mác, lại nhận mình là người học trò nhỏ của các vị Khổng Tử, Giê-su, Tôn Dật Tiên và có thể là cả Thích-ca-mâu-ni, Môhamét và Găng-đi

nữa. Song, điều tưởng như kỳ lạ đó lại chính là thể hiện sự vĩ đại của một nhân cách văn hoá lớn như Hồ Chí Minh.

Những con người vĩ đại như Khổng Tử, Giê-su, Các Mác, Tôn Dật Tiên... đã là những danh nhân văn hoá của thế giới, đang chi phối tâm trí hàng tỷ con người bằng chính những sáng tạo văn hoá trong thời đại của mình. Cho nên, khi nhận thức được rằng những bậc đại nhân, đại trí kia có thể chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết nếu họ còn sống, thì phải nói Hồ Chí Minh không chỉ nâng mình lên bậc đại nhân, đại trí như họ, mà còn có thể nói là có tầm nhìn bao quát cao hơn họ rất nhiều. Bởi lẽ, Hồ Chí Minh là kết tinh trí tuệ của cả Việt Nam và thế giới ở thế kỷ XX; Người đã nói lên khát vọng ngàn đời không chỉ của nhân loại trong quá khứ mà cả những triển vọng hoà bình và thịnh vượng của loài người trong tương lai.

Người thật sự là biểu tượng của nền văn hoá hoà bình trong tương lai và sự thật thế giới đã nhìn nhận và tôn vinh Người là nhà văn hoá của tương lai, như lời nhận xét sáng suốt của O. Manđenxtam từ năm 1923: "Dáng dấp của con người đang ngồi trước mặt tôi đây, Nguyễn Ái Quốc, cũng đang tỏa ra một cái gì thật lịch thiệp và tế nhị... Từ Nguyễn Ái Quốc đã toả ra một thứ văn hoá, không phải văn hoá châu Âu, mà có lẽ là nền văn hoá tương lai".

5/ Nền văn hoá tương lai đó trước hết thể hiện trong những quan điểm của Người về văn hoá chính trị, văn hoá đạo đức, văn hoá pháp luật, văn hoá lối sống, văn hoá nghệ thuật... nhưng bao trùm lên tất cả là ở nhân cách văn hoá Hồ Chí Minh, ở chủ nghĩa nhân văn chiến đấu hay chủ nghĩa nhân văn giải thoát, như Giáo sư Trần Văn Giàu nói: "Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là chủ nghĩa nhân văn giải thoát của những người yếu hèn, lao khổ, của các dân tộc bị chà đạp, giải thoát bằng chính ý thức lực lượng của mình; nó lớn, rất lớn là vì vậy"[1].

Chủ nghĩa nhân văn chiến đấu hay chủ nghĩa nhân văn giải thoát Hồ Chí Minh là biểu hiện tập trung của chủ nghĩa yêu nước truyền thống kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản, biểu hiện trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc kết hợp với cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Hơn thế nữa, chủ nghĩa nhân văn chiến đấu hay chủ nghĩa nhân văn giải

1. Trần Văn Giàu: *Vĩ đại một con người*, Nxb. Long An, 1990, tr.92.

thoát Hồ Chí Minh còn biểu hiện trong việc chống những hành vi vô đạo đức, những thói hư tật xấu, những tệ tham nhũng, quan liêu, những hiện tượng phản văn hoá. Chính vì thế, chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh mang tất cả những giá trị nhân đạo truyền thống của dân tộc và tinh hoa nhân đạo của thế giới. Cũng vì thế, nó có giá trị dẫn đường, giá trị soi rọi ánh sáng văn hoá đến mọi người, mọi dân tộc đang đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng đất nước mình khỏi những khổ đau do kẻ thù xâm lược gây nên hoặc do nghèo nàn, lạc hậu vì thiếu ánh sáng văn hoá.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá gắn liền với con người hành động vì lý tưởng cao cả, gắn liền với mỗi dân tộc muốn phấn đấu vươn lên xây dựng đời sống tươi vui hạnh phúc. Người nói: "Chúng ta phải biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hoá cao và đời sống tươi vui hạnh phúc"[1]. Đó chính là những biến đổi kinh tế, chính trị, xã hội, đồng thời với những biến đổi văn hoá, tạo thành một xã hội có văn hoá cao, "nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống có văn hoá, quan hệ hài hoà trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Văn hoá trở thành nhân tố thúc đẩy con người tự hoàn thiện nhân cách, kế thừa truyền thống cách mạng của dân tộc, phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"[2] như Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã nêu lên nhằm lãnh đạo nhân dân ta thực hiện sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá dưới ánh sáng của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá được quán triệt trong mọi lĩnh vực phát triển văn hoá và xây dựng đất nước như văn hoá chính trị, văn hoá đạo đức, văn hoá lối sống, văn hoá nghệ thuật... Vì vậy, các bài khác sẽ đi sâu hơn vào quan điểm của Người trong quá trình Người vận dụng và giải quyết các vấn đề văn hoá trong hoạt động thực tiễn của sự nghiệp cách mạng nước ta./.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.8, tr.494.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2001, tr.114.

MỘT VÀI NÉT KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG VÀ TRIẾT LÝ NHÂN VĂN HỒ CHÍ MINH*

GS. TS. NGUYỄN VĂN HUYÊN

Nhân văn là giá trị phổ quát, tổ hợp các yếu tố chân - thiện - mỹ; thuộc bản chất người và là hiện thân của thiên hướng vươn lên và hoàn thiện không ngừng của chính con người. Vì vậy, nhân văn bao giờ cũng là lý tưởng và mục tiêu mà loài người hằng vươn tới; nó tồn tại, phát triển và ngày càng thể hiện sức sống mãnh liệt của mình trong suốt tiến trình phát triển xã hội.

Từ khía cạnh địa văn hoá, tư tưởng nhân văn cũng hình thành và phát triển theo lôgích đó. Xưa nay, khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, nhiều người nhấn mạnh, nếu không nói là tuyệt đối hoá nguồn gốc phương Tây trong sự hình thành bản chất nhân văn Hồ Chí Minh. Điều đó thực sự là không thoả đáng. Khát vọng nhân văn ở con người, dù là phương Đông hay phương Tây, theo bản chất nêu trên, cũng đều mãnh liệt và lớn lao. Ở đâu có điều kiện thuận lợi thì ở đó có tư tưởng nhân văn nảy nở và phát triển. Việt Nam, với lịch sử chống ngoại xâm oanh liệt, bảo tồn cuộc sống, gây dựng truyền thống yêu nước và đạo lý làm người của mình, là mảnh đất ươm sẵn những hạt giống nhân văn; nó chờ đón điều kiện để bừng lên những mầm xanh tư tưởng nhân văn mãnh liệt.

Sống trong cảnh nô lệ lầm than, người dân bị áp bức bóc lột thậm tệ, đất nước bị ngoại bang giày xéo, Hồ Chí Minh, một thiên tài như được đúc kết nên từ tinh hoa truyền thống nhân văn của dân tộc Việt Nam đã nhận ra thực tế phi nhân đạo do thực dân đế quốc gây nên. Chính đó là bản chất, là mạch sống căng đầy chất nhân văn ở con người Hồ Chí Minh.

---

* Trích trong Tạp chí *Cộng sản*, số 3, 2004.

Sau này, khi bôn ba khắp năm châu bốn biển để tìm đường cứu nước cứu dân, nhằm xoá bỏ thực tế bất nhân đó, được sống trong nhiều nền văn minh của các dân tộc khắp các châu lục, được tiếp xúc với tư tưởng vĩ đại của Mác, Ăngghen, Lênin, tư tưởng nhân văn của Người càng sáng rõ hơn, trở thành lý luận, thành chủ nghĩa vững chắc. Rõ ràng, tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh bắt nguồn từ bản chất nhân văn Việt Nam, nó nằm trong bản chất con người Hồ Chí Minh với tư cách là tinh hoa đất nước - dân tộc Việt Nam.

Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh lúc đầu thể hiện yêu cầu nhân bản bao quát nhất. Đó là tư tưởng đòi lại cho con người những gì nó vốn có, trước hết là quyền được sống, theo nghĩa là "người ta sinh ra ai cũng có quyền sống, quyền mưu cầu hạnh phúc". Đất nước Việt Nam - cái nôi của con Rồng cháu Tiên phải để cho người Việt Nam được gọi nó là Tổ Quốc chứ không cần đến một Mẫu quốc bên phương Tây xa xôi tới đô hộ! Đã là con người thì sinh ra, ai cũng có quyền làm người, quyền tự do, sống bình đẳng; phải trả lại độc lập cho nhân dân Việt Nam để họ làm chủ đất nước mình, tự mình xây dựng cuộc sống. Đưa con người trở về với chính con người, đó là tư tưởng nhân bản cơ bản, đầu tiên được hình thành trong con người Hồ Chí Minh, trên cơ sở đó Người kêu gọi xoá bỏ nô lệ, áp bức, bần cùng, đối xử với con người như là Con Người chân chính!

Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh được nâng lên tầm cao hơn khi Người hội tụ được các tư tưởng tiến bộ toàn nhân loại: văn minh châu Á, châu Âu, châu Mỹ, châu Phi, với các hệ tư tưởng nhân văn Phục hưng, Khai sáng, tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng Pháp, Italia,... Đặc biệt, tư tưởng nhân văn đó trở thành lý luận khoa học, như một thuyết lý vững chắc khi Người thấm nhuần tư tưởng cộng sản chủ nghĩa ở Quốc tế III với các lãnh tụ thiên tài Mác, Ăngghen, Lênin.

Tư tưởng cộng sản chủ nghĩa đã giúp Hồ Chí Minh nâng những yêu cầu có tính nhân bản lên tầm cao hơn là tính nhân văn thực thụ. Tính nhân văn ở đây không còn bị giới hạn trong khuôn khổ giải quyết vấn đề vị trí của con người, tách con người khỏi kiếp ngựa trâu do chế độ nô lệ kìm kẹp, mà là giải quyết vấn đề xây dựng vị thế con người trong xã hội mới. Tư tưởng của Người lúc này không chỉ là xoá bỏ tình trạng tha hoá, đưa con người về đúng vị trí của mình mà là phát huy mọi tiềm năng của con người để xây dựng một cuộc sống mới; trước hết, thực hiện tư tưởng

nhân văn tư bản chủ nghĩa là tự do, bình đẳng, bác ái để từng bước thực hiện lý tưởng nhân văn cộng sản chủ nghĩa - tiến tới một xã hội cộng đồng và hoà hợp, ở đó con người không chỉ đủ các điều kiện để phát huy mọi tiềm lực, tài năng xây dựng xã hội mới, mà còn phát triển toàn diện, hài hoà chính bản thân con người với tư cách là mục đích tối cao của con người. Đây là tầm nhân văn cao nhất của con người, của xã hội loài người trên phương diện lý thuyết. Tư tưởng này thể hiện ở tầm cao hơn, sâu hơn còn bởi vì nó mở ra tính nhân văn vô tận của chủ nghĩa cộng sản, về cả phương hướng thực hiện mục đích tối cao của con người; con người là mục đích của lịch sử, của mọi hoạt động của chính con người.

Thấm nhuần sâu sắc tư tưởng nhân văn cộng sản chủ nghĩa, Hồ Chí Minh tự nguyện đứng vào hàng ngũ những người cộng sản Quốc tế, chiến đấu hy sinh cho lý tưởng nhân văn cộng sản chủ nghĩa. Và thực tế Hồ Chí Minh đã trở thành một trong những chiến sỹ đi tiên phong trong cuộc đấu tranh lật đổ chế độ xã hội cũ, xây dựng chế độ xã hội mới trên phạm vi toàn thế giới. Điều đó cho thấy, bản chất nhân văn Hồ Chí Minh không chỉ nằm trong tư tưởng mà đã đi vào cuộc sống hiện thực, gắn bó với vận mệnh của nhân dân toàn thế giới. Người quan tâm đến số phận từng con người, vận mệnh từng dân tộc, từng quốc gia khắp năm châu. Cuộc cách mạng mà Người hiến dâng là cuộc đấu tranh giai cấp - lật đổ giai cấp bóc lột, giải phóng giai cấp bị bóc lột, đưa loài người tới một cuộc sống tốt đẹp. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh vì thế có tầm giai cấp, tầm quốc tế, tầm nhân loại.

Những nội dung tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh không chỉ có tính bao quát mà còn hết sức đặc sắc, nó đi đến ý nghĩa tận cùng của khái niệm:

Coi nỗi đau mất nước, sự nhục nhã mất quyền làm người và sự đoạ đầy của nhân dân thực sự là nỗi đau và sự nhục nhã của chính mình, Hồ Chí Minh không chỉ nuôi ý chí thực hiện khát vọng giải phóng nhân loại, giải phóng nhân dân trong lý thuyết như những người cộng sản nửa vời, nói suông. Người tiếp thu một cách sâu sắc và làm theo lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, lấy nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản để thực hiện lý tưởng nhân văn cụ thể của con người - xoá bỏ xã hội cũ thối nát và phản nhân đạo để xây dựng một xã hội mà ở đó người với người là bạn bè, đồng chí, anh em; sống hoà bình, hợp tác, hữu nghị trong thế giới đại đồng. Chính vì vậy, khi Quốc tế Cộng sản phân hoá thành nhiều khuynh hướng khác

nhau, Người đã chọn Quốc tế III, vì Quốc tế đó đề ra mục tiêu đúng với tư tưởng của Người là chống phong kiến, đế quốc, giải phóng dân tộc, mà nhiệm vụ cụ thể là giải quyết vấn đề thuộc địa, vấn đề dân tộc - vấn đề mà theo Người là bức xúc nhất, bản chất nhất của cách mạng thế giới lúc bấy giờ.

Giải quyết vấn đề thuộc địa, vấn đề dân tộc, theo Hồ Chí Minh không phải là nhiệm vụ cuối cùng, mà là khâu đột phá để tiến tới giải quyết vấn đề cách mạng thế giới. Giải phóng từng dân tộc là điều kiện cho việc giải phóng tất cả các dân tộc thuộc địa, giải phóng giai cấp vô sản là để đi đến xã hội cộng sản chủ nghĩa. Mục tiêu đó quán xuyến toàn bộ sự nghiệp cách mạng Hồ Chí Minh. Đó cũng là nền tảng của tinh thần đoàn kết cộng đồng các dân tộc toàn nhân loại trên cơ sở chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính. Giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, và giải phóng con người, theo Hồ Chí Minh, cũng chỉ mới là tiền đề để thực hiện mục tiêu thiêng liêng nhất của con người là phát triển toàn bộ bản chất người với mọi phẩm chất tốt đẹp, với mọi tiềm năng và năng lực sáng tạo cũng như khả năng hưởng thụ cao các giá trị văn hoá do chính mình sáng tạo ra.

Chính với tinh thần quyết tâm thực hiện lý tưởng nhân văn đó mà Hồ Chí Minh có một thái độ hết sức khoan dung, độ lượng, một tinh thần đoàn kết, hoà hợp. Phê phán và phản đối tư tưởng biệt phái, chia rẽ các tín ngưỡng tôn giáo trong nước và trên thế giới, Hồ Chí Minh tiếp thu tất cả tinh hoa trí tuệ, ước mơ, khát vọng chân chính của nhân loại nhằm đạt tới mục đích cuối cùng là đem lại hạnh phúc cho nhân dân. Người đã hội tụ tất cả các tư tưởng nhân văn của nhân loại từ các tư tưởng Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, Trung, Hiếu, Lễ, Tín của đạo Nho; tinh thần từ bi cứu nhân độ thế, phấn đấu đạt tới sự sáng láng tối cao tinh thần của đạo Phật; ước mơ vươn tới một xã hội cao đẹp, con người hoàn thiện với cuộc sống hạnh phúc thiên đường của Thiên chúa,... Hồ Chí Minh đã chắt lọc các ưu điểm của Khổng Tử, Thích Ca Mâu Ni, Giê-su, Tôn Dật Tiên với Các Mác và Lênin ở nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa - vì tất cả họ đều có ý tưởng mưu cầu hạnh phúc cho con người. Việc làm đó của Hồ Chí Minh, tự nó đã thể hiện một tinh thần, một bản chất nhân văn lớn lao, cao cả, vì một cuộc sống tốt đẹp hiện thực của con người, vì hạnh phúc và tiến bộ của nhân gian.

Tinh thần nhân văn của Hồ Chí Minh còn thể hiện một cách đặc sắc ở khát vọng và tinh thần quyết tâm biến tư tưởng thành hiện thực. Cốt lõi thế giới quan duy vật, phương pháp luận khoa học, nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa được Hồ Chí Minh chuyển hoá thành một tổ hợp tư tưởng Mác - Lênin - Hồ Chí Minh, rồi nó lại được thăng hoa, biến hoá thành một chất tư tưởng mới rất riêng, ở đó hoà quyện chiều sâu lý luận với sinh khí cuộc sống. Tiếp thu bản chất cách mạng, tinh thần cải tạo thế giới của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh thực hiện khát vọng cháy bỏng của mình là biến tất cả tình thương người, tình yêu cuộc sống, khát vọng xây dựng tương lai thành hành động để đưa những tư tưởng, lý tưởng, ước mơ đó thành hiện thực.

Lòng nhân ái Hồ Chí Minh bao la rộng lớn bao nhiêu đối với quốc tế thì cũng sâu nặng bấy nhiêu đối với con người, dân tộc Việt Nam. Nhận nhiệm vụ từ Quốc tế Cộng sản, trở về Tổ Quốc, Người giành tất cả tình thương yêu cho dân tộc Việt Nam. Khi đã trở thành lãnh tụ của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Người không màng danh lợi cá nhân, suốt đời chăm lo cho hạnh phúc nhân dân, cho sự trường tồn dân tộc và phát triển đất nước. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh bao quát toàn bộ cách mạng Việt Nam là giải phóng dân tộc, độc lập, tự do cho Tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân. Tư tưởng đó được kết tinh thành một tuyên ngôn bất hủ không chỉ đối với nhân dân Việt Nam mà như là chân lý sáng ngời đối với toàn thể loài người tiến bộ: KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN ĐỘC LẬP, TỰ DO!

Và để thực hiện lý tưởng nhân văn đó, Hồ Chí Minh đã vạch ra con đường đúng đắn cho cách mạng Việt Nam là "Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội". Giải phóng dân tộc là mục tiêu số một khi đất nước còn nô lệ. Vì vậy mà ham muốn tột bậc của Hồ Chí Minh là "làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do"[1]. Độc lập tự do trở thành bản chất cao quý trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh, trở thành ngọn cờ chiến đấu và mục tiêu suốt đời hy sinh cống hiến của người. Vì đó là cái tiên quyết đem lại hạnh phúc và tiến bộ cho nhân dân Việt Nam.

Lý tưởng nhân văn đó được Hồ Chí Minh biến thành mục tiêu cách mạng là xây dựng xã hội mới xã hội chủ nghĩa trên đất nước Việt Nam

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1984, tr.100.

thân yêu. Với sức mạnh khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, với niềm tin sắt đá tới tương lai và ý chí quyết tâm của người cộng sản, Hồ Chí Minh đã xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, lãnh đạo Đảng, cùng với Đảng lãnh đạo nhân dân Việt Nam làm nên những chiến công hiển hách. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh thấm sâu trong đường lối của Đảng, trở thành ngọn cờ chiến đấu của toàn dân, hướng dẫn nhân dân ta thực hiện thành công Cách mạng Tháng Tám chấn động địa cầu và Đại thắng Mùa xuân 1975 thần thánh. Đó là chiến thắng của sức mạnh con người Việt Nam, chiến thắng của văn hoá Việt Nam mà cốt lõi của nó là khoa học cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin cùng với tư tưởng nhân văn với sức sống bất tận của nó.

Đất nước giành được độc lập rồi, dân tộc giành được tự do rồi thì nhiệm vụ trọng tâm của dân tộc Việt Nam là xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là lôgích tất yếu của lý thuyết phát triển theo hướng nhân văn - vì chủ nghĩa xã hội là xã hội phù hợp nhất với bản chất con người, là xã hội tốt đẹp nhất mà loài người vươn tới. Xây dựng xã hội nhân văn xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh đặt tên cho bản chất của xã hội đó là "Việt Nam Dân chủ Cộng Hoà - Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc". Có xã hội nào đẹp hơn một xã hội độc lập - tự do, một xã hội dân chủ - cộng hoà! Có cuộc sống nào cao quý hơn một cuộc sống độc lập - tự do - hạnh phúc! Chủ nghĩa xã hội do Hồ Chí Minh lãnh đạo toàn dân xây dựng cũng không phải là thứ chủ nghĩa xã hội cục bộ, cực đoan, hẹp hòi, vị kỷ của một giai cấp, một đảng phái. Mục tiêu và phương thức tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Hồ Chí Minh cũng không chỉ là chuyên chính giữ vững những gì đang có, phá bỏ những gì cũ kỹ, lạc hậu, cũng không phải là chủ nghĩa mơ hồ, không tưởng như nhiều người, nhiều đảng đương thời trên thế giới quan niệm. Đó là chủ nghĩa xã hội hiện thực, cụ thể, nó phải được xây dựng trên mảnh đất của một quốc gia gắn liền với đặc điểm lịch sử, truyền thống văn hoá và bản sắc dân tộc. Chủ nghĩa xã hội mà Hồ Chí Minh xây dựng ở Việt Nam là một xã hội mới công bằng, nhân đạo và tốt đẹp, nhằm mục tiêu cụ thể là dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, con người sống trong hạnh phúc.

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội do Hồ Chí Minh lãnh đạo thực sự là một cuộc cách mạng giải phóng và phát triển mọi tiềm năng dân tộc và tiềm năng xã hội, cụ thể là giải phóng và phát triển con người. Người luôn quan niệm rằng: "Đất nước độc lập mà nhân dân không được hạnh

phúc và phát triển thì độc lập và tự do đó cũng chẳng có ý nghĩa gì[1]". Chính tấm lòng nhân hậu, Hồ Chí Minh đã đúc kết nên tư tưởng nhân văn của Người: con người không chỉ được giải phóng về mặt xã hội mà điều chủ yếu và cuối cùng là giải phóng và phát triển toàn bộ bản chất và bản tính tốt đẹp của mình. Bản chất sâu xa lớn lao trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh là tất cả cuối cùng đều vì sự phát triển con người Việt Nam: Xoá bỏ tha hoá, trả lại cho con người Việt Nam phẩm chất Người, giải phóng toàn bộ tiềm năng thể chất, trí tuệ, tài năng sáng tạo của con người Việt Nam; tạo mọi điều kiện cho con người Việt Nam phát triển toàn diện - hài hoà: đức - trí - thể - mỹ, vươn tới sự hoàn thiện. Với tinh thần đó, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến thanh - thiếu niên - tương lai của đất nước, mùa xuân của nhân loại; Người yêu cầu "Chính phủ phải chú ý đặc biệt tới việc giáo dục thiếu niên về thể dục, đức dục và trí dục,..."[2] phải làm phát triển toàn bộ năng lực sẵn có của các cháu..."[3].

Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh còn thể hiện một khía cạnh đặc sắc có tính vượt thời đại lúc bấy giờ đó là tuyệt đối tin tưởng vào thắng lợi ngày mai, lo cho tương lai của đất nước. Trong chiến tranh ác liệt, vận mệnh đất nước lâm nguy, nhưng với nhãn quan duy vật biện chứng khoa học, Hồ Chí Minh thấy được tất yếu thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Người luôn nghĩ tới và đặt kế hoạch cho phát triển tương lai đất nước, Người có kế hoạch đào tạo nhân tài cho đất nước kể cả ở nước ngoài. Trong hoàn cảnh đời sống vật chất còn khó khăn, Người vẫn đặc biệt quan tâm tới xây dựng đời sống văn hoá, phát triển khoa học, kỹ thuật, đặc biệt là đời sống tinh thần nhân dân, thế giới tinh thần con người. Bởi Hồ Chí Minh quan niệm, giá trị thiêng liêng cao quý và trường tồn của con người là giá trị tinh thần. Càng lùi xa chiến tranh, lùi xa dĩ vãng thiếu thốn, ta càng thấy tư tưởng đó của Người là đúng đắn, giá trị, nhất là trong xã hội hiện đại dư thừa điều kiện vật chất hiện nay.

Thật hiếm thấy một học thuyết cách mạng nào của các vị lãnh đạo quốc gia mà phần quan tâm đến con người, đến nhân dân lại được đặt trên tầm lớn lao, sâu sắc, cụ thể và cập nhật như tư tưởng Hồ Chí Minh. Có thể nói, tính nhân văn lớn lao của Hồ Chí Minh là đặt hạnh phúc

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.4, tr.56.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.8, tr.568.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.4, tr.10.

nhân dân lên trên hết, cán bộ là những người của Đảng phải là đầy tớ của nhân dân; vì nước quên thân, vì dân quên mình. Nhân dân ở Hồ Chí Minh không phải là một khái niệm chung chung, mơ hồ; đó là cộng đồng Việt Nam, là từng con người, từng cán bộ, từng cuộc đời, từng hoàn cảnh cụ thể. Cho đến lúc đi xa, Người chỉ nghĩ đến sự đoàn kết toàn dân, sự phát triển và tiến bộ của Đảng, của dân tộc, Người vẫn giành muôn vàn tình thương yêu cho mọi người![1]

Chủ nghĩa yêu nước, tình thương yêu con người, đạo lý làm người đã đưa Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa cộng sản. Chủ nghĩa cộng sản ở Hồ Chí Minh lấy hạt nhân nhân văn - vì hạnh phúc và tiến bộ của con người - làm mục tiêu phấn đấu. Đối với Hồ Chí Minh, chủ nghĩa nhân đạo, tinh thần nhân văn là bao trùm, là tất cả; nó là cái cho mọi người và của mọi người. Cái làm nên sức mạnh và niềm tin của tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh, nói đến cùng, chính là ở đó.

Có thể khái quát tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh thành triết lý nhân văn Hồ Chí Minh. Trong thực tế, Hồ Chí Minh không trình bày tư tưởng nhân văn của mình bằng các lý thuyết với các hệ thống khái niệm, phạm trù như một triết lý kinh viện. Triết lý nhân văn Hồ Chí Minh được hình thành từ trong khối óc, con tim của Người về lòng yêu nước, tình thương người và đạo lý làm người; về con đường để nhân dân Việt Nam nói riêng, loài người tiến bộ nói chung thực hiện những ước mơ, khát vọng cao đẹp của mình - đưa đến một cuộc sống độc lập, tự do, hoà bình, giàu mạnh, xã hội văn minh, con người hạnh phúc. Chính các chính khách và các nhà khoa học quốc tế đã khái quát con người Hồ Chí Minh là khí phách dân tộc, lương tâm thời đại, tinh hoa của loài người.

Có thể nói, toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh, toàn bộ cuộc sống của Người, từ suy nghĩ, khát vọng cho đến hành động vì một xã hội cộng đồng, đoàn kết, hữu nghị trên toàn thế giới, cũng như việc xây dựng đất nước, xã hội Việt Nam giàu mạnh, văn minh, phát triển, tiến bộ thể hiện rõ nhất triết lý nhân văn trọn vẹn và sâu sắc của Người.

1. *Di chúc* của Hồ Chí Minh.

ĐẶC TRƯNG CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN HỒ CHÍ MINH: SỰ TÍCH HỢP PHONG PHÚ - SỰ KẾT HỢP SÁNG TẠO NHIỀU KIỂU DẠNG TINH HOA VĂN HOÁ THẾ GIỚI*

PGS. TRƯỜNG LƯU

Cho đến nay, Chủ tịch Hồ Chí Minh là lãnh tụ mácxít duy nhất được Uỷ ban khoa học - giáo dục - văn hoá (UNESCO) của Liên Hợp Quốc công nhận là anh hùng giải phóng dân tộc - danh nhân văn hoá thế giới. Đây là một hiện tượng gắn liền với chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh.

Chính là chiều sâu trong hiện tượng này mà mọi loại kẻ thù trên thế giới chưa một ai nói xấu, đả kích Hồ Chí Minh. Các tướng Pháp thực dân như Valuy đã coi Hồ Chí Minh là "địch thủ đáng kính trọng nhất" (Báo "Le Monde"); còn báo chí Mỹ lại ví Người như Washington của Việt Nam. Hầu như không có khuôn mặt trí tuệ nào tiêu biểu của thế giới, khi có dịp nhắc đến Hồ Chí Minh lại không nói với mối cảm tình lẫn kính trọng sâu sắc như thế. Bởi đó là "nhân vật rất vĩ đại của thế giới trong lịch sử 50 năm gần đây" - như nhà học giả nổi tiếng và là Thủ tướng nước Cộng hoà Ấn Độ Nérhu đã nói[1]. Chỉ cần trích dẫn câu nói sau đây của nhà học giả nổi tiếng của hoàng gia Anh, Bertrand Russel, cũng đủ chứng minh tầm vóc của Hồ Chí Minh đối với thế giới hiện đại và đương đại: "Ít có vị đứng đầu nhà nước nào mà sự qua đời của mình đã gây ra một nỗi đau buồn trên khắp năm châu như Chủ tịch Hồ Chí Minh"[2].

Đã đành, Hồ Chí Minh là biểu tượng kiệt xuất về người anh hùng, là thiên tài lỗi lạc trên nhiều phương diện văn hoá, chính trị, quân sự, ngoại

---

* Trích trong cuốn *Chủ nghĩa nhân văn và văn hoá dân tộc*, Nxb. Văn hoá Thông tin, H., 1996.

1. Theo Phạm Văn Đồng: *Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ*. Nxb. Văn học, Hà Nội, 1983.
2. Trích lại Báo L' Humanité, 18/9/1969.

giao, phong độ và sự lịch lãm, nhưng cái mà thế giới quan tâm nhiều nhất ở Hồ Chí Minh là có một thứ chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh, và muốn tìm hiểu những quy luật và đặc điểm tạo thành chủ nghĩa nhân văn ấy. Đấy cũng là dặc điểm một vóc dáng vĩ nhân. Vĩ nhân nào cũng là thiên tài nhưng không phải thiên tài nào cũng thành vĩ nhân. Ở Hồ Chí Minh là sự hoà quyện một cách tự nhiên giữa tài năng và nhân cách, giữa cái lớn lao và cái bình dị. Tài năng càng lớn, thì nhân cách và sự bình dị càng thêm sáng ngời. Cũng như vàng là kim loại quý, nhưng vàng thật không bao giờ lóng lánh. Vĩ nhân không bao giờ thuộc phạm trù số nhiều nhưng thật sự vĩ nhân không bao giờ thêu dệt.

Hồ Chí Minh đúng là vàng thật, từ đó tạo thành một chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh, chinh phục lương tri loài người, thể hiện thành các mặt sau đây:

1) Thế giới đã nói nhiều đến chiến thắng thực dân, đế quốc - đặc biệt là chiến thắng đế quốc Mỹ của nhân dân Việt Nam do Hồ Chí Minh lãnh đạo. Vượt lên trên tinh thần dũng cảm, hy sinh, sức kiên trì chịu đựng, sự khôn khéo về tài năng chỉ đạo chiến thuật và tầm nhìn chiến lược, trong tầm mắt của nhân loại tiến bộ còn cho đây là sự chiến thắng của chủ nghĩa nhân văn kiểu mới và đích thực. Vì chỉ có tinh thần nhân văn kiểu mới ấy, mới có ý thức sức mạnh giải phóng con người, quyết liệt và thành công đến như thế. Danh hoạ Picasso đã gọi Hồ Chí Minh là "Chàng hiệp sĩ của thời đại", là theo ý nghĩa nhân văn đó.

Nên nhớ rằng, khi ta phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, bao nhiêu đồng chí, bạn bè trên thế giới vừa ủng hộ, vừa thương ta, vừa khuyên ta nên dè dặt đương đầu với "tên sen đầm quốc tế", nhưng với Hồ Chí Minh thì dù đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải chiến thắng đế quốc Mỹ xâm lược. Bao nhiêu quốc gia, dân tộc căm thù chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, nhưng tại sao chỉ có Việt Nam mới đánh bại được bọn thực dân mới này ngay trên quê hương nghèo khổ và kém phát triển của mình. Câu trả lời của nhân loại tiến bộ, dĩ nhiên không phải chỉ có chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh mới là động lực nhằm đạt đến mục đích giải phóng dân tộc, giải phóng con người.

Sự cống hiến của Hồ Chí Minh đối với văn minh nhân loại, trước hết là ý thức giải phóng con người mang phong thái đặc điểm Hồ Chí Minh. Ngày nay, không ai có thể phủ nhận là phong trào giải phóng dân tộc ở

nhiều khu vực trên thế giới trong những thập kỷ vừa qua, có sự kích thích của tấm gương kiên cường, bất khuất của Việt Nam, trong đó có vai trò Hồ Chí Minh và tư tưởng nhân văn của Người là một điểm sáng chói.

2) Ý thức giải phóng con người bị áp bức, bất hạnh đã hình thành ở Hồ Chí Minh rất sớm, và quán xuyến trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Ban đầu là giải phóng con người trên cơ sở giải phóng dân tộc bị nô lệ, dần dần hai mặt dân tộc - con người nằm chung trong một chính thể giải phóng, đối lập hẳn với chính sách nhân quyền giả tạo của các thế lực thống trị thực dân, phong kiến. Qua các báo Le Paria, L' Humanité và hàng trăm bài báo khác, qua Tuyên ngôn và Hiệu triệu của các tổ chức Liên hiệp thuộc địa, Công đoàn thuộc địa, Quốc tế nông dân... do Hồ Chí Minh sáng lập hoặc tham gia lãnh đạo; qua tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* và toàn bộ các trước tác của mình, Hồ Chí Minh đã tỏ nỗi thông cảm sâu sắc và đấu tranh cho tự do, cơm áo của nhân dân lao động bị tước đoạt quyền sống trên các châu lục mà Người đã chứng kiến, đã tìm hiểu trên bước đường bôn tẩu. Cuộc sống đau khổ, đói khát của người phụ nữ Tây Phi, người nô lệ da đen ở Harlem, người phu khuân vác ở các bến cảng Rufisco, Dạca, Brazin, Sénégal, Congo, Réunion,..., người công nhân đồn điền ở Algérie, Tuinisie, Maroc, Syrie, Liban..., người nông dân, kẻ hành khất ở Guinée, Dahomey, Martinique... đã trở thành một mục tiêu trong hành động cách mạng, một mắt xích trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh. Người đã từng viết những dòng cảm tưởng sau khi chiêm ngưỡng tượng Thần Tự do ở Mỹ (1912): "Ánh sáng trên đầu Thần Tự do toả rộng khắp trời xanh, còn dưới chân tượng đài thì người da đen đang bị chà đạp, số phận người phụ nữ bị chà đạp! Bao giờ người da đen được bình đẳng với người da trắng? Bao giờ người phụ nữ được bình đẳng với nam giới?"[1]. Do đó, Người thật sự khổ tâm khi nhân dân nô lệ ở các nước thuộc địa, nửa thuộc địa từ miền Cận đông và Viễn đông, từ Syrie đến Triều Tiên, "chưa bao giờ ra sức tìm tòi đến nơi đến chốn con đường tự giải phóng cho nên họ chưa hiểu được giá trị của sự đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế "[2].

Khi nhắc lại tinh thần cách mạng quốc tế và tư tưởng nhân văn ấy của Hồ Chí Minh đối với các dân tộc nô lệ ở Á - Phi và Mỹ Latinh, Tổng

1. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982.
2. *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975.

thống Guinée Sékou Touré đã rất cảm động và nói: "Ở châu Á, chúng ta đã từng biết đến nhiều bậc vĩ nhân, nhưng tôi nghĩ mọi người đều đồng ý với tôi, xem Chủ tịch Hồ Chí Minh là một trong những người vĩ đại nhất"[1]. Gần đây, nữ giáo sư sử học trường đại học Florida (Mỹ) Georsethin, trong một bài tham luận ở Hội nghị quốc tế về " Những vấn đề văn học, văn hoá, xã hội và lịch sử Việt Nam" tổ chức tại Copenhague đã nói: "Trong số những lãnh tụ là nam giới, chỉ có Hồ Chí Minh đã luôn luôn nói về quyền bình đẳng của phụ nữ, về giáo dục, tự do ngôn luận, độc lập về kinh tế và phụ nữ được hưởng các quyền lợi khác như nam giới"[2].

Những ý kiến như vậy về Hồ Chí Minh đối với các tầng lớp chịu nhiều đau khổ, bất công nhất, có khá nhiều trên báo chí các nước, nhất là sau khi Người vừa qua đời và trong dịp tổ chức UNESCO phong danh hiệu "Anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hoá" cho Hồ Chí Minh. Rõ ràng, chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh đã thấm sâu vào đời sống các dân tộc, gắn bó với các cuộc đấu tranh về quyền lợi dân sinh, dân chủ và công bằng xã hội.

3) Nhiều nhà chính khách, nhà học giả và nhà báo phương Tây trước đây thường quẩn quanh đả kích các thuyết vô thần, chuyên chính vô sản, đấu tranh giai cấp của các nhà mácxít - lêninít trên thế giới. Nhưng với Hồ Chí Minh thì họ đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác vì một kiểu nhân văn mới mang dấu ấn bởi "một con người tầm thước châu Á" này. Cuộc cách mạng do Hồ Chí Minh khởi xướng là cách mạng đánh đổ chế độ thực dân, phong kiến, nhưng sau khi cách mạng giành được chính quyền, Hồ Chí Minh lại trọng dụng từ nhà vua đến những nhân vật tiêu biểu trong bộ máy cai trị Nam triều vào guồng máy của chính quyền nhân dân. Các vị Tổng giám mục, Giám mục, Hoà thượng, Tăng thống... của đạo Thiên chúa, của đạo Phật giữ trọng trách các cơ quan, kể cả lập pháp dưới chế độ mới, lại là việc đương nhiên đối với chính sách đại đoàn kết dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cũng như khi tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trước đây và đế quốc Mỹ sau này, Hồ Chí Minh đã phân biệt giữa nhân dân Pháp, nhân dân Mỹ, những người làm lính đánh thuê ở các nước thuộc địa hoặc người chính quốc bị bắt buộc theo nghĩa

1. Theo tạp chí *Oeuvres et opinions*, Moskou, 5-1961.
2. Theo báo *Văn nghệ*, số 43, 1992.

vụ quân sự với những kẻ chủ mưu xâm lược, nuôi mộng thôn tính của các dân tộc yếu kém.

Sự xuyên tạc của những phần tử thù địch xoay quanh chính sách này không ít, nhưng với dư luận thế giới - tuy có nhiều cách bình luận khác nhau, không thể phủ nhận tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh trong chính sách ấy. Hiếm thấy một lãnh tụ mácxít có tấm lòng bao dung, độ lượng như Hồ Chí Minh. Người cho rằng, bất cứ ai cũng có cái thiện và tình yêu đất nước trong lòng, nếu biết đoàn kết, khơi gợi thì cái tốt đẹp trong người họ sẽ được phát huy, và như thế chỉ có lợi cho sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc. Nếu không thấy được chất nhân văn trong chính sách này, chúng ta chỉ có thể nhấn mạnh một chiều đến sách lược chính trị đơn thuần, trái với tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

Vài năm trở lại đây, nhiều người trên thế giới có phần ngạc nhiên là tại sao nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam vẫn vững vàng vươn lên trong tinh thần tư duy mới, trong khi các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu lại bị sụp đổ. Câu trả lời duy nhất đối với họ là cách mạng Việt Nam vẫn đi theo con đường do Hồ Chí Minh đã vạch, và tư tưởng nhân văn của Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục sống trong lòng nhân dân Việt Nam và các dân tộc bị áp bức, tuy thời đại đã thay đổi, cách mạng thế giới đang đi vòng vèo.

4) Trong cách đánh giá của nhiều học giả và nhà bình luận trên thế giới, thì Hồ Chí Minh chưa hẳn là người Việt Nam đầu tiên nhưng là người Việt Nam đã thành công trọn vẹn hơn ai hết trong việc kết hợp giữa tinh thần nhân bản của dân tộc và phương Đông với tinh thần duy lý của phương Tây, bằng cách thâu tóm tinh hoa của loài người để làm phong phú cho trí tuệ bản thân và dân tộc do mình lãnh đạo, mà vẫn đậm đà bản sắc dân tộc. Sự thành công của Hồ Chí Minh là ở tinh hoa dân tộc kết hợp với tinh hoa nhân loại ấy. Hay nói một cách khác, Hồ Chí Minh là nhà văn hoá Việt Nam đầu tiên có quan niệm sâu sắc và toàn diện rằng, chân lý tuy có một nhưng chính nghĩa có nhiều. Muốn đạt đến chân lý phải tôn trọng mọi chính nghĩa và vận động, phát triển nó trong tinh thần chính nghĩa dân tộc và cách mạng.

Rải rác đó đây, trong nhiều bài viết, bài nói của mình, Hồ Chí Minh có nói đến cái tốt, cái hay, cái tiên tiến của các trào lưu tư tưởng tiến bộ bên ngoài Tổ quốc mà Người thấy cần gạn đục khơi trong để tiếp thu

và học tập. Như các thuyết về tu thân của Khổng Tử, dân vi quý của Mạnh Tử, phép dùng binh và dùng người của Tôn Tử, khẩu hiệu dân tộc - dân quyền - dân sinh của Tôn Trung Sơn, tinh thần duy lý của phương Tây, tư tưởng dân quyền của cách mạng Pháp 1791, tư tưởng nhân quyền của cách mạng Hoa Kỳ 1776, tình nhân ái và từ bi bác ái của Giê-su, Thích Ca, chủ nghĩa nhân đạo giai cấp và phương pháp biện chứng của Mác, luận cương giải phóng dân tộc thuộc địa của Lênin... Dù hình thái tư tưởng có khác nhau, nặng về ý thức cải cách hay cách mạng, đề cao đạo lý cộng đồng hay đẳng cấp xã hội..., những trào lưu tư tưởng ấy đều được kết hợp, nhào nặn một cách nhuần nhị trong tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh; dù đó là sự kết hợp từ truyền thống hay từ hiện đại, từ phương Đông hay từ phương Tây, từ dân tộc hay từ quốc tế.

Thật ra, đây không phải là hiện tượng mới mẻ trong lịch sử nhiều nền văn hoá - văn minh, nhưng đạt được sự tích hợp phong phú và hiệu quả kết hợp nhiều kiểu dạng tinh hoa, phải là người lịch lãm, từng trải, có đầu óc kinh bang tế thế, biết phân biệt vàng thau, có nghị lực và hoài bão lớn về một lý tưởng nhân văn sâu rộng. Học thuyết Mác mà Hồ Chí Minh quan tâm, tìm hiểu, cũng không từ đâu bay đến mà là sự tích tụ nhiều hệ tư tưởng, rút ra vấn đề theo một phương pháp luận khoa học và nhân đạo, cuối cùng tạo thành hệ thống chủ nghĩa Mác, với phương pháp, biện pháp ưu việt. Ông cha ta trước đây cũng thế, phải trải qua bao thời đại giao lưu, tiếp thu và chọn lọc các hệ tư tưởng, các dòng văn hoá, rồi bằng bản lĩnh, sức sống tự thân và sự sáng tạo kiên trì để tạo thành bản sắc dân tộc và một hệ giá trị Việt Nam.

Khác hẳn với các chí sĩ yêu nước trước đây và có lẽ cả với các lãnh tụ cách mạng trên thế giới, ở Hồ Chí Minh tư tưởng giải phóng dân tộc hầu như đồng nhất với tư tưởng đạo đức; cả hai đều hoà quyện trong một chính thể giải phóng dân tộc và con người. Nếu tư tưởng mang tính định hướng thì đạo đức là vũ khí, là phương tiện và cũng là cứu cánh cho định hướng đạt đến hiệu quả cao.

Dĩ nhiên là Hồ Chí Minh muốn đúc rút kinh nghiệm từ các phong trào đấu tranh cách mạng, thành công lẫn thất bại, để lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Nhưng cái mà Người quan tâm nhất là yếu tố nào thu phục được nhân dân, tạo nên sức mạnh, theo quy luật vận động

và phát triển, phù hợp với tiến trình lịch sử của dân tộc và nhân loại. Đó mới là cái cơ bản, là tính nhân văn của đại nghĩa cách mạng.

Hầu như không một cuộc cách mạng nào, một phong trào cải cách nào, một hệ tư tưởng nào tiêu biểu trên thế giới của thế giới cận đại và hiện đại mà Hồ Chí Minh không tham khảo, không băn khoăn và tìm cho được lời giải đáp. Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh được hình thành trên cốt tuỷ, tinh hoa của nhân loại mà Người đã thu nhận. Thật chính xác khi tổ chức UNESCO trong quyết định công nhận "Anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hoá" cho Người, đã viết: Tư tưởng của Hồ Chí Minh "là hiện thân những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc của mình"[1].

5) Giữa những kinh thành hoa lệ, Người không chút ngả nghiêng chí hướng; trái lại thấy cảnh bần hàn của người dân khổ sai, nô lệ diễn ra trên các bến cảng, đồn điền, khu nhà ổ chuột ở nhiều châu lục, Người động lòng thương cảm và liên hệ đến tình cảnh đồng bào mình đang sống trong gọng kìm của chủ nghĩa thực dân, càng thôi thúc Người kháng nghị, viết báo, viết sách, viết truyện, ký tố cáo tội ác của kẻ thù và đòi quyền sống, quyền làm người cho dân tộc. Người bồi hồi xúc động với nắm đất trong tay khi về đến biên giới Tổ quốc, sau mấy mươi năm ly hương, bôn tẩu theo chí hướng cách mạng. Nếu tư tưởng và tình cảm dân tộc không thành lẽ sống tự thân từ máu thịt, thì dễ gì Hồ Chí Minh hoà tan ngay vào đời sống dân tộc với tất cả cái chân chất bình dị từ lời ăn tiếng nói đến phong tục tập quán cố hữu của bản làng, đồng ruộng Việt Nam; dễ gì thuộc lầu từng khóm chuối, mảnh vườn và câu hát dân ca của quê hương từ xửa từ xưa.

Hồ Chí Minh đã hiểu một cách sâu sắc rằng, tình cảm yêu nước bắt nguồn từ tình yêu dân tộc, đất nước, mà lịch sử dân tộc ta là một chuỗi dài những thế kỷ liên tục chống ngoại xâm, chẳng những bảo vệ độc lập cho Tổ quốc mà còn nuôi dưỡng ý thức tự hào, tự tôn dân tộc. Do đó, một trong những nguyên tắc vận động cứu quốc đầu tiên của Người khi Mặt trận Việt Minh ra đời, là làm cho mọi người am hiểu lịch sử Việt Nam, từ thời đại Hồng Bàng "tổ tiên rực rỡ, anh em thuận hoà", đến những cuộc chiến đấu bất khuất hàng nghìn năm sau đó. *Bản lịch sử diễn ca* của

1. Tạp chí *Nghiên cứu Văn hoá Nghệ thuật*, số 3-1990.

Người (Việt Bắc, 1942) đâu chỉ là một sáng tác văn học thông thường. Cái chính là tinh thần dân tộc, là chủ nghĩa yêu nước được kết tụ nhiều tinh hoa, là đạo đức cách mạng được nhân lên nhiều lần bởi một tầm nhìn mới, một niềm tin vững chãi vào hai tiếng "đồng bào", vào tiền đồ cách mạng Việt Nam.

Khi nguồn gốc tư tưởng chịu sự chi phối của ý thức dân tộc, thì đi vào góc cạnh nào trong tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, chúng ta cũng thấy nổi lên những tinh hoa trong di sản quá khứ của dân tộc được bảo vệ và nâng cao, phù hợp với tình thế và giai đoạn cách mạng mới. Tư tưởng yêu nước, đạo đức thương dân thuỷ chung và sâu sắc của các nhân vật tiêu biểu qua các triều đại, hầu như đều có mặt trong tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh. Không một chút gượng ép khi cho rằng, nếu Nguyễn Trãi là khuôn mặt tiêu biểu cho tư tưởng nhân nghĩa thời văn minh Đại Việt, thì Hồ Chí Minh là nhà đạo đức có một không hai của nền văn hoá - văn minh hiện đại Việt Nam. Nhân nghĩa, nhân ái, nhân bản, nhân văn, nhân đức hay đạo đức, tuy rộng hẹp có khác nhau về khái niệm, nhưng đều mang tính "humain", tạo thành chủ nghĩa nhân đạo (humanisme). Với tinh thần nhân đạo ấy, Nguyễn Trãi lúc nào cũng dốc lòng xây dựng một xã hội lý tưởng: Vua "thương yêu dân chúng", "làm những việc khoan dung", không "thưởng bậy vì tư ân", không "phạt bừa vì tư nộ"; quan lại thì "làm việc cần mẫn, thờ vua hết trung, đối với dân hết hoà, bỏ thói tham ô, trừ tệ lười biếng", "coi công việc của quốc gia làm công việc của mình", "lấy điều lo của dân làm điều lo của chính mình". Với Hồ Chí Minh, nội dung trên đã chuyển hoá thành phương châm hành động mà chúng ta hầu như ai cũng có lần nhắc đến, bởi đó là cái cô đúc nhất trong quan điểm tư tưởng đạo đức của Người: "Trung với nước, hiếu với dân, "Nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm" và "Cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư",... vì mục tiêu giải phóng dân tộc đi đôi với giải phóng con người thoát khỏi bất công và áp bức. Không một chút ngẫu nhiên khi cả Nguyễn Trãi và Hồ Chí Minh đều được tổ chức UNESCO phong danh hiệu danh nhân văn hoá; riêng với Hồ Chí Minh còn có thêm danh hiệu anh hùng giải phóng dân tộc. Tất cả đều xuất phát từ giá trị văn hoá và chủ nghĩa nhân văn.

Ông cha ta xưa kia vốn tiếp thu những giá trị nhân bản trong học thuyết Nho giáo để mở rộng quan niệm nhân sinh và xây dựng cho mình ý thức tự hào dân tộc. Truyền thống dân tộc trong tư tưởng đạo đức Hồ

Chí Minh không thể thoát ly cái khung cảnh ấy. Có điều, Hồ Chí Minh đã vận dụng tinh thần biện chứng trong cách nhìn truyền thống, nên những lời kêu gọi, huấn thị, chỉ giáo của Người trong vận động cứu quốc và kiến quốc, tuy có đưa ra nhiều khái niệm có nguồn gốc ngôn từ trong học thuyết Nho giáo, nhưng mang theo nội hàm và ngữ nghĩa mới, vừa mang tính kế thừa, vừa mang tính hiện đại. Hồ Chí Minh đã nói rõ quan điểm đó của mình: tuy Khổng Tử là phong kiến, học thuyết của ông có nhiều điều không đúng, song những điều hay trong đó chúng ta nên học. Đó là lời phát biểu của Người tại hội nghị huấn luyện toàn quốc lần thứ nhất ở chiến khu Việt Bắc năm 1950. Cũng như trước đó 4 năm, tại hội nghị Fontainebleau, Hồ Chí Minh trong diễn văn của mình đã nói với các viên chức cao cấp của Pháp: triết lý của đạo Khổng và triết lý của phương Tây đều tán dương một nguyên tắc đạo đức: "điều gì mình không muốn thì đừng bắt kẻ khác phải theo" (Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân). Nội hàm của câu triết lý ở đây là không ai muốn sống dưới ách đô hộ của nước ngoài, cả Pháp đối với phát xít Đức và cả Việt Nam đối với thực dân Pháp.

Cũng có người căn cứ vào một số câu trích dẫn có nguồn gốc ngôn từ Nho giáo, đã cho rằng: cốt lõi của tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh là Nho giáo! Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng cái tinh tuý của Nho giáo thì hiển nhiên rồi, nhưng gọi đó là cốt lõi trong tư tưởng đạo đức của Người, thì hiển nhiên cũng là sai. Nho giáo của Khổng Tử làm gì có khái niệm "Quốc gia", "Tổ quốc", vì sinh ra trong thời đại Xuân Thu - Chiến Quốc, các chư hầu luôn luôn xâu xé nhau. Học thuyết của ông lại chỉ có quan niệm nhân sinh mà không có thế giới quan, làm sao có thể phù hợp với tư tưởng yêu nước và lý thuyết về giải phóng dân tộc - con người của Hồ Chí Minh! Vả lại, như các bậc túc nho trước đây thường nói, từ đời Hán trở đi, tư tưởng Khổng giáo "bị chính thể uốn nắn một phần, bị nhà nho mấy đời sửa đổi một phần" (Huỳnh Thúc Kháng) để thích nghi với đường lối chính trị đương thời và theo sở thích quân vương, nên đã sai lạc đi nhiều cái học thuyết cơ bản vốn có của nó. Trích dẫn Nho giáo không thể không thận trọng.

Hồ Chí Minh thường căn dặn cán bộ ta: "Các chú phải biết rút kinh nghiệm, học tập cách giáo dục của ông cha. Các chú có thể làm tốt hơn, vì đạo đức ngày nay rộng hơn... ai cũng có thể vươn tới đỉnh cao của đạo đức cách mạng"[1]. Người quan tâm tới các yếu tố tích cực trong đạo đức truyền

1. *Về công tác văn hoá văn nghệ*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1977.

thống và muốn nâng lên thành đạo đức cách mạng, mà đạo đức đó là vũ khí, là công cụ và là cứu cánh trong sự nghiệp cứu dân cứu nước do Người mở đường và chỉ dẫn.

Ngay khi Đảng Cộng sản Đông Dương chưa ra đời, trong những năm 1925-1927, tại các lớp huấn luyện chính trị tổ chức ở Quảng Châu (Trung Quốc) cho những thanh niên Việt Nam yêu nước học tập, Nguyễn Ái Quốc với bí danh Lý Thuỵ, đã đặc biệt dành nhiều thời gian để giảng về đạo đức cách mạng, bên cạnh những bài học về phong trào cách mạng thế giới và lịch sử tiến hoá nhân loại; lịch sử Việt Nam, tội ác của thực dân Pháp và tình hình cách mạng trong nước; cách mạng Nga, phong trào Cộng sản quốc tế và các tổ chức Công hội, Nông hội, Thanh niên, Phụ nữ, Cứu tế đỏ; so sánh chủ nghĩa Mác - Lênin với chủ nghĩa "Tam dân" của Tôn Trung Sơn, với chủ nghĩa "Tam bất" (bất hợp tác, bất bạo động, bất nộp tô thuế) của Gandhi... Tập sách *Đường Kách mệnh* được xuất bản sau đó (1927), Nguyễn Ái Quốc đã dành hẳn một trang bìa để nói 13 điều về đạo đức cách mạng, đạo lý làm người, trước khi đề cập đến những vấn đề thuộc thế giới quan, nhận thức thời cuộc và đường lối chủ trương của cách mạng Việt Nam.

6) Với sự nhạy cảm đặc biệt của một bộ óc thông tuệ nhìn xa trông rộng, Hồ Chí Minh hết sức cảnh giác với ma lực đồng tiền và quyền lực dễ làm tha hoá cán bộ khi Đảng đã nắm chính quyền, nên một phần rất quan trọng trong những bài nói, bài viết của Người là thuộc về đạo đức, về phẩm chất cán bộ, đảng viên. Người thấu hiểu rằng, "một dân tộc, một Đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân"[1]. Đọc lại những dòng chữ trên chúng ta càng thêm kính trọng một tầm nhìn vĩ đại của Người, sự thâm trầm và thấm thía toát ra từ mỗi ý mỗi lời, khi liên hệ với thực tiễn đạo đức của xã hội ta đang suy thoái nghiêm trọng, từ sau khi Hồ Chí Minh qua đời.

Là lãnh tụ một Đảng cầm quyền, nguyên thủ một quốc gia, nhưng Hồ Chí Minh không muốn đứng cao hơn mọi người mà hoà mình vào cuộc sống của một nhân dân còn chịu nhiều vất vả gieo neo. Trong tình cảm thương yêu và hết lòng vì dân tộc, Người đặc biệt quan tâm đến các cụ già

1. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, tập I, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980.

theo phong tục trọng lão; đến lứa tuổi thanh thiếu nhi là lực lượng nòng cốt của Tổ quốc trong tương lai; đến phụ nữ là tầng lớp chịu nhiều bất công trong các xã hội cũ; đến đồng bào các sắc tộc thiểu số là những cộng đồng người bị bỏ rơi giữa núi rừng heo hút; đến đồng bào miền Nam sống dưới ách chiếm đóng của chủ nghĩa thực dân mới.

Hồ Chí Minh đã từng trả lời một nhà báo sau Cách mạng Tháng Tám 1945: "Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh, phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh vác chức chủ tịch nước, là vì đồng bào uỷ thác thì tôi phải cố gắng làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh quốc dân ra trước mặt trận"[1]. Bao giờ ham muốn tột bậc của Người được thực hiện là "nước ta được độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành", thì nguyện vọng duy nhất của Hồ Chí Minh là trở về với cuộc đời dân dã, với nếp sống bình dị, thanh cao của một kẻ sĩ, một công dân. Thiên nhiên thanh tú và cộng đồng dân tộc đã hằn sâu trong phong cách và nếp sống ấy. Người không chịu nhận về mình bất cứ một danh lợi nào, cả huân chương *Sao vàng* mà Quốc hội và Nhà nước ta trao cho người.

Kiểu nhân văn ấy, như một học giả phương Tây đã nhận xét: "Cái làm nên sự vĩ đại của Hồ Chí Minh, có lẽ là cái bình thường nhất của cụ. Bất chấp những dáng nét có tính cách huyền thoại và đôi khi kỳ lạ của một cuộc đời toàn tâm toàn ý hiến dâng cho cách mạng, cho những người mà Cụ xem là bình đẳng chứ không phải là thần dân của mình"[2]. Sau này, khi chuẩn bị từ giã cuộc đời, Hồ Chí Minh tha thiết xây dựng một Tổ quốc Việt Nam giàu mạnh, to lớn và đàng hoàng hơn xưa nhiều lần, nhưng phong cách, đức độ và đời sống giản dị thì vẫn trọn vẹn với Người cho đến khi nhắm mắt. Với đạo đức, ý chí và tài năng trên nhiều lĩnh vực của Hồ Chí Minh, chúng ta có thể ví Người như bậc trượng phu, người quân tử, nhà hiền triết hiện đại và vĩ đại, nhà thơ và nhà văn hoá lỗi lạc, uyên thâm.

Ngoài tư tưởng chiến lược và thiên tài giải phóng dân tộc, đóng góp lớn nhất của Hồ Chí Minh đối với dân tộc và nhân loại, là đạo đức của Người đã trở thành một chủ nghĩa nhân văn kiểu mới, mẫu mực và trong sáng. Khi chúng ta khẳng định tư tưởng - đạo đức Hồ Chí Minh cũng có nghĩa là gắn bó máu thịt với nó, với phương pháp nhận thức và biện pháp

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.381.
2. Paul Mus: *Ho Chi Minh - Vietnam - Asie*; Ed Seuil, Paris, 1971.

thiết thực về mục tiêu công bằng, dân chủ và đạo lý làm người, do Người luôn luôn tự biểu hiện. Chủ nghĩa xã hội là ước mơ của loài người tiến bộ, là định hướng phấn đấu của chúng ta, nó chỉ có thể mang lại hiệu quả khi nào xuất phát từ thực tiễn dân tộc và gắn liền với những bước đi của thời đại, thật sự phục vụ con người, phục vụ nhân dân.

Nhà văn hoá lớn Columbia - G. Market - người được giải thưởng Nobel, đã phát biểu: "Bản thân cách mạng cũng là một sự nghiệp văn hoá, nó biểu hiện trọn vẹn một thiên hướng và khả năng sáng tạo..."[1], thì người anh hùng giải phóng dân tộc Hồ Chí Minh gắn liền với nhà văn hoá lớn là theo ý nghĩa đó. Nhà văn hoá lớn nào cũng mang trong trí tuệ, tâm hồn một định hướng nhân văn. Ở Hồ Chí Minh, định hướng ấy đã được xây dựng trên cơ sở sự phát triển con người, tức sức mạnh của văn hoá. Đã đến lúc không thể nhận thức giản đơn về hạ tầng cơ sở quyết định thượng tầng kiến trúc và thượng tầng kiến trúc tác động đến hạ tầng cơ sở. Mọi quan hệ tương tác giữa kinh tế, khoa học kỹ thuật với văn hoá phải được chuyển hoá hài hoà, trong đó nhân tố con người là hạt nhân, là trung tâm của phát triển, với tất cả hệ chuẩn giá trị nhân văn. Đi sâu vào những mặt cơ bản trong di sản văn hoá Hồ Chí Minh và vận dụng linh hoạt theo yêu cầu của giai đoạn cách mạng hiện nay, là những việc làm thiết thực nhằm phát huy tư tưởng - đạo đức của Người.

1. Báo *Gramma*, La Habana, 8-12-1989.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH BÀN VỀ TÍNH CHÂN THẬT CỦA NGHỆ THUẬT*

GS. HÀ MINH ĐỨC

Trong những luận điểm cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật, Người đặc biệt quan tâm đến tính chân thật của nghệ thuật. Ngay từ những tác phẩm chính luận và truyện ký của Người được viết ra trong những năm hai mươi đầu thế kỷ, mối quan hệ giữa sự thật của đời sống và sáng tạo nghệ thuật đã được lý giải thoả đáng qua thực tiễn sáng tác. Sự thật về tình cảnh đau khổ và đáng phẫn nộ của nhân dân Đông Dương và các xứ sở thuộc địa Pháp là đối tượng miêu tả trực tiếp của văn chính luận và truyện ký của tác giả Nguyễn Ái Quốc. Phải nói lên một cách xác thực những tội ác của chế độ thực dân Pháp. Cần dùng nhiều hình thức, miêu tả linh hoạt từ ước đoán, giả định đến hư cấu tưởng tượng trong nghệ thuật, để chỉ ra bản chất của xã hội cũ. Từ sau Cách mạng Tháng Tám Hồ Chủ tịch luôn luôn nhấn mạnh trách nhiệm của văn nghệ phải miêu tả chân thật cuộc sống mới. Những tấm gương về các nhân vật anh hùng, về con người mới sẽ có tác dụng giáo dục cổ vũ mọi người hôm nay và mai sau.

Tính chân thật trong nghệ thuật được xác định trước tiên từ cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa văn nghệ và xã hội. Là một hình thái ý thức xã hội, văn nghệ phản ánh khá trực tiếp những quan hệ xã hội. Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ "*Xã hội thế nào văn nghệ thế ấy*". Văn nghệ nhạy cảm với những đổi thay và biến động xã hội. Văn nghệ chịu sự chi phối của những quy luật xã hội và cũng góp phần cải tạo những quan hệ xã hội. Chế độ thực dân phong kiến trước kia đã cản trở sự phát triển của văn nghệ dân tộc và đàn áp những khuynh hướng văn

---

* Trích trong cuốn: *Thời gian và trang sách* - Phê bình và tiểu luận của GS. Hà Minh Đức. Nxb. Văn học, H. 1985.

nghệ tiến bộ *"nhân dân ta bị nô lệ thì văn nghệ cũng bị nô lệ, bị tồi tàn không thể phát triển được"*. Cách mạng Tháng Tám đã mở ra một thời kỳ mới trong văn nghệ. Rồi công cuộc trường kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước thắng lợi đã đưa dân tộc ta lên hàng những dân tộc tiên tiến nhất của thời đại. Thời đại anh hùng đòi hỏi mọi nền nghệ thuật anh hùng. Nghệ thuật phải mang tầm vóc của thời đại, xứng đáng với nhân dân với đất nước. Tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ ba Người chỉ rõ:

"Quần chúng đang chờ đợi những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại vẻ vang của chúng ta".

Bản chất và tầm vóc của dân tộc trong thời kỳ lịch sử hiện đại là thực tại lớn làm nền tảng cho mọi sự sáng tạo nghệ thuật và đó cũng chính là những chuẩn mực để đánh giá phần đóng góp của các tác phẩm văn nghệ.

Thời kỳ hiện đại là thời kỳ lịch sử vẻ vang nhất trong lịch sử phát triển của dân tộc. Văn nghệ như được chắp cánh và tiếp thêm sức sống mới. Những kỳ tích của nhân dân ta trong sự nghiệp chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội là nguồn đề tài vô tận cho văn học. Tính chân thật của văn nghệ trước tiên thể hiện ở sự gắn bó chặt chẽ với đời sống và ở khả năng tái hiện chân thực và sinh động hiện thực lớn của dân tộc trong chiến đấu và sản xuất. Hồ Chủ tịch đã nhiều lần căn dặn văn nghệ sĩ nguyên tắc quan trọng đó. Xem triển lãm văn hoá trong năm đầu cách mạng, Người nhận xét: "Những bức tranh này tỏ ra các nghệ sĩ của ta lâu nay đều đã cố gắng tìm một con đường đi. Nhưng tiếc một điều là không muốn đi ở dưới đất mà cứ muốn vụt lên trời: chất mơ mộng nhiều quá, mà cái chất thật của sự sinh hoạt rất ít... Thật là một thế giới tiên! Nhưng tôi nhớ mường tượng như Lỗ Tấn, nhà văn hào cách mạng Trung Hoa đã nói ở đâu một câu đại ý như thế này: Người trần lên tiên có lẽ cũng thích thật. Nhưng nhìn thấy mãi cái đẹp không thay đổi cũng thấy chán nản, nhạt nhẽo và mới biết rằng: muốn tìm thấy sự thay đổi, sự ham mê thật, phải trở về với cuộc sống sinh hoạt thực tại của con người"[1].

Những nhận xét sâu sắc trên đã chỉ ra rằng nguồn đề tài vô tận cũng như chất liệu nghệ thuật phong phú nhất, tạo được sức hấp dẫn bền bỉ

1. *Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận*, Nxb. Văn học, H., 1980, tr.344, 346.

nhất chính là cuộc đời thật. Những cái gọi là thế giới thần tiên, thơ mộng với vẻ lôi cuốn bên ngoài nhưng chỉ là những ước mong và mơ mộng rất có giới hạn của con người trong một thời điểm nào đó, đặc biệt đây lại là những tưởng tượng chủ quan, lãng mạn rơi rớt của nghệ thuật tư sản. Cần phải nhanh chóng khắc phục những hạn chế đó.

Bước vào những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, Người căn dặn "Cuộc kháng chiến vĩ đại của ta là một kho nguyên liệu vô tận cho những tác phẩm xuất bản mà đồng bào ta đang chờ đợi. Tương lai rực rỡ của Tổ quốc là cái nền tảng không bờ bến cho sự phát triển tài năng của mọi người"[1].

Lúc này đang ở vào thời điểm chuyển biến tư tưởng của nhiều nhà văn khi đi theo cách mạng và kháng chiến. Các nhà văn đã nhấn mạnh quyết tâm "nhận đường", nhưng cũng không khỏi còn có người bỡ ngỡ trong nhiệm vụ lớn của cuộc đấu tranh dân tộc. Theo lời căn dặn của Người nhiều nhà văn đã đến những mũi nhọn của cuộc chiến đấu, Nguyễn Đình Thi với *Xung kích,* Nguyễn Huy Tưởng với *Ký sự Cao Lạng,* Tô Hoài với *Truyện Tây Bắc,* Nguyên Ngọc với *Đất nước đứng lên*... các tác giả đã có được mùa gặt đầu tiên tốt đẹp trong sáng tác... Hồ Chủ tịch luôn nhắc nhở anh chị em văn nghệ sĩ phải đặc biệt quan tâm đến những đề tài lớn của cuộc đấu tranh dân tộc. Thoát ly những đề tài lớn của hiện thực cách mạng người nghệ sĩ sẽ tự thu hẹp nội dung và làm nghèo nàn giá trị nhận thức xã hội của tác phẩm. Bước vào thời kỳ xây dựng hoà bình chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất đất nước. Người lại nhấn mạnh:

"Trong phong trào thi đua yêu nước của đồng bào miền Bắc và cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam, có những người và việc vô cùng anh dũng, oanh liệt. Đó là những đề tài cực kỳ phong phú để cổ vũ đồng bào ta và để giáo dục con cháu ta".

Từ việc ngợi ca và khẳng định tính chất lớn lao của đối tượng miêu tả, Người đòi hỏi văn nghệ phải miêu tả chân thật, hấp dẫn, hào hùng hiện thực cách mạng đó trong tác phẩm. Phương châm *"Miêu tả cho hay, cho chân thật và cho hùng hồn"* cuộc sống mới và con người mới, là sự thâu tóm một số nguyên tắc cơ bản của phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa hiện thực phê phán không thể tạo được những bức

1. *Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận*, Nxb. Văn học 1980, tr.344, 346.

tranh chân thật và hùng hồn về cuộc sống mới mà dừng lại ở sự miêu tả một số mặt bản chất của hiện thực với tinh thần phân tích, phê phán và thường không có khả năng giải quyết được vấn đề theo chiều hướng tích cực. Cái hay và chân thật của tác phẩm phải gắn bó với nhau. Cái hay không thể tạo nên bằng sự bịa đặt, phóng đại chủ quan mà phải gắn với cuộc sống, khai thác từ những sự việc và con người trong cuộc sống một cách chân thật. Hiện thực cách mạng mang nhiều tính chất lạc quan, hùng tráng. Âm điệu hùng hồn của tác phẩm là sự thể hiện chân thật và khách quan âm điệu của đời sống cách mạng. Đó chính là dũng khí, là sức mạnh của quần chúng cách mạng. Đó chính là những tư tưởng và tình cảm nồng nhiệt của thời đại như Gorki đã nói "Thời đại đòi hỏi những lời văn nồng nhiệt, có tính chiến đấu, có thể thiêu sạch lớp han gỉ trưởng giả trong tâm hồn chúng ta"[1].

Yêu cầu miêu tả chân thật cuộc sống cũng hàm ý nghĩa miêu tả một cách toàn diện, đầy đủ những mặt tiêu biểu của đời sống hiện thực. Bên cạnh những "người và việc vô cùng anh dũng, oanh liệt" cần miêu tả chân thật cuộc sống lao động, tình cảm của những người lao động bình thường, lực lượng chủ yếu đang bền bỉ sáng tạo ra những giá trị cho đời sống xã hội. Thăm triển lãm mỹ thuật 1962, Hồ Chủ tịch phát biểu: "Các tranh tượng đã nói lên được tình người, tả chân thật những người lao động bình thường. Anh chị em đã cố gắng đi vào đời sống. Thế là tốt".

Ý kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến tình người và sự miêu tả chân thật người lao động bình thường là nhấn mạnh đến bề sâu của cuộc sống. Tình người ở đây là những quan hệ tình cảm cách mạng đằm thắm, thân ái trong cuộc đời mới. Tình người biểu hiện ở sự trân trọng yêu thương của tác giả đối với những người và việc mà mình miêu tả và đặc biệt quan trọng là quan hệ thân ái giữa người với người trong cuộc sống mới. Tình người trong tác phẩm chính là sức mạnh tinh thần tạo nên những giao cảm với người đọc. Yêu cầu miêu tả chân thực sâu sắc quan hệ xã hội mới đòi hỏi phải thể hiện được tình người. Đó là chủ nghĩa nhân đạo cộng sản, một phẩm chất tư tưởng quan trọng, một năng lượng tinh thần đặc biệt của những tác phẩm văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa. Sự quan tâm miêu tả thành công những người lao động bình thường trong nghệ thuật là một phương hướng sáng tạo tích cực của nền

1. *Gorki bàn về văn học*. Nxb. Văn học, Hà Nội, 1965, tập II, tr.151.

văn học mới. Quần chúng lao động trong cuộc đời cũ kéo dài cảnh sống lầm than cơ cực. Hình bóng của họ trong văn học thường được khai thác ở khía cạnh là những nạn nhân đau khổ, mà chưa được chú ý đến sức mạnh đề kháng bền bỉ với chế độ thống trị và môi trường sống vô cùng khó khăn. Trong cuộc đời mới họ là chủ nhân thật sự của xã hội, xiềng xích nô lệ bị phá bỏ, sức sáng tạo được mở rộng và nâng cao. Họ cần có vị trí xứng đáng trong văn nghệ. Miêu tả chân thật những người lao động bình thường, là trực tiếp đụng chạm đến cái nền móng vững chắc và rộng lớn nhất của xã hội. Tiềm lực, sức mạnh và chiều hướng tư tưởng tích cực của họ là thước đo chính xác nhất khuynh hướng phát triển tất yếu của xã hội. Ý kiến của Hồ Chủ tịch nhắc nhở người nghệ sĩ phải biết tìm hiểu, khám phá vào bề sâu của xã hội, vào những mặt ổn định, bền vững của sự sống hàng ngày.

Xác định rất rõ tính chân thật của văn nghệ trong từng thời điểm lịch sử của phong trào cách mạng, nhấn mạnh xu thế phát triển tất yếu của đời sống và của nghệ thuật, quan niệm về tính chân thật trong nghệ thuật của Hồ Chủ tịch mang tính lịch sử cụ thể và theo quy luật vận động và phát triển cách mạng.

Bản chất của những quan niệm trên thuộc về phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Tính chân thật của nghệ thuật cũng được Hồ Chủ tịch nhấn mạnh về phía chủ quan của văn nghệ sĩ. Mỗi tác phẩm văn nghệ bao giờ cũng là sự hợp thành thống nhất giữa hai phạm vi khách quan và chủ quan. Không thể có sự chân thật trong nghệ thuật nếu chủ quan của người nghệ sĩ có những nhận thức, tình cảm không phù hợp với quy luật của cuộc sống khách quan. Phải làm sao tạo được sự thống nhất sâu xa giữa lý tưởng của người nghệ sĩ, phương thức tư duy, nhịp tình cảm tự nhiên của họ với hiện thực khách quan để thực sự tạo được sự thống nhất giữa lý tưởng và hiện thực trong tác phẩm. Quá trình sáng tác nghệ thuật là quá trình nỗ lực mà người nghệ sĩ đã tiếp cận với chân lý của đời sống và có khả năng miêu tả được chân thực nhất những mặt bản chất của hiện thực. Quá trình ấy cũng biểu hiện sự nỗ lực của người nghệ sĩ trở về với chính mình với sự thuần nhất trong sáng và chân thành trong tình cảm trước hiện thực cách mạng của dân tộc. Trả lời nhà báo Liên Xô Bécsatxki về tình hình văn học Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận xét:

"Văn học của chúng tôi, nghệ thuật của chúng tôi cũng luôn luôn tìm tòi những con đường để làm sao có thể kể một cách chân thực hơn và chân thành hơn cho nhân dân nghe về những mối lo âu và những suy nghĩ của nhân dân"[1].

Tính chân thực của tác phẩm nghệ thuật không tách rời khỏi thái độ chân thành của nhà văn trước cuộc đời. Sự chân thành này trong thực chất là nhiệt tình cách mạng, là ý thức trung thành với sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản. Nó biểu thị tiếng nói ở bên trong của tâm hồn và tình cảm người nghệ sĩ với cách mạng và nhân dân. Nhà thơ Tố Hữu có lần gọi đó là chữ tâm "Tâm ấy là lòng trong trắng, chân tình, chung thuỷ" và anh khẳng định tiếp "Tôi cho người làm thơ trước hết phải chân thật với mình, với đồng chí mình, với Đảng mình, với nhân dân mình, với thời đại mình". Lòng chân thành với Đảng, với nhân dân, với cuộc đời chính là sự biểu thị tính Đảng của người nghệ sĩ và đó là điều kiện quyết định để phản ánh được chân thực cuộc sống khách quan. Mối quan hệ giữa tính chân thành của chủ thể sáng tạo và tính chân thực của tác phẩm là hoàn toàn thống nhất. Khi người cầm bút đã chủ quan lấy mình làm trung tâm, không chú ý đến những quy luật và yêu cầu của cuộc sống thì tác phẩm của họ dễ trở nên bịa đặt, xa lạ. Có lần Người đã chỉ rõ nghệ thuật phải gắn với cuộc sống, người vẽ không thể tuỳ ý muốn tưởng tượng ra thế nào cũng được. Tuy nhiên một mặt khác Người cũng hiểu rõ phải thật sự tạo cho văn nghệ sĩ cảm hứng tự do. Những nguyên tắc đúng đắn của người nghệ sĩ khẳng định và vận dụng trong sáng tác phải trở thành tự nguyện với cảm hứng tự do nội tại; cần tránh sự gò bó, rập khuôn nhất là đối với anh em trẻ; phải tạo cho họ những điều kiện thuận lợi để phát triển tình cảm hồn nhiên chân thật với cuộc sống. Hồ Chủ tịch căn dặn "Phải chú ý làm cho họ giữ tình cảm chân thật chớ gò bó họ vào khuôn làm mất vẻ sáng tạo".

Một yếu tố thứ ba để nghiên cứu, xác định tính chân thật của nghệ thuật thuộc về công chúng nghệ thuật. Nhiều lần Hồ Chủ tịch căn dặn văn nghệ sĩ phải hiểu rõ đối tượng phục vụ của mình. Quần chúng cách mạng những người đang trực tiếp sáng tạo ra những giá trị vật chất và tinh thần của thời đại là những người có sự mẫn cảm với nghệ thuật. Sự hiểu biết và lòng yêu thích của họ với các tác phẩm nghệ thuật là một

1. *Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1980, tr.515.

thước đo quan trọng tính chân thật của một tác phẩm nghệ thuật. Qua những tác phẩm nghệ thuật tiêu biểu, quần chúng ít nhiều phải thấy được hình bóng, tâm tư tình cảm của mình trong đó. Theo Hồ Chủ tịch thì *Truyện Kiều* của Nguyễn Du được yêu thích vì "Nguyễn Du đã trải qua cảnh ngộ mà viết. Lời ăn tiếng nói của nhân vật đều sát với hoàn cảnh của nhân vật ấy... Chính vì không ai đọc là không thấy tình cảm của mình ít nhiều trong đó, do đó *Truyện Kiều* hấp dẫn người đọc"[1].

Quần chúng yêu thích những tác phẩm có giá trị, miêu tả một cách sâu sắc cuộc sống gần gũi quen thuộc của mọi người, đặt ra những vấn đề thiết thực của đời sống để góp phần giải quyết. Cũng vì thế nên những tác phẩm đi xa khỏi quỹ đạo đó chắc chắn không thu hút được sự quan tâm của người đọc. Vấn đề tiếp nhận nghệ thuật có nhiều nguyên tắc và nguyên tắc trước tiên và quan trọng nhất là phải có sự giao cảm thật sự giữa người đọc và tác phẩm. Nếu ở phía người đọc không tiếp nhận được một thông tin nào từ phía tác phẩm theo quy luật của sự tiếp nhận phổ biến trong đời sống và nghệ thuật thì sự tồn tại và giá trị của tác phẩm là đáng ngờ vực. Những tác phẩm của chủ nghĩa hiện đại rơi vào trường hợp này. Chính Lênin trong một lần trò chuyện với Clara Zétkin đã nói lên thẳng thắn điều đó. Người phản đối khuynh hướng tôn sùng những sản phẩm kỳ quái, những cái "mới" trong nghệ thuật đang ngự trị ở phương Tây. "Về phần tôi, tôi có can đảm tự nhận mình là "dã man". Tôi không làm sao có thể xem các tác phẩm của phái biểu hiện chủ nghĩa, của phái vị lai chủ nghĩa, của phái lập thể chủ nghĩa và của nhiều thứ chủ nghĩa khác nữa, là biểu hiện cao nhất của tài năng nghệ thuật được. Tôi không hiểu được những tác phẩm đó, các tác phẩm đó không làm tôi thích thú một chút nào cả". Trong một lần xem triển lãm hội hoạ, Hồ Chủ tịch hỏi một số hoạ sĩ trong triển lãm này có bức ảnh nào thuộc loại lập thể (Cubisme) hay vị lai (Futirisme) không? Chúng tôi đáp "Thưa Bác không ạ". Bác nói tiếp: Các tranh ảnh thuộc trường phái kể trên rất khó hiểu và ngay đến các nhà chuyên môn có khi cũng không hiểu nổi"[2].

Câu nói nhẹ nhàng mà sâu sắc trên đã phủ định từ gốc sự tồn tại của các khuynh hướng nghệ thuật của chủ nghĩa hiện đại. Nó không tạo được giá trị nhận thức và sự giao cảm theo những chuẩn mực chung của xã

1. *Bác Hồ ở Việt Bắc*, Nxb. Việt Bắc, 1975, tr.11.
2. *Bác Hồ với văn nghệ sĩ*, Nxb. Tác phẩm mới. Hà Nội, 1980, tr.197, 195.

hội. Không phải là cá nhân người này hay người khác không hiểu được tác phẩm đó, không phải là công chúng văn học đông đảo không hiểu được các tác phẩm đó mà chính những người sản sinh ra nó, giới chuyên môn luận bàn về nó cũng không hiểu hết ý nghĩa của nó. Nói đến tính chân thật của nghệ thuật, Người cũng lưu ý đến khả năng và đặc điểm của sự phản ánh hiện thực theo từng thể loại văn học và loại hình nghệ thuật. Trước hết là với hai hình thức bao quát: miêu tả xác thực con người và sự việc có thật trong cuộc sống và hư cấu nghệ thuật. Không thể lẫn lộn giữa hai hình thức này. Không thể xem nhẹ hoặc xoá nhoà ranh giới giữa ký và tiểu thuyết trong văn học, phim thời sự và phim truyện trong điện ảnh; Loại hình nghệ thuật mà đặc trưng gắn với sự tôn trọng tính xác thực của đối tượng miêu tả là người thật việc thật chắc chắn là không thể đồng nhất với loại hình nghệ thuật xem trọng việc tưởng tượng hư cấu. Trong một lần xem triển lãm nhiếp ảnh Người có một số nhận xét:

"Khi xem bức kết quả khai hoang Bác khen nội dung tốt nhưng bố trí nhiều quá, mất tự nhiên, kém sinh động làm cho người xem có thể ngờ vực về các sự việc ghi trong ảnh. Xem bức *Nữ dân quân,* người trong ảnh trông rất đẹp, Bác hỏi vui: Đây là dân quân thật hay đóng giả"[1].

Đến bức ảnh Phong cảnh Sapa trên có đề mấy câu thơ chữ Hán. Bác hỏi:

- Đây là ảnh hay tranh?

Chúng tôi trả lời:

- Thưa Bác đây là ảnh ạ.

- Là ảnh, Bác nói tiếp - sao lại bắt chước tranh"[2]. Những nhận xét trên chỉ ra rằng điều quan trọng đặc biệt của tác phẩm nhiếp ảnh là phải xác thực, không được làm cho người đọc nghi ngờ về sự việc và con người được phản ánh trong tác phẩm là giả, là bố trí sắp xếp. Sẽ mất ý nghĩa đi rất nhiều nếu bức ảnh *Nữ dân quân* là do một nữ diễn viên quen biết đóng. Bác cũng lưu ý phân biệt đặc trưng của hai loại ảnh và tranh. Bức ảnh đòi hỏi xác thực, không cần đến những tô điểm thi vị hoá. Ảnh về cảnh núi non lại đề thơ chữ Hán dễ gây ấn tượng cho người xem là loại tranh sơn thuỷ của Tàu. Câu nói của Bác "Là ảnh sao lại bắt chước tranh",

1. *Bác Hồ với văn nghệ sĩ*, Nxb. Tác phẩm mới. Hà Nội, 1980, tr.197, 195, 196.
2. *Bác Hồ với văn nghệ sĩ*, Nxb. Tác phẩm mới. Hà Nội, 1980, tr.197, 195, 196.

càng chỉ rõ là phải biết chú trọng đặc trưng phản ánh và tính chân thật của từng loại hình nghệ thuật. Cái gốc của các loại hình nghệ thuật vẫn là nội dung chân thực của đời sống. Theo hồi ký của nghệ sĩ Đinh Đăng Định thì lời căn dặn của Bác về nhiệm vụ phản ánh chân thực cuộc sống và đi sâu vào đời sống của quần chúng nhân dân đã soi sáng suốt cuộc đời công tác của anh. Bác nói "nhiếp ảnh cũng như các loại hình nghệ thuật khác phải phản ánh chân thực cuộc sống của quân và dân ta. Muốn làm được điều đó phải đi vào đời sống của các tầng lớp nhân dân đang quyết tâm kháng chiến cứu nước".

Trong cuộc đời hoạt động của Bác, có những lúc Bác đã tham gia vào nhiều hoạt động nghệ thuật, Người đã từng làm thợ ảnh, làm báo, vẽ, đóng kịch, làm thơ... Người hiểu rõ những mặt mạnh và hạn chế của từng loại hình nghệ thuật trong việc phản ánh cuộc sống. Cũng vì thế mà Người luôn quan tâm đến việc khắc phục những chỗ yếu của từng loại hình nghệ thuật và thể loại văn học khi đi vào miêu tả cuộc sống. Người hiểu rõ tính chất thi vị và giàu mộng tưởng của thi ca và đặc tính ấy lại bị những nhà thơ trong quá khứ khai thác một cách thiên lệch nên chức năng nhận thức và cải tạo xã hội của thơ bị xem nhẹ. Một số ý kiến của Bác về thơ hướng vào việc uốn nắn những hạn chế trên. Trước kia, Người đã từng khẳng định thơ ca không thể chỉ hướng vào việc ca ngợi thiên nhiên thơ mộng mà phải mang chất thép, phải có nội dung đấu tranh xã hội. Sau cách mạng có lần Bác lại nhận xét. Thơ hay nhất phải là thơ thiết thực[1].

Nhấn mạnh đến mối liên hệ giữa nghệ thuật và xã hội, Hồ Chủ tịch đặc biệt quan tâm đến hoàn cảnh và đặc điểm riêng của nền nghệ thuật của mỗi dân tộc trực tiếp bị chi phối bởi những điều kiện xã hội của dân tộc đó. Không thể mô phỏng, bắt chước những đặc tính nghệ thuật của một dân tộc khác biệt nhiều về hoàn cảnh xã hội và thị hiếu thẩm mỹ với dân tộc mình. Trước kia Mác đã từng nói việc du nhập ồ ạt văn học Pháp vào Đức đã không tạo được hiệu quả tốt vì điều kiện sinh hoạt của Đức có nhiều đặc điểm khác biệt. "Đối với những điều kiện sinh hoạt ở Đức văn học Pháp ấy đã mất hết ý nghĩa thực tiễn trực tiếp và chỉ còn mang một tính chất thuần tuý văn chương mà thôi".

---

1. Trích theo *Sóng Hồng - thơ*. Nxb. Văn học, tr.180.

Văn học Việt Nam qua nhiều thời kỳ lịch sử đã phát huy bản sắc dân tộc của mình. Một mặt chúng ta cũng tiếp thu những ảnh hưởng của nhiều nền văn học trong đó có văn học Ấn Độ, Trung Quốc. Riêng với văn học Trung Quốc, một nền văn học phong phú có những đặc điểm riêng biệt với những ưu điểm và hạn chế. Hồ Chủ tịch căn dặn rằng cần phải nghiên cứu toàn diện những giá trị và đặc tính khác nhau của nền văn nghệ Trung Quốc và không nên chỉ thấy và khai thác từng mặt phiến diện, và quan trọng nhất là không nên bắt chước, mô phỏng một cách lệ thuộc văn nghệ nước ngoài. "Phải tránh nguy cơ trở thành những kẻ bắt chước. Không thể lấy từ nghệ thuật của dân tộc khác chỉ riêng mặt nào đó - chẳng hạn tính ước lệ nổi tiếng của văn nghệ Trung Quốc, cái đó sẽ chẳng hay ho gì. Văn hoá của các dân tộc khác cần phải nghiên cứu toàn diện, chỉ có trong trường hợp đó mới có thể tiếp thu được nhiều hơn cho văn hoá của chính mình"[1].

Tính ước lệ là một trong những đặc tính quan trọng của văn nghệ Trung Quốc. Ước lệ là thuộc tính của nghệ thuật. Ước lệ là một hình thức biểu hiện gián tiếp cuộc sống thông qua những quy ước tượng trưng giữa người viết và công chúng văn học. Ước lệ do đó mang theo dấu ấn chủ quan của nhà nước, thị hiếu của người đọc, đặc tính của dân tộc và thời đại. Có những ước lệ trong nghệ thuật của dân tộc này lại không phù hợp với dân tộc khác. Nhiều biểu tượng và mô típ ước lệ của văn nghệ Trung Quốc đã chi phối đến những sáng tác của văn chương thành văn của ta trong nhiều thời kỳ và tạo nên những hạn chế. Nhận xét về thơ ca trên văn đàn công khai mấy chục năm đầu thế kỷ, Tố Hữu đã chỉ rõ tình trạng vay mượn một cách lệ thuộc những hình tượng, ngôn từ, ước lệ của thơ ca Trung Quốc: "Từ lâu rồi ở nước chúng tôi, nhìn một cách nào đó thì thơ không tồn tại nữa, chỉ có những châm ngôn, những chữ có sẵn, những hình tượng có sẵn, mượn ở Hán văn; không có tuyết ở nước chúng tôi mà nơi đây người ta cứ nói đến tuyết. Và cũng có những con hạc nữa, hay là những con chim tương tự, một loại hạc gì đó nó sống đâu ở phương Bắc, ở Trung Quốc ở châu Âu. Thế mà bên chúng tôi người ta cứ nói đến mặc dầu chẳng có lấy một con nào. Đó là những hình ảnh có sẵn nó tương đương với tâm tình của một hạng nhà nho nào đó hơn là với thực tế của văn sĩ"[2].

---

1. *Bác Hồ với văn nghệ sĩ*. Nxb. Tác phẩm mới, Hà Nội, 1985.
2. *Xây dựng một nền văn nghệ*... Nxb. Văn học, Hà Nội, 1973.

Nhận xét trên đã chứng minh cho một thực tế là sự vay mượn những hình thức biểu hiện, những ước lệ, điển cố của văn học nước ngoài sẽ hạn chế rất nhiều đến khả năng hiểu biết và phản ánh hiện thực của đất nước.

Trong cuộc đời hoạt động của mình Chủ tịch Hồ Chí Minh có điều kiện để đọc và tiếp xúc với nhiều nền nghệ thuật châu Âu, châu Á. Quan điểm của Người đề cao tính chân thật và độc đáo của nghệ thuật dân tộc được xác định trên cơ sở am hiểu sâu sắc nhiều nền nghệ thuật trên thế giới. Nhắc lại một kỷ niệm được gặp gỡ và trò chuyện với Hồ Chủ tịch về nghệ thuật hoạ sĩ Erich Giôn Hanxơn ghi lại: "Người bàn luận về những vấn đề nghệ thuật của châu Âu sau khi đã nghiên cứu đầy đủ chính xác, thận trọng. Người nhấn mạnh rằng mọi dân tộc đều phải chăm lo đặc tính dân tộc mình trong nghệ thuật"[1].

*
* *

Tính chân thật của nghệ thuật là một vấn đề lý luận được Hồ Chủ tịch đặc biệt quan tâm sau luận điểm cơ bản nhất mà Người luôn khẳng định: Văn nghệ là một mặt trận đấu tranh tư tưởng và tác phẩm văn nghệ là vũ khí sắc bén. Hai vấn đề trên luôn gắn bó với nhau. Muốn trở thành vũ khí sắc bén, tác phẩm văn nghệ phải có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật và phải có "nội dung chân thật và phong phú", có "hình thức trong sáng và vui tươi". Nội dung chân thật và phong phú này của những tác phẩm văn nghệ cách mạng chỉ có thể được tạo thành với quan điểm nghệ thuật tiên tiến nhất, quan điểm tính Đảng trong văn nghệ cách mạng.

1. *Bác Hồ với văn nghệ sĩ*. Nxb. Tác phẩm mới, Hà Nội, 1985.

QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ BÁO CHÍ*

GS. HÀ MINH ĐỨC

Cũng như nhiều vị lãnh tụ của giai cấp vô sản: Các Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin, Hồ Chí Minh bắt đầu cuộc đời hoạt động của mình bằng tiếng nói đấu tranh của báo chí. C.Mác, Ph.Ăngghen ngay từ trong thời kỳ trẻ đã hăng hái tham gia hoạt động báo chí. Những bài báo của Mác - Ăngghen bênh vực quyền lợi của những người lao động, phê phán sự bóc lột tàn nhẫn của bọn tư bản, phê phán chế độ kiểm duyệt báo chí khắt khe đã gây tiếng vang rộng rãi. Ph. Ăngghen trong hoạt động báo chí đã nhấn mạnh tính chiến đấu, tính đảng của báo chí để bảo vệ tư tưởng, lợi ích của Đảng.

"Phải tiến hành tranh luận, thuyết minh, phát triển và bảo vệ những lợi ích của Đảng, bác bỏ và đánh bại các luận điệu huênh hoang của đảng đối địch"[1]. Theo Lênin báo chí thực sự là vũ khí chiến đấu của giai cấp, là cơ quan tuyên truyền, là người tham gia vào việc tổ chức và phát triển xã hội bằng hoạt động ngôn luận của mình. Sử dụng có hiệu quả báo chí để phát triển lực lượng cách mạng Lênin đã có những ý kiến sâu sắc: "Tác dụng của báo chí không những chỉ hạn chế ở chỗ truyền bá tư tưởng giáo dục chính trị, và thu hút những người đồng tình về chính trị, báo chí không những chỉ là người tuyên truyền tập thể và người cổ động tập thể mà còn là người tổ chức tập thể"[2]. Hồ Chí Minh ngay từ những năm hai mươi đầu thế kỷ đã thấy rõ tầm quan trọng của báo chí cách mạng và trong suốt cuộc đời của Người, Người đã dành một phần quan trọng của thời gian, dành tâm huyết cho hoạt động báo chí vì hoạt động báo chí

---

* Trích trong cuốn: *Sự nghiệp báo chí và văn học của Hồ Chí Minh*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2000.

1. C. Mác, Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, tiếng Nga, tập 4, tr.217.
2. V.I.Lênin. *Thư gửi A. M. Goocki. Toàn tập*, Nxb. Sự thật, H., 1974, tập 34, tr.592.

cách mạng chính là hoạt động cách mạng trong chiều sâu nhất của sự phát triển của phong trào. Cùng với việc thành lập tờ báo *Người cùng khổ* để đoàn kết và tổ chức phong trào của các nước thuộc địa chống chủ nghĩa thực dân Pháp, năm 1920 tại Đại hội Tua, Người đã tố cáo: "Chúng tôi không có quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận, ngay cả quyền tự do hội họp và lập hội cũng không có. Chúng tôi không có quyền sống hoặc đi du lịch ở nước ngoài, chúng tôi phải sống trong cảnh ngu dốt tối tăm vì chúng tôi không có quyền tự do học tập...". Tiếng nói ấy càng mạnh mẽ hơn, vang sâu hơn qua nhiều bài viết của Nguyễn Ái Quốc về chế độ báo chí. Luận điểm quan trọng nhất về báo chí mà Người khẳng định suốt trong thời kỳ lịch sử dài dưới chế độ thực dân phong kiến là đấu tranh cho quyền tự do báo chí.

1. Tự do báo chí là quyền lợi tinh thần to lớn của một dân tộc, một đất nước

Báo chí là hoạt động tinh thần quan trọng của một xã hội. Đó chính là diễn đàn để nhân dân biểu hiện ý chí và nguyện vọng của mình, là thước đo về tinh thần dân chủ có được của một xã hội, là gương mặt rõ nét về một trình độ văn hoá và khoa học. Chế độ thực dân Pháp hiểu rõ điều đó nên ra sức đàn áp báo chí. Nguyễn Ái Quốc đã nêu lên tình trạng nghịch lý và kỳ dị đến nỗi khó mà tin được: "Giữa thế kỷ XX này ở một nước có đến 20 triệu dân mà không có lấy một tờ báo. Các bạn có thể tưởng tượng được như thế không? Không có lấy một tờ báo bằng tiếng mẹ đẻ của chúng tôi". Báo chí lúc này do chính quyền Pháp ở Đông Dương độc quyền. Báo tiếng Việt phải do Toàn quyền cho phép và bản thảo phải trình duyệt lên Toàn quyền trước khi in. Báo chí trong bản chất của nó là gắn bó và đấu tranh cho những khuynh hướng chính trị. Chính quyền Pháp ở Đông Dương đã cấm ngặt những tờ báo đả động đến chuyện chính trị hoặc có liên quan đến chính trị: "Trước khi đưa đi nhà in, tất cả các bài báo phải dịch ra tiếng Pháp và đưa kiểm duyệt đã. Cấm ngặt những tờ thông tin ấy không được đả động gì đến những vấn đề chính trị hay tôn giáo mà chỉ được đăng những tin tức thông thường, những vấn đề xét ra có lợi cho nhà nước". Một tờ báo mà không đề cập đến vấn đề chính trị và những chuyện thiết thân đến cuộc sống của người dân thì dần tự thủ tiêu chức năng của mình. Xu hướng chính trị là linh hồn của tờ báo. Nói như Lênin: "Một tờ tạp chí mà không có xu hướng là một điều lố lăng phi lý, chướng tai gai mắt và có hại".

Chính quyền thực dân Pháp đã áp dụng chế độ kiểm duyệt gay gắt. Không phải chỉ là vấn đề chính trị mà cả những chuyện kinh tế, chuyện sinh hoạt hằng ngày cũng bị theo dõi và kiểm duyệt gắt gao. Bọn thực dân Pháp chính là những con sói già ranh mãnh, chúng hiểu rằng đằng sau một vấn đề kinh tế bao giờ cũng tiềm ẩn một quan điểm chính trị, một cách bình luận và khai thác có ý nghĩa chính trị.

"Các bạn chớ tưởng rằng mấy tờ báo thông tin khốn khổ ấy được tự do phân tích những cái thuộc về kinh tế. Chẳng hạn họ không được nói đến đời sống đắt đỏ, đến việc mất mùa, đến việc buôn gian bán lận của bọn con buôn người Âu, đến việc xoay sở tiền nong bất lương của bọn quan cai trị, đến những vụ đầu cơ đê tiện của bọn chủ đồn điền và chủ nhà máy người da trắng".

Tác giả Nguyễn Ái Quốc phê phán tình trạng mất tự do của báo chí dưới chế độ thực dân Pháp nhưng đồng thời cũng nêu lên những ý tưởng quan trọng về chức năng của báo chí. Báo chí dưới chế độ cũ phải thực hiện đúng chức năng phê phán, phê phán chế độ chính trị tàn bạo và khuynh hướng nô dịch hoá của bọn thực dân, phê phán trên bình diện rộng lớn nhiều vấn đề kinh tế và từ đấy vạch trần những hành vi chính trị của giai cấp thống trị, bọn quan lại da trắng và những kẻ đồng mưu.

Và tình trạng đàn áp báo chí, đàn áp các nhà báo đã bộc lộ tính chất phát xít của chế độ thực dân phong kiến: "Ông Phan Văn Trường một nhà báo Việt Nam đã bị hai năm tù vì ông đã có tội đăng lại một bài báo của *Nhân đạo* bàn về sự *Đoàn kết huynh đệ với Cách mạng Trung Hoa*... Hai anh em ông Vương Gia Bột và Vương Gia Ngãi ở Trung Kỳ đã bị kết án một người ba năm tù, một người hai năm chỉ vì có tội là bày vào tủ hàng sách của các ông quyển *Tiểu sử Tưởng Giới Thạch*[1]. Một học sinh 17 tuổi bị giam cho đến tuổi thành niên vì đã làm bài thơ *Chiêu hồn nước*"[2]. Tác giả Nguyễn Ái Quốc trong bài nói về *chế độ báo chí* cũng kể rõ tình trạng đàn áp báo chí ở Đông Dương. Tờ *Người cùng khổ* bị chính phủ Pháp "có lệnh cấm không cho tờ báo đó vào các thuộc địa. Ở các thuộc địa nhất là ở Đông Dương ai đọc *Người cùng khổ* đều bị bắt". Và còn nữa...

1. Cuốn sách được viết khi Tưởng Giới Thạch còn ở trong đội quân cách mạng do Tôn Trung Sơn lãnh đạo.
2. Trường hợp Phạm Tất Đắc.

"Người ta cấm ngặt không cho đọc báo Nhật Bản và Trung Quốc. Giữ một tờ tạp chí, một quyển sách Trung Quốc nào đó có thể là một trọng tội đối với người Việt Nam. Tôi biết nhiều nhà văn thân bị kết án khổ sai chung thân vì đã đọc tạp chí *Trung Quốc hồn, Ẩm băng* và những bài cùng loại ấy của nhà duy tân Trung Quốc. Năm 1920 có nhiều người Việt Nam ở Bắc Kỳ bị kết án từ hai đến năm năm tù, chỉ vì một người đã làm thơ ca tụng tự do và các người khác đã nghe ngâm bài thơ".

Như thế cũng là đủ để nói lên bản chất chế độ thực dân phong kiến. Chúng sợ hãi những hoạt động tinh thần lành mạnh từ những khát vọng tự do của quần chúng đến ý thức phê phán mạnh mẽ những xấu xa của xã hội bất công, mà báo chí tiến bộ là tiếng nói đại diện tiêu biểu. Thực tế trên làm chúng ta nhớ tới ý của Mác trong bức thư gửi Ácnôn Rugơ ngày 25-1-1843: "Những số báo đã hoàn thành của chúng tôi phải được trình lên cảnh sát, tại đó người ta ngửi chúng tôi từ phía và chỉ cần cái mũi của cảnh sát đánh hơi thấy một điều gì đó không mang tính chất Cơ đốc giáo, không mang tính chất Phổ thì số báo ấy sẽ không được ấn hành"[1].

2. Nhiệm vụ của báo chí là phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng

Báo chí xuất hiện và phát triển do yêu cầu thông tin chính trị, kinh tế và giao lưu văn hoá tư tưởng của xã hội. Và ngay từ những tiếng nói đầu tiên đơn giản nhất, báo chí đã mang theo khuynh hướng và người hoạt động trong lĩnh vực này lại càng phải có ý thức về xu hướng chính trị của mình. Với báo chí cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ"[2]. Trong những lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh với những đoàn thể cách mạng Người thường hay dùng hai chữ *chiến sĩ, nhà văn chiến sĩ* ("Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là *chiến sĩ* trên mặt trận ấy"), *nhà nông chiến sĩ* ("Ruộng rẫy là chiến trường, cuốc cày là vũ khí, nhà nông là *chiến sĩ*. Hậu phương thi đua với tiền phương"). Người muốn nhấn mạnh qua hai chữ *chiến sĩ* ý thức tự nguyện và năng động, tinh thần xung phong quả cảm trong mọi công việc. Mỗi người phải là chiến sĩ trên mặt trận đấu tranh của mình, quân sự, chính trị hay là văn học nghệ thuật. Đối với nhà báo phải có dũng khí,

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, tập 27, tr.606.
2. Bài nói chuyện tại Đại hội lần thứ ba của Hội Nhà báo Việt Nam, ngày 8-9-1962.

không để ngòi bút lệ thuộc vào tiền tài, danh vị, quyền lực, không bẻ cong ngòi bút và nhân tố quyết định cho phẩm chất đó là "lập trường chính trị vững chắc", "chính trị phải làm đúng. Đường lối chính trị đúng thì những việc khác mới đúng được. Cho nên các báo chí của ta đều phải có đường lối chính trị đúng".

Đường lối chính trị thể hiện trong nhiều phạm vi khác nhau. Có khi là nhiệm vụ chính trị của một đất nước, một dân tộc, trong một giai đoạn nhất định. Có khi nhiệm vụ chính trị mở rộng ra liên kết được nhiều tiếng nói khác nhau của các dân tộc trước một mục tiêu chung. Ngay từ khi sáng lập tờ báo *Le Paria,* Người đã góp phần thức tỉnh tinh thần chống thực dân ở nhiều nước thuộc địa, khơi nguồn cho làn sóng cách mạng lớn lao của các nước thứ ba chống thực dân đế quốc. Mục tiêu chính trị đúng đắn đã tạo nên sức mạnh tinh thần cho tờ báo, đem lại dũng khí cho các cây bút mà không một thế lực nào của chủ nghĩa thực dân có thể khuất phục được. Gần nửa thế kỷ sau trong bức điện mừng các nhà văn Á - Phi, những người bạn chiến đấu chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, Người vẫn có thể viết: "Đối với những người viết báo chúng ta, cái bút là vũ khí sắc bén, bài báo là tờ hịch cách mạng để đảng viên quần chúng đoàn kết đấu tranh, chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chống chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, vì độc lập dân tộc, tiến bộ xã hội và hoà bình thế giới"[1]. Làm theo chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, báo chí cách mạng Việt Nam suốt trên 6, 7 thập kỷ đấu tranh luôn gắn với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Báo chí đã góp phần vào công cuộc giải phóng đất nước làm nên Cách mạng Tháng Tám và báo chí đã phục vụ sát sao hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của dân tộc; báo chí thực sự khởi sắc và góp phần hiệu quả vào công cuộc đổi mới của dân tộc.

3. Báo chí cách mạng phải mang tính tiên phong, định hướng trong cuộc sống

Báo chí cách mạng là vũ khí đấu tranh trên mặt trận chính trị tư tưởng và tác động sâu xa đến đời sống xã hội. Do đó báo chí cách mạng phải giữ vị trí tiên phong, mở đường, truyền bá những tư tưởng và tri thức tiến bộ. Báo chí Hồ Chí Minh dựa trên chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử nên đã có những phẩm chất đặc biệt, có khả năng tiên

1. Báo *Nhân dân*, ngày 24-4-1965.

đoán và phát hiện nhiều sự kiện quan trọng trong đời sống và góp phần phát triển phong trào đấu tranh cách mạng. Người đến với báo chí trong thời điểm đặc biệt, không phải với sự tiếp tục, tiếp nối một tiếng nói đã có mà chủ yếu với tư cách người sáng lập, người tổ chức. Đó là thời điểm lịch sử cần phải có tiếng nói chủ đạo để tổ chức phong trào hướng dẫn quần chúng. Người thực hiện đúng lời của Lênin với ý thức "báo chí là người tuyên truyền, người cổ động, người tổ chức chung, người lãnh đạo chung". Muốn làm tròn trách nhiệm đó báo chí phải đi tiên phong mở đường, bảo vệ, củng cố, phát triển phong trào. Làm thế nào để tờ báo là "ngọn cờ", là "tờ hịch cách mạng" nếu người cầm cờ, người phát hịch không ở hàng đầu của phong trào? Tờ báo *Người cùng khổ* đã đến đúng lúc, đúng thời điểm cần có cho phong trào để tố cáo chế độ thực dân, thức tỉnh phong trào các xứ thuộc địa. Tờ báo *Thanh niên* do Người sáng lập là dòng tư tưởng cách mạng và thời sự đầu nguồn góp phần đưa phong trào cách mạng sang giai đoạn mới. Tờ báo *Việt Nam độc lập* hướng dẫn phong trào cách mạng trong thời kỳ bí mật chuẩn bị cho cao trào đấu tranh thời kỳ Cách mạng Tháng Tám. Tuân theo lời dạy của Người, báo chí Việt Nam từ sau Cách mạng Tháng Tám đã nỗ lực vươn lên vị trí xung kích. Hàng trăm nhà báo có mặt ở tiền tuyến, tờ báo đến với chiến trường Tây Bắc, Điện Biên Phủ rồi trong tiền tuyến lớn của thời kỳ chống Mỹ cứu nước. Và đặc biệt trong công cuộc đổi mới, báo chí đã nhanh chóng tự đổi mới mình và góp phần có hiệu quả trong công cuộc đổi mới của đất nước. Báo chí đã không tự đánh mất mình, không giảm hiệu quả mà ngược lại đã nhân lên tác dụng khi ở vị trí tiên phong, là tiếng nói ở đầu nguồn, góp phần định hướng cho sự phát triển phong trào.

4. Báo chí phải có đặc điểm và màu sắc

Từ sau Cách mạng Tháng Tám chúng ta có hàng trăm tờ báo khác nhau, báo của nhà nước, đoàn thể, báo chuyên ngành kỹ thuật... được xuất bản định kỳ hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu báo chí nước ta phải có đặc điểm riêng. Tờ báo phải hợp với đối tượng, từ nội dung cho đến hình thức. Một trong những nhược điểm của báo chí suốt thời kỳ bao cấp là tình trạng trùng lặp về đề tài, về các tiết mục trên các báo. Thậm chí nhiều tờ báo cùng sử dụng một tin tức được cung cấp, thậm chí trùng lặp cả về ảnh. Tác giả phê phán sự rập khuôn: "Mục đích chung của chúng ta là xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu

tranh thực hiện thống nhất nước nhà, giữ gìn hoà bình thế giới. Nhưng một tờ báo như báo của nông dân, báo của công nhân, báo của thanh niên, báo của phụ nữ, v.v... nên có đặc điểm của nó, về hình thì không rập khuôn, rập khuôn thì báo nào cũng thành khô khan, làm cho người xem dễ chán".

Điều thú vị là quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề này được thể hiện qua những ý kiến cụ thể, sinh động. Trong bức thư gửi báo *Bạn chiến đấu,* Người đã chỉ rõ: "Rất cảm ơn các bạn về những số báo của *Bạn chiến đấu.* Đây là một vài ý kiến nhỏ đề nghị với các bạn: tờ báo này dành cho những người lính lê dương, những chàng trai vui tính, dễ cáu kỉnh, dễ cảm xúc, chứ không phải là những người làm chính trị sâu sắc. Bởi vậy cần có những bức tranh, những bức vẽ khôi hài, những gì làm cho họ vui cười, những tin tức ngắn về nước Đức và nước Pháp - đặc biệt là những tin tức có liên quan đến đời sống của nhân dân (như không đủ lương thực tiếp tế, đình công, sự phiền nhiễu của các cơ quan cai trị...). Nói tóm lại, cần làm cho họ cảm động, thoải mái, làm cho họ cười và khóc để lôi cuốn họ về phía chúng ta. Không nên viết những bài dài. Không nên viết những vấn đề chính trị lớn đương thời. Các bạn nghĩ thế nào?". Thật là một bức thư nhẹ nhàng mà sâu sắc, thấu tình đạt lý. Tác giả nêu lên nhiều vấn đề về tính hấp dẫn cần phải có của một tờ báo, về đối tượng phục vụ của báo chí.

Trong những hoạt động tinh thần thì văn học và báo chí có khả năng tác động rộng rãi đến người đọc, tạo dư luận và tạo sự đồng cảm trên nhiều vấn đề chính trị, xã hội, đạo đức, thẩm mỹ... Tuy nhiên sự tiếp nhận của văn học cũng như báo chí mang tính chất tự nguyện. Không thể áp đặt, sử dụng một quyền lực nào mà chủ yếu văn học và báo chí đến với người đọc bằng chính sức hấp dẫn của những tác phẩm. Về tính hấp dẫn của văn học và báo chí chắc chắn là một vấn đề phải luận bàn. Tuy nhiên trong ý nghĩa đúng đắn của những khái niệm này thì tính hấp dẫn của văn học và báo chí thể hiện ở cả hai phạm vi nội dung và hình thức. Tính hấp dẫn phải dựa trên cơ sở của sự chân thật, chân thật trong văn học và cả chân thật trong báo chí. Trong công tác tuyên truyền, Người cũng căn dặn phải trung thực, tôn trọng sự thực: "Tuyên truyền anh em nên chú ý một điều này nữa là bao giờ ta cũng tôn trọng sự thực. Có nói sự thực thì việc tuyên truyền của mình mới có nhiều người nghe"[1]. Trong lời phát

1. Báo *Cứu quốc*, ngày 9-1-1946.

biểu tại buổi bế mạc Đại hội liên hoan anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ ba, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra những đề tài cực kỳ phong phú trong phong trào thi đua yêu nước của đồng bào miền Bắc và công cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam và yêu cầu phản ánh trong tác phẩm văn học: "Miêu tả cho hay, cho chân thật và cho hùng hồn những người, những việc ấy, bằng văn, bằng thơ, bằng vẽ và bằng các nghệ thuật khác...".

Tác phẩm văn chương phải hay, phải hấp dẫn, đó là phẩm chất đảm bảo sự tồn tại lâu dài của nó. Tất cả những kiệt tác văn học đều hấp dẫn. Nhưng một mặt cũng có nhiều cuốn sách tạo được sức hấp dẫn nhất thời vì không gắn với tính chân thật của nghệ thuật. Đối với báo chí vấn đề tính hấp dẫn cũng được đặt ra như một vấn đề cấp thiết đặc biệt trong thời kỳ đổi mới. Bước vào cơ chế thị trường, báo chí tuy là một hoạt động tinh thần nhưng cũng là một loại hàng hoá đặc biệt. Nhiều tờ báo đã khá hấp dẫn, lôi cuốn bạn đọc về nội dung tin tức cũng như hình thức thể hiện. Thời điểm hiện tại đòi hỏi báo chí phải hấp dẫn. Về vấn đề này trước đây Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng có những ý kiến bổ ích. Người nêu lên kinh nghiệm hoạt động báo chí của chính bản thân: "Khi đi qua Liên Xô, đồng chí L. phóng viên tờ báo *Tiếng còi* bảo mình viết bài và dặn phải viết rõ sự thật, việc đó ai làm, ở đâu, ngày tháng nào? và phải viết ngắn gọn. Cách đây mấy năm mình trở lại Liên Xô đồng chí L. lại bảo mình viết. Nhưng L. lại bảo "chớ viết khô khan quá. Phải viết cho văn chương vì ngày trước khác, người đọc báo chỉ muốn biết những việc thật. Còn bây giờ khác, sinh hoạt đã cao hơn, người ta thấy hay, thấy lạ, thấy văn chương thì mới thích đọc"[1].

5. Cách viết. Nghệ thuật ngôn từ của báo chí

Là tác giả của hàng ngàn bài báo và được viết ra suốt trên 50 năm hoạt động cách mạng, nhà báo Hồ Chí Minh luôn luôn chú ý đến đối tượng phục vụ. Những bài báo viết bằng tiếng Pháp vào những năm đầu thế kỷ XX cho độc giả chủ yếu là người Pháp, những bài báo trên tờ *Việt Nam độc lập* nhằm vào đối tượng quần chúng công nông ở một địa bàn rừng núi chiến khu rồi hàng trăm bài cho đông đảo độc giả trong cả nước - tất cả đều được viết ra phù hợp với trình độ đối tượng.

1. Bài nói chuyện tại Đại hội lần thứ hai của Hội Nhà báo Việt Nam.

Tác giả đã chỉ rõ: "Muốn cho người xem *hiểu* được, *nhớ* được, *làm* được thì phải viết cho đúng trình độ của người xem, viết rõ ràng gọn gàng, chớ dùng chữ nhiều".

Trong thư gửi báo *Quân du kích,* Người cũng chỉ rõ: "Viết sao cho giản đơn, dễ hiểu, thiết thực. Sao cho mỗi đồng bào, mỗi chiến sĩ đều đọc được, hiểu được, nhớ được, làm được. Nội dung của báo *Quân du kích* phải thế cho phù hợp với đối tượng của tờ báo"[1].

Người đã thâu tóm cách viết trong những ý cô đúc:

- *Vì ai mà mình viết?*

- *Mục đích viết làm gì?*

- *Viết cái gì?*

Những câu trả lời của tác giả cũng gọn gàng: "Viết cho đại đa số", "Viết để phục vụ quần chúng", "Viết để nêu lên những cái hay, cái tốt của dân tộc ta, bộ đội, cán bộ ta và phê phán kẻ thù". Tác giả cũng nêu lên khá kỹ một khâu trong quá trình viết: *Lấy tài liệu đâu mà viết?* Và chỉ rõ muốn có tài liệu thì phải tìm, tức là: *Nghe - Hỏi - Thấy - Xem - Ghi.* Và tiếp tục là *Cách viết thế nào? Viết rồi phải thế nào?* Có thể nói những ý kiến của tác giả vừa là sự đúc kết kinh nghiệm viết của một đời làm báo mà sâu sắc hơn còn là sự thấu hiểu vai trò của báo chí đối với sự nghiệp cách mạng và mối quan hệ giữa báo chí và quần chúng cách mạng. Những yêu cầu và cách viết không thuần tuý chỉ là những đòi hỏi về hình thức mà đều xuất phát từ những quan điểm trong hoạt động văn hoá tư tưởng của cách mạng. Người chú ý nhiều đến tính chất dân tộc của ngôn ngữ báo chí. Không thể chấp nhận tình trạng lạm dụng từ nước ngoài, nhất là từ Hán Việt: "Khuyết điểm nặng nhất là *dùng chữ nước ngoài quá nhiều* và nhiều khi dùng không đúng"[2]. Người nhiều lần nhắc nhở cách dùng từ không phải chỗ, "không nói 3 tháng, lại nói tam cá nguyệt" hay "đánh vào sâu thì nói tung thâm"... Người đặc biệt nhắc nhở phải "viết ngắn". Đặc trưng của ngôn ngữ báo chí là phải ngắn gọn. "Phải viết gọn gàng, rõ ràng, vắn tắt. Nhưng vắn tắt không phải là cụt đầu, cụt đuôi mà phải có đầu có đuôi". Tình trạng viết dài dòng "dây cà ra dây muống"

1. Thư gửi báo *Quân du kích.* Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* tập V, Nxb. Chính trị quốc gia, H., 1995, tr.653.
2. Bài nói chuyện tại Đại hội lần thứ ba của Hội Nhà báo Việt Nam, ngày 8-9-1962.

hoặc như "rau muống kéo dây" đều không thích hợp với văn phong báo chí và người đọc khó tiếp nhận.

Nhìn chung lại tác giả Hồ Chí Minh đã đề xuất có hệ thống nhiều quan điểm cơ bản và những suy nghĩ sâu sắc về hoạt động báo chí. Vấn đề tự do báo chí, báo chí là vũ khí phục vụ cách mạng, đặc trưng của hoạt động báo chí, cách viết báo... Những vấn đề lý luận về báo chí cách mạng được soi sáng trong hệ thống chung của quan điểm Mác về các hoạt động tinh thần của xã hội, và đặc biệt được đúc rút từ kinh nghiệm của một nhà báo suốt đời sử dụng có hiệu quả tiếng nói của báo chí như một vũ khí sắc bén trong đấu tranh cách mạng. Điều đáng trân trọng là giữa quan điểm lý luận và hoạt động báo chí thực tiễn của Người luôn phù hợp, gắn bó, lý thuyết đi đôi với thực hành. Hồ Chí Minh luôn ý thức về vai trò tiên phong và hiệu quả của báo chí. Theo Người báo chí cách mạng phải giữ vị trí tiên phong. Nói đến hoạt động báo chí Người luôn chú ý đến hiệu quả. Hiệu quả phải được đánh giá và kiểm tra cụ thể. Chính vì sợ hiệu quả của báo chí cách mạng trong việc thức tỉnh quần chúng mà bọn thực dân phong kiến luôn tìm cách ngăn chặn, cấm đoán. Chính vì nhận thức được hiệu quả của báo chí mà báo chí cách mạng càng phải tăng cường tác dụng tích cực và lớn lao của nó trong quần chúng, trong xã hội. Báo chí không phải là những luận thuyết chung chung mà thực sự phải tham gia vào những đổi thay lịch sử và "Chủ tịch Hồ Chí Minh là con người của những quyết định lịch sử ở những bước ngoặt lịch sử"[1].

Tiến sĩ Áp Đungani cũng nhận xét: "Người vừa là "một nhà tư tưởng" vừa là "một người hành động". Điều Người nghĩ và suy nghĩ sâu sắc sau đó Người biến thành hành động trên cơ sở lý luận và đạo đức theo nhân dân"[2]. Cách mạng phải đạt hiệu quả cuối cùng và hiệu quả trong từng chặng đường hoạt động. Báo chí cách mạng cũng là lực lượng tiên phong mở đường và mang giá trị tổng kết bằng hiệu quả thực tế. Điều cần tránh là đừng để tờ báo thành một cái gì dư thừa trong xã hội hoặc là "cái bánh xe thứ năm của cỗ xe nền dân chủ T. Ư châu Âu" như cách nói của C. Mác về báo chí của A. Rugơ.

1. Hội thảo quốc tế "*Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn*", Nxb. Khoa học xã hội, H., 1990, tr.14.
2. Hội thảo quốc tế "*Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn*", sđd, tr.86.

CHUYÊN ĐỀ IV:

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC VÀ VIỆC NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG

738

CƠ SỞ LÝ LUẬN - TRIẾT HỌC CỦA HỆ THỐNG TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH*

PGS. TS. THÀNH DUY

Đi tìm nguyên nhân thắng lợi của cách mạng Việt Nam, có thể có nhiều cách giải đáp khác nhau, nhưng dù cách giải đáp nào cũng không thể quên được vị trí, vai trò đạo đức và tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

Song, trong bối cảnh hiện nay khi trên thế giới, đang có nhiều diễn biến phức tạp, trong đó có những diễn biến về đạo đức, thì người ta có thể không hiểu hoặc không đánh giá nổi những giá trị đạo đức trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, cũng như trong những tấm gương hy sinh tuyệt vời của cả thế hệ thanh niên đã chiến đấu dưới ngọn cờ của Đảng ta do Hồ Chí Minh lãnh đạo. Chính vì vậy, trước khi nói đến hệ thống tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, không thể không bàn đến những cơ sở lý luận - triết học được xem là kim chỉ nam cho những hành vi đạo đức của Hồ Chí Minh và của nhân dân ta nói chung trong thời đại mang tên Người.

Thời đại Hồ Chí Minh gắn liền với sự nghiệp giải phóng dân tộc và sự ra đời một hệ thống xã hội xã hội chủ nghĩa theo lý tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nhưng, cũng chính trong thời đại này nhịp độ cuộc sống đã và đang thay đổi quá nhanh, đến nỗi làm đảo lộn nhiều thể chế, nhiều giá trị đạo đức vốn được xem là truyền thống đạo đức dân tộc và nhân loại. Hiện tượng suy thoái đạo đức đang trở thành mối lo cho nhiều quốc gia, nhiều dân tộc. Ngay cả ở nước ta, cũng đã thấy xuất hiện những cách sống và lối sống xa lạ, bất chấp những truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc. Trong bối cảnh đó, việc bàn đến triết lý về đạo đức, kể cả tư

---

* Trích trong cuốn: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức* của PGS. TS. Thành Duy (chủ biên), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.

tưởng đạo đức Hồ Chí Minh sẽ không tránh khỏi những quan điểm khác nhau. Cũng chính vì điều đó, chúng ta càng cần phải nhận thức rõ những quan điểm đích thực của Hồ Chí Minh về đạo đức, tức là về sự lựa chọn cách sống, lối sống, hay nói rộng hơn là quan niệm về sự sống, về cách ứng xử với người khác, với đồng loại và cả với bản thân mình. Ở đây sẽ không bàn đến các vấn đề có liên quan mà chỉ đề cập đến ba khía cạnh được xem là cơ sở lý luận - triết học của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

1. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh và việc xác định mục tiêu lý tưởng cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

2. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh và quan niệm về hạnh phúc.

3. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh và mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật, đạo đức và lợi ích công dân.

1. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh và việc xác định mục tiêu lý tưởng cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam

Không có vấn đề chính trị nghiêm túc nào lại không gắn liền với vấn đề đạo đức. Hơn thế nữa, chính động cơ đạo đức đúng đắn mới là cơ sở quyết định những vấn đề chính trị nghiêm túc. Trái lại, một động cơ đạo đức không đúng đắn thường dẫn đến những mục tiêu chính trị sai lầm, không phù hợp lòng dân, không mang lại hạnh phúc thực sự cho nhân dân.

Hồ Chí Minh chỉ có thể quyết định cuộc hành trình chính trị của mình, lựa chọn con đường cách mạng Việt Nam theo lý tưởng xã hội chủ nghĩa trên cơ sở xác định được lý tưởng đạo đức đúng đắn, vừa kế thừa được truyền thống đạo đức dân tộc mà hạt nhân là tư tưởng yêu nước, lòng thương dân cháy bỏng, vừa tiếp thu được tinh hoa tư tưởng đạo đức nhân loại mà hạt nhân là chủ nghĩa nhân đạo chiến đấu của chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, chúng ta thấy vấn đề đạo đức không chỉ gắn với chính trị mà đúng hơn là gắn với một lý tưởng, một sự thôi thúc nội tâm, một ham muốn chính trị được xem là cao quý khiến cho người ta có thể hy sinh tất cả, kể cả bản thân mình vì sự nghiệp và lý tưởng đã chọn. Hồ Chí Minh ý thức rất rõ về chủ nghĩa yêu nước, về con đường giải phóng dân tộc mở đầu cho sự nghiệp giải phóng xã hội, đem lại tự do, hạnh phúc cho nhân dân ta theo định hướng xã hội

chủ nghĩa. Theo Người "muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản".

Con đường cách mạng vô sản chính là chân lý cách mạng mà Hồ Chí Minh đã tìm thấy sau nhiều năm bôn ba, trăn trở về con đường giải phóng dân tộc. Đó chính là mục tiêu lý tưởng mà Hồ Chí Minh đã chọn, và Người đã tiến hành cuộc vận động cách mạng Việt Nam, đã tu dưỡng, rèn luyện cả một thế hệ thanh niên và nhân dân ta theo lý tưởng đó. Đương nhiên, cũng cần nói rằng, vấn đề đạo đức gắn với lý tưởng để hình thành một lý tưởng đạo đức, nhưng không phải bất cứ cái gọi là lý tưởng nào cũng mang tính đạo đức. Vậy tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đã gắn với việc lựa chọn mục tiêu lý tưởng cho cách mạng Việt Nam như thế nào và đặc trưng lý luận - triết học của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là gì?

1.1. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh và quá trình phát triển chủ nghĩa yêu nước truyền thống của dân tộc

Chủ nghĩa yêu nước truyền thống dù biểu hiện dưới bất cứ hình thức nào, ở bất cứ thời đại nào cũng đều mang nội dung đạo đức. Bất cứ người Việt Nam nào cũng không thể hiểu nổi một con người có đạo đức lại không phải là người yêu nước. Yêu nước thực sự là một tiêu chí trước tiên của người có đạo đức, dù cho mỗi thời đại phạm trù yêu nước có nội dung và sắc thái khác nhau.

Tuy nhiên, cũng như mọi phạm trù đạo đức khác, tư tưởng yêu nước không phải là hiện tượng bất biến. Có tư tưởng yêu nước theo ý thức hệ phong kiến, gắn với tư tưởng đạo đức Nho giáo. Có tư tưởng yêu nước theo hệ ý thức tư sản, gắn với tư tưởng đạo đức mang nội dung tư sản. Có tư tưởng yêu nước theo chủ nghĩa cải lương. Có tư tưởng yêu nước theo quan điểm tôn giáo. Lại có cả tư tưởng yêu nước theo quan điểm dân tộc chủ nghĩa... Tóm lại, tư tưởng yêu nước vốn mang trong nó những động cơ rất khác nhau và có quá trình phát triển theo sự tiến hoá của nhân loại.

Chủ nghĩa yêu nước theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, là chủ nghĩa yêu nước mới mang tư tưởng đạo đức cách mạng, là kết quả của quá trình tiếp thu truyền thống yêu nước của dân tộc; đồng thời tiếp thu tinh hoa những quan điểm yêu nước hình thành trong thời đại mới, thời đại cách mạng vô sản.

Đối với Hồ Chí Minh, chủ nghĩa yêu nước truyền thống đã ăn sâu trong tiềm thức, trở thành ký ức luôn luôn theo Người, "suốt ngày nghĩ đến Tổ quốc, và suốt đêm mơ đến Tổ quốc mình", như Người tâm niệm mỗi khi nghĩ đến Tổ quốc, đến đồng bào mình.

Tư tưởng yêu nước Hồ Chí Minh còn bắt nguồn từ một nền đạo lý mang bản sắc dân tộc độc đáo của Việt Nam. Đó là những giá trị đạo lý truyền thống do chính thực tiễn cuộc sống của cộng đồng người Việt Nam hun đúc nên. Đó là truyền thống nhân ái, tình thương yêu con người, thương yêu đồng loại, tình nghĩa đồng bào. Hai chữ "đồng bào" mà Hồ Chí Minh thường dùng, bản thân đã mang tính đạo đức sâu sắc, tự nhiên và rất Việt Nam. Cho nên, không phải ngẫu nhiên có người gọi đặc điểm tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là *đạo đức đồng bào*. Quả thực, người Việt Nam chúng ta từ lâu đã coi người một nước là đồng bào như người cùng một mẹ sinh ra và đã có truyền thuyết ca ngợi truyền thống đó. Từ tư tưởng đạo đức đồng bào, khái niệm tình thương, nhân ái ở người Việt Nam có những đặc điểm riêng, tạo nên ý thức yêu thương nòi giống. Hồ Chí Minh đánh giá cao những tình cảm cao quý ấy. Người nói: "Lòng yêu nước thương nòi là lý tưởng cao quý nhất của loài người". Và, chính Người đã mang lý tưởng cao quý ấy, đã hy sinh cả cuộc đời cho lý tưởng cao quý ấy. Đối với dân tộc ta, chữ "nhân" cũng như khái niệm "đạo" vừa thể hiện lòng yêu thương độ lượng đối với con người nói chung, người nghèo khó nói riêng, vừa thể hiện tính tích cực trừ bạo, tính chiến đấu chống áp bức. Với chúng ta "nhân nghĩa phải thắng bạo tàn"; "Việc nhân nghĩa cốt để yên dân" (Nguyễn Trãi).

Bản thân tình thương, lòng nhân ái chưa phải là tư tưởng yêu nước, hoặc chỉ mới là một mặt của tư tưởng yêu nước. Yêu nước đi liền với tính chiến đấu bảo vệ đất nước, chống xâm lược. Từ đó, mới có thể nói, người có tư tưởng yêu nước là người có đạo đức hoặc người có đạo đức trước hết phải là người yêu nước. Do đó, tư tưởng yêu nước Hồ Chí Minh luôn luôn có hai mặt: Yêu nước, bảo vệ Tổ quốc và thương dân, vì dân. Hai mặt ấy có thể xem là nội dung cơ bản của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Từ nội dung cơ bản ấy về đạo đức, Hồ Chí Minh tiếp cận với đỉnh cao của nền văn minh nhân loại, chuyển hoá dần quan điểm yêu nước truyền thống mà nội dung chủ yếu là quan điểm dân tộc sang chủ nghĩa yêu nước hiện đại mà nội dung chủ yếu là sự kết hợp nhuần nhuyễn quan điểm dân tộc và quan điểm giai cấp, dân tộc và quốc tế,

độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm kim chỉ nam.

Chủ nghĩa yêu nước có ở mọi dân tộc trên thế giới, nhưng chủ nghĩa yêu nước được kết tinh trong câu nói mang tính chân lý cho toàn nhân loại: "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", thì chỉ có ở Hồ Chí Minh. Đối với Hồ Chí Minh, quá trình phát triển từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống đến chủ nghĩa yêu nước mang nội dung mới cũng là quá trình phát triển tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Đó là sự thống nhất biện chứng giữa đạo đức và chính trị mà Hồ Chí Minh là hình ảnh tiêu biểu cho sự thống nhất đó.

1.2. Đặc trưng lý luận - triết học của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh về việc lựa chọn mục tiêu lý tưởng cho cách mạng Việt Nam

a) Từ tình cảm yêu nước, thương dân - khởi nguyên của tư tưởng đạo đức truyền thống đến nhận thức được thực trạng thế giới và lựa chọn con đường đúng đắn để cải tạo thế giới, trong đó có dân tộc mình, đó là một biểu hiện đặc trưng lý luận - triết học của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Với quan điểm triết học không chỉ nhận thức thế giới mà chủ yếu là cải tạo thế giới, lần đầu tiên Mác đã gắn triết học với hành động, với cuộc đấu tranh cho sự hoàn thiện của thế giới. Hồ Chí Minh không nói về triết học hành động, song Người đã hành động theo triết học của Mác. Và, Người đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, hoàn toàn tin theo lý tưởng cách mạng do Mác, Lênin đề ra. Đó là cuộc gặp gỡ lịch sử kỳ diệu giữa Hồ Chí Minh và chủ nghĩa Mác - Lênin, củng cố thêm niềm tin mà Hồ Chí Minh đã chọn cho cách mạng Việt Nam. Có được cuộc gặp gỡ lịch sử ấy chính là xuất phát từ một quan niệm đạo đức rất năng động: Quan sát thế giới để trở về cứu nước, giành độc lập cho dân tộc, đem lại hạnh phúc cho nhân dân mình. Sự bắt đầu của hành động ra đi tìm đường cứu nước là sự mở đầu của một đặc trưng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Quá trình Hồ Chí Minh đến với chân lý cách mạng là quá trình thực hiện lý luận - triết học về tư tưởng đạo đức của Người.

b) Tiếp thu tích cực và vận dụng sáng tạo tư tưởng yêu nước truyền thống cũng như tiếp thu và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh Việt Nam, Hồ Chí Minh đã đặt nền móng lý luận cho việc chống chủ nghĩa giáo điều và ý thức độc lập tự chủ về phương pháp cách mạng. Đó là một đặc trưng lý luận - triết học của tư tưởng đạo đức Hồ

Chí Minh. Trung thành với lý tưởng yêu nước truyền thống, Hồ Chí Minh không đồng tình với phương pháp cách mạng của các bậc tiền bối, Người đã tìm ra con đường đi riêng của mình. Cũng vậy, khi tiếp cận lý tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Người tiếp thu lý tưởng cách mạng mà Người cho là đúng đắn nhất, song Người lại không hành động máy móc, giáo điều khi tiến hành phương pháp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chính vì thế, Người đã lưu ý: "Đặc điểm lớn nhất của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa". Điều lưu ý ấy đã nói lên những trăn trở của Hồ Chí Minh mà lẽ ra chúng ta phải quan tâm đúng mức và kịp thời. Ngày nay, thực hiện sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, chính là lúc chúng ta đang thực hiện điều mà Hồ Chí Minh đã lưu ý về đặc điểm cách mạng Việt Nam, chống tư tưởng giáo điều, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, mạnh dạn tiếp thu và vận dụng những thành tựu về quản lý xã hội, khoa học kỹ thuật, thành tựu văn hoá của nền văn minh nhân loại. Đối với chúng ta, điều đó hoàn toàn không có nghĩa là từ bỏ hoặc đi chệch mục tiêu lý tưởng mà Hồ Chí Minh đã chọn cho cách mạng Việt Nam.

c) Sau nhiều năm bôn ba tìm đường cứu nước, đến khi bắt gặp chủ nghĩa Lênin, Hồ Chí Minh đã rút ra kết luận: Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin. Chủ nghĩa Lênin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái "cẩm mang" thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi đến thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Thật ra, cuộc gặp gỡ giữa Hồ Chí Minh và Lênin không phải là ngẫu nhiên. Đó là quá trình tất yếu phải đến và cuối cùng đã đến. Điều làm chúng ta quan tâm là ý nghĩa của cuộc gặp gỡ lịch sử kỳ diệu ấy do động lực nào, đạo đức hay chính trị, và giữa đạo đức và chính trị, cái nào quyết định. Sẽ rất khó trả lời nếu không thấy được phương pháp tư tưởng hay nói đúng hơn là nghệ thuật của Người đến với chủ nghĩa Lênin bằng cách riêng rất độc đáo và cũng có thể xem như đặc trưng lý luận - triết học của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

Từ động lực đạo đức yêu nước, thương dân, Hồ Chí Minh thâm nhập vào phong trào đấu tranh của công nhân, đến với nhiều quốc gia có nền

công nghiệp tiên tiến, có giai cấp công nhân hùng hậu, Người kết luận: "Chủ nghĩa tư bản đế quốc ở đâu cũng gây ra cảnh lầm than khổ cực, người lao động ở đâu cũng bị bóc lột, bị đầy đoạ không có quyền sống". Chính thực tiễn cuộc sống đó, cùng với thực tế đang diễn ra ở nước mình, mới là động lực giúp Hồ Chí Minh hình thành ý thức giai cấp, thế giới quan mới và chuyển hoá từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa quốc tế chân chính. Người tìm ra chân lý cách mạng không phải ở cực này hay cực kia mà là trong mối quan hệ giữa dân tộc và thời đại, giữa cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và cuộc đấu tranh của nhân dân lao động ở chính quốc mà nòng cốt là giai cấp công nhân. Chính thực tiễn cuộc sống đưa Hồ Chí Minh đến với Lênin, cũng là đến với lý luận cách mạng chân chính, rồi từ lý luận cách mạng đó, Người áp dụng vào thực tế đấu tranh của dân tộc, tìm ra phương pháp mới đưa cách mạng đến thành công. Đó cũng chính là con đường tư duy biện chứng, là phương pháp đi từ cụ thể đến trừu tượng mà Mác, Ăngghen, Lênin đã vận dụng.

d) Còn một đặc trưng lý luận - triết học khác của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là ý thức tôn trọng trật tự gia đình và xã hội, tôn trọng ý thức phục vụ lợi ích công cộng, đoàn thể, đặt quyền lợi của cộng đồng, đoàn thể lên trên quyền lợi cá nhân... đã ăn sâu trong tâm khảm người châu Á, trở thành một truyền thống văn hoá đặc sắc của người phương Đông, trong đó có Việt Nam, mà nhiều nhà nghiên cứu về châu Á đã xác nhận.

Riêng ở Việt Nam, ý thức tôn trọng lợi ích chung có truyền thống rất sâu đậm. Hiện tượng công xã nông thôn đã tồn tại ở nước ta cho đến Cách mạng Tháng Tám 1945. Với đặc điểm này, người nông dân vừa tránh được cảnh bần cùng, vừa có thể làm giàu nếu biết cách phát triển sức sản xuất. Chính đó là tiền đề hết sức quan trọng về tư tưởng dân chủ mà chắc chắn Hồ Chí Minh có nghĩ đến khi khẳng định nước ta có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Ý nghĩa lý luận về đạo đức là ở chỗ, trong lúc không ngăn cản sự phát triển của cá nhân, khuyến khích cá nhân làm giàu một cách chính đáng, mỗi người không được bao giờ quên cộng đồng mà trước hết là tình cảnh của tuyệt đại bộ phận quần chúng nhân dân nước mình, sau đó là tình cảm của đồng loại.

Ngày nay chúng ta khuyến khích mọi người làm giàu, chăm lo đến đời sống cá nhân, nhưng ý thức cộng đồng vì lợi ích chung, vì quyền lợi số

đông, của mọi người vẫn là nét nổi bật trong chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước ta. Đó chính là tính ưu việt của tư tưởng đạo đức mới, đạo đức cách mạng mà Hồ Chí Minh đã dày công vun đắp.

2. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh và quan niệm về hạnh phúc

Hành vi đạo đức không chỉ gắn với trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người trong một cộng đồng nhất định mà còn gắn với mục đích cao cả của con người trong phạm vi mục đích được xem là trách nhiệm đạo đức. Do vậy, đạo đức cũng đồng nghĩa với việc thực hiện lý tưởng, mà đối với Hồ Chí Minh là lý tưởng xã hội chủ nghĩa.

Hành vi đạo đức có cơ sở tồn tại tự nhiên của nó là làm điều thiện, chống điều ác nhằm hoàn thiện một giá trị được xem là giá trị đức hạnh. Song, không phải mọi người đều có năng lực thực hiện đức hạnh như nhau. Có ý kiến nêu lên ba điều kiện hay ba nhân tố tạo nên đức hạnh hoàn mỹ. *Một là,* "lập chí", *hai là,* "lực hành", *ba là,* "thủ trung", tức là phải có chí, phải cố gắng làm, phải nắm vừa độ, không thái quá, không bất cập. Aristote còn phân chia năng lực con người thành hai phần: Trí tuệ lý tính và trí tuệ thực tiễn. Trí tuệ thực tiễn của con người có thể phát hiện đúng sai, thiện ác của hành vi đạo đức khiến cho dục vọng con người tuân theo trí tuệ lý tính để đạt tới đức hạnh hoàn mỹ. Ông nhấn mạnh ba nhân tố của con người có năng lực lựa chọn hành vi đạo đức thuộc năng lực trí tuệ thực tiễn. *Một là,* năng lực lựa chọn: *hai là,* năng lực lựa chọn phương hướng và suy xét về hậu quả hành vi; *ba là,* năng lực chỉ đạo quan niệm. Thực chất ba năng lực ấy cũng tức là trí tuệ thực tiễn, là ý chí đạo đức thực tiễn. Trí tuệ lý tính có quan hệ chặt chẽ đến việc xác định mục đích lý tưởng của con người. Trí tuệ thực tiễn có quan hệ trực tiếp đến hành vi thực tiễn đạo đức. Thực tiễn đạo đức và hạnh phúc tuy không tất nhiên có quan hệ với nhau, nhưng quan niệm về hạnh phúc lại rất có quan hệ đến hành vi đạo đức. Vì thế, muốn hiểu được giá trị đạo đức và tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, thiết tưởng cũng cần hiểu những quan niệm về mối quan hệ giữa đạo đức và hạnh phúc nói chung, quan niệm về hạnh phúc trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh nói riêng.

2.1. Quan hệ giữa đạo đức và hạnh phúc

Con người ta ai cũng nghĩ đến hạnh phúc của mình và người thân. Hai chữ hạnh phúc đã trở thành lời chúc trong sự giao tiếp thông thường

giữa mọi người. Quyền mưu cầu hạnh phúc được ghi nhận trong các tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền cũng như trong hiến pháp của mỗi quốc gia độc lập. Đó là quyền bình đẳng giữa mọi người, không phân biệt đẳng cấp, giàu nghèo, trên dưới, sang hèn... Tuy nhiên, đó chỉ là quyền ghi trên văn bản, thậm chí được công nhận trong luật pháp, còn thực tế lại là vấn đề khác, thường không phải bao giờ cũng có sự thống nhất giữa lời nói và việc làm, giữa văn bản và thực tế. Song, đó là vấn đề khác, chúng ta sẽ không bàn ở đây.

Điều chúng ta quan tâm là mối quan hệ giữa hạnh phúc và đạo đức. Trong thực tế có hiện tượng, có thể mưu cầu hạnh phúc mà không nghĩ đến đạo đức, thậm chí có kẻ mưu cầu hạnh phúc bằng những việc làm phi đạo đức. Ngược lại, có người làm điều thiện, nghĩa là làm một việc đạo đức, lại không ngóng chờ hạnh phúc. Trong bất cứ xã hội nào, trước kia cũng như hiện nay, đã có không ít người sẵn sàng làm điều thiện, thậm chí sẵn sàng hy sinh lợi ích của mình cho người khác mà không hề nghĩ tới hạnh phúc được đền đáp. Chính điều đó đã làm cho cuộc sống con người có ý nghĩa tốt đẹp.

Cũng chính vì có sự khác biệt trong quan niệm về hạnh phúc mới có sự khác biệt trong quan niệm về đạo đức. Do đó, cần bàn đến quan hệ giữa đạo đức và hạnh phúc trước khi xem xét quan niệm về hạnh phúc trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

Hạnh phúc của con người là thuộc sự tồn tại đương nhiên. Song, cái gọi là hạnh phúc ấy lại mang nhiều động cơ, nhiều dục vọng, do đó cũng có nhiều cách hiểu khác nhau. Có người hiểu hạnh phúc nghĩa là phải đạt được giàu sang, nhiều lợi lộc, có quyền thế, có cuộc sống cá nhân thật sung sướng. Họ cầu mong một cuộc sống thật hạnh phúc mà thường ít nghĩ đến những điều kiện, hoàn cảnh, thậm chí cũng không quan tâm đến đạo đức.

Có người hiểu hạnh phúc là được làm việc có ích cho mình và cho đời, cho người khác, cho xã hội nói chung. Càng làm được nhiều việc có ích bao nhiêu họ càng cảm thấy có hạnh phúc bấy nhiêu. Họ xem đó mới là ý nghĩa của cuộc đời, vì chính điều đó đem đến cho họ niềm vui, sự thoải mái, sự sung sướng thật sự. Rõ ràng, trong cách hiểu thứ hai này đã đặt mối quan hệ hữu cơ giữa đạo đức và hạnh phúc, bởi quan niệm về hạnh phúc của họ là làm điều thiện vô điều kiện và như vậy thì hạnh phúc ở

trong hoạt động đạo đức, ý nghĩa độc lập của hạnh phúc không được coi trọng. Không những thế, trong quan niệm thứ hai này, hạnh phúc phụ thuộc vào hành vi đạo đức, đạo đức là điều kiện tất yếu làm cho hạnh phúc có giá trị. Nói đạo đức là điều kiện tất yếu của hạnh phúc không hề có ý nói thiếu đạo đức thì không có hạnh phúc mà chỉ có ý nói thiếu đạo đức thì hạnh phúc không có ý nghĩa gì. Cho nên, trong quan hệ giữa đạo đức và hạnh phúc, đạo đức được xem là tầng thứ lý tính, ở tầng thứ cao hơn hạnh phúc, còn hạnh phúc được xem là tầng thứ tồn tại. Từ đó nảy sinh mối quan hệ khác, quan hệ giữa đạo đức và lợi ích cá nhân.

Hai quan niệm về hạnh phúc nói trên dẫn đến hai quan niệm về đạo đức. Quan niệm thứ nhất cho hạnh phúc chỉ đơn thuần là lợi ích và dục vọng cá nhân. Với quan niệm về hạnh phúc như thế thì đạo đức hoặc không có quan hệ đến hạnh phúc, hoặc nếu có quan hệ thì chỉ quan hệ trong phạm vi cá nhân, tức quan hệ giữa người này với người khác, chứ không có quan hệ giữa cá nhân với xã hội, với cộng đồng. Như vậy, nội dung đạo đức hẹp, không mang giá trị lý tưởng. Quan niệm thứ hai gắn hạnh phúc với lợi ích cộng đồng, xã hội. Lợi ích hạnh phúc cá nhân được đặt trên cơ sở lợi ích xã hội. Từ đó, dẫn đến hai quan niệm trái ngược về đạo đức, và cũng đồng thời dẫn đến hai cách sống, cách ứng xử và lối sống. Hai quan niệm dẫn đến hai cách sống ấy đang chi phối cách hiểu về tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

2.2. Quan niệm về hạnh phúc trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh

Nho giáo coi trọng "nghĩa", coi nhẹ "lợi". Khi nghiên cứu tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, có ý kiến cho rằng do chịu ảnh hưởng tư tưởng đạo đức Nho giáo, Hồ Chí Minh cũng coi trọng "nghĩa" hơn "lợi". Do coi trọng "nghĩa" hơn "lợi", Hồ Chí Minh cũng coi nhẹ lợi ích cá nhân, coi trọng lợi ích tập thể, lợi ích dân tộc và cộng đồng. Từ chỗ coi nhẹ lợi ích cá nhân, Người cũng ít chú ý đến cuộc sống riêng của mình, sống một cuộc sống quá giản dị đến mức người ta có thể nghĩ là Người theo chủ nghĩa khổ hạnh. Như vậy là, ở đây có ba vấn đề cần bàn: *Một là,* vấn đề mối quan hệ giữa "nghĩa" và "lợi". *Hai là,* vấn đề quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích của tập thể, lợi ích xã hội và cộng đồng. *Ba là,* vấn đề quan niệm thế nào là chủ nghĩa khổ hạnh và quan hệ giữa cuộc sống giản dị với chủ nghĩa khổ hạnh. Cả ba vấn đề trên đều có liên quan đến quan niệm về hạnh phúc nói chung, quan niệm về hạnh phúc trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh nói riêng.

Dù chịu ảnh hưởng đạo đức Nho giáo hay tiếp thu những di sản tư tưởng đạo đức khác từ nhiều nguồn, Hồ Chí Minh không bao giờ để mất đi cái cá tính của mình, không quên ý thức chủ thể là cái cơ bản nhất của mình, không để mất bản lĩnh của bản thân và của dân tộc. Đó là chỗ mạnh, là nhân tố đặc biệt trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Ý thức về chủ thể rõ ràng, giữ cho cá nhân luôn luôn trong sáng, có bản lĩnh, có đức nhân bao la, đồng thời với ý thức về sự tồn tại của cá nhân người khác, ý thức về cuộc sống cộng đồng của dân tộc và thế giới, để trên cơ sở đó ý thức về nghĩa và lợi, về trách nhiệm cá nhân với tập thể, đó là hai mặt tạo nên hạt nhân biện chứng trong quan niệm về hạnh phúc của Hồ Chí Minh.

Thực tế là có sự khác nhau trong quan niệm về nghĩa và lợi, về cá nhân và tập thể... giữa Đông và Tây. Nhưng Hồ Chí Minh không đối lập giữa Đông và Tây. Người tiếp thu truyền thống tư tưởng đạo đức của cả phương Đông và phương Tây, đặc biệt là tư tưởng đạo đức chủ nghĩa Mác - Lênin vốn xuất phát từ phương Tây. Song, trong quan niệm về hạnh phúc của Hồ Chí Minh, chúng ta thấy xuất phát điểm rất rõ là mảnh đất dân tộc Việt Nam, cũng tức là phương Đông, do đó, có điều gì phù hợp với đạo đức Nho giáo cũng là lẽ đương nhiên. Điều quan trọng là Hồ Chí Minh không mang trong mình tư tưởng cực đoan giữa "nghĩa" và "lợi", giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, lợi ích xã hội và cộng đồng. Người cũng không đối lập mình với người khác, dù cho người khác có quan điểm khác mình, có lợi ích khác mình. Người xem việc tu dưỡng bản thân để làm gương cho người khác, truyền cái đức nhân sang người khác có tầm quan trọng đặc biệt, nhất là đối với những người được xem là có trách nhiệm với dân, với nước. Người coi việc thực hiện khẩu hiệu "cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư" là nguyên tắc sống của mình và kêu gọi toàn xã hội, nhất là cán bộ, đảng viên thực hiện lối sống giản dị, tiết kiệm, trong sáng... Quan niệm về hạnh phúc trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh bắt nguồn từ quan niệm đối nhân xử thế với mọi người, với xã hội, với đồng bào mình đang chịu cảnh nghèo đói, lạc hậu. Người coi đó là ham muốn, ham muốn tột bậc. Người nói: "Cả đời tôi chỉ có một mục đích là phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân"... "Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, tôi cũng chỉ đeo đuổi một mục đích, là làm cho ích quốc, lợi dân"[1].

1. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1960, tr.238.

Điều đó nói lên quan niệm về hạnh phúc của Người. Quan niệm về hạnh phúc trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đã vượt lên trên những quan niệm thông thường về hạnh phúc, với ý nghĩa hạnh phúc chỉ là những dục vọng mang tính cá nhân. Người chỉ thật sự hạnh phúc khi thấy đồng bào mình có hạnh phúc, khi thấy mọi người không còn phải sống trong cảnh áp bức, bóc lột. Đó là quan niệm hạnh phúc của những người được xem là có trí, có đức nhân đặc biệt. Nếu Mác tìm thấy hạnh phúc trong đấu tranh cho quyền lợi và sự công bằng của nhân loại, thì Hồ Chí Minh lại tìm thấy hạnh phúc trong việc giành độc lập và tự do, hạnh phúc cho Tổ quốc mình, đồng bào mình. Đó là một quan niệm rất cách mạng về hạnh phúc, hoàn toàn khác với chủ nghĩa khổ hạnh của tôn giáo, cũng khác về chất với quan niệm hạnh phúc theo phong kiến và chủ nghĩa cá nhân tư sản. Không thấy được quan điểm hạnh phúc đó thì chúng ta không thể hiểu được tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh khi Người nói đến quan điểm "đầy tớ" của dân cũng như khi Người nói đến việc chống chủ nghĩa cá nhân, thực hiện đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Toàn bộ hệ thống tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh do quan niệm về hạnh phúc của Người chi phối.

3. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh và mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật, đạo đức và lợi ích công dân

Từ thời Khổng Tử ở phương Đông và Platôn ở phương Tây, người ta đã nói đến biện pháp cai trị đất nước bằng đức trị hay pháp trị. Nhưng Platôn cho rằng *Pháp trị* thích hợp hơn *Đức trị,* còn Khổng Tử thì suốt đời kiên trì tư tưởng dùng đạo đức để cai trị xã hội, cai trị đất nước. Tư tưởng của hai ông về phương pháp cai trị xã hội đều có nguồn gốc xã hội của nó. Platôn sống trong một xã hội tuy vẫn còn chế độ chủ nô, nhưng đã xuất hiện ý tưởng dân chủ. Ông đã miêu tả trong cuốn *Nước cộng hoà* về chế độ dân chủ, và cho rằng đó là một chế độ chính trị tốt nhất. Còn Khổng Tử thì ra đời ở một nước chỉ có một truyền thống về thể chế quân chủ, do đó ông đề ra thuyết tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, xem như điều kiện để nước được yên. Ông không thể vượt ra khỏi thời đại mình trong khuôn khổ chính thể quân chủ, mặc dù ông đã nghĩ đến một thế giới đại đồng tức là một xã hội lý tưởng, trong đó trẻ già, nam nữ ai cũng được hưởng hạnh phúc, xã hội ổn định, yên vui.

Trong các thời đại hậu Nho ở Trung Quốc luôn luôn có sự đối lập giữa hai phái: Phái pháp gia chỉ lấy lợi và chủ trương xây dựng pháp luật theo tiêu chí lấy lợi làm gốc để cai trị đất nước. Ngược lại, phái khác chỉ thiên về đạo đức một cách cứng nhắc, không nghĩ đến lợi riêng của cá nhân mà chỉ mưu cầu lợi ích chung. Đó là hai quan điểm cực đoan, không bao giờ có sức thuyết phục và đương nhiên sẽ không thành công ngay cả trong thời đại phong kiến. Những quan điểm trên không thích hợp với Hồ Chí Minh và cả với chúng ta ngày nay. Tuy vậy, khi nghiên cứu về Hồ Chí Minh, có ý kiến cho rằng Người chủ trương cai trị xã hội theo quan điểm đức trị. Điều đó hoàn toàn không đúng. Song, điều đó lại gợi lại cho chúng ta một vấn đề cần nghiên cứu về mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật, cũng như quan điểm của Người về vấn đề này.

3.1. Mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật

Loại trừ hai quan điểm cực đoan nói trên, không ai không thấy mối quan hệ hữu cơ giữa đạo đức và pháp luật. Người ta không thể sống mà không cần đạo đức cũng như không thể sống mà không cần pháp luật. Điều đó đã trở thành quy luật tất yếu của lịch sử nhân loại, tuy rằng có sự khác nhau trong cách hiểu về đạo đức cũng như pháp luật ở các thời đại, và trong xã hội mỗi giai cấp và tầng lớp xã hội thường có quan niệm khác nhau về cả đạo đức và pháp luật. Điều đó có nghĩa là nội hàm khái niệm đạo đức cũng như trong nội hàm khái niệm pháp luật thường được hiểu theo điều kiện giai cấp và xã hội và do đó mối quan hệ giữa hai phạm trù đó cũng không phải bao giờ cũng được hiểu như nhau. Trong xã hội phong kiến, pháp luật được xây dựng và thực hiện theo quan điểm chính trị và đạo đức phong kiến. Còn trong xã hội tư bản thì pháp luật được xây dựng và thực hiện bởi sự chi phối của quan điểm tư sản. Pháp luật của xã hội ta đương nhiên không giống với pháp luật được xây dựng trong xã hội phong kiến và tư sản, mặc dù có tiếp thu những mặt tích cực của truyền thống pháp luật được hình thành trong các xã hội trước. Do đó, không thể nói một cách đơn giản về một quan niệm pháp quyền chung chung, càng không thể thoát ly cơ sở chính trị đạo đức khi bàn về quan điểm xây dựng pháp luật hay quan niệm về nhà nước pháp quyền, xã hội công dân...

Đạo đức là cơ sở xã hội của pháp luật, một nền đạo đức đúng đắn sẽ quyết định sự hình thành một đạo luật đúng đắn. Cho nên, trước tiên

phải nói đến đạo đức trong pháp luật, sau đó mới nói đến đạo đức trong việc thực hiện pháp luật. Pháp luật không đặt trên cơ sở một nền đạo đức tiến bộ, thì việc thực hiện pháp luật khó có điều kiện hoàn thành. Pháp luật của mỗi nước chính là lăng kính phản chiếu giá trị của văn hoá đạo đức cũng như truyền thống nhân văn của nước đó. Cho nên, khi nghiên cứu tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh và tư tưởng pháp luật của Người không thể không xuất phát từ truyền thống văn hoá và đặc điểm lịch sử Việt Nam.

3.2. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh và mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật

Quan điểm về tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh thể hiện trong quan niệm xây dựng pháp luật cũng như trong mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật, đương nhiên là xuất phát từ truyền thống đạo đức dân tộc và nhân loại cùng với sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin của Người vào hoàn cảnh thực tế của Việt Nam. Điểm mấu chốt có tính nguyên tắc của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh thể hiện trong pháp luật là *tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân,* tôn trọng và bảo đảm *trên thực tế* các quyền tự do cơ bản, các lợi ích chính đáng, danh dự và nhân phẩm của con người. Đó là mục tiêu chung của cả đạo đức và pháp luật. Đương nhiên, đạo đức không phải là pháp luật, ngược lại pháp luật cũng không chỉ thể hiện hoặc phản ánh quan hệ đạo đức, song pháp luật cũng không chỉ thể hiện quyền lợi công dân đơn thuần mà còn nhằm mục đích xây dựng một nền đạo đức xã hội đảm bảo cho mọi người có cuộc sống lương thiện, yên vui, kẻ ác phải bị trừng phạt, người lương thiện được đảm bảo lợi ích cuộc sống công bằng. Đó chính là cơ sở triết lý của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, thể hiện trong pháp luật và cả trong quan hệ giữa đạo đức và pháp luật. Đối với Người, giữa đạo đức và pháp luật có mối quan hệ biện chứng như mối quan hệ giữa hình thức và nội dung, nội dung là đạo đức, hình thức là pháp luật; sẽ không có hình thức nếu không có nội dung và ngược lại; sẽ không có pháp luật thật sự nếu không có đạo đức thật sự.

Phạm trù đạo đức trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức cách mạng mang nội dung khác về chất so với đạo đức cũ, dù cho tất cả đều hướng về nhân dân, đều mang ý tưởng dân chủ, đều thể hiện tư tưởng nhân văn... Từ đó, nẩy sinh một vấn đề khác trong khi nghiên cứu tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Đó là mối quan hệ giữa đạo đức và lợi

ích công dân hay đúng hơn là trong quan niệm về lợi ích chung và lợi ích riêng.

3.3. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh và mối quan hệ giữa lợi ích chung và lợi ích riêng

Hồ Chí Minh đề cao vai trò của đạo đức tập thể, lên án quyết liệt chủ nghĩa cá nhân, coi chủ nghĩa cá nhân là một trong ba kẻ thù nguy hiểm của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tất nhiên, cần phân biệt lợi ích cá nhân và chủ nghĩa cá nhân. Hồ Chí Minh lên án chủ nghĩa cá nhân chứ không phủ nhận lợi ích chính đáng của cá nhân. Người nói: "Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân" không phải là "giày xéo lên lợi ích cá nhân". Mọi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của gia đình và bản thân. Nếu những lợi ích cá nhân đó không trái với lợi ích của tập thể thì không phải là xấu"[1]. Nhưng, ranh giới giữa lợi ích chính đáng với chủ nghĩa cá nhân, thường không phải bao giờ cũng dễ phân biệt, nhất là đối với những người mang nặng tư tưởng cá nhân chủ nghĩa. Hồ Chí Minh nói: "Chủ nghĩa cá nhân là một thứ rất gian giảo, xảo quyệt"[2]. Người có chủ nghĩa cá nhân thường không thấy mình là cá nhân chủ nghĩa. Hồ Chí Minh phải đặt cái mốc ranh giới rõ ràng, một bên là chủ nghĩa tập thể, đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân, một bên là chủ nghĩa cá nhân chỉ nghĩ đến lợi ích riêng, là kẻ thù của tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Người nói: *"Muốn có xã hội chủ nghĩa phải có người xã hội chủ nghĩa. Muốn có người xã hội chủ nghĩa phải có tư tưởng xã hội chủ nghĩa".*

"Tư tưởng xã hội chủ nghĩa trái hẳn với chủ nghĩa cá nhân. Cái gì không phải xã hội chủ nghĩa là cá nhân chủ nghĩa. "Cá nhân chủ nghĩa đẻ ra hàng trăm thứ tính xấu như siêng ăn, biếng làm, kèn cựa, nghĩ đến mình không nghĩ đến đồng bào, tham danh lợi, địa vị, v.v."[3].

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh thể hiện các quan điểm: a) Xem chủ nghĩa cá nhân là kẻ thù nguy hiểm của chủ nghĩa xã hội. b) Xem chủ nghĩa tập thể là nội dung chủ yếu của tư tưởng xã hội chủ nghĩa. c) Xem lợi ích chung và lợi ích riêng gắn bó chặt chẽ với nhau. Người có đạo đức là người biết đặt lợi ích chung lên trên lợi ích riêng, đôi khi phải hy sinh

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb. Sự thật, Hà Nội 1989, t.8, tr.246.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.8, tr.246.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.8, tr.251.

lợi ích riêng cho lợi ích chung. Đối với họ lợi ích chung chính là lợi ích lâu dài, lợi ích cơ bản của mỗi cá nhân.

Tư tưởng tư sản coi chủ nghĩa cá nhân là động lực của phát triển xã hội, động lực của sáng tạo tinh thần và của cải vật chất. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa của Mác cũng như tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh coi chủ nghĩa tập thể, việc quan tâm đến lợi ích chung là động lực thực tế và lâu dài của sự phát triển xã hội, động lực sáng tạo tinh thần của cá nhân và sự tăng trưởng kinh tế - xã hội. Đó là nói một cách khái quát và có phần giản đơn, thực tế giữa các nước cũng có những quan điểm rất khác nhau về động lực phát triển có liên quan đến tư tưởng đạo đức. Chẳng hạn, giữa Mỹ và Nhật vẫn có những khía cạnh khác nhau khi đề cao vị trí và vai trò cá nhân trong cộng đồng xã hội cũng như khi nói đến truyền thống văn hoá và đạo đức trong phát triển xã hội. Hồ Chí Minh chống chủ nghĩa cá nhân rất quyết liệt, nhưng trong ứng xử với từng cá nhân con người, cũng như sự quan tâm đến lợi ích chính đáng của con người, thì có thể nói, không ai bằng Hồ Chí Minh. Điều đó thể hiện chủ nghĩa nhân văn sâu sắc trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh luôn luôn nêu tấm gương trong sáng về chủ nghĩa tập thể, có ý thức đặt lợi ích chung lên trên lợi ích riêng, không một chút tham vọng cá nhân, mặc dù có quyền lực trong tay. Nhưng, Người không quan niệm chủ nghĩa tập thể một cách máy móc, đơn giản. Người luôn đặt lợi ích cá nhân gắn liền với lợi ích tập thể, lợi ích cá nhân trong lợi ích tập thể. Người chỉ phê phán chủ nghĩa cá nhân khi cá nhân tách khỏi tập thể để mưu cầu lợi ích riêng có hại cho lợi ích tập thể. Còn tập thể mà Người quan niệm là một tập thể đoàn kết, có trí tuệ, có sức mạnh động lực cho phát triển chứ không phải là tập thể của con số cộng của những con người thiếu tổ chức, thiếu kỷ luật. Với ý nghĩa đó, Đảng là một tập thể mạnh, các đoàn thể cách mạng là những tập thể mạnh. Nhưng, Đảng cũng như các đoàn thể, có trở thành tập thể mạnh hay không còn tuỳ thuộc chất lượng đạo đức của tập thể đó. Chính vì vậy, Người nói: "Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân"[1]. Trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh không có cái gì là bất

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.10, tr.666.

biến, vĩnh cửu, có cái hôm nay là mẫu mực của đạo đức, ngày mai có thể trở thành phản đạo đức, nếu cá nhân hoặc tập thể ấy không đặt lợi ích chung, lợi ích chính đáng, lợi ích của nhân dân lên trên lợi ích riêng, lợi ích bộ phận, thậm chí cả lợi ích dân tộc hẹp hòi.

Sự hình thành và ra đời hệ thống tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh không phải là hiện tượng ngẫu nhiên mà có cơ sở thực tiễn là xã hội Việt Nam với những đặc điểm lịch sử và văn hoá dân tộc riêng độc đáo của nó và cơ sở lý luận - triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin với sự vận dụng sáng tạo của Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng nước ta. Chính vì xuất phát từ hai cơ sở đó, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh có giá trị khoa học và thực tế đã được kiểm nghiệm thành công như một chân lý mang giá trị nhân loại.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC VÀ VIỆC TU DƯỠNG ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG*

PGS.TS. THÀNH DUY

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống bao gồm nhiều lĩnh vực, phản ảnh gần như toàn bộ những vấn đề quan trọng nhất của sự nghiệp cách mạng nước ta. Nhưng, có thể nói, vấn đề đạo đức của người cách mạng và việc tu dưỡng đạo đức vẫn được Hồ Chí Minh đặt ở vị trí hàng đầu và được nói đến nhiều nhất trong suốt cả cuộc đời hoạt động cách mạng của mình. Ngay từ tác phẩm đầu tiên viết về *Đường Kách mệnh* năm 1927, trước khi nói đến lý do viết sách này, Hồ Chí Minh mở đầu bằng bài viết về tư cách của người cách mệnh. Từ đó, hầu như không có bài viết hoặc bài nói nào trước cán bộ, đảng viên và nhân dân ta, Người không nhắc đến vai trò của đạo đức và việc giữ gìn, tu dưỡng đạo đức cách mạng. Cho đến lúc sắp phải từ giã cõi đời, Người vẫn không quên nhắc đến vai trò của đạo đức và việc giữ gìn, tu dưỡng đạo đức cách mạng trong bài viết *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* đăng trên báo *Nhân dân* ngày 03/02/1969. Ngay trong bản *Di chúc* của Người, điều nổi bật toát lên vẫn là căn dặn toàn Đảng, toàn dân giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng. Không chỉ nói mà bản thân Hồ Chí Minh luôn luôn nêu cao tấm gương trong sáng về đạo đức cách mạng. Chính vì vậy, chúng ta cần tìm hiểu không chỉ là tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh mà là một hệ thống những quan điểm đạo đức của Người.

I. Về một triết lý phát triển coi đạo đức là gốc của người cách mạng

Điều chúng ta nghiên cứu ở đây không chỉ là tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh mà là việc Người đề cao vị trí, vai trò của đạo đức trong lịch sử

---

* Trích trong cuốn: *Văn hóa đạo đức – mấy vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam* của PGS.TS. Thành Duy, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2004.

cách mạng nói chung, sự nghiệp cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng ta nói riêng. Đó là hiện tượng hợp quy luật hay là ngoại lệ chỉ thích hợp với hoàn cảnh lịch sử Việt Nam trong giai đoạn cách mạng giải phóng dân tộc. Vai trò của đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ có tác dụng như thế nào đến quá trình phát triển của đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ đó, chúng ta có thể rút ra ở tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức một triết lý phát triển như thế nào đối với Việt Nam và tương lai của nhân loại nói chung.

Hồ Chí Minh không phải là người đầu tiên đề cao vị trí, vai trò của đạo đức và coi đạo đức xã hội như một điều kiện có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển của xã hội. Trước đây hàng chục thế kỷ, chúng ta đã được biết đến các đạo giáo như Phật giáo, Khổng giáo, Lão giáo đều đề cao vị trí của đạo đức, đặc biệt là Khổng giáo. Khổng Tử là một nhà đạo đức lớn. Ông chủ trương xây dựng một nền chính trị đạo đức lấy chữ *nhân* làm nền tảng. Hồ Chí Minh đánh giá cao Nho giáo chủ yếu là ở đạo đức học. Người cho rằng: "Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân". Nhưng đừng vì thế mà nghĩ rằng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cũng giống như tư tưởng đạo đức của Khổng Tử. Hồ Chí Minh chỉ lấy cái hay, cái đúng của Nho giáo ở chỗ Nho giáo đề cao đạo đức nhưng không phải là thứ đạo đức trừu tượng mà là đạo đức của con người trần gian, đặc biệt là đạo làm người. "Tu thân" của Nho giáo là để "tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", tức là "tu thân" ở cõi đời để trở thành người có nhân, có đức. Về mặt nào đó chữ "nhân" của Nho giáo cũng như quan niệm về đạo đức của Khổng Tử dễ gần với chủ nghĩa nhân đạo mác-xít. Chúng tôi muốn nói dễ gần chứ không phải là giống chủ nghĩa nhân đạo của chủ nghĩa Mác. Cũng vậy, khi nói về quan điểm đạo đức Nho giáo, chúng ta cũng thấy có chỗ giống như Nho giáo đề ra "cần, kiệm, liêm, chính", Hồ Chí Minh cũng nói cần, kiệm, liêm, chính. Nhưng, khác về cơ bản, quan điểm Nho giáo đề ra "cần, kiệm, liêm, chính" là để người khác thực hiện chứ không phải cho vua, chúa, quan lại phong kiến thực hiện như Hồ Chí Minh đã từng có nhận xét.

Hồ Chí Minh không chỉ là một nhà đạo đức mà đúng hơn phải nói, Người là nhà cách mạng về đạo đức. Bởi lẽ, Người tiếp thu tất cả những cái hạy, cái đúng của Nho giáo về quan điểm đạo đức, song về cơ bản, Người đã cải tạo lại những mệnh đề đạo đức của Nho giáo khiến cho các mệnh đề đạo đức của Nho giáo đều trở thành hiện thực và quan trọng là

phù hợp với thực tế Việt Nam, với đường lối cách mạng nước ta. Từ đó, Người tạo cho mình một hệ thống quan điểm riêng về đạo đức học, bổ sung cho quan điểm đạo đức của chủ nghĩa Mác - Lênin, tạo thành một triết lý phát triển lấy đạo đức cách mạng làm nền tảng cho chủ thể cách mạng là cán bộ và Đảng cách mạng, là toàn thể nhân dân Việt Nam không phân biệt giai cấp và tầng lớp.

Tóm lại, cũng có thể nói, triết lý đạo đức học Hồ Chí Minh là triết lý phát triển của tất cả mọi người, hướng về con người, thực hiện sự nghiệp cách mạng của mọi người, nhất là người lao động bị áp bức, bóc lột. Đó cũng là triết lý đạo đức thể hiện sự đoàn kết tất cả mọi người cần lao trên thế giới để thực hiện sứ mệnh cách mạng cao cả là giải phóng con người khỏi áp bức, bóc lột, khỏi nghèo nàn, lạc hậu, để xây dựng một xã hội phồn vinh, bình đẳng, văn minh. Đó là chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Ý nghĩa triết lý của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức là ở chỗ Người đã tiếp nối quan điểm của Mác coi triết học không chỉ nhận thức xã hội mà chủ yếu là cải tạo xã hội. Xuất phát từ việc coi triết học có vai trò cải tạo xã hội và trong thực tế triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin đang đóng vai trò lịch sử của mình là cải tạo xã hội tư bản chủ nghĩa xây dựng một xã hội mới cao hơn là chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đã coi triết học mác-xít là triết học hành động, coi chủ nghĩa Mác - Lênin là kim chỉ nam cho hành động của mình. Từ đó, cũng có thể nói, tuy Hồ Chí Minh không phải là người đầu tiên đề ra triết học hành động cải tạo xã hội, song Người lại hành động cải tạo xã hội theo triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin trên thực tiễn xã hội Việt Nam.

Cũng chính vì thấy được trách nhiệm của mình là phải hành động cải tạo xã hội trên mảnh đất quê hương mình, Hồ Chí Minh không chỉ tiếp nối triết lý hành động theo triết học mác-xít mà quan trọng hơn là Người phải tìm ra con đường hành động theo triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin sao cho phù hợp với thực tiễn xã hội Việt Nam. Điều này thực sự quan trọng không kém tầm quan trọng của việc tìm ra triết lý hành động, bởi lẽ chân lý bao giờ cũng là chân lý cụ thể, triết lý hành động theo quan điểm mác-xít chỉ có thể trở thành chân lý khi nó được vận dụng sáng tạo trong hoàn cảnh cụ thể là xã hội Việt Nam với tất cả những đặc điểm về văn hoá và con người Việt Nam.

Tìm ra con đường hành động cách mạng phù hợp với thực tế lịch sử của một dân tộc ở phương Đông chưa có nền kinh tế phát triển, còn nhiều mặt lạc hậu và nhất là đang chịu sự áp bức, bóc lột tàn nhẫn của chủ nghĩa thực dân từ phương Tây tới, đó là điều chắc chắn Hồ Chí Minh phải trăn trở để tìm ra câu trả lời cho cả dân tộc. Và, thực sự Người đã tìm được câu trả lời trong quá trình bôn ba khắp năm châu bốn biển mới tìm ra con đường đúng đắn cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Như vậy là, một mặt Hồ Chí Minh khẳng định tính đúng đắn của triết học mác-xít, coi chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết cách mạng nhất, nhưng mặt khác, trong khi tìm hiểu và vận dụng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn xã hội Việt Nam, Người sớm phát hiện ra những đặc điểm ở Việt Nam và phương Đông nói chung khác với phương Tây, nơi Mác đã có điều kiện nghiên cứu và hình thành học thuyết cách mạng của mình. Chính vì vậy, từ năm 1924, trong một bản *Báo cáo về Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ* mà người ta khẳng định là của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh gửi cho Quốc tế Cộng sản, Người đã mạnh dạn phân tích đặc điểm các nước phương Đông, châu Á trong đó có Việt Nam chúng ta so với thực tế các nước tư bản phương Tây để trên cơ sở đó Người đề ra việc vận dụng chủ nghĩa Mác. Người nói: "Dù sao thì cũng không thể cấm bổ sung "cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được"... "Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông. Đó chính là nhiệm vụ mà các xô-viết đảm nhiệm"[1]. Từ đó, Hồ Chí Minh đã dũng cảm khẳng định: "Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước"[2]. Trong hoàn cảnh trước đây, việc Hồ Chí Minh mạnh dạn nói rõ quan điểm của mình có những khía cạnh bổ sung cho chủ nghĩa Mác, phải nói là một việc làm vô cùng dũng cảm và lịch sử đã chứng minh cho sự sáng suốt và đúng đắn của Hồ Chí Minh.

Nhờ việc nhận thức rõ chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước đồng thời phân biệt rõ chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, chủ nghĩa dân tộc tư sản với chủ nghĩa dân tộc chân chính nhân danh Quốc tế Cộng sản, Hồ Chí Minh chẳng những đoàn kết được mọi lực lượng cách mạng có thể đoàn kết được để chiến đấu và chiến thắng kẻ thù xâm lược, mà hơn thế,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.1, tr.466.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, tr.466.

Người đã tìm ra đường lối cách mạng đúng đắn kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, kết hợp cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng giải phóng xã hội, giải phóng con người của chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh của truyền thống văn hoá lâu đời của dân tộc với tinh hoa văn hoá thế giới mà chủ nghĩa Mác - Lênin là tinh hoa tiêu biểu nhất của thời đại.

Có thể nói, sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin cũng như việc tìm ra con đường cách mạng độc đáo phù hợp với thực tiễn xã hội Việt Nam của Hồ Chí Minh có giá trị như một phát hiện lý luận cách mạng có ý nghĩa triết học của thời đại chủ nghĩa thực dân còn bá chủ thế giới. Cho nên, không phải ngẫu nhiên từ sau những chiến thắng ở Việt Nam, phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước được củng cố, chủ nghĩa thực dân cũng dần dần mất chỗ đứng và đi đến chỗ tan rã.

Rõ ràng, quan điểm về con đường cách mạng ở Việt Nam của Hồ Chí Minh là một triết lý phát triển vừa phù hợp với thực tiễn xã hội Việt Nam, vừa có ý nghĩa chung như một triết lý phát triển ở những nước chưa qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản, nhất là đối với những nước bị đô hộ bởi chủ nghĩa thực dân ở phương Đông.

Nhưng cái triết lý phát triển nói trên của Hồ Chí Minh có quan hệ như thế nào đến vấn đề đạo đức đang đặt ra ở đây. Trước hết, phải thấy xuất phát điểm của cái triết lý trên về con đường cách mạng Việt Nam của Hồ Chí Minh là bắt nguồn từ một nội dung đạo đức cơ bản là chủ nghĩa yêu nước. Chính Hồ Chí Minh cũng nói: "Lúc đầu, chính là do chủ nghĩa yêu nước mà tôi tin theo Lênin. Rồi từng bước một tôi đi đến kết luận là chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân toàn thế giới". Đây là một kết luận hết sức quan trọng, thể hiện tầm trí tuệ vô cùng sáng suốt của Hồ Chí Minh, nhưng trước hết là ở nhiệt tình yêu nước, thương dân và sự cảm thông với những người cùng khổ trên khắp thế giới. Đó là một xuất phát điểm của đạo đức, sự thôi thúc của phẩm chất người cách mạng.

Phải chăng, cũng từ bài học của bản thân là nhờ có tấm lòng yêu nước, thương dân được xem như một động lực lớn, Hồ Chí Minh mới xem đạo đức là cái gốc của người cách mạng để từ đó Người đặt vấn đề đạo đức có tầm quan trọng như một triết lý phát triển của xã hội nói chung, của sự nghiệp cách mạng Việt Nam nói riêng. Ở đây còn có một ý nghĩa sâu

xa nữa mà có lẽ chúng ta chưa thấy hết, đó là việc Hồ Chí Minh không chỉ đặt đối tượng của sự nghiệp cách mạng mà mình theo đuổi là giải phóng con người, mà quan trọng là chủ thể cách mạng cũng là con người. Con người nói ở đây không phải là một siêu nhân nào đó có sứ mệnh đi giải phóng cho người khác mà chính là người dân, người cùng khổ, người bị áp bức. Tóm lại, "số phận dân ta ở trong tay ta, văn hoá soi đường cho quốc dân đi" như Hồ Chí Minh khẳng định là với ý nghĩa đó. Nói văn hoá soi đường là nói đến tầm trí tuệ của mỗi người, yêu cầu về dân trí, nhưng cũng là nói đến vai trò của đạo đức. Bởi lẽ, nếu thiếu đạo đức thì dù có văn hoá con người cũng không làm nên trò gì, hơn nữa, đạo đức mà Hồ Chí Minh đòi hỏi ở đây là đạo đức cách mạng. Bản chất đạo đức cách mạng đã tiềm ẩn một nội lực khiến cho con người phải vươn lên không ngừng để thực hiện những hoài bão của mình. Hồ Chí Minh là một tấm gương như vậy. Và Người mong muốn mọi người cũng như mỗi người nghĩ đến thân phận của mình và số phận của dân ta thì trước hết phải tự mình nâng mình lên, tự mình phát huy mọi tiềm năng mà mình có được để phụng sự cho nước cho dân trong đó có bản thân mình.

Hồ Chí Minh được mọi người tôn vinh là siêu nhân, và chính Người đã có nhiều công lao vĩ đại đối với đất nước ta, nhân dân ta và cả thế giới, cho nên Người được thừa nhận là anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hoá kiệt xuất của thế giới. Thế nhưng, Hồ Chí Minh lại không bao giờ xem mình là siêu nhân, là người đem hạnh phúc đến cho nhân dân ta. Điều đó chẳng những xuất phát từ phẩm chất khiêm tốn của Người mà còn xuất phát từ một quan niệm về triết lý phát triển xem sự nghiệp cách mạng là công việc của mọi người, của dân và do dân. Mỗi người dù tài giỏi đến mấy nếu không có nhân dân cũng không làm gì được. Chỉ có nhân dân mới là nhân tố quyết định của phát triển. Đó là một quan điểm mới về triết lý phát triển mà không phải ai cũng thấy, nhất là không phải ai cũng quán triệt được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cách mạng của mình. Đây là một nội dung đạo đức hết sức quan trọng mà hầu như chúng ta chỉ thấy rõ trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Bởi lẽ, Hồ Chí Minh không chỉ nói mà chính Người đã làm như vậy. Bản thân Người là một hình ảnh sinh động của triết lý xem đạo đức như một động lực của phát triển xã hội nói chung, của sự nghiệp cách mạng nước ta nói riêng.

Nhìn lại thực tế lịch sử của dân tộc ta, chúng ta có thể thấy rõ chỉ những triều đại nào biết dựa vào dân, coi dân mới thực sự là gốc của

nước, dân mới là sức mạnh, vừa có khả năng đẩy thuyền vừa có khả năng lật thuyền, thì triều đại đó chẳng những đứng vững được lâu mà còn vượt qua được những sóng gió giữ cho nước được độc lập, nhân dân được tự do, đất nước thịnh vượng. Đó là những tấm gương của Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Quang Trung và nhiều vị vua hiền tôi giỏi khác thời nào cũng có. Đương nhiên, không chỉ có đạo đức mà phải nói đến tài năng vốn được xem là một điều kiện cũng có vai trò quyết định trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Song, như Hồ Chí Minh đã từng nói giữa đức và tài thì đức cần có trước, bởi lẽ, nếu không có đức thì dù có tài cũng không để làm gì, thậm chí có tài mà không có đức có khi còn trở thành tai họa cho dân, cho cách mạng như nhiều người đã thấy ở nước ta và trên thế giới.

Nhìn lại sự nghiệp cách mạng nước ta từ sau Cách mạng Tháng Tám đến nay, chúng ta càng thấy rõ quan điểm xem đạo đức là gốc của người cách mạng của Hồ Chí Minh quan trọng và đúng đắn như thế nào. Có thể trước đây khi nói đến quan điểm xem đạo đức là gốc của người cách mạng của Hồ Chí Minh, có người còn e ngại chưa tin, tưởng rằng Hồ Chí Minh do chịu ảnh hưởng của Nho giáo nên mới đề cao vai trò của đạo đức như vậy. Nhưng đến nay, sau những thực tiễn sinh động, nhất là sau thời kỳ đất nước đổi mới, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường, đồng thời có sự mở cửa giao lưu, hội nhập với thế giới, chúng ta mới thấm thía với những quan điểm đúng đắn của Hồ Chí Minh trong việc đề cao vai trò của đạo đức, chống chủ nghĩa cá nhân một cách quyết liệt.

Triết lý phát triển xem đạo đức là gốc của người cán bộ cách mạng của Hồ Chí Minh không chỉ đúng với hoàn cảnh xã hội ta mà có thể đúng với tất cả những nước mà ở đó chính quyền cũng như người quản lý đất nước xem dân là đối tượng phục vụ của mình. Dù cho trong xã hội phát triển theo chủ nghĩa tư bản có khác với xã hội phát triển theo mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhưng nói chung đều phải thừa nhận và thực hiện những nguyên tắc cơ bản của đạo đức, vẫn phải xem trọng vị trí của đạo đức, biểu dương người có đức, phê phán những kẻ vô đạo đức làm hại cho dân, cho nước. Trong xã hội hiện đại những nguyên tắc đạo đức đều được ghi thành pháp luật và đòi hỏi mọi người sống trong xã hội đó phải bình đẳng về việc tuân thủ đạo đức xã hội cũng như bình đẳng trước pháp luật. Đó là yêu cầu tối thiểu của một xã hội dân chủ hoặc nhân danh là dân chủ. Bình đẳng về đạo đức xã hội và bình đẳng trước pháp

luật, chưa hẳn đã có công bằng xã hội. Bởi lẽ, muốn có công bằng xã hội còn đòi hỏi nhiều điều kiện khác trong sản xuất và nhất là trong khâu phân phối, mà điều đó thì không thể có được ở xã hội tư bản chủ nghĩa. Ngay cả trong xã hội ta, do điều kiện kinh tế chưa phát triển, điều kiện xã hội cũng chưa có thì vấn đề công bằng xã hội dù có đặt ra cũng chỉ là mục tiêu phấn đấu chứ chưa thành hiện thực. Song, về đạo đức và pháp luật được xem là nền tảng chung của xã hội, mà mọi người sống trong xã hội đó phải tuân theo, thì nhất thiết phải đảm bảo sự công bằng mới tạo động lực cho phát triển.

Từ đó, có thể nói, triết lý phát triển xem đạo đức là gốc, là nền tảng của xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh là một vấn đề mang tính quy luật chung của xã hội loài người. Có điều là đối với các xã hội còn sự áp bức, bóc lột người lao động như chủ nghĩa tư bản chẳng hạn, ý nghĩa triết lý của vấn đề đạo đức chỉ hạn chế trong pháp luật tư sản. Còn đối với chủ nghĩa xã hội, do mục tiêu của nó là xây dựng một xã hội không còn bị áp bức, bóc lột người lao động, mọi người đều bình đẳng trong các lĩnh vực, nhất là trong việc phân phối và hưởng thụ văn hoá, cho nên, ý nghĩa của triết lý phát triển xem đạo đức là gốc theo tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ được quy định trong các bộ luật mà còn là trách nhiệm rộng hơn của Đảng cầm quyền và Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Đương nhiên, đó là nói định hướng, là mục tiêu phấn đấu chứ chưa thành hiện thực. Bởi vì, để có được những điều kiện của chủ nghĩa xã hội hiện thực còn phụ thuộc vào nhiều mặt khác, nhất là sự tăng trưởng kinh tế. Nếu chỉ lấy mục tiêu của đạo đức để áp đặt thì không tránh khỏi rơi vào quan điểm ý chí luận. Song, dù bất cứ hoàn cảnh nào thì vấn đề đạo đức trong quản lý và xây dựng đất nước cũng không thể xem nhẹ. Điều đó có nghĩa là ít nhất trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xã hội ta cũng phải đảm bảo sự công bằng về đạo đức và công bằng trước pháp luật như đối với xã hội tư bản chủ nghĩa. Nếu không có công bằng về đạo đức thì vấn đề đạo đức chỉ còn là khẩu hiệu chứ không còn là động lực cho phát triển, và như vậy thì triết lý phát triển coi đạo đức là gốc theo tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ trở nên vô nghĩa. Đó là mới nói một mặt: *mặt đạo đức.*

II. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng

Đạo đức là một phạm trù rất quen thuộc và gần gũi với mỗi người. Nó gắn liền với bản chất con người và đời sống xã hội, đồng thời nó được xem

như một biểu hiện đặc trưng của nhân cách văn hoá. Cho nên, người ta thường nói đến văn hoá đạo đức. Nếu thiếu đạo đức con người sẽ không phải là con người bình thường và cuộc sống xã hội cũng không phải là một cuộc sống xã hội bình thường, ổn định.

Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội. Với tư cách là một hình thái ý thức xã hội, đạo đức phản ảnh các quan hệ ứng xử giữa những con người với con người, con người với xã hội và con người với tự nhiên. Xuất phát từ những lợi ích và quan hệ lợi ích nhất định, người ta phân biệt cái tốt với cái xấu, cái hay và cái dở, cái thiện và cái ác... thể hiện trong hành vi đạo đức cũng như trong động cơ và hiệu quả của hành vi đạo đức con người. Do đó, đạo đức một mặt gắn liền với con người cụ thể, mặt khác nó cũng gắn với mỗi giai cấp, mỗi tập đoàn, mỗi nghề nghiệp, với xã hội và dân tộc tạo nên nền tảng đạo đức mỗi xã hội nhất định. Vấn đề là phải biết nhìn nhận một cách đúng đắn, có cơ sở khoa học mối quan hệ giữa đạo đức cá nhân với đạo đức xã hội, giữa đạo đức đã hình thành trong một xã hội cụ thể, nhất định với đạo đức mới đang phát triển trong sự nghiệp cách mạng do yêu cầu của mỗi thời đại, mỗi hình thái xã hội.

Đạo đức mới đang phát triển ấy chính là đạo đức cách mạng mà Hồ Chí Minh đòi hỏi người cách mạng phải có để làm nền tảng. Cho nên, trước khi tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức nói chung cũng như đạo đức cách mạng nói riêng, chúng ta cần quán triệt một quan niệm có ý nghĩa phương pháp luận của Người về cách nhìn nhận đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội, đạo đức truyền thống và đạo đức hiện đại, đạo đức mới và đạo đức cũ, đạo đức dân tộc và tinh hoa đạo đức nhân loại...Đây là một vấn đề quan trọng, tuy Hồ Chí Minh không bàn đến như một nhà đạo đức học chân chính và cách mạng, nhưng Người đã quán triệt rất sâu sắc tính khoa học và tính cách mạng khi đề cập đến các vấn đề đạo đức và xây dựng nền đạo đức cách mạng.

Như chúng ta đều biết, trong xã hội bao giờ cũng có ba lợi ích: Lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể hay tập đoàn và lợi ích xã hội hay dân tộc, nói rộng hơn còn là lợi ích quốc tế hay nhân loại. Người ta có thể phát triển thành nhiều cấp độ lợi ích, nhưng tựu trung những lợi ích đó không nằm ngoài ba hình thái lợi ích nói trên. Những lợi ích ấy gắn liền với mỗi con người sống trong một xã hội cụ thể, nhất định, không phân biệt người đó là ai, thuộc giai cấp hoặc đẳng cấp nào.

Những lợi ích ấy có chính đáng hay không, có kết hợp được với nhau hay không, có được xem là đạo đức xã hội hay phi đạo đức, là cách mạng hay lạc hậu, thoái hoá...điều đó còn phụ thuộc vào quan niệm của mỗi người, nhất là tư tưởng chính thống của mỗi chế độ xã hội. Chế độ tư bản chủ nghĩa có quan niệm đạo đức khác với chế độ phong kiến và đương nhiên, chế độ xã hội chủ nghĩa cũng có quan niệm đạo đức khác với cả chế độ phong kiến và chế độ tư bản chủ nghĩa. Nhưng dù khác như thế nào thì mỗi con người sống trong một xã hội nhất định vẫn có cái nền chung về đạo đức truyền thống, tạo nên di sản văn hoá đạo đức đặc trưng của mỗi dân tộc khiến cho dân tộc này khác dân tộc khác, văn hoá dân tộc này khác văn hoá dân tộc khác về bản sắc văn hoá.

Đồng thời, nhờ có nền tảng đạo đức truyền thống ấy, mỗi xã hội có sự ổn định và tính bền vững của lịch sử dân tộc chung. Nếu không có cái nền chung ấy về đạo đức, con người sẽ không thành xã hội, sẽ không thể tồn tại như một xã hội loài người. Cho nên, bản thân vấn đề đạo đức vốn đã có vị trí, vai trò rất quan trọng trong mỗi xã hội, không ai không thấy. Có điều là, phải thấy cho được cả hai mặt: mặt tích cực của đạo đức cũ hay đạo đức truyền thống và mặt phát triển của đạo đức mới, đạo đức cách mạng, để trên cơ sở đó vừa tiếp thu những giá trị đạo đức truyền thống và nhân loại vừa xây dựng và phát triển nền đạo đức mới cho phù hợp với yêu cầu của mỗi xã hội, yêu cầu của tiến hoá, của sự nghiệp cách mạng. Đó chính là nội dung cơ bản có ý nghĩa khoa học và cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức và việc xây dựng đạo đức cách mạng mà chúng ta sẽ đề cập đến ở các nội dung sau.

Vấn đề đạo đức mà Hồ Chí Minh quan tâm và đề cao không chỉ là đạo đức theo nghĩa thông thường gắn với nhu cầu con người và xã hội nói chung. Mặc dù chúng ta thấy Người không bàn về đạo đức như một nhà đạo đức học, nhưng những khái niệm đạo đức và các phạm trù đạo đức cách mạng mà Người sử dụng và phát triển đều chứa đựng một nội dung khoa học rất sâu sắc, đều mang tính khoa học và cách mạng rất rõ rệt. Hơn thế nữa, có thể nói, Hồ Chí Minh đã thực hiện một cuộc cách mạng về đạo đức trên cơ sở khẳng định những giá trị đạo đức truyền thống, đồng thời tiếp thu, phát triển tinh hoa đạo đức nhân loại, đặc biệt là nội dung tư tưởng đạo đức cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Với ý thức thực hiện một cuộc cách mạng trên lĩnh vực đạo đức và đòi hỏi người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, Hồ Chí

Minh tạo ra cả một hệ thống tư tưởng đạo đức mới được Người cho là đạo đức cách mạng.

Khái niệm đạo đức cũng như các phạm trù đạo đức mà chúng ta đề cập ở đây gắn liền với nội dung các phạm trù đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Một mặt nó tiếp thu và phản ảnh những yếu tố tích cực của đạo đức cũ, đạo đức truyền thống, nhưng mặt khác nó phát triển tạo ra những nội dung mới khác về chất so với đạo đức cũ, đạo đức truyền thống. Để phân biệt đạo đức cũ với đạo đức mới, Hồ Chí Minh đã từng nói: "Có người cho đạo đức cũ và đạo đức mới không có gì khác nhau. Nói như vậy là lầm to. Đạo đức cũ và đạo đức mới khác nhau nhiều. Đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất, chân chổng lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu ngẩng lên trời. Bọn phong kiến ngày xưa nêu ra cần, kiệm, liêm, chính nhưng không bao giờ làm mà lại bắt nhân dân phải tuân theo để phụng sự quyền lợi của chúng. Ngày nay ta đề ta cần, kiệm, liêm, chính cho cán bộ thực hiện làm gương cho nhân dân theo để lợi cho nước, cho dân"[1].

Trong cách diễn đạt để phân biệt đạo đức mới với đạo đức cũ như trên, rõ ràng chúng ta thấy Hồ Chí Minh không những tiếp thu những khái niệm cần, kiệm, liêm, chính của đạo đức cũ mà Người còn sử dụng nó như sử dụng một phạm trù đạo đức cách mạng, nhưng đồng thời Người chỉ rõ chỗ khác cơ bản, khác về chất, không phải ở bản thân khái niệm mà chính là ở động cơ người sử dụng nó, cũng tức là động cơ về quan hệ lợi ích như đã nêu trên. Chính động cơ về quan hệ lợi ích ấy mới quyết định hành vi đạo đức và chính hành vi đạo đức mới là cơ sở cho quan niệm mới về đạo đức cách mạng. Nhìn chung, ở các phạm trù đạo đức khác như trung, hiếu, nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm,... Hồ Chí Minh đều có cách chuyển hoá từ phạm trù đạo đức cũ đưa vào nó một nội dung đạo đức mới, tạo ra hệ thống các phạm trù đạo đức cách mạng.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình nhà Nho yêu nước nghèo, Hồ Chí Minh sớm tiếp thu được truyền thống yêu nước của dân tộc. Đó là một trong những giá trị đạo đức truyền thống hết sức quan trọng, đã thôi thúc Người ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân. Nhưng, dù sao đó cũng chỉ là giá trị đạo đức thuộc nền tảng đạo đức cũ, đạo đức truyền thống chứ chưa phải là đạo đức mới. Đối với Hồ Chí Minh, chủ nghĩa yêu nước

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.6, tr.320-321.

truyền thống chỉ thực sự trở thành nền tảng đạo đức cách mạng từ khi Người tìm được con đường cứu nước, cứu dân, và cũng có thể nói, từ đó ở Hồ Chí Minh mới hình thành hệ thống tư tưởng đạo đức cách mạng như Người quan niệm.

Từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống đến với chủ nghĩa Mác – Lênin, tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh cũng đồng thời đi từ đạo đức truyền thống đến với đạo đức cách mạng. Nhưng, Người không dừng ở đạo đức cách mạng đơn thuần và máy móc theo học thuyết Mác – Lênin mà quan trọng hơn là Người đã vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, trong đó có tư tưởng về đạo đức học, nhằm tạo cho mình một đường lối cách mạng độc lập, có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có sự gắn liền giữa yêu cầu độc lập dân tộc với xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một đất nước vốn còn nghèo nàn, lạc hậu, chưa qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản.

Cũng từ đó, Hồ Chí Minh không chỉ tiếp thu nền tảng đạo đức mác-xít mà quan trọng là ở Người đã hình thành một hệ thống đạo đức cách mạng phù hợp với yêu cầu cách mạng của dân tộc ta. Cho nên, ở đây chúng ta sẽ không nói đến tư tưởng đạo đức cách mạng như một hệ tư tưởng đạo đức mác-xít nói chung mà chủ yếu nói đến hệ thống tư tưởng đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Điều đó hoàn toàn không có nghĩa là chúng ta đối lập hệ tư tưởng đạo đức cách mạng theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin với hệ thống tư tưởng đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh mà chỉ nhằm mục đích làm rõ đặc trưng quan điểm đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh, có sự vận dụng sáng tạo đồng thời bổ sung và phát triển những quan điểm đạo đức của chủ nghĩa Mác – Lênin mà chủ yếu là hạt nhân của chủ nghĩa nhân đạo mác-xít vào hoàn cảnh cụ thể của cách mạng Việt Nam. Còn sự tiếp thu và vận dụng sáng tạo nền tảng đạo đức mác-xít như thế nào, chúng ta sẽ phân tích ở phần sau, khi bàn đến nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh đã có sự khẳng định dứt khoát và khá sớm về vị trí, vai trò của đạo đức và việc tu dưỡng đạo đức cách mạng đối với người cách mạng. Từ năm 1927, trong tác phẩm *Đường Kách mệnh*, ngay ở trang mở

đầu trước khi nói đến lý do viết sách này, Người đã nói rõ tư cách một người cách mệnh. Người đòi hỏi:

Tự mình phải:

Cần kiệm.
Hoà mà không tư.
Cả quyết sửa lỗi mình.
Cẩn thận mà không nhút nhát.
Hay hỏi.
Nhẫn nại (chịu khó).
Hay nghiên cứu, xem xét.
Vị công vong tư.
Không hiếu danh, không kiêu ngạo.
Nói thì phải làm.
Giữ chủ nghĩa cho vững.
Hy sinh.
Ít lòng tham muốn về vật chất.
Bí mật.

Đối người phải:

Với từng người thì khoan thứ.
Với đoàn thể thì nghiêm.
Có lòng bày vẽ cho người.
Trực mà không táo bạo.
Hay xem xét người.

Làm việc phải:

Xem xét hoàn cảnh kỹ càng.
Quyết đoán.
Dũng cảm.
Phục tùng đoàn thể.

Đây là bài học vỡ lòng đầu tiên về đạo đức cách mạng mà Hồ Chí Minh muốn đòi hỏi ở người cách mạng. Từ bài học đầu tiên ấy, chúng ta thấy Người đã đề cập đến ba khía cạnh về lợi ích, phản ánh mối quan hệ

đạo đức mới, đạo đức cách mạng mà người cách mạng cần quán triệt trước tiên. Sau đó, hầu như không một bài viết hoặc bài nói nào, Người không nhắc lại tầm quan trọng của đạo đức thể hiện mối quan hệ giữa ba mặt nêu trên, đồng thời nêu cao việc tu dưỡng đạo đức cách mạng cũng chủ yếu trên ba mặt đó. Điều đó chứng minh rằng ngay từ đầu Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề đạo đức và việc tu dưỡng đạo đức cách mạng trên một cơ sở khoa học vững chắc, bắt nguồn từ việc nhận thức về các quan hệ lợi ích một cách toàn diện. Đó chính là quan niệm đạo đức gắn với văn hoá và phát triển, tạo ra nhân cách văn hoá để trên cơ sở đó hình thành một đội ngũ cán bộ mới quán triệt sâu sắc tư tưởng đạo đức cách mạng.

Trên cơ sở nắm vững đồng thời vận dụng sáng tạo tư tưởng đạo đức của chủ nghĩa Mác – Lênin trong điều kiện và hoàn cảnh Việt Nam, ngay sau Cách mạng Tháng Tám 1945, tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Hồ Chí Minh đã đề nghị: "Mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện: cần, kiệm, liêm, chính" để "làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động".

Tiếp đó, trong thư gửi Uỷ ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng, sau khi nêu rõ mối quan hệ giữa Chính phủ với nhân dân, Người viết: "Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Nhật, Pháp.

Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm.

Việc gì có hại cho dân, ta phải hết sức tránh.

Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta"[1].

Từ bài học vỡ lòng về đạo đức cách mạng chỉ đề ra những nguyên lý chung trong *Đường cách mệnh* do Hồ Chí Minh giảng cho những thanh niên yêu nước tự nguyện hoạt động cách mạng đến việc đề ra những nguyên tắc đầu tiên về hành vi đạo đức của người cách mạng đã có chức có quyền trong Chính phủ từ trung ương đến các làng, rõ ràng Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề đạo đức từ lĩnh vực lý luận sang lĩnh vực thực tiễn, đưa đạo đức cách mạng vào chính sự nghiệp cách mạng, coi đó là một

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.4, tr.56-57.

trong những nguyên tắc hoạt động cách mạng, phản ảnh các quan hệ về lợi ích tạo ra nền tảng vững chắc cho chính quyền cách mạng nói chung và người cách mạng nói riêng.

Cũng trên cơ sở nhận thức đúng đắn về các quan hệ lợi ích được xem như nền tảng của việc hình thành đạo đức mới, năm 1947, nói chuyện với cán bộ tỉnh Thanh Hoá, Hồ Chí Minh nhắc lại một nội dung tương tự nhưng cụ thể hơn như sau:

"**1. Mình đối với mình**: Đừng tự mãn, tự túc, nếu tự mãn, tự túc thì không tiến bộ. Phải tìm học hỏi cầu tiến bộ. Đừng kiêu ngạo, học lấy điều hay của người ta. Phải siêng năng tiết kiệm.

2. Đối với đồng chí mình phải thế nào?: Thân ái với nhau, nhưng không che đậy những điều dở. Học cái hay, sửa chữa cái dở. Không nên tranh giành ảnh hưởng của nhau. Không nên khinh ghét đố kỵ và khinh kẻ không bằng mình. Bỏ lối hiếu danh, hiếu vị...

3. Đối với công việc phải như thế nào?: Trước hết phải nghĩ cho kỹ, có việc làm trước mắt thành công nhưng thất bại về sau. Có việc địa phương này làm có lợi nhưng hại cho địa phương khác. Những cái như thế phải tránh... phải có kế hoạch bước đầu làm như thế nào? Thành công thì thế nào? Nếu thất bại thì thế nào? Mỗi ngày lúc sáng dậy, tự hỏi mình ngày hôm nay phải làm gì? Tối đi ngủ phải tự hỏi mình ngày hôm nay đã làm gì? Phải cẩn thận, cẩn thận không phải là nhút nhát, do dự...

4. Đối với nhân dân: Phải nhớ Đoàn thể làm việc cho dân. Đoàn thể mình mạnh hay yếu là ở dân. Dân nghe theo là mình mạnh. Hiểu nguyện vọng của dân, sự cực khổ của dân. Hiểu tâm lý của dân, học sáng kiến của dân. Nhưng có những việc dân không muốn mà phải làm như tản cư, nộp thuế, những việc ấy phải giải thích cho dân rõ. Phải tôn kính dân, phải làm cho dân tin, phải làm gương cho dân. Muốn cho dân phục phải được dân tin, muốn cho dân tin phải thanh khiết.

5. Đối với Đoàn thể: Trước lúc mình vào Đoàn thể nào phải hiểu Đoàn thể ấy là gì ? Vào làm gì ? Mỗi Đoàn thể phải vì dân vì nước. Khi vào Đoàn thể, tự do cá nhân phải bỏ. Phải tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh của Đoàn thể. Phải tuyệt đối trung thành. Khi bình thời phải hết sức làm việc. Khi nguy hiểm phải hy sinh vì Đoàn thể. Hy sinh tính mạng, quyền lợi, giữ danh giá của Đoàn thể. Muốn giữ danh giá của Đoàn thể phải giữ

danh giá mình. Không được báo cáo láo như: làm thành một việc thì phóng đại, thất bại thì giấu đi.

Một Đoàn thể mạnh thì cái tốt càng ngày càng phát triển, cái dở ngày càng bớt đi. Một điều tốt phải đưa ra tất cả mọi người cùng học, một điều xấu phải đưa ra tất cả mọi người cùng biết mà tránh"[1].

Với những điều căn dặn tỷ mỷ như trên đối với cán bộ, đảng viên, Hồ Chí Minh đã phát triển các quan hệ lợi ích, nhưng ở đây Người đã có sự chuyển hoá rất khéo léo, có cơ sở khoa học các quan hệ lợi ích, đặt dân vào vị trí trung tâm, đặt Đoàn thể vào vị trí động lực có chức năng phục vụ dân, đặt cá nhân mỗi người vào vị trí phụ thuộc, vừa phụ thuộc vào dân, vừa phụ thuộc vào Đoàn thể, vừa là đối tượng trong dân, vừa là động lực có trách nhiệm với dân. Cho nên, trong cá nhân mỗi người đã bao hàm các quan hệ về lợi ích. Đó chính là cơ sở khoa học của đạo đức và từ cơ sở khoa học ấy, đạo đức tạo ra động lực cách mạng, mới có đạo đức cách mạng.

Cũng năm 1947, Hồ Chí Minh viết tác phẩm *Đời sống mới* để giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện lối sống mới mà thực chất là một nội dung của đạo đức cách mạng. Người khẳng định: "Nếu mọi người cố gắng làm đúng đời sống mới, thì dân tộc nhất định sẽ phú cường". Sau đó, Người viết tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, trong đó phần quan trọng cũng là nói về tư cách và đạo đức cách mạng.

Đầu năm 1955, sau khi Chính phủ từ Việt Bắc về tiếp quản Thủ đô Hà Nội, Hồ Chí Minh viết bài *Đạo đức công dân* để không chỉ giáo dục cán bộ, đảng viên mà còn giáo dục cả nhân dân làm tròn nghĩa vụ người công dân với tư cách người chủ nước nhà.

Cũng trong năm đó, Người viết bài *Đạo đức cách mạng* nhằm phê phán những biểu hiện suy thoái về đạo đức của một số cán bộ, đảng viên. Đồng thời, Người không quên viết bài *Tự phê bình và phê bình* nhằm giúp vũ khí cho cán bộ, đảng viên sửa chữa khuyết điểm, phát triển ưu điểm, tiến bộ không ngừng.

Năm 1958, Hồ Chí Minh lại viết bài *Đạo đức cách mạng*, trong đó Người nêu rõ bản chất và nội dung của đạo đức cách mạng, đặc biệt nêu rõ những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân và việc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.5, tr.54-55.

Năm 1961, nhằm phục vụ lớp chỉnh huấn cán bộ, đảng viên, Hồ Chí Minh viết bài nói về việc xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, nêu lên một luận điểm quan trọng là "muốn có chủ nghĩa xã hội *trước hết* cần có con người xã hội chủ nghĩa".

Tháng 6 năm 1968, cũng với ý thức xây dựng đạo đức cách mạng, Hồ Chí Minh phát biểu về việc xuất bản loại sách "*Người tốt việc tốt*". Người cho rằng đó là "phương pháp lấy quần chúng giáo dục quần chúng rất sinh động và có sức thuyết phục rất lớn".

Ngày 3-2-1969, nhân kỷ niệm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh viết bài *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, trong đó Người kịch liệt phê phán những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân.

Cuối cùng, phải nhắc đến bản *Di chúc* thiêng liêng của Người để lại cho toàn Đảng, toàn dân, trong đó không chỉ có những lời căn dặn ân tình với tầm nhìn chiến lược đối với Đảng và Chính phủ mà Người cũng không quên nhắc nhở Đảng ta giữ gìn đạo đức cách mạng và chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên và thanh niên nói chung.

Trên đây chỉ điểm lại rất sơ lược về một số tác phẩm và bài viết của Hồ Chí Minh trong những thời điểm lịch sử khác nhau, chúng ta đã thấy rõ Người đặt tầm quan trọng của việc nâng cao đạo đức cách mạng như thế nào đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Từ bài giảng đầu tiên trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* cho đến bản *Di chúc* cuối cùng, Hồ Chí Minh đều quan tâm đến tư cách và đạo đức cách mạng, thường xuyên dành việc xây dựng, rèn luyện đạo đức cách mạng ở vị trí ưu tiên hàng đầu. Hơn thế, bản thân Người luôn nêu cao tấm gương trong sáng về đạo đức cách mạng, về việc rèn luyện, tu dưỡng suốt đời về đạo đức cách mạng.

Ở đây, chúng ta chỉ mới nói đến những điều cơ bản và có thể nói là sơ đẳng nhất mà Hồ Chí Minh đòi hỏi đối với cán bộ, đảng viên và người hoạt động cách mạng nói chung là phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng. Nói rõ lý do vì sao phải đề cao đạo đức cách mạng, Người nói: "Làm cách mạng là để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới, là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh phức tạp, lâu dài và gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi xa. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang".

Vậy nội dung và bản chất của đạo đức cách mạng là gì? Mặt đối lập của đạo đức cách mạng là gì? Đó là những vấn đề sẽ đề cập ở phần sau.

III. Nội dung và bản chất của đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Nói rõ vị trí, vai trò và định nghĩa bản chất của đạo đức cách mạng, Hồ Chí Minh đã đề cập đến trong những bối cảnh, thời điểm và cách diễn đạt khác nhau, nhưng nói chung đều có sự nhất quán như Người đã từng định nghĩa: "Đạo đức cách mạng là bất kỳ ở cương vị nào, bất kỳ làm công việc gì, đều không sợ khó, không sợ khổ, đều một lòng một dạ phục vụ lợi ích chung của giai cấp, của nhân dân, đều nhằm mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đạo đức cách mạng là đạo đức tập thể, nó phải đánh thắng và tiêu diệt chủ nghĩa cá nhân"[1]. Có thể xem đó là một định nghĩa khái quát nhất, chung nhất, súc tích nhất và đúng đắn nhất về khái niệm đạo đức cách mạng.

Nhưng Hồ Chí Minh không chỉ nói chung mà Người còn nói cụ thể hơn với những đối tượng cán bộ, đảng viên, đoàn viên và nhân dân về các tiêu chí đạo đức cách mạng trong những lần tiếp xúc hoặc trong các bài viết. Chẳng hạn, năm 1947, trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Người dành hẳn một phần (phần III) để nói về tư cách và đạo đức cách mạng. Sau khi nói về tư cách của đảng viên chân chính cách mạng và phận sự của cán bộ, đảng viên, Người viết: "Người đảng viên, người cán bộ tốt muốn trở nên người cán bộ cách mạng chân chính, không có gì là khó cả. Điều đó hoàn toàn do lòng mình mà ra. Lòng mình chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì đồng bào thì mình sẽ tiến đến chỗ chí công, vô tư. Mình đã chí công, vô tư thì khuyết điểm sẽ càng ít, mà những tính tốt như sau ngày càng thêm.

Nói tóm tắt, tính tốt ấy gồm có năm điều: Nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm.

Sau đó, Người giải thích rõ từng điều theo cách riêng của mình:

a) NHÂN là thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng chí và đồng bào. Vì thế mà kiên quyết chống lại những người, những việc có hại đến Đảng, đến nhân dân. Vì thế mà sẵn lòng chịu cực khổ trước mọi người, hưởng hạnh phúc sau thiên hạ. Vì thế mà không ham giàu sang, không e

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.10, tr.306.

cực khổ, không sợ oai quyền. Những người đã không ham, không e, không sợ gì thì việc gì phải họ đều làm được.

b) NGHĨA là ngay thẳng, không sợ tư tâm, không làm việc bậy, không có việc gì giấu Đảng. Ngoài lợi ích của Đảng, không có lợi ích riêng phải lo toan. Lúc Đảng giao cho việc thì bất kỳ to nhỏ, đều ra sức làm cẩn thận. Thấy việc phải thì làm, thấy việc phải thì nói. Không sợ người ta phê bình mình, mà phê bình người khác cũng luôn luôn đúng đắn.

c) TRÍ vì không có việc tư túi làm nó mù quáng, cho nên đầu óc trong sạch, sáng suốt. Dễ hiểu lý luận. Dễ tìm phương hướng. Biết xem người. Biết xét việc. Vì vậy mà biết làm việc có lợi, tránh việc có hại cho Đảng, biết vì Đảng mà cất nhắc việc tốt, đề phòng người gian.

d) DŨNG là dũng cảm, gan góc, gặp việc phải có gan làm. Thấy khuyết điểm có gan sửa chữa. Cực khổ, khó khăn có gan chịu đựng. Có gan chống lại những sự vinh hoa, phú quý, không chính đáng. Nếu cần, thì có gan hy sinh cả tính mệnh cho Đảng, cho Tổ quốc, không bao giờ rụt rè, nhút nhát.

đ) LIÊM là không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không ham người tâng bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hoá.

Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ.

Đó là đạo đức cách mạng. Đạo đức đó không phải là đạo đức thủ cựu. Nó là đạo đức mới, đạo đức vĩ đại, nó không phải vì danh vọng của cá nhân, mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người.

Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hoá, xấu xa thì còn làm nổi việc gì"[1].

Như vậy là, từ các khái niệm đạo đức cũ nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm, Hồ Chí minh đã đưa vào đó nội dung đạo đức cách mạng bằng cách giải

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.5, tr.251-253.

thích nó theo quan niệm mới, phản ảnh các mối quan hệ lợi ích mới mà ở đó dân vẫn là trung tâm, Đoàn thể là động lực, cá nhân mỗi người vẫn là phụ thuộc, vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng.

Cũng trên cơ sở đó, năm 1949, với bút danh *Chiến Thắng*, dưới đầu đề *Cần, kiệm, liêm, chính*, Hồ Chí Minh viết:

"Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông.
Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc.
Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.
Thiếu một mùa thì không thành trời.
Thiếu một phương thì không thành đất.
Thiếu một đức thì không thành người".

Sau đó, Người còn viết bốn bài báo đăng trên báo *Cứu quốc* với bút danh *Chiến Thắng* giải thích rõ nội dung của bốn đức nêu trên.

Nói về *Cần*, Người viết: "Chữ Cần chẳng những có nghĩa hẹp, như: Tay siêng làm thì hàm siêng nhai. Nó còn có nghĩa rộng là mọi người đều phải Cần, cả nước đều phải Cần.

Người siêng năng thì mau tiến bộ.
Cả nhà siêng năng thì chắc ấm no.
Cả làng siêng năng thì làng phồn thịnh.
Cả nước siêng năng thì nước mạnh giàu.

Tóm lại, Cần là luôn luôn cố gắng, luôn luôn chăm chỉ, cả năm cả đời. Nhưng không phải quá trớn. Phải biết nuôi dưỡng tinh thần và lực lượng của mình, để làm việc cho lâu dài.

Lười biếng là kẻ địch của chữ Cần.

Vì vậy, lười biếng là kẻ địch của dân tộc".

Nói về *Kiệm*, Người nói: Kiệm là tiết kiệm, không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi. Cần với Kiệm phải đi đôi với nhau, như hai chân của con người".

Về *Liêm*, Người giải thích: "Liêm là trong sạch, không tham lam... Ngày xưa, dưới chế độ phong kiến, những người làm quan không đục khoét dân, thì gọi là Liêm, chữ liêm ấy chỉ có nghĩa hẹp... Ngày nay, nước ta là

Dân chủ cộng hoà, chữ Liêm có nghĩa rộng hơn; là mọi người đều phải Liêm. Cũng như trung là trung với Tổ quốc, hiếu là hiếu với nhân dân; ta thương cha mẹ ta, mà còn phải thương cha mẹ người, phải cho mọi người đều biết thương cha mẹ".

Khi nói về *Chính*, Người viết: "Một người phải Cần, Kiệm, nhưng còn phải Chính mới là người hoàn toàn. Trên quả đất, có hàng muôn triệu người. Song số người ấy có thể chia thành hai hạng: người *Thiện* và người *Ác*.

Trong xã hội, tuy có trăm công, nghìn việc. Song những việc ấy có thể chia làm hai thứ: việc *Chính* và việc *Tà*.

Làm việc Chính, là người Thiện

Làm việc Tà, là người Ác

Siêng năng (cần), tần tiện (kiệm), trong sạch (liêm), chính là *thiện*.

Lười biếng, xa xỉ, tham lam, là *ác*, là *tà*.

Bất kỳ ở tầng lớp nào, giữ địa vị nào, nghề nghiệp gì, sự hoạt động của một người trong xã hội có thể chỉ làm ba mặt:

1. Mình đối với mình.
2. Mình đối với người.
3. Mình đối với công việc.

"Sông to, biển rộng, thì bao nhiêu nước cũng chứa được, vì độ lượng nó rộng và sâu. Cái chén nhỏ, cái đĩa cạn, thì một chút nước cũng đầy tràn, vì độ lượng nó hẹp nhỏ. Người mà tự kiêu, tự mãn, cũng như cái chén, cái đĩa cạn"[1].

Như vậy là, cũng như khi giải thích các khái niệm Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, Liêm, Hồ Chí Minh đã đưa vào các khái niệm Cần, Kiệm, Liêm, Chính, một nội dung đạo đức mới rất cách mạng mà vẫn giữ được cái nền tảng của các khái niệm đạo đức cũ rất quen thuộc với mọi người.

Đến năm 1955, dưới đầu đề bài viết *Người cán bộ cách mạng*, Người viết: "Người cán bộ phải có đạo đức cách mạng. Phải giữ đạo đức cách mạng mới là người cán bộ cách mạng chân chính. Đạo đức cách mạng có thể nói tóm tắt là:

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.5, tr.644.

Nhận rõ phải, trái, giữ vững lập trường.

Tận trung với nước. Tận hiếu với dân.

Đến năm 1958, dưới bút danh Trần Lực, Người viết bài *Đạo đức cách mạng,* nói rõ thêm nội dung của đạo đức cách mạng.

Người viết: "Nói tóm tắt, thì đạo đức cách mạng là:

Quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng. Đó là điều chủ chốt nhất.

Ra sức làm việc cho Đảng, giữ vững kỷ luật của Đảng, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng.

Đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc.

Ra sức học tập chủ nghĩa Mác – Lênin, luôn luôn dùng tự phê bình và phê bình để nâng cao tư tưởng và cải tiến công tác của mình và cùng đồng chí của mình tiến bộ"[1].

Tuy có những cách định nghĩa khác nhau về nội hàm các khái niệm đạo đức cách mạng, nhưng nhìn chung đều có sự nhất quán về tinh thần cách mạng và phương pháp tư duy. Vậy từ các khái niệm nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm, đến cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, từ trung, hiếu đến thiện, ác...chúng ta có thể rút ra những đặc điểm gì trong các định nghĩa về nội dung đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

1/ Trước hết, có thể thấy hầu hết các khái niệm đạo đức Hồ Chí Minh thường sử dụng để chuyển hoá thành đạo đức cách mạng đều là những khái niệm đạo đức cũ, vốn rất quen thuộc với nhân dân và dân tộc ta. Nhưng, Người đã cải tạo, chuyển hoá các khái niệm, phạm trù đạo đức cũ ấy thành đạo đức mới bằng cách đưa vào nó một nội dung hoàn toàn khác, rất cách mạng, khiến cho các phạm trù đạo đức cũ ấy hoặc mang nội dung mới như khái niệm trung, hiếu, hoặc mang ý nghĩa mới như nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm, cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư...

2/ Trong khi cải tạo, chuyển hoá các phạm trù đạo đức cũ thành các phạm trù đạo đức mới, đạo đức cách mạng, Hồ Chí Minh đã cố gắng giữ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.9, tr.285.

lại mặt tích cực của các phạm trù đạo đức cũ, nhưng Người cho đó là nội dung hẹp. Từ nội dung hẹp của các phạm trù đạo đức cũ, Người mở rộng đưa vào đó một nội dung mới, tiến bộ, cách mạng mà tiêu biểu nhất là các khái niệm trung, hiếu, nhân, nghĩa... Từ trung với vua thành trung với nước; từ hiếu với cha mẹ mình thành hiếu với dân; từ nhân chỉ là nhân ái thành nhân dân, từ cần cho riêng mình thành cần cho cả xã hội; từ kiệm cho riêng mình thành tiết kiệm chung phục vụ cho đất nước; từ liêm nghĩa là liêm khiết, không tham nhũng nghĩa là chỉ giữ cho bản thân mình trong sạch, Người mở rộng thành vấn đề liêm khiết mang tính xã hội; từ chính nghĩa là không tà, nghĩa là thẳng thắn, đúng đắn, Người chuyển sang vấn đề thiện, ác; làm việc chính là người thiện, làm việc tà là người ác.

Nhìn chung, ở các phạm trù đạo đức khác, Hồ Chí Minh đều có cách giải thích riêng rất độc đáo khiến cho mọi người đều có thể dễ hiểu, dễ chấp nhận và nhất là dễ thực hiện nếu thực sự muốn tiến bộ.

3/ Gắn liền với các phạm trù đạo đức, Hồ Chí Minh bao giờ cũng đề ra các yêu cầu cách mạng phù hợp với từng đối tượng. Khi nói về nhiệm vụ của người tướng trong quân đội, Người giải thích các khái niệm trí, dũng, nhân, tín, liêm, trung theo cách riêng phù hợp với yêu cầu đối với người làm tướng.

Chẳng hạn, Người nói: "Trí là phải có óc sáng suốt để nhìn mọi việc, để suy xét địch cho đúng. Tín là phải làm cho người ta tin mình. Thí dụ đã hứa thưởng thì phải thưởng. Tín cũng còn có nghĩa là tự tin ở sức mình nữa, nhưng không phải là tự mãn, tự cao. Dũng là không được nhút nhát, phải can đảm, dám làm những việc đáng làm, dám đánh những trận đáng đánh. Nhân là phải thương yêu cấp dưới, phải đồng cam cộng khổ với họ. Đối với địch hàng ta phải khoan dung. Liêm là chớ tham của, chớ tham sắc, tham sắc thì hay bị mỹ nhân kế, chớ tham danh vọng, tham sống. Trung là trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với nhân dân, với cách mạng, với Đảng.

Với các tầng lớp nhân dân, Người đều đưa ra những chuẩn mực đạo đức riêng phù hợp với từng đối tượng. Chẳng hạn, đối với tư cách người công an cách mạng, Người nói:

"Đối với mình phải cần, kiệm, liêm, chính.

Đối với đồng sự phải thân ái giúp đỡ.

Đối với nhân dân, phải kính trọng, lễ phép.

Đối với công việc, phải tận tuỵ.

Đối với địch, phải kiên quyết, khôn khéo.

Nói tóm lại là những đạo đức và tư cách mà người công an cách mệnh phải có, phải giữ cho đúng".

Với quân đội, Người đòi hỏi:

"Trung với nước, hiếu với dân,

Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành,

Khó khăn nào cũng vượt qua.

Kẻ thù nào cũng đánh thắng !".

Với các cháu thiếu niên và nhi đồng, Hồ Chí Minh cũng đề ra những chuẩn mực đạo đức riêng phù hợp với các cháu như:

1. Phải siêng học,

2. Phải giữ sạch sẽ,

3. Phải giữ kỷ luật,

4. Phải làm theo đời sống mới,

5. Phải thương yêu giúp đỡ cha mẹ anh em.

Ngay cả với những cán bộ lớn tuổi đang theo học trường Đảng, khi đến thăm, Người cũng đề ra những đòi hỏi riêng:

"...Học để làm việc,

làm người,

làm cán bộ,

Học để phụng sự Đoàn thể,

giai cấp và nhân dân,

Tổ quốc và nhân loại.

Muốn đạt mục đích thì phải:

Cần, kiệm, liêm, chính,

Chí công, vô tư". (Lời ghi ở trang đầu *Sổ vàng truyền thống* trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương, tháng 9 năm 1949).

Trên đây, chúng tôi chỉ nêu một vài ví dụ chứ không thể nói hết những đòi hỏi về đạo đức cách mạng với các tầng lớp nhân dân khác như công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, trí thức, phụ lão, đồng bào công giáo, Phật giáo... Hồ Chí Minh quan tâm đến tất cả mọi người, cho nên, hầu như Người đều có những điều dặn dò riêng về việc tu dưỡng đạo đức cách mạng phù hợp với mọi đối tượng, mọi tầng lớp nhân dân ta.

4/ Quan trọng hơn, phải nói đến cách cải tạo, chuyển đổi các phạm trù đạo đức cũ thành đạo đức mới, đạo đức cách mạng của Hồ Chí Minh. Người ý thức rất rõ về các quan hệ lợi ích, không cực đoan về phía này hay phía khác mà bao giờ cũng thấy trong lợi ích chung có lợi ích riêng, muốn có lợi ích riêng trước hết phải quan tâm đến lợi ích chung.

Điều này về cơ bản khác với các quan niệm về đạo đức tư sản chỉ đề cao cá nhân một cách tuyệt đối, dẫn đến chủ nghĩa cá nhân cực đoan. Nó cũng rất khác với các quan điểm giáo điều chỉ thấy quan điểm giai cấp về đạo đức một cách máy móc hoặc theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan mà không thấy trong giai cấp có cá nhân, trong dân tộc có quốc tế, có nhân loại.

Sự sáng tạo của Hồ Chí Minh là ở chỗ, Người đã có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa cá nhân với giai cấp, giữa dân tộc với quốc tế, giữa truyền thống với hiện đại, tạo ra trong quan niệm mới về đạo đức cách mạng sự hài hoà về các mối quan hệ lợi ích. Đồng thời, Người cũng chỉ rõ: Trong quan hệ lợi ích, giữa cái chung và cái riêng, giữa tập thể và cá nhân...thì cái chung phải ở trên cái riêng, tập thể phải cao hơn cá nhân...Đó là quan niệm biện chứng, thể hiện tính khoa học trong nhận thức về mối quan hệ lợi ích cũng như về các mối quan hệ xã hội nói chung.

Không chỉ nói đến mối quan hệ lợi ích mà cả quan hệ giữa đức và tài, Hồ Chí Minh cũng có sự nhận thức biện chứng, không nhìn và đánh giá con người thiên về một phía đức hoặc tài. Bao giờ Người cũng thấy cả hai mặt đều quan trọng và có quan hệ khăng khít với nhau, đều không thể coi nhẹ mặt nào, nhưng nếu cần so đo, xếp trên dưới thì theo Người "đức phải có trước tài", vì nếu có tài mà không có đức thì cái tài ấy không những không có tác dụng mà có khi còn có hại cho dân cho nước.

5/ Một nội dung quan trọng khác phải nói đến là ý nghĩa cách mạng của các định nghĩa về khái niệm đạo đức cách mạng của Hồ Chí Minh, mặc dù ở các đặc điểm về nội dung nêu trên chúng ta đều thấy trong đó

bao hàm ý nghĩa cách mạng. Từ các phạm trù đạo đức cách mạng nêu trên, chúng ta thấy rõ Hồ Chí Minh không đối lập đạo đức cũ với đạo đức mới mà chỉ tiếp thu mặt tích cực đồng thời phát triển nó cho phù hợp với yêu cầu của thời đại. Mặt đối lập với đạo đức tạo nên tính cách mạng của đạo đức mới, đạo đức cách mạng chính là ở việc chống chủ nghĩa cá nhân một cách đúng đắn và đúng mức. Hoàn toàn không phải là ngẫu nhiên khi chúng ta thấy Hồ Chí Minh lên án chủ nghĩa cá nhân một cách quyết liệt đến như vậy. Người coi chủ nghĩa cá nhân là kẻ thù của cách mạng, kẻ thù của chủ nghĩa xã hội, đối lập hoàn toàn với đạo đức cách mạng. Hầu như không có bài nói hoặc bài viết nào về đạo đức, Người lại không đề cập đến việc chống chủ nghĩa cá nhân ở khía cạnh này hay khác. Cho đến cuối đời, trong bài viết *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, Người vẫn không quên lên án quyết liệt chủ nghĩa cá nhân. Người đã nhiều lần khẳng định rằng chủ nghĩa cá nhân là kẻ thù của cách mạng, của đạo đức cách mạng. Và thực tế ngày nay chúng ta ngày càng thấy sự lên án chủ nghĩa cá nhân của Người là đúng và cần thiết.

Định nghĩa về chủ nghĩa cá nhân, Hồ Chí Minh viết: "Chủ nghĩa cá nhân là việc gì cũng chỉ lo cho lợi ích riêng của mình, không quan tâm đến lợi ích chung của tập thể, "miễn là mình béo, mặc thiên hạ gầy". Nó là mẹ đẻ ra mọi tính hư nết xấu như: lười biếng, suy bì, kiêu căng, kèn cựa, nhút nhát, lãng phí, tham ô, v.v... Nó là kẻ thù hung ác của đạo đức cách mạng, của chủ nghĩa xã hội"[1]. Người còn nói: "Chủ nghĩa cá nhân trái ngược với đạo đức cách mạng, nếu nó còn lại trong mình, dù là ít thôi, thì nó sẽ chờ dịp để phát triển, để che lấp đạo đức cách mạng, để ngăn trở ta một lòng, một dạ đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng"[2].

Nhưng khi chống chủ nghĩa cá nhân, Hồ Chí Minh lại là người quan tâm đến lợi ích của mỗi cá nhân con người hơn ai hết. Người cho rằng: "Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là "giày xéo lên lợi ích cá nhân". Mọi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của gia đình và bản thân mình. Nếu những lợi ích của cá nhân đó không trái với lợi ích của tập thể thì không phải là xấu"[3]. Tóm lại, đối với

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.10, tr.306.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.9, tr..283.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.9, tr..291.

Hồ Chí Minh, chủ nghĩa cá nhân chẳng những trái với đạo đức cách mạng mà còn là tư tưởng mẹ đẻ ra mọi thói hư tật xấu, cản trở việc nâng cao đạo đức cách mạng, cho nên, việc chống chủ nghĩa cá nhân phải coi là việc thường xuyên của mỗi người.

Song, chống chủ nghĩa cá nhân và quan tâm đến lợi ích chính đáng của mỗi cá nhân là hai việc hoàn toàn khác nhau. Không bao giờ được lấy cớ chống chủ nghĩa cá nhân để quên đi việc chăm sóc đến lợi ích con người vốn là một nội dung quan trọng của đạo đức cách mạng. Hồ Chí Minh chống chủ nghĩa cá nhân rất quyết liệt nhưng đồng thời lại là người quan tâm đến người khác, đến lợi ích con người hơn ai hết.

6/ Bản chất đạo đức cách mạng là đối lập với chủ nghĩa cá nhân nhưng không phải chủ yếu ở việc chống chủ nghĩa cá nhân. Bản chất đạo đức cách mạng là việc xây dựng lẽ sống ở đời và làm người như Hồ Chí Minh từng nói: "Ở đời và làm người là phải thương nước, thương dân, thương nhân loại bị đau khổ, áp bức". Đây mới chính là điều cốt lõi nhất thuộc bản chất của đạo đức cách mạng. Chính điều cốt lõi này đã chứa đựng quan niệm sâu xa về triết lý nhân sinh và hành động, triết lý về hạnh phúc và về đạo làm người, về quan niệm nhân văn...

Điều cốt lõi này cũng chính là bản chất chủ nghĩa nhân đạo mác-xít mà Hồ Chí Minh đã tiếp thu được. Nó chi phối toàn bộ hành vi đạo đức cũng như phương pháp tư duy của người cách mạng. Nó tạo cho con người một nhân cách văn hoá thật sự trong sáng, cao thượng, đúng tầm với sự nghiệp cách mạng theo quan niệm của chủ nghĩa Mác – Lênin, nhưng lại mang sắc thái và đặc trưng cốt cách đạo đức Hồ Chí Minh của phương Đông và Việt Nam chúng ta.

Đối với Hồ Chí Minh, điều quan trọng có ý nghĩa quyết định của đạo đức cách mạng, chính là thái độ đối với dân. Dân là trung tâm của sự nghiệp cách mạng. Dân cũng là nội dung cốt lõi có ý nghĩa thử thách thái độ cách mạng của người cách mạng.

Lòng thương người hay chủ nghĩa nhân văn xét đến cùng là thái độ đối với dân. Với cán bộ, đảng viên, đó là thái độ tận tuỵ phục vụ nhân dân. Với Đảng cách mạng và Nhà nước của dân, đó là: không chỉ coi dân là gốc mà còn phải coi dân là đối tượng phục vụ trên hết và trước hết, việc gì có lợi cho dân thì hết sức làm, việc gì có hại cho dân thì phải hết sức

tránh. Nếu dân đói là Đảng và Chính phủ có lỗi; Nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; Nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi; Nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi. Có lẽ chưa bao giờ có một lãnh tụ nào đề ra những mục tiêu cụ thể đến như vậy đối với cán bộ, đảng viên cũng như Đảng và Chính phủ của dân. Đây mới thực sự là nội dung chủ chốt nhất của đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Chính vì thế, Người không chỉ nói nhiều lần mà bản thân Người đã thực hiện đúng như vậy trong những năm tháng Người đứng đầu Đảng và Nhà nước ta.

Sáu nội dung nêu trên chưa phải là toàn bộ những đặc điểm và bản chất của đạo đức cách mạng, nhưng có thể nói, đó là những đặc trưng cơ bản nhất, không chỉ phân biệt đạo đức cách mạng với đạo đức không cách mạng mà còn phản ảnh đặc trưng bản chất nhất nội dung đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thấy rõ vị trí, vai trò của đạo đức cách mạng, suốt đời Hồ Chí Minh kiên trì giáo dục cán bộ, đảng viên phải giữ gìn cho được phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Người cho rằng trong đầu óc mọi người đều có sự đấu tranh giữa cái Thiện và cái Ác hoặc nói theo cách mới là sự đấu tranh giữa tư tưởng cộng sản và tư tưởng cá nhân chủ nghĩa. Người nói: "Người ta ai cũng có tính tốt và tính xấu", cũng như "trong xã hội có Thiện và có Ác". "Theo nghĩa rộng thì cả thế giới và trong một nước có Thiện và có Ác. Theo nghĩa hẹp thì trong bản thân và tư tưởng của mỗi người cũng có Thiện và có Ác"[1].

Từ quan niệm về Thiện, Ác và Chính, Tà ấy, Hồ Chí Minh đề ra yêu cầu tu dưỡng, rèn luyện đạo đức làm cho phần Chính, phần Thiện trong mỗi người tăng thêm để phần Tà, phần Ác ở mỗi người bớt dần. Người nói: "Đạo đức cách mạng không phải từ trên trời rơi xuống. Nó do đấu tranh rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong"[2]. Từ đó, Người đề ra nguyên tắc tự phê bình và phê bình, nguyên tắc nêu gương của bản thân và nêu gương người tốt việc tốt. Với quan điểm trên, ngay cả người đã có đạo đức cách mạng cũng không phải là cái gì bất biến. Người có đạo đức cách mạng vẫn có thể trở thành người vô đạo đức nếu bản thân họ không kiên trì học tập, tu dưỡng và rèn luyện suốt đời, nghĩa là không

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.8, tr..276.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.9, tr.293.

theo phương pháp tu dưỡng, xây dựng đạo đức theo quan điểm nêu gương và tu dưỡng suốt đời của Hồ Chí Minh. Cho nên, chúng ta không ngạc nhiên khi thấy có người hôm qua là người cách mạng thể hiện rõ tấm gương hy sinh, gương mẫu về đạo đức thì hôm nay họ trở thành người có tội với cách mạng, mặc dù tài năng của họ vẫn còn đó, nhưng tài năng của họ đã tỏ ra không còn tác dụng, bởi lẽ, họ quên mất phương pháp tu dưỡng, rèn luyện đạo đức theo phương pháp xây dựng đạo đức cách mạng của Hồ Chí Minh.

IV. Nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng đạo đức cách mạng ở Hồ Chí Minh

Ở trên, chúng ta đã nói đến vị trí, vai trò và nội dung, bản chất của đạo đức cách mạng. Vấn đề đặt ra là, vì sao Hồ Chí Minh đã có được những quan điểm đạo đức cách mạng như nói trên và nguồn gốc, quá trình hình thành của nó như thế nào?

Hồ Chí Minh đã nói nhiều về vị trí và nội dung đạo đức cách mạng, nhưng hầu như Người ít nói về nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng đạo đức cách mạng. Do vậy, khi bàn về vấn đề này thường có ý kiến khác nhau. Có người cho rằng tư tưởng đạo đức cách mạng hay tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là xuất phát từ chủ nghĩa Mác – Lênin. Điều đó là không sai, nhưng hình như không hoàn toàn như thế. Hồ Chí Minh đã tiếp thu những nội dung cơ bản của tư tưởng đạo đức chủ nghĩa Mác – Lênin, nhưng Người đã vận dụng một cách sáng tạo và quan trọng là Người đã tạo cho mình những quan niệm đạo đức có sắc thái riêng phù hợp với yêu cầu cách mạng Việt Nam.

Có người chỉ căn cứ vào những phạm trù đạo đức Nho giáo mà Hồ Chí Minh sử dụng để nói rằng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh bắt nguồn từ Nho giáo, có nguồn gốc từ Nho giáo. Rõ ràng, điều đó là không đúng. Nhưng, nếu nói ngược lại cho rằng Hồ Chí Minh không có liên quan gì đến đạo đức Nho giáo cũng không đúng. Vậy Hồ Chí Minh đã tiếp thu nền đạo đức mác-xít như thế nào cũng như Người đã sử dụng các phạm trù đạo đức Nho giáo và đạo đức truyền thống ra sao. Đó là những vấn đề cần được làm rõ để từ đó chúng ta suy nghĩ thêm về phương pháp tu dưỡng đạo đức cách mạng mà Hồ Chí Minh đòi hỏi đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân ta.

Có thể nói, quá trình hình thành nội dung tư tưởng đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh cũng phản ảnh một phương pháp tư duy mới rất biện chứng về cách tiếp cận các nguồn giá trị văn hoá dân tộc và nhân loại, bất kể đó là thuộc nguồn gốc nào, là Nho giáo, Lão giáo, Phật giáo hay Thiên chúa giáo, là chủ nghĩa Mác – Lênin hay truyền thống văn hoá đạo đức dân tộc. Đây là một vấn đề phức tạp, tế nhị và thường có ý kiến khác nhau, nhưng với Hồ Chí Minh thì đã có câu nói khá rõ ràng, thiết tưởng không thể không tham khảo.

Hồ Chí Minh đã từng nói: "Học thuyết Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giê-su có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Giê-su, Các Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có ưu điểm chung đó sao ? Họ đều muốn mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu cầu phúc lợi cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, nếu họ họp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định sống chung với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết. Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy"[1].

Đây là một câu nói nổi tiếng của Hồ Chí Minh chẳng những phản ảnh rõ thái độ của Người đối với các giá trị đạo đức truyền thống và tinh hoa đạo đức nhân loại mà còn thể hiện một quan niệm bao dung trân trọng đối với những di sản văn hoá đạo đức có nguồn gốc và khuynh hướng tư tưởng khác nhau. Thật kỳ lạ, Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu của chúng ta, người đã giác ngộ cách mạng theo lập trường chủ nghĩa Mác – Lênin, đã khuyên mọi người tu dưỡng đạo đức cách mạng theo phương pháp làm việc biện chứng của Các Mác lại nhận mình là học trò nhỏ của các vị như Giê-su, Khổng Tử, Tôn Dật Tiên và có thể kể cả Thích Ca Mâu Ni, Môhamét và Găngđi nữa... Song, điều tưởng như kỳ lạ đó lại chính là sự vĩ đại của Hồ Chí Minh. Sự thật là, những con người như Giê-su, Khổng Tử, Các Mác, Tôn Dật Tiên...đang chi phối tâm trí hàng tỷ con người trên thế giới này. Cho nên, khi nhận thức được rằng những bậc đại nhân, đại trí kia có thể chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết, nếu họ còn sống, thì phải nói Hồ Chí Minh không chỉ nâng mình lên bậc đại nhân, đại trí như họ mà còn đứng cao hơn họ rất nhiều,

1. Theo sách *Hồ Chí Minh truyện*, bản tiếng Trung Quốc, Nxb. Tam Liên, Thượng Hải, 1949.

bởi Người là kết tinh của trí tuệ Việt Nam và thế giới của thế kỷ XX, bởi Người đã nói lên khát vọng ngàn dời không chỉ của nhân loại trong quá khứ mà chính là những triển vọng hoà bình và thịnh vợng của loài người trong tương lai. Người thực sự là biểu tượng của nền văn hoá đạo đức trong tương lai và sự thật thế giới đã nhìn nhận và tôn vinh Người là nhà văn hoá của tương lai, trước hết ở phương diện văn hoá đạo đức.

Tư tưởng đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh được hình thành trên cơ sở tiếp thu, phát triển nhiều nguồn tư tưởng đạo đức, chủ yếu là tư tưởng đạo đức của chủ nghĩa Mác – Lênin. Nhưng, đối với Người, nền đạo đức truyền thống, đặc biệt là các hệ tư tưởng đạo đức của Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo đã được dân tộc hoá, cũng có vị trí hết sức quan trọng. Trong khi xây dựng hệ thống tư tưởng đạo đức cách mạng, Người đã tiến hành một cuộc cách mạng về đạo đức, tiếp nhận những tinh hoa của các giá trị tư tưởng đạo đức khác, đồng thời chuyển hoá nó, đưa vào các phạm trù đạo đức cũ một nội dung hoàn toàn mới và rất phù hợp với yêu cầu cách mạng, mà tiêu biểu nhất là việc Người chuyển hoá khái niệm Trung, Hiếu của Nho giáo thành Trung với nước, Hiếu với dân.

Trong quá trình chuyển hoá tư tưởng đạo đức cũ thành đạo đức mới, đạo đức cách mạng, Hồ Chí Minh đã vận dụng một cách nhuần nhuyễn tư duy biện chứng khi nhìn nhận các mặt đối lập trong xã hội, trong mỗi người và cả trong các phạm trù đạo đức, để gạt bỏ đi những mặt cần gạt bỏ, cải tạo lại những gì có thể cải tạo được và nhất là thấy rõ vị trí của mỗi mặt. Chẳng hạn, khi nói đến đức và tài, Người luôn luôn coi trọng tài và có thể nói không ai quan tâm đến việc đi tìm người tài hơn Hồ Chí Minh, nhưng đồng thời Người coi đức vẫn là cái gốc, "đức phải có trước tài". Cũng vậy, khi nói đến đạo đức cũ và đạo đức mới, đến cá nhân và tập thể, đến quyền lợi cá nhân và việc chống chủ nghĩa cá nhân, Người không tuyệt đối hoá mặt này hay mặt kia mà bao giờ cũng có sự nhìn nhận đúng mức, đúng độ. Do đó, có thể nói, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh chẳng những đã đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc mà chắc chắn nó còn là nền tảng của việc tu dưỡng và xây dựng đạo đức mới trong xã hội tương lai.

Đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh, chính là đạo đức xã hội chủ nghĩa như Người đã từng nói: "Muốn có xã hội chủ nghĩa phải có con người xã hội chủ nghĩa. Muốn có con người xã hội chủ nghĩa phải có

tư tưởng xã hội chủ nghĩa"[1]. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là tượng trưng cho nền văn hoá đạo đức sẽ phát triển trong xã hội tương lai của dân tộc và nhân loại.

Do hệ thống những vấn đề đạo đức khá rộng, bao quát gần như toàn bộ tư tưởng đạo đức truyền thống của dân tộc và nhân loại, cả cổ, kim, Đông Tây, cho nên, những nội dung tư tưởng đạo đức có liên quan đến việc hình thành tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh thật bao la, phong phú và cũng rất đa dạng, phức tạp. Nhưng tựu trung có thể thấy quá trình hình thành hệ thống tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là xuất phát từ ba nguồn gốc cơ bản sau đây:

a) Nền tảng đạo đức truyền thống dân tộc, kể cả đạo đức Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo đã được dân tộc hoá. Trong nền tảng đạo đức truyền thống của dân tộc, trước hết phải nói đến chủ nghĩa yêu nước và lòng nhân ái là đặc trưng bản chất đạo đức mang đậm bản sắc dân tộc Việt Nam. Chính nó là nguồn động lực thôi thúc Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân và sẵn sàng chịu đựng mọi gian lao, khổ ải nhằm giành bằng được độc lập cho dân tộc, thống nhất cho Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho đồng bào mình. Cũng chính nhờ chủ nghĩa yêu nước truyền thống và lòng nhân ái bao la của dân tộc, Hồ Chí Minh đã đến với chủ nghĩa Mác – Lênin, tiếp nhận học thuyết khoa học và cách mạng cũng như chủ nghĩa nhân đạo cộng sản nhằm cải tạo lại nền đạo đức cũ, xây dựng nền đạo đức mới, đạo đức cách mạng.

b) Những nội dung cơ bản của đạo đức chủ nghĩa Mác – Lênin tuy không phải là cội nguồn mở đầu cho việc hình thành tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh như chủ nghĩa yêu nước truyền thống của dân tộc nhưng lại có giá trị định hướng cho sự phát triển tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa được xem là hạt nhân của tư tưởng đạo đức cách mạng. Cho nên, thật khó nói giữa hai cội nguồn đạo đức truyền thống và đạo đức chủ nghĩa Mác – Lênin mặt nào quan trọng hơn mặt nào. Hầu như cả hai đều có vị trí quan trọng ngang nhau, bổ xung cho nhau, tạo nên nền tảng đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

c) Ngoài hai nguồn gốc đạo đức cơ bản nêu trên, phải nói đến những tinh hoa đạo đức thế giới mà nhân loại đã đạt được từ xưa cho đến thế kỷ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.9, tr.296.

XX, trong đó có di sản đạo đức mang ý thức hệ tư sản, những quan niệm chân chính về tự do, bình đẳng, bác ái, dân chủ, nhân quyền, nhân đạo... Đây là một nguồn gốc tuy không giữ vai trò quyết định như hai nguồn gốc đạo đức nêu trên, nhưng lại hết sức quan trọng, ở chỗ nó đã giúp Hồ Chí Minh động lực sáng tạo cái mới, tìm thấy mặt hợp lý cũng như các giá trị nhân đạo, tinh thần dân chủ trong những di sản đạo đức hình thành trong thời đại cách mạng tư sản. Nó gần như chiếc cầu nối giữa đạo đức truyền thống của dân tộc với đạo đức cách mạng chủ nghĩa Mác – Lênin hình thành trong thời đại cách mạng vô sản. Chính vì nó có giá trị như cầu nối giữa hai hệ tư tưởng đạo đức hình thành trong lịch sử văn hoá đạo đức của nhân loại, cho nên nó đã có tác dụng tích cực vừa bổ xung đồng thời phát triển hệ tư tưởng đạo đức mới, vừa giúp tránh được những mặt trái của một hệ tư tưởng đạo đức đối lập trực tiếp với hệ tư tưởng đạo đức cách mạng theo chủ nghĩa Mác – Lênin mà chủ nghĩa cá nhân được xem như một điển hình của mặt trái đó.

Cũng cần phải nói rằng, chính Mác, Ăngghen và Lênin đã tiếp nhận đồng thời cải tạo và phát triển nhiều tinh hoa của đạo đức tư sản nhằm xây dựng hệ thống tư tưởng đạo đức cách mạng phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp cách mạng vô sản. Nổi bật nhất trong những giá trị có ý nghĩa đạo đức ấy là hạt nhân biện chứng của Hêghen. Nhờ tiếp nhận đồng thời cải tạo hạt nhân biện chứng này, Mác, Ăngghen và cả Lênin đã xây dựng cho học thuyết cách mạng và khoa học của mình một phương pháp làm việc biện chứng mà Hồ Chí Minh đã nhắc đến và khẳng định như một ưu điểm nổi bật nhất của học thuyết Các Mác.

Cũng như các nhà kinh điển mác-xít, Hồ Chí Minh không chỉ tiếp nhận tinh hoa đạo đức đã hình thành trong thời đại cách mạng tư sản mà Người còn vận dụng nó rất sáng tạo trong điều kiện và hoàn cảnh cách mạng ở nước ta. Nếu chú ý đến ý nghĩa và tính chất kết hợp giữa dân tộc và quốc tế, giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, giữa truyền thống và hiện đại..., chúng ta sẽ thấy rất rõ tinh thần sáng tạo của Hồ Chí Minh trên nhiều lĩnh vực trong đó có lĩnh vực đạo đức. Chẳng hạn, khi khẳng định "chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước", thực chất Hồ Chí Minh đã cải tạo đồng thời phát triển chủ nghĩa dân tộc vốn là khẩu hiệu của giai cấp tư sản trong cách mạng tư sản nhằm chống chế độ phong kiến chủ nô, để hình thành một quan niệm mới về chủ nghĩa dân tộc nhân danh Quốc tế Cộng sản.

Cũng vậy, Hồ Chí Minh không chỉ tiếp nhận các khái niệm tự do, bình đẳng, bác ái vốn là khẩu hiệu của giai cấp tư sản trong thời đại cách mạng tư sản đang phát triển mà Người còn tìm cách giữ lại đồng thời phát triển những nội dung tích cực của nó như Người đã từng vận dụng các phạm trù cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư trong hệ thống tư tưởng đạo đức truyền thống.

Trong thực tế hoạt động cách mạng của mình cũng như quá trình tu dưỡng đạo đức cá nhân, Hồ Chí Minh đã vận dụng nhiều hệ tư tưởng đạo đức khác nhau và đã thể hiện rất thành công phương pháp làm việc biện chứng của chủ nghĩa Mác – Lênin trong nhận thức và hành vi đạo đức, trong quan niệm giữa đức trị và pháp trị, đức và tài, trong tu dưỡng và đấu tranh, trong quan hệ giữa dân tộc và quốc tế, truyền thống và hiện đại, trong ý thức làm việc thiện và chống điều ác, trong việc chống chủ nghĩa cá nhân và khẳng định vai trò cá nhân, trong đạo đức đời thường và ý thức chính trị, trong sự ứng xử năng động, linh hoạt "dĩ bất biến, ứng vạn biến", trong việc nhìn xa thấy rộng, tiếp nhận tinh tuý đạo đức truyền thống dân tộc và nhân loại, của phương Đông và phương Tây... Hầu như không có lĩnh vực nào chúng ta không thấy Hồ Chí Minh vận dụng thành công phương pháp làm việc biện chứng mà Người tiếp thu được từ chủ nghĩa Mác – Lênin.

Tất cả những hiện tượng trên nói lên rằng nguồn gốc tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là kết quả hội tụ của rất nhiều nguồn, nhiều học thuyết đạo đức cổ, kim, Đông, Tây của Việt Nam và thế giới. Nhưng, nổi bật nhất vẫn là phương pháp làm việc biện chứng của học thuyết Các Mác. Có thể khẳng định, chính là nhờ phương pháp làm việc biện chứng của chủ nghĩa Mác mà Hồ Chí Minh tránh được những giáo điều trong nhận thức và hành vi đạo đức đồng thời phát triển và sáng tạo những giá trị tư tưởng đạo đức mới, tạo cho mình một hệ thống tư tưởng đạo đức cách mạng phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cách mạng Việt Nam. Và, cũng chính là xuất phát từ cái chủ thể sáng tạo đó, Hồ Chí Minh đã tạo cho mình một hệ thống tư tưởng đạo đức mang đặc trưng riêng, để có thể gọi là tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

Toàn bộ tinh hoa đạo đức nhân loại được hội tụ trong chủ thể đạo đức Hồ Chí Minh để hình thành một nền đạo đức cơ bản mà hạt nhân của nó là lòng nhân ái truyền thống, là ý thức thương dân, vì dân, là chủ nghĩa

nhân văn mới. Có thể nói, chủ nghĩa nhân đạo hay chủ nghĩa nhân văn vốn là bản chất của nhiều học thuyết triết học, nhiều tôn giáo khác nhau, nhưng đối với Hồ Chí Minh, chủ nghĩa nhân văn được xem là bản chất đạo đức cách mạng đã mang đặc trưng bản chất khác với các quan niệm đạo đức truyền thống của dân tộc và nhân loại. Nó không còn lòng thương người chung chung, nó càng không phải là người bề trên thương kẻ dưới, nó cũng rất xa lạ với chủ nghĩa tình thương theo kiểu thương hại của những người giàu sang thương kẻ nghèo hèn. Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh xuất phát từ tình thương yêu con người, tin tưởng ở con người và mang lại hạnh phúc thực sự cho con người. Nó vừa thể hiện tính chiến đấu mạnh mẽ, tính chiến đấu kiên trì không hề nhân nhượng với cái ác, cái xấu, vừa mang đậm truyền thống nhân ái, lòng thương người da diết đến mọi người cùng khổ. Quả như Giáo sư Trần Văn Giàu nhận xét: "Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là chủ nghĩa nhân văn giải thoát, của những người yếu hèn, lao khổ, của các dân tộc bị chà đạp, giải thoát bằng chính ý thức lực lượng của mình, nó lớn, rất lớn là vì vậy"[1].

Chủ nghĩa nhân văn chiến đấu Hồ Chí Minh là biểu hiện tập trung của tư tưởng đạo đức mới, đạo đức cách mạng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Hơn thế nữa, chủ nghĩa nhân văn chiến đấu Hồ Chí Minh không chỉ thể hiện trong cách mạng giải phóng dân tộc, trong việc chống kẻ thù xâm lược mà nó còn thể hiện nhất quán trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong việc chống những biểu hiện vô đạo đức, những thói hư tật xấu, những tệ tham nhũng, quan liêu mà Người lưu ý từ khi sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc mới bắt đầu. Vì thế, nội hàm chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh không chỉ mang tất cả những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc và thế giới, đồng thời nó còn mang những đặc thù trí tuệ và thực tiễn hành vi đạo đức của một xã hội tương lai. Nó lớn, nó vĩ đại, chính là vì nó tượng trưng cho một nền văn hoá đạo đức trong tương lai. Có thấy được rõ những đặc điểm nổi bật này trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, chúng ta mới hiểu được những nội dung vô cùng phong phú trong tư tưởng đạo đức của Người, mà chủ nghĩa nhân văn chiến đấu được xem là hạt nhân cơ bản, là bản chất cốt lõi trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh./.

1. Trần Văn Giàu: *Vĩ đại một con người*, Nxb. Long An, 1990, tr.92.

VẤN ĐỀ TU DƯỠNG ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA HIỆN NAY*

PGS.TS. THÀNH DUY

Quan niệm về tiêu chí đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ đặt ra trong thời kỳ chiến đấu chống chủ nghĩa thực dân đế quốc giải phóng dân tộc mà cả hiện nay trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh phát triển nền kinh tế thị trường với xu hướng toàn cầu hoá. Thậm chí có thể nói, chỉ trong cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay, vấn đề tu dưỡng đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh mới đòi hỏi những thử thách quyết liệt hơn bao giờ hết.

Như chúng ta đều biết, Hồ Chí Minh đã nói và viết nhiều về đạo đức. Người không chỉ đề cao tầm quan trọng của đạo đức, coi đạo đức là cái gốc của người cách mạng, mà hơn thế, Người còn là một nhà cách mạng về đạo đức, đề ra những tiêu chí đạo đức cách mạng rất nghiêm khắc trong điều kiện cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tiếp thu gần như trọn vẹn những giá trị đạo đức truyền thống và những tinh hoa đạo đức của các học thuyết, các tôn giáo lớn, Hồ Chí Minh đồng thời cải tạo lại bằng nhiều cách những giá trị và tinh hoa đạo đức ấy cho phù hợp với sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Trên cơ sở đó, Người tạo ra một hệ thống đạo đức cách mạng đồng thời đòi hỏi cán bộ, đảng viên, công chức và nói chung là Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân ta tu dưỡng theo hướng nâng cao không ngừng đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân.

Trong hệ thống đạo đức cách mạng theo quan niệm của Hồ Chí Minh có nhiều điều mới, nhưng có một điều đặc biệt mới mà có lẽ chỉ thấy Hồ

---

* Trích trong Tạp chí: *Tư tưởng Văn hóa* của Ban Tuyên giáo Trung ương, Số tháng 8/2007.

Chí Minh nhấn mạnh, coi như tiêu chí cốt lõi của đạo đức cách mạng, *đó là việc chống chủ nghĩa cá nhân đến mức phải quét sạch chủ nghĩa cá nhân mới nâng cao được đạo đức cách mạng.*

Không phải là ngẫu nhiên phải đến cuối đời chỉ trước lúc từ giã cõi đời có mấy tháng Hồ Chí Minh mới viết bài báo quan trọng với cái tên gọi thật mạnh mẽ và rõ ràng, dứt khoát: *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* đăng trên báo *Nhân dân* ngày 03/02/1969 đúng vào ngày kỷ niệm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Cũng không phải lần đầu tiên Hồ Chí Minh nói đến chủ nghĩa cá nhân và việc cần thiết phải chống chủ nghĩa cá nhân. Trước đó, Người đã nhiều lần nói đến tệ hại của chủ nghĩa cá nhân và đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải chống chủ nghĩa cá nhân một cách quyết liệt. Người đã từng nói chủ nghĩa cá nhân là kẻ thù của đạo đức cách mạng, đạo đức xã hội chủ nghĩa. Bởi lẽ, theo Người, chủ nghĩa cá nhân là tư tưởng mẹ, vì do nó con người sinh ra mọi thói hư, tật xấu. "Nếu nó còn trong mình, dù là ít thôi, thì nó sẽ chờ dịp để phát triển, để che lấp đạo đức cách mạng, để ngăn trở ta một lòng một dạ đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng"[1].

Nhưng, nói một cách mạnh mẽ hơn, dứt khoát hơn đến mức phải dùng đến các từ *quét sạch chủ nghĩa cá nhân* thì hình như đây là lần đầu tiên. Hơn nữa, có người cho biết, khi viết bài báo này, lúc đầu Người muốn đặt lên trên mục tiêu *quét sạch chủ nghĩa cá nhân* xem như một điều kiện tiên quyết để nâng cao đạo đức cách mạng, nhưng sau đó được nhiều người gần Bác góp ý, Người đã viết lại tiêu đề đặt mục tiêu *nâng cao đạo đức cách mạng* lên trên. Điều đó chứng tỏ Người đã suy ngẫm nhiều khi phải bộc lộ một cách rõ ràng quan niệm của mình về một tiêu chí quan trọng, thậm chí có ý nghĩa quyết định của đạo đức cách mạng là việc phải quét sạch chủ nghĩa cá nhân, coi chủ nghĩa cá nhân không chỉ là tư tưởng mẹ mà còn là kẻ thù không đội trời chung với đạo đức cách mạng. Là kẻ thù của đạo đức cách mạng, đạo đức xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa cá nhân không thể được coi ngang hàng như các tiêu chí đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, bởi lẽ, những tiêu chí ấy là đạo đức vốn có trong các xã hội cũ và vốn được các xã hội cũ xem là giá trị, mục tiêu phấn đấu của những quan chức nhà nước. Trong xã hội mới, nó chỉ khác ở chỗ nói phải đi đôi với

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.9, tr.283.

làm, nói đạo đức thì phải thực hành đạo đức, chỉ có thế nó mới là đạo đức cách mạng.

Khi nói nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân, rõ ràng Hồ Chí Minh muốn đề ra một tiêu chí đạo đức hoàn toàn mới, có quan hệ trực tiếp đến mọi người, tưởng như ai cũng thấy và có thể hiểu, song để tránh được nó, để không còn nó, nhất là để quét sạch nó, tức chủ nghĩa cá nhân, lại không phải là việc dễ dàng, không phải ai cũng thực hiện được, nếu không có ý thức quyết tâm tu dưỡng thường xuyên và suốt đời.

Vậy chủ nghĩa cá nhân là gì, nó khác với quyền cá nhân ở chỗ nào, quả là rất khó phân biệt. Ranh giới giữa chủ nghĩa cá nhân với nhu cầu bẩm sinh của mỗi cá nhân như thế nào là điều rất khó hiểu và khó thấy. Bởi lẽ, như Ăngghen nói: "Lòng mong muốn hạnh phúc là bẩm sinh ở con người, do đó nó phải là cơ sở của mọi đạo đức". Hơn thế nữa, người ta còn có quyền được sung sướng, được mưu cầu hạnh phúc, như Hồ Chí Minh đã từng nói và viết khi Người khẳng định quyền con người trong bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước ta.

Song, cũng chính vì khó hiểu, khó thấy, khó phân biệt ranh giới giữa chủ nghĩa cá nhân với quyền cá nhân và nhu cầu hạnh phúc, chúng ta lại càng phải hết sức đề phòng và thận trọng khi đứng trước một nhiệm vụ hoặc một khó khăn phải vượt qua với nhu cầu hưởng thụ có quan hệ đến quyền lợi cá nhân; Đồng thời, phải tạo cho mình một thói quen tu dưỡng đạo đức thường xuyên và suốt đời theo hướng quan tâm đến người khác, đến trách nhiệm chung, đến mọi người, nhất là những con người có cảnh ngộ khó khăn. Nếu xã hội không có những con người như thế thì cuộc sống con người sẽ không còn ý nghĩa nhân văn cao đẹp, mà hầu như ở xã hội nào chúng ta cũng thấy những con người quan tâm đến người khác mang tính nhân văn như thế. Hơn nữa, đó cũng chính là quan niệm định hướng giá trị về văn hoá đạo đức và giá trị nhân văn mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh, tức những phẩm chất mà con người cần vươn tới một nhân cách văn hoá thật sự cao đẹp, thật sự là đạo đức cách mạng, đạo đức xã hội chủ nghĩa.

Nói chủ nghĩa cá nhân là tư tưởng mẹ, bởi vì, nó chi phối những quan niệm giá trị đạo đức khác, nó bao trùm lên trên các quan niệm đạo đức khác và khi quét sạch được nó tức chủ nghĩa cá nhân thì nó lại định

hướng cho sự phát triển đạo đức mới, để thực sự trở thành đạo đức cách mạng, đạo đức xã hội chủ nghĩa theo quan niệm Hồ Chí Minh.

Trong thực tế, mọi người đều thấy có những người trong chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, họ tỏ ra rất ngoan cường, dũng cảm, có thể hy sinh cả tính mạng vì mục tiêu cao cả của sự nghiệp giải phóng dân tộc. Nhưng khi dính đến quyền lợi cá nhân hoặc một nhu cầu cá nhân nào đó, họ lại không thể vượt qua được, đã có những việc làm trái với đạo đức cách mạng, thậm chí phản lại những tiêu chí tối thiểu của đạo đức cách mạng, thành kẻ phản bội lại Đảng và nhân dân. Điều đó thường thấy ở những người có chức, có quyền. Chức quyền càng cao bao nhiêu, khi vướng vào chủ nghĩa cá nhân, họ càng có những việc làm có hại cho Đảng, cho dân càng lớn bấy nhiêu, như chúng ta đã thấy trong phong trào cộng sản và trong rất nhiều bài học phản diện về những lãnh tụ của Đảng và nhân dân. Cho nên, khi nói nâng cao đạo đức cách mạng, nhất thiết phải nói đến việc chống chủ nghĩa cá nhân như một yêu cầu thường trực với bất cứ ai, bởi lẽ, như Hồ Chí Minh nói: "Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong"[1]. Điều đó đặt ra một cách đặc biệt đối với những người cầm cân nẩy mực, nắm những trọng trách do Đảng và nhân dân giao phó.

Trong bối cảnh phát triển và chấn hưng đất nước trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường toàn cầu hoá hiện nay, việc chống chủ nghĩa cá nhân đối với chúng ta càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Bởi lẽ, như chúng ta biết, xây dựng kinh tế thị trường theo xu thế toàn cầu hoá hiện nay là toàn cầu hoá tư bản chủ nghĩa như Thomas L. Friedman, một trong những nhà bình luận hàng đầu của Mỹ về quan hệ quốc tế, đã định nghĩa: "Toàn cầu hoá có nghĩa là chủ nghĩa tư bản kinh tế thị trường lan vào hầu hết mọi quốc gia trên thế giới. Do đó, toàn cầu hoá hình thành cho riêng nó một hệ thống luật lệ kinh tế – luật lệ xoay quanh việc mở cửa, thả nổi và tư nhân hoá nền kinh tế của bạn, để nó có tính cạnh tranh cao hơn và thu hút được nhiều đầu tư nước ngoài"[2]. Như vậy, có thể nói, đối với chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa cá nhân là một "phẩm chất" thuộc bản chất của nó. Chủ nghĩa tư bản đòi hỏi nền kinh tế thả nổi và tư nhân

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.9, tr.293.
2. Thomas L Friedman: *Chiếc Lexus và cây Ô liu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005, tr.46.

hoá cao độ. Do đó, chủ nghĩa tư bản hay nền kinh tế theo định hướng tư bản chủ nghĩa tuy có mặt tích cực của nó là khuyến khích cạnh tranh, khuyến khích làm giàu, nhưng là mảnh đất tốt nhất cho chủ nghĩa cá nhân phát triển nếu thiếu một định hướng văn hoá đạo đức. Mỗi cá thể có tiền có thể thả sức tung hoành trong phạm vi pháp luật cho phép và cả phạm vi có thể lách những gì pháp luật không cấm. Trong bối cảnh đó, nếu thiếu một bản lĩnh đạo đức, nếu không có sự tu dưỡng thường xuyên và suốt đời, thì con người có thể bị tha hoá, chạy theo những dục vọng tầm thường của cá nhân, và lúc đó thì không còn gì để nói về đạo đức cách mạng.

Đương nhiên, không thể xem là cá nhân chủ nghĩa với những ai có tư tưởng làm giàu và hướng sự giàu có của mình vào những mục tiêu phát triển chính đáng. Bản thân đất nước ta trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, cũng đang khuyến khích hội nhập, kêu gọi các nhà tư bản đầu tư và kêu gọi những ai có tiền, có điều kiện có thể mở rộng kinh doanh làm giàu cho mình và cho đất nước. Điều cần đề phòng là những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân lợi dụng cơ hội để làm giàu bất chính, hoặc làm giàu bằng bất cứ giá nào theo kiểu cạnh tranh phi đạo đức, nhằm tìm kiếm lợi nhuận tối đa mà chúng ta thường thấy trong xã hội phát triển nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và cả hiện nay ở nước ta.

Mặt khác, cũng cần phân biệt chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa cá nhân. Tuy là mảnh đất tốt cho chủ nghĩa cá nhân phát triển nhưng không được đồng nhất chủ nghĩa cá nhân với chủ nghĩa tư bản. Nói chủ nghĩa tư bản là mảnh đất tốt nhất cho chủ nghĩa cá nhân phát triển là ở cơ chế, bản chất bóc lột, ở việc khuyến khích tìm kiếm lợi nhuận tối đa chứ không có nghĩa là những ai sống trong chủ nghĩa tư bản đều là cá nhân chủ nghĩa. Trái lại, ngay trong lòng chủ nghĩa tư bản cũng có rất nhiều người lên án chủ nghĩa cá nhân mà họ thường gọi là quái nhân. Ví dụ, một người Mỹ là ông Hery C K Liu đã gọi những người hùng trong thế giới tư bản chủ nghĩa là siêu quái nhân và thấy cần phải đề phòng với những siêu quái nhân này. "Một vài siêu quái nhân rất nóng nảy, một số khác lại khá nhũn nhặn, nhưng thảy đều tác động đến mọi kiếp người, tổ chức, bằng những chưởng lực đặc trưng kinh hồn"[1].

1. Xem báo *Văn nghệ*, số 50 (16-12-2006).

Hơn thế nữa, ngay trong lòng chủ nghĩa tư bản, đã có người cho thấy sự nguy hiểm của quyền lực cá nhân gắn liền với chủ nghĩa tư bản từ trong bản chất của nó. Thấy rõ nguy cơ khi quyền lực cá nhân không được kiểm soát ở một đất nước có vũ khí hạt nhân, nhà triết học Mỹ Richard Rorty đã cảnh báo trong một lá thư gửi người mai sau: "Có thể trong năm mươi năm nữa, sẽ biến mất mối đe doạ bom hạt nhân. Có thể việc bọn khủng bố sử dụng vũ khí này sẽ làm cho các công dân trên toàn thế giới ý thức hiểm hoạ đó. Nhưng cũng có khả năng là các bạn, những người sẽ nhận lá thư này, các bạn cũng sẽ sống trong một tình thế giống như chúng tôi ngày nay; biết rằng vũ khí đang ở đấy, và chỉ cần một cái ấn nút đơn giản là nó phóng đi mà không thể làm gì để cứu giữ lại được. Nếu thật vậy, tôi cũng chẳng thể khuyên các bạn tỏ ra khôn ngoan hơn thế hệ chúng tôi. Và xin các bạn một điều: Tất cả những gì mà loài người đã gây dựng qua bao thế kỷ có thể phút chốc biến mất nếu người ta dám ấn lên một cái nút"[1]. Ai nắm quyền ấn lên cái nút đó, nếu không phải là một cá nhân có quyền lực trong chủ nghĩa tư bản. Rõ ràng, ở đây chủ nghĩa cá nhân khi biến thành siêu quái nhân, nó có khả năng tác động đến mọi kiếp người và tổ chức bằng những chưởng lực không ai lường trước được. Mà, điều đó cũng không chỉ thấy trong thế giới tư bản chủ nghĩa.

Trong thực tế, chúng ta đã thấy những "siêu quái nhân" đó đang gây chấn động không chỉ trong thế giới tư bản chủ nghĩa mà cả trong thế giới vốn là chủ nghĩa xã hội, mà xét cho cùng, là do chủ nghĩa cá nhân khi gặp thời cơ nó bùng phát, dẫn đến sự phản bội nhân dân là điều khó tránh. Chủ nghĩa cá nhân không biết và không thể phân biệt chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản. Với những người mang theo chủ nghĩa cá nhân, "miễn là mình béo, mặc thiên hạ gầy" như cách nói của Hồ Chí Minh, thì tiêu chí cao nhất là bản thân họ, họ không quan tâm đến lợi ích chung, vì thế họ có thể làm bất cứ điều gì có thể khi nắm quyền trong tay như chúng ta đã thấy những hiện tượng đau lòng xảy ra ngay trong thế giới những người cộng sản.

Với mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhà nước ta một mặt khuyến khích làm giàu, khuyến khích cá nhân phát triển, mặt khác hướng Nhà

1. Richard Rorty: *Xin đừng quên vũ khí hạt nhân!* Trong cuốn *Thư gửi các thế hệ tương lai* do UNESCO xuất bản, 1999. (Dẫn theo Nguyễn Chí Tình trong sách *Số phận các nền văn minh và thế giới hiện nay*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2007, tr.124).

nước và mọi người vào mục tiêu công bằng xã hội, dân chủ thật sự cho mọi người, văn minh theo hướng xã hội chủ nghĩa. Cần phải phân biệt việc xây dựng đất nước trong môi trường và cơ chế thị trường toàn cầu hoá nhưng là định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là chỗ khác cần phân biệt giữa ta và chủ nghĩa tư bản. Chỗ khác ấy được xác định bằng quan niệm giá trị có định hướng đạo đức cách mạng, đề phòng phát triển chủ nghĩa cá nhân và đối với cán bộ, đảng viên, công chức, nhất là những người có chức có quyền là phải quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nếu thực sự muốn nâng cao đạo đức cách mạng, thực sự muốn học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Do điều kiện kinh tế chưa phát triển, đất nước ta chưa có chủ nghĩa xã hội hiện thực mà chỉ có định hướng xã hội chủ nghĩa. Định hướng ấy chính là định hướng về quan niệm giá trị đạo đức, không phải là coi đạo đức nói chung mà là coi đạo đức cách mạng mới là cái gốc của cán bộ, đảng viên và toàn Đảng, toàn dân nói chung. Đó là điều kiện để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Song, để có đạo đức cách mạng lại phải không ngừng đấu tranh với những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân vốn thường trực trong mỗi con người như bản năng tự nhiên của con người. Có thể xem việc chống chủ nghĩa cá nhân như một điều kiện tất yếu để nâng cao đạo đức cách mạng.

Thấy rõ tầm quan trọng của việc chống chủ nghĩa cá nhân, trong bài phát biểu phát động cuộc vận động "học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", Tổng bí thư Nông Đức Mạnh không chỉ yêu cầu cán bộ, đảng viên, công chức và nhân dân ta học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh mà còn nhấn mạnh rất đúng một yêu cầu của việc nâng cao đạo đức cách mạng là quét sạch chủ nghĩa cá nhân. Đây là một đòi hỏi cần thiết và rất kịp thời trong bối cảnh hiện nay khi chúng ta hội nhập với nền kinh tế thị trường toàn cầu hoá theo xu thế tư bản chủ nghĩa. Hơn bao giờ hết, chính lúc này cần phải hiểu cho đúng ý nghĩa và tầm quan trọng của việc chống chủ nghĩa cá nhân theo quan niệm của Hồ Chí Minh. Nếu không thấy hết ý nghĩa việc chống chủ nghĩa cá nhân thì khi đề cao quyền con người, quyền làm giàu và những quyền chính đáng khác, rất có thể chúng ta không phân biệt được đến mức dễ nhầm lẫn những quan niệm chân chính về đạo đức cách mạng với quan niệm nhân quyền theo chủ nghĩa tư bản.

Nâng cao đạo đức cách mạng là một đòi hỏi gắn liền với bản chất chế độ xã hội chủ nghĩa. Bởi lẽ, chỉ có nâng cao đạo đức cách mạng, những cán bộ, đảng viên cũng như Đảng và Nhà nước ta nói chung mới thực hiện được mục tiêu cách mạng đề ra là thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh định hướng xã hội chủ nghĩa. Đối với chúng ta, có thể nói, định hướng xã hội chủ nghĩa mới là mục tiêu cơ bản thuộc bản chất chế độ còn tất cả những mục tiêu khác chỉ quan trọng khi nó mang định hướng xã hội chủ nghĩa. Bởi thế, không có đạo đức cách mạng không thể thực hiện được mục tiêu cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đạo đức cách mạng là then chốt của cán bộ và đảng cách mạng. Đạo đức cách mạng là mục tiêu xây dựng đạo đức của Hồ Chí Minh. Vì thế, để học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, không chỉ nói đến những tiêu chí đạo đức chung chung mà phải thấy và làm cho được việc tránh và chống những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, coi chủ nghĩa cá nhân là nguy cơ của đạo đức cách mạng.

Cũng không phải là ngẫu nhiên đến cuối đời khi nói đến việc làm sách người tốt việc tốt, Hồ Chí Minh mới đặt câu hỏi và tự trả lời: "Dân tộc ta vĩ đại, Đảng ta vĩ đại, ta được anh em bè bạn khắp năm châu yêu mến và ca ngợi là vì cái gì không?

"Vì cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta do Đảng ta lãnh đạo là chí công vô tư, mình vì mọi người.

"Từ nay về sau, nhân dân ta và Đảng ta phải giữ gìn và phát huy mãi mãi đạo đức trong sáng ấy. Một dân tộc, một đảng và mỗi người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân"[1].

Có thể xem đây là lời cảnh báo chung có tầm quan trọng đặc biệt về nguy cơ tồn tại chủ nghĩa cá nhân, không chỉ đối với mỗi người mà là đối với cả Đảng và dân tộc ta trong việc không ngừng nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân, đặc biệt đối với những người đang giữ trọng trách do Đảng và nhân dân giao phó hiện nay./.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.12, tr.557-558.

CHUYÊN ĐỀ V:

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIÁO DỤC VÀ VIỆC XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI, PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN

799

HỒ CHỦ TỊCH, NHÀ GIÁO DỤC VĨ ĐẠI CỦA DÂN TỘC*

GS. VS. NGUYỄN KHÁNH TOÀN

Đã gần một phần tư thế kỷ, từ sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, mỗi năm đến ngày 19-5, ba mươi mốt triệu người dân Việt Nam, trái tim tràn ngập lòng biết ơn vô hạn, hướng về Hồ Chủ tịch.

Toàn dân ta biết ơn Hồ Chủ tịch, lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam, đưa lại độc lập tự do, đời sống ấm no và hạnh phúc cho nhân dân.

Toàn dân ta biết ơn Hồ Chủ tịch, Người sáng lập và là người lãnh đạo trong gần 40 năm Đảng Mácxít - Lêninnít của giai cấp công nhân Việt Nam, đưa cách mạng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Toàn dân ta biết ơn Hồ Chủ tịch, đã giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo nên một thế hệ mới - những người làm chủ đất nước - mà đức tính cao đẹp nhất là chủ nghĩa anh hùng cách mạng, những chiến sĩ gang thép, vượt qua bất cứ khó khăn nào, hoàn thành bất cứ nhiệm vụ nào, đánh thắng bất cứ kẻ thù nào.

Toàn dân ta biết ơn Hồ Chủ tịch, đã biến một dân tộc, trước đây 95 phần trăm còn mù chữ, dốt nát, thành một dân tộc biết chữ, có nhiều nền văn hoá tiên tiến.

Nền giáo dục của chúng ta ngày nay là con đẻ của Cách mạng Tháng Tám. Hồ Chủ tịch là người đã khai sinh cho nền giáo dục ấy. Nhân dân ta đi vào Cách mạng Tháng Tám trong những điều kiện văn hoá giáo dục vô cùng bất lợi so với nhiều dân tộc khác. Về mặt văn hoá giáo dục, trước Cách mạng Tháng Tám, nhân dân Việt Nam hầu như ở trên một khoảnh đất trống. Những nước đồng thời với Việt Nam bước vào giai đoạn lịch sử

---

* Bài đăng trong: Báo *Người giáo viên nhân dân* ngày 10/5/1968.

mới - giai đoạn hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, giai đoạn quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa cộng sản, ít nhiều đã kinh qua con đường phát triển tư bản chủ nghĩa, nghĩa là họ cũng đã sẵn có một cái vốn, mặc dầu đã và đang phải cải tạo vốn ấy một cách căn bản. Việt Nam thì ở trong một tình thế khác.

Nói rằng trước Cách mạng Tháng Tám, Việt Nam ở trên một mảnh đất trống, không có nghĩa là trong mấy nghìn năm, nhân dân ta hoàn toàn đã không sáng tạo nên một nền văn hoá riêng của mình, và không bao giờ có một nền giáo dục của mình. Không. Trước đây, dân tộc ta vốn là một dân tộc văn minh ở châu Á. Nhưng luôn luôn bị ngoại xâm đe doạ hoặc thống trị, cho nên nền văn hoá dân tộc bị kìm hãm, bóp nghẹt một cách thảm hại. Một trăm năm sống dưới ách nô lệ của chủ nghĩa thực dân là một trăm năm nhân dân ta bị đày đoạ, áp bức cực kỳ dã man, bị bóc lột đến tận xương tuỷ, bị ngu muội về văn hoá giáo dục.

Vì thế, đòi hỏi thiết tha nhất, cấp bách nhất của nhân dân ta, đi đôi với đòi hỏi được độc lập, tự do, no ấm, là được học hành, có một nền văn hoá chân chính của mình. Xuất phát từ tình hình thực tế của Việt Nam và từ những nguyện vọng sâu sắc, ý chí mạnh mẽ của dân tộc, Đảng ta, mà Hồ Chủ tịch là người sáng lập và lãnh đạo, từ trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đã ra bản *Đề cương văn hoá* với ba tính chất nổi tiếng, là *dân tộc, khoa học, đại chúng*.

Cách mạng vừa mới thành công, Hồ Chủ tịch đã nêu ra ba nhiệm vụ cơ bản của cách mạng: *diệt giặc ngoại xâm, diệt giặc đói, diệt giặc dốt*. Nhân dân ta cần được học, cần có văn hoá, cũng như cần độc lập, tự do, cần được no ấm. Như vậy là Hồ Chủ tịch đã nâng cao vai trò của giáo dục lên thành một nhiệm vụ cách mạng. Vẻ vang thay nền giáo dục, lần đầu tiên trong lịch sử, được coi như là một lực lượng quan trọng trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, trong sự nghiệp cải tạo thế giới, xác định thế giới mới, sáng tạo lịch sử. Được như thế là vì đó là đường lối của giai cấp vô sản mà sứ mạng lịch sử là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người cả về vật chất, cả về tâm hồn và trí tuệ.

Xuất phát từ hoàn cảnh thực tế của Việt Nam, ngay khi cách mạng còn ở giai đoạn giải phóng dân tộc, Hồ Chủ tịch đã xác định vị trí quan trọng của giáo dục, theo như tinh thần của *Đề cương văn hoá* của Đảng.

Người đã vận dụng tư tưởng Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam một cách rất sinh động, rất sáng tạo.

Phải có tinh thần cách mạng triệt để, vì nhân dân, mới thay được vai trò của văn hoá giáo dục đối với một nước như nước ta. Trước Cách mạng Tháng Mười, so với các nước tư bản chủ nghĩa Tây Âu, thì nước Nga còn lạc hậu, phe Men-sê-vich chủ trương rằng giai cấp vô sản, vì trình độ văn hoá còn thấp, chưa nên giành chính quyền. Họ cho rằng phải đợi đến khi nào giai cấp công nhân và nhân dân lao động nâng cao trình độ văn hoá của mình lên rồi mới nên lo đến việc giành chính quyền (!). Thật là một bọn cách mạng giả dối. Lênin đập lại ngay rằng chính vì giai cấp vô sản kém văn hoá, nhưng tinh thần cách mạng của họ lại rất cao, cho nên phải giành chính quyền để tạo ra cho mình điều kiện nâng cao trình độ văn hoá của mình lên, điều mà dưới chế độ người bóc lột người không bao giờ có được. Nói cách khác, giai cấp công nhân có giành chính quyền mới huỷ bỏ được sự độc quyền về văn hoá của bọn bóc lột, và trả văn hoá lại cho nhân dân.

Phải có tinh thần cách mạng triệt để, vì nhân dân, có đầu óc bình tĩnh, sáng suốt và thiết thực, mới có thể nêu cao vai trò của văn hoá giáo dục trong hoàn cảnh gay go, phức tạp đối với cách mạng. Chúng tôi đều nhớ, Cách mạng Tháng Tám vừa mới thắng lợi đã gặp bao nhiêu thử thách. Giặc ngoài đang đe dọa và đã bắt đầu xâm lược miền Nam, những lực lượng phản cách mạng bên trong câu kết với những lực lượng phản động bên ngoài phá hoại điên cuồng, kinh tế bế tắc, tài chính kiệt quệ, thiên tai liên tiếp diễn ra, nạn đói khủng khiếp hoành hành. Giá như ở một nước nào khác, và thiếu một người tay lái kiệt xuất như Hồ Chủ tịch cho con thuyền cách mạng, trong những cơn sóng gió như vậy, nếu công việc văn hoá giáo dục đành phải gác lại, hoặc bị hạn chế đến mức thấp nhất, thì là một việc thường, tất yếu, không thể tránh khỏi.

Song, Hồ Chủ tịch đã phát huy *tinh thần làm chủ của nhân dân*, không để nhân dân thiệt thòi và bị động trước tình thế, cho nên Người đã phát động trong cả nước phong trào toàn dân đi học. Đó là một phong trào cách mạng của toàn dân tiến công và tiêu diệt giặc dốt, phong trào xoá nạn mù chữ, đi đôi với phong trào yêu nước chống giặc ngoại xâm, phá vỡ âm mưu và kế hoạch bóp nghẹt cách mạng của các lực lượng phản động cả ngoài và trong, với phong trào tăng gia sản xuất và tương thân tương trợ, nhường cơm, sẻ áo, để tiễu trừ giặc dốt.

Nhân dân ta phải có văn hoá, phải được học, để nâng cao ý thức, giác ngộ chính trị của mình lên, để giữ gìn, củng cố độc lập và tự do, để xây dựng đất nước, để cho dân giàu nước mạnh, để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, để làm chủ hoàn toàn đất nước và vận mệnh mình, để đưa cách mạng tiến lên không ngừng. Nền giáo dục của ta, mà Hồ Chủ tịch là người đặt nền móng đầu tiên, là một nền giáo dục cách mạng của dân và vì dân. Hồ Chủ tịch đã mở ra một kỷ nguyên mới cho nền văn hoá giáo dục của dân tộc.

Xác định vị trí của giáo dục như là một bộ phận trong sự nghiệp cách mạng, như vậy là đã xác định rõ ràng trách nhiệm của giáo dục đối với sự nghiệp cách mạng của đất nước. Công việc giáo dục phải phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân, phải gắn chặt mình với toàn bộ hoạt động xã hội của nhân dân. Trên nguyên tắc đó, Hồ Chủ tịch luôn luôn dạy rằng *học phải đi đôi với hành,* phải đi sát với thực tế trong nước. Khi cuộc kháng chiến chống Pháp bắt đầu, Hồ Chủ tịch đã chỉ thị cho Bộ Giáo dục phải tiếp tục phát triển giáo dục về tất cả các mặt - Bình dân học vụ (tức là xoá nạn mù chữ), giáo dục phổ thông và đào tạo cán bộ. Một lần nữa, Bác nhấn mạnh nguyên tắc học phải đi liền với hành. Bác đề ra cả cách tổ chức việc học trong thời chiến: ngày chia ra làm hai buổi, một buổi học ở lớp, một buổi tham gia lao động sản xuất và tham gia hoạt động xã hội, giúp vào các công việc kháng chiến.

Nhờ vậy mà trong mười năm kháng chiến, trong đó, nhiều năm chúng ta phải chiến đấu hoàn toàn đơn thương độc mã, dựa vào sức mình là chính, chống một tên đế quốc mạnh đã từng đô hộ nhân dân ta gần một trăm năm, chúng tôi đã xác định được nền tảng của một nền giáo dục nhân dân: hơn 10 triệu dân trong cả nước thoát nạn mù chữ, những trường phổ thông lao động, trường bổ túc văn hoá công nông được mở ra, có một hệ thống giáo dục phổ thông hoàn chỉnh, có những trường và lớp đào tạo cán bộ trung, cao cấp cho những ngành chuyên môn chủ yếu, nông, y, dược, giao thông vận tải, quân giới, giáo dục, văn hoá.

Nguyên lý thứ hai mà Hồ Chủ tịch luôn luôn đặt ra cho ngành giáo dục, và đó là nguyên lý cơ bản nhất, là *xác định con người mới.* Điều đặc biệt quan trọng là không những Bác nêu ra những đức tính chung mà con người mới phải có, mà đối với từng giai cấp cách mạng, Bác giao cho ngành giáo dục trách nhiệm phải đào tạo những người như thế nào. Lớp người đó phải hoàn thành tốt những nhiệm vụ của giai cấp này của cách

mạng, cũng là những người có khả năng đảm nhiệm những công việc của giai đoạn sau. Trong cuộc kháng chiến đầu, Hồ Chủ tịch chỉ thị rằng ngành giáo dục phải đào tạo "người công dân tốt, người lao động tốt, người chiến sĩ tốt, người cán bộ tốt". Sang giai đoạn sau, khi hoà bình trở lại và miền Bắc bắt đầu đi vào con đường phát triển xã hội chủ nghĩa, Bác dạy: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải có con người xã hội chủ nghĩa".

Hồ Chủ tịch đặc biệt săn sóc đến việc giáo dục thanh niên và thiếu niên nhi đồng, những lớp người mà phần lớn việc quản lý là thuộc ngành giáo dục, và là những người xây dựng đất nước sau này, những người, như ta nói, sẽ kế thừa sự nghiệp của cha anh. "Năm điều Bác Hồ dạy" là một sự vận dụng cực kỳ sáng tạo tư tưởng Mác - Lênin về công tác giáo dục thanh thiếu niên vào hoàn cảnh Việt Nam. Đó là nền tảng, là cương lĩnh của toàn bộ công tác giáo dục, săn sóc và bảo vệ thiếu nhi không những cho nhà trường, mà cả cho Đoàn thanh niên, cho các gia đình và cho các tổ chức xã hội. Hồ Chủ tịch đã nâng công tác giáo dục thanh thiếu niên lên thành một nhiệm vụ cách mạng của toàn Đảng và toàn dân, cũng như trong công tác giáo dục nói chung và trong bất cứ công tác gì, Người luôn luôn dạy chúng tôi phải dựa vào nhân dân.

Những chỉ thị, huấn thị, những lời phát biểu của Hồ Chủ tịch về công tác giáo dục rất nhiều, bao hàm tất cả các mặt của giáo dục; giáo dục phổ thông, bổ túc văn hoá, đào tạo cán bộ. Những lời dạy của người không những quan hệ đến đường lối và nguyên lý giáo dục, mà còn rất thiết thực và sâu sắc về những phương pháp và biện pháp thực hiện. Khi Bác đặt ra câu hỏi: "*Dạy gì? Dạy ai? Ai dạy? Dạy như thế nào?*" bao hàm toàn bộ công tác giáo dục: mục đích, phương hướng, nội dung, đối tượng, học sinh, thầy giáo, sách giáo khoa, bài giảng, phương pháp giảng dạy, đến cả ngôn ngữ.

Không chỉ những lời dạy của Bác về công tác giáo dục là một nguồn lý luận và thực tiễn vô tận đối với giáo dục, mà cả những chỉ thị của Bác về các mặt công tác khác, và cho tất cả các tầng lớp nhân dân - cán bộ, bộ đội, công nhân, nông dân, phụ nữ, trí thức, những lời kêu gọi, những lời khen, những lời chúc mừng của Bác cho toàn thể nhân dân, những bài thơ, bài báo của Bác viết trong đời hoạt động cách mạng của Bác, là những văn kiện kinh điển vô cùng quý báu cho sự nghiệp giáo dục toàn dân và toàn diện của chúng ta.

Mục đích, phương hướng và phương châm của nền giáo dục Việt Nam mà Hồ Chủ tịch đã sáng tạo ra, đã được đúc kết lại trong nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng.

"Công tác giáo dục phải được phát triển theo quy mô lớn nhằm bồi dưỡng thế hệ trẻ thành những người lao động làm chủ nước nhà, có giác ngộ xã hội chủ nghĩa, có văn hoá và kỹ thuật, có sức khoẻ, nhằm phục vụ đắc lực cho việc đào tạo cán bộ và nâng cao trình độ văn hoá của nhân dân lao động. Công tác giáo dục phải phục vụ đường lối và nhiệm vụ cách mạng của Đảng, phải kết hợp giáo dục với lao động sản xuất, kết hợp lý luận với thực tế, giáo dục nhà trường với giáo dục xã hội".

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nền giáo dục nhân dân của ta, mà nền tảng đã được Hồ Chủ tịch tạo nên và được Người bồi đắp liên tục, từ Cách mạng Tháng Tám thành công đến nay, đã có một phần đóng góp nhất định đối với sự nghiệp cách mạng của toàn dân, nhất là có nhiều phần đóng góp đáng kể vào công cuộc xác định cơ sở cho một nền văn hoá mới của dân tộc.

Điều cần đặc biệt chú ý là việc xây dựng con người mới. Học thuyết Mác - Lênin nhằm mục đích cải tạo thế giới, cải tạo xã hội, cải tạo con người, xây dựng thế giới mới, xây dựng con người mới. Đó cũng là mục đích của một nền giáo dục tiên tiến, nền giáo dục xã hội chủ nghĩa, theo tinh thần của Mác - Lênin, của Đảng ta và Hồ Chủ tịch.

Sở dĩ trong hơn 20 năm nay, cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, mà mỗi thắng lợi sau lại to lớn, vẻ vang hơn thắng lợi trước, là nhờ Đảng ta có đường lối đúng đắn, vận dụng đúng đắn và sáng tạo tư tưởng Mác - Lênin, và lãnh đạo cách mạng một cách tài tình. Một trong những kết quả và là kết quả cơ bản nhất của đường lối đúng đắn và sự lãnh đạo tài tình đó, là đã đào tạo, bồi dưỡng nên một lớp người mới, một thế hệ mới, mà chúng ta có thể gọi là thế hệ Cách mạng Tháng Tám, thế hệ Hồ Chí Minh.

Thế hệ đó là tinh hoa của đất nước, là nòng cốt trong việc tạo nên những sự phát triển hiển hách, những kỳ công vĩ đại của cách mạng Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp, trong công cuộc chiến tranh thần thánh chống Mỹ cứu nước ngày nay.

Tất nhiên, thế hệ đó, trước hết là được Đảng và Bác, được thực tế cách mạng và nhân dân giáo dục và bồi dưỡng nên. Nhưng, cũng phải thấy rằng nền giáo dục của ta cũng có phần góp của nó. Đó cũng là một sự thật. Bởi vì việc xây dựng con người mới là tài nguyên trực tiếp của ngành giáo dục; hai là vì ngành giáo dục của ta là con đẻ của Cách mạng Tháng Tám, được Hồ Chủ tịch luôn luôn bồi đắp và săn sóc, có Đảng lãnh đạo, và sự nghiệp giáo dục là sự nghiệp của toàn Đảng và toàn dân, ngành giáo dục là một công cụ của chuyên chính vô sản.

Nhắc đến sự đóng góp của giáo dục trong việc xây dựng lớp người mới là để xác định phần thực hiện đúng đắn đường lối của Đảng và những giáo huấn của Hồ Chủ tịch về giáo dục. Nhưng đồng thời cũng để chúng tôi thấy được những sự sai sót trong nhận thức và trong việc chấp hành đường lối và những giáo huấn ấy.

Cái công nổi bật nhất của ngành giáo dục là trong hơn 20 năm nay, đã có cố gắng lớn để biến nước ta trước đây đại đa số nhân dân là mù chữ, thành một nước toàn dân đi học. Đó là sự chấp hành đúng đắn phương hướng của Hồ Chủ tịch. Giặc dốt, một trong những hiểm hoạ lớn nhất của nhân dân ta trong bao nhiêu đời, đã bị đánh bại, nói đúng hơn, đang bị đẩy lùi một cách nhanh chóng.

Một công lao lớn hơn nữa của giáo dục, là trong hơn 20 năm nay đã cố gắng đào tạo một đội ngũ cán bộ chuyên môn và quản lý cho các ngành. Đó cũng là sự chấp hành đúng đắn phương hướng của Bác, Người đã từng dạy rằng ngành giáo dục rất quan trọng vì nhiệm vụ cơ bản của nó là đào tạo cán bộ, mà muốn làm việc gì thì cũng phải có người, có cán bộ.

Một thành công lớn nữa của giáo dục, là mặc dù trong hoàn cảnh khó khăn như thế nào, giáo dục vẫn phát triển về mọi mặt: nâng cao trình độ văn hoá của nhân dân, đào tạo cán bộ và phát triển giáo dục phổ thông. Đó cũng là sự chấp hành đúng đắn đường lối của Đảng và chủ trương của Hồ Chủ tịch. Nhờ vậy mà trong cuộc kháng chiến trước đây, từ không đến có, chúng tôi đã xây dựng được một nền giáo dục nhân dân tuy về quy mô còn nhỏ bé nhưng tương đối hoàn chỉnh. Bây giờ, trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nền giáo dục của ta, về ngành phổ thông, cũng như bổ túc văn hoá và đào tạo cán bộ, trong khi miền Bắc bị không quân địch đánh phá ác liệt, lại phát triển nhanh và rộng hơn thời bình, căn bản cũng dựa vào sức mình là chính,

và góp phần tích cực vào việc hoàn thành nghĩa vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn.

Nhưng bên cạnh những thành tích đó, thì ngành giáo dục của ta còn có một số thiếu sót, những thiếu sót này có tính chất cơ bản, vì nó thuộc về chất lượng của giáo dục.

Nhiệm vụ trung tâm của ngành giáo dục là đào tạo con người mới, cụ thể hoá trong việc đào tạo những lớp cán bộ mới vừa đỏ, vừa chuyên. Thực chất, ở con người mới của ta, hai mặt đó phải là một, khăng khít với nhau trong bản chất của người cán bộ mới. Chứ không phải người có chuyên thì phải "thêm" cái đỏ vào và người đỏ sẵn thì chỉ "thêm" vào cái chuyên.

Chủ nghĩa Mác là sự kết tinh khoa học sâu sắc nhất và tinh thần cách mạng triệt để nhất. Lênin cũng dạy rằng chỉ có thể trở nên người cộng sản khi nào tiếp thụ được tất cả những kiến thức mà loài người đã tích luỹ trong mấy nghìn năm nay, bởi vì toàn bộ sự phát triển của loài người từ xưa đến nay là đi đến chủ nghĩa cộng sản. Khi đề ra cho giáo dục những câu hỏi: dạy ai, ai dạy, dạy gì, để làm gì và dạy như thế nào, khi nhấn mạnh đến đức dục, đề ra đường lối học đi đôi với hành, và phê bình chương trình giáo dục còn quá nặng và lối giảng dạy vẫn còn có tính chất nhồi nhét, còn học thì nặng về lối học vẹt, Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ cho chúng tôi thấy *tính thống nhất giữa khoa học và lập trường quan điểm giữa trí dục và đức dục.*

Có giải quyết được thích đáng vấn đề đó thì mới nâng cao được một cách căn bản chất lượng của giáo dục. Có như vậy, ngành giáo dục mới khỏi bị động trước mọi tình huống. Để giải quyết vấn đề hiện nay chúng ta có những phương tiện nhiều và thuận lợi hơn bất cứ lúc nào và bất cứ ở một nước nào mà hoàn cảnh cũng giống như ta. Một là chúng ta có chủ nghĩa Mác - Lênin đang được Đảng ta vận dụng một cách rất sáng tạo. Cán bộ giáo dục của chúng ta phải nắm vững cơ bản chủ nghĩa Mác - Lênin, không phải bằng cách nhớ thuộc lòng nhiều tác phẩm Mácxít - Lêninnít, mà trước hết là tiếp thu tinh thần cách mạng và sáng tạo tư tưởng Mác - Lênin của Đảng ta và của Hồ Chủ tịch. Hai là chúng ta có đường lối sáng suốt, đúng đắn và toàn diện của Đảng. Ba là, chúng ta có một kho tàng vô giá về phương hướng, nguyên lý, phương châm, phương pháp giáo dục mà Hồ Chủ tịch đã dạy cho chúng ta trong gần một phần

tư thế kỷ nay. Và bốn là chúng ta có một thực tế cách mạng đang bồi dưỡng hàng triệu, hàng chục triệu con người mới kết tinh ở mình đến cao độ dũng và trí, chủ nghĩa anh hùng cách mạng vô địch và óc thông minh sáng tạo tuyệt vời. Chính ngay ngành giáo dục cũng có thực tế của mình. Đó là những cháu ngoan của Bác Hồ, những học sinh, sinh viên toàn diện, những giáo viên, chiến sĩ thi đua và anh hùng lao động.

Hoàn cảnh mới của cách mạng Việt Nam đòi hỏi ngành giáo dục một bước phát triển mới. Sự phát triển đó không phải chỉ ở số lượng, mà cả ở chất lượng. Muốn phát triển về chất lượng thì trước hết phải chấp hành triệt để đường lối giáo dục của Đảng, thực hiện nghiêm chỉnh những lời dạy của Bác về giáo dục.

Biết ơn Hồ Chủ tịch trước hết là quán triệt tinh thần của Người trong toàn bộ công tác giáo dục.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ "BỒI DƯỠNG THẾ HỆ CÁCH MẠNG CHO ĐỜI SAU"*

GS. SONG THÀNH

Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà văn hoá kiệt xuất đồng thời cũng là nhà giáo dục vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Những cống hiến lớn lao của Người trong sự nghiệp giáo dục - đào tạo bao thế hệ con người Việt Nam đã là một bộ phận quan trọng làm nên sự nghiệp văn hoá kiệt xuất của Người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chẳng những là người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam với ý nghĩa là người vạch đường, chỉ lối, người tổ chức, lãnh đạo, cổ vũ nhân dân ta làm nên thắng lợi, mà còn là người thầy - với ý nghĩa đã trực tiếp giảng dạy, đào tạo, bồi dưỡng nên bao thế hệ cán bộ cho cách mạng Việt Nam.

Từ thầy giáo Nguyễn Tất Thành ở Trường Dục Thanh (Phan Thiết), đồng chí Vương ở các lớp huấn luyện chính trị Quảng Châu (Trung Quốc), lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện cán bộ Việt Minh trên biên giới Việt - Trung (Cao Bằng), đến các lớp học tập, nghiên cứu lý luận cho cán bộ trung, cao cấp của Đảng, cho các nhân sĩ trí thức, v.v... về sau này, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn hiện thân là một người thầy mẫu mực, cần mẫn, vun xới, chăm sóc cho sự nghiệp "trồng người" của dân tộc. Kết quả là đã hình thành nên bao thế hệ cán bộ cách mạng trung thành, sáng suốt, họ đã cùng với Người đưa dân tộc ta từ một dân tộc nô lệ, bị kìm hãm trong lạc hậu, tối tăm từng bước tiến lên làm chủ đất nước, từng bước nâng cao văn hoá, đạo đức, lối sống,... của mình để sánh vai, mở mặt

---

* Trích trong cuốn: *Hồ Chí Minh - nhà tư tưởng lỗi lạc*, của GS. Song Thành, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2005.

với năm châu. Trên ý nghĩa đó, *Hồ Chí Minh là một nhà giáo dục vĩ đại đã khai sáng cho cả một dân tộc.*

Sau khi nước nhà giành lại nền độc lập, trên cương vị Chủ tịch nước, Người đã không ngừng quan tâm đến sự nghiệp giáo dục ở mọi cấp, từ giáo dục mẫu giáo, phổ thông đến giáo dục chuyên nghiệp, đại học. Người thường xuyên gửi thư, dành thời giờ đến thăm nhiều trường học, từ thủ đô đến miền núi, hỏi han, động viên và căn dặn nhiều điều quý báu.

Những bức thư, những bài nói của Người với thầy giáo và học sinh các trường đã trở thành tâm niệm của bao thế hệ thầy trò trước đây, và ngày nay vẫn giữ nguyên tính khoa học, tính hiện đại đối với sự nghiệp cải cách, đổi mới và phát triển của nền giáo dục nước ta ở thời đại kinh tế tri thức, xã hội thông tin và giao lưu, hội nhập với thế giới.

I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục - đào tạo

Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục - đào tạo là một vấn đề rộng lớn, bao quát các vấn đề từ mục tiêu, nguyên lý, phương châm giáo dục; nội dung, phương thức, phương pháp giáo dục - đào tạo cho đến tổ chức, quản lý, xây dựng đội ngũ, chủ trương, chính sách đối với giáo dục - đào tạo. Đối tượng của giáo dục - đào tạo được Người quan tâm cũng rất rộng: từ mẫu giáo, vỡ lòng, phổ thông, chuyên nghiệp, đại học cho đến người lớn tuổi, người già (thuộc đối tượng giáo dục thường xuyên trong một xã hội học tập).

Trong giới hạn nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, chương này sẽ chỉ đề cập đến *những tư tưởng lớn* của Người về giáo dục - đào tạo, những vấn đề có ý nghĩa thời sự ở thời điểm hiện nay. Các vấn đề khác xin dành lại cho bộ môn lý luận giáo dục học.

1. "Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây. Vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người"

Nói một cách khác, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục - đào tạo - sự nghiệp "trồng người" là một chiến lược cơ bản, lâu dài của cách mạng, một quốc sách hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta.

1.1. Tư tưởng này hình thành ở Hồ Chí Minh từ rất sớm, từ những năm 20 của thế kỷ trước. Quan sát những thanh niên Trung Quốc đang

"cần công, kiệm học"[1] tại Pari mà Người gọi là những *"sinh viên - công nhân"* dũng cảm, đáng khâm phục, lại được đào tạo trong kỷ luật và kỹ thuật hiện đại, Nguyễn Ái Quốc đã sớm đưa ra tiên đoán: với một thế hệ thanh niên được đào tạo như thế, "không bao lâu nữa, Trung Quốc sẽ có một địa vị trong hàng các cường quốc công nghiệp và thương nghiệp thế giới"[2]. Tiên đoán đó, ngày nay đã trở thành sự thật[3]. Trung Quốc đang trở thành một siêu cường, có thể trở thành đối trọng ngang ngửa của Mỹ vào nửa cuối thế kỷ này.

Vì vậy, ngay sau khi vừa giành được độc lập, trong 6 nhiệm vụ cấp bách Người đề ra cho Hội đồng Chính phủ lâm thời, *có hai nhiệm vụ về giáo dục: một là* cần "mở một chiến dịch để chống *nạn mù chữ"; hai là* cần "mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân ta bằng cách thực hiện: *cần, kiệm, liêm, chính*[4].

Người không nói những điều to tát, nhưng nói thấm thía: "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu". "Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em"[5]. Từ đó, Người chỉ rõ "một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc lúc này là nâng cao dân trí", bởi không một quốc gia nào có thể tiến hành xây dựng một chế độ xã hội mới và bảo vệ Tổ quốc thành công trong điều kiện văn hoá, dân trí, đạo đức, tinh thần xã hội lại thấp kém.

Nói chuyện với giáo viên cấp 2, 3 toàn miền Bắc (9-1958) Người nói: *"Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người.* Chúng ta phải đào tạo ra những công dân tốt, cán bộ tốt cho nước nhà... Đó là một trách nhiệm nặng nề nhưng rất vẻ vang"[6].

Phải đến thập niên 90 của thế kỷ trước, tư tưởng này của Hồ Chí Minh mới được thế giới chú ý bàn đến nhiều. Hội nghị quốc tế về "giáo

---

1. "Cần công, kiệm học" có nghĩa là vừa học hỏi, vừa lao động, học và sống bằng lao động của bản thân, không xin tiền chính phủ và gia đình.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.2, tr.131-132.
3. Trung Quốc và Ấn Độ vào nửa sau của thế kỷ XX, về đại thể, có trình độ phát triển tương đương nhau. Do Trung Quốc thành công hơn về giáo dục - đào tạo, về nâng cao chất lượng nguồn lực con người nên đã bứt lên, bỏ xa Ấn Độ về nhiều phương diện.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.4, tr.8-9.
5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.4, tr.33.
6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.9, tr.222.

dục cho mọi người" họp vào tháng 3-1990, đã khẳng định: "Sự suy đồi về dân trí không tránh khỏi dẫn tới sự suy đồi về kinh tế - xã hội". Năm 1994, UNESCO đưa ra tuyên bố: "Không có một sự tiến bộ và thành đạt nào có thể tách khỏi sự tiến bộ và thành đạt trong lĩnh vực giáo dục của quốc gia đó. Và những quốc gia nào coi nhẹ giáo dục hoặc không đủ tri thức và khả năng cần thiết để làm giáo dục một cách có hiệu quả thì số phận của quốc gia đó xem như đã an bài và điều đó còn tồi tệ hơn cả sự phá sản".

1.2. Ngày nay, nhân loại đang bước vào một nền văn minh mới - văn minh trí tuệ, một nền kinh tế mới - kinh tế tri thức, một trình độ xã hội mới - xã hội thông tin. Thế giới đang trong cuộc chạy đua về tốc độ: tốc độ nghiên cứu - triển khai, tốc độ đưa ra ứng dụng, tốc độ quay vòng vốn, tốc độ đẩy nhanh các số liệu, thông tin, tri thức,... trong hệ thống kinh tế - xã hội. Kẻ nào nhanh, người ấy thắng, đó là quy luật. Vì vậy, người ta nói: muốn biết tương lai một dân tộc ra sao hãy nhìn vào hiện tại xem dân tộc đó đang làm giáo dục như thế nào.

Trong nền kinh tế tri thức, ưu thế không thuộc về các nhân tố truyền thống như *tài nguyên, đất đai, nhân công rẻ,...* mà nhân tố có ý nghĩa quyết định là *trí tuệ* con người, là *chất xám* của các nhà chuyên môn có trình độ cao[1]. Tài nguyên thiên nhiên của ta không dồi dào. Việt Nam sẽ chủ yếu phải đi lên bằng *tài nguyên con người,* do đó chiến lược giáo dục, chiến lược "trồng người" theo tư tưởng Hồ Chí Minh phải là vấn đề then chốt nhất của chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Việt Nam thuộc loại nước đất chật, người đông, mật độ dân số vào loại cao (205 người/km^2), cao gấp đôi Pháp, Inđônêxia, Thái Lan, cao gấp ba Malaixia, Mianma,...[2]. Chúng ta đang thừa *nhân công* nhưng lại đang thiếu *vốn nhân lực* - là lực lượng lao động đã qua đào tạo, có đủ kiến thức và kỹ năng tay nghề giỏi để có thể sản xuất ra những sản phẩm tinh xảo với năng suất cao, chất lượng tốt, giá thành rẻ. Hiện nay, giá nhân công ta còn thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực, nhưng đơn giá tiền

1. Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, Achentina nhờ đất rộng, tài nguyên giàu có, nên thu nhập đầu người đứng thứ hai sau Mỹ. Nhưng vì đi theo con đường phát triển kinh tế nguyên liệu, không thành công trong chiến lược phát triển con người, nay tụt xuống hàng thứ 71 các quốc gia trên thế giới.
2. Đất canh tác của Việt Nam tính theo đầu người thấp hơn mức bình quân các nước trên thế giới.

lương trong giá thành sản phẩm vẫn còn chiếm tỷ lệ cao vì năng suất lao động của ta đang quá thấp.

Tất cả đang đòi hỏi chúng ta phải xem xét lại những gì chúng ta đã nói và làm về "chiến lược giáo dục - quốc sách hàng đầu". Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã viết: *phát triển giáo dục - đào tạo, phát triển khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu,* là nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Tuy nhiên, trên tinh thần kiểm điểm nghiêm túc việc chỉ đạo quốc sách hàng đầu này, Hội nghị Trung ương 6 (khoá IX) đã thừa nhận "còn nhiều yếu kém, bất cập và đã để xảy ra những tiêu cực". Phát biểu bế mạc Hội nghị, đồng chí Tổng bí thư Nông Đức Mạnh nhấn mạnh: "Phải lấy việc đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và lấy việc nâng cao đạo đức công dân, trình độ dân trí, tăng năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của hàng hoá, thúc đẩy phát triển kinh tế và củng cố an ninh quốc phòng làm thước đo hiệu quả của giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ"[1].

Tóm lại, phải quán triệt sâu sắc hơn nữa, phải thực hiện cho được tư tưởng chiến lược của Hồ Chí Minh: "Làm tốt thì thế hệ sau này có ảnh hưởng tốt. Làm không tốt sẽ có ảnh hưởng không tốt đến các thế hệ sau"[2]. Giáo dục - đào tạo có quan hệ đến thịnh suy của đất nước, hưng vong của quốc gia do đó toàn Đảng, toàn dân ta cần khẩn trương *tiến hành ngay một cuộc cải cách mang tính cách mạng về giáo dục* để đào tạo ra những nguồn nhân lực mới, đưa nước nhà hoà nhập vào trào lưu phát triển mạnh mẽ của loài người trong thế kỷ XXI.

2. Xây dựng một nền giáo dục theo hướng dân tộc, hiện đại, nhân văn, lấy phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân làm nền tảng

2.1. Trong *Bản án chế độ thực dân Pháp,* Hồ Chí Minh đã lớn tiếng tố cáo và đanh thép lên án tội ác của chế độ thực dân trong việc thi hành "chính sách ngu dân" để dễ bề cai trị. Chúng "gieo rắc một nền giáo dục đồi bại, xảo trá và nguy hiểm hơn cả sự dốt nát nữa, vì một nền giáo dục như vậy chỉ làm hư hỏng, mất tính nết của người đi học,... dạy cho thanh niên yêu một Tổ quốc không phải là Tổ quốc của mình và đang áp

1. Báo *Nhân dân*, ngày 16-7-2002.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.8, tr.183.

bức mình. Nền giáo dục ấy dạy cho thanh niên khinh rẻ nguồn gốc, dòng giống mình"[1].

Tóm lại, giáo dục thực dân cũ nhằm mục đích ngu dân, gieo nọc độc, làm cho thanh niên Việt Nam quên Tổ quốc, xa giống nòi, quên thân phận nô lệ, tách rời khỏi cuộc đấu tranh cho tự do, độc lập của mỗi dân tộc.

2.2. Sau Cách mạng Tháng Tám, khai sinh ra nền giáo dục mới, Hồ Chí Minh chủ trương phải xây dựng một nền giáo dục hướng vào các giá trị dân tộc, hiện đại, nhân văn, một nền giáo dục phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Trong *Thư gửi học sinh* (9-1945), Người nói đến "một nền giáo dục của một nước độc lập, một nền giáo dục sẽ đào tạo các em nên những người hữu ích cho nước Việt Nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em".

Bàn về *đời sống mới* trong trường học, Người nhấn mạnh: "Cốt nhất là phải dạy cho học trò *biết yêu nước, thương nòi.* Phải dạy cho họ *có chí tự lập, tự cường,* quyết không chịu thua kém ai, quyết không chịu làm nô lệ"... "Trong lúc dạy, chớ nên làm cho học trò có tư tưởng vị quốc như bọn phát xít, vị quốc nghĩa là chỉ biết yêu trọng nước mình mà khinh ghét nước người,... *phải chú trọng về môn tinh thần và đạo đức.* Phải tẩy sạch óc kiêu ngạo, tự phụ mà giáo dục thực dân còn để lại"[2].

Trong thư gửi giáo sư và sinh viên Trường Dự bị đại học ở Thanh Hoá, Người nhắc nhở: "Các thầy giáo có nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang là đào tạo cán bộ cho dân tộc. Vậy giáo dục nhằm vào mục đích là *thật thà phụng sự nhân dân.* Các cháu thì học tập cần gắn liền với thực hành để mai sau thực hiện mục đích cao quý: *thật thà phụng sự nhân dân*... Thầy thi đua dạy, trò thi đua học. Thầy và trò thật thà đoàn kết và dùng cách dân chủ để giúp nhau tiến bộ mạnh, tiến bộ mãi"[3].

Nói chuyện với học sinh các Trường trung học Nguyễn Trãi, Chu Văn An, Trưng Vương ở Hà Nội, Người nói: "Học bây giờ với học dưới chế độ thực dân phong kiến khác hẳn nhau. Bây giờ phải học để: Yêu Tổ quốc,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.1, tr.399.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.5, tr,102.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.6, tr.467.

yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, yêu đạo đức... Học để phụng sự ai? *Để phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân,* làm cho dân giàu nước mạnh"[1].

Trong Thư gửi lưu học sinh Việt Nam tại Mátxcơva, Người cũng nhắc nhở: "Các cháu cần nhận rõ mình học cốt để *phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân.* Học ngành nào cũng cần phải căn cứ vào nhu cầu của Tổ quốc, của nhân dân mà định, không thể tuỳ theo sở thích riêng của mình"[2].

Tư tưởng dạy và học để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân đã được Hồ Chí Minh quán triệt vào mọi chủ trương, chính sách về giáo dục.

- Người phát động phong trào *chống nạn mù chữ, thất học,* làm cho mọi người dân đều "biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ", nâng cao dân trí để có kiến thức mới tham gia vào công cuộc "giữ vững nền độc lập, làm cho dân mạnh, nước giàu".

- Người yêu cầu phải *sửa đổi triệt để nội dung chương trình, sách giáo khoa* cho phù hợp với sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc (hồi đầu kháng chiến chống Pháp); phù hợp với nhiệm vụ khôi phục kinh tế, củng cố quốc phòng, xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất đất nước (sau năm 1954); đặc biệt, Người nhắc nhở "phải chú trọng dạy *đạo đức công dân;* phải làm sao cho "nhà trường gắn liền với thực tế của nước nhà, với đời sống của nhân dân", "phải ra sức tẩy sạch ảnh hưởng giáo dục nô dịch của thực dân còn sót lại: học để lấy bằng cấp, dạy theo lối nhồi sọ"[3]. Trên cơ sở đó, Người đã đề ra *ba phương châm* cho nền giáo dục mới: "Học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tế, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và xã hội".

- Để đạt mục tiêu trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương *xây dựng một nền giáo dục toàn diện:* "Trong việc giáo dục và học tập, phải chú trọng đủ các mặt: đạo đức cách mạng, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, văn hoá, khoa học - kỹ thuật, lao động và sản xuất"[4].

Trong nội dung giáo dục toàn diện đó, Người thường nhấn mạnh trước hết đến *lý tưởng xã hội chủ nghĩa và đạo đức cách mạng,* tuy nhiên

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.7, tr.398-399.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.8, tr.25.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.8, tr.80.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.10, tr.190.

không vì vậy mà coi nhẹ việc học tập *văn hoá, khoa học - kỹ thuật*. Người thường nói: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có học thức", "chủ nghĩa xã hội cộng với khoa học chắc chắn sẽ đưa loài người đến hạnh phúc vô tận". Người đề ra yêu cầu cao cho thanh niên: "Vượt qua mọi khó khăn để mà chiến thắng, để hưởng thụ tất cả những khoa học, những hiểu biết của thời đại thế kỷ XX"[1].

Một nền giáo dục toàn diện, theo Người, phải coi trọng việc *rèn luyện thân thể* cho học sinh. Người sớm cho lập *Nha thể dục,* phát động phong trào rèn luyện thân thể, kêu gọi toàn dân tập thể dục, "giữ gìn, bồi đắp sức khoẻ", vì "việc gì cũng cần có sức khoẻ mới làm thành công". Sau thoát nạn mù chữ, Người yêu cầu phải dạy cho đồng bào những hiểu biết *thường thức về vệ sinh, về khoa học,...* để dân bớt ốm đau, bệnh tật.

2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng một nền giáo dục hướng về các giá trị dân tộc, hiện đại, nhân văn lấy phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân làm nền tảng phải được quán triệt sâu sắc vào quá trình đổi mới nền giáo dục của ta ở bối cảnh mở cửa, hội nhập về kinh tế, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc hiện nay.

Con đường phát triển của nước ta ở thời đại kinh tế tri thức, toàn cầu hoá,... chủ yếu phải là *con đường phát triển con người* thông qua giáo dục - đào tạo. Chỉ có đi theo con đường đó, các nước đang phát triển mới có cơ may *đi tắt, đón đầu,* phát huy thế mạnh của con người Việt Nam (yêu nước, ham học, thông minh, sáng tạo) để đuổi kịp và vượt các nước trong khu vực.

Toàn cầu hoá là một xu thế khách quan. Nó như một dòng thác đang tràn vào tất cả các quốc gia, dân tộc. Chỉ có một con đường chủ động, dũng cảm đương đầu với nó để chiến thắng nó, nếu do dự, chậm chạp, chần chừ, sẽ bị nó nhấn chìm.

Toàn cầu hoá vốn không phải là sở hữu riêng của một số nước nào, mà sẽ là sở hữu của quốc gia nào chinh phục được nó. Trước đây, Đảng ta và Bác Hồ đã giương cao chủ nghĩa yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc để chiến thắng ngoại xâm, đưa dân tộc ta *thoát khỏi thân phận nô lệ*. Ngày nay, chúng ta cũng phải tiếp tục giương cao hơn nữa ngọn cờ dân tộc trong sự nghiệp chấn hưng đất nước, đưa nước ta vượt *ra khỏi lạc hậu,*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.9, tr.471.

nghèo nàn. Trong cuộc cạnh tranh mang tính toàn cầu hiện nay, chỉ có đem hết *sức mạnh của toàn dân tộc* mới mở rộng được không gian kinh tế (thị trường) cho Tổ quốc Việt Nam. Trước đây, chúng ta đã giải quyết thành công *mâu thuẫn dân tộc với đế quốc,* nay ta cũng phải tìm ra cách làm mới để giải quyết thành công mối quan hệ giữa *dân tộc với toàn cầu hoá.* Bằng cách nào? - Chỉ có thể bằng *con đường phát triển con người.*

Cách mạng luôn luôn là sự nghiệp của con người. Tiến hành cách mạng trong điều kiện nền kinh tế tri thức lại càng phải do con người. Nghị quyết Đại hội VII và Đại hội VIII của Đảng đã đề ra chiến lược con người với ba nội dung: nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; lấy giáo dục - đào tạo và phát triển khoa học và công nghệ làm *quốc sách hàng đầu.* Đó là một phương hướng chiến lược đúng. Nhưng từ phương hướng đến thể hiện thành một chiến lược với mục tiêu, bước đi, nội dung và biện pháp cụ thể cho mỗi thời đoạn,... còn phải đòi hỏi rất nhiều công phu, trí tuệ và tâm huyết. Để càng chậm thì sự tụt hậu sẽ càng xa.

Trong phạm vi tìm tòi, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đổi mới nền giáo dục hiện nay hướng về phát huy các giá trị dân tộc, đáp ứng các nhu cầu hiện đại, chúng ta phải làm gì?

Hiện nay, nhiều giá trị trong truyền thống dân tộc đang có xu hướng bị mờ đi trước tác động của kinh tế thị trường: đạo đức xã hội đang xuống cấp, nhiều nhược điểm, cái xấu đã từng được uốn nắn, phê phán, nay có nguy cơ sống dậy, thậm chí được coi là những giá trị mới!

Nhiệm vụ của giáo dục - đào tạo, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, phải làm sao tiếp tục phát huy được những giá trị trong truyền thống dân tộc, biến nó thành sức mạnh đẩy lùi cái xấu, cái yếu kém. Cụ thể là:

- *Khơi dậy truyền thống yêu nước, ý chí quật cường, tự hào, tự tôn dân tộc,* làm cho mọi người đều có "ham muốn tột bậc" của Bác Hồ sau khi thoát khỏi thân phận nô lệ, có ý chí mạnh mẽ đưa đất nước vươn lên thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Phải làm cho mọi người cảm thấy xấu hổ với cái nghèo, vì nghèo là kém cỏi, nghèo đi liền với *hèn,* với *khó*[1].

1. Tổng thống Nga V. Putin có lần phát biểu trước các nhà báo: "Tôi cảm thấy xấu hổ vì đồng bào của mình đang phải sống dưới mức nghèo khổ. Tôi nhất định không thoả hiệp với tình trạng này, tôi sẽ quyết tâm đưa nước Nga trở lại hàng ngũ các cường quốc thế giới".

- *Phát triển tinh thần tương thân, tương ái, gắn kết cộng đồng,* dù sống ở trong nước, hay làm ăn ở nước ngoài, làm sao để trong kinh tế thị trường có cạnh tranh với nhau nhưng vẫn hợp tác được với nhau, biết hợp đồng vì lợi ích của đất nước, nhất là để giữ thế làm ăn của người Việt Nam với đối tác nước ngoài, để không hạ gục nhau, không thực hiện "chiến tranh" qua tay người khác. Trong rủi ro, cần biết chia sẻ trách nhiệm, gánh vác việc khó về mình, như một thời đã chia lửa với nhau trong chiến tranh.

- *Nuôi dưỡng tinh thần ham học, khiêm tốn học hỏi, cầu tiến,* tiếp thu cái hay, cái mới của nhân loại, nhưng không đánh mất *bản sắc dân tộc,* chạy theo, học đòi, chuộng lạ của nước ngoài (ẩm thực kiểu Mc Donal, giải trí Disneyland, văn hoá tiêu thụ, văn hoá đại chúng,... không có chiều sâu tâm hồn).

- *Dũng cảm đấu tranh chống tiêu cực,* không "mũ ni che tai", không chỉ lo thế thủ vì lợi ích cá nhân, "ngậm miệng ăn tiền". Tóm lại, phải chống lại căn bệnh *bàng quan, vô cảm* trước các hiện tượng tiêu cực của xã hội.

Đi đôi với phát huy những giá trị truyền thống cũ lại *phải biết bồi dưỡng, hình thành những giá trị mới, truyền thống mới* phù hợp với đòi hỏi của thời đại mới. Lịch sử luôn luôn vận động nên truyền thống không thể đứng yên. Phát triển, làm phong phú truyền thống bằng những giá trị mới, đó là cách trung thành nhất với truyền thống.

Ngày nay, đi vào kinh tế thị trường, mở cửa, giao lưu, hội nhập về kinh tế với bên ngoài, con người Việt Nam cũng đang bộc lộ những thiếu hụt. Nền kinh tế nông nghiệp manh mún, bị chi phối bởi tư tưởng lạc hậu, "trọng nông, ức thương" của Nho giáo, không sản sinh ra được những thương gia, nhà doanh nghiệp có đầu óc kinh doanh lớn, có tư duy kinh tế giỏi. Nước ta tuy đã trải qua chế độ thuộc địa gần 100 năm nhưng chưa thực sự hình thành nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đầy đủ. Nền kinh tế bao cấp chỉ tạo ra những "chú gà công nghiệp" thụ động, càng không có hiểu biết bao nhiêu về kinh tế, tài chính, thị trường,... Chúng ta đang thiếu cái gì?

- Cái chúng ta đang thiếu là thiếu *một đội ngũ doanh nhân giỏi, có kiến thức, có kinh nghiệm nắm bắt thị trường trong nước và thế giới,* có

khả năng lựa chọn và xác định những mục tiêu đúng đắn, giỏi phát hiện các nguồn sinh lợi, có tham vọng khuếch trương, đưa thương hiệu Việt Nam ra thế giới.

- Kinh tế thị trường rất cần đến *bản lĩnh cá nhân, tài năng cá nhân,* giáo dục của ta cần giúp thế hệ trẻ *dám khẳng định bản thân mình,* dũng cảm, quyết đoán, nhưng không cá nhân chủ nghĩa mà vẫn giữ được *phong cách đồng đội,* biết triệt để khai thác sức mạnh của tập thể, biết kết hợp hài hoà cá nhân với cộng đồng - một thế mạnh của dân tộc ta.

- Con người Việt Nam truyền thống do chịu ảnh hưởng tư tưởng trọng danh của Nho giáo và đầu óc đặc quyền, đặc lợi của tầng lớp phong kiến quan liêu nên có nhược điểm là thích danh vị, thích làm quan mà *thiếu một ý thức vững vàng về giá trị của người lao động sáng tạo,* có thể làm bất cứ nghề gì, miễn là có đóng góp vào lợi ích và sự phát triển của xã hội thì đều đáng quý. Thêm nữa, sống lâu trong điều kiện xã hội nông nghiệp trì trệ, lại mang đầu óc sùng bái sách vở "thánh hiền" Nho giáo, cho nên có tâm lý bảo thủ, sợ cái mới, thậm chí hoài nghi cái mới, hậu quả là *trí tưởng tượng, óc sáng tạo không thật phong phú,* mẫu mã hàng hoá của ta thường nghèo nàn, ít thay đổi, kém thu hút và không có sức cạnh tranh.

- Cuối cùng, phải xây dựng được *ý thức xã hội tôn vinh người tài.* Nhân tài là tài sản quốc gia quý hiếm, làm sao để người tài được cất cử vào các vị trí đứng đầu một cơ quan, một địa phương, một ngành,... Có người tài đứng đầu, sức mạnh của tập thể, của cộng đồng được tăng lên gấp bội. Chế độ phong kiến chuyên chế xưa thường mượn danh nghĩa "trọng đức, khinh tài" để gạt bỏ người tài, chỉ tin dùng những người họ coi là có "lễ nghĩa", ngoan ngoãn, biết vâng lời, càng ít tài càng không đe doạ tới địa vị thống trị của họ. Nhà nho xưa không ngần ngại nhận mình là bất tài, vừa để tỏ ra khiêm tốn, vừa để tránh mang hoạ vào thân.

Ngày nay, người tài đang là đối tượng săn lùng, giành giật giữa các quốc gia, các tập đoàn kinh tế, các tổ chức chính trị và cơ quan khoa học. Cách mạng càng cần người tài và cũng chỉ cách mạng mới thật sự trọng dụng người tài. Bác Hồ nói: "mục đích lựa chọn cán bộ là dùng nhân tài"[1]. Vì vậy, phải làm cho xã hội ý thức được vai trò quan trọng của người tài, biết tôn vinh và trọng dụng người tài.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.5, tr.520.

3. Giáo dục - đào tạo phải hình thành được cho học sinh nhu cầu và khả năng tự học để học suốt đời

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mở ra khả năng và điều kiện cho mỗi con người được tận lực phát triển những năng lực sẵn có của mình. Sự phát triển đó một mặt được thực hiện thông qua *hệ thống giáo dục nhà trường,* mặt khác, chủ yếu và quyết định hơn, được thực hiện bằng cách tự học trong suốt cuộc đời của mỗi con người, thông qua *hệ thống giáo dục ngoài nhà trường.* Lịch sử đã cho thấy: nhiều danh nhân, nhân tài, học giả,... thành đạt được chủ yếu nhờ tự học, như nhà phát minh Mỹ T. Êđixơn (1847-1931), nhà toán học Nga L.S.Pôntriaghim (1908), vua máy tính hãng Microsoft của Mỹ Bill Gates, v.v... Ở Việt Nam, tấm gương sáng chói nhất về tự học thuộc về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ra nước ngoài khi chỉ vừa học xong bậc tiểu học, nhưng nhờ tự học, Người đã làm giàu vốn tri thức của mình bằng những vốn tri thức tiên tiến nhất của thời đại để vươn lên trở thành Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà tư tưởng lỗi lạc, nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam.

Theo quan niệm của Hồ Chí Minh học là để *hành,* "học để *làm việc*", muốn *hành* tốt, phải *hiểu* kỹ, từ đó mới có thể tiến lên *sáng tạo* cái mới. Ngày xưa, học kiếm lấy mảnh bằng để *làm quan.* Ngày nay, *học để làm việc,* mà việc thì mỗi ngày mỗi nhiều, mỗi mới. Người nói: "... So với trước, công việc bây giờ khó khăn hơn, to lớn hơn, phức tạp hơn,... Một cái máy tính một giây đồng hồ làm được hàng ngàn phép toán, không phải cộng, trừ, nhân, chia thông thường. Ta phải học toán. Toán rất cao... Liên Xô bắn tên lửa trúng đích xa một vạn hai ngàn cây số,... phải có tính toán giỏi mới trúng đích. Hay như con tàu vũ trụ bay cao hơn 300 cây số, lại bay vòng quanh quả đất... Bây giờ bảo chúng mình bay, có bay được không?"[1].

Từ đó, Người đề ra yêu cầu: "*Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời.* Suốt đời phải gắn lý luận với công tác thực tế. Không ai có thể tự cho mình đã biết đủ rồi, biết hết rồi"[2]. Người nói và tự nêu gương về việc học: "Tôi năm nay đã 71 tuổi, ngày nào cũng phải học... Công việc cứ tiến mãi. Không học thì không theo kịp, công việc nó sẽ gạt mình lại phía sau"[3].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sdd, t.10, tr.463-464.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sdd, t.8, tr.215.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sdd, t.10, tr.465.

Người cũng nhắc lại lời của Lênin: Học, học nữa, học mãi, "còn sống còn phải học", "học suốt đời".

Xuất phát từ quan điểm "học để làm việc", do đó, *về nội dung* học Người đòi hỏi phải thiết thực, gắn với yêu cầu của công việc bản thân, với yêu cầu của đất nước, không được viển vông, chạy theo sở thích nhất thời của cá nhân. Về *phương pháp,* Người rất chú trọng về *cách học.* Người chỉ rõ: "Phải lấy *tự học làm cốt.* Do *thảo luận* và *chỉ đạo* giúp vào"[1], tức là thực hiện kết hợp 3 khâu: tự học của *cá nhân* phải làm cốt, thảo luận của *tập thể* và hướng dẫn của *giảng viên* chỉ bổ sung thêm vào. Bàn về công tác huấn luyện của Đảng, Người chỉ thị: "Phải nâng cao và *hướng dẫn việc tự học",* "phải biết *tự động học tập",* không phải có thầy mới học, mà phải tự tìm sách đọc, lấy sách làm thầy.

Có thể thấy những tư tưởng trên đây của Hồ Chí Minh là rất mới, rất khoa học và hiện đại, tương ứng với *"triết lý giáo dục thế kỷ XXI"* mà UNESCO đưa ra năm 1996[2]. Có thể tóm tắt như sau:

Trước hết, UNESCO đưa ra khẩu hiệu *"Học suốt đời"* (life long learning), điều mà Hồ Chí Minh đã nói từ 1/2 thế kỷ về trước. *Tại sao tự học phải là công việc suốt đời?.*

Trong thời đại thông tin và kinh tế tri thức, lượng tri thức của loài người tăng lên rất nhanh và cũng già đi, cũ đi rất nhanh. Theo công bố của các nhà khoa học, lượng thông tin qua Internet cứ 100 ngày lại tăng lên gấp đôi! Có người đã so sánh: một tờ báo như tờ *New York chủ nhật* của Mỹ chứa đựng một khối lượng tri thức mà một người Mỹ ở thời Dephesơn (người viết *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776) phải dành cả đời mới tích luỹ được!

Theo thống kê của thế giới, tri thức của nhân loại cứ sau 4, 5 năm lại tăng lên gấp đôi. Như vậy, một sinh viên tốt nghiệp, ra trường sau 5 năm, kiến thức đã lạc hậu đi một nửa, nếu bị rơi vãi nữa thì chỉ còn lại chừng 2,30%.

Trong ba thập niên cuối của thế kỷ XX, khoa học - công nghệ đã đóng góp hơn 70% giá trị vào tăng trưởng kinh tế của các nước công nghiệp

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.5, tr.273.
2. Xem *Học tập là một kho báu tiềm ẩn* - Báo cáo của Hội đồng quốc tế về giáo dục thế kỷ XXI, do J.Delors làm Chủ tịch, UNESCO, Paris, 1992, bản dịch tiếng Việt, Nxb. Giáo dục, H. 1997.

phát triển. Như vậy giá trị trí tuệ trong giá thành của sản phẩm tăng lên 6, 7 lần, trong khi giá trị đóng góp của cơ bắp và nguyên liệu chỉ còn là *một con số!*

Tri thức khoa học - công nghệ đang tăng lên theo số mũ. Ngày nay, tính chỉ số phát triển của một nền kinh tế, người ta không đơn thuần chỉ tính theo GDP/đầu người mà còn được đo bằng các *chỉ số bit,* số lượng *nối mạng,* chiều rộng của *giải nối mạng* (band width).

Ngày nay, *nguy cơ thách thức* đối với mỗi quốc gia còn là do *mù* hoặc *thiếu* thông tin, hoặc bị *nhiễu* thông tin. Vì vậy, phải *học để biết,* để xử lý thông tin cho đúng, để không vì thiếu thông tin mà đi tới những quyết sách sai lầm, như một vài quốc gia đã phải trả giá. Thất bại trong cải tổ của Gocbachốp do nhiều nguyên nhân sâu xa, trong đó có nguyên nhân thiếu hụt tri thức về cải tổ. Malaixia đã chi hàng chục tỷ USD cho chương trình *xa lộ thông tin,* nhưng sau hơn 10 năm mà không gặt hái được bao nhiêu, cũng do xử lý sai về thông tin trong lĩnh vực này. Trong cuộc khủng hoảng tiền tệ châu Á tháng 7-1997, Thái Lan đã bỏ ra 10 tỷ USD để cứu đồng Bath mà không thành công, cũng vì thiếu thông tin.

Vấn đề đặt ra với ta là công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo con đường nào? Tiếp tục sản xuất ra sản phẩm chất lượng không cao, không bán được, để hàng hoá tồn kho, hay phải đi tìm một con đường khác để tạo ra giá trị gia tăng? Tích tụ vật chất hay tích tụ tri thức và năng lực đổi mới, sáng tạo do toàn cầu hoá mang lại? Cách mạng không có con đường vạch sẵn, phải luôn luôn tìm tòi, điều chỉnh. Muốn có tầm nhìn xa, muốn xử lý đúng trong mọi tình thế, phải có thật nhiều tri thức. Do đó phải *tự học, tự hoàn thiện suốt đời.*

Thứ hai, về *mục tiêu giáo dục* (của việc học), UNESCO đề ra bốn điểm:

Học để biết (cốt lõi là *hiểu*)
Học để làm (trên cơ sở *hiểu*)
Học để chung sống (trên cơ sở *hiểu nhau*)
Học để làm người (trên cơ sở *hiểu bản thân mình*)

Cùng một kiểu tư duy như vậy, năm 1949, trên trang đầu cuốn sổ vàng của Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc Trung ương, Hồ Chí Minh đã viết:

Học để làm việc,

Học để làm người,

Học để làm cán bộ.

Trong phạm vi học tập ở Trường Đảng, Bác Hồ chỉ mới nói ba điều thì có hai điều hoàn toàn phù hợp với tư duy giáo dục của UNESCO cuối thế kỷ XX.

Thứ ba, UNESCO đưa ra công thức về *dạy cách học* (phương pháp): Hiệu quả của việc *dạy* được đánh giá từ hiệu quả của việc *học*. *Dạy* nhằm làm cho *hiểu,* có hiểu mới *hành* tốt, do đó giáo viên phải nắm được cách hiểu của người học về những điều mình đã dạy, bằng cách *hỏi* (kiểm tra), hỏi mà chưa hiểu phải học lại, vì có *hiểu* đúng mới *hành* đúng. Đó gọi là công thức 4H của dạy học: HỌC - HỎI - HIỂU - HÀNH.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhiều lần nhắc nhở: "Phải nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ,... có vấn đề chưa thống nhất thì mạnh dạn đề ra và thảo luận cho vỡ lẽ"[1]; sau đó phải hành, "học mà không hành thì học vô ích, hành mà không học thì không trôi chảy"[2], lý luận phải được đem vận dụng vào thực tế.

Thứ tư, UNESCO đưa ra công thức về *quá trình tự học* HỌC (tự hỏi, tự đáp, tự đánh giá) → HIỂU (hiểu đúng, hiểu sâu) → HÀNH (ứng dụng, phát triển). Kết hợp vận dụng 6 nấc thang nhận thức (tư duy) của Bloom, ta có sơ đồ:

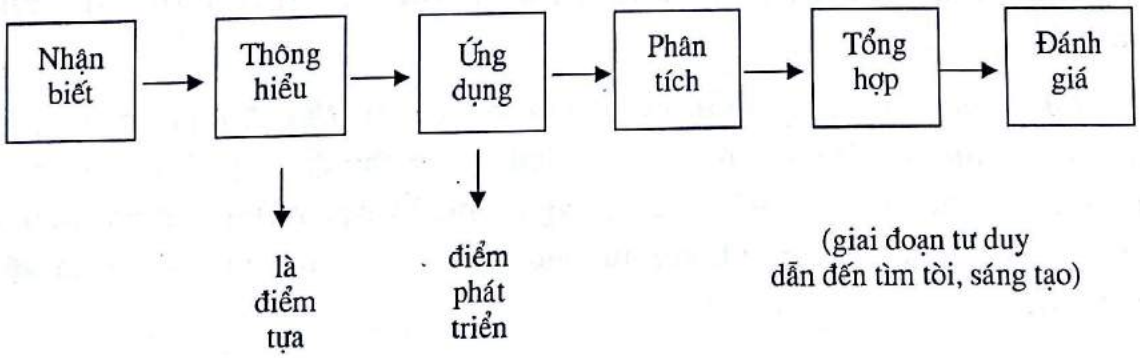

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.8, tr.500.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.6, tr.50.

Trong tư duy giáo dục Hồ Chí Minh, ta thấy Người luôn luôn căn dặn người học "không được tin một cách mù quáng từng câu một trong sách", "phải đặt câu hỏi "vì sao", phải suy nghĩ kỹ càng xem nó có hợp với thực tế không, có thật là đúng lý không?"[1].

Giới thiệu tư tưởng giáo dục - đào tạo của Hồ Chí Minh trong sự so sánh với *"Triết lý giáo dục thế kỷ XXI"* do UNESCO đưa ra để thấy tính cập nhật, tính hiện đại trong tư tưởng giáo dục của Người. Nhiệm vụ của chúng ta là phải nghiên cứu, quán triệt những tư tưởng ấy và vận dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh hiện nay, khắc phục sự lạc hậu, thụ động của lối dạy đã lỗi thời, tìm ra cách khơi dậy nguồn nội lực của con người Việt Nam, nhanh chóng đưa đất nước tiến lên những bước dài trong thế kỷ XXI.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

"Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau" là một bộ phận của tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục - đào tạo, nhưng không phải là đồng nhất. Tất cả mọi quốc gia, dân tộc - xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa - đều coi trọng giáo dục, đều đưa nó lên thành quốc sách hàng đầu, nếu không muốn tụt hậu ngày càng xa. Tuy nhiên, không phải nước nào cũng đặt vấn đề "bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau". Cần nhận thức đúng tính riêng, tính đặc thù của vấn đề để lý giải nó trúng với mục tiêu và đối tượng Bác Hồ muốn đề cập đến.

1. Cần nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và tính cấp bách của vấn đề

1.1. Trong *Di chúc,* phần viết về *đoàn viên và thanh niên ta,* Bác Hồ tha thiết dặn lại: "Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc *rất quan trọng* và *rất cần thiết",* tức là Người muốn lưu ý Đảng, Nhà nước ta và cả hệ thống chính trị, không lúc nào được một phút lơ là đối với nhiệm vụ trọng đại và cấp bách này.

Trong lịch sử đấu tranh dân tộc và giai cấp, xưa nay, lực lượng nào muốn giành thắng lợi, đều phải ra sức *giành giật thanh niên,* kẻ nào lôi kéo được thanh niên, người đó chiến thắng. Lịch sử là sự kế tục tiếp diễn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.8, tr.500.

giữa các thế hệ. Nhưng nếu *sự kế tục lịch sử* bao hàm yếu tố ngẫu nhiên thì *sự kế tục cách mạng* lại đòi hỏi phải có sự chuẩn bị chủ động, tự giác và chắc chắn. Tiến tới chủ nghĩa xã hội là sự vận động khách quan của lịch sử, nhưng không phải lúc nào lịch sử cũng vận động theo một con đường thẳng, mà thường quanh co, gấp khúc. Những người cộng sản vốn ý thức được rằng các quy luật xã hội đều vận động thông qua hoạt động có ý thức của con người, thông qua việc đặt ra và giải quyết các nhiệm vụ khác nhau của đời sống, trong đó có vấn đề giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ. Vì vậy, Bác Hồ đã nói: "Muốn có chủ nghĩa xã hội thì *trước hết* cần có những con người xã hội chủ nghĩa". Đồng chí Lê Duẩn cũng viết: "Trong một hoàn cảnh lịch sử nhất định, không phải nhất thiết chỉ có một khả năng mà luôn luôn có thể có nhiều khả năng tiến lên. Và sự vật tiến lên theo khả năng này hay khả năng kia còn *tuỳ thuộc vào ý định của con người*"[1].

Thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay đang lớn lên trong những điều kiện hết sức phức tạp của cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc trên phạm vi toàn thế giới. Ở bối cảnh mở cửa, hội nhập, toàn cầu hoá về kinh tế hiện nay, Việt Nam là một nước xã hội chủ nghĩa nằm trong tầm xoá sổ của các thế lực đế quốc, thông qua nhiều hình thức, bằng nhiều thủ đoạn mà ta gọi chung là "diễn biến hoà bình". Thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay lại đang lớn lên dưới tác động của cơ chế thị trường. Họ đang nghĩ gì, đang hướng về đâu, đó là điều ta phải nắm chắc, phải tìm ra cơ chế điều chỉnh, bởi như Mác và Lênin đã từng nói: trong các nhân tố tác động đến hoạt động của con người không có gì mạnh bằng *lợi ích kinh tế*.

1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là *sự kế thừa quan điểm của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin*. Mác viết: "Bộ phận giác ngộ nhất trong giai cấp công nhân nhận thức rõ ràng tương lai của giai cấp họ và do đó, tương lai của cả loài người, hoàn toàn phụ thuộc vào việc giáo dục thế hệ công nhân đang lớn lên"[2].

Lênin cũng viết: "Theo một nghĩa nào đó, có thể nói rằng nhiệm vụ thật sự xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa chính là của thanh niên"... "Chỉ có cải tổ triệt để việc tổ chức và giáo dục thanh niên thì chúng ta

1. Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, H. 1976, t.1, tr.116.
2. *Về thanh niên*, Nxb. Sự thật, H. 1978, tr.34.

mới có thể, bằng những cố gắng của thế hệ trẻ, đạt được kết quả là xây dựng nên một xã hội không giống xã hội cũ, tức là xã hội cộng sản"[1].

1.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thanh niên còn là kết quả của sự *tổng kết lịch sử, tổng kết thực tiễn cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam.* Sở dĩ Napôlêông Bônapáctơ bóp chết được cách mạng Pháp là do đã lợi dụng được sức mạnh của lớp trẻ. Dưới thời Napôlêông, tuổi trẻ là một lợi thế để thăng cấp. Napôlêông không ngần ngại trao quân hàm cấp tướng cho những người chưa đầy 40 tuổi, thậm chí có thống chế chỉ mới ngoài 30 tuổi. Chính vì biết mua chuộc lớp sĩ quan trẻ, lôi cuốn được lớp binh sĩ trẻ, mà Napôlêông đã có thể tiến hành chiến tranh xâm lược, bành trướng đế quốc chuyên chế do ông ta ngự trị ra khắp châu Âu.

A. Hitle cũng do biết khai thác một cách tàn nhẫn tuổi trẻ nước Đức bằng cách nhồi nhét cho họ một lý thuyết cực kỳ phản động là thuyết "dân tộc Giécmanh thượng đẳng", do đó họ cần phải nắm sứ mệnh thống trị các dân tộc khác, để từ đó mà gieo tai hoạ khủng khiếp cho cả châu Âu.

G.Đimitơrốp, trong báo cáo tại Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (1935), đã chỉ rõ: "Chủ nghĩa phát xít đã thắng lợi là vì nó đã thâm nhập được vào hàng ngũ của thanh niên, vào lúc mà các Đảng Dân chủ Xã hội đã làm cho thanh niên công nhân lạc hướng cuộc đấu tranh giai cấp, lúc mà giai cấp vô sản cách mạng không mở rộng công tác giáo dục cần thiết cho thanh niên và không chú trọng đầy đủ đến cuộc đấu tranh cho những lợi ích và nguyện vọng riêng biệt của thanh niên"[2].

Trong cuộc đấu tranh giành quyền lực giữa các đảng phái trong một quốc gia hay giữa các thế lực trong một đảng cầm quyền từng diễn ra gay gắt ở nhiều nước trên thế giới cũng đã cho thấy: do khéo lừa mị, kích động thanh niên bằng các khẩu hiệu mị dân, các danh hiệu bịp bợm, hào nhoáng, giật gân,... nên họ đã lôi kéo được hàng triệu, thậm chí hàng chục triệu thanh, thiếu niên ngây thơ và cuồng tín đi theo mình, nhờ đó đã có thể đánh ngã được những đối thủ sừng sỏ có đủ chính quyền, công an, quân đội và tổ chức đảng trong tay. Các cuộc đảo chính được gọi một cách mĩ miều "cách mạng hoa cẩm chướng", "cách mạng nhung", "cách mạng màu da cam" đã và đang diễn ra ở Grudia, Ucraina, Kưrơgưxtan... đều theo một kịch bản như vậy cả.

---

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, M. 1977, t.41, tr.354 và 357.
2. G.Đimitơrốp: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, H. 1961, tr.90.

Đó là những bài học chúng ta không thể xem thường.

1.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vận động và giáo dục thanh niên cũng là bài học *đúc kết từ thực tiễn cách mạng Việt Nam.* Từ năm 1925, Bác Hồ đã nêu lên luận điểm: "Muốn thức tỉnh dân tộc, trước hết phải thức tỉnh thanh niên". Trong thư *Gửi thanh niên Việt Nam,* lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ, thanh niên Việt Nam có khả năng cách mạng to lớn, là lực lượng cứu nguy dân tộc. Người dẫn ra các biến cố phi thường đã làm đảo lộn thế giới hồi đầu thế kỷ XX: cách mạng vô sản Nga, cuộc duy tân của Nhật Bản, rồi cách mạng Trung Quốc,... tất cả đang tạo một luồng gió mới thúc đẩy các dân tộc bị áp bức vùng lên đấu tranh giải phóng, như ở Airơlen, Ai Cập, Triều Tiên, Ấn Độ,... Người ca ngợi tấm gương "cần công, kiệm học" của thanh niên Trung Quốc ở châu Âu để trở về chấn hưng đất nước Trung Hoa. Thế thì thanh niên Việt Nam phải làm gì đây? Sau khi dẫn ra một số sự việc tiêu cực, Người thống thiết kêu gọi: "Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất nếu đám thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh!"[1].

Sau lời cảm thán đượm buồn đó vẫn toát lên các ý lớn: vận mệnh dân tộc, sự tồn vong của đất nước, tuỳ thuộc vào ý chí và nghị lực của thế hệ trẻ. Theo Nguyễn Ái Quốc, ở Đông Dương chúng ta dường như có đủ tất cả những cái mà một dân tộc có thể mong muốn, nhưng chúng ta *thiếu tổ chức* và *thiếu người tổ chức,* vì vậy, Người đã về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh.

Trước hết, Người hướng vào thanh niên. Dựa vào *Tâm Tâm xã,* một tổ chức của thanh niên yêu nước đang có mặt tại Quảng Châu nhưng chưa có phương hướng hoạt động đúng, Người lựa chọn ra những hạt nhân tích cực và mở các lớp huấn luyện về chính trị, trên cơ sở đó lập ra tổ chức *Hội Việt Nam Thanh niên cách mạng,* rồi từ tổ chức Thanh niên từng bước tiến lên xây dựng tổ chức Đảng. Từ thực tế này, đồng chí Lê Duẩn đã rút ra nhận định: "Điều đó có nghĩa là đã có một giai đoạn trong đó thanh niên nắm vai trò là người châm ngòi lửa đầu tiên cho phong trào cách mạng ở nước ta"[2].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.2, tr.121-133.
2. Lê Duẩn: *Ta nhất định thắng, địch nhất định thua,* Nxb. Sự thật, H. 1965, tr.43.

Tóm lại, các giai cấp, các lực lượng chính trị, trong đấu tranh xã hội, đều ra sức giành giật và lôi kéo thanh niên. Chỗ khác nhau căn bản giữa vĩ nhân và kẻ gian hùng, giữa cách mạng và phản cách mạng, chỉ là ở *mục đích* và *động cơ* khai thác, sử dụng thanh niên. Kẻ gian hùng lợi dụng tuổi trẻ làm công cụ để thực hiện tham vọng cá nhân, điên cuồng của hắn. Vĩ nhân chăm lo bồi dưỡng thế hệ tương lai vì lợi ích của nhân dân, của Tổ quốc và sự phát triển, tiến hoá của nhân loại.

2. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về "bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau"

Bác Hồ đã để lại cho chúng ta một di sản lý luận và kinh nghiệm thực tiễn rất phong phú về công tác vận động và giáo dục thế hệ trẻ - những người chủ tương lai của nước nhà. Cần có sự tổ chức nghiên cứu liên ngành để tổng kết và vận dụng quán triệt những tư tưởng lớn của Người nhằm đáp ứng những yêu cầu đang đặt ra ở bối cảnh hiện nay về "bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau".

2.1. Bác Hồ luôn luôn đánh giá cao vai trò, vị trí của thanh niên trong tiến trình cách mạng của Đảng và dân tộc

Trong *Thư gửi các học sinh* cả nước nhân ngày khai trường (9-1945), Người gửi gắm: "Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em"[1].

Năm 1947, trong *Thư gửi các bạn thanh niên,* Người lại viết: "Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh, một phần lớn là do thanh niên"[2].

Năm 1961, Người lại nói: "Thanh niên là người *tiếp sức* cho thế hệ thanh niên già, đồng thời là người phụ trách dìu dắt thế hệ thanh niên tương lai", "là người xung phong trong công cuộc phát triển kinh tế và văn hoá trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội", "là lực lượng cơ bản trong bộ đội, công an và dân quân tự vệ, đang hăng hái giữ gìn trật tự trị an, bảo vệ Tổ quốc"[3].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.4, tr.33.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.5, tr.185.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.10, tr.488-489.

Qua đó, ta thấy Bác Hồ luôn luôn đánh giá cao khả năng cách mạng và cống hiến to lớn của thanh niên đối với tương lai của dân tộc, tiền đồ của cách mạng. Thanh niên là cái cầu nối giữa các thế hệ: kế tục sự nghiệp của lớp người đi trước đồng thời bồi dưỡng, dìu dắt thế hệ đàn em. Thanh niên bao giờ cũng là lớp người hăng hái, nhiệt tình, luôn luôn đi đầu trong mọi việc khó khăn: "Đâu cần thanh niên có, việc gì khó thanh niên làm".

Đó là sự đánh giá khách quan, phản ánh *bản chất cách mạng, vai trò và sức mạnh* của thanh niên ta, đồng thời cũng thể hiện lòng yêu mến, tin tưởng của Đảng và Bác Hồ đối với thế hệ trẻ Việt Nam.

2.2. Bác Hồ luôn luôn coi trọng việc chăm sóc, bồi dưỡng thế hệ trẻ

Vai trò, sức mạnh, khả năng của thanh niên ta đã được thử thách trong lịch sử đấu tranh cách mạng của đất nước, nhưng điều đó không phải là bất biến. Các thế hệ trẻ lớn lên sau cách mạng có nối tiếp được lý tưởng và đi tiếp con đường lớp cha anh đã lựa chọn hay không còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố: thắng lợi của công cuộc đổi mới, thành tựu tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội, trong đó phần rất quan trọng phụ thuộc vào sự chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau và sự nêu gương về lý tưởng và đạo đức của thế hệ đi trước.

Sự nghiệp cách mạng, sứ mệnh của Đảng thì lâu dài mà cuộc đời của mỗi thế hệ thì ngắn ngủi. Bác Hồ nói: "Theo quy luật tự nhiên, già thì phải yếu, yếu thì phải chết. Nếu không có cán bộ mới vào thì ai gánh vác công việc của Đảng?". Vì vậy, chăm lo "bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau" là một việc làm kiên trì suốt đời của Bác Hồ.

Ngay từ những ngày cách mạng còn trứng nước, cùng với việc tổ chức ra *Hội Việt Nam Thanh niên cách mạng,* gửi người vào học Trường Quân sự Hoàng Phố, cử đi đào tạo ở Mátxcơva,... Bác Hồ đã trực tiếp nuôi dạy nhóm thanh niên Việt Nam từ Thái Lan sang, tất cả đều mang họ Lý của Lý Thuỵ (tên hoạt động của Bác ở Quảng Châu), trong đó Lý Tự Trọng đã trở thành người đoàn viên thanh niên cộng sản đầu tiên, được Đảng cử về nước để chuẩn bị tổ chức ra Đoàn Thanh niên Cộng sản sau này. Cho đến những năm tháng cuối đời, có mấy lần trong *Di chúc,* Người nhắc đến đoàn viên và thanh niên, nhắc nhở "Đảng phải chăm lo giáo dục đạo đức cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa

xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên", coi đó là một việc rất quan trọng và rất cần thiết.

Theo tấm gương của Bác Hồ, ngày nay chúng ta phải làm tốt hơn nữa việc chăm lo "bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau", nhất là ở thời điểm chủ nghĩa xã hội đang lâm vào thoái trào, hệ giá trị của chủ nghĩa xã hội đang bị hạ thấp, xuyên tạc; sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu; sự suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chức có quyền,... đang làm suy giảm niềm tin của thế hệ trẻ và tương lai của chủ nghĩa xã hội.

Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường đang từng ngày từng giờ kích thích lòng tham, tính tư hữu của con người, thúc đẩy họ chạy đua làm giàu bằng mọi giá!

Trong bối cảnh đó, tuổi trẻ Việt Nam sẽ hướng về đâu? "Sống chiến đấu, lao động, học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại", "Tất cả vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" hay lập thân, lập nghiệp theo mục tiêu trở thành nhà triệu phú trẻ tuổi, theo khẩu hiệu "mỗi người hãy vì mình, Chúa sẽ vì tất cả"?.

Rõ ràng rằng tương lai của chủ nghĩa xã hội phụ thuộc vào hiện tại ta đang thực hiện *Di chúc* của Bác Hồ: chăm lo "bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau" như thế nào!

2.3. Trong nội dung bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau, Bác Hồ đặt lên hàng đầu vấn đề bồi dưỡng lý tưởng, chí khí và đạo đức cách mạng

Trong nội dung giáo dục - đào tạo thế hệ trẻ nói chung, Hồ Chí Minh yêu cầu phải toàn diện, cả đức, trí, thể, mỹ, lao động sản xuất. Để đào tạo các thế hệ chiến sĩ cách mạng cho đời sau cũng không thể chỉ nhấn mạnh một mặt riêng lẻ nào, nghĩa là phải đủ cả *hồng* và *chuyên*. Tuy nhiên, là những chiến sĩ trung kiên, những hạt nhân cách mạng kiên trì đưa đất nước đi theo con đường của chủ nghĩa xã hội, phẩm chất hàng đầu cần có ở họ là *sự trung thành với lý tưởng, ý chí kiên định đấu tranh cho thắng lợi của lý tưởng và phải có đạo đức cách mạng* để làm gương, lôi cuốn quần chúng. Người nhắc nhở: "Đảng ta phải ra sức *tăng cường giáo dục toàn Đảng về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa,* về đường lối chính sách của Đảng, về nhiệm vụ và đạo đức của người đảng viên"[1].

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.12, tr.439.

Lý tưởng mà Bác Hồ quan tâm giáo dục cho thanh niên là lý tưởng *độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội,* tức là kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa Mác - Lênin. Ngày nay, chúng ta đã có độc lập dân tộc, nhưng độc lập dân tộc mới chỉ là bước thứ nhất trên con đường giải phóng xã hội và giải phóng con người. Mục tiêu của chúng ta còn xa, vì vậy chúng ta phải tiếp tục đưa đất nước tiến lên con đường của chủ nghĩa xã hội - con đường dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Các thế lực chống chủ nghĩa xã hội đang tìm cách lung lạc thanh niên ta bằng cách tách rời độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Dân tộc ta đã trải qua gần 100 năm dưới chế độ thuộc địa của tư bản Pháp, chúng ta hiểu bản chất chủ nghĩa tư bản gắn liền với bóc lột áp bức, bất công và tha hoá con người, *chủ nghĩa tư bản không đặt vấn đề giải phóng nhân dân lao động khỏi nghèo nàn, lạc hậu.* Chúng ta lựa chọn chủ nghĩa xã hội vì, như Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: chỉ có chủ nghĩa xã hội mới cứu được nhân loại, đem lại cho mọi người tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no, việc làm cho mọi người, niềm vui, hoà bình, hạnh phúc..."[1].

Xác định lý tưởng tương đối dễ, vấn đề là *phải kiên định lý tưởng,* nhất là ở những bước thoái trào của cách mạng. Do đó, toàn bộ công tác tư tưởng của chúng ta là phải làm cho thanh niên và nhân dân cả nước có chung một *ý chí:* xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Sức mạnh của con người được nhân lên bởi ý chí. Sức mạnh "đào núi và lấp biển" của bao thế hệ thanh niên ta trong cách mạng và kháng chiến là sức mạnh của lý tưởng, của ý chí cách mạng, của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là làm cho họ *kế thừa được chí lớn của các thế hệ cha anh, biến lý tưởng cách mạng thành ý chí cách mạng, thành động lực tinh thần mạnh mẽ,* đánh bại âm mưu phá hoại của kẻ thù, chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, đưa sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến thành công, nhanh chóng đưa Việt Nam lên hàng các quốc gia phát triển của khu vực và thế giới. Trong 5 điều Bác Hồ dạy thanh niên, Người nhấn mạnh điều trước tiên là: "Phải *luôn luôn nâng cao chí khí cách mạng* trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng. Không sợ gian khổ hy sinh, hăng hái thi đua

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.1, tr.461.

tăng gia sản xuất và anh dũng chiến đấu, xung phong đi đầu trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước"[1].

Lý tưởng và ý chí cách mạng chỉ có thể duy trì và phát triển trên nền tảng *đạo đức cách mạng,* đó là đạo đức *cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư* của Bác Hồ. Thiếu đi nền tảng này, tuổi trẻ chưa trải qua dạn dày đấu tranh sẽ không đủ sức vượt qua những thăng trầm, khó khăn của hoàn cảnh để kiên trì phấn đấu đến cùng cho lý tưởng. Thiếu nền tảng đạo đức cách mạng, người chiến sĩ trẻ dễ gục ngã trước những cám dỗ của kinh tế thị trường; một khi đã đánh mất phẩm chất của người cách mạng, đã sa ngã, hủ hoá, biến chất, thì tuy còn sống hay đang giữ một trọng trách nào đó, trong con mắt của quần chúng cũng bị xem như đã chết, không còn tác dụng gì với quần chúng nữa, chỉ còn là điển hình phản diện để cho nhân dân phê phán mà thôi. Do đó, phải ghi nhớ lời dạy của Bác Hồ: "Luôn luôn *trau dồi đạo đức cách mạng,* khiêm tốn, giản dị. Chống kiêu căng tự mãn. Chống lãng phí, xa hoa. Thực hành tự phê bình và phê bình nghiêm chỉnh để giúp nhau cùng tiến bộ mãi"[2].

Cuối cùng, trong nội dung giáo dục, không lúc nào được sao nhãng lời dạy của Bác Hồ: *"Thanh niên phải học và học cho giỏi"*[3]. Cách mạng đòi hỏi cả nhiệt tình cách mạng và tri thức cách mạng. Thanh niên chúng ta ngày nay cần theo được tấm gương học tập của Bác Hồ: từ một người yêu nước nhiệt thành, tuy không có điều kiện học tập nhiều trong nhà trường, nhờ sự nỗ lực với ý chí phi thường, nhờ cả thiên tài trí tuệ hiếm có, Người đã từng bước chiếm lĩnh được những đỉnh cao của tri thức cách mạng, để ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX, như nhận xét và đánh giá của hoạ sĩ Thuỵ Điển Êrích Giôhanxơn: Hồ Chí Minh "là một con người kiệt xuất trên nhiều lĩnh vực, một con người uyên bác,... Người sẽ trở thành một lãnh tụ cách mạng không phải bằng hình thức bề ngoài mà bằng học thức, hiểu biết và trí tuệ của Người".

Ngày nay, thanh niên chúng ta cần noi theo tấm gương đó, không ngừng vươn lên chiếm lĩnh những giá trị mới nhất của thời đại văn minh trí tuệ (do phương tiện thông tin, kỹ thuật số và các điều kiện thuận lợi khác đem lại) phấn đấu trở thành những nhân tài thuộc nhiều lĩnh vực,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.11, tr.504.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.11, tr.505.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.10, tr.621.

đưa nước ta sánh vai, mở mặt với năm châu, như sinh thời Bác Hồ đã từng mong mỏi.

2.4. Về phương thức, biện pháp bồi dưỡng

Phương thức, biện pháp giáo dục, bồi dưỡng thanh niên *phải xuất phát từ nội dung, yêu cầu* của sự nghiệp bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau, như đã trình bày ở trên; mặt khác phải *xuất phát từ đặc điểm tâm lý, tính cách của lứa tuổi thanh niên* mà tìm ra những cách làm vừa *đúng,* vừa *trúng* thì mới có thể đạt tới hiệu quả mong muốn.

Muốn giáo dục thanh niên, trước hết *phải hiểu thanh niên:*

+ Thanh niên là lớp người trẻ tuổi, đang chuẩn bị bước vào đời, đang khao khát lý tưởng, nuôi dưỡng nhiều ước mơ, hoài bão cao đẹp, trong sáng. Đồng chí Lê Duẩn nói:

"Thanh niên là người giàu lý tưởng nên cũng giàu tính sáng tạo"[1].

+ Thanh niên là lứa tuổi ham muốn hiểu biết, khám phá, thể nghiệm, ham học hỏi và nhạy bén với cái mới.

+ Thanh niên đang ở thời kỳ sung sức nên ham hành động, muốn thử sức, sẵn sàng vươn lên đón nhận những thử thách, khó khăn.

+ Thanh niên vốn nhiều tình cảm, dễ xúc cảm, ham muốn kết bạn do đó cũng dễ chịu tác động dây chuyền của tập thể.

+ Cuối cùng, thanh niên là lớp người đang trưởng thành (chứ chưa phải đã trưởng thành) vì thiếu kinh nghiệm nên dễ vấp ngã, nản lòng.

Bác Hồ đã từ những đặc điểm đó mà đưa ra những huấn thị về công tác giáo dục bồi dưỡng thanh niên.

- Đưa thanh niên vào rèn luyện trong thực tiễn đấu tranh cách mạng:

Bàn về giáo dục thanh niên, Lênin kịch liệt công kích lối giáo dục bằng lý thuyết suông. Người nói: "Giáo dục thanh niên không phải là nói cho họ nghe những bài diễn văn êm dịu hay là những phép tắc đạo đức. Không phải coi đó là giáo dục... Chúng ta không tin vào việc rèn luyện,

1. Lê Duẩn: *Thanh niên trong các lực lượng vũ trang hãy vươn lên hơn nữa, phấn đấu cho lý tưởng...*, Nxb. Sự thật, H. 1965, tr.53.

giáo dục, học tập nếu những việc đó chỉ đóng khung trong nhà trường và tách rời cuộc sống sôi nổi"[1].

Bác Hồ của chúng ta là mẫu mực của sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận với thực tiễn, lời nói với việc làm, giữa giáo dục với hoạt động xã hội. Người nói: "Giáo dục thanh niên không thể tách rời mà phải liên hệ chặt chẽ với những cuộc đấu tranh xã hội". Đó không phải chỉ là giáo huấn mà cũng là kinh nghiệm, bài học rút ra từ thực tiễn hoạt động của Người. Năm 1925, tại Quảng Châu, để hồi sinh dân tộc, Người trước hết thức tỉnh thanh niên, mở lớp huấn luyện, ra sách báo, đưa thanh niên vào tổ chức *Hội Việt Nam Thanh niên cách mạng,* rồi đem họ về nước, đi "vô sản hoá", lao mình vào thực tế đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, từ thực tiễn đấu tranh mà trở thành những chiến sĩ cách mạng chân chính, những lãnh tụ của phong trào.

Ngày nay, sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo có tầm quan trọng như một cuộc cách mạng, chúng ta cần đưa thanh niên đi vào thực tiễn đổi mới đang diễn ra sôi nổi trên các mặt trận chính trị, kinh tế, văn hoá, tư tưởng,... để thanh niên được tham gia vào cuộc đấu tranh giữa cái cũ và cái mới, giữa tiên tiến và bảo thủ, giữa chân chính cách mạng và chủ nghĩa cơ hội đủ màu sắc,... để họ rèn luyện và trưởng thành. Với bản chất của tuổi trẻ, ham tiến bộ, nhạy bén với cái mới, họ sẽ là một lực lượng xã hội to lớn đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái tiêu cực, góp phần đưa công cuộc đổi mới tiến nhanh, tiến mạnh hơn nữa.

Trong những năm qua, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã phát động được nhiều phong trào có ý nghĩa giáo dục lớn: phong trào thanh niên tình nguyện, tham gia xoá đói, giảm nghèo; cứu trợ đồng bào bị thiên tai, bão lụt; đền ơn đáp nghĩa, giúp đỡ các gia đình neo đơn, có công với cách mạng; đưa ánh sáng văn hoá tới các vùng sâu, vùng xa,... Những hoạt động này đã khuấy động được phong trào thanh niên và có tiếng vang trong xã hội. Hy vọng rằng trong những năm tới Đoàn sẽ có nhiều sáng kiến mới, phát động nhiều phong trào mới, đi tiên phong trong đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực; xây dựng phong trào văn hoá mới, nếp sống mới, chống hủ tục, mê tín dị đoan, chạy theo mốt nước ngoài, xa lạ với lý tưởng đạo đức và thẩm mỹ của dân tộc.

---

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, M.1977, t.41.

Giáo dục, bồi dưỡng thanh niên gắn liền với thực tiễn đấu tranh và đổi mới của cách mạng là một nguyên tắc bắt nguồn từ mục tiêu giáo dục của chúng ta nhằm đào tạo ra những chiến sĩ kế thừa sự nghiệp cách mạng chứ không phải nhằm "đào tạo ra những con người thuộc sách làu làu" như Bác Hồ đã phê phán, chỉ biết dẫn "cụ Mác nói thế này, cụ Lênin nói thế kia, nhưng nhiệm vụ của mình được giao quét nhà lại để cho nhà đầy rác"[1].

Do đó, *cần tạo ra những hoàn cảnh giáo dục thuận lợi,* lành mạnh hoá *môi trường xã hội,* tạo nên *dư luận xã hội* tích cực ủng hộ cái mới, cái tiên tiến, tạo dựng *các phong trào hành động cách mạng* sôi nổi của thanh niên,... tức là tạo ra những nhân tố tác động khách quan đến sự hình thành nhân cách của thanh niên, đó là một phương thức cơ bản và hiệu quả nhất của công tác giáo dục, bồi dưỡng thanh niên, bởi như ta đã thấy: thanh niên dễ bị tác động theo dây chuyền, theo phong trào tập thể, nhiều khi nghe bạn hơn là nghe cha mẹ và nghe thầy.

- Các thế hệ đi trước phải nêu gương mẫu mực cho thanh niên.

Những vấn đề của thanh niên hiện nay không phải chỉ là riêng của thanh niên và của Đoàn Thanh niên, mà là của toàn xã hội. Thế hệ trẻ hiện nay và mai sau sẽ là những người như thế nào, có được những phẩm chất gì đều không tách rời công lao giáo dục, bồi dưỡng, tác dụng nêu gương của thế hệ lớn tuổi. Cả thành tích, ưu điểm lẫn thiếu sót và sai lầm của chúng ta đều in đậm dấu vết lên tâm hồn thế hệ trẻ.

Chúng ta đang sống trong thời kỳ kinh tế chuyển đổi, từ cơ chế cũ sang cơ chế mới, từ tập trung, bao cấp sang cơ chế thị trường. Thời kỳ quá độ đang tồn tại những hình thức kinh tế quá độ và tương ứng với nó là sự tồn tại của những quan hệ xã hội và ứng xử đạo đức cũng mang tính quá độ. Vì vậy, mọi phẩm hạnh mà chúng ta mong muốn ở lớp người trẻ tuổi hôm nay, chẳng hạn đòi hỏi tinh thần vô tư không tính toán như lớp cha anh trong thời kỳ đầu cách mạng và kháng chiến là không thể có, càng không thể chỉ bằng cách giáo dục và toạ đàm mà đạt được. Ý thức xã hội, do quan hệ xã hội hiện thực quyết định, trong đó tấm gương sống, hoạt động và giáo dục của "thế hệ thanh niên già" có tác dụng trực tiếp đến sự hình thành nhân cách của thế hệ trẻ.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* sđd, t.12, tr.554.

Dù muốn hay không, thế hệ trẻ hiện nay vẫn xem những người ở lứa tuổi trên dưới 60, "thế hệ cha, chú" - những người đã đấu tranh, xây dựng và bảo vệ chế độ này, là những người "đại diện có thẩm quyền" cho các quan hệ xã hội chủ nghĩa tốt đẹp của chúng ta. Nếu thế hệ cha chú lại không phấn đấu trở thành tấm gương sáng cho con cháu noi theo, không giữ gìn nếp sống liêm khiết, mẫu mực, giữ trọn đạo đức, niềm tin và lòng tự hào vào con đường đã đi của mình, thì trước vô số những hiện tượng suy thoái về lý tưởng, đạo đức, lối sống hiện nay, lớp trẻ còn biết tin vào ai, hướng về đâu?

Chúng ta hiểu vì sao Bác Hồ lại đòi hỏi cao ở các đồng chí già: "Các đồng chí già là rất quý, là gương bền bỉ đấu tranh, dìu dắt, bồi dưỡng, đào tạo thêm đồng chí trẻ. Đồng chí già phải giúp đỡ cho đồng chí trẻ tiến bộ"[1]. Người nhắc nhở, muốn thế hệ trẻ trở nên những người tốt thì lớp người lớn tuổi trước hết cũng phải là những người tốt. "Bố mẹ, thầy giáo và người lớn phải cùng nhau phụ trách; trước hết là *phải làm gương mẫu cho các em trước mọi việc*"[2]. Điều đó cũng có nghĩa là muốn lớp người thừa kế cách mạng kế tục được lý tưởng và niềm tin của cha anh, thì lớp cha anh, bằng suy nghĩ và hành động, lời nói và việc làm, phải là hiện thân sinh động và trong sáng của lý tưởng và niềm tin đó.

- *Phải đề cao quá trình tự giáo dục, tự rèn luyện của thanh niên.*

Nói chuyện với thanh niên, Lênin nhấn mạnh: "Các đồng chí phải tự giáo dục mình thành người cộng sản"[3], tức là Người chỉ rõ mỗi người thanh niên xã hội chủ nghĩa vừa là kết quả giáo dục của toàn xã hội, vừa là kết quả tự giáo dục của bản thân, bởi con người vừa là *đối tượng*, vừa là chủ thể của giáo dục.

Bác Hồ của chúng ta hết sức coi trọng khâu "tự giáo dục, tự rèn luyện" của cán bộ, đảng viên và thanh niên. Người nói: "Muốn giáo dục nhân dân, làm cho mọi người đều tốt cả thì cán bộ, đảng viên phải tự giáo dục, rèn luyện hàng ngày"[4].

Tự giáo dục là thể hiện trình độ làm chủ bản thân của từng con người, thể hiện khả năng kiềm chế và tự điều chỉnh của mỗi người trong cuộc sống.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.10, tr.463.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.8, tr.74.
3. V.I.Lênin: *Toàn tập*, sđd, t.41, tr.66.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.12, tr.557.

Tự giáo dục đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm và rèn luyện phẩm chất đạo đức của người cách mạng. Tự giáo dục là biết soi mình trong tấm gương của những người cộng sản lỗi lạc, những điển hình tiên tiến trong xã hội để mà học tập. Tự giáo dục tức là biết sử dụng tốt vũ khí phê bình và tự phê bình để tiến bộ mãi.

Bác Hồ đã để lại cho tất cả chúng ta một tấm gương sáng chói về tự giáo dục, tự rèn luyện. Buổi đầu ra đi làm cách mạng Người không ngần ngại làm các việc bồi bàn, quét tuyết, đốt lò, làm vườn, rửa ảnh,... như một kiểu "vô sản hoá", vừa để cải tạo bản thân, vừa là phương tiện để đạt tới mục đích cải tạo xã hội (cứu nước, giải phóng dân tộc). Do đó, Người luôn luôn kiên trì, vượt khó, tự rèn luyện để đi từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện, trong những hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, nhờ đó mà vươn lên, vượt lên các bậc tiền bối, vượt xa trình độ chung của thế hệ mình, trở thành chiến sĩ quốc tế lỗi lạc, thiên tài của dân tộc.

Lý luận giáo dục hiện đại đòi hỏi phải đặt đối tượng giáo dục vào vị trí chủ thể để nó tự vận động theo quy luật của chính nó. Lối giáo dục kẻ cả, rót từ trên xuống chẳng những lỗi thời mà còn không có hiệu quả vì nó trái với nguyên lý giáo dục cộng sản chủ nghĩa. Chúng ta phải làm cho toàn bộ sự nghiệp giáo dục, rèn luyện thanh niên trở thành sự nghiệp tự giáo dục của mỗi người. Chỉ có như vậy, công tác giáo dục, bồi dưỡng thanh niên mới có thể đạt kết quả mong muốn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Chính người đã đặt nền tảng cho khoa học giáo dục Việt Nam nói chung và khoa học vận động, giáo dục thanh niên nói riêng. Tư tưởng giáo dục của Người vừa cách mạng, vừa khoa học, vừa hiện đại, rất thống nhất với "triết lý giáo dục thế kỷ XXI" mà UNESCO đã đưa ra. Đó là một di sản vô giá mà chúng ta cần học tập sâu sắc và vận dụng quán triệt, để làm cho tư tưởng giáo dục của Người mãi mãi chiếu sáng sự nghiệp giáo dục nói chung và sự nghiệp "bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau" của Đảng và dân tộc ta.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI VÀ VIỆC XÂY DỰNG CON NGƯỜI PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN*

PGS.TS. THÀNH DUY

Trước khi nêu vấn đề xây dựng con người phát triển toàn diện cần đặt câu hỏi ai có trách nhiệm xây dựng con người phát triển toàn diện và một câu hỏi khác nữa là liệu con người có khả năng phát triển toàn diện được không và phát triển toàn diện như thế nào. Để trả lời những câu hỏi đó, cần phải trở lại tìm hiểu bản chất con người là gì. Đây là một vấn đề phức tạp, đã được đề cập đến từ rất lâu, trong suốt lịch sử phát triển của triết học cũng là lịch sử phát triển của khoa học về con người gắn với các học thuyết, các tôn giáo, các chủ nghĩa, các trường phái... Ở đây, chúng tôi không có ý định đi sâu bàn về vấn đề bản chất con người mà chỉ căn cứ vào những quan điểm về con người đã được học thuyết Mác khẳng định trên cơ sở phủ định những quan điểm đã có trước để nói về vấn đề xây dựng con người phát triển toàn diện trong thời đại hiện nay.

I. Từ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin đến tư tưởng Hồ Chí Minh về bản chất con người

Con người là một sinh vật có tính loài, là một bộ phận của giới tự nhiên, có một hoạt động sinh sống có ý thức và chính nhờ hoạt động sinh sống có ý thức ấy đã phân biệt trực tiếp con người với hoạt động sinh sống của con vật. Cũng chính vì con người là một sinh vật có ý thức, có tính loài, cho nên về bản chất hoạt động của con người là hoạt động tự do, có khả năng tri thức. Bằng việc sản xuất một cách thực tiễn ra thế giới vật chất đồng thời có khả năng cải tạo giới tự nhiên, cải tạo xã hội, con người

---

* Trích trong cuốn: *Tư tưởng Hồ Chí Minh - Những nội dung cơ bản* của PGS.TS Thành Duy, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh, 2005.

tỏ ra là một sinh vật có tính loài có ý thức, nghĩa là coi những người cùng loài với mình như chính bản thân mình. Từ đó, có thể khẳng định chỉ có ở con người mới có tính nhân văn, tính đồng loại, mới có tình cảm, biết yêu thương, cảm thông với đồng loại. Đó là một đặc tính bản chất của con người xuất hiện từ khi hình thành con người .

Là một sinh vật có tính loài có ý thức, con người không chỉ sản xuất vì nhu cầu của chính mình mà bản thân sự lao động sản xuất cũng là một nhu cầu theo ý nghĩa chân chính của nó. Hơn thế, con người có nhu cầu sáng tạo theo quy luật của cái đẹp, nghĩa là con người thích nhìn ngắm bản thân mình trong thế giới do mình sáng tạo ra. Cho nên, nếu có ai đó tước đi những sản phẩm do con người sáng tạo ra thì cũng có nghĩa là xem người sáng tạo ra vật phẩm đó không còn là đồng loại của mình nữa.

Mác gọi hiện tượng đó là sự tha hoá của hoạt động lao động tự do của con người, con người bị làm cho trở thành xa lạ với chính con người. Cũng từ đó, có sự phân hoá giữa những con người, tạo ra quan hệ giữa người này với người khác thông qua lao động và sản phẩm lao động của mình. Và, khi con người càng phát triển, càng sáng tạo ra nhiều sản phẩm lao động, càng chinh phục được thế giới tự nhiên phục vụ cho con người, thì sự phân hoá giữa những con người càng rõ, trở thành người thống trị và kẻ bị trị, nghĩa là xuất hiện giai cấp và đồng thời xuất hiện đấu tranh giai cấp. Đó là sự phân tích lịch sử phát triển của xã hội loài người theo quan điểm duy vật lịch sử của học thuyết Mác.

Như vậy là, con người vốn có bản chất tự do, có tính loài và có ý thức, sản xuất không chỉ vì nhu cầu bản thân mà còn vì muốn tạo ra một thế giới của loài người theo quy luật của cái đẹp, nay bỗng nhiên bị phân hoá mà nguyên nhân là do chính sản phẩm do lao động của mình tạo ra thành lao động bị làm cho trở thành xa lạ, bị tha hoá.

Vậy sản phẩm của lao động xa lạ đó thuộc về ai và ai là lực lượng xa lạ thống trị con người. Mác viết: "Chỉ đến giai đoạn phát triển cuối cùng, đến trình độ cao nhất của sở hữu tư nhân thì điều *bí ẩn* ấy của riêng nó mới xuất hiện trở lại, tức là: một mặt sở hữu tư nhân là *sản phẩm* của lao động bị tha hoá, và mặt khác, nó là phương tiện nhờ đó lao động tự tha hoá, nó là *sự thực hiện sự tha hoá ấy*"[1]. Điều bí ẩn mà Mác nói ở đây

1. Mác - Ăngghen: *Tuyển tập*, t.I, Nxb. Sự thật, H., 1980, tr.125.

chính là quy luật của lao động bị tha hoá tạo ra sở hữu tư nhân đồng thời cũng tạo ra sự phân hoá giai cấp, tạo ra hiện tượng con người bị xa lạ với chính mình, tạo ra thống trị và bị trị... Tóm lại, bản chất con người vốn là tự do, nhưng khi hoà nhập vào xã hội như một tất yếu của quá trình phát triển của nhân loại, con người dần dần bị lệ thuộc vào hoàn cảnh xã hội, bị chi phối bởi các quan hệ xã hội, mà cái cốt lõi tạo ra các quan hệ xã hội không bình thường ấy, chính là lao động bị tha hoá, lao động bị làm cho trở thành xa lạ. Điều bí ẩn ấy đã được lý giải bởi nhiều quan niệm khác nhau trong suốt cả chiều dài lịch sử, nhưng đến Mác, nó đã được phát hiện, và nhờ phát hiện của Mác, con người được trả lại bản chất đích thực của mình. Từ nay, vấn đề bản chất con người đã được giải thích trên cơ sở khoa học và thực tiễn, chứ không phải do thần thánh hay thượng đế tạo ra, mà theo Mác, đó là "tổng hoà các quan hệ xã hội". Trên cơ sở những quan điểm đúng đắn của chủ nghĩa Mác – Lênin về bản chất con người, Hồ Chí Minh đã nêu lên những quan điểm của mình về con người và việc xây dựng con người phát triển toàn diện.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quá trình hình thành con người phát triển toàn diện

Vậy điều phát hiện trên về bản chất con người có ý nghĩa gì và quan hệ như thế nào đến việc chúng ta nghiên cứu về vấn đề xây dựng con người phát triển toàn diện, một yêu cầu đặt ra trong thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Có hai vấn đề đặt ra ở đây quan hệ đến việc hình thành nhân cách con người nói chung, con người phát triển toàn diện nói riêng. *Một là,* con người với tư cách cá nhân vốn có bản chất tự do, có ý thức về bản thân và đồng loại, có nhu cầu vươn lên không ngừng và nhất là có nhiều ham muốn chính đáng. Cho nên, không phải ngẫu nhiên, trong *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của nước Mỹ và *Tuyên ngôn Nhân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791 đều có nói đến quyền con người mà Hồ Chí Minh có nhắc đến trong *Tuyên ngôn Độc lập* của nước ta. Người đã khẳng định nguyên tắc căn bản của nhân quyền là "*Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc*"[1].

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.4, tr.1.

Nhưng, con người không thể sống tách biệt với đồng loại, với xã hội, cho nên, bất cứ người nào muốn có cuộc sống bình thường cũng đều là con người xã hội, mọi quyền do tạo hoá ban cho chỉ có thể có được trong quan hệ với cộng đồng, với xã hội. Nói con người vốn có bản chất tự do là khẳng định nguyên tắc bình đẳng xét đến cùng, nhưng cùng sống trong một xã hội, mỗi người chỉ có tự do thực sự, bình đẳng thực sự, khi người này biết tôn trọng quyền tự do, bình đẳng của người khác, mà điều đó thì không dễ có được trong xã hội còn giai cấp, còn bị áp bức, bóc lột. Như vậy, phải chăng, bản chất con người tự do lại có mâu thuẫn với bản chất con người xã hội. Nếu đó chỉ là quyền tự do của con người nguyên thuỷ hoặc một yêu cầu tự do tuyệt đối, nghĩa là tự do xâm phạm đến tự do của người khác thì đúng là như vậy. Điều đó có nghĩa là con người sẽ không bao giờ có tự do thực sự nếu bản thân không vươn lên để nắm được cái tất yếu trong quy luật phát triển của tự nhiên và xã hội; *mặt khác*, con người cũng sẽ không có tự do thật sự nếu đòi hỏi tự do tuyệt đối và xâm phạm đến quyền tự do của người khác.

Cho nên, nếu nói như Ăngghen "tự do là sự chi phối được chính bản thân và tự nhiên bên ngoài, một sự chi phối dựa trên sự nhận thức được những tất yếu của tự nhiên; do đó, nó tất yếu là một sản phẩm của sự phát triển lịch sử"[1], thì có thể nói ngược lại, sản phẩm của sự phát triển lịch sử xã hội đã từng tồn tại trong quá khứ đều là kết quả phản ảnh mối quan hệ giữa tự do và tất yếu trong điều kiện lịch sử nhất định, nghĩa là sự tự do còn hạn chế trong giới hạn con người chỉ mới nhận thức chưa đầy đủ những tất yếu của chính bản thân và tự nhiên bên ngoài. Song, cũng chính Ăngghen đã nói: "Mỗi bước tiến trên con đường văn minh lại là một bước tiến tới tự do"[2], mà tự do ở đây là sự nhận thức được cái tất yếu tức là những quy luật mà khả năng con người nhận thức được để chi phối và tác động đến nó nhằm những mục đích nhất định. Đó là mới nói về phía con người với tư cách một cá nhân hay một nhân cách trong điều kiện họ muốn hướng tới phát triển thành con người toàn diện, con người đáp ứng yêu cầu của xã hội công nghiệp và hiện đại của thời đại hiện nay.

Điều đó cũng có nghĩa là con người hoàn toàn có khả năng phát triển thành con người toàn diện, nhưng khả năng ấy chỉ có thể trở thành hiện

1. Mác - Ăngghen: *Tuyển tập*, sdd, t.V, tr.164
2. Mác - Ăngghen: *Tuyển tập*, sdd, t.V, tr.164

thực với hai điều kiện: 1/ Cá nhân người đó phải có ý thức vươn lên, tự mình hoàn thiện bản thân, tự mình chiếm lĩnh những đỉnh cao của khoa học mà con người đạt được trong thời đại của mình, nghĩa là tự mình và chỉ có bản thân mình mới có khả năng trở thành con người phát triển toàn diện chứ không có ai khác, dù đó là siêu nhân, có đủ tư cách xây dựng con người phát triển toàn diện cho người khác. 2/ Điều kiện xã hội cho phép, và đây mới là điều quan trọng nhất để con người có thể phát triển toàn diện. Điều đó có nghĩa là, con người chỉ có thể phát triển toàn diện trong bối cảnh khách quan thuận lợi, tạo điều kiện cho con người phát huy tiềm năng sẵn có của mình.

Như vậy là, các câu hỏi nêu trên đã được trả lời, nhưng chỉ mới trả lời một cách giản đơn theo nguyên tắc pháp lý, còn trong thực tế thì không phải bao giờ con người cũng có được những điều kiện thuận lợi cho phép. Điều đó có nghĩa là về mặt xã hội, nơi con người sống và hoạt động, không phải bao giờ cũng có thuận lợi cho con người phát triển toàn diện, phát triển những tiềm năng sẵn có của mình, mà trái lại, thường có hiện tượng người này được tự do theo ham muốn và dục vọng của họ thì người khác sẽ mất tự do hoặc bị biến mình thành người khác, thành người xa lạ với con người do lao động bị tha hoá như Mác nói. Cho nên, vấn đề có xây dựng được con người phát triển toàn diện hay không còn tùy thuộc phần lớn vào điều kiện xã hội cho phép, mà điều đó thì không phải xã hội nào cũng có được.

Ở đây lại đặt ra hai vấn đề phải khắc phục: *một mặt*, đòi hỏi mỗi cá nhân phải biết tự kiềm chế bản thân, phải hiểu rằng "nếu như con người chỉ chăm lo đến bản thân mình thì lòng mong muốn hạnh phúc của họ chỉ được thoả mãn trong những trường hợp rất hạn hữu và hoàn toàn không có lợi cho họ hay cho người khác. Nhưng trái lại, lòng mong muốn hạnh phúc đòi hỏi con người phải chăm lo đến thế giới bên ngoài, những phương tiện để thoả mãn yêu cầu của mình, nghĩa là cần phải có thức ăn, một người thuộc giới tính khác mình, sách vở, chuyện trò, tranh luận, hoạt động, vật dụng và đối tượng lao động"[1]. Mà tất cả những phương tiện thoả mãn đời sống vật chất và tinh thần của mỗi người cũng là những phương tiện thoả mãn cho tuyệt đại đa số người có quyền bình đẳng trong xã hội. Cho nên, *mặt khác,* con người còn phải có trách nhiệm

1. Mác - Ăngghen: *Tuyển tập*, sđd, t.VI, tr.393.

cải tạo xã hội, xây dựng một xã hội đảm bảo sự công bằng xã hội, đảm bảo cho mọi người có thể phát huy và phát triển mọi tiềm năng sẵn có của mình hay như Mác, Ăngghen viết trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là "thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người"[1].

Vậy, vấn đề là làm thế nào để có được một xã hội như thế, một xã hội đảm bảo cho sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người. Đó là quá trình phát triển của lịch sử xã hội loài người trải qua các phương thức sản xuất như quan điểm cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đó cũng là quá trình con người phát triển trí tuệ, trải qua các nền văn minh từ văn minh nông nghiệp, công nghiệp đến văn minh hậu công nghiệp như thời đại hiện nay. Đó là hai quá trình diễn ra song song, tác động lẫn nhau, hỗ trợ cho nhau, tạo điều kiện cho con người ngày càng tiếp cận với những bí ẩn không chỉ trong xã hội như Mác phát hiện ra, mà còn cả những bí ẩn trong giới tự nhiên hữu cơ và vô cơ, khiến cho khoa học, kỹ thuật và công nghệ ngày càng phát triển một cách sâu sắc và rộng khắp. Chính là nhờ khoa học, kỹ thuật và công nghệ phát triển mạnh mẽ, nhất là từ khi phát triển mạnh các ngành công nghệ thông tin điện tử, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới... và nhiều lĩnh vực khoa học công nghệ quan trọng khác, đã khiến cho con người đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội. Sự tiến bộ của khoa học công nghệ, sự gia tăng các giá trị của kiến thức cũng như sự toàn cầu hoá nhiều mặt của đời sống xã hội đang đặt ra cho con người rất nhiều vấn đề phải giải quyết trong thời đại chúng ta. Đó là một thực tế quá rõ ràng không ai không thấy. Nhưng làm thế nào để khắc phục được những vấn đề nan giải có tính toàn cầu ấy lại không phải dễ dàng, mà nguyên nhân thường là do chính con người gây nên.

Đứng trước hào quang của thiên niên kỷ mới, thế kỷ XXI, đang tới gần, một mặt con người đòi hỏi sự phát triển toàn diện và chỉ có phát triển toàn diện con người mới theo kịp với thời đại cách mạng khoa học công nghệ đang phát triển tăng tốc, mặt khác, con người phải giải quyết những vấn đề mới đặt ra như vấn đề môi trường, vấn đề tệ nạn xã hội,

1. Mác, Ăngghen: *Tuyển tập*, sdd, t.I, tr.569.

vấn đề dân số và rất nhiều vấn đề khác đang phát sinh, khiến cho con người như đứng trước những mâu thuẫn không có cách khắc phục. Quả như điều dự báo của Ăngghen khi ông trích câu nói thật chí lý của Morgan nhận định về thời đại văn minh: "*Trí tuệ của loài người dừng lại, hoang mang và bỡ ngỡ, trước vật sáng tạo của chính mình.* Nhưng tuy vậy, cũng sẽ đến ngày mà lý trí của loài người sẽ đủ mạnh để chi phối của cải, mà lý trí của loài người sẽ quy định những quan hệ giữa nhà nước và tài sản mà nó bảo hộ, cũng sẽ quy định những giới hạn cho các quyền của những người sở hữu. Lợi ích của xã hội phải tuyệt đối cao hơn lợi ích cá nhân, và cần phải tạo ra những mối quan hệ công bằng và nhịp nhàng giữa hai lợi ích đó. Song, nếu như sự tiến bộ vẫn là quy luật của tương lai, cũng như nó đã từng là quy luật của quá khứ thì việc chỉ đơn thuần tìm kiếm của cải không phải là mục đích cuối cùng của nhân loại"... "Sự tan rã của xã hội đang đứng sừng sững trước mặt chúng ta một cách đe doạ như là sự kết thúc của một quá trình phát triển mà của cải là mục đích cuối cùng và duy nhất, vì một quá trình phát triển như vậy đang chứa đựng những yếu tố làm cho chính nó bị tiêu diệt. Dân chủ trong công việc quản lý, hữu ái trong xã hội, bình đẳng về quyền lợi, giáo dục phổ thông, tất cả những cái đó sẽ báo hiệu giai đoạn cao sắp tới của xã hội, mà kinh nghiệm, lý trí và khoa học đang không ngừng vươn tới"[1]. Những ý kiến nêu trên của Ăngghen như đang nói với chúng ta về mục tiêu xây dựng xã hội mới và con người phát triển toàn diện, mà chỉ có nó con người mới có điều kiện phát triển toàn diện. Tựu trung, nói về con người phát triển toàn diện lại phải nói đến mục tiêu xây dựng xã hội mới, thực hiện công bằng xã hội, dân chủ trong quản lý đất nước, hữu ái giai cấp và giáo dục phổ thông cho mọi người. Tất cả những cái đó chính là bản chất của xã hội mới, chủ nghĩa xã hội hiện thực mà chúng ta đang hướng tới.

Nói như trên, phải chăng con người phát triển toàn diện chỉ có thể có được ở xã hội đã xây dựng chủ nghĩa xã hội? Hoàn toàn không phải như vậy. Bối cảnh xã hội có vị trí rất quan trọng trong việc xây dựng con người phát triển toàn diện, nhưng không phải là tất cả. Hơn nữa, như Hồ Chí Minh nói: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội *trước hết* phải có con người xã hội chủ nghĩa". Điều đó có nghĩa là chính con người mới là chủ thể cải tạo xã hội nói chung, xây dựng chủ nghĩa xã hội nói riêng, chứ

1. Mác -Ăngghen: *Tuyển tập*, sdd, t.VI, tr.273.

không phải chờ đến khi đã có chủ nghĩa xã hội rồi mới nói đến việc xây dựng con người phát triển toàn diện. Từ lôgích ấy, chúng ta có thể nói, con người phát triển toàn diện có thể hình thành ở bất cứ một xã hội hiện đại nào, nhất là đối với những xã hội đã có trình độ phát triển cao về kinh tế, văn hoá và khoa học kỹ thuật. Nói như vậy hình như lại có mâu thuẫn với ý kiến của Ăngghen vừa được trích dẫn ở trên. Thực ra thì không mâu thuẫn gì cả. Ăngghen nói lên điều dự báo cho một xã hội tương lai khi kinh nghiệm, lý trí và khoa học đang cho phép con người không ngừng vươn tới, chứ Ăngghen không hề coi nhẹ vị trí của xã hội đối với quá trình hình thành con người phát triển toàn diện. Ngược lại, cũng chính Mác và Ăngghen trong *Gia đình thần thánh* đã nói: "Nếu như lợi ích, hiểu một cách đúng đắn, là nguyên tắc của toàn bộ đạo đức thì điều quan trọng là phải ra sức làm cho lợi ích riêng tư của con người phù hợp với lợi ích của loài người. Nếu con người không có tự do theo ý nghĩa duy vật, nghĩa là nếu người ta có tự do không phải nhờ có lực lượng tiêu cực để lẩn tránh cái này cái nọ, mà nhờ có lực lượng tích cực để phát huy cá tính thực sự của mình thì không nên trừng phạt những tội lỗi trong cá nhân mà nên tiêu diệt những nguồn phản xã hội đẻ ra tội lỗi và đem lại cho mỗi người một không gian xã hội cần thiết cho sự biểu lộ căn bản của bản chất của mình. Nếu như con người là do hoàn cảnh tạo nên thì phải tạo ra những hoàn cảnh hợp tình người. Nếu như con người bẩm sinh ra, đã có tính xã hội thì do đó chỉ có trong xã hội, con người mới có thể phát triển bản tính thực sự của mình và lực lượng của bản tính của con người phải được đánh giá không căn cứ vào lực lượng của cá nhân riêng lẻ mà căn cứ vào lực lượng của toàn xã hội"[1].

Rõ ràng, cả Mác và Ăngghen đều rất chú ý đến điều kiện xã hội trong việc phát triển nhân cách con người cũng như việc xây dựng con người phát triển toàn diện. Chính vì vậy, hai ông đã đưa triết học từ vị trí chỉ chú ý giải thích xã hội thành vị trí cải tạo xã hội. Hai ông đã xây dựng học thuyết của mình thành một thứ vũ khí cải tạo chủ nghĩa tư bản, mà theo hai ông, nó đã không còn thích hợp với thời đại mà ở đó con người đã có khả năng phát triển toàn diện, con người có thể làm chủ xã hội, tự quản lấy tiến trình phát triển của loài người. Chính vì vậy, học thuyết chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết cách mạng, nó trang bị cho con

1. Mác, Ăngghen: *Tuyển tập*, sđd, t.I, tr.174.

người vũ khí cải tạo xã hội, đồng thời cải tạo bản thân mỗi người để trở thành con người phát triển toàn diện.

Vận dụng sáng tạo đồng thời phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong hoàn cảnh cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã rất chú trọng đến việc xây dựng con người phát triển toàn diện, nhất là con người sinh ra ở một đất nước còn lạc hậu, chưa qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản, lại bị sự áp bức, bóc lột của chủ nghĩa thực dân, như Việt Nam chúng ta.

Vậy, quan niệm của Hồ Chí Minh về việc xây dựng con người phát triển toàn diện như thế nào và làm thế nào để xây dựng con người phát triển toàn diện trong bối cảnh xã hội ta? Đó là những vấn đề đã được đặt ra trước đây và cả hiện nay, nhưng hầu như ý kiến còn rất khác nhau, nhất là những năm gần đây, khi tình hình xã hội có những diễn biến phức tạp, con người đứng trước những thử thách tưởng như khó vượt qua được.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và việc xây dựng con người phát triển toàn diện chỉ có thể hình thành trên cơ sở nhận thức những quan điểm chung về bản chất con người. Hồ Chí Minh luôn luôn xem xét con người trong mối quan hệ với xã hội, mặc dù khi nhận thức về bản chất con người, Người vẫn thấy rõ cả mặt sinh vật học của con người. Xuất phát từ quan điểm xem con người vốn gắn với xã hội, Hồ Chí Minh nêu lên một định nghĩa về con người thật độc đáo: "Chữ **người**, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng nữa là cả loài người"[1]. Với ý nghĩa đó, khái niệm con người đã mang trong nó bản chất xã hội, phản ánh các quan hệ xã hội, quan hệ gần là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn; quan hệ xa là hàng xóm quê hương, đồng bào cả nước, và xa hơn nữa là nhân loại. Nói đến bản chất con người sinh vật học chẳng qua là để thấy nhu cầu tồn tại của con người, do đó không được quên cái nền tảng chung giữa những con người.

Song, bản thân nhu cầu tồn tại của con người cũng không thể có được khi tách con người khỏi xã hội. Cho nên, bản chất xã hội của con người vẫn là cơ bản nhất. Nói đến con người phải nói đến con người xã hội, mất tính xã hội con người sẽ không còn là con người với tư cách thành viên

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t.5, tr.644.

của xã hội. Rõ ràng, con người là sản phẩm của chính con người, của văn hoá và lịch sử do chính con người tạo nên.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh không có con người trừu tượng mà chỉ có con người cụ thể, con người với ý nghĩa đầy đủ nhất, đó là mỗi một người có cuộc sống riêng của họ, có những mối quan hệ của riêng họ gắn với gia đình, người thân, với quê hương, làng xóm, với tập thể, đồng bào trong cộng đồng dân tộc, và cao hơn là với nhân loại. Đó là người bản xứ, người cùng khổ hay người nô lệ...; là người da vàng, da trắng hay người da đen...; là người Việt Nam, người Pháp hay người Mỹ, v.v...

Đối với Hồ Chí Minh, khái niệm con người luôn luôn được nhắc đến như một mục tiêu thiêng liêng, cao cả của sự nghiệp cách mạng mà Người theo đuổi. Tư tưởng về con người, về việc giải phóng và phát triển con người, coi con người là nhân tố quyết định thành công của cách mạng, luôn quán xuyến gần như toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Người và cửa dân tộc ta. Tư tưởng ấy đã được Người vận dụng và phát triển trong suốt cả cuộc đời.

Người rất ít dùng khái niệm con người mang nội hàm con người nói chung, ngoài hai trường hợp đặc biệt ở vào hai thời điểm rất có ý nghĩa. Trường hợp đầu tiên, đó là trong *Tuyên ngôn* của hội *Liên hiệp thuộc địa*, đăng trên trang nhất số đầu tiên báo *Người cùng khổ* (Le Paria), và trường hợp thứ hai, trong bản *Di chúc* của Người. Trong *Tuyên ngôn* của *Hội liên hiệp thuộc địa* có câu chỉ ra rằng người bản xứ thiếu hẳn các quyền lợi gắn liền với "phẩm giá con người". Lời kêu gọi của báo *Người cùng khổ* viết rằng, sứ mệnh của báo là "giải phóng con người". Còn bản bổ sung cho *Di chúc* thì Người viết: "Đầu tiên là công việc đối với *con người*".

Như vậy, khái niệm *con người* trong tư tưởng Hồ Chí Minh mà cụ thể là vấn đề giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, mong đem lại hạnh phúc và tự do cho con người, luôn luôn là trung tâm và là điều trăn trở suốt đời của Người. Người nói: "Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành...". Vì điều ham muốn tột bậc đó, Hồ Chí Minh đã phải bôn ba khắp thế giới, đặt chân lên khắp các châu lục, có 30 năm hoạt động ở nước ngoài (1911-1941), phải sống và làm việc trong điều kiện hết sức khó khăn, chịu đựng biết bao gian truân, khổ ải mới tìm được chân lý

cách mạng. Người không chỉ mong giải thoát cho con người khỏi cảnh nô lệ mà còn hướng tới mục tiêu giải phóng con người khỏi nghèo nàn lạc hậu.

Nói về mục tiêu lý tưởng là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, Người cũng không nghĩ những điều cao xa khiến cho người ta khó vươn tới mà chủ yếu nhấn mạnh đến việc chăm lo cho con người, sao cho người lao động có công ăn việc làm, sao cho ai cũng được ấm no và hạnh phúc. Người nói: "Nói một cách tóm tắt, mộc mạc, chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc". "Chủ nghĩa xã hội là làm cho mọi người dân được ấm no, hạnh phúc và học hành tiến bộ". "Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu, nước mạnh". Như vậy là, không chỉ một lần mà nhiều lần người nói đến mục tiêu chủ nghĩa xã hội nhưng tất cả đều có sự nhất quán là quan tâm đến việc giải phóng con người.

Hầu như bất cứ lúc nào khi nói đến cách mạng, đến mục tiêu chủ nghĩa xã hội, Người cũng nhấn mạnh việc chăm lo cho con người, trước hết là người lao động. Nói rõ hơn ý tưởng của mình về mục tiêu cách mạng đối với con người, Hồ Chí Minh đã từng nói: "Nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì", hoặc: Chúng ta tranh được tự do độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ. Điều đó chứng tỏ, Hồ Chí Minh có sự nhất quán và rất triệt để về mục tiêu cách mạng vì sự nghiệp giải phóng con người, tất cả vì con người, cho con người và do con người.

Tư tưởng về con người của Hồ Chí Minh là tư tưởng "có dân thì có tất cả"; biết dựa vào dân, tin ở dân, đoàn kết toàn dân, bồi dưỡng, đào tạo họ, phát huy mọi năng lực của con người, của từng cá nhân và của cả cộng đồng, sẽ tạo ra sức mạnh, tạo ra động lực cách mạng. Từ đó, Người đề ra luận điểm nổi tiếng: "Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi", và khẩu hiệu:

"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết;

Thành công, thành công, đại thành công".

Tư tưởng đại đoàn kết đó của Hồ Chí Minh đã trở thành tư tưởng chỉ đạo chiến lược xuyên suốt cả quá trình cách mạng nước ta từ trước đến nay. Tư tưởng đoàn kết dân tộc là kế thừa và nâng cao tư duy chính trị

truyền thống "nước lấy dân làm gốc", "chở thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân". Cũng nhờ tư tưởng đoàn kết đó, Người tập hợp được rộng rãi mọi lực lượng có thể đoàn kết được, đưa cách mạng nước ta đến thắng lợi hoàn toàn, đồng thời Người thực hiện được những vấn đề có ý nghĩa quyết định cho mục tiêu lý tưởng của mình.

Tư tưởng đoàn kết của Hồ Chí Minh chính là nền tảng của việc hình thành con người mới, tạo cơ sở cho việc hình thành chiến lược con người mà Người đã từng ấp ủ trong suốt cuộc đời và hiện nay chúng ta đang ra sức thực hiện trong sự nghiệp đổi mới đất nước.

Quan niệm về con người nói chung, con người mới nói riêng trong tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành và phát triển dần dần. Lúc đầu, khi mới ra đi tìm đường cứu nước, Người chỉ mới cảm nhận được một cách cụ thể thân phận con người mất nước và tội ác của bọn thực dân Pháp ở Việt Nam. Dần dần, trong quá trình tiếp xúc với những người cùng khổ ở các nước mà Người đã trải qua, nhất là sau khi hoạt động trong phong trào công nhân, tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh mới thấy rõ hơn tình cảnh những người lao động cùng khổ trên khắp thế giới. Người thấy đồng bào bị áp bức, bóc lột ở quê hương mình không khác với những người cùng khổ trên khắp thế giới. Và giữa họ cùng có chung một kẻ thù là chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc chuyên nghề đi áp bức, bóc lột những người lao động, gây ra biết bao tai họa cho loài người.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người mới dần dần hình thành và phát triển, đầu tiên họ là những con người bản xứ, người dân mất nước, người nô lệ ở quê hương mình, sau nữa, họ là người lao động bị áp bức, bóc lột ở chính quốc, người nô lệ và người cùng khổ trên khắp lục địa. Dần dần, Hồ Chí Minh không chỉ tin ở con người và thấy động lực cách mạng ở con người nói chung, mà hơn thế, Người thấy trong quảng đại quần chúng nhân dân cũng như trong những người cùng khổ, những người dân nô lệ, đã hình thành một lực lượng nòng cốt tạo thành hạt nhân cho phong trào cách mạng. Họ chính là những con người mới có mặt ở mọi nơi, có ý thức cách mạng cao và sẵn sàng chiến đấu vì mục tiêu chung của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người.

Ở Hồ Chí Minh, hai bình diện con người mất nước và con người cùng khổ không tách rời nhau. Họ có chung một thân phận là con người nô lệ, con người không có tự do và chịu sự áp bức, bóc lột của bọn thực dân,

quan lại phong kiến và bọn tư bản ở mọi nơi. Đó chính là cơ sở tư tưởng để Người thấy rõ mối liên hệ gắn bó giữa người dân mất nước, chịu cảnh nô lệ ở quê hương mình với người dân cùng khổ ở khắp các châu lục, kể cả ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển.

Cũng từ đó, Hồ Chí Minh tìm thấy con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Đó là con đường cách mạng giải phóng dân tộc tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội, giải phóng con người. Giải phóng con người khỏi áp bức, bóc lột, khỏi nghèo nàn, lạc hậu nhằm đem đến cho con người một đời sống tự do, hạnh phúc, có việc làm và công bằng xã hội là những mục tiêu cao nhất đối với con người mà Hồ Chí Minh hằng mong muốn và phấn đấu không ngừng vì mục tiêu cao cả đó. Đó cũng chính là những mục tiêu mà Hồ Chí Minh đòi hỏi đối với con người mới, con người cùng chiến đấu vì sự nghiệp cách mạng cao cả dưới ngọn cờ của Người.

Vĩ đại hơn, Hồ Chí Minh đã phát hiện rất sớm sức mạnh của con người ở ngay các dân tộc bị áp bức đến cùng cực, bị đầu độc cả về thể xác và tinh thần, trước hết là đồng bào ở quê hương mình. Ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX, Người đã phân tích: "Người Đông Dương không được học, đúng thế, bằng sách vở và bằng diễn văn. Nhưng người Đông Dương nhận sự giáo dục bằng cách khác. Đau khổ, nghèo đói và sự đàn áp tàn bạo là những người thầy duy nhất của họ"; và "Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm khi thời cơ đến".

Hồ Chí Minh hiểu rất rõ đồng bào mình đang phải chịu cảnh sống quằn quại dưới gót giày của chủ nghĩa thực dân thì lấy gì để tiến hành cách mạng. Lúc đầu, khi chưa tìm được chân lý cách mạng, Người còn kêu gọi giai cấp công nhân và nhân loại tiến bộ trên thế giới cứu giúp đồng bào mình. Chẳng hạn, tại Đại hội toàn quốc lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp, Người kêu gọi: "Nhân danh toàn thể loài người, nhân danh tất cả các đảng viên xã hội, cả phái hữu lẫn phái tả, chúng tôi kêu gọi: Các đồng chí, hãy cứu chúng tôi!". Nhưng sau này, khi đã thực sự tìm được chân lý cách mạng, Hồ Chí Minh khẳng định: "Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc, sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hoà bình, hạnh phúc...". Từ

đó, Người đề ra khẩu hiệu: "Lao động tất cả các nước đoàn kết lại!". Rõ ràng, đây là một bước ngoặt lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh về lòng tin ở con người, tạo ra sự chuyển biến dứt khoát từ lập trường của chủ nghĩa yêu nước truyền thống đến chủ nghĩa xã hội khoa học, hình thành tư tưởng của Người về cách mạng giải phóng dân tộc kết hợp với giải phóng xã hội, giải phóng con người.

Từ đó, Người khẳng định: Con người là vốn quý nhất. Con người được giác ngộ, được tổ chức, được lãnh đạo đúng đắn sẽ tạo ra tất cả. Cho nên, trong thư từ biệt các bạn cùng hoạt động, trước lúc bí mật rời Paris sang nước Nga Xô viết, tháng 6 năm 1923, Người viết: "Chúng ta phải làm gì ? Đối với tôi câu trả lời đã rõ ràng, trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra tranh đấu giành tự do, độc lập".

Lòng tin của Hồ Chí Minh đối với nhân ta còn dựa trên sự hiểu biết sâu sắc truyền thống lịch sử của dân tộc và con người Việt Nam: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước".

Như vậy, Hồ Chí Minh không chỉ tin ở con người nói chung mà trước hết là tin ở con người Việt Nam, ở đồng bào đau khổ của mình và lòng tin ấy có cơ sở khoa học và thực tiễn vững chắc.

Nhưng còn vĩ đại hơn ở chỗ, Người đã sớm khẳng định rằng: Trong thời đại hiện nay, giai cấp công nhân là giai cấp độc nhất và duy nhất có sứ mệnh lịch sử là lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi cuối cùng bằng cách liên minh với giai cấp nông dân. Sự khẳng định sáng suốt trên là một sáng tạo trong việc vận dụng học thuyết Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam. Và, nhờ sự khẳng định đó, Người kiên trì gắn bó và thống nhất giai cấp công nhân với dân tộc, gắn bó sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lãnh đạo.

Ý nghĩa triết lý ở đây là ở chỗ, quan điểm về con người của Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở thế giới quan vô sản mà đã có sự kết hợp

nhuần nhuyễn và thống nhất giữa chủ nghĩa nhân văn truyền thống với chủ nghĩa nhân văn cộng sản, tạo cho Người một tư tưởng nhân văn mang sắc thái mới, cũng có thể gọi là chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh.

Đặc điểm nổi bật của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là ở chỗ, Người không chỉ tin yêu con người cùng giai cấp đã giác ngộ con đường cách mạng vô sản, mang thế giới quan của chủ nghĩa Mác - Lênin, mà hơn thế, Người thông cảm với tất cả những người cùng khổ trên khắp thế giới. Người muốn giải phóng cho tất cả mọi người khỏi áp bức, bóc lột, khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Tình cảm yêu thương con người của Hồ Chí Minh thật bao la, rộng mở và nhờ tình cảm yêu thương con người ấy, Người đã tìm được con đường cứu nước cho dân tộc mình, đồng thời góp phần mở ra một triển vọng mới cho sự nghiệp cách mạng vô sản thế giới. Cũng nhờ tình cảm yêu thương con người vô biên ấy, Hồ Chí Minh đã tạo cho mình một chủ nghĩa nhân văn mới, phát triển chủ nghĩa nhân văn mác-xít lên một tầm cao mới trong thời đại cách mạng vô sản đã lan rộng trên toàn thế giới, đến cả những dân tộc chưa hề biết đến giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản. Đó là một quan niệm mới về chủ nghĩa nhân văn, vừa rất đậm đà bản sắc dân tộc, vừa phù hợp với thời đại cách mạng vô sản trên phạm vi toàn thế giới, vừa rất phương Đông, vừa tiếp thu được những tinh hoa của các chủ nghĩa nhân văn đã từng tồn tại ở phương Tây cũng như trong lịch sử nhân loại.

Quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về con người mới xã hội chủ nghĩa gắn liền với quá trình Người nhận thức về con đường giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Đó cũng là quá trình người nhận thức rõ bản chất con người theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin đồng thời vận dụng sáng tạo quan điểm về con người theo lập trường mác-xít vào việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Như vậy, có thể khẳng định, con người mới nói ở đây là con người mang thế giới quan và nhân sinh quan của chủ nghĩa Mác - Lênin, con người thấm nhuần tư tưởng xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh dùng khái niệm con người mới hay con người xã hội chủ nghĩa là để phân biệt với con người sống trong xã hội cũ, con người chưa giác ngộ con đường cách mạng theo lập trường của giai cấp công nhân, chứ tuyệt nhiên Người không có ý phân biệt con người theo đẳng cấp,

theo trên dưới hoặc sang hèn. Con người mới hay con người cũ chỉ là những khái niệm tương đối chứ không có nghĩa là đối lập con người mới với con người sống trong xã hội cũ.

Ngay cả bản thân con người mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh cũng không phải là con người bất biến không bao giờ thay đổi. Con người mới hay con người sống trong xã hội cũ đều có chung một nguồn gốc dân tộc là Tổ quốc Việt Nam và đều có xuất phát điểm về xã hội và văn hoá của một đất nước còn nhiều khó khăn, chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa và nhất là phải chịu sự áp bức, bóc lột tàn bạo của chủ nghĩa thực dân trong nhiều thế kỷ.

Như vậy, con người mới không phải tự nhiên mà có, cũng không phải tự nhiên nó đến. Quá trình hình thành con người mới xã hội chủ nghĩa gắn liền với sự nghiệp đấu tranh cách mạng trên nhiều lĩnh vực đạo đức và lối sống. Đồng thời, quá trình đó cũng diễn ra ở mỗi con người, đòi hỏi sự tu dưỡng không ngừng theo tiêu chí đạo đức cách mạng như Hồ Chí Minh đề ra cho cán bộ, đảng viên.

Tóm lại, quá trình hình thành con người mới xã hội chủ nghĩa cũng là quá trình con người hoàn thiện bản thân theo yêu cầu của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Để trở thành con người mới xã hội chủ nghĩa, phải chú ý cả hai bình diện:

Một mặt, đó là sự phấn đấu vươn lên không ngừng của mỗi người theo hướng tự giác đấu tranh với những mặt lạc hậu, mặt xấu vốn tồn tại như bản năng tự nhiên của con người, đồng thời học tập, tu dưỡng đạo đức cách mạng, tiếp nhận những phẩm chất văn hoá đạo đức được xem như tinh hoa văn hoá của nhân loại. Nhưng, *mặt khác* quan trọng hơn, đó là sự tham gia tích cực của con người vào việc cải tạo xã hội theo hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội mà đối với nước ta là thực hiện sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc kết hợp với cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đó là hai mặt gắn liền với nhau, phụ thuộc vào nhau, tạo điều kiện cho nhau. Cho nên, khi nói: Muốn có chủ nghĩa xã hội trước hết phải có những con người xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh không chỉ khẳng một điều kiện có tính quyết định đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta là, nhất thiết phải có những con người thấm nhuần tư tưởng xã hội chủ nghĩa, đồng thời Người cũng nói lên vị trí, vai trò quan trọng của con

người mới xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Vậy, điều Hồ Chí Minh đòi hỏi về sự có mặt con người mới cả khi chưa có chủ nghĩa xã hội liệu có mâu thuẫn gì với lý luận về điều kiện hình thành con người mới xã hội chủ nghĩa như nói trên hay không ?

Nếu theo cách nghĩ của tư duy siêu hình thì đúng là có mâu thuẫn, vì theo cách tư duy siêu hình thì con người mới xã hội chủ nghĩa chỉ có thể ra đời trong điều kiện đã có chủ nghĩa xã hội, và đương nhiên không thể có con người mới xã hội chủ nghĩa khi chưa có chủ nghĩa xã hội. Về phía lôgích hình thức hoặc chủ nghĩa duy vật máy móc coi mọi sự thay đổi trên đời đều do hoàn cảnh và giáo dục gây ra thì sẽ không bao giờ có sự nghiệp cách mạng chứ đừng nói đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Về vấn đề này, trong *Luận cương về Phoiơbắc*, Mác đã phê phán: "Cái học thuyết duy vật chủ nghĩa cho rằng con người là sản phẩm của những hoàn cảnh và của giáo dục rằng do đó con người đã biến đổi là sản phẩm của những hoàn cảnh khác và của một nền giáo dục đã thay đổi – cái học thuyết ấy quên rằng chính những con người làm thay đổi hoàn cảnh và bản thân nhà giáo dục cũng cần phải được giáo dục"[1].

Vấn đề đặt ra ở đây là phải đứng trên quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng mácxít để nhìn nhận sự vật nói chung, sự hình thành và phát triển con người mới xã hội chủ nghĩa nói riêng. Con người là sản phẩm của lịch sử xã hội, nhưng mặt khác lịch sử xã hội cũng do chính con người tạo ra trong quá trình đấu tranh, cải tạo xã hội. Đành rằng, con người mới xã hội chủ nghĩa là sản phẩm của chủ nghĩa xã hội, nhưng chủ nghĩa xã hội không phải tự nhiên nó đến, đó cũng chính là sản phẩm do con người tạo ra. Cho nên, nói rằng "muốn có chủ nghĩa xã hội trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa" là hoàn toàn chính xác. Điều đó chỉ khẳng định vai trò của con người đối với tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại cũng như của mỗi dân tộc.

Từ đó, chúng ta có thể khẳng định, con người mới xã hội chủ nghĩa hoàn toàn có thể hình thành trong điều kiện nền kinh tế còn nghèo nàn, đất nước lại chưa qua con đường phát triển tư bản chủ nghĩa như nước ta.

---

1. Mác - Ăngghen: *Tuyển tập*, sđd, t.3, tr.10.

Ý nghĩa lý luận của vấn đề này hầu như đã được Hồ Chí Minh nói đến khi Người nói về chủ nghĩa cộng sản có thể thực hiện được ở Việt Nam trước cả khi các nước tư bản phương Tây hoàn thành sứ mệnh cách mạng vô sản ở nước họ. Đó là điều dự báo của Hồ Chí Minh từ khi Người còn ở Paris trên con đường tìm đường cứu nước. Song, điều dự báo đó ngày nay đã trở thành hiện thực. Sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam không chỉ thành công mà còn phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nhân tố quyết định của định hướng ấy chính là sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam của hành động. Điều đó cũng có nghĩa là con người mới xã hội chủ nghĩa thực sự đã hình thành ở Việt Nam và chính họ đang giữ vai trò quyết định trước hết sự nghiệp cách mạng theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đó không phải là một số ít người hiếm hoi mà bao gồm nhiều thế hệ con người Việt Nam đã từng chiến đấu vì độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước hiện nay, cũng chính những con người mới đó đang giữ vị trí chủ nhân, có mặt trên tất cả các lĩnh vực của cuộc sống xã hội. Với những mục tiêu cách mạng đề ra trong thời kỳ đổi mới hiện nay là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, có thể có người nghĩ rằng nói đến việc hình thành con người mới xã hội chủ nghĩa trong lúc này là không thích hợp, vì chủ nghĩa xã hội chỉ còn là định hướng. Cách nghĩ đó hoàn toàn sai lầm và cũng có thể do cách nghĩ sai lầm đó, họ đã bỏ rơi ngọn cờ cách mạng theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa do Hồ Chí Minh và Đảng ta lựa chọn đối với đất nước ta. Hậu quả của các tư duy sai lầm đó đương nhiên sẽ dẫn đến chỗ thủ tiêu môi trường hình thành con người mới xã hội chủ nghĩa và sớm muộn cũng sẽ dẫn đến chỗ thủ tiêu sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đó là con đường tất yếu sẽ đến, nếu nghĩ rằng trong bối cảnh đổi mới hiện nay ở ta không cần đến con người mới xã hội chủ nghĩa.

Như vậy là, về mặt chủ thể và khách thể, con người trong xã hội ta chẳng những có thể trở thành con người mới xã hội chủ nghĩa, mà hơn thế, đó còn là một đòi hỏi cấp bách của sự nghiệp cách mạng ở nước ta,

của việc thực hiện tư tưởng "muốn có chủ nghĩa xã hội trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa" của Hồ Chí Minh.

Song, trong bối cảnh đất nước đang đặt ra những yêu cầu mới như hiện nay, việc hình thành con người mới cũng đặt ra những thách thức mới mà trước đây không đặt ra. Đứng trước những thách thức mới, nhiều người trước đây vốn là con người mới thực sự, đã từng giữ vai trò quyết định trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, nay rất có thể không còn là con người mới nữa, nếu họ không giữ được bản lĩnh của người cách mạng, nếu họ sa vào chủ nghĩa cá nhân như Hồ Chí Minh đã cảnh tỉnh. Hiện tượng đó đã có trong xã hội ta những năm gần đây. Hơn thế có thể nói, hiện tượng những con người mới biến chất, thoái hoá vì không giữ được phẩm chất cách mạng cũng không phải là hiếm. Điều đó càng chứng minh cho sự sáng suốt của Hồ Chí Minh khi Người phê phán quyết liệt chủ nghĩa cá nhân và cảnh báo trước những cán bộ, đảng viên xem nhẹ việc tu dưỡng và rèn luyện bản thân. Cũng như trước đây, con người mới chỉ có thể trở thành hiện thực với hai điều kiện:

Một là, cá nhân người đó phải có ý thức vươn lên tự mình hoàn thiện bản thân, tự mình chiếm lĩnh những đỉnh cao của khoa học mà con người đạt được trong thời đại của mình, nghĩa là tự mình và chỉ có bản thân mình mới có khả năng trở thành con người mới, con người phát triển toàn diện chứ không có ai khác, dù đó là siêu nhân cũng không có đủ tư cách xây dựng cho người khác thành con người mới, con người phát triển toàn diện. Đó là mặt chủ thể.

Hai là, điều kiện xã hội thuận lợi, và đây cũng là một yếu tố vô cùng quan trọng, thậm chí có ý nghĩa quyết định để con người có thể trở thành con người mới, con người phát triển toàn diện. Tuy là điều kiện khách quan, nhưng nếu thiếu điều kiện khách quan ấy con người sẽ rất khó phát huy một cách toàn diện năng lực sẵn có của mình với ý nghĩa tích cực nhất. Sự tác động của môi trường khách quan cũng có vai trò quyết định đến việc hình thành nhân cách, phát triển con người toàn diện để trở thành con người mới thật sự .

Trong bối cảnh xã hội ta cũng như trên thế giới đang có những đổi thay nhanh chóng như hiện nay thì việc hình thành con người mới xã hội chủ nghĩa quả là không đơn giản chút nào. Thuận lợi tuy có nhiều nhưng thách thức cũng không ít. Và, trong thực tế những năm gần đây, từ khi đất

nước ta tiến hành sự nghiệp đổi mới cũng là thời kỳ đặt ra rất nhiều vấn đề bức xúc có liên quan đến con người và việc hình thành con người mới.

Hình như đang có hiện tượng mâu thuẫn giữa việc phát triển nền kinh tế của đất nước với việc xây dựng con người mới ở ta. Nhờ có đổi mới, rõ ràng đất nước ta đã có những bước phát triển nhanh chóng, đời sống kinh tế cũng như nhiều mặt khác của đời sống văn hoá xã hội có được cải thiện một cách rõ rệt, nhưng mặt khác lại phát sinh hiện tượng xuống cấp về đạo đức và lối sống, khiến cho nhiều người không những không phát triển theo hướng con người mới xã hội chủ nghĩa mà còn có nguy cơ suy thoái về nhân cách, lệch lạc về tư tưởng.

Từ hiện tượng trên, chúng ta thấy rõ điều kiện khách quan có tầm quan trọng như thế nào đến việc hình thành con người mới xã hội chủ nghĩa. Vấn đề có xây dựng được con người mới xã hội chủ nghĩa hay không còn tuỳ thuộc phần lớn vào điều kiện xã hội cho phép, mà điều đó thì không phải xã hội nào cũng có được.

Ở đây lại đặt ra hai vấn đề phải khắc phục: *Một là*, đòi hỏi mỗi cá nhân phải biết tự kiềm chế bản thân, phải hiểu rằng: "Nếu như con người chỉ chăm lo đến bản thân mình thì lòng mong muốn hạnh phúc của họ chỉ được thoả mãn trong những trường hợp rất hãn hữu và hoàn toàn không có lợi cho họ hay cho người khác. Con người cần giao lưu với thế giới bên ngoài, phải có những phương tiện để thoả mãn yêu cầu của mình: nghĩa là cần phải có thức ăn, một người thuộc giới tính khác mình, sách vở, giải trí, tranh luận, hoạt động, vận dụng và đối tượng lao động"[1]. Mà tất cả những phương tiện thoả mãn đời sống vật chất và tinh thần của mỗi người cũng là những phương tiện thoả mãn cho tuyệt đại đa số người có quyền bình đẳng trong xã hội. *Hai là*, con người còn phải có trách nhiệm cải tạo xã hội, xây dựng một xã hội đảm bảo sự tự do và công bằng thật sự, đảm bảo cho mọi người có thể phát huy và phát triển mọi tiềm năng sẵn có của mình.

III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quan niệm và giải pháp xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện

Nói về con người mới, Hồ Chí Minh càng đòi hỏi ý thức vươn lên không ngừng. Người luôn luôn ý thức rằng con người mới không phải tự

1. Mác - Ăngghen: *Toàn tập*, sđd, t.21, tr.423.

nhiên mà có, không phải tự nhiên nó đến. Đó là kết quả của cả quá trình học tập, tu dưỡng suốt đời đối với mỗi người, đồng thời đó cũng là sản phẩm của xã hội, của tập thể, nơi con người gắn bó cuộc đời của mình với sự nghiệp cách mạng, với tự do và hạnh phúc của nhân dân. Con người mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ có thể ra đời trong điều kiện xã hội đòi hỏi những nhu cầu mà con người có thể đáp ứng được trong thời đại của mình. Đó cũng chính là nhu cầu của con người phát triển toàn diện, con người thấy mình có đủ tầm trí tuệ để chinh phục được tự nhiên và xã hội, để xây dựng một xã hội công bằng, văn minh "trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người" như Mác và Ăngghen đã từng dự báo.

Vấn đề là làm thế nào để có một xã hội như thế, một xã hội đảm bảo cho sự phát triển tự do của mỗi người tạo điều kiện cho sự phát triển tự do của mọi người. Đó là quá trình phát triển của lịch sử xã hội loài người trải qua các phương thức sản xuất như quan điểm cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử mác-xít. Đó cũng là quá trình con người phát triển trí tuệ, trải qua các nền văn minh cho tới hiện nay. Hai quá trình đó diễn ra song song, tác động lẫn nhau, hỗ trợ cho nhau, tạo điều kiện cho con người ngày càng tiếp cận với những bí ẩn không chỉ trong xã hội như Mác đã phát hiện ra, mà còn cả những bí ẩn trong giới tự nhiên hữu cơ và vô cơ, khiến cho khoa học và công nghệ ngày càng phát triển một cách sâu sắc và rộng khắp. Chính là nhờ khoa học và công nghệ phát triển mạnh mẽ, nhất là từ khi phát triển mạnh các ngành khoa học và công nghệ thông tin điện tử, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới... và nhiều lĩnh vực khoa học và công nghệ quan trọng khác, đã khiến cho con người đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội. Sự tiến bộ của khoa học và công nghệ, sự gia tăng các giá trị của kiến thức cũng như sự toàn cầu hoá nhiều mặt của đời sống xã hội đang đặt ra cho con người rất nhiều vấn đề phải giải quyết trong thời đại chúng ta. Đó là một thực tế quá rõ ràng không ai không thấy. Nhưng làm thế nào để khắc phục được những vấn đề nan giải có tính chất toàn cầu ấy lại không phải dễ dàng, mà nguyên nhân thường do chính con người gây nên. Cho nên, hơn bao giờ hết, vấn đề xây dựng con người mới phù hợp với yêu cầu thời đại hiện nay càng cần đặt ra một cách cấp thiết. Vậy Hồ Chí Minh đã có những quan điểm và giải pháp xây dựng con người mới phát triển toàn diện như thế nào?

Quan điểm nổi bật nhất có tính bao quát trong tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề xây dựng con người phát triển toàn diện là quan điểm về đức tài. Người nói "đức là gốc, nhưng tài là quan trọng". Giữa đức và tài, Hồ Chí Minh đều coi trọng và luôn căn dặn mọi người không được xem nhẹ một mặt nào. Bởi vì, theo Người, có đức mà không có tài thì cũng không khác ông bụt trong chùa, nhưng "có tài mà không có đức thì hỏng"... "đức phải có trước tài"[1]. Như vậy là, trong quan hệ giữa đức và tài, Hồ Chí Minh vẫn đặt đức lên trước tài, mặc dù Người coi trọng cả hai. Vì sao vậy? Trước hết, điều đó xuất phát từ quan niệm của Người về bản chất con người. Tài và đức là hai mặt cơ bản của con người nói chung, con người phát triển toàn diện nói riêng, có mối quan hệ hữu cơ với nhau. Người nói "đức có trước tài" chứ không nói đức quan trọng hơn tài. Sở dĩ Người yêu cầu đức phải có trước tài, bởi vì theo Người, tài và đức không phải là cái gì bất biến, không bao giờ thay đổi. Không phải người ta sinh ra có tài ngay cũng như không phải người ta sinh ra có đức ngay. Người đã từng nói: "Ngủ thì ai cũng như lương thiện; Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ, hiền. Hiền, dữ phải đâu là tính sẵn; Phần nhiều do giáo dục mà nên" (*Nhật ký trong tù*). Tài cũng vậy. Muốn trở thành người có tài phải trải qua quá trình học tập, rèn luyện suốt đời, và bản thân việc khổ công học tập, rèn luyện suốt đời ấy để trở thành người có tài cũng đã là một hành vi đạo đức. Có điều là, Hồ Chí Minh không bao giờ tách việc học tập, rèn luyện suốt đời ấy với việc tu dưỡng hoàn thiện bản thân, nghĩa là dù là đức hay là tài cũng chỉ có ý nghĩa đối với người có ích cho xã hội, cho cộng đồng dân tộc. Cho nên, việc học tập, rèn luyện hay tu dưỡng đều nhằm mục đích nhất định chứ không phải học để mà học, hoặc chỉ để thành tài cho thiên hạ biết mình, cũng như không phải rèn luyện để mà tu hành, mặc dù Người vẫn tôn trọng người tu hành. Nếu có tài không phải là việc dễ, đòi hỏi khổ công học tập, rèn luyện suốt đời thì có đức cũng không phải là việc đơn giản, dễ dàng, cũng đòi hỏi sự khổ công rèn luyện suốt đời. Đó là một quan điểm rất cách mạng về đạo đức. Nó chẳng những hoàn toàn khác với quan điểm tu nhân tích đức theo quan điểm luân hồi nghĩa là làm đức kiếp này để được hưởng hạnh phúc ở kiếp sau của Phật giáo. Nó cũng rất khác với quan điểm "tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" của Khổng giáo, mặc dù những điều răn dạy của Khổng giáo đã có ý nghĩa tích cực trong xã hội phong kiến. Đối với Hồ Chí Minh, tài năng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.9, tr.492.

cũng như đạo đức đều là sản phẩm của hoạt động thực tế, của quá trình lao động sáng tạo, quá trình hoạt động thực tiễn, nghĩa là nó phải gắn với hành động và chỉ có hành động, trong hành động con người mới thực sự phát triển tài năng đồng thời hoàn thiện bản thân để trở thành con người phát triển toàn diện.

Do gắn tài cũng như đức với bản chất con người hành động trong xã hội, chỉ có thể hình thành và phát triển trong môi trường xã hội cụ thể, Hồ Chí Minh đã quán triệt sâu sắc quan điểm triết học hành động của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đó là đức tài của hành động và chỉ có hành động cách mạng thì cả đức lẫn tài mới thể hiện ra như những giá trị đích thực. Người có đức theo quan điểm Hồ Chí Minh là người biết rèn luyện tài năng và nhất là có ý thức rõ về việc làm của mình đối với dân tộc, với xã hội. Cho nên, Hồ Chí Minh nói: "Đạo đức không phải từ trên trời rơi xuống. Nó do đấu tranh rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong". Với quan điểm trên, hầu như giữa đức và tài không còn ranh giới nữa mà nó gắn kết với nhau ở một con người cụ thể, con người phát triển toàn diện cũng đồng thời là con người của hành động vì sự nghiệp con người, vì sự tiến bộ xã hội. Đó chính là con người mang lý tưởng, hoài bão và khát vọng của thời đại mới, con người đã vươn tới cái chân, cái thiện, cái mỹ mà hàng chục thế kỷ nay, con người muốn vươn tới nhưng chưa có điều kiện. Con người như thế chỉ có thể xuất hiện ở thời đại hiện nay, khi con người đã làm chủ được bản thân và đang vươn tới chinh phục thiên nhiên bằng chính trí tuệ của mình nhờ cuộc cách mạng khoa học công nghệ bùng nổ như hiện nay.

Với quan điểm trên của Hồ Chí Minh, ngay cả con người phát triển toàn diện cũng không phải là cái gì vĩnh viễn, bất biến. Ngày hôm nay, do phấn đấu, rèn luyện, con người có thể được xem như con người phát triển toàn diện, nhưng ngày mai, nếu họ không kiên trì học tập, tu dưỡng suốt đời thì chính con người phát triển toàn diện đó vẫn có thể trở thành người vô đạo đức, tài càng cao mà không có đức thì càng trở thành hiểm hoạ đối với con người, với xã hội. Chúng ta đã chứng kiến rất nhiều con người mới hôm qua còn là anh hùng, được tâng bốc cả tài năng và đức độ như những vị thánh, nhưng hôm nay cũng những con người đó trở thành kẻ có tội, mặc dù tài năng của họ vẫn còn đấy, nhưng tài năng đó không còn tác dụng nữa. Hồ Chí Minh coi hiện tượng đó là do chủ nghĩa cá nhân cũng là

một phần nằm trong bản chất con người xã hội. Nói bản chất ở đây không có nghĩa là thừa nhận tính hợp pháp của nó mà chỉ khẳng định một thực tế không ai có thể chối cãi được là ở mỗi người thường có cả mặt tốt và mặt xấu, mặt thiện và mặt ác. Người nói: "Người ta ai cũng có tính tốt và tính xấu"[1]. Nhân câu chuyện về *Tam tự kinh*, nói đến câu "nhân chi sơ, tính bản thiện", Hồ Chí Minh nói: "Trong xã hội có *Thiện* và cũng có *Ác*". "Theo nghĩa rộng thì cả thế giới và trong nước có *Thiện* và có *Ác*. Theo nghĩa hẹp thì trong bản thân và tư tưởng của mỗi người cũng có *Thiện* và có *Ác*"[2]. Như vậy là về mặt nào đó, Hồ Chí Minh cũng có quan niệm về bản chất con người tương tự như quan niệm của Phật giáo. Nhưng, khác với Phật giáo, Hồ Chí Minh không quan niệm bản chất con người một cách thụ động, bất biến và nhất là không chỉ hướng theo cái Thiện một cách siêu hình mà phải chống cái ác, cái xấu vốn ngự trị trong tiềm thức của mỗi con người. Đó chính là chủ nghĩa cá nhân mà Hồ Chí Minh thường nhắc đến như một kẻ thù tiềm ẩn trong mỗi con người. Cho nên, Người coi việc chống chủ nghĩa cá nhân như một nhiệm vụ thường trực của mỗi người cũng như mỗi đoàn thể cách mạng. Người nói: "Trong óc mọi người đều có sự đấu tranh giữa cái *Thiện* và cái *Ác* hoặc nói theo cách mới là đấu tranh giữa tư tưởng cộng sản và tư tưởng cá nhân"[3]. Trong câu nói trên, đã phản ánh một quan niệm về mối quan hệ biện chứng giữa cái Thiện và cái Ác, mà điều này chúng ta thấy rất rõ trong quan điểm đạo đức của chủ nghĩa Mác - Lênin. Ăngghen đã từng trích dẫn một câu nói nổi tiếng của Hêghen đại ý nói rằng con người thật vĩ đại khi phát hiện ra ở con người có bản chất là thiện, nhưng con người còn vĩ đại hơn khi phát hiện ra ở con người có bản chất là ác. Điều đó nói lên rằng cái thiện và cái ác vốn thường trực trong con người nói riêng, trong xã hội loài người nói chung. Và, chính điều đó đặt ra cho con người phải có đấu tranh với cái ác, phát huy không ngừng cái thiện trong mỗi con người cũng như trong mỗi đoàn thể cách mạng. Quá trình đấu tranh ấy cũng chính là quá trình con người hoàn thiện bản thân mình để trở thành con người phát triển toàn diện, đồng thời cũng là quá trình thúc đẩy sự tiến bộ xã hội, vươn tới xây dựng một xã hội mới ngày càng công bằng, dân chủ, văn minh, đảm bảo những điều kiện cơ bản cho con người phát triển

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.5, tr.224.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.8, tr.276.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.9, tr.488.

toàn diện. Đó chính là tương lai của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mà trong chủ nghĩa Mác - Lênin cũng như trong tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta thấy nói đến như một mục tiêu của xã hội văn minh.

Quá trình nhận thức về bản chất con người cũng như quá trình nhận thức về việc xây dựng con người phát triển toàn diện vốn có mối quan hệ hữu cơ với nhau. Nếu không nhận thức đúng bản chất con người cũng sẽ không nhận thức đúng quan niệm về việc xây dựng con người phát triển toàn diện. Bởi lẽ, con người phát triển toàn diện cũng chỉ là một con người như mọi người bình thường. Họ cũng có những nhu cầu, những ham muốn và dục vọng như mọi người. Họ cũng có tình cảm yêu, ghét như mọi người. Và đương nhiên, ở họ dù đã trở thành con người phát triển toàn diện, vẫn tồn tại tính chất hai mặt của con người bình thường: đó là mặt tốt và mặt xấu, mặt thiện và mặt ác. Có điều là, khác với con người bình thường, con người phát triển toàn diện là con người có ý chí phấn đấu cao, luôn luôn tìm cách chiến thắng cái tầm thường, cái kém cỏi, chiến thắng những dục vọng thấp hèn để làm chủ bản thân và làm chủ xã hội. Cho nên, nói đến việc xây dựng con người phát triển toàn diện, chung quy lại, là nói đến con người có ý thức chiến đấu và chiến thắng nhằm đáp ứng những yêu cầu mới do xã hội đặt ra.

Trong thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xã hội đòi hỏi con người phải phát triển toàn diện, nghĩa là phải có ý thức nâng cao không ngừng kiến thức, có đủ tầm trí tuệ và trí lực để nắm được những kiến thức mới, những kỹ năng công nghệ thành thạo đồng thời phải đảm bảo kỷ luật chặt chẽ của quy trình công nghệ, của lương tâm nghề nghiệp. Tóm lại, cũng vẫn là vấn đề đức tài, nhưng không phải đức tài của thời đại phong kiến với nền văn minh nông nghiệp, cũng không phải là đức tài của thời đại phát triển chủ nghĩa tư bản với nền văn minh công nghiệp còn ở trình độ thấp mà ở đó con người như một bộ phận của máy móc.

Vấn đề đức tài đặt ra trong xã hội hiện nay cao hơn nhiều, toàn diện hơn nhiều, đòi hỏi con người phải có trình độ và ý chí cao mới vượt qua được, mới trở thành con người hoàn thiện của thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá và toàn cầu hoá. Đó là những vấn đề đặt ra của thế kỷ XXI mà nhiều nhà khoa học đã dự báo.

Cũng không phải là ngẫu nhiên trong buổi giao thời của hai thiên niên kỷ này lại xảy ra nhiều hiện tượng trái ngược nhau như chúng ta đã

thấy. Một mặt, con người đã và đang đi vào những kỷ nguyên kỳ diệu của thời kỳ phát triển khoa học kỹ thuật và công nghệ, khám phá ra nhiều bí ẩn trong giới tự nhiên vô cơ và hữu cơ, cả trong vũ trụ bao la vô tận; nhưng mặt khác, chúng ta lại thấy nẩy sinh những tệ nạn xã hội nhiều vô kể, những hiện tượng phá hoại môi trường môi sinh khiến cho sự huỷ diệt con người ngày càng gia tăng. Phải chăng, đó cũng là hiện tượng mang tính quy luật của quá trình con người đang đi đến chỗ phát triển toàn diện.

Đương nhiên, nói đến việc xây dựng con người phát triển toàn diện còn nhiều vấn đề cụ thể khác như tiêu chí về con người phát triển toàn diện, biện pháp xây dựng con người phát triển toàn diện mà Hồ Chí Minh cũng đã nhắc tới. Nhưng, thiết tưởng đó là vấn đề cần bàn ở một chuyên luận khác. Ở đây, chúng tôi chỉ tập trung đề cập đến những khía cạnh có tính nguyên tắc cơ bản về nội dung con người phát triển toàn diện để trên cơ sở đó chúng ta hiểu về mặt lý luận và phương pháp luận chung quanh vấn đề xây dựng con người phát triển toàn diện./.

CHUYÊN ĐỀ VI:

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỚI THẾ GIỚI VÀ SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
CỌN NGƯỜI VÀ THỜI ĐẠI*

PGS. BÙI ĐÌNH THANH

Mỗi thời đại đều khắc sâu dấu ấn vào những nhân vật lịch sử vĩ đại và ngược lại, mỗi nhân vật lịch sử vĩ đại đều góp phần cống hiến làm toả sáng những giá trị tiêu biểu trong thời đại của mình.

Các Mác nói: "Mỗi thời đại xã hội đều cần có những con người vĩ đại của nó, và nếu không có những con người như thế thì thời đại sẽ sáng tạo ra những con người như thế"[1].

Khi quyết định toàn thế giới kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, tổ chức UNESCO đã đặt Người vào bối cảnh lịch sử của thế kỷ XX, một thế kỷ đầy biến động và thay đổi sâu sắc trong xã hội loài người: hai cuộc chiến tranh thế giới, cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga và sự ra đời của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên, sự hình thành hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa, sự tan rã của chế độ thực dân cũ. Trong gần ba phần tư thế kỷ, suốt từ buổi thiếu niên đến lúc cuối đời. Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là nhân chứng của những sự kiện lịch sử nói trên, mà đã góp phần trực tiếp và tích cực phát triển những biến chuyển của lịch sử theo hướng tiến lên của xã hội loài người.

Đặc biệt đối với Việt Nam, tên tuổi của Người gắn với vận mệnh của dân tộc trong suốt thời kỳ lịch sử hiện đại: sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Cách mạng Tháng Tám, thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, công cuộc xây dựng bước đầu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. UNESCO quyết định kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh với hai tư cách: người anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hoá.

---

* Trích trong: Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 2 (249) năm 1990, tr.1-8.

1. Mác - Ăngghen: *Tuyển tập*, tập I. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1962, tr.281.

Về sự nghiệp giải phóng dân tộc, lịch sử đã thừa nhận vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ riêng đối với dân tộc Việt Nam, mà còn đối với phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới.

Ngày nay, thế giới nói nhiều đến quyền con người. Hãy nhớ lại những năm 20 của thế kỷ này, khi ba phần tư nhân loại còn rên xiết dưới ách thống trị tàn bạo của chế độ thực dân; quyền con người có ý nghĩa nhất lúc đó là quyền được sống, quyền được thoát khỏi chế độ dã man của bọn chủ nô mới ở thế kỷ XX. *Bản án chế độ thực dân Pháp,* một văn kiện lịch sử ra đời năm 1925 là bản cáo trạng đanh thép luận tội chủ nghĩa thực dân, cái ung nhọt của thời đại, kêu gọi không chỉ nhân dân Việt Nam, mà tất cả các dân tộc bị áp bức đoàn kết đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập, tự do, cơm áo, danh dự của con người.

Trong bài *Ách áp bức không từ một chủng tộc nào,* Người viết: "Tất cả những liệt sĩ của giai cấp công nhân, người ở Lôdan cũng như ở Paris, những người ở Le Havre cũng như người ở Martinique đều là những nạn nhân của một kẻ sát nhân: chủ nghĩa tư bản quốc tế. Và hương hồn của những người hy sinh bao giờ cũng tìm thấy nguồn an ủi cao nhất ở lòng tin vào sự nghiệp giải phóng những anh em của họ bị áp bức, không phân biệt chủng tộc hay xứ sở"[1].

Ngày nay, mặc dầu hơn 60 năm đã trôi qua, nhưng đọc lại những bài viết ký tên Nguyễn Ái Quốc trên các tờ *Người cùng khổ, Nhân đạo, Thư tín quốc tế, Đời sống công nhân, Sự thật, Tạp chí Cộng sản,* chúng ta vẫn xúc động mạnh mẽ trước tình cảm rộng lớn, lòng nhân đạo sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với công nhân, nông dân, phụ nữ, những người lao động yêu nước đang quằn quại dưới sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc, không phải chỉ riêng ở Việt Nam, Tổ quốc thân yêu của Người, mà cả ở Maroc, Tây Phi, Xyrie, Palestine, Dahomey, Madagascar, Martinique, Trung Quốc, Ấn Độ, Soudan, Congo, Thổ Nhĩ Kỳ... Ngày 15 tháng 3 năm 1924, báo *L'Unita* (Đoàn kết) của Đảng Cộng sản Italia đăng bài Giovany Germanetto phỏng vấn đồng chí Nguyễn Ái Quốc, trong đó Người nói: "Chúng tôi tiếp tục đi theo con đường Cách mạng Tháng Mười đã vạch ra, chúng tôi sẽ vận dụng vào thực tiễn những bài học đã học được. Chúng tôi hiểu rõ là chúng tôi có trách nhiệm rất nặng nề, và tương lai của các dân

1. Báo *Le Paria* (Người cùng khổ) số 17, tháng 8 năm 1923.

tộc thuộc địa tuỳ thuộc vào sự tuyên truyền và tinh thần hy sinh của chúng tôi. Ở phương Đông, từ Xyrie đến Triều Tiên, tôi chỉ nói các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, có một diện tích rộng mênh mông với hơn 1.200 triệu dân. Cả vùng rộng lớn này nằm dưới ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, tư bản chủ nghĩa. Các dân tộc ở đó không bao giờ có thể ngẩng đầu lên được nếu không gắn bó với giai cấp vô sản thế giới".

Tư tưởng nói trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện một sự nắm vững quy luật biện chứng của lịch sử. Người tin tưởng mãnh liệt rằng tính năng động cách mạng của các dân tộc sẽ tạo nên sức mạnh cần thiết để đấu tranh tự giải phóng, khi được ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin dẫn đường chỉ lối.

Như vậy là từ những năm 20 của thế kỷ này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản trong cách mạng giải phóng dân tộc với luận điểm nổi tiếng "con đỉa hai vòi", "con chim hai cánh", trong khi còn có luận điểm cho rằng thắng lợi của cách mạng ở các nước thuộc địa phụ thuộc vào cách mạng ở "chính quốc".

Từ trên diễn đàn của Đại hội Tours (tháng 12 năm 1920) thành lập Đảng Cộng sản Pháp đến Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ năm (17 tháng 6 đến 8 tháng 7 năm 1924), tiếng nói của Người vang lên, nhấn mạnh đến tư tưởng chủ nghĩa quốc tế vô sản, đòi hỏi các Đảng Cộng sản ở những nước phương Tây phải hết sức ủng hộ phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Người đấu tranh với những quan điểm coi nhẹ vấn đề dân tộc ở các nước thuộc địa trong các Đảng đó. Đúng 20 năm sau, ngày 2 tháng 9 năm 1945, Người đã từng lên tiếng luận tội chế độ thực dân Pháp cũng chính là Người thi hành bản án đó với "Tuyên ngôn độc lập" bất hủ, khẳng định thắng lợi của quyền độc lập dân tộc, quyền dân tộc tự quyết của nhân dân Việt Nam.

Bản "Tuyên ngôn độc lập" là một sự tiếp nối dòng mạch lịch sử của bản "Tuyên ngôn độc lập" của Mỹ năm 1776 và bản "Tuyên ngôn nhân quyền" của cuộc Cách mạng tư sản Pháp 1789, nhưng về nội dung, quyền con người và quyền dân tộc tự quyết trong "Tuyên ngôn độc lập" của Việt Nam đã vươn lên một tầm cao mới tiêu biểu cho tính chất của thời đại mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Sức mạnh của "Tuyên ngôn độc lập" càng thể hiện đầy đủ 30 năm sau, khi cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược kết thúc toàn thắng.

Hãy để một nhà nghiên cứu Mỹ, David Halberstam đánh giá khái quát: "Bằng sự lãnh đạo và sự tài giỏi của mình, Hồ Chí Minh là người yêu nước nhất của nhân dân nước ông trong thế kỷ này. Nhưng ảnh hưởng của ông còn lớn hơn thế. Ở châu Âu, thắng lợi của ông đã dạy cho người Pháp là thời đại thực dân đã chấm dứt... Và ở nước Mỹ, ảnh hưởng của ông còn lớn hơn nữa".

Những nhà lãnh đạo chính trị như Robert Kennedy khi bắt đầu thập kỷ 60 tin rằng Mỹ có quyền, thậm chí có nghĩa vụ chiến đấu chống những cuộc chiến tranh du kích ở các nước chậm phát triển trên thế giới, nhưng sau đó đã thay đổi cách suy nghĩ và chẳng những chống lại chiến tranh mà còn đưa ra cách định nghĩa mới về chính sách đối ngoại của Mỹ, nhấn mạnh đến những giới hạn của sức mạnh và cho rằng Mỹ không thể là tên sen đầm của thế giới.

Cuộc chiến tranh như vậy là đã đẩy nhanh sự kết thúc của hai thập kỷ, trong đó chính sách đối ngoại của Mỹ chỉ dựa trên nguyên tắc chỉ đạo duy nhất, là chống cộng sản.

Trong khi đang diễn ra cuộc chiến tranh của Mỹ với quân đội của ông Hồ, thì ở Mỹ xuất bản tác phẩm *Hồ Chí Minh nói về cách mạng* với lời giới thiệu: "được viết ra trong nhà tù, trong cảnh sống tha hương, trong chiến đấu, đây là bản Kinh Thánh chính trị được một nửa thế giới nghe theo"[1].

Ngày nay, khi sắp kết thúc thế kỷ XX và chuẩn bị bước vào thế kỷ XXI, loài người đứng trước một nhiệm vụ cực kỳ trọng đại là bảo đảm một nền hoà bình vững chắc, lâu dài trên trái đất. Xét theo quan điểm đạo đức và nhân văn trong hoạt động chính trị quốc tế thì Chủ tịch Hồ Chí Minh là người chiến sĩ suốt đời đấu tranh không mệt mỏi cho hoà bình và hữu nghị giữa các dân tộc.

Đã biết bao lần trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Người kêu gọi hoà bình trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Nhưng khi không tránh khỏi chiến tranh do

1. David Halberstam: *Hồ*. Nxb. Alfred A. Knopp, New York, 1987, tr.15, 117.

thái độ ngoan cố và quyết tâm xâm lược của kẻ thù, Người đã động viên toàn dân đứng lên chiến đấu bảo vệ những thành quả cách mạng với đường lối tự lực, tự cường, tin vào sức mạnh của nhân dân theo tinh thần "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Trong suốt 30 năm, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp và sau đó chống đế quốc Mỹ là một bộ phận của phong trào đấu tranh cho hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Dân tộc Việt Nam vừa chiến đấu để giành tự do và dân chủ cho mình, vừa đấu tranh cho hoà bình thế giới, nêu một tấm gương sáng chói về tinh thần bất khuất của dân tộc và chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Giá trị nhân văn cao quý của cuộc chiến đấu đó đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát là cuộc chiến đấu giữa chính nghĩa và phi nghĩa, giữa văn minh và bạo tàn. Cũng vì sự nghiệp cao cả đó, Việt Nam đã được cả loài người yêu chuộng hoà bình và công lý nhiệt tình ủng hộ.

Sự nghiệp đấu tranh bảo vệ hoà bình của nhân dân Việt Nam theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện sự quán triệt nhận thức biện chứng sức mạnh của dân tộc kết hợp với sức mạnh của thời đại.

Tháng 8-1956, trong bài viết cho báo *Sự thật* (Liên Xô) mang đầu đề "Củng cố và phát triển sự thống nhất tư tưởng của các đảng Mácxít - Lêninnít", Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Chúng tôi cũng hiểu rõ rằng không thể nào hạn chế những hoạt động hiện nay và tương lai của chúng tôi trong khuôn khổ dân tộc thuần tuý, rằng những hoạt động đó có muôn ngàn sợi dây liên hệ với cuộc đấu tranh chung của thế giới tiến bộ, rằng sự đoàn kết thực sự của phe xã hội chủ nghĩa và của các dân tộc yêu chuộng hoà bình trên toàn thế giới đối với chúng tôi cũng cần thiết không kém gì trước kia, khi nhân dân Việt Nam đang tiến hành cuộc kháng chiến cứu nước"[1].

Đường lối đúng đắn đó đã đưa đến một hiện thực đầy ý nghĩa là trong lịch sử chưa từng có cuộc chiến đấu của dân tộc nào lại thực hiện được sự tập hợp rộng rãi và ủng hộ to lớn của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới như cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc Việt Nam. Loài người tiến bộ đứng hẳn về phía nhân dân ta, dành cho nhân dân ta những tình cảm sâu sắc, cao quý nhất, sự ủng hộ vật chất có hiệu lực,

1. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960, tr.594-595.

80869

biểu dương cuộc chiến đấu của dân tộc Việt Nam như một thiên anh hùng ca của thế kỷ XX.

Sự hình thành "ba tầng mặt trận" (Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam, Mặt trận Nhân dân Đông Dương, Mặt trận Nhân dân Thế giới) trong cuộc kháng chiến chống Mỹ là một trong những nét nổi bật của chiến lược Cách mạng Việt Nam, là một sáng tạo trong sự kết hợp sức mạnh của dân tộc và sức mạnh của thời đại.

Ngày nay trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước ta, thường nói đến yếu tố con người, chiến lược con người: "Cần thể hiện đầy đủ trong thực tế quan điểm của Đảng và Nhà nước về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội, khắc phục thái độ coi nhẹ chính sách xã hội, tức là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội... Phát huy yếu tố con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất của mọi hoạt động"[1].

Báo cáo Chính trị của Uỷ ban Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô cũng nhấn mạnh: "Đảng ta luôn luôn chú trọng các vấn đề chính sách xã hội, luôn luôn chăm lo đến con người. Nguyên tắc công bằng xã hội xuyên suốt mọi mặt quan hệ xã hội xã hội chủ nghĩa". Nguyên tắc đó được thể hiện trong quyền lực thật sự của nhân dân và quyền bình đẳng của mỗi công dân trước pháp luật, trong thái độ tôn trọng nhân cách con người và tạo mọi điều kiện để phát triển con người một cách toàn diện[2].

Như vậy, một trong những tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội là thái độ coi trọng con người. Đó cũng là một trong những đặc điểm nổi bật nhất về phẩm chất cao đẹp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Phẩm chất đó bắt nguồn từ truyền thống nhân ái sâu sắc đã trở thành tình cảm, đạo đức, phong tục tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Tư tưởng nhân đạo đó được ghi lại trong những thành ngữ dân gian và trở thành những quan điểm xử thế của nhân dân lao động, quan điểm yêu quý con người: "Thương người như thể thương thân", "Một mặt người bằng mười mặt của", "Người ta là hoa của đất".

---

1. *Văn kiện Đại hội lần thứ VI của Đảng*. Tạp chí *Cộng sản* số 1-1987, tr.56-57.
2. *Báo cáo Chính trị của Uỷ ban Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986, tr.65.

Một nhà báo hỏi Xanvađo Agiendê, người con quang vinh và chiến sĩ cách mạng kiên cường của nhân dân Chilê: "Ba đức tính chính trị nào của những nhà hoạt động chính trị mà ngài muốn có và ngài sẽ lấy làm gương". Agiendê trả lời: "Tinh thần nhất quán, chủ nghĩa nhân đạo và tính vô cùng giản dị của Chủ tịch Hồ Chí Minh".

Trong trái tim rộng mở của Người có chỗ cho người già, đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, trí thức, chiến sĩ quân đội. Người đặc biệt dành những tình cảm thương yêu, chăm sóc của mình cho phụ nữ, thanh niên và các cháu thiếu nhi.

Nhớ lại những ngày đầu tiên sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm giáo dục các tầng lớp nhân dân phát huy lòng yêu nước nồng nàn, đùm bọc lẫn nhau. Đối với công nhân, nông dân, lao động trí óc. Người kêu gọi "Đoàn kết để giữ vững tự do, dân chủ. Đoàn kết để kiến thiết nước nhà. Đoàn kết để xây dựng một đời sống mới"[1].

Đối với những người già, Chủ tịch Hồ Chí Minh ân cần nhắc nhở: "Chúng ta là bậc phụ lão, cần phải tinh thành đoàn kết trước để con cháu ta theo".

Đối với thiếu nhi, Chủ tịch Hồ Chí Minh giáo dục lòng tự hào dân tộc chân chính cho lứa tuổi ngây thơ: "Trung thu năm ngoái, nước ta còn bị áp bức, các cháu còn là một bầy nô lệ trẻ con. Trung thu năm nay, nước ta đã được tự do, và các cháu đã thành người tiểu chủ của nhân dân một nước độc lập"[2].

Đối với các dân tộc thiểu số, Người dạy: "Đồng bào Kinh hay Tày, Mường hay Dao, Giarai hay Êđê, Xêđăng hay Bana và các dân tộc thiểu số khác đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau. Giang sơn và Chính phủ là giang sơn và Chính phủ chung của chúng ta. Vậy nên tất cả dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ Chính phủ ta"[3].

Số phận những người lầm đường, lạc lối cũng không bị bỏ quên. Những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, Người khuyên đồng bào: "Năm

1. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, sđd, tr.236, 213, 210, 235, 215.
2. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960.
3. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, sđd.

ngón tay cũng có ngón dài, ngón ngắn. Nhưng ngắn, dài đều hợp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này người thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều là dòng dõi tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ".

Trong cuốn *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc,* đồng chí Phạm Văn Đồng viết: "Hồ Chủ tịch thường nói người cách mạng là người rất giàu tình cảm, và vì giàu tình cảm nên làm cách mạng. Người mà cả dân tộc tôn làm vị Cha Già của mình phải có lòng thương mênh mông xúc động đến tâm can mọi người".

Ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, yêu nước luôn luôn gắn với yêu dân, lãnh đạo luôn luôn gắn với dân chủ. Đối với Người, điều đó đã trở thành như một lẽ sống tự nhiên, không thể nào khác được. Phẩm chất đó không chỉ thể hiện trong những thời kỳ Người hoạt động cách mạng bí mật mà đến cả sau này khi đã trở thành Chủ tịch nước Việt Nam trong suốt một phần tư thế kỷ; phẩm chất đó ngày càng ngời sáng như vàng càng luyện càng trong. Ngày nay nghe lại những lời nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh về bản chất của Nhà nước ta cách đây 45 năm, sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, chúng ta cảm thấy thấm thía xiết bao những lời dạy sâu sắc đó trước tình hình đất nước ta hiện nay: "Chúng ta phải hiểu rằng các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng đều là đầy tớ của dân. Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm, việc gì hại cho dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân thì dân mới yêu ta, kính ta"[1].

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ mục đích cao nhất của chính quyền là "mưu hạnh phúc cho dân", vì "nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì". Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm đến việc xây dựng con người mới: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa", "Vì sự nghiệp mười năm, phải trồng cây, vì sự nghiệp trăm năm, phải trồng người".

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc nêu gương những "người tốt, việc tốt" bình thường hàng ngày nẩy nở ở mọi lứa tuổi, mọi mặt hoạt động xã hội trên khắp đất nước ta. Người chăm lo, vun tưới cho những bông hoa tươi đẹp đó.

1. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960.

Chủ tịch Hồ Chí Minh tin vào năng lực sáng tạo to lớn của nhân dân:

"Còn non, còn nước, còn người,
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay".

Trong *Di chúc* Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn những việc phải làm sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hoàn toàn thắng lợi: "Đầu tiên là công việc đối với con người".

Đó là những thương binh, gia đình liệt sĩ, thanh niên xung phong, phụ nữ, nông dân... Những nạn nhân của chế độ xã hội cũ cũng cần quan tâm cải tạo thành người lương thiện.

Những ý nghĩ cuối cùng của Người cũng dành cho nhân dân. "Công việc trên đây là rất to lớn, nặng nề, và phức tạp; mà cũng là rất vẻ vang. Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi. Để giành lấy những thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này, cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân". Tâm hồn, tư tưởng, đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện tầm vóc cao đẹp của một danh nhân văn hoá. Nếu như về mặt giác ngộ lý tưởng cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rằng Người đã đi từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa xã hội thì cũng có thể nói rằng về mặt văn hoá, Người đã đi từ văn hoá dân tộc đến tiếp nhận văn hoá thế giới.

Trên cơ sở tinh hoa và bản sắc văn hoá của dân tộc Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu những tư tưởng, văn hoá tiến bộ của các nước phương Đông và phương Tây.

Có thể xem đây là một mẫu mực điển hình của một sự hoà nhập văn hoá (acculturation) làm phong phú thêm văn hoá Việt Nam kết tinh trong Chủ tịch Hồ Chí Minh với những phong cách riêng biệt của Người về nói và viết văn, viết báo, làm thơ, ứng xử, ngoại giao, đạo đức, gần gũi với nhân dân, với thiên nhiên.

Điều đó đã được nhiều nhà nghiên cứu nước ngoài nhận xét tinh tế. Cuối năm 1923, có dịp làm quen với Nguyễn Ái Quốc mới từ Pháp đến Mátxcơva, nhà thơ Xô viết Ôxip Mandenxtam linh cảm thấy rằng từ người chiến sĩ cách mạng Việt Nam trẻ tuổi ấy "toả ra một thứ văn hoá,

không phải văn hoá châu Âu mà có lẽ là một nền văn hoá tương lai". I. Vasiliev, nhà nghiên cứu Tiệp Khắc rất am hiểu văn hoá, ngôn ngữ Việt Nam trong bài viết "Di chúc của Hồ Chí Minh" nhận xét: "Hiếm có nhà chính khách nào của thế kỷ XX có thể sánh với Hồ Chí Minh về trình độ học vấn, tầm hiểu biết rộng lớn và sự thông minh trong cuộc đời". David Halberstam, nhà nghiên cứu Mỹ, nhận xét trong tác phẩm viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Trong cuộc đời của mình, chẳng những Hồ Chí Minh đã giải phóng đất nước của ông và làm thay đổi quá trình diễn biến của chế độ thuộc địa ở châu Phi và châu Á, mà ông còn thực hiện một điều đáng chú ý hơn là tác động vào văn hoá và tâm hồn kẻ thù của mình"[1].

Thật vậy, cả một thế hệ thanh niên Mỹ cuối những năm 60 và đầu thập kỷ 70 đã đánh giá lại những giá trị truyền thống về sức mạnh và văn minh của Mỹ, đã biểu tình chống chiến tranh xâm lược Việt Nam và hô vang: "Hồ, Hồ, Hồ Chí Minh".

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi vào lịch sử. Nhưng những tư tưởng của Người vẫn luôn luôn mới trong thời đại ngày nay, vẫn luôn luôn phù hợp với những giá trị nhân văn cơ bản của loài người.

Kỷ niệm về Người không bao giờ là một lễ nghi, càng không phải là một sự sùng bái, mà là một dịp để suy tư theo dòng mạch suy tư của Người, để rồi hành động theo gương những hành động của Người. Tất cả những cái đó không nhằm mục đích nào khác:

Vì độc lập, tự do của các dân tộc.

Vì hạnh phúc của nhân loại.

1. David Halberstam: sđd, tr.118.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH SOI SÁNG CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG VIỆT NAM*

GS. ĐẶNG XUÂN KỲ

Trong những văn kiện được Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng thông qua, chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đã được khẳng định là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta. "Cái mới ở đây là cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng ta nêu cao tư tưởng Hồ Chí Minh" (Báo cáo chính trị) - vũ khí tinh thần trong cuộc đấu tranh giành độc lập hoàn toàn cho dân tộc và mở đường cho đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đặt vấn đề như vậy không phải là đặt ngang bằng tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin, càng không phải lấy tư tưởng Hồ Chí Minh thay thế cho chủ nghĩa Mác - Lênin như có người đã nghĩ.

Trước sự đổ vỡ của các nước Đông Âu và Liên Xô (trước đây) từ cuối năm 1989 đến nay, nhiều người đã hoài nghi về sự đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin, về những giá trị mà chủ nghĩa Mác - Lênin đã mang lại. Từ quan điểm lịch sử và phát triển, chúng ta hiểu rằng chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết mang tính khoa học sâu sắc và tính cách mạng triệt để nhất. Nó đã khám phá ra những quy luật vận động và phát triển của xã hội loài người. Nó đã vạch ra những nguyên tắc lý luận và phương pháp luận đúng đắn để giải thích và cải tạo thế giới, đặc biệt là cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, các dân tộc bị áp bức và cả nhân loại để giải phóng khỏi mọi áp bức, bóc lột, bất công, nhằm xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn. Là cách mạng, nó chống mọi thứ bảo thủ, trì trệ, giáo điều, đòi hỏi phải không ngừng đổi mới và sáng tạo. Là khoa học nó không nêu ra những chân lý tuyệt đối, cuối cùng, mà yêu

---

* Báo *Nhân dân*, ngày 14-15 tháng 5 năm 1992.

cầu lý luận phải được vận dụng một cách sáng tạo, hơn nữa phải được bổ sung, phát triển cùng với sự vận động của thực tiễn. Vì vậy chủ nghĩa Mác - Lênin mãi mãi đứng ở đỉnh cao trong kho tàng tư tưởng của nhân loại. Phải chăng không ít học giả trên thế giới, kể cả các nước phương Tây, từ nửa cuối thế kỷ XIX đến nay vẫn thừa nhận điều đó. Giữa những năm 80, nhà kinh tế học Mỹ Paul A. Samuelson vẫn khẳng định C. Mác là một trong những người đã thực hiện một cuộc cách mạng trong kinh tế học. Đến cuối năm 1991, khi ở Liên Xô (trước đây) có những nhà chính trị, những nhà khoa học đã đi theo học thuyết của Mác trong gần cả cuộc đời nhưng đã phản bội lại và phủ định học thuyết ấy, thì Xtêphan Mácghin, giáo sư kinh tế Trường đại học Havớt của Mỹ vẫn đánh giá: "Bằng sự phân tích có tính chất phê phán, C. Mác, một nhà nghiên cứu vĩ đại, đã góp phần xác định chương trình nghị sự của thời đại. C. Mác vẫn đang tác động đến những tư duy hiện đại về lịch sử và kinh tế... Tuy C. Mác chưa đánh giá được đầy đủ khả năng tự thay đổi của hệ thống tư bản chủ nghĩa, nhưng nhìn chung những quan điểm của C. Mác vẫn có sức mạnh hết sức to lớn. Trong thế kỷ tới, những quan điểm của C. Mác vẫn giữ được sức mạnh đó" (Ba bài viết về C. Mác đăng trong "Nhật báo phố Uôn" Wall street journal - đầu tháng 12 năm 1991).

Đối với Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, Người suốt đời coi mình là học trò của Mác - Lênin. Người đã tìm thấy ở chủ nghĩa Mác - Lênin con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam. Nắm bắt được cái "hồn" của chủ nghĩa Mác - Lênin, với sự sống động chứ không phải những câu chữ chết cứng, Người đã vận dụng một cách sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong những điều kiện lịch sử - cụ thể của Việt Nam, gắn liền với bối cảnh quốc tế trong những thời kỳ khác nhau và đã đưa cuộc đấu tranh của dân tộc Việt Nam đến những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử to lớn.

Nếu nhìn một cách tổng quát thì tư tưởng Hồ Chí Minh xuất phát từ ba nguồn gốc sau đây: 1 - Chủ nghĩa Mác - Lênin; 2 - Những tư tưởng truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam; 3 - Những tinh hoa tư tưởng của nhân loại.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh đã chứa đựng tất cả những gì tinh tuý nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin, cần cho dân tộc Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh kế thừa và phát huy cao nhất những tư tưởng truyền thống tốt đẹp của dân tộc, làm cho mỗi người Việt Nam đều thấy gần gũi dễ hiểu.

Hơn nữa, nó còn tiếp thụ được những tinh hoa của các nền văn hoá phương Đông cũng như phương Tây từ xưa đến nay, khiến cho bạn bè gần xa và những người tiến bộ trên toàn thế giới đều hết lòng trân trọng. Trong ba nguồn gốc ấy, chủ nghĩa Mác - Lênin là cái cốt lõi nhất đã đem lại cho tư tưởng Hồ Chí Minh cái bản chất cách mạng và khoa học. Thông qua tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta lại càng hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin nhiều hơn, đúng đắn hơn. Cũng thông qua tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta lại càng yêu mến tình hữu nghị giữa các dân tộc, nền văn hoá các nước. Xuất phát từ ba nguồn gốc ấy và từ kinh nghiệm hoạt động thực tiễn trong phong trào yêu nước, phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân và phong trào cộng sản quốc tế, bằng thiên tài trí tuệ của mình, Hồ Chí Minh đã xác lập một hệ thống những luận điểm hết sức quan trọng để giải quyết thắng lợi những vấn đề của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới. Chính vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành tài sản vô giá của dân tộc ta, đồng thời là sự đóng góp xứng đáng vào kho tàng chung của chủ nghĩa Mác - Lênin, của tư tưởng và văn hoá nhân loại trong sự vận động và phát triển không ngừng lên phía trước. Từ trước đến nay, đã có nhiều người khẳng định giá trị phổ quát của tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là những đánh giá của UNESCO, của nhiều nhà hoạt động kinh tế, xã hội và khoa học trong dịp kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Người, như là "một trong những lãnh tụ có ảnh hưởng nhiều nhất đến các dân tộc ở thế kỷ XX", "một trong những vĩ nhân mà những sự kiện đã để lại những dấu ấn trong quá trình phát triển của nhân loại".

Từ trước đến nay, Đảng ta vẫn lấy tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh để giáo dục cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Từ nay trở đi, chúng ta nhận thức sâu sắc rằng tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin phải là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta, đồng thời giữ vị trí chỉ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội ta.

Xây dựng một ngôi nhà cần có nền móng vững chắc thì nhà mới không đổ. Con tàu đi biển thì phải có kim chỉ nam thì tàu mới không lạc hướng. Tất nhiên, chúng ta hiểu rằng không phải chỉ có nền móng là đã có ngôi nhà, không phải chỉ có kim chỉ nam là con tàu tự nhiên đến bờ đến bến. Từ cái nền tảng và kim chỉ nam là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta xây dựng đất nước, đưa cả nước quá độ lên

chủ nghĩa xã hội bằng sức lực và trí tuệ của nhiều thế hệ nối tiếp nhau, để cho con tàu của chúng ta vượt qua muôn trùng bão tố mà vẫn đúng hướng, để ngôi nhà chúng ta xây dựng càng cao, càng đẹp mà vẫn vững vàng. Có ý kiến e ngại rằng nói chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng, như vậy có cứng quá không? Có còn bổ sung và phát triển được không? Chính Mác, Ăngghen, Lênin, đã giải đáp vấn đề đó. Các ông đã từng tuyên bố lý luận của các ông "không phải là giáo điều, mà là kim chỉ nam cho hành động"; đó là "lý luận của sự phát triển", mà "tất cả những gì đang phát triển đều là chưa hoàn thiện". Các ông không muốn đưa ra "những quyết định in sẵn cho tất cả mọi thời kỳ sắp đến", hoặc "kê những công thức nấu nướng... cho các tiệm ăn của tương lai". Như các ông mong muốn, lý luận của các ông "chỉ đặt nền móng cho môn khoa học, mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt".

Chính Hồ Chí Minh đã tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lênin trên tinh thần đó, và Người cũng đòi hỏi chúng ta phải quán triệt tinh thần đó trong tư tưởng, hành động cũng như trong công tác lý luận của Đảng. Với tinh thần đó, Cương lĩnh và Báo cáo chính trị được trình bày ở Đại hội VII đã nhấn mạnh chúng ta phải nắm vững, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới hiện nay. Cũng phải nói rằng chỉ có đứng vững trên cái nền tảng đó, nắm chắc cái kim chỉ nam đó thì mới có thể có được sự bổ sung và phát triển đúng đắn.

Vậy tư tưởng Hồ Chí Minh là gì? Đó là câu hỏi mà nhiều người đang đặt ra.

Thực ra câu hỏi ấy đã được giải đáp qua nhiều bài viết của các đồng chí lãnh đạo của Đảng ta từ trước tới nay, cũng như qua hồi ký của nhiều cán bộ lão thành cách mạng đã viết về Người. Chúng ta có thể tìm thấy nhiều điều lý giải về tư tưởng Hồ Chí Minh trong những công trình nghiên cứu của các nhà khoa học, trí thức, văn nghệ sĩ đã được công bố trong mấy chục năm qua. Chúng ta còn tìm thấy câu trả lời về tư tưởng Hồ Chí Minh trong những nhận xét, đánh giá của rất nhiều người nước ngoài, từ những nguyên thủ quốc gia, những nhà hoạt động chính trị, xã hội, khoa học đến những người bình thường nói về Hồ Chí Minh. Và phải chăng mỗi người Việt Nam ở bất cứ lứa tuổi nào dù ở miền xuôi hay miền

ngược, ngoài Bắc hay trong Nam, ai mà không nhớ được ít nhiều điều về tư tưởng Hồ Chí Minh, thông qua những lời dạy bảo đơn giản nhưng vô cùng sâu sắc mà Người đã để lại, để định hướng cho suy nghĩ và hành động của chính mình?

Đương nhiên muốn hiểu cho hết được nội dung, tầm vóc, quy mô và sức sống của tư tưởng Hồ Chí Minh - một con người mà, như có người nước ngoài đánh giá, "cuộc đời càng lui dần vào quá khứ thì tư tưởng lại càng được khẳng định, càng toả sáng trên con đường đi tới của dân tộc, của xã hội và con người", - đòi hỏi công sức nghiên cứu công phu của nhiều người, với sự suy ngẫm, tìm tòi, khám phá ngày càng đầy đủ hơn. Đây thật sự là công việc rộng lớn, lâu dài.

Nếu nói một cách khái quát thì tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống những luận điểm về cách mạng Việt Nam, gắn liền với những biến động của thế giới trong thế kỷ thứ XX này - từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, trên tất cả các lĩnh vực, có quan hệ đến đời sống của giai cấp và dân tộc, xã hội và con người, quốc gia và quốc tế. Tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện không chỉ ở trong những tác phẩm, những bài nói, bài viết như vẫn thường thấy ở nhiều nhà tư tưởng khác, mà còn thông qua những hoạt động vô cùng phong phú của một con người đã sống cả "một cuộc đời oanh liệt và cao thượng, đầy gian khổ hy sinh, vô cùng trong sáng và đẹp đẽ".

Nếu đề cập tư tưởng Hồ Chí Minh ở những nội dung chủ yếu nhất, thì trước hết đó là *quan niệm về lý tưởng, mục tiêu cao đẹp của cuộc sống con người.* Lý tưởng, mục tiêu đó là độc lập cho đất nước, tự do, hạnh phúc cho nhân dân và phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng ấy phải trở thành một hoài bão mãnh liệt, một niềm say mê tột độ. Điều đó đã được cô đọng trong một câu nói ngắn gọn: "Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành".

Người đã tìm thấy ở chủ nghĩa Mác - Lênin lời giải đáp cho việc thực hiện mục tiêu, lý tưởng đó, bởi vì chủ nghĩa Mác - Lênin là "học thuyết đúng đắn nhất, cách mạng nhất", "đó là cái cần thiết cho chúng ta, là con đường giải phóng chúng ta". Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, Người đã đề ra đường lối đúng đắn cho cách mạng Việt Nam. Người đã đưa ra những luận điểm quan trọng: "không có gì quý hơn độc lập, tự do";

"con đường cứu nước duy nhất đúng đắn là con đường cách mạng vô sản; cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân phải tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, sự nghiệp giải phóng dân tộc gắn liền với sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

Đó là những luận điểm nổi tiếng về cách mạng thuộc địa: bằng hình ảnh "con đỉa hai vòi" để chỉ rõ tội ác của chủ nghĩa thực dân đối với dân tộc thuộc địa và nhân dân ở chính quốc, bằng hình ảnh "con chim hai cánh" để nói lên mối liên hệ giữa cách mạng ở chính quốc với cách mạng ở thuộc địa. Đặc biệt, Người đã phát hiện khả năng to lớn của các dân tộc thuộc địa và đã nêu ra tính chủ động của cách mạng thuộc địa về khả năng cách mạng thuộc địa có thể giành được thắng lợi trước cách mạng ở chính quốc, "để trở lại giúp cho những người anh em vô sản ở chính quốc". Đó là điều mà Mác - Lênin trước kia chưa có điều kiện để thấy được.

Từ một góc độ nhất định, có thể nói rằng nếu Mác - Ăngghen đã đi sâu nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản nói chung, Lênin đã đi sâu nghiên cứu chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, thì Nguyễn Ái Quốc đã nghiên cứu một cách sâu sắc và đầy đủ nhất về chủ nghĩa thực dân ở thời kỳ sau Cách mạng Tháng Mười. Người là tác giả đã viết "Bản án chế độ thực dân" và đã lãnh đạo cả một dân tộc thi hành bản án đó, mở đường cho sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ và làm cho chủ nghĩa thực dân mới lần đầu tiên bị thất bại ở Việt Nam. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh đã được thế giới thừa nhận là "Người khởi xướng cho phong trào giải phóng dân tộc ở thế kỷ XX", "một trong những động lực đầu tiên của phong trào chống thực dân ở châu Á thời kỳ sau Chiến tranh thế giới thứ hai", người đầu tiên được UNESCO suy tôn là "anh hùng giải phóng dân tộc".

Đó là *những luận điểm về Đảng Cộng sản Việt Nam,* một đảng xứng đáng với sứ mệnh to lớn lãnh đạo giai cấp và dân tộc để giành độc lập tự do và xây dựng xã hội mới xã hội chủ nghĩa. Nếu Lênin mới chỉ nói Đảng Cộng sản là sản phẩm kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân, thì Hồ Chí Minh, xuất phát từ hoàn cảnh nước Việt Nam vốn là thuộc địa nửa phong kiến lại đi đến một kết luận mới: *đó là sản phẩm kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của dân tộc.* Hồ Chí Minh đã từ chủ nghĩa yêu nước đi đến với chủ nghĩa

Mác - Lênin, thông qua phong trào công nhân Việt Nam, phong trào giải phóng dân tộc, và phong trào công nhân quốc tế. Tư tưởng đó của Hồ Chí Minh đã soi sáng cho nhiều người Việt Nam yêu nước đi con đường Người đã đi, để xây dựng nên Đảng Cộng sản Việt Nam, kết hợp đúng đắn vấn đề giai cấp với vấn đề dân tộc, vấn đề dân tộc với vấn đề quốc tế, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân. Tư tưởng đó của Người đã làm cho Đảng mà Người sáng lập và rèn luyện, hoàn toàn xa lạ với chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, khuynh hướng coi nhẹ vấn đề dân tộc và những lệch lạc sai lầm khác như đã có trong phong trào cách mạng, phong trào công nhân ở một số nơi.

Đảng Cộng sản, như quan điểm của Hồ Chí Minh, là Đảng của giai cấp công nhân, nó đại biểu lợi ích không phải chỉ của giai cấp công nhân mà còn của cả dân tộc. Nó phải tiêu biểu cho trí tuệ, lương tâm, danh dự của cả giai cấp và dân tộc. "Đảng là đạo đức, là văn minh", phải "vừa là người lãnh đạo, lại vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân". Với ý nghĩa ấy, có thể nói Đảng là đảng của cả dân tộc và được các tầng lớp nhân dân trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam thừa nhận. Đó là điều không phải bất cứ một Đảng Cộng sản nào cũng có được một cách dễ dàng.

Hồ Chí Minh đã có nhiều đóng góp làm phong phú thêm học thuyết Mác - Lênin về Đảng Cộng sản. Người đặc biệt quan tâm đến vấn đề xây dựng Đảng, khi Đảng đã trở thành đảng cầm quyền, để đường lối của Đảng được đúng đắn, tư tưởng của Đảng được vững vàng, tổ chức của Đảng được chặt chẽ. Người đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải không ngừng học tập, phấn đấu, rèn luyện, tu dưỡng, nâng cao năng lực, phẩm chất để hoàn thành những nhiệm vụ ngày càng nặng nề hơn, khó khăn hơn, đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao hơn của sự nghiệp cách mạng. Nếu Lênin đã nêu ra khẩu hiệu "học, học nữa, học mãi", thì Hồ Chí Minh lại đòi hỏi "học để làm việc, học để làm người, học để làm cán bộ", mà cán bộ là đày tớ của nhân dân chứ không phải "quan nhân dân". Nếu làm việc không tốt, làm người không tốt thì không thể xứng đáng là người cán bộ, đảng viên, nhân dân sẽ không còn tin cậy nữa "không phải ta cứ viết lên trán hai chữ "cộng sản" là tự nhiên được mọi người yêu mến" - tư tưởng đó của Hồ Chí Minh đã bắt gặp một luận điểm rất quan trọng của Lênin là đối với người cán bộ, đảng viên thì "cái chết về đạo đức nhất định sẽ dẫn đến cái chết về chính trị".

Lênin đã nói đến ba thứ bệnh - kiêu ngạo cộng sản, dốt nát, quan liêu - sẽ đưa đến nguy cơ cho một đảng cầm quyền. Hồ Chí Minh đã nói đến việc phải chống chủ nghĩa cá nhân là thứ "giặc nội xâm", "giặc ở trong lòng" - nguồn gốc của ba thứ tệ nạn khá phổ biến là tham ô, lãng phí, quan liêu và nhiều thứ bệnh khác như óc địa phương, bè phái, hẹp hòi, ích kỷ, hủ hoá, kiêu ngạo tự mãn, địa vị công thần, lười biếng, v.v... Trong điều kiện Đảng cầm quyền, phải thường xuyên chống những tệ nạn ấy, làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, luôn luôn gắn bó máu thịt với nhân dân, để nhân dân thấy cán bộ, đảng viên là những tấm gương mẫu mực của người công dân, người lãnh đạo, là những người thuộc về nhân dân chứ không phải xa lạ với nhân dân. Có như vậy, nhân dân sẽ là nguồn lực vô tận để thực hiện mọi đường lối chủ trương mà Đảng đề ra; đó cũng là nguồn lực vô tận để xây dựng Đảng, bảo vệ Đảng một cách vững chắc nhất.

Hồ Chí Minh đã luôn luôn nhấn mạnh phải thực hiện thật đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ về tổ chức, nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách trong công tác lãnh đạo, nguyên tắc tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt và phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong toàn Đảng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối quan điểm của Đảng. Làm được như vậy là làm cho Đảng vững mạnh, xứng đáng là lực lượng chính trị tiên phong lãnh đạo toàn xã hội.

Một phần rất quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh là *những luận điểm về một nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế kém phát triển, nông nghiệp lạc hậu, chưa qua chủ nghĩa tư bản.* Những luận điểm ấy lại được đề ra trong một hoàn cảnh rất đặc biệt, trên một đất nước đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng suốt 20 năm - tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam - một đất nước vừa có chiến tranh vừa có hoà bình, vừa tiến hành chiến tranh giải phóng lại vừa tiến hành chiến tranh bảo vệ đất nước. Có thể coi đây là một cuộc khai phá chưa hề có tiền lệ trong lịch sử.

Chủ nghĩa xã hội là gì? Để mọi người Việt Nam có thể hiểu được, Người chỉ nêu ngắn gọn "nói một cách tóm tắt, mộc mạc, chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm sao cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống cuộc đời hạnh phúc;

chủ nghĩa xã hội là nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, và do nhân dân tự xây dựng lấy". "Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động thì được nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xoá bỏ". Quan điểm ấy đã định hướng cho mọi chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, và một chủ nghĩa xã hội như vậy là đầy sức hấp dẫn đối với nhân dân Việt Nam, ai cũng muốn phấn đấu cho sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội như Hồ Chí Minh đã nói. Phải chăng chính vì thế mà, trong khi có sự sụp đổ của nhiều nước vốn là xã hội chủ nghĩa, thì vẫn có nhiều người vẫn hoàn toàn chấp nhận quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội. Có người nước ngoài đã nhận định: "Hồ Chí Minh là một nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa sáng tạo vĩ đại và là một người hành động. Chủ nghĩa xã hội của Người không bè phái, cũng không giáo điều, mà rất nhân đạo và nhân loại".

Xác định rõ đặc điểm của nước ta, Người đã chỉ ra con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là con đường phấn đấu lâu dài gian khổ, đi từ thấp đến cao, không thể có được tất cả ngay một lúc. Phải dựa vào tinh thần tự lực tự cường, vào sức mạnh của toàn dân, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ của quốc tế, để tiến hành sự nghiệp to lớn đó.

Để xây dựng một xã hội mới, Hồ Chí Minh đã đề cập hàng loạt vấn đề, từ quan hệ sản xuất đến lực lượng sản xuất, từ kiến trúc thượng tầng đến cơ sở hạ tầng; có thể nói mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và con người đều không nằm ngoài sự quan tâm của Người. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã được thể hiện trong các cuộc vận động lớn của toàn dân, của từng ngành, từng tầng lớp xã hội mà chính Người đã phát động.

Khi chính quyền cách mạng còn non trẻ, Người đã đề ra việc "chống giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm". Khi kháng chiến chống thực dân xâm lược, Người nêu phong trào "vừa kháng chiến, vừa kiến quốc", "Tấc đất, tấc vàng", "Mỗi người làm việc bằng hai vì đồng bào miền Nam ruột thịt". Trong xây dựng kinh tế thì đó là tư tưởng đẩy mạnh sản xuất đi đôi với thực hành tiết kiệm, cải tiến quản lý gắn với cải tiến kỹ thuật, làm ăn phải biết tính toán đồng tiền, đầu ra, đầu vào cho có lãi; phải thực hiện ba xây, ba chống; đó là tư tưởng về định canh

định cư, khai hoang phục hoá, trồng cây gây rừng, v.v... Theo tư tưởng của Người, đã xuất hiện phong trào "ba sẵn sàng" trong thanh niên, "ba đảm đang" trong phụ nữ. "Làm nghìn việc tốt" trong thiếu niên, nhi đồng, "dạy tốt, học tốt" trong giáo dục, "thầy thuốc như mẹ hiền" trong y tế, v.v... Người đã đưa ra những quan điểm rất cơ bản về một Nhà nước kiểu mới của dân, do dân và vì dân, về hiến pháp, pháp luật, quyền và nghĩa vụ công dân, về thực hiện dân chủ trong xã hội. Đặc biệt vấn đề xây dựng một nền đạo đức mới, những con người mới - vấn đề trồng người vì sự nghiệp lâu dài của đất nước và dân tộc, đã chiếm một phần rất quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội.

Có thể nói về tư tưởng Hồ Chí Minh trên nhiều lĩnh vực khác nữa. Đó là tư tưởng quân sự của Hồ Chí Minh, mà nhiều người gọi là học thuyết của Hồ Chí Minh về chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân. Đó là tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết - đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, xây dựng Mặt trận thống nhất rộng rãi trong cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, cho hoà bình thế giới và cho tình hữu nghị giữa các dân tộc. Đó là tư tưởng nhân văn của Hồ Chí Minh - không phải chỉ là tình yêu thương con người, phấn đấu để giải phóng con người, mà còn là lòng tin ở con người, luôn luôn đặt con người ở vị trí trung tâm, động lực chủ yếu của sự vận động lịch sử, chủ thể xây dựng xã hội tương lai tốt đẹp hơn. Chính vì vậy mà không ít người coi là đã có một chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh trong kho tàng văn hoá văn minh nhân loại.

Trong cuộc đời hoạt động của mình, Hồ Chí Minh còn là một chiến sĩ lỗi lạc của phong trào giải phóng dân tộc, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Người đã tham gia sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa, Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở châu Á, tham gia Ban chấp hành Quốc tế Nông dân và một số tổ chức quốc tế khác. Người còn tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, và có thời gian đã hoạt động trong Đảng Cộng sản Trung Quốc. Người đã giữ cương vị đứng đầu Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà trong 24 năm liền. Những tư tưởng của Người còn đề cập rất nhiều vấn đề của phong trào cách mạng thế giới và của thời đại. Đánh giá những cống hiến to lớn của Hồ Chí Minh, tiến sĩ M. Atmét, Giám đốc UNESCO khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đã phát biểu

trong dịp kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh Hồ Chí Minh: "Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ, mà là một nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này".

Tư tưởng Hồ Chí Minh đã soi sáng con đường cách mạng Việt Nam từ những năm 20 của thế kỷ XX và đang soi sáng con đường đổi mới hôm nay của Đảng và nhân dân ta. Tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn đang sống trong cuộc đấu tranh của nhân loại vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI HÔM NAY*

GS. VŨ KHIÊU

Đổi mới là xu thế tất yếu của cuộc sống. Ngay từ năm 1927, Hồ Chí Minh đã nói: "*Cách mạng là phá cái cũ, đổi ra cái mới, phá cái xấu, đổi ra cái tốt" (Đường Kách mệnh)...* Và: "*Trong thế giới, cái gì cũng biến hoá. Tư tưởng của người ta cũng biến hoá".* Người luôn luôn ủng hộ cái mới, sự suy nghĩ cầu tiến bộ, đồng thời phê phán những đầu óc bảo thủ: "*Trước làm thế nào, sau cứ làm thế. Không chịu nghĩ ra cái mới. Nghĩ đến cái mới là ngại... Xã hội bây giờ ngày một phát triển, tư tưởng hành động cũng phải phát triển"... "Nếu cứ giữ nguyên cái nếp cũ, không thay đổi, là không đi đến đâu cả"*[1].

Thực hiện chính sách đổi mới của Đảng được đặt ra từ Đại hội VI đến nay, đời sống kinh tế và xã hội đã có những thành tựu đáng mừng.

Nền kinh tế hàng hoá đang có những tác động mạnh mẽ đến ý thức và hành vi đạo đức trong nhân dân. Nghề buôn bán không còn bị coi thường như trước đây. Đó là một trong những nhân tố tích cực thúc đẩy sự phát triển của kinh tế và đời sống xã hội, nhưng nó cũng đồng thời tạo tiền đề nảy sinh những tiêu cực về mặt đạo đức.

Gắn liền lợi ích cá nhân với lợi ích xã hội, chống chủ nghĩa bình quân, khuyến khích lợi ích vật chất, bảo vệ sự hưởng thụ chính đáng của những người đóng góp tích cực cho xã hội là một điều chính đáng, hợp với quy luật phát triển của đất nước. Nhưng làm giàu một cách bất chính, làm hại đến lợi ích của xã hội và nhân dân, và làm giàu bằng bất cứ giá nào, thì lại là những hiện tượng không thể chấp nhận về mặt đạo đức.

---

* Trích trong cuốn: *Báo cáo khoa học* tại Viện Mác- Lênin, 1995.

1. *Về đạo đức*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.99.

Đáng chú ý trong hoàn cảnh nói trên, sự biến chất của một số cán bộ đảng viên đang làm giảm sút uy tín của Đảng, của Nhà nước, và đang nêu những tấm gương xấu trong nhân dân. Chính lúc này, chúng ta càng thấy rõ vai trò đạo đức, càng thấm thía những lời dạy bảo của Bác Hồ bao nhiêu năm trước.

Từ lâu, Hồ Chí Minh đã dự báo trước những bệnh tật mà cán bộ ta mắc phải khi Đảng đã trở thành Đảng cầm quyền.

Ngay khi chính quyền còn trong trứng nước, Người đã nhắc nhở đến tác hại của bệnh tham ô, lãng phí, quan liêu mà Người dự đoán sẽ nảy sinh trong bộ máy hành chính. Người coi "*nó là kẻ thù khá nguy hiểm. Vì nó không mang gươm súng mà nó nằm trong các tổ chức của ta để làm hỏng công việc của ta*".

Người nhiều lần nói về những bệnh tật mà thực tế đời sống xã hội lúc đó chưa xảy ra. Người đặt vấn đề chống lãng phí ngay từ khi tài sản quốc gia còn chưa có bao nhiêu để lãng phí.

Về *chống quan liêu.* Người đã nhấn mạnh tinh thần dân chủ ngay trong "*Đường Kách mệnh*". Đối với Hồ Chí Minh, cách mạng thành công hay thất bại, phụ thuộc vào điều Đảng có thực sự phát huy được sức mạnh vô tận từ trong nhân dân hay không. Tư tưởng này suốt mấy chục năm quán triệt trong lời nói và việc làm của Hồ Chí Minh. Khi Người nói lên sức mạnh của dân chủ và tệ hại của chủ nghĩa quan liêu, Người thường lên án những "*ông quan cách mạng*" và luôn luôn tự xác định là "*người đầy tớ của nhân dân*" là "*người lính vâng lệnh quốc dân ra mặt trận*".

Người kiên quyết *chống tham ô,* không chỉ bằng những lời răn dạy. Chúng ta đều được biết: trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã y án tử hình đối với một cán bộ cao cấp phạm tội tham ô. Việc ấy cho thấy tính chất cực kỳ quyết liệt trong cuộc đấu tranh chống "*giặc nội xâm*" và cho đến nay vẫn còn như một điển hình mẫu mực về sự xử lý nghiêm minh và làm gương cho chúng ta trong cuộc đấu tranh hiện nay nhằm bài trừ những tệ nạn tham nhũng, hối lộ, đầu cơ, buôn lậu, nhất là khi chúng đã trở thành quốc nạn.

Hồ Chí Minh luôn nhìn thấy trước. Người đã sớm khởi xướng và kiên trì cuộc đấu tranh *chống chủ nghĩa cá nhân* trong mọi thời điểm của cách mạng. Người đã nhấn mạnh tính chất nguy hiểm, độc hại của chủ nghĩa

cá nhân trong thời kỳ hoà bình xây dựng: *"Việc đấu tranh với kẻ địch ở tiền tuyến còn dễ, nhưng việc đấu tranh với kẻ địch trong người, trong nội bộ, trong tinh thần, là một khó khăn đau xót"*[1].

Ngay từ năm 1954, Người đã nghiêm khắc phê phán nhằm ngăn chặn hiện tượng thoái hoá trong cán bộ: *"Thậm chí có một số cán bộ hủ hoá, làm hại đến danh dự của Đảng, của Chính phủ, của tất cả cán bộ. Đó là một điều thật đáng thương tâm".*[2] Và Người dạy: *"Bây giờ đây, hoàn cảnh đấu tranh không đòi hỏi lấy thân mình lấp lỗ châu mai nữa, nhưng người cán bộ đảng viên vẫn luôn luôn phải cố gắng rèn luyện"*[3].

Chủ nghĩa cá nhân là trở ngại lớn cho công việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhận rõ điều đó, nhân dân ta đang hàng ngày đấu tranh với mọi biểu hiện và nọc độc của chủ nghĩa cá nhân. Và những lời dạy của vị lãnh tụ kính yêu về chống chủ nghĩa cá nhân cách đây gần nửa thế kỷ vẫn còn nguyên giá trị như những bài học thiết thực đối với mỗi người chúng ta hôm nay.

Tiếp tục sự nghiệp của Người, nhân dân ta đang ra sức thực hiện những nhiệm vụ to lớn của công cuộc đổi mới đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đạt đến dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

1. Hồ Chí Minh và tinh thần liên tục bền bỉ trong chiến đấu cách mạng.

Sự nghiệp chiến đấu vĩ đại của dân tộc ta với tinh thần *"Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"* đã thôi thúc biết bao hành động anh hùng, mãi mãi tượng trưng cho đạo đức cao đẹp của giai cấp và dân tộc.

Lòng trung thành vô hạn đối với Đảng và Tổ quốc, tình cảm yêu thương nồng nàn đối với giai cấp và dân tộc là động lực bên trong của hành động *dũng cảm,* của khí phách anh hùng cách mạng không sợ khó, không sợ khổ, không sợ chết, quyết chiến và quyết thắng, vượt qua muôn vàn thử thách để đạt đến mục đích cuối cùng.

---

1. Hồ Chí Minh: *Về đạo đức,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội; 1993, tr.162.
2. Hồ Chí Minh: *Về đạo đức,* sdd, tr.101.
3. Hồ Chí Minh: *Về đạo đức,* sdd, tr.106.

Dũng cảm không phải là hành động gan dạ nhất thời hoặc do sự thúc đẩy của say mê mù quáng. Đó là bản lĩnh vững chắc của người cách mạng có thể vượt lên muôn vàn khó khăn, chiến thắng mọi kẻ thù, hoàn thành mọi nhiệm vụ, đi suốt con đường dài của cách mạng với một ý chí không gì lay chuyển nổi.

Tinh thần hy sinh dũng cảm, chủ nghĩa anh hùng cách mạng theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là những phẩm chất tốt đẹp của nhân dân ta được thể hiện rực rỡ trước mọi nhiệm vụ, mọi khó khăn, mọi kẻ thù trong bất cứ hoàn cảnh nào, trong kháng chiến trước đây và trong xây dựng hoà bình, ở ngày nay và cả mai sau.

Lịch sử cách mạng của dân tộc và thế giới đã để lại cho chúng ta những bài học vô cùng quý giá về tinh thần và ý chí chiến đấu. Đã từng có những chiến sĩ cách mạng kiên cường bất khuất trước mọi tra tấn dã man của quân thù nhưng lại ngã gục trước những viên đạn bọc đường, những cám dỗ về vật chất. Có những người chiến đấu rất vẻ vang trong thời kỳ kháng chiến nhưng lại thoái hoá biến chất trong thời kỳ kiến thiết hoà bình.

Hăng hái và dũng cảm nhất thời trong một số trường hợp nào đó chưa đủ để trở thành một người có đạo đức cách mạng. Ngược lại, âm thầm chiến đấu năm này qua năm khác trong lòng địch hoặc ở những nơi xa vắng không mấy ai biết tới, bình tĩnh tin tưởng ngay cả những khi bị hiểu lầm, không rời bỏ mục tiêu cuối cùng của cách mạng, trong không khí hoà bình, không nao núng trước mọi cám dỗ về vật chất, đó mới chính là tinh thần dũng cảm của những người cách mạng chân chính, những người làm chủ được bản thân mình.

2. Hồ Chí Minh và đạo đức trong lao động

Khi so sánh nhiệm vụ chiến đấu để đánh đổ chế độ cũ với nhiệm vụ lao động để xây dựng xã hội mới, Lênin nói: "Nhiệm vụ thứ hai này khó hơn nhiệm vụ thứ nhất, vì tuyệt nhiên không thể giải quyết được nhiệm vụ đó bằng một hành động anh hùng nhất thời, nhiệm vụ đó đòi hỏi phải có tinh thần dũng cảm lâu dài nhất, bền bỉ nhất, khó khăn nhất của công tác quần chúng hàng ngày".

Trong xã hội ta ngày nay, nhân dân lao động là chủ nhân của đất nước. Lao động không còn bị khinh rẻ và bị bóc lột như trước đây nữa. Lời dạy và việc làm của Hồ Chí Minh đã đưa lao động trở thành một phẩm

chất đạo đức hàng đầu của nhân dân ta. Lao động là nghĩa vụ đạo đức phải được thực hiện với tinh thần tự nguyện tự giác. Nhân dân lao động đã dần dần nhận thức được rằng họ chỉ có thể xây dựng đất nước trước hết bằng lao động chân tay và lao động trí óc của mình.

Ngày nay, được đãi ngộ xứng đáng và công bằng, được trả công theo lao động, được chăm lo về quyền lợi vật chất và tinh thần, nhân dân càng hiểu hơn ý nghĩa của lao động. Họ tin rằng lao động sẽ đem lại phồn vinh cho đất nước, hạnh phúc cho nhân dân trong đó có gia đình và bản thân mình. Họ được cổ vũ bằng tình cảm yêu quý lao động và hoài bão lớn lao về tương lai của Tổ quốc.

Tuy nhiên, trong thời kỳ bao cấp trước đây, lợi ích vật chất của người lao động không được quan tâm đúng mức. Vì thế, tinh thần lao động sút kém đi, năng suất không cao, kỷ luật lỏng lẻo, kỹ thuật lạc hậu, lao động không phát huy được nhân tố tích cực và tiềm năng lớn lao của nó.

Trong vòng mười năm qua, đường lối đổi mới của Đảng đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể: phát triển kinh tế, ổn định chính trị và xã hội, mở một triển vọng vô cùng lớn lao cho trí tuệ và tài năng của toàn thể nhân dân lao động.

Ngày nay, sự nghiệp *công nghiệp hoá và hiện đại hoá* lại đang đặt lên vai các tầng lớp công nhân, nông dân và trí thức một trách nhiệm lịch sử rất vẻ vang nhưng vô cùng nặng nề.

Nếu trong thời kỳ kháng chiến, đạo đức cách mạng trước hết là ở tinh thần chiến đấu kiên cường *"thà chết không chịu làm nô lệ"*, thì ngày nay đạo đức cách mạng phải thể hiện ở tinh thần lao động say mê và sáng tạo, quyết nhanh chóng thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Nếu trước đây sức mạnh thôi thúc ta là cái nhục của một đất nước bị kẻ thù dày xéo, thì ngày nay sức mạnh thôi thúc ta lại là cái nhục của một đất nước nghèo nàn và lạc hậu.

Ngày nay những lời dạy của Hồ Chí Minh về tăng gia sản xuất, về phát triển khoa học kỹ thuật, về *cần, kiệm, liêm, chính* càng có ý nghĩa.

3. Hồ Chí Minh và trách nhiệm đạo đức trong học tập

Học tập là một nghĩa vụ gắn liền với nghĩa vụ chiến đấu và lao động. Học tập cũng chính là công cuộc chiến đấu và lao động hướng vào bản

thân, nhằm chiến thắng sự dốt nát, chiến thắng những tư tưởng và thành kiến sai lầm, khắc phục những phương pháp chủ quan bảo thủ, nhằm nâng cao trình độ hiểu biết, mở rộng tầm tư tưởng, bồi dưỡng trí tuệ phẩm chất, phát triển toàn diện con người.

Đứng trước những yêu cầu của công nghiệp hoá và hiện đại hoá, của sự nghiệp xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, việc học tập trở thành một nghĩa vụ đạo đức đáng coi trọng nhất.

Người cộng sản là một người theo đuổi một lý tưởng cao đẹp và đem hết nhiệt tình của mình phấn đấu cho lý tưởng đó. Nhưng tình cảm và cách mạng phải đi liền với khoa học cách mạng, nhiệt tình cách mạng phải gắn với năng lực cách mạng ngày càng cao.

Bản thân tư tưởng khoa học cách mạng do Mác, Ăngghen và Lênin xây dựng cũng là thâu hái và đúc kết toàn bộ tri thức của loài người. Đường lối cách mạng của Đảng ta là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn nước ta, để định ra chiến lược và chiến thuật với một trình độ khoa học cao nhất. Vì thế, nếu chỉ có nhiệt tình cách mạng thôi thì không thể nắm bắt được chủ nghĩa Mác, không thể thấu suốt đường lối của Đảng, năng lực cách mạng sẽ bị hạn chế rất nhiều. Người cộng sản là người phá huỷ xã hội cũ đồng thời sáng tạo một thế giới mới, họ phải có một tầm tư tưởng và một trình độ khoa học cao để suy nghĩ và sáng tạo. Lênin nhấn mạnh rằng: người cộng sản phải làm giàu trí tuệ của mình bằng tất cả kho tàng tri thức của nhân loại.

Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Hồ Chí Minh đã nêu khẩu hiệu chiến đấu cho toàn quốc: *"Chống giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm"*. Được sự cổ vũ không ngừng của Hồ Chí Minh, một cao trào học tập trong toàn dân đã sôi nổi từ thời kỳ đó và tiếp tục mãi đến nay.

Và ngày nay đứng trước những diễn biến vô cùng phức tạp trên phạm vi toàn thế giới, đứng trước muôn vàn khó khăn của đất nước đi lên, nhân dân ta càng thấy rõ nhu cầu học tập, càng thấy rõ tai hại của giặc dốt không kém gì tai hại của giặc đói và giặc ngoại xâm.

Người cách mạng phải suốt đời học tập. Ngày nào cũng phải tích luỹ thêm vốn hiểu biết của mình. Ngày nào cũng phải nâng cao thêm trình độ kiến thức, năng lực làm việc và phẩm chất đạo đức. Phải thường xuyên học tập trên mọi lĩnh vực.

Học tập là một quá trình lao động gian khổ, đòi hỏi nhiều đức tính của con người mới. Phải rèn luyện những đức tính, những tình cảm, tập quán tốt trong học tập, và điều đó đòi hỏi vượt qua không ít những khó khăn. Trước hết phải có tinh thần say mê học tập, một nghị lực để học tập không ngừng, học ở nhà trường, học ở thực tế, học ở sách báo, và lấy việc tự học làm một thói quen, một niềm vui suốt đời của chúng ta, nhất định không chịu lạc hậu so với các nước và trước những diễn biến mới của đất nước và thời cuộc.

*

Từ bao lâu nay, cán bộ và nhân dân ta rèn luyện đạo đức và phấn đấu theo khẩu hiệu: *Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại.* Khẩu hiệu này thể hiện sự thống nhất biện chứng và hoàn chỉnh giữa tình cảm cách mạng, ý chí cách mạng và nhận thức cách mạng. Hay nói theo truyền thống đạo đức phương Đông thì đó là sự thống nhất giữa *trí, nhân, dũng*. Nhà thơ Viên Ưng (Trung Quốc) khi nhắc tới đạo đức của Hồ Chí Minh, đã nói: Đó là con người *đại trí, đại nhân, đại dũng*. Chúng ta cho rằng nhận định trên là đúng đắn và có thể hiểu rằng ở Hồ Chí Minh *đại trí* là sự sáng suốt của chủ nghĩa Mác - Lênin, *đại nhân* là đỉnh cao của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa nhân đạo, *đại dũng* là chủ nghĩa anh hùng chân chính trong sự lâu dài và vẻ vang của cách mạng.

Với phẩm chất đạo đức hoàn chỉnh và cao thượng ấy, Hồ Chí Minh qua tư tưởng và hành động của Người mãi dẫn dắt chúng ta trên con đường dài của văn minh và hạnh phúc.

Rồi đây hàng loạt những vấn đề mới của cá nhân tiếp tục được đặt ra trước Đảng và nhân dân ta. Cuộc chiến đấu diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị và tư tưởng. Hồ Chí Minh không ghi sẵn cho chúng ta những giải pháp cụ thể, nhưng tư tưởng đạo đức của Người, với tinh thần, thái độ, phương pháp của Người, sẽ vĩnh viễn là kim chỉ nam cho đạo đức của chúng ta trước mọi diễn biến của hôm nay và cả ngày mai.

TƯ TƯỞNG KINH TẾ HỒ CHÍ MINH VỚI CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI*

Thạc sỹ LÝ HOÀNG MAI

Nhắc đến Chủ tịch Hồ Chí Minh chúng ta nghĩ đến một nhân cách lớn, một vị lãnh tụ kiệt xuất của dân tộc, một danh nhân văn hoá thế giới. Hồ Chí Minh là kết tinh những tinh hoa của một thời đại lịch sử mà hơn thế nữa, ở trong con người Bác đã quy tụ được tinh hoa của đất nước, của dân tộc.

Bằng các tư tưởng kinh tế, Người đã đưa dân tộc thoát khỏi một loạt các vấn nạn, thực hiện kiến quốc thành công. Nhờ có các tư tưởng của Người, một dân tộc nhỏ, yếu, nghèo,... đã có thể tập trung những sức lực tản mạn thành một bàn tay mạnh. Bàn tay đó đã làm được những việc tưởng như quá sức của nó nhiều lần. Những tư tưởng kinh tế của Người để lại đã trở thành những bài học vô giá cho Việt Nam trong công cuộc đổi mới.

I. Ba thách đố lớn của lịch sử

Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, đất nước lâm phải một loạt các vấn nạn về kinh tế, chính trị, giải quyết những vấn đề này ra sao? Lịch sử đã đặt lên vai vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà những sứ mệnh cao quý và khó khăn.

1. Nạn đói

Vấn nạn phải giải quyết ngay lập tức đó là nạn đói. Nạn đói khủng khiếp từ tháng 2 đến tháng 4 năm 1945 đã cướp đi sinh mạng của gần 2

---

* Trích trong Tạp chí *Nghiên cứu Kinh tế*, số 5 (324), tr.3-13.

triệu dân (tức là 1/5 dân số miền Bắc lúc bấy giờ) và 300.000 con trâu bò trong tổng số 450.000 con[1].

Tháng 8-1945 lúc diễn ra cuộc Cách mạng Tháng Tám cũng là lúc đê vỡ ở nhiều nơi. Nạn lụt lan tràn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Đây là nạn lụt lớn nhất trong thế kỷ XX. Tại Hà Nội mực nước lên tới 12m68 trong khi đó từ đầu thế kỷ cho đến giai đoạn này, mực nước cao nhất mới chỉ là 12m30. Nạn lụt đến kéo theo hàng loạt đê bị vỡ như: đê sông Hồng, sông Cầu, sông Đà.

Nước lụt đã làm ngập 350.000 ha trong tổng số 830.000 ha, tức là khoảng 40% diện tích lúa đã cấy xong ở Bắc Bộ.

Đầu năm 1946 tiếp theo nạn lụt, miền Bắc lại phải chịu một vấn nạn nữa đó là nạn hạn hán. Suốt từ tháng 9 đến tháng 11 năm 1945, gần như không có một trận mưa nào. Đồng ruộng từ ngập nước mênh mông chuyển sang khô cằn nứt nẻ. Lúa cấy lần đầu chết vì ngập úng, lúa cấy "tái giá" lại chết vì khô hạn. Lũ lụt hạn hán đã làm tiêu tan gần hết số lúa giống đã gieo trồng. Vụ mùa năm 1945 chỉ thu hoạch được 500.000 tấn lúa, giảm quá nửa so với sản lượng trung bình lúc đó khoảng 1.088.000 tấn[2].

2. Ngân sách trống không

Về tài chính tiền tệ, ngân sách hầu như trống không. Sau khi cướp chính quyền, trong kho bạc Trung ương của Pháp chỉ có 1.230.720 đồng bạc Đông Dương, trong số đó có tới 586.000 đồng là tiền hào rách. Trụ sở của Ngân hàng Đông Dương ở cả Hà Nội và Sài Gòn vẫn còn do quân Nhật canh gác nên quân khởi nghĩa không chiếm được. Tiền Việt Nam thì chưa có, trong khi chính quyền mới có rất nhiều khoản cần phải tiêu.

3. Nạn ngoại xâm

Trong tình thế đó đất nước còn gặp phải hiểm hoạ nữa là nạn Tàu ô ngoài Bắc, nạn ngoại xâm ở trong Nam. Theo hiệp ước do các nước Đồng minh ký tại Postdam (Đức), 18 vạn quân Quốc dân đảng tràn vào phía bắc Việt Nam. Mang danh nghĩa là tước vũ khí của quân đội Nhật, nhưng

1. Đặng Phong: *Lịch sử kinh tế Việt Nam từ 1945-2000*, t I: 1945-1954. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr.119.
2. Đặng Phong: sdd, tr.119, 120.

thực tế đây là một đội quân ô hợp, cướp bóc, nhũng nhiễu và đe doạ nghiêm trọng tới kinh tế và chủ quyền độc lập của Việt Nam. Tại miền Nam, quân Anh không đói khát và vơ vét như quân Tàu ở miền Bắc nhưng lại ngang ngược và thù địch với chính quyền mới. Họ đòi tước vũ khí lực lượng vũ trang Việt Nam. Và tệ hại nhất họ đã cho 1500 quân Pháp đi theo. Nhân dân biểu tình chống đối. Ngày 23-9-1945, quân đội Pháp nổ súng vào đoàn biểu tình. Cuộc tái xâm lược đã bùng nổ từ đó, ban đầu là ở Nam Bộ, sau đó lan dần ra Nam Trung Bộ. Vì vậy chỉ sau 3 tuần tuyên bố độc lập, nước Việt Nam lại lâm vào một cuộc chiến tranh mới.

II. Các tư tưởng kinh tế của Hồ Chí Minh

Trước cảnh nước nhà gặp phải nhiều vấn nạn như vậy, Hồ Chủ tịch có một loạt các quyết sách về kinh tế đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khó khăn.

1. Tư tưởng đại đoàn kết thể hiện qua việc "nhường cơm xẻ áo"

Đại đoàn kết trong kinh tế có nghĩa là điều hoà một cách hợp tình, hợp lý lợi ích của mọi tầng lớp trong xã hội.

Nhường cơm xẻ áo là giải pháp cấp cứu để chống giặc đói. Trong khi chờ đợi kết quả tăng gia sản xuất, phải giải quyết ngay việc quyên góp và tương trợ trong nhân dân. Trong thư gửi đồng bào cả nước, đăng trên báo *Cứu quốc* ngày 28-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "*Lúc chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng. Vậy tôi xin đề nghị với đồng bào cả nước, và tôi xin thực hành trước: cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ba bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo*".[1]

Hai ngày sau khi tuyên bố độc lập, theo Sắc lệnh số 4 ngày 4-9-1945, Chính phủ đặt ra ***Quỹ độc lập*** với mục đích: "*Để thu nhận các món tiền và đồ vật của nhân dân sẵn lòng quyên góp giúp Chính phủ để ủng hộ nền độc lập của quốc gia*"[2]. Tiếp sau đó Chính phủ mở ***Tuần lễ vàng*** với mục đích: "*Thu góp số vàng trong nhân dân và nhất là của nhà giàu có để dùng vào những việc khẩn cấp và việc quan trọng nhất của chúng ta lúc này, là việc quốc phòng*"[3].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, Nxb. Chính trị quốc gia, H., 1996, tr.8 và 31.
2. *Công báo* số 1 năm 1945, tr.5.
3. Báo *Cứu quốc*, số 45, ngày 17-9-1945.

Quỹ độc lập và Tuần lễ vàng được đông đảo nhân dân hưởng ứng từ đồng bào trong nước đến các kiều bào ở nước ngoài. Tổng kết lại, cả Quỹ độc lập và Tuần lễ vàng trong cả nước đã thu được 370 kg vàng và 20 triệu đồng, tương đương với tổng số thuế thân và thuế điền thu được trên toàn quốc trong một năm dưới thời Pháp thuộc[1].

2. Tư tưởng tự lực cánh sinh

Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, tình hình đối ngoại của Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn. Vào những năm 1945-1946, chưa bao giờ Việt Nam có nhiều kẻ thù và đông quân đội nước ngoài như vậy: quân đội Tưởng Giới Thạch ở miền Bắc, quân đội Anh ở miền Nam, quân đội Pháp lũ lượt vào Nam sau đó đột nhập ra miền Bắc, quân đội Nhật vẫn án binh bất động sau khi Hoàng đế Nhật đầu hàng Đồng minh. Vào lúc này hầu như các nước liên đới với Việt Nam đều hoặc chỉ nhằm bóp chết nền độc lập của Việt Nam, hoặc nhẹ nhàng nhất cũng là "quay mặt đi và không can thiệp". Một cường quốc đồng minh là Liên Xô thì lúc đó còn ở quá xa và chưa tỏ thái độ gì đối với cách mạng Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hai lần gửi thư cho các vị lãnh đạo Nga để thông báo về việc thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà nhưng không có hồi âm. Không trông chờ được gì vào sự ủng hộ từ bên ngoài nên nguyên tắc *tự lực cánh sinh* trong thời kỳ này được đặc biệt coi trọng. Khẩu hiệu của thời đó là: "Toàn quốc tự túc, địa phương tự lực". Đồng thời với việc hộ đê, chữa đê và đắp đê mới, khắp mọi nơi trên cả nước đều gấp rút tiến hành trồng trọt. Thực hiện khẩu hiệu "tấc đất tấc vàng" mọi người đều tăng gia sản xuất, mọi thành phần trong xã hội đều tham gia trồng trọt, tận dụng mọi đất đai còn trống để trồng trọt.

Trong hoàn cảnh nghiệt ngã lúc đó: lũ lụt, hạn hán hoành hành, giặc ngoại xâm hoành hành, ngân sách trống không..., bằng tư tưởng đại đoàn kết, cả nước đã đánh thắng được giặc đói. Nếu năm 1945, giá gạo tăng đều theo mức mất cân đối cung cầu, đột biến vào tháng 2 và lên tột đỉnh vào tháng 4 (760 đồng Đông Dương/tấn), thì năm 1946, tình hình ngược lại: từ giữa tháng hai, lúc đỉnh điểm của giáp hạt, giá gạo xuống và xuống

1. Đặng Phong: *Lịch sử kinh tế Việt Nam từ 1945-2000*, t.I: 1945-1954. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr.139.

rất nhanh, đến tháng 3 giảm gần một nửa (388 đồng/tấn). Sản lượng lúa vụ chiêm năm 1946 đã đạt 1.155.000 tấn, gấp đôi năm 1945[1].

3. Tư tưởng đối xử bình đẳng với các thành phần kinh tế, khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển

Trong giai đoạn này, *Chính phủ khuyến khích mọi thành phần tham gia vào các hoạt động kinh tế, tất cả đều được đối xử bình đẳng.* Chỉ thị ngày 25-11-1945 của Trung ương Đảng nói rất cụ thể; "*Mở lại các nhà máy do Nhật bỏ, khai thác các mỏ, cho tư nhân góp vốn vào việc kinh doanh các nhà máy và mỏ ấy, khuyến khích các giới công thương mở hợp tác xã, mở các cổ phần kiến thiết lại nước nhà*".

Trong thư gửi cho giới công thương Việt Nam, Hồ Chủ tịch viết: "*Nền kinh tế quốc dân thịnh vượng nghĩa là các sự kinh doanh của các nhà công nghiệp, thương nghiệp thịnh vượng. Vậy tôi mong giới Công - Thương nỗ lực và khuyên các nhà công nghiệp và thương nghiệp mau mau gia nhập vào "Công - Thương cứu quốc đoàn" cùng đem vốn vào làm những công cuộc ích lợi quốc dân*"[2].

Nhà nước xoá bỏ mọi quy chế hà khắc của Chính phủ Pháp và Nhật trước đây: buộc các nhà kinh doanh phải đăng ký và xin phép. Kể từ ngày 2-10-1945, Chính phủ mới cho tất cả các nhà kinh doanh đều được quyền khai trương, khuếch trương, nhượng lại hay di chuyển các cơ quan thương mại và kỹ nghệ hay tiểu công nghệ[3].

Bộ Công thương đã ra Chỉ thị cho tất cả các cơ quan, các bộ, các ngành quán triệt tư tưởng: "*Thành phần tư nhân trong thương nghiệp hiện nay là đại bộ phận. Trong điều kiện kinh tế hiện tại và trong quá trình xây dựng kinh tế dân chủ nhân dân, thương nghiệp tư nhân còn có tác dụng giúp ích cho cả nền kinh tế quốc dân, cần khuyến khích. Chúng ta khuyến khích tư nhân mạnh dạn bỏ vốn kinh doanh chính đáng, làm tròn nhiệm vụ xã hội của họ trong nền kinh tế quốc dân... Chính sách định giá hoá giá, trưng dụng, trưng thu không hợp lý cũng cần phải thủ tiêu vì chẳng những nó ảnh hưởng không tốt tới thương nghiệp mà còn đẻ ra nạn đầu cơ tích trữ*"[4].

---

1. Đặng Phong: *Lịch sử kinh tế Việt Nam từ 1945-2000*, t. I: 1945-1954. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr.136.
2. Báo *Cứu quốc*, số 66, ngày 13-10-1945.
3. *Công báo*, 1945, số 1, tr.23.
4. *Công báo*, 1950, tr.21.

4. Tư tưởng khuyến khích các nhà tư bản nước ngoài kinh doanh

Như đã nói ở trên, sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công tình hình đối ngoại của Việt Nam gặp phải những bài toán hiểm hóc, rất nhiều kẻ thù bên ngoài muốn bóp chết nền độc lập của Việt Nam. Việt Nam cũng chưa nhận được viện trợ nhiều từ các bạn bè quốc tế, vì vậy nguyên tắc tự lực cánh sinh là nguyên tắc đặc biệt được coi trọng trong việc xây dựng kinh tế. Tuy vậy, Hồ Chủ tịch vẫn chủ trương tận dụng mọi quan hệ kinh tế với nước ngoài nhằm mục đích xây dựng kinh tế Việt Nam phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới và gìn giữ hoà bình độc lập của đất nước. Người *khuyến khích và sẵn sàng chấp nhận các nhà tư bản nước ngoài vào kinh doanh tại Việt Nam để xây dựng cho kinh tế Việt Nam phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới.*

Ngày 16-7-1947, trả lời phỏng vấn của phóng viên nước ngoài, Bác đã phát biểu: "*Chúng tôi không chủ trương đấu tranh giai cấp vì một lẽ tầng lớp tư sản Việt Nam đã bị kinh tế thực dân đè nén không cất đầu lên được, khiến cho kinh tế Việt Nam đã bị tiêu diệt, dân cùng, tài tận. Trái lại chúng tôi chủ trương làm cho tư bản Việt Nam phát triển. Mà chỉ có thống nhất và độc lập thì tư bản Việt Nam mới có thể phát triển. Đồng thời chúng tôi rất hoan nghênh tư bản Pháp và tư bản các nước khác thật thà cộng tác với chúng tôi. Một là để xây dựng lại Việt Nam sau lúc bị chiến tranh tàn phá, hai là để điều hoà với kinh tế thế giới và gìn giữ hoà bình*"[1].

Đối với các công ty tư bản Pháp và nước ngoài nói chung, Chính phủ Việt Nam chủ trương vẫn để cho tiếp tục công việc kinh doanh như cũ, nhưng có sự kiểm soát của Nhà nước. Sắc lệnh ngày 9-10-1945 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký khẳng định 2 điều:

1. "Các hãng kỹ nghệ hoặc thương mại ngoại quốc hiện có ở Việt Nam vẫn được phép tiếp tục công việc kinh doanh như cũ".

2. "Vì nền trật tự công cộng, Chính phủ Việt Nam có quyền kiểm soát và nếu cần, có quyền đặt những ban chuyên môn để giữ nhiệm vụ đó"[2].

---

1. Đặng Phong: *Lịch sử kinh tế Việt Nam từ 1945-2000*, t.I: 1945-1954. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr.274-275.
2. *Công báo*, số 4-1945, tr.34-35.

5. Tư tưởng chú trọng phát triển tri thức phục vụ cho việc phát triển kinh tế

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất *coi trọng đến việc giáo dục và đào tạo nhân tài cho đất nước.* Chỉ trong 6 ngày sau khi tuyên bố độc lập, Chính phủ ra Sắc lệnh số 17 thành lập cơ quan Bình dân học vụ, nhiệm vụ chủ yếu của cơ quan này là xoá nạn mù chữ trong toàn dân. Để tạo điều kiện cho những người nghèo có thể theo học, Nhà nước ra Nghị định ngày 14-9-1945, bãi bỏ tất cả các khoản tiền học và tiền thi ở tất cả các bậc[1].

Trong bài phát biểu về những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà tại phiên họp của Hội đồng Chính phủ ngày 3-9-1945, Người đã nói: "*Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu*"[2].

Cả nước đối xử với nạn dốt như một thứ giặc. Cả Chính phủ, cả Bộ Giáo dục và toàn dân đều ra sức đánh giặc đó.

Tính đến tháng 6 năm 1946, tức là 10 tháng sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, cả nước đã huấn luyện được 60.000 giáo viên bình dân học vụ, đã xoá nạn mù chữ cho khoảng 1,5 triệu người, xuất bản 700.000 sách giáo khoa cho người học đọc, học viết.

Đến tháng 9 năm 1946, tức là sau 1 năm dưới chế độ mới, trong cả nước, phong trào Bình dân học vụ đã xoá nạn mù chữ cho 2,18 triệu người, tức là bằng số người biết đọc biết viết trong nền đô hộ Pháp[3].

Trong một bài trả lời phỏng vấn của báo chí nước ngoài về vai trò của trí thức Việt Nam trong bộ máy Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "*Trí thức Việt Nam đã gánh một phần quan trọng trong công cuộc kháng chiến cứu quốc và gánh một phần quan trọng trong công việc kiến quốc. Hiện nay hầu hết nhân viên trong Chính phủ Trung ương đều là người trí thức*"[4].

Bác từng viết: "*Những sự hiểu biết của chúng ta có hạn. Muốn tiến bộ kịp với sự tiến bộ vô cùng vô tận, thì chúng ta phải nghiên cứu, học tập*"[5].

---

1. *Công báo*, số 1 - 1945, tr.15.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.6, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1995, tr.8.
3. Đặng Phong: *Lịch sử kinh tế Việt Nam từ 1945-2000*, t.I: 1945-1954. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr.199.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.5, tr.172.
5. *Bác Hồ với Hà Nội*, *Nxb*. Hà Nội, 1980, tr.32.

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc gửi những tài năng trẻ đi đào tạo ở nước ngoài, coi như một điều kiện không thể thiếu để đưa Việt Nam tiến kịp và hội nhập với kinh tế thế giới. Trong lá thư gửi ngoại trưởng Mỹ James Byrnes, Bác đã đặt vấn đề gửi 50 sinh viên sang học tập và nghiên cứu tại Mỹ về những ngành nghề cần thiết cho việc kiến thiết đất nước[1].

6. Tư tưởng chống tham nhũng xây dựng đời sống kinh tế lành mạnh

Cần, kiệm, liêm, chính: là một nguyên tắc rất lớn trong toàn bộ đời sống kinh tế kháng chiến. Trong cuốn sách: "Cần kiệm liêm chính" xuất bản năm 1949, Bác đã giải thích 4 nguyên tắc này như sau:

- Mọi người phải tự nguyện và đều được khuyến khích làm việc hết sức mình theo năng lực của mình, trong lĩnh vực của mình. Không để ai lười biếng, không để ai không có việc làm, không để ai không thể sử dụng những năng lực, tiền tài, trí tuệ, ruộng đất, máy móc... Đó là Cần.

- Trong hoàn cảnh khó khăn gian khổ, phải tiết kiệm từng viên đạn, từng hạt gạo, từng tấc đất, từng giờ từng phút, tiết kiệm trong ăn mặc, trong sinh hoạt, trong chi tiêu, trong mua sắm, trong kinh phí của các cơ quan đoàn thể. Đó là Kiệm.

- Tất cả mọi người, từ trên xuống dưới, trong Chính phủ và ngoài Chính phủ, dân thường và cán bộ... đều phải sống trong sạch, không tham lam, đục khoét của công, ăn hối lộ, trộm cắp, hà lạm, ai cũng phải tôn trọng lợi ích chung. Đó là Liêm.

- Mọi người đều giữ gìn đạo đức, tư cách, không lừa dối, có trách nhiệm với công việc, với nhau, ăn ở hoà nhã thân ái, quan hệ giữa người và người tốt đẹp... Đó là Chính.

Tư tưởng xây dựng một nền kinh tế lành mạnh không có những hành vi tham nhũng luôn là điều Người tâm niệm. Trả lời phỏng vấn của Đại biểu Quốc hội khoá I trong phiên họp ngày 31-10-1946, Hồ Chủ tịch nói: *"Sẽ dùng pháp luật mà trừng trị những kẻ ăn hối lộ - đã trị, đương trị và sẽ trị cho kỳ hết"*[2]. Ngày 23-10-1946, Hồ Chủ tịch đã ký Sắc lệnh số 64-SL

1. United State: *Vietnam Relation 1945, 1967, U.S government printing office*, Washington. 1971, p.90.
2. Nguyễn Văn Ân. *"Việt Nam chống tham nhũng"*. Tạp chí *Thông tin khoa học xã hội*, số 3/2003, tr.17.

về việc thành lập Ban thanh tra đặc biệt, thành viên gồm cụ Bùi Bằng Đoàn và ông Cù Huy Cận. Điều II của sắc lệnh này quy định Ban thanh tra đặc biệt có quyền "*đình chỉ, bắt giam bất cứ nhân viên nào trong Uỷ ban nhân dân hay trong Chính phủ đã phạm tội trước khi mang ra Hội đồng Chính phủ hay Toà án đặc biệt xét xử.*"

Chính Ban thanh tra đặc biệt đã tiến hành thanh tra vụ Trần Dụ Châu tham ô tài sản quân đội và đề nghị Hồ Chủ tịch ra lệnh xử tử hình Trần Dụ Châu. Sau khi cân nhắc kỹ, Hồ Chủ tịch đã ký bản án tử hình đối với Trần Dụ Châu - nguyên đại tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Cục trưởng Cục Quân nhu vì tội tham ô tài sản của quân đội trong kháng chiến chống Pháp. Vụ xử tử hình đại tá Trần Dụ Châu là một bài học lớn có tính giáo dục cao về đạo đức liêm khiết đối với toàn thể cán bộ, chiến sĩ cách mạng.

III. Vận dụng tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới

Những tư tưởng về kinh tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh diễn ra cách đây hơn nửa thế kỷ nhưng mãi là bài học quý báu cho chúng ta hôm nay và mai sau. Những năm trước đổi mới, thực hiện nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, Việt Nam đã không thừa nhận vai trò của kinh tế tư nhân, Nhà nước độc quyền trong các hoạt động kinh tế. Chủ trương thực hiện chính sách đối ngoại bó hẹp, không khuyến khích đầu tư nước ngoài. Tất cả những điều này đã làm cho nền kinh tế Việt Nam hầu như không phát triển. Cả một thời kỳ dài đất nước lâm vào tình trạng thiếu đói, lượng lương thực nhập khẩu ngày một tăng. Năm 1976 nhập 633,6 nghìn tấn gạo, 1977: 1095,4 nghìn tấn, 1978: 1395,0 nghìn tấn và năm 1979 nhập nhiều nhất 1576,0 nghìn tấn[1]. Giá cả leo thang từng ngày và siêu lạm phát đạt tới đỉnh điểm vào năm 1986, với tốc độ tăng giá cả năm lên tới 774,7%[2]. Đại hội Đảng lần thứ VI, tháng 12 năm 1986, được coi là điểm mốc quan trọng nhất trong công cuộc đổi mới kinh tế của Việt Nam. *Các chủ trương quan trọng về kinh tế mang nhiều dấu ấn của tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh:*

1. Lý Hoàng Mai. "Gạo Việt Nam trên thị trường quốc tế gần một thế kỷ". Tạp chí *Nghiên cứu kinh tế*, số 295 - tháng 12-2002, tr.60.
2. Lê Thị Quế. "Việt Nam qua hơn một thập niên xoá nghèo". Tạp chí *Nghiên cứu kinh tế*, số 319 tháng 12-2004, tr.15.

1. Tư tưởng khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển

Đại hội VI thừa nhận nền kinh tế Việt Nam là kinh tế nhiều thành phần, mà thực chất là thừa nhận quyền tồn tại của 2 thành phần kinh tế trước đây đã bị phủ định là kinh tế tư nhân và kinh tế tư bản nước ngoài.

Đầu những năm 90, Nhà nước đã ban hành Luật doanh nghiệp tư nhân, Luật Công ty, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho nhiều thành phần kinh tế hoạt động. Năm 1991, cả nước mới chỉ có 494 doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp tư nhân và Luật Công ty, đến năm 1999 đã có 30.500 doanh nghiệp (tăng gấp 74 lần so với năm 1991), bình quân mỗi năm có thêm 3388 doanh nghiệp. Đến năm 2001, đã có trên 60.000 doanh nghiệp đăng ký mã thuế và huy động được hơn 50.000 tỷ đồng[1].

Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 5, khoá IX (tháng 3-2002) của Đảng đã ghi nhận: *"Kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển kinh tế nhiều thành phần định hướng XHCN".*

... "Trong hơn 10 năm qua kinh tế tư nhân nước ta đã phát triển rộng khắp trong cả nước: đóng góp to lớn vào việc phát triển kinh tế, huy động các nguồn lực xã hội vào sản xuất kinh doanh, tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, tăng ngân sách nhà nước, giữ vững ổn định chính trị xã hội của đất nước"[2].

Từ khi các thành phần kinh tế được đối xử bình đẳng, kinh tế tư nhân được coi trọng đã thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Năm 2001, kinh tế tư nhân đóng góp 42% GDP toàn xã hội (trong khi doanh nghiệp nhà nước là 39%). Kinh tế tư nhân chiếm 56,3% tổng số lao động có việc làm thường xuyên của toàn xã hội, chiếm 20% tổng thu ngân sách nhà nước, chiếm 30% kim ngạch xuất nhập khẩu[3].

---

1. Lê Xuân Bá. "Kinh tế tư nhân, bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế nước ta". Tạp chí *Cộng sản*, số 22, tháng 8 năm 2002, tr.41.
2. Tạp chí *Cộng sản*, số 8, tháng 3 năm 2002, tr.4.
3. Hồ Trọng Viện. "Kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN ở Việt Nam". Tạp chí *Nghiên cứu kinh tế*, số 318 - tháng 11-2004, tr.12.

2. Tư tưởng hội nhập kinh tế quốc tế, khuyến khích đầu tư nước ngoài

Đại hội VI thừa nhận nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế sản xuất hàng hoá, tức là thừa nhận kinh tế thị trường. Chuyển quan hệ kinh tế đối ngoại theo hướng nền kinh tế mở, đa phương hoá quan hệ và đa dạng hoá hình thức. Thực chất đó là thừa nhận và khuyến khích đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Đại hội đã coi xuất khẩu là 1 trong 3 mũi đột phá có ý nghĩa "quyết định" các chương trình kinh tế lớn như lương thực - thực phẩm, hàng hoá tiêu dùng, v.v... Từ những đổi mới trong tư duy kinh tế của Đại hội Đảng VI, Việt Nam thực sự đã có một sự chuyển hướng mang tính bước ngoặt lịch sử trong chính sách kinh tế đối ngoại.

Ngày 29-12-1987 công bố Luật Đầu tư.

Ngày 10-9-1989, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định 64/NĐ-HĐBT. Nghị định này là bước "đột phá" về cơ chế chính sách trong hoạt động xuất nhập khẩu. Lần đầu tiên các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được quyền xuất khẩu trực tiếp các sản phẩm do mình làm ra và nhập khẩu nguyên, vật liệu phục vụ cho sản xuất của mình.

Ngày 23-1-1998, Chính phủ ban hành Nghị định số 10 về một số biện pháp khuyến khích và bảo đảm hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam. Nghị định này đã cho phép các doanh nghiệp FDI tham gia bình đẳng vào hoạt động xuất khẩu hàng hoá, dịch vụ như các doanh nghiệp có vốn trong nước, ngay trong điều 1 khoản 2 đã quy định: "*...Chính phủ Việt Nam khuyến khích và dành ưu đãi đặc biệt đối với các dự án đầu tư sản xuất hàng xuất khẩu, sử dụng công nghệ cao, dự án đầu tư thuộc danh mục các dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư và danh mục các địa bàn khuyến khích đầu tư được quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này*"[1].

Ngày 31-7-1998, Chính phủ ban hành Nghị định 57/CP quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xuất nhập khẩu gia công và đại lý mua bán hàng hoá. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX xác định: "*Tạo điều kiện để khu vực kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (ĐTTTNN) phát triển thuận lợi, cải thiện môi trường kinh tế và pháp lý để thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài*". Từ những đổi mới trong tư duy

1. *Công báo* 1998, tr.18.

và chính sách kinh tế, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận.

Trong giai đoạn 1991-1995, nền kinh tế phục hồi nhanh chóng nhờ hàng loạt các chính sách đổi mới đã bắt đầu phát huy tác dụng. Dầu mỏ được khai thác và thương mại hoá, cấm vận được dỡ bỏ, thị trường trong nước thông thoáng, thị trường nước ngoài được mở mang. Đầu tư trực tiếp nước ngoài và đầu tư bằng nguồn vốn trong nước rầm rộ phát triển, tổng mức đầu tư bình quân đạt 22% GDP, tăng gần gấp đôi so với giai đoạn trước, đỉnh điểm đạt 27,1% GDP (năm 1995). Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 1991-1995 đạt tốc độ ngoạn mục, bình quân 8,2%, trong đó năm cao nhất 1995 đạt 9,5%[1].

Lần đầu tiên trong vòng gần 40 năm (kể từ năm 1955) kim ngạch xuất khẩu đã lớn hơn kim ngạch nhập khẩu. Năm 1992, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 2580,7 triệu R-USD, nhập khẩu đạt 2540,7 triệu R-USD, đây cũng là năm đầu tiên trong gần 40 năm Việt Nam thặng dư trong lĩnh vực xuất khẩu[2].

Về vấn đề an ninh lương thực, theo đánh giá của Tổ chức lương nông Liên hiệp quốc (FAO - Food and Agricultural Organization): trong 13 năm qua (1990-2003), Việt Nam có tốc độ tăng sản lượng lương thực nhanh nhất thế giới, tới 5,3% so với 1,5% của thế giới và 1,51% của khu vực châu Á - Thái Bình Dương[3].

Hoạt động của khu vực đầu tư nước ngoài có tác động tích cực đến các cân đối lớn của nền kinh tế. Cùng với quá trình phát triển, mức đóng góp của khu vực đầu tư nước ngoài vào thu ngân sách ngày càng tăng, tạo khả năng chủ động trong cân đối ngân sách, giảm bội chi, góp phần cải thiện cán cân vãng lai, cán cân thanh toán của Việt Nam.

Trong thời kỳ 1996-2000, thu ngân sách từ khu vực đầu tư nước ngoài đạt gần 1,49 tỷ USD, gấp 4,5 lần 5 năm trước đó, bình quân chiếm 6-7% tổng nguồn thu ngân sách (nếu tính cả thu từ dầu khí, tỷ lệ này đạt

1. Bùi Đường Nghiêu. "Hiệu quả đầu tư và thực trạng hệ số Icor ở nước ta". Tạp chí *Nghiên cứu kinh tế*, tháng 6-2000, số 265, tr.6.
2. Lý Hoàng Mai. "Cơ chế ngoại thương trước và sau thời kỳ đổi mới". Tạp chí *Nghiên cứu kinh tế*, số 295, tháng 12-2002, tr.51.
3. Theo Báo *Doanh nghiệp*, số 18 + 19, ra từ ngày 29-4 đến 12-5-2004.

gần 20%). Riêng trong 2 năm 2001, 2002, đóng góp của đầu tư nước ngoài cho ngân sách nhà nước đều tăng ở mức tương ứng 115% và 116% so với cùng kỳ[1].

Tỷ lệ đóng góp của khu vực đầu tư nước ngoài trong GDP tăng dần qua các năm. Nếu như năm 1993, đóng góp của khu vực này vào GDP chỉ đạt 3,6%/năm thì đến năm 2000 đạt đến mức 13,3%[2].

Chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài đã góp phần tạo việc làm, xoá đói giảm nghèo, nâng cao mức sống của người lao động, tạo điều kiện phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam. Đến năm 2003 khu vực đầu tư nước ngoài đã tạo việc làm trực tiếp cho 62 vạn lao động và hàng chục vạn lao động gián tiếp tham gia cung ứng dịch vụ có liên quan[3].

3. Tư tưởng nhường cơm xẻ áo giúp đỡ người nghèo

Tư tưởng "nhường cơm xẻ áo" nhưng mang đậm tính nhân văn cao cả được Hồ Chủ tịch thực hiện trong việc chống giặc đói cách đây hơn nửa thế kỷ cho đến bây giờ vẫn được cả nước thực hiện và noi theo.

Khởi nguồn từ thành phố mang tên Bác, năm 1992, khi lần đầu tiên chính quyền và nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tiến hành những công việc cứu trợ người nghèo trong thành phố thông qua việc tăng chi tiêu từ ngân sách để hỗ trợ trực tiếp cho các xã nghèo nhất. Công việc mang đậm tính nhân văn này đã được các tỉnh bạn học tập, và nhanh chóng phát triển thành một phong trào quần chúng rộng khắp trong cả nước: phong trào xoá đói giảm nghèo (XĐGN). Năm 1998, XĐGN trở thành 1 trong 7 Chương trình mục tiêu quốc gia lớn được Nhà nước tập trung đầu tư và chỉ đạo việc thực hiện theo Quyết định số 5/QĐ/TTg ngày 14-1-1998 của Thủ tướng Chính phủ.

Đài truyền hình Việt Nam phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tổ chức nhiều chương trình từ thiện phát động phong trào ủng hộ người nghèo: "Chương trình doanh nhân Việt Nam chữ tâm và chữ tài", "Nối vòng tay lớn", "Một thế giới một trái tim"... trong cả nước. Ngày 31-12 hàng năm được coi là ngày tết của người nghèo. Cả nước tham gia ủng

1. *Việt Nam sẵn sàng gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới WTO*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004, tr.277.
2. Sđd, tr.276.
3. Sđd, tr.280.

hộ người nghèo từ những em thiếu nhi nhịn tiền ăn sáng, các cụ già trích một phần lương hưu trí, đến các doanh nhân thành đạt. Người có ít tiền ủng hộ 10-100 nghìn đồng, người giàu có thậm chí đã ủng hộ tới hơn 1 tỷ đồng. Trong 3 năm (2001-2003) dân chúng đã ủng hộ cho Quỹ vì người nghèo trên 400 tỷ đồng.

Năm 2003 ước tính tỷ lệ nghèo chung của Việt Nam giảm còn trên 25%, tức là hơn một nửa số người nghèo ở Việt Nam đã thoát nghèo trong thập niên vừa qua. Số người nghèo về lương thực, thực phẩm đã giảm từ 24,9% năm 1993 xuống còn 10,9% năm 2002, điều đó chứng tỏ ngay cả những hộ nghèo nhất ở Việt Nam cũng đã được cải thiện về mức sống trong những năm qua.

Trong giai đoạn 1993-1998, theo tính toán của các chuyên gia, cứ 1% tăng trưởng GDP tính bình quân theo đầu người, tương đương với 1,3% giảm nghèo, tỷ lệ này trong giai đoạn 1998-2002 là 1,2%. Từ 1993-2002, GDP tính theo đầu người ở Việt Nam đã tăng bình quân 5,9%/năm, trong thực tế nó đã tăng gấp hơn 2 lần trong thập kỷ qua[1]. Chiến thắng thuyết phục trong cuộc chiến chống đói nghèo của Việt Nam trong hơn 10 năm qua đã khiến cả thế giới phải khâm phục và Việt Nam trở thành nước đứng hàng đầu thế giới về XĐGN.

4. Tư tưởng tiếp cận với nền kinh tế tri thức

Tư tưởng xây dựng kinh tế dựa trên tri thức của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giai đoạn ngày nay vẫn là một trong những mục tiêu hàng đầu của đất nước. Văn kiện Đại hội Đảng IX họp tại Hà Nội từ ngày 18-2 đến ngày 2-3-2002 đã nêu rõ nhiệm vụ trong 10 năm tới: "*Tăng nhanh năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ, đẩy mạnh giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ tốt yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và từng bước tiếp cận với nền kinh tế tri thức*".

Trong Báo cáo phát triển con người của UNDP năm 2003, ngoài ba nước đứng đầu thế giới (thuộc châu Âu) với các chỉ số thành phần cao về tuổi thọ, tỷ lệ đi học, tỷ lệ người lớn biết chữ và GDP bình quân, Việt Nam là một nước được nhiều người chú ý. Theo các số liệu báo cáo, xếp

1. Lê Thị Quế. "Việt Nam qua hơn một thập niên xoá nghèo". Tạp chí *Nghiên cứu kinh tế*, số 319 - tháng 12-2004, tr.16.

hạng GDP đầu người Việt Nam đứng thứ 130 sau cả Inđônêxia (thứ 114) và Ấn Độ (thứ 115) nhưng xếp hạng phát triển con người Việt Nam xếp thứ 109, trên cả Inđônêxia (thứ 112) và Ấn Độ (127)[1].

Tuy đạt được những thành tựu đáng kể trong việc phát triển con người nhưng để tiếp cận được với nền kinh tế tri thức của thế giới trong tương lai, Việt Nam gặp phải những thách thức không ít (như: chất lượng đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu của việc làm, cơ cấu bất hợp lý trong đào tạo ngành nghề, trang thiết bị cho giáo dục còn yếu kém...). Ngân sách nhà nước chi cho nghiên cứu khoa học năm 2000 là 1375 tỷ đồng nhưng phân bổ cho các trường đại học là 50 tỷ đồng (3,6%)[2]. Chính vì vậy, trang thiết bị của các phòng thí nghiệm ở các trường còn rất nghèo nàn và phần lớn không phải là công nghệ tiên tiến. Đội ngũ giáo viên không được bồi dưỡng và cập nhật với khoa học và công nghệ hiện đại thường xuyên. Vì vậy xoá đói giảm nghèo về tri thức (tức là nâng cấp khả năng tiếp cận với kinh tế của con người) cũng nên là mục tiêu số 1. Cơ cấu ngân sách chi cho giáo dục và nghiên cứu khoa học cần có sự hợp lý và phù hợp với yêu cầu của thực tế.

5. Tư tưởng chống tham nhũng

Trong nền kinh tế thị trường phát triển như ngày nay, tư tưởng xây dựng một nền kinh tế lành mạnh không có tham nhũng của Hồ Chủ tịch luôn là điều mà Đảng và Nhà nước tâm niệm. Tuy nhiên phòng chống tệ nạn này như thế nào? Đó là một câu hỏi không dễ trả lời. Nền kinh tế thị trường bên cạnh những mặt tích cực như: khuyến khích mọi người làm giàu cho chính mình và cho đất nước, thúc đẩy kinh tế phát triển, thì cũng có không ít những mặt tiêu cực.

Cơ chế thị trường với mục đích lợi nhuận là hàng đầu là môi trường hết sức thuận lợi cho tham nhũng phát triển. Nhiều doanh nghiệp bất chấp luật pháp và đạo lý đã dùng mọi thủ đoạn phi pháp để tranh giành lợi nhuận. Họ đã dùng tiền để gạ gẫm mua chuộc các quan chức nhà nước tham lam tiếp tay cho họ thực hiện trót lọt những "phi vụ" làm ăn.

---

1. Nguyễn Văn Phẩm. "Chỉ số con người của toàn cầu, Chỉ số phát triển con người của Việt Nam". Tạp chí *Con số và sự kiện* 2002, số 9, tr.25.
2. Phạm Minh Hạc. "Giáo dục và nguồn nhân lực". Tạp chí *Hoạt động khoa học*, số 1-2001, tr.21.

Những kẻ có chức vụ quyền hạn này đã không cưỡng lại được sự cám dỗ của những khoản hối lộ có giá trị gấp hàng trăm hàng nghìn lần đồng lương ít ỏi của mình, đã luồn qua những lỗ hổng, lách qua những kẽ hở, tận dụng những yếu kém của công tác quản lý để "bắt tay" với các chủ doanh nghiệp làm ăn bất chính.

Cơ chế "xin cho", với nhiều thủ tục phiền hà cũng là một môi trường thuận lợi cho tham nhũng phát triển. Nhiều người dân, nhiều nhà đầu tư do nhu cầu sinh sống, làm ăn phải đến gõ cửa các cơ quan nhà nước làm thủ tục giấy tờ, nhưng trước những rối rắm của thủ tục hành chính nhiều tầng nấc, gặp phải thái độ vô trách nhiệm, hạch sách vòi vĩnh của không ít công chức nhà nước, đã phải tìm cách biếu xén để giải quyết nhanh nhất các yêu cầu của mình.

Theo báo cáo của Chính phủ trong 3 năm từ 1993 đến tháng 9 năm 1996, đã phát hiện 4.903 vụ việc có dấu hiệu tham nhũng với số tiền và tài sản bị thiệt hại trị giá 1.222 tỷ 708 triệu đồng và 34,1 triệu USD[1].

Các vụ đặc biệt nghiêm trọng như Phạm Huy Phước, Giám đốc Công ty TAMEXCO (thuộc Quận uỷ quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh) tham nhũng 116,5 tỷ đồng và 398.300 USD. Nguyễn Duy Kiểm - Tổng giám đốc Công ty Dệt Nam Định đã dùng tiền nhà nước đi biếu xén hối lộ 5,4 tỷ đồng, chi thưởng sai nguyên tắc chế độ 20 tỷ đồng. Công ty Dệt Nam Định thua lỗ 207 tỷ đồng, không có khả năng thanh toán nợ 640 tỷ đồng[2]. Lã Thị Kim Oanh - Giám đốc Công ty Tiếp thị đầu tư - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn biển thủ của Nhà nước hơn 100 tỷ đồng[3]. Tham nhũng đang trở thành "quốc nạn", báo cáo của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá IX đã nêu: "*Tình hình tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng*. Nạn tham nhũng kéo dài trong bộ máy của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế là một nguy cơ lớn đe doạ sự sống còn của chế độ ta. Tình trạng lãng phí, quan liêu còn khá phổ biến"[4]. Hiện nay tham nhũng đang là một

1. Nguyễn Văn Ân. "Việt Nam chống tham nhũng". Tạp chí *Thông tin Khoa học xã hội*, số 3-2003, tr.21.
2. Nguyễn Văn Ân, Bdd, tr.22.
3. Hoàng Văn Dụ. "Buông lỏng quản lý hay là tham nhũng". Tạp chí *Nhịp sống công nghiệp*, số 13-2002, tr.9.
4. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.76.

chủ đề được đề cập đến nhiều ở báo chí và công luận. Giải quyết vấn đề này thế nào? Khó có thể trả lời câu hỏi này một cách dễ dàng. Rất nhiều nhà khoa học đã đưa ra ý kiến để giải quyết vấn đề này như: dùng thông tin quần chúng để vạch mặt cá nhân, dùng quyền lực của Đảng và Nhà nước để kiềm chế tham nhũng, dùng công luận để thanh lọc tham nhũng trong xã hội, cải cách bộ máy hành chính, kê khai tài sản và cải cách tiền lương của cán bộ... Theo tôi giải quyết vấn đề bằng cách đó chưa phải là biện pháp "diệt tận gốc", vấn đề mấu chốt ở đây chính là: *"văn hoá trong cách sống của con người"*. Một đất nước hạng nhất không có những công dân hạng ba và một đất nước hạng ba không thể sinh ra những công dân hạng nhất. Muốn mọi người có một lối sống lành mạnh có phẩm chất đạo đức tốt thì yếu tố *"giáo dục nhận thức"* là khâu rất quan trọng. Dân trí của nước ta còn thấp, việc giáo dục nhận thức chưa được chú trọng trong xã hội. Luật pháp có nhiều kẽ hở, nhân dân không có thói quen sống theo pháp luật. Bản chất của con người là tham nhưng nếu người ta nhận thức được rằng hành động tham nhũng là hành động xấu xa, làm việc đó sẽ bị xã hội chê cười và phỉ nhổ; nếu mọi người có "ý thức xã hội" cao, ý thức cộng đồng cao, thì mọi người sẽ không "tuỳ tiện" làm những điều chỉ vì cảm thấy tiện và có lợi cho cá nhân mình.

Vì vậy giải pháp "giáo dục nhận thức và nâng cao trình độ dân trí" phải được coi là giải pháp số một, hàng đầu. Tư tưởng: Cần, Kiệm, Liêm, Chính của Hồ Chủ tịch chính là một tư tưởng lớn để cho mọi người thực hiện theo.

Giải pháp "tăng cường trách nhiệm cá nhân" cũng nên được coi trọng trong lĩnh vực quản lý nhà nước. Nhà nước đã làm "bà đỡ" quá nhiều cho các doanh nghiệp "con cưng" và các dự án đầu tư không hiệu quả. Các quan chức cứ "mặc sức" tiêu và tham nhũng "tiền chùa" mà chẳng cần để ý đến hiệu quả hoạt động thực chất của doanh nghiệp, vì nếu có bị thua lỗ trong hoạt động kinh doanh thì đã có Nhà nước "bù lỗ" và nếu dự án đầu tư không hiệu quả thì sẽ được Nhà nước "hỗ trợ đầu tư".

Cần phải có những thiết chế pháp luật thật nghiêm minh để xét xử những vụ án tham nhũng, và những quy định về đền bù tài sản thật nghiêm ngặt nếu tham ô công quỹ của công. Đối với những vụ án oan sai nhiều, pháp luật phải có điều khoản để đền bù cho những người bị thiệt hại.

Chúng ta cũng có thể học tập kinh nghiệm của Xingapo một trong những quốc gia trong sạch nhất thế giới; chống tham nhũng bằng cách: Chính phủ đã dùng những nguồn kinh phí dồi dào để "nuôi dưỡng liêm khiết" trong giới công chức bằng việc chi trả một mức "tiền lương hiệu quả". Lương của chúng ta trả cho cán bộ công chức quá thấp, đồng lương hàng tháng họ làm ra không đủ để nuôi sống gia đình vì vậy họ phải tìm mọi cách để "kiếm thêm" từ chính nguồn ngân sách nhà nước. "Phần mềm" mà họ tham nhũng được lớn hơn gấp nhiều lần so với "phần cứng"; Nhà nước trả lương thấp nhưng thực chất lại là rất cao vì những khoản "phần mềm" bị thất thoát như vậy. Biện pháp "tiền lương hiệu quả" cũng cần phải đi kèm với biện pháp "tuyển chọn hiệu quả", tuyển chọn những con người có tài có đức thực sự vào bộ máy công chức nhà nước.

Nếu lấy Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI làm điểm mốc cho công cuộc đổi mới thì cho đến nay công cuộc đổi mới đã diễn ra được xấp xỉ 20 năm rồi. Sự thay đổi về tư duy kinh tế đã mang lại cho Việt Nam một loạt những thành công. *So sánh tư tưởng kinh tế của Hồ Chí Minh với các tư duy đổi mới kinh tế của Việt Nam chúng ta thấy có nhiều sự tương đồng. Nhưng sự tương đồng lớn nhất mà chúng ta nhận thấy đó là những tư duy kinh tế này đã đưa dân tộc đưa đất nước thoát ra khỏi tình trạng khó khăn.* Ngày xưa Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện kiến quốc thành công, ngày nay chúng ta có thể tự hào khẳng định: Việt Nam đã thực hiện công cuộc đổi mới thành công. Nhắc lại tư tưởng kinh tế của Hồ Chủ tịch chúng ta càng thêm cảm phục tầm nhìn chiến lược của một nhà lãnh đạo tài ba, những tinh hoa mà người để lại cho dân tộc mãi được các thế hệ con cháu học tập và noi theo.

THAY LỜI KẾT LUẬN

THẾ GIỚI CÒN ĐỔI THAY, NHƯNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH SỐNG MÃI*

Đại tướng VÕ NGUYÊN GIÁP

Với niềm xúc động lớn, tôi xin thay mặt Chính phủ và nhân dân Việt Nam, các nhà khoa học Việt Nam, được bày tỏ tại đây, trên diễn đàn trọng thể này, lòng biết ơn chân thành và sâu sắc nhất đối với Chính phủ và nhân dân Ấn Độ, Chính phủ và nhân dân bang Tây Bengan, ngài Thị trưởng và nhân dân Can-cút-ta về những hoạt động sôi nổi và liên tục trong gần một năm qua, dưới sự chỉ đạo của Uỷ ban quốc gia do Thủ tướng Cộng hoà Ấn Độ đứng đầu, nhằm kỷ niệm trọng thể lần thứ 100 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam và nhà văn hoá kiệt xuất.

Tôi xin gởi lời chào nồng nhiệt đến các vị học giả, các nhà thông thái của Ấn Độ và các nước, trong nhiều năm đã để tâm sức tìm tòi nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Những công trình lao động khoa học của các vị đã góp phần khẳng định và truyền bá rộng rãi tư tưởng Hồ Chí Minh, một việc làm cao cả thúc đẩy sự giao lưu văn hoá giữa các dân tộc vì nhân đạo, hoà bình và tiến bộ xã hội trong thời đại chúng ta.

Tôi cũng xin được bày tỏ ở đây lời cảm ơn chân thành nhất về sự đón tiếp trọng thị và lòng mến khách nồng hậu mà các vị lãnh đạo và nhân dân Can-cút-ta đã dành cho cá nhân tôi, cho các nhà khoa học Việt Nam.

Tôi nghĩ rằng thành phố Can-cút-ta được Chính phủ và nhân dân Ấn Độ chọn làm nơi tổ chức hội nghị khoa học quốc tế trọng thể này là rất có ý nghĩa. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hai lần đặt chân đến thành

---

* Bài phát biểu tại Hội nghị quốc tế "Hồ Chí Minh - Việt Nam - Hoà bình thế giới" được tổ chức tại Can-cút-ta (Ấn Độ) ngày 14/1/1991.

phố lịch sử và anh hùng này của các bạn. Can-cút-ta là quê hương của đại thi hào Ra-bin-dra-nát Ta-go, đồng thời là nhà Triết học, nhà hoạt động xã hội nổi tiếng của Ấn Độ. Can-cút-ta cũng là thành phố ngay từ năm 1946, trước khi Ấn Độ giành được độc lập, đã đi đầu trong phong trào đoàn kết và ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam vì độc lập và thống nhất Tổ quốc.

Cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh

Cuộc hội thảo khoa học quốc tế này cùng với việc dựng tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh lại là sự kiện làm cho phong phú thêm cuốn biên niên sử đẹp đẽ của tình hữu nghị Việt - Ấn.

Cuộc hội thảo này cũng như nhiều cuộc hội thảo khác về Chủ tịch Hồ Chí Minh được tổ chức theo khuyến nghị của UNESCO trong các quốc gia thành viên, đã diễn ra trong một bối cảnh quốc tế cực kỳ sôi động và phức tạp. Nhiều biến đổi lớn đã xảy ra, nhiều nhận thức mới đã xuất hiện, nhiều giá trị cũng được thẩm định lại. Nhưng đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, qua hội thảo, các nhà khoa học của nhiều quốc gia, thuộc nhiều khuynh hướng khác nhau, đều có chung một nhận định: *thế giới đã và sẽ còn đổi thay, nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn sống mãi trong kho tàng văn hoá của nhân loại.*

Vậy cái gì đã làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh sống mãi với nhân loại? Không thể trả lời sáng tỏ câu hỏi ấy nếu không đặt tư tưởng Hồ Chí Minh trong quan hệ với thời đại. Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên khi chủ nghĩa tư bản đã hoàn thành việc xâm chiếm thuộc địa. Hàng trăm quốc gia độc lập, có chủ quyền lâm vào cảnh mất nước, bị nô lệ. Kế thừa truyền thống đấu tranh bất khuất, với hoài bão giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã quyết chí ra đi tìm đường cứu nước. Sau gần 10 năm khảo sát các nước đế quốc và hệ thống thuộc địa của chúng, Người đã đi đến kết luận: chủ nghĩa tư bản, đế quốc ở đâu cũng gây ra lầm than khổ cực, người lao động ở đâu cũng bị bóc lột, đầy đoạ, không có quyền sống.

Với tấm lòng yêu nước thương nòi, với sự đồng cảm trước cảnh ngộ của muôn triệu người cùng khổ, năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Lênin: con đường cách mạng vô sản. Chủ nghĩa yêu nước đã gắn liền với chủ nghĩa quốc tế chân chính. Giải phóng dân tộc đã gắn liền

với giải phóng xã hội, giải phóng con người. Đó chính là cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong những thập kỷ nghiên cứu và đấu tranh tiếp sau, tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng được hoàn chỉnh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh chính là sự vận dụng sáng tạo và thành công những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn đặc thù của xã hội Việt Nam, của xã hội một nước phương Đông vốn là thuộc địa và nửa phong kiến. Tư tưởng ấy đã khai phá con đường giải phóng của các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, đề ra phương hướng đưa xã hội các nước ấy từ cách mạng giải phóng dân tộc, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng XHCN.

Nhiều nhà cách mạng ở châu Âu vào thời kỳ đó cho rằng, chỉ khi nào cách mạng ở chính quốc thành công thì sự nghiệp giải phóng của nước thuộc địa mới có thể hoàn thành. Nhưng Nguyễn Ái Quốc lại cho rằng, sự nghiệp giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa có thể dựa chủ yếu vào sức mình mà giành được thắng lợi, hơn nữa có thể giành thắng lợi sớm hơn và giúp đỡ nhiều cho sự nghiệp cách mạng ở chính quốc.

Ngoài ba nguồn gốc là chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp, triết học Đức, kinh tế chính trị học Anh, và phép biện chứng của chủ nghĩa Mác, Hồ Chí Minh đã làm phong phú thêm nội dung chủ nghĩa Mác với những nhân tố mới: chủ nghĩa yêu nước của dân tộc Việt Nam, khát vọng giải phóng của các dân tộc bị áp bức, truyền thống cộng đồng và tinh hoa triết học phương Đông. Phép biện chứng cũng được vận dụng sáng tạo trên cơ sở kế thừa và phát triển những nhân tố biện chứng trong tư duy của dân tộc Việt Nam và của các nền văn minh lâu đời châu Á.

Nếu mục đích của chủ nghĩa Mác không chỉ nhằm tìm hiểu thế giới mà còn cải tạo thế giới thì Hồ Chí Minh là một hình mẫu sinh động của mục đích ấy. Ở Hồ Chí Minh, lý luận với thực tiễn là một, lời nói với hành động là một. Đúng như một số nhà học giả đã nói, người ta không thể đánh giá tư tưởng và sự nghiệp của Hồ Chí Minh chỉ qua những bài viết, những lời nói của Người mà phải qua hoạt động thực tiễn, qua đạo đức tác phong của Người, hơn nữa, qua cả cuộc sống lao động, học tập và đấu tranh, cả cuộc đời trong sáng, bình dị và vĩ đại của Người.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là bước phát triển mới của chủ nghĩa Mác- Lênin được vận dụng sáng tạo vào thực tiễn sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới của Việt Nam, có thể góp phần vào con đường phát triển của các nước phương Đông và trên phạm vi rộng hơn nữa.

Đối với nhân dân Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh không những đã đưa cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đến thắng lợi hoàn toàn trải qua một cuộc chiến đấu ròng rã ba mươi năm, mà ngày nay dưới sự lãnh đạo của Đảng chúng tôi, còn tiếp tục được phát triển sáng tạo để tìm ra con đường đổi mới quá độ lên CNXH, xây dựng cuộc sống hoà bình, văn minh và hạnh phúc cho toàn thể nhân dân Việt Nam, cho mỗi người dân Việt Nam.

Độc lập dân tộc

Trước hết, tôi muốn nói đến *vấn đề độc lập dân tộc* trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nhân loại, trong lịch sử tiến hoá của mình đã sản sinh ra biết bao giá trị cao đẹp của các nền văn minh nhưng cũng gây ra không ít những điều tủi nhục. Chủ nghĩa thực dân là một trong những điều sỉ nhục lớn nhất của loài người. Nó đã đem xiềng xích, áp bức, đói nghèo, ngu dốt, bệnh tật... đè nặng lên số phận các dân tộc nhược tiểu. Giành lại tự do, độc lập là khát vọng cháy bỏng của các dân tộc bị áp bức trong thế kỷ XX và Hồ Chí Minh là một trong những người tượng trưng cho ý chí và khát vọng đó. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu lên khẩu hiệu nổi tiếng: *Không có gì quý hơn Độc lập Tự do.* Người được coi là một chiến sĩ đi tiên phong trong việc thức tỉnh dân tộc mình và các dân tộc bị áp bức vùng lên đấu tranh cho độc lập tự do và phẩm giá con người.

Trong lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi *lực lượng của nhân dân, của dân tộc là lực lượng quyết định mọi thắng lợi của cách mạng.* Chiến lược của Người là đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc đứng lên đấu tranh giành lại độc lập và tự do cho đất nước.

Người nói:

Đoàn kết là lực lượng.
"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết
Thành công, thành công, đại thành công".

Cộng đồng dân tộc Việt Nam có trên 50 dân tộc, kẻ thù luôn tìm cách "chia để trị". Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi các dân tộc đoàn kết lại, coi nhau như anh em một nhà, giải quyết tốt quan hệ giữa các dân tộc trong một nước.

Xã hội Việt Nam có nhiều *giai cấp* với lợi ích khác nhau, nhưng đều chịu chung ách nô lệ của chủ nghĩa thực dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi mọi giai cấp, mọi tầng lớp: công nhân, nông dân, lao động trí óc, tiểu tư sản, tư sản, nhân sĩ, kiều bào yêu nước... cùng nhau đoàn kết lại để cứu nước, cứu nhà, giải quyết tốt mối quan hệ giữa giai cấp với dân tộc.

Trên đất nước Việt Nam có nhiều *tôn giáo và tín ngưỡng* khác nhau. Kẻ thù luôn kích động chia rẽ. Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra chính sách đoàn kết tôn giáo, đoàn kết giáo, lương để cùng nhau chống lại kẻ thù xâm lược, xây dựng nước nhà, giải quyết tốt quan hệ giữa các tôn giáo, tín ngưỡng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức coi trọng sự đoàn kết giữa dân tộc Việt Nam với các dân tộc anh em và các lực lượng tiến bộ trên thế giới, kể cả nhân dân Pháp và nhân dân Mỹ. Người đã giải quyết đúng đắn *mối quan hệ giữa quốc gia và quốc tế, giữa dân tộc Việt Nam và các dân tộc khác.*

Mặt trận dân tộc thống nhất, đoàn kết nhân dân thành một khối, được coi như lực lượng cực kỳ to lớn không những trong cách mạng giải phóng dân tộc mà cả trong cách mạng XHCN.

Chính trên cơ sở đoàn kết toàn dân vững chắc và rộng rãi ấy mà mỗi người dân Việt Nam từ già trẻ, gái trai, từ miền xuôi đến miền ngược, muôn triệu người như một đã đứng lên chiến đấu, tạo nên sức mạnh vô địch của *chiến tranh nhân dân Việt Nam,* đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược.

Chính trên cơ sở đoàn kết quốc tế ấy mà sức mạnh của nhân dân Việt Nam đã được nhân lên gấp bội, tạo nên *sức mạnh tổng hợp* to lớn đưa hai cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Tư tưởng Hồ Chí Minh và tấm gương Việt Nam đã trở thành nguồn cổ vũ mạnh mẽ cho phong trào đấu tranh giải phóng của các dân tộc. Nhiều quốc gia độc lập đã thừa nhận ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp của cách mạng Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngày nay, tư tưởng "Không có gì quý hơn độc lập tự do" vẫn giữ nguyên sức sống của nó. Sau khi giành được độc lập về chính trị, các nước chậm phát triển đang phải đấu tranh chống lại các thế lực thực dân mới lợi dụng sức mạnh về tài chính, kỹ thuật và công nghệ cao để cướp bóc, kìm hãm họ trong vòng lạc hậu và phụ thuộc, nói cách khác là thực hiện "tái thuộc địa hoá" trong thực tế.

Trong thời đại phục hưng của tinh thần dân tộc từ Á sang Âu hiện nay, người ta vẫn rung động một cách thấm thía với câu thơ của Hồ Chí Minh:

Trên đời ngàn vạn điều cay đắng
Cay đắng chi bằng mất tự do.

Tóm lại tự do cho mỗi con người, cho mỗi dân tộc, cho mỗi quốc gia trong việc lựa chọn con đường phát triển của mình, đó là khát vọng muôn đời của nhân loại, đó cũng là một nội dung quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chế độ mới

Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc luôn gắn liền với *tự do và hạnh phúc* của nhân dân. Người nói: "Nước độc lập mà dân không được hưởng tự do, hạnh phúc thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì". Người còn nói: "Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành". Ở đây, chúng ta nhớ lại câu nói của Mahatma Gandhi: "Tôi sẽ làm việc cho một nước Ấn Độ (...) trong đó không có người cao quý, kẻ tiện dân, một Ấn Độ trong đó tất cả mọi cộng đồng sẽ sống trong sự hài hoà êm đẹp".

Ngay từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra ba nhiệm vụ trọng đại và cấp bách: "Diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm". Người nêu lên khẩu hiệu "Vừa kháng chiến, vừa kiến quốc". Người đã dành rất nhiều công sức chăm lo *xây dựng chế độ mới,* cuộc sống mới; kêu gọi nhân dân ra sức "tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm", phát triển kinh tế, văn hoá; tổ chức tổng tuyển cử, xây dựng Hiến pháp mới, lập ra Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm thấy giá trị của độc lập, tự do, hạnh phúc trong mục tiêu và lý tưởng của *CNXH khoa học* của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, CNXH không phải là một mớ giáo điều cứng nhắc: xa lạ với lợi ích vật chất và tinh thần của con người. Người nêu lên mục tiêu của thời kỳ quá độ từ chế độ dân chủ nhân dân tiến lên CHXH hết sức cụ thể và thiết thực là: "làm cho mọi người được ăn no, mặc ấm, sung sướng, tự do", "làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc"... Mục tiêu đó cho thấy sự nhất quán của tư tưởng Hồ Chí Minh trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng XHCN: luôn luôn lấy lợi ích của nước, của dân làm trọng. Có thể gọi đó là CNXH "dân giàu, nước mạnh", một thứ CNXH phù hợp với đặc điểm của dân tộc mình và với xu thế cơ bản của nhân loại.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, tìm tòi sáng tạo con đường đi lên của đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bước đầu nêu ra những nội dung cơ bản của xã hội mới. Về kinh tế: từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho CNXH, ai cũng có việc làm; quản lý theo chế độ dân chủ; phân phối theo lao động; không ngừng nâng cao năng suất lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tiến tới thủ tiêu chế độ người bóc lột người. Về chính trị: xây dựng chế độ do nhân dân lao động làm chủ, lấy liên minh công nhân, nông dân, trí thức làm nền tảng; xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân, mọi quyền lực thuộc về nhân dân, dân là chủ, chính phủ và cán bộ là công bộc... Về văn hoá, xã hội: thực hiện một xã hội công bằng, dân chủ, người với người là bạn bè, là anh em, một xã hội thuần phong mỹ tục, các giá trị truyền thống được đề cao kết hợp với việc tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá của nhân loại; phát triển khoa học và kỹ thuật, nâng cao dân trí, đào tạo và sử dụng nhân tài, tạo điều kiện cho con người mới từng bước hình thành và phát triển được năng lực sáng tạo của bản thân.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, CNXH ở Việt Nam không diễn ra theo con đường phát triển lịch sử tự nhiên từ CNTB lên CNXH như Mác đã nói, mà là sự quá độ từ một nước nông nghiệp lạc hậu, sức sản xuất kém phát triển đi lên CNXH. Quá trình tiến lên còn khó khăn gian khổ và lâu dài, chưa thể một lúc có ngay được đời sống vật chất cao, nhưng vẫn có thể phấn đấu để xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, có lối sống lành mạnh và mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người.

Tóm lại, quan niệm về CNXH của Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, kết hợp với truyền thống văn hoá cộng đồng của dân tộc Việt Nam, với khát vọng công bằng, bác ái của tư tưởng triết học phương Đông. Vì vậy, các dân tộc, trong khi từ chối con đường đau khổ của chủ nghĩa tư bản, có thể nghiên cứu để tìm thấy trong tư tưởng xã hội chủ nghĩa Hồ Chí Minh một hướng đi thích hợp cho sự lựa chọn của mình.

Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh

Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội cuối cùng là để đi đến *giải phóng con người* thoát khỏi mọi áp bức, bóc lột, bất công, có thể phát huy đến trình độ cao nghị lực sáng tạo của mình. Lý tưởng đó bắt nguồn từ lòng nhân ái bao la, lòng tin yêu vô hạn đối với nhân dân và nhân loại.

Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh hướng trước hết vào những đồng bào đau khổ bị đày đoạ. Tình thương yêu của Người không có giới hạn về chủng tộc và màu da. Nhưng chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh tuyệt nhiên không phải là lòng trắc ẩn. Yêu thương con người gắn liền với lòng tin không bờ bến vào khả năng sáng tạo và lương tri của con người, luôn khơi dậy ở con người những khả năng tiềm tàng của họ để thức tỉnh con người tự giác đứng lên đấu tranh tự giải phóng, giành lại độc lập và tự do cho dân tộc và phẩm giá của mỗi người.

Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh tràn đầy tinh thần lạc quan đối với con người, tin vào bản chất tốt đẹp và khả năng vươn lên của mỗi người, dù nhất thời họ có lỗi lầm. Người nói: phải lấy lòng khoan dung độ lượng mà đối xử với những con người vì cảnh ngộ mà lạc bầy. Nhiệm vụ của người cách mạng là phải "biết làm cho phần tốt trong mỗi con người nẩy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi".

Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng việc xây dựng "*con người mới*" vì đây là động lực quyết định hướng đi lên của xã hội Việt Nam tương lai. Người đòi hỏi phải có chiến lược "trồng người". Con người mới vừa là nhân vừa là quả của quá trình đấu tranh xây dựng xã hội mới. Theo Người, con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải có tinh thần làm chủ xã hội, "đã là người chủ thì phải biết tự mình lo toan gánh vác, không ỷ lại, không

ngồi chờ". Con người mới phải có tri thức văn hoá và khoa học, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Con người mới phải có phẩm chất đạo đức cách mạng "cần kiệm liêm chính", "chí công, vô tư". Phải nghiêm khắc chống chủ nghĩa cá nhân. Nhưng chống chủ nghĩa cá nhân không có nghĩa là phủ định lợi ích chính đáng của cá nhân. Người nói: "Mỗi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và gia đình. Nếu lợi ích cá nhân đó không trái với lợi ích tập thể, thì không phải là xấu". Theo Người, con người mới Việt Nam là con người mang đậm truyền thống dân tộc, đồng thời giàu chất quốc tế xã hội chủ nghĩa.

Hồ Chí Minh là tượng trưng cho những giá trị cao đẹp trong quan hệ giữa con người với con người: Kính già, yêu trẻ, tôn trọng phụ nữ. Người quan tâm không sót một ai, hy sinh cho tất cả, nhưng lại không màng chút danh lợi nào cho bản thân. Suốt đời Người sống khiêm tốn, giản dị, thanh bạch, tao nhã.

Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là kết tinh của những giá trị truyền thống Việt Nam đồng thời cũng là sản phẩm của tinh hoa nhân loại. Có thể nói: Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là chủ nghĩa nhân văn của thời đại mới.

Trước cục diện mới

"Thế giới ngày nay đang trải qua một cơn khủng hoảng, khủng hoảng về tâm lý. Cái cần bây giờ là tiếp cận hoà bình hữu nghị và tình bạn. Tiến sĩ Hồ là biểu hiện cho sự tiếp cận đó". Đây là lời của Thủ tướng Ấn Độ Jawaharlal Nehru nhận xét về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Những nhận xét ấy giờ đây vẫn giữ nguyên tính thời sự.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là con người của tình thương yêu, của tình hữu nghị rộng lớn. Hơn ai hết Người tha thiết với *hoà bình, một nền hoà bình chân chính gắn liền với độc lập, thống nhất của Tổ quốc.* Vững vàng về chiến lược, Người đã tỏ ra hết sức linh hoạt về sách lược, bao phen đã tìm cách nhân nhượng, có khi hết sức nhân nhượng để giữ gìn hoà bình cho dân tộc. Nhưng càng nhân nhượng thì kẻ thù càng lấn tới. Đến lúc không còn con đường nào khác, Người đã buộc phải phát động toàn dân Việt Nam tiến hành tới cùng một cuộc chiến tranh lâu dài nhất, quyết liệt nhất trong lịch sử của mình, để giành lại độc lập và thống nhất cho đất

nước. Đó là một cuộc điển hình về quan hệ biện chứng giữa chiến tranh và hoà bình.

Cũng chỉ gần đây thôi, chúng tôi mới có được nền hoà bình mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trọn đời mơ ước. Chúng tôi đang ra sức thực hiện mong muốn cuối cùng của Người là "xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh" trong những điều kiện có thuận lợi mới nhưng cũng cực kỳ khó khăn. Những khó khăn do nền kinh tế lạc hậu, do hậu quả của mấy thập kỷ chiến tranh, cộng thêm sự bao vây cấm vận kinh tế của thế lực đế quốc, ảnh hưởng của những biến động ở các nước Đông Âu và Liên Xô, và của một tình hình thế giới hết sức phức tạp.

Hiện nay, trong lúc chúng ta đang tiến hành cuộc Hội thảo tại Ấn Độ - đất nước của hoà bình và hữu nghị, chúng ta đang chứng kiến sự tiếp tục đảo lộn sâu sắc trong cục diện thế giới, với sự xuất hiện của thế đa cực, xu thế hoà hoãn giữa các nước lớn. Trong lúc đó thì ở Liên Xô và các nước Đông Âu đang diễn ra một cuộc khủng hoảng trầm trọng về nhiều mặt gây ra sự mất cân bằng về so sánh lực lượng. Do vậy, tuy hoà bình và hợp tác có chiều phát triển, nhưng cuộc đấu tranh giữa các thế lực vẫn không kém phần gay gắt, nguy cơ chiến tranh rõ ràng là chưa bị loại trừ, không những ở vùng Vịnh mà cả ở nơi khác.

Trong tình hình ấy, nổi bật lên, đi đôi với sự tiến bộ cực kỳ nhanh chóng của cách mạng công nghệ, là khoảng cách ngày càng tăng giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển. Với những thủ đoạn tinh vi, các nước phát triển đạng lợi dụng sức mạnh tài chính, thương mại, công nghệ, những phương tiện thông tin đại chúng cực kỳ mạnh để chi phối về chính trị, xâm nhập về kinh tế, văn hoá và tư tưởng gây ra sự bất bình đẳng ngày càng lớn trong quan hệ Bắc - Nam, trút lên vai các nước đang phát triển những gánh nợ khủng khiếp, ngăn cản việc xây dựng một trật tự kinh tế thế giới mới công bằng mà Ấn Độ là một trong những nước từ lâu đề xướng.

Là một bộ phận của cộng đồng thế giới, Việt Nam ra sức phấn đấu góp phần vào hoà bình và ổn định trong khu vực và trên thế giới, đang mở rộng giao lưu quốc tế, bình thường hoá và cải thiện các quan hệ, tham gia vào phân công lao động và hợp tác với các nước có chế độ chính trị xã hội khác nhau, tranh thủ sự giúp đỡ về kinh tế, về kinh nghiệm quản lý,

về kỹ thuật và công nghệ hiện đại. Trong lúc đó, nhân dân Việt Nam sẽ nêu cao tinh thần tự lực tự cường, độc lập sáng tạo, khắc phục những khó khăn trở ngại, vượt qua những vấn đề gay gắt của thời đại.

Để giải quyết những vấn đề ấy, chúng tôi tiếp tục phấn đấu cho những mục tiêu cách mạng *Độc lập dân tộc* và *Chủ nghĩa xã hội* mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn. Nhân dân Việt Nam đang đẩy mạnh *công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.* Chúng tôi càng thấm thía câu nói của Bác Hồ: "Đây là một cuộc chiến đấu khổng lồ chống lại những cái gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi". Sẽ không thành công nếu không "dựa vào lực lượng của toàn dân". Công cuộc đổi mới đã giành được thắng lợi bước đầu có ý nghĩa quan trọng. Đảng chúng tôi đang mở rộng dân chủ, động viên toàn dân tham gia vào Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế và xã hội sẽ được trình ra Đại hội lần thứ VII sắp tới.

Chúng tôi nghĩ rằng, trước cục diện thế giới ngày nay, nhân dân Việt Nam cũng như nhân dân các nước, trong khi mở rộng hợp tác quốc tế, tiếp thu những thành tựu khoa học và văn hoá của nền văn minh trí tuệ, càng phải khẳng định những quyền dân tộc cơ bản của mình, càng phải giữ gìn bản sắc và cốt cách tốt đẹp của dân tộc mình. Sự vươn tới độc lập, tự do, hạnh phúc thật sự của mỗi dân tộc là điều kiện cho sự liên hiệp lại giữa các dân tộc trên thế giới.

Với tinh thần ấy, nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng tôi mong mỏi tất cả những ai yêu chuộng hoà bình và công lý, phấn đấu cho một nền độc lập, dân chủ và tự do thực sự, cho công bằng và tiến bộ xã hội, hãy mở rộng giao lưu đoàn kết, tăng thêm sự hiểu biết và giúp đỡ nhau, chung sức phấn đấu cho một *trật tự thế giới mới* công bằng về mọi mặt: chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, công nghệ, thông tin... vì hoà bình hạnh phúc và tương lai tươi sáng của nhân loại.

*
* *

Hồ Chí Minh, vị anh hùng của nhân dân Việt Nam, người bạn chung thuỷ của các dân tộc và nhân dân tiến bộ trên thế giới, là một nhà tư tưởng, một nhà hiền triết - hành động, luôn luôn kết hợp lý luận với thực tiễn. Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống, diễn đạt khái quát lại, đó là *độc lập và thống nhất cho Tổ quốc, tự do và dân chủ cho nhân dân, công*

bằng và hạnh phúc cho mọi người, hoà bình và hữu nghị cho các dân tộc, sự phát triển các quan hệ văn hoá và nhân văn của thời đại.

Hội thảo khoa học quốc tế ở Can-cút-ta lần này là một bước tiến mới trên con đường tiếp cận những nội dung lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong công việc này, các nhà học giả Ấn Độ chắc chắn sẽ đóng góp một phần quan trọng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những đánh giá rất cao về Ấn Độ. Người nói: Nước Cộng hoà Ấn Độ là một nước độc lập hùng mạnh, đã có nhiều cống hiến quý báu cho hoà bình ở châu Á và đang giữ một vai trò quan trọng trên trường quốc tế. Nước Cộng hoà Ấn Độ có những cống hiến quan trọng cho việc lập lại hoà bình ở Việt Nam. Nền tảng và truyền thống triết học Ấn Độ là tư tưởng hoà bình bác ái. Liên tiếp trong nhiều thế kỷ, tư tưởng Phật giáo, nghệ thuật, khoa học Ấn Độ đã lan khắp thế giới[1].

Nhắc lại điều này, chúng tôi muốn nói thêm rằng: trong các nguồn gốc phương Đông của tư tưởng Hồ Chí Minh, có nguồn gốc tư tưởng triết học của đất nước các bạn.

Việt Nam và Ấn Độ có những điểm tương đồng về lịch sử và văn hoá. Chúng ta có những mục tiêu chung, lợi ích chung, có truyền thống đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong quá khứ cũng như trong hiện tại, vì hoà bình, an ninh và hợp tác ở Đông Nam Á, Nam Á, Châu Á - Thái Bình Dương và trên toàn thế giới. Đi theo tư tưởng Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam mãi mãi trân trọng giữ gìn và phát triển tình hữu nghị thắm thiết giữa nhân dân hai nước do Cố Chủ tịch Hồ Chí Minh và Cố Thủ tướng P.J.Nerhu, hai người con ưu tú của hai dân tộc, hai nhà văn hoá lớn, dày công xây đắp.

Chúc tình hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Ấn Độ mãi mãi xanh tươi, đời đời bền vững!

Chúc cuộc hội thảo chúng ta thành công tốt đẹp.

Một lần nữa, xin chân thành cám ơn quý vị.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.8, tr.38-47.

MỤC LỤC

Trang

Lời giới thiệu 5

- *Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 07/11/2006 của Bộ Chính trị về tổ chức cuộc vận động* ***"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"*** 9
- *Diễn văn của Tổng bí thư Nông Đức Mạnh tại buổi Lễ kỷ niệm 77 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (Trích)* 12
- *Toàn văn Nghị quyết của Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) về Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh* 18
- *Centenary of the Birth of President Ho Chi Minh* 20

Phần thứ nhất:

TỔNG QUAN VỀ QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 21

- *Tổng quan về quá trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh* - PGS.TS. THÀNH DUY 23
  - Thời kỳ thứ nhất từ 1970 đến 1980 26
  - Thời kỳ thứ hai từ 1981 đến 1990 33
  - Thời kỳ thứ ba từ 1991 đến 2000 43
  - Thời kỳ thứ tư từ 2001 đến nay 55

Phần thứ hai:

HỘI THẢO QUỐC TẾ: CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, NHÀ VĂN HOÁ LỚN
(Trích tham luận của các đại biểu) 59

- *Lời chào mừng của Tổng bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Văn Linh* 61
- *Lời phát biểu của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công trong buổi tiếp khách quốc tế tham gia hội thảo về Chủ tịch Hồ Chí Minh* 65
- *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn* (Bài phát biểu của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng) 68
- *Hồ Chí Minh, một nhân vật vĩ đại đã cống hiến trọn đời mình cho sứ mệnh tự do và độc lập* - Tiến sĩ M. AT-MÉT, Giám đốc UNESCO khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, đại diện đặc biệt của Tổng Giám đốc UNESCO 77
- *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Nhà ái quốc Việt Nam vĩ đại, người bạn lớn của nhân dân Ấn Độ và toàn nhân loại* - T.N CA-UN (Ấn Độ) 80
- *Chủ tịch Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn* - GS. PHẠM NHƯ CƯƠNG (Việt Nam) 85
- *Việc thông qua Nghị quyết của UNESCO về kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh* - NGUYỄN DY NIÊN (Việt Nam) 95

- *Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân An-giê-ri* – M.LA-MA-RI (An-giê-ri) 97
- *Bác Hồ sống mãi trong trái tim của nhân loại* – M.I. MAT-SUA (Ap-ga-ni-xtan) 99
- *Chủ tịch Hồ Chí Minh với cách mạng Cam-pu-chia* – NAY PE-NA 103
- *Hồ Chí Minh – Con người của nhân loại* – M. ĐÊ XTÊ-PHA-NÔ (Cu-ba) 106
- *Những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh* – W.LU-LÂY (CHDC Đức) 114
- *Hồ Chí Minh nhìn theo triển vọng: các nhà lãnh đạo cách mạng và các truyền thống văn hóa được phục hồi ở Đông Nam Á* - BÉC-NA ĐAM (CHLB Đức) 116
- *Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại hiện nay* - T. KÊ-BÊ-ĐE (Ê-ti-ô-pi) 128
- *Hồ Chí Minh, biểu tượng của cuộc đấu tranh chống sự thống trị của nước ngoài và của công cuộc xây dựng đất nước phồn vinh* – A.CA-MA-RA (Ghi-nê) 134
- *Những cống hiến to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam và phong trào giải phóng dân tộc bị áp bức* – L.XAN-GÔ (Hung-ga-ri) 138
- *Vai trò lịch sử của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các phong trào giải phóng dân tộc* - R.AP-ĐUN-GA-NI (In-đô-nê-xi-a) 149
- *Chủ tịch Hồ Chí Minh với cách mạng Lào* – XI-XA-NẠ XI-XAN (Lào) 157
- *Toàn nhân loại tiến bộ nhớ mãi tên tuổi và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh* – V.M.XÔN-XÉP (Liên Xô) 161
- *Giá trị tư tưởng của Hồ Chí Minh trong thời đại hiện nay* – M. LÔM-BAC-ĐÔ (Mê-hi-cô) 163
- *Mối quan hệ biện chứng giữa tính giai cấp và tính nhân loại trong sự nghiệp sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh* – L.Ô-GUN-GIÊ-RAN (Mông Cổ) 169
- *Hồ Chí Minh và những chân lý không thể chối cãi được* – M. HÊ-LEN MÂY-GRAI (Mỹ) 171
- *Ý nghĩa ngày nay của Cách mạng Hồ Chí Minh. Dân tộc Việt Nam và Hồ Chí Minh* – SAI-TÔ-GHEN (Nhật Bản) 173
- *Những tư liệu mới về Nguyễn Ái Quốc* – S.PHUỐC-NI-Ô (Pháp) 181
- *Hồ Chí Minh: một người châu Á cho mọi thời đại* – S. QUY-SƠN (Phi-líp-pin) 191
- *Mấy suy nghĩ về tư tưởng "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" của Chủ tịch Hồ Chí Minh* – I.VA-XI-LI-ÉP (Tiệp Khắc) 199
- *Phong trào giải phóng dân tộc của Việt Nam và Hồ Chí Minh* – KIM HU GIÔNG (CHDCND Triều Tiên) 202
- *Tinh thần Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi* – CỐC NGUYÊN DƯƠNG (Trung Quốc) 209
- *Hãy học ở Hồ Chí Minh những phẩm chất đã thể hiện trong suốt cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài của Người* – A.A-XBON (Úc) 214
- *Hồ Chí Minh* – P.T. PÊ-RU-GIA (I-ta-li-a) 221
- *Hồ Chí Minh người có đầy đủ năm đức tính của lãnh tụ mà Lê-nin đề ra* – S.VI-CHI-VÔ-RA-SAN (Thái Lan) 234
- *Hồ Chí Minh, hiện thân của những phẩm chất tốt đẹp nhất của người cách mạng* – K.C.TI-A-GI (Ấn Độ) 239
- *Hồ Chí Minh với văn hóa dân tộc và quốc tế* – PHIÊNG XI-XU-LÁT (Lào) 242
- *Hồ Chí Minh – Nhà yêu nước, nhà cách mạng và một con người* – E. CÔ-BÊ-LÉP (Liên Xô) 246
- *Vai trò của Hồ Chí Minh trong lịch sử tiến bộ của phụ nữ* - G. STEN –XƠN (Mỹ) 255

- *Thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh với người Nhật Bản* – C.CU-NI (Nhật Bản) 260
- *Những đứa con của chiến tranh, Nhà thơ Hồ Chí Minh và sự giải phóng con người* – V. HÔ-XÊ (Phi-líp-pin) 265
- *Hồ Chí Minh – người theo chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa xã hội* - G. PHƠ-RÊ-ĐƠ-RIC-SƠN (Thụy Điển) 275
- *Hồi ức về Hồ Chí Minh* – W.E. GÔN-LAN (Úc) 282
- *Hồ Chủ tịch trong con tim người Công giáo Việt Nam* – VƯƠNG ĐÌNH ÁI (Việt Nam) 284
- *Hồ Chí Minh vẫn sống với chúng ta* – X.MAU-ROI (Ấn Độ) 290
- *Ý nghĩa của L. Tôn – xtôi đối với sáng tác văn học và báo chí của Hồ Chí Minh những năm 20* – N. NI-CU-LIN (Liên Xô) 294
- *Chủ tịch Hồ Chí Minh – Một biểu trưng nhân bản Việt Nam* – Thượng tọa THÍCH ĐỨC NGHIỆP (Việt Nam) 301
- *Hồ Chí Minh – Nhà tư tưởng* – V. G. BU-RỐP (Liên Xô) 306
- *Truyền thống và cách mạng trong tư tưởng của Hồ Chí Minh* – LÊ THÀNH KHÔI (Việt Kiều) 310
- *Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh - đặc điểm và cội nguồn* - TRẦN VĂN GIÀU 315
- *Bài phát biểu tổng kết của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng* 321

Phần thứ ba:

TUYỂN CHỌN NHỮNG BÀI NGHIÊN CỨU VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 325

***Chuyên đề I:* Hồ Chí Minh – Mấy vấn đề triết lý phát triển và phương pháp luận cách mạng** 327

1. *Thử hình dung minh triết Hồ Chí Minh* – PGS. VŨ NGỌC KHÁNH 328
2. *Từ nguyên lý phát triển mácxít đến triết lý phát triển xã hội Hồ Chí Minh* – GS.TS. NGUYỄN VĂN HUYÊN 341
3. *Phương pháp Hồ Chí Minh và những vấn đề đặt ra từ lý luận đến thực tiễn* – GS.TS. HOÀNG CHÍ BẢO 350
4. *Vận dụng phương pháp Hồ Chí Minh để tìm hiểu tư tưởng triết học Hồ Chí Minh* – GS.TS. HOÀNG CHÍ BẢO 390
5. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phương pháp luận cách mạng...* – PGS.TS. THÀNH DUY 398

Chuyên đề II: Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc

1. *Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hoá kiệt xuất* – GS.VS. NGUYỄN DUY QUÝ 415
2. *Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc* – GS. SONG THÀNH 428
3. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam* – PGS.TS. THÀNH DUY 498
4. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản và việc xây dựng Đảng cầm quyền ở Việt Nam* – PGS.TS. THÀNH DUY 527
5. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước, pháp luật và việc xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân* – PGS.TS. THÀNH DUY 556
6. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội* – GS.VS. NGUYỄN DUY QUÝ 580

7. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam* – PGS.TS. THÀNH DUY 587
8. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế* – GS. SONG THÀNH 604
9. *Chủ tịch Hồ Chí Minh với việc xây dựng quân đội nhân dân Việt Nam* – PGS.TS. TRẦN ĐỨC CƯỜNG 639

Chuyên đề III: Hồ Chí Minh – Nhà văn hoá kiệt xuất

1. *Về tư tưởng văn hoá Hồ Chí Minh* – GS. ĐẶNG XUÂN KỲ 651
2. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá và việc xây dựng nền văn hoá mới* – PGS.TS. THÀNH DUY 665
3. *Một vài nét khái quát về tư tưởng và triết lý nhân văn Hồ Chí Minh* – GS.TS. NGUYỄN VĂN HUYÊN 697
4. *Đặc trưng chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh: sự tích hợp phong phú, sự kết hợp sáng tạo nhiều kiểu dạng tinh hoa văn hoá thế giới* – PGS. TRƯỜNG LƯU 705
5. *Chủ tịch Hồ Chí Minh bàn về tính chân thật của nghệ thuật* – GS. HÀ MINH ĐỨC 717
6. *Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về báo chí* – GS. HÀ MINH ĐỨC 728

Chuyên đề IV: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức và việc nâng cao đạo đức cách mạng

1. *Cơ sở lý luận - triết học của hệ thống tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh* – PGS.TS. THÀNH DUY 739
2. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức và việc tu dưỡng đạo đức cách mạng* – PGS.TS. THÀNH DUY 756
3. *Vấn đề tu dưỡng đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay* – PGS.TS. THÀNH DUY 791

Chuyên đề V: Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và việc xây dựng con người mới, phát triển toàn diện

1. *Hồ Chủ tịch - Nhà giáo dục vĩ đại của dân tộc* – GS.VS. NGUYỄN KHÁNH TOÀN 800
2. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự nghiệp giáo dục - đào tạo và "bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau"* – GS. SONG THÀNH 809
3. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và việc xây dựng con người phát triển toàn diện* – PGS.TS. THÀNH DUY 838

Chuyên đề VI: Tư tưởng Hồ Chí Minh với thế giới và sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam

1. *Chủ tịch Hồ Chí Minh: con người và thời đại* – PGS. BÙI ĐÌNH THANH 865
2. *Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường cách mạng Việt Nam* – GS. ĐẶNG XUÂN KỲ 875
3. *Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới hôm nay* – GS. VŨ KHIÊU 886
4. *Tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh với công cuộc đổi mới* – THS. LÝ HOÀNG MAI 893

Thay lời kết luận:

Thế giới còn đổi thay, nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh sống mãi – *Đại tướng* VÕ NGUYÊN GIÁP 911

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
36 Hàng Chuối, Hà Nội

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS.VI QUANG THỌ

Biên tập nội dung
THS. NGUYỄN THỊ BẠCH LY

Sửa bản in
THS. NGUYỄN THỊ BẠCH LY

Kỹ thuật vi tính
MAI HƯƠNG

Trình bày bìa
STAR BOOK

Liên kết xuất bản:

Công Ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Trí Tuệ
187 Giảng Võ Hà Nội Tel: 04.8515567 – fax: 04.5143483
Email: lienhe@nhasachtritue.com.vn
Website: www.nhasachtritue.com.vn

Phát hành tại:

NHÀ SÁCH TRÍ TUỆ
187 Giảng Võ, Hà Nội
Tel: 04.8515567 – fax: 04.5143483

NHÀ SÁCH KHOA HỌC XÃ HỘI
27 Trần Xuân Soạn, Hà Nội
Tel: 04.2147215 – fax: 04.8212940

In: 700 cuốn, khổ 19 x 27 cm. Tại: Công ty in Phú Thịnh
GPXB số: 191 - 2007/ CXB / 19 - 10 /KHXH
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2008.